

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

17

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP

17

Tháng Ba 1908 - tháng Sáu 1909

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2005

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong tập này in theo bản dịch
của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1979

Л 10 102—222 790—80 0101020000
016(01)—79

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là vấn đề có tính nguyên tắc đối với cách mạng Việt Nam; là bước phát triển về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu mọi mặt do công cuộc đổi mới đất nước mang lại trong những năm qua thật đáng trân trọng và khích lệ, đồng thời đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu có hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng, những tinh hoa của chủ nghĩa Mác - Lênin là vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với chúng ta hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu lý luận của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên các trường đại học, nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Vladimira Ilích Lê-nin (22-4-1870 - 22-4-2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản Bộ sách quý *V. I. Lê-nin - Toàn tập* gồm 55 tập và 2 tập Tra cứu.

Bộ sách *V. I. Lê-nin - Toàn tập* ra mắt bạn đọc lần này được xuất bản theo đúng nguyên bản của Bộ *V. I. Lê-nin - Toàn tập*, tiếng Việt, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, hợp

tác với Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, xuất bản vào những năm 70-80 thế kỷ XX.

* *
*
*

Tập 17 gồm những tác phẩm do V. I. Lênin viết vào thời gian từ tháng Ba 1908 đến tháng Sáu 1909. Nội dung tập này phản ánh cuộc đấu tranh của Lênin chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong nội bộ Đảng và trên trường quốc tế, luận chứng cho lập trường của chủ nghĩa bôn-sê-vích về vấn đề phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt và nguy cơ chiến tranh đế quốc.

Nội dung những tác phẩm chính trong tập này được phân tích khá toàn diện trong phần *Lời tựa* in ở đầu sách, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (Liên Xô) viết cho lần xuất bản bằng tiếng Việt.

Phần Phụ lục và các Bản chỉ dẫn (với những số trang tương ứng của phần nội dung trong tập) ở cuối sách được trình bày hết sức khoa học và chuẩn xác; đây là phân tra cứu rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nội dung tác phẩm, giúp bạn đọc hiểu sâu sắc hơn tư tưởng của V. I. Lênin.

Chú thích cuối trang bằng dấu (*) là của V. I. Lênin; Chú thích bằng chữ số Ả-rập ⁽¹⁾ là của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây).

Hy vọng Bộ sách sẽ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bổ ích cho bạn đọc.

Tháng 9 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI TỰA

Tập 17 trong V. I. Lê-nin Toàn tập gồm những tác phẩm viết từ tháng Ba 1908 đến tháng Sáu 1909, trong thời kỳ bọn phản động Trăm đen hoành hành ở Nga. Căn cứ vào tính chất những vấn đề trình bày trong các trước tác của tập này thì những trước tác ấy có liên quan trực tiếp với những tác phẩm in trong tập 16.

Trong những năm này Lê-nin đấu tranh để duy trì và củng cố đảng, tiếp tục tổng kết những bài học của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất, phân tích lực lượng so sánh giữa các giai cấp, nghiên cứu vấn đề ruộng đất, xác định những nhiệm vụ và chính sách của đảng trong những điều kiện mới. Các trước tác in trong tập này phản ánh cuộc đấu tranh của Lê-nin chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong nội bộ đảng và trên trường quốc tế, luận chứng cho lập trường của chủ nghĩa bôn-sê-vích về vấn đề phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc, về vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt và nguy cơ chiến tranh đế quốc.

Lê-nin xuất phát từ chỗ những nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng tư sản ở Nga vẫn chưa được giải quyết và vì thế cho nên một cuộc khủng hoảng cách mạng mới là không sao tránh khỏi. Kế hoạch chiến lược của những người bôn-sê-vích thực hiện trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907 vẫn còn giữ nguyên tất cả ý nghĩa của nó. Trong các bài báo "Về "bản chất" của cuộc cách mạng Nga", "Về việc

đánh giá cuộc cách mạng Nga", ""Xu hướng tả" của giai cấp tư sản và nhiệm vụ của giai cấp vô sản", khi vạch ra tính chất vô căn cứ trong sự đánh giá của những người men-sê-vích về tính chất và động lực của cách mạng Nga, Lê-nin nhấn mạnh rằng bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản mới sắp tới là điều tất yếu và có thể thực hiện được. "Đợt thứ nhất của cuộc cách mạng tư sản ở nước ta (năm 1905 - 1907), — Người viết, — đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng giai cấp tư sản nước ta có tính chất hoàn toàn ngả nghiêng và phản cách mạng, rằng giai cấp vô sản nước ta có khả năng trở thành *lãnh tụ* của cuộc cách mạng thắng lợi, rằng quần chúng nông dân dân chủ có khả năng giúp giai cấp vô sản đưa cuộc cách mạng đó tới thắng lợi" (tr. 507).

Lê-nin phê phán kịch liệt sách lược cơ hội chủ nghĩa của những người men-sê-vích muốn giới hạn cách mạng trong những khuôn khổ tư sản chật hẹp, giao quyền lãnh đạo cách mạng vào tay giai cấp tư sản. Người chỉ ra rằng tiến trình của cách mạng Nga chứng thực luận điểm của chủ nghĩa Mác cho rằng muốn bảo đảm và củng cố vững chắc thắng lợi của cách mạng tư sản thì cần phải đưa cuộc cách mạng đó đi thật xa hơn những mục tiêu trực tiếp, những mục tiêu mang tính chất tư sản của nó. Lê-nin lại nhấn mạnh rằng do tính chất phản cách mạng của giai cấp tư sản Nga nên thắng lợi của cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga với tính cách là thắng lợi của giai cấp tư sản là điều không thể nào có được. Chỉ khi nào thiết lập được nền chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân thì mới thực hiện được những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ - tư sản và mở ra khả năng chuyển biến cách mạng dân chủ - tư sản thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân phải tiến hành một chính sách độc lập của đội tiên phong, của người lãnh đạo cách mạng, phải có lập pháp tự do và bảo đảm một sự liên minh vững

chắc với nông dân, giải thoát họ khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản.

Trong thời kỳ này Lê-nin rất chú ý tới việc tiếp tục nghiên cứu và luận chứng cho cương lĩnh ruộng đất của đảng. Trong tập này có tác phẩm "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX", bản thuyết trình "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng ở Nga", các bài báo "P. Ma-xlốp trong cơn điên loạn", "Plê-kha-nốp và phe nhóm bảo vệ chủ nghĩa xét lại như thế nào?", "Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III", trong đó Lê-nin bảo vệ và tiếp tục phát triển lý luận mác-xít về vấn đề ruộng đất.

Trong các tác phẩm của mình, Lê-nin đã chỉ rõ tính chất địa chủ - tư sản của cuộc cải cách ruộng đất do Xtô-lư-pin đưa ra nhằm phá hủy công xã nông dân và tạo ra ở nông thôn một tầng lớp cu-lắc đông đảo làm chỗ dựa vững chắc cho chế độ Nga hoàng trong cuộc đấu tranh chống lại phong trào cách mạng. Lê-nin nhận định chính sách này là một bước chuyển của chế độ chuyên chế Nga hoàng về phía chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ trong lĩnh vực ruộng đất, là sự ve vãn bọn cu-lắc. Dựa vào những ý kiến của Mác, Lê-nin đưa ra một định nghĩa có tính chất kinh điển về chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Lê-nin viết: thực chất của thuyết này là sự lựa chiều của chế độ quân chủ đã mất đi chỗ dựa thủ cựu trước đây của nó và lúc này buộc phải "giữ thế thăng bằng để khỏi bị sụp đổ, ve vãn để cai trị, mua chuộc để làm vừa lòng, kết bạn với bọn cận bã của xã hội, với bọn ăn cắp và bịp bợm công khai để không phải chỉ dựa vào lưỡi lê mà đứng vững" (tr. 332).

Dựa trên nhiều tài liệu thống kê nói rõ những quan hệ kinh tế - xã hội ở nông thôn, Lê-nin đã chỉ rõ rằng những tàn tích của chế độ nông nô, dưới hình thức các đại điền trang của địa chủ, chế độ nông dân sở hữu phần ruộng đất được chia kiểu trung cổ và chế độ lao dịch là những trở ngại

chủ yếu đã kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất trong nước. Khi nêu rõ vai trò của phần ruộng đất được chia trong nền kinh tế nông dân đã bị giảm xuống, Lê-nin nhấn mạnh rằng sự phá vỡ chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ (của địa chủ cũng như của nông dân) đã trở thành một điều tất yếu tuyệt đối về mặt kinh tế. Trong điều kiện như vậy giữa các giai cấp và các đảng phái diễn ra một cuộc đấu tranh, một cuộc đấu tranh xoay quanh vấn đề hình thức và phương thức phá vỡ chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ: nên tiến hành phá vỡ theo kiểu Xtô-lư-pin, tức là duy trì quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và để cho bọn cu-lắc cướp bóc công xã của nông dân, hoặc là tiến hành phá vỡ bằng con đường cách mạng, tức là thủ tiêu hoàn toàn quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, xóa bỏ mọi chương ngại kiểu trung cổ.

Lê-nin luận chứng một cách toàn diện cho cương lĩnh bôn-sê-vích về quốc hữu hóa ruộng đất, vạch ra ý nghĩa chính trị và kinh tế của cương lĩnh đó. Luận điểm sau đây của Lê-nin là một luận điểm cực kỳ quan trọng: đấu tranh để quốc hữu hóa ruộng đất là điều kiện tất yếu cho thắng lợi hoàn toàn của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga và sự chuyển biến cuộc cách mạng đó thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin xem xét các cương lĩnh ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những người men-sê-vích dưới góc độ của cuộc đấu tranh giữa hai con đường phát triển các quan hệ ruộng đất ở Nga. Người nhấn mạnh rằng về thực chất những người dân chủ - lập hiến tán thành chính sách của Xtô-lư-pin. Lê-nin kiên quyết chống lại những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của phái men-sê-vích (Ma-xlốp, v. v.) trong vấn đề ruộng đất. Trong một số trước tác của mình, Lê-nin chỉ rõ rằng Ma-xlốp và những người ủng hộ Ma-xlốp đứng trên lập trường xét lại, họ bác bỏ lý luận về địa tô tuyệt đối

của Mác và bảo vệ tư tưởng tư sản giả dối về cái gọi là "ruộng đất ngày càng giảm mâu mờ". Người kịch liệt phê phán Plê-kha-nốp, kẻ đã bênh vực những lời lẽ xét lại của Ma-xlốp. Lê-nin vạch trần tính chất vô căn cứ của cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hóa ruộng đất, Người giải thích rằng trong cách mạng tư sản, cương lĩnh đó là một biện pháp phản động vì nó cản trở quá trình — một quá trình tất yếu và không thể tránh khỏi về mặt kinh tế — thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, dẫn tới chế độ liên bang và tình trạng phân tán của các tỉnh.

Việc bọn men-sê-vích xa rời chủ nghĩa Mác trong các vấn đề cương lĩnh và sách lược của đảng nhất định dẫn họ tới chủ nghĩa cơ hội cả trong những vấn đề tổ chức, trong những vấn đề về hình thức tổ chức và phương thức hoạt động của đảng trong những năm thế lực phản động hoành hành. Phái men-sê-vích tiếp tục sách lược sai lầm là ủng hộ giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, lập khối liên minh với bọn dân chủ - lập hiến. Họ từ bỏ một cách nhục nhã cương lĩnh cách mạng và những khẩu hiệu cách mạng của đảng, ra sức hoạt động nhằm chấm dứt công tác cách mạng bất hợp pháp, và trên thực tế họ tiến hành việc thủ tiêu đảng cách mạng của giai cấp công nhân. Bằng cách từ bỏ những truyền thống cách mạng phái men-sê-vích mưu toan tranh thủ chính phủ Nga hoàng cho phép tồn tại một đảng công nhân hợp pháp, theo chủ nghĩa cải lương.

Lê-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh không điều hòa về mặt tư tưởng và tổ chức chống lại trào lưu cơ hội chủ nghĩa đó trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Vào những năm 1908 - 1909, khi cư trú ở nước ngoài, lúc đầu ở Giơ-ne-vơ rồi sau ở Pa-ri, Lê-nin luôn giữ mối liên lạc hết sức chặt chẽ với các tổ chức đảng ở Nga. Vượt qua những khó khăn không lường được, từ nước ngoài Người đã chỉ đạo công tác của đảng bôn-sê-vích. Trên tờ báo bất hợp pháp "Người vô sản" do Người biên tập, mà thực tế là cơ

quan trung ương của những người bên-sê-vích, đã giải thích rộng rãi những vấn đề đấu tranh trong nội bộ đảng. Trong các bài đăng trên tờ "Người vô sản" Lê-nin đã vạch trần bản chất chống đảng, cơ hội chủ nghĩa của phái thủ tiêu, kịch liệt lên án phái men-sê-vích về việc họ đã sa vào "thói ngu ngốc nghị trường hết sức ti tiện", về những hành động phản bội của họ chống lại tổ chức đảng bất hợp pháp.

Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp tại Pa-ri vào cuối tháng Chạp 1908 có một ý nghĩa to lớn trong việc đấu tranh chống phái thủ tiêu. Bản báo cáo của Lê-nin "Về tình hình hiện tại và về nhiệm vụ của đảng" chiếm vị trí trung tâm trong công tác của hội nghị. Về vấn đề này hội nghị đã thông qua với sự sửa đổi đôi chút bản nghị quyết do Lê-nin đưa ra (xem tập này, tr. 399 - 403). Nghị quyết của hội nghị thừa nhận một trong những nhiệm vụ chủ yếu của đảng là phải đấu tranh chống lại những hành động đi trệch ra khỏi chủ nghĩa Mác cách mạng và những khẩu hiệu cách mạng của đảng, chống lại những mưu toan thủ tiêu tổ chức bất hợp pháp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "ở một số phần tử trong đảng do chịu ảnh hưởng của thoái trào".

Trong khi đấu tranh chống những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu, Lê-nin đồng thời cũng chống cả chủ nghĩa cơ hội "tả khuynh" trong đảng, chống cái gọi là chủ nghĩa triệu hồi. Che đậy bằng những lời lẽ cách mạng suông, phái triệu hồi tuyên bố rằng trong điều kiện thế lực phản động hoành hành thì đảng chỉ được tiến hành hoạt động bất hợp pháp thôi, đồng thời họ kêu gọi đảng từ bỏ việc sử dụng những hình thức hoạt động hợp pháp và triệu hồi đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III về.

Vào tháng Sáu 1908, theo đề nghị của Lê-nin, trên tờ "Người vô sản" đã bắt đầu cuộc tranh luận với phái triệu hồi về vấn đề thái độ đối với Đu-ma và đảng đoàn dân

chủ - xã hội trong Đu-ma. Tờ báo đã đăng những bài tranh luận của phái triệu hồi. Đồng thời tờ báo cũng đăng những bài của Lê-nin vạch rõ lập trường của phái triệu hồi là sai lầm và có hại. Tờ "Người vô sản" đã đăng những bài của V. I. Lê-nin như "Về hai bức thư", "Về bài báo "Về những vấn đề trước mắt" và "Sự biếm họa chủ nghĩa bên-sê-vích". Trong tác phẩm "Sự biếm họa chủ nghĩa bên-sê-vích", Người phê phán một cách cặn kẽ cương lĩnh hành động của phái triệu hồi ở Pê-téc-bua đưa ra trong thời gian bầu đại biểu đi dự Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong bài này Lê-nin đã chỉ ra rằng những khẩu hiệu "Đả đảo tổ chức hợp pháp", "Đả đảo đảng đoàn hợp pháp trong Đu-ma" của phái triệu hồi chỉ có lợi cho phái thủ tiêu, những kẻ rất hân hoan được giải thoát khỏi sự kiểm soát của đảng. Trên thực tế, cái gọi là "tinh thần cách mạng" và "bệnh tả khuynh" của những người thuộc phái triệu hồi chỉ là biểu hiện của sự bối rối và bất lực trước một công tác khó khăn, tỉ mỉ và phức tạp do những điều kiện khách quan của thời đại đặt ra cho đảng. Sự bối rối đó trước những khó khăn của công tác đảng vào những năm thế lực phản động hoành hành đã làm cho những người thuộc phái triệu hồi xích gần lại với bọn thủ tiêu. Cả bọn thủ tiêu, tức là những kẻ đã công khai kêu gọi từ bỏ hoàn toàn công tác đảng bất hợp pháp, lẫn phái triệu hồi tức là những kẻ phủ nhận các hình thức liên hệ hợp pháp của đảng với quần chúng và đưa đảng tới chỗ bè phái, — đều là mối nguy cơ nghiêm trọng đối với chính bản thân sự tồn tại của đảng cách mạng mác-xít của giai cấp công nhân. Chính vì thế Lê-nin đã gọi những người thuộc phái triệu hồi là "phái thủ tiêu lộn trái". Khi vạch ra rằng cả phái thủ tiêu lẫn phái triệu hồi đều là biểu hiện ảnh hưởng của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản, Lê-nin đã kêu gọi đấu tranh trên hai trận tuyến: chống bọn thủ tiêu thiên hữu và bọn thủ tiêu thiên tả.

Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga sau khi lên án gay gắt phái thủ tiêu như một trào lưu cơ hội chủ nghĩa, đồng thời cũng kiên quyết đoạn tuyệt cả với phái triệu hồi. Những bài phát biểu của Lê-nin chống những người thuộc phái triệu hồi là một tấm gương sáng về đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa bè phái, chống việc áp dụng một cách rập khuôn những khẩu hiệu cũ không còn phù hợp với bối cảnh lịch sử mới.

Lê-nin coi những nghị quyết của Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là một bước ngoặt trong sự phát triển của phong trào công nhân ở Nga từ sau thất bại của cuộc cách mạng 1905 - 1907. Sau cuộc hội nghị này Người đã tổng kết công tác của hội nghị qua bài "Bước vào con đường đúng", viết cho tờ báo "Người dân chủ - xã hội", Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng. Lê-nin chỉ ra rằng, trên cơ sở phân tích theo quan điểm mác-xít những mối quan hệ qua lại giữa các giai cấp và chính sách của chế độ Nga hoàng, hội nghị đã giải quyết đúng đắn những vấn đề về mối quan hệ giữa hoạt động hợp pháp và hoạt động bất hợp pháp của đảng, luận chứng cho sự cần thiết phải sử dụng diễn đàn Đu-ma, và đưa ra những chỉ thị chỉ đạo hoạt động của đảng đoàn trong Đu-ma. Lê-nin kêu gọi đoàn kết đảng về mặt tư tưởng, củng cố về mặt tổ chức các đảng bộ bất hợp pháp mà đúng đầu phải là những cán bộ lãnh đạo xuất thân trước hết là từ giai cấp công nhân. Người chỉ ra sự cần thiết phải phát triển công tác cổ động dân chủ - xã hội một cách toàn diện trong quần chúng. Nhằm mục đích củng cố đảng bất hợp pháp, Lê-nin đề nghị thành lập các chi bộ đảng trước hết là ở các xí nghiệp công nghiệp. Nhiệm vụ của các chi bộ đảng và các ban chấp hành đảng bộ này là sử dụng tất cả các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp để giữ vững mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhằm đáp ứng những yêu cầu của quần chúng, giải quyết vấn đề có tính chất riêng biệt với những nhiệm vụ

chung của giai cấp vô sản, với cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, bảo đảm vai trò lãnh đạo của đảng trong tất cả các tổ chức hợp pháp của giai cấp vô sản.

Các nghị quyết của Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga cũng được Lê-nin nói rõ trong bức thư "Gửi Ban lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức", trong đó Người đã thay mặt Ban chấp hành trung ương đảng bày tỏ sự phản đối việc xuyên tạc những nghị quyết của hội nghị này trên báo "Vorwärts", Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Những lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức và của Quốc tế II thường xuyên ủng hộ phái men-sê-vích, cho họ sử dụng rộng rãi báo chí của mình để đả kích vu khống những người bôn-sê-vích.

Trong một loạt tác phẩm in trong tập này, Lê-nin đã phê phán lý luận và sách lược của những người theo chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế II. Trong số những tác phẩm đó, bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" chiếm vị trí quan trọng nhất; bài này tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của Lê-nin chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trên vũ đài quốc tế. Lê-nin viết tác phẩm này vào nửa cuối tháng Ba 1908 để đưa vào văn tập "Các Mác (1818 - 1883)", xuất bản nhân dịp 25 năm ngày Mác mất. Điều quan trọng là Lê-nin đã lấy chính những vấn đề đấu tranh với chủ nghĩa xét lại để làm đề tài cho bài báo viết cho văn tập này, vì Người cho rằng trong thời kỳ này đó là những vấn đề quan trọng nhất.

Sự phát triển của chủ nghĩa Mác, việc truyền bá và củng cố những tư tưởng của chủ nghĩa Mác trong giai cấp công nhân, Lê-nin viết, nhất định sẽ làm cho tất cả những học thuyết thù địch với chủ nghĩa Mác phải tăng cường đả kích chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác bị tấn công từ hai phía: cùng với những cuộc tấn công trực tiếp của khoa học tư sản chính thức, một nền khoa học đã từng uống công tìm

cách bác bỏ và thủ tiêu chủ nghĩa Mác, còn có những hình thức đấu tranh ngấm ngầm mà những phần tử xét lại đang áp dụng. Nguy cơ của chủ nghĩa xét lại là ở chỗ nó mưu toan phá hoại chủ nghĩa Mác từ bên trong, mượn cớ sửa đổi và xem xét lại học thuyết của C. Mác. Lê-nin bóc trần bản chất của những quan điểm xét lại và chỉ ra rằng những "tìm tòi" của bọn xét lại về mặt lý luận là sự lấp lại những giáo điều cũ rích, lỗi thời của hệ tư tưởng tư sản, rằng về thực chất chủ nghĩa xét lại là một biến dạng của những quan điểm tư sản - tự do chủ nghĩa.

Lê-nin nhấn mạnh rằng chủ nghĩa xét lại hướng những đòn tấn công của họ không phải vào một số luận điểm riêng biệt của chủ nghĩa Mác, mà là muốn xét lại tất cả các mặt của chủ nghĩa Mác như triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học. Trong lĩnh vực triết học bọn theo chủ nghĩa xét lại lết theo đuôi "khoa học" tư sản, phủ nhận chủ nghĩa duy vật biện chứng và thay thế biện chứng cách mạng bằng "sự tiến hóa giản đơn (và yên lặng)", còn chủ nghĩa duy vật thì thay bằng chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Những lý thuyết kinh tế của bọn xét lại, đặc biệt là những lời khẳng định của chúng nói rằng các cuộc khủng hoảng kinh tế dường như đã đi vào quá khứ, là hoàn toàn không có căn cứ. Bản thân cuộc sống đã hoàn toàn bác bỏ những lập luận của bọn xét lại cho rằng các cuộc khủng hoảng đã biến mất. "Hình thức, sự kế tục, bộ mặt của một số cuộc khủng hoảng đã thay đổi, — Lê-nin viết, — nhưng khủng hoảng vẫn là bộ phận cấu thành không thể tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa" (tr. 25). Lê-nin nêu lên những hiện tượng mới trong nền kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, đặc trưng cho thời đại đế quốc chủ nghĩa: công nghiệp được thống nhất lại thành những các-ten và tơ-rôt, đồng thời tình trạng vô chính phủ trong sản xuất tăng lên, mức sống của người lao động giảm xuống và ách áp bức của tư bản tăng lên. Người phê phán những "lý luận" của

bọn xét lại cho rằng trong điều kiện dân chủ tư sản các mâu thuẫn giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp sẽ dịu đi. Bằng những sự kiện lịch sử, Người chứng minh rằng chế độ đại nghị tư sản không loại trừ được "những cuộc khủng hoảng và những cuộc cách mạng chính trị".

Thực chất của chủ nghĩa xét lại — đó là sự từ bỏ mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân, từ bỏ cuộc đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội. Những kẻ theo chủ nghĩa xét lại hy sinh những lợi ích cơ bản của giai cấp vô sản vì những cái lợi phù du hư ảo. Chủ nghĩa xét lại là một hiện tượng quốc tế, có những gốc rễ giai cấp sâu xa trong xã hội tư bản chủ nghĩa, cho nên nhiệm vụ của đảng, — Lê-nin dạy, — là phải tiến hành đấu tranh một cách thường xuyên, có hệ thống và ngoan cường chống lại sự truyền bá chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân. Nhìn thấy trước cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại sẽ trở nên gay gắt thêm tùy theo mức độ các vị trí của chủ nghĩa cộng sản khoa học được tăng cường thêm, Lê-nin tiên đoán rằng chủ nghĩa Mác nhất định sẽ chiến thắng chủ nghĩa xét lại. Những lời kết luận của luận văn nổi tiếng này đã tiên tri: "Cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa Mác cách mạng chống chủ nghĩa xét lại hồi cuối thế kỷ XIX chỉ là bước đầu của những cuộc chiến đấu cách mạng lớn lao của giai cấp vô sản đang tiến tới thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp của mình, bất chấp tất cả những sự do dự và yếu hèn của những phần tử tiểu tư sản" (tr. 30).

Bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" của Lê-nin có ý nghĩa cấp bách trong cuộc đấu tranh của phong trào cộng sản quốc tế chống chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại hiện đại. Những luận điểm của bài báo đó về chủ nghĩa xét lại như là biểu hiện của ảnh hưởng tư sản đối với giai cấp vô sản, về nguồn gốc giai cấp của chủ nghĩa xét lại, về tính chất quốc tế của nó, về những phương pháp mà chủ nghĩa xét lại áp dụng để chống lại chủ nghĩa Mác

cách mạng, — những luận điểm ấy giúp chúng ta nhận biết được rõ ràng hơn thực chất của chủ nghĩa xét lại hiện đại và những hình thức hoạt động chia rẽ của nó trong phong trào cộng sản.

Bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" là lời phát biểu đầu tiên của Lê-nin trên báo chí chống lại bọn Ma-khơ ở nước Nga và những kẻ theo thuyết tạo thần. Trả lời đề nghị của Goóc-ki là không nên phát biểu công khai chống lại Bô-gđa-nốp, Ba-da-rốp và Lu-na-tsác-xki, Lê-nin viết: "Dĩ nhiên đồng chí cần hiểu và sẽ hiểu rằng khi một đảng viên đã thấy rõ một học thuyết nào đó là hoàn toàn sai trái và có hại thì người đảng viên ấy phải phản đối học thuyết đó. Tôi sẽ chẳng lên tiếng, nếu như tôi hoàn toàn không tin (tôi càng đọc những nguyên bản tác phẩm của Ba-da-rốp, Bô-gđa-nốp và bè lũ thì tôi càng tin) rằng cuốn sách của họ là vô lý, có hại, tầm thường, có tính chất *hoàn toàn* ngu dân kiểu thầy tu, từ đầu đến cuối, từ ngọn đến gốc, đến Ma-khơ và A-vê-na-ri-út" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 151). Khi thông báo cho Goóc-ki biết đã gửi bài đi để đăng, Lê-nin gọi bài báo đó là "lời tuyên chiến chính thức" với những người theo chủ nghĩa xét lại.

Trong phần chú thích của bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại", Lê-nin tuyên bố rằng trong thời gian sắp tới, trong một số bài báo hoặc một cuốn sách riêng, Người sẽ phê phán cặn kẽ những quan điểm triết học của Bô-gđa-nốp, Ba-da-rốp và những phần tử xét lại khác. Lê-nin đã thực hiện ý định đó trong cuốn sách "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"; cuốn sách này là mẫu mực sáng ngời về đấu tranh không điều hòa chống những kẻ thù của triết học mác-xít, là mẫu mực của tính đảng bôn-sê-vích và là một đóng góp xuất sắc vào triết học mác-xít.

Trong những năm thế lực phản động hoành hành, Lê-nin rất chú ý tới vấn đề thái độ của đảng đối với tôn giáo, cho

rằng đó là một vấn đề cực kỳ quan trọng và bức thiết. Những giới phản động cố gắng làm cho tôn giáo hoạt động sôi nổi lên, họ trù tính dùng việc truyền giáo để lôi kéo quần chúng nhân dân ra khỏi cuộc đấu tranh cách mạng, sử dụng tư tưởng tôn giáo để củng cố chế độ Nga hoàng và chế độ địa chủ - tư sản.

Trong các bài "Về thái độ của đảng công nhân đối với tôn giáo", "Thái độ của các giai cấp và của các đảng phái đối với tôn giáo và giáo hội", Lê-nin đã nêu ra những nguyên tắc cơ bản của thuyết vô thần của giai cấp vô sản. Người chỉ ra rằng luận điểm của Mác "tôn giáo là thuốc phiện đối với nhân dân" là hòn đá tảng của toàn bộ thế giới quan mác-xít về vấn đề tôn giáo. Vạch trần những gốc rễ xã hội của tôn giáo, Lê-nin chỉ ra rằng không nên đem cuộc đấu tranh với tôn giáo quy lại thành một sự thuyết giáo trừu tượng về mặt tư tưởng, rằng phải gắn liền cuộc đấu tranh đó với thực tiễn cụ thể của cuộc đấu tranh giai cấp đang dẫn tới chỗ loại trừ những gốc rễ xã hội của tôn giáo.

Chú ý tới những bài học đấu tranh chống tôn giáo trong phong trào xã hội chủ nghĩa, Lê-nin phản đối hai kiểu xa rời các nguyên tắc của thuyết vô thần của giai cấp vô sản. Người phê phán những kẻ ba hoa "tả khuynh" muốn thay thế sự tuyên truyền thuyết vô thần một cách có hệ thống và việc bảo vệ chủ nghĩa duy vật biện chứng bằng những biện pháp hành chính nhằm chống lại nhà thờ và các tín đồ. Lê-nin chứng giải rằng sự tuyên chiến như vậy đối với tôn giáo và việc dựa vào các đạo luật để ngăn cấm tôn giáo chỉ có thể làm cho tôn giáo được tăng cường và làm cản trở cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Đồng thời, Lê-nin cũng công kích kịch liệt những sự xuyên tạc của bọn cơ hội đối với các nguyên tắc của thuyết vô thần của giai cấp vô sản, khi bọn chúng đem thay thế luận điểm của Mác cho rằng tôn giáo phải là công việc riêng đối với nhà nước bằng những lời lẽ xét lại nói rằng tôn giáo là công việc riêng

đối với từng đảng viên cũng như đối với toàn đảng nói chung. Một lập trường như vậy sẽ dẫn tới chỗ điều hòa với tôn giáo và nhà thờ, điều này hoàn toàn mâu thuẫn với thế giới quan mác-xít.

Trong bài "Về thái độ của đảng công nhân đối với tôn giáo", Lê-nin phê phán kịch liệt thuyết tạo thần. Lê-nin nhấn mạnh rằng Ăng-ghe-n đã trách cứ Phơ-bách ở chỗ ông ta đấu tranh với tôn giáo không phải để thủ tiêu tôn giáo mà là để đổi mới tôn giáo, để xây dựng một thứ tôn giáo mới, Người phê phán thuyết tạo thần của Lu-na-tsác-xki và chỉ ra rằng lời khẳng định của Lu-na-tsác-xki "chủ nghĩa xã hội là tôn giáo" là một hình thức quá độ từ chủ nghĩa xã hội chuyển sang tôn giáo. Các tác phẩm nói trên của V. I. Lê-nin đã phát triển những cơ sở lý luận của thuyết vô thần mác-xít và chính sách của đảng đối với tôn giáo và nhà thờ.

Bài "Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga" chiếm một vị trí đặc biệt. Tác phẩm này viết vào dịp kỷ niệm 80 năm ngày sinh của L. N. Tôn-xtôi và có một ý nghĩa vô cùng to lớn. Bài của Lê-nin nhằm trước hết phản đối giới báo chí chính thức trước đây đã từng làm cho nhà văn phải khó chịu, nhưng trong lễ kỷ niệm ngày sinh của ông thì lại tán dương hết lời, "để giữ gìn lễ độ trước châu Âu"; nhằm phản đối những nhà nghiên cứu văn học và những chính khách của giai cấp tư sản - tự do chủ nghĩa đã giả nhân giả nghĩa ca ngợi Tôn-xtôi là một "con người vĩ đại đi tìm Thượng đế". Vạch trần sự giả nhân giả nghĩa của những lời tán tụng đó, Lê-nin chỉ rõ những gì là thiên tài thực sự, vĩ đại thực sự trong sự sáng tác của Tôn-xtôi. Lê-nin coi ông là một nghệ sĩ thiên tài chẳng những đã tạo nên những bức tranh vô song về cuộc sống nước Nga mà còn xây dựng được những tác phẩm kiệt xuất của nền văn học thế giới. Lê-nin xem xét những tác phẩm của Tôn-xtôi trong mối liên hệ trực tiếp với những nhiệm vụ

của cách mạng Nga. Lê-nin nêu lên sự phản đối chân thực của nhà văn chống lại những điều dối trá và giả dối của xã hội đương thời, phê phán không thương tiếc sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản, vạch trần những hành động bạo ngược của chính quyền; Người nhấn mạnh chủ nghĩa hiện thực cực kỳ sáng suốt của Tôn-xtôi, một thứ chủ nghĩa hiện thực đã lột mặt nạ hết thảy mọi hiện tượng xấu xa. "Tôn-xtôi vĩ đại, — Lê-nin viết, — là ở chỗ ông đã nói lên được những tư tưởng và những tâm trạng đã hình thành trong hàng triệu nông dân Nga khi bắt đầu cuộc cách mạng tư sản Nga. Tôn-xtôi độc đáo, vì toàn bộ quan điểm của ông, nhìn chung, đã diễn đạt chính những đặc điểm của cuộc cách mạng của chúng ta, là một cuộc cách mạng tư sản nông dân" (tr. 254).

Đồng thời Lê-nin cũng vạch ra những mâu thuẫn trong các quan điểm, học thuyết và tác phẩm của Tôn-xtôi và chứng minh rằng những mâu thuẫn đó là sự phản ánh những điều kiện của đời sống nước Nga vào 30 năm cuối của thế kỷ XIX. Lê-nin đánh giá cao tài năng vĩ đại của nhà văn, nhưng cũng vạch ra những nhược điểm trong thế giới quan của ông muốn "đem thay thế những giáo trưởng làm công chức cho nhà nước bằng những giáo trưởng có đức tin", thay thế cuộc đấu tranh tích cực chống những điều ác trong xã hội bằng lời kêu gọi yếu ớt là hãy tự tu dưỡng đạo đức và bằng sự thuyết giáo "không nên dùng bạo lực chống lại điều ác". Lê-nin chế giễu những người Nga và những người nước ngoài theo chủ nghĩa Tôn-xtôi đã tìm cách biến những khía cạnh yếu nhất, lạc hậu nhất của các quan điểm của Tôn-xtôi thành giáo lý.

Bài viết của Lê-nin "Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga" là mẫu mực của sự phân tích sâu sắc về mặt xã hội bản chất của văn học và quan điểm của đảng đối với văn học.

Những trước tác của Lê-nin về các vấn đề chính trị quốc

tế và phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong các bài "Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới", "Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến và sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt của Đảng dân chủ - xã hội", "Một cuộc biểu tình vì hòa bình của công nhân Anh và Đức", "Những sự biến ở vùng Ban-căng và ở Ba-tư", "Phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa", Lê-nin làm sáng tỏ những sự kiện tối quan trọng trong sinh hoạt quốc tế và xác định sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc đấu tranh chống chính sách thực dân và ách áp bức dân tộc, chống chủ nghĩa quân phiệt và nguy cơ chiến tranh.

V. I. Lê-nin rất chú ý tới việc bóc trần chính sách đế quốc ăn cướp của bọn thực dân châu Âu trên đất châu Á. Lấy thí dụ việc bọn thực dân đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ba-tư, Ấn-độ và những nước khác, Lê-nin chỉ rõ rằng "những "nhà hoạt động" chính trị "văn minh" nhất ở châu Âu và đã qua những trường cao cấp nhất của chủ nghĩa lập hiến biến thành những *thứ dữ* như thế nào khi tình hình đi tới chỗ thúc tỉnh cuộc đấu tranh của quần chúng chống lại tư bản và chống lại chế độ thuộc địa tư bản chủ nghĩa, tức là chế độ nô dịch, cướp bóc và bạo lực" (tr. 212). Lê-nin nhấn mạnh rằng không một lời lẽ giả nhân giả nghĩa nào, không một mảnh khốe ngoại giao xảo trá nào có thể che giấu được sự liên minh phản cách mạng của những nước gọi là văn minh chống lại các dân tộc bị áp bức ở châu Á đang khao khát tự do. Người viết rằng cần phải lột mặt nạ của bọn đạo đức giả tư sản, vạch trần trước quảng đại quần chúng nhân dân tính chất phản động của các chính phủ tư sản vì lo sợ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trên đất nước mình nên đã đóng vai trò tên sen đầm đối với cách mạng ở châu Á. Trong các bài viết của mình, Lê-nin vạch trần âm mưu của các

cường quốc thực dân nhằm đàn áp các cuộc cách mạng ở phương Đông, tiếp tục việc cướp bóc thuộc địa và xâm chiếm lãnh thổ.

Lê-nin vui mừng nêu lên những thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Ba-tư, Thổ-nhĩ-kỳ, Ấn-độ, Trung-quốc. Lê-nin coi cuộc đấu tranh của các nước thuộc địa và phụ thuộc để tự giải phóng mình là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới. Lê-nin tuyên bố nhiệm vụ trực tiếp của giai cấp vô sản quốc tế là đấu tranh chống lại mọi ách thực dân và chính sách thực dân. "Đả đảo mọi chính sách thuộc địa, đả đảo toàn bộ chính sách can thiệp! Đả đảo mọi cuộc đấu tranh do bọn tư bản tiến hành nhằm thôn tính đất đai của nước khác, nô dịch nhân dân các nước khác, nhằm đoạt được những đặc quyền đặc lợi mới và những thị trường mới, nhằm kiểm soát những eo biển, v.v.!" (tr. 280).

Lê-nin phê phán kịch liệt bọn cơ hội chủ nghĩa Hà-lan và Đức, chúng mưu toan lấy chính sách thực hiện những cải cách tư sản ở các thuộc địa để thay thế cho cuộc đấu tranh chống sự cướp bóc thuộc địa, trên thực tế chúng đã đứng trên lập trường duy trì và bảo vệ chính sách thực dân của các nhà nước tư sản. Bọn theo chủ nghĩa cơ hội không quan tâm tới cuộc đấu tranh của những người dân chủ - xã hội chống chính sách thực dân, tới việc cổ động trong quần chúng chống lại sự cướp bóc thuộc địa, tới việc thúc tỉnh tinh thần chống đối và kháng cự của quần chúng bị áp bức ở các thuộc địa, mà chỉ tập trung chú ý vào những cuộc "cải cách" nếp sống ở thuộc địa "dưới những trật tự nhất định".

Tất cả những luận điểm đó của Lê-nin có một ý nghĩa đặc biệt trong điều kiện hiện nay, khi mà hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đang sụp đổ dưới những đòn tấn công của các phong trào giải phóng dân tộc được các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thế giới và mọi

lực lượng tiến bộ ủng hộ, khi mà một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của thời đại chúng ta là đấu tranh để hoàn toàn thủ tiêu thật nhanh, ở khắp mọi nơi chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức và biểu hiện của nó.

Trong các bài viết về tình hình quốc tế, Lê-nin vạch ra một số nét quan trọng đặc trưng cho thời đại đế quốc chủ nghĩa. Người nêu rõ cuộc đấu tranh ngày thêm gay gắt của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản ở tất cả các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, việc đẩy mạnh các phong trào quần chúng nhân dân chống lại các tư-rót, việc kết hợp cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước châu Âu với phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc châu Á và một số nhân tố khác chuẩn bị điều kiện cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

"Những chất dễ cháy, — V. I. Lê-nin viết, — đã chất đống lại nhanh chóng ở tất cả các nước tiên tiến trên thế giới, đám cháy rõ ràng là đang lan đến phần lớn các nước châu Á hôm qua hãy còn trong giấc ngủ mê man đến nỗi tuyệt đối không thể tránh khỏi được tình hình là hoạt động phản động của giai cấp tư sản quốc tế tăng lên và cách mạng trong mỗi nước riêng biệt gay gắt hơn" (tr. 221).

Khi nêu lên sự lớn mạnh của phong trào cách mạng của giai cấp vô sản, Lê-nin nhấn mạnh rằng phong trào đó không thể diễn ra đồng đều và dưới những hình thức giống nhau ở tất cả các nước. Sự khác biệt về điều kiện lịch sử, chế độ chính trị ở các nước khác nhau và về những hình thức của phong trào công nhân quyết định những nhịp độ và những biểu hiện khác nhau của một quá trình cách mạng thống nhất. Lê-nin chứng minh rằng mỗi một nước đều đóng góp những nét độc đáo, có giá trị của mình vào dòng thác chung.

Trong những năm đó Lê-nin rất chú ý tới nguy cơ chiến tranh thế giới đang ngày càng tăng và cuộc đấu tranh

chống lại nguy cơ đó. Người chỉ ra rằng các giới cầm quyền của các nước đế quốc, ẩn giấu dưới những lời lẽ ngoại giao về củng cố hòa bình, đang chuẩn bị chiến tranh như thế nào, đang tạo ra một màn lưới rộng rãi những hiệp ước công khai và bí mật, và thành lập những liên minh quân sự như thế nào.

Lê-nin dẫn ra luận điểm trong nghị quyết của Đại hội xã hội chủ nghĩa Stút-ga cho rằng các cuộc chiến tranh có nguồn gốc trong chính bản chất của chủ nghĩa tư bản. Gắn liền việc loại trừ vĩnh viễn những nguyên nhân xã hội và dân tộc làm nảy sinh ra mọi loại chiến tranh với thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới, Lê-nin đồng thời kêu gọi các đảng của giai cấp công nhân đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt, nhằm ngăn ngừa các cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, và Người cũng vạch ra ý nghĩa to lớn của hoạt động của đảng dân chủ - xã hội cách mạng chống chủ nghĩa quân phiệt và của việc phổ biến rộng rãi trong quần chúng lao động những tư tưởng đoàn kết quốc tế. Lê-nin đã phê phán những lập luận của những người dân chủ - xã hội phái hữu (Phôn-ma, v.v.) tuyên bố rằng nếu chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh là những bạn đường tất nhiên của chủ nghĩa tư bản thì chẳng cần gì phải đấu tranh chống lại chúng, chẳng cần gì phải tiến hành một hoạt động đặc biệt chống chủ nghĩa quân phiệt. Lê-nin viết rằng sự cần thiết phải tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt chẳng những bắt nguồn từ những lý do có tính chất nguyên tắc mà còn được kinh nghiệm lịch sử xác nhận rằng trên thực tế nó hợp lý và mang lại kết quả tốt. Lê-nin dẫn ra một số thí dụ tốt về công tác cổ động chống chủ nghĩa quân phiệt của một số đảng dân chủ - xã hội ở châu Âu, nêu lên chẳng hạn cuộc mít-tinh chung của những công nhân Anh và Đức tiến hành tại Béc-lan ngày 20 tháng Chín 1908 để phản đối nguy cơ chiến tranh ngày càng tăng, và trình bày bản nghị quyết đã được

thông qua trong cuộc mít-tinh đó nói rằng việc giải quyết vấn đề chiến tranh và hòa bình nằm trong tay giai cấp công nhân.

Lê-nin chỉ ra rằng những lập luận của Phôn-ma, Nô-xkê và những kẻ đồng tình với họ về sự cần thiết phải tham gia vào cuộc chiến tranh "phòng thủ", đã đẩy họ vào con đường chủ nghĩa dân tộc, vào con đường bảo vệ tổ quốc tư sản của họ. Người phê phán sách lược cơ hội chủ nghĩa của những người dân chủ - xã hội phái hữu, sách lược này về sau, trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đã dẫn họ tới lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.

Khi vạch ra rằng lập trường dân tộc chủ nghĩa của những người dân chủ - xã hội phái hữu của Đức mâu thuẫn với luận điểm của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" cho rằng trong những điều kiện của chủ nghĩa tư bản "những người vô sản không có tổ quốc", Lê-nin kiên quyết chống lại những lời nói văn hoa trống rỗng theo kiểu vô chính phủ và thuyết hư vô dân tộc của Guy-xta-vơ Éc-vê, một người xã hội chủ nghĩa Pháp, một kẻ đã tuyên bố rằng đối với giai cấp vô sản thì sống ở tổ quốc nào cũng thế. Lê-nin vạch rõ thực chất của chủ nghĩa yêu nước chân chính của giai cấp vô sản, nó không có một chút gì giống với chủ nghĩa yêu nước giả dối, vụ lợi của giai cấp tư sản. "Tổ quốc, nghĩa là hoàn cảnh chính trị, văn hóa và xã hội, — Lê-nin nhấn mạnh, — là một nhân tố mạnh mẽ nhất trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản... Giai cấp vô sản không thể có thái độ thờ ơ và lãnh đạm đối với những điều kiện chính trị, xã hội và văn hóa của cuộc đấu tranh của mình, do đó cũng không thể thờ ơ đối với vận mệnh của đất nước mình" (tr. 230).

Vấn đề thái độ đối với chiến tranh, — Lê-nin dạy, — những người dân chủ - xã hội phải giải quyết không phải đứng trên quan điểm cuộc chiến tranh đó mang tính chất phòng thủ hoặc tiến công, mà là đứng trên lập trường bảo vệ lợi ích giai cấp của giai cấp vô sản quốc tế.

Lê-nin với tư cách là một chiến sĩ hòa bình vĩ đại đã kêu gọi đấu tranh chống các cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Người đưa ra lời kêu gọi đó ngay từ khi mà chủ nghĩa tư bản đã thống trị trên vũ đài quốc tế còn các lực lượng xã hội và chính trị không muốn chiến tranh thì vẫn còn yếu, chưa được tổ chức một cách đầy đủ và không có khả năng ngăn chặn bọn đế quốc. Ngày nay, khi mà chủ nghĩa xã hội là một hệ thống thế giới, trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người, thì chiến tranh không còn là một điều tất yếu không thể tránh khỏi nữa. Với những nỗ lực chung của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, của giai cấp công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc, của tất cả các nước chống chiến tranh, và tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình, người ta có thể ngăn ngừa được chiến tranh thế giới.

* *
 *
 *

Trong tập 17 có 12 văn kiện của Lê-nin lần đầu được đưa vào bộ V. I. Lê-nin Toàn tập. Tám trong số những văn kiện đó trước đây đã được in trong Văn tập Lê-nin, t. XXV, là những bản tuyên bố, dự thảo quyết định và nghị quyết do Lê-nin đưa ra trong hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương vào tháng Tám 1908 và trong Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga vào tháng Chạp 1908. Những tài liệu đó cho ta thấy Lê-nin đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh căng thẳng như thế nào để chống lại bọn men-sê-vích theo phái thủ tiêu, giành thắng lợi cho sách lược cách mạng của đảng. Ở phần "Các tài liệu chuẩn bị" có in 4 văn kiện của Lê-nin: "Những điểm sửa đổi cho bản dự thảo nghị quyết — được đưa ra thảo luận tại hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga — về việc triệu tập

hội nghị toàn Nga của đảng", "Tóm tắt lời phát biểu về vấn đề tổ chức tại Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", "Đề cương các bài giảng về chủ nghĩa Mác" và "Đề cương bản thuyết trình "Tình hình hiện tại của nước Nga"".

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Liên-xô*

ĐI VÀO CON ĐƯỜNG THẮNG²¹

*Đăng ngày 19 tháng Ba
(1 tháng Tư) 1908 trên báo
"Người vô sản", số 26*

*Theo đúng bản đăng
trên báo*

Việc giải tán Đu-ma II và cuộc đảo chính ngày 3 tháng Sáu 1907² là một bước ngoặt trong lịch sử cách mạng nước ta, là bước đầu của một thời kỳ đặc biệt nào đó hay của một quãng đường ngoắt ngoéo trong sự phát triển của cuộc cách mạng ấy. Chúng tôi đã nhiều lần nói đến ý nghĩa của quãng đường ngoắt ngoéo đó về phương diện so sánh chung lực lượng giai cấp ở Nga và những nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản chưa hoàn thành. Bây giờ chúng tôi muốn bàn về tình hình công tác của đảng ta nhân bước ngoặt đó của cách mạng.

Từ cuộc đảo chính phản động ngày 3 tháng Sáu đến nay đã hơn nửa năm, và không còn nghi ngờ gì nữa, đặc điểm của nửa năm đầu sau cuộc đảo chính phản động là sự suy sụp và suy yếu đáng kể của tất cả các tổ chức cách mạng, kể cả tổ chức dân chủ - xã hội. Dao động, bất đồng ý kiến và tan rã — đó là đặc điểm chung của nửa năm đó. Tất nhiên là không thể nào khác được, vì trong điều kiện cuộc đấu tranh giai cấp trực tiếp gặp trắc trở, tình hình thế lực phản động hoành hành được tăng cường đến cực độ và tạm thời thắng lợi không thể không đi đôi với cuộc khủng hoảng của các đảng cách mạng.

Nhưng hiện nay đã thấy hoàn toàn rõ ràng cả một loạt dấu hiệu chứng tỏ sự chấm dứt của cuộc khủng hoảng đó,

chúng tỏ rằng thời gian gay go nhất đã qua, con đường đúng đắn đã được vạch ra và đảng lại đi vào con đường thẳng – con đường triệt để và kiên trì lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa.

Các đồng chí hãy lấy một trong những biểu hiện rất tiêu biểu, tất nhiên đó hoàn toàn không phải là một trong những biểu hiện sâu xa nhất, nhưng có thể nói là một trong những biểu hiện bên ngoài rõ rệt nhất về sự khủng hoảng của đảng. Đó là việc những người trí thức đào ngũ khỏi đảng. Số đầu tiên của Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng ta³ ra vào tháng Hai năm nay cung cấp rất nhiều tài liệu để đánh giá sinh hoạt nội bộ của đảng – chúng tôi đã đăng phần lớn những tài liệu đó, – đã nhận định hết sức nổi bật về sự đào ngũ đó. Từ nhà máy Cu-lê-ba-ki (tổ chức quận Vla-đi-mia của Khu trung tâm công nghiệp), người ta viết trong một bài báo như sau: "Gần đây, *vi thiếu* cán bộ trí thức, nên tổ chức quận đã chết". Từ U-ran người ta viết: "Những lực lượng tư tưởng của chúng ta đang tan đi như tuyết". "Những phần tử quen lẩn tránh các tổ chức bất hợp pháp... và đã gia nhập đảng chỉ vào lúc có cao trào và lúc thật sự có tự do ở nhiều nơi, những kẻ đó đã rời bỏ các tổ chức đảng của chúng ta". Và bài báo của Cơ quan ngôn luận trung ương "Về những vấn đề tổ chức" đã tổng kết những tin tức ấy (và những tin tức khác không đăng) và viết: "Như người ta đã biết, gần đây những phần tử trí thức đã đào ngũ hàng loạt".

Nhưng việc giải phóng đảng khỏi những phần tử trí thức nửa vô sản, nửa tiểu thị dân đang bắt đầu thức tỉnh những lực lượng mới, *thuần túy vô sản*, đi vào *một cuộc sống mới*, những lực lượng này đã được tích lũy trong thời kỳ đấu tranh anh dũng của quần chúng vô sản. Chính tổ chức Cu-lê-ba-ki, theo bài báo mà chúng tôi vừa trích, đã có lúc ở trong một tình trạng tuyệt vọng, thậm chí hoàn toàn đã "chết", thì bây giờ đang sống lại.

Chúng ta đọc thấy trong bài báo ấy: "Các tổ chức công nhân rải rác khắp quận, phần lớn không có lực lượng trí thức, không có sách báo, thậm chí không có bất cứ liên hệ nào với các cơ quan trung ương của đảng, nhưng họ không muốn chết... Số lượng những người được tổ chức không hề giảm đi mà còn tăng lên... Vì không có lực lượng trí thức nên bản thân những công nhân giác ngộ nhất phải làm công tác tuyên truyền". Có thể kết luận chung rằng "trong một loạt địa phương ("Người dân chủ - xã hội", số 1, tr. 28), do việc đào ngũ của những phần tử trí thức nên công tác quan trọng đó đã chuyển sang tay những công nhân tiên tiến".

Đương nhiên, việc xây dựng lại các tổ chức đảng trên một cơ sở mới, có thể nói là trên cơ sở giai cấp, là một công tác khó khăn, và công tác ấy không thể phát triển mà lại không có những sự dao động. Nhưng chỉ có bước đầu là khó và bước này đã qua rồi. Đảng đã đi vào con đường thẳng, con đường lãnh đạo quần chúng công nhân do những "trí thức" tiên phong xuất thân từ chính hàng ngũ công nhân, tiến hành.

Công tác trong các công đoàn và hợp tác xã lúc đầu tiến hành một cách mò mẫm, thì nay đang hình thành hoàn toàn và mang những hình thức ổn định. Công tác địa phương đang phát triển đã dẫn đến hai nghị quyết của Ban chấp hành trung ương về công đoàn và về hợp tác xã, *cả hai* nghị quyết đều được *nhất trí* thông qua. Thành lập các chi bộ đảng trong tất cả các tổ chức ngoài đảng; lãnh đạo các tổ chức đó theo tinh thần những nhiệm vụ chiến đấu của giai cấp vô sản, theo tinh thần đấu tranh giai cấp cách mạng; "từ chỗ không có tính đảng tiến tới có tính đảng" ("Người dân chủ - xã hội", số 1, tr. 28), – đó là con đường mà cả ở đây nữa, phong trào công nhân cũng đã đi vào. Thông tin viên của một tổ chức đảng ở Min-xơ, một thành phố nhỏ của một tỉnh hẻo lánh, cho biết: "những công nhân

cách mạng hơn đã xa rời họ (những công đoàn hợp pháp bị chính quyền làm hủ bại) và ngày càng tán thành việc thành lập những công đoàn bất hợp pháp".

Công tác trong một lĩnh vực hoàn toàn khác, tức công tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, cũng đang phát triển theo chiều hướng đó, chiều hướng "từ chỗ không có tính đảng tiến tới có tính đảng". Tất nhiên điều đó nghe như là kỳ lạ, nhưng đó là sự thật: chúng ta không thể ngay lập tức đưa công tác của những nghị sĩ của chúng ta lên ngang tầm cao của đảng, cũng như ở trong các hợp tác xã chúng ta không thể ngay lập tức tiến hành công tác "theo phương thức của đảng" được. Những đảng viên dân chủ - xã hội của chúng ta trong Đu-ma đã được bầu ra theo luật bầu cử giả mạo ý chí của nhân dân, đã được bầu trong số những người dân chủ - xã hội còn giữ được địa vị hợp pháp và hàng ngũ của họ đã giảm đi rất nhiều sau những vụ truy nã trong thời gian hai Đu-ma đầu; do đó mà lúc đầu, *trong thực tế*, tất nhiên họ đã xử sự như những người dân chủ - xã hội ngoài đảng hơn là những đảng viên thực sự.

Điều này thật đáng buồn, nhưng đó là sự thật, và trong một nước tư bản chủ nghĩa bị ràng buộc bởi hàng nghìn mối quan hệ nông nô, đảng công nhân mới công khai tồn tại vắn vẹo được hai năm, thì lẽ nào có thể làm khác được. Thế mà vin vào sự thật ấy, những phần tử trí thức làm ra bộ dân chủ - xã hội, những phần tử không những không đảng phái mà thậm chí "không có đầu não" nữa, bám vào đảng đoàn trong Đu-ma như lũ ruồi bâu quanh đĩa mật, đã muốn xây dựng sách lược của họ nhằm thành lập một Đảng dân chủ - xã hội không cách mạng. Nhưng dường như những cố gắng của các vị theo chủ nghĩa Béc-stanh đáng kính mến ấy đang bị thất bại! Ở đây, dường như công tác của những người dân chủ - xã hội cũng bắt đầu được uốn nắn lại. Chúng ta không nên tiên đoán và cũng không nên nhắm mắt

mà không thấy là, trong điều kiện của chúng ta, muốn tổ chức cho công tác của Đảng dân chủ - xã hội trong nghị viện kha khá đôi chút thì chúng ta sẽ còn phải cố gắng rất nhiều, nhưng chúng tôi xin nêu ra rằng trong số đầu tiên của Cơ quan ngôn luận trung ương có bài phê bình của đảng đối với đảng đoàn và có một *ngợi quyết rõ ràng* của Ban chấp hành trung ương về phương hướng công tác đúng đắn hơn của đảng đoàn. Chúng tôi tuyệt nhiên không cho rằng lời phê bình đảng trên Cơ quan ngôn luận trung ương đã nói hết được tất cả các khuyết điểm; tỷ dụ chúng tôi nghĩ rằng những người dân chủ - xã hội không được bỏ phiếu tán thành việc chuyển giao các thuế ruộng đất đã thu được trước hết cho các hội đồng địa phương, cũng như không được bỏ phiếu tán thành việc *chুক্ত lại* với một giá rẻ những ruộng đất của thành phố đã cho bản nông lĩnh canh (xem tr. 36, số 1, Cơ quan ngôn luận trung ương). Nhưng nói một cách có so sánh thì đó là những vấn đề thứ yếu. Vấn đề cơ bản và chủ yếu nhất là: việc biến đảng đoàn thành một tổ chức thực sự của đảng đã hoàn toàn lộ rõ trong toàn bộ công tác của chúng ta và, do đó, dù phải cố gắng bao nhiêu, dù trên con đường đó còn phải trải qua bao nhiêu thử thách, dao động, bao nhiêu cuộc khủng hoảng bộ phận, bao nhiêu va chạm cá nhân, v.v., đảng cũng sẽ đạt được điều đó.

Một trong số những dấu hiệu của việc uốn nắn công tác thật sự dân chủ - xã hội, công tác thật sự có tính đảng, là việc tăng cường công tác xuất bản bất hợp pháp, việc này đã biểu hiện ra rõ ràng. Trong Cơ quan ngôn luận trung ương, chúng ta đọc thấy: "Ở U-ran xuất bản tám tờ báo, Crum hai tờ, Ô-đét-xa một tờ, và ở Ê-ca-tê-ri-nô-xláp một tờ sắp được xuất bản; công tác xuất bản ở Pê-téc-bua, Cáp-ca-dơ và ở các tổ chức dân tộc cũng mạnh". Ngoài hai tờ báo dân chủ - xã hội ở nước ngoài, thì Cơ quan ngôn luận trung ương vẫn được xuất bản ở Nga bất chấp những trở

ngại vô cùng to lớn do cảnh sát gây nên. Báo "Ngọn cờ công nhân"⁴, cơ quan ngôn luận khu vực, đang được chuẩn bị xuất bản ở Khu trung tâm công nghiệp.

Từ tất cả những điều nói ở trên, ta thấy rằng con đường mà Đảng dân chủ - xã hội đang đi một cách vững vàng, đã được xác định hoàn toàn. Việc tổ chức bí mật, vững chắc các cơ quan trung ương của đảng, việc xuất bản bí mật, thường xuyên, và chủ yếu là những chi bộ đảng ở các địa phương và nhất là ở các nhà máy dưới sự lãnh đạo của những phần tử tiên tiến xuất thân ngay từ hàng ngũ công nhân và sống sát với quần chúng, — đó là cơ sở mà trên đó chúng ta xây dựng và xây dựng được hạt nhân vững chắc không gì lay chuyển nổi của phong trào công nhân cách mạng và dân chủ - xã hội. Và hạt nhân bí mật đó sẽ mở rộng chân rết của nó, mở rộng ảnh hưởng của nó, hơn rất nhiều so với ngày trước, thông qua Đu-ma cũng như các công đoàn, các hợp tác xã và các hội văn hóa - giáo dục.

Mới nhìn qua thì chế độ công tác đó của đảng và chế độ công tác của đảng tại Đức vào thời kỳ có đạo luật đặc biệt (1878-1890)⁵ rất giống nhau. Con đường mà phong trào công nhân Đức đã trải qua trong ba mươi năm sau cuộc cách mạng tư sản (1848 - 1878), thì phong trào công nhân Nga trải qua trong ba năm (cuối 1905 - 1908). Nhưng đằng sau sự giống nhau bên ngoài đó có ẩn giấu một sự khác nhau sâu sắc bên trong. Ở Đức, quá trình ba mươi năm sau cuộc cách mạng dân chủ - tư sản đã hoàn thành đầy đủ những nhiệm vụ khách quan cần thiết của cuộc cách mạng ấy. Nó đã chấm dứt luôn cả với Quốc hội lập hiến vào thời kỳ đầu những năm 60 thế kỷ XIX, cả với những cuộc chiến tranh giữa các triều vua, những cuộc chiến tranh đã thống nhất phần lớn các quốc gia Đức, và cả với việc thành lập đế quốc Đức nhờ áp dụng quyền đầu phiếu phổ thông. Ở Nga, trong thời gian chưa đầy ba năm sau thắng lợi vĩ đại đầu tiên và sau

thất bại to lớn đầu tiên của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, không những không hoàn thành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng ấy, mà ngược lại lần đầu tiên *quảng đại* quần chúng vô sản và nông dân đã giác ngộ về những nhiệm vụ ấy. Trong hơn hai năm đó, những ảo tưởng lập hiến và sự tin tưởng vào tính chất dân chủ của phái tự do làm tay sai cho chế độ Nga hoàng Trăm đen, cũng đã chấm dứt.

Vì những nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng tư sản ở Nga chưa được thực hiện, nên khủng hoảng là điều không thể tránh khỏi. Những sự biến, những tình hình và những biến động về kinh tế thuần túy, về tài chính chuyên môn, về chính trị trong nước và ngoài nước có thể làm cho cuộc khủng hoảng đó trở nên gay gắt. Và sau khi đã bước vào con đường thắng là thành lập một tổ chức dân chủ - xã hội bất hợp pháp, vững chắc, có những công cụ nhiều hơn và phong phú hơn so với trước để gây ảnh hưởng hợp pháp và nửa hợp pháp, đảng của giai cấp vô sản sẽ biết đương đầu với cuộc khủng hoảng đó với sự chuẩn bị tốt hơn cho cuộc chiến đấu quyết định so với hồi tháng Mười và tháng Chạp 1905.

VỀ "BẢN CHẤT" CỦA CUỘC CÁCH MẠNG NGA

Trong một bài xã luận gần đây của mình, tờ báo dân chủ - lập hiến "*Ngôn luận*"⁶ thốt lên rằng: bản chất như thế nào thì nó nhất định cứ phải như vậy. Cần phải đặc biệt nhấn mạnh lời thú nhận quý giá đó của cơ quan ngôn luận chính thức của phái tự do phản cách mạng ở nước ta, vì đây là nói về *bản chất* của cuộc cách mạng Nga. Cần phải nói đi nói lại mãi rằng những sự biến đã xác minh một cách hùng hồn như thế nào quan điểm cơ bản của những người bôn-sê-vích về "bản chất" ấy của cuộc cách mạng tư sản *nông dân*; chỉ có *chống lại* chủ nghĩa tự do tư sản dao động, bấp bênh, phản cách mạng, thì cuộc cách mạng ấy mới giành được thắng lợi.

Trước khi có Đu-ma I, vào đầu năm 1906, ông Xtơ-ru-vê viết: "người nông dân trong Đu-ma sẽ là người dân chủ - lập hiến". Khi ấy đó là lời khẳng định *manh đạn* của một người theo chủ nghĩa tự do, một người *còn nghĩ* đến việc cải tạo người mu-gích từ một người bảo hoàng ngây thơ thành một người theo phái đối lập. Cũng lúc đó, tờ "Nhà nước Nga"⁷, cơ quan ngôn luận của bọn quan liêu, tờ báo của bọn tay sai của ngài Vít-te, đoán chắc rằng "người dân đen sẽ là cứu tinh", nghĩa là tình trạng có nhiều đại biểu nông dân sẽ có lợi cho chế độ chuyên chế. Vào

thời kỳ ấy (thời kỳ xa xôi biết bao! từ đó đến nay đã hai năm trường!) những ý kiến loại như thế được phổ biến rộng đến nỗi tại Đại hội Xtốc-khôn⁸ những điệu nhạc cùng loại đó đã vang lên một cách rõ rệt ngay cả trong những bài diễn văn của phái men-sê-vích.

Nhưng ngay từ Đu-ma I⁹ những ảo tưởng đó của bọn quân chủ và *những ảo tưởng của phái tự do* đã tiêu tan hoàn toàn. Người mu-gích dốt nát nhất, lạc hậu nhất, ngây thơ nhất về chính trị, không nằm trong một tổ chức đảng nào, đã tỏ ra là *vô cùng tá hờn* những người dân chủ - lập hiến¹⁰. Trong suốt thời kỳ hai Đu-ma đầu, nội dung chủ yếu trong "hoạt động" của phái tự do là cuộc đấu tranh của bọn dân chủ - lập hiến chống "tinh thần của phái lao động" và chính sách của phái lao động¹¹. Và sau khi giải tán Đu-ma II¹², ông Xtơ-ru-vê, nhân vật tiên phong trong bọn phản cách mạng thuộc phái tự do, đã trút lên đầu phái lao động một trận lôi đình và đã tuyên bố tiến hành cuộc thập tự chinh chống lại những lãnh tụ "trí thức làm ra bộ cấp tiến" của giai cấp nông dân, thì như thế là ông ta đã nói lên sự *thất bại hoàn toàn* của chủ nghĩa tự do¹³.

Qua kinh nghiệm hai Đu-ma, chủ nghĩa tự do đã hoàn toàn thất bại: nó đã *không thể* thuần phục được người mu-gích". Nó đã không thể làm cho người mu-gích chịu lép, nhượng bộ, sẵn sàng thỏa hiệp với chế độ chuyên chế của bọn địa chủ. Chủ nghĩa tự do của bọn trạng sư, giáo sư tư sản và của bọn rác rưởi trí thức khác không thể "thích ứng" với người mu-gích thuộc "phái lao động". Nó lại *lạc hậu* hơn người mu-gích về mặt chính trị và kinh tế. Người ta có thể tóm tắt tất cả ý nghĩa lịch sử của thời kỳ đầu của cuộc cách mạng Nga như sau: chủ nghĩa tự do *đã* hoàn toàn chứng minh tính chất phản cách mạng của nó, chứng minh rằng nó không có khả năng lãnh đạo cuộc cách mạng nông dân; giai cấp nông dân *chưa* hiểu đầy đủ rằng thắng lợi thực sự chỉ có thể giành được bằng con đường cộng hòa - cách

mạng, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa.

Sự thất bại của chủ nghĩa tự do có nghĩa là sự thắng lợi của phe phản động địa chủ. Run sợ trước phe phản động ấy, bị nó khinh bỉ và phỉ nhổ, biến thành kẻ tòng phạm kiểu nông nô trong tấn hài kịch lập hiến của Xtô-lư-pin, hiện nay chủ nghĩa tự do thỉnh thoảng lại sụt sùi nhớ lại dĩ vãng. Đương nhiên, cuộc đấu tranh chống lại tinh thần của phái lao động là một cuộc đấu tranh gian khổ, hết sức gian khổ. Nhưng... dù sao... nếu tinh thần đó lại được tăng cường thì liệu chúng ta có thể thắng keo thứ hai được không? Lúc đó chúng ta há lại không đóng được thành công hơn vai trò người môi giới hay sao? Ông P. Xtơ-ru-vê đáng kính và nổi tiếng của chúng ta, ngay từ trước cách mạng, há chẳng viết rằng bao giờ những đảng trung gian cũng được lợi khi cuộc đấu tranh giữa các đảng cực đoan trở nên gay gắt, hay sao?

Đấy, phái tự do, kiệt sức trong cuộc đấu tranh chống lại phái lao động, đang dựa vào việc làm sống lại tinh thần của phái lao động để chống lại bọn phản động! Cũng bài xã luận ấy của tờ "Ngôn luận" viết rằng: "Những dự án ruộng đất của nông dân phái hữu và của các giáo sĩ vừa mới được đưa ra tại Đu-ma nhà nước cũng bộc lộ tinh thần cũ của phái lao động. Chính là tinh thần của phái lao động chứ không phải tinh thần của phái dân chủ - lập hiến". "Một dự án là của nông dân và có chữ ký của 41 đại biểu Đu-ma nhà nước. Một dự án khác là của các giáo sĩ. Dự án thứ nhất cấp tiến hơn dự án thứ hai, nhưng về một số phương diện thì ngay cả dự án thứ hai (hãy nghe báo "Ngôn luận" của bọn dân chủ - lập hiến!) cũng vượt xa dự án cải cách ruộng đất của phái dân chủ - lập hiến". Phái tự do bắt buộc phải thừa nhận rằng sau tất cả những việc chọn lọc cử tri được áp dụng và thực hiện theo luật nổi tiếng ngày 3 tháng Sáu, thì sự thực ấy không phải là chứng minh cho tính

chất ngẫu nhiên (như chúng tôi đã nêu ra trước đây trong số 22 báo "Người vô sản") mà chứng minh cho *bản chất* của cuộc cách mạng Nga¹⁾.

Báo "*Ngôn luận*" viết rằng nông dân có quỹ ruộng đất không phải với ý nghĩa là một biện pháp lâm thời mà "với ý nghĩa là một chế độ cố định". Trong khi thừa nhận điều đó, phái dân chủ - lập hiến đã khiêm tốn lờ đi không nói đến việc chính bọn họ, để làm vừa lòng phe phản động, để nịnh bợ chúng trong thời kỳ quá độ từ Đu-ma I đến Đu-ma II, đã gạt bỏ vấn đề quỹ ruộng đất ra khỏi cương lĩnh của họ (điều đó có nghĩa là, bằng cách này hay cách khác, ở mức độ này hay mức độ khác, thừa nhận việc quốc hữu hoá ruộng đất) và đã tán thành quan điểm của Guốc-cô¹⁴ về quyền tư hữu hoàn toàn về ruộng đất.

Báo "*Ngôn luận*" viết rằng nông dân mua ruộng đất theo sự định giá công bằng (nghĩa là theo sự định giá của Đảng dân chủ - lập hiến), nhưng — chữ "nhưng" đáng chú ý thay! — người tiến hành việc định giá ấy lại là những cơ quan ruộng đất địa phương "được toàn thể dân cư địa phương ấy bầu ra".

Và một lần nữa, các ngài dân chủ - lập hiến lại phải làm thinh về một đôi điều. Họ phải làm thinh không nói đến một sự thực là việc lựa chọn này của toàn thể dân cư rõ ràng làm cho người ta nhớ đến bản dự án nổi tiếng của "phái lao động" được đưa ra trước Đu-ma I và II, đến dự án về các uỷ ban ruộng đất địa phương được bầu ra theo lối đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín. Họ phải làm thinh không nói đến chỗ phái tự do trong cả hai Đu-ma đầu tiên đã tiến hành một cuộc đấu tranh hèn hạ như thế nào chống lại bản dự án đó, bản dự án duy nhất có thể thực hiện được xét theo quan điểm

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 538 - 543.

dân chủ, họ đã ngoắt ngoéo quanh co thâm hại như thế nào để trên diễn đàn Đu-ma *không nói* hết tất cả những điều mà họ đã nói trong báo chí của họ, trong xã luận của báo "*Ngôn luận*" mà về sau Mi-li-u-cốp in lại ("Một năm đấu tranh")¹⁵, trong bản dự thảo của Cút-le và trong bài báo của Tsúp-rốp ("Vấn đề ruộng đất" của bọn dân chủ - lập hiến, tập 2)¹⁶. Cụ thể là: họ đã thừa nhận trên báo chí của họ rằng theo ý đồ của họ thì các ủy ban ruộng đất địa phương cần phải bao gồm một số đại biểu ngang nhau của nông dân và địa chủ và một *đại biểu* của *chính phủ* để đóng vai trò trọng tài. Nói một cách khác: bọn dân chủ - lập hiến đã bán đứng người mu-gích cho địa chủ bằng cách đảm bảo cho bọn này chiếm được đa số ở khắp nơi (địa chủ cộng với đại biểu của chế độ chuyên chế địa chủ sẽ luôn luôn chiếm đa số so với nông dân).

Chúng ta hoàn toàn hiểu tại sao những tay bịp bợm thuộc phái tự do tư sản trong nghị viện *phải* làm thinh không nói đến điều đó. Sai lầm của họ là nghĩ rằng công nhân và nông dân có thể quên được những cái móc quan trọng nhất ấy trên con đường cách mạng Nga.

Ngay cả bọn linh mục, những tên cực kỳ phản động ấy, những tên thi hành chính sách ngu dân Trăm đen, được chính phủ cố tình nuôi dưỡng, cũng đã có một bản dự án ruộng đất tiến xa hơn bản dự án của bọn dân chủ - lập hiến. Thậm chí họ còn nói về việc hạ giá ruộng đất "đã được nâng cao một cách giả tạo", về thuế lũy tiến đánh vào ruộng đất và việc hoàn toàn miễn thuế cho những mảnh ruộng đất nào không vượt quá tiêu chuẩn sử dụng. Tại sao tên linh mục ở nông thôn, tên đội cảnh sát của phái chính giáo quan liêu ấy lại thiên về phía người mu-gích *hơn là* người tư sản thuộc phái tự do? Vì y phải sống bên cạnh người mu-gích, trong nhiều trường hợp phải phụ thuộc vào họ, thậm chí có lúc, với nền sản xuất nhỏ kiểu nông dân của các giáo sĩ trên những ruộng đất của giáo hội, y

cũng phải thực sự ở vào địa vị như người nông dân. Dù linh mục ở nông thôn là đại biểu của cái Đu-ma cực kỳ Du-ba-tốp đi nữa, thì y cũng phải trở về nông thôn; thế mà các cuộc càn quét trừng phạt và những đội quân thường trú ở nông thôn của Xtô-lư-pin có thanh lọc nông thôn đến thế nào đi nữa, thì những kẻ đứng về phía địa chủ cũng *không thể trở về* nông thôn được. Như vậy là đối với một giáo sĩ cực kỳ phản động, việc phản bội người mu-gích làm lợi cho địa chủ khó hơn là đối với một trạng sư hoặc một giáo sư có học vấn.

Phải, phải! Bản chất như thế nào thì nó nhất định cứ phải như vậy. Bản chất của cuộc cách mạng tư sản vĩ đại ở nước Nga nông dân là như sau: chỉ có thắng lợi của cuộc khởi nghĩa nông dân, — không thể có thắng lợi ấy nếu không có vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, — thì mới có khả năng đưa cuộc cách mạng ấy tới thắng lợi, bất chấp tính chất phản cách mạng cố hữu của chủ nghĩa tự do tư sản.

Người thuộc phái tự do chỉ còn cách: hoặc là không tin vào sức mạnh tinh thần của phái lao động — điều đó không thể được, vì sự thật đã hiển nhiên — hoặc là trông chờ vào một sự bịp bợm mới về chính trị. Và đây là cương lĩnh của trò bịp bợm ấy trong phần kết luận của báo "*Ngôn luận*": "Chỉ có nghiêm túc và thực tế đề ra thứ cải cách ấy (cụ thể là: cải cách ruộng đất "trên cơ sở dân chủ rộng rãi nhất") mới có thể chữa cho dân cư bỏ được những ý định không tưởng". Hãy đọc là: thưa ngài Xtô-lư-pin, ngay với tất cả những giá treo cổ và những luật ngày 3 tháng Sáu của ngài, ngài cũng không thể "chữa" cho dân cư khỏi "tinh thần không tưởng của phái lao động". Vậy chúng tôi xin phép thử một lần nữa: chúng tôi sẽ hứa với nhân dân một cuộc cải cách dân chủ rộng rãi nhất, nhưng sự thực là chúng tôi "sẽ chữa" cho họ bằng cách chuộc lại của địa chủ và làm cho địa chủ chiếm ưu thế trong các cơ quan ruộng đất địa phương!

Còn về phía chúng tôi, từ trong thâm tâm, chúng tôi xin cảm ơn các ngài Mi-li-u-cốp, Xtơ-ru-vê và đồng bọn về sự sốt sắng của họ trong việc "chữa" cho dân cư khỏi bệnh tin cậy "không tưởng" vào những con đường lập hiến hoà bình. Người ta đang chữa và chắc là chữa khỏi.

*"Người vô sản", số 27,
ngày 26 tháng Ba
(8 tháng Tư) 1908*

*Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"*

CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI

*Viết vào nửa cuối tháng Ba -
chậm nhất là ngày 3 (16)
tháng Tư 1908*

*In khoảng giữa ngày 25 tháng Chín
và 2 tháng Mười (8 và 15 tháng
Mười) 1908 trong văn tập: "Các
Mác (1818-1883)", Xanh Pê-téc-bua,
nhà xuất bản O. và M. Kê-đrốp
Ký tên: V.I. I-lin*

*Theo đúng bản in
trong văn tập*

Một câu cách ngôn nổi tiếng nói: nếu những định lý hình học mà phạm tới quyền lợi của con người, thì nhất định chúng sẽ bị bác bỏ. Những lý luận lịch sử - tự nhiên xúc phạm tới thành kiến cũ của thần học, đã gây ra và cho tới nay vẫn gây ra một cuộc đấu tranh hết sức kịch liệt. Không có gì là lạ nếu học thuyết của Mác, một học thuyết trực tiếp dùng để giáo dục và tổ chức giai cấp tiên tiến của xã hội hiện đại, đã vạch ra nhiệm vụ của giai cấp ấy và chứng minh rằng, do kinh tế phát triển, những trật tự mới nhất định sẽ thay thế chế độ hiện tại; không có gì là lạ nếu mỗi bước tiến của học thuyết ấy trên con đường sinh tồn đều phải kinh qua chiến đấu.

Chẳng cần gì phải nói đến khoa học và triết học tư sản là những thứ được bọn giáo sư của nhà nước đem ra dạy theo quy định của nhà nước, để làm u mê những thanh niên đang trưởng thành, xuất thân từ các giai cấp hữu sản và để "tập luyện" cho họ chống lại kẻ thù bên ngoài và bên trong. Khoa học ấy thậm chí không muốn nghe nói đến chủ nghĩa Mác, tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác đã bị bác bỏ và bị thủ tiêu rồi; cả bọn học giả trẻ tuổi chuyên kiếm chác danh lợi qua việc bài bác chủ nghĩa xã hội, cả bọn già nua suy yếu ôm giữ lấy di huấn của tất cả những "hệ thống" đổ nát, đều công kích Mác hăng như nhau. Chủ nghĩa Mác phát triển, tư tưởng của chủ nghĩa Mác lan rộng và được củng cố trong giai cấp công nhân, điều đó tất nhiên làm cho những cuộc

công kích ấy của giai cấp tư sản chống chủ nghĩa Mác càng thường xuyên và càng gay gắt, nhưng chủ nghĩa Mác, sau mỗi lần bị khoa học chính thống "thủ tiêu" thì lại càng vững mạnh, càng được tôi luyện và càng sinh động hơn.

Nhưng, ngay trong số những học thuyết có liên hệ với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và được phổ biến chủ yếu trong giai cấp vô sản, thì chủ nghĩa Mác hoàn toàn không phải ngay lập tức đã củng cố được vị trí của mình. Trong 50 năm đầu kể từ khi mới phát sinh (từ những năm 40 thế kỷ XIX), chủ nghĩa Mác đã chiến đấu chống những lý luận về căn bản hoàn toàn thù địch với mình. Trong nửa đầu những năm 40, Mác và Ăng-ghe-nê đã thanh toán với phái Hê-ghe-nê trẻ cấp tiến là phái theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm triết học. Cuối những năm 40 có cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Pru-đông¹⁷ trên lĩnh vực các học thuyết kinh tế. Trong những năm 50, cuộc đấu tranh đó kết thúc: phê phán những đảng và học thuyết phát sinh ra trong năm 1848 bão táp. Trong những năm 60, cuộc đấu tranh chuyển từ lĩnh vực lý luận chung sang một lĩnh vực gần hơn với phong trào trực tiếp của công nhân: phái Ba-cu-nin bị đuổi ra khỏi Quốc tế¹⁸. Đầu những năm 70, Muyn-béc-gơ, thuộc phái Pru-đông, có lúc đã nổi bật lên ở Đức; cuối những năm 70 đến lượt Duy-rinh, một người thuộc phái thực chứng. Nhưng ảnh hưởng của hai người này đối với giai cấp vô sản hoàn toàn không có nghĩa lý gì. Chủ nghĩa Mác đã thắng một cách tuyệt đối tất cả những hệ tư tưởng khác của phong trào công nhân.

Đến những năm 90 của thế kỷ trước, về đại thể, thắng lợi ấy đã hoàn thành. Ngay trong những nước la-tinh, nơi mà truyền thống của chủ nghĩa Pru-đông được duy trì lâu hơn hết, thì các đảng công nhân cũng đã thực sự xây dựng cương lĩnh và sách lược của mình trên cơ sở chủ nghĩa Mác. Tổ chức quốc tế của phong trào công nhân được phục hồi dưới hình thức những đại hội quốc tế họp đều kỳ, tổ chức này ngay lập tức đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác trong

tất cả các vấn đề căn bản và hầu như không cần phải đấu tranh gì cả. Nhưng khi chủ nghĩa Mác đã loại trừ tất cả những học thuyết ít nhiều hoàn chỉnh, thù địch với nó, thì những xu hướng biểu hiện trong các học thuyết ấy lại đi tìm những con đường khác cho mình. Hình thức và lý do của cuộc đấu tranh đã thay đổi, nhưng cuộc đấu tranh vẫn tiếp tục. Thế là 50 năm thứ hai sau khi chủ nghĩa Mác ra đời (những năm 90 của thế kỷ trước) đã bắt đầu bằng cuộc đấu tranh của một trào lưu thù địch với chủ nghĩa Mác trong nội bộ chủ nghĩa Mác.

Trào lưu đó mang tên Béc-stanh¹⁹, nhà cựu mác-xít chính thống, vì Béc-stanh đã làm âm ĩ nhất và nói lên đầy đủ nhất về những điểm sửa chữa học thuyết Mác, về việc xét lại chủ nghĩa Mác, tức là chủ nghĩa xét lại. Ngay ở Nga là nơi mà cố nhiên — vì nền kinh tế trong nước lạc hậu, vì nông dân bị chà đạp dưới những tàn tích của chế độ nông nô, vẫn chiếm đại đa số — chủ nghĩa xã hội không mác-xít sống dai dẳng hơn cả, ngay ở Nga, trước mắt chúng ta chủ nghĩa xã hội ấy cũng chuyển biến rõ rệt thành chủ nghĩa xét lại. Trong vấn đề ruộng đất (cương lĩnh về địa phương công hữu hóa toàn bộ ruộng đất) cũng như trong những vấn đề chung về cương lĩnh và sách lược, bọn xã hội - dân tuý ở nước ta ngày càng đưa ra thêm nhiều "điểm sửa đổi" chủ nghĩa Mác để thay thế cho những tàn dư đang tiêu vong và đang biến đi của hệ thống cũ, hoàn chỉnh theo kiểu của nó và về căn bản thù địch với chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa xã hội trước Mác đã bị đánh bại. Nó không còn tiếp tục đấu tranh trên miếng đất riêng của nó nữa, mà lại lấy tư cách là chủ nghĩa xét lại để tiếp tục đấu tranh trên miếng đất chung của chủ nghĩa Mác. Vậy ta hãy xem nội dung tư tưởng của chủ nghĩa xét lại là gì.

Trong lĩnh vực triết học, chủ nghĩa xét lại theo đuôi thứ "khoa học" của các giáo sư tư sản. Các giáo sư "quay về với Can-tơ", còn chủ nghĩa xét lại thì lẻo đẻo theo sau phái Can-

tơ mới²⁰, các giáo sư lặp lại những luận điệu nhằm tai mà bọn thầy tu đã nhắc đi nhắc lại hàng nghìn lần để chống chủ nghĩa duy vật triết học, còn bọn xét lại thì mỉm cười tỏ vẻ ái ngại và nói ấp a ấp úng (từng từ một theo đúng sách giáo khoa xuất bản gần đây) rằng: chủ nghĩa duy vật đã bị "bác bỏ" từ lâu rồi; các giáo sư cho Hê-ghen là "đồ vô dụng"²¹ và tự mình cũng truyền bá chủ nghĩa duy tâm, một thứ chủ nghĩa duy tâm nghìn lần tâm thường và nhạt nhẽo hơn chủ nghĩa duy tâm của Hê-ghen, nhưng họ lại nhún vai tỏ vẻ khinh bỉ phép biện chứng, còn bọn xét lại thì đi theo họ mà sa vào vũng lầy tâm thường hoá về mặt triết học đối với khoa học, bằng cách lấy sự "tiến hoá giản đơn" (và tinh) thay thế cho phép biện chứng "tinh vi" (và cách mạng). Các giáo sư được lĩnh lương của nhà nước để sửa hệ thống duy tâm chủ nghĩa và có tính chất "phê phán" của họ cho hợp với "triết học" trung cổ rất thịnh hành hồi bấy giờ (nghĩa là hợp với thần học), còn bọn xét lại thì liền đi theo họ, tìm cách làm cho tôn giáo trở thành một "việc riêng" không phải đối với nhà nước đương thời, mà là đối với đảng của giai cấp tiên tiến.

Không cần nói đến ý nghĩa giai cấp thật sự của những "điểm sửa đổi" như thế đối với chủ nghĩa Mác làm gì, bản thân việc đó cũng đã rõ ràng rồi. Chúng ta chỉ cần vạch ra rằng: trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, Plê-kha-nốp là người mác-xít duy nhất đứng trên quan điểm chủ nghĩa duy vật biện chứng triệt để mà phê phán những luận điệu nhằm tai không thể tưởng tượng do bọn xét lại tung ra ở đây. Điều đó lại càng cần phải được hết sức nhấn mạnh, vì hiện nay đã có những toan tính hết sức sai lầm là nấp dưới ngọn cờ phê phán chủ nghĩa cơ hội về sách lược của Plê-kha-nốp*, để đưa ra mô triết học phản động cũ rích.

* Xem cuốn "Khái luận về triết học mác-xít" của Bô-gđa-nốp, Ba-da-rốp, v. v.. Ở đây không phải là chỗ phân tích tác phẩm này. Giờ

Chuyển sang kinh tế chính trị học, trước hết chúng ta cần vạch ra rằng trong lĩnh vực này những "điểm sửa đổi" của bọn xét lại còn nhiều hình nhiều vẻ hơn và chi tiết hơn nhiều; người ta đã cố sức tác động vào công chúng bằng những "số liệu mới về sự phát triển kinh tế". Người ta đã cho rằng, trong lĩnh vực nông nghiệp, hoàn toàn không thấy có sự tập trung sản xuất và hiện tượng nền sản xuất lớn loại trừ nền sản xuất nhỏ, còn trong lĩnh vực thương nghiệp và công nghiệp, hiện tượng đó diễn ra hết sức chậm chạp. Người ta cho rằng ngày nay những cuộc khủng hoảng ít xảy ra và ít gay gắt hơn trước, rằng hình như những các-ten và tơ-rốt giúp cho tư bản có thể thủ tiêu hoàn toàn những cuộc khủng hoảng. Người ta cho rằng "lý luận về sự phá sản" — sự phá sản mà chủ nghĩa tư bản đang đi tới, là không vững vì những mâu thuẫn giai cấp có xu hướng nhạt đi và dịu xuống. Cuối cùng, người ta cho rằng cả đến học thuyết về giá trị của Mác cũng nên sửa chữa theo thuyết của Bô-mơ - Ba-véc.

Cuộc đấu tranh chống bọn xét lại trong những vấn đề đó, cũng làm cho tư tưởng lý luận của chủ nghĩa xã hội quốc tế được phát triển thuận lợi giống như cuộc bút chiến của Ăng-ghen chống Đuy-rinh hồi 20 năm về trước. Những lý lẽ của bọn xét lại được đưa ra phân tích căn cứ vào những sự việc và con số nắm trong tay. Người ta chứng minh rằng bọn xét lại tô vẽ một cách có hệ thống cho nền sản xuất

đây tôi chỉ nói rằng trong một ngày gần đây, tôi sẽ trình bày trong một loạt bài báo hoặc trong một tập sách riêng, rằng *tất cả* những điều nói trong bài này về bọn xét lại thuộc phái Can-tơ mới, thật ra cũng là nhằm để nói về bọn xét lại "mới" thuộc phái Hi-um mới và phái Béc-eli mới.¹⁾

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tr. 18.

nhỏ hiện đại. Những bằng cứ không thể chối cãi được đều chứng minh rằng, trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp, nền *sản xuất* lớn có ưu thế về mặt kỹ thuật cũng như về mặt thương nghiệp so với nền sản xuất nhỏ. Nhưng trong nông nghiệp, sản xuất hàng hoá phát triển kém hơn nhiều; các nhà thống kê và kinh tế học hiện đại thường ít biết nêu bật những ngành đặc biệt (đôi khi cả những loại công việc) của nông nghiệp, những ngành này chứng tỏ rằng nông nghiệp đang dần dần bị lôi cuốn vào *hệ thống trao đổi* của nền kinh tế thế giới. Nền sản xuất nhỏ được duy trì trên cảnh điêu tàn của nền kinh tế tự nhiên là do tình trạng thực phẩm ngày càng thiếu, nạn đói xảy ra thường xuyên, ngày lao động kéo dài, chất lượng của gia súc và việc chăn nuôi gia súc sút kém, tóm lại, là nhờ những thủ đoạn giống như những thủ đoạn mà nền sản xuất thủ công đã dùng để đương đầu với công trường thủ công tư bản chủ nghĩa. Mỗi bước tiến của khoa học và kỹ thuật nhất định phải đập đổ một cách tàn nhẫn cơ sở của nền sản xuất nhỏ trong xã hội tư bản chủ nghĩa, và nhiệm vụ của khoa kinh tế xã hội chủ nghĩa là nghiên cứu quá trình ấy trong tất cả các hình thức thường là phức tạp và chằng chịt của nó; là chứng minh cho những người sản xuất nhỏ thấy rằng họ không thể đứng vững dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, kinh tế nông dân trong tình trạng bế tắc, rằng nông dân cần phải đi theo quan điểm của giai cấp vô sản. Trong vấn đề này, bọn xét lại đã mắc sai lầm về phương diện khoa học, vì chúng đã khái quát hời hợt những sự kiện lượm lặt một cách phiến diện, không có liên hệ với toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, và về phương diện chính trị, chúng đã mắc sai lầm, vì đáng lẽ thúc đẩy nông dân đi theo quan điểm của giai cấp vô sản cách mạng, thì chúng lại đã không tránh khỏi, dù là vô tình hay hữu ý, kêu gọi hoặc thúc đẩy nông dân đi theo quan điểm của kẻ hữu sản (nghĩa là quan điểm của giai cấp tư sản).

Trong lý luận về khủng hoảng và lý luận về sự phá sản, bọn xét lại càng sai lầm hơn nữa. Chỉ trong một thời gian rất ngắn và chỉ có những kẻ thiển cận nhất, chịu ảnh hưởng của một vài năm công nghiệp phát đạt và thịnh vượng, mới có thể nghĩ đến việc sửa đổi lại những nguyên lý của học thuyết Mác. Thực tế đã chỉ ra rất sớm cho bọn xét lại thấy rằng thời kỳ khủng hoảng chưa hết: khủng hoảng đã kế tiếp sự phồn vinh. Hình thức, sự kế tục, bộ mặt của một số cuộc khủng hoảng đã thay đổi, nhưng khủng hoảng vẫn là bộ phận cấu thành không thể tránh khỏi của chế độ tư bản chủ nghĩa. Trong khi thống nhất sản xuất thì những các-ten và to-rót cũng đồng thời làm cho tính chất vô chính phủ trong sản xuất, tình trạng đời sống không đảm bảo của giai cấp vô sản và ách áp bức của tư bản ngày càng trầm trọng thêm một cách rõ rệt, do đó, làm cho những mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức độ chưa từng thấy. Chính những to-rót khổng lồ hiện đại đã chứng minh một cách đặc biệt rõ rệt và trên quy mô đặc biệt rộng lớn, rằng chủ nghĩa tư bản đang đi đến phá sản, cả về mặt các cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị riêng biệt lẫn về mặt suy sụp hoàn toàn của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa. Cuộc khủng hoảng tài chính mới đây ở Mỹ, nạn thất nghiệp trầm trọng một cách khủng khiếp ở khắp châu Âu, đây là chưa kể cuộc khủng hoảng công nghiệp mà nhiều triệu chứng đang báo hiệu là sắp nổ ra, tất cả điều đó đã dẫn đến chỗ làm cho mọi người và hình như ngay cả nhiều người trong bọn xét lại, cũng quên mất những "lý luận" mới đây của bọn xét lại. Chỉ có điều là không nên quên những bài học mà giai cấp công nhân đã rút ra được trong tính chất bấp bênh đó của trí thức.

Còn về học thuyết giá trị thì chỉ cần nói rằng, ngoài những câu nói bóng bẩy và những lời than vãn rất lờ mờ theo kiểu Bô-mơ - Ba-véc, bọn xét lại hoàn toàn không đóng góp được tí gì vào học thuyết ấy và do đó, không để lại được dấu vết nào trong sự phát triển của tư tưởng khoa học.

Trong lĩnh vực chính trị, chủ nghĩa xét lại đã mưu toan thật sự xét lại cơ sở của chủ nghĩa Mác, cụ thể là học thuyết về đấu tranh giai cấp. Họ nói với chúng ta rằng tự do chính trị, chế độ dân chủ, quyền đầu phiếu phổ thông sẽ xoá bỏ cơ sở của đấu tranh giai cấp và làm cho luận điểm cũ trong bản "Tuyên ngôn cộng sản": công nhân không có Tổ quốc không còn đúng nữa. Trong chế độ dân chủ, khi "ý chí của đa số" đã thống trị, thì theo họ, người ta không thể coi nhà nước là cơ quan thống trị giai cấp, cũng như không thể từ chối việc liên minh với phái tư sản tiến bộ, xã hội - cải lương, để chống lại bọn phản động.

Không thể chối cãi được rằng những ý kiến phản đối ấy của bọn xét lại chung quy là một hệ thống quan điểm khá chặt chẽ, đó là quan điểm tư sản - tự do chủ nghĩa đã nổi tiếng từ lâu. Phái tự do luôn luôn cho rằng chế độ đại nghị tư sản thủ tiêu được các giai cấp và sự phân chia thành giai cấp, vì bất cứ người công dân nào cũng đều được quyền bầu cử, quyền tham gia công việc của nhà nước. Toàn bộ lịch sử châu Âu trong khoảng nửa cuối thế kỷ XIX, toàn bộ lịch sử cách mạng Nga hồi đầu thế kỷ XX đều vạch rõ những quan điểm ấy là vô lý biết chừng nào. Với thứ tự do của chủ nghĩa tư bản "dân chủ", thì những khác biệt về kinh tế không những không giảm bớt, mà còn tăng thêm và trầm trọng thêm. Chế độ đại nghị không những không làm mất, mà còn làm bộc lộ rõ thực chất của những chế độ cộng hoà tư sản dân chủ nhất, là những cơ quan áp bức giai cấp. Trong khi góp phần vào việc giác ngộ và tổ chức quần chúng nhân dân vô cùng đông đảo hơn số quần chúng nhân dân trước kia đã từng hăng hái tham gia những biến cố chính trị, thì do đó, chế độ đại nghị không dọn đường cho việc thủ tiêu các cuộc khủng hoảng và các cuộc cách mạng chính trị, mà lại dọn đường cho cuộc nội chiến gay gắt nhất trong thời kỳ tiến hành các cuộc cách mạng ấy. Những biến cố ở Pa-ri hồi mùa xuân 1871 và những biến cố ở Nga hồi mùa đông

1905 chứng minh hết sức rõ ràng rằng tình trạng gay gắt ấy nhất định phải xảy ra. Để đề bẹp phong trào vô sản, giai cấp tư sản Pháp không hề ngần ngại một tí nào, đã câu kết với kẻ thù của toàn bộ dân tộc, với quân đội ngoại quốc đã tàn phá Tổ quốc của nó. Kẻ nào không hiểu biện chứng nội tại tất nhiên của chế độ đại nghị và của chế độ dân chủ tư sản, — biện chứng đưa đến giải pháp dùng bạo lực của quần chúng để giải quyết cuộc xung đột một cách kịch liệt hơn trước kia, — thì không bao giờ biết tiến hành trên địa hạt chế độ đại nghị ấy những cuộc tuyên truyền và cổ động kiên định về nguyên tắc và thực sự chuẩn bị cho quần chúng công nhân tham gia những "cuộc xung đột" ấy một cách thắng lợi. Kinh nghiệm về việc liên minh, thoả hiệp và lập khối với phái tự do xã hội - cải lương ở phương Tây, với phái cải lương tự do chủ nghĩa (bọn dân chủ - lập hiến) trong cách mạng Nga, đã chứng minh hùng hồn rằng những thoả hiệp ấy chỉ làm nhụt ý thức của quần chúng, không tăng thêm ý nghĩa thực sự của cuộc đấu tranh của quần chúng mà lại làm giảm ý nghĩa ấy xuống, ràng buộc các chiến sĩ với những phân tử ít khả năng chiến đấu nhất, với những phân tử ngả nghiêng và phản bội nhất. Thuyết Min-lơ-răng²² ở Pháp, — kinh nghiệm lớn nhất về mặt áp dụng sách lược chính trị xét lại trong một phạm vi rộng lớn, thật sự toàn quốc, — đã đánh giá chủ nghĩa xét lại một cách thực tiễn, việc đánh giá này, giai cấp vô sản toàn thế giới sẽ không bao giờ quên được.

Dĩ nhiên đi kèm theo những xu hướng kinh tế và chính trị của phái xét lại là thái độ của phái ấy đối với mục đích cuối cùng của phong trào xã hội chủ nghĩa. Câu nói của Béc-stanh đã trở thành ngạn ngữ: "Phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng là gì cả", biểu lộ bản chất của chủ nghĩa xét lại một cách rõ rệt hơn nhiều lập luận dài dòng. Xác định thái độ của mình tùy theo hoàn cảnh, thích ứng với những sự biến trước mắt, với những biến đổi của những sự kiện chính trị nhỏ nhất, quên mất lợi ích sống còn của

giai cấp vô sản và những nét căn bản của toàn bộ chế độ tư bản chủ nghĩa, của toàn bộ sự tiến triển tư bản chủ nghĩa, hy sinh những lợi ích sống còn ấy vì những lợi ích thực tế hay những lợi ích giả định tạm thời, — đó là chính sách của bọn xét lại. Và từ chính thực chất của chính sách ấy, nảy ra sự thật hiển nhiên là: chính sách ấy có thể mang những hình thức hết sức muôn hình muôn vẻ, và mỗi vấn đề hơi "mới" một chút, mỗi sự thay đổi hơi bất ngờ và đột ngột một chút của những sự biến — dù sự thay đổi ấy chỉ làm thay đổi đường lối căn bản của sự phát triển trong một mức độ rất nhỏ và trong một thời gian ngắn nhất chẳng nữa — nhất định bao giờ cũng để ra những biến tướng này hay những biến tướng khác của chủ nghĩa xét lại.

Chủ nghĩa xét lại không thể tránh được là do nguồn gốc giai cấp của nó ở trong xã hội hiện đại. Chủ nghĩa xét lại là một hiện tượng quốc tế. Bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào có kiến thức một chút và biết suy nghĩ một chút cũng đều không thể mảy may nghi ngờ rằng những quan hệ giữa phái chính thống và phái Béc-stanh ở Đức, giữa phái Ghe-đơ và phái Giô-re-xơ (hiện nay thì nhất là phái Brút-xơ) ở Pháp²³, giữa Liên đoàn dân chủ - xã hội và Đảng công nhân độc lập Anh²⁴, giữa Brúc-ke và Van-đéc-ven-đơ ở Bỉ, giữa phái toàn vẹn và phái cải lương ở Ý²⁵, giữa phái bôn-sê-vích và phái men-sê-vích ở Nga, — bất cứ ở đâu, về thực chất chúng đều giống nhau, mặc dầu trong tình trạng hiện nay, các nước ấy có những điều kiện dân tộc và những yếu tố lịch sử hết sức khác nhau. Ở các nước khác nhau trên thế giới, sự "chia rẽ" trong nội bộ chủ nghĩa xã hội quốc tế hiện nay, về thực chất, ngay từ bây giờ đang diễn ra theo cùng một đường lối, do đó, nó chứng tỏ một bước tiến rất lớn so với những việc đã xảy ra cách đây 30 hay 40 năm về trước, lúc đó, ở các nước, những xu hướng khác biệt trong nội bộ chủ nghĩa xã hội quốc tế thống nhất, đấu tranh với nhau. Ngay cả "chủ nghĩa xét lại cánh tả" xuất hiện ngày nay ở các nước

la-tinh như "chủ nghĩa công đoàn cách mạng"²⁶, cũng "sửa chữa" chủ nghĩa Mác để làm cho nó thích ứng với mình: La-bri-ô-la ở Ý, La-gác-đen-lơ ở Pháp hễ mở miệng là viện đến Mác, từ ông Mác bị hiểu sai, đến ông Mác được hiểu đúng.

Ở đây, chúng ta không thể phân tích nội dung tư tưởng của thứ chủ nghĩa xét lại ấy, nó còn xa mới phát triển được như chủ nghĩa xét lại cơ hội chủ nghĩa, nó chưa được quốc tế hoá, chưa tiến hành một cuộc đấu tranh thực tiễn quan trọng nào với các đảng xã hội chủ nghĩa ở một nước nào cả. Nên chúng ta chỉ bàn về cái "chủ nghĩa xét lại cánh hữu" đã nói ở trên mà thôi.

Cái gì đã làm cho chủ nghĩa xét lại ấy thành ra không thể tránh được trong xã hội tư bản chủ nghĩa? Vì sao nó lại sâu xa hơn những khác biệt của các đặc điểm dân tộc và những trình độ phát triển của chủ nghĩa tư bản? Vì trong mỗi nước tư bản chủ nghĩa, bên cạnh giai cấp vô sản, bao giờ cũng còn có những tầng lớp rộng rãi của giai cấp tiểu tư sản, của các tiểu chủ. Nền sản xuất nhỏ đã đẻ ra và đang không ngừng đẻ ra chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản tất nhiên phải tạo ra một loạt "tầng lớp trung gian" mới (bộ phận phụ của công xưởng, chế độ nhận việc về nhà làm, các xưởng nhỏ rải rác trong toàn quốc do sự đòi hỏi của đại công nghiệp, chẳng hạn như công nghiệp xe đạp và ô-tô, v. v.). Chính những người sản xuất nhỏ mới này cũng không tránh khỏi lại bị rơi vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Hoàn toàn dĩ nhiên là thế giới quan tiểu tư sản vẫn thấm và còn thấm vào hàng ngũ các đảng công nhân rộng rãi. Hoàn toàn dĩ nhiên là tình hình ấy phải như thế và sẽ còn mãi mãi phải như thế cho đến tận khi nổ ra cách mạng vô sản, vì thật là một sai lầm nghiêm trọng nếu tưởng rằng muốn hoàn thành cuộc cách mạng ấy thì đa số dân cư cần phải vô sản hoá "hoàn toàn". Cái mà hiện nay chúng ta đang trải qua, thường chỉ là về mặt tư tưởng: tranh luận về những điểm sửa đổi về mặt lý

luận chủ nghĩa Mác; cái mà hiện nay trong thực tiễn đang thấm vào chỉ là về một số vấn đề riêng biệt của phong trào công nhân thời, như những sự bất đồng về sách lược với bọn xét lại và những sự phân liệt xảy ra trên cơ sở đó, — cái đó giai cấp công nhân nhất định sẽ phải chịu đựng trên những quy mô vô cùng rộng lớn hơn, khi mà cách mạng vô sản làm cho tất cả mọi vấn đề tranh chấp trở nên gay gắt, tập trung tất cả mọi sự bất đồng vào những điểm có ý nghĩa trực tiếp nhất để xác định hành động của quần chúng, khi mà cách mạng vô sản buộc chúng ta, trong cuộc đấu tranh quyết liệt, phải tách kẻ thù ra khỏi bạn, phải gạt bỏ những đồng minh xấu để giáng cho kẻ thù những đòn quyết định.

Cuộc đấu tranh tư tưởng của chủ nghĩa Mác cách mạng chống chủ nghĩa xét lại hồi cuối thế kỷ XIX chỉ là bước đầu của những cuộc chiến đấu cách mạng lớn lao của giai cấp vô sản đang tiến tới thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp của mình, bất chấp tất cả những sự do dự và yếu hèn của những phần tử tiểu tư sản.

ĐI THEO CON ĐƯỜNG MÒN!

Việc đánh giá cuộc cách mạng Nga, tức là đánh giá ba năm đầu của cuộc cách mạng ấy, là một công việc trước mắt. Không vạch rõ được bản chất giai cấp của các chính đảng ở nước ta, không tính đến những lợi ích và mối quan hệ lẫn nhau của các giai cấp trong cuộc cách mạng của chúng ta, thì việc xác định những nhiệm vụ trước mắt và sách lược của giai cấp vô sản không thể tiến được một bước nào. Trong bài báo này chúng tôi muốn lưu ý độc giả đến một trong những mưu toan có tính toán đó.

Trong số 3 của tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội"²⁷ Ph. Đan và G. Plê-kha-nốp đã phát biểu ý kiến, một người thì đánh giá một cách có hệ thống kết quả cuộc cách mạng, một người thì rút ra những kết luận tổng kết về sách lược của đảng công nhân. Việc đánh giá của Đan chung quy là: những hy vọng đặt vào nền chuyên chính của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân chỉ có thể là ảo tưởng. "Có thể có được một hành động cách mạng mới, rộng lớn của giai cấp vô sản hay không... điều đó tùy thuộc rất nhiều vào lập trường của giai cấp tư sản". "Trong những giai đoạn đầu của nó (của cao trào mới), — chừng nào cao trào công nhân cách mạng chưa làm chuyển động được giai cấp tiểu tư sản thành thị, và sự phát triển của cách mạng ở thành thị chưa làm bùng cháy ngọn lửa ở nông thôn, — thì những lực lượng chính

trị chủ yếu đương đầu với nhau vẫn là giai cấp vô sản và giai cấp tư sản".

Rõ ràng là Ph. Đan chưa nói đến những kết luận về sách lược rút ra từ cái thứ "chân lý" ấy. Hiển nhiên là y ngại không dám viết hết những điều rút ra từ chính những lời của y: khuyên giai cấp vô sản áp dụng sách lược lừng tiếng của phái men-sê-vích là ủng hộ giai cấp tư sản (hãy nhớ lại những khối liên minh với bọn dân chủ - lập hiến; việc ủng hộ khẩu hiệu nội các dân chủ - lập hiến; Đu-ma có toàn quyền của Plê-kha-nốp, v. v.). Nhưng Plê-kha-nốp lại bổ sung cho Đan khi ông kết thúc bài báo châm biếm của mình trong số 3 tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" bằng những lời lẽ như sau: "Sẽ là một điều tốt cho nước Nga nếu như trong những năm 1905 - 1906 những người mác-xít Nga có thể tránh được những khuyết điểm mà Mác và Ăng-ghe-n đã vấp phải ở Đức cách đây trên nửa thế kỷ!" (cụ thể là đánh giá thấp khả năng phát triển của chủ nghĩa tư bản lúc bấy giờ và đánh giá quá cao khả năng hoạt động cách mạng của giai cấp vô sản).

Thật là hết sức rõ ràng. Đan và Plê-kha-nốp không gọi thẳng sự vật bằng tên của nó, cố gắng bào chữa một cách khôn khéo chính sách của phái men-sê-vích là làm cho giai cấp vô sản lệ thuộc vào bọn dân chủ - lập hiến. Chúng ta hãy nghiên cứu kỹ lưỡng những "cơ sở lý luận" của họ trong sự việc này.

Đan lập luận như sau: "phong trào nông dân" tùy thuộc vào "sự lớn mạnh và sự phát triển của cuộc cách mạng ở thành thị theo các hướng tư sản và vô sản". Vì vậy cao trào nông dân đi theo sau cao trào "cách mạng ở thành thị", còn sau thoái trào của cách mạng ở thành thị "thì những đối kháng nội tại ở nông thôn bị cao trào cách mạng nén xuống, lại trở nên gay gắt" và "chính sách ruộng đất của chính phủ nhằm chia rẽ nông dân, v. v. lại tương đối có hiệu quả". Từ đó rút ra kết luận mà chúng tôi đã dẫn ra là: trong những giai đoạn

đầu của cao trào mới, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản sẽ là những lực lượng chính trị chủ yếu. Theo ý kiến của Ph. Đan thì "giai cấp vô sản có thể và phải lợi dụng tình hình đó để phát triển cách mạng, sự phát triển này vượt xa *điểm xuất phát* của cao trào cách mạng mới và sẽ dẫn tới hoàn toàn dân chủ hóa xã hội dưới dấu hiệu (sic!¹⁾) giải quyết triệt để (!!) vấn đề ruộng đất".

Có thể thấy một cách dễ dàng rằng lập luận đó được xây dựng hoàn toàn trên sự không hiểu biết *gì hết* về vấn đề ruộng đất trong cuộc cách mạng của chúng ta, rằng sự không hiểu biết đó đã được che đậy một cách rất vụng về bằng những câu rề tiền và trống rỗng về "hoàn toàn dân chủ hóa" "dưới dấu hiệu" "giải quyết" vấn đề.

Ph. Đan cho rằng "những hy vọng đặt vào nền chuyên chính của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân" đang phụ thuộc và đã phụ thuộc vào những thành kiến dân túy chủ nghĩa, vào việc lãng quên những đối kháng bên trong của nông thôn và tính chất cá nhân chủ nghĩa của phong trào nông dân. Đó là những quan điểm men-sê-vích thông thường mà mọi người đã biết từ lâu. Nhưng từ trước tới nay vị tất đã có ai phơi bày tất cả sự ngu xuẩn của những quan điểm ấy một cách nổi bật như Ph. Đan trong bài báo mà chúng ta đang phân tích. Nhà chính luận đáng kính đã khéo tìm cách *không nhận thấy* rằng *cả hai* cách "*giải quyết*" vấn đề ruộng đất mà ông ta đem đối lập với nhau, đều phù hợp với "tính chất cá nhân chủ nghĩa của phong trào nông dân"! Thực ra, cách giải quyết của Xtô-lư-pin mà Đan cho rằng "tương đối có hiệu quả", là dựa trên chủ nghĩa cá nhân của nông dân. Không ai nghi ngờ gì điều đó cả. Thế còn cách giải quyết kia mà Ph. Đan gọi là "triệt để" và gắn liền với việc "hoàn toàn dân chủ hóa xã hội" thì sao? Phải chăng Ph. Đan đáng kính không nghĩ rằng biện pháp đó *không dựa* trên chủ nghĩa cá nhân của nông dân hay sao?

1) – như thế đấy!

Nhưng khốn nỗi sự ngu xuẩn hoàn toàn của Đan đã được che đậy bằng lời nói trống rỗng về "hoàn toàn dân chủ hóa xã hội dưới dấu hiệu giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất". Như một người mù, Đan đã vô ý *đụng phải* hai "giải pháp" về vấn đề ruộng đất mà về mặt khách quan có thể thực hiện được nhưng chưa được lịch sử lựa chọn dứt khoát; Đan không thể hình dung được một cách rõ ràng và chính xác những đặc điểm của *hai* giải pháp đó và những điều kiện của giải pháp này lẫn giải pháp kia.

Tại sao chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin lại có thể "tương đối có hiệu quả"? Vì do sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, trong nông dân nước ta từ lâu đã hình thành hai giai cấp thù địch: giai cấp tư sản nông dân và giai cấp vô sản nông dân. Chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin có thể hoàn toàn thắng lợi được không và điều đó có ý nghĩa như thế nào? Điều đó có thể được, nếu tình hình đặc biệt thuận lợi cho Xtô-lư-pin, và điều đó có nghĩa là vấn đề ruộng đất ở nước Nga tư sản sẽ được "giải quyết" theo ý nghĩa cứng cố *hoàn toàn* (cho đến khi nổ ra cách mạng vô sản) chế độ tư hữu về *toàn bộ* ruộng đất, cả ruộng đất của địa chủ lẫn ruộng đất của nông dân. Đó sẽ là "giải pháp" theo kiểu *Phổ*, nó sẽ thực sự đảm bảo sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, nhưng giải pháp đó vô cùng chậm chạp, đem lại chính quyền lâu dài cho bọn gioong-ke, còn đối với giai cấp vô sản và nông dân thì nó sẽ nghìn lần đau đớn hơn là "giải pháp" khác "về vấn đề ruộng đất", giải pháp này về mặt khách quan là *có thể được* và cũng theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Vì không suy nghĩ kỹ vấn đề, nên Đan gọi giải pháp khác đó là "triệt để". Đó là một từ rề tiền và không có một chút ý nghĩa nào. Giải pháp của Xtô-lư-pin cũng rất triệt để, vì nó triệt để phá vỡ công xã cũ và chế độ ruộng đất cũ ở Nga. Sự khác nhau thực sự giữa giải pháp theo kiểu *nông dân* về vấn đề ruộng đất trong cách mạng tư sản Nga và giải

pháp theo kiểu *Xtô-lư-pin - dân chủ - lập hiến* về vấn đề ruộng đất là ở chỗ: giải pháp thứ nhất chắc chắn xóa bỏ chế độ tư hữu của địa chủ về ruộng đất, nhưng rất có thể xóa bỏ chế độ tư hữu của nông dân (bây giờ chúng tôi chưa bàn đến vấn đề cá biệt đó về những ruộng đất được chia của nông dân, vì ngay đứng trên quan điểm cương lĩnh ruộng đất "địa phương công hữu hóa" của chúng ta hiện nay, thì tất cả lập luận của Đan cũng đều không đúng).

Bây giờ thử hỏi, có thật là giải pháp thứ hai, về mặt khách quan là có thể thực hiện được hay không? Điều đó không còn nghi ngờ gì cả. Về vấn đề này, tất cả những người mác-xít biết suy nghĩ đều đồng ý, vì *nếu không như vậy* thì việc giai cấp vô sản ủng hộ những nguyện vọng của những người sở hữu nhỏ muốn tịch thu điền sản lớn sẽ là một trò bịp bợm phản động. Ở bất kỳ một nước tư bản nào khác cũng đều không có người mác-xít nào thảo ra một bản cương lĩnh ủng hộ nguyện vọng của *nông dân* muốn tịch thu những điền sản lớn. Nhưng ở Nga cả những người bôn-sê-vích lẫn những người men-sê-vích đều đồng ý cho rằng sự ủng hộ đó là cần thiết. Tại sao vậy? Vì đối với nước Nga, về mặt *khách quan*, có thể có một con đường phát triển nông nghiệp tư bản chủ nghĩa *khác*, không phải theo kiểu "Phổ" mà theo kiểu "Mỹ", không phải theo con đường tư sản - địa chủ (hoặc gioong-ke) mà là theo con đường tư sản - nông dân.

Xtô-lư-pin và bọn dân chủ - lập hiến, chế độ chuyên chế và giai cấp tư sản, Ni-cô-lai II và Pi-ốt Xtơ-ru-vê đều thống nhất với nhau rằng cần phải "dọn sạch" theo lối tư bản chủ nghĩa chế độ ruộng đất mục nát ở Nga bằng cách duy trì chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ. Họ chỉ khác nhau ở chỗ duy trì chế độ sở hữu đó như thế nào cho tốt hơn và duy trì đến mức độ nào.

Còn công nhân và nông dân, phái dân chủ - xã hội và phái dân túy (trong đó có phái lao động, phái xã hội chủ nghĩa nhân dân, phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng) đều thống

nhất với nhau rằng phải "dọn sạch" theo lối *tư bản chủ nghĩa* chế độ ruộng đất mục nát ở Nga bằng cách dùng bạo lực thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất của địa chủ. Họ khác nhau ở chỗ là phái dân chủ - xã hội hiểu rằng trong xã hội hiện tại, bất kỳ cuộc cách mạng ruộng đất nào, dù hết sức triệt để đi nữa, bất kỳ việc địa phương công hữu hóa, quốc hữu hóa, xã hội hóa và phân chia ruộng đất nào cũng đều mang tính chất tư bản chủ nghĩa; còn phái dân túy thì không hiểu điều đó, họ dùng những câu nói tiểu tư sản không tưởng về tính chất bình quân để che đậy cuộc đấu tranh của họ cho sự tiến triển của nông nghiệp theo lối tư sản - nông dân chống lại sự tiến triển theo lối tư sản - địa chủ.

Tất cả sự hồ đồ, tất cả sự ngu xuẩn của Ph. Đan là ở chỗ y hoàn toàn không hiểu cơ sở kinh tế của cuộc cách mạng tư sản Nga. Đằng sau những bất đồng ý kiến giữa chủ nghĩa xã hội mác-xít và chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản ở Nga về vấn đề nội dung kinh tế và ý nghĩa của cuộc đấu tranh của nông dân nhằm giành ruộng đất trong cuộc cách mạng hiện nay, y "*đã không nhận thấy*" cuộc đấu tranh của những lực lượng xã hội hiện thực nhằm thúc đẩy sự tiến triển của nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa về mặt khách quan có thể thực hiện được theo con đường này hay con đường khác. Và y đã che đậy sự hoàn toàn không hiểu biết đó của mình bằng những câu nói suông về "tương đối có hiệu quả" của Xtô-lư-pin và về việc "hoàn toàn dân chủ hóa xã hội dưới dấu hiệu giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất".

Trên thực tế, vấn đề ruộng đất hiện nay ở Nga là như sau: muốn cho chính sách của Xtô-lư-pin đạt được thắng lợi, cần phải có nhiều năm để đàn áp bằng bạo lực và tiêu diệt quân chúng nông dân không muốn phải chết đói và bị đuổi khỏi thôn xóm của mình. Trong lịch sử đã có những thí dụ về *thắng lợi* của một chính sách như thế. Nếu chúng ta nói rằng ở Nga một chính sách như thế "không thể" thắng lợi được, thì đó quả là những lời nói suông trống rỗng và

ngu xuẩn của phái dân chủ. Có thể được! Nhưng nhiệm vụ của chúng ta là phải chỉ ra một cách rõ ràng cho nhân dân biết rằng thắng lợi đó phải giành được với một giá như thế nào, và chúng ta phải hết sức đấu tranh cho một con đường khác, con đường phát triển nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa, ngắn hơn và nhanh hơn, *thông qua* cuộc cách mạng nông dân. Trong một nước tư bản mà tiến hành cuộc cách mạng nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản là một việc khó khăn, rất khó khăn, nhưng có thể được, và phải đấu tranh cho cuộc cách mạng ấy. Ba năm cách mạng đã dạy chúng ta và toàn thể nhân dân không những hiểu được là phải đấu tranh cho cuộc cách mạng ấy, mà còn hiểu được là phải đấu tranh như thế nào. Không có một "mảnh khoe" nào của phái men-sê-vích nhằm thực hiện chính sách ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến, lại có thể xóa nhòa được những bài học cách mạng đó khỏi ý thức của công nhân.

Chúng ta hãy tiếp tục. Mặc dù có sự đấu tranh của quần chúng nhưng nếu chính sách của Xtô-lư-pin vẫn đứng vững được khá lâu để cho con đường kiểu "Phổ" đạt được thắng lợi, thì sao? Khi đó chế độ ruộng đất ở Nga sẽ trở thành hoàn toàn tư sản, những nông dân giàu có sẽ chiếm gần hết ruộng đất chia, nông nghiệp sẽ trở thành nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, và dưới *chế độ tư bản chủ nghĩa* thì không có một "giải pháp" nào về vấn đề ruộng đất, dù là triệt để hay không triệt để, có thể thực hiện được cả. Khi đó những người mác-xít có lương tri sẽ trực tiếp và công khai vứt bỏ hoàn toàn mọi thứ "cương lĩnh ruộng đất" và sẽ nói với quần chúng: công nhân đã làm tất cả mọi điều có thể làm được để bảo đảm cho nước Nga phát triển chủ nghĩa tư bản không phải theo kiểu gioong-ke mà theo kiểu Mỹ. Công nhân bây giờ kêu gọi các bạn làm cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản, vì *sau khi* "giải quyết" được vấn đề ruộng đất theo tinh thần Xtô-lư-pin thì *không thể có một* cuộc cách mạng nào khác có khả năng

thay đổi thật sự những điều kiện sinh hoạt kinh tế của quần chúng nông dân cả.

Cách đặt vấn đề quan hệ lẫn nhau giữa cách mạng tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga, vấn đề đã bị Đan đặc biệt làm rối tung lên trong bản dịch tiếng Đức của bài báo tiếng Nga của y ("*Neue Zeit*"²⁸, số 27) là như thế đấy.

Ở nước Nga, ngay cả trên cơ sở con đường giải quyết vấn đề ruộng đất theo kiểu Xtô-lư-pin - dân chủ - lập hiến, những cuộc cách mạng tư sản cũng vẫn có thể xảy ra, thậm chí còn là không tránh khỏi. Nhưng trong những cuộc cách mạng *như thế*, cũng như trong những cuộc cách mạng Pháp năm 1830 và 1848, sẽ không thể nói đến việc "hoàn toàn dân chủ hóa xã hội dưới dấu hiệu giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất". Hay nói cho đúng hơn: trong những cuộc cách mạng như thế, chỉ có bọn *quasi*¹⁾ - xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản mới có thể còn khoác lác về "giải pháp" (đặc biệt "triệt để") trong vấn đề ruộng đất, vấn đề đã được giải quyết trong các nước mà chủ nghĩa tư bản đã được thiết lập.

Nhưng ở nước Nga, chế độ ruộng đất tư bản chủ nghĩa vẫn còn xa mới được thiết lập. Đó là điều rõ ràng không những đối với chúng ta, cả những người men-sê-vích lẫn những người bôn-sê-vích, không những đối với những người có cảm tình với cách mạng và mong muốn một cao trào cách mạng mới, - mà còn rõ ràng ngay cả đối với những người bạn của chế độ chuyên chế Trăm đen và những kẻ thù của cách mạng, cũng triệt để, cũng có ý thức, cũng công khai và táo tợn như ngài Pi-ốt Xtơ-ru-vê. Nếu ông này "kêu la âm ỉ" rằng chúng ta cần có một Bi-xmác, cần biến chế độ phản động thành một cuộc cách mạng từ trên xuống, thì chính vì Xtơ-ru-vê đã *không* thấy cả Bi-xmác lẫn cuộc cách mạng từ trên xuống ở nước ta. Xtơ-ru-vê thấy rằng chỉ có

1) - giả hiệu

dựa vào phe phản động của Xtô-lư-pin và hàng nghìn giá treo cổ thì không đủ để xây dựng được một nước Nga tư sản - địa chủ vững chắc của nông dân làm thuê. Cần phải có một cái gì khác, một cái gì đại loại như việc giải quyết (dù là theo kiểu Bismarck) những nhiệm vụ lịch sử của dân tộc, việc thống nhất nước Đức, việc thi hành quyền đầu phiếu phổ thông. Nhưng Xtô-lư-pin chỉ có thể thống nhất được Đum-bát-dê với những anh hùng của viện bảo tàng Ri-ga²⁹ mà thôi! Thậm chí *phải* hủy bỏ cả cái quyền bầu cử do Vít-te ban hành theo đạo luật ngày 11 tháng Chạp 1905!³⁰ Xtô-lư-pin thậm chí đã phải nghe những yêu sách của "phái lao động" thay mặt cho số nông dân tham gia Đu-ma III, chứ không phải của những nông dân thỏa mãn với chính sách ruộng đất "tương đối có hiệu quả" của Đan!

Pi-ốt Xtơ-ru-vê làm thế nào mà không "kêu la", không rên rỉ và khóc lóc được khi ông thấy rõ ràng rằng nước Nga *chưa* có, vẫn chưa có một bản "hiến pháp" đã được chính lý, khiêm tốn, vừa phải và thích đáng, hạn chế và vững chắc?

Xtơ-ru-vê biết rất rõ rằng y đang đi tới đâu. Còn Ph. Đan thì sau ba năm cách mạng không học tập được điều gì và cũng chưa quên điều gì cả. Như một người mù, y vẫn kéo giai cấp vô sản vào đặt dưới sự che chở của các ngài Xtơ-ru-vê. Y vẫn lẩm bẩm nhắc lại cũng những bài diễn văn men-sê-vích phản động, nói rằng hình như ở nước ta, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản có thể là những "lực lượng chính trị chủ yếu"... nhưng chống lại ai thưa ngài Đan rất đáng kính? chống lại Gu-tơ-cốp chăng? chống lại chế độ quân chủ chăng?

Bài báo tiếng Đức của Ph. Đan chứng minh rằng ở đây y đã đi tới chỗ tỏ hồng một cách quá đáng phái tự do như thế nào. Ngay đối với công chúng Đức, y cũng không thấy hổ thẹn mà kể lại rằng giai cấp tiểu tư sản thành thị đã bầu vào Đu-ma III "những đại biểu cử tri tiến bộ" (nghĩa là bọn dân chủ - lập hiến), còn nông dân thì lựa chọn 40% đại biểu

cử tri phản động! Muôn năm Mi-li-u-cốp và Xtơ-ru-vê, những "người tiến bộ" đã hoan nghênh Xtô-lư-pin! Muôn năm liên minh Đan và Mi-li-u-cốp chống lại những nông dân "phản động" đã biểu lộ tinh thần của phái lao động tại Đu-ma III!

Còn Plê-kha-nốp thì đã xuyên tạc Ăng-ghe-n để chiêu theo chính những lý luận men-sê-vích phản động ấy. Ăng-ghe-n nói rằng sách lược của Mác năm 1848 là *đúng đắn*, rằng nó và chỉ có nó mới thực sự đem lại cho giai cấp vô sản những bài học đúng đắn, chắc chắn, không thể quên được. Ăng-ghe-n nói rằng sách lược đó không thành công, *mặc dù* nó là duy nhất đúng, nó không thành công vì giai cấp vô sản chưa được chuẩn bị đầy đủ và chủ nghĩa tư bản chưa phát triển đầy đủ³¹. Còn Plê-kha-nốp thì chính là để giễu cợt Ăng-ghe-n và làm một trò giải trí cho phái Béc-stanh và Xtơ-ren-txốp, nên đã giải thích Ăng-ghe-n như thể Ăng-ghe-n đã "tỏ ý ân hận" về sách lược của Mác! như thể sau đó Ăng-ghe-n đã thừa nhận rằng sách lược đó là sai lầm và đã ưa thích sách lược ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến Đức hơn!

Phải chăng ngày mai G. Plê-kha-nốp sẽ nói với chúng ta rằng, về cuộc khởi nghĩa năm 1849, Ăng-ghe-n thấy rằng "không nên cầm vũ khí"?

Mác và Ăng-ghe-n đã giáo dục cho giai cấp vô sản một sách lược cách mạng, sách lược phát triển cuộc đấu tranh tới những hình thức cao nhất, sách lược lôi kéo nông dân đi theo giai cấp vô sản, chứ không phải để giai cấp vô sản theo đuôi bọn phản bội thuộc phái tự do.

"Người vô sản", số 29, ngày 16
(29) tháng Tư 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

CÓ KHỐI LIÊN MINH GIỮA PHÁI DÂN CHỦ - LẬP HIẾN VÀ PHÁI THÁNG MƯỜI KHÔNG?

Một bức điện tư gửi từ Pê-téc-bua về tờ "Frankfurter Zeitung"³² ngày 1 (14) tháng Tư báo tin rằng: "Từ cuối tháng Ba, phái tháng Mười³³, phái hữu ôn hòa, phái dân chủ - lập hiến và Đảng canh tân hòa bình³⁴ đang tiến hành những cuộc đàm phán bí mật về vấn đề họ có thể thành lập một *khối liên minh* không. Đề xuất ra kế hoạch này là phái tháng Mười, những người không còn có thể đặt hy vọng vào sự ủng hộ của phái cực hữu nữa. Phái cực hữu đặc biệt bất bình với phái tháng Mười vì việc chất vấn về Đum-bát-dê, có ý định cùng với phái đối lập bỏ phiếu chống lại phái giữa. Biện pháp ấy sẽ gây khó khăn cho công việc của Đu-ma, vì phái cực hữu liên minh với phái đối lập sẽ được 217 phiếu, còn phái giữa và phái hữu ôn hòa sẽ được 223 phiếu. Cuộc họp đầu tiên (bàn về khối liên minh) đã tiến hành vào ngày 12 tháng Tư (30 tháng Ba theo lịch cũ). Trong cuộc họp này có mặt 30 người được bầu ra theo tỷ lệ số người được ủy nhiệm. Cuộc họp này không đưa lại kết quả gì, và người ta đã quyết định triệu tập một cuộc hội nghị mới trong tuần sắp tới".

Tin tức này đáng tin cậy tới mức nào, chúng tôi không biết. Nhưng dù sao, sự im lặng của báo chí Nga không phải

là một bằng chứng phủ nhận tin đó, và chúng tôi thấy cần phải cho độc giả của chúng tôi biết về tin tức của báo chí nước ngoài.

Về nguyên tắc thì việc người ta tiến hành những cuộc đàm phán bí mật không có gì là không thể có cả. Bọn dân chủ - lập hiến với tất cả lịch sử chính trị của họ, từ cuộc đi thăm Vít-te của Xơ-ru-vê vào tháng Mười một 1905, cho đến những cuộc đàm phán lén lút với Tô-rê-pốp và đồng bọn vào mùa hè 1906³⁵, v. v. và v. v., đã *chứng minh* rằng thực chất sách lược của họ là chạy đến bọn cầm quyền bằng cổng sau. Nhưng nếu ngay như tin tức đó về những cuộc hội đàm là không đúng đi nữa, thì cũng không thể nghi ngờ được rằng, *trên thực tế*, tại Đu-ma III³⁶ đang có một khối liên minh mặc nhiên giữa phái dân chủ - lập hiến và phái tháng Mười trên cơ sở phái dân chủ - lập hiến chuyển sang hữu. Cả một loạt những cuộc bỏ phiếu của bọn dân chủ - lập hiến tại Đu-ma III đã chứng minh điều đó một cách không thể bác bỏ được, ấy là chưa nói đến nội dung những bài diễn văn của bọn dân chủ - lập hiến và tính chất những bài phát biểu chính trị của họ.

Ngay từ trước khi Đu-ma III được triệu tập, chúng tôi đã nói rằng tại Đu-ma III có *hai* đa số (xem báo "Người vô sản" và nghị quyết của Hội nghị toàn Nga tháng Mười một 1907 của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga³⁷)¹⁾. Và ngay khi đó chúng tôi đã chứng minh rằng lánh tránh không thừa nhận sự thật đó (như bọn men-sê-vích đã làm), và nhất là lánh tránh không vạch rõ đặc điểm *giai cấp* của cái đa số gồm *phái dân chủ - lập hiến và phái tháng Mười*, thì có nghĩa là bị lồi cuồn theo chủ nghĩa tự do tư sản.

Bản chất giai cấp của bọn dân chủ - lập hiến ngày càng

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 172 - 185 và 214 - 216.

bộ lộ một cách rõ ràng: người nào vào năm 1906 không muốn thấy điều đó thì bây giờ sự thật buộc họ phải *thừa nhận* điều đó hoặc hoàn toàn rơi vào chủ nghĩa cơ hội.

"Người vô sản", số 29, ngày 16
(29) tháng Tư 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ CUỘC CÁCH MẠNG NGA³⁸

Hiện nay ở Nga không ai nghĩ đến việc tiến hành một cuộc cách mạng theo kiểu Mác. Gần đây một tờ báo (men-sé-vích) của phái tự do, – thậm chí gần như là dân chủ, – thậm chí gần như là dân chủ - xã hội, tờ "Bưu cục thủ đô"³⁹, đã tuyên bố như thế hay gần như thế. Cần phải nhận xét công bằng đối với các tác giả của câu châm ngôn đó: họ đã nắm được một cách đúng đắn *thực chất* của tâm trạng chính trị hiện nay và thái độ đối với những bài học của cuộc cách mạng của chúng ta, tâm trạng và thái độ đó rõ ràng đang chiếm ưu thế trong các tầng lớp rộng rãi nhất của giới trí thức, của giai cấp tiểu tư sản trí thức, và có thể là trong nhiều tầng lớp của giai cấp tiểu tư sản hoàn toàn không có học thức.

Câu châm ngôn ấy đã biểu lộ lòng căm thù không những đối với chủ nghĩa Mác nói chung, cùng với niềm tin tưởng không gì lay chuyển nổi của nó vào sứ mệnh cách mạng của giai cấp vô sản, với việc giai cấp vô sản sẵn sàng hết lòng ủng hộ bất kỳ phong trào cách mạng nào của quảng đại quần chúng, sẵn sàng làm cho cuộc đấu tranh thêm gay gắt và tiến hành cuộc đấu tranh đó đến cùng. Không phải chỉ có thế. Ngoài ra câu châm ngôn ấy còn biểu lộ lòng căm thù đối với những phương thức đấu tranh, đối với những phương pháp hành động, đối với sách lược đã được thử thách *thực*

sự trong *thực tiễn rất gần đây* của cách mạng Nga. Tất cả những thắng lợi, – hay nói cho đúng hơn, những thắng lợi một nửa, những thắng lợi một phần tư, – mà cuộc cách mạng của chúng ta đã giành được là hoàn toàn và đặc biệt nhờ ở cuộc tấn công cách mạng trực tiếp của giai cấp vô sản đang lãnh đạo những phần tử không vô sản trong nhân dân lao động. Tất cả những thất bại đều là do cuộc tấn công ấy bị yếu đi, đều là do cái sách lược xa lánh cuộc tấn công đó, mong cuộc tấn công đó không nổ ra và thậm chí đôi khi (như bọn dân chủ - lập hiến) còn công khai mong loại trừ cuộc tấn công ấy nữa.

Hiện nay, trong thời kỳ bọn phản cách mạng khủng bố điên cuồng thì giai cấp tiểu tư sản hèn nhát thích nghi với những ông chủ mới của cuộc sống, cầu cạnh những kẻ nhất thời có quyền hành, phủ nhận quá khứ, cố gắng quên quá khứ, tự làm cho mình và cho người khác tin rằng hiện nay ở Nga không ai còn nghĩ đến việc tiến hành một cuộc cách mạng theo kiểu Mác, không ai nghĩ tới "chuyên chính vô sản", *vân vân*.

Trong những cuộc cách mạng tư sản khác cũng vậy, thắng lợi vật chất của chính quyền cũ đối với nhân dân khởi nghĩa bao giờ cũng đem lại sự chán nản và tan rã trong hàng ngũ đông đảo của giới "có học thức". Nhưng trong các đảng tư sản thực sự đấu tranh cho tự do và đóng một vai trò đáng kể đôi chút trong những sự kiện thực sự cách mạng, bao giờ cũng thấy có những ảo tưởng trái ngược với những ảo tưởng hiện nay đang thịnh hành trong hàng ngũ tiểu tư sản trí thức ở Nga. Đó là những ảo tưởng về thắng lợi tất nhiên, tức khắc và hoàn toàn của "tự do, bình đẳng và bác ái", những ảo tưởng không phải về một nước cộng hòa tư sản, mà về một nước cộng hòa toàn nhân loại, một nước cộng hòa đem lại hòa bình trên trái đất và thiện ý cho con người. Đó là những ảo tưởng về việc không có sự bất hòa về giai cấp trong nội bộ nhân dân bị chế độ quân chủ và chế độ

trung cổ áp bức, về việc không thể dùng bạo lực để chiến thắng "tư tưởng", về sự đối lập tuyệt đối giữa chế độ phong kiến lỗi thời và chế độ mới tự do, dân chủ và cộng hòa, chế độ mà người ta hoàn toàn chưa nhận thức được hay chỉ nhận thức được một cách hết sức lơ mơ về tính chất tư sản của nó.

Vì vậy, trong những thời kỳ thế lực phản cách mạng thống trị, những đại biểu của giai cấp vô sản đạt tới quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học, đã phải đấu tranh (như Mác và Ăng-ghe-nh năm 1850 chẳng hạn) chống lại những ảo tưởng của phái cộng hòa tư sản, chống lại quan niệm duy tâm về truyền thống cách mạng và bản chất của cách mạng, chống lại những lời nói bông đùa đã được đem thay thế cho công tác kiên trì và nghiêm túc trong một giai cấp nhất định⁴⁰. Ở nước ta thì trái lại. Chúng ta không thấy những ảo tưởng về chế độ cộng hòa cổ sơ, những ảo tưởng có thể kìm hãm công việc cấp bách là tiếp tục công tác cách mạng trong những điều kiện mới, đã thay đổi. Chúng ta không thấy người ta *thối phồng* ý nghĩa của chế độ cộng hòa, không thấy người ta biến khẩu hiệu tất yếu đó của cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến và chế độ quân chủ thành một khẩu hiệu của tất cả mọi cuộc đấu tranh giải phóng của tất cả những người lao động và những người bị bóc lột nói chung. Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng⁴¹ và những nhóm gần gũi với họ, đã nuôi dưỡng những tư tưởng *giống như thế* thì chỉ còn lại những nhóm rất ít, và trong thời kỳ ba năm bão táp cách mạng (1905 - 1907) đã đem lại cho họ một đảng mới của những người tiểu thị dân *cơ hội chủ nghĩa* tức những người xã hội chủ nghĩa nhân dân⁴², và tăng cường thêm sự nổi loạn chống lại chính trị và chủ nghĩa vô chính phủ, chứ không phải là đem lại cho họ một sự say mê rộng rãi đối với chế độ cộng hòa.

Ở nước Đức tiểu tư sản, ngày hôm sau cuộc tấn công thứ nhất của cách mạng năm 1848, những ảo tưởng về chế độ

dân chủ cộng hòa tiểu tư sản đã bộc lộ một cách rõ ràng. Ở nước Nga tiểu tư sản, ngày hôm sau cuộc tấn công của cách mạng năm 1905, những ảo tưởng của chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản đã bộc lộ và đang không ngừng bộc lộ một cách rõ ràng, chủ nghĩa cơ hội tiểu tư sản này hy vọng đạt được một sự thỏa hiệp mà không có đấu tranh, nó sợ đấu tranh và sau lần thất bại đầu tiên, nó vội vàng từ bỏ cái dĩ vãng của nó và đầu độc bầu không khí xã hội bằng sự chán nản, hèn nhát và phản bội.

Rõ ràng là sự khác nhau ấy bắt nguồn từ sự khác nhau trong chế độ xã hội và trong hoàn cảnh lịch sử của hai cuộc cách mạng. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ quần chúng dân cư tiểu tư sản ở Nga mâu thuẫn ít gay gắt hơn với chế độ cũ. Chính là ngược lại. Ngay trong thời kỳ đầu của cuộc cách mạng Nga, giai cấp nông dân nước ta đã tạo nên một phong trào ruộng đất vô cùng mạnh mẽ hơn, rõ ràng hơn, có ý thức chính trị hơn so với trong những cuộc cách mạng tư sản trước đây của thế kỷ XIX. Vấn đề là ở chỗ tầng lớp trước kia vốn là hạt nhân của phái dân chủ cách mạng ở châu Âu, - thợ thủ công trong các công xưởng thành thị, giai cấp tư sản thành thị và giai cấp tiểu tư sản, - thì nay ở Nga *đã phải* quay về chủ nghĩa tự do phản cách mạng. Sự giác ngộ của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa sát cánh với đạo quân quốc tế của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, - tính chất cực kỳ cách mạng của người mu-gích mà hàng thế kỷ áp bức của bọn chủ nô đã đẩy vào một tình trạng hết sức tuyệt vọng và đưa tới chỗ đòi tịch thu ruộng đất của địa chủ, - đó là những hoàn cảnh đã đẩy phái tự do Nga vào lòng bọn phản cách mạng một cách mạnh mẽ hơn nhiều so với phái tự do châu Âu. Vì vậy nhiệm vụ sau đây đã được đặt ra cho giai cấp công nhân Nga một cách đặc biệt mạnh mẽ: duy trì truyền thống đấu tranh cách mạng mà tầng lớp trí thức và tiểu tư sản đang vội vã từ bỏ; phát triển và củng cố những truyền thống ấy, làm cho nó thâm

nhập vào ý thức của quảng đại quần chúng nhân dân, đưa những truyền thống ấy tới cao trào sắp tới của phong trào dân chủ nhất định sẽ xảy ra.

Chính công nhân đang thực hiện một cách tự phát con đường ấy. Họ đã sống một cách quá hăng say những ngày đấu tranh vĩ đại hồi tháng Mười và tháng Chạp. Họ đã thấy một cách quá rõ ràng rằng *chỉ* có cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp ấy mới có thể thay đổi được tình cảnh của họ. Bây giờ họ nói hay ít nhất mọi người cũng cảm thấy như người thợ dệt kia đã tuyên bố trong bức thư gửi cơ quan ngôn luận của công đoàn của mình: những chủ xưởng đã cướp những thành quả của chúng tôi, những người giúp việc đóc công lại nhạo báng chúng tôi như trước đây, *nhưng hãy chờ đợi, sẽ lại có một năm 1905 nữa.*

Hãy chờ đợi, sẽ lại có một năm 1905 nữa. Công nhân quan niệm như vậy đó. Đối với họ, năm đấu tranh ấy đã nêu một tấm gương về *điều cần phải làm*. Đối với những phần tử trí thức và tiểu tư sản phản bội, thì đó là "một năm điên rồ", là một tấm gương về *điều không nên làm*. Đối với giai cấp vô sản, phân tích và tiếp thu một cách có phê phán kinh nghiệm cách mạng phải là ở chỗ học tập cách vận dụng *có hiệu quả hơn* những phương pháp đấu tranh *lúc bấy giờ*, làm cho một cuộc bãi công như cuộc bãi công tháng Mười và một cuộc đấu tranh vũ trang như cuộc đấu tranh vũ trang tháng Chạp trở nên rộng rãi hơn, tập trung hơn và có ý thức hơn. Đối với phái tự do phản cách mạng lôi kéo theo sau nó bọn trí thức phản bội, thì tiếp thu kinh nghiệm cách mạng phải là ở chỗ vĩnh viễn tránh khỏi sự khích động "ngây thơ" của cuộc đấu tranh "man rợ" của quần chúng, thay thế nó bằng hoạt động *lập hiến*, "có văn hóa, văn minh" trên cơ sở "chế độ lập hiến" của Xtô-lư-pin.

Bây giờ tất cả mọi người đều nói đến việc tiếp thu và kiểm tra có phê phán kinh nghiệm cách mạng. Những người xã hội chủ nghĩa và phái tự do đều nói đến điều ấy. Bọn

cơ hội chủ nghĩa và những người dân chủ - xã hội cách mạng cũng nói. Nhưng không phải ai cũng hiểu rằng tất cả mọi giải pháp nhiều màu nhiều vẻ để tiếp thu kinh nghiệm cách mạng đều ngả nghiêng chính là giữa hai sự đối lập *nói trên*. Không phải mọi người đều đặt vấn đề một cách rõ ràng: chúng ta phải tiếp thu và giúp đỡ quần chúng tiếp thu được kinh nghiệm đấu tranh cách mạng để tiến hành một cuộc đấu tranh triệt để hơn, bền bỉ hơn và kiên quyết hơn, hay là chúng ta phải tiếp thu và truyền lại cho quần chúng "kinh nghiệm" phản bội cách mạng của bọn dân chủ - lập hiến?

Trong tác phẩm lý luận cơ bản của mình, Các-lơ Cau-xky đã đề cập đến vấn đề này. Trong lần xuất bản thứ hai tác phẩm "Cách mạng xã hội" nổi tiếng của ông, tác phẩm đã được dịch ra tất cả các thứ tiếng chủ yếu ở châu Âu, ông đã đưa ra một loạt điều bổ sung và sửa đổi có quan hệ đến kinh nghiệm cách mạng Nga. Lời tựa cho lần xuất bản thứ hai in hồi tháng Mười 1906, như thế có nghĩa là tác giả đã có tài liệu để nhận xét không những về "cuộc bão táp và tấn công" năm 1905, mà còn về những sự kiện chủ yếu của "thời kỳ dân chủ - lập hiến" của cuộc cách mạng của chúng ta, thời kỳ mà mọi người (hầu hết mọi người) đều say mê với những thắng lợi bầu cử của bọn dân chủ - lập hiến và với Đu-ma I.

Vậy thì trong kinh nghiệm cách mạng Nga, Cau-xky cho những vấn đề gì là những vấn đề khá lớn và khá căn bản, hay ít ra cũng là những vấn đề khá quan trọng có thể làm tài liệu *mới* cho một người mác-xít đang nghiên cứu *một cách tổng quát* về "hình thức và vũ khí của cách mạng xã hội" (đó là đầu đề của tiết 7 trong tác phẩm của Cau-xky, tức là tiết đã được bổ sung để thuyết minh về kinh nghiệm những năm 1905 - 1906)?

Tác giả đã lấy hai vấn đề.

Một là, vấn đề thành phần giai cấp của những lực lượng

có khả năng giành được thắng lợi trong cách mạng Nga, làm cho cuộc cách mạng đó thật sự thắng lợi.

Hai là, vấn đề ý nghĩa của những hình thức cao nhất — xét theo hướng sử dụng nghị lực cách mạng và xét theo tính chất tấn công của những hình thức đó — của cuộc đấu tranh của quần chúng, những hình thức mà cuộc cách mạng Nga đã đề ra, cụ thể là cuộc đấu tranh tháng Chạp, tức là cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Bất kỳ người xã hội chủ nghĩa nào (đặc biệt là người mác-xít) có thái độ chín chắn đôi chút đối với các sự biến của cuộc cách mạng Nga, cũng phải thừa nhận rằng đó là những vấn đề thật sự cơ bản, có tính chất nền tảng trong việc đánh giá cuộc cách mạng Nga, cũng như trong việc đánh giá đường lối sách lược mà tình hình hiện nay đề ra cho đảng công nhân. Nếu chúng ta không hiểu đầy đủ, rõ ràng rằng những giai cấp nào, do những điều kiện kinh tế khách quan, có thể làm cho cuộc cách mạng tư sản ở Nga giành được thắng lợi, thì những lời lẽ của chúng ta về nguyện vọng làm cho cuộc cách mạng ấy giành được thắng lợi, chỉ là những lời lẽ trống rỗng, chỉ là lời nói ba hoa về dân chủ, sách lược của chúng ta trong cuộc cách mạng tư sản tất nhiên sẽ trở thành vô nguyên tắc và ngả nghiêng.

Mặt khác, để xác định cụ thể sách lược của đảng cách mạng trong những thời kỳ sóng gió nhất của cuộc khủng hoảng toàn quốc mà đất nước trải qua, nếu chỉ nêu lên những giai cấp có khả năng hành động theo tinh thần hoàn thành thắng lợi cuộc cách mạng, thì rõ ràng vẫn là chưa đủ. Thời kỳ cách mạng khác với thời kỳ gọi là phát triển hòa bình, khác với thời kỳ trong đó những điều kiện kinh tế chưa gây ra những cuộc khủng hoảng sâu sắc, chưa làm nảy sinh những phong trào quần chúng mạnh mẽ — ở chỗ là: trong những thời kỳ thuộc loại thứ nhất, cuộc đấu tranh tất nhiên mang những hình thức phong phú hơn nhiều, trong đó cuộc đấu tranh trực tiếp cách mạng của quần chúng chiếm

địa vị ưu thế so với hoạt động tuyên truyền và cổ động của các lãnh tụ trong nghị viện, trên báo chí, v.v.. Vì vậy, trong khi đánh giá những thời kỳ cách mạng, nếu chúng ta chỉ đóng khung trong việc xác định đường lối hoạt động của các giai cấp khác nhau mà không phân tích những hình thức đấu tranh của những giai cấp đó, thì lập luận của chúng ta, đứng về phương diện khoa học mà nói, sẽ không đầy đủ, không biện chứng, và đứng về phương diện chính trị - thực tiễn mà nói, sẽ biến thành một lối thuyết giáo cứng nhắc (xin mở dấu ngoặc để nói rằng đồng chí Plê-kha-nốp, trong những bài của mình viết về sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng Nga, cũng thỏa mãn đến chín phần mười với lối thuyết giáo đó).

Đứng về quan điểm duy vật biện chứng, để đánh giá cuộc cách mạng một cách thực sự mác-xít, thì cần phải đánh giá nó như cuộc đấu tranh của những lực lượng xã hội sinh động, những lực lượng này được đặt trong những điều kiện khách quan nhất định, hoạt động như thế nào đó và áp dụng một cách có kết quả nhiều hay ít những hình thức đấu tranh nào đó. Trên cơ sở phân tích như thế, và tất nhiên chỉ có trên cơ sở ấy, thì việc đánh giá về phương diện kỹ thuật của cuộc đấu tranh, đánh giá những vấn đề kỹ thuật của nó, mới hoàn toàn đúng chỗ và hơn nữa, mới cần thiết đối với một người mác-xít. Thừa nhận một hình thức đấu tranh nhất định mà không thừa nhận sự cần thiết phải học tập kỹ thuật của cuộc đấu tranh đó, thì chẳng khác gì như chúng ta thừa nhận cần phải tham gia những cuộc bầu cử nào đó mà không đếm xỉa đến đạo luật quy định kỹ thuật của các cuộc bầu cử ấy.

Bây giờ chúng ta chuyển sang câu trả lời của Cau-xky về hai câu hỏi đã nêu ở trên, những câu hỏi mà ai cũng biết là đã gây nên những cuộc tranh luận kéo dài và sôi nổi giữa những người dân chủ - xã hội Nga trong suốt thời kỳ cách mạng, từ mùa xuân 1905, khi Đại hội III bôn-sê-vích của

Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Luân-đôn⁴³ và cuộc hội nghị của phái men-sê-vích tiến hành trong cùng thời gian đó ở Giơ-ne-vo⁴⁴, đã quy định trong các nghị quyết chính xác những cơ sở nguyên tắc của sách lược của mình, cho đến Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thống nhất họp vào mùa xuân 1907⁴⁵.

Về vấn đề thứ nhất, Cau-xky trả lời như sau. Ông nói rằng, ở Tây Âu, giai cấp vô sản bao gồm một số rất đông dân cư. Vì vậy, thắng lợi của nền dân chủ ở châu Âu hiện nay có nghĩa là giai cấp vô sản giành được địa vị thống trị về chính trị. "Ở Nga, trong điều kiện nông dân chiếm đa số trong dân cư, thì không thể trông chờ vào điều đó được. Tất nhiên, ngay cả ở Nga, thắng lợi của Đảng dân chủ - xã hội trong một tương lai gần đây (theo tiếng Đức: absehbar, có nghĩa là có thể nhìn thấy, trong tầm mắt) không phải không thể có được, nhưng thắng lợi ấy chỉ có thể là sự nghiệp của khối liên minh (Koalition) của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân". Và thậm chí Cau-xky còn nói rằng thắng lợi ấy tất nhiên sẽ thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng vô sản ở Tây Âu.

Như thế là chúng ta thấy rằng khái niệm cách mạng tư sản vẫn chưa xác định được một cách đầy đủ những lực lượng có thể giành thắng lợi trong cuộc cách mạng ấy. Có thể có và đã có những cuộc cách mạng tư sản trong đó giai cấp tư sản thương nghiệp hay giai cấp tư sản công thương nghiệp đóng vai trò động lực chủ yếu. Những cuộc cách mạng đó có thể giành được thắng lợi, với tính cách là thắng lợi của tầng lớp tư sản đó đối với kẻ thù của nó (như tầng lớp quý tộc có đặc quyền đặc lợi hay là chế độ quân chủ chuyên chế). Ở Nga thì tình hình lại khác. Ở nước ta không thể có thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản, với tính cách là thắng lợi của giai cấp tư sản. Điều đó có vẻ ngược đời, nhưng đó là sự thật. Việc nông dân chiếm đa số trong dân cư, việc đại địa chủ chủ nô (một nửa) đàn áp họ một cách khùng khiếp, sức mạnh và sự giác ngộ của giai cấp vô sản

đã được tổ chức thành một đảng xã hội chủ nghĩa, — tất cả những điều đó đem lại cho cuộc cách mạng tư sản ở nước ta một tính chất *đặc biệt*. Đặc điểm ấy không xóa bỏ được tính chất tư sản của cuộc cách mạng (như Mác-tốp và Plê-kha-nốp đã cố gắng trình bày trong những lời nhận xét rất không đạt của họ về lập trường của Cau-xky). Đặc điểm ấy chỉ quyết định tính chất phản cách mạng của giai cấp tư sản nước ta và sự cần thiết phải có chuyên chính của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân để cho cuộc cách mạng *ấy* giành được thắng lợi. Bởi vì "khối liên minh của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân", khối liên minh giành được *thắng lợi* trong cuộc cách mạng tư sản, không phải cái gì khác hơn là nền chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân.

Tình hình này là khởi điểm của những sự bất đồng ý kiến về sách lược trong nội bộ Đảng dân chủ - xã hội vào thời kỳ cách mạng. Chỉ có chú ý đến điều đó mới có thể hiểu được tất cả những cuộc tranh cãi về những điểm riêng biệt (về vấn đề ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến nói chung, về khối liên minh cánh tả và tính chất của nó, v v.) và hiểu được tất cả những cuộc xung đột xảy ra trong những trường hợp cá biệt. Chỉ có sự bất đồng ý kiến căn bản về sách lược ấy, chứ tuyệt nhiên không phải là "chủ nghĩa chiến đấu" hay "chủ nghĩa tẩy chay", như một đôi khi những người không thông hiểu vấn đề nghĩ như vậy, — mới là *nguồn gốc* của sự bất đồng ý kiến giữa những người bên-sê-vích và men-sê-vích trong thời kỳ thứ nhất của cuộc cách mạng (1905 - 1907).

Cần hết sức nhấn mạnh sự cần thiết phải rất chú ý nghiên cứu nguồn gốc đó của sự bất đồng ý kiến, và đứng *trên quan điểm đã được vạch ra* để phân tích kinh nghiệm của hai Đuma và kinh nghiệm đấu tranh trực tiếp của nông dân. Nếu *bây giờ* chúng ta không tiến hành công tác ấy, thì sau này chúng ta sẽ không thể tiến thêm được một bước nào về mặt sách lược trong cao trào sắp tới mà lại không gây ra những

cuộc tranh luận cũ hay những cuộc xung đột bè phái và sự bất hòa trong nội bộ đảng. Thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với phái tự do và phái dân chủ - tư sản nông dân phải được xác định trên cơ sở kinh nghiệm của cách mạng Nga. Nếu không chúng ta sẽ không có được sách lược kiên định và có tính nguyên tắc của giai cấp vô sản. Nhân tiện chúng ta cũng nêu ra rằng "khối liên minh giữa giai cấp vô sản và giai cấp nông dân" bất kỳ trong trường hợp nào cũng không thể được hiểu là sự hợp nhất của những giai cấp khác nhau hay của đảng của giai cấp vô sản và đảng của giai cấp nông dân. Không những sự hợp nhất mà ngay cả bất kỳ sự thỏa hiệp lâu dài nào cũng sẽ nguy hại đối với đảng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân và *lâm suy yếu* cuộc đấu tranh dân chủ - cách mạng. Nông dân tất nhiên sẽ do dự giữa giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và giai cấp vô sản, điều đó xuất phát từ địa vị giai cấp của nó, và cách mạng của chúng ta đã có nhiều thí dụ về điểm đó trong những lĩnh vực đấu tranh hết sức khác nhau (cuộc tẩy chay Đu-ma của Vít-te; các cuộc bầu cử; phái lao động tại Đu-ma I và Đu-ma II, v. v.). Chỉ có tiến hành một cách hoàn toàn độc lập chính sách tiên phong cách mạng, giai cấp vô sản mới có thể tách nông dân ra khỏi phái tự do, làm cho họ thoát khỏi ảnh hưởng của chúng, lôi kéo họ đi theo mình trong quá trình đấu tranh, và như vậy sẽ thực hiện được "khối liên minh" *trong thực tế*, khối liên minh này được thực hiện khi nào và trong chừng mực nào mà nông dân tiến hành đấu tranh cách mạng. Không ve vãn phái lao động, mà phê phán thẳng tay sự yếu hèn và dao động của họ, tuyên truyền tư tưởng của một đảng nông dân cộng hòa và cách mạng, như vậy mới có thể thực hiện được "khối liên minh" của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân nhằm *chiến thắng* kẻ thù chung, chứ không phải để chơi cái trò liên minh và thỏa hiệp.

Đặc điểm của cuộc cách mạng tư sản Nga mà chúng tôi đã nêu ra, làm cho nó khác với những cuộc cách mạng tư

sản khác của thời cận đại, nhưng lại làm cho nó gần gũi với những cuộc cách mạng tư sản *vĩ đại* của thời kỳ cũ, khi giai cấp nông dân đóng một vai trò cách mạng xuất sắc. Về mặt này, rất đáng chú ý là những lời mà Phri-đrich Ăng-ghe-n đã viết trong bài báo có tư tưởng rất sâu xa và rất phong phú: "Bàn về chủ nghĩa duy vật lịch sử" (lời tựa bằng tiếng Anh viết cho cuốn "Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học" mà chính Ăng-ghe-n đã dịch ra tiếng Đức trong báo "Neue Zeit", 1892 - 1893, năm XI, tập 1). Ăng-ghe-n nói rằng: "Một hiện tượng độc đáo là trong cả ba cuộc cách mạng vĩ đại của giai cấp tư sản" (cuộc cải cách ở Đức và cuộc chiến tranh nông dân thế kỷ XVI; cuộc cách mạng Anh thế kỷ XVII; cuộc cách mạng Pháp thế kỷ XVIII), "các đội quân chiến đấu đều là nông dân. Mà chính nông dân lại là giai cấp, sau khi giành được thắng lợi, nhất định sẽ bị phá sản do hậu quả kinh tế của thắng lợi ấy. Một trăm năm sau Crôm-oen, nông dân Anh (yeomanry) hầu như hoàn toàn biến mất. Thế nhưng chỉ do sự tham gia của người nông dân ấy và những phần tử lê dân ở thành thị mà cuộc đấu tranh được kiên quyết tiến hành đến cùng và Các-ơ I phải bước lên đoạn đầu đài. Muốn cho giai cấp tư sản có thể thu được dù chỉ là những thành quả thắng lợi khi đó đã hoàn toàn chín muồi để có thể thu được rồi, — muốn thế cần phải đưa cách mạng vượt xa mục đích đó nhiều hơn nữa. Tình hình ở Pháp năm 1793 và ở Đức năm 1848 giống hệt như thế. Có lẽ, trên thực tế, đó là một trong những quy luật phát triển của xã hội tư sản". Cũng trong bài báo ấy, ở một chỗ khác, Ăng-ghe-n chỉ ra rằng cuộc cách mạng Pháp "là một cuộc khởi nghĩa đầu tiên trong đó cuộc đấu tranh được tiến hành đến cùng, đến chỗ tiêu diệt hoàn toàn một bên tham chiến, tức là bọn quý tộc, và đến chỗ làm cho bên kia, tức là giai cấp tư sản, thu được thắng lợi hoàn toàn"⁴⁶.

Tiến trình của cách mạng Nga đã chứng thực một cách tuyệt vời cả hai điều quan sát hay khái quát có ý nghĩa

lịch sử của Ăng-ghe-n. Một điều nữa cũng được xác nhận, đó là: chỉ có sự tham gia của nông dân và của giai cấp vô sản, "của những phân tử lê dân ở thành thị", mới có khả năng đẩy mạnh cuộc cách mạng tư sản tiến lên (nếu đối với nước Đức ở thế kỷ XVI, nước Anh ở thế kỷ XVII và nước Pháp ở thế kỷ XVIII có thể đặt nông dân lên hàng đầu, thì ở Nga vào thế kỷ XX, lẽ tất nhiên cần phải lật ngược lại quan hệ ấy, vì không có tinh thần chủ động và sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, thì nông dân là con số không). Một điều nữa cũng được xác nhận, đó là: cần phải đưa cuộc cách mạng *tiến xa hơn nhiều* so với những mục đích tư sản trước mắt, trực tiếp, đã hoàn toàn chín muồi của nó, để thực sự thực hiện được những mục đích *đó*, để vĩnh viễn củng cố những thành quả tối thiểu của giai cấp tư sản. Vì vậy có thể phán đoán rằng Ăng-ghe-n sẽ có thái độ khinh bỉ như thế nào đối với những biện pháp tiểu tư sản chỉ muốn đặt trước cuộc cách mạng vào khuôn khổ tư sản hoàn toàn và vào khuôn khổ tư sản chật hẹp, "để giai cấp tư sản khởi xa rời", như bọn men-sê-vích ở Cáp-ca-dơ đã nói trong nghị quyết năm 1905 của họ, hay để "đảm bảo tránh sự phục hồi", như Plê-kha-nốp đã nói ở Xtốc-khôn!

Một vấn đề khác, về việc đánh giá cuộc khởi nghĩa tháng Chạp 1905, Cau-xky đã phân tích trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ hai cuốn sách của ông. Ông viết rằng: "Bây giờ tôi không thể khẳng định một cách dứt khoát, như tôi đã khẳng định năm 1902, rằng những cuộc khởi nghĩa vũ trang và những cuộc chiến đấu trên chiến lũy sẽ không đóng một vai trò quyết định trong những cuộc cách mạng sau này. Kinh nghiệm chiến đấu trên đường phố ở Mát-xcơ-va đã chứng minh ngược lại điều đó một cách quá rõ ràng, khi mà trong suốt một tuần lễ, một nhóm người trong cuộc chiến đấu trên chiến lũy đã cầm cự chống lại cả một đạo quân và gần như đã chiến thắng, nếu sự thất bại của phong trào cách mạng ở các thành phố khác không tạo khả năng cho

người ta gửi viện binh đến cho đạo quân đó để cuối cùng tập trung được một lực lượng vô vùng đông hơn chống lại nghĩa quân. Tất nhiên, sở dĩ cuộc chiến đấu trên chiến lũy đó có thể thu được thắng lợi tương đối chỉ là vì dân cư thành thị đã kiên quyết ủng hộ những người cách mạng, và quân đội đã hoàn toàn mất tinh thần. Nhưng ai có thể khẳng định một cách dứt khoát rằng một điều tương tự lại không thể xảy ra ở Tây Âu?"

Như thế là, gần một năm sau cuộc khởi nghĩa, khi không còn có thể mãi mê với mục đích trực tiếp giữ vững tinh thần phấn khởi của nghĩa quân, thì một nhà nghiên cứu thận trọng như Cau-xky vẫn kiên quyết thừa nhận rằng cuộc khởi nghĩa Mát-xcơ-va là "một thắng lợi tương đối" của cuộc chiến đấu trên chiến lũy và cho rằng cần phải sửa lại kết luận chung của ông nói rằng những cuộc chiến đấu ngoài đường phố không có thể đóng một vai trò to lớn trong những cuộc cách mạng tương lai.

Cuộc đấu tranh tháng Chạp 1905 *chứng minh* rằng khởi nghĩa vũ trang *có thể* chiến thắng trong những điều kiện kỹ thuật quân sự và tổ chức quân sự hiện đại. Cuộc đấu tranh tháng Chạp đã cho thấy rằng toàn bộ phong trào công nhân quốc tế từ nay trở đi chắc sẽ phải chú ý đến khả năng sử dụng những loại hình thức chiến đấu tương tự trong những cuộc cách mạng vô sản sắp tới. Đó là những kết luận thực sự rút ra từ kinh nghiệm cách mạng của chúng ta, — đó là những bài học mà quân chúng đông đảo nhất cần phải nắm vững. Những kết luận ấy và những bài học ấy thật là cách xa biết bao với *đường lối* lập luận của Plê-kha-nốp trong lời bình luận nổi tiếng kiểu Ê-rô-xtơ-rát của ông về cuộc khởi nghĩa tháng Chạp: "lẽ ra không nên cầm vũ khí"⁴⁷. Sự đánh giá như vậy đã gây ra biết bao lời bình luận phản bội! Biết bao bàn tay nhơ bẩn của phái tự do đã búi lấy những lời bình luận phản bội ấy để đem sự trụy lạc và tinh thần thỏa hiệp tiểu tư sản vào trong quần chúng công nhân!

Trong lời đánh giá của Plê-kha-nốp không có chút sự thật lịch sử nào cả. Nếu như nửa năm trước Công xã, Mác tuy có nói rằng khởi nghĩa sẽ là một sự điên rồ, nhưng vẫn biết đánh giá "sự điên rồ" đó là một phong trào quần chúng vĩ đại nhất của giai cấp vô sản của thế kỷ XIX, như thế thì những người dân chủ - xã hội Nga ngày nay lại càng có hàng ngàn lý do hơn Mác trước kia để thuyết phục quần chúng tin tưởng rằng sau Công xã thì cuộc đấu tranh tháng Chạp là một phong trào vô sản tất yếu nhất, chính đáng nhất và vĩ đại nhất. Giai cấp công nhân Nga sẽ được giáo dục đúng theo những quan điểm như vậy, bất chấp những phần tử trí thức nào đó trong Đảng dân chủ - xã hội có nói năng, khóc lóc như thế nào đi nữa.

Ở đây có lẽ cần phải có một nhận xét, vì bài báo này viết cho các đồng chí Ba-lan. Rất tiếc là tôi không biết tiếng Ba-lan và tôi chỉ được nghe nói về những điều kiện ở Ba-lan. Người ra rất có thể phản đối ý kiến của tôi mà cho rằng chính ở Ba-lan cả một đảng đã bị thất bại do những hoạt động du kích bất lực, do những hoạt động khủng bố và do những cuộc bùng nổ có tính chất khoa trương được tiến hành chính là nhân danh những truyền thống khởi nghĩa và cuộc đấu tranh chung của giai cấp vô sản và nông dân (cái gọi là "cánh hữu" của PPS⁴⁸). Rất có thể là đứng trên quan điểm ấy mà xét, những điều kiện ở Ba-lan thật sự khác về căn bản so với những điều kiện của các địa phương khác ở nước Nga. Tôi không thể xét đoán gì về điều đó. Nhưng tôi phải nêu lên một điều là trừ Ba-lan ra, không có nơi nào chúng tôi lại thấy có hiện tượng đi chệch khỏi sách lược cách mạng một cách vô nghĩa như vậy, khiến người ta phải phản kháng và chống lại một cách chính đáng. Ở đây, tự nhiên người ta phải nảy ra ý nghĩ là: chính ở Ba-lan vào tháng Chạp 1905 đã không có một cuộc đấu tranh vũ trang có tính chất quần chúng như vậy! Và chẳng phải là do sách lược sai lệch và viển vông của chủ nghĩa vô chính phủ là chủ nghĩa

đang "nặng ra" cách mạng, đã chiếm ưu thế ở chính Ba-lan và chỉ ở Ba-lan hay sao; chẳng phải là các điều kiện không cho phép một cuộc đấu tranh vũ trang có tính chất quần chúng phát triển ở đó, dù chỉ trong một thời gian ngắn, hay sao? Phải chăng cái truyền thống của chính một cuộc đấu tranh *như thế*, tức truyền thống của cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp, đôi khi lại không phải là thủ đoạn duy nhất quan trọng để khắc phục những khuynh hướng vô chính phủ trong nội bộ đảng công nhân không phải bằng cách dựa vào một nền đạo đức cứng nhắc của người tiểu thị dân phi-li-xtanh, mà bằng cách rời bỏ hành động bạo lực không mục đích, viển vông, phân tán, để đi theo hành động bạo lực có mục đích, có tính chất quần chúng, gắn liền với một phong trào rộng rãi và với việc tăng cường cuộc đấu tranh trực tiếp của giai cấp vô sản, hay sao?

Vấn đề đánh giá cuộc cách mạng của chúng ta hoàn toàn không phải chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn có một ý nghĩa thực tiễn cấp bách, trực tiếp nhất. Tất cả công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức của chúng ta trong lúc này đều luôn luôn gắn liền với quá trình những quần chúng rộng rãi nhất trong giai cấp công nhân và trong quần chúng nửa vô sản thấm nhuần những bài học của ba năm vĩ đại. Lúc này chúng ta không thể chỉ đóng khung trong việc đơn thuần tuyên bố (theo tinh thần nghị quyết Đại hội X của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cánh tả") rằng điều kiện hiện hay chưa cho phép xác định xem trước mắt chúng ta hiện giờ là con đường bùng nổ cách mạng hay con đường tiến lên bằng những bước nhỏ, chậm chạp, lâu dài. Tất nhiên, hiện nay không một tài liệu thống kê nào trên thế giới có thể xác định được điều đó. Tất nhiên, mặc dù tương lai chuẩn bị cho chúng ta những thử thách nặng nề như thế nào chẳng nữa, chúng ta cũng phải tiến hành công tác của chúng ta như thế nào để toàn bộ công tác đó được thấm nhuần tinh thần và nội dung *xã hội chủ nghĩa* chung. Nhưng

đó vẫn chưa phải là tất cả. Dừng lại ở đây có nghĩa là không biết đề ra một sự chỉ đạo thực tế nào cho đảng vô sản. Chúng ta phải thẳng thắn nêu ra và cương quyết giải quyết vấn đề xem hiện nay chúng ta phải tiến hành đúc kết kinh nghiệm của ba năm cách mạng theo phương hướng nào? Để dạy cho bọn người dao động và mất tinh thần, để sỉ nhục bọn phản bội và bọn xa rời chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải tuyên bố công khai với mọi người rằng: đảng công nhân cho rằng cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp của quần chúng, các cuộc đấu tranh tháng Mười và tháng Chạp 1905, là những phong trào vĩ đại nhất của giai cấp vô sản sau Công xã; chỉ có phát triển những hình thức đấu tranh ấy mới đảm bảo được những thắng lợi sau này của cách mạng; những gương đấu tranh ấy, đối với chúng ta, phải là ngọn hải đăng trong công tác giáo dục những thế hệ chiến sĩ mới.

Nếu chúng ta tiến hành công tác hàng ngày theo hướng ấy và nhớ rằng chỉ có sự hoạt động được chuẩn bị một cách nghiêm túc và kiên trì của đảng ta trong nhiều năm mới đảm bảo cho đảng gây được ảnh hưởng rất lớn đối với giai cấp vô sản hồi năm 1905, — thì chúng ta sẽ có thể làm cho giai cấp công nhân không ngừng được củng cố và trở thành một lực lượng dân chủ - xã hội cách mạng giác ngộ, mặc dù các sự kiện phát triển như thế nào và chế độ chuyên chế tan rã theo nhịp độ nào.

*Đăng vào tháng Tư 1908
trên tạp chí "Przeglad
Socjaldemokratyczny", số 2
Ký tên: N. Lê-nin*

*Bản tiếng Nga đăng ngày 10 (23)
tháng Năm 1908 trên báo "Người
vô sản", số 30*

*Theo đúng bản đăng trên
báo, có đối chiếu với bản
đăng trên tạp chí*

BỌN DÂN CHỦ - LẬP HIẾN LỚP THỨ HAI

Một bài báo gửi từ nước Nga đăng trong số báo này với nhan đề "Tin ngắn khoa học" đáng được đọc giả đặc biệt chú ý. Ngay trước khi tờ báo của chúng tôi sắp được phát hành, chúng tôi đã có những tài liệu xác nhận những sự thật mà tác giả bài báo nói đến, do đó chúng tôi cần phải bàn đến những sự thật đó một cách chi tiết hơn.

Một tổ chức chính trị mới đang xuất hiện; người ta thấy có một sự biến chuyển mới nào đó trong phong trào xã hội. Những phần tử dân chủ - tư sản đang tập hợp lại; chúng muốn tỏ ra "tả hơn bọn dân chủ - lập hiến" và đang lôi kéo bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng theo chúng. Chúng dường như đang có một nhận thức lơ mơ nào đó rằng phe đối lập dân chủ - lập hiến trong Đu-ma III là một xác chết đang rữa nát và cần phải "làm một điều gì đó" không cần đến nó.

Sự thật là như vậy. Những sự thật đó vẫn chưa được rõ ràng, nhưng đứng trên quan điểm những bài học của ba năm đầu của cách mạng mà nói, thì chúng đã nêu được những hiện tượng dễ hiểu và không thể tránh được.

Bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ nhất đã xuất hiện trên vũ đài công khai của cuộc cách mạng vào mùa hè 1905. Qua chưa đầy ba năm, chúng chưa kịp phát triển thì đã tàn héo. Thay thế cho chúng, bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ hai đã xuất

hiện. Sự thay thế ấy có ý nghĩa như thế nào và nó đề ra cho đảng công nhân những nhiệm vụ gì?

Bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ nhất đã làm âm ỉ trong các bữa tiệc năm 1904, đã tiến hành cuộc vận động cho các hội đồng địa phương, đã phản ánh giai đoạn đầu của cao trào xã hội, trong khi những quan hệ giữa các giai cấp với chế độ chuyên chế và giữa các giai cấp với nhau hoàn toàn chưa được xác định rõ ràng, nghĩa là trước khi cuộc đấu tranh công khai của quần chúng và chính sách của các giai cấp, chứ không phải của các nhóm, xác định những quan hệ ấy. Khi đó bọn dân chủ - lập hiến tập hợp tất cả mọi phần tử thuộc xã hội tư sản mà người ta gọi là xã hội có học thức, từ bọn địa chủ phần đầu cho món cá chiên với thứ củ cay nhiều hơn là cho hiến pháp, cho tới những người trí thức phục dịch, làm thuê. Bọn dân chủ - lập hiến sẵn sàng *làm trung gian* giữa "chính quyền lịch sử", tức chế độ chuyên chế của Nga hoàng, và quần chúng giai cấp công nhân và nông dân đang đấu tranh. Phái đoàn đến yết kiến Nga hoàng vào mùa hè 1905 mở đầu cho sự luồn cúi đó, — vì phái tự do Nga không biết sự trung gian nào khác ngoài sự luồn cúi. Và từ đó cho đến nay, đúng là không có một giai đoạn đôi chút lớn lao nào của cuộc cách mạng Nga mà phái tự do tư sản lại không dùng phương pháp luồn cúi đó đối với chế độ chuyên chế và lũ tay sai của bọn địa chủ Trăm đen để "làm trung gian". Tháng Tám 1905, chúng đấu tranh chống lại sách lược cách mạng tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin. Tháng Mười 1905, chúng tách ra thành đảng tháng Mười công khai phản cách mạng, đồng thời phái Pi-ốt Xto-ru-vê đến châu chực Vít-te và tuyên truyền sự ôn hòa và thận trọng. Tháng Mười một 1905, chúng lên án cuộc đình công của ngành bưu điện và phản nản về những "sự khủng khiếp" của những cuộc khởi nghĩa của binh lính. Tháng Chạp 1905, chúng hèn nhát nấp cạnh Đu-ba-xốp để ngày hôm sau nguyện rửa (đáng lẽ phải nói là đá hậu) "sự tự phát điên rồ". Vào đầu năm 1906,

chúng hăng hái tự bào chữa để tránh sự nghi ngờ "nhục nhã" cho rằng phái tự do có khả năng cổ động ở ngoài nước chống lại việc đi vay một tỷ để củng cố chế độ chuyên chế. Tại Đu-ma I, phái tự do đã nói những lời trống rỗng về quyền tự do của nhân dân, trong khi chúng ngấm ngấm đi cửa sau đến Tơ-rê-pốp và đấu tranh chống phái lao động và các đại biểu công nhân. Với Tuyên ngôn Vư-boóc-gơ⁴⁹, chúng muốn bắt cá hai tay và quanh co thế nào để người ta có thể — tùy theo sự cần thiết — giải thích hành vi của chúng theo hai lối, lúc thì có tinh thần ủng hộ cách mạng, lúc thì có tinh thần đấu tranh chống cách mạng. Còn về Đu-ma II và III thì không có gì phải nói nữa, ở đây chủ nghĩa tự do của bọn dân chủ - lập hiến đã bộc lộ một cách hoàn toàn rõ ràng bản chất phái tháng Mười của chúng.

Trong ba năm, bọn dân chủ - lập hiến "đã làm" được nhiều đến nỗi ngay buổi đầu, những mưu đồ hồi phục mới đều gắn liền với khẩu hiệu "tả hơn những người dân chủ - lập hiến"! Bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ nhất *đã tự làm cho mình trở nên bất lực*. Chúng đã tự đào huyệt chôn mình vì đã luôn luôn phản bội quyền tự do của nhân dân.

Nhưng bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ hai thay thế cho bọn cũ, phải chăng không bị nhiễm phải cũng chính cái hơi độc của xác chết ấy, hay sao? Bọn "dân chủ - lập hiến - xã hội", tức là các ngài xã hội chủ nghĩa nhân dân, những người đặc biệt la âm ỉ lên xung quanh tổ chức mới, phải chăng không có ý định lập lại con đường tiến hóa cũ mà, nhờ kinh nghiệm của ba năm, chúng ta đã biết?

Đối với vấn đề này, không nên trả lời bằng sự phỏng đoán về tương lai, mà nên trả lời bằng sự phân tích quá khứ. Sự phân tích ấy chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng "bọn men-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng", tức các ngài xã hội chủ nghĩa nhân dân, đã thực sự đóng vai trò của bọn dân chủ - lập hiến trong hàng ngũ tổ chức chính trị của nông dân thuộc phái lao động, hay nói cho đúng

hơn, trong phong trào chính trị mà chúng đã hoạt động trong những "ngày huy hoàng nhất" của chúng, như trong thời kỳ Đu-ma I chẳng hạn. Chúng ta hãy nhớ lại những sự thật chủ yếu của lịch sử "đảng" (hay là nhóm?) xã hội chủ nghĩa nhân dân trong cuộc cách mạng Nga. Chúng đã được chính thức công nhận trong "Hội liên hiệp giải phóng"⁵⁰. Trong đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng vào tháng Chạp 1905, bọn chúng luôn luôn ngả nghiêng giữa bọn dân chủ - lập hiến và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đã bênh vực lập trường ngu xuẩn, lờ mờ, vừa muốn đi đôi vừa không muốn đi đôi với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong thời kỳ tự do hồi tháng Mười, chúng đã liên minh với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng để xuất bản báo chí chính trị. Trong thời kỳ Đu-ma I cũng thế: chính sách ngoại giao "cao cấp", che đậy một cách "ranh mãnh" những sự bất đồng ý kiến! Sau khi Đu-ma I bị giải tán, sau khi giai đoạn thứ hai của khởi nghĩa bị thất bại, sau vụ đàn áp Xvi-boóc-gơ⁵¹, các ngài ấy *quyết định* chuyển sang phía hữu. Họ "hợp pháp hóa" đảng của họ, tất nhiên không nhằm mục đích gì khác ngoài mục đích công khai phỉ báng trên báo chí đối với tư tưởng khởi nghĩa và chứng minh rằng việc tuyên truyền tích cực cho chế độ cộng hòa là không hợp thời. Trước mắt các đại biểu nông dân tại Đu-ma I, họ đã thắng bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng khi họ thu thập được 104 chữ ký vào dự án ruộng đất⁵² của họ, còn bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì chỉ thu được 33 chữ ký⁵³. Nguyên vọng "phải chăng" có tính chất tư sản của người tiểu nông đòi quốc hữu hóa ruộng đất, đã thắng chủ trương "xã hội hóa" mơ hồ. Chúng ta thấy rằng bọn dân chủ - lập hiến - xã hội không mong mỏi đem lại cho nông dân một tổ chức chính trị cách mạng, một tổ chức để khởi nghĩa, mà là mong mỏi chơi cái trò hợp pháp và chế độ đại nghị, mong mỏi duy trì đầu óc tiểu tổ hợp hời của trí thức. Sự dao động của người nông dân Nga từ người dân chủ - lập hiến, và từ chủ nghĩa cơ hội kiểu trí thức của Đảng

xã hội chủ nghĩa nhân dân sang người cách mạng thiếu kiên định kiểu trí thức, người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, sự dao động đó nói lên tính chất hai mặt của người tiểu nông, nói lên rằng họ không thể tiến hành được một cuộc đấu tranh giai cấp kiên định nếu không có sự lãnh đạo của giai cấp vô sản.

Nếu bây giờ các ngài xã hội chủ nghĩa nhân dân lại bắt đầu "ăn cánh" với bọn dân chủ - lập hiến cảnh tả, và lôi kéo theo mình bọn ngu ngốc, tức bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, — thì như thế có nghĩa là tất cả tập đoàn đã không học được gì trong ba năm cách mạng. Họ giải thích rằng những yêu sách kinh tế gây ra chia rẽ. Họ muốn thống nhất trên những yêu sách chính trị gần gũi hơn. Họ hoàn toàn không hiểu một tí gì trong tiến trình cách mạng đã chỉ rõ ở Nga, cũng như ở các nước khác, rằng chỉ có cuộc đấu tranh của quần chúng mới có sức mạnh và chỉ có vì những cải cách kinh tế quan trọng mới có thể phát động được cuộc đấu tranh như thế.

Bọn men-sê-vích và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng lại tập tễnh đi theo bọn dân chủ - lập hiến cảnh cả, đó không phải là điều mới lạ. Điều đó đã xảy ra trong cuộc bầu cử vào Đu-ma II ở Pê-téc-bua. Việc đó đã xảy ra với bọn men-sê-vích trong vấn đề nội các dân chủ - lập hiến và Đu-ma có toàn quyền, và cũng đã xảy ra với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong việc liên minh bí mật với bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân. Rõ ràng là có những nguyên nhân sâu xa gây nên trong các trí thức tiểu tư sản "một thứ say mê bệnh hoạn", say mê được sự che chở của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa.

Tất nhiên, như vẫn thường xảy ra, người ta che đậy sự say mê đó bằng những bài diễn văn nói về việc lợi dụng một cao trào mới hoặc một sự tập hợp lực lượng mới, v. v..

Ồ phải, thưa các ngài, chúng tôi cũng tán thành lợi dụng... cái xác chết — duy chỉ có điều là không phải để "cải tử hoàn

sinh" nó, mà để dùng nó bón phân cho đất, không phải để dung tủng những lý luận mục nát và tâm trạng phi-li-xtanh, mà để làm cho nó đóng vai trò "người biện hộ cho ma quỷ". Chúng tôi sẽ giáo dục nhân dân dựa vào cái thí dụ mới, hay, xuất sắc ấy của bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân và bọn dân chủ - lập hiến cánh tả, giáo dục cho họ biết điều gì không nên làm, cũng như phải tránh sự phản bội của bọn dân chủ - lập hiến và sự nhu nhược tiểu tư sản. Chúng tôi sẽ chăm chú theo dõi sự lớn lên và phát triển của cái quái thai mới ấy (nếu nó không chết yếu) bằng cách từng giờ từng phút nhắc lại rằng trong nước Nga hiện nay bất kỳ một mầm mống nào như thế, *nếu nó không chết yếu*, thì tất nhiên và không tránh khỏi có nghĩa là đang ở ngưỡng cửa một cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của giai cấp công nhân và nông dân. "Hội liên hiệp giải phóng" đang sống lại. Nếu đúng như thế, thì điều đó có nghĩa là những kẻ ở tầng lớp trên đã bắt đầu đánh hơi được một cái gì đó. Nếu đúng như thế, thì điều đó có nghĩa là bước sau sẽ tiếp theo bước trước, sau sự hoạt động lằng xằng vô ích của giới trí thức sẽ đến cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.

Nhân dịp bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ hai bước lên vũ đài, chúng tôi sẽ giáo dục cho nhân dân những bài học đấu tranh, những bài học liên minh cách mạng, sự liên minh cách mạng này chỉ hình thành được trong đấu tranh và chỉ với quần chúng nông dân đang đấu tranh cách mạng.

"Người vô sản", số 30, ngày 10
(23) tháng Năm 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT Ở NGA
CUỐI THẾ KỶ XIX⁵⁴

Viết vào nửa đầu năm 1908

*In lần đầu năm 1918 thành
sách riêng ở Mát-xcơ-va tại
Nhà xuất bản "Đời sống và tri thức"*

Theo đúng bản in trong sách

Nhiệm vụ của bài này là trình bày vắn tắt toàn bộ các quan hệ kinh tế và xã hội trong nền nông nghiệp ở Nga. Một công việc như vậy không thể mang tính chất nghiên cứu riêng biệt. Nó phải tổng kết công trình nghiên cứu mác-xít, chỉ rõ vị trí của mỗi đặc điểm tương đối lớn của nền kinh tế nông nghiệp của chúng ta trong kết cấu chung của nền kinh tế quốc dân Nga, phác ra phương hướng chung của sự phát triển những quan hệ ruộng đất ở Nga và vạch rõ những lực lượng giai cấp quyết định sự phát triển đó theo cách này hay cách khác. Vì vậy chúng ta sẽ dựa trên quan điểm nói trên mà xem xét tình hình chiếm hữu ruộng đất ở Nga, rồi xét đến kinh tế địa chủ và kinh tế nông dân, và cuối cùng nêu lên những kết luận chung xem sự tiến triển của chúng ta trong suốt thế kỷ XIX đã dẫn đến những hậu quả gì và nó để lại những nhiệm vụ gì cho thế kỷ XX.

I

Chúng ta có thể mô tả tình hình chiếm hữu ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu vào cuối thế kỷ XIX theo những tài liệu của bản thống kê ruộng đất mới nhất năm 1905 (Ủy ban thống kê trung ương xuất bản, Xanh Pê-téc-bua. 1907⁵⁵).

Dựa trên sự điều tra đó, toàn bộ diện tích ruộng đất thống kê được ở phần nước Nga thuộc châu Âu là 395,2 triệu đê-xi-a-ti-na, phân thành ba nhóm chính như sau:

Nhóm	I — ruộng đất tư nhân	101,7 triệu đê-xi-a-ti-na
»	II » » chia.....	138,8 » »
»	III » » công v. v ...	154,7 » »
<i>Tổng cộng ở phần nước</i>		
<i>Nga thuộc châu Âu.....</i>		<i>395,2 triệu đê-xi-a-ti-na</i>

Cần phải nói rằng, cơ quan thống kê của chúng ta đã liệt trên một trăm triệu đê-xi-a-ti-na ở miền cực Bắc, ở các tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, Ô-lô-nê-tơ và Vô-lô-gđa, vào số ruộng đất công. Một phần rất lớn ruộng đất công phải được trừ đi, nếu muốn nói về số ruộng đất nông nghiệp thực tế của phần nước Nga thuộc châu Âu. Trong tác phẩm của tôi nói về cương lĩnh ruộng đất của những người dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga (tác phẩm đó viết xong vào cuối năm 1907 nhưng việc xuất bản bị trì hoãn vì hoàn cảnh ngoài ý muốn của tác giả), tôi đã xác định số ruộng đất nông nghiệp thực tế của phần nước Nga thuộc châu Âu là khoảng chừng 280 triệu đê-xi-a-ti-na¹⁾. Trong tổng số đó, số ruộng đất công chiếm không phải là 150 triệu, mà tổng cộng là 39,5 triệu đê-xi-a-ti-na. Như vậy, ngoài số hữu của địa chủ và nông dân, thì ở phần nước Nga thuộc châu Âu chỉ còn lại *không đầy một phần bảy* tổng số diện tích ruộng đất. Sáu phần bảy diện tích nằm trong tay hai giai cấp đối kháng.

Chúng ta hãy xem tình hình chiếm hữu ruộng đất của những giai cấp ấy là những giai cấp khác nhau cả về mặt đẳng cấp, vì phần lớn ruộng đất tư hữu là ruộng đất của quý tộc, còn ruộng đất được chia là của nông dân. Trong số 101,7

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 245.

triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất tư hữu, thì 15,8 triệu thuộc về các hội và các tổ cày chung, còn 85,9 triệu đê-xi-a-ti-na thì thuộc sở hữu tư nhân. Dưới đây là sự phân chia số ruộng đất đó theo đẳng cấp trong năm 1905 và năm 1877 để đối chiếu:

Các đẳng cấp của những người sở hữu	Số ruộng đất năm 1905		chiếm hữu năm 1877		Năm 1905 tăng + giảm -		
	đê-xi-a- ti-na	%	đê-xi-a- ti-na	%	đê-xi-a- ti-na	bao nhiều lần	
	triệu		triệu		triệu		
Quý tộc.....	53,2	61,9	73,1	79,9	-	19,9	- 1,40
Tăng lữ.....	0,3	0,4	0,2	0,2	+	0,1	+ 1,74
Thương nhân và những công dân danh dự.....	12,9	15,0	9,8	10,7	+	3,1	+ 1,30
Tiểu thị dân.....	3,8	4,4	1,9	2,1	+	1,9	+ 1,85
Nông dân.....	13,2	15,4	5,8	6,3	+	7,4	+ 2,21
Các đẳng cấp khác.....	2,2	2,5	0,3	0,3	+	1,9	+ 8,07
Ngoại kiều.....	0,3	0,4	0,4	0,5	-	0,1	- 1,52
<i>Tổng số ruộng đất của tất cả những người tư hữu.....</i>	85,9	100,0	91,5	100,0	-	5,6	- 1,09

Như vậy, những người chủ tư hữu chủ yếu ở Nga là quý tộc. Chúng chiếm một số ruộng đất rất lớn. Nhưng chiều hướng phát triển là ở chỗ sở hữu ruộng đất của quý tộc ngày càng giảm đi. Ruộng đất chiếm hữu có tính chất phi đẳng cấp ngày càng tăng, mà lại tăng lên cực kỳ nhanh chóng. Trong thời kỳ 1877 - 1905, sở hữu ruộng đất của "các đẳng cấp khác" tăng nhanh hơn hết (tăng 8 lần trong 28 năm) và sau đó là sở hữu ruộng đất của nông dân (hơn 2 lần). Như vậy, từ trong nông dân, ngày càng tách ra những phần tử xã hội biến thành những người tư hữu ruộng đất. Đó là một

sự thực phổ biến. Khi phân tích nền kinh tế nông dân, chúng ta sẽ phải vạch rõ cơ cấu kinh tế - xã hội sản sinh ra sự phân hóa ấy. Trước mắt, cần xác định một cách chính xác rằng sự phát triển của các chế độ tư hữu ruộng đất ở Nga đang ở trong giai đoạn chuyển từ chế độ đẳng cấp sang chế độ phi đẳng cấp. Đến cuối thế kỷ XIX, sở hữu ruộng đất kiểu phong kiến hoặc kiểu nông nô của quý tộc còn chiếm đại bộ phận trong toàn bộ sở hữu ruộng đất tư nhân, nhưng sự phát triển rõ ràng là đang tiến tới tạo nên chế độ tư hữu ruộng đất kiểu tư sản. Ruộng đất tư hữu kế thừa của các thân binh, các lãnh chúa thế tập, các quan lại, v. v., thì bị giảm đi. Ruộng đất tư hữu đơn thuần do tiền bạc mà có thì tăng thêm. Quyền lực của ruộng đất giảm xuống, quyền lực của đồng tiền tăng lên. Ruộng đất ngày càng bị thu hút vào chu chuyển thương mại; trong phần trình bày sau, chúng ta sẽ thấy quy mô của sự thu hút đó lại còn to lớn gấp nhiều lần so với quy mô mà riêng những tài liệu về chiếm hữu ruộng đất nêu ra.

Nhưng "quyền lực của ruộng đất" — nghĩa là quyền lực của chế độ chiếm hữu ruộng đất theo lối trung cổ của những địa chủ - chủ nô ở nước Nga vào cuối thế kỷ XIX — còn mạnh đến mức độ nào, thì điều đó đã được đặc biệt thể hiện rõ ràng qua những tài liệu về sự phân chia ruộng đất tư hữu theo quy mô chiếm hữu. Những nguồn tài liệu mà chúng tôi sử dụng đều đặc biệt nêu lên những số liệu tỉ mỉ về số ruộng đất tư hữu lớn nhất. Dưới đây là sự phân chia chung theo quy mô chiếm hữu:

Nhóm hộ chiếm hữu	Số hộ chiếm hữu	Diện tích ruộng đất (đê-xi-a-ti-na)	Bình quân một hộ chiếm hữu (đê-xi-a-ti-na)
10 đê-xi-a-ti-na trở xuống...	409 864	1 625 226	3,9
10 — 50 đê-xi-a-ti-na	209 119	4 891 031	23,4
50 — 500 »	106 065	17 326 495	163,3

500 —	2 000	»	21 748	20 590 708	947
2 000 —	10 000	»	5 386	20 602 109	3 825
Trên	10 000	»	699	20 798 504	29 754
<i>Tổng cộng những hộ trên 500 đê-xi-a-ti-na có.....</i>					
			27 833	61 991 321	2 227
<i>Tổng cộng ở phần nước Nga thuộc châu Âu có.....</i>					
			752 881	85 834 073	114

Do đó ta thấy rằng sở hữu nhỏ giữ một vai trò không đáng kể trong số ruộng đất tư hữu. Sáu phần bảy tổng số những người sở hữu ruộng đất, tức 619 nghìn trong số 753 nghìn, chiếm tất cả có $6\frac{1}{2}$ triệu đê-xi-a-ti-na. Trái lại, những điền trang lớn thì rộng mênh mông: *bảy trăm* người sở hữu có *binh quân* mỗi người *ba vạn đê-xi-a-ti-na*. Bảy trăm người ấy có nhiều ruộng đất gấp ba lần so với sáu mươi vạn người sở hữu nhỏ. Mà những điền trang lớn nói chung là đặc điểm của chế độ tư hữu ruộng đất ở Nga. Nếu xét tất cả những hộ chiếm hữu trên 500 đê-xi-a-ti-na, thì có hai vạn tám nghìn người sở hữu với 62 triệu đê-xi-a-ti-na, nghĩa là bình quân mỗi người có 2 227 đê-xi-a-ti-na. Thế là 28 nghìn người ấy nắm trong tay ba phần tư tổng số ruộng đất tư hữu*. Xét theo đẳng cấp những người chiếm hữu, thì những điền trang lớn đó chủ yếu là của bọn quý tộc. Trong số 27 833 người chiếm hữu thì 18 102 người, tức gần hai phần ba, là thuộc quý tộc và họ có $44\frac{1}{2}$ triệu đê-xi-a-ti-na, tức hơn 70% tổng số ruộng đất của các điền trang lớn. Như vậy rõ ràng là ở Nga vào cuối thế kỷ XIX, một số rất lớn ruộng đất — và là những ruộng đất tốt nhất như ai nấy đều biết —

* Để khỏi làm rối bài này bằng những trích dẫn, chúng tôi nêu lên ngay ở đây rằng phần lớn số liệu đều lấy trong tác phẩm đã nói ở trên và trong tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", xuất bản lần thứ 2. Xanh Pê-téc-bua, 1908¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3.

vẫn tập trung như trước kia (như trong thời trung cổ) trong tay đẳng cấp quý tộc có đặc quyền đặc lợi, trong tay những địa chủ - chủ nô trước kia. Về những hình thức kinh doanh đang áp dụng trong các điền trang lớn đó, chúng tôi sẽ nói tỉ mỉ ở phần dưới. Bây giờ, chúng tôi chỉ bổ sung một đoạn ngắn nói về một sự thật ai cũng biết, mà ngài Ru-ba-kin đã mô tả rõ ràng trong sách: đó là những quan lại cao cấp của bộ máy quan liêu thay nhau chiếm hữu các điền trang lớn của quý tộc⁵⁶.

Chúng ta hãy chuyển sang vấn đề chiếm hữu ruộng đất chia. Trừ 1,9 triệu đê-xi-a-ti-na không phân chia theo mức chiếm hữu ruộng đất, số còn lại 136,9 triệu đê-xi-a-ti-na thuộc quyền sở hữu của $12\frac{1}{4}$ triệu nông hộ. Bình quân mỗi nông hộ có 11,1 đê-xi-a-ti-na. Nhưng ruộng đất chia được phân phối không đều: gần một nửa, tức 64 triệu đê-xi-a-ti-na trong số 137 triệu, là nằm trong tay 2,1 triệu nông hộ giàu, tức *một phần sáu* tổng số.

Dưới đây là những tài liệu tổng quát về tình hình phân chia ruộng đất chia trong phần nước Nga thuộc châu Âu:

Nhóm nông hộ	Số nông hộ	Số đê-xi-a-ti-na	Số đê-xi-a-ti-na bình quân cho một nông hộ
Dưới 5 đê-xi-a-ti-na	2 857 650	9 030 333	3,1
5 - 8 »	3 317 601	21 706 550	6,5
<i>Tổng cộng những hộ dưới 8 đê-xi-a-ti-na có.....</i>			
	6 175 251	30 736 883	4,9
8 - 15 đê-xi-a-ti-na	3 932 485	42 182 923	10,7
15 - 30 »	1 551 904	31 271 922	20,1
Trên 30 »	617 715	32 695 510	52,9
<i>Tổng cộng ở phần nước Nga thuộc châu Âu có.....</i>			
	12 277 355	136 887 238	11,1

Như vậy là trên một nửa nông hộ được chia ruộng đất — 6,2 triệu trong số 12,3 triệu — mỗi nông hộ có dưới 8 đê-xi-a-ti-na. Nói chung và tính bình quân trong toàn nước Nga thì đó là số lượng chắc chắn không đủ để nuôi gia đình. Để đánh giá tình hình kinh tế của những hộ đó, chúng ta hãy nhắc lại những tài liệu chung điều tra về ngựa chiến (đó là những thống kê duy nhất được lập nên một cách định kỳ và đều đặn cho toàn nước Nga). Tại 48 tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu, nghĩa là trừ vùng sông Đôn và tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, trong những năm 1896 - 1900 có 11 112 287 nông hộ. Trong số đó có 3 242 462 hộ, tức 29,2%, không có ngựa; 3 361 778 hộ, tức 30,3%, có một ngựa. Ai cũng biết thế nào là người nông dân không có ngựa ở Nga (tất nhiên ở đây chúng tôi lấy số liệu tổng hợp, chứ không lấy những vùng đặc biệt nào đó, như những vùng ngoại ô chăn nuôi bò sữa và những vùng trồng thuốc lá, v. v.). Ai cũng biết sự thiếu thốn và bần cùng của người nông dân có một con ngựa. Sáu triệu hộ — nghĩa là từ 24 đến 30 triệu nhân khẩu. Và tất cả số nhân khẩu đó là những người nghèo khổ, bần cùng, được chia những mảnh ruộng đất nhỏ, không thể dựa vào đó mà sống, trên miếng đất ấy chỉ có thể chết đói. Nếu giả định rằng một nông hộ khá giả cần phải có ít nhất 15 đê-xi-a-ti-na mới có thể đủ sống, thì chúng ta thấy có 10 triệu nông hộ ở dưới mức đó, những nông hộ này có 72,9 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất.

Chúng ta hãy tiếp tục. Về sở hữu ruộng đất chia, cần chú ý đến một đặc điểm cực kỳ quan trọng. Sự không đồng đều trong việc phân chia ruộng đất chia cho nông dân thì hết sức ít so với sự không đồng đều trong việc phân chia ruộng đất tư hữu. Thế nhưng trong nông dân được chia ruộng đất lại có nhiều sự khác biệt, phân loại, ngăn cách khác. Đó là những sự khác biệt giữa những loại nông dân đã hình thành về mặt lịch sử qua nhiều thế kỷ. Để chỉ rõ những sự ngăn cách ấy, trước hết chúng ta hãy lấy những

số liệu tổng hợp về toàn bộ phần nước Nga thuộc châu Âu. Thống kê năm 1905 nêu lên những loại sau đây: nông dân trước đây thuộc chủ nô, bình quân một nông hộ có 6,7 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia; nông dân trước đây thuộc nhà nước — 12,5 đê-xi-a-ti-na; nông dân trước đây thuộc thái ấp — 9,5 đê-xi-a-ti-na; dân dinh điền — 20,2 đê-xi-a-ti-na; những người Tsin-sê-vích — 3,1 đê-xi-a-ti-na; những người Rê-dê-si — 5,3 đê-xi-a-ti-na; những người Ba-ski-ri-a và Tép-ti-a-ri⁵⁷ — 28,3 đê-xi-a-ti-na; nông dân vùng Pri-ban-tích — 36,9 đê-xi-a-ti-na; người Cô-dắc — 52,7 đê-xi-a-ti-na. Ngay ở đây, chúng ta cũng thấy rõ rằng sở hữu ruộng đất được chia của nông dân có tính chất thuần túy trung cổ. Chế độ nông nô cho đến nay vẫn còn sống dưới rất nhiều hàng rào ngăn cách tồn tại trong nông dân. Những loại đó khác nhau không phải chỉ ở số lượng ruộng đất mà còn ở số tiền phải trả, ở những điều kiện chuộc lại, ở tính chất sở hữu, v. v.. Thay cho những số liệu tổng hợp về toàn nước Nga, chúng ta hãy lấy số liệu của một tỉnh thì sẽ thấy tất cả những sự ngăn cách đó có ý nghĩa như thế nào. Đây là tập thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp. Ngoài những loại chung cho toàn nước Nga, tức những loại chúng tôi đã nhắc đến, ở đây chúng ta thấy những nhà nghiên cứu địa phương phân ra những loại sau đây: nông dân được cấp không ruộng đất, nông dân sở hữu hoàn toàn, nông dân thuộc nhà nước được sử dụng ruộng đất công xã, nông dân thuộc nhà nước có ruộng tsét-véc, nông dân thuộc nhà nước nguyên trước thuộc địa chủ, nông dân lĩnh canh ruộng công, nông dân tư hữu thường trú, nông dân di cư, nông dân được giải phóng, nông dân được miễn lao dịch, nông dân tự do, nông dân nguyên trước làm việc trong công xưởng, v. v.⁵⁸. Mạng lưới sự cách biệt thời trung cổ đó đã đưa đến chỗ là đôi khi những người nông dân cùng ở một thôn bị chia thành hai loại hoàn toàn khác nhau: "những nông dân nguyên trước thuộc ông N. N." và "những nông dân nguyên trước là thuộc bà M. M."

Những nhà văn của phái dân túy - tự do chủ nghĩa ở nước ta không biết nhìn những quan hệ kinh tế ở Nga theo quan điểm phát triển, không biết trật tự tư bản chủ nghĩa thay thế trật tự nông nô, nên họ thường bỏ qua điều ấy. Trên thực tế, người ta hoàn toàn không thể hiểu được lịch sử nước Nga vào thế kỷ XIX và đặc biệt là kết quả trực tiếp của nó, — tức là những sự kiện đầu thế kỷ XX ở Nga, — nếu không đánh giá được toàn bộ ý nghĩa của sự kiện ấy. Một nước mà sự trao đổi không ngừng mở rộng và chủ nghĩa tư bản không ngừng phát triển, thì không thể không trải qua đủ thứ khủng hoảng, nếu trong ngành kinh tế quốc dân chủ yếu đâu đâu những quan hệ thời trung cổ vẫn còn kim hãm và cản trở. Chế độ công xã⁵⁹ nổi tiếng mà chúng ta sẽ còn có dịp nói đến ý nghĩa của nó, không ngăn cản được nông dân khỏi bị vô sản hóa và, trên thực tế, nó đóng vai trò một bức tường trung cổ ngăn cách những người nông dân đã bị cột chặt vào những hội nhỏ bé và vào những loại đã mất hết mọi "ý nghĩa tồn tại".

Trước khi chuyển sang những kết luận cuối cùng về chế độ chiếm hữu ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu, cần phải nêu thêm một khía cạnh của vấn đề. Cả những số liệu về số lượng ruộng đất trong tay "30 nghìn" địa chủ "lớp trên" và trong tay hàng triệu nông hộ, cả những số liệu về những sự cách biệt thời trung cổ trong chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, cũng chưa đủ để tính toán được quy mô thật sự xem người nông dân nước ta bị "trói buộc", bóp nghẹt và đè nén đến mức độ nào bởi những tàn tích của chế độ nông nô. Thứ nhất, những ruộng đất dành lại để chia cho nông dân sau cuộc tước đoạt nông dân để làm lợi cho địa chủ, mà người ta gọi là cuộc cải cách vĩ đại năm 1861⁶⁰, những ruộng đất ấy về mặt chất lượng xấu hơn ruộng đất của địa chủ rất nhiều. Tất cả khối sách báo to lớn của thống kê của hội đồng địa phương miêu tả và nghiên cứu các địa phương, đều chứng minh điều đó. Điều đó cũng đã được chứng minh qua một khối tài liệu to lớn không thể chối

cãi được, chỉ rõ năng suất thấp kém ở những ruộng đất của nông dân so với ruộng đất của địa chủ; ai cũng thừa nhận rằng sự khác nhau ấy trước hết phụ thuộc vào chất lượng xấu của ruộng đất được chia và sau đó mới phụ thuộc vào công việc cày bừa kém và vào nhược điểm của nền kinh tế nông dân nghèo khổ. Thứ hai, trong nhiều trường hợp, khi nông dân được địa chủ "giải phóng" khỏi ruộng đất năm 1861, thì ruộng đất được đem chia cho nông dân theo cách làm cho nông dân vẫn mắc bẫy của địa chủ "của mình". Sách báo thống kê của hội đồng địa phương ở Nga đã làm giàu cho khoa học kinh tế chính trị bằng việc mô tả phương thức kinh doanh hết sức độc đáo, đặc sắc của địa chủ, hầu như chưa hề thấy ở nơi nào trên trái đất. Đó là phương thức kinh doanh *bằng những ruộng đất cày cấy*. Năm 1861 nông dân được "giải phóng" khỏi những nguồn nước cho gia súc uống, những đồng cỏ, v. v., là những thứ cần thiết cho kinh tế của họ. Ruộng đất của nông dân bị kẹp chặt giữa những ruộng đất của địa chủ, đến nỗi các ngài địa chủ có được một món thu nhập hết sức chắc chắn — và hết sức cao quý — là tiền phạt về những thiệt hại do gia súc gây ra trên ruộng đất của chúng, v.v.. "Không có chỗ thả gà", — đó là sự thật cay đắng của nông dân, cái câu "khô hài của người bị treo cổ" đó nói rõ hơn bất cứ những dẫn chứng dài dòng nào về đặc điểm của sở hữu ruộng đất của nông dân mà bản thống kê không diễn tả được. Chả cần phải nói cũng rõ rằng đặc điểm đó là hoàn toàn bắt nguồn từ chế độ nông nô, xét về nguồn gốc phát sinh của nó, cũng như về ảnh hưởng của nó đến phương thức tổ chức kinh doanh của địa chủ.

Bây giờ chúng ta chuyển qua phần kết luận về tình hình chiếm hữu ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu. Chúng tôi đã nêu những điều kiện sở hữu ruộng đất nói riêng của địa chủ và của nông dân. Bây giờ chúng ta phải xem xét những điều kiện ấy trong những mối liên hệ của chúng với nhau. Muốn vậy, hãy lấy con số phỏng chừng đã dẫn ở trên

về khối lượng ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu — 280 triệu đê-xi-a-ti-na — và xem tất cả khối lượng đó được phân chia như thế nào giữa các nông hộ thuộc những loại khác nhau. Những loại đó như thế nào thì sẽ trình bày cụ thể sau, còn bây giờ thì đi trước một ít, chúng ta hãy lấy những loại chủ yếu một cách giả định. Những nông hộ có dưới 15 đê-xi-a-ti-na, chúng ta liệt vào nhóm thứ nhất: nhóm nông dân phá sản, bị đè nén dưới ách bóc lột kiểu nông nô. Nhóm thứ hai gồm có trung nông chiếm từ 15 đến 20 đê-xi-a-ti-na. Nhóm thứ ba là nông dân khá giả (giai cấp tư sản nông thôn) và chiếm hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa, có từ 20 đến 500 đê-xi-a-ti-na. Nhóm thứ tư là những điền trang lớn kiểu nông nô, có trên 500 đê-xi-a-ti-na. Nếu căn cứ vào những nhóm ấy mà cộng cả ruộng đất sở hữu của nông dân và của địa chủ và lấy con số tròn*, và tính ước chừng (tôi đã nêu cụ thể trong tác phẩm nói trên), thì chúng ta sẽ có bức tranh về tình hình sở hữu ruộng đất ở nước Nga vào cuối thế kỷ XIX. [Xem bảng kê ở tr. 80. *BT.*]

Chúng tôi xin nhắc lại: sự đúng đắn của việc nhận định về mặt kinh tế đối với những nhóm nêu trên đây sẽ được chứng minh trong phần trình bày sau. Và nếu có những chi tiết của bức tranh trên (mà thật ra nó không thể không là ước chừng được) phải phê phán, thì chúng tôi yêu cầu độc giả hãy chú ý theo dõi sao cho không vì phê phán những chi tiết mà lén lút phủ nhận *thực chất* của sự việc. Mà thực chất ấy của sự việc là ở chỗ trong tình hình sở hữu ruộng đất ở Nga, một bên chúng ta thấy có 10^{1/2} triệu hộ (khoảng 50 triệu nhân khẩu) với 75 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất, và một bên là *ba vạn gia đình* (khoảng 15 vạn nhân khẩu) thì có 70 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất.

* Thí dụ, ngoài 62 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất của địa chủ trong các điền trang lớn còn có 5,1 triệu đê-xi-a-ti-na thuộc các thái ấp và 3,6 triệu đê-xi-a-ti-na của 272 công ty công thương nghiệp, mỗi cái có trên 1 000 đê-xi-a-ti-na.

Tình hình sở hữu ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu vào cuối thế kỷ XIX

	Số		Diện tích của một hộ sở hữu (đê-xi-a-ti-na)
	Hộ sở hữu	đê-xi-a-ti-na	
	(đơn vị: triệu)		
a) Nông dân phá sản bị đè nén dưới ách bóc lột kiểu nông nô.....	10,5	75,0	7,0
b) Trung nông.....	1,0	15,0	15,0
c) Giai cấp tư sản nông thôn và sở hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa	1,5	70,0	46,7
d) Điền trang lớn kiểu nông nô.....	0,03	70,0	2 333
<i>Tổng cộng</i>	13,03	230,0	17,6
Không phân chia theo mức sở hữu		50,0	
<i>Tổng cộng</i>	13,03	280,0	21,4

Bây giờ để kết thúc vấn đề sở hữu ruộng đất, chúng ta phải vượt ra khỏi ranh giới của phần nước Nga thuộc châu Âu, và trên những nét chung, xem xét về ý nghĩa của việc dinh điền. Để độc giả hình dung được phần nào về toàn bộ số ruộng đất của đế quốc Nga (trừ Phần-lan), chúng tôi dùng những số liệu của ông Méc-tva-gô. Chúng tôi nêu các số liệu đó theo hình thức bảng kê và thêm vào những số liệu nhân khẩu theo cuộc điều tra năm 1897, cho được rõ ràng. [Xem bảng kê ở tr. 81. *BT.*]

Qua những con số đó, rõ ràng là chúng ta còn biết ít về các vùng ngoại vi nước Nga. Lẽ tất nhiên, nghĩ đến "giải quyết" vấn đề ruộng đất bên trong nước Nga bằng cách di dân ra các vùng ngoại vi thì thật là cực kỳ vô lý. Không còn một chút nghi ngờ nào rằng chỉ có bọn bịp bợm mới có thể đề nghị cách "giải quyết" như thế, rằng những mâu

	Tổng số ruộng đất		Trong đó		Trong đó ruộng đất khai thác				Dân số năm 1897	
	Nghìn vương	Triệu đê-xi-a-ti-na	Ruộng đất không có tài liệu điều tra nào (triệu đê-xi-a-ti-na)	Ruộng đất có thống kê (triệu đê-xi-a-ti-na)	Đất cây bừa	Đồng cỏ	Rừng	Cộng	Tổng cộng (tính theo nghìn)	Trên một véc-xta vương
					Triệu đê-xi-a-ti-na					
10 tỉnh thuộc Vương quốc Ba-lan.....	111,6	11,6	—	11,6	7,4	0,9	2,5	10,8	9 402,2	84,3
38 tỉnh phía Tây sông Vôn-ga.....	1 755,6	183,0	—	183,0	93,6	18,7	34,0	146,3	—	—
12 tỉnh phía Bắc và phía Đông sông Vôn-ga.....	2 474,9	258,0	—	258,0	22,3	7,1	132,0	161,4	—	—
Cộng 50 tỉnh phần nước Nga thuộc châu Âu.....	4 230,5	441,0	—	441,0	115,9	25,8	166,0	307,7	93 442,9	22,1
Cáp-ca-dơ.....	411,7	42,9	22,1	20,8	6,5	2,2	2,5	11,2	9 289,4	22,6
Xi-bi-ri.....	10 966,1	1 142,6	639,7	502,9	4,3	3,9	121,0	129,2	5 758,8	0,5
Trung Á.....	3 141,6	327,3	157,4	169,9	0,9	1,6	8,0	10,5	7 746,7	2,5
Cộng phần nước Nga thuộc châu Á.....	14 519,4	1 512,8	819,2	693,6	11,7	7,7	131,5	150,9	—	—
Tổng cộng toàn đế quốc Nga.....	18 861,5	1 965,4	819,2	1 146,2	135,0	34,4	300,0	469,4	125 640,0	6,7

thuần giữa những điền trang lớn cũ ở phần nước Nga thuộc châu Âu với những điều kiện mới về sinh hoạt và kinh tế ở cùng phần nước Nga thuộc châu Âu mà chúng tôi đã nói ở trên, phải được “giải quyết” bằng một cuộc cách mạng nào đó ở phần nước Nga thuộc châu Âu chứ không phải ở ngoài phần đó. Vấn đề không phải là giải thoát nông dân khỏi chế độ nông nô bằng cách di dân. Vấn đề là song song với vấn đề ruộng đất ở khu trung tâm còn có vấn đề ruộng đất dinh điền. Vấn đề không phải là che lấp cuộc khủng hoảng ở phần nước Nga thuộc châu Âu bằng vấn đề dinh điền mà là ở chỗ chỉ rõ những kết quả tai hại của những đại điền trang nông nô *cả* đối với khu trung tâm *lẫn* đối với các vùng ngoại vi. Chính sách dinh điền ở Nga bị *kim hãm* bởi những tàn tích của chế độ nông nô ở khu trung tâm nước Nga. Chúng ta *không thể* giải phóng và điều hòa việc dinh điền ở Nga bằng cách nào khác hơn là một cuộc cách mạng ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu, là giải phóng nông dân khỏi cái ách các đại điền trang nông nô. Việc điều hòa đó không phải là ở những sự “quan tâm” quan liêu về việc di dân và không phải ở việc “tổ chức những cuộc di dân” mà những nhà văn thuộc phái dân túy - tự do chủ nghĩa thích nói đến, mà ở việc thủ tiêu những điều kiện buộc người nông dân Nga vào vòng tối tăm, ngu độn và đã man trong sự lệ thuộc vĩnh viễn vào bọn chủ đại điền trang.

Trong cuốn sách nhỏ viết chung với ông Prô-cô-pô-vích, (“Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?” Mát-xcơ-va, 1907), ông Méc-tva-gô đã chỉ ra một cách đúng đắn rằng sự tiến bộ về kỹ thuật nông nghiệp đã biến những ruộng đất không trồng trọt được thành những ruộng đất trồng trọt được. Các viện sĩ Be-rơ và Ghen-méc-xen, chuyên gia về vấn đề này, viết năm 1845 rằng những thảo nguyên Ta-vrích “*bao giờ cũng* sẽ thuộc những loại ruộng đất xấu nhất và không thuận lợi cho sự trồng trọt vì khí hậu và vì thiếu nước!”⁶¹. Khi đó, dân cư

tỉnh Ta-vrích đã cày cấy được 1,8 triệu tsét-véc lúa mì. 60 năm sau, dân số tăng lên gấp đôi và cày cấy được 17,6 triệu tsét-véc, nghĩa là nhiều hơn gần 10 lần.

Đó là một lập luận rất đúng và cực kỳ quan trọng, nhưng ông Méc-tva-gô chỉ quên một điều: *sự sụp đổ của chế độ nông nô ở trung tâm nước Nga là điều kiện chính* cho phép thực hiện nhanh chóng việc dinh điền ở Nô-vô-rốt-xi-a. Chỉ có cuộc cách mạng ở vùng trung tâm mới tạo khả năng di dân đến miền Nam và công nghiệp hóa miền Nam một cách nhanh chóng, rộng rãi, theo kiểu Mỹ (sự phát triển theo kiểu Mỹ ở miền Nam nước Nga sau năm 1861 đã được nói đến rất nhiều lần). Và bây giờ chỉ có cuộc cách mạng ở phần nước Nga thuộc châu Âu, chỉ có thủ tiêu hoàn toàn những tàn tích của chế độ nông nô ở nơi đó và giải thoát nông dân khỏi những đại điền trang kiểu trung cổ thì mới có thể *thật sự* mở ra một kỷ nguyên mới cho việc dinh điền.

Vấn đề dinh điền ở Nga phụ thuộc vào vấn đề ruộng đất ở vùng trung tâm của đất nước. Thời kỳ cuối thế kỷ XIX đặt chúng ta trước tình thế phải chọn lấy một: hoặc là cương quyết thanh toán chế độ nông nô trong những tỉnh Nga “chính thống”, như vậy việc dinh điền ở những vùng ngoại vi của chúng ta sẽ được đảm bảo phát triển nhanh chóng, rộng rãi, theo kiểu Mỹ. Hoặc là kéo dài vấn đề ruộng đất ở vùng trung tâm, như vậy nhất định sẽ có tình trạng trì hoãn lâu dài trong việc phát triển lực lượng sản xuất và tình trạng duy trì những truyền thống nông nô ngay cả trong việc dinh điền. Trong trường hợp thứ nhất, kinh doanh nông nghiệp sẽ là người phéc-mi-ê tự do, trong trường hợp thứ hai sẽ là người mu-gích bị nô dịch và lãnh chúa “kinh doanh” trên những ruộng đất cắt.

II

Chúng ta hãy chuyển sang vấn đề tổ chức kinh doanh của địa chủ. Ai cũng biết rằng đặc điểm chủ yếu của việc

tổ chức đó là sự kết hợp chế độ tư bản chủ nghĩa (“chế độ làm thuê tự do”) với chế độ lao dịch. Chế độ lao dịch đó là gì?

Để trả lời câu hỏi đó, cần nhìn lại việc tổ chức kinh doanh của địa chủ trong chế độ nông nô. Mọi người đều biết chế độ nông nô là thế nào cả về mặt pháp lý, hành chính, lẫn về mặt sinh hoạt. Nhưng rất ít khi người ta tự đặt cho mình câu hỏi: thực chất của những quan hệ kinh tế giữa địa chủ và nông dân trong chế độ nông nô là gì. Trong thời kỳ đó địa chủ chia cho nông dân một số ruộng đất. Đôi khi họ cho nông dân vay cả tư liệu sản xuất khác, như gỗ, gia súc, v. v.. Việc địa chủ chia ruộng đất cho nông nô có ý nghĩa gì? Lúc đó những ruộng đất được chia là một *hình thức tiền lương*, nếu nói cho phù hợp với những quan hệ hiện nay. Trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa tiền lương của công nhân được trả bằng tiền. Lợi nhuận của nhà tư bản được thực hiện dưới hình thức tiền. Lao động tất yếu và lao động thặng dư (nghĩa là phần lao động được trả công, để nuôi sống công nhân và phần lao động không được trả công, tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản) kết hợp chung trong một quá trình lao động ở công xưởng, trong một ngày lao động tại công xưởng, v. v.. Trong nền kinh tế điều dịch thì lại khác. Ở đây cũng như ở trong nền kinh tế nô lệ đều có lao động tất yếu và lao động thặng dư. Nhưng cả hai hình thức lao động đó được phân chia ra theo thời gian và không gian. Người nông nô làm việc ba ngày cho lãnh chúa, rồi làm việc ba ngày cho mình. Họ làm cho lãnh chúa trên ruộng đất của lãnh chúa hoặc thu hoạch lúa mì cho lãnh chúa. Làm cho mình, họ lao động trên mảnh ruộng đất được chia, tự sản xuất cho mình và cho gia đình mình số lúa mì cần thiết để duy trì sức lao động phục vụ cho lãnh chúa.

Vậy thì chế độ kinh tế nông nô hay điều dịch cũng giống chế độ tư bản chủ nghĩa ở chỗ là trong cả hai chế

độ, người lao động chỉ được lĩnh sản phẩm của lao động tất yếu, trong khi đó phải nộp không phân sản phẩm lao động thặng dư cho người chủ tư liệu sản xuất. Nhưng chế độ kinh tế nông nô khác chế độ tư bản chủ nghĩa ở ba mặt sau đây. Thứ nhất, kinh tế nông nô là nền kinh tế tự nhiên, còn kinh tế tư bản chủ nghĩa là nền kinh tế tiền tệ. Thứ hai, trong nền kinh tế nông nô thủ đoạn bóc lột là *cột chặt* người lao động vào ruộng đất, là chia ruộng đất cho họ; còn trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, thủ đoạn ấy là giải phóng người lao động khỏi ruộng đất. Để có thu nhập (nghĩa là sản phẩm thặng dư), địa chủ - chủ nô phải có trên ruộng đất của mình người nông dân có mảnh ruộng đất được chia, có nông cụ, súc vật. Người nông dân không có ruộng đất, không có ngựa, không có tư liệu lao động là đối tượng vô dụng đối với sự bóc lột kiểu nông nô. Để có thu nhập (lợi nhuận) nhà tư bản phải có trước mắt mình chính là những người lao động không có ruộng đất, không có cơ sở kinh tế, buộc phải bán sức lao động của mình trên thị trường lao động tự do. Thứ ba, người nông dân được chia ruộng đất phải *lệ thuộc về thân thể* vào địa chủ, vì có ruộng đất rồi, nếu không bị *cưỡng bức* thì họ không làm việc cho lãnh chúa. Chế độ kinh tế để ra ở đây “sự cưỡng bức siêu kinh tế”, chế độ nông nô, sự lệ thuộc về pháp lý, tình trạng không được hưởng quyền đầy đủ, v. v.. Trái lại, chủ nghĩa tư bản “lý tưởng” là sự hoàn toàn tự do ký hợp đồng trên thị trường tự do giữa người hữu sản và người vô sản.

Chỉ có giải thích cho mình rõ ràng thực chất kinh tế của nền kinh tế nông nô, hay là nền kinh tế điều dịch cũng thế, thì chúng ta mới có thể hiểu vị trí lịch sử và ý nghĩa của chế độ lao dịch. Chế độ lao dịch, đó là tàn tích rõ ràng và trực tiếp của chế độ điều dịch. Chế độ lao dịch, đó là sự quá độ từ chế độ điều dịch sang chủ nghĩa tư bản. Thực chất của chế độ lao dịch là ở chỗ nông dân canh tác ruộng đất của địa chủ bằng *nông cụ của mình*, được trả công một

phần bằng tiền, một phần bằng hiện vật (như ruộng đất, ruộng đất cày, các đồng cỏ, tiền vay công non mùa đông, v. v.). Hình thức kinh tế gọi là làm rē, là một trong những dạng của chế độ lao dịch. Người nông dân được chia ruộng đất, có gia súc và nông cụ dù tồi nhất đi nữa cũng là *cần thiết* cho nền kinh tế lao dịch của địa chủ; cũng cần làm thế nào để người nông dân ấy bị bần cùng và bị nô dịch. Sự nô dịch, chứ không phải làm thuê tự do, là bạn đường tất yếu của chế độ lao dịch. Ở đây địa chủ không phải là nhà tư bản kinh doanh có tiền và toàn bộ công cụ lao động. Trong chế độ lao dịch địa chủ là người cho vay nặng lãi, lợi dụng sự khốn cùng của người nông dân hàng xóm và mua lao động của họ bằng giá hết sức rẻ mạt.

Để nói rõ hơn về điều đó, chúng ta hãy lấy những số liệu của Cục nông nghiệp, — một nguồn mà ta không thể nghi ngờ tí nào là thiếu thiện ý đối với các ngài địa chủ. Cuốn sách mà ai cũng biết “Lao động làm thuê tự do trong các doanh nghiệp, v. v.” (thiên V, “Tập tài liệu thống kê nông nghiệp căn cứ vào tài liệu của các nghiệp chủ”. Xanh Pê-téc-bua, 1892) cho chúng ta những tài liệu về vùng trung tâm đất đen trong 8 năm (1883 - 1891): tiền công trung bình trả cho việc canh tác một đê-xi-a-ti-na lúa mì mùa thu hoàn toàn bằng nông cụ của nông dân, được tính là 6 rúp. Nếu chúng ta tính giá trị của cùng một công việc như thế trong chế độ làm thuê tự do thì, theo quyển sách đó, riêng tiền công của người nông dân là 6 rúp 19 cô-pếch, *không kể* tiền công của ngựa; số tiền công này không thể dưới 4 rúp 50 cô-pếch (trích sách nói trên, tr. 45. “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, tr. 141¹⁾). Như vậy, giá làm thuê tự do là 10 rúp 69 cô-pếch, còn giá lao dịch là 6 rúp. Giải thích hiện tượng đó như thế nào, nếu nó không phải là

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 243.

ngẫu nhiên, cá biệt, mà là bình thường và quen thuộc? Những từ như “nô dịch”, “cho vay nặng lãi”, “bóp nặn” v. v. miêu tả hình thức và tính chất của sự thỏa thuận, nhưng không giải thích được thực chất kinh tế của nó. Tại sao người nông dân lại có thể trong bao nhiêu năm trời làm công việc đáng giá 10 rúp 69 cô-pếch mà chỉ nhận 6 rúp tiền công? Người nông dân *có thể* làm như vậy vì miếng ruộng đất được chia của họ bù đắp một phần những chi tiêu của gia đình họ và *cho phép* hạ tiền công của họ thấp hơn mức tiền công “làm thuê tự do”. Người nông dân bắt buộc phải làm như vậy chính vì miếng ruộng đất được chia ít ỏi đã trói buộc họ vào tên địa chủ láng giềng, không cho họ khả năng sống dựa vào kinh tế của họ. Và cũng dễ hiểu rằng hiện tượng đó chỉ có thể là “bình thường” với tính cách là một trong những khâu của quá trình chủ nghĩa tư bản loại trừ chế độ điều dịch. Vì trong những điều kiện như thế, nông dân không sao tránh khỏi bị phá sản và trở thành vô sản một cách chậm chạp nhưng chắc chắn.

Sau đây là những tài liệu cùng một loại, nhưng đầy đủ hơn một chút, về huyện Xa-ra-tốp. Giá trung bình của việc canh tác một đê-xi-a-ti-na kể cả gặt, chuyên chở và đập lúa, là 9,6 rúp trong điều kiện hợp đồng mùa đông có ứng trước 80 - 100% tiền công. Trong chế độ lao dịch, giá công cày ruộng là 9,4 rúp. Trong chế độ làm thuê tự do, giá đó là 17¹/₂ rúp! Giá công gặt và chuyên chở trong chế độ lao dịch là 3,8 rúp trên một đê-xi-a-ti-na, trong chế độ làm thuê tự do là 8¹/₂ rúp, v. v.. Mỗi một con số đó chứa đựng một truyện dài về sự thiếu thốn khốn cùng, về sự nô dịch và phá sản của nông dân. Mỗi một con số đó chứng tỏ là vào cuối thế kỷ XIX ở Nga sự bóc lột kiểu nông nô và những tàn tích của chế độ điều dịch còn *tồn tại* như thế nào.

Mức độ phổ biến của chế độ lao dịch rất khó mà tính toán được. Thường thường trong kinh tế địa chủ có kết hợp cả chế độ lao dịch và chế độ tư bản chủ nghĩa, các chế độ này được

áp dụng tùy theo những công việc khác nhau trong nông nghiệp. Một phần nhỏ ruộng đất là do công nhân làm thuê cày bừa bằng nông cụ của địa chủ. Đại bộ phận ruộng đất phát canh cho nông dân dưới hình thức làm rẽ, lao dịch. Dưới đây là một số minh họa mà chúng tôi lấy trong tác phẩm tỉ mỉ của ông Cau-phman, ông này đưa ra một loạt những số liệu mới nhất về nền kinh tế tư nhân*. Ở tỉnh Tu-la (số liệu thuộc những năm 1897 - 1898): “địa chủ vẫn giữ nguyên lối luân canh ba thửa... ruộng đất ở xa do nông dân chia nhau lĩnh canh”; việc cày bừa ruộng đất của địa chủ hết sức là tồi. Ở tỉnh Cuốc-xcơ: “... việc cho nông dân lĩnh canh ruộng đất theo từng lô một đê-xi-a-ti-na, có lợi vì giá cả cao..., song đã đưa đến chỗ làm mất hết màu mỡ của ruộng đất”. Ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ: ... những địa chủ hạng vừa và nhỏ “phần lớn chỉ kinh doanh bằng nông cụ của nông dân hoặc đem ruộng đất của mình ra phát canh... điều nổi bật của những phương pháp mà đa số hộ áp dụng là ở chỗ không có một sự cải tiến nào cả”.

Những nhận xét tương tự chỉ cho chúng ta thấy rằng, vào cuối thế kỷ XIX, sự nhận định chung về ưu thế của chế độ lao dịch hoặc của chế độ tư bản chủ nghĩa, tại những tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu mà ông An-nen-xki đã nêu trong cuốn “Ảnh hưởng của mùa màng, v.v.”, là hoàn toàn đúng. Chúng tôi xin nêu sự nhận định đó dưới hình thức bảng kê. [Xem bảng kê ở tr. 89. BT.]

Như vậy là trong vùng đất đen, chế độ lao dịch chiếm ưu thế tuyệt đối, nhưng trong tất cả 43 tỉnh có ghi trong bảng này, thì chế độ đó lại ở địa vị thứ yếu. Đồng thời cần chú ý rằng nhóm I (chế độ tư bản chủ nghĩa) chính là không tiêu biểu cho vùng tâm nông nghiệp: đó là những

* “Vấn đề ruộng đất”. Nhà xuất bản Đôn-gô-ru-cốp và Pê-tơ-run-kê-vích, t. II, Mát-xcơ-va, 1907, tr. 442 - 628: “Về vấn đề ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật của chế độ tư hữu ruộng đất”.

tỉnh vùng Pri-ban-tích, Tây - Nam (vùng trồng củ cải đường), phía Nam và hai tỉnh thủ đô.

	Số tỉnh			Toàn bộ diện tích gieo trồng của những người tư hữu (nghìn đê-xi-a-ti-na)
	Trong vùng đất đen	Trong vùng không phải đất đen	Tổng cộng	
I. Những tỉnh có chế độ tư bản chủ nghĩa chiếm ưu thế.....	9	10	19	7 407
II. Những tỉnh có chế độ hỗn hợp chiếm ưu thế.....	3	4	7	2 222
III. Những tỉnh có chế độ lao dịch chiếm ưu thế.....	12	5	17	6 281
<i>Tổng cộng</i>	24	19	43	15 910

Chế độ lao dịch ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, thì những tài liệu nêu trong tác phẩm của ông Cau-phman đã nói rất rõ. “Không còn nghi ngờ gì cả, — cuốn sách viết, — chế độ lĩnh canh của tiểu nông và chế độ làm rẽ là một trong những yếu tố kìm hãm sự tiến bộ của nông nghiệp nhiều nhất...”. Trong bài kiểm điểm tình hình nông nghiệp tỉnh Pôn-ta-va, tác giả đã thường xuyên nêu lên rằng “những người làm rẽ canh tác ruộng đất một cách qua loa, gieo những loại giống xấu, làm cho ruộng đất xấu đi”.

Trong tỉnh Mô-ghi-lép (năm 1898) “mọi sự cải tiến trong nền kinh tế đều bị những điều bất lợi của chế độ làm rẽ cản trở”. Chế độ bóc lột⁶² là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho “nông nghiệp ở huyện Đni-ép-rơ ở

trong một tình trạng không thể nghĩ đến một sự đổi mới và cải tiến nào cả”. “Những tài liệu của chúng tôi, — ông Cau-phman viết (tr. 517), — cho chúng tôi một loạt chỉ dẫn rõ ràng rằng ngay trong phạm vi của cùng một trại ấp, trên những ruộng đất phát canh, những phương thức kinh doanh cũ đã lỗi thời vẫn còn tiếp tục được duy trì, trong khi trên những miếng đất tự cày bừa đã áp dụng những chế độ canh tác mới, hoàn chỉnh hơn”. Ví dụ, trên những đất lĩnh canh còn giữ phương pháp luân canh ba thửa, có khi thậm chí không bỏ phân, — còn trên những miếng đất tự kinh doanh thì áp dụng chế độ luân canh nhiều thửa. Chế độ làm rē kìm hãm việc trồng cỏ, cản trở việc mở rộng bón phân, làm chậm trễ việc áp dụng những nông cụ tốt hơn. Kết quả của tất cả những việc đó được chỉ rõ trong những số liệu về thu hoạch. Ví dụ, đây là số liệu về một điền trang lớn ở tỉnh Xim-biéc-xcơ: thu hoạch lúa mì đen trên đất tự kinh doanh là 90 pút một đê-xi-a-ti-na, lúa mạch 60 pút, lúa kiều mạch 74 pút; còn trên đất làm rē là 58 - 28 - 50 pút. Dưới đây là những số liệu tổng quát của toàn huyện (Goóc-ba-tốp, tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt):

Thu hoạch lúa mì đen

tính theo pút trên 1 đê-xi-a-ti-na

Loại đất	Ruộng đất chia	Ruộng đất tư hữu		
		Diện tích tự kinh doanh	Làm rē	Phát canh
I.....	62	74	—	44
II.....	55	63	49	—
III.....	51	60	50	42
IV.....	48	69	51	51
<i>Chung cho tất cả các loại</i>	54*	66	50	45*

* Trong cuốn sách của ông Cau-phman, tr. 521, có lẽ in sai hai con số này.

Như vậy là những ruộng đất *của địa chủ* kinh doanh theo kiểu nông nô (làm rē và phát canh thửa nhỏ) thu hoạch *ít hơn* là những ruộng đất được chia! Đó là một sự kiện có một tầm quan trọng lớn lao, vì nó chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng nguyên nhân chủ yếu và cơ bản của tình trạng lạc hậu trong nông nghiệp ở Nga, của sự đình trệ của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và của cảnh khốn khổ chưa hề thấy trên thế giới của người làm ruộng, là *chế độ lao dịch*, tức là tàn tích trực tiếp của chế độ nông nô. Không một khoản tín dụng nào, không có một sự cải tạo chất đất nào, không có một sự “giúp đỡ” nào đối với nông dân, không có một biện pháp “cứu giúp” nào mà bọn quan liêu và phái tự do vẫn ưa thích, có thể đem lại được những kết quả quan trọng nào, một khi còn tồn tại ách thống trị của những điền trang lớn, của những truyền thống và những chế độ kinh doanh kiểu nông nô. Và ngược lại, cuộc cách mạng ruộng đất thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và phá vỡ cái công xã cũ kiểu trung cổ (như việc quốc hữu hóa ruộng đất sẽ phá vỡ công xã không phải bằng biện pháp cảnh sát, quan liêu) nhất định sẽ là cơ sở cho sự tiến bộ hết sức nhanh chóng và thật sự rộng rãi. Sản lượng cực kỳ thấp của những ruộng đất làm rē và cho thuê gắn liền với chế độ canh tác: “làm cho lãnh chúa”. Không những là sản lượng của những ruộng đất đó sẽ tăng lên nếu người nông dân hiện nay được giải phóng khỏi công việc “làm cho lãnh chúa”, mà cả sản lượng của những ruộng đất được chia nhất định cũng sẽ tăng lên chỉ vì loại bỏ được những sự cản trở của chế độ nông nô đối với nền kinh tế.

Trong hoàn cảnh đó, tất nhiên là có sự tiến bộ có tính chất tư bản chủ nghĩa trong nền kinh tế tư hữu, nhưng nó hết sức chậm và nhất định làm cho nước Nga bị đọa đày trong một thời gian dài dưới ách thống trị về chính trị và xã hội của bọn “địa chủ hung bạo”. Bây giờ chúng ta nghiên

cứu xem sự tiến bộ đó thể hiện ở chỗ nào, và sẽ cố gắng xác định một số kết quả chung của nó.

Sản lượng của những diện tích “tự kinh doanh”, nghĩa là những ruộng đất của địa chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, cao hơn những ruộng đất của nông dân, điều đó chứng minh sự tiến bộ kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Sự tiến bộ đó gắn liền với bước quá độ từ chế độ lao dịch sang chế độ làm thuê tự do. Tình trạng phá sản của nông dân, tình trạng mất ngựa, mất nông cụ, tình trạng vô sản hóa của họ *bắt buộc* địa chủ phải chuyển sang canh tác bằng nông cụ của mình. Việc tăng cường sử dụng máy móc trong nông nghiệp làm cho năng suất lao động tăng lên và tất nhiên đưa tới sự phát triển quan hệ sản xuất thuần túy tư bản chủ nghĩa. Máy móc nông nghiệp nhập từ nước ngoài vào Nga trị giá 788 nghìn rúp trong những năm 1869 - 1872; 2,9 triệu rúp trong những năm 1873 - 1880; 4,2 triệu rúp trong những năm 1881 - 1888; 3,7 triệu rúp trong những năm 1889 - 1896; từ 15,2 đến 20,6 triệu rúp trong những năm 1902 - 1903. Ngoài ra, sản xuất máy móc nông nghiệp ở nước Nga tới 2,3 triệu rúp năm 1876; 9,4 triệu rúp năm 1894 và 12,1 triệu rúp trong những năm 1900 - 1903 (những số liệu này đều là áng chừng vì lấy ở các thống kê khá đơn sơ của các nhà máy và công xưởng). Hiển nhiên là những con số đó chứng minh một sự tiến bộ trong nông nghiệp và tất nhiên chính là sự tiến bộ tư bản chủ nghĩa. Nhưng cũng hiển nhiên là sự tiến bộ đó hết sức chậm chạp so với khả năng của nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện đại, ví dụ nước Mỹ. Theo thống kê ngày 1 tháng Sáu 1900, ở nước Mỹ có 838,6 triệu a-cơ-rơ¹⁾, nghĩa là khoảng 324 triệu đê-xi-a-ti-na là ruộng đất của các trại ấp. Số lượng trại ấp là 5,7 triệu, vậy trung bình mỗi trại ấp có 146,2 a-cơ-rơ (khoảng 60 đê-

1) a-cơ-rơ — đơn vị đo lường ở Anh và Mỹ bằng 4 047 mét vuông

xi-a-ti-na). Và đây, trị giá các nông cụ cho những phéc-mi-ê đó là 157,7 triệu đê-la trong năm 1900 (năm 1890 là 145,3 triệu đê-la; năm 1880 là 62,1 triệu đê-la)*. Những con số của nước Nga so với những con số ở Mỹ thì ít ỏi đến buồn cười, vì ở nước ta các đại điền trang nông nô rất to lớn và mạnh mẽ.

So sánh mức độ sử dụng những nông cụ cải tiến của địa chủ và của nông dân là đối tượng của một cuộc điều tra đặc biệt do Bộ nông nghiệp tiến hành vào giữa những năm 90 của thế kỷ trước. Chúng ta có thể nêu những số liệu của cuộc điều tra đó mà ông Cau-phman đã trình bày chi tiết, trong bảng dưới đây:

Khu vực	Tỷ lệ chỉ số về mức độ sử dụng rộng rãi những nông cụ cải tiến	
	Của địa chủ	Của nông dân
Trung tâm nông nghiệp	20 - 51	8 - 20
Trung Vôn-ga	18 - 66	14
Nô-vô-rốt-xi-a	50 - 91	33 - 65
Bê-lô-ru-xi-a	54 - 86	17 - 41
Vùng ven hồ	24 - 47	1 - 21
Ngoại ô Mát-xcơ-va	22 - 51	10 - 26
Khu công nghiệp	4 - 8	2

Trong tất cả các khu vực này, bình quân địa chủ có 42% và nông dân có 21%.

Về mức độ sử dụng phân chuồng, thì tất cả những số liệu của bảng thống kê cũng chứng minh không thể chối cãi được “rằng về mặt này, kinh tế của địa chủ bao giờ

* “Abstract of the Twelfth Census”. 1900, Third Edition, Washington, 1904, pages 217 and 302 — agricultural implements.¹⁾

1) — “Tổng quát cuộc điều tra lần thứ 12”. 1900, xuất bản lần thứ 3, Oa-sinh-tơn, 1904, tr. 217 và 302 — nông cụ

và cho đến nay vẫn vượt xa kinh tế của nông dân” (Cau-phman, tr. 544). Hơn thế nữa: một hiện tượng khá phổ biến rộng rãi là trong nước Nga sau cải cách, địa chủ mua phân chuồng của nông dân. Đó là kết quả của sự túng thiếu cùng cực của nông dân. Trong thời gian sau này, hiện tượng đó đã giảm bớt.

Sau cùng, về vấn đề trình độ kỹ thuật canh tác trong kinh tế của địa chủ và kinh tế của nông dân, có rất nhiều số liệu thống kê chính xác về mức độ mở rộng việc trồng cỏ (Cau-phman, tr. 561). Dưới đây là những kết luận chính:

Năm	Diện tích trồng cỏ để nuôi súc vật ở phần nước Nga thuộc châu Âu	
	Của nông dân	Của địa chủ
1881.....	49,8 nghìn đề-xi-a-ti-na	491,6 nghìn đề-xi-a-ti-na
1901.....	499,0 " "	1 046,0 " "

Kết quả của tất cả những sự khác biệt giữa kinh tế của địa chủ và kinh tế của nông dân là gì? Để xét vấn đề này, chỉ có những số liệu về sản lượng. Trong toàn phần nước Nga thuộc châu Âu, sản lượng trung bình trong 18 năm (1883 - 1900) là như sau (tính theo tsét-véc):

	Lúa mì đen	Lúa mạch mùa thu	Lúa mạch mùa xuân	Kiểu mạch
Của địa chủ.....	6,0	5,75	5,0	8,5
Của nông dân.....	5,0	5,0	4,25	7,0
Chênh lệch.....	16,7%	13,0%	15,0%	17,6%

Ông Cau-phman hoàn toàn đúng khi ông nói rằng sự chênh lệch đó là “rất ít ỏi” (tr. 592). Đồng thời cần phải chú ý không những đến việc năm 1861 nông dân được người ta để lại cho những ruộng đất xấu nhất, mà cả đến việc những sự khác biệt lớn bị che lấp (như chúng ta sẽ thấy sau đây) bởi những số bình quân chung về toàn thể nông dân.

Kết luận chung mà chúng ta phải rút ra sau khi xem xét kinh tế của địa chủ, là như sau. Hoàn toàn rõ ràng là chủ nghĩa tư bản đang mở cho mình con đường trong địa hạt này. Nền kinh tế diều dịch đang được thay thế bằng nền kinh tế làm thuê tự do. Sự tiến bộ kỹ thuật của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa so với nền tiểu nông nghiệp và nền nông nghiệp lao dịch thể hiện hoàn toàn rõ ràng về mọi mặt. Nhưng sự tiến bộ đó diễn ra một cách chậm chạp khác thường đối với một nước tư bản hiện đại. Và vào cuối thế kỷ XIX, ở Nga có mâu thuẫn gay gắt nhất giữa nhu cầu của toàn bộ sự phát triển xã hội với nền nông nghiệp nông nô, nền nông nghiệp này, dưới hình thức đại điền trang địa chủ quý tộc, dưới hình thức chế độ kinh tế lao dịch, là sự cản trở việc phát triển kinh tế, là nguồn gốc của sự áp bức, sự dã man, nguồn gốc của vô số những hình thức kiểu Ta-ta-ri-a trong đời sống nước Nga.

III

Kinh tế nông dân là điểm trung tâm của vấn đề ruộng đất hiện tại ở Nga. Chúng tôi đã vạch rõ ở trên những điều kiện của chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân là như thế nào, và bây giờ chúng ta phải đề cập đến vấn đề tổ chức kinh tế nông dân, không phải hiểu theo ý nghĩa kỹ thuật mà theo ý nghĩa kinh tế chính trị của từ đó.

Trước hết, ở đây chúng ta thấy vấn đề công xã nông thôn. Rất nhiều sách báo đã nói về công xã đó, và trào lưu dân túy trong tư tưởng xã hội ở nước ta gắn những điểm căn bản của thế giới quan của họ với những đặc điểm dân tộc của cái chế độ “bình quân” đó. Trước hết về vấn đề này, cần vạch ra rằng trong những sách báo nói về công xã nông thôn ở Nga, hai mặt khác nhau của vấn đề thường xuyên quện chặt với nhau và nhiều khi lẫn lộn với nhau: một bên là mặt kỹ thuật canh tác và điều kiện sinh hoạt, và một bên là mặt kinh tế chính trị. Trong đa số những cách nói về công

xã (V. Oóc-lốp, Tơ-ri-rô-gốp, Cây-xle, V. V.) đã dành quá nhiều chỗ và quá nhiều sự chú ý cho mặt thứ nhất của vấn đề, đến nỗi mặt thứ hai hoàn toàn chìm trong bóng tối. Nhưng phương pháp như thế là hết sức sai lầm. Tính chất độc đáo của những quan hệ ruộng đất ở Nga so với những quan hệ ruộng đất ở bất cứ nước nào, là điều không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng người ta không thể tìm thấy hai nước thuần túy tư bản chủ nghĩa mà ai cũng công nhận là tư bản chủ nghĩa, lại không khác nhau khá nhiều về điều kiện sinh hoạt nông thôn, về lịch sử quan hệ ruộng đất, về hình thức chiếm hữu ruộng đất và sử dụng ruộng đất, v. v.. Cái đã làm cho vấn đề công xã nông thôn ở Nga có ý nghĩa và trở nên gay gắt như thế, cái đã chia tư tưởng xã hội nước ta từ nửa thứ hai thế kỷ XIX thành hai trào lưu cơ bản — dân túy và mác-xít, — cái đó hoàn toàn không phải là mặt kỹ thuật canh tác hoặc điều kiện sinh hoạt của vấn đề. Có thể là những nhà nghiên cứu địa phương phải chú ý nhiều đến mặt đó để cân nhắc toàn diện chính những đặc điểm địa phương của phương thức sinh hoạt nông nghiệp và để vạch ra những mưu toan ngu dốt và hết sức cần bậy của bọn quan liêu muốn đưa ra một quy chế nhỏ nhen, sặc mùi cảnh sát. Nhưng đối với nhà kinh tế, bất cứ trong trường hợp nào, cũng hoàn toàn không được phép lấy việc nghiên cứu những kiểu phân chia lại, kỹ thuật phân chia lại, v. v. để làm lu mờ vấn đề xem những *loại kinh tế* nào hình thành *bên trong* công xã, những loại ấy phát triển ra sao, vấn đề quan hệ giữa những người thuê công nhân và những người làm thuê lam lũ cực nhọc, giữa những nông dân khá giả và những nông dân nghèo, giữa những người cải tiến kinh doanh và hoàn thiện kỹ thuật với những người bị phá sản, phải bỏ doanh nghiệp và rời khỏi nông thôn. Không nghi ngờ gì nữa, sự nhận thức chân lý đó đã thúc đẩy những nhà thống kê của các hội đồng địa phương ở nước ta — những người đã cung cấp các tài liệu hết sức quan trọng cho việc nghiên cứu nền kinh tế quốc

dân nước Nga — vào những năm 80 của thế kỷ trước, chuyển từ cách phân loại *quan phương* những nông dân theo công xã, theo ruộng đất được chia, theo số lượng nhân khẩu nam giới đã được đăng ký⁶³ hoặc hiện diện, sang cách phân loại duy nhất khoa học là căn cứ theo *hoàn cảnh kinh tế* của các hộ. Xin nhắc lại rằng trong thời kỳ mà người ta đặc biệt quan tâm nghiên cứu kinh tế nước Nga, thì ngay nhà văn “có đẳng tính” trong vấn đề đó, như ông V. V., đã nhiệt liệt hoan nghênh một “kiểu thống kê mới ở địa phương” (nhan đề bài của ông V. V. trong tạp chí “Truyền tin miền Bắc”⁶⁴, năm 1885, số 3) và tuyên bố: “nên kết hợp những số liệu thống kê không phải vào một tổng thể bao gồm những nhóm nông dân hết sức khác nhau về kinh tế như làng hoặc công xã, mà là vào chính những nhóm đó”.

Đặc điểm căn bản của công xã nước ta, đặc điểm làm cho nó có ý nghĩa đặc biệt dưới con mắt của những người dân túy, là tính chất bình quân trong việc sử dụng ruộng đất. Chúng ta sẽ bỏ hẳn sang một bên vấn đề xem công xã đạt được sự bình quân ấy như thế nào, mà đi thẳng vào những sự kiện kinh tế, vào những kết quả của sự bình quân đó. Việc phân phối toàn bộ ruộng đất chia ở phần nước Nga thuộc châu Âu, như chúng tôi đã chỉ ra ở trên với những số liệu chính xác, hoàn toàn không có tính chất bình quân. Giữa những loại nông dân, giữa những nông dân ở các thôn khác nhau, ngay giữa những nông dân (“trước kia”) thuộc những địa chủ khác nhau trong cùng một thôn, thì việc phân phối cũng không có gì là bình quân cả. Chỉ có ở trong những công xã nhỏ, bộ máy chia lại ruộng đất mới tạo nên sự bình quân của những tổ chức biệt lập không lớn đó. Chúng ta hãy xem xét những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương về sự phân phối ruộng đất chia giữa các hộ. Đương nhiên, trong việc đó chúng ta phải phân loại các hộ không căn cứ theo quy mô gia đình, không theo số lượng người lao động, mà nhất định phải theo *hoàn cảnh kinh tế* của từng hộ (diện

tích trồng trọt, số lượng súc vật kéo, số lượng bò cái, v. v.), bởi vì toàn bộ thực chất của sự tiến triển tư bản chủ nghĩa trong nền tiểu nông là ở chỗ tạo nên và tăng cường tình trạng không đồng đều về của cải trong nội bộ những tổ chức kiểu gia trưởng, sau nữa là ở chỗ biến sự không đồng đều đơn giản thành những quan hệ tư bản chủ nghĩa. Do đó, chúng ta sẽ che giấu mất tất cả các đặc điểm của sự tiến triển kinh tế mới, nếu chúng ta không đặt mục đích chuyên nghiên cứu những sự khác nhau về hoàn cảnh kinh tế trong nội bộ nông dân.

Thoạt đầu chúng tôi lấy một huyện điển hình (những tài liệu điều tra theo nông hộ của cơ quan thống kê của hội đồng địa phương với những bảng tổng hợp chi tiết, ứng dụng cho từng huyện) và sau đó chúng tôi sẽ nêu những cơ sở buộc phải mở rộng việc áp dụng những kết luận mà chúng tôi chú ý đến, vào nông dân ở toàn nước Nga. Chúng tôi lấy tài liệu trong cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", chương II¹⁾.

Trong huyện Cra-xnô-u-phim-xơ thuộc tỉnh Péc-mơ, nơi chỉ có chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân công xã, ruộng đất chia đã được phân phối như sau:

	Mỗi hộ có	
	Nhân khẩu nam nữ	Diện tích ruộng đất chia (đê-xi-a-ti-na)
Hộ không canh tác	3,5	9,8
Hộ canh tác dưới 5 đê-xi-a-ti-na	4,5	12,9
" " 5 - 10 "	5,4	17,4
" " 10 - 20 "	6,7	21,8
" " 20 - 50 "	7,9	28,8
" " trên 50 "	8,2	44,6
<i>Tổng cộng</i>	5,5	17,4

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 67 - 224.

Chúng ta thấy rằng số người trong gia đình tăng lên một cách hoàn toàn đều đặn cùng với việc nâng cao hoàn cảnh kinh tế của các hộ. Rõ ràng tình trạng gia đình có đông người là một trong những yếu tố phúc lợi của nông dân. Điều đó không thể chối cãi được. Vấn đề chỉ là ở chỗ phúc lợi đó trong tình hình hiện tại của toàn bộ nền kinh tế quốc dân đã đưa đến những quan hệ kinh tế và xã hội nào. Còn về phần ruộng đất chia thì chúng ta thấy sự phân phối không đồng đều, mặc dù tình trạng không đồng đều đó không lớn lắm. Nông hộ càng sung túc thì số ruộng đất chia *cho một người dân* càng lớn. Trong nhóm thấp nhất thì một đầu người cả nam nữ được chia chưa đến 3 đê-xi-a-ti-na ruộng đất; trong những nhóm khác thì một người được gần 3 đê-xi-a-ti-na, 3 đê-xi-a-ti-na, gần 4 đê-xi-a-ti-na, 4 đê-xi-a-ti-na và sau hết, trong nhóm cao nhất cuối cùng, mỗi đầu người cả nam nữ được chia trên 5 đê-xi-a-ti-na ruộng đất. Do đó, tình trạng gia đình có đông người và việc được chia nhiều ruộng đất nhất là cơ sở của mức sống sung túc của một *thiểu số nhỏ* nông dân. Vì hai nhóm cao nhất chỉ chiếm *một phần mười* tổng số hộ. Dưới đây là quan hệ tỷ lệ giữa số hộ, nhân khẩu và việc phân phối ruộng đất chia:

Nhóm hộ	Tỷ lệ phần trăm so với tổng số		
	Hộ	Nhân khẩu cả nam nữ	Ruộng đất chia
Hộ không canh tác	10,2	6,5	5,7
Hộ canh tác dưới 5 đê-xi-a-ti-na	30,3	24,8	22,6
" " 5 - 10 "	27,0	26,7	26,0
" " 10 - 20 "	22,4	27,3	28,3
" " 20 - 50 "	9,4	13,5	15,5
" " trên 50 "	0,7	1,2	1,9
<i>Tổng cộng</i>	100,0	100,0	100,0

Từ những con số này ta thấy rõ ràng có sự cân đối trong việc phân phối ruộng đất chia, rằng chúng ta tính đến kết quả của sự bình quân trong công xã. Tỷ lệ phần trăm nhân

khẩu theo nhóm và tỷ lệ phần trăm ruộng đất chia theo nhóm khá gần nhau. Nhưng ở đây hoàn cảnh kinh tế của những hộ riêng biệt đã bắt đầu có ảnh hưởng: ở những nhóm thấp nhất, tỷ lệ ruộng đất *thấp hơn* tỷ lệ nhân khẩu, còn ở những nhóm cao nhất thì tỷ lệ đó *cao hơn*. Và hiện tượng ấy không phải là cá biệt, không phải chỉ liên quan đến một huyện mà là chung cho toàn nước Nga. Trong tác phẩm của tôi đã nêu ở trên, tôi đã đưa ra những số liệu cùng một loại về 21 huyện thuộc 7 tỉnh ở những địa phương hết sức khác nhau trong nước Nga. Những số liệu ấy, bao gồm nửa triệu nông hộ, chỉ rõ nơi nào cũng có những quan hệ như nhau. Có 20% hộ sung túc chiếm từ 26,1% đến 30,3% nhân khẩu và từ 29,0% đến 36,7% ruộng đất chia. Có 50% hộ nghèo nhất chiếm từ 36,6 đến 44,7% nhân khẩu và từ 33,0% đến 37,7% ruộng đất chia. Tính chất cân đối trong việc phân phối ruộng đất chia có ở khắp nơi, đồng thời ở khắp nơi đã biểu hiện một hiện tượng là công xã *ngả* về phía tư sản nông thôn; ở khắp nơi tình trạng thiếu cân đối xảy ra đều có lợi cho những nhóm cao nhất trong nông dân.

Như vậy, thật là sai lầm lớn nếu nghĩ rằng trong khi nghiên cứu việc phân loại nông dân theo hoàn cảnh kinh tế chúng tôi đã không tính đến ảnh hưởng của “sự bình quân” của công xã. Trái hẳn lại, chính chúng tôi đã tính đến ý nghĩa kinh tế thật sự của sự bình quân đó, dựa trên những số liệu chính xác. Chính chúng tôi đã chỉ rõ là sự bình quân đó phổ biến đến mức nào, và *cuoối cùng* tất cả chế độ phân phối lại đưa đến đâu. Dù cho chế độ đó đem lại một sự phân phối tốt nhất đối với ruộng đất có chất lượng khác nhau và những khoảnh ruộng đất khác nhau, nhưng vẫn không thể chối cãi được sự thật là ưu thế của những nhóm nông dân sung túc đối với những nhóm nghèo nhất đã biểu hiện *cả* trong sự phân phối ruộng đất chia. Về sự phân phối những ruộng đất khác, không phải ruộng đất chia, như chúng ta sẽ thấy sau đây, là không đồng đều hơn rất nhiều.

Mọi người đều rõ ý nghĩa của việc cho thuê ruộng đất trong kinh tế nông dân. Sự thiếu thốn về ruộng đất đưa lại những hình thức muôn hình muôn vẻ khác thường của những quan hệ nô dịch trên cơ sở đó. Như chúng tôi đã nói ở trên, việc nông dân thuê ruộng đất, về thực chất, luôn luôn là chế độ lao dịch trong kinh tế của địa chủ, là một phương thức kiểu nông nô để lãnh chúa chiếm đoạt sức lao động. Như vậy, ý nghĩa nông nô của việc nông dân thuê ruộng đất ở nước ta là không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng, một khi chúng ta xét sự tiến triển tư bản chủ nghĩa của một nước nhất định, chúng ta phải đặc biệt nghiên cứu xem những quan hệ *tư sản* thể hiện như thế nào và có thể hiện trong việc nông dân thuê ruộng đất không. Để làm việc này, lại cần có những số liệu về những nhóm kinh tế khác nhau trong nông dân, chứ không phải về những công xã hoặc thôn được coi như là một tổng thể. Ví dụ, trong cuốn “Kết quả những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương”, ông Ca-rư-sép đã phải công nhận rằng tô hiện vật (nghĩa là tô không trả bằng tiền mà bằng sản phẩm hoặc lao dịch), theo quy định chung, *ở đâu* cũng đắt hơn tô tiền, và hơn nữa lại đắt hơn rất nhiều, có khi gấp đôi; tiếp đó, còn thừa nhận rằng việc thuê ruộng trả bằng hiện vật phát triển *mạnh hơn hết trong những nhóm nông dân nghèo nhất*. Những nông dân ít nhiều khá giả đều tìm cách thuê ruộng đất trả bằng tiền. “Người thuê lợi dụng cả những khả năng nhỏ nhất để trả tiền thuê bằng tiền, vì như vậy giá thuê ruộng đất sẽ rẻ hơn” (Ca-rư-sép, sách đã dẫn, tr. 265).

Như thế nghĩa là toàn bộ gánh nặng của chế độ cho thuê ruộng đất theo kiểu nông nô ở nước ta đều rơi vào những nông dân nghèo nhất. Những nông dân khá giả cố tìm cách thoát khỏi cái ách thời trung cổ, và họ chỉ thành công trong việc này với điều kiện là họ có được những món tiền đầy đủ. Có tiền thì sẽ có thể thuê được ruộng đất bằng tiền mặt theo giá cả thị trường thông thường. Không có tiền thì sẽ

bị nô dịch và phải trả tiền thuê ruộng đất đắt gấp ba dưới hình thức sản phẩm hoặc lao dịch. Ở trên chúng ta đã thấy giá công lao dịch thấp hơn giá làm thuê tự do bao nhiêu lần. Và nếu những điều kiện thuê ruộng lại khác nhau đối với nông dân giàu nghèo khác nhau, thì rõ ràng là chúng ta không thể giới hạn (như Ca-rư-sép thường làm) trong việc phân loại nông dân theo ruộng đất được chia, bởi vì cách phân loại như thế hợp nhất *một cách giả tạo* những hộ giàu nghèo khác nhau, và lẫn lộn giai cấp vô sản nông thôn với giai cấp tư sản nông thôn.

Để minh họa, chúng tôi xin lấy những số liệu về huyện Ca-mư-sin thuộc tỉnh Xa-ra-tốp, một tỉnh gần như hoàn toàn có tính chất công xã (trong 2 455 công xã của tỉnh này thì 2 436 công xã có ruộng đất theo kiểu sở hữu công xã). Quan hệ giữa những nhóm hộ khác nhau trong việc thuê ruộng đất là như sau:

Nhóm nông hộ	Tỷ lệ %	Số đê-xi-a-ti-na của mỗi hộ được chia ruộng đất	
		Ruộng đất chia	Ruộng đất thuê
Không có súc vật kéo.....	26,4	5,4	0,3
Có 1 súc vật kéo	20,3	6,5	1,6
" 2 "	14,6	8,5	3,5
" 3 "	9,3	10,1	5,6
" 4 "	8,3	12,5	7,4
" 5 súc vật kéo trở lên	21,1	16,1	16,6
<i>Tổng cộng</i>	100,0	9,3	5,4

Về sự phân phối ruộng đất chia thì chúng ta đã biết: những hộ khá giả tính theo đầu người thì được chia nhiều ruộng đất hơn những hộ nghèo. Sự phân phối ruộng đất thuê chênh lệch *đến hơn chục lần*. Nhóm cao nhất được cấp ruộng đất chia nhiều hơn 3 lần so với nhóm thấp nhất (16,1 so với 5,4). Ruộng đất thuê của nhóm cao nhất nhiều hơn nhóm

thấp nhất *năm mươi lần* (16,6 so với 0,3). Vậy là việc thuê ruộng không san bằng sự khác biệt giữa nông dân về hoàn cảnh kinh tế mà còn tăng lên hàng chục lần và làm cho nó gay gắt thêm. Kết luận ngược lại mà chúng ta thấy nhiều lần ở những nhà kinh tế dân túy (V. V., Nic. —ôn, Ma-rét-xơ, Ca-rư-sép, Vi-khli-a-ép, v. v.) là dựa trên sai lầm dưới đây. Thông thường họ phân loại nông dân theo ruộng đất được chia và chứng minh rằng những người được chia ít thì thuê ruộng đất nhiều hơn những người được chia nhiều. Họ dừng lại ở đó, mà không nêu lên rằng chủ yếu những hộ khá giả trong những công xã ít ruộng đất được chia mới thuê ruộng và do đó, sự bình quân bề ngoài của công xã chỉ che đậy sự chênh lệch hết sức lớn của việc phân phối trong nội bộ công xã. Ví dụ, Ca-rư-sép tự thừa nhận rằng “số ruộng đất thuê lớn nhất là ở a) những loại nông hộ ít ruộng đất hơn, và ở b) những nhóm nông hộ khá giả hơn” (tr. 139, sách đã dẫn). Nhưng đâu sao ông ấy cũng không nghiên cứu có hệ thống cách phân phối ruộng đất thuê theo nhóm hộ như thế nào.

Để thấy rõ hơn sai lầm này của những nhà kinh tế dân túy, chúng ta hãy lấy một ví dụ của ông Ma-rét-xơ (trong cuốn “Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì”, t. I, tr. 34). Qua những số liệu về huyện Mê-li-tô-pôn, ông kết luận rằng “ruộng đất thuê được phân phối gần đều theo đầu người”. Tại sao vậy? Tại vì, nếu chia các hộ theo số lao động nam thì những hộ không có lao động nam đều thuê “trung bình” mỗi hộ là 1,6 đê-xi-a-ti-na, những hộ có một lao động nam thuê 4,4 đê-xi-a-ti-na; có hai lao động nam thuê 8,3 đê-xi-a-ti-na và có ba lao động nam thuê 14,0 đê-xi-a-ti-na. Thực chất chính là ở chỗ những loại “trung bình” ấy gồm những hộ có hoàn cảnh kinh tế hoàn toàn khác nhau; là ở chỗ, ví dụ trong những hộ có một lao động thì có những hộ thuê 4 đê-xi-a-ti-na và gieo trồng từ 5 đến 10 đê-xi-a-ti-na, kèm theo 2 hoặc 3 súc vật cây kéo, và có những hộ thuê

38 đê-xi-a-ti-na, gieo trồng trên 50 đê-xi-a-ti-na, kèm theo 4 súc vật cày kéo trở lên. Như vậy, tính chất bình quân mà ông Ma-rét-xơ đưa ra là *hư ảo*. Thực tế ở huyện Mê-li-tô-pôn, 20% hộ giàu có, mặc dù họ có nhiều ruộng đất được chia và ruộng đất mua hơn cả, đã tập trung 66,3% nghĩa là $\frac{2}{3}$ tổng số ruộng đất thuê, chỉ để lại tất cả có 5,6% ruộng đất thuê cho những hộ nghèo nhất, tức là *một nửa* tổng số hộ.

Chúng ta hãy tiếp tục. Nếu chúng ta thấy, một bên là việc thuê một đê-xi-a-ti-na, thậm chí chỉ dưới một đê-xi-a-ti-na ở những hộ không có ngựa hoặc chỉ có một con ngựa, còn bên kia là việc thuê từ 7 đến 16 đê-xi-a-ti-na ở những hộ có 4 con ngựa và nhiều hơn nữa, thì rõ ràng là ở đây số lượng chuyển thành chất lượng. Việc thuê ruộng thứ nhất là thuê ruộng vì túng thiếu, thuê ruộng có tính chất nô dịch. “Người thuê ruộng”, trong những điều kiện như thế, không thể không biến thành công cụ của sự bóc lột bằng những lao dịch, vay công non mùa đông, vay tiền, v. v.. Ngược lại, hộ có từ 12 đến 16 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia và thuê *thêm* từ 7 đến 16 đê-xi-a-ti-na thì rõ ràng là thuê ruộng không phải vì túng thiếu mà vì giàu có, không phải để “có miếng ăn” mà để làm giàu, để “kiếm tiền”. Ở đây chúng ta thấy rõ việc thuê ruộng chuyển hóa thành chế độ kinh doanh kiểu phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa, thấy việc kinh doanh theo lối xí nghiệp nảy nở trong nông nghiệp. Những hộ như thế, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, không thể không thuê công nhân nông nghiệp.

Bây giờ thử hỏi: việc thuê ruộng có tính chất kinh doanh rõ ràng đó là hiện tượng chung đến mức độ nào? Dưới đây, chúng tôi sẽ dẫn chứng rằng trong những khu vực khác nhau của nền nông nghiệp có tính chất thương mại, sự phát triển của nền kinh tế kinh doanh theo lối xí nghiệp biểu hiện khác nhau. Bây giờ chúng tôi nêu thêm một số ví dụ và sẽ kết luận chung về vấn đề thuê ruộng đất.

Trong huyện Đni-ép-rơ tỉnh Ta-vrích, những hộ gieo trồng từ 25 đê-xi-a-ti-na trở lên, chiếm 18,2% tổng số. Mỗi hộ đó có từ 16 đến 17 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia và thuê từ 17 đến 44 đê-xi-a-ti-na. Trong huyện Nô-vô-u-den-xcơ tỉnh Xa-ma-ra, những hộ có từ 5 súc vật cày kéo trở lên chiếm 24,7% tổng số. Mỗi hộ đó gieo trồng 25 - 53 hoặc 149 đê-xi-a-ti-na, thuê thêm ruộng đất không phải là ruộng đất chia là 14 - 54 hoặc 304 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ (con số thứ nhất thuộc nhóm có từ 5 đến 10 súc vật cày kéo — 17,1% tổng số hộ; con số thứ nhì thuộc nhóm có từ 10 đến 20 súc vật cày kéo — 5,8% tổng số hộ; con số thứ ba thuộc nhóm có từ 20 súc vật cày kéo trở lên — 1,8% tổng số hộ). Mỗi hộ còn thuê thêm ruộng đất được chia trong các công xã khác là 12 - 29 hoặc 67 đê-xi-a-ti-na; và trong công xã của họ là 9 - 21 hoặc 74 đê-xi-a-ti-na. Trong huyện Cra-xnô-u-phim-xcơ tỉnh Péc-mơ, 10,1% tổng số hộ cày bừa mỗi hộ ít ra là 20 đê-xi-a-ti-na. Mỗi hộ đó có từ 28 đến 44 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia và thuê từ 14 đến 40 đê-xi-a-ti-na ruộng đất cày bừa và từ 118 đến 261 đê-xi-a-ti-na đồng cỏ. Trong hai huyện thuộc tỉnh Ô-ri-ôn (Ê-lê-txơ và Tơ-rúp-sép-xcơ) những hộ có từ 4 con ngựa trở lên chiếm 7,2% tổng số. Mỗi hộ có 15,2 đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, họ đưa số ruộng đất canh tác lên tới 28,4 đê-xi-a-ti-na bằng cách mua ruộng đất và thuê. Trong huyện Da-đôn-xcơ tỉnh Vô-rô-ne-giơ, có những số liệu tương ứng như sau: 3,2% số hộ trong đó mỗi hộ có 17,1 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia và có tất cả là 33,2 đê-xi-a-ti-na ruộng đất canh tác. Trong ba huyện (Cni-a-ghi-nin, Ma-ca-ri-ép và Va-xi-li-ép) thuộc tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, 9,5% hộ có từ 3 con ngựa trở lên. Mỗi hộ đó có từ 13 đến 16 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia, còn tổng số ruộng đất canh tác của mỗi hộ là từ 21 đến 34 đê-xi-a-ti-na.

Qua những số liệu này, rõ ràng là việc thuê ruộng có tính chất kinh doanh trong nông dân không phải là hiện

tượng cá biệt và ngẫu nhiên, mà là hiện tượng chung và ở khắp nơi. Ở chỗ nào cũng thế, trong công xã nổi lên những hộ khá giả, những hộ này bao giờ cũng chỉ là một thiểu số không đáng kể và nhờ việc thuê ruộng theo lối kinh doanh mà tổ chức canh tác theo lối tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, không thể giải thích những vấn đề kinh tế của nông dân nước ta bằng những câu chung chung về thuê ruộng để có miếng ăn và thuê ruộng theo lối tư bản chủ nghĩa: cần phải nghiên cứu những *số liệu cụ thể* về sự phát triển những đặc điểm có tính chất nông nô của việc thuê ruộng, và về sự hình thành những quan hệ tư bản chủ nghĩa *ngay trong việc thuê ruộng đất đó*.

Ở trên chúng tôi đã đưa ra những số liệu để xem 20% số hộ khá giả nhất trong tổng số hộ đã tập trung bao nhiêu nhân khẩu và ruộng đất được chia. Bây giờ chúng ta có thể nói thêm rằng họ tập trung từ 50,8% đến 83,7% toàn bộ ruộng đất mà nông dân thuê, để lại cho 50% tổng số hộ thuộc nhóm thấp nhất từ 5% đến 16% tổng số ruộng đất thuê. Từ đó có thể rút ra một kết luận rõ ràng: nếu ai hỏi chúng ta rằng hình thức thuê ruộng nào phổ biến hơn ở Nga, hình thức thuê ruộng để có miếng ăn hay thuê ruộng có tính chất kinh doanh, thuê ruộng vì túng thiếu hay lối thuê của nông dân khá giả, thuê ruộng kiểu nông nô (theo kiểu lao dịch và nô dịch) hay kiểu tư sản, thì chỉ có thể có một câu trả lời. Không nghi ngờ gì nữa, trong số những hộ thuê ruộng đất thì đa số thuê ruộng đất là vì túng thiếu. Đối với đại đa số nông dân, thì thuê ruộng là sự nô dịch. Không nghi ngờ gì nữa, trong số ruộng đất thuê, ít nhất là một nửa nằm trong tay những nông dân khá giả, trong tay tư sản nông thôn, những người này đang tổ chức một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Những số liệu về giá cả ruộng đất thuê thường chỉ nêu số liệu “*bình quân*” cho tất cả những người thuê ruộng và cho toàn bộ ruộng đất cho thuê. Những số liệu *bình quân*

đó *che đậy* sự túng thiếu vô cùng và tình cảnh bị áp bức của nông dân đến mức nào, điều ấy thấy rõ qua những số liệu thống kê ruộng đất của hội đồng địa phương huyện Đni-ép-rơ thuộc tỉnh Ta-vrích; thật cũng đặc biệt may mắn, trong bản thống kê có chỉ rõ giá thuê ruộng đất của những nhóm nông dân khác nhau:

	Tỷ lệ phần trăm hộ thuê ruộng	Diện tích ruộng đất canh tác của một hộ thuê ruộng (đê-xi-a-ti-na)	Giá thuê một đê-xi- a-ti-na (rúp)
Hộ gieo trồng dưới			
5 đê-xi-a-ti-na	25	2,4	15,25
Hộ gieo trồng 5 - 10 đê-xi-a-ti-na	42	3,9	12,00
" " 10 - 25 "	69	8,5	4,75
" " 25 - 50 "	88	20,0	3,75
" " trên 50 "	91	48,6	3,55
<i>Tổng cộng</i>	56,2	12,4	4,23

Như vậy, giá thuê “*bình quân*” là 4 rúp 23 cô-pếch một đê-xi-a-ti-na hoàn toàn xuyên tạc thực tế và xóa mất những mâu thuẫn vốn là thực chất của vấn đề. Nông dân nghèo buộc phải lĩnh canh với một giá làm họ phá sản, cao gấp ba lần giá *bình quân*. Nông dân giàu có mua ruộng đất “*theo mớ*” và với giá rẻ, tất nhiên khi gặt dặt sẽ để lại ruộng đất đó cho những người láng giềng túng thiếu với tiền lãi 275%. Có kiểu thuê này và kiểu thuê khác. Có sự nô dịch kiểu nông nô, có hình thức thuê ruộng đất kiểu Ai-rơ-len và có sự buôn bán ruộng đất, có chế độ kinh doanh kiểu phéc-mi-ê tư bản chủ nghĩa.

Hiện tượng nông dân cho thuê ruộng đất được chia càng chỉ ra rõ ràng hơn quan hệ tư bản chủ nghĩa trong nội bộ công xã, sự phá sản của nông dân nghèo và việc làm giàu của

thiếu số dựa trên lưng quần chúng phá sản. Việc thuê và cho thuê ruộng đất là một loại hiện tượng không có liên quan gì với công xã và với tính chất bình quân của công xã. Sự bình quân trong việc phân phối ruộng đất chia sẽ có ý nghĩa gì trong đời sống thực tế, nếu nông dân nghèo buộc phải *cho* nông dân giàu thuê số ruộng đất được cấp bình quân của mình? Và còn có thể hình dung được sự phủ nhận nào rõ ràng hơn đối với những quan điểm “công xã” là việc thực tế cuộc sống đã *bác bỏ* sự bình quân về ruộng đất chia, sự bình quân có tính chất chính thức quan phương và đã được kiểm tra? Sự bất lực của bất kỳ chế độ bình quân nào, trước chủ nghĩa tư bản đang phát triển, cũng được chứng minh rõ ràng bằng sự thật là nông dân nghèo phải cho thuê ruộng đất đã được chia và nông dân giàu tập trung trong tay mình ruộng đất phát canh.

Hiện tượng cho thuê ruộng đất được chia có phải là phổ biến rộng rãi không? Theo tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương công bố vào những năm 80 của thế kỷ trước — tài liệu ấy bây giờ đã cũ nhưng chúng tôi bắt buộc phải hạn chế ở những tài liệu đó — thì số hộ cho thuê ruộng đất và tỷ lệ phần trăm ruộng đất chia đem cho thuê hình như không lớn lắm. Ví dụ trong huyện Đni-ép-rơ tỉnh Ta-vrích, 25,7% tổng số nông hộ cho thuê ruộng đất được chia, tỷ lệ phần trăm ruộng đất chia cho thuê là 14,9%. Trong huyện Nô-vô-u-den-xcơ tỉnh Xa-ma-ra, 12% số hộ cho thuê ruộng đất. Trong huyện Ca-mư-sin tỉnh Xa-ra-tốp, tỷ lệ phần trăm ruộng đất cho thuê là 16%. Trong huyện Cra-xnô-u-phim-xcơ tỉnh Péc-mơ, 8 nghìn rưỡi nông hộ trong số 23 nghìn rưỡi, tức là trên $\frac{1}{3}$, cho thuê ruộng đất cày cấy đã được chia. 50 nghìn rưỡi trong số 410 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia, tức là khoảng 12%, đã đem cho thuê. Trong huyện Da-đôn-xcơ tỉnh Vô-rô-ne-giơ, 6 nghìn rưỡi trong số 135 nghìn rưỡi đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, tức là dưới 5% đã đem cho thuê. Trong 3 huyện thuộc tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, số

ruộng đất cho thuê là 19 nghìn trong số 433 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, tức là cũng dưới 5%. Nhưng tất cả những con số đó chỉ có vẻ không lớn lắm, vì những quan hệ tỷ lệ phần trăm như vậy bao gồm giả định ngầm rằng dường như những hộ thuộc tất cả các nhóm đều cho thuê ruộng đất ít nhiều như nhau. Giả định đó hoàn toàn mâu thuẫn với thực tế. Chủ yếu nông dân nghèo cho thuê ruộng đất, còn nông dân khá giả thì thuê nhiều ruộng đất nhất, — sự kiện đó quan trọng hơn nhiều so với những con số tuyệt đối về ruộng đất phát canh và cho thuê, so với những tỷ lệ phần trăm bình quân về ruộng đất cho thuê hoặc nông hộ cho thuê ruộng đất. Về điểm này, những tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương không để lại một chút nghi ngờ nào. Từ 0,3% đến 12,5% toàn bộ ruộng đất cho thuê là của những hộ khá giả nhất, chiếm 20% tổng số hộ. Ngược lại, từ 63,3% đến 98,0% tổng số ruộng đất cho thuê thuộc những hộ nghèo nhất, chiếm 50% tổng số hộ. Và tất nhiên là cũng những nông dân khá giả đó thuê những ruộng đất cho thuê đó của những nông dân nghèo. Ở đây cũng vẫn rõ ràng là trong những nhóm nông dân khác nhau, việc cho thuê ruộng đất cũng có ý nghĩa khác nhau: nông dân nghèo cho thuê vì túng thiếu, không có khả năng canh tác ruộng đất, không có hạt giống, gia súc, nông cụ, vì quá cần tiền. Nông dân giàu cho thuê ít ruộng đất, hoặc là đổi một mảnh ruộng đất này lấy mảnh ruộng đất khác để kinh doanh có lợi, hoặc là trực tiếp buôn bán ruộng đất.

Dưới đây là những số liệu cụ thể của huyện Đni-ép-rơ tỉnh Ta-vrích. [Xem bảng kê ở tr. 110. *BT*.]

Phải chăng những số liệu ấy không chứng minh rõ ràng rằng ở đây việc nông dân bỏ ruộng đất và vô sản hóa trên quy mô to lớn kết hợp với việc buôn bán ruộng đất của một nhóm không đáng kể những kẻ giàu có? Phải chăng không phải là tiêu biểu khi tỷ lệ phần trăm ruộng đất được chia đem cho thuê tăng lên chính là ở những người gieo trồng nhiều, mỗi

	Tỷ lệ phần trăm	
	Nông hộ cho thuê ruộng đất chia	Ruộng đất chia đem cho thuê
Hộ không trồng trọt.....	80	97,1
Hộ trồng trọt dưới 5 đê-xi-a-ti-na	30	38,4
" " 5 - 10 ".....	23	17,2
" " 10 - 25 ".....	16	8,1
" " 25 - 50 ".....	7	2,9
" " trên 50 ".....	7	13,8
<i>Cả huyện</i>	25,7	14,9

hộ có 17 đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, 30,0 đê-xi-a-ti-na ruộng đất mua và 44,0 đê-xi-a-ti-na ruộng đất thuê? Nói chung thì tất cả nhóm nông dân nghèo ở huyện Đni-ép-rơ, tức là 40% tổng số hộ, có 56 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia, thuê 8 nghìn đê-xi-a-ti-na và cho thuê 21¹/₂ nghìn đê-xi-a-ti-na. Còn nhóm nông dân khá giả, chiếm 18,4% tổng số hộ, với 62 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, cho thuê 3 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia và thuê 82 nghìn đê-xi-a-ti-na. Trong 3 huyện thuộc tỉnh Ta-vrích, nhóm nông dân khá giả này thuê 150 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia, tức là ³/₅ tất cả số ruộng đất chia đem cho thuê! Trong huyện Nô-vô-u-den-xơ tỉnh Xa-ma-ra, 47% số hộ không có ngựa và 13% số hộ có một con ngựa phải cho thuê ruộng đất chia, còn những hộ có từ 10 súc vật cày kéo trở lên, tức là chỉ có 7,6% tổng số hộ, lại thuê mỗi hộ là 20 - 30 - 60 - 70 đê-xi-a-ti-na ruộng đất *chia*.

Về việc mua ruộng đất, chúng ta cũng phải nói gần giống như về việc thuê. Ở đây sự khác nhau là ở chỗ trong sự thuê ruộng có những đặc điểm mang tính chất nông nô, và trong những điều kiện nhất định việc thuê ruộng có tính chất lao dịch và nô dịch, tức thường là biện pháp ràng buộc những người lao động trong số những nông dân lân cận bị bần cùng

hóa, vào kinh tế của địa chủ. Việc những người nông dân được chia ruộng đất lại đi mua ruộng đất làm sở hữu tư nhân, là một hiện tượng thuần túy tư sản. Ở phương Tây, có khi người ta ràng buộc những công nhân nông nghiệp và những người làm công nhật vào ruộng đất bằng cách bán cho họ những mảnh ruộng đất nhỏ. Ở nước Nga chúng ta, phương pháp tương tự đã được nhà nước thực hiện từ lâu dưới hình thức cuộc "cải cách vĩ đại" năm 1861, và bây giờ việc nông dân mua ruộng đất đặc biệt thể hiện sự tách khỏi công xã của những đại biểu tư sản nông thôn. Sau năm 1861 việc nông dân mua ruộng đất phát triển như thế nào, thì chúng tôi đã nói ở trên, khi phân tích những số liệu về chế độ sở hữu ruộng đất. Ở đây cần chỉ rõ sự tập trung to lớn những ruộng đất mua vào tay một thiểu số. Những hộ khá giả, tức là 20% tổng số hộ, tập trung từ 59,7% đến 99% ruộng đất mua; còn những hộ nghèo nhất, tức là 50% tổng số hộ, thì tập trung từ 0,4% đến 15,4% tổng số ruộng đất do nông dân mua. Vì vậy chúng ta có thể mạnh dạn khẳng định là trong số 7¹/₂ triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất mà nông dân đã mua làm sở hữu cá nhân từ năm 1877 đến 1905 (xem ở trên), thì từ ²/₃ đến ³/₄ nằm trong tay một thiểu số không đáng kể những hộ khá giả. Tất nhiên việc các hội nông dân và tổ cày chung mua ruộng đất cũng như thế. Năm 1877 những hội nông dân đã mua tới 765 nghìn đê-xi-a-ti-na, và năm 1905 có tới 3,7 triệu đê-xi-a-ti-na, còn những tổ cày chung của nông dân năm 1905 đã có 7,6 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất là sở hữu tư nhân. Thật là sai lầm nếu nghĩ rằng ruộng đất mà các hội nông dân mua hoặc thuê, được phân phối một cách khác so với việc cá nhân mua hoặc thuê. Sự thật lại chứng minh ngược lại. Ví dụ, trong 3 huyện đất liền của tỉnh Ta-vrích người ta đã thu thập những số liệu về việc phân phối ruộng đất mà những *hội* nông dân thuê của nhà nước, hơn nữa có tình hình là 76% ruộng đất thuê nằm trong tay nhóm nông dân khá giả (khoảng 20% tổng số hộ), còn những hộ nghèo

nhất (chiếm 40% tổng số hộ) chỉ có 4% toàn bộ số ruộng đất thuê. Nông dân chỉ phân phối ruộng đất thuê hoặc ruộng đất mua “theo tiền” chứ không theo cách nào khác được.

IV

Tổng số những số liệu nêu ở trên về số ruộng đất chia, ruộng đất thuê, ruộng đất mua và ruộng đất cho thuê của nông dân đưa đến kết luận là việc *sử dụng ruộng đất thực tế* của nông dân ngày càng ít phù hợp với việc sở hữu ruộng đất được chia của nông dân có tính chất chính thức, do nhà nước quy định. Tất nhiên, nếu lấy tổng số hay những con số “bình quân”, thì số ruộng đất chia đem cho thuê được bù lại bằng số ruộng đất thuê, còn số ruộng đất thuê còn lại và ruộng đất mua được phân chia trong toàn bộ số hộ một cách có vẻ ngang nhau, và người ta có cảm tưởng là việc sử dụng ruộng đất thực tế về căn bản không khác lắm so với việc sử dụng ruộng đất do nhà nước quy định, tức là sử dụng ruộng đất được chia. Nhưng cảm tưởng đó sẽ là hư ảo vì số ruộng đất thực tế được sử dụng của nông dân khác xa số ruộng đất được chia bình quân lúc đầu *chính là trong những nhóm ở hai cực*, thành thử nếu dùng những con số “bình quân” thì sự việc không tránh khỏi bị xuyên tạc.

Trong thực tế, toàn bộ số ruộng đất sử dụng của nông dân thuộc các nhóm thấp là tương đối, — mà có khi còn là tuyệt đối, — ít so với số ruộng đất sở hữu là ruộng đất chia (cho thuê ruộng đất; phần ruộng đất thuê thì không đáng kể); ở những nhóm cao thì toàn bộ ruộng đất sử dụng bao giờ cũng tương đối và tuyệt đối cao hơn so với số ruộng đất sở hữu là ruộng đất chia, do sự tập trung ruộng đất mua và ruộng đất thuê. Chúng ta thấy rằng từ 33% đến 37% ruộng đất chia nằm trong tay những nhóm nghèo nhất, tức 50% tổng số hộ; tất cả ruộng đất sử dụng chỉ

có từ 18,6% đến 31,9%. Trong một vài trường hợp, giảm đi gần gấp đôi: ví dụ, trong huyện Cra-xnô-u-phim-xơ tỉnh Péc-mơ, nhóm nghèo nhất có 37,4% ruộng đất chia và 19,2% tổng số ruộng đất sử dụng. Ngược lại, những hộ khá giả chiếm 20% tổng số hộ, có từ 29 đến 36% ruộng đất chia và từ 34 đến 49% tổng số ruộng đất sử dụng. Sau đây là một vài số liệu cụ thể để minh họa những quan hệ đó. Trong huyện Đni-ép-rơ tỉnh Ta-vrich, những hộ nghèo nhất, chiếm 40% tổng số hộ, có 56 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia; tất cả ruộng đất sử dụng của họ chỉ có 45 nghìn đê-xi-a-ti-na, nghĩa là *ít hơn* 11 nghìn đê-xi-a-ti-na. Nhóm khá giả (18% tổng số hộ), có 62 nghìn đê-xi-a-ti-na ruộng đất chia; tất cả ruộng đất sử dụng của nó là 167 nghìn đê-xi-a-ti-na, nghĩa là nhiều hơn 105 nghìn đê-xi-a-ti-na. Dưới đây là những số liệu về 3 huyện thuộc tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt:

	Số đê-xi-a-ti-na của mỗi hộ	
	ruộng đất chia	tổng số ruộng đất sử dụng
Hộ không có ngựa	5,1	4,4
Hộ có 1 ngựa	8,1	9,4
" " 2 "	10,5	13,8
" " 3 "	13,2	21,0
" " từ 4 ngựa trở lên	16,4	34,6
<i>Tổng cộng</i>	8,3	10,3

Và ngay ở đây, trong nhóm thấp nhất, do thuê và cho thuê ruộng đất nên số ruộng đất sử dụng giảm đi một cách tuyệt đối. Và nhóm thấp đó, tức nhóm không có ngựa, chiếm 30% tổng số hộ. Gần $\frac{1}{3}$ số hộ *bị thiệt* một cách tuyệt đối vì thuê ruộng đất và cho thuê ruộng đất

Những hộ có một con ngựa (37% tổng số hộ) đã tăng thêm số ruộng đất sử dụng của mình, nhưng tăng hết sức không đáng kể, với tỷ lệ nhỏ hơn là mức tăng trung bình của số ruộng đất sử dụng của nông dân (từ 8,3 đê-xi-a-ti-na đến 10,3 đê-xi-a-ti-na). Vì vậy *phần* của nhóm đó trong tổng số ruộng đất sử dụng giảm đi: nhóm đó được 36,6% ruộng đất chia trong cả 3 huyện, mà chỉ có 34,1% tổng số ruộng đất sử dụng. Ngược lại, một thiểu số không đáng kể những nhóm cao tăng số ruộng đất sử dụng lên rất nhiều so với mức trung bình. Những hộ có 3 con ngựa (tức 7,3% tổng số hộ) tăng số ruộng đất sử dụng lên 1 lần rưỡi: từ 13 đê-xi-a-ti-na đến 21 đê-xi-a-ti-na. Những hộ có nhiều ngựa (tức 2,3% tổng số hộ) tăng hơn 2 lần, từ 16 đê-xi-a-ti-na đến 35 đê-xi-a-ti-na.

Do đó, chúng ta thấy *sự giảm sút vai trò của ruộng đất chia trong kinh tế nông dân* là một hiện tượng chung. Sự giảm sút đó diễn ra ở cả hai cực trong nông thôn bằng những con đường khác nhau. Đối với nông dân nghèo, vai trò của ruộng đất chia giảm đi, vì sự thiếu thốn tăng lên và sự phá sản *buộc* phải cho thuê ruộng đất chia, bỏ ruộng đất, *giảm bớt* ruộng đất kinh doanh vì thiếu gia súc, nông cụ, hạt giống, tiền, và chuyển sang hoặc làm thuê một việc nào đó, hoặc... về với tổ tiên. Những nhóm nông dân lớp dưới chết dần chết mòn, nạn đói, phù thũng, bệnh thương hàn hoành hành. Trong những nhóm nông dân lớp trên, ruộng đất chia giảm bớt ý nghĩa của nó, vì việc kinh doanh mở rộng bắt buộc phải vượt ra khỏi giới hạn ruộng đất chia, phải xây dựng trên cơ sở số ruộng đất chiếm hữu mới, không phải nộp thuế, mà được tự do, không phải theo kiểu di sản cổ truyền, mà mua bán ở thị trường: mua và thuê. Nông dân càng nhiều ruộng đất bao nhiêu, những dấu vết của chế độ nông nô càng yếu đi bao nhiêu, sự phát triển kinh doanh càng nhanh bao nhiêu, thì sự giải phóng khỏi ruộng đất được chia đó càng mạnh bấy nhiêu, sự thu hút

tất cả ruộng đất vào chu chuyển thương mại, việc xây dựng nền nông nghiệp có tính chất buôn bán trên ruộng đất thuê càng mạnh bấy nhiêu. Ví dụ — vùng Nô-vô-rốt-xi-a. Như chúng ta vừa thấy, nông dân khá giả ở đó kinh doanh trên ruộng đất mua và ruộng đất thuê nhiều hơn trên ruộng đất được chia. Điều này có vẻ ngược đời, nhưng đó là sự thật: ngay trong địa phương có nhiều ruộng đất nhất ở Nga, nông dân khá giả có nhiều ruộng đất chia nhất (mỗi hộ có 16 - 17 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia) cũng đã chuyển trọng tâm kinh doanh nông nghiệp từ ruộng đất chia sang ruộng đất *không phải là ruộng đất chia!*

Việc vai trò ruộng đất chia giảm sút ở cả hai cực đang phát triển nhanh chóng trong nông dân, cũng có ý nghĩa rất lớn để đánh giá những điều kiện của cuộc cách mạng ruộng đất mà thế kỷ XIX để lại cho thế kỷ XX, và cuộc cách mạng ấy đưa đến cuộc đấu tranh của các giai cấp trong cuộc cách mạng ở nước ta. Sự kiện đó chỉ rõ rằng việc *phá vỡ* chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, cả của địa chủ, cả của nông dân, đã trở thành một *tất yếu kinh tế tuyệt đối*. Sự phá vỡ đó tuyệt đối không thể tránh khỏi, và không một lực lượng nào trên trái đất có thể cản trở nó. Cuộc đấu tranh xảy ra do những hình thức của sự phá vỡ đó, do những phương pháp của sự phá vỡ đó: theo kiểu Xtô-lư-pin, với việc duy trì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và sự cướp bóc của cu-lắc đối với công xã; hay là theo kiểu nông dân, với việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và loại bỏ tất cả những hàng rào ngăn cách có tính chất trung cổ đối với ruộng đất bằng phương pháp quốc hữu hóa ruộng đất. Nhưng chúng tôi sẽ nói về việc đó chi tiết hơn ở phần dưới. Ở đây cần chỉ rõ một hiện tượng quan trọng là sự giảm sút của vai trò ruộng đất chia đưa tới sự phân phối thuế má và đảm phụ một cách hết sức không đều.

Ai cũng biết rằng thuế má và đảm phụ mà người nông

dân Nga phải gánh vác vẫn duy trì trong nó rất nhiều dấu vết thời trung cổ. Ở đây chúng tôi không thể đi vào những chi tiết liên quan đến lịch sử tài chính của nước Nga. Chỉ cần dẫn ra việc chuộc lại cũng đủ — đó là một tàn tích trực tiếp của tô hiện vật hoặc tô tiền kiểu trung cổ, một cống vật trả cho bọn địa chủ - chủ nô mà nhà nước cảnh sát bắt phải nộp. Chỉ cần nhắc lại việc đánh thuế không đều đối với ruộng đất của quý tộc và của nông dân, và chỉ cần nhắc lại những đảm phụ bằng hiện vật, v. v. cũng đủ. Chúng tôi chỉ nêu tổng số thuế và đảm phụ theo những số liệu thống kê của tỉnh Vô-rô-ne-giơ về các khoản thu chi của nông dân⁶⁵. Tổng thu nhập bình quân của một gia đình nông dân (theo số liệu về 66 biểu thu chi điển hình) là 491 rúp 44 cô-pếch, tổng số chi là 443 rúp. Thu nhập ròng là 48 rúp 44 cô-pếch. Tổng số thuế và đảm phụ đánh vào một hộ "trung bình" là 34 rúp 35 cô-pếch. Như thế là thuế má và đảm phụ chiếm 70% *thu nhập ròng*. Tất nhiên, đây chỉ là thuế về hình thức, còn trên thực tế, đó là sự bóc lột "đẳng cấp phải nộp thuế" theo kiểu nông nô trước kia. Thu nhập ròng bằng tiền của một gia đình trung bình là 17 rúp 83 cô-pếch, nghĩa là "thuế" đánh vào người nông dân Nga *nhiều gấp đôi* số thu nhập ròng bằng tiền của họ. Đây là theo những số liệu năm 1889, chứ không phải năm 1849!

Nhưng ở đây những con số bình quân cũng che đậy sự túng thiếu của nông dân và phản ánh tình cảnh của nông dân tốt hơn rất nhiều so với thực tế. Những số liệu về phân phối thuế và đảm phụ trong các nhóm nông dân có những hoàn cảnh kinh tế khác nhau, chỉ rõ rằng thuế và đảm phụ đánh vào nông dân không có ngựa và có một con ngựa (tức là *ba phần năm* tổng số các gia đình nông dân ở Nga) cao hơn nhiều không những so với số thu nhập ròng bằng tiền mà so với cả tổng thu nhập ròng. Những số liệu ấy như sau:

	Số liệu thu chi (của một hộ, tính bằng rúp)			
	Tổng thu nhập	Chi	Thuế và đảm phụ	Thuế và đảm phụ tính theo tỷ lệ % so với số chi
a) Hộ không có ngựa.....	118,10	109,08	15,47	14,19
b) Hộ có 1 ngựa	178,12	174,26	17,77	10,20
c) " " 2 "	429,72	379,17	32,02	8,44
d) " " 3 "	753,19	632,36	49,55	7,83
đ) " " 4 "	978,66	937,30	67,90	7,23
e) " " 5 ngựa trở lên	1 766,79	1 593,77	86,34	5,42
<i>Bình quân</i>	491,44	443,00	34,35	7,75

Những nông dân không có ngựa và những nông dân có một con ngựa phải nộp dưới hình thức thuế *một phần bảy và một phần mười tổng số* chi của họ. Chưa chắc những tô hiện vật hoặc tô tiền kiểu nông nô đã cao như thế: đối với địa chủ, sự phá sản không thể tránh khỏi của quần chúng nông dân thuộc quyền sở hữu của họ, là không có lợi gì. Còn sự không đồng đều về thuế má thì rất lớn: nông dân khá giả đóng thuế theo tỷ lệ hai hoặc ba lần ít hơn số thu nhập của họ. Do đâu mà có sự không đồng đều đó? Do số thuế chủ yếu đánh vào nông dân là tính theo ruộng đất. Đối với nông dân, phần thuế và phần ruộng đất được chia hợp nhất trong một khái niệm: "nhân khẩu". Và nếu trong ví dụ này, chúng ta tính tổng số thuế và đảm phụ đánh vào các nhóm khác nhau tính theo 1 đê-xi-a-ti-na ruộng đất được chia thì chúng ta có những số liệu như sau: a) 2,6 rúp; b) 2,4 rúp; c) 2,5 rúp; d) 2,6 rúp; đ) 2,9 rúp và e) 3,7 rúp. Trừ nhóm lớp cao nhất là nhóm có những xí nghiệp công nghiệp lớn phải nộp thuế đặc biệt ra, thì chúng ta thấy có sự phân phối thuế gần đồng đều. Ngay cả ở đây phần ruộng đất được chia, nói chung, là phù hợp với phần thuế. Hiện tượng đó là tàn tích trực tiếp (và là bằng chứng nổi bật) của tính chất nông nô của công xã nước ta. Do

chính những điều kiện của một nền kinh tế dựa trên chế độ lao dịch — điều đó cũng không thể nào khác thế được, — cho nên địa chủ không thể nào đảm bảo cho mình, trong nửa thế kỷ sau cuộc “giải phóng”, có được những người lao động nô dịch trong số những nông dân lân cận, nếu những nông dân ấy không bị trói buộc vào những mảnh ruộng đất được chia chẻ đôi, nếu họ không bị bắt buộc phải trả giá quá đắt về những mảnh đất ấy. Không nên quên rằng, vào cuối thế kỷ XIX ở Nga hoàn toàn không hiếm gì những trường hợp nông dân phải *đút lót tiền để khỏi phải* nhận ruộng đất được chia, phải trả “thêm” một khoản tiền về việc từ chối không nhận ruộng đất chia, tức là trả thêm một món tiền nào đấy cho người nhận mảnh ruộng đất chia của người đã bỏ đi. Ví dụ ông Giơ-ban-cốp, khi miêu tả đời sống của nông dân vùng Cô-xtơ-rô-ma trong cuốn “Xứ sở của phụ nữ” (Cô-xtơ-rô-ma, 1891), đã nói rằng: trong số những người ở vùng Cô-xtơ-rô-ma đi làm thuê ở ngoài làng, “rất ít người thu được một phần tiền thuê nhỏ nào đó về số ruộng đất cho thuê, mà thường thường họ cho thuê ruộng đất chỉ cốt là người thuê rào giậu mảnh ruộng đó lại, còn tất cả tiền thuê thì do chính chủ đất phải trả”. Trong quyển “Khái quát tình hình tỉnh I-a-rô-xláp” xuất bản năm 1896, ta thấy cả một loạt những chỉ dẫn giống nhau về việc những người lao động đi làm ở ngoài làng phải *đút lót tiền để khỏi phải* nhận ruộng đất chia.

Đương nhiên, chúng ta sẽ không gặp “quyền lực của ruộng đất” *như thế* trong những tỉnh thuần túy nông nghiệp. Nhưng nhất định cả trong những tỉnh đó cũng có hiện tượng, dưới một hình thức khác, là vai trò của ruộng đất chia giảm sút ở cả hai cực trong nông thôn. Sự kiện đó có tính chất phổ biến. Mà như vậy thì sự phân bố thuế căn cứ theo số ruộng đất chia không tránh khỏi tạo ra một sự không đồng đều về việc đóng thuế ngày càng lớn. Về mọi mặt và bằng những con đường hết sức khác nhau, sự phát triển

kinh tế đưa đến chỗ là những hình thức chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ sụp đổ, những hàng rào đẳng cấp (ruộng đất chia, ruộng đất của địa chủ, v. v.) bị phá hủy, những hình thức kinh tế mới được hình thành, không phân biệt là từ những mảnh của kiểu chiếm hữu ruộng đất này hay kiểu chiếm hữu ruộng đất khác. Thế kỷ XIX để lại cho thế kỷ XX nhiệm vụ hoàn thành sự “thanh toán” những hình thức chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ, như là một nhiệm vụ bắt buộc tuyệt đối. Cuộc đấu tranh đang diễn ra xung quanh vấn đề xem việc “thanh toán” đó sẽ được thực hiện dưới hình thức nông dân quốc hữu hóa ruộng đất hay dưới hình thức bọn cu-lắc đẩy mạnh việc cướp bóc công xã và chuyển kinh tế địa chủ thành kinh tế gioong-ke.

Tiếp tục phân tích những số liệu về chế độ kinh tế nông dân hiện tại, chúng ta hãy từ vấn đề ruộng đất chuyển sang vấn đề chăn nuôi. Và cả ở đây chúng ta cũng phải xác định một lần nữa như một quy luật chung, rằng việc phân phối gia súc trong các nông hộ không đồng đều *hơn rất nhiều* so với việc phân phối ruộng đất chia. Dưới đây là ví dụ về quy mô chăn nuôi của nông dân huyện Đni-ép-rơ tỉnh Ta-vrích:

	Mỗi hộ có	
	ruộng đất được chia (đê-xi-a-ti-na)	gia súc (con)
Hộ không gieo trồng.....	6,4	1,1
Hộ gieo trồng dưới 5 đê-xi-a-ti-na	5,5	2,4
" " 5 - 10 "	8,7	4,2
" " 10 - 25 "	12,5	7,3
" " 25 - 50 "	16,6	13,9
" " trên 50 "	17,4	30,0
<i>Bình quân</i>		11,2 7,6

Sự khác nhau giữa những nhóm đầu và cuối, về số lượng gia súc, lớn *gấp mười lần* so với sự khác nhau về số lượng ruộng đất được chia. Quy mô thực tế của nền kinh tế, ngay cả khi căn cứ vào những số liệu về chăn nuôi, cũng rất ít

giống những số liệu mà người ta vẫn thường sử dụng, khi chỉ đóng khung trong những số liệu bình quân và những giả định về vai trò chi phối tất cả của ruộng đất chia. Dù chúng ta lấy một huyện nào, ở đâu thì việc phân phối gia súc cũng không đồng đều hơn rất nhiều so với việc phân phối ruộng đất chia. Những hộ khá giả chiếm 20% tổng số hộ, có từ 29 đến 36% ruộng đất chia, đã tập trung từ 37% đến 57% tổng số gia súc thuộc nông dân ở một huyện nhất định hoặc ở một nhóm huyện. Chỉ còn lại từ 14% đến 30% tổng số gia súc cho những hộ thuộc nhóm thấp chiếm 50% tổng số hộ.

Nhưng các số liệu đó còn xa mới đánh giá được tất cả bề sâu của những sự khác biệt thực tế. Bên cạnh vấn đề số lượng gia súc, vấn đề *chất lượng* gia súc cũng có ý nghĩa quan trọng như thế, mà có khi lại còn có ý nghĩa quan trọng hơn nữa. Dĩ nhiên dễ hiểu là người nông dân nửa phá sản với nền kinh tế nghèo khổ và bị nô dịch về mọi mặt, không thể có gia súc và chăn nuôi gia súc với chất lượng tốt đời chút. Chủ mà đối (người chủ đáng thương) thì gia súc cũng đối, không thể khác được. Những số liệu về thu chi ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ chỉ ra cực kỳ rõ ràng tất cả sự nghèo nàn của nền chăn nuôi ở những nông dân không có ngựa và có một con ngựa, tức là ở *ba phần năm* tổng số nông hộ ở Nga. Chúng ta hãy chọn những số liệu ấy để nêu rõ đặc điểm của nền chăn nuôi của nông dân. [Xem bảng kê ở tr. 121. BT.]

Trong những năm 1896 - 1900 ở phần nước Nga thuộc châu Âu có $3\frac{1}{4}$ triệu nông hộ không có ngựa. Với chi phí một năm *tám cô-pếch* về súc vật và nông cụ, thì chúng ta có thể hình dung được việc “kinh doanh” nông nghiệp của họ như thế nào. Số nông dân có 1 con ngựa là $3\frac{1}{3}$ triệu hộ. Với chi phí mỗi năm là 5 rúp để mua thêm nông cụ và gia súc, họ chỉ có thể mãi mãi luẩn quẩn trong sự túng thiếu không bao giờ hết. Cả đối với những nông dân

	Số lượng gia súc trong một nông hộ tính thành đại gia súc	Chi phí bình quân một năm (rúp)		
		Để mua thêm và giữ gìn nông cụ và gia súc	Về thức ăn cho gia súc	
a) Hộ không có ngựa.....	0,8	0,08	8,12	
b) " có 1 ngựa.....	2,6	5,36	36,70	
c) " " 2 ".....	4,9	8,78	71,21	
d) " " 3 ".....	9,1	9,70	127,03	
đ) " " 4 ".....	12,8	30,80	173,24	
e) " " 5 ngựa trở lên	19,3	75,80	510,07	
	<i>Bình quân</i>	5,8	13,14	98,91

có 2 con ngựa ($2\frac{1}{2}$ triệu hộ) và có 3 con ngựa (1 triệu hộ), khoản chi phí về gia súc và nông cụ cũng chỉ có 9 - 10 rúp một năm. Chỉ có trong hai nhóm trên (trong toàn nước Nga có 1 triệu nông hộ như thế trong tổng số 11 triệu nông hộ), chi phí về gia súc và nông cụ mới xấp xỉ đạt được mức đảm bảo sự kinh doanh nông nghiệp được bình thường.

Hoàn toàn tự nhiên là trong những điều kiện như vậy, chất lượng gia súc không thể giống nhau trong các nông hộ thuộc những nhóm khác nhau. Ví dụ, giá trị một con ngựa cày kéo của người nông dân có một con ngựa là 27 rúp, của nông dân có 2 con ngựa là 37 rúp, của nông dân có 3 con ngựa là 61 rúp, của nông dân có 4 con ngựa là 52 rúp và của nông dân có nhiều ngựa là 69 rúp. Sự chênh lệch giữa những nhóm đầu và cuối là trên 100%. Và hiện tượng đó là chung cho tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, vì ở đây có nền kinh tế nhỏ và nền kinh tế lớn. Trong cuốn “Vấn đề ruộng đất” (phần I, Xanh Pê-téc-bua. 1908)¹⁾ tôi

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 290 - 303.

đã chỉ rõ rằng những sự nghiên cứu của Đréch-xlơ trong lĩnh vực nông nghiệp và chăn nuôi ở Đức, cũng cho kết quả hoàn toàn như thế⁶⁶. Trọng lượng trung bình của một gia súc trung bình trong những trại ấp lớn là 619 ki-lô-gam (năm 1884, sách đã dẫn, tr. 259); trong những nông hộ có từ 25 héc-ta trở lên là 427 ki-lô-gam; trong những hộ có từ $7\frac{1}{2}$ đến 25 héc-ta là 382 ki-lô-gam; trong những hộ có từ $2\frac{1}{2}$ đến $7\frac{1}{2}$ héc-ta là 352 ki-lô-gam và cuối cùng trong những hộ có dưới $2\frac{1}{2}$ héc-ta là 301 ki-lô-gam.

Sự chăm sóc ruộng đất, đặc biệt việc bón phân cho ruộng đất cũng tùy thuộc vào số lượng và chất lượng gia súc. Ở trên, chúng tôi đã chứng minh rằng tất cả những số liệu thống kê ở toàn nước Nga đã xác nhận là ruộng đất của địa chủ được bón phân tốt hơn ruộng đất của nông dân. Bây giờ chúng ta thấy rằng sự phân chia như vậy, trước kia là đúng và chính đáng trong thời kỳ còn có chế độ nông nô, thì nay đã lỗi thời. Giữa những hộ nông dân khác nhau có một cái vực sâu thẳm, và tất cả những sự nghiên cứu, những tính toán, những kết luận, những học thuyết xuất phát từ quan niệm về nông hộ “trung bình”, đều đưa đến những kết luận tuyệt đối không đúng trong vấn đề này. Rất tiếc là cơ quan thống kê của các hội đồng địa phương rất ít khi nghiên cứu những nhóm hộ khác nhau, chỉ đóng khung trong những số liệu về các công xã. Nhưng trong tỉnh Péc-mơ (huyện Cra-xnô-u-phim-xcơ) — đây là trường hợp ngoại lệ — trong khi nghiên cứu từng hộ người ta đã thu thập được những số liệu chính xác về việc bón phân cho ruộng đất của những nông hộ khác nhau. [Xem bảng kê ở tr. 123. BT.]

Ở đây chúng ta đã thấy những kiểu canh tác khác nhau của các hộ tùy theo quy mô của các hộ. Và trong các địa phương khác, những người nghiên cứu chú ý đến vấn đề này, đã đi đến những kết luận tương tự. Những nhà thống kê của tỉnh Ô-ri-ôn cho biết rằng số phân bón thu được

	Tỷ lệ phân trăm số hộ bón phân	Số xe phân bón của một hộ (bón phân)
Hộ canh tác dưới 5 đê-xi-a-ti-na	33,9	80
" " 5 - 10 "	66,2	116
" " 10 - 20 "	70,3	197
" " 20 - 50 "	76,9	358
" " trên 50 "	84,3	732
<i>Bình quân</i>		176

tính theo đầu đại gia súc ở những nông dân khá giả nhiều gần gấp đôi số phân bón ở những nông dân nghèo. Những hộ có bình quân 7,4 gia súc thì thu được 391 pút phân bón, còn những hộ có bình quân 2,8 gia súc thì thu được 208 pút. Thu được 400 pút được coi là “bình thường”, do đó chỉ có một thiểu số nhỏ nông dân khá giả mới đạt được mức đó. Nông dân nghèo bắt buộc phải dùng rơm và phân làm nhiên liệu, thậm chí có khi phải bán cả phân đi, v. v..

Do đó cần phải xét vấn đề tăng thêm số nông hộ không có ngựa trong nông dân. Trong những năm 1888 - 1891, tại 48 tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu có 2,8 triệu nông hộ trong tổng số 10,1 triệu, tức là 27,3%, không có ngựa. Sau khoảng 9 - 10 năm, đến 1896 - 1900, trong tổng số 11,1 triệu nông hộ đã có 3,2 triệu nông hộ, tức là 29,2%, không có ngựa. Như vậy sự tăng cường tước đoạt nông dân là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng nếu nhìn quá trình đó trên quan điểm nông học, thì thoạt nhìn người ta thấy một kết luận ngược đời. Kết luận đó, ông V. V., nhà trước tác dân túy nổi tiếng, đã rút ra từ năm 1884 (“Truyện tin châu Âu”⁶⁷, năm 1884, số 7), khi ông đối chiếu số lượng đê-xi-a-ti-na ruộng cây bừa mà mỗi đầu ngựa phải cày trong nền kinh tế nông dân ở nước ta và trong nền kinh tế luân canh ba thửa “bình thường” — bình thường trên quan điểm

nông học. Hóa ra là nông dân có *quá nhiều* ngựa: mỗi con ngựa của họ chỉ cày bừa từ 5 đến 8 đê-xi-a-ti-na, mà đáng lẽ phải cày bừa từ 7 đến 10 đê-xi-a-ti-na như khoa nông học đòi hỏi. Ông V. V. kết luận: “Do đó, trong một chừng mực nhất định, cần xem việc một bộ phận trong dân cư vùng này của nước Nga (vùng trung tâm đất đen) không có ngựa, là một sự khôi phục tỷ lệ bình thường giữa số lượng súc vật cày kéo và diện tích cày bừa”. Thật ra, điều ngược đời này có thể giải thích ở chỗ việc số ngựa giảm sút đi đôi với việc tập trung ruộng đất vào tay những hộ khá giả là những hộ có tỷ lệ “bình thường” giữa số ngựa và diện tích canh tác. Tỷ lệ “bình thường” đó không phải “được khôi phục lại” (vì trong nền kinh tế nông dân nước ta không bao giờ có điều đó), mà chỉ có giai cấp tư sản nông thôn mới đạt được. Còn “sự không bình thường” lại có nghĩa là tư liệu sản xuất trong nền kinh tế tiểu nông bị phân tán: cũng với một số lượng ruộng đất mà một triệu nông dân có một ngựa cày bừa bằng một triệu con ngựa, thì những nông dân khá giả lại canh tác tốt hơn và kỹ hơn bằng $\frac{1}{2}$ hoặc $\frac{3}{4}$ triệu con ngựa.

Về nông cụ trong kinh tế nông dân, thì cần phân biệt nông cụ thường của nông dân và nông cụ cải tiến. Sự phân phối loại thứ nhất, nói chung, phù hợp với sự phân phối súc vật cày kéo; chúng ta không tìm được cái gì mới trong những số liệu thuộc loại đó để vạch ra đặc điểm của nền kinh tế nông dân. Còn những công cụ cải tiến thì giá đắt hơn nhiều, chỉ được bù lại trong nền kinh tế lớn hơn, chỉ được sử dụng có kết quả trong những hộ đang phát triển, do đó được tập trung mạnh hơn rất nhiều. Những số liệu về sự tập trung đó thật cực kỳ quan trọng, vì đó là những số liệu duy nhất cho phép nhận định chính xác xem sự *tiến bộ* của kinh tế nông dân đi theo hướng nào và trong những điều kiện xã hội nào. Không còn nghi ngờ gì nữa, từ năm 1861 đã có bước tiến theo phương hướng đó, nhưng tính

chất tư bản chủ nghĩa của sự tiến bộ đó, không những trong kinh tế địa chủ mà cả trong kinh tế nông dân, rất thường bị bác hay bị nghi ngờ.

Dưới đây là những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương về sự phân phối công cụ cải tiến trong nông dân:

	Số nông cụ cải tiến trong 100 hộ	
	ở 2 huyện thuộc tỉnh	ở 1 huyện thuộc tỉnh
	Ô-ri-ôn	Vô-rô-ne-giơ
Hộ không có ngựa	0,01	—
" có 1 ngựa.....	0,2	0,06
" " 2 - 3 "	3,5	1,6
" " 4 ngựa trở lên	36,0	23,0
	<i>Bình quân</i>	
	2,2	1,2

Trong địa phương đó những công cụ cải tiến được áp dụng tương đối ít trong nông dân. Tỷ lệ phần trăm chung về số hộ có những công cụ như thế, hết sức nhỏ bé. Nhưng các nhóm thấp hầu như hoàn toàn không sử dụng những công cụ ấy, còn trong các nhóm cao thì những công cụ ấy được sử dụng một cách thường xuyên. Trong huyện Nô-vô-u-den-xơ thuộc tỉnh Xa-ma-ra, tất cả có 13% hộ có công cụ cải tiến, tuy nhiên tỷ lệ phần trăm đó tăng lên đến 40% trong nhóm hộ có từ 5 đến 20 súc vật cày kéo và lên đến 62% trong nhóm hộ có từ 20 súc vật cày kéo trở lên. Trong huyện Cra-xnô-u-phim-xơ thuộc tỉnh Péc-mơ (ba khu của huyện) cứ 100 hộ thì có 10 công cụ cải tiến; đó là bình quân chung; trong 100 hộ canh tác từ 20 đến 50 đê-xi-a-ti-na thì có 50 công cụ, còn trong 100 hộ canh tác 50 đê-xi-a-ti-na thì thậm chí có tới 180 công cụ. Nếu lấy những tỷ lệ phần trăm mà chúng ta đã nêu ở trên để

so sánh những số liệu về các huyện khác nhau, thì thấy rằng 20% hộ khá giả có từ 70% đến 86% tổng số công cụ cải tiến, chỉ để lại cho 50% hộ nghèo từ 1,3% đến 3,6%. Do đó, không còn một chút nghi ngờ gì nữa, sự tiến bộ trong việc áp dụng công cụ cải tiến trong nông dân (nhân đây xin nói là sự tiến bộ đó được trình bày trong tác phẩm đã dẫn ở trên của ông Cau-phman, xuất bản năm 1907) là sự tiến bộ của nông dân khá giả. Ba phần năm tổng số nông hộ, tức là những hộ không có ngựa hoặc chỉ có một ngựa, hầu như hoàn toàn không có khả năng sử dụng những sự cải tiến đó.

V

Khi nghiên cứu kinh tế nông dân, cho đến nay chúng ta chủ yếu vẫn xét người nông dân với tư cách người chủ ruộng đất, đồng thời vẫn chỉ rõ rằng những nhóm lớp dưới thường xuyên bị đẩy ra khỏi số những người chủ ruộng đất. Bị đẩy đi đâu? Hiển nhiên, là vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Bây giờ chúng ta phải xét tỉ mỉ xem cụ thể sự hình thành giai cấp vô sản, đặc biệt là giai cấp vô sản nông thôn, diễn ra như thế nào, và thị trường sức lao động trong nông nghiệp hình thành ra sao. Nếu người địa chủ - chủ nô với người nông dân bị nô dịch được chia ruộng đất là những bộ mặt giai cấp điển hình của nền kinh tế dựa trên chế độ lao dịch, thì người phéc-mi-ê đi thuê nhân công và người công nhân nông nghiệp làm thuê hoặc người làm thuê công nhật là những điển hình của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Việc địa chủ và nông dân khá giả chuyển thành người thuê nhân công, đã được chúng ta nói đến rồi. Bây giờ chúng ta hãy xem xét việc biến người nông dân thành người công nhân nông nghiệp làm thuê.

Những người nông dân khá giả có dùng nhiều lao động làm thuê hay không? Nếu lấy tỷ lệ phần trăm bình

quân các hộ sử dụng công nhân nông nghiệp so với tổng số hộ nông dân (như người ta thường làm) thì chúng ta có tỷ lệ phần trăm rất thấp: 12,9% ở huyện Đni-ép-rơ thuộc tỉnh Ta-vrích, 9% ở huyện Nô-vô-u-den-xơ thuộc tỉnh Xa-ma-ra, 8% ở huyện Ca-mư-sin thuộc tỉnh Xa-ra-tốp, 10,6% ở huyện Cra-xnô-u-phim-xơ thuộc tỉnh Péc-mơ, 3,5% trong 2 huyện thuộc tỉnh Ô-ri-ôn, 3,8% trong một huyện thuộc tỉnh Vô-rô-ne-giơ, 2,6% trong 3 huyện thuộc tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt. Nhưng về thực chất, những số liệu thuộc loại này là giả tạo, vì nó xác định tỷ lệ giữa những hộ sử dụng công nhân nông nghiệp so với tổng số hộ, trong đó có cả những hộ không thuê công nhân nông nghiệp nữa. Trong bất cứ xã hội tư bản nào, giai cấp tư sản cũng chỉ chiếm một thiểu số hết sức nhỏ bé trong dân cư. Những hộ sử dụng công nhân làm thuê bao giờ cũng "ít". Vấn đề là ở chỗ xem ở đây có phải đang hình thành một kiểu kinh doanh đặc biệt hay việc thuê mướn là hiện tượng ngẫu nhiên? Về vấn đề này, những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương trả lời một cách hoàn toàn rõ ràng; bản thống kê này chỉ rõ rằng ở khắp nơi tỷ lệ phần trăm số hộ sử dụng công nhân nông nghiệp trong những nhóm nông dân khá giả cũng đều cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ phần trăm bình quân trong toàn huyện nói chung. Chúng ta hãy lấy những số liệu của huyện Cra-xnô-u-phim-xơ thuộc tỉnh Péc-mơ, trong đó — đây là điều ngoại lệ — có những tài liệu không những về sự thuê mướn công nhân nông nghiệp mà còn cả về sự thuê mướn người làm công nhật, tức là về hình thức thuê mướn điển hình hơn trong nông nghiệp. [Xem bảng kê ở tr. 128. BT.]

Chúng ta thấy rằng những hộ khá giả có đông người hơn, có nhiều lao động trong gia đình mình hơn những hộ túng thiếu. Nhưng tuy vậy những hộ ấy vẫn dùng hết sức nhiều lao động làm thuê hơn. "Hợp tác gia đình" là cơ sở để mở rộng kinh doanh và do đó chuyển thành hợp tác

	Tỷ lệ phần trăm số hộ thuê công nhân				
	Số lao động nam trong một hộ	Thuê theo thời hạn	Thuê để cắt cỏ	Thuê để gặt hái	Thuê để đập lúa
Hộ không canh tác	0,6	0,15	0,6	—	—
Hộ canh tác dưới 5 đê-xi-a-ti-na	1,0	0,7	5,1	4,7	9,2
" " 5 - 10 "	1,2	4,2	14,3	20,1	22,3
" " 10 - 20 "	1,5	17,7	27,2	43,9	25,9
" " 20 - 50 "	1,7	50,0	47,9	69,6	33,7
" " trên 50 "	2,0	83,1	64,5	87,2	44,7
<i>Bình quân</i>	1,2	10,6	16,4	24,3	18,8

tư bản chủ nghĩa. Trong những nhóm trên, việc thuê công nhân rõ ràng trở thành một chế độ, một điều kiện để tiến hành kinh doanh mở rộng. Cùng với việc đó, việc thuê mượn người làm công nhật cũng rất phổ biến ngay cả trong nhóm nông dân lớp giữa: nếu trong hai nhóm trên (10,3% số hộ), đa số hộ thuê công nhân, thì trong nhóm canh tác 10 - 20 đê-xi-a-ti-na (22,4%) *trên hai phần năm* tổng số hộ thuê công nhân để gặt hái. Từ đấy rút ra kết luận là nông dân khá giả không thể tồn tại được nếu không có đạo quân hàng triệu công nhân nông nghiệp và người làm công nhật sẵn sàng phục vụ họ. Và nếu những số liệu từng huyện về tỷ lệ phần trăm bình quân những hộ sử dụng công nhân nông nghiệp lại khác nhau nhiều, như ta thấy, thì hiện tượng tập trung những hộ sử dụng công nhân nông nghiệp trong những nhóm nông dân lớp trên, tức là việc biến những hộ khá giả thành những người kinh doanh, hiển nhiên là một hiện tượng phổ biến. Từ 48% đến 78% tổng số hộ sử dụng công nhân nông nghiệp là những hộ khá giả chiếm 20% tổng số hộ.

Ở cực khác trong nông thôn, bản thống kê thường không

cho chúng ta những số liệu về số hộ không thuê các loại công nhân làm thuê. Trong cả một loạt vấn đề, thống kê của các hội đồng địa phương ở nước ta đã có một bước tiến hết sức lớn so với thống kê cũ chính thức trong các báo cáo của các tỉnh trưởng và của tất cả các cục. Nhưng có một vấn đề trong đó quan điểm cũ của nhà nước vẫn được duy trì trong thống kê của hội đồng địa phương, đó chính là vấn đề về cái gọi là các "nghề làm thêm" của nông dân. Việc canh tác trên mảnh ruộng đất được chia của mình được coi là nghề nghiệp thật sự của nông dân, còn mọi công việc khác đều xếp vào loại "nghề làm thêm" hoặc "nghề phụ", hơn nữa ở đây có sự lẫn lộn các phạm trù kinh tế mà những điều sơ đẳng của khoa kinh tế chính trị học đòi hỏi phải phân biệt rõ. Ví dụ, trong loại những "người làm công nghiệp ở nông thôn" có cả những người chủ ruộng đất kiêm nhà kinh doanh (ví dụ, những người làm nghề trồng dưa) bên cạnh khối công nhân làm thuê; bên cạnh họ những người ăn mỳ và những người buôn bán, những người đi ở và những người thủ công nghiệp kiêm chủ ruộng đất, v. v. cũng đều được liệt vào số những "hộ có nghề làm thêm". Rõ ràng sự lẫn lộn không thể tha thứ được đó về mặt kinh tế chính trị học là tàn tích trực tiếp của chế độ nông nô. Đối với địa chủ thì người nông dân phải nộp tô *cho chúng* có làm nghề gì đi nữa: buôn bán, làm thuê hay làm công nghiệp với tư cách là nghiệp chủ thì chúng cũng hoàn toàn đứng đưng; tô hiện vật hoặc tô tiền vẫn đè nặng lên tất cả những người nông nô như nhau, tất cả đều được coi là xa rời tạm thời và có điều kiện đối với công việc thật sự của mình.

Sau khi bãi bỏ chế độ nông nô, quan điểm đó ngày càng mâu thuẫn rõ rệt với thực tế. Không còn nghi ngờ gì nữa, đa số nông hộ có nghề phụ đều thuộc về số hộ không sử dụng công nhân làm thuê, nhưng ở đây chúng ta không thể có được một bức tranh hoàn toàn chính xác, vì thiếu

số những *chủ ruộng đất* kiêm nhà công nghiệp cũng nằm trong con số chung và *che đậy* tình cảnh của những người thiếu thốn. Để minh họa, chúng tôi dẫn ra một ví dụ. Về huyện Nô-vô-u-den-xcơ thuộc tỉnh Xa-ma-ra, các nhà thống kê đã tách những “nghề phụ nông nghiệp” ra khỏi khối chung các “nghề phụ”⁶⁸. Tất nhiên cả thuật ngữ đó cũng không chính xác, nhưng bảng kê các nghề nghiệp ít ra cũng cho ta thấy rằng trong 14 063 “người làm công nghiệp” loại đó, có 13 297 người là công nhân nông nghiệp và người làm công nhật. Như vậy ở đây số công nhân làm thuê chiếm một đa số rất lớn. Và sự phân phối nghề phụ nông nghiệp là như sau:

		Tỷ lệ phần trăm lao động nam làm nghề phụ nông nghiệp
Hộ không có súc vật cày kéo		71,4
" có 1 súc vật cày kéo		48,7
" " 2 - 3 " "		20,4
" " 4 " "		8,5
" " 5 - 10 " "		5,0
" " 10 - 20 " "		3,9
" " 20 trở lên " "		2,0
<i>Toàn huyện</i>		25,0

Như vậy, trong số nông dân không có ngựa thì bảy phần mười là công nhân làm thuê, còn trong số nông dân có một con ngựa thì gần một nửa là công nhân làm thuê. Trong huyện Cra-xnô-u-phim-xcơ thuộc tỉnh Péc-mơ, tỷ lệ phần trăm bình quân các hộ có nghề phụ nông nghiệp là 16,2%, còn trong số hộ không canh tác, số “người làm công nghiệp” chiếm 52,3%, còn trong số hộ canh tác dưới 5 đê-xi-a-ti-na, thì là 26,4%. Trong những huyện khác không tách riêng các nghề phụ nông nghiệp ra, thì bức tranh không rõ ràng, nhưng quy tắc chung vẫn là như sau: “nghề phụ” và “nghề làm thêm”, nói chung là những nghề của những

nhóm lớp dưới. Những nhóm lớp dưới chiếm 50% số hộ, nhưng lại chiếm từ 60% đến 93% tổng số hộ có nghề làm thêm.

Từ đây chúng ta thấy rằng những nhóm nông dân lớp dưới, cụ thể là những hộ có một con ngựa hoặc không có ngựa, do vị trí của họ trong hệ thống chung của nền kinh tế quốc dân, là *những công nhân nông nghiệp hoặc người làm công nhật* (nói rộng hơn là những công nhân làm thuê) *có ruộng đất được chia*. Kết luận này cũng được xác minh qua những số liệu về sự phát triển việc sử dụng lao động làm thuê sau năm 1861 trong toàn nước Nga cũng như qua những cuộc điều tra ngân sách về nguồn thu nhập của các nhóm lớp dưới, và cuối cùng qua những số liệu về mức sống của những nhóm ấy. Chúng ta sẽ phân tích tỉ mỉ hơn một chút về điều chúng minh trên ba mặt đó.

Những số liệu chung về sự phát triển số công nhân nông nghiệp làm thuê trong toàn nước Nga chỉ nói về những công nhân làm ở ngoài làng, không phân biệt rõ họ làm nông nghiệp hay phi nông nghiệp. Về vấn đề xem trong tổng số thì loại thứ nhất hay loại thứ hai chiếm đa số, sách báo của phái dân túy giải đáp là nhóm thứ nhất chiếm đa số, nhưng dưới đây chúng tôi sẽ đưa ra cơ sở của quan điểm ngược lại. Về việc số công nhân làm ở ngoài làng tăng lên nhanh chóng sau năm 1861, thì không còn phải nghi ngờ gì nữa. Tất cả các nguồn tài liệu đều chứng minh điều đó. Những tài liệu về khoản tiền thu về giấy thông hành và số lượng giấy thông hành cấp phát đã nói lên hiện tượng đó gần đúng với thống kê. Năm 1868 tiền thu về giấy thông hành là 2,1 triệu rúp, năm 1884 là 3,3 triệu và năm 1894 là 4,5 triệu rúp. Như vậy đã tăng lên hơn hai lần. Số giấy thông hành và thẻ cấp phát ở phần nước Nga thuộc châu Âu là 4,7 triệu năm 1884 và 7,8 - 9,3 triệu trong những năm 1897 - 1898. Ở đây trong 13 năm chúng ta thấy đã tăng gấp đôi. Tất cả những số liệu đó nói chung phù hợp với những tính toán

khác, ví dụ, với sự tính toán của ông U-va-rốp là người đã dẫn ra những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương — phần lớn những số liệu ấy đã quá thời — về 126 huyện thuộc 20 tỉnh, và đã xác định con số công nhân làm ở ngoài làng có thể là 5 triệu người⁶⁹. Ông X. Cô-rô-len-cô căn cứ theo những tài liệu về số công nhân thừa ở các địa phương, đã xác định con số đó là 6 triệu người.

Từ tổng số ấy, theo ý kiến của ông Ni-cô-lai — ôn, "tuyệt đại đa số" đều làm nghề phụ nông nghiệp. Tôi đã trình bày chi tiết trong quyển "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản"¹⁾ rằng những tài liệu và những công trình nghiên cứu trong những năm 60, 80 và 90 đã hoàn toàn xác minh kết luận đó là không đúng. Đa số, mặc dù không phải là tuyệt đại đa số, những công nhân làm ở ngoài làng đều là công nhân phi nông nghiệp. Dưới đây là những số liệu đầy đủ nhất và mới nhất về sự phân phối số giấy phép cư trú cấp trong các tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu năm 1898:

Nhóm các tỉnh	Số giấy phép cư trú cấp năm 1898
1) 17 tỉnh trong đó số người bỏ làng đi làm những nghề phi nông nghiệp chiếm đa số.....	3 369 597
2) 12 tỉnh có tính chất quá độ.....	1 674 231
3) 21 tỉnh trong đó số người bỏ làng đi làm nghề nông nghiệp chiếm đa số.....	2 765 762
<i>Tổng cộng trong 50 tỉnh</i>	7 809 590

Nếu ở những tỉnh có tính chất quá độ chúng ta giả định là có một nửa là công nhân nông nghiệp, thì sự phân phối sẽ *áng chừng* và rất có thể là như sau: khoảng 4,2 triệu là công nhân làm thuê phi nông nghiệp và *khoảng 3,6*

1) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 714 - 731.

triệu công nhân làm thuê nông nghiệp. Đi đôi với con số ấy, cần phải nêu lên con số của ông Rút-nép⁷⁰, ông này năm 1894 đã dẫn ra những tài liệu thống kê của các hội đồng địa phương trong 148 huyện thuộc 19 tỉnh và đã xác định rằng con số công nhân nông nghiệp làm thuê ằng chừng là $3\frac{1}{2}$ triệu người. Con số này, theo những số liệu của những năm 80, bao gồm các công nhân nông nghiệp ở địa phương và đi làm ở ngoài làng. Cuối những năm 90, chỉ riêng số công nhân nông nghiệp làm ở ngoài làng cũng nhiều từng ấy.

Sự phát triển số lượng công nhân nông nghiệp làm thuê có liên quan trực tiếp với sự phát triển của lối kinh doanh nông nghiệp theo kiểu tư bản chủ nghĩa mà chúng ta đã theo dõi thấy trong nền kinh tế địa chủ cũng như trong nền kinh tế nông dân. Chúng ta hãy lấy, chẳng hạn, việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp. Bằng những số liệu chính xác, chúng ta đã chỉ rõ rằng việc sử dụng ấy trong những nông dân khá giả có nghĩa là sự chuyển sang lối kinh doanh theo lối xí nghiệp. Còn trong nền kinh tế địa chủ, việc sử dụng máy móc và nói chung, việc sử dụng công cụ cải tiến, có nghĩa là chế độ lao dịch nhất định bị chủ nghĩa tư bản loại trừ. Thay vào nông cụ của nông dân là nông cụ của địa chủ; thay vào cách luân canh ba thửa kiểu cũ là những biện pháp kỹ thuật mới, gắn liền với việc đổi mới công cụ; người nông dân bị nô dịch không thể làm việc với công cụ cải tiến, và chỗ của họ sẽ bị những công nhân nông nghiệp hoặc người làm công nhật chiếm mất.

Trong phần nước Nga thuộc châu Âu, ở vùng mà việc sử dụng máy móc phát triển hơn hết sau cuộc cải cách, thì ở đó sử dụng rộng rãi nhất sức lao động làm thuê của công nhân ở nơi khác đến. Vùng đó là những miền ngoại vi phía Nam và phía Đông của phần nước Nga thuộc châu Âu. Những công nhân nông nghiệp đến vùng đó đã tạo ra

những quan hệ tư bản chủ nghĩa hết sức điển hình và rõ ràng. Cần nói đến những quan hệ đó để so sánh những hình thức lao dịch cũ, vẫn chiếm ưu thế cho tới nay, với những trào lưu mới ngày càng dâng lên. Trước hết cần nêu lên rằng ở vùng phía Nam mức tiền lương là cao nhất trong nông nghiệp. Theo số liệu của 10 năm ròng (1881 - 1891) đã loại trừ tất cả những sự chênh lệch ngẫu nhiên, thì mức tiền lương cao hơn hết ở nước Nga là các tỉnh Ta-vrích, Bét-xa-ra-bi-a và Đôn. Ở đây một công nhân làm thuê năm, kể cả các phí tổn ăn ở, kiếm được 143 rúp 50 cô-pếch; còn một công nhân làm thuê mùa (mùa hè) kiếm được 55 rúp 67 cô-pếch. Chiếm hàng tiếp sau, tính về mức tiền lương là khu công nghiệp phát triển hơn hết, gồm các tỉnh Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Vla-đi-mia và I-a-rô-xláp. Ở đây, một công nhân nông nghiệp làm thuê năm thì được trả 135 rúp 80 cô-pếch, còn một công nhân làm thuê mùa thì được 53 rúp. Mức lương thấp nhất là ở các tỉnh nông nghiệp vùng trung tâm (Ca-dan, Pen-da, Tam-bốp, Ri-a-dan, Tu-la, Ô-ri-ôn và Cuốc-xcơ), nghĩa là trong những vùng chủ yếu của chế độ lao dịch, nô dịch và những tàn tích đủ loại của chế độ nông nô. Ở đây một công nhân làm thuê năm trong nông nghiệp lĩnh được tất cả 92 rúp 95 cô-pếch, ít gấp rưỡi so với những tỉnh mà chủ nghĩa tư bản phát triển nhất, còn một công nhân làm thuê mùa thì lĩnh 35 rúp 64 cô-pếch, trong mùa hè thấp hơn 20 rúp so với miền Nam. Chính ở vùng trung tâm này chúng ta thấy công nhân bỏ đi nhiều nhất. Mỗi mùa xuân có trên 1¹/₂ triệu người đã rời bỏ nơi này, một phần đi kiếm việc làm nông nghiệp ở ngoài làng (chủ yếu là đi về miền Nam, và như chúng ta sẽ thấy ở dưới đây, một phần đi về cả những tỉnh công nghiệp), và đi làm những công việc phi nông nghiệp ở các thủ đô hoặc các tỉnh công nghiệp. Giữa khu vực di chuyển đi chủ yếu này và hai khu vực di chuyển đến chủ yếu này (miền Nam nông nghiệp và các thủ đô cùng với hai

tỉnh công nghiệp) có những vùng gồm các tỉnh có mức tiền lương trung bình. Những tỉnh ấy thu hút một phần công nhân từ vùng trung tâm có tiền công "rẻ mạt" nhất và đói nhất, còn về phần mình thì cung cấp một phần công nhân cho những khu vực mà tiền lương cao hơn. Quá trình tha phương cầu thực của công nhân và quá trình di chuyển của dân cư đã được phản ánh chi tiết trong cuốn sách của ông X. Cô-rô-len-cô nói về "Lao động làm thuê tự do" dựa trên cơ sở những tài liệu rất phong phú. Như vậy, chủ nghĩa tư bản đạt tới sự phân bố dân cư một cách đều đặn hơn (tất nhiên, xét về mặt nhu cầu của tư bản); nó san bằng tiền lương trong toàn quốc, tạo ra thị trường lao động thống nhất thật sự, có tính chất toàn quốc; nó dần dần giành giật miếng đất của phương thức sản xuất cũ, "cắm dõ" người mu-gích bị nô dịch bằng đồng lương cao. Do đó mà có những lời phàn nàn không bao giờ dứt của những ngài địa chủ về sự đói khổ của công nhân địa phương, về sự phóng đảng và tệ say rượu do việc bỏ làng ra đi sinh ra, về việc thành phố "làm hư hỏng" công nhân, v. v., v. v..

Trong những vùng có nhiều công nhân di chuyển đến, vào cuối thế kỷ XIX, đã hình thành những xí nghiệp tư bản chủ nghĩa khá lớn trong nông nghiệp. Hợp tác kiểu tư bản chủ nghĩa đã hình thành để sử dụng một số máy móc như máy đập lúa chẳng hạn. Ông Tê-di-a-cốp, khi mô tả những điều kiện sinh hoạt và lao động của công nhân nông nghiệp trong tỉnh Khéc-xôn⁷¹, chỉ rõ rằng việc đập lúa do ngựa kéo đòi hỏi từ 14 đến 23 công nhân và nhiều hơn nữa, còn đập lúa bằng máy hơi nước đòi hỏi từ 50 đến 70 công nhân. Trong một số doanh nghiệp tập trung từ 500 đến 1 000 công nhân — đối với nông nghiệp con số này là cực kỳ lớn. Chủ nghĩa tư bản tạo ra khả năng thay thế lao động nam giới đắt hơn bằng lao động của phụ nữ và trẻ em. Ví dụ, ở vùng Ca-khốp-ca, một trong những thị trường lao động chủ yếu của tỉnh Ta-vrích, là nơi trước

đây tập trung đến 4 vạn công nhân, nhưng vào những năm 90 của thế kỷ vừa qua, còn lại có 2 - 3 vạn, năm 1890 phụ nữ chiếm 12,7% tổng số công nhân, đến năm 1895 lên tới 25,6%. Năm 1893 trẻ em chiếm 0,7% tổng số công nhân, nhưng năm 1895 đã chiếm 1,69%.

Tập hợp công nhân từ khắp nơi ở nước Nga, các đơn vị kinh tế tư bản chủ nghĩa phân loại họ theo yêu cầu của mình, tạo ra một cái gì giống như một đẳng cấp trong công nhân công xưởng. Ví dụ, họ phân biệt những công nhân hoàn toàn và những nửa công nhân, những công nhân đó lại phân chia thành loại "công nhân khỏe" (16 - 20 tuổi) — và nửa công nhân "yếu" (trẻ con 8 - 14 tuổi). Ở đây không còn dấu vết nào của những quan hệ cũ, gọi là quan hệ "gia trưởng" của địa chủ đối với nông dân "của họ". Sức lao động trở thành hàng hóa, giống như mọi thứ hàng hóa khác. Chế độ nô dịch "kiểu thật sự Nga" mất đi, nhường chỗ cho việc trả lương hàng tuần bằng tiền, cho sự cạnh tranh điên cuồng và những cuộc xung đột giữa công nhân và chủ. Tình trạng tập trung đông đảo quần chúng công nhân trên thị trường thuê mướn và những điều kiện lao động cực kỳ nặng nhọc, phản vệ sinh đã đưa đến ý định thiết lập sự kiểm soát xã hội đối với những đơn vị kinh tế lớn. Những ý định ấy là điểm đặc trưng đối với nền "công nghiệp lớn" trong nông nghiệp, nhưng tất nhiên nó không thể vững vàng chút nào khi không có tự do chính trị và không có những tổ chức công khai của công nhân. Ngày lao động của công nhân di cư kéo dài từ 12¹/₂ đến 15 tiếng, điều đó chứng tỏ điều kiện lao động của họ nặng nề như thế nào. Tai nạn lao động trong công nhân đứng máy trở thành những hiện tượng bình thường. Những bệnh nghề nghiệp của công nhân (ví dụ công nhân phụ trách đập lúa), v. v. cũng phát triển. Tất cả những "thi vị" của sự kinh doanh thuần túy tư bản chủ nghĩa phát triển nhất theo kiểu Mỹ, đều có thể thấy được ở nước Nga cuối thế

kỷ XIX, bên cạnh những biện pháp của nền kinh tế lao dịch và điều dịch có tính chất thuần túy trung cổ đã mất từ lâu ở những nước tiên tiến. Tất cả những quan hệ ruộng đất hết sức khác nhau ở Nga quy lại là sự kết hợp những biện pháp kinh doanh kiểu nông nô và tư sản.

Để kết thúc việc trình bày những điều kiện lao động làm thuê trong nền nông nghiệp nước Nga, chúng ta hãy nêu thêm những số liệu về thu chi của các nông hộ nhóm lớp dưới. Công việc làm thuê ở đây được gọi với cái tên văn hoa là "nghề làm thêm" hoặc "nghề phụ". Quan hệ giữa thu nhập về nghề làm thêm với thu nhập của kinh doanh nông nghiệp như thế nào? Bảng thu chi của nông dân không có ngựa hoặc có một con ngựa ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ đã trả lời chính xác câu hỏi ấy. Tổng thu nhập về tất cả các nguồn của người nông dân không có ngựa là 118 rúp 10 cô-pếch, trong đó thu về nông nghiệp là 57 rúp 11 cô-pếch, về "các nghề phụ" là 59 rúp 4 cô-pếch. Số tiền sau cùng này gồm có 36 rúp 75 cô-pếch thu nhập về "các nghề phụ cá nhân" và 22 rúp 29 cô-pếch về các khoản thu nhập khác. Trong các khoản thu nhập khác, có khoản *thu nhập do cho thuê ruộng đất!* Tổng thu nhập của nông dân có một ngựa là 178 rúp 12 cô-pếch, trong đó 127 rúp 69 cô-pếch về nông nghiệp và 49 rúp 22 cô-pếch về các nghề phụ (35 rúp về nghề phụ cá nhân, 6 rúp về khoản chuyên chở thuê, 2 rúp về khoản "kinh doanh công thương nghiệp" và 6 rúp về các khoản thu nhập khác). Nếu trừ những khoản chi về canh tác ruộng đất, thì chúng ta có 69 rúp 37 cô-pếch thu về nông nghiệp và 49 rúp 22 cô-pếch thu về các nghề phụ. Ba phần năm tổng số nông hộ ở Nga đã kiếm kế sinh nhai như thế đấy. Rõ ràng là mức sống của những nông dân đó không cao hơn mà có khi còn thấp hơn mức sống của những công nhân nông nghiệp. Cũng ở tỉnh Vô-rô-ne-giơ này, tiền lương trung bình của một công nhân nông nghiệp làm thuê năm (trong 10 năm từ 1881 đến 1891) là 57 rúp,

cộng với các chi phí về ăn ở là 42 rúp. Trong khi đó tiền chi phí về ăn ở của *cả gia đình* nông dân gồm 4 người và không có ngựa là 78 rúp một năm, của một gia đình nông dân gồm 5 người và có một ngựa là 98 rúp một năm. Người nông dân Nga bị chế độ lao dịch, thuế má và sự bóc lột tư bản chủ nghĩa đẩy tới mức sống nghèo đói mà ở châu Âu người ta không thể tưởng tượng nổi. Ở đây loại người xã hội như vậy được gọi là những *kẻ bần cùng*.

VI

Để tổng kết tất cả những điều đã nói trên về sự phân hóa trong nông dân, trước hết chúng tôi xin dẫn ra những số liệu duy nhất có trong sách báo, những số liệu có sẵn về toàn phần nước Nga thuộc châu Âu, những số liệu đó cho phép chúng ta nhận xét về các nhóm khác nhau trong nội bộ nông dân qua những thời kỳ khác nhau. Đó là những số liệu về điều tra ngựa chiến. Trong lần xuất bản thứ hai cuốn sách của tôi "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", tôi đã dẫn ra những số liệu ấy về 48 tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu trong thời kỳ 1888 - 1891 và 1896-1900¹⁾. Dưới đây là những kết quả quan trọng nhất đã được rút ra:

	Số nông hộ (triệu)			
	1888 - 1891		1896 - 1900	
	Tổng số	%	Tổng số	%
Hộ không có ngựa....	2,8	27,3	3,2	29,2
" có 1 ".....	2,9	28,5	3,4	30,3
" " 2 ".....	2,2	22,2	2,5	22,0
" " 3 ".....	1,1	10,6	1,0	9,4
" " 4 ngựa trở lên...	1,1	11,4	1,0	9,1
.....				
<i>Tổng cộng</i>	10,1	100,0	11,1	100,0

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 170.

Như tôi đã nhận xét qua ở trên, những số liệu ấy chứng minh việc tăng cường tước đoạt nông dân. Tất cả tăng lên một triệu hộ, là tăng ở hai nhóm lớp dưới. Tổng số ngựa trong thời gian đó giảm từ 16,91 triệu con xuống 16,87 triệu con, nghĩa là toàn bộ nông dân trở nên nghèo đi đôi chút về ngựa. Số ngựa của cả nhóm lớp trên cũng ít đi, trong những năm 1888-1891 mỗi hộ có bình quân 5,5 con thì trong những năm 1896 - 1900 còn có 5,4 con.

Từ những số liệu ấy, rất dễ đi đến kết luận là sự "phân hóa" không xảy ra trong nông dân: nhóm nghèo nhất tăng lên nhiều hơn hết, còn nhóm giàu nhất thì giảm đi nhiều hơn hết (tính theo số hộ). Đây không phải là sự phân hóa mà là san bằng sự bần cùng! Và những kết luận như thế, dựa trên những phương pháp tương tự, có thể rất thường thấy trong các sách báo. Nhưng nếu chúng ta đặt câu hỏi: tương quan giữa các nhóm trong nội bộ nông dân có thay đổi không, thì chúng ta lại thấy một điều khác. Trong những năm 1888 - 1891 những nhóm lớp dưới, chiếm một nửa số hộ, có 13,7% tổng số ngựa, và trong những năm 1896-1900 tỷ lệ phần trăm đó vẫn giống như vậy. Còn những hộ thuộc những nhóm khá giả nhất, chiếm một phần năm số hộ, trong thời kỳ đầu có 52,6% tổng số ngựa, trong thời kỳ thứ hai có 53,2%. Rõ ràng là tương quan giữa các nhóm hầu như không thay đổi. Nông dân nghèo đi, các nhóm khá giả cũng nghèo đi, cuộc khủng hoảng năm 1891 có ảnh hưởng rất nghiêm trọng, nhưng quan hệ giữa giai cấp tư sản nông thôn và nông dân đang phá sản thì không vì thế mà thay đổi và, về thực chất, cũng không thể thay đổi được.

Những người tiến hành đánh giá sự phân hóa của nông dân dựa trên cơ sở những số liệu thống kê tách rời nhau, thường bỏ qua điều đó. Thật là buồn cười nếu nghĩ rằng, chẳng hạn, những số liệu riêng biệt về sự phân phối số ngựa lại có thể giải thích được một chút gì đó về vấn đề phân hóa nông dân. Sự phân phối đó hoàn toàn không chứng

minh được một điều gì cả, nếu không đem gắn liền nó với toàn bộ những số liệu về nền kinh tế nông dân. Trong khi phân tích những số liệu ấy, nếu chúng ta nhận thấy những đặc điểm chung giữa các nhóm trong việc phân phối ruộng đất thuê và ruộng đất cho thuê, phân phối nông cụ cải tiến và phân bón, phân phối các nghề làm ở ngoài làng và mua ruộng đất, phân phối công nhân làm thuê và số lượng gia súc, nếu chúng ta chứng minh rằng tất cả các mặt khác nhau đó của hiện tượng có liên quan chặt chẽ với nhau và thật sự biểu hiện sự hình thành hai loại kinh tế đối lập là giai cấp vô sản và giai cấp tư sản nông thôn, nếu chúng ta nhận thấy tất cả cái đó, và chỉ khi nào nhận thấy cái đó thì chúng ta mới có thể lấy những số liệu riêng biệt về sự phân phối, dù là phân phối về ngựa, để minh họa tất cả những điều đã trình bày ở trên. Ngược lại, nếu người ta dẫn ra cho chúng ta trường hợp này hay trường hợp khác về sự giảm sút số lượng ngựa, chẳng hạn trong nhóm khá giả trong thời kỳ nào đó, rồi chỉ từ chỗ ấy mà rút ra những kết luận chung gì đó về quan hệ giữa giai cấp tư sản nông thôn trong nội bộ nông dân với những nhóm nông dân khác, thì thật là một điều hết sức vô lý. Ở bất kỳ một ngành kinh tế nào, tại bất kỳ một nước tư bản chủ nghĩa nào, sự phát triển cũng không đều đặn và không thể đều đặn được (trong điều kiện thống trị của thị trường): chủ nghĩa tư bản không thể nào phát triển khác hơn là bằng những bước nhảy vọt, những lối quanh co, khi thì tiến lên nhanh chóng, khi thì tạm thời giảm xuống thấp hơn mức cũ. Thực chất của vấn đề về cuộc khủng hoảng ruộng đất ở Nga và về cuộc cách mạng sắp nổ ra hoàn toàn không phải ở chỗ xem sự phát triển của chủ nghĩa tư bản cụ thể là ở giai đoạn nào hoặc nhịp độ của sự phát triển ấy ra sao, mà là ở chỗ xem đó có phải là cuộc khủng hoảng tư bản chủ nghĩa và cách mạng tư bản chủ nghĩa hay không, nó có diễn ra trong điều kiện nông dân biến thành tư sản

nông thôn và vô sản hay không, những quan hệ giữa các hộ riêng biệt trong nội bộ công xã có mang tính chất tư sản hay không. Nói một cách khác, nhiệm vụ đầu tiên của bất cứ sự nghiên cứu nào về vấn đề ruộng đất ở Nga là xác định những số liệu căn bản để chỉ rõ bản chất giai cấp của những quan hệ ruộng đất. Và chỉ sau đó, khi đã thấy rõ là chúng ta đứng trước những giai cấp nào và khuynh hướng phát triển nào thì mới có thể nói đến các vấn đề riêng biệt, đến nhịp độ phát triển, đến sự thay đổi này nọ của khuynh hướng chung, v. v..

Cơ sở của các quan điểm mác-xít về nền kinh tế nông dân sau thời kỳ cải cách ở Nga là sự công nhận loại kinh tế đó là kinh tế tiểu tư sản. Những cuộc tranh luận giữa những nhà kinh tế mác-xít và những nhà kinh tế dân túy đã diễn ra (và phải diễn ra, nếu đó là sự làm sáng tỏ thực chất của những sự bất đồng) trước hết chính là để tìm xem nhận định đó có đúng không và có áp dụng được không. Không giải thích được thật rõ ràng vấn đề đó thì không thể tiến lên được một bước tới những vấn đề nào đó cụ thể hơn hoặc thực tiễn hơn. Ví dụ, nếu xem xét các con đường giải quyết vấn đề ruộng đất mà thế kỷ XIX để lại cho thế kỷ XX, mà sơ bộ chưa giải thích được rằng sự tiến triển về ruộng đất ở nước ta nói chung đi theo hướng nào, những giai cấp nào có thể thắng trong tiến trình nào đó của các sự biến, v. v., thì thật là một công việc hoàn toàn vô hy vọng và nhằm lẫn.

Những số liệu chi tiết về sự phân hóa trong nông dân mà chúng tôi đã dẫn ở trên, đã làm sáng tỏ chính cơ sở của tất cả các vấn đề khác của cuộc cách mạng ruộng đất; không hiểu cơ sở đó thì không thể tiến lên được. Tất cả những mối tương quan giữa các nhóm nông dân khác nhau trong những cực đối lập nhau ở nước Nga mà chúng ta đã nghiên cứu một cách chi tiết, chính là chỉ cho chúng ta bản chất của các quan hệ kinh tế và xã hội trong nội

bộ công xã. Những mối tương quan ấy nêu rõ bản chất tiểu tư sản của nền kinh tế nông dân trong hoàn cảnh lịch sử này. Khi những người mác-xít nói rằng người sản xuất nhỏ trong nông nghiệp (bất luận kinh doanh trên ruộng đất được chia hay trên mảnh ruộng đất nào khác), trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa phát triển, tất yếu là người tiểu tư sản, thì luận điểm đó đã gây ra sự thắc mắc; người ta nói rằng luận điểm đó là lấy những mâu của nước ngoài đem áp dụng vào những điều kiện đặc thù của nước ta một cách dập khuôn, vô căn cứ. Nhưng các số liệu về mối tương quan giữa các nhóm, về việc những người giàu có trong công xã chiếm đoạt tất cả các ruộng đất thuê của những người nghèo trong công xã, về việc những người giàu thuê công nhân nông nghiệp và về việc những người nghèo trở thành công nhân làm thuê, v. v., v. v. và v. v. — tất cả những số liệu ấy xác nhận những kết luận lý luận của chủ nghĩa Mác và làm cho những kết luận ấy trở thành những kết luận không thể tranh cãi được. Vấn đề ý nghĩa của công xã trong việc hướng sự phát triển kinh tế ở Nga, được *giải quyết dứt khoát* thông qua những số liệu đó, vì những số liệu của chúng ta đã chỉ rõ chính cái chiều hướng thật sự của công xã thực sự (chứ không phải của cái công xã tưởng tượng). Mặc dù có sự bình quân trong việc phân phối ruộng đất chia, mặc dù có sự phân chia lại, v. v., nhưng người ta vẫn *thấy là* chiều hướng của sự phát triển kinh tế thực sự của nông dân thành viên của công xã chính là ở chỗ giai cấp tư sản nông thôn được hình thành và đông đảo những người nghèo bị đẩy vào hàng ngũ vô sản. Cả chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin, như chúng ta sẽ thấy ở dưới, và cả việc quốc hữu hóa ruộng đất mà phái lao động yêu sách, đều nằm trên đường lối phát triển đó, mặc dù giữa hai hình thức "giải quyết" vấn đề ruộng đất đó có sự khác nhau to lớn về phương diện tốc độ phát triển xã hội, về phương diện phát triển

lực lượng sản xuất và về phương diện tôn trọng nhiều nhất đến lợi ích của quần chúng.

Bây giờ chúng ta cần xét thêm vấn đề phát triển của nền nông nghiệp thương phẩm ở Nga. Sự trình bày trên đây đã bao hàm một tiền đề, đó là việc mà mọi người đều biết: toàn bộ thời kỳ sau cải cách nổi bật ở chỗ thương mại và trao đổi phát triển. Đối với chúng ta, dẫn những số liệu thống kê để xác minh việc đó, hình như là hoàn toàn thừa. Nhưng cần phải chỉ ra rằng, thứ nhất, kinh tế nông dân hiện nay phụ thuộc vào thị trường đến mức độ nào, và thứ hai, tùy theo mức độ phụ thuộc của nó vào thị trường, nông nghiệp có những hình thức *đặc biệt* gì.

Về vấn đề thứ nhất, những số liệu chính xác nhất có ở trong tài liệu thống kê về ngân sách của Hội đồng địa phương tỉnh Vô-rô-ne-giơ. Ở đây chúng ta có thể tách khoản thu và chi bằng tiền của những gia đình nông dân ra khỏi tổng số thu và chi (tổng số thu và chi đã dẫn ra ở trên). Dưới đây là bảng chỉ rõ vai trò của thị trường:

Tỷ lệ phần trăm chi và thu bằng tiền của nông dân so với tổng số chi và thu như thế nào?

	Chi %	Thu %
Hộ không có ngựa	57,1	54,6
" có 1 ngựa.....	46,5	41,4
" " 2 "	43,6	45,7
" " 3 "	41,5	42,3
" " 4 "	46,9	40,8
" " 5 " trở lên.....	60,2	59,2
<i>Bình quân.....</i>	49,1	47,9

Như vậy là ngay cả kinh tế của *trung nông* — ấy là không nói đến kinh tế của nông dân khá giả và của nông dân bị bán cùng hóa, nửa vô sản — cũng bị lệ thuộc cực kỳ mạnh mẽ vào thị trường. Bởi vậy bất cứ một lập luận nào về

kinh tế nông dân mà không đem xía đến vai trò ưu thế và ngày càng tăng của thị trường, của sự trao đổi và của nền sản xuất hàng hóa, đều không đúng về căn bản. Việc thủ tiêu những đại diện trang nông nô và chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ là biện pháp mà nông dân Nga vào cuối thế kỷ XIX rất quan tâm đến, biện pháp đó *tăng cường* chứ không làm suy yếu quyền lực của thị trường, vì chế độ dao dích và nô dịch *kìm hãm* sự phát triển của nền thương nghiệp và của nền sản xuất hàng hóa.

Về vấn đề thứ hai, cần chỉ rõ rằng sự thâm nhập của tư bản vào nông nghiệp là một quá trình độc đáo mà người ta không thể hiểu đúng được nếu chỉ đóng khung trong những số liệu thiếu căn cứ, chung cho nước Nga. Nông nghiệp trở nên có tính chất thương nghiệp không phải một cách đột nhiên và không giống nhau trong các đơn vị kinh tế và trong các vùng khác nhau trong nước. Ngược lại, trong địa phương này thì thị trường thường chỉ phối một mặt của nền kinh tế nông nghiệp phức tạp, trong địa phương kia thì lại chi phối mặt khác, hơn nữa, các mặt còn lại không mất đi, mà thích ứng với mặt "chủ yếu", tức là mặt tiên tệ. Ví dụ, trong một địa phương nào đó chủ yếu hình thành nền kinh tế ngũ cốc thương phẩm; những sản phẩm chủ yếu sản xuất ra để bán là ngũ cốc. Ngành chăn nuôi giữ vai trò phụ thuộc trong nền kinh tế đó, và về sau, trong những trường hợp đặc biệt khi ngành trồng trọt phát triển phiến diện thì ngành chăn nuôi gần như không còn nữa. Ví dụ, những "công xưởng lúa mì" ở miền cực Tây châu Mỹ đôi khi được tổ chức trong một mùa hè gần như không có gia súc. Trong những địa phương khác, chủ yếu hình thành ngành chăn nuôi thương phẩm; những sản phẩm chủ yếu sản xuất ra để đem bán là thịt hoặc sữa. Ngành trồng trọt thuần túy thì thích ứng với ngành chăn nuôi. Dĩ nhiên là quy mô kinh tế và phương thức tổ chức kinh tế sẽ khác nhau trong các trường hợp đó. Không thể căn cứ theo

diện tích gieo trồng mà xét việc sản xuất sữa ở ngoại thành. Không thể lấy cái thước đo như nhau của nền kinh tế lớn và của nền kinh tế nhỏ để áp dụng đối với một người làm ruộng ở thảo nguyên, một người trồng rau, một người trồng thuốc lá hoặc một người "phéc-mi-ê" sữa (nếu dùng từ ngữ của người Anh), v. v..

Sự thâm nhập của trao đổi và buôn bán vào nông nghiệp đưa đến sự chuyên môn hóa nông nghiệp, và sự chuyên môn hóa ấy ngày càng phát triển. Cũng những chỉ tiêu kinh tế như nhau (ví dụ, số ngựa) có ý nghĩa khác nhau ở những vùng nông nghiệp thương phẩm khác nhau. Thí dụ tại những vùng ngoại vi thủ đô, trong số những nông dân không có ngựa, lại có những nghiệp chủ lớn có bò sữa chẳng hạn, doanh thu lớn, sử dụng công nhân làm thuê. Tất nhiên, trong tổng số nông dân không có ngựa và có một ngựa, thì số phéc-mi-ê như vậy hoàn toàn không đáng kể, nhưng nếu chúng ta chỉ lấy những số liệu tổng hợp chung cho cả nước, thì chúng ta không thể tính đến hình thức đặc biệt của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp.

Cần phải chú ý đặc biệt đến điểm này. Bỏ qua nó thì không thể có quan niệm đúng đắn về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp và dễ rơi vào sai lầm đơn giản hóa. Chỉ có chú ý đến những đặc điểm thực tế của nông nghiệp mới có thể nắm được tất cả sự phức tạp của quá trình đó. Nói rằng, do những đặc điểm của nó, nông nghiệp không bị phụ thuộc vào những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản, là hoàn toàn không đúng. Những đặc điểm của nông nghiệp cản trở việc nông nghiệp phụ thuộc vào thị trường, đúng như vậy, nhưng dù sao, ở mọi nơi và ở tất cả các nước, quá trình *phát triển của nông nghiệp thương phẩm* vẫn diễn ra không gì ngăn cản được. Nhưng quả thật sự hình thành nền nông nghiệp thương phẩm đó có những hình thức độc đáo và đòi hỏi phải có những phương pháp nghiên cứu đặc biệt.

Để làm sáng tỏ điều nói trên, chúng ta hãy lấy những ví dụ rõ ràng rút ra từ những vùng nông nghiệp thương phẩm khác nhau ở Nga. Trong vùng trồng ngũ cốc thương phẩm (vùng Nô-vô-rôt-xi-a, vùng Da-vôn-gie) chúng ta thấy sản lượng lúa mì tăng hết sức nhanh chóng; trong những năm 1864 - 1866, những tỉnh ấy đứng sau vùng trung tâm đất đen, vì chỉ có 2,1 tséc-véc lúa sạch tính theo đầu người; trong những năm 1883 - 1887 những tỉnh ấy đã vượt vùng trung tâm, vì có 3,4 tséc-véc lúa sạch tính theo đầu người. Việc mở rộng diện tích gieo trồng là điểm tiêu biểu hơn hết của vùng đó trong thời kỳ sau cải cách. Rất nhiều lúc việc canh tác ruộng đất ở đây hết sức cố sơ, tất cả sự chú ý chỉ nhằm vào việc hết sức mở rộng diện tích gieo trồng. Vào nửa cuối thế kỷ XIX, ở đây hình thành một cái giống như những "công xưởng lúa mì" ở Mỹ. Căn cứ vào diện tích gieo trồng (những nông dân nhóm lớp trên gieo trồng tới 271 đê-xi-a-ti-na mỗi hộ), chúng ta hoàn toàn có thể nhận xét được quy mô và loại doanh nghiệp. Trong vùng khác — vùng công nghiệp và đặc biệt vùng ngoại vi thủ đô — không thể nói đến chuyện mở rộng diện tích gieo trồng như vậy được. Ở đây, điều tiêu biểu đặc biệt không phải là nghề trồng ngũ cốc thương phẩm, mà là nghề chăn nuôi nhằm mục đích buôn bán. Căn cứ vào số lượng đê-xi-a-ti-na ruộng đất canh tác hay vào số lượng ngựa cày kéo, thì ở đây không thể có quan niệm đúng về doanh nghiệp được. Số lượng bò cái (doanh nghiệp sữa) là tiêu chuẩn thích hợp hơn. Ở đây, việc thay đổi phương pháp luân canh, việc trồng cỏ, chứ không phải việc mở rộng diện tích trồng trọt là dấu hiệu tiêu biểu của sự tiến bộ của doanh nghiệp lớn. Số hộ có nhiều ngựa ở đây ít hơn; thậm chí việc giảm số lượng ngựa đôi khi có thể có nghĩa là sự tiến bộ của doanh nghiệp. Thế nhưng những nông dân ở đây lại có nhiều bò cái hơn là ở các vùng khác ở Nga. Ông Bla-gô-vê-sen-xki, dựa vào kết quả thống kê của hội đồng địa phương mà

cho rằng bình quân mỗi hộ có 1,2 bò cái; trong 18 huyện thuộc các tỉnh Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Tve và Xmô-len-xcơ bình quân mỗi hộ có 1,6 con, còn trong một huyện thuộc tỉnh Pê-téc-bua, bình quân mỗi hộ có 1,8 con⁷². Tư bản thương nghiệp và tư bản đầu tư vào sản xuất ở đây dựa chủ yếu vào những sản phẩm chăn nuôi. Quy mô thu nhập phụ thuộc nhiều hơn cả vào số lượng bò sữa. Những "trại sản xuất sữa" hình thành. Nông dân khá giả ngày càng thuê nhiều công nhân nông nghiệp; chúng tôi đã nêu lên rằng có những người từ vùng trung tâm nghèo đói đến các tỉnh *công nghiệp* làm những công việc *nông nghiệp*. Tóm lại, cũng vẫn những quan hệ kinh tế và xã hội ấy ở đây lại thể hiện dưới một hình thức hoàn toàn khác trong những điều kiện kỹ thuật canh tác không giống những điều kiện của các vùng thuần túy nông nghiệp.

Và nếu chúng ta lấy những ngành chuyên canh, ví dụ ngành thuốc lá, hoặc việc kết hợp nông nghiệp với việc dùng máy móc chế biến sản phẩm (nghề cất rượu, nghề chế biến củ cải đường, nghề làm bơ, nghề làm tinh bột khoai tây và các nghề khác), thì những hình thức thể hiện của những quan hệ kinh doanh ở đây không giống những quan hệ trong ngành trồng ngũ cốc thương phẩm, và cũng không giống những quan hệ trong ngành chăn nuôi thương phẩm. Về tiêu chuẩn thì ở đây phải lấy hoặc là diện tích trồng các loại chuyên canh, hoặc là quy mô của việc dùng máy móc chế biến các sản phẩm có liên quan đến doanh nghiệp đó.

Bảng thống kê chung về nông nghiệp chỉ xét đến quy mô diện tích hay số lượng gia súc, nên hoàn toàn không tính đến tất cả tính chất muôn vẻ của các hình thức, và vì vậy những kết luận chỉ căn cứ vào những nguồn thống kê như vậy, thì thường không đúng. Nông nghiệp thương phẩm phát triển nhanh hơn nhiều, ảnh hưởng của việc trao đổi mở rộng hơn, tư bản cải biến nền nông nghiệp sâu sắc

hơn nhiều so với điều mà người ta có thể nghĩ theo những con số tổng quát chung và những con số bình quân trừu tượng.

VII

Bây giờ chúng ta hãy tổng kết những điều nêu ở trên về bản chất của vấn đề ruộng đất và của cuộc khủng hoảng ruộng đất ở Nga vào cuối thế kỷ XIX.

Bản chất của cuộc khủng hoảng ấy là ở chỗ nào? Trong cuốn sách nhỏ "Địa phương công hữu hóa ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu" (Vin-na, 1907), M. Sa-nin nhấn mạnh rằng cuộc khủng hoảng nông nghiệp ở nước ta là một cuộc khủng hoảng về kỹ thuật canh tác, rằng những gốc rễ sâu xa nhất của cuộc khủng hoảng đó là sự cần thiết phải nâng cao trình độ kỹ thuật nông nghiệp hiện còn cực kỳ thấp kém ở Nga, là sự cần thiết phải chuyển sang những phương pháp trồng trọt cao hơn, v. v..

Ý kiến đó không đúng, vì nó quá trừu tượng. Sự cần thiết phải áp dụng kỹ thuật cao là điều không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng thứ nhất, sự chuyển biến đó thực tế đã xảy ra ở Nga sau năm 1861. Sự tiến bộ dù có chậm chạp, nhưng có một điều hoàn toàn không thể chối cãi là cả kinh tế địa chủ lẫn kinh tế nông dân mà đại diện là thiếu số khá giả, đã chuyển sang nghề trồng cỏ, sử dụng những công cụ cải tiến, bón phân cho ruộng đất một cách thường xuyên hơn và cẩn thận hơn, v. v.. Mà một khi sự tiến bộ chậm chạp ấy của kỹ thuật nông nghiệp là một sự tiến bộ phổ biến xảy ra từ năm 1861, thì rõ ràng là nếu nêu nó lên để giải thích sự gay gắt của cuộc khủng hoảng nông nghiệp cuối thế kỷ XIX mà ai cũng công nhận, thì chưa đủ. Hai là, cả hai "giải pháp" về vấn đề ruộng đất được đề ra trong cuộc sống, tức là giải pháp *từ trên xuống* của Xtô-lư-pin, bằng cách duy trì quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ

và hoàn toàn thủ tiêu công xã, để cho bọn cu-lắc cướp bóc công xã, và giải pháp *từ dưới lên* của nông dân (kiểu phá lao động), bằng cách xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất, cả hai giải pháp đó đều làm cho việc chuyển sang kỹ thuật cao hơn được dễ dàng, và đều đi theo con đường tiến bộ của kỹ thuật canh tác. Một giải pháp đặt sự tiến bộ đó trên cơ sở thúc đẩy quá trình đẩy nông dân nghèo ra khỏi nông nghiệp, còn giải pháp kia thì lại dựa vào sự thúc đẩy quá trình loại trừ chế độ lao dịch bằng cách xóa bỏ những đại điền trang nông nô. Nông dân nghèo "kinh doanh" trên ruộng đất của mình một cách hết sức kém, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Như vậy là nếu phó mặc ruộng đất của họ cho nhóm nông dân khá giả cướp bóc, thì chắc chắn là kỹ thuật canh tác được nâng lên. Nhưng có một điều cũng không nghi ngờ gì nữa là ruộng đất của địa chủ kinh doanh dựa trên chế độ lao dịch và nô dịch, đều được canh tác một cách hết sức kém, *kém hơn so với ruộng đất được chia* (hãy nhớ lại những tài liệu đã dẫn: trên ruộng đất chia thu hoạch 54 phút một đê-xi-a-ti-na, ruộng tự canh tác được 66 phút, ruộng làm rẽ được 50 phút, ruộng nông dân thuê cả năm được 45 phút). Chế độ lao dịch của kinh tế địa chủ là sự duy trì những phương pháp canh tác nông nghiệp hết sức lạc hậu và là sự vĩnh viễn hóa tính chất dã man cả trong kỹ thuật canh tác cũng như trong toàn bộ đời sống xã hội. Không còn nghi ngờ gì nữa, như vậy là nếu nhổ tận gốc chế độ lao dịch, nghĩa là hoàn toàn xóa bỏ toàn bộ (và không chuộc lại) chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, thì kỹ thuật canh tác sẽ được nâng lên.

Do đó, thực chất của vấn đề ruộng đất và của cuộc khủng hoảng ruộng đất không phải là ở chỗ thủ tiêu những trở ngại cho việc nâng cao kỹ thuật canh tác, mà là ở chỗ thủ tiêu những trở ngại ấy *như thế nào*, giai cấp nào tiến hành việc thủ tiêu đó và thủ tiêu bằng những phương pháp

nào. Còn việc thủ tiêu những trở ngại cho sự phát triển lực lượng sản xuất trong nước thì tuyệt đối cần thiết, cần thiết không những theo ý nghĩa chủ quan của từ đó, mà theo cả ý nghĩa khách quan, nghĩa là sự thủ tiêu ấy là tất yếu và không một lực lượng nào có thể ngăn cản được nó.

Sai lầm của M. Sa-nin và cũng là của rất nhiều nhà trước tác viết về vấn đề ruộng đất là ở chỗ ông đã lấy một cách quá trừu tượng luận điểm đúng đắn về sự cần thiết phải nâng cao kỹ thuật nông nghiệp, mà không đếm xỉa đến những hình thức đặc thù của sự kết hợp những tính chất nông nô và đặc điểm có tính chất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp nước Nga. Trở ngại chủ yếu và căn bản của sự phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp nước Nga là những tàn tích của chế độ nông nô, trước hết tức là chế độ lao dịch và nô dịch, sau đến thuế má có tính chất nông nô, tình trạng không bình đẳng của người nông dân, sự khuất phục của họ trước những tầng lớp trên, v. v., v. v.. Việc xóa bỏ những tàn tích đó của chế độ nông nô từ lâu trở thành một tất yếu kinh tế, và cuộc khủng hoảng trong nông nghiệp vào cuối thế kỷ XIX đã trở nên hết sức gay gắt, chính là vì quá trình giải phóng nước Nga khỏi thời kỳ trung cổ đã kéo quá dài, vì chế độ lao dịch và nô dịch "sống dai dẳng" quá lâu. Sau năm 1861, nó biến đi chậm chạp đến nỗi phải đòi hỏi ở cơ cấu mới những biện pháp bạo lực để nhanh chóng quét sạch chế độ nông nô.

Cơ cấu kinh tế mới ấy của nông nghiệp nước Nga như thế nào? Chúng tôi đã cố gắng chỉ rõ một cách đặc biệt tỉ mỉ điều đó trong phần trình bày ở trên, vì về điểm này, những nhà kinh tế trong phái dân túy - tự do chủ nghĩa có những quan niệm đặc biệt không đúng. Cơ cấu kinh tế mới ở nước ta từ cái vỏ nông nô mà ra, là nền nông nghiệp thương phẩm và chủ nghĩa tư bản. Kinh tế của doanh nghiệp địa chủ, nếu không dựa trên chế độ lao dịch và sự nô dịch nông dân được chia ruộng đất, thì sẽ phơi bày một cách

hết sức rõ rệt những đặc điểm mang tính chất tư bản chủ nghĩa. Kinh tế của doanh nghiệp nông dân cũng vậy, nếu chúng ta biết nhìn vào công xã và xem cái gì đã xảy ra trong đời sống mặc dù có sự bình quân chính thức của chế độ chiếm hữu ruộng đất chia, cũng cho ta thấy ở khắp nơi những đặc điểm mang tính chất thuần túy tư bản chủ nghĩa. Ở Nga, nông nghiệp thương phẩm phát triển không ngừng, bất chấp mọi trở ngại, và nền nông nghiệp thương phẩm này nhất định chuyển thành nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, tuy rằng những hình thức của sự chuyển biến đó hết sức nhiều vẻ và thay đổi tùy theo từng vùng.

Vậy việc phá vỡ bằng bạo lực cái vỏ trung cổ của việc này trở thành điều cần thiết cho sự tiếp tục phát triển tự do của cơ cấu kinh tế mới là ở chỗ nào? Ở chỗ thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất theo lối trung cổ. Cho đến nay ở nước Nga cả chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và, trong một chừng mực rất lớn, cả chế độ chiếm hữu ruộng đất của nông dân đều có tính chất trung cổ. Chúng ta đã thấy những điều kiện kinh tế mới phá vỡ những khuôn khổ và những hàng rào trung cổ ấy của chế độ chiếm hữu ruộng đất, bằng cách buộc những nông dân nghèo phải cho thuê miếng đất được chia lâu đời của mình, bằng cách buộc những nông dân khá giả phải tổ chức nền kinh tế tương đối lớn của mình từ những mảnh đất khác nhau: cả ruộng đất chia, ruộng đất mua lẫn ruộng đất thuê của địa chủ. Và trên ruộng đất của địa chủ, thì sự phân chia ruộng đất theo chế độ lao dịch, theo lối cho nông dân thuê cả năm, theo lối tự canh, chỉ rõ rằng những phương pháp kinh doanh mới được xây dựng ngoài khuôn khổ của chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, kiểu trung cổ.

Việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất ấy có thể làm ngay tức khắc, sau khi đã cương quyết cắt đứt với quá khứ. Biện pháp đó là quốc hữu hóa ruộng đất mà tất cả các đại biểu nông dân trong thời kỳ 1905 - 1907 đều đòi hỏi một

cách ít nhiều triệt để. Việc thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất hoàn toàn không thay đổi chút nào những cơ sở tư sản trong chế độ chiếm hữu ruộng đất có tính chất thương mại và tư bản chủ nghĩa. Không có gì sai lầm hơn ý kiến cho rằng hình như quốc hữu hóa ruộng đất có cái gì giống với chủ nghĩa xã hội hoặc thậm chí với sự bình quân trong việc sử dụng ruộng đất. Về chủ nghĩa xã hội thì ai cũng biết rằng nó nhằm xóa bỏ nền kinh tế hàng hóa. Còn quốc hữu hóa là chuyển ruộng đất thành sở hữu của nhà nước, sự chuyển đó không mấy may đụng chạm đến việc kinh doanh tư nhân về ruộng đất. Dù ruộng đất có trở thành sở hữu hoặc “tài sản” của nhà nước, của toàn dân, thì điều đó cũng không làm thay đổi phương pháp kinh doanh ruộng đất, hoàn toàn giống như phương pháp kinh doanh (tư bản chủ nghĩa) của người nông dân khá giả không thay đổi, dù họ có mua ruộng đất một cách “vĩnh viễn”, có thuê ruộng đất của địa chủ hoặc ruộng đất công, hoặc “thu góp” những mảnh ruộng đất được chia mà những nông dân nghèo cho thuê. Khi còn có sự trao đổi mà nói đến chủ nghĩa xã hội thì thật là tức cười. Sự trao đổi những sản phẩm nông nghiệp và tư liệu sản xuất hoàn toàn không phụ thuộc vào những hình thức chiếm hữu ruộng đất. (Xin mở ngoặc nói thêm là ở đây tôi chỉ trình bày ý nghĩa kinh tế của việc quốc hữu hóa, chứ không phải bênh vực nó, như một cương lĩnh; trong tác phẩm nói ở trên, tôi đã bênh vực việc quốc hữu hóa rồi¹⁾.)

Còn về tính chất bình quân thì ở trên chúng tôi đã chỉ rõ là trong thực tế nó đã được áp dụng như thế nào trong việc phân phối ruộng đất chia. Chúng ta thấy rằng trong công xã ruộng đất chia được phân phối một cách khá bình quân, chỉ hơi nghiêng một chút về phía những người giàu. Nhưng

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 341 - 383.

do những nông dân nghèo phải cho thuê lại ruộng đất và ruộng đất cho thuê tập trung vào tay những nhà giàu, nên dấu vết của sự bình quân đó còn lại rất ít. Rõ ràng là không có một sự bình quân nào trong việc chiếm hữu ruộng đất lại có thể xóa bỏ được tình trạng không đồng đều trên thực tế sử dụng ruộng đất, một khi còn có sự khác biệt về của cải giữa nông dân và còn có chế độ trao đổi làm cho những sự khác biệt đó thêm gay gắt.

Ý nghĩa kinh tế của việc quốc hữu hóa hoàn toàn không phải ở chỗ người ta vẫn thường tìm. Ý nghĩa của nó không phải ở chỗ đấu tranh chống lại những quan hệ tư sản (như Mác⁷³ đã chỉ rõ từ lâu, quốc hữu hóa là một biện pháp tư sản triệt để nhất), mà là ở chỗ đấu tranh chống những quan hệ nông nô. Tính chất phức tạp của chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ đã kìm hãm sự phát triển kinh tế; những giới hạn đẳng cấp ngăn trở sự chu chuyển thương mại; chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ không thích hợp với lối kinh doanh mới, điều đó sinh ra những mâu thuẫn gay gắt; nhờ những đại điền trang, bọn địa chủ kéo dài sự tồn tại của chế độ lao dịch; nông dân bị giam hãm trong chế độ chiếm hữu ruộng đất chia giống hệt như trong một trại mà mỗi bước đi của cuộc sống lại phá vỡ khuôn khổ của nó. Quốc hữu hóa sẽ quét sạch tất cả những quan hệ trung cổ trong việc chiếm hữu ruộng đất, nó sẽ làm cho ruộng đất trở thành thật sự tự do — nhưng tự do cho ai? cho mọi công dân chăng? Không phải như thế. Như chúng ta đã thấy, tự do của người nông dân không có ngựa (tức là của 3¹/₄ triệu hộ) là ở chỗ cho thuê ruộng đất chia. Ruộng đất trở nên tự do, *cho người chủ*, cho người nào thật sự muốn và *có thể* canh tác ruộng đất theo yêu cầu của những điều kiện kinh doanh hiện đại nói chung và của thị trường thế giới nói riêng. Quốc hữu hóa sẽ thúc đẩy nhanh sự diệt vong của chế độ nông nô và sự phát triển của chế độ

phéc-mi-ê thuần túy tư sản trên ruộng đất không còn mấy may những rác rưởi của thời trung cổ. Đó là ý nghĩa lịch sử thật sự của việc quốc hữu hóa ở Nga vào cuối thế kỷ XIX.

Còn về con đường khác, con đường quét sạch chế độ chiếm hữu ruộng đất cho chủ nghĩa tư bản, con đường mà về mặt khách quan không phải là không thể thực hiện được thì như chúng ta đã thấy, đó là sự thúc đẩy việc những nhà giàu cướp bóc công xã và là củng cố chế độ tư hữu về ruộng đất cho những nông dân khá giả. Nguồn gốc chủ yếu của chế độ lao dịch và nô dịch do đó không bị đụng chạm đến, những đại điền trang của địa chủ vẫn tồn tại. Rõ ràng là phương pháp như thế để quét sạch con đường cho chủ nghĩa tư bản đem lại hết sức ít khả năng phát triển tự do các lực lượng sản xuất so với phương pháp thứ nhất. Một khi các đại điền trang còn được duy trì thì tất nhiên còn duy trì cả người nông dân bị nô dịch, chế độ làm rē, chế độ lĩnh canh quy mô nhỏ cả năm, việc canh tác ruộng đất của “lãnh chúa” bằng nông cụ của nông dân, nghĩa là duy trì những phương pháp trồng trọt lạc hậu nhất và tất cả sự dã man theo kiểu châu Á mà người ta vẫn gọi là lối sống gia trưởng ở nông thôn.

Tôi đã nói tới hai “giải pháp” cho vấn đề ruộng đất ở nước Nga tư sản đang phát triển, hai giải pháp ấy phù hợp với hai con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Tôi gọi những con đường ấy là con đường kiểu Phổ và con đường kiểu Mỹ. Đặc điểm của con đường thứ nhất là những quan hệ trung cổ trong chế độ chiếm hữu ruộng đất không bị thủ tiêu ngay, mà thích ứng một cách chậm chạp với chủ nghĩa tư bản, do đó chủ nghĩa tư bản sẽ còn giữ những đặc điểm nửa phong kiến trong một thời gian lâu dài. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ ở Phổ không bị cách mạng tư sản phá vỡ, mà còn nguyên vẹn và trở thành cơ sở của nền kinh tế của bọn “gioong-ke”,

về căn bản đó là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhưng không tránh khỏi sự phụ thuộc nhất định của dân cư nông thôn kiểu Gesindeordnung¹⁾, v. v.. Do đó, quyền thống trị của bọn gioong-ke về mặt xã hội và chính trị được củng cố trong hàng chục năm ròng sau năm 1848 và sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp Đức chậm hơn ở Mỹ nhiều. Ở Mỹ, ngược lại, không phải nền kinh tế chiếm hữu nô lệ cũ của địa chủ lớn là cơ sở của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa (nội chiến đã phá vỡ nền kinh tế chiếm hữu nô lệ), mà là kinh doanh tự do của người phéc-mi-ê tự do trên ruộng đất tự do đã thoát khỏi mọi sự ràng buộc thời trung cổ, một mặt thoát khỏi chế độ nông nô và phong kiến, và mặt khác thoát khỏi những ràng buộc của chế độ tư hữu về ruộng đất. Ruộng đất ở Mỹ được trích trong khối dự trữ ruộng đất hết sức to lớn của nó và phân phối theo giá danh nghĩa, và hiện nay chế độ tư hữu về ruộng đất ở đây đã phát triển trên một cơ sở mới, hoàn toàn tư bản chủ nghĩa.

Cả hai con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ấy đã biểu hiện hoàn toàn rõ ràng ở Nga sau năm 1861. Sự tiến bộ của kinh tế địa chủ không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng sự tiến bộ đó chậm chạp không phải là điều ngẫu nhiên mà là tất yếu, chừng nào những tàn tích của chế độ nông nô còn được duy trì. Cũng không còn nghi ngờ gì nữa, nông dân càng được tự do, những tàn tích của chế độ nông nô đè xuống họ càng ít đi (ví dụ, ở miền Nam có tất cả các điều kiện thuận lợi ấy), và cuối cùng, nói chung, nông dân càng có nhiều ruộng đất, thì sự phân hóa trong nông dân càng mạnh hơn và sự hình thành giai cấp những người phéc-mi-ê kinh doanh nông nghiệp càng diễn ra nhanh hơn. Toàn bộ vấn đề phát triển hơn nữa của đất nước chung quy lại là trong hai con đường phát triển ấy, con đường

1) — Điều lệ về nô bộc

nào sẽ thắng hoàn toàn, và do đó, giai cấp nào sẽ tiến hành cuộc cải tạo cần thiết và tất yếu: địa chủ quý tộc cũ hay là người phéc-mi-ê nông dân tự do?

Ở nước ta, người ta thường nghĩ rằng quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa là rút ruộng đất ra khỏi chu chuyển thương mại. Đa số nông dân tiên tiến và các nhà tư tưởng của nông dân nhất định đứng trên quan điểm đó. Nhưng cách nhìn như thế hoàn toàn sai lầm. Chính là ngược lại. Chế độ tư hữu về ruộng đất là một trở ngại cho việc tự do bỏ vốn vào ruộng đất. Vì vậy, trong điều kiện nhà nước cho thuê tự do ruộng đất (mà thực chất của việc quốc hữu hóa trong xã hội tư sản chung quy lại là ở chỗ đó), ruộng đất bị lôi cuốn vào chu chuyển thương mại một cách *manh hơn* là trong điều kiện thống trị của chế độ tư hữu về ruộng đất. Trong điều kiện tự do thuê mướn, việc tự do bỏ vốn vào ruộng đất và tự do cạnh tranh trong nông nghiệp lớn gấp bội so với trong điều kiện chế độ tư hữu. Có thể nói quốc hữu hóa ruộng đất là chế độ chúa đất không có chúa đất. Còn trong việc phát triển nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa, chế độ chúa đất là thế nào thì Mác đã lập luận một cách hết sức sâu sắc trong cuốn “Các học thuyết về giá trị thặng dư”. Tôi đã dẫn lập luận của Mác trong tác phẩm nói ở trên về cương lĩnh ruộng đất, nhưng ở đây, do tầm quan trọng của vấn đề, tôi xin phép nhắc lại lập luận đó một lần nữa¹⁾.

Trong đoạn nói về những điều kiện lịch sử của học thuyết về địa tô của Ri-các-đô (“Theorien über den Mehrwert”. II. Band, 2. Teil, Stuttgart, 1905, S. 5 - 7²⁾), Mác nói rằng Ri-các-đô và An-đéc-xơn “xuất phát từ một quan điểm mà

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 311 - 317.

2) — “Các học thuyết về giá trị thặng dư”. T. II, ph. 2, Stút-ga, 1905, tr. 5 - 7.⁷⁴

ở lục địa người ta cho là rất kỳ lạ”. Cụ thể: họ cho rằng “hoàn toàn không có chế độ sở hữu ruộng đất với tính cách là sự cản trở tất cả mọi sự bỏ vốn vào ruộng đất”. Thoạt nhìn thì điều đó là mâu thuẫn, vì chính ở nước Anh chế độ sở hữu ruộng đất kiểu phong kiến vẫn đặc biệt được duy trì hoàn toàn. Nhưng Mác giải thích rằng chính ở nước Anh, tư bản “đã xử lý thắng tay chưa từng thấy trên thế giới đối với chế độ ruộng đất cổ truyền”. Về phương diện đó, nước Anh “là một nước cách mạng nhất trên thế giới”. “Ở đâu mà tất cả những chế độ do lịch sử để lại đã mâu thuẫn với những điều kiện của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp hoặc không phù hợp với những điều kiện ấy, thì đều bị thắng tay quét sạch: không những vị trí của những làng xóm ở nông thôn bị thay đổi, mà chính ngay những làng xóm ấy cũng bị quét sạch; không những các nhà ở và nơi cư trú của dân cư nông nghiệp, mà ngay cả bản thân dân cư đó cũng đều bị quét sạch; không những các trung tâm kinh tế lâu đời, mà ngay cả bản thân nền kinh tế đó cũng đều bị quét sạch. Ở Đức, Mác viết tiếp, chế độ kinh tế là do những quan hệ cổ truyền về ruộng đất công xã (Feldmarken), do vị trí của những trung tâm kinh tế, do những địa điểm tập trung dân cư nổi tiếng, quyết định. Ở Anh, chế độ có tính chất lịch sử trong nông nghiệp là do tư bản dần dần tạo nên, bắt đầu từ thế kỷ XV. Thuật ngữ kỹ thuật Anh “clearing of estates” (“dọn sạch ruộng đất”) không hề thấy ở một nước nào trên lục địa. Vậy thì clearing of estates đó có nghĩa là gì? Nó có nghĩa là người ta hoàn toàn không đếm xỉa gì đến dân định cư, — người ta đuổi họ đi; không đếm xỉa gì đến những làng xóm hiện có, — người ta hoàn toàn san bằng những thôn xóm ấy cùng với ruộng đất; không đếm xỉa gì đến những công trình kinh tế, — người ta đem phá huỷ chúng đi; không đếm xỉa gì đến những hình thức nhất định của nông nghiệp, — người ta thay đổi ngay những hình thức đó đi, ví dụ như

đem biến những ruộng đất cày bừa thành đồng cỏ nuôi súc vật; tóm lại, người ta không thừa nhận tất cả những điều kiện sản xuất vốn có từ xưa đến nay, mà về phương diện lịch sử người ta *đã tạo ra* những điều kiện ấy theo một hình thức phù hợp, trong mỗi trường hợp nhất định, với những yêu cầu của việc bỏ vốn một cách có lợi nhất. Bởi vậy, trong chừng mực ấy, quả thật *chế độ tư hữu về ruộng đất không tồn tại*, vì chế độ tư hữu ấy cho phép tư bản, — người phéc-mi-ê — có thể tự do kinh doanh, và chỉ quan tâm đến thu nhập bằng tiền thôi. Bởi vậy, một tên địa chủ nào đó ở xứ Pô-mê-ra-ni-a (Mác có ý nói đến Rốt-béc-tút, mà học thuyết về địa tô của ông này đã bị Mác bác bỏ một cách xuất sắc và chi tiết trong tác phẩm này) "trong đầu óc hẳn chỉ biết có những ruộng đất công xã do cha ông để lại, những trung tâm kinh tế, hội đồng về chiếm hữu ruộng đất, v. v., cho nên hẳn có thể khiếp sợ giơ tay lên trời tỏ vẻ hoài nghi đối với quan điểm "phi lịch sử" của Ri-các-đô về sự phát triển các quan hệ trong nông nghiệp". Thực ra, "những điều kiện ở nước Anh là những điều kiện duy nhất trong đó chế độ sở hữu ruộng đất hiện đại, nghĩa là chế độ sở hữu ruộng đất đã bị nền sản xuất tư bản chủ nghĩa *làm biến đổi đi*, có thể phát triển một cách đầy đủ (một cách hoàn mỹ nhất). Về điểm này, học thuyết của người Anh (tức là học thuyết về địa tô của Ri-các-đô) là học thuyết kinh điển đối với phương thức sản xuất hiện đại, nghĩa là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa".

Ở Anh, việc dọn sạch ruộng đất ấy tiến hành dưới những hình thức cách mạng với việc dùng bạo lực phá vỡ chế độ chiếm hữu ruộng đất của nông dân. Việc phá vỡ những cái cũ lỗi thời, cũng tuyệt đối tất yếu cả ở nước Nga, nhưng thế kỷ XIX (và cả 7 năm đầu thế kỷ XX) chưa giải quyết được vấn đề: giai cấp nào sẽ tiến hành việc phá vỡ cần thiết đối với chúng ta và phá vỡ bằng hình thức nào. Ở trên chúng tôi đã chỉ rõ rằng cơ sở của việc

phân phối ruộng đất ở Nga hiện nay là gì. Chúng ta thấy rằng 30 000 chủ điền trang lớn chiếm 70 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất đối lập với 10^{1/2} triệu nông hộ chỉ có 75 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất. Một trong những kết cục có thể xảy ra của cuộc đấu tranh, — cuộc đấu tranh này không thể không bùng nổ trên cơ sở ấy, — sẽ là: ruộng đất chiếm hữu của một chục triệu hộ sẽ tăng lên gần gấp đôi, còn số ruộng chiếm hữu của 30 000 hộ lớn trên sẽ mất đi. Chúng ta hãy xem xét kết cục có thể xảy ra ấy về mặt thuần túy lý luận, trên quan điểm vấn đề ruộng đất được đặt ra ở nước Nga vào cuối thế kỷ XIX. Những kết quả của sự thay đổi ấy sẽ phải như thế nào? Về phương diện quan hệ chiếm hữu ruộng đất thì rõ ràng là chế độ chiếm hữu ruộng đất chia kiểu trung cổ và chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ kiểu trung cổ sẽ bị thay đổi hoàn toàn. Chế độ cũ sẽ bị thủ tiêu hoàn toàn. Trong quan hệ chiếm hữu ruộng đất sẽ không còn lại cái gì là cổ truyền nữa. Vậy lực lượng nào sẽ quyết định những quan hệ chiếm hữu ruộng đất mới? Do "nguyên tắc" bình quân chăng? Người nông dân tiên tiến, bị nhiễm tư tưởng dân túy, sẽ có khuynh hướng nghĩ như vậy. Người thuộc phái dân túy cũng nghĩ như vậy. Nhưng đấy là ảo tưởng. Trong công xã, "nguyên tắc" bình quân được pháp luật thừa nhận và được tập quán thần thánh hóa, trong thực tế đưa đến chỗ việc chiếm hữu ruộng đất thích ứng với sự khác nhau về tình hình tài sản. Và trên cơ sở *sự kiện kinh tế* đó, đã được các tài liệu ở Nga và Tây Âu xác nhận nhiều lần, chúng ta khẳng định rằng hy vọng về tính chất bình quân sẽ tan vỡ như một ảo tưởng, còn *việc thay đổi chế độ chiếm hữu ruộng đất sẽ là kết quả duy nhất vững chắc*. Kết quả đó có ý nghĩa to lớn hay không? Cục kỳ to lớn, vì không một biện pháp nào khác, không một cuộc cải cách nào khác, không một sự cải tạo nào khác lại có thể bảo đảm đầy đủ cho sự tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp ở Nga được nhanh chóng nhất,

rộng rãi nhất và tự do nhất và cho việc xóa bỏ tất cả các vết tích của chế độ nông nô, chế độ đẳng cấp và phương thức châu Á trong đời sống của chúng ta.

Có thể có người sẽ phản đối chúng tôi: tiến bộ kỹ thuật ư? Nhưng mà ở trên chúng tôi đã dựa vào những tài liệu chính xác để nêu rõ là nền kinh tế của địa chủ đạt được trình độ cao hơn kinh tế của nông dân cả về mặt trồng cỏ, cả về mặt sử dụng máy móc, cả về mặt phân bón và tất nhiên cả về chất lượng gia súc, v. v., hay sao? Đúng, chúng tôi đã nêu rõ như vậy và sự thật này hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng không nên quên rằng *tất cả* những sự khác biệt đó trong tổ chức kinh tế, trong kỹ thuật, v.v., được tổng hợp lại trong *sản lượng*. Mà chúng ta đã thấy rằng sản lượng thu hoạch trên ruộng đất của địa chủ đã *cho nông dân làm rẽ*, v. v. thấp hơn sản lượng thu hoạch trên ruộng đất được chia. Đây là điều mà người ta gần như luôn luôn quên, khi nói đến trình độ kỹ thuật canh tác trong kinh tế của địa chủ và kinh tế của nông dân ở Nga! Kinh tế của địa chủ đạt được trình độ cao hơn, *trong chừng mực* nó được tiến hành theo lối tư bản chủ nghĩa. Và tất cả thực chất của vấn đề là ở chỗ, vào cuối thế kỷ XIX, cái “trong chừng mực” đó đã duy trì địa vị ưu thế của chế độ lao dịch trong hệ thống kinh tế của vùng trung tâm ở nước ta. Hiện nay *trong chừng mực* mà những nông dân bị nô dịch vẫn cày bừa ruộng đất của địa chủ bằng những công cụ và những phương pháp cổ lỗ của mình, v. v. thì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ vẫn là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng lạc hậu và đình trệ. Sự thay đổi về chế độ chiếm hữu ruộng đất mà chúng ta đang thảo luận sẽ làm cho sản lượng thu hoạch trên ruộng đất làm rẽ hoặc trên ruộng đất thuê được tăng lên (hiện nay, xem những số liệu nêu ở trên, sản lượng thu hoạch đó là 50 và 45 pút so với 54 pút thu hoạch trên ruộng đất được chia và 66 pút trên ruộng đất tự canh). Nếu thậm chí mức sản lượng thu

hoạch đó *chỉ* nâng lên ngang với mức sản lượng thu hoạch trên ruộng đất được chia thì cũng đã là một bước tiến rất lớn. Nhưng cố nhiên, ngay cả sản lượng thu hoạch trên ruộng đất được chia sẽ được nâng lên là do nông dân được giải phóng khỏi ách những đại điền trang nông nô, do các ruộng đất được chia cũng như tất cả các ruộng đất khác của nhà nước, lúc đó sẽ trở thành những ruộng đất tự do, và (không phải toàn thể công dân, mà chỉ những công dân nào có tư bản bỏ vào nông nghiệp, tức là —) những phéc-mi-ê cũng đều có thể đạt tới được.

Kết luận đó hoàn toàn không phải rút ra từ những tài liệu về sản lượng thu hoạch mà chúng ta đã nêu lên. Trái lại, những tài liệu ấy được nêu lên chỉ để minh họa rõ ràng cho kết luận rút từ *toàn bộ* những tài liệu về sự tiến triển của kinh tế địa chủ và kinh tế nông dân Nga. Muốn bác bỏ kết luận này thì phải bác bỏ một sự thật là lịch sử nông nghiệp nước Nga vào nửa sau của thế kỷ XIX là lịch sử quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thay thế quan hệ sản xuất nông nô.

Nếu dựa vào những tài liệu về số lượng nông hộ hiện nay thì có thể có cảm tưởng là vấn đề cải cách ruộng đất mà chúng ta đang xem xét, sẽ đưa đến tình trạng nông nghiệp bị cực kỳ phân tán. Không phải thế, mười ba triệu nông hộ với 280 triệu đê-xi-a-ti-na! đấy chẳng phải là sự phân tán ghê gớm hay sao? Chúng tôi xin trả lời về điều đó: chính *bây giờ* chúng ta thấy có sự phân tán ghê gớm đó, vì *bây giờ* mười ba triệu nông hộ *kinh doanh* trên một diện tích *nhỏ hơn* 280 triệu đê-xi-a-ti-na! Do đó, sự thay đổi mà chúng ta quan tâm đến, không hề bao giờ làm cho quan hệ được xem xét trở nên xấu đi. Không phải chỉ có thế. Chúng ta còn đặt thêm vấn đề nữa: có cơ sở gì để nghĩ rằng tổng số hộ vẫn y nguyên sau sự đổi thay đó? Người ta thường xem xét đúng như thế do ảnh hưởng của những học thuyết dân túy và những ý kiến của bản

thân nông dân là những người mà tất cả tâm trí đều hướng vào ruộng đất và thậm chí có thể mơ ước đến cả việc biến những công nhân công nghiệp thành những người tiểu nông. Không còn nghi ngờ gì nữa, bản thân một số công nhân công nghiệp ở Nga vào cuối thế kỷ XIX cũng đứng trên quan điểm nông dân này. Nhưng vấn đề là ở chỗ xem quan điểm đó có *đúng* hay không? Nó có phù hợp với những điều kiện kinh tế *khách quan* và quá trình phát triển kinh tế hay không? Chỉ cần đặt ra một cách rõ ràng vấn đề ấy là sẽ thấy rằng quan điểm nông dân xuất phát từ cái quá khứ lỗi thời và không quay trở lại nữa, chứ không phải xuất phát từ cái tương lai đang phát triển. Quan điểm nông dân là *không đúng*. Nó là hệ tư tưởng của thời gian đã qua, còn sự phát triển kinh tế *trong thực tế* không đưa đến việc tăng lên, mà đưa đến việc giảm nhân khẩu nông nghiệp.

Sự thay đổi trong các quan hệ chiếm hữu ruộng đất mà chúng ta đang xét đến, không thủ tiêu và không thể thủ tiêu được quá trình giảm số nhân khẩu nông nghiệp đó, quá trình có tính chất chung cho tất cả các nước mà chủ nghĩa tư bản đang phát triển. Có thể có người sẽ hỏi tôi: vậy sự thay đổi đó có thể ảnh hưởng đến việc giảm số nhân khẩu nông nghiệp như thế nào, một khi mọi người đều có thể tự do có được ruộng đất? Tôi xin trả lời câu đó bằng một câu trích trong bài diễn văn tại Đuma của đại biểu nông dân (tỉnh Pôn-ta-va) là ông Tsi-giép-xki. Trong phiên họp ngày 24 tháng Năm 1906 ông ta nói: "Nông dân nước ta, những đại biểu cử tri đã cử chúng tôi đến đây, họ đã tính toán chẳng hạn như sau: "Nếu như chúng ta giàu hơn một chút và nếu như mỗi gia đình chúng ta mỗi năm có thể chi 5 hoặc 6 rúp để mua đường, thì ở mỗi huyện có khả năng sản xuất củ cải đường sẽ mọc lên một số nhà máy đường để bổ sung thêm vào số nhà máy hiện có". Hoàn toàn tự nhiên là nếu những nhà máy đường ấy

mọc lên thì cần biết bao nhân lực để kinh doanh khi người ta đẩy mạnh kinh doanh lên nữa! Sản xuất của những nhà máy đường sẽ tăng lên v. v." ("Tường thuật tốc ký", tr. 622).

Đó là sự xác nhận cực kỳ điển hình của một nhà hoạt động địa phương. Nếu hỏi ý kiến ông ta về ý nghĩa cuộc cải cách ruộng đất nói chung, chắc ông ta sẽ bày tỏ những quan điểm dân túy. Nhưng một khi vấn đề không phải là về "ý kiến", mà là về hậu quả *cụ thể* của việc cải cách, thì lập tức *sự thật tư bản chủ nghĩa* sẽ đè bẹp *cái không tưởng dân túy*. Vì điều mà nông dân đã nói với đại biểu của mình, ông Tsi-giép-xki, chính là sự thật tư bản chủ nghĩa, sự thật của thực tế tư bản chủ nghĩa. Số lượng nhà máy đường và năng suất của những nhà máy ấy sẽ thực sự rất lớn nếu tình cảnh của những người tiểu nông có sự cải thiện quan trọng nào đó. Và tất nhiên không những ngành sản xuất đường mà tất cả các ngành công nghiệp chế biến: dệt, làm đồ sắt, chế tạo cơ khí, xây dựng nói chung, v. v., v. v., cũng được đẩy mạnh rất nhiều và cần "nhiều nhân lực". Và sự tất yếu kinh tế ấy sẽ mạnh hơn tất cả những hy vọng và những mơ ước tuyệt đẹp về tính chất bình quân. Ba triệu 25 vạn hộ không có ngựa sẽ không trở thành "nghiệp chủ", nhờ *một* cuộc cải cách ruộng đất *nào*, một sự thay đổi nào trong chế độ chiếm hữu ruộng đất, một sự "chia ruộng đất" nào. Hàng triệu nông hộ ấy (và cả một phần lớn những hộ có một con ngựa) như chúng ta đã thấy, đang *đổ mồ hôi* trên những mảnh đất của họ, đang *cho thuê khoảnh ruộng đất được chia của họ*. Sự phát triển kiểu Mỹ của công nghiệp *nhất định* tách đa số những nông hộ tuyệt vọng đó trong xã hội tư bản ra khỏi nông nghiệp, và không một thứ "quyền về ruộng đất" nào lại có thể ngăn cản được việc tách đó. 13 triệu tiểu nông đang còng lưng trên những mảnh ruộng được chia của họ và trên ruộng đất của lãnh chúa với những nông cụ thảm hại nhất, nghèo nàn nhất và lạc hậu nhất, đó là thực tế của ngày nay; đó là

tình trạng nhân mãn *giả tạo* trong nông nghiệp, giả tạo theo nghĩa là duy trì bằng bạo lực những quan hệ nông nô đã lỗi thời từ lâu và *không thể* đứng vững được một ngày nếu không có nhục hình, xử bắn, những cuộc hành quân trừng phạt, v. v.. Bất cứ một sự cải thiện quan trọng nào đối với tình cảnh của quần chúng, bất cứ một đòn quan trọng nào đánh vào những tàn tích của chế độ nông nô cũng đều *nhất định* sẽ phá vỡ tình trạng nhân mãn đó ở nông thôn, sẽ thúc đẩy rất nhiều quá trình tách dân cư từ chỗ làm nông nghiệp sang làm công nghiệp (quá trình đó hiện nay đang xảy ra chậm chạp), sẽ giảm số nông hộ từ 13 triệu xuống một con số thấp hơn rất nhiều và sẽ đưa nước Nga tiến lên theo con đường kiểu Mỹ, chứ không phải theo con đường kiểu Trung-quốc như hiện nay.

Vấn đề ruộng đất ở nước Nga vào cuối thế kỷ XIX đề ra cho các giai cấp trong xã hội giải quyết nhiệm vụ: chấm dứt chế độ nông nô cổ lỗ và quét sạch chế độ chiếm hữu ruộng đất, dọn sạch đường cho chủ nghĩa tư bản, cho sự phát triển các lực lượng sản xuất, cho cuộc đấu tranh tự do và công khai giữa các giai cấp. Chính cuộc đấu tranh giai cấp ấy sẽ quyết định xem nhiệm vụ đó sẽ được giải quyết như thế nào.

Ngày 1 tháng Bảy (lịch mới) 1908

VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ TAN RÃ HIỆN NAY

Chúng ta đã nhiều lần được thấy ở *phía hữu*, có sự tan rã về mặt tư tưởng và tổ chức của phe những người dân chủ tư sản và những người xã hội chủ nghĩa cơ hội, sự tan rã đó là không tránh khỏi trong thời kỳ thế lực phản cách mạng hoành hành — vì các đảng và các phái phần lớn là gồm tầng lớp trí thức tiểu tư sản. Nhưng bức tranh của sự tan rã sẽ không được đầy đủ, nếu chúng ta không nói đến sự tan rã "*ở phía tả*", trong phe những người "xã hội chủ nghĩa - cách mạng" tiểu tư sản.

Tất nhiên danh từ "*ở phía tả*" ở đây chỉ có thể dùng theo nghĩa hết sức tương đối để chỉ những người *giả đò* ngả về phía tả. Nhiều lần chúng tôi đã nêu lên trong báo "Người vô sản" rằng chính thời kỳ cao trào tột độ của cách mạng Nga đã làm bộc lộ đặc biệt rõ rệt toàn bộ tính không ổn định, không vững chắc, toàn bộ tính vô nguyên tắc của "chủ nghĩa cách mạng" của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong hoạt động chính trị có tính chất công khai và quần chúng. Chỉ cần nhắc lại những sự kiện lớn nhất cũng đủ rõ. Trong cao trào mùa thu 1905, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng ngấm ngấm liên minh với những người xã hội chủ nghĩa nhân dân, là những người rất muốn có một "đảng xã hội chủ nghĩa nhân dân" hợp pháp. Đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng họp vào tháng Chạp

1905, đã bác bỏ "kế hoạch" thành lập một đảng theo đúng kiểu Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nhưng trong cao trào xuân hè 1906, trên các báo hàng ngày, nghĩa là trên diễn đàn chủ yếu để cổ động toàn dân, chúng ta lại thấy những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng liên minh với những người xã hội chủ nghĩa nhân dân. Mùa thu 1906, sau thất bại Xvi-boóc-gơ và Crôn-stát⁷⁵, phái xã hội chủ nghĩa nhân dân đã công khai từ bỏ cách mạng và đã công khai hành động như bọn cơ hội chủ nghĩa, vậy mà các cuộc bầu cử Đu-ma II ở Pê-téc-bua (mùa xuân 1907) đã lại khôi phục lại "cái khối dân túy" gồm phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, phái xã hội chủ nghĩa nhân dân và phái lao động. Tóm lại, cách mạng đã hoàn toàn và triệt để vạch rõ rằng Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng không có một cơ sở giai cấp đòi chút vững chắc nào, đã làm cho nó thực tế là một vật phụ thuộc, một cánh của phái dân chủ nông dân tiểu tư sản, buộc nó phải thường xuyên dao động giữa nhiệt tình cách mạng trên lời nói và thủ đoạn ngoại giao của phái xã hội chủ nghĩa nhân dân và phái lao động. Sự tách rời của phái tối đa — là những người trong quá trình cách mạng luôn luôn muốn tách khỏi phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng nhưng không thể tách khỏi một cách triệt để — chỉ xác nhận rằng tính chất cách mạng của phái dân túy không có cơ sở giai cấp vững vàng. Trong bài "Những người men-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng" trên báo "Người vô sản", số 4, chúng tôi đã viết rằng đối với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng phái giữa, tức là những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng "thuần túy", không còn cách nào khác ngoài việc dùng những lý lẽ mượn của những người mác-xít để chống lại cả hai khuynh hướng "mới" trong phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng¹). Nếu những người

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 495 - 508.

dân chủ - xã hội đi ra khỏi cuộc cách mạng sau khi đã hoàn toàn đoàn kết được một giai cấp nhất định, cụ thể là giai cấp vô sản, và đã phân rõ hai trào lưu vốn có của tất cả các đảng dân chủ - xã hội trên thế giới, tức là trào lưu cơ hội chủ nghĩa và trào lưu cách mạng thì những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đi ra khỏi cuộc cách mạng mà không có một cơ sở trực tiếp nào, không có ranh giới nhất định nào có thể tách họ, một mặt, khỏi phái lao động và phái xã hội chủ nghĩa nhân dân gắn chặt với đồng đảng nghiệp chủ nhỏ, mặt khác, khỏi phái tối đa là một nhóm trí thức chủ trương khủng bố.

Và giờ đây, sau khi chủ nghĩa tối đa biến mất, có thể là tạm thời, chúng ta thấy một trào lưu tương tự được khôi phục lại dưới một bộ áo mới. Báo "Tư tưởng cách mạng"⁷⁶ (số 1, tháng Tư 1908, số 2, tháng Sáu), cơ quan ngôn luận của "một nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng", tách khỏi "cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng", tức là tách khỏi cơ quan ngôn luận trung ương là báo "Ngọn cờ lao động"⁷⁷, và tuyên bố "xét lại" thế giới quan lý luận của chúng ta (tức là của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng), những phương pháp đấu tranh và tổ chức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng chúng ta". Tất nhiên, toàn bộ sự "xét lại" đó, toàn bộ "công tác phê phán có tính chất sáng tạo" đó mà tờ báo mới hứa hẹn, chỉ là nói suông hoàn toàn mà thôi. Thực ra, không có và không thể có chuyện xét lại nào về lý luận cả, vì tờ báo mới đó chẳng có thế giới quan lý luận nào, mà chỉ hát đi hát lại bằng hàng nghìn điệu những lời kêu gọi khủng bố, chỉ thích ứng một cách ngu xuẩn, vụng về, ngây thơ với một phương pháp đường như là mới, nhưng thực ra là cũ và rất cũ, của các quan điểm về cách mạng, về phong trào quần chúng, về ý nghĩa của các chính đảng nói chung, v. v.. Chỉ cần đối chiếu những lời hứa huênh hoang về việc xét lại, phê phán và sáng tạo, cũng thấy ngay rằng

cái vốn "lý luận" đó hết sức nghèo nàn. Những quan điểm lý luận hoàn toàn lầm lẫn của cả khuynh hướng "mới" lẫn khuynh hướng "cũ" trong Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng bộc lộ rõ ràng đến nỗi chính báo "Tư tưởng cách mạng" cũng phải nhấn mạnh đến "sự tiến triển trong những quan điểm của những người lãnh đạo cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng" — sự tiến triển đó thể hiện ở chỗ hết sức nhấn mạnh vào "sự khủng bố chính trị có tính chất chủ đạo và có hệ thống" để "đẩy nhanh các sự biến". Đây là lời trích ở báo "Ngọn cờ lao động", số 8. Còn trong các số 10 - 11 (tháng Hai - tháng Ba 1908), chúng ta thấy những lời hoàn toàn giống như thế về sự "tăng cường những cố gắng của toàn đảng" trong việc "khủng bố chính trị có tính chất chủ đạo", về sự cần thiết phải tìm "những khoản tiền lớn" để làm việc này, đồng thời cạnh đó lại có "những lời bóng gió nhẹ nhàng" về nguồn tiền có thể có được đó: "tất cả các đảng, — báo "Ngọn cờ lao động" viết ở trang 7 - 8, — cho đến Đảng dân chủ - lập hiến và Đảng canh tân hòa bình, đều sẽ được hưởng những thành quả gần đây nhất của hoạt động này. Vì vậy đảng ta có quyền trông đợi sự giúp đỡ vô cùng rộng lớn của xã hội trong cuộc đấu tranh đó của mình".

Bạn đọc thấy rằng lời lẽ của tờ báo mới chẳng có gì là mới cả. Tờ báo chỉ có đặc điểm là cung cấp tài liệu bổ ích để đánh giá *sự tan rã* được che đậy bằng những câu rỗng tuếch "tả khuynh", giả cách mạng. Trong tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" (số 1) bọn men-sê-vích biện bạch cho việc quyền tiền của phái tự do, bằng cách cho rằng có sự nhất trí về các mục tiêu chính trị trong một chừng mực nào đó. Trong báo "Ngọn cờ lao động", những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nói với những người dân chủ - lập hiến và phái canh tân hòa bình rằng: chính các ngài cũng sẽ được hưởng các thành quả kia mà. Hai thái cực đều nhất trí với nhau. Chủ nghĩa cơ hội tiểu tư

sản và tính chất cách mạng tiểu tư sản đều "liếc" những người dân chủ - lập hiến và phái canh tân hòa bình, tuy là xuất phát từ những phía khác nhau.

Hai thái cực nói trên không phải chỉ nhất trí ở chỗ đó. Sau cách mạng, cả những người men-sê-vích lẫn những người dân túy "cách mạng" đều bi quan thất vọng. Cả hai đều sẵn sàng vứt bỏ tính đảng, vứt bỏ những truyền thống cũ của đảng, vứt bỏ cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng. Báo "Sự hồ đồ cách mạng" viết: "Sai lầm chung của hầu hết các đảng cách mạng, sai lầm cực kỳ tai hại trong cuộc khủng hoảng hiện nay, là quá tin vào khả năng và sự tất yếu của một cuộc khởi nghĩa của quần chúng nhân dân"... "Cuộc sống không làm thỏa lòng mong đợi của đảng". Các bạn thấy không, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thật hoài công xây dựng "một cương lĩnh xã hội chủ nghĩa theo khuôn sáo mác-xít", xây dựng "quan niệm về cách mạng, coi cách mạng là đồng nhất với phong trào quần chúng, với cuộc khởi nghĩa quần chúng do những nhu cầu kinh tế gây ra, đành rằng đã sửa chữa theo thiếu sót có tinh thần chủ động". Không nên sửa chữa, mà nên phát triển "lý luận và thực tiễn về hành động tích cực của thiếu số có tinh thần chủ động" (số 1, tr. 6 - 7). Theo ý kiến những người thi hành chính sách ngu dân xã hội chủ nghĩa - cách mạng "mới" thì cần nêu cao ý nghĩa của "tinh cảm tự nhiên xâm chiếm lòng người cách mạng, và những lý tưởng cổ vũ họ" (số 2, tr. 1), còn những vấn đề lý luận, triết học, chủ nghĩa xã hội khoa học thì đều là không đáng kể. Báo "Sự hồ đồ cách mạng" đặt câu hỏi: "Hoặc sớm hoặc muộn trong một tương lai rất gần đây (nguyên văn đúng là như thế: hoặc sớm hoặc muộn trong một tương lai rất gần đây), liệu có hy vọng nổ ra một cuộc khởi nghĩa vũ trang hay không?", và trả lời: "Về vấn đề này, mọi người đều nhất trí cho rằng không có hy vọng như thế" (số 2, tr. 2). Kết luận là: ở Nga, "một cuộc cách mạng chính trị chỉ có thể do một

thiếu số cách mạng tiến hành mà thôi" (tr. 7). "Nguyên nhân thất bại của các đảng cách mạng trong ba năm gần đây không phải là ngẫu nhiên, và theo chúng tôi, nguyên nhân đó phụ thuộc không những vào các điều kiện khách quan, không những vào các sai lầm về sách lược, mà còn ở chính ngay quan niệm về tổ chức của các đảng đó" (tr. 10): các bạn thấy không, những người cách mạng tự đặt cho mình "những nhiệm vụ không thể thực hiện được" tức là nhiệm vụ thực sự lãnh đạo quần chúng; những người dân chủ - xã hội *gây bối rối* cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, xúi giục họ nghĩ đến việc tổ chức nông dân và chuẩn bị cho họ tiến hành một cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang, mà coi nhẹ công việc trước mắt, tức là cuộc đấu tranh có tính chất khủng bố (tr. 11). Điều tai hại là sự tập trung quá độ của các đảng, "sự độc đoán của các ban tham mưu", "tinh thần quyền uy" (tr. 12). "Những người cách mạng cho rằng phương tiện và điều đảm bảo duy nhất để đạt được mục tiêu đề ra, là có một chính đảng lớn mạnh, mà không thấy rằng, trong điều kiện nước Nga chúng ta, không có khả năng thực tế xây dựng một đảng như thế, cũng không thấy tất cả những mặt đen tối của chính đảng đó" (tr. 12).

Hình như thế là đủ rồi! Tư tưởng của báo "Tư tưởng cách mạng" hỗn loạn như thế nào, báo này tuyên truyền thứ chủ nghĩa ngu dân nào, cương lĩnh giả cách mạng được xây dựng trên sự tuyệt vọng, sự hèn nhát và bi quan tầm thường, phi-li-xtanh như thế nào sau những khó khăn đầu tiên — về điểm này thiết tưởng không cần phải nói nhiều hơn nữa. Những đoạn trích dẫn trên đây tự nó đã nói đủ rồi.

Nhưng mong độc giả đừng nghĩ rằng những lý lẽ ấy chẳng qua chỉ là những lời nhảm nhí của một nhóm người chẳng có tiếng tăm, chẳng quan trọng gì, tình cờ buột miệng ra đấy thôi. Không, nếu nghĩ như thế thì sai. Ở đây

có lô-gích riêng của nó, đó là lô-gích thất vọng đối với đảng và đối với cuộc cách mạng nhân dân, thất vọng đối với khả năng đấu tranh cách mạng trực tiếp của *quần chúng*. Đây là lô-gích của tâm trạng căng thẳng, điên loạn, bất lực của những phần tử trí thức đối với công tác kiên trì bền bỉ, không biết áp dụng những nguyên tắc cơ bản về lý luận và sách lược trong hoàn cảnh đã đổi thay, không biết tiến hành công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức trong những điều kiện rất khác với những điều kiện chúng ta đã trải qua cách đây không lâu. Lẽ ra phải đốc toàn lực ra đấu tranh với tình trạng tan rã kiểu tiểu tư sản đang xâm nhập không những vào các giai cấp trên, mà cả các giai cấp dưới, lẽ ra phải đoàn kết chặt chẽ được những lực lượng phân tán của các đảng để bảo vệ những nguyên tắc cách mạng đã được thử thách, lẽ ra phải làm như vậy thì những người thiếu bình tĩnh, thoát ly cơ sở giai cấp trong quần chúng, vứt bỏ tất cả những điều họ đã học được và tuyên bố "xét lại", nghĩa là quay về với những điều cũ rích, với lối lối thủ công nghiệp trong cách mạng, với sự hoạt động phân tán của các tiểu tổ. Không một sự dũng cảm nào của các tiểu tổ và cá nhân đó trong cuộc đấu tranh khủng bố lại có thể thay đổi được điều sau đây: lối hoạt động đó của họ, với cương vị là người của *đảng*, là biểu hiện của một *sự tan rã*. Và điều hết sức quan trọng là lĩnh hội cái chân lý — đã được chứng minh bởi kinh nghiệm của tất cả các nước đã trải qua thất bại của cách mạng — nói rằng: cũng một tâm lý đó, cũng một đặc điểm giai cấp đó — của giai cấp tiểu tư sản chẳng hạn — đã biểu hiện cả ở trong sự chán nản của người cơ hội chủ nghĩa, lẫn trong sự tuyệt vọng của người theo phái khủng bố.

"Mọi người đều nhất trí cho rằng không có hy vọng nổ ra một cuộc khởi nghĩa vũ trang hoặc sớm hoặc muộn trong một tương lai rất gần đây". Các bạn hãy suy nghĩ về câu nói quyết đoán và khuôn sáo ấy. Rõ ràng là người ta không

bao giờ nghĩ đến những điều kiện khách quan đã gây ra trước hết một cuộc khủng hoảng chính trị rộng lớn, rồi sau đó, khi cuộc khủng hoảng này trở nên gay gắt, thì phát sinh ra nội chiến. Người ta đã *học* thuộc lòng "khẩu hiệu" khởi nghĩa vũ trang mà không *hiểu* được ý nghĩa và điều kiện ứng dụng khẩu hiệu đó. Cho nên ngay sau thất bại đầu tiên của cách mạng họ dễ dàng vứt bỏ những khẩu hiệu được đưa ra theo lòng tin, không suy nghĩ cẩn thận. Nếu những người đó coi trọng chủ nghĩa Mác, coi chủ nghĩa Mác là học thuyết cách mạng duy nhất của thế kỷ XX, nếu họ đã nghiên cứu lịch sử phong trào cách mạng Nga, thì họ sẽ thấy sự khác nhau giữa lời nói rỗng tuếch và sự phát triển của những khẩu hiệu thực sự cách mạng. Những người dân chủ - xã hội không đề ra "khẩu hiệu" khởi nghĩa vào năm 1901, khi các cuộc biểu tình đã buộc Cri-tsep-xki và Mác-tư-nốp kêu "xung phong", cũng như không đề ra vào năm 1902 và 1903, khi Na-đê-giơ-đin quá cố đã gọi kế hoạch của báo "Tia lửa" cũ là "sách vở". Những người dân chủ - xã hội chỉ đề ra khẩu hiệu khởi nghĩa sau ngày 9 tháng Giêng 1905, khi mà mọi người đều tin chắc rằng một cuộc khủng hoảng chính trị quy mô toàn quốc đã *bùng nổ*, rằng do phong trào trực tiếp của quần chúng, cuộc khủng hoảng đó trở nên gay gắt thêm, không phải từng ngày, mà là từng giờ. Và quả nhiên trong vòng mấy tháng, cuộc khủng hoảng đó đã *dẫn tới* khởi nghĩa.

Từ đó có thể rút ra bài học gì? Bài học là: hiện nay chúng ta phải chăm chú theo dõi cuộc khủng hoảng chính trị mới sắp nổ ra, giáo dục quần chúng về những bài học năm 1905, để họ thấy rằng mọi cuộc khủng hoảng gay gắt nhất định sẽ chuyển thành khởi nghĩa, và phải củng cố cái tổ chức sẽ đề ra khẩu hiệu ấy khi cuộc khủng hoảng nổ ra. Còn như đặt vấn đề "có hy vọng một cuộc khởi nghĩa trong tương lai rất gần đây hay không?" đó là việc vô ích. Tình hình ở Nga đã đi tới chỗ không một người xã hội

chủ nghĩa có suy nghĩ đôi chút nào, lại dám đoán trước cả. Tất cả những điều chúng ta *biết* và có thể nói được, chung quy là: nếu không cải tạo những quan hệ ruộng đất, nếu không phá vỡ hoàn toàn chế độ ruộng đất cũ thì nước Nga không thể sống được, mà nước Nga tất phải sống. Cuộc đấu tranh diễn ra xoay quanh một vấn đề là: Xtô-lư-pin liệu có hoàn thành được sự phá vỡ ấy theo kiểu của địa chủ hay không, hay là nông dân dưới sự lãnh đạo của công nhân *tự mình* tiến hành sự phá vỡ ấy phù hợp với lợi ích của mình. Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội là làm cho quần chúng nhận thức rõ cơ sở *kinh tế* đó của cuộc khủng hoảng đang phát triển và rèn luyện một tổ chức đảng vững chắc để có thể giúp nhân dân thấm nhuần những bài học phong phú của cách mạng và có khả năng *lãnh đạo* nhân dân trong cuộc đấu tranh, khi những lực lượng đang trưởng thành đã chín muồi để tiến hành một "phong trào" cách mạng mới.

Nhưng tất nhiên câu trả lời đó sẽ "mơ hồ" đối với những người không coi "khẩu hiệu" là kết luận thực tiễn rút ra từ chỗ phân tích và cân nhắc theo quan điểm giai cấp đối với một thời kỳ lịch sử nhất định, mà coi nó là một lá bùa hộ mệnh vĩnh viễn cho một đảng hay một khuynh hướng. Những người đó không hiểu rằng nếu không biết làm cho sách lược của mình phù hợp với những thời kỳ hoàn toàn rõ rệt hoặc không rõ rệt, thì đó là kết quả của sự dốt nát về chính trị và của nhãn quan hẹp hòi. Củng cố tổ chức! Những tay iêng hùng sính "hò hét" cách mạng của chúng ta khẩy mũi một cách khinh bỉ đối với một nhiệm vụ nhỏ nhất, vô hại như vậy, một nhiệm vụ không hứa hẹn "trước mắt", ngay lập tức, ngay ngày mai một sự đổ vỡ, một sự phá hoại nào. "Cuộc sống không làm thỏa lòng mong đợi của đảng". Và điều đó được nói lên sau ba năm của một cuộc cách mạng đã cho ta một *sự xác nhận* chưa từng thấy trên thế giới về vai trò và ý nghĩa của những đảng mạnh!

Chính cuộc cách mạng Nga ngay trong thời kỳ đầu đã tỏ ra rằng, thậm chí dưới chế độ Plê-vê⁷⁸, cũng *có thể* xây dựng một *đảng* thực sự có khả năng lãnh đạo được *các giai cấp*. Mùa xuân 1905, đảng ta đã là một liên minh các tiểu tổ bí mật; đến mùa thu nó đã trở thành đảng của *hàng triệu* người vô sản. Thưa các ngài, điều đó có phải là diễn ra "ngay lập tức", hay phải trải qua mười năm công tác chậm rãi, kiên trì, không ai biết, âm thầm, mới *chuẩn bị* và đảm bảo thu được kết quả như thế? Và nếu trong thời kỳ chúng ta đang sống đây, các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng chính thống hoặc không chính thống, đặt lên *hàng đầu* vấn đề ám sát Nga hoàng, chứ không phải xây dựng trong quần chúng nông dân một tổ chức *đảng* có khả năng rèn luyện tinh thần cách mạng mềm yếu của phái lao động, với tư cách là một trào lưu, thành một cái gì vững chắc hơn, có tính tư tưởng hơn, bền bỉ hơn, kiên định hơn — thì chúng ta nói rằng chủ nghĩa xã hội - dân túy ở Nga đang tiêu vong, rằng nó đã chết từ lâu, rằng ngay trong cuộc vận động đầu tiên của cách mạng nhân dân, những lãnh tụ của nó đã mang máng cảm thấy "sự phá sản" của mình với tư cách là người thuộc phái dân túy.

Chúng ta không mong đợi nông dân có thể đóng vai trò lãnh đạo hoặc thậm chí vai trò độc lập trong cách mạng, và chúng ta không mất tinh thần vì sự thất bại của cuộc vận động đầu tiên, cuộc vận động này đã chứng tỏ rằng những tư tưởng dân chủ - cách mạng đã được phổ biến rộng rãi trong nông dân, mặc dầu còn hết sức mơ hồ và non nớt. Và chúng ta có thể làm việc một cách kiên định và bền bỉ như đã làm hồi trước cách mạng để truyền thống của đảng không bị phá vỡ, để đảng thêm vững mạnh và đến cuộc vận động *thứ hai* có thể lãnh đạo không phải là 2 hoặc 3 triệu người vô sản, mà một số lớn gấp năm, gấp mười lần. Các ngài không tin tưởng vào nhiệm vụ ấy ư? Các ngài cho nhiệm vụ đó là buồn tẻ phải không? Thưa các

ngài vô cùng kính mến, các ngài muốn đi đâu thì đi, các ngài không phải là những nhà cách mạng, các ngài chỉ là những kẻ hay la hét mà thôi!

Cơ quan ngôn luận chính thức của các ngài đặt vấn đề tham gia Đu-ma III một cách cũng điên loạn như vậy*. Trong số 10 - 11 báo "Ngọn cờ lao động", một trong những kẻ điên loạn đã chế giễu *những sai lầm* của những đại biểu Đảng dân chủ - xã hội chúng tôi tại Đu-ma III và nhân những lời tuyên bố của họ mà đã thốt lên: "Ai biết được những tuyên bố đó, những cuộc biểu quyết và không biểu quyết đó?" (tr. 11).

Đối với điểm này, chúng ta nói rằng: đúng, những đại biểu Đảng dân chủ - xã hội chúng tôi tại Đu-ma III đã phạm nhiều sai lầm. Và chính cái ví dụ mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thích dùng đó nói lên rằng thái độ của một *đảng công nhân* và của một *nhóm trí thức* đối với vấn đề có chỗ khác nhau. Đảng công nhân hiểu rằng trong thời kỳ tạm yên và tan rã về mặt chính trị, sự tan rã đó tất nhiên cũng thể hiện cả trong đảng đoàn ở Đu-ma, đảng đoàn này của chúng ta đã tập trung được những lực lượng hết sức lớn của đảng, nhưng ở Đu-ma III còn ít

* Phân phân tích tỉ mỉ chủ nghĩa tẩy chay của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, xem bài "Mặt trái của thói ngu ngốc nghị trường" trong số 18 báo "Người vô sản". Ngay từ mùa thu 1907, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng hình như kêu gọi đến truyền thống tẩy chay thực sự cách mạng, nhưng thực ra họ tầm thường hóa truyền thống đó, thủ tiêu nó bằng cách thay *sự tẩy chay tấn công* có tính chất cách mạng bằng sự "cự tuyệt tham gia" thăm hại và bắt lạt... Ngay từ lúc đó họ đã mong công chúng nhẹ dạ tin rằng "quay lưng lại" đối với Đu-ma phản động có nghĩa là làm cho chính phủ bị thất bại "nặng nề về mặt tinh thần" và có nghĩa là tiến "một bước quan trọng đầu tiên đến chỗ thay đổi tình hình chính trị chung".

Ngay lúc đó, chúng ta đã vạch trần tính chất thật sự của "lời nói văn hoa cách mạng... của các ngài không e ngại làm cho đầu óc quần chúng rối rắm lên nhằm quảng cáo một cách ngây thơ cho đảng của mình".

hơn ở Đu-ma II. Cho nên đảng công nhân phê bình và sửa chữa những sai lầm của các đại biểu của mình; mỗi một tổ chức, khi thảo luận các bài diễn văn và đi đến kết luận rằng lời tuyên bố hoặc lời phát biểu này nọ là sai lầm, thì như thế là cung cấp tài liệu cho hành động chính trị của quần chúng. Thưa các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng, xin các ngài hãy yên tâm: trong lúc cuộc khủng hoảng chính trị trở nên gay gắt thêm thì đảng đoàn của chúng tôi và vô luận thế nào, các thành viên đảng đoàn chúng tôi tại Đu-ma, cũng đều *có thể làm tròn nghĩa vụ của mình*. Và chúng tôi phê bình những sai lầm của họ một cách công khai, rõ ràng trước quần chúng. Sự phê bình đó là một bài học cho các đại biểu, cho các giai cấp, cho đảng đã trải qua những thời kỳ khó khăn và hiểu rằng không phải bằng sự điên loạn, mà chỉ bằng một công tác kiên trì, vững vàng của *tất cả* các tổ chức mới có thể thoát khỏi tình hình khó khăn một cách vẻ vang. Báo "Người vô sản", tờ báo xuất bản ở nước ngoài, đã nhận thức rõ nhiệm vụ của mình là từ nơi xa nên góp ý kiến một cách thận trọng, nhưng cả tờ báo đó cũng đã công khai đề nghị những biện pháp nhằm cải tiến công tác của đảng đoàn. Lời phê bình công khai của đảng ta bổ sung cho công tác của đảng đoàn, nhằm đạt tới chỗ là quần chúng biết được những lời tuyên bố tại Đu-ma và *tính chất* của những ý kiến uốn nắn của đảng đối với những lời tuyên bố đó. Trong lúc các tổ chức đảng và báo chí của đảng trải qua một cuộc tan rã to lớn, nếu không biết đánh giá những lời phát biểu tại Đu-ma, thì đấy là biểu hiện của sự hết sức nông nổi của người trí thức.

Các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng không hiểu được ý nghĩa của những lời phát biểu công khai của những người xã hội chủ nghĩa trong khi các cơ quan ngôn luận của đảng phê phán thẳng thắn và uốn nắn những lời phát biểu đó. Các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng thích lờ đi không

nói đến những sai lầm của các chiến sĩ *của mình*: về điểm này, báo "Ngọn cờ lao động", số 10 -11 đã nhắc lại một lần nữa, khi trách chúng tôi về những lời tuyên bố "tâm thường" đối với Ghéc-su-ni, một người có khuynh hướng dân chủ - lập hiến. Từ lâu chúng tôi đã bày tỏ ý kiến về vấn đề đó¹⁾, nhưng hiện nay, ngay khi một con người có lòng trung thành với tổ chức cách mạng của mình, đáng được hết sức tôn kính, bị bọn đao phủ của Nga hoàng giết hại, thì chúng tôi không có ý định nhắc lại vấn đề này nữa. Nhưng nếu các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng muốn nêu vấn đề thì chúng tôi sẽ trả lời. Các ngài ạ, ngoài việc chửi rủa ra, các ngài chẳng có gì để trả lời chúng tôi cả, các ngài không thể nói thẳng thắn và công khai rằng trong số các ngài ai là người tán thành, ai là người không tán thành lập trường của Ghéc-su-ni tại đại hội Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng hồi tháng Hai (1907). Các ngài không thể trả lời vào bản chất của vấn đề và không thể phớt lờ sai lầm của các lãnh tụ của mình, nói rõ có bao nhiêu người ủng hộ họ, v. v., vì các ngài không có *đảng*, không coi trọng việc giáo dục quần chúng thông qua việc phê phán công khai những cá nhân, những lời tuyên bố, những khuynh hướng và những sắc thái.

Giai cấp công nhân biết giáo dục và rèn luyện tổ chức của mình, bằng cách công khai phê bình những đại biểu của mình. Không phải là ngay tức khắc, không phải là không có va chạm, không phải là không có đấu tranh và không phải là không có khó khăn, nhưng *chúng ta sẽ giải quyết được* nhiệm vụ gay go mà bước ngoặt khó khăn của các sự biến đề ra cho chúng ta: nhiệm vụ đó là kết hợp đấu tranh công khai ở Đu-ma với hoạt động bí mật của đảng. Giải quyết được nhiệm vụ đó thì sẽ thể hiện sự trưởng thành của đảng

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 196 - 207.

ta, người đã trải qua cuộc vận động đầu tiên của cách mạng, và giải quyết được nhiệm vụ đó chúng ta sẽ có một đảm bảo rằng trong cuộc vận động thứ hai, giai cấp vô sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng dân chủ - xã hội, sẽ có thể đấu tranh một cách khôn khéo hơn, đoàn kết hơn và giành được những thắng lợi quyết định hơn.

"Người vô sản", số 32, ngày 2 (15)
tháng Bảy 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

CƯƠNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CUỘC CÁCH MẠNG Ở NGA⁷⁹

BẢN THUYẾT TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

Để đáp ứng yêu cầu của các đồng chí Ba-lan, ở đây tôi cố gắng trình bày một cách vắn tắt nội dung cuốn sách của tôi; cuốn sách này mang tên gọi như trên, được viết xong vào tháng Mười một 1907, và cho đến nay vẫn chưa được xuất bản vì những lý do *không phụ thuộc* vào tôi¹⁾.

Trong chương thứ nhất của cuốn sách đó, tôi đã nghiên cứu "những cơ sở kinh tế và thực chất của cuộc cách mạng ruộng đất ở Nga". So sánh những số liệu mới nhất về tình hình chiếm hữu ruộng đất ở Nga (số liệu năm 1905) và xác định được, theo con số tròn, toàn bộ ruộng đất trong tất cả 50 tỉnh ở phần nước Nga thuộc châu Âu là 280 triệu đê-xi-a-ti-na, tôi đã có được kết quả là bức tranh dưới đây về tình hình phân phối toàn bộ ruộng đất sở hữu, cả ruộng đất chia lẫn ruộng đất tư hữu. [Xem bảng kê ở tr. 180. BT.]

Bất cứ ai đã từng ít nhiều làm quen với bảng thống kê về xã hội đều sẽ thấy rằng bức tranh trên chỉ có thể gần đúng. Tuy nhiên, đối với chúng ta, điều quan trọng không phải là các chi tiết mà những nhà kinh tế theo khuynh hướng dân túy - tự do chủ nghĩa thường chìm đắm trong đó và

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 239 - 526.

	Số hộ	Số đê-xi-a-ti-na ruộng đất (tính theo triệu)	Số đê-xi-a-ti-na bình quân của một hộ
a) nông dân bị phá sản, bị đè nặng dưới chế độ bóc lột kiểu nông nô	10,5	75,0	7,0
b) trung nông	1,0	15,0	15,0
c) giai cấp tư sản nông thôn và sự chiếm hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa	1,5	70,0	46,7
d) đại điền trang nông nô	0,03	70,0	2 333,0
<i>Tổng cộng</i>	13,03	230,0	17,6
Ruộng không chia về các hộ	—	50,0	—
<i>Cộng</i>	13,03	280,0	21,4

dim mất thực chất của vấn đề, mà là nội dung giai cấp của quá trình. Bức tranh của tôi làm sáng tỏ nội dung đó, vạch rõ đâu là nguồn gốc của cuộc đấu tranh trong cách mạng Nga. 30 000 địa chủ, chủ yếu là tầng lớp quý tộc và bọn hoàng tộc chiếm 70 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất. Sự thật cơ bản này cần được đối chiếu với sự thật khác: $10^1/2$ triệu nông hộ và những người sở hữu rất nhỏ chỉ chiếm có 75 triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất.

Những người này có thể *tăng gấp đôi* số ruộng đất sở hữu bằng cách lấy thêm ruộng đất của bọn địa chủ: đó là *xu hướng* tất yếu khách quan của cuộc đấu tranh, không phụ thuộc vào những quan điểm khác nhau của các giai cấp khác nhau về cuộc đấu tranh đó.

Bức tranh trình bày ở trên đã làm hết sức sáng tỏ thực chất kinh tế của cuộc khủng hoảng ruộng đất. Hàng triệu

tiểu nông bị phá sản, bị bần cùng, bị thiếu thốn cùng cực, dốt nát và bị những tàn dư của chế độ nông nô hành hạ, *không thể* sống cách nào khác hơn là lệ thuộc vào địa chủ theo kiểu nửa nông nô, cày bừa ruộng đất của địa chủ bằng nông cụ của mình để có đồng cỏ, bãi thả súc vật, nguồn nước cho súc vật, nói chung là để có "ruộng đất", để có thể vay công non mùa đông, v. v., v. v.. Nhưng mặt khác, những kẻ chiếm hữu các đại điền trang rộng lớn, trong điều kiện như vậy, *không thể* kinh doanh bằng cách nào khác hơn là kinh doanh dựa trên lao động của nông dân lân cận đã bị phá sản, vì lối kinh doanh này không đòi hỏi phải bỏ vốn và phải chuyển sang chế độ canh tác mới. Tất nhiên điều đó sẽ dẫn tới chế độ lao dịch, chế độ đã được nhiều lần nói tới trên các sách báo kinh tế ở Nga. Chế độ này không phải là cái gì khác hơn là một *sự tiếp tục phát triển chế độ nông nô*. Cơ sở của sự bóc lột không phải là tách người lao động ra khỏi ruộng đất, mà là cột chặt người nông dân phá sản vào ruộng đất, không phải là vốn của kẻ sở hữu mà là ruộng đất của y, không phải là nông cụ của người chủ đại điền trang mà là chiếc cày cổ lỗ của nông dân, không phải là sự tiến bộ của kỹ thuật nông nghiệp mà là tập quán cổ hủ lâu đời, không phải là "chế độ làm thuê tự do" mà là sự lệ thuộc vào việc cho vay nặng lãi.

Kết quả của tình hình nói trên trong lĩnh vực kỹ thuật nông nghiệp có thể biểu hiện bằng những số liệu sau đây: năng suất trên ruộng đất được chia là 54 phút một đê-xi-a-ti-na, còn năng suất trên ruộng đất địa chủ, được gieo bằng giống của trại ấp, được cày bừa bằng nông cụ của địa chủ, do địa chủ chịu phí tổn và có sử dụng lao động làm thuê, là 66 phút; cũng trên ruộng đất của địa chủ nhưng canh tác theo lối gọi là "làm rẽ", năng suất là 50 phút, và cuối cùng trên đất của địa chủ do nông dân thuê, năng suất là 45 phút. Năng suất của ruộng đất địa chủ canh tác theo *lối nông nô - cho vay nặng lãi* ("chế độ làm rẽ" và thuê của nông dân

đã nhắc ở trên) thấp hơn năng suất của ruộng đất được chia đã bạc màu và chất lượng xấu. Ở Nga sự nô dịch này, được củng cố bởi những đại điền trang nông nô, đã trở thành một trở ngại *chủ yếu* cho sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, bức tranh nói trên còn làm sáng tỏ một điều khác nữa. Đó là: sự phát triển đó trong một nước tư bản chủ nghĩa *có thể* có hai cách. Hoặc là những đại điền trang được duy trì và dần dần trở thành cơ sở cho sự kinh doanh ruộng đất theo lối tư bản chủ nghĩa, đó là chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp theo kiểu Phổ; bọn gioong-ke vẫn ở địa vị người chủ. Ưu thế chính trị của chúng cũng như tình trạng bị áp bức, bần cùng, khổ cực và dốt nát của người nông dân vẫn còn được duy trì hàng chục năm ròng. Sự phát triển của lực lượng sản xuất diễn ra rất là chậm chạp, giống như tình hình nông nghiệp ở Nga từ 1861 đến 1905.

Hoặc là cách mạng xóa bỏ chế độ chiếm hữu của địa chủ. Người phéc-mi-ê tự do kinh doanh trên mảnh đất *tự do*, tức là không còn vết tích của thời trung cổ, sẽ trở thành cơ sở của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp theo kiểu Mỹ, là *sự phát triển nhanh nhất các lực lượng sản xuất* trong những điều kiện thuận lợi nhất đối với quần chúng nhân dân, những điều kiện thuận lợi có thể có dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thực tế thì trong cách mạng Nga, cuộc đấu tranh diễn ra không phải về vấn đề "xã hội hóa" và những điều ngu xuẩn khác của phái dân túy, — đó chỉ là hệ tư tưởng tiểu tư sản và những lời nói rỗng tuếch tiểu tư sản, không hơn không kém, — *mà diễn ra quanh vấn đề* sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga sẽ đi theo con đường nào: "con đường kiểu Phổ" hoặc "con đường kiểu Mỹ". Không hiểu rõ cơ sở *kinh tế* đó của cuộc cách mạng, thì dứt khoát không hiểu

được *chút gì* về vấn đề cương lĩnh ruộng đất (như Ma-xlốp đã không hiểu, vì ông ta nghiên cứu những ý muốn trừu tượng, mà không giải thích được điều tất yếu về mặt kinh tế).

Vì thiếu chỗ, nên tôi không thể trình bày phần nội dung còn lại của chương thứ nhất; chỉ xin tóm tắt nội dung đó trong vài chữ: toàn bộ phái dân chủ - lập hiến cố hết sức che đậy thực chất của cuộc cách mạng ruộng đất, còn các ngài Prô-cô-pô-vích thì lại *giúp đỡ* chúng trong việc này. Bọn dân chủ - lập hiến lẫn lộn ("dung hòa") hai *đường lối* cơ bản của các cương lĩnh ruộng đất trong cách mạng: đường lối địa chủ và đường lối nông dân. Tiếp đến, cũng xin tóm tắt trong vài chữ: ở Nga ngay từ những năm 1861 - 1905 đã nhận thấy hai kiểu tiến triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp: kiểu Phổ (kinh tế địa chủ phát triển *dần dần* theo hướng tư bản chủ nghĩa) và kiểu Mỹ (nông dân phân hóa và lực lượng sản xuất phát triển nhanh ở miền Nam là nơi ruộng đất được tự do nhất và màu mỡ nhất). Cuối cùng, là vấn đề dinh điền mà tôi đã bàn đến trong chương này, nhưng ở đây tôi không thể trình bày lại được. Tôi chỉ xin nhắc lại rằng, trở lực *chủ yếu* cho việc sử dụng hàng trăm triệu đê-xi-a-ti-na ruộng đất ở Nga là các đại điền trang nông nô trong nông nghiệp ở vùng trung tâm. Chiến thắng được các địa chủ đó thì sẽ là một sự thúc đẩy hết sức mạnh mẽ, kích thích việc phát triển kỹ thuật canh tác đến mức khiến cho diện tích ruộng đất trồng trọt sẽ tăng nhanh gấp mười lần so với mức tăng trong thời kỳ sau năm 1861. Dưới đây là một vài con số: trong tổng số đê-xi-a-ti-na của toàn nước Nga — 1 965 triệu đê-xi-a-ti-na — có đến 819 triệu đê-xi-a-ti-na không có số liệu *gì cả*. Như vậy, chỉ còn lại 1 146 triệu đê-xi-a-ti-na để nghiên cứu, trong số này 469 triệu đê-xi-a-ti-na được sử dụng, kể cả 300 triệu đê-xi-a-ti-na rừng. Một số lớn ruộng đất hiện nay không được sử dụng vào việc gì cả, thì trong tương lai gần đây

sẽ được sử dụng nếu nước Nga *thanh toán* được các đại điền trang địa chủ*.

Chương thứ hai cuốn sách của tôi trình bày rõ các cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được cách mạng kiểm nghiệm như thế nào. Sai lầm chủ yếu của tất cả các cương lĩnh trước đây là ở chỗ trình bày không thật cụ thể về *kiểu* nào của sự tiến triển tư bản chủ nghĩa của ruộng đất có thể có được ở Nga. Và phái men-sê-vích đã lấp lại sai lầm này; họ đã thắng thế tại Đại hội ở Xtốc-khôn và đã đưa lại cho đảng một cương lĩnh về *địa phương công hữu hóa*. Chính *mặt kinh tế* của vấn đề, tức là mặt quan trọng nhất, lại *hoàn toàn không được xét đến* tại Xtốc-khôn, những quan điểm "chính trị" và thủ đoạn chính trị đã chiếm ưu thế, chứ không phải là một sự phân tích mác-xít. Chính thời gian họp đại hội ở Xtốc-khôn, tức là lúc mà việc đánh giá các sự kiện tháng Chạp 1905 và Đu-ma I năm 1906 thu hút tất cả mọi sự chú ý, đã giải thích *một phần* điều nói trên. Vì vậy, Plê-kha-nốp, người đã đưa ra chủ trương địa phương công hữu hóa của Ma-xlốp tại Xtốc-khôn, đã hoàn toàn không nghĩ đến *nội dung kinh tế* của "cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân" trong một nước tư bản (Các biên bản của Đại hội Xtốc-khôn, tr. 42, những lời của Plê-kha-nốp). Hoặc giả đó là lời nói suông và là "sự quyến rũ" nông dân bằng lối mị dân và lừa bịp không xứng đáng với một người mác-xít

* Các nhà kinh tế thuộc phái dân túy - tự do chủ nghĩa lập luận như thế này: vì thiếu ruộng đất ở vùng trung tâm, vì không thích hợp cho việc dinh điền của vùng Xi-bi-ri và Trung Á, v. v., nên *cần* chia thêm ruộng đất. Như vậy có nghĩa là nếu không thiếu ruộng đất thì có thể cứ tạm duy trì các đại điền trang địa chủ trong một thời gian. Những người mác-xít lại lập luận hoàn toàn khác: *chùng nào* các đại điền trang địa chủ chưa bị thủ tiêu thì lực lượng sản xuất không thể phát triển nhanh chóng được, kể cả ở vùng trung tâm, lẫn ở các nơi dinh điền (các vùng biên khu nước Nga).

("Bauernfang"), hoặc giả là có khả năng *về kinh tế* phát triển nhanh chóng nhất chủ nghĩa tư bản nhờ *thắng lợi của nông dân*, nhưng trong trường hợp như vậy, thì nhất định cần phải hình dung rõ ràng về thắng lợi ấy, về con đường của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp và về hệ thống những quan hệ chiếm hữu ruộng đất phù hợp với thắng lợi đó của cuộc "cách mạng ruộng đất của nông dân".

Lý lẽ chủ yếu của "những người tán thành chủ trương địa phương công hữu hóa" có ảnh hưởng nhất ở Xtốc-khôn là căn cứ vào việc nông dân có thái độ *thù địch* với việc quốc hữu hóa các ruộng đất chia. Giôn, *báo cáo viên* của phái địa phương công hữu hóa, đã thốt lên: "Chúng ta sẽ thấy không những chỉ có một vụ Văng-đê⁸⁰ đâu, mà còn là một cuộc tổng khởi nghĩa của nông dân" (kinh khủng thay!) "chống lại ý định của nhà nước muốn can thiệp vào việc sử dụng những ruộng đất được chia thuộc *sở hữu* của nông dân, chống lại ý định muốn "quốc hữu hóa" những ruộng đất ấy" (Các biên bản của Đại hội Xtốc-khôn, tr. 40). Cô-xtơ-rốp cũng thốt lên: "Đưa chủ trương đó (chủ trương quốc hữu hóa) vào nông dân, là làm cho họ xa lánh mình. Phong trào nông dân sẽ không cần đến chúng ta, hoặc chống lại chúng ta, và chúng ta sẽ bị cách mạng bỏ rơi. Chủ trương quốc hữu hóa sẽ làm suy yếu Đảng dân chủ - xã hội, cắt đứt mối liên hệ của đảng với nông dân, và như vậy sẽ làm suy yếu ngay cả cách mạng nữa" (tr. 88).

Điều này hình như đã rõ ràng. Nông dân có thái độ thù địch với chủ trương quốc hữu hóa, đó là luận cứ chủ yếu của phái men-sê-vích. Và, *nếu đó là sự thật*, thì há chẳng rõ ràng rằng, thực hiện... "cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân" mà *không kể* đến nông dân, thì thật nực cười, hay sao?

Nhưng có đúng như vậy không? Năm 1905, P. Ma-xlốp viết: "Hiện nay ở Nga, không thể thừa nhận được việc quốc hữu hóa ruộng đất là một thủ đoạn giải quyết vấn

đề ruộng đất, trước hết (hãy chú ý hai tiếng "trước hết" đó) vì quốc hữu hóa là ảo tưởng hết chỗ nói"... "Nhưng liệu nông dân có tán thành không"? (*P. Ma-xlốp*, "Phê phán các cương lĩnh ruộng đất", 1905, tr. 20).

Và đến tháng Ba 1907: "Tất cả các nhóm dân túy (nhóm lao động, nhóm xã hội chủ nghĩa nhân dân, nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng) đều tán thành quốc hữu hóa ruộng đất, dưới hình thức này hay hình thức khác" (tạp chí "*Học vấn*"⁸¹, 1907, số 3, tr. 100). Ai đã viết những dòng chữ này? *Cũng vẫn chính là P. Ma-xlốp!*

Đó, vụ Văng-đê mới là thế đấy! Đó, cuộc khởi nghĩa của nông dân chống chủ trương quốc hữu hóa là thế đấy! Đáng lẽ phải thành thật thừa nhận sai lầm của mình, đáng lẽ phải nghiên cứu về mặt kinh tế xem vì sao nông dân phải tán thành chủ trương quốc hữu hóa, thì Ma-xlốp lại hành động như anh chàng I-van ngớ ngẩn. Ma-xlốp thích quên những lời nói của chính mình và tất cả những diễn văn của chính mình tại Đại hội Xtốc-khôn.

Hơn thế nữa. Để làm mất dấu vết của "trường hợp khó chịu" này, Ma-xlốp tìm cách đặt điều cho những người thuộc phái lao động, nói rằng họ tán thành chủ trương quốc hữu hóa là do những quan điểm tiểu tư sản, "*họ đặt hy vọng vào chính quyền trung ương*" (ibid.¹⁾). Bảng đối chiếu dưới đây vạch rõ sự đặt điều đó. Trong dự án về ruộng đất của phái lao động, trình bày tại Đu-ma I và Đu-ma II, đoạn 16 viết: "Việc quản lý những ruộng đất của toàn dân cần được giao cho các cơ quan tự quản địa phương, những cơ quan này được bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và kín, những cơ quan này hoạt động hoàn toàn độc lập, trong khuôn khổ mà luật pháp đã quy định".

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, do phái men-sê-vích thảo ra, viết: Đảng công nhân

1) — ibidem — như trên

dân chủ - xã hội Nga đòi "...4) tịch thu ruộng đất tư hữu, trừ số ruộng đất nhỏ, và giao số ruộng đất đó cho các cơ quan tự quản địa phương lớn sử dụng, những cơ quan này được bầu ra trên cơ sở dân chủ" ("bao gồm những quận ở thành thị và ở nông thôn, như điểm 3 đã nói").

Sự khác biệt căn bản giữa các cương lĩnh nói trên không phải ở sự khác nhau về danh từ "quản lý" và "sử dụng"^{*}, mà là ở vấn đề chuộc lại (mà tại Đại hội Xtốc-khôn, phái bên-sê-vích đã bỏ phiếu bác bỏ, để phản đối ý kiến của Đan và đồng bọn, nhưng phái men-sê-vích lại cố hết sức đưa vấn đề đó ra sau đại hội) và ở vấn đề ruộng đất của nông dân. Phái men-sê-vích tách số ruộng đất này ra, còn phái lao động thì không tách. *Phái lao động đã chứng minh cho phái chủ trương địa phương công hữu hóa rằng tôi nói đúng.*

Không thể nghi ngờ gì nữa, cương lĩnh của phái lao động, trình bày tại Đu-ma I và Đu-ma II, là cương lĩnh của quần chúng nông dân. Cả sách báo của các đại biểu nông dân, cũng như chữ ký của họ dưới các bản dự án và việc họ được phân chia theo các tỉnh — tất cả đều chứng minh điều đó một cách hoàn toàn rõ ràng. Năm 1905, Ma-xlốp viết rằng: "đặc biệt" là (tr. 20 sách đã dẫn) những nông dân có hộ riêng không thể đồng ý với việc quốc hữu hóa. Thật ra đó là một điều "đặc biệt" vô lý. Thí dụ, ở tỉnh Pô-đôn-xcơ, nông dân là những chủ hộ riêng, thế mà dưới bản dự án cương lĩnh ruộng đất của "104 người" (dự án của phái lao động đã dẫn ở trên) lại có chữ ký của 13 đại biểu tỉnh Pô-đôn-xcơ tại Đu-ma I và của 10 đại biểu tại Đu-ma II!

Tại sao nông dân tán thành quốc hữu hóa? Vì theo bản năng họ đã thấy sự cần thiết phải *thủ tiêu* toàn bộ chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, đã thấy một cách rõ ràng

* Tại Đại hội Xtốc-khôn, phái men-sê-vích đã bác việc sửa đổi danh từ "sử dụng" bằng danh từ "đem cho làm sở hữu" (xem Các biên bản, tr. 152).

hơn nhiều so với những người giả mác-xít thiển cận. Chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ *cần* được thủ tiêu để dọn đường cho chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, và ở các nước khác nhau, với mức độ khác nhau, tư bản đã *thủ tiêu* chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ kiểu trung cổ, bắt nó lệ thuộc vào yêu cầu của thị trường và cải tạo nó cho phù hợp với những điều kiện của nền nông nghiệp thương phẩm. Ngay trong tập III của bộ "Tư bản", Mác đã chỉ rõ rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa *xuất hiện* vào lúc chế độ sở hữu ruộng đất tồn tại dưới những hình thức lịch sử (sở hữu kiểu bộ tộc (thị tộc), kiểu công xã, kiểu phong kiến, kiểu gia trưởng, v. v.) không phù hợp với chủ nghĩa tư bản, và nó cải tạo chế độ đó cho thích hợp với những yêu cầu kinh tế mới⁸².

Trong tác phẩm "Các học thuyết về giá trị thặng dư"*, chương "Điều kiện lịch sử của học thuyết về địa tô của Ric-các-đô", Mác đã phát triển tư tưởng này với một sự trong sáng thiên tài. Ở đó Mác viết: "Không có nơi nào trên thế giới mà nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, kể từ thời Hen-rích VII, đã đối xử tàn ác đến như thế đối với chế độ ruộng đất cổ truyền; không có nơi nào mà nó lại tạo ra được cho mình những điều kiện hoàn hảo (hoàn toàn phù hợp = thích hợp một cách lý tưởng) và không có nơi nào mà nền sản xuất đó đã làm cho những điều kiện ấy phục tùng nó tới mức độ như thế. Về phương diện đó, nước Anh là một nước cách mạng nhất trên thế giới". "Còn câu clearing of estates (nghĩa từng chữ là: dọn sạch dinh ấp hay là dọn sạch ruộng đất) nghĩa là gì? Nghĩa là người ta đã hoàn toàn không đếm xỉa đến dân định cư — người ta đuổi họ đi, không đếm xỉa đến những làng mạc hiện có — người ta san

* "Theorien über den Mehrwert". II. Band, 2. Teil, Stuttgart, 1905.¹⁾

1) — "Các học thuyết về giá trị thặng dư". T. II, ph. 2, Stút-ga, 1905.

bằng những làng mạc ấy, không đếm xỉa đến những nhà cửa dùng vào việc kinh doanh — người ta phá hủy hết không đếm xỉa đến những ngành nghề trong nông nghiệp — người ta biến đổi ngay một lúc những ngành nghề ấy, chẳng hạn như đem biến những ruộng đất cày bừa thành bãi chăn nuôi gia súc, — tóm lại, người ta không thừa nhận tất cả những điều kiện sản xuất dưới dạng chúng vẫn tồn tại theo truyền thống, mà trên phương diện lịch sử, người ta đã *tạo ra* những điều kiện ấy theo một hình thức khiến chúng phù hợp trong mỗi trường hợp nhất định với những nhu cầu của việc sử dụng tư bản một cách có lợi nhất. Bởi vậy, *chế độ sở hữu ruộng đất không tồn tại thực tế*, vì chế độ sở hữu ấy cho phép tư bản — người phéc-mi-ê — có thể tự do kinh doanh, và chỉ chú trọng đến thu nhập bằng tiền thôi" (tr. 6 - 7)⁸³.

Đó là những điều kiện để thủ tiêu nhanh chóng nhất các hình thức trung cổ và để phát triển tự do nhất chủ nghĩa tư bản — *thủ tiêu* toàn bộ chế độ chiếm hữu ruộng đất cũ, thủ tiêu chế độ tư hữu ruộng đất vốn là trở lực đối với tư bản. Và ở Nga, việc "*quét sạch*" có tính chất cách mạng như thế đối với chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ là *không thể tránh khỏi* và không một lực lượng nào trên trái đất có thể kìm hãm được nó. Vấn đề *chỉ* là ở chỗ xem *cuộc đấu tranh* diễn ra *duy nhất vì cái gì*, việc "quét sạch" đó do *địa chủ* hay *nông dân* tiến hành. "Việc quét sạch" chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ do địa chủ tiến hành, đó là cuộc cướp bóc nông dân năm 1861, đó là cuộc cải cách ruộng đất của Xtô-lư-pin năm 1906 (điều 87 của đạo luật). "*Việc quét sạch*" *ruộng đất do nông dân tiến hành, để làm lợi cho chủ nghĩa tư bản*, đó là *quốc hữu hóa ruộng đất*.

Ma-xlốp, Plê-kha-nốp và đồng bọn hoàn toàn không hiểu chính bản chất *kinh tế* của việc quốc hữu hóa trong một cuộc cách mạng *tư sản*, do công nhân và nông dân tiến

hành. Họ đã xây dựng một cương lĩnh ruộng đất không phải để đấu tranh chống lại chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ là một trong những tàn tích quan trọng nhất của những quan hệ nông nô, không phải để dọn sạch hoàn toàn con đường cho chủ nghĩa tư bản, mà để thực hiện *muru toan nhỏ nhen tiểu thị dân* nhằm kết hợp "một cách nhিপ nhàng" cái cũ và cái mới, kết hợp chế độ sở hữu ruộng đất do việc phân chia ruộng đất để ra và sự tước đoạt bằng cách mạng các đại điền trang nông nô.

Cuối cùng, để chứng minh toàn bộ tính chất phản động tiểu thị dân của *chủ trương* địa phương công hữu hóa, tôi xin dẫn ra những tài liệu về việc phát canh (ngay từ năm 1906, trong cuốn sách nhỏ của mình "Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân"¹⁾, tôi đã nêu lên ý nghĩa của vấn đề phát canh trong cuộc tranh luận với Ma-xlốp). Đây là tình hình tại huyện Cam-mu-sin tỉnh Xa-ra-tốp*. [Xem bảng kê ở tr. 191. BT.]

Các bạn hãy nhìn xem quan hệ kinh tế *thực tế* giữa ruộng đất *chia*, mà các nhà hiền triết Ma-xlốp và Plê-khânốp cho là vẫn thuộc quyền sở hữu của nông dân, và ruộng đất không phải ruộng đất *chia* (ruộng đất cho thuê) mà người ta muốn "địa phương công hữu hóa". Những nông dân không có ngựa, — số hộ này ở Nga, năm 1896 - 1900, tổng cộng là $3\frac{1}{4}$ triệu trong số 11,1 triệu hộ, — *cho thuê nhiều gấp mười lần* số ruộng đất mà họ thuê. Số ruộng đất mà họ gieo trồng ít hơn số "ruộng đất được chia của họ" là năm lần. Đối với những nông dân có một con ngựa ($3\frac{1}{3}$ triệu hộ

* "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", xuất bản lần thứ 2, tr. 51, 54 và 82.²⁾

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 281 - 318.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3, tr. 97, 102 và 150 - 151.

Số đề-xi-a-ti-na của mỗi hộ xuất hiện khi phân chia ruộng đất

N h ó m h ộ	Ruộng đất cây bừa được chia	Ruộng đất thuê	Ruộng đất cho thuê	Tổng số ruộng đất gieo trồng
Hộ không có súc vật cây kéo ...	5,4	0,3	3,0	1,1
Hộ có 1 súc vật cây kéo.....	6,5	1,6	1,3	5,0
" " 2 " "	8,5	3,5	0,9	8,8
" " 3 " "	10,1	5,6	0,8	12,1
" " 4 " "	12,5	7,4	0,7	15,8
" trên 5 " "	16,1	16,6	0,9	27,6
<i>Bình quân</i>	9,3	5,4	1,5	10,8

trong toàn nước Nga), số ruộng đất thuê *nhiều hơn* số ruộng đất cho thuê *đôi chút*, còn diện tích gieo trồng thì ít hơn số "ruộng đất được chia". Trong tất cả các nhóm lớp trên, nghĩa là trong một thiểu số nông dân, số ruộng đất mà họ thuê nhiều hơn gấp bội so với số ruộng đất cho thuê, và người nông dân càng giàu có thì diện tích ruộng đất gieo trồng càng nhiều hơn diện tích "ruộng đất được chia".

Những quan hệ như vậy thống trị trong *toàn* nước Nga. Chủ nghĩa tư bản phá vỡ công xã nông thôn, *giải phóng* nông dân khỏi quyền lực của "ruộng đất được chia", vai trò của ruộng đất chia giảm đi tại hai cực ở nông thôn, thế mà, các nhà tư tưởng uyên bác của phái men-sê-vích lại thốt lên rằng: "nông dân sẽ nổi dậy chống việc quốc hữu hóa ruộng đất chia".

Ở Nga, không phải chỉ có chế độ sở hữu của địa chủ, mà cả chế độ sở hữu của nông dân về ruộng đất chia cũng mang tính chất trung cổ, thế mà phái men-sê-vích đã "quên mất" điều đó. Chế độ sở hữu ruộng đất được chia *hoàn toàn không phù hợp* với những quan hệ mới, quan hệ tư bản chủ nghĩa, việc củng cố chế độ sở hữu đó là một biện pháp phản động, còn địa phương công hữu hóa thì *củng cố* chế

độ sở hữu ruộng đất chia, khác với ruộng đất không phải là ruộng đất chia, ruộng đất "cần được địa phương công hữu hóa". Việc chiếm hữu ruộng đất chia chia rẽ nông dân bởi hàng ngàn hàng rào kiểu trung cổ và "công xã" phải nộp thuế kiểu trung cổ, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. "Công xã" và việc chiếm hữu ruộng đất chia *nhất định* sẽ bị chủ nghĩa tư bản thủ tiêu. Xtô-lư-pin cảm thấy điều đó và đang phá hoại theo kiểu của bọn Trăm đen. Nông dân cảm thấy điều đó và muốn phá hoại theo kiểu nông dân, hay theo kiểu dân chủ - cách mạng. Thế mà phái men-sê-vích thốt lên: "Không được đụng đến ruộng đất chia".

"Công xã" với tính cách là tàn dư và chế độ sở hữu ruộng đất chia kiểu trung cổ đều bị việc quốc hữu hóa thủ tiêu đúng theo cách nói chung có thể hình dung được về việc thủ tiêu những thiết chế đó trong xã hội tư bản chủ nghĩa với điều kiện tôn trọng đầy đủ nhất lợi ích của nông dân. Trong cuốn "Những tài liệu về vấn đề nông dân (Báo cáo về những phiên họp của Đại hội đại biểu của Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, từ ngày 6 đến ngày 10 tháng Mười một 1905)". Pê-téc-bua, 1905, chúng ta đọc thấy: "Vấn đề nổi tiếng về "công xã" không hề được nêu lên và đã được lặng lẽ giải quyết một cách tiêu cực: ruộng đất phải được giao cho các tư nhân và các tổ cày chung sử dụng, các nghị quyết của Đại hội I và Đại hội II đều nói thế" (tr. 12). Về câu hỏi: bản thân nông dân sẽ không bị thiệt thòi gì về việc quốc hữu hóa ruộng đất chia hay sao, các đại biểu đã trả lời: "Khi chia, thế nào rồi họ cũng sẽ được nhận ruộng đất" (tr. 20). Người nông dân sở hữu (và nhà tư tưởng của họ là ông Pê-sê-khô-nốp) hiểu rất rõ rằng, "khi chia ruộng đất, thế nào rồi họ cũng sẽ được nhận ruộng đất", rằng chẳng bao lâu nữa các đại điền trang nông nô sẽ bị thủ tiêu. Còn "việc chia" trên quy mô rộng rãi, có nghĩa là quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất, là cần thiết đối với người nông dân sở hữu để thoát khỏi những

ràng buộc thời trung cổ, để "dọn sạch" ruộng đất, để họ sử dụng ruộng đất phù hợp với những điều kiện kinh tế mới. Tại Đu-ma II, ông Mu-sen-cô, thay mặt những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đã phát biểu về điểm này rất rõ, khi ông nói với về ngân thơ vốn có của ông: "Việc phân bố (nông dân) chỉ có thể tiến hành được đúng đắn, khi nào giải phóng được ruộng đất, phá bỏ được tất cả những hàng rào do nguyên tắc tư hữu ruộng đất đặt ra cho ruộng đất đó" (Biên bản của Đu-ma II, tr. 1172). So sánh lời tuyên bố này với những lời của Mác được trích dẫn ở trên, các bạn sẽ thấy rằng dưới những câu rỗng tuếch tiểu tư sản về "xã hội hóa" và "sự bình quân" che giấu một nội dung rất hiện thực sau đây: dọn sạch bằng cuộc cách mạng tư sản chế độ sở hữu ruộng đất cũ theo kiểu trung cổ.

Trong cuộc cách mạng tư sản, việc địa phương công hữu hóa ruộng đất là một biện pháp *phản động*, vì biện pháp này cản trở quá trình cần thiết và tất yếu về mặt kinh tế của việc thủ tiêu chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, quá trình xác lập những điều kiện kinh tế *đồng nhất* đối với tất cả các *chủ hộ*, dù tình cảnh của họ, quá khứ của họ, phần ruộng đất được chia vào năm 1861, v. v. có thế nào đi nữa. Ngày nay, việc phân chia ruộng đất thành sở hữu là một việc *phản động*, vì nó sẽ duy trì chế độ sở hữu hiện nay về ruộng đất được chia, mà chế độ sở hữu này thì đã lỗi thời và là một tàn tích; nhưng về sau, khi đã hoàn toàn dọn sạch ruộng đất bằng con đường quốc hữu hóa, thì có thể đưa ra chủ trương phân chia như là khẩu hiệu của *những người phéc-mi-ê mới*, tự do*. Nhiệm vụ của những người mác-xít là giúp đỡ giai cấp tư sản cấp tiến (tức là

* Trong cuốn "Địa phương công hữu hóa ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu", Vin-na, 1907, M. Sa-nin đã nhấn mạnh một mặt của vấn đề, mặt có quan hệ đến kỹ thuật nông nghiệp, nhưng ông đã không hiểu hai con đường phát triển và ý nghĩa của việc thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất hiện nay.

nông dân) tiến hành thật triệt để việc hủy bỏ những tàn tích cũ và đảm bảo việc phát triển nhanh chóng chủ nghĩa tư bản, chứ hoàn toàn không phải là giúp đỡ những người tiểu tư sản có khuynh hướng cầu an nằm dài, thích nghi với quá khứ.

Chương thứ ba cuốn sách của tôi nói về "những cơ sở lý luận của quốc hữu hóa và địa phương công hữu hóa ruộng đất".

Tất nhiên, tôi sẽ không nhắc lại với các đồng chí Balan những điều mà người mác-xít nào cũng biết, đó là trong xã hội tư bản chủ nghĩa, quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa là thủ tiêu địa tô tuyệt đối chứ không phải thủ tiêu địa tô chênh lệch, v. v.. Vì nói với bạn đọc người Nga, nên tôi *cần phải* nói tỉ mỉ về vấn đề này, vì Pi-ốt Ma-xlốp đã quả quyết rằng học thuyết của Các Mác về địa tô tuyệt đối là "mâu thuẫn", và mâu thuẫn này "chỉ có thể được giải thích (!) bằng sự việc là tập III được xuất bản sau khi Mác mất và trong đó có cả những bản nháp của tác giả" ("Vấn đề ruộng đất")*.

Đối với tôi tham vọng đó của Pi-ốt Ma-xlốp muốn sửa đổi những bản nháp của Các Mác không phải là điều gì mới mẻ. Ngay từ năm 1901, trong tạp chí "*Bình minh*"⁸⁴, tôi đã nêu rõ là Ma-xlốp đã xuyên tạc học thuyết về địa tô của Mác¹⁾ trong tạp chí "*Đời sống*"⁸⁵. Nhưng sau đó chẳng bao lâu, Pi-ốt Ma-xlốp nhắc lại điều phi lý lỗ mãng và hiển nhiên đó vào năm 1906 (lời tựa cho lần xuất bản thứ 3, đề ngày 26 tháng Tư 1906), *sau khi xuất bản* cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư", trong đó Mác đã giải thích hết sức rõ ràng học thuyết về địa tô tuyệt đối. Thật là có

* "Vấn đề ruộng đất", xuất bản lần thứ 3, tr. 108, chú thích.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 148.

một không hai! Vì ở đây không thể nhắc lại sự phân tích tỉ mỉ đó trong cuốn sách của tôi về việc Pi-ốt Ma-xlốp đã "sửa lại" học thuyết của Mác, nên tôi chỉ xin vạch ra rằng, những điều sửa đổi đó là những luận cứ tầm thường của kinh tế chính trị học tư sản. Pi-ốt Ma-xlốp đã đi tới chỗ đem đối lập "ngành sản xuất gạch" với học thuyết về địa tô tuyệt đối của Mác (tr. 111), hãm lại "quy luật ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ" và khẳng định rằng "không có quy luật này thì không thể giải thích được sự cạnh tranh" "ở bên kia đại dương" (tr. 107), và cuối cùng đi tới kết luận rằng, *không bác bỏ Mác, thì không thể bác bỏ được quan điểm của phái dân túy*: "Nếu không có cái sự thật là tiếp tục bỏ thêm chi phí lao động trên cùng một thửa ruộng mà năng suất lao động vẫn sụt đi, thì có lẽ có thể thực hiện được cuộc sống thiên đường... của phái dân túy" (Ma-xlốp viết trong tạp chí "*Học vấn*", 1907, số 2, tr. 123). Tóm lại, trong học thuyết kinh tế của Pi-ốt Ma-xlốp về vấn đề địa tô tuyệt đối, về "sự thật" ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ, về những sai lầm căn bản của "chủ nghĩa dân túy", về sự khác nhau giữa cải tiến kỹ thuật canh tác và cải tiến kỹ thuật, *không có một lời chân thật* nào. Bác bỏ học thuyết về địa tô tuyệt đối bằng những luận cứ thuần túy tư sản đã bị tầm thường hóa đến cực độ bởi những kẻ quan phương bảo vệ tư bản, Ma-xlốp không thể không rơi vào hàng ngũ những kẻ xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Nhưng khi xuyên tạc chủ nghĩa Mác, Pi-ốt Ma-xlốp đã tỏ ra tinh khôn đến nỗi trong bản dịch sang tiếng Đức cuốn "Vấn đề ruộng đất" của ông, *tất cả* những điều sửa chữa của ông vào bản nháp của Mác đều bị *bỏ đi*. Trước mặt những người châu Âu, Ma-xlốp đã *giấu học thuyết của mình trong túi áo!* Tôi đã viết trong chương III: nhân việc này, tự nhiên tôi nhớ lại câu chuyện về một người lạ mặt nọ, lần đầu tiên anh ta dự một cuộc trao đổi của các nhà triết học thời cổ, và từ đầu chí cuối anh ta cứ ngồi im bật. Một trong số những nhà triết học

đó nói với anh ta rằng: "Nếu anh thông minh thì anh hành động một cách ngu xuẩn. Nếu anh ngu xuẩn thì anh hành động một cách thông minh".

Tất nhiên ai bác bỏ học thuyết về địa tô tuyệt đối thì đó là tự tước mất mọi khả năng hiểu rõ ý nghĩa quốc hữu hóa ruộng đất trong xã hội tư bản chủ nghĩa, vì quốc hữu hóa chỉ có thể dẫn đến thủ tiêu địa tô tuyệt đối, chứ không dẫn đến thủ tiêu địa tô chênh lệch. Ai bác bỏ địa tô tuyệt đối thì cũng bác bỏ mọi ý nghĩa kinh tế của chế độ tư hữu ruộng đất với tư cách là *trở lực* ngăn cản sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Vì vậy mà Ma-xlốp và đồng bọn tất nhiên đã quy vấn đề quốc hữu hóa hay địa phương công hữu hóa thành vấn đề chính trị ("trao ruộng đất cho ai?") và bỏ qua thực chất kinh tế của vấn đề. Việc kết hợp quyền tư hữu về ruộng đất được chia (tức là ruộng đất xấu hơn và nằm trong tay những hộ thuộc lớp dưới) với quyền sở hữu xã hội đối với nửa số ruộng đất còn lại (tức là ruộng đất tốt nhất), trở thành điều *phi lý* trong một nước tư bản chủ nghĩa tự do và phát triển đôi chút. Đó là *chế độ song bản vị về ruộng đất*, không hơn, không kém.

Do hậu quả của sai lầm này của phái men-sê-vích, những người dân chủ - xã hội đã để cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nắm việc phê phán chế độ tư hữu ruộng đất. Trong bộ "Tư bản", Mác đã cho chúng ta một mẫu mực xuất sắc về sự phê phán này*. Còn ở nước ta thì những người dân chủ - xã hội hoàn toàn không tiến hành sự phê phán đó xuất phát từ quan điểm phát triển của chủ nghĩa tư bản, và chỉ có sự phê phán của phái dân túy, tức là sự phê phán có tính chất xuyên tạc theo lối tiểu tư sản, đối với chế độ tư hữu ruộng đất là đi tới quần chúng.

* Thí dụ, xem "Das Kapital". III, 2, T., S. 346 - 347 về giá cả ruộng đất là trở lực ngăn cản sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Xem cả những trang 344 - 345, 341 và 342.⁸⁶

Xin nhắc lại một chi tiết là trong sách báo Nga có đưa một lập luận như sau chống lại việc quốc hữu hóa: với chế độ sở hữu nhỏ của nông dân, quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa là một thứ "địa tô tiền". Điều này không đúng. "Địa tô tiền" (xem "Tư bản", III)⁸⁷ là lợi tức của địa chủ, mang hình thức hiện đại. Tất nhiên tiền thuê đất dưới chế độ lĩnh canh của nông dân *hiện nay* trong một chừng mực nào đó cũng là *địa tô tiền*. Việc thủ tiêu các đại điền trang nông nô sẽ đẩy nhanh sự phân hóa trong nông dân và tăng cường giai cấp tư sản nông thôn là giai cấp hiện đang tạo ra một thứ lĩnh canh kiểu tư bản chủ nghĩa: về vấn đề này, xin nhớ lại những số liệu đã dẫn ở trên về việc lĩnh canh ruộng đất trong các nhóm nông dân lớp trên.

Sau hết, cũng cần nêu lên rằng, trong số những người mác-xít, còn khá phổ biến quan điểm cho rằng hình như việc quốc hữu hóa chỉ có thể thực hiện được trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã phát triển rất cao. Điều đó không đúng. Lúc ấy, vấn đề trước mắt không còn là vấn đề cách mạng tư sản nữa, mà là cách mạng xã hội chủ nghĩa. Quốc hữu hóa ruộng đất là biện pháp tư sản triệt để nhất. Mác đã *nhiều lần* xác nhận điều này, kể từ tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học"⁸⁸. Trong cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư" (II. Band, I. Teil, S. 208) Mác viết: "Về mặt lý luận, người tư sản cấp tiến đi đến chỗ phủ nhận chế độ tư hữu ruộng đất... Tuy nhiên, trong thực tiễn, anh ta lại thiếu can đảm, vì nếu đả kích vào một hình thức sở hữu, hình thức tư hữu về điều kiện lao động, thì cũng sẽ rất nguy hiểm cho hình thức sở hữu kia. Hơn nữa, chính bản thân người tư sản cũng trở thành người có ruộng đất nữa"⁸⁹. Ở Nga, cuộc cách mạng tư sản được tiến hành trong điều kiện còn tồn tại người tư sản cấp tiến (nông dân), họ "có can đảm" vì hàng triệu quần chúng mà đề ra cương lĩnh quốc hữu hóa, và chưa "trở thành người có ruộng đất", tức là còn phải chịu sự tai hại của chế độ sở hữu (*kiểu*

trung cổ) về ruộng đất, nhiều hơn là được hưởng những điều lợi và "lợi nhuận" của chế độ sở hữu ruộng đất (kiểu tư sản). Cách mạng Nga *không thể* thắng lợi bằng cách nào khác ngoài cách "người tư sản cấp tiến" đó ngả nghiêng giữa phái dân chủ - lập hiến và công nhân, dùng hành động có tính chất quần chúng để ủng hộ giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp đó. Cách mạng Nga không thể thắng lợi bằng cách nào khác, ngoài hình thức chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân.

Chương thứ tư cuốn sách của tôi nói về những quan điểm "chính trị và sách lược" trong các vấn đề cương lĩnh ruộng đất. Ở đây trước hết là lập luận "nổi tiếng" của Plê-kha-nốp: tại Xtốc-khôn, Plê-kha-nốp đã thốt lên: "Chiếc chìa khóa của lập trường của tôi là ở việc vạch ra khả năng của sự phục hồi" (Các biên bản, tr. 113). Nhưng đó là cái chìa khóa đã hoàn toàn hoen rỉ, là cái chìa khóa của bọn dân chủ - lập hiến dùng để *câu kết* với bọn phản động, dưới chiêu bài "bảo đảm tránh khỏi sự phục hồi". Lập luận của Plê-kha-nốp là sự nguy hiểm thảm hại nhất, vì chính ông đã xác nhận rằng không có sự bảo đảm tránh khỏi sự phục hồi, thế mà ông lại *bịa đặt* ra sự bảo đảm ấy. "Chủ trương ấy (địa phương công hữu hóa) không trao ruộng đất cho những đại biểu chính trị của chế độ cũ" (tr. 45, diễn văn của Plê-kha-nốp). Thế nào là sự phục hồi? Là chuyển chính quyền nhà nước vào tay những đại biểu của chế độ cũ. Có thể có sự bảo đảm tránh khỏi sự phục hồi không? Không, "không thể có" sự bảo đảm ấy (Các biên bản, tr. 44, diễn văn của Plê-kha-nốp). Vì vậy... ông ta bịa đặt ra sự bảo đảm — "việc địa phương công hữu hóa không trao lại ruộng đất".

Địa phương công hữu hóa vẫn duy trì *sự cách biệt* về *mặt kinh tế* giữa ruộng đất chia và ruộng đất địa chủ, nghĩa là việc địa phương công hữu hóa sẽ làm cho việc

phục hồi được dễ dàng hay làm cho việc *khôi phục sự cách biệt* đó được dễ dàng *de jure*¹⁾. Về *mặt chính trị*, địa phương công hữu hóa là một *đạo luật* về sự thay đổi quyền sở hữu đối với ruộng đất địa chủ. Đạo luật ấy là gì? Là biểu hiện ý chí của các giai cấp thống trị. Nếu có phục hồi thì *chính cũng vẫn* các giai cấp ấy sẽ trở nên các giai cấp *thống trị*. Liệu đạo luật có ràng buộc được họ không, đồng chí Plê-kha-nốp? Nếu đồng chí suy nghĩ về vấn đề này, thì đồng chí sẽ hiểu rằng, không một đạo luật nào có thể ràng buộc được sự thể hiện ý chí của các giai cấp thống trị. Còn quốc hữu hóa thì gây khó khăn cho sự phục hồi về *mặt kinh tế*, vì nó *thủ tiêu bất kỳ* sự ngăn cách nào, thủ tiêu *toàn bộ* chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ và làm cho chế độ sở hữu đó *thích ứng* với những điều kiện sản xuất mới thống nhất của chủ nghĩa tư bản.

Lỗi nguy hiểm của Plê-kha-nốp là sự thừa nhận sách lược của bọn *dân chủ - lập hiến*: đưa giai cấp vô sản không phải đến thắng lợi hoàn toàn, mà đến chỗ *câu kết* với chính quyền cũ. Thực tế thì sự "đảm bảo" duy nhất và tuyệt đối để "tránh khỏi sự phục hồi" là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây, còn sự đảm bảo tương đối là việc tiến hành cách mạng đến cùng, là thủ tiêu được chế độ cũ một cách *triệt để nhất*, là đạt được mức độ dân chủ *cao nhất* về chính trị (chế độ cộng hòa) và dọn sạch đường cho chủ nghĩa tư bản trong kinh tế.

Một lập luận khác của Plê-kha-nốp nói rằng: "Trong các cơ quan tự quản xã hội có ruộng đất, việc địa phương công hữu hóa tạo nên một thành trì chống thế lực phản động. Và đó sẽ là một thành trì rất vững mạnh" (Các biên bản, tr. 45). Không đúng. Không bao giờ và không nơi nào mà cơ quan tự quản địa phương lại đã và có thể là thành trì chống thế lực phản động trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa

1) — về pháp lý

tư bản *nhất định* dẫn đến việc tập trung chính quyền nhà nước và *bất kỳ* cơ quan tự quản địa phương *nào* cũng sẽ *nhất định* bị đánh bại nếu chính quyền nhà nước là phản động. Plê-kha-nốp tuyên truyền *chủ nghĩa cơ hội*, bằng cách không chú ý đến "chế độ dân chủ ở trung ương" hay *chế độ cộng hòa*, — thành trì duy nhất có thể có được trong xã hội tư bản chủ nghĩa để chống lại thế lực phản động, mà lại chú ý đến các cơ quan tự quản địa phương, luôn luôn bất lực trước những nhiệm vụ lịch sử to lớn, luôn luôn hèn mọn, bạc nhược, không chủ động, tản mạn. "Cách mạng ruộng đất của nông dân" *không thể* thắng lợi ở Nga, nếu không chiến thắng được chính quyền trung ương, nhưng Plê-kha-nốp vẫn nhồi cho những người men-sê-vích các quan điểm đã được một người men-sê-vích tên là Nô-vô-xét-xki trình bày ở Xtốc-khôn: "Dưới chế độ tự quản địa phương thật sự dân chủ, thì cương lĩnh đã được thông qua hiện nay sẽ có thể thực hiện được (các bạn hãy nghe đây!) ngay cả khi chính phủ trung ương được dân chủ hóa tới một mức độ chưa thể gọi là cao nhất được. Thậm chí khi dân chủ hóa tới một trình độ có thể gọi là tương đối đi nữa, thì chủ trương địa phương công hữu hóa cũng sẽ không có hại, mà có lợi" (Các biên bản, tr. 138).

Thật là quá rõ ràng. Chúng ta sẽ dạy cho nhân dân thích ứng với chế độ quân chủ, có thể "nó" không "chú ý" đến hoạt động của chúng ta ở các địa phương và nó "để cho chúng ta sống", như là đối với con cá bống trong truyện của Sê-đrin. Đu-ma III là bức minh họa tốt về khả năng thực hiện địa phương công hữu hóa và chế độ dân chủ ở *địa phương* dưới một chế độ dân chủ "tương đối", kiểu men-sê-vích ở trung ương.

Sau nữa, chủ trương địa phương công hữu hóa củng cố chế độ liên bang và tình trạng cát cứ của các khu vực. Không phải vô cơ mà tại Đu-ma II, đại biểu *Cô-dắc cánh hữu*

Ca-ra-u-lốp đã phỉ báng chủ trương quốc hữu hóa không kém gì Plê-kha-nốp (Biên bản, tr. 1366) và *đã tán thành chủ trương địa phương công hữu hóa theo khu vực*. Ruộng đất của những người Cô-dắc ở Nga tự nó đã *thể hiện* chế độ địa phương công hữu hóa. Và chính việc phân chia nước nhà ra thành từng khu vực riêng biệt là một trong những nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng trong đợt chiến đấu ba năm lần thứ nhất!

Lập luận tiếp sau nói rằng: quốc hữu hóa sẽ tăng cường chính quyền trung ương của nhà nước tư sản! Thứ nhất, lập luận này được nêu ra nhằm mục đích gây sự nghi ngờ đối với các đảng dân chủ - xã hội thuộc các *dân tộc riêng biệt*. P. Maxlốp đã viết trong tạp chí "*Học vấn*", 1907, số 3, tr. 104: "Có thể, trong một vài địa phương, nông dân sẽ đồng ý chia lại ruộng đất của họ, nhưng chỉ cần nông dân ở một khu lớn (như Ba-lan chẳng hạn) không đồng ý như vậy thì cũng đủ để dự thảo quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất trở thành một việc phi lý". Không cần phải nói nữa, lập luận đó hay ho làm sao! Phải chăng, chúng ta cần từ bỏ chế độ cộng hòa, vì "chỉ cần nông dân ở một khu lớn không đồng ý như vậy thì cũng đủ", v. v.? Đó không phải là lập luận, mà là một *sự mỉa dân*. Cương lĩnh chính trị của chúng ta gạt bỏ bất cứ hành động bạo lực nào và bất cứ sự bất công nào, nó đòi hỏi một chế độ tự trị rộng rãi cho các tỉnh riêng biệt (xem điều 3 cương lĩnh của đảng). Như vậy có nghĩa là, vấn đề không phải là ở chỗ lại bịa đặt ra những "đảm bảo" mới không thể đạt được trong xã hội tư sản, mà là ở chỗ đảng của giai cấp vô sản, bằng công tác tuyên truyền và cổ động của mình, *kêu gọi* đi tới thống nhất, chứ không phải đến chia rẽ, kêu gọi giải quyết những nhiệm vụ cao cả của các nhà nước tập trung, chứ không phải quay về tình trạng tách biệt hẻo lánh và tính chất cục bộ về dân tộc. Miền trung tâm nước Nga sẽ giải quyết vấn đề ruộng đất; còn ở các vùng ngoại vi, *không thể*

hành động một cách nào khác, ngoài việc nêu *gương**. Điều này đã rõ ràng cả đối với mỗi người dân chủ, chứ không nói gì đến người dân chủ - xã hội. Và vấn đề chỉ còn là ở chỗ: giai cấp vô sản cần *đưa* nông dân tới các mục đích cao cả, hay *tự xuống* mức tiểu tư sản của nông dân.

Thứ hai, người ta khẳng định rằng chủ trương quốc hữu hóa sẽ tăng thêm khả năng chuyên chế của chính quyền trung ương, tăng thêm tệ quan liêu, v. v.. Về tệ quan liêu, cần thấy rằng quyền *quản lý* ruộng đất cả trong điều kiện quốc hữu hóa vẫn nằm trong tay các cơ quan tự quản địa phương. Như vậy có nghĩa là lập luận trên là không đúng. Chính quyền trung ương sẽ quy định những điều kiện chung, thí dụ như ngăn cấm mọi việc chuyển giao ruộng đất, v. v.. Và cương lĩnh hiện nay của chúng ta, tức là cương lĩnh men-sê-vích, phải chăng không mang lại "cho nhà nước dân chủ quyền sử dụng" không những các "ruộng đất để di dân", mà còn cả về "rừng rú và sông ngòi có ý nghĩa đối với toàn quốc"? Nhưng giấu đầu dưới cánh thì thật là gàn dở, và ở đây cũng có thể có sự chuyên chế *vô hạn độ*, vì bản thân chính quyền trung ương sẽ quy định sông ngòi và rừng rú *nào* có ý nghĩa đối với toàn quốc. Những người men-sê-vích tìm những "sự bảo đảm" không phải ở nơi cần phải tìm: *chỉ có* chế độ dân chủ hoàn toàn ở trung ương, *chỉ có chế độ cộng hòa* mới có thể đảm bảo rằng những sự xung đột giữa trung ương và các khu vực ít có khả năng xảy ra nhất.

"Nhà nước tư sản sẽ được tăng cường", những người men-sê-vích kêu lên như vậy, họ ngấm ngấm ủng hộ bọn quân

* Trong một nhà nước tư bản chủ nghĩa, chế độ tư hữu ruộng đất và chế độ quốc hữu hóa *không thể* song song tồn tại được. Một trong hai chế độ đó phải thắng. Đảng công nhân có nhiệm vụ bảo vệ chế độ cao hơn.

chủ tư sản (bọn dân chủ - lập hiến) nhưng công khai vỗ ngực nói là ủng hộ phái cộng hòa tư sản. Sự phát triển xã hội lịch sử khách quan đã đặt ra trước chúng ta vấn đề lịch sử thực sự là: sự phát triển nông nghiệp theo kiểu Phổ hay kiểu Mỹ? Chế độ quân chủ của bọn địa chủ che đậy bằng chiếc lá nho hiến pháp giả hiệu hay là chế độ cộng hòa nông dân (của những người phéc-mi-ê)? Nhắm mắt trước việc lịch sử đặt vấn đề một cách khách quan *như thế*, có nghĩa là tự dối mình và lừa dối người khác, là lẩn tránh theo kiểu tiểu thị dân đối với cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt, đối với việc đặt vấn đề cách mạng dân chủ một cách gay gắt, rõ ràng và kiên quyết.

Chúng ta không thể thoát khỏi "nhà nước tư sản". Chỉ những kẻ tiểu tư sản mới mơ ước điều đó. Cuộc cách mạng của chúng ta là một cuộc cách mạng tư sản, chính là vì cuộc đấu tranh diễn ra trong cuộc cách mạng đó không phải là giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mà là *giữa hai hình thức của chủ nghĩa tư bản*, giữa hai con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, giữa hai hình thức của những thể chế dân chủ - tư sản. Theo quan điểm của người men-sê-vích Nô-vô-xét-xki, thì chế độ quân chủ của phái tháng Mười hoặc của phái dân chủ - lập hiến là "chế độ dân chủ" tư sản "tương đối". Chế độ cộng hòa vô sản và nông dân cũng là một chế độ dân chủ - tư sản. Trong cuộc cách mạng của chúng ta, chúng ta không thể tiến lên được *một bước nào* — và chúng ta đã không tiến lên được một bước nào — nếu *không ủng hộ*, bằng cách này hay cách khác, tầng lớp tư sản này hay tầng lớp tư sản kia chống đối lại chế độ cũ.

Nếu người ta bảo chúng ta rằng, quốc hữu hóa là dùng tiền chi cho quân đội, còn địa phương công hữu hóa là dùng tiền chi cho công tác y tế và giáo dục quốc dân, thì đó là một lời nguy hiểm xứng đáng với người phi-li-xtanh. Ma-xlốp đã lập luận nguyên văn như thế này: "... Quốc hữu

hóa tức là (sic!¹⁾) sử dụng địa tô cho quân đội và hải quân; địa phương công hữu hóa ruộng đất tức là sử dụng địa tô cho những nhu cầu của dân cư" ("*Học vấn*", 1907, số 3, tr. 103). Đó là chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, hay là việc diệt ruồi bằng cách lấy bột diệt ruồi rắc vào đuôi những con ruồi bị bắt! Ma-xlốp tốt bụng đã không hiểu rằng, nếu các hội đồng địa phương ở Nga và các hội đồng thị chính ở phương Tây có chỉ tiêu cho công tác y tế, v. v., nhiều hơn so với nhà nước, thì đó chỉ vì nhà nước tư sản đã thực hiện những khoản chi quan trọng nhất của nó (để đảm bảo nền thống trị của giai cấp tư sản với tư cách là giai cấp) lấy từ những nguồn thu nhập nhiều nhất, và để lại cho các cơ quan địa phương những nguồn thu nhập thứ yếu để chi cho những "nhu cầu của dân cư". Hàng triệu chi cho quân đội, vài xu chi cho nhu cầu của *giai cấp vô sản*, đó là tỷ lệ chi tiêu thực tế của nhà nước tư sản, và cần phải trở thành Ma-xlốp, thì mới nghĩ rằng chỉ cần *chuyển* địa tô cho các hội đồng thị chính "sử dụng" là đủ, và nhà nước tư sản sẽ bị các "nhà chính trị" khôn khéo men-sê-vích lừa bịp! Nhờ "chính sách khôn khéo" này, nhà nước tư sản sẽ cung cấp hàng triệu cho giai cấp vô sản, và vài xu cho quân đội và hải quân chẳng?

Thực tế thì những người men-sê-vích đã tiến hành một chính sách tiểu tư sản: họ ản núp trong các cơ quan tự quản địa phương thuộc những tỉnh xa xôi hẻo lánh để tránh giải quyết một vấn đề nóng hổi do lịch sử đặt ra, vấn đề đó là xem ở nước ta cần một chế độ cộng hòa tư sản tập trung của những phéc-mi-ê hay một chế độ quân chủ tư sản tập trung của những gioong-ke? Không lẩn tránh được đâu, các ngài ạ! Không có chủ nghĩa địa phương nào, không có sự ve vãn nào đối với chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu lại cứu được các ngài thoát khỏi sự tham gia

1) — thế đấy!

Không thể tránh được vào việc giải quyết vấn đề *nóng hổi* đó. Mánh khéo của các ngài thực ra chỉ có nghĩa là: ngấm ngấm ủng hộ khuynh hướng dân chủ - lập hiến, đồng thời không hiểu ý nghĩa của khuynh hướng cộng hòa.

Tập biên bản của Đại hội Xtốc-khôn đã chứng minh rõ ràng là những người men-sê-vích, trong khi bảo vệ chủ trương địa phương công hữu hóa, đã ve vãn "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu" của phái Pha-biêng ở châu Âu. Cô-xơ-rốp đã nói tại đại hội rằng: "Có một số đồng chí hình như lần đầu tiên nghe nói đến chế độ sở hữu địa phương công hữu. Tôi xin nhắc lại với các đồng chí đó rằng, ở Tây Âu, đã có cả một trào lưu (chính vậy!! Cô-xơ-rốp vô tình đã nói lên sự thật!) gọi là "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu" (Anh)" (Các biên bản, tr. 88). Cả Cô-xơ-rốp lẫn La-rin* không hề nghĩ rằng, "trào lưu" này chính là trào lưu của *chủ nghĩa cơ hội cực đoan*. Đối với phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì lẩn lộn chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản với những nhiệm vụ của cuộc cách mạng tư sản, là điều thích đáng, nhưng đối với phái dân chủ - xã hội mà cũng làm như vậy, thì không được đâu, các ngài ạ! Rõ ràng là tầng lớp trí thức tư sản ở phương Tây (phái Pha-biêng ở Anh, phái Béc-stanh ở Đức, phái Brút-xơ ở Pháp) đã chuyển trọng tâm từ vấn đề *chế độ* nhà nước sang vấn đề *chế độ tự quản* địa phương. Vấn đề đặt ra cho chúng ta chính là vấn đề *chế độ* nhà nước và vấn đề cơ sở ruộng đất của nó, và ở đây mà bênh vực "chủ nghĩa xã hội địa phương công hữu" thì có nghĩa là *chơi trò* chủ nghĩa xã hội ruộng đất. Cứ để cho những người tiểu tư sản hối hả "xây đắp tổ ấm của mình" trong các hội đồng

* "Vấn đề nông dân và Đảng dân chủ - xã hội". Bài bình luận đặc biệt mơ hồ về cương lĩnh của phái men-sê-vích. Xem tr. 66. Ở tr. 103, người bảo vệ không may mắn ấy của chủ trương địa phương công hữu hóa vạch ra rằng *quốc hữu hóa* là lối thoát *tốt nhất!*

thị chính yên tĩnh của nước Nga dân chủ tương lai. Nhiệm vụ của giai cấp vô sản là tổ chức quần chúng lại, không phải vì mục đích đó, mà vì cuộc đấu tranh cách mạng cho một sự dân chủ hóa *hoàn toàn* hôm nay, cho một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày mai.

Người ta thường chê trách chúng ta, những người bôn-sê-vích, là không tưởng, là có những quan điểm cách mạng viển vông. Và đặc biệt chúng ta thường được nghe những lời chê trách đó chính là về vấn đề quốc hữu hóa. Nhưng, cũng chính ở đây, những lời chê trách đó ít có căn cứ nhất. Ai cho rằng quốc hữu hóa là "không tưởng", thì người đó không suy nghĩ đến sự phù hợp tất yếu giữa quy mô những sự thay đổi về chính trị và về ruộng đất. Theo quan điểm của những người tiểu tư sản bình thường, thì quốc hữu hóa cũng "không tưởng" không kém chế độ cộng hòa. Và cả quốc hữu hóa lẫn chế độ cộng hòa đều không tưởng không kém gì cuộc cách mạng ruộng đất của "*nông dân*", tức là sự thắng lợi của một cuộc khởi nghĩa nông dân trong một nước tư bản chủ nghĩa. Tất cả những sự thay đổi ấy đều "khó khăn" như nhau về mặt phát triển lạng lẽ hàng ngày. Và lời kêu la về tính chất không tưởng của chính chủ trương quốc hữu hóa và chỉ của chủ trương đó, trước hết chúng tỏ sự *không hiểu* mối liên quan mật thiết và tất yếu giữa cách mạng kinh tế và cách mạng chính trị. Không thể tịch thu ruộng đất của địa chủ (yêu sách này trong cương lĩnh được cả những người bôn-sê-vích lẫn những người men-sê-vích thừa nhận) nếu không thủ tiêu chế độ chuyên chế của địa chủ (đồng thời cả sự chuyên chế của phái thán Mười, không thuần túy là của địa chủ). Và không thể thủ tiêu được chế độ chuyên chế, nếu không có một hành động cách mạng của hàng triệu quần chúng giác ngộ, nếu không có một cao trào rộng lớn của chủ nghĩa anh hùng tập thể, nếu quần chúng không sẵn sàng và biết cách "xông lên chọc trời" như C. Mác đã nói về những công nhân Pa-ri trong

thời kỳ Công xã⁹⁰. Cao trào cách mạng này, đến lượt nó, lại không thể có được, nếu không thủ tiêu một cách triệt để *tất cả* những tàn tích của chế độ nông nô đè nặng lên nông dân hàng bao thế kỷ, trong đó có *toàn bộ* chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, tất cả những xiềng xích của "công xã" phải nộp thuế, và thủ tiêu triệt để cái ký ức đáng nguyên rủa về những "ân huệ" nhỏ mà chính phủ ban cho, v. v., v. v., v. v..

Vì thiếu chỗ (tôi đã vượt quá khuôn khổ bài báo mà tòa soạn tạp chí "Pse-glôn-dơ"⁹¹ đã quy định cho tôi), tôi sẽ không nói đến nội dung chương *thứ năm* cuốn sách của tôi ("Các giai cấp và các chính đảng trong những cuộc tranh luận trong Đu-ma II về vấn đề ruộng đất").

Những bài phát biểu của *nông dân* tại Đu-ma có ý nghĩa chính trị rất to lớn, vì chúng đã thể hiện nguyện vọng tha thiết được thoát khỏi ách thống trị của địa chủ, lòng căm thù sâu sắc đối với chế độ trung cổ và tệ quan liêu, tinh thần cách mạng tự phát, tự nhiên, thường mang tính chất ngây thơ và mơ hồ, nhưng đồng thời cũng mãnh liệt của những người nông dân *bình thường*; tinh thần cách mạng này, hơn cả những bài nghị luận dài dòng, đã vạch rõ rằng biết bao nghị lực phá hoại tiềm tàng đã được tích lũy trong quần chúng nông dân để chống lại tầng lớp quý tộc, bọn địa chủ và bọn Rô-ma-nốp. Nhiệm vụ của giai cấp vô sản giác ngộ là nói rõ, vạch trần và xóa bỏ một cách không thương tiếc tất cả những điều giả dối tiểu tư sản có rất nhiều, những câu rỗng tuếch giả danh xã hội chủ nghĩa, những hy vọng ấu trĩ và ngây thơ mà người nông dân gắn liền với cuộc cách mạng ruộng đất, nhưng xóa bỏ tất cả cái đó không phải là để làm yên lòng nông dân và bịt miệng nông dân (như các ngài dân chủ - lập hiến, tức bọn phản bội quyền tự do của nhân dân, đã làm trong cả hai Đu-ma), mà để làm thức tỉnh trong quần chúng một tinh thần cách mạng sắt đá, kiên cường và không gì lay chuyển nổi. Không có *tinh thần*

cách mạng này, không có cuộc đấu tranh ngoan cường và thẳng tay của quần chúng *nông dân*, thì cả việc tịch thu, cả chế độ cộng hòa, cả quyền đầu phiếu phổ thông, trực tiếp, bình đẳng và bỏ phiếu kín, đều trở nên hoàn toàn "không tưởng". Vì vậy, những người mác-xít cần phải đặt vấn đề rõ ràng và dứt khoát: trình bày hết sức rõ ràng hai phương hướng phát triển kinh tế ở Nga, hai con đường của chủ nghĩa tư bản. Mọi người hãy suy nghĩ kỹ về vấn đề này. Trong quá trình cuộc vận động cách mạng đầu tiên, trong những năm 1905 - 1907, cả hai phương hướng này đã bộc lộ rõ ràng trước mắt chúng ta không phải với tính cách là những khái quát về mặt lý luận hoặc những kết luận rút ra từ những *đặc điểm* này nọ của sự tiến triển diễn ra từ năm 1861. Không, đối với chúng ta hiện nay, những phương hướng đó chính là những phương hướng do các giai cấp thù địch nhau *vạch ra*. Địa chủ và tư bản (bọn tháng Mười) đã hoàn toàn hiểu rằng, không có phương hướng nào khác ngoài phương hướng tư bản chủ nghĩa, và *đối với họ*, không thể đi theo con đường ấy nếu không phá vỡ "công xã" theo lối cưỡng bức và nhanh chóng, hơn nữa chính sự phá vỡ này giống hệt... sự cướp bóc công khai bằng lối cho vay nặng lãi, "sự hoành hành" của cảnh sát hoặc những cuộc hành quân "trừng phạt". Đó là một "chiến dịch" hết sức dễ dàng bị thất bại! Cũng chính trong ba năm đó, quần chúng nông dân đã thấy một cách không kém rõ ràng rằng họ không còn chút hy vọng gì vào "đức vua", vào con đường hòa bình, và họ thấy rõ sự cần thiết phải đấu tranh cách mạng nhằm thủ tiêu toàn bộ chế độ trung cổ nói chung và toàn bộ chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu trung cổ nói riêng.

Mọi công tác tuyên truyền và cổ động của Đảng dân chủ - xã hội đều phải dựa trên cơ sở đưa những kết quả đó vào trong ý thức của quần chúng, vào việc chuẩn bị cho quần chúng biết cách áp dụng kinh nghiệm đó để mở cuộc tấn công hết sức có tổ chức tốt, hết sức kiên quyết,

hết sức quyết tâm trong cuộc vận động *thứ hai* của cách mạng.

Vì vậy, những bài diễn văn của Plê-kha-nốp tại Xtốc-khôn có tính chất hết sức phản động, vì cho rằng việc giai cấp vô sản và nông dân giành chính quyền có nghĩa là khôi phục lại "chủ nghĩa dân ý". Bản thân Plê-kha-nốp đã tự dẫn mình đến chỗ phi lý: theo Plê-kha-nốp thì "cuộc cách mạng ruộng đất của nông dân" không cần giai cấp vô sản cướp chính quyền, không cần nông dân cướp chính quyền! Ngược lại, Cau-xky, vào thời kỳ đầu cuộc phân liệt giữa những người bên-sê-vích và những người men-sê-vích, tuy rõ ràng nghiêng về phía những người men-sê-vích, nhưng về mặt tư tưởng lại ngã sang phía những người bên-sê-vích, và thừa nhận rằng chỉ trong điều kiện có "sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân" thì cách mạng mới có thể thắng lợi được.

Không hoàn toàn thủ tiêu toàn bộ chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, không "dọn sạch" hoàn toàn ruộng đất, tức là nếu không quốc hữu hóa ruộng đất thì cuộc cách mạng như vậy không thể có được. Nhiệm vụ của đảng của giai cấp vô sản là phổ biến khẩu hiệu cách mạng ruộng đất tư sản triệt để nhất và cấp tiến nhất đó. Và khi chúng ta hoàn thành *việc này*, chúng ta sẽ thấy triển vọng như thế nào, chúng ta sẽ thấy cuộc cách mạng đó có phải *chỉ* là cơ sở cho sự phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất theo kiểu Mỹ dưới chế độ tư bản, *hay là* nó sẽ mở đầu cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở phương Tây.

18 tháng Bảy 1908.

P. S. Ở đây, tôi không nhắc lại bản dự thảo cương lĩnh ruộng đất mà tôi đã trình bày tại Đại hội Xtốc-khôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, và đã được in nhiều lần trên sách báo của Đảng dân chủ - xã hội. Tôi chỉ xin

nêu một vài quan điểm. Vì có hai phương hướng phát triển nông nghiệp theo lối tư bản chủ nghĩa, nên trong cương lĩnh nhất định cần phải có chữ "nếu như" (một thuật ngữ chuyên dùng tại Đại hội Xtốc-khôn), tức là cương lĩnh phải tính đến cả hai khả năng. Nói một cách khác: trong khi tình hình phát triển như từ trước đến nay, chúng ta đòi quyền tự do sử dụng ruộng đất, đòi lập các tòa án để thực hiện giảm tô, đòi thủ tiêu chế độ đẳng cấp, v. v.. Nhưng *đồng thời, chúng ta cũng đấu tranh chống* khuynh hướng *hiện tại*, ủng hộ những yêu sách cách mạng của nông dân nhằm phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất, mở rộng quy mô và tự do đấu tranh giai cấp. Trong khi ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nông dân chống chế độ trung cổ, Đảng công nhân dân chủ - xã hội vạch ra rằng trong xã hội tư bản hình thức tốt nhất của những quan hệ ruộng đất (đồng thời là hình thức tốt nhất để thủ tiêu chế độ nông nô) là quốc hữu hóa ruộng đất, rằng chỉ có gắn liền với cuộc cách mạng chính trị triệt để, với việc thủ tiêu chế độ chuyên chế và xác lập chế độ cộng hòa dân chủ, thì mới thực hiện được một cuộc cách mạng ruộng đất triệt để, mới tịch thu được ruộng đất của địa chủ và mới quốc hữu hóa được ruộng đất.

Đây là *nội dung* bản dự thảo cương lĩnh ruộng đất của tôi. Còn phần của bản dự thảo ấy bàn về tính chất tư sản của *tất cả* những cải cách ruộng đất hiện nay và giải thích rõ quan điểm thuần túy vô sản của Đảng dân chủ - xã hội, thì đã được *thông qua* tại Xtốc-khôn và được *đưa vào* bản cương lĩnh hiện nay.

Đăng trên tạp chí "Przegląd Socjaldemokratyczny", số 6, tháng Tám 1908
Ký tên: N. Lê-nin

Theo đúng bản đăng trên tạp chí
Dịch từ tiếng Ba-lan

NHỮNG CHẤT DỄ CHÁY TRÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Gần đây, phong trào cách mạng ở nhiều nước châu Âu và châu Á phát triển mạnh mẽ khiến chúng ta thấy khá rõ ràng là cuộc đấu tranh quốc tế của giai cấp vô sản đã chuyển sang một giai đoạn mới, một giai đoạn cao hơn các giai đoạn trước đây rất nhiều.

Ở Ba-tư đã nổ ra một cuộc phản cách mạng, nó kết hợp một cách độc đáo việc giải tán Đu-ma I ở Nga với cuộc khởi nghĩa ở Nga vào cuối năm 1905. Quân đội Nga hoàng sau khi bị quân Nhật đánh bại một cách nhục nhã, đã trả thù bằng cách hết lòng phục vụ bọn phản cách mạng. Tiếp theo những chiến công bắn giết, hành quân trừng phạt, tàn sát và cướp bóc ở Nga, là những chiến công của cũng những tên Cô-dắc ấy trong việc đàn áp cách mạng ở Ba-tư. Nếu Ni-cô-lai Rô-ma-nốp, đứng đầu bọn địa chủ Trăm đen và bọn tư bản khiếp sợ trước những cuộc bãi công và nội chiến, hành động điên cuồng chống những người cách mạng Ba-tư, thì điều đó cũng dễ hiểu, vì không phải là lần đầu tiên mà vai trò đao phủ quốc tế lại thuộc về những chiến binh Nga ngoan đạo. Nhưng việc nước Anh mà lại phải tay theo lối đạo đức giả và giữ một thái độ trung lập rõ ràng có thiện cảm với bọn phản động Ba-tư và bọn ủng hộ chế độ chuyên chế, thì đó lại là một hiện tượng thuộc loại hơi khác. Bọn tư sản thuộc phái tự do ở Anh tức tối về sự

phát triển của phong trào công nhân ở ngay trong nước mình, hoảng sợ trước cao trào đấu tranh cách mạng ở Ấn-độ, đã để lộ ra ngày càng nhiều, ngày càng công nhiên và ngày càng rõ rệt hơn rằng những "nhà hoạt động" chính trị "văn minh" nhất ở châu Âu và đã qua những trường cao cấp nhất của chủ nghĩa lập hiến biến thành những *thứ dữ* như thế nào khi tình hình đi tới chỗ thúc tỉnh cuộc đấu tranh của quần chúng chống lại tư bản và chống lại chế độ thuộc địa tư bản chủ nghĩa, tức là chế độ nô dịch, cướp bóc và bạo lực. Tình hình của những người cách mạng Ba-tư ở trong nước thật là khó khăn, vì một bên là bọn chúa tể Ấn-độ và một bên là chính phủ phản cách mạng Nga hầu như đã sẵn sàng chia với nhau nước Ba-tư. Nhưng cuộc chiến đấu ngoan cường ở Ta-vri-đơ và việc những người cách mạng đã chiến thắng nhiều lần — hình như là họ đã bị đánh tan hoàn toàn — tất cả điều đó chứng tỏ rằng quân lính của vua chúa Ba-tư, mặc dù có sự giúp đỡ của bọn Li-a-khốp Nga và những nhà ngoại giao Anh, cũng đã vấp phải một sự kháng cự rất mãnh liệt của tầng lớp dưới. Một phong trào cách mạng đã có thể dùng quân sự chống lại những mưu đồ khôi phục và bắt buộc những tay hảo hán có mưu đồ ấy phải cầu cứu nước ngoài, một phong trào cách mạng như thế sẽ không thể bị tiêu diệt, và trong những điều kiện ấy, thắng lợi hoàn toàn nhất của bọn phản động Ba-tư cũng chỉ có thể là bước giáo đầu cho những cuộc nổi dậy mới của nhân dân mà thôi.

Ở Thổ-nhĩ-kỳ, phong trào cách mạng trong quân đội, do Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ⁹² lãnh đạo, đã giành được một thắng lợi. Đành rằng, thắng lợi đó chỉ là một thắng lợi nửa vời, thậm chí chỉ là một phần nhỏ thắng lợi, vì tên Ni-cô-lai II ở Thổ-nhĩ-kỳ lúc đó chỉ hạn chế ở những lời hứa những nhượng bộ hấp tấp và bắt buộc đó của chính quyền

СЪЕЗДЪ ВЪ СЕНТЪ.
ИЗЪИЗЪ
ИЗЪИЗЪ
ИЗЪИЗЪ

LE PROLÉTAIRE, organe russe social-démocrate.

№ 33

ПРОЛЕТАРИЙ

Российская Социал-демократическая Рабочая Партия

Пролетарии всех стран, соединитесь!

ЖЕНЕВА, Среда, (5 авг.) 23 июля 1908

Органъ С.-Петербургскаго и Московскаго комитетовъ Р. С. - Д. Р. П.

Горячий материалъ въ мировой политикѣ.

Прогнозы, данные въ редакціи "Пролетарія" въ послѣднее время, не только не оправдались, но и оказались совершенно неверными. Въ виду этого мы не можемъ не вернуться къ вопросу о томъ, какъ обстоятъ дѣла въ политическомъ и дипломатическомъ отношеніи въ настоящее время. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной. Мы не можемъ не сказать, что въ настоящее время политическая обстановка въ Европѣ является весьма напряженной.

Trang báo "Người vô sản", số 33, (5 tháng Tám) 23 tháng Bảy 1908 có bài xã luận của V. I. Lê-nin "Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới"

Ảnh thu nhỏ

cũ đều là đảm bảo chắc chắn nhất cho những diễn biến mới của nội chiến còn quyết liệt hơn nhiều, gay gắt hơn nhiều, lời cuốn được quần chúng nhân dân tham gia rộng rãi hơn nhiều. Mà trường học nội chiến thì không phải là vô ích đối với các dân tộc. Đó là một trường học gian khổ, và giáo trình đầy đủ của nó *không tránh khỏi* bao hàm cả những thắng lợi của bọn phản cách mạng, những sự hoành hành của bọn phản động điên cuồng, những cuộc khủng bố dã man của chính quyền cũ đối với những người nổi dậy, v. v.. Nhưng chỉ có những kẻ thông thái rởm ngoan cố và những xác ướp không hồn mới có thể than khóc về việc các dân tộc bước vào trường học gian khổ đó. Trường học đó dạy cho các giai cấp bị áp bức tiến hành nội chiến, làm cách mạng thắng lợi, nó tích tụ trong quần chúng nô lệ hiện đại mối hận thù mà những người nô lệ bị đàn độn, đốt nát và vô học đời đời ấp ủ trong lòng, và dẫn đến những chiến công lịch sử vĩ đại nhất của những người nô lệ đã thấy nổi nhục nhã trong cảnh nô lệ của mình.

Ở Ấn-độ, chính trong thời gian gần đây, những người nô lệ bản xứ của bọn tư bản “văn minh” Anh đã gây cho các vị “chúa tể” của họ một mối lo sợ khó chịu. Những hành vi bạo lực và sự cướp bóc được gọi là chế độ cai trị của Anh ở Ấn-độ thật là vô bờ bến. Không có nơi nào trên thế giới — dĩ nhiên là trừ nước Nga ra — mà quần chúng lại bị bần cùng đến như vậy, dân cư lại bị đói kinh niên đến như vậy. Ngay cả những nhà hoạt động thuộc phái tự do và phái cấp tiến nhất của nước Anh tự do, như Giôn Moóc-lê (Morley) — một nhân vật có uy tín đối với phái dân chủ - lập hiến Nga và nước ngoài, một ngôi sao trong giới chính luận “tiến bộ” (nhưng kỳ thực = kẻ quỳ gối trước tư bản) — cũng biến, trong chức vụ thống đốc Ấn-độ, thành những Thành-cát-tư-hãn thật sự có thể phê chuẩn tất cả mọi biện pháp “binh định” dân cư mà chúng cai trị, cho đến cả việc *dùng roi đánh* những người chống đối về chính

trị! Tờ “Justice” (“Công lý”)⁹³, tuần báo nhỏ của những người dân chủ - xã hội Anh, đã bị bọn chó đẻ thuộc phái tự do và “cấp tiến” kiểu Moóc-lê ấy *cấm* lưu hành ở Ấn-độ. Và khi Kê-rơ Hác-đi, một nghị sĩ của nghị viện Anh và là lãnh tụ của “Đảng công nhân độc lập” (Independent Labour Party), dám cả gan đi sang Ấn-độ và nói chuyện với dân bản xứ về những yêu sách dân chủ sơ đẳng nhất, thì toàn bộ báo chí tư sản Anh đều nhao nhao nổi lên phản đối “tên phiến loạn”. Và ngày nay, những tờ báo có thể lực nhất ở Anh vẫn nghiên rắng nhắc tới những “tên cổ động” phá rối trị an của Ấn-độ và hoan nghênh những bản án thuần túy kiểu Nga, theo lối Plê-vê, và những biện pháp đàn áp của chính quyền chống các nhà chính luận dân chủ Ấn-độ. Nhưng ở Ấn-độ, đường phố đã bắt đầu đứng lên bảo vệ cho những nhà văn và những lãnh tụ chính trị *của mình*. Vụ án đê hèn của bọn lang sói Anh xử nhà dân chủ Ấn-độ Ti-lác (Tilak), — ông bị kết án đi đày dài hạn, nhưng cuộc chất vấn gần đây tại Hạ nghị viện Anh đã vạch rõ rằng các bồi thẩm Ấn-độ tán thành tha bổng, thế mà bản án đã được *bọn bồi thẩm người Anh thông qua!* — việc bọn tay sai của túi tiền trả thù như vậy đối với một người dân chủ, đã gây ra những cuộc biểu tình ngoài đường phố và một cuộc bãi công ở Bôm-bay. Cả ở Ấn-độ, giai cấp vô sản cũng đã trưởng thành tới mức tiến hành cuộc đấu tranh chính trị tự giác có tính chất quần chúng, và một khi tình hình đã như thế thì trật tự kiểu Anh - Nga tại Ấn-độ sẽ kết thúc! Bằng sự cướp bóc theo lối thực dân đối với các nước châu Á, những người châu Âu đã có thể tôi luyện cho một trong những nước này là Nhật-bản đạt tới những thắng lợi quân sự lớn lao, đảm bảo cho nó một sự phát triển dân tộc độc lập. Rõ ràng là cuộc cướp bóc Ấn-độ mà người Anh đã tiến hành hàng bao nhiêu thế kỷ nay, cuộc đấu tranh hiện nay của những người châu Âu “tiên tiến” đó chống phong trào dân chủ Ba-tư và Ấn-độ

cũng sẽ *tôi luyện* cho hàng triệu và hàng chục triệu người vô sản châu Á, tôi luyện để họ có thể tiến hành một cuộc đấu tranh cũng thắng lợi (như cuộc đấu tranh của người Nhật) chống lại bọn áp bức. Những công nhân giác ngộ châu Âu đã có những đồng chí ở châu Á, và số lượng những đồng chí đó sẽ tăng thêm không phải hàng ngày mà hàng giờ.

Ở Trung-quốc, trong những tháng gần đây, phong trào cách mạng chống chế độ trung cổ cũng biểu hiện hết sức rõ. Đành rằng, chưa thể nói được một điều gì dứt khoát về chính phong trào này, — rất ít tin tức về phong trào này và những tin tức về các cuộc nổi dậy trong nhiều địa phương của Trung-quốc lại rất nhiều, — nhưng điều hiển nhiên là “tinh thần mới” và “những xu hướng kiểu châu Âu” ở Trung-quốc phát triển rất mạnh, đặc biệt là sau cuộc chiến tranh Nga – Nhật, do đó, nhất định là từ những cuộc nổi dậy kiểu cũ ở Trung-quốc sẽ chuyển thành một phong trào dân chủ tự giác. Cứ xem thái độ của bọn Pháp ở Đông-dương thì cũng thấy rằng lần này một số tên tham gia cướp bóc thuộc địa đã cảm thấy không yên lòng: chúng *đã giúp đỡ* cái “chính quyền lịch sử” ở Trung-quốc trấn áp những người cách mạng! Chúng cũng run sợ cho sự toàn vẹn của những thuộc địa châu Á “của chúng” ở cạnh Trung-quốc.

Nhưng giai cấp tư sản Pháp chẳng phải lo lắng cho những thuộc địa của chúng ở châu Á. Những chiến lữ tại Vi-lơ-nơ-vơ Xanh-Gioóc-giơ, ở ngoại ô Pa-ri, vụ bắn vào những người bãi công đã dựng lên những chiến lữ đó (ngày thứ năm, 30 (17) tháng Bảy), — những sự việc đó lại một lần nữa chứng tỏ rằng cuộc đấu tranh giai cấp ở châu Âu trở nên gay gắt. Clê-măng-xô, tên cấp tiến đại diện cho bọn tư bản để cai trị nước Pháp, đặc biệt sốt sắng tìm cách xóa bỏ khỏi đầu óc của giai cấp vô sản những dấu vết cuối cùng của những ảo tưởng cộng hòa - tư sản. Quân đội theo lệnh của chính phủ “cấp tiến” bắn vào công nhân, — dưới thời Clê-măng-xô, hiện tượng đó xảy ra hầu như

thường xuyên hơn trước. Vì vậy mà Clê-măng-xô đã được những người xã hội chủ nghĩa Pháp đặt cho cái biệt hiệu là “Người đỏ”, và ngày nay, khi bọn mật thám, sen đầm và tướng tá của Clê-măng-xô lại làm đổ máu công nhân thì những người xã hội chủ nghĩa lại nhớ tới câu nói trứ danh mà có lần người cộng hòa tư sản tiến bộ nhất đó đã nói với đại biểu công nhân: “Chúng tôi và các anh đứng ở hai phía khác nhau của chiến lũy”. Thật thế, ngày nay giai cấp vô sản Pháp và phái cộng hòa - tư sản cực đoan nhất đã hoàn toàn đứng ở hai phía khác nhau của chiến lũy. Giai cấp công nhân Pháp đã đổ nhiều máu để giành lấy và bảo vệ nền cộng hòa, và giờ đây, trên cơ sở chế độ cộng hòa đã được hoàn toàn vững vàng, cuộc đấu tranh quyết định giữa bọn chủ và những người lao động ngày càng nhanh chóng đến gần. Báo “L’Humanité”⁹⁴ viết về ngày 30 tháng Bảy rằng: “Đó không phải là một cuộc xô xát bình thường, mà là một phần của trận chiến đấu”. Bọn tướng lĩnh và bọn cảnh sát, dù thế nào đi chăng nữa, cũng muốn khiêu khích công nhân và biến cuộc biểu tình hòa bình và không có vũ khí thành một cuộc huyết chiến. Nhưng khi bao vây tứ phía những người bãi công và những người biểu tình, khi tấn công những người không có vũ khí thì quân đội đã vấp phải sự kháng cự, đã làm cho những chiến lũy được dựng lên tức khắc và gây ra sự biến làm xúc động toàn thể nước Pháp. Cũng tờ báo ấy viết, những chiến lũy đó làm bằng những tấm ván mỏng, tối đến tức cưỡi lên được. Nhưng điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là nền cộng hòa thứ ba đã xóa bỏ tập quán dùng những chiến lũy. Ngày nay “Clê-măng-xô lại làm cho việc sử dụng chiến lũy thành tập quán”, và hẳn lập luận về việc đó một cách cởi mở giống như “tên đao phủ tháng Sáu 1848, tên Ga-líp-phê năm 1871” nói về nội chiến.

Về những sự kiện ngày 30 tháng Bảy thì không phải chỉ có báo chí xã hội chủ nghĩa mới nhắc đến những ngày

lịch sử lớn đó. Báo chí tư sản công kích công nhân một cách độc ác điên cuồng, buộc tội họ là đã hành động như là chuẩn bị phát động cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời một trong những tờ báo đó kể lại một câu chuyện nhỏ, nhưng đặc sắc, nói lên tâm trạng của cả hai phe ở nơi xảy ra sự biến. Khi công nhân khiêng một đồng chí bị thương của họ đi qua tướng Viéc-ve-rơ, người đã chỉ huy cuộc tấn công những người bãi công, thì từ trong đám người biểu tình có tiếng hô to: “Saluez!” (“Hãy chào đi!”). Và tên tướng của nền cộng hòa tư sản đã chào kẻ địch bị thương.

Ở tất cả các nước tư bản tiên tiến, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản đều trở nên gay gắt, nhưng cùng một khuynh hướng lại có những biểu hiện khác nhau tùy theo sự khác nhau về điều kiện lịch sử, về chế độ chính trị và về hình thức của phong trào công nhân. Ở Mỹ và ở Anh, là nơi có tự do chính trị đầy đủ và là nơi giai cấp vô sản không có một chút truyền thống cách mạng và xã hội chủ nghĩa nào (hay ít nhất cũng không có đôi chút truyền thống cách mạng và xã hội chủ nghĩa sinh động nào), thì tình trạng gay gắt đó thể hiện trong việc đẩy mạnh phong trào chống các tư-rót, trong sự lớn mạnh đặc biệt của chủ nghĩa xã hội và việc những giai cấp hữu sản chú ý nhiều hơn đến chủ nghĩa xã hội, trong việc những tổ chức công nhân, có khi là những tổ chức thuần túy kinh tế, chuyển sang đấu tranh chính trị có kế hoạch, có tính chất độc lập, vô sản. Ở Áo và ở Đức cũng như ở một phần các nước thuộc bán đảo Xcan-đi-na-vơ, tình hình đấu tranh giai cấp gay gắt biểu hiện trong cuộc bầu cử, trong quan hệ giữa các đảng phái, trong việc xích lại gần nhau của mọi giới tư sản có khuynh hướng khác nhau để chống lại kẻ thù chung là giai cấp vô sản, trong việc tăng cường đàn áp bằng tòa án và cảnh sát. Hai phe thù địch đều từ từ nhưng không ngừng tăng cường lực lượng của mình, củng cố tổ chức của mình, ngày càng xa cách nhau hơn về

tất cả các vấn đề trong đời sống xã hội, như thế họ chuẩn bị một cách im lặng nhưng tích cực cho những cuộc chiến đấu cách mạng sắp đến. Ở những nước la-tinh — Ý và đặc biệt là Pháp — tình hình đấu tranh giai cấp gay gắt biểu hiện ở những cuộc bùng nổ đặc biệt mạnh mẽ, dữ dội, đôi khi có tính chất trực tiếp cách mạng, khi lòng căm thù ngấm ngấm của giai cấp vô sản đối với những kẻ áp bức họ bùng nổ một cách mãnh liệt không ngờ và khi hoàn cảnh “hòa bình” của cuộc đấu tranh nghị trường được thay thế bằng những cảnh nội chiến thật sự.

Phong trào cách mạng quốc tế của giai cấp vô sản không diễn ra và cũng không thể diễn ra với nhịp độ đồng đều và với những hình thức giống nhau ở các nước khác nhau. Chỉ nhờ kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân các nước khác nhau mới có thể sử dụng một cách đầy đủ và toàn diện tất cả những khả năng trong mọi lĩnh vực hoạt động. Mỗi một nước đem lại những đặc điểm độc đáo và có giá trị của mình vào trào lưu chung, nhưng phong trào trong mỗi nước riêng biệt đều có tính chất hẹp hòi này nọ, đều có những thiếu sót này nọ về lý luận hay về thực tiễn của các đảng xã hội chủ nghĩa riêng biệt. Nhưng nói chung thì chúng ta thấy rõ ràng bước tiến lớn của chủ nghĩa xã hội quốc tế, sự đoàn kết của đạo quân hàng triệu người vô sản qua một loạt những cuộc xung đột cụ thể với quân thù, cuộc đấu tranh quyết định chống giai cấp tư sản đang tới gần, cuộc đấu tranh đó được giai cấp công nhân *chuẩn bị* tốt hơn rất nhiều so với trong thời kỳ Công xã, tức là cuộc khởi nghĩa vĩ đại gần đây nhất của giai cấp vô sản.

Bước tiến đó của toàn bộ chủ nghĩa xã hội quốc tế, cùng với sự gay gắt của cuộc đấu tranh dân chủ - cách mạng ở châu Á, đang đặt cách mạng Nga vào những điều kiện đặc biệt và khó khăn phi thường. Vì cách mạng Nga có người bạn đồng minh quốc tế vĩ đại cả ở châu Âu và châu Á, nhưng đồng thời *chính cũng do đó* mà cách mạng Nga không

phải chỉ có một kẻ thù dân tộc, không phải chỉ có kẻ thù người Nga, mà cũng có cả kẻ thù *quốc tế* nữa. Trong tất cả các nước tư bản chủ nghĩa, không sao tránh khỏi có bọn phản động chống lại cuộc đấu tranh đang được tăng cường của giai cấp vô sản. Bọn phản động ấy sẽ liên kết các chính phủ tư sản toàn thế giới để chống lại mọi phong trào của nhân dân, chống lại mọi cuộc cách mạng ở châu Á và đặc biệt là ở châu Âu. Bọn cơ hội chủ nghĩa trong đảng ta, cũng giống như đa số các phần tử trí thức Nga thuộc phái tự do, cho đến nay vẫn còn mơ tưởng đến một cuộc cách mạng tư sản ở Nga “không đầy xa” giai cấp tư sản, không làm cho giai cấp đó sợ hãi, không gây ra một lực lượng phản động “cực đoan” và không dẫn đến chỗ những giai cấp cách mạng nắm lấy chính quyền. Thật là những hy vọng hão huyền! Thật là những ảo tưởng của bọn phi-li-xtan! Những chất dễ cháy đã chất đống lại nhanh chóng ở tất cả các nước tiên tiến trên thế giới, đám cháy rõ ràng là đang lan đến phần lớn các nước châu Á hôm qua hãy còn trong giấc ngủ mê man đến nỗi tuyệt đối không thể tránh khỏi được tình hình là hoạt động phản động của giai cấp tư sản quốc tế tăng lên và cách mạng trong mỗi nước riêng biệt gay gắt hơn.

Lực lượng phản cách mạng ở Nga đã không hoàn thành và không thể hoàn thành được những nhiệm vụ lịch sử của cuộc cách mạng của chúng ta. Giai cấp tư sản Nga nhất định ngày càng ngả về phía trào lưu quốc tế chống lại giai cấp vô sản và phản dân chủ. Giai cấp vô sản Nga không nên trông mong vào những đồng minh thuộc phái tự do. Giai cấp vô sản Nga phải độc lập đi tới thắng lợi hoàn toàn của cách mạng bằng con đường của mình, dựa trên tính tất yếu là bản thân quần chúng nông dân phải dùng bạo lực giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nga, giúp đỡ nông dân lật đổ ách thống trị của bọn địa chủ và nền chuyên chế Trăm đen, đề ra cho mình nhiệm vụ thành lập

ở Nga một nền chuyên chính dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân và nhớ rằng cuộc đấu tranh và những thắng lợi của mình đều gắn chặt với phong trào cách mạng quốc tế. Hãy bớt ảo tưởng đi đối với chủ nghĩa tự do của giai cấp tư sản phản cách mạng (ở Nga cũng như ở trên toàn thế giới). Hãy chú ý nhiều hơn đến sự lớn mạnh của giai cấp vô sản cách mạng quốc tế!

“Người vô sản”, số 33,
ngày 23 tháng Bảy
(5 tháng Tám) 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo “Người vô sản”

LỜI BAN BIÊN TẬP⁹⁵

Bài khái luận này nói về những điều bất hạnh về mặt lý luận của đồng chí Ma-xlốp là trích ở tác phẩm của N. Lê-nin phân tích có hệ thống những xu hướng phát triển nông nghiệp ở nước ta. Tất nhiên là việc bóc trần những lý luận “độc đáo” về ruộng đất của Ma-xlốp, đẩy dấy tinh thần của chủ nghĩa xét lại tầm thường nhất, nhất định sẽ dẫn đến việc phê phán một vài luận điểm trong cương lĩnh của đảng. Chúng tôi cho rằng cuộc tranh luận về vấn đề này trên báo chí của đảng là hoàn toàn hợp thời.

Còn đối với những “phát hiện” về mặt lý luận của đồng chí Ma-xlốp thì chúng tôi xin nói vài lời đặc biệt với đồng chí Plê-kha-nốp, vị thần hộ mệnh cho người theo chủ nghĩa xét lại về vấn đề ruộng đất của chúng ta.

Trên báo “Tiếng nói người dân chủ - xã hội”, số 6 - 7, trong khi tranh luận về những vấn đề lý luận quan trọng nhất, đồng chí đã thừa cơ đưa ra những lập luận hàm hồ và lập lờ; cần phải thừa nhận rằng những lập luận đó là *không lịch sự*. Đồng chí đã dám tuyên bố trên báo chí rằng đối với đồng chí có một số đảng viên nào đó của đảng ta *không phải là những đồng chí*, nhưng đồng thời lại không có can đảm giải thích công khai và rõ ràng xem đồng chí định rút ra khỏi tổ chức của chúng ta, hay ngược lại, đồng chí tìm cách khai trừ một số đảng viên nào đó ra khỏi tổ chức? Thái độ đó vừa hèn nhát, vừa thô bạo.

Hỡi người chiến sĩ không ai mua chuộc được, hãy suy nghĩ một chút về những chiến công xét lại của Ma-xlốp của mình. Xét theo văn chương, đây chính là địa hạt của đồng chí, trong đó đồng chí được coi là Đum-bát-dê khủng khiếp. Thế thì đâu là sự phê phán của đồng chí đối với những điều bịa đặt có tính chất xét lại của đồng chí Ma-xlốp? Đây là sự bảo vệ của đồng chí đối với học thuyết kinh tế của Các Mác? Kẻ tìm mọi cách ủng hộ Ma-xlốp và phụ họa với y, nếu không phải là đồng chí thì là ai?

Những Pha-mu-xốp của đảng ta đều sẵn sàng đảm nhiệm vai trò những chiến sĩ kiên quyết không khoan nhượng của chủ nghĩa Mác, nhưng khi chiều theo quan hệ riêng của bè phái, thì họ cũng sẵn sàng che đậy những sự xa rời chủ nghĩa Mác, những sự xa rời hết sức nghiêm trọng!

*“Người vô sản”, số 33,
ngày 23 tháng Bảy
(5 tháng Tám) 1908*

*Theo đúng bản đăng trên
báo “Người vô sản”*

CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT HIẾU CHIẾN VÀ SÁCH LƯỢC CHỐNG CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI

I

Các nhà ngoại giao đều náo động. “Công hàm”, “báo cáo” và “tuyên bố” được phát ra tới tấp; các bộ trưởng thì thăm sau lưng bọn bù nhìn được phong vương, bọn này tay cầm cốc sâm-banh “đang củng cố hòa bình”. Nhưng “những thần dân” hiểu hết sức rõ ràng rằng, nếu lũ quạ bay quanh thì có nghĩa là thầy người chết đã bốc mùi. Và huân tước Crô-mơ thuộc phái bảo thủ tuyên bố tại nghị viện Anh rằng “chúng ta đang sống trong thời kỳ mà lợi ích dân tộc (?) bị uy hiếp, và dù nhà cầm quyền có những ý định hoà bình (!) như thế nào đi nữa, thì nhiệt tình vẫn bốc cháy, nguy cơ và khả năng nổ ra một cuộc xung đột vẫn xuất hiện”.

Gần đây, những chất dễ cháy đã được tích lũy khá nhiều và ngày càng tăng thêm. Cuộc cách mạng Ba-tư đang đe dọa đảo lộn tất cả những ranh giới — “những phạm vi ảnh hưởng” mà các cường quốc châu Âu đã dựng lên ở đó. Phong trào lập hiến ở Thổ-nhĩ-kỳ cũng đe dọa tước mất lãnh địa thế tập của bọn kẻ cướp tư bản chủ nghĩa châu Âu, và tiếp nữa là những “vấn đề” cũ đã trở nên trầm trọng và hiện nay trở thành nguy hiểm như vấn đề Ma-xê-đoan, vấn đề Trung Á và vấn đề Viễn Đông, v. v., v. v..

Trong khi đó, vì có mạng lưới các hiệp ước và hiệp định công khai và bí mật hiện nay, v. v., nên chỉ cần có một cái búng tay không đáng kể của một “cường quốc” nào đấy cũng đủ làm cho “từ tia lửa bùng lên thành ngọn lửa”.

Các chính phủ càng vung vũ khí lên để uy hiếp lẫn nhau bao nhiêu thì chúng càng đàn áp thẳng tay bấy nhiêu phong trào chống chủ nghĩa quân phiệt ở trong nước chúng. Việc truy nã những người chống chủ nghĩa quân phiệt phát triển cả về bề rộng lẫn bề sâu. Nội các “xã hội chủ nghĩa cấp tiến” Clê-măng-xô – Bri-ăng áp dụng bạo lực cũng chẳng kém gì nội các bảo thủ Bu-i-lốp của bọn gioong-ke. Việc giải tán “những tổ chức thanh niên” ở cả nước Đức do áp dụng một đạo luật mới về các hội và các cuộc họp, — đạo luật này cấm những thanh niên dưới 20 tuổi không được tham gia các cuộc họp chính trị, — làm cho công tác cổ động chống chủ nghĩa quân phiệt ở Đức gặp rất nhiều khó khăn.

Do đó, cuộc tranh luận của những người xã hội chủ nghĩa về sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt đã lắng đi kể từ Đại hội Stút-ga⁹⁶, lại trở nên sôi nổi trên báo chí của đảng.

Thoạt nhìn thì thấy đó là một hiện tượng kỳ lạ: tầm quan trọng của vấn đề đó hiển nhiên như vậy, tác hại của chủ nghĩa quân phiệt đối với giai cấp vô sản rõ ràng sờ sờ trước mắt như vậy, thế nhưng khó tìm thấy một vấn đề nào khác mà trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa phương Tây lại có sự dao động và bất đồng như trong những cuộc tranh luận về sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt.

Những tiên đề có tính nguyên tắc để giải quyết đúng đắn vấn đề nay đã được xác định từ lâu, hoàn toàn vững chắc và không gây nên những sự bất đồng ý kiến. Chủ nghĩa quân phiệt hiện đại là kết quả của chủ nghĩa tư bản. Trong

cả hai hình thức của nó, chủ nghĩa quân phiệt là “biểu hiện sinh động” của chủ nghĩa tư bản: là lực lượng quân sự mà các nước tư bản chủ nghĩa dùng trong những cuộc xung đột của chúng với nước ngoài (như người Đức gọi là: “Militarismus nach aussen”) và là vũ khí mà các giai cấp thống trị nắm lấy để đàn áp mọi loại phong trào (kinh tế và chính trị) của giai cấp vô sản (“Militarismus nach innen”). Những nghị quyết của một loạt đại hội quốc tế (Pa-ri năm 1889, Bruy-xen năm 1891, Xuy-rích năm 1893 và cuối cùng Stút-ga năm 1907) đã nói lên đầy đủ quan điểm đó⁹⁷. Nghị quyết của Đại hội Stút-ga đã xác định một cách hết sức đầy đủ mối quan hệ đó giữa chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa tư bản, tuy nhiên theo chương trình nghị sự (“Về những cuộc xung đột quốc tế”) thì Đại hội Stút-ga chú ý nhiều hơn đến cái mặt của chủ nghĩa quân phiệt mà người Đức gọi là “Militarismus nach aussen” (“đối ngoại”). Đây là đoạn nói đến vấn đề này trong nghị quyết đó: “Những cuộc chiến tranh giữa các nước tư bản chủ nghĩa thường thường là kết quả của cuộc cạnh tranh giữa các nước đó trên thị trường thế giới, bởi vì nước nào cũng ra sức chẳng những là đảm bảo cho mình những khu vực tiêu thụ, mà còn muốn chiếm lấy những khu vực mới, hơn nữa về phương diện này, sự nô dịch các dân tộc khác và các nước khác lại đóng vai trò chủ yếu. Sau đó những cuộc chiến tranh đó lại nổ ra do chủ nghĩa quân phiệt không ngừng vũ trang quân sự, chủ nghĩa quân phiệt là công cụ chủ yếu của sự thống trị của giai cấp tư sản và của sự áp chế giai cấp công nhân về mặt chính trị.

Những thành kiến dân tộc cũng tạo điều kiện thuận lợi cho chiến tranh, những thành kiến này được nuôi dưỡng thường xuyên tại những nước văn minh vì lợi ích của các giai cấp thống trị, nhằm làm cho quần chúng vô sản không chú ý tới những nhiệm vụ giai cấp của bản thân họ và quên mất nghĩa vụ đoàn kết giai cấp quốc tế.

Như vậy, chiến tranh bắt nguồn từ chính bản chất của chủ nghĩa tư bản: chiến tranh chỉ chấm dứt khi chế độ tư bản không còn tồn tại nữa, hoặc là khi những hy sinh lớn lao về người và của do sự phát triển về kỹ thuật quân sự gây ra và sự phẫn nộ của nhân dân do việc vũ trang gây ra, dẫn tới việc thủ tiêu chế độ đó.

Giai cấp công nhân, là giai cấp cung cấp đại bộ phận binh sĩ và cũng là giai cấp chịu đựng đại bộ phận những hy sinh về vật chất, nên tất nhiên đặc biệt chống lại chiến tranh, vì chiến tranh đối lập với mục đích mà họ theo đuổi: xây dựng một chế độ kinh tế trên cơ sở nguyên tắc xã hội chủ nghĩa, chế độ này sẽ thực hiện được sự đoàn kết các dân tộc”...

II

Như vậy là đối với những người xã hội chủ nghĩa, mối liên hệ về nguyên tắc giữa chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa tư bản đã được xác định vững vàng, và về vấn đề này, không có sự bất đồng nào cả. Nhưng thừa nhận mối liên hệ đó cũng chưa xác định được một cách cụ thể *sách lược* của những người xã hội chủ nghĩa nhằm chống chủ nghĩa quân phiệt và chưa giải quyết được vấn đề thực tiễn là đấu tranh chống gánh nặng của chủ nghĩa quân phiệt như thế nào và ngăn chặn chiến tranh như thế nào. Và chính trong cách giải đáp những vấn đề nói trên, mà bộc lộ những sự bất đồng quan trọng về quan điểm trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội Stút-ga, người ta có thể thấy được một cách đặc biệt rõ ràng những sự bất đồng ý kiến đó.

Những người dân chủ-xã hội Đức kiểu Phôn-ma đứng về một cực. Họ lập luận rằng, vì chủ nghĩa quân phiệt là con đẻ của chủ nghĩa tư bản, vì chiến tranh là người bạn đường tất nhiên của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản,

nên không cần tiến hành một hoạt động đặc biệt nào chống chủ nghĩa quân phiệt. Chính Phôn-ma đã tuyên bố như vậy tại đại hội đảng ở Ét-xen. Về vấn đề những người dân chủ - xã hội cần xử sự như thế nào trong trường hợp tuyên chiến, thì đa số những người dân chủ - xã hội Đức, đứng đầu là Bê-ben và Phôn-ma, kiên trì lập trường là những người dân chủ - xã hội phải bảo vệ tổ quốc của mình chống lại cuộc tấn công và có nghĩa vụ tham gia cuộc chiến tranh “tự vệ”. Quan điểm đó đã dẫn Phôn-ma đến chỗ tuyên bố tại Stút-ga rằng “toàn bộ lòng yêu nhân loại cũng không thể ngăn cản chúng ta thành những người Đức tốt”, và đại biểu dân chủ - xã hội Nô-xkê tuyên bố tại quốc hội rằng nếu có chiến tranh chống lại nước Đức thì “những người dân chủ - xã hội sẽ không thua kém gì các đảng tư sản, và sẽ vác súng lên vai”; và từ đó Nô-xkê chỉ cần tiến thêm một bước là có thể tuyên bố rằng: “Chúng ta muốn rằng nước Đức được vũ trang đến tột bậc”.

Một nhóm ít người thuộc phái Éc-vê lại đứng về một cực khác. Phái Éc-vê lập luận rằng giai cấp vô sản không có tổ quốc. Như thế có nghĩa là tất cả và bất kỳ cuộc chiến tranh nào cũng đều vì lợi ích của bọn tư bản; có nghĩa là giai cấp vô sản phải đấu tranh chống mọi cuộc chiến tranh. Đối với bất kỳ cuộc tuyên chiến nào, giai cấp vô sản cũng phải chống lại bằng cuộc bãi công phản chiến và khởi nghĩa. Việc tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt chủ yếu là phải tập trung vào mặt đó. Vì vậy, tại Stút-ga, Éc-vê đưa ra bản dự thảo nghị quyết như sau: “... Đại hội kêu gọi dùng cuộc bãi công phản chiến và khởi nghĩa để chống lại *mọi cuộc tuyên chiến, không kể là cuộc tuyên chiến đó từ đâu đến*”.

Đó là hai lập trường “cực đoan” về vấn đề này trong hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa phương Tây. “Như mặt trời thu hẹp trong một giọt nước”, hai lập trường đó phản ánh hai bệnh vẫn đang gây tác hại cho hoạt động của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa ở phương Tây: một mặt

là những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mặt khác là những lời ba hoa vô chính phủ.

Trước hết hãy nêu một số nhận xét về chủ nghĩa yêu nước. “Giai cấp vô sản không có tổ quốc”, đúng là điều đó có nói trong “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”; nhưng cũng đúng là lập trường của Phôn-ma, Nô-xkê và đồng bọn đã “đánh vào” quan điểm cơ bản đó của chủ nghĩa xã hội *quốc tế*. Nhưng từ đó cũng không được kết luận rằng luận điểm của Éc-vê và đồng bọn là đúng khi họ khẳng định rằng đối với giai cấp vô sản thì dù họ sống ở nước nào cũng không thành vấn đề: ở nước Đức quân chủ, hay ở nước Pháp cộng hoà, hay ở nước Thổ-nhĩ-kỳ chuyên chế. Tổ quốc, nghĩa là hoàn cảnh chính trị, văn hoá và xã hội, là một nhân tố mạnh mẽ nhất trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản; và nếu Phôn-ma không đúng khi xác định cho giai cấp vô sản thái độ của “người Đức chân chính” nào đó đối với “tổ quốc”, thì Éc-vê cũng không đúng khi đề cập đến một nhân tố quan trọng như vậy đối với cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản một cách cũng thiếu tinh thần phê phán đến mức không thể tha thứ được. Giai cấp vô sản không thể có thái độ thờ ơ và lãnh đạm đối với những điều kiện chính trị, xã hội và văn hoá của cuộc đấu tranh của mình, do đó cũng không thể thờ ơ đối với vận mệnh của đất nước mình. Nhưng nếu họ quan tâm đến vận mệnh của đất nước mình thì cũng chỉ trong *chừng mực* điều đó có quan hệ đến cuộc đấu tranh giai cấp của họ, chứ không phải vì một thứ “chủ nghĩa yêu nước” tư sản nào đó hoàn toàn vô sử khi thốt ra từ mồm những người dân chủ - xã hội.

Một vấn đề khác phức tạp hơn, đó là vấn đề thái độ đối với chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh. Thoạt mới nhìn cũng thấy rõ là Éc-vê lẫn lộn hai vấn đề đó một cách không thể tha thứ được, quên mất mối liên hệ nhân quả giữa chiến tranh và chủ nghĩa tư bản; nếu thừa nhận sách lược của

Éc-vê thì giai cấp vô sản sẽ tự buộc mình phải làm một công việc vô ích: giai cấp vô sản sẽ dùng toàn bộ sự sẵn sàng chiến đấu của mình (chính là nói về khởi nghĩa) để đấu tranh chống lại những hậu quả (tức là chiến tranh), và để cho nguyên nhân (tức là chủ nghĩa tư bản) tồn tại.

Phương pháp tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ ở đây đã bộc lộ hoàn toàn rõ rệt. Tin tưởng mù quáng vào sức mạnh kỳ diệu của mọi action directe¹⁾; tách “hành động trực tiếp” đó khỏi tình hình chính trị và xã hội chung mà không có một chút phân tích dù hết sức qua loa nào về tình hình; tóm lại, rõ ràng là “giải thích các hiện tượng xã hội một cách máy móc và tùy tiện” (theo cách nói của C. Liép-nêch).

Kế hoạch của Éc-vê “rất đơn giản”: vào ngày tuyên chiến những binh sĩ là người xã hội chủ nghĩa sẽ đào ngũ, còn những quân nhân dự bị sẽ tuyên bố bãi công và ngồi ở nhà. Nhưng “cuộc bãi công của những quân nhân dự bị không phải là sự phản kháng tiêu cực: giai cấp công nhân có thể nhanh chóng chuyển sang cuộc kháng cự công khai, sang khởi nghĩa, và cuộc khởi nghĩa này sẽ có nhiều cơ hội thắng lợi vì quân đội tác chiến sẽ đến đóng ở biên giới đất nước” (G. Hervé. “Leur patrie”²⁾).

Đó chính là cái “kế hoạch thực tế, trực tiếp và thực tiễn”, và vì tin chắc vào sự thành công của kế hoạch đó nên Éc-vê đề nghị dùng bãi công phản chiến và khởi nghĩa để đối phó với mọi cuộc tuyên chiến.

Như vậy, rõ ràng là vấn đề ở đây không phải là xét xem giai cấp vô sản, khi thấy là hợp lý, có thể dùng bãi công và khởi nghĩa để đối phó lại cuộc tuyên chiến hay không. Cuộc tranh luận diễn ra là ở chỗ giai cấp vô sản có bắt buộc phải dùng khởi nghĩa để đối phó lại *mọi* cuộc chiến

1) – hành động trực tiếp

2) – G. Éc-vê. “Tổ quốc của họ”

tranh hay không. Nếu trả lời có thì có nghĩa là tước bỏ của giai cấp vô sản khả năng lựa chọn thời điểm mở một trận đánh quyết định và để lại cho kẻ thù cái khả năng lựa chọn thời điểm đó; có nghĩa là không phải giai cấp vô sản lựa chọn thời điểm đấu tranh phù hợp với lợi ích của mình, lúc mà ý thức xã hội chủ nghĩa chung của mình đã cao, lúc mà trình độ tổ chức của mình đã vững vàng, lúc mà thời cơ thuận lợi, v. v.; không phải như vậy, các chính phủ tư sản có thể khiêu khích giai cấp vô sản đứng lên khởi nghĩa ngay cả khi những điều kiện khởi nghĩa không thuận lợi, ví dụ gây ra một cuộc chiến tranh đặc biệt có khả năng kích động lòng yêu nước và ý thức sô-vanh của các tầng lớp dân cư rộng rãi, và như vậy là cô lập giai cấp vô sản đã đứng lên khởi nghĩa. Cũng cần phải thấy rằng giai cấp tư sản, kể từ nước Đức quân chủ đến nước Pháp cộng hòa và nước Thụy-sĩ dân chủ, trong thời bình đã đàn áp một cách tàn khốc hoạt động chống chủ nghĩa quân phiệt, thì trong trường hợp xảy ra chiến tranh, vào lúc những đạo luật thời chiến, lệnh giới nghiêm và những tòa án quân sự - đã chiến, v. v. được áp dụng, giai cấp tư sản cũng sẽ điên cuồng đàn áp mọi mưu toan bãi công phản chiến.

Khi nói đến tư tưởng của Éc-vê, Cau-xky nói đúng rằng: “Tư tưởng bãi công phản chiến được nảy sinh do những động cơ “tốt”, nó là cao thượng và đầy tinh thần anh dũng, nhưng nó là một sự ngu xuẩn có tính chất anh dũng”.

Giai cấp vô sản có thể đối phó với việc tuyên chiến bằng bãi công phản chiến, nếu thấy làm như vậy là hợp lý và thích đáng; giai cấp vô sản có thể dùng thủ đoạn bãi công phản chiến bên cạnh những thủ đoạn khác, để đưa cách mạng xã hội đến thành công. Nhưng nếu tự trói mình vào cái “phương thuốc sách lược” ấy, thì lại là không phù hợp với lợi ích của giai cấp vô sản.

Chính Đại hội quốc tế Stút-ga đã trả lời như vậy cho vấn đề được tranh luận đó.

III

Nhưng nếu các quan điểm của phái Éc-vê là một “sự ngu xuẩn có tính chất anh dũng”, thì lập trường của Phôn-ma, Nô-xkê và những người cùng tư tưởng của họ trong “cánh hữu” lại là một sự hèn nhát cơ hội chủ nghĩa. Tại Stút-ga và đặc biệt tại Ét-xen, họ lập luận như thế này: vì chủ nghĩa quân phiệt là con đẻ của chủ nghĩa tư bản và cùng mất đi với chủ nghĩa tư bản, nên không cần tiến hành một cuộc cổ động đặc biệt nào chống chủ nghĩa quân phiệt: điều đó không nên làm. Nhưng có những người phản đối họ tại Stút-ga rằng: thế nhưng, nếu chế độ tư bản chủ nghĩa còn tồn tại thì việc giải quyết một cách triệt để vấn đề công nhân và phụ nữ chẳng hạn, cũng không thể làm được; vậy mà chúng ta đấu tranh cho bộ luật công nhân, cho việc mở rộng quyền công dân của phụ nữ, v. v.. Quân đội ngày càng can thiệp nhiều hơn vào cuộc đấu tranh giữa lao động và tư bản và tầm quan trọng của chủ nghĩa quân phiệt, không những trong cuộc đấu tranh hiện nay của giai cấp vô sản mà còn trong cuộc đấu tranh trong tương lai của giai cấp vô sản, trong thời kỳ cách mạng xã hội, ngày càng rõ rệt hơn, nên cuộc tuyên truyền đặc biệt chống chủ nghĩa quân phiệt càng phải được tiến hành một cách kiên quyết hơn.

Một cuộc tuyên truyền đặc biệt chống chủ nghĩa quân phiệt chẳng những về nguyên tắc được chứng minh là cần thiết, mà về mặt kinh nghiệm lịch sử cũng quan trọng. Về mặt này, nước Bỉ đã đi trước các nước khác. Đảng công nhân Bỉ, ngoài công tác tuyên truyền chung về tư tưởng chống chủ nghĩa quân phiệt, đã tổ chức những nhóm thanh niên xã hội chủ nghĩa lấy tên là “Đội cận vệ thanh niên” (“Jeunes Gardes”). Các nhóm cùng trong một quận họp thành Hội liên hiệp của quận; tất cả các hội liên hiệp của quận họp thành Hội liên hiệp toàn quốc đứng đầu là “Tổng hội

đồng”. Các cơ quan ngôn luận của các “Đội cận vệ thanh niên” (“La jeunesse — c’est l’avenir”; “De Caserne”, “De Loteling”¹⁾, v. v.) phát hành tới hàng vạn số! Trong số các hội liên hiệp đó thì Hội liên hiệp Va-lô-ni là mạnh nhất, bao gồm tới 62 nhóm địa phương với 1 vạn hội viên; hiện nay “Đội cận vệ thanh niên” có tất cả là 121 nhóm địa phương.

Ngoài việc cổ động bằng sách vở, báo chí, việc cổ động miệng cũng được tiến hành ráo riết: trong tháng Giêng và tháng Chín (tức là những tháng nhập ngũ), tại những thành phố chính ở Bỉ có tổ chức những cuộc hội nghị nhân dân và những cuộc biểu tình; những diễn giả là người xã hội chủ nghĩa đứng trước cửa các tòa thị chính, ở ngoài trời, giải thích cho những tân binh hiểu ý nghĩa của chủ nghĩa quân phiệt. Trực thuộc “Tổng hội đồng” của “Đội cận vệ thanh niên”, có thành lập một “Ủy ban khiêu tổ” có trách nhiệm thu thập những tin tức về tất cả những hành động bất công xảy ra tại các trại lính. Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, báo “Le peuple”⁹⁸, hàng ngày đăng những tin tức đó trong mục “Trong quân đội”. Việc tuyên truyền chống chủ nghĩa quân phiệt không ngừng lại ở cửa các doanh trại, những binh sĩ là người xã hội chủ nghĩa thành lập những nhóm để tuyên truyền trong nội bộ quân đội. Hiện nay những nhóm như vậy (những “hội binh sĩ”) có khoảng chừng 15 nhóm.

Ở Pháp*, Thụy-sĩ, Áo và các nước khác, người ta cũng theo gương nước Bỉ, tiến hành công tác tuyên truyền chống

* Điểm đặc biệt đáng chú ý là ở Pháp có cái tổ chức gọi là “những đồng xu gửi cho binh sĩ”: mỗi công nhân hàng tuần nộp cho thư ký tổ chức của mình một xu; số tiền quyên được bằng cách đó sẽ gửi cho binh sĩ để “nhắc nhở rằng dù khoác bộ áo lính, nhưng họ vẫn thuộc giai cấp bị bóc lột, và dù trong hoàn cảnh nào họ cũng không được quên điều đó”.

1) — “Thanh niên là tương lai”; “Trại lính”, “Người tân binh”

chủ nghĩa quân phiệt, với một mức độ mạnh mẽ và những hình thức tổ chức khác nhau tùy từng nước.

Như vậy chẳng những sự hoạt động đặc biệt chống chủ nghĩa quân phiệt là đặc biệt cần thiết, mà còn hợp lý và có kết quả về mặt thực tiễn. Vì Phôn-ma chống lại hoạt động này, viện lẽ rằng trong điều kiện cảnh sát ở Đức không thể tiến hành được hoạt động đó, rằng như vậy sẽ có nguy cơ làm tan vỡ các tổ chức đảng, nên vấn đề chung quy là ở chỗ phân tích cụ thể những điều kiện của nước nào đó. Đó là vấn đề thực tế, không phải là vấn đề nguyên tắc. Mặc dù về điểm này, nhận xét của Giô-re-xơ là đúng khi nói rằng Đảng dân chủ - xã hội Đức trong thời thanh xuân đã chịu đựng nổi bàn tay sắt của bá tước Bi-xmác trong thời kỳ khó khăn, thời kỳ áp dụng đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, thì ngày nay, do trưởng thành và vững mạnh chưa từng thấy, đảng đó có thể không sợ những vụ đàn áp của những kẻ cầm quyền hiện nay. Nhưng Phôn-ma đã hết sức sai lầm khi ông ta tìm cách dựa vào lý lẽ cho rằng việc tuyên truyền đặc biệt chống chủ nghĩa quân phiệt là không hợp lý về nguyên tắc.

Quan điểm của Phôn-ma và những người cùng tư tưởng với Phôn-ma cho rằng những người dân chủ - xã hội phải tham gia cuộc chiến tranh tự vệ cũng là cơ hội chủ nghĩa. Lời phê bình xuất sắc của Cau-xky đã đập tan những quan điểm đó. Cau-xky đã vạch rõ là đôi khi và đặc biệt trong những lúc tình thần yêu nước lên đến cao độ, hoàn toàn không thể phân biệt cuộc chiến tranh nào đó xảy ra vì mục đích tự vệ hay mục đích tiến công (Cau-xky đã dẫn ra ví dụ này: lúc khởi đầu cuộc chiến tranh Nga - Nhật thì nước Nhật ở vào địa vị tiến công hay tự vệ?). Những người dân chủ - xã hội sẽ bị bối rối trong mạng lưới những cuộc đàm phán ngoại giao, nếu họ nghĩ rằng có thể căn cứ vào dấu hiệu đó để xác định thái độ của họ đối với chiến tranh. Thậm chí những người dân chủ - xã hội có thể làm

vào tình trạng là đòi hỏi mở một cuộc chiến tranh tấn công. Năm 1848 (bạn Éc-vê cần phải nhớ điều này) Mác và Ăng-ghe-nơ cho rằng cuộc chiến tranh của nước Đức chống nước Nga là cần thiết. Sau đó, Mác và Ăng-ghe-nơ cố gắng tác động đến dư luận xã hội ở Anh để thúc đẩy nước Anh gây chiến với Nga. Đồng thời, Cau-xky nêu lên ví dụ có tính chất giả thuyết như sau: “Giả định rằng, — Cau-xky nói, — phong trào cách mạng ở Nga giành được thắng lợi, và do ảnh hưởng của thắng lợi đó, chính quyền ở Pháp chuyển vào tay giai cấp vô sản; mặt khác, giả định rằng một khối liên minh các nước quân chủ châu Âu được thành lập để chống lại nước Nga mới. Nếu nước cộng hòa Pháp lúc đó giúp đỡ nước Nga, thì phái dân chủ - xã hội quốc tế có phản đối không?” (C. Cau-xky. “Quan điểm của chúng tôi về chủ nghĩa yêu nước và chiến tranh”).

Rõ ràng là trong vấn đề này (cũng như trong quan điểm về “chủ nghĩa yêu nước”) không phải tính chất tự vệ hay tiến công của chiến tranh, mà là những lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, hay nói cho rõ hơn, lợi ích của phong trào quốc tế của giai cấp vô sản là quan điểm duy nhất có thể dựa vào đó để xem xét và giải quyết vấn đề thái độ của đảng dân chủ - xã hội đối với hiện tượng này nọ trong các quan hệ quốc tế.

Bài phát biểu mới đây của Giô-re-xơ đã chứng minh rằng chủ nghĩa cơ hội có thể đạt tới những đỉnh cao như thế nào cũng trong những vấn đề đó. Khi phát biểu quan điểm của mình về tình hình quốc tế trên một tờ báo tư sản - tự do chủ nghĩa Đức, Giô-re-xơ đã bênh vực sự liên minh của Pháp và Anh với Nga, chống lại những lời buộc tội khối liên minh đó là có ý đồ chống lại hòa bình, coi khối liên minh đó là một “đảm bảo cho hòa bình”, Giô-re-xơ chào mừng sự kiện là “hiện nay chúng ta được chứng kiến cái cảnh hai kẻ thù cũ là Nga và Anh liên minh với nhau”.

Trong “Bức thư ngỏ” gửi Giô-re-xơ đăng trong số mới

đây của tờ “Neue Zeit”, R. Lúc-xăm-bua đã đánh giá một cách xuất sắc quan điểm đó và phản đối kịch liệt Giô-re-xơ.

Trước hết, R. Lúc-xăm-bua nhận xét rằng, nói đến khối liên minh của “Nga” và “Anh” tức là “nói theo giọng của những chính khách tư sản”, vì trong chính sách đối ngoại, lợi ích của các nhà nước tư bản và lợi ích của giai cấp vô sản là đối lập nhau, và không thể nói đến sự hòa hợp các lợi ích trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại. Nếu chủ nghĩa quân phiệt là con đẻ của chủ nghĩa tư bản thì không thể tiêu diệt được chiến tranh bằng những mưu kế của những nhà cầm quyền và các nhà ngoại giao, và nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa là không được gieo rắc ảo tưởng về vấn đề này, mà trái lại không ngừng vạch trần tính chất đạo đức giả và bất lực của những “hoạt động” ngoại giao “hòa bình”.

Nhưng điểm trung tâm của “bức thư” là việc đánh giá khối liên minh của Anh và Pháp với Nga, được Giô-re-xơ tán dương. Giai cấp tư sản châu Âu đã giúp cho chế độ Nga hoàng có khả năng đánh lùi cuộc tiến công của cách mạng. “Ngày nay, chế độ chuyên chế tìm cách biến thắng lợi tạm thời đối với cách mạng thành thắng lợi vĩnh viễn, trước hết nó áp dụng thủ đoạn đã được thử thách của tất cả những chế độ chuyên chế lung lay, nhằm giành được những thắng lợi về chính sách đối ngoại”. Hiện nay, tất cả mọi khối liên minh với nước Nga đều có nghĩa là “một sự liên minh thần thánh giữa giai cấp tư sản Tây Âu và phe phản cách mạng Nga, những kẻ đàn áp, những tên đao phủ đối với những chiến sĩ Nga và Ba-lan đấu tranh cho tự do; các khối liên minh đó có nghĩa là sự củng cố của chế độ phản động đẫm máu nhất không riêng gì trong nội bộ nước Nga, mà cả trong các quan hệ quốc tế nữa”. “Vì vậy nhiệm vụ sơ đẳng nhất của những người xã hội chủ nghĩa và những người vô sản ở tất cả các nước là phải

đem hết sức ra ngăn chặn những khối liên minh với nước Nga phản cách mạng”.

R. Lúc-xăm-bua hỏi Giô-re-xơ: “Làm sao có thể tự giải thích được rằng, chính ông, người trước đây đã đọc tại nghị viện Pháp một bài diễn văn xuất sắc chống việc nước Nga vay tiền; chính ông, người trước đây vài tuần đã đăng trên tờ “L’Humanité” của ông lời nhiệt liệt kêu gọi dư luận xã hội chống lại hành vi đâm máu của các tòa án quân sự ở nước Ba-lan thuộc Nga, thế mà ông lại cố gắng “một cách hết sức kiên quyết” để biến chính phủ của những tên đao phủ đâm máu đối với cách mạng Nga và cuộc khởi nghĩa Ba-tư thành một nhân tố có ảnh hưởng tới nền chính trị châu Âu, biến những giá treo cổ ở Nga thành những cột trụ của nền hòa bình thế giới? Làm sao có thể điều hòa được những kế hoạch hòa bình của ông, dựa trên khối liên minh Pháp - Nga và Anh - Nga, với sự phản kháng gần đây của đảng đoàn nghị viện của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp và của tiểu ban hành chính của Hội đồng toàn quốc Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, chống lại việc Phan-li-e sang thăm nước Nga, với bản kháng nghị mà ông đã ký tên và trong đó dùng những lời lẽ sôi nổi để bảo vệ lợi ích của cách mạng Nga. Nếu tổng thống nước Cộng hòa Pháp muốn dẫn ra quan điểm của ông về tình hình quốc tế, thì có thể tuyên bố về bản kháng nghị của ông như sau: ai tán thành mục đích thì cũng phải tán thành thủ đoạn, ai coi việc liên minh với nước Nga Nga hoàng là một sự hòa hợp của nền hòa bình thế giới, thì phải thừa nhận tất cả cái gì củng cố được sự liên minh đó và dẫn tới hữu nghị.

Nếu trước đây ở Đức, ở Nga, ở Anh lại có những người xã hội chủ nghĩa và những người cách mạng “vì lợi ích hòa bình” đã khuyên nên liên minh với chính phủ phục hưng hay với chính phủ Chi-e và Giuy-lơ Pha-vrơ, và lấy uy tín về đạo đức của mình để che chở cho sự liên minh đó, thì ông sẽ nói sao?!!...”

Bức thư đó tự nó đã nói quá rõ ràng rồi và những người dân chủ - xã hội Nga chỉ có thể hoan nghênh đồng chí R. Lúc-xăm-bua về sự phản kháng của đồng chí và về việc bảo vệ cách mạng Nga trước giai cấp vô sản quốc tế.

“Người vô sản” số 33,
ngày 23 tháng Bảy
(5 tháng Tám) 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo “Người vô sản”

HỘI NGHỊ TOÀN THỂ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI
NGA⁹⁹

11 - 13 (24 - 26) THÁNG TÁM 1908

In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV

Theo đúng bản thảo

1
**TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TRIỆU TẬP
 HỘI NGHỊ TOÀN THỂ
 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Tuyên bố:

Do có những mưu toan che giấu điểm xuất phát của vụ xảy ra khi thảo luận, tôi kiên quyết tuyên bố rằng ngay từ đầu tôi đã nói hoàn toàn rõ ràng như sau:

Theo thông báo của Gri-gô-ri, thì Ê-dơ-ra đã viết cho ông ta rằng *người em phủ nhận Existenzrecht¹⁾ của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương*. Như vậy thông báo đó, được Gri-gô-ri xác nhận hoàn toàn, và rõ ràng là không bị Ê-dơ-ra bác bỏ, là hành vi *khô ng hợp lệ* của phái men-sê-vích và là sự thảo luận không hợp lệ của Ban chấp hành trung ương của phái Bun về vấn đề đó. Do đó tôi đòi phải tìm lại nguyên bản bức thư đó.

Lê-nin

*Đưa ra ngày 12 (25)
 tháng Tám 1908*

1) – quyền tồn tại

2

**DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH
VỀ VỤ XẢY RA KHI BÀN VỀ
VIỆC TRIỆU TẬP
HỘI NGHỊ TOÀN THỂ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

Ban chấp hành trung ương giao cho Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương làm một báo cáo đặc biệt tỉ mỉ về cái gọi là vụ xảy ra khi bàn về việc triệu tập hội nghị toàn thể, về những bức thư của Ê-dơ-ra, về các tuyên bố của Pi-ốt và về tất cả những cuộc tranh luận, để bản báo cáo đó được giữ lại trong lưu trữ của Ban chấp hành trung ương, và giao cho Ban chấp hành trung ương với thành phần thu hẹp được công bố bản báo cáo đó khi cần thiết.

*Đưa ra ngày 13 (26)
tháng Tám 1908*

3

**DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC TỔ CHỨC
BỘ PHẬN Ở NƯỚC NGOÀI
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

1) Những nhóm dân chủ - xã hội ở nước ngoài được thừa nhận là những nhóm trợ giúp Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

2) Ban chấp hành trung ương bổ nhiệm Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương mới gồm 10 người. Khi không có hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương thì việc bổ tuyển hoặc thay thế chỉ được tiến hành theo sự phê chuẩn của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương.

3) Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương phục vụ các nhu cầu của các nhóm trợ giúp ở nước ngoài và thực hiện những sự ủy nhiệm của toàn đảng do Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương đề ra.

4) Trong Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương có một ủy viên Ban chấp hành trung ương (theo sự bổ nhiệm của hội nghị toàn thể hoặc Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương) có quyền veto.

5) Trong tương lai gần nhất, dưới sự kiểm soát của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương, nếu có thể sẽ tổ chức đại hội tất cả các nhóm trợ giúp ở nước ngoài.

6) Điều lệ đại hội do Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương phê chuẩn.

7) Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương được ủy nhiệm áp dụng mọi biện pháp để đại hội này thực hiện được sự thống nhất tất cả các nhóm dân chủ - xã hội của các dân tộc ở nước ngoài thành các nhóm thống nhất ở các địa phương trợ giúp Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Về vấn đề này Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương phải liên hệ với tất cả các Ban chấp hành trung ương của các tổ chức dân chủ - xã hội của các dân tộc.

8) Các nhóm nộp 85 - 90% thu nhập của mình vào quỹ của Ban chấp hành trung ương. Giải quyết việc chi trong trường hợp hết sức cần thiết (ví như chi cho những người lưu vong) là thuộc về Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương.

*Đưa ra ngày 13 (26)
tháng Tám 1908*

MỘT CUỘC BIỂU TÌNH VÌ HÒA BÌNH CỦA CÔNG NHÂN ANH VÀ ĐỨC¹⁰⁰

Như mọi người đều biết, báo chí tư sản ở Anh và Đức và đặc biệt là những tờ báo lá cải đã tiến hành từ lâu một cuộc vận động có tính chất sô-vanh, xúi giục nước này chống lại nước kia. Cuộc cạnh tranh giữa bọn tư bản Anh và Đức trên thị trường toàn thế giới ngày càng trở nên gay gắt. Địa vị đứng đầu trước đây và quyền thống trị độc tôn của Anh trên thị trường thế giới nay không còn nữa. Nước Đức trở thành một trong những nước tư bản chủ nghĩa phát triển đặc biệt nhanh chóng và những sản phẩm công nghiệp của nó ngày càng tìm được nơi tiêu thụ ở nước ngoài. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, cuộc đấu tranh để giành thuộc địa, những cuộc xung đột về quyền lợi buôn bán, bây giờ là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra chiến tranh. Và không lấy gì làm ngạc nhiên là bọn tư bản của cả hai nước đều cho rằng chiến tranh giữa Anh và Đức là không sao tránh được, và đại biểu bọn quân phiệt ở cả hai nước đều công khai mong muốn chiến tranh nổ ra. Bọn theo chủ nghĩa sô-vanh ở Anh muốn làm suy yếu kẻ cạnh tranh nguy hiểm của mình bằng cách tiêu diệt lực lượng hải quân của Đức khi nước Đức còn hết sức yếu hơn nước Anh trong lĩnh vực này. Bọn gioong-ke và tướng tá Đức, đứng đầu là tên lỗ mãng Vin-hem II, đều khao khát muốn đánh nước Anh, hy vọng có thể lợi dụng được ưu thế về lực lượng và mơ tưởng rằng nhờ tiếng vang của những

chiến thắng quân sự mà dập tắt được mối bất bình ngày càng tăng của quần chúng công nhân và cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt ở Đức.

Công nhân Anh và Đức quyết định công khai đấu tranh chống lại nguy cơ chiến tranh ngày càng tăng thêm. Từ lâu báo chí công nhân ở cả hai nước đã không ngừng đấu tranh chống lại chủ nghĩa sô-vanh và chủ nghĩa quân phiệt. Nhưng hiện nay, cần có một sự biểu thị ý chí của giai cấp công nhân một cách oai phong hơn là qua các cơ quan báo chí. Công nhân Anh đã quyết định cử một đoàn đại biểu đến Béc-ling để thông qua một cuộc biểu tình vĩ đại tỏ rõ sự quyết tâm nhất trí của giai cấp vô sản ở cả hai nước là lấy chiến tranh chống lại chiến tranh.

Cuộc biểu tình được tiến hành ở Béc-ling ngày chủ nhật 20 (7) tháng Chín. Lần này, đại biểu công nhân Anh có thể nói chuyện với giai cấp vô sản Béc-ling mà không gặp trở ngại gì. Hai năm trước đây, khi Gi. Giô-re-xơ nhân danh giai cấp công nhân Pháp quyết định phát biểu ý kiến trong một cuộc họp của đông đảo những người dân chủ - xã hội Béc-ling nhằm mục đích phản đối những kẻ theo chủ nghĩa sô-vanh của giai cấp tư sản, thì chính phủ Đức đã cấm ông ta nói chuyện với công nhân Đức. Lần này, chính phủ Đức không dám đuổi các đại biểu của giai cấp vô sản Anh.

Một cuộc hội nghị rất đông đảo của công nhân đã được triệu tập tại một trong những phòng họp lớn nhất của Béc-ling. Phòng họp đã chứa được 5 000 người, và hàng nghìn người phải đứng ở ngoài vườn và ở ngoài phố. Những công nhân được tuyển lựa có đeo băng đỏ ở cánh tay làm nhiệm vụ duy trì trật tự. Nhân danh toàn bộ giai cấp công nhân Đức được tổ chức về mặt chính trị và nghề nghiệp, đồng chí Lê-ghin, một lãnh tụ nổi tiếng của các công đoàn Đức (gọi là "công đoàn tự do", thực tế là công đoàn dân chủ - xã hội), đã chào mừng đoàn đại biểu Anh. Đồng chí Lê-ghin nói: 50 năm trước đây, công nhân Pháp và Anh đã biểu

tình ủng hộ hòa bình. Nhưng lúc bấy giờ, những người xã hội chủ nghĩa tiên phong chưa có quần chúng có tổ chức làm hậu thuẫn. Ngày nay, các công đoàn Anh và Đức có tất cả là $4\frac{1}{3}$ triệu đoàn viên. Nhân danh đạo quân đó, hôm nay, các đại biểu Anh và tất cả những người tham gia hội nghị Béc-ling phát biểu để tuyên bố rằng việc quyết định vấn đề chiến tranh hay hòa bình nằm trong tay giai cấp công nhân.

Trong bài đáp từ, đại biểu của công nhân Anh Mát-đi-xơn nghiêm khắc lên án chiến dịch có tính chất sô-vanh của giai cấp tư sản và chuyển "Thư của công nhân Anh gửi công nhân Đức"¹⁰¹ có chữ ký của 3 000 công nhân. Mát-đi-xơn nói rằng, trong số những người ký tên, có đại biểu của hai khuynh hướng của phong trào công nhân Anh (tức là của cả những người dân chủ - xã hội lẫn của những người ủng hộ "Đảng công nhân độc lập", chưa đứng trên quan điểm xã hội chủ nghĩa dù đôi chút triệt để). Trong thư nêu rõ rằng chiến tranh phục vụ lợi ích của các giai cấp hữu sản. Quần chúng công nhân phải chịu đựng mọi gánh nặng của chiến tranh; còn các giai cấp hữu sản thì kiếm lợi trên những đau khổ của nhân dân. Công nhân hãy đoàn kết lại để đấu tranh chống tập đoàn quân phiệt, để bảo vệ hòa bình!

Sau những bài diễn văn của các đại biểu Anh khác và của Ri-sa Phi-sơ, đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Đức, hội nghị kết thúc bằng việc nhất trí thông qua một nghị quyết nghiêm khắc lên án "chính sách ích kỷ và thiển cận của những giai cấp thống trị và bóc lột", và biểu thị sẵn sàng hành động theo quyết định của Đại hội quốc tế ở Stút-ga, tức là chống chiến tranh bằng mọi lực lượng và mọi biện pháp. Hội nghị giải tán một cách có trật tự và hát bài Mác-xây-e của công nhân. Không có biểu tình ngoài đường phố. Cảnh sát Béc-ling và những nhà đương cục quân sự địa phương bị bất ngờ. Đặc điểm của chế độ Đức là ngay đến cuộc biểu tình hòa bình nhất của công nhân cũng không tránh khỏi có cuộc thị uy của cảnh sát và quân đội. Các

đơn vị đóng ở Béc-lanh đã được động viên. Quân đội được bố trí theo kế hoạch chặt chẽ ở rất nhiều nơi trong thành phố, chủ yếu để mọi người khó thấy được quân đội nấp ở đâu và có bao nhiêu. Những đội tuần tiễu của cảnh sát đi khắp các phố và quảng trường gần phòng họp và đặc biệt là trên con đường từ phòng họp đến hoàng cung. Hoàng cung được bao bọc bằng một vòng đai thật sự của những cảnh sát mặc thường phục và những đơn vị quân đội đứng gác trong các sân hoàng cung. Cả một hệ thống canh phòng phức tạp của cảnh sát đã được tổ chức: tại các góc phố đều có các nhóm cảnh sát đứng, các sĩ quan cảnh sát được phái đến tất cả những nơi "quan trọng", những cảnh sát đi xe đạp làm nhiệm vụ trinh sát và báo cho các nhà đương cục quân sự về mỗi một bước đi của "kẻ địch", tại các cầu và bến sông đều bố trí ba chặng gác. Nói về tất cả những biện pháp đó của chính phủ Vin-hem II, tờ "*Vorwärts*"¹⁰² đã viết mỉa mai rằng: "Nên quân chủ bị uy hiếp đã được bảo vệ".

Về phần chúng tôi, chúng tôi xin bổ sung rằng: một cuộc diễn tập đã được tiến hành. Vin-hem II và giai cấp tư sản Đức đã diễn tập được cuộc đấu tranh vũ trang chống lại giai cấp vô sản khởi nghĩa. Vô luận thế nào, những loại diễn tập đó cũng có lợi cho quân chúng công nhân và binh sĩ. Ça ira (việc ấy sẽ tốt!), như đã nói trong một bài hát của công nhân Pháp. Những cuộc diễn tập tiếp sau hiện nay có thể còn rất chậm chạp nhưng chắc chắn sẽ dẫn đến một kết cục lịch sử vĩ đại.

*Viết khoảng giữa ngày 8 (21)
tháng Chín và 2 (15)
tháng Mười 1908*

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

LÉP TÔN-XTÔI, TẤM GƯƠNG PHẢN CHIẾU CÁCH MẠNG NGA

Mới thoạt nhìn, có thể dường như là kỳ lạ và gán ghép nếu đem đối chiếu tên tuổi của nhà văn vĩ đại với cuộc cách mạng mà rõ ràng là ông đã không hiểu và rõ ràng là ông đã xa lánh. Nếu một vật rõ ràng là không phản ánh được trung thực một hiện tượng thì làm thế nào mà gọi nó là tấm gương của hiện tượng đó được? Nhưng cuộc cách mạng của chúng ta là một hiện tượng cực kỳ phức tạp; trong đám đông những người trực tiếp thực hiện và tham gia cách mạng, có nhiều phần tử xã hội cũng hiển nhiên không hiểu được những việc đã xảy ra và cũng rời bỏ những nhiệm vụ lịch sử chân chính mà quá trình các sự biến đã đề ra cho họ. Và nếu trước mặt chúng ta là nhà nghệ sĩ thật sự vĩ đại, thì người đó phải phản ánh được trong các tác phẩm của mình ít ra là vài ba khía cạnh căn bản của cuộc cách mạng.

Báo chí hợp pháp Nga đăng nhan nhản những bài, những bức thư và tiểu luận viết trong dịp kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh của Tôn-xtôi, nhưng rất ít quan tâm phân tích những tác phẩm của ông xét về mặt tính chất cuộc cách mạng Nga và các động lực của nó. Tất cả những báo chí

đó đều sặc mùi đạo đức giả đến phát tởm lên được, đạo đức giả đó có hai loại: loại của chính phủ và loại của phái tự do. Loại thứ nhất là loại đạo đức giả thô bỉ của bọn bồi bút bán mình, hôm qua đây còn được lệnh đả kích L. Tôn-xtôi, nhưng hôm nay đã lại được lệnh cố sức tìm cho ra lòng yêu nước của Tôn-xtôi và cố giữ gìn lễ độ trước châu Âu. Bọn bồi bút loại đó được trả tiền để viết, điều đó ai cũng biết cả rồi, nên chúng không lừa được ai cả. Tinh vi hơn nhiều và, do đó, cũng có hại và nguy hiểm hơn nhiều, chính là loại đạo đức giả của phái tự do. Cứ nghe lời bọn Ba-la-lai-kin dân chủ - lập hiến trên báo "Ngôn luận", thì cảm tình của chúng đối với Tôn-xtôi là đầy đủ nhất và nồng nhiệt nhất. Thật ra, lối tán dương có tính toán đó và những lời lẽ văn hoa đó về "con người vĩ đại đi tìm Thượng đế" chỉ là những lời giả dối hoàn toàn, vì người thuộc phái tự do ở Nga không hề tin vào Thượng đế của Tôn-xtôi, cũng không hề đồng tình với việc Tôn-xtôi phê phán chế độ đương tồn tại. Người thuộc phái tự do đó bám lấy một tên tuổi có tiếng tăm để tăng thêm cái vốn liếng chính trị nhỏ bé của mình, để đóng vai trò thủ lĩnh của phe đối lập trong cả nước, anh ta cố khua môi múa mép âm lên để át cái yêu cầu phải trả lời thẳng và rõ ràng cho câu hỏi: do đâu mà có những mâu thuẫn gay gắt của "chủ nghĩa Tôn-xtôi"; những mâu thuẫn đó đã biểu hiện những khuyết điểm và nhược điểm nào của cuộc cách mạng của chúng ta?

Những mâu thuẫn trong các tác phẩm, các quan điểm, các học thuyết và trường phái của Tôn-xtôi quả thật là rõ ràng. Một mặt, là một nghệ sĩ thiên tài không những đã vẽ lên những bức tranh tuyệt vời về đời sống Nga, mà lại còn hiến cho văn học thế giới những tác phẩm bậc nhất. Mặt khác, lại là một địa chủ cuồng tín đạo Cơ-đốc. Một mặt thì phản đối một cách đặt biệt mạnh mẽ, trực tiếp và chân thành, chống thói giả dối và gian trá của xã

Следо Манейзон, как державно-русской
революции.

Самостоятельная мысль великого художника
и революционера, который он всегда не пошел, без
какой-либо он всегда ограничился, может быть
нельзя на первом этапе управления и конфе-
рэнции. Не является ли державно-русской, что
очевидно не отражает действительности?
Но наша революция — действительная
свободная; среди массы ее неадекватно-
вещь социализма и учредительного собрания
социалистических элементов, которые тоже св-
но не понимают происхождения, формы и
смысла и направления исторического
движения, но являются перед нами в своем со-
бытии. И если перед нами действительно

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin

"Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga". — 1908

Ảnh thu nhỏ

hội; mặt khác lại là một "con người kiểu Tôn-xtôi", nghĩa là một con người sướt mướt nhu nhược và điên loạn, mệnh danh là người trí thức Nga, công nhiên tự vỗ ngực mà nói: "tôi là một người tồi tệ, tôi là một người xấu xa, nhưng tôi đang lo tu dưỡng đạo đức; không ăn thịt nữa, và giờ đây tôi chỉ ăn cơm nắm". Một mặt thì phê phán thẳng tay chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa, vạch trần những hành vi bạo ngược của chính phủ, các trò hề của tòa án và của cơ quan quản lý của nhà nước, vạch trần toàn bộ tính chất sâu sắc của các mâu thuẫn giữa sự tăng thêm của cải và những thành tựu của văn minh với tình trạng cùng khổ, dốt nát và đau thương của quần chúng công nhân ngày càng tăng thêm; mặt khác lại là người thuyết giáo cuồng tín: "không nên" dùng bạo lực "chống lại điều ác". Một mặt là chủ nghĩa hiện thực sáng suốt nhất, là lột trần tất cả mọi thứ mặt nạ; mặt khác lại đem một trong những cái nhơ nhớp nhất trên đời ra thuyết giáo, tức là: tôn giáo, lại muốn đem thay thế những giáo trưởng làm công chức cho nhà nước bằng những giáo trưởng có đức tin, nghĩa là tuyên truyền cho chính sách ngu dân tinh vi nhất, và do đó, mà là bỉ ổi nhất. Thật là:

Nước Nga, mẹ của ta,

Mẹ cùng khổ, nhưng mẹ phong phú,

Mẹ hùng mạnh, nhưng mẹ bất lực!

Với những mâu thuẫn như thế, dĩ nhiên Tôn-xtôi không tài nào hiểu được phong trào công nhân và vai trò của phong trào đó trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, không tài nào hiểu được cách mạng Nga. Nhưng những mâu thuẫn trong quan điểm và học thuyết của Tôn-xtôi không phải là ngẫu nhiên mà có, mà là biểu hiện của những điều kiện đầy mâu thuẫn của đời sống ở Nga trong hơn 30 năm cuối thế kỷ XIX. Nông thôn kiểu gia trưởng, hôm qua vừa được giải thoát khỏi chế độ nông nô, thì lại bị trao ngay vào tay

tư bản và sở thuế để bị cướp bóc đến cùng cực. Những nền móng cũ của kinh tế nông dân và của đời sống nông dân, được duy trì thật sự qua hàng bao thế kỷ, đã bị phá hủy nhanh chóng lạ thường. Cho nên phải đánh giá những mâu thuẫn trong quan điểm của Tôn-xtôi không phải theo quan điểm phong trào công nhân hiện đại và chủ nghĩa xã hội hiện đại (đánh giá như vậy tất nhiên là cần thiết, nhưng chưa đủ), mà phải theo quan điểm chống lại chủ nghĩa tư bản đang tới gần, chống lại tình trạng quần chúng bị phá sản, bị mất hết ruộng đất, sự chống lại đó phải xuất phát từ nông thôn kiểu gia trưởng ở Nga. Tôn-xtôi làm cho người ta phải buồn cười, khi ông muốn làm nhà tiên tri tìm ra những phương thuốc mới để cứu loài người, — và vì thế những "môn đồ Tôn-xtôi" ở nước ngoài và ở Nga, muốn đem đúng ngay cái mặt yếu nhất của học thuyết Tôn-xtôi để làm thành giáo điều, thì quả thật là đáng thương. Tôn-xtôi vĩ đại là ở chỗ ông đã nói lên được những tư tưởng và những tâm trạng đã hình thành trong hàng triệu nông dân Nga khi bắt đầu cuộc cách mạng tư sản Nga. Tôn-xtôi độc đáo, vì toàn bộ quan điểm của ông, nhìn chung, đã diễn đạt chính những đặc điểm của cuộc cách mạng của chúng ta, là một cuộc cách mạng tư sản *nông dân*. Đúng về quan điểm đó mà xét, thì những mâu thuẫn trong quan điểm của Tôn-xtôi đã thực sự là tấm gương phản ánh những điều kiện mâu thuẫn trong đó đã diễn ra hoạt động lịch sử của nông dân trong cuộc cách mạng của chúng ta. Một mặt là hàng bao thế kỷ áp bức của chế độ nông nô và hàng mấy chục năm bị phá sản ngày càng nhanh tiếp theo sau cuộc cải cách, đã chồng chất như núi những căm thù, uất hận và quyết tâm tột bậc. Cái ý muốn quét sạch một cách triệt để cả giáo hội của nhà nước, lẫn bọn địa chủ và chính phủ của bọn địa chủ đó, thủ tiêu tất cả những hình thức và tục lệ cũ về chiếm hữu ruộng đất, dọn sạch ruộng đất, tạo ra một cộng đồng gồm những người tiểu nông tự do

và bình đẳng về quyền lợi để thay thế cái nhà nước cảnh sát có tính chất giai cấp, — ý muốn đó như sợi chỉ đỏ xuyên qua từng hoạt động lịch sử của nông dân trong cuộc cách mạng của chúng ta, và rõ ràng là nội dung tư tưởng của các tác phẩm của Tôn-xtôi phù hợp với cái ý muốn đó của nông dân nhiều hơn là phù hợp với cái "chủ nghĩa vô chính phủ Cơ-đốc giáo" trừu tượng, mà đôi khi người ta coi đó là "hệ thống" quan điểm của Tôn-xtôi.

Mặt khác, nông dân trong khi mong muốn có những hình thức cộng đồng mới, thì lại có thái độ thật là không giác ngộ, mang tính chất gia trưởng, mê muội đối với những vấn đề như: cộng đồng đó phải như thế nào, cần phải đấu tranh thế nào để giành lấy tự do, những người nào có thể là lãnh tụ của cộng đồng trong cuộc đấu tranh đó, giai cấp tư sản và trí thức tư sản có thái độ thế nào đối với lợi ích của cuộc cách mạng nông dân, tại sao cần phải dùng bạo lực đánh đổ chính quyền của Nga hoàng để thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của bọn địa chủ. Tất cả đời sống đã qua của nông dân đã dạy cho nông dân biết căm thù bọn lãnh chúa và bọn quan lại, nhưng không dạy cho họ và cũng không thể dạy cho họ biết phải tìm ở đâu ra lời giải đáp cho tất cả các câu hỏi đó. Trong cuộc cách mạng của chúng ta, một số ít nông dân đã thực sự đấu tranh, đã tự tổ chức nhau lại ít nhiều để đấu tranh, và một số rất ít đã đứng lên cầm vũ khí để tiêu diệt kẻ thù của mình, tiêu diệt những kẻ tội tở của Nga hoàng và những kẻ bảo vệ bọn địa chủ. Đại đa số nông dân thì khóc lóc và cầu khẩn, suy nghĩ lẩn thẩn và mơ mộng, viết đơn thỉnh cầu và cử "người đi van xin" — hoàn toàn theo tinh thần của Lép Ni-cô-lai-ê-vích Tôn-xtôi! Và cũng như thường thấy trong những trường hợp như thế, sự thờ ơ theo kiểu Tôn-xtôi đối với chính trị, sự từ bỏ theo kiểu Tôn-xtôi đối với chính trị, thái độ không quan tâm đến chính trị và không hiểu biết chính

trị, đã khiến cho chỉ có một số ít là đi theo giai cấp vô sản giác ngộ và cách mạng, còn số lớn thì trở thành miếng mồi của bọn trí thức tư sản có đầu óc nô lệ và không có nguyên tắc; bọn này, dưới danh hiệu là đảng viên dân chủ - lập hiến, đã chạy từ hội nghị của phái lao động đến châu chực ở phòng chờ nhà Xtô-lư-pin, xin xỏ, cò kè, thỏa hiệp và hứa hẹn thỏa hiệp — cho đến khi bị bọn lính đá đít đuổi đi. Những tư tưởng của Tôn-xtôi là tấm gương phản chiếu sự non yếu, những khuyết điểm của cuộc khởi nghĩa nông dân ở nước ta, là phản ánh sự nhu nhược của nông thôn gia trưởng và tính hèn nhát thâm căn cố đế của người "mu-gích căn cơ".

Hãy lấy thí dụ những cuộc khởi nghĩa của binh sĩ năm 1905 - 1906. Thành phần xã hội của những chiến sĩ ấy trong cuộc cách mạng của chúng ta là ở vào giữa nông dân và vô sản. Vô sản là số ít, cho nên phong trào trong quân đội không nêu ra được, dù chỉ là ang áng thôi, sự đoàn kết trên toàn nước Nga và cái ý thức đảng của giai cấp vô sản là giai cấp, hình như do phép thần thông, đã trở thành dân chủ - xã hội. Mặt khác, không có ý kiến nào sai hơn là ý kiến cho rằng binh sĩ khởi nghĩa thất bại là do không có sĩ quan chỉ huy. Trái lại, bước tiến khổng lồ của cách mạng, từ thời kỳ "Dân ý" tới nay, là ở chỗ chính "đám dân đen" đã cầm vũ khí chống lại những kẻ bề trên của họ, và tính độc lập của họ đã làm cho bọn địa chủ và bọn sĩ quan thuộc phái tự do phải khiếp sợ biết bao. Người binh sĩ có cảm tình chửa chan với sự nghiệp của nông dân; chỉ nghe nói đến ruộng đất là mắt anh ta sáng lên. Đã nhiều lần, trong quân đội, quyền bính lọt vào tay quần chúng binh sĩ, nhưng quyền bính đó hầu như vẫn chưa từng được sử dụng một cách cương quyết; binh sĩ dao động; sau một vài ngày, đôi khi sau một vài giờ, sau khi đã giết một tên chỉ huy nào đó mà họ căm ghét, họ thả những tên khác ra, họ thương thuyết với bọn chức trách, rồi sau đó lại bị bắn giết, đánh

đập, lại bị trừng ách vào cổ, — hoàn toàn theo tinh thần của Lép Ni-cô-lai-ê-vích Tôn-xtôi!

Tôn-xtôi đã phản ánh được mối căm thù chồng chất và khát vọng đã chín muồi về một tương lai tốt đẹp hơn, cái ý muốn thoát khỏi quá khứ, và cũng phản ánh cả sự chưa chín chắn của những ước mơ, sự thiếu tu dưỡng về chính trị, tình trạng thiếu ý chí cách mạng. Những điều kiện lịch sử và kinh tế đã giải thích cả sự cần thiết phải có cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, lẫn sự thiếu chuẩn bị của quần chúng cho cuộc đấu tranh đó, thái độ của Tôn-xtôi không chống lại điều ác, thái độ này là nguyên nhân nghiêm trọng nhất làm cho cuộc vận động cách mạng đầu tiên phải thất bại.

Người ta nói thất bại là một trường học hay cho quân đội. Dĩ nhiên nếu đem so sánh các giai cấp cách mạng với quân đội thì chỉ đúng theo một ý nghĩa rất hạn chế. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từng giờ làm biến đổi, làm trầm trọng thêm những điều kiện đã từng lôi cuốn vào cuộc đấu tranh cách mạng - dân chủ hàng bao nhiêu triệu nông dân đoàn kết với nhau bởi mối căm thù đối với bọn địa chủ - chủ nô và chính phủ của chúng. Ngay cả trong nông dân, sự trao đổi phát triển, sự thống trị của thị trường và thế lực đồng tiền mà tăng lên, thì những tập tục cũ của chế độ gia trưởng và hệ tư tưởng của chế độ gia trưởng theo kiểu Tôn-xtôi cũng dần dần mất đi. Nhưng những năm đầu tiên của cách mạng và của những thất bại đầu tiên trong cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng đã đem lại một thành quả chắc chắn là: tính nhu nhược, tính ươn hèn trước đây của quần chúng đã bị giáng một đòn chí tử. Đường ranh giới đã rõ rệt hơn. Các giai cấp và các đảng phái đã phân ranh giới. Nhờ nhát búa của những bài học Xtô-lư-pin, nhờ sự cố động bền bỉ và kiên định của những người dân chủ - xã hội cách mạng, nên không những giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, mà cả quần chúng dân chủ trong nông

dân, cũng nhất định sẽ sản sinh ra những chiến sĩ ngày càng được tôi luyện, và ngày càng ít có khả năng sa vào lối lầm lịch sử của những người theo chủ nghĩa Tôn-xtôi ở nước ta!

"Người vô sản", số 35, ngày 11
(24) tháng Chín 1908

Theo đúng bản thảo, có đối chiếu
với bài đăng trên báo "Người vô sản"

PHONG TRÀO SINH VIÊN VÀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

Sinh viên Trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua đã tuyên bố bãi khóa. Hàng loạt trường cao đẳng khác cũng hưởng ứng cuộc bãi khóa đó. Phong trào đã lan tới Mát-xcơ-va và Khác-cốp. Căn cứ vào những tin tức trên báo chí nước ngoài và báo chí Nga cũng như căn cứ vào những thư riêng viết từ nước Nga, chúng ta đang đứng trước một phong trào *có tính chất học viện* khá rộng rãi¹⁰³.

Hãy quay về quá khứ! Hãy quay về nước Nga trước cách mạng, — đó là điều mà những sự kiện đó đã xác nhận trước hết. Phái phản động cầm quyền vẫn đang khống chế các trường đại học như trước kia. Trong nước Nga chuyên chế, cuộc đấu tranh lâu dài chống lại các tổ chức sinh viên mang hình thức một chiến dịch của tên bộ trưởng Trăm đen Svác-tơ — hành động với sự thỏa thuận hoàn toàn của "thủ tướng" Xtô-lư-pin — chống lại quyền tự trị mà người ta đã hứa cho sinh viên từ mùa thu 1905 (hồi đó, dưới sự tấn công của giai cấp công nhân cách mạng cái gì mà chế độ chuyên chế chẳng "hứa hẹn" cho các công dân Nga!), — chống lại quyền tự trị mà sinh viên đã được hưởng chừng nào chế độ chuyên chế còn "chưa với tay tới sinh viên", quyền tự trị mà chế độ chuyên chế không thể không bắt đầu tước mất khi nó vẫn là chế độ chuyên chế.

Báo chí của phái tự do vẫn kêu la, than vãn như trước, — lần này cùng với một số người thuộc phái tháng Mười, —

các ngài giáo sư cũng kêu la, than vãn đồng thời van xin chính phủ đừng đi vào con đường phản động, mà cần lợi dụng thời cơ rất tốt để "bảo đảm hòa bình và trật tự bằng những cuộc cải cách" trong một "nước đã bị đau khổ vì những cuộc biến động", van xin giới sinh viên không nên có những phương pháp hành động vi phạm pháp luật chỉ tỏ tiếp tay cho phái phản động, v.v., v.v., v.v.. Thật là những điều cũ rích, nhàm tai, những điều đó làm sống lại trước mặt chúng ta cái không khí hai mươi năm trước đây, vào cuối những năm 80 thế kỷ trước! Sự giống nhau giữa thời kỳ đó và hiện nay thật là đặc biệt lạ lùng, nếu chúng ta xét thời kỳ hiện tại một cách riêng rẽ, không liên hệ gì với ba năm cách mạng vừa qua. Vì Đu-ma (thoạt nhìn) chỉ thể hiện một cách hơi khác một chút sự so sánh lực lượng hoàn toàn giống hệt trước cách mạng: sự thống trị của bọn địa chủ hung bạo, bọn này thích giao du và tác động đến triều đình thông qua anh em chúng là bọn quan lại hơn là bất cứ cơ quan đại biểu nào; — sự ủng hộ của thương nhân (phái thặng Mười) đối với cũng bọn quan lại đó, bọn thương nhân này không dám tách khỏi những ân nhân và chủ của chúng; — "sự đối lập" của những trí thức tư sản, những người này trước hết lo chứng minh được lòng trung thành của họ và gọi những lời khuyên nhủ chính quyền của bọn hữu sản là hoạt động chính trị của chủ nghĩa tự do. Những đại biểu công nhân tại Đu-ma thì nhắc nhở một cách hết sức yếu ớt về vai trò gần đây của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng công khai của mình.

Người ta tự hỏi rằng, trong những hoàn cảnh như vậy, liệu chúng ta có thể coi trọng ý nghĩa của những hình thức cũ của cuộc đấu tranh sơ khai có tính chất học viện của sinh viên không? Nếu phái tự do đã tự hạ xuống tới cái "chính trị" của những năm 80 (dĩ nhiên ở đây chỉ có thể nói đến chính trị một cách châm biếm), và Đảng dân chủ - xã hội cho rằng cần phải ủng hộ cuộc đấu tranh có tính chất học viện

bằng cách này hay cách khác, thì Đảng dân chủ - xã hội có hạ thấp nhiệm vụ của mình hay không?

Hình như vấn đề này đã được một số sinh viên dân chủ - xã hội ở nơi nào đó đặt ra. Ít ra thì ban biên tập tờ báo của chúng tôi cũng nhận được một bức thư của một nhóm sinh viên dân chủ - xã hội, trong đó có nói rằng:

"Cuộc mít-tinh của sinh viên Trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua ngày 13 tháng Chín đã quyết định kêu gọi sinh viên bãi khóa trên toàn nước Nga, lý do của lời kêu gọi này là sách lược xâm lược của Svác-tơ; cương lĩnh của cuộc bãi khóa có tính chất học viện, cuộc mít-tinh còn hoan nghênh những "bước đầu" của các hội đồng giáo sư Mát-xơ-va và Pê-téc-bua trong cuộc đấu tranh cho quyền tự trị. Đối với cương lĩnh có tính chất học viện mà cuộc mít-tinh ở Pê-téc-bua đã đề ra, chúng tôi thấy băn khoăn và nghĩ rằng trong những hoàn cảnh hiện nay, không thể thừa nhận được cương lĩnh đó và nó không thể tập hợp được giới sinh viên trong một cuộc đấu tranh tích cực và rộng rãi. Chúng tôi cho rằng cuộc đấu tranh của sinh viên chỉ có thể tiến hành được nếu nó phối hợp với hoạt động chính trị chung, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được tách biệt ra. Hiện nay chúng tôi không thấy một nhân tố nào có khả năng đoàn kết được sinh viên. Vì thế, chúng tôi tỏ ý phản đối hoạt động có tính chất học viện đó".

Sai lầm của những tác giả bức thư đó có ý nghĩa chính trị to lớn hơn rất nhiều so với điều người ta có thể nghĩ lúc đầu, vì lập luận của họ về thực chất đã đề cập tới một đề tài hết sức rộng lớn hơn và quan trọng hơn là vấn đề tham gia vào một cuộc bãi khóa.

"Chúng tôi cho rằng cuộc đấu tranh của sinh viên chỉ có thể tiến hành được nếu nó phối hợp với hoạt động chính trị chung. Vì thế, chúng tôi tỏ ý phản đối hoạt động có tính chất học viện đó".

Lập luận như vậy là hoàn toàn không đúng. Ở đây khẩu hiệu cách mạng — phải cố gắng phối hợp hoạt động chính trị của sinh viên với hoạt động chính trị của giai cấp vô sản, v.v., — không còn là một kim chỉ nam sinh động cho công tác cổ động ngày càng rộng lớn, ngày càng toàn diện, ngày

càng có tính chất chiến đấu, mà biến thành một giáo điều cứng đờ được áp dụng một cách máy móc cho các giai đoạn khác nhau của những hình thức khác nhau của phong trào. Chỉ tuyên bố phải tiến hành hoạt động chính trị phối hợp và nhắc lại "bài học mới nhất" trong những bài học cách mạng, thì không đủ. Để tiến hành hoạt động chính trị, phải *biết cổ* động và *lợi dụng* mọi khả năng, mọi điều kiện và trước hết, hơn hết là lợi dụng mọi cuộc xung đột có tính chất quần chúng giữa những phần tử tiên tiến này nọ với chế độ chuyên chế để tiến hành việc cổ động ấy. Đương nhiên, vấn đề không phải ở chỗ chúng ta phân chia trước mọi phong trào sinh viên thành những "giai đoạn" nhất thiết phải qua, nhất thiết theo dõi việc chuyển một cách đều đặn từng giai đoạn một và lo sợ việc chuyển sang hoạt động chính trị "không đúng lúc", v.v.. Quan điểm như vậy sẽ là một sự thông thái rỗng hết sức có hại và chỉ dẫn tới một thứ chính trị cơ hội chủ nghĩa. Nhưng sai lầm trái ngược lại cũng có hại như vậy, do khẩu hiệu bị hiểu sai theo ý nghĩa cứng đờ, mà không muốn đếm xỉa đến những tình huống và điều kiện thực tế đã hình thành của một phong trào quần chúng nhất định: áp dụng khẩu hiệu như vậy tất nhiên sẽ biến thành lời nói cách mạng suông.

Có thể có trường hợp một phong trào có tính chất học viện hạ thấp tính chất chính trị hoặc cắt xén nó hoặc rời bỏ nó, lúc đó, dĩ nhiên các nhóm sinh viên dân chủ - xã hội sẽ có nhiệm vụ tập trung mọi công tác cổ động của mình chống lại phong trào đó. Nhưng hiện nay, mọi người đều thấy rằng điều kiện chính trị khách quan đã khác: ngày nay, phong trào có tính chất học viện thể hiện *bước đầu* của phong trào của một "thế hệ" thanh niên học sinh mới, thế hệ này ít nhiều đã quen với chế độ tự trị hẹp hòi; hơn nữa, phong trào này lại bắt đầu trong hoàn cảnh không có những hình thức đấu tranh khác của quần chúng trong lúc đó, trong hoàn cảnh tạm yên, trong khi đông đảo quần chúng

tiếp tục *nung nấu* kinh nghiệm của ba năm cách mạng một cách trầm lặng, chăm chú, chậm chạp.

Trong những điều kiện đó, Đảng dân chủ - xã hội sẽ phạm phải một sai lầm rất lớn nếu nó "phản đối hoạt động kiểu học viện". Không, các nhóm sinh viên thuộc đảng ta phải hướng mọi cố gắng vào việc ủng hộ, lợi dụng và mở rộng phong trào này. Cũng như mọi sự ủng hộ của Đảng dân chủ - xã hội đối với các hình thức sơ khai của phong trào, sự ủng hộ này nhiều nhất và chủ yếu phải nhằm tác động về mặt tư tưởng và tổ chức đến các tầng lớp rộng rãi hơn đã được cuộc xung đột làm thức tỉnh, và luôn luôn trải qua xung đột chính trị *đầu tiên* dưới hình thức xung đột ấy. Bởi vì thanh niên học sinh bước vào trường đại học trong hai năm gần đây, gần như sống hoàn toàn tách rời chính trị và được giáo dục theo tinh thần của chủ nghĩa tự trị kiểu học viện chật hẹp, chẳng những bị các giáo sư của nhà nước và báo chí của chính phủ giáo dục, mà còn bị các giáo sư thuộc phái tự do và toàn bộ Đảng dân chủ - lập hiến giáo dục. Đối với loại thanh niên đó, một cuộc bãi khóa lớn (nếu họ có thể tổ chức một cuộc bãi khóa lớn! chúng ta phải làm tất cả mọi việc để giúp đỡ họ về mặt đó, nhưng dĩ nhiên không phải chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa, lại đi đảm bảo cho thắng lợi của một phong trào tư sản nào đó) là bước đầu của cuộc xung đột chính trị, dù các chiến sĩ đó có ý thức hay không có ý thức thì cũng vậy. Nhiệm vụ của chúng ta là giải thích cho đông đảo những người phản kháng "kiểu học viện" hiểu rõ ý nghĩa khách quan của cuộc xung đột đó, cố gắng làm cho cuộc xung đột đó có tính chất chính trị *tự giác*, tăng cường hoạt động cổ động của các nhóm sinh viên dân chủ - xã hội, và *toàn bộ* hoạt động đó *phải nhằm* làm cho mọi người nắm được những kết luận cách mạng, rút ra từ ba năm, làm cho mọi người hiểu rằng nhất định phải có một cuộc đấu tranh cách mạng mới, làm cho những khẩu hiệu cũ nhưng vẫn hoàn toàn hiện đại của

chúng ta — lật đổ chế độ chuyên chế và triệu tập Quốc hội lập hiến — lại trở thành một đề tài thảo luận và trở thành hòn đá thử vàng cho sự tập trung chính trị của những thế hệ dân chủ mới.

Đối với công việc đó, các sinh viên dân chủ - xã hội không có quyền từ chối trong bất cứ hoàn cảnh nào, — mặc dù công việc đó trong lúc này khó khăn như thế nào, dù người cổ động nào đó gặp thất bại như thế nào trong trường đại học nào đó, trong hội đồng hương nào đó, trong cuộc hội họp nào đó, v.v., chúng tôi vẫn nói rằng: cứ gõ cửa đi, và người ta phải mở cửa! Công tác cổ động chính trị không bao giờ phí hoài cả. Ngoài ta đánh giá kết quả của công tác cổ động chính trị không chỉ ở chỗ chúng ta có thể ngay lúc này giành được đa số hay là sự thỏa thuận cùng phối hợp hoạt động chính trị. Có thể là chúng ta không đạt được ngay tức khắc điều đó: nhưng vì chúng ta là một đảng vô sản có tổ chức, nên chúng ta không bối rối trước những thất bại tạm thời, trái lại, dù trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, chúng ta cũng vẫn nhẫn nại, bền bỉ và kiên trì tiến hành *công tác của mình*.

Lời kêu gọi của Hội đồng liên hiệp sinh viên Xanh Pê-téc-bua mà chúng tôi in dưới đây, chứng tỏ rằng ngay cả những phần tử tích cực nhất của giới sinh viên cũng cứ khăng khăng bám lấy cái chủ nghĩa học viện thuần túy và hiện giờ vẫn còn tiếp tục hát khúc nhạc của phái dân chủ - lập hiến và phái thán Mươi. Và làm như thế trong lúc mà báo chí của phái dân chủ - lập hiến và phái thán Mươi có một thái độ đê tiện nhất đối với cuộc bãi khóa và chứng minh, giữa lúc đấu tranh sôi sục nhất, rằng bãi khóa là có hại, là có tội, v.v.. Trong những điều kiện như vậy, chúng ta không thể không hoan nghênh sự phản kháng mà Ban chấp hành Pê-téc-bua của đảng ta thấy cần thiết phải làm đối với hội đồng liên hiệp (xem mục "Sinh hoạt đảng"¹⁰⁴).

Hiển nhiên là muốn biến giới sinh viên ngày nay từ

"phái học viện" thành những "nhà chính trị", thì tai họa của Svác-tơ không đủ, họ còn cần có những roi vọt của rất nhiều thượng sĩ Trăm đen để giáo dục những cán bộ mới theo tinh thần hoàn toàn cách mạng. Đối với những cán bộ đó, đã được toàn bộ chính sách của Xtô-lư-pin và mỗi một hành động của phe phản cách mạng giáo dục, chúng ta, những người dân chủ - xã hội phải luôn luôn quan tâm đến họ, vì chúng ta hiểu rõ tính tất yếu khách quan của những cuộc xung đột dân chủ - tư sản mới chống lại chế độ chuyên chế trong phạm vi toàn quốc, chế độ chuyên chế này câu kết với Đu-ma của bọn Trăm đen và phái thán Mươi.

Phải, trong phạm vi toàn quốc, vì bọn phản cách mạng Trăm đen, khi kéo nước Nga về phía sau, chẳng những đã tôi luyện những chiến sĩ mới trong hàng ngũ giai cấp vô sản cách mạng, mà còn nhất định dẫn tới một phong trào mới không vô sản, tức là dân chủ tư sản (dĩ nhiên, điều này phải hiểu là *không phải tất cả phái đối lập* đều tham gia cuộc đấu tranh, mà sẽ có sự tham gia rộng rãi của các phần tử thực sự dân chủ, tức là những phần tử có khả năng đấu tranh, trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản). Cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của sinh viên bắt đầu ở Nga năm 1908 là một dấu hiệu về chính trị, dấu hiệu của toàn bộ tình hình hiện tại do bọn phản cách mạng tạo ra. Hàng nghìn hàng triệu sợi dây ràng buộc thanh niên học sinh với giai cấp trung tư sản và tiểu tư sản, với tiểu công chức, với các nhóm nhất định trong nông dân và trong giới tăng lữ v.v.. Nếu như, mùa xuân 1908, người ta định khôi phục "Hội liên hiệp giải phóng"¹⁾ sao cho nó tả hơn khối liên minh cũ dân chủ - lập hiến, nửa địa chủ và do Pi-ốt Xtơ-ru-vê làm đại biểu, nếu như mùa thu, khối thanh niên gần gũi nhất với giai cấp tư sản dân chủ Nga, bắt đầu sôi sục, nếu như những bọn bồi bút lại rống lên chửi bới cách mạng trong các trường

1) Xem tập này, tr. 61 - 66.

học một cách điên cuồng gấp bội, nếu như bọn giáo sư ti tiện thuộc phái tự do và các thủ lĩnh dân chủ - lập hiến rên rỉ và thở than về những cuộc bãi khóa không hợp thời, nguy hiểm, thảm khốc, bất lợi đối với phái thán Mươi đáng mến, và có thể "gạt" phái thán Mươi, phái thán Mươi đang nắm quyền thống trị, — thì như vậy có nghĩa là tích lũy thuốc súng mới trong kho thuốc súng! có nghĩa là phản ứng đã bắt đầu chống lại phe phản động *không phải chỉ* có trong giới sinh viên mà thôi.

Và dù bước đầu đó có non yếu và phôi thai đến đâu chăng nữa, đảng của giai cấp công nhân cũng phải lợi dụng nó và hiện đang lợi dụng nó. Chúng ta đã biết hoạt động trong nhiều năm và hàng chục năm trước cách mạng, đưa ra những khẩu hiệu cách mạng của mình trước hết trong các tiểu tổ rồi trong quần chúng công nhân, sau đó ngoài đường phố, sau đó trên chiến lũy. *Ngày nay nữa*, chúng ta trước hết phải hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng ngày, — không làm được cái đó thì những lời nói về hành động chính trị phối hợp chỉ là những lời nói suông, — cụ thể là xây dựng một tổ chức vững mạnh của giai cấp vô sản, tiến hành mọi nơi và mọi lúc *công tác cổ động chính trị* trong quần chúng để thực hiện những khẩu hiệu cách mạng của mình. Các nhóm của chúng ta trong các trường đại học phải lao vào công tác tổ chức đó trong giới sinh viên của mình, lao vào công tác cổ động đó trên cơ sở phong trào hiện tại.

Giai cấp vô sản không được khoanh tay chờ đợi. Thường thường giai cấp vô sản nhường quyền phát biểu trước cho phái dân chủ tư sản trong các bữa tiệc, trong các tổ chức hợp pháp, trong các trường đại học, trên diễn đàn của các cơ quan đại biểu. Nhưng không bao giờ giai cấp vô sản nhường quyền và sẽ nhường quyền đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại, quan trọng của quần chúng. Tất cả những điều kiện để nổ ra cuộc đấu tranh đó không phải sẽ chín muồi nhanh chóng và dễ dàng như người này người nọ

trong chúng ta mong mỏi, nhưng nhất định những điều kiện đó đang chín muồi và sẽ chín muồi. Và bước đầu nhỏ bé của những cuộc xung đột kiểu học viện nhỏ bé là bước đầu lớn lao, vì sau đó, nếu không phải hôm nay thì ngày mai, nếu không phải ngày mai thì ngày kia, sẽ có những sự kết tục lớn tiếp theo.

"Người vô sản", số 36, ngày 3 (16)
tháng Mười 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

NHỮNG SỰ BIẾN Ở VÙNG BAN-CĂNG VÀ Ở BA-TU

Gần đây báo chí chính trị không những ở Nga mà ở cả toàn châu Âu đều chú ý đến những sự biến ở vùng Ban-căng. Đã có lúc chiến tranh châu Âu tưởng như có nguy cơ nổ ra đến nơi, và cả hiện nay nữa, nguy cơ đó tuy nhiên không phải đã được xóa bỏ, — mặc dù điều chắc chắn hơn nhiều là tình hình không vượt quá chỗ làm rùm beng và kêu gào âm ỉ, nhưng sẽ không đi đến chiến tranh.

Chúng ta hãy xem xét khái quát tính chất của cuộc khủng hoảng và những nhiệm vụ mà cuộc khủng hoảng đó đặt ra trước đảng công nhân Nga.

Cuộc chiến tranh Nga - Nhật và cuộc cách mạng Nga đã đặc biệt thúc đẩy các dân tộc châu Á thức tỉnh để tham gia đời sống chính trị. Nhưng sự thức tỉnh ấy lan từ nước này sang nước khác chậm đến nỗi là ở Ba-tư phe phản cách mạng Nga đã và đang tiếp tục giữ vai trò gần như quyết định, còn ở Thổ-nhĩ-kỳ cách mạng lại đã phải đối phó ngay tức khắc với khối liên minh phản cách mạng của các cường quốc do nước Nga đứng đầu. Thoạt xem thì dường như là nhận định trên đây trái ngược với luận điệu chung của báo chí châu Âu và của những lời tuyên bố ngoại giao. Vì nếu tin theo những lời tuyên bố đó và những bài đăng trên báo chí nửa chính thức thì mọi người đều đầy "cảm tình" với nước Thổ-nhĩ-kỳ đổi mới, mọi người đều mong muốn chế độ lập hiến ở Thổ-nhĩ-kỳ được củng cố và phát triển,

và đều khen ngợi tính "ôn hòa" của Đảng tư sản thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ.

Nhưng tất cả những lời lẽ đó đều chỉ là một thí dụ điển hình của sự giả nhân giả nghĩa ghê tởm kiểu tư sản của những chính phủ phản động và của giai cấp tư sản phản động ở châu Âu hiện nay. Vì trong thực tế, ở châu Âu không có một nước nào tự cho mình là dân chủ, không có một chính đảng tư sản nào tự cho mình là dân chủ, tiến bộ, tự do, cấp tiến, v.v., lại có hành động tỏ ra mình thật sự mong muốn giúp đỡ cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ thắng lợi và được củng cố. Trái lại, tất cả bọn chúng đều *sợ* thắng lợi của cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ. Vì nhất định là thắng lợi đó, một mặt, có nghĩa là xu hướng tự trị và thực sự dân chủ sẽ phát triển trong tất cả các dân tộc vùng Ban-căng; mặt khác, nó sẽ cho phép cách mạng Ba-tư thắng lợi, nó sẽ thúc đẩy thêm một bước phong trào dân chủ ở châu Á, nó sẽ làm cho cuộc đấu tranh giành độc lập ở Ấn-độ được củng cố, nó sẽ tạo ra những trật tự tự do trên một vùng rộng lớn dọc theo biên giới nước Nga, và do đó, tạo ra những điều kiện mới làm cản trở chính sách của chế độ Nga hoàng Trăm đen và làm thuận lợi cho cao trào cách mạng Nga, vân vân.

Thực chất của tình hình hiện nay ở vùng Ban-căng, ở Thổ-nhĩ-kỳ và ở Ba-tư là: sự tồn tại của một khối liên minh phản cách mạng gồm những cường quốc ở châu Âu *chống lại* phong trào dân chủ ngày càng phát triển ở châu Á. Tất cả những cố gắng của các chính phủ, tất cả sự tuyên truyền của các tờ báo "lớn" ở châu Âu đều nhằm mục đích là che giấu sự thật đó, đánh lạc hướng dư luận xã hội, dùng những lời lẽ giả nhân giả nghĩa và những thủ đoạn ngoại giao xảo trá để che đậy khối *liên minh phản cách mạng* của những nước châu Âu mệnh danh là văn minh chống lại những quốc gia châu Á kém văn minh nhất nhưng lại thiết tha mong muốn dân chủ nhất. Hiện nay toàn bộ thực chất đường lối chính trị của giai cấp vô sản là phải lột mặt nạ bọn giả

nhân giả nghĩa tư sản, và vạch trần cho đông đảo quần chúng thấy rõ tính chất phản động của các chính phủ châu Âu, là những chính phủ, vì sợ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở nước mình, nên đang đóng vai trò hoặc giúp đỡ các nước khác đóng vai trò tên sen đầm chống lại cách mạng ở châu Á.

Châu Âu đã tạo nên xung quanh những sự biến ở Thổ-nhĩ-kỳ và ở Ban-căng một mạng lưới âm mưu hết sức dày đặc, và công chúng tiểu tư sản đã mắc mưu các nhà ngoại giao là bọn đang tìm cách hướng cho mọi người tập trung chú ý vào những điều vụn vặt có tính chất bộ phận, những mặt riêng lẻ của các sự biến đó và tìm cách làm lu mờ ý nghĩa của toàn bộ quá trình. Trái lại, nhiệm vụ của chúng ta, nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế là giải thích cho nhân dân thấy rõ chính mối liên hệ chung giữa những sự biến, thấy rõ xu hướng cơ bản và thực chất của tất cả sự việc xảy ra.

Sự cạnh tranh giữa các cường quốc tư bản chủ nghĩa muốn "chiếm phần bánh to nhất", muốn mở rộng các vùng đất chiếm và các thuộc địa của mình; sau nữa, mối lo sợ đối với một phong trào dân chủ độc lập của các dân tộc phụ thuộc hay "được bảo hộ" của các nước châu Âu, — đó là hai động cơ thúc đẩy toàn bộ chính sách của châu Âu. Người ta khen ngợi tính ôn hòa và tính khiêm tốn của Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ, nghĩa là người ta khen ngợi cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ vì nó yếu, vì nó không làm cho quần chúng bên dưới thức tỉnh, không tạo ra được một hành động thật sự độc lập của quần chúng, vì nó đối lập với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản mới phát sinh trong đế quốc Ôt-tô-man, nhưng đồng thời, người ta vẫn tiếp tục cướp bóc nước Thổ-nhĩ-kỳ như trước kia. Người ta khen ngợi Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ, vì người ta vẫn có thể tiếp tục cướp bóc nước Thổ-nhĩ-kỳ theo cách cũ. Người ta khen ngợi Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ, nhưng người ta vẫn tiếp tục

thực hiện một chính sách rõ ràng là nhằm *chia cắt nước Thổ-nhĩ-kỳ*. Tờ "Báo nhân dân Lai-pxích"¹⁰⁵, cơ quan của đảng bộ dân chủ - xã hội địa phương, đã bình luận rất xác đáng và sắc bén về vấn đề này như sau:

"Tháng Năm 1791 những nhà hoạt động nhà nước nhìn xa trông rộng thực sự quan tâm đến lợi ích của tổ quốc, đã thực hiện một cuộc cải cách chính trị ở Ba-lan. Vua Phổ và hoàng đế Áo ca ngợi hiến pháp ngày 3 tháng Năm và chào mừng nó như là một sự kiện "đem lại lợi ích cho nước láng giềng". Toàn thế giới ca ngợi những nhà cải cách Ba-lan về tính chất "ôn hòa" trong cách tiến hành của họ, khác hẳn với thái độ của những người Gia-cô-banh đáng ghê sợ ở Pa-ri... Và ngày 23 tháng Giêng 1793, các nước Phổ, Áo và Nga đã ký một hiệp ước về việc chia cắt Ba-lan!

Tháng Tám 1908, Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ đã tiến hành cuộc cải cách chính trị một cách đặc biệt êm thấm. Toàn thế giới đã ca ngợi họ vì tính chất "ôn hòa" đúng mực trong cách làm của họ, khác hẳn những người xã hội chủ nghĩa đáng ghê sợ ở Nga... Và tháng Mười 1908, một loạt sự biến đã xảy ra, dẫn đến việc chia cắt nước Thổ-nhĩ-kỳ".

Thật thế, nếu người nào đầy chỉ tin vào *lời nói* của những nhà ngoại giao, mà không xét đến *việc làm* của họ, không xét đến việc các cường quốc cùng nhau chống lại nước Thổ-nhĩ-kỳ cách mạng, thì thật là ngây thơ. Chỉ cần đối chiếu *sự kiện* là các cuộc gặp gỡ và đàm phán giữa những ngoại trưởng và giữa những người đứng đầu một số nước, với những sự biến tiếp sau cũng đủ làm cho lòng tin tưởng ngây thơ vào những lời tuyên bố của những nhà ngoại giao tan đi như mây khói. Vào tháng Tám và tháng Chín, tức là ngay sau cuộc cách mạng của Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ và ngay trước khi có những bản tuyên bố của Áo và Bun-ga-ri, thì ở Các-lơ-xbát và Ma-ri-en-bát có cuộc gặp gỡ giữa ngài I-dơ-vôn-xki với vua Ê-đua, với thủ tướng của Cộng hòa Pháp Clê-măng-xô, ở San-buốc có cuộc gặp gỡ giữa ngoại trưởng Áo Phôn Ê-ren-tan với ngoại trưởng Ý Tít-tô-ni, rồi ở Bu-khlô-ê có cuộc gặp gỡ giữa I-dơ-vôn-xki với Ê-ren-tan ngày 15 tháng Chín, ở Bu-đa-pét có cuộc

gặp gỡ giữa hoàng tử Phéc-đi-năng nước Bun-ga-ri với Phrăng-xơ-Giô-dép; rồi có cuộc gặp gỡ giữa I-dơ-vôn-xki với ngoại trưởng Đức Phôn Suên, và sau đó với Tít-tô-ni và vua nước Ý.

Chỉ xét những sự việc đó cũng đã rõ rồi. *Trước khi* có những bản tuyên bố của Áo và của Bun-ga-ri thì *tất cả những điều cốt yếu* đã được trao đổi bí mật và trực tiếp trong những cuộc tiếp xúc cá nhân *giữa* các nhà vua và các ngoại trưởng của *sáu* cường quốc: Nga, Áo, Đức, Ý, Pháp và Anh. *Sau đó* báo chí bắt đầu tranh luận về vấn đề xem có phải Ê-ren-tan đã nói đúng sự thật khi hấn khẳng định rằng việc Ý, Đức và Nga đồng ý cho Áo thôn tính (sáp nhập) vùng Bô-xni-a và Ghéc-tê-gô-vi-na, — cuộc bút chiến đó *chỉ hoàn toàn là một tấn hài kịch, chỉ hoàn toàn là một thủ đoạn đánh lạc sự chú ý của mọi người* mà chỉ có những kẻ phi-li-xtan thuộc phái tự do mới tin thôi. Những kẻ cầm đầu chính sách đối ngoại của các nước châu Âu — bọn I-dơ-vôn-xki, bọn Ê-ren-tan và tất cả bọn vua chúa ăn cướp cùng với bọn bộ trưởng của chúng đã cố ý ném một mẩu xương cho báo chí: thưa các ngài, các ngài hãy tranh luận xem ai đã lừa dối ai, ai đã xúc phạm ai, có phải nước Áo đã lừa nước Nga hay nước Bun-ga-ri lừa nước Áo và v.v., ai là người “đầu tiên” đã xé Hiệp ước Béc-lanh¹⁰⁶, ai đã có thái độ như thế nào đối với kế hoạch hội nghị của các cường quốc, vân vân và vân vân. Xin các ngài hãy hưởng sự chú ý của công chúng vào các vấn đề thú vị và quan trọng đó — ô, những vấn đề đặc biệt quan trọng! Chính cái đó là cái chúng tôi cần để che đậy *điều cốt yếu*: sự thoả thuận sơ bộ mà chúng tôi đã đạt được về những vấn đề căn bản, tức là về hành động chống lại cuộc cách mạng của Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ, về những biện pháp tiến hành để chia cắt nước Thổ-nhĩ-kỳ, về việc xét lại vấn đề eo biển Đác-đa-nen bằng cách này hay cách khác, về việc để cho Nga hoàng Trăm đen được toàn quyền đàn áp cách mạng Ba-tư. Đó là tất cả thực chất của

vấn đề, đó là điều mà chúng tôi, những thủ lĩnh của giai cấp tư sản phản động toàn châu Âu, thật sự cần đến và là điều mà chúng tôi đang làm. Mặc cho bọn ngu ngốc thuộc phái tự do bỏ thời giờ bàn tán suông trên báo chí và trong các nghị viện để xem sự việc đã bắt đầu như thế nào, xem ai đã nói những gì và xem cuối cùng thì dưới chiêu bài nào của cái chính sách cướp bóc thuộc địa và đàn áp các phong trào dân chủ sẽ được dựng lên, ký kết thông qua và tuyên bố trước toàn thế giới.

Báo chí của phái tự do trong tất cả các cường quốc lớn ở châu Âu — trừ nước Áo là nước “no nê” nhất trong lúc này — đều kết tội chính phủ *nước mình* là không bảo vệ đầy đủ quyền lợi dân tộc *của mình*. Ở đâu phái tự do cũng đều mô tả nước mình và chính phủ nước mình là vụng về nhất, không biết “lợi dụng” thời cơ nhất và bị lừa dối, v.v.. Chính bọn dân chủ - lập hiến ở nước ta cũng đang tiến hành chính sách đó, bọn chúng từ lâu đã thú nhận rằng thắng lợi của nước Áo làm cho chúng “ghen tị” (nguyên văn lời nói của ngài Mi-li-u-cốp). Toàn bộ chính sách đó của phái tự do tư sản nói chung, và đặc biệt là chính sách của bọn dân chủ - lập hiến ở nước ta, là một sự giả nhân giả nghĩa khả ố nhất, là một sự phản bội đê tiện nhất đối với lợi ích chân chính của tiến bộ và tự do. Vì chính sách ấy, một là, sẽ làm lu mờ ý thức dân chủ của quần chúng nhân dân bằng cách không đả động đến âm mưu của các chính phủ phản động; hai là, chính sách đó đẩy mỗi nước đi theo con đường gọi là chính sách đối ngoại tích cực, tức là tán thành chế độ cướp bóc thuộc địa và chính sách can thiệp của các cường quốc vào công việc nội bộ của bán đảo Ban-căng, và chính sách can thiệp đó bao giờ cũng có tính chất phản động; ba là, chính sách đó trực tiếp giúp sức cho phái phản động bằng cách làm cho nhân dân tưởng rằng họ cũng có lợi trong cái phần “chúng ta” nhận được, trong cái phần “chúng ta” được chia, trong cái phần “chúng ta” giành được bằng mặc

cả. Chính trong lúc này, điều mà các chính phủ phản động cần nhất là có thể vin vào “công luận” để biện hộ cho những hành động xâm lược của mình hoặc cho những yêu sách “bồi thường”, vân vân. Chúng nói: các anh hãy xem, báo chí nước chúng tôi kết tội chúng tôi là quá vô tư, là không bảo vệ đầy đủ những quyền lợi dân tộc của mình, là quá nhân nhượng; báo chí đe dọa rằng chiến tranh sẽ nổ ra; cho nên những yêu sách của chúng tôi phải được hoàn toàn thoả mãn vì đó là những yêu sách “khiêm tốn nhất và chính đáng nhất”!

Chính sách của bọn dân chủ - lập hiến Nga cũng như chính sách của phái tự do tư sản châu Âu đều là một chính sách bợ đỡ các chính phủ phản động, một chính sách nhằm bảo vệ những cuộc xâm chiếm thuộc địa, bảo vệ sự cướp bóc và sự can thiệp vào công việc của các nước khác. Chính sách của bọn dân chủ - lập hiến là đặc biệt nguy hại vì nó núp dưới chiêu bài “đối lập” và, do đó, làm cho rất nhiều người lầm lẫn, làm cho những ai không tin tưởng ở chính phủ Nga đều tin tưởng vào chính sách đó và làm đồi bại ý thức của quần chúng. Bởi vậy, các đại biểu của chúng ta ở Đu-ma và tất cả các tổ chức của đảng ta đều phải nhớ rằng nếu không *dùng diễn đàn Đu-ma*, dùng các truyền đơn, dùng các cuộc hội họp để vạch trần *mối liên hệ* giữa chính sách phản động của chính phủ chuyên chế và sự đối lập giả nhân giả nghĩa của bọn dân chủ - lập hiến, thì không thể tiến được một bước đáng kể nào trong công tác tuyên truyền và cổ động của Đảng dân chủ - xã hội về những sự biến ở vùng Ban-căng. Không thể nào vạch rõ cho nhân dân thấy tất cả tính chất nguy hại, phản động của chính sách của Nga hoàng, nếu không giải thích rõ *cũng bản chất ấy* của chính sách đối ngoại của bọn dân chủ - lập hiến. Không thể nào đấu tranh chống chủ nghĩa sô-vanh và tinh thần Trăm đen trong chính sách đối ngoại, nếu không đấu tranh chống những lời nói suông, những câu kiểu cách, những câu nói nửa chừng, những mưu kế của bọn dân chủ - lập hiến.

Ví dụ dưới đây chứng tỏ rằng sự nhượng bộ của những người xã hội chủ nghĩa đối với quan điểm của phái tự do tư sản có thể dẫn họ đi tới đâu. Trong tờ “Sozialistische Monatshefte (“Nguyệt san xã hội chủ nghĩa”???)¹⁰⁷, cơ quan ngôn luận nổi tiếng của bọn cơ hội chủ nghĩa, Mác-xơ Síp-pen viết về cuộc khủng hoảng ở vùng Ban-căng như sau: “Hầu hết những đảng viên có suy nghĩ chín chắn đều cho rằng nếu ý kiến vừa mới được nêu lên một lần nữa trên cơ quan ngôn luận trung ương của chúng ta ở Béc-ling (tức là báo “Vorwärts”) chiếm ưu thế, tức là ý kiến cho rằng nước Đức chẳng hề có lợi lộc gì trong các cuộc cách mạng hiện nay hay trong các cuộc cách mạng sau này ở vùng Ban-căng, thì đó là một sai lầm. Dĩ nhiên, chúng ta không nên nhằm xâm chiếm đất đai... Nhưng chắc chắn rằng những cuộc tập hợp lực lượng lớn lao của các cường quốc ở vùng đó, nơi đầu mối liên lạc quan trọng giữa châu Âu, toàn bộ châu Á và một bộ phận châu Phi, những cuộc tập hợp đó liên quan một cách trực tiếp nhất đến địa vị quốc tế của nước chúng ta... Cho đến nay bọn phản động Nga hoàn toàn không có tác dụng quyết định nào... Chúng ta không có lý do để lúc nào và ở đâu cũng coi nước Nga... là kẻ thù, như phái dân chủ đã coi như vậy vào những năm 50 của thế kỷ XIX” (S. 1319).

Cái anh ngốc nghếch thuộc phái tự do đội lốt xã hội chủ nghĩa ấy đã không nhìn thấy những âm mưu phản động mà nước Nga che giấu sau sự “quan tâm” của nó đối với những “người anh em Xla-vơ”! Khi anh ta nói “chúng tôi” (tức là thay mặt giai cấp tư sản Đức), địa vị của “chúng tôi”, v.v., thì anh ta không nhìn thấy cái đòn mà người ta đánh vào cuộc cách mạng của Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ và cũng không nhìn thấy hành động của nước Nga chống lại cách mạng Ba-tư!

Những lời trích dẫn nói trên đã được đăng trên tập san, số ra ngày 22 tháng Mười. Ngày 18 (5) tháng Mười, tờ

“Thời mới”¹⁰⁸ đăng một bài báo nẩy lửa nói rằng “tình trạng hỗn loạn ở Ta-vri-dơ đã lên tới mức không tưởng tượng được” và thành phố đó dường như “đã bị bọn cách mạng nửa đã man cướp bóc và tàn phá tới một nửa”. Như mọi người đều thấy, cách mạng vừa mới chiến thắng quân đội nhà vua ở Ta-vri-dơ, thế là tức khắc tờ báo nửa chính thức ở Nga ấy đã tức giận điên cuồng lên. Lãnh tụ của quân đội cách mạng Ba-tư, Xát-ta-Khan, đã được báo ấy gọi là “Pu-ga-tsép của A-đéc-bai-gian” (A-đéc-bai-gian hay là A-đéc-bai-gian là một tỉnh ở miền Bắc Ba-tư, thành phố chính trong tỉnh là Ta-vri-dơ. Theo Rơ-cluy, dân số tỉnh đó chiếm tới gần $\frac{1}{5}$ tổng số dân Ba-tư). Tờ “Thời mới” viết tiếp: “Người ta tự hỏi rằng không biết nước Nga có thể chịu đựng được mãi tình trạng hỗn loạn làm cho việc buôn bán với những con số bạc triệu của chúng ta ở miền biên giới Ba-tư bị phá sản, không?.. Không nên quên rằng toàn bộ miền Đông của Da-cáp-ca-dơ và A-đéc-bai-gian, đứng về mặt nhân chủng học mà nói, là một khối thống nhất... Những phần tử nửa trí thức người Ta-ta-ri-a ở Da-cáp-ca-dơ, vì quên rằng họ là những người công dân Nga, nên đã nhiệt liệt đồng tình với những cuộc phiến loạn ở Ta-vri-dơ và phái quân tình nguyện đến đây... đối với chúng ta thì điều vô cùng quan trọng hơn, là A-đéc-bai-gian, một xứ giáp giới với nước ta, phải được bình định. Dầu có đáng tiếc mấy đi nữa, hoàn cảnh hiện nay cũng có thể buộc nước Nga phải tự mình đảm đương việc đó, mặc dù nước Nga không muốn can thiệp vào bất cứ ở đâu hết”.

Ngày 20 tháng Mười, tờ “Báo Phran-pho” của Đức nhận được từ Pê-téc-bua tin điện báo rằng nước Nga có thể chiếm đóng A-đéc-bai-gian, coi đó là “của bồi thường”. Ngày 24 (11) tháng Mười, cũng báo đó đăng bức điện từ Ta-vri-dơ gửi đến: “*Cách đây hai ngày, sáu tiểu đoàn bộ binh Nga và một số lượng tương ứng kỵ binh và pháo binh Nga đã vượt biên giới Ba-tư và hôm nay sẽ tới Ta-vri-dơ*”.

Quân đội Nga đã vượt biên giới Ba-tư đúng vào ngày mà M. Síp-pen đã lập lại như vệt những lời cam đoan và những lời *hò hét* của báo chí của phái tự do và của bọn cảnh sát, và nói với công nhân Đức rằng thời kỳ nước Nga là một tên khổng lồ phản động đã qua rồi, và nếu bất cứ lúc nào cũng coi nước Nga là một kẻ thù như thế là sai!

Quân đội của Ni-cô-lai khát máu sắp sửa lại tàn sát các nhà cách mạng Ba-tư. Sự mạng không chính thức của Li-a-khốp mở đường cho việc chiếm đóng chính thức A-đéc-bai-gian, và người ta thấy diễn lại ở châu Á điều mà nước Nga đã làm ở châu Âu năm 1849, khi Ni-cô-lai I phái quân đội đi dẹp cuộc cách mạng Hung-ga-ri. Khi đó trong các đảng của giai cấp tư sản ở châu Âu hãy còn có những người dân chủ thật sự có khả năng đấu tranh cho tự do chứ không phải chỉ biết bàn tán một cách giả nhân giả nghĩa về tự do như tất cả những người dân chủ tư sản ngày nay. Khi đó, nước Nga đã phải đóng vai trò tên sen đầm châu Âu chống lại ít nhất một số nước châu Âu. Ngày nay *tất cả* các cường quốc ở châu Âu, — kể cả nước cộng hoà “dân chủ” của tên thủ tướng “đỏ” Clê-măng-xô — đều sợ khiếp vía bất kỳ một sự mở rộng dân chủ nào ở nước họ, mà có thể có lợi cho giai cấp vô sản, và chúng *đều giúp* nước Nga đóng vai trò tên sen đầm châu Á.

Có thể khẳng định rằng *mật ước phản động tháng Chín* giữa Nga, Áo, Đức, Ý, Pháp và Anh đã *cho phép* nước Nga được “tự do hành động” chống lại cách mạng Ba-tư. Dù cho điều đó có được ghi rõ hay không trong một tài liệu bí mật nào đó mà nhiều năm sau sẽ được in trong tập tài liệu lịch sử, hoặc chỉ được I-dơ-vôn-xki nói với những kẻ cùng hội đồng đảng mền của ông ta hoặc là những người này “ám chỉ” rằng chúng tôi chuyển từ “chiếm đóng” sang “thôn tính”, còn các ngài thì có thể chuyển từ chính sách Li-a-khốp sang hành động “chiếm đóng” hoặc là tình hình phải xảy ra bằng cách này hay cách khác, — tất cả điều đó cũng không quan

trọng chút nào. Điều quan trọng là dù cho mặt ước phả cách mạng tháng Chín của các cường quốc chưa được thừa nhận chính thức, nhưng nó vẫn là *một âm mưu có thật*, và ý nghĩa của nó ngày càng bộc lộ rõ rệt. Đây là một mưu đồ chống lại giai cấp vô sản và nền dân chủ. Đây là một mưu đồ nhằm trực tiếp đàn áp cách mạng ở châu Á hoặc đánh những đòn gián tiếp vào cuộc cách mạng đó, một mưu đồ nhằm tiếp tục cướp bóc thuộc địa và xâm chiếm đất đai, hôm nay ở vùng Ban-căng, ngày mai ở Ba-tư, ngày kia có thể là ở Tiểu Á, ở Ai-cập, v. v. và v. v..

Chỉ có cuộc cách mạng vô sản toàn thế giới mới có thể lật đổ được thế lực liên hợp đó của bọn vua chúa ăn cướp và của tư bản quốc tế. Nhiệm vụ trước mắt của tất cả các đảng xã hội chủ nghĩa là đẩy mạnh công tác cổ động trong quần chúng, bóc trần những mưu mô của bọn ngoại giao ở tất cả các nước và vạch ra một cách minh bạch rõ ràng tất cả những sự thật chứng minh rằng vai trò bỉ ổi *của tất cả các cường quốc liên minh*, không trừ một cường quốc nào, là trực tiếp làm chức năng sen đầm hoặc là kẻ đồng loã, bè bạn, kẻ cấp tiền cho tên sen đầm đó.

Ngày nay, các đại biểu dân chủ - xã hội Nga trong Đu-ma, nơi mà người ta chờ đợi cả bản thông cáo của I-dơ-vôn-xki lẫn cuộc chất vấn của phái dân chủ - lập hiến, phái tháng Mười, phải đảm nhiệm một nhiệm vụ vĩ đại hết sức khó khăn nhưng cũng hết sức cao cả. Họ là thành viên trong một cơ quan dùng để bao che cho chính sách của một cường quốc phản động đầu sỏ, kẻ thủ mưu chủ yếu của phe phản cách mạng, cho nên họ phải có tài khéo léo và dũng khí để *nói lên toàn bộ chân lý*. Trong lúc như thế này, các đại biểu dân chủ - xã hội trong Đu-ma Trăm đen có nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng người ta cũng đòi hỏi nhiều ở họ. Bởi vì, ngoài họ ra thì trong Đu-ma chẳng có *một ai* có quan điểm *khác* với quan điểm của bọn *dân chủ - lập hiến* và bọn tháng Mười để lên tiếng phản đối chế độ Nga hoàng.

Mà trong một thời kỳ như thế, trong một hoàn cảnh như thế thì “sự phản đối” của bọn dân chủ - lập hiến lại còn tệ hại hơn là không có sự phản đối nào, bởi vì sự phản đối đó cũng là *của cùng một bầy* chó sói tư bản chủ nghĩa và được tiến hành vì lợi ích của cùng cái chính sách cướp bóc ấy.

Đảng đoàn của chúng ta trong Đu-ma và các tổ chức khác của đảng ta hãy bắt tay vào việc. Hiện nay công tác cổ động trong quần chúng có một ý nghĩa một trăm lần lớn hơn những lúc bình thường. Toàn bộ công tác cổ động của đảng ta phải đưa lên hàng đầu ba điểm sau đây. Một là, trái ngược hẳn với tất cả báo chí phản động và của phái tự do, — từ bọn Trăm đen cho đến bọn dân chủ - lập hiến, — Đảng dân chủ - xã hội cần vạch trần những mưu kế ngoại giao bày đặt ra các cuộc hội nghị, ký kết hiệp định giữa các cường quốc, việc liên minh với Anh để chống lại Áo, hay liên minh với Áo để chống lại Đức, hoặc mọi cuộc liên minh khác nữa. Nhiệm vụ của chúng ta là vạch rõ *sự thật*: hiện đã có một âm mưu phản động của các cường quốc, và các chính phủ ra sức che giấu nó bằng cách bày ra các cuộc đàm phán công khai nực cười. Chúng ta phải tố cáo những tấn hài kịch ngoại giao, nói cho nhân dân rõ sự thật, vạch mặt phe phản động quốc tế đang chống lại giai cấp vô sản! Hai là, chúng ta phải nêu rõ kết quả thực tế, chứ không phải kết quả trên giấy, mà cuộc âm mưu đó đã đạt được: đó là đòn đánh vào cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ — việc nước Nga tham gia đàn áp cách mạng Ba-tư, sự can thiệp vào công việc của các nước khác và sự vi phạm nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ là quyền dân tộc tự quyết. Cương lĩnh của chúng ta, cũng như cương lĩnh của tất cả các đảng dân chủ - xã hội trên thế giới, đều bảo vệ quyền đó. Và không có cái gì phản động hơn là sự quan tâm, một mặt của người Áo, mặt khác của bọn Trăm đen Nga, đến “những người anh em Xla-vơ”. Sự “quan tâm” ấy được dùng để che giấu những mưu kế đê tiện nhất mà

xưa kia nước Nga đã lừng tiếng ở vùng Ban-căng vì những mưu kế ấy. Sự “quan tâm” ấy bao giờ cũng dẫn tới việc vi phạm nền dân chủ *chân chính* của một nước nào đó ở vùng Ban-căng. Sự “quan tâm” chân thành duy nhất của các cường quốc đối với các nước vùng Ban-căng có thể và chỉ có thể thể hiện ra bằng cách để cho các nước đó tự giải quyết lấy vận mệnh của họ, đừng phá hoại đời sống của họ bằng sự can thiệp của nước ngoài, đừng thọc gậy vào bánh xe của cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ. Nhưng dĩ nhiên, giai cấp vô sản không thể mong chờ giai cấp tư sản thực hành một chính sách như vậy!

Tất cả các đảng tư sản — kể cả những đảng tự do chủ nghĩa nhất và những đảng “dân chủ” nhất xét về tên gọi, kể cả Đảng dân chủ - lập hiến ở nước ta nữa — đều đứng trên quan điểm tư bản chủ nghĩa trong chính sách đối ngoại. Đó là điểm thứ ba mà Đảng dân chủ - xã hội phải đặc biệt kiên quyết vạch ra. Phái tự do và Đảng dân chủ - lập hiến, về thực chất, đều tán thành sự ganh đua giữa các nước tư bản chủ nghĩa, và nếu chúng khác với bọn Trăm đen, chính là chỉ vì chúng chủ trương những hình thức ganh đua khác với những hình thức của bọn Trăm đen và đòi ký những hiệp định quốc tế khác với những hiệp định hiện nay được lấy làm chỗ dựa cho chính phủ. Khi tiến hành cuộc đấu tranh để thay thế loại chính sách đối ngoại tư sản này bằng một loại chính sách đối ngoại tư sản khác, khi trách cứ chính phủ đã tỏ ra thua kém chính phủ các nước khác (trong việc cướp bóc và can thiệp), phái tự do đã gây ra một tác dụng hết sức tồi tệ đối với quần chúng. Đả đảo mọi chính sách thuộc địa, dù là chính sách nào, đả đảo toàn bộ chính sách can thiệp! Đả đảo mọi cuộc đấu tranh do bọn tư bản tiến hành nhằm thôn tính đất đai của nước khác, nô dịch nhân dân các nước khác, nhằm đoạt được những đặc quyền đặc lợi mới và những thị trường mới, nhằm kiểm soát những eo biển, v. v.! Đảng dân chủ - xã hội không tán thành những

ảo tưởng lối bịch tiểu tư sản tin rằng có thể có một sự tiến bộ “công bằng và hoà bình” dưới chủ nghĩa tư bản. Đảng dân chủ - xã hội đấu tranh chống toàn bộ xã hội tư bản chủ nghĩa, biết rằng trên thế giới này, ngoài giai cấp vô sản cách mạng quốc tế ra, thì không còn có ai bảo vệ hoà bình và tự do cả.

P. S. Sau khi bài báo này đã được đưa in, thì trên các báo có đăng bức điện của *Hãng thông tấn Pê-téc-bua* cải chính tin quân đội Nga vượt biên giới tiến vào Ba-tư. Bức điện đó đăng trên tờ “*Frankfurter Zeitung*” ngày 24. X., lần xuất bản thứ hai buổi sáng. Lần xuất bản *thứ ba* có đăng bức điện đánh từ Côn-xtan-ti-nô-pôn hồi 10 giờ 50 phút *tối* ngày 24. X. Bức điện đó nói rằng tối ngày 24. X. ở Côn-xtan-ti-nô-pôn đã được tin quân đội Nga vượt biên giới Ba-tư. Báo chí nước ngoài, *trừ báo chí của các đảng xã hội chủ nghĩa*, hiện nay vẫn còn im lặng không nói gì tới việc quân đội Nga vượt biên giới tiến vào Ba-tư.

Kết luận: hiện nay chúng ta vẫn chưa có thể biết được tất cả sự thật. Dầu sao thì lời “cải chính” của chính phủ Nga hoàng và của *Hãng thông tấn Xanh Pê-téc-bua* dĩ nhiên không đáng tin cậy chút nào. Việc nước Nga, được sự đồng ý của các cường quốc khác, tiến hành đàn áp cách mạng Ba-tư bằng mọi thủ đoạn, từ những âm mưu cho đến việc phái quân đội sang Ba-tư, là một sự thật. Việc nước Nga thực hiện chính sách nhằm xâm chiếm A-déc-bai-gian, cũng không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu quân đội còn chưa vượt biên giới, thì chắc chắn là người ta đã áp dụng mọi biện pháp nhằm thực hiện điều đó: không có lửa thì làm sao có khói.

“Người vô sản”, số 37, ngày
16 (29) tháng Mười 1908

Theo đúng bản đăng trên báo
“Người vô sản”, có đôi chiếu
với bản thảo

PHIÊN HỌP CỦA CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA¹⁰⁹

Ngày chủ nhật 11 tháng Mười (theo lịch mới), ở Bruy-xen, Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa đã họp phiên họp đầu tiên kể từ sau Đại hội Stút-ga. Việc các đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa các nước hội họp là một dịp thuận tiện để tổ chức những cuộc hội nghị các nhà báo xã hội chủ nghĩa và các nghị sĩ xã hội chủ nghĩa. Hội nghị đầu tiên được tổ chức ngay trước phiên họp của Cục, cuộc hội nghị thứ hai họp ngay sau phiên họp của Cục. Ngoài ra, cần phải ghi thêm rằng thành phần của hai hội nghị này gần như không khác gì thành phần của Cục: đa số các uỷ viên của Cục đều là nhà báo và nghị sĩ. Chỉ có thêm một vài đại biểu xã hội chủ nghĩa Bỉ tham gia cuộc họp vào thứ hai, ngày 12 tháng Mười.

Hội nghị các nhà báo họp vào 3 giờ chiều thứ bảy. Hội nghị thảo luận vấn đề điều chỉnh và tăng cường mối quan hệ giữa các báo chí xuất bản định kỳ của các đảng xã hội chủ nghĩa các nước. Các đại biểu Bỉ đã lập một bản danh sách các phóng viên trong số đảng viên của họ, những phóng viên ấy sẵn sàng cung cấp cho báo chí của các đảng khác những tin tức về các vấn đề này hoặc (chủ yếu) về các vấn đề kia. Mọi người tỏ lòng mong muốn rằng những đảng khác cũng lập những bản danh sách như vậy, đồng thời cần ghi rõ phóng viên đó biết ngoại ngữ nào. Những bản tin xuất bản ở nước ngoài của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng (từ

“Diễn đàn Nga” bằng tiếng Pháp) và của Đảng dân chủ - xã hội (bằng tiếng Đức) đã được coi là đặc biệt bổ ích đối với các đồng chí ngoại quốc¹¹⁰. Hội nghị cũng nêu lên rằng đối với các nước có nhiều đảng xã hội chủ nghĩa khác nhau hay nhiều phái khác nhau trong một đảng thì cần ghi rõ trong các bản danh sách phóng viên là họ thuộc đảng nào, v. v.. Những đảng viên dân chủ - xã hội Nga sống ở nước ngoài cần lợi dụng cuộc hội nghị quốc tế này để tổ chức tốt hơn nữa việc gửi bài vở cho các báo chí xã hội chủ nghĩa nước ngoài.

Hội nghị quyết định rằng Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa sẽ liên hệ với các nước chưa có báo chí xã hội chủ nghĩa xuất bản hàng ngày để nêu vấn đề xuất bản những bản tin thường kỳ (dùng một trong ba thứ tiếng chính thức của Quốc tế là Pháp, Đức, Anh, hay dùng cả ba thứ tiếng đó). Sau đó, Cục sẽ hỏi ban biên tập các báo chí xã hội chủ nghĩa xuất bản hàng ngày ở các nước xem họ có thể trả bao nhiêu tiền về khoản gửi đều đặn những bản tin đó cho họ.

Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương¹¹¹ của đảng ta cần đặc biệt chú trọng đến nghị quyết đó. Việc thông báo về tình hình Đảng dân chủ - xã hội Nga cho các đồng chí ngoại quốc của chúng ta còn nhiều thiếu sót. Bởi vậy, cần phải giải quyết vấn đề đó, nghiêm chỉnh thảo luận ngay việc xuất bản một bản tin của đảng ở nước ngoài bằng ba thứ tiếng, và làm mọi việc có thể làm được để thực hiện kế hoạch đó.

Sau đó, hội nghị thảo luận đề nghị của đồng chí C. Huy-xman, bí thư Cục, yêu cầu Đảng dân chủ - xã hội Đức là đảng có 70 tờ báo hàng ngày, sẽ đảm nhiệm thành lập một cơ quan liên lạc điện báo và điện thoại quốc tế giữa các ban biên tập của các báo chí xã hội chủ nghĩa ở Béc-lanh, Viên, Pa-ri, Bruy-xen, v.v.. Các đại biểu Đức cho rằng chưa thể thực hiện ngay kế hoạch đó, nhưng lại nêu lên rằng mới

đây ở Đức đã thành lập phòng thông tin trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức và dần dần khi nó đã tổ chức được vững vàng thì có thể nghĩ đến việc biến cơ quan đó thành cơ quan quốc tế. Hội nghị đã thoả mãn với lời hứa đó và trước khi bế mạc, hội nghị đã quyết nghị là từ nay về sau sẽ triệu tập các phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa trùng với những hội nghị các nhà báo xã hội chủ nghĩa các nước.

Buổi tối, tại “Maison du Peuple”¹⁾, có một cuộc mít-tinh quốc tế, trong đó các đại biểu Áo, Đức, Anh, một đại biểu Thổ-nhĩ-kỳ và một đại biểu Bun-ga-ri đã lên phát biểu ý kiến, chủ yếu là về các cuộc xung đột quốc tế và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước nhằm bảo vệ hoà bình. Cuộc mít-tinh kết thúc bằng việc nhất trí thông qua bản nghị quyết như sau: “Cuộc mít-tinh quốc tế họp ngày 10 tháng Mười (theo lịch mới) tại “Maison du Peuple” xác nhận một lần nữa lòng quyết tâm vững chắc của giai cấp vô sản toàn thế giới muốn gìn giữ hoà bình giữa các dân tộc và đem hết sức mình để chống chủ nghĩa quân phiệt tư bản đang bần cùng hóa và áp bức tất cả các dân tộc. Cuộc mít-tinh tỏ lòng tin tưởng rằng các tiểu ban dân tộc của Quốc tế công nhân sẽ thực hiện đầy đủ nghị quyết mà Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga đã thông qua về vấn đề này”. Hội nghị đã giải tán trong tiếng hát “Quốc tế ca”.

Ngày hôm sau, Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa họp suốt ngày. Vấn đề thứ nhất trong chương trình nghị sự, vấn đề “Công đảng” Anh (Labour Party)¹¹² gia nhập Quốc tế, đã chiếm suốt buổi sáng. Số là, theo điều lệ của Quốc tế, thì những đảng có thể là thành viên của Quốc tế, một là, các đảng xã hội chủ nghĩa nào thừa nhận cuộc đấu tranh giai cấp, và hai là, các tổ chức công nhân đứng trên lập trường

1) — “Cung nhân dân”

đấu tranh giai cấp (tức là các công đoàn). Còn “Công đảng” Anh, mới được thành lập gần đây trong hạ nghị viện Anh, thì không công khai tự gọi mình là đảng xã hội chủ nghĩa và không thừa nhận một cách kiên quyết và dứt khoát nguyên tắc đấu tranh giai cấp (xin nói thêm là những người dân chủ - xã hội Anh đòi hỏi đảng này phải thừa nhận như vậy). Nhưng, tất nhiên là “Công đảng” ấy nói chung được tham gia Quốc tế và nói riêng được tham gia Đại hội xã hội chủ nghĩa Stút-ga, vì trên thực tế, đảng ấy là một tổ chức trung gian giữa hai loại tổ chức mà điểm 1 và điểm 2 trong điều lệ của Quốc tế đã quy định và là tổ chức đại diện chính trị của các công liên Anh. Tuy nhiên, vấn đề đảng ấy gia nhập Quốc tế đã được nêu ra, và lại chính do bản thân tổ chức đó nêu ra, thông qua cái gọi là “Đảng công nhân độc lập” (Independent Labour Party, Ấy-El-Pi, như người Anh thường gọi), nó là một trong hai phân chi bộ của chi bộ Anh của Quốc tế. Còn phân chi bộ kia là “Liên đoàn dân chủ - xã hội”.

“Đảng công nhân độc lập” đòi phải *trực tiếp* thừa nhận rằng “Công đảng” là một bộ phận của Quốc tế. Đại biểu của đảng ấy là Brút Glê-di-ơ (Bruce Glazier) nhấn mạnh đến tác dụng lớn lao của tổ chức đại diện đó ở trong nghị viện, đại diện cho hàng trăm nghìn công nhân đã đứng trong tổ chức và ngày càng kiên quyết ngả về phía chủ nghĩa xã hội. Khi nói về các vấn đề nguyên tắc, công thức, giáo lý, thì đồng chí đó tỏ vẻ rất coi khinh. Cau-xky trả lời đồng chí đó, không để mình rơi vào thái độ đánh giá xem thường ấy đối với những nguyên tắc và mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội, nhưng lại hoàn toàn tán thành việc kết nạp “Công đảng” vì, Cau-xky nói, cuộc đấu tranh do đảng đó tiến hành là một cuộc đấu tranh giai cấp thực sự. Cau-xky đề nghị quyết nghị như sau:

“Căn cứ vào những nghị quyết trước đây của các đại hội quốc tế cho phép kết nạp tất cả các tổ chức nào tán thành

cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và thừa nhận đấu tranh chính trị, Cục quốc tế tuyên bố đồng ý để cho “Công đảng” Anh tham gia các đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa, vì đảng đó, tuy không thừa nhận trực tiếp (ausdrücklich) nguyên tắc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, nhưng trong thực tế, nó có tiến hành đấu tranh giai cấp và bằng chính tổ chức của mình đảng này đã đứng trên cơ sở nguyên tắc đó và tổ chức của nó độc lập với các đảng tư sản”. Đứng về phía Cau-xky có các đồng chí Áo, trong số các đồng chí Pháp thì có Va-li-ăng, và đa số các đại biểu các nước nhỏ, như cuộc biểu quyết đã chỉ rõ. Phản đối Cau-xky, trước tiên có Hen-đman, đại biểu của “Liên đoàn dân chủ - xã hội” Anh, đồng chí đó yêu cầu rằng chừng nào “Công đảng” chưa trực tiếp thừa nhận nguyên tắc đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa xã hội thì cứ giữ nguyên hiện trạng. Rồi đến Rút-xen (thuộc phái Ghe-đơ, bà nguyên là đại biểu thứ hai của Pháp), Ru-ba-nô-vích, đại biểu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và A-vra-mốp, đại biểu phái cách mạng của những người xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri cũng phản đối Cau-xky.

Tôi đã phát biểu ý kiến tán thành phần đầu bản nghị quyết của Cau-xky. Nếu các đại hội trước đây đã thừa nhận tất cả các công liên nói chung, ngay cả những công liên do các nghị sĩ tư sản đại diện, thì không thể từ chối không cho “Công đảng”, tức là người đại diện cho các công liên tại nghị viện, tham gia đại hội. Nhưng phần thứ hai của bản nghị quyết của Cau-xky, tôi cho rằng không đúng, vì *trong thực tế*, “Công đảng” không thực sự độc lập với phái tự do và cũng không tiến hành một chính sách giai cấp hoàn toàn tự chủ. Vì vậy, tôi đề nghị sửa đổi: ở đoạn cuối của nghị quyết, bắt đầu từ chữ “vì”, sẽ nói như thế này —

“vì đảng đó (“Công đảng”) là bước đầu của các tổ chức thật sự vô sản ở Anh tiến tới một chính sách giai cấp tự giác và tiến tới một đảng công nhân *xã hội chủ nghĩa*”. Tôi

đã đề xuất đề nghị sửa đổi đó lên Cục quốc tế. Cau-xky không chấp nhận đề nghị sửa đổi đó của tôi, và tuyên bố trong bài diễn văn thứ hai rằng Cục quốc tế không thể đưa ra những nghị quyết dựa trên những “hy vọng”. Nhưng cuộc đấu tranh chủ yếu diễn ra giữa phái tán thành và phái phản đối toàn bộ bản nghị quyết của Cau-xky. Lúc biểu quyết, Át-lơ đã đề nghị chia bản nghị quyết ra làm hai phần, và cả hai phần đó đều được Cục quốc tế thông qua, phần đầu được thông qua với 3 phiếu phản đối và một phiếu trắng, phần thứ hai được thông qua với 4 phiếu phản đối và một phiếu trắng. Như vậy là nghị quyết của Cau-xky trở thành nghị quyết của Cục quốc tế. Ru-ba-nô-vích bỏ phiếu trắng trong cả hai lần biểu quyết. Xin nói thêm rằng, Vích-to Át-lơ phát biểu ý kiến sau tôi và trước bài diễn văn thứ hai của Cau-xky, đã phản đối tôi như thế này (tôi trích dẫn theo báo xã hội chủ nghĩa Bỉ “Le Peuple”, tờ báo này có những bài tường thuật hết sức tỉ mỉ và chính xác về các phiên họp): “đề nghị của Lê-nin có sức cám dỗ (séduisante, Át-lơ nói: verlockend, mê hồn), nhưng đề nghị đó không thể làm cho ta quên sự thật là “Công đảng” trở thành một đảng đứng ngoài các đảng tư sản. Đảng ấy đã làm điều đó như thế nào, đây cũng không phải là việc của chúng ta phán đoán. Chúng ta chỉ thừa nhận là có sự tiến bộ”.

Đó là những cuộc tranh luận trong Cục quốc tế về vấn đề đã phân tích trên đây. Bây giờ tôi muốn nói tỉ mỉ hơn về những cuộc tranh luận đó để trình bày cho các bạn đọc báo “Người vô sản” hiểu rõ lập trường của tôi. Những lý lẽ của V. Át-lơ và C. Cau-xky đã không thuyết phục được tôi và đến nay tôi vẫn cho rằng những lý lẽ đó không đúng. Trong bản nghị quyết của mình, khi Cau-xky nói rằng “Công đảng” “không thừa nhận trực tiếp nguyên tắc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản”, thì dĩ nhiên là Cau-xky cũng bày tỏ một điều “hy vọng” nào đó, Cau-xky cũng có một “ý kiến suy xét” nào đó về chỗ xem hiện nay chính sách của “Công đảng”

ra sao, chính sách đó sẽ phải như thế nào. Nhưng Cau-xky nói tất cả điều đó *một cách gián tiếp*, và lại nói theo hướng đi đến một sự khẳng định, một là, về thực chất là không đúng và, hai là, làm cho người ta có lý do xuyên tạc ý của Cau-xky. Không nghi ngờ gì nữa, “Công đảng” ở Anh khi tách khỏi các đảng tư sản *trong nghị viện* (chứ không phải trong các cuộc bầu cử! không phải trong toàn bộ chính sách của đảng! không phải trong công tác tuyên truyền và cổ động của đảng!) thì là nó đã đi được bước đầu tiên về phía chủ nghĩa xã hội và về phía chính sách giai cấp của các tổ chức quần chúng vô sản. Đó không phải là “hy vọng”, đó là sự thật. Và đấy chính là sự thật buộc chúng ta phải kết nạp “Công đảng” vào Quốc tế, cũng như trước đây chúng ta đã để cho các công liên gia nhập Quốc tế. Cuối cùng, điều sửa đổi đưa ra có thể khiến cho hàng chục vạn công nhân Anh, tuyệt đối tôn trọng những nghị quyết của Quốc tế, nhưng chưa hoàn toàn là những người xã hội chủ nghĩa, phải suy nghĩ thêm một lần nữa xem tại sao người ta công nhận rằng mình chỉ mới bước một bước *đầu tiên*, còn những bước *tiếp theo* trên con đường đó phải như thế nào. Công thức của tôi không có một chút tham vọng nào muốn cho Quốc tế đảm đương việc giải quyết những vấn đề cụ thể và tỉ mỉ của phong trào công nhân trong một nước, đảm đương việc xác định rõ xem chính vào lúc nào cần phải bước những bước tiếp theo và những bước đó cụ thể phải như thế nào. Nhưng đối với một đảng không thừa nhận trực tiếp và rõ ràng nguyên tắc đấu tranh giai cấp, thì không thể nào không nói rằng đảng đó nói chung cần phải có những bước tiếp theo nữa. Đáng lẽ phải thừa nhận điều đó một cách trực tiếp, thì trong bản nghị quyết của mình, Cau-xky lại thừa nhận một cách gián tiếp. Thành thử, tuồng như là Quốc tế đảm bảo rằng *trong thực tế* “Công đảng” tiến hành đấu tranh giai cấp triệt để và chỉ cần một điều là tổ chức công nhân trở thành nhóm công nhân riêng trong nghị viện là họ có

thể trở thành độc lập *trong mọi hành động của họ* đối với giai cấp tư sản!

Chắc chắn rằng lập trường của Hen-đman, Rút-xen, Ru-ba-nô-vích và A-vra-mốp lại càng sai hơn nữa về vấn đề này (Ru-ba-nô-vích chẳng những không sửa chữa lập trường đó mà lại làm rối rắm thêm bằng việc bỏ phiếu trắng trong hai lần biểu quyết). Khi A-vra-mốp khẳng định rằng để cho “Công đảng” gia nhập Quốc tế có nghĩa là khuyến khích chủ nghĩa cơ hội, thì đó là một ý kiến sai lầm không thể tha thứ được. Chỉ cần nhắc ở đây những thư của Ăng-ghe-n gửi cho Doóc-ghê cũng thấy rõ. Trong nhiều năm liền, Ăng-ghe-n kiên trì nhấn mạnh rằng những người dân chủ - xã hội Anh do Hen-đman đứng đầu đã phạm phải sai lầm khi họ hành động bè phái, khi họ không biết liên kết với những công liên là những tổ chức có bản năng giai cấp tuy chưa tự giác, nhưng rất mạnh mẽ, khi họ biến chủ nghĩa Mác thành một “giáo điều” trong lúc chủ nghĩa Mác phải là “kim chỉ nam cho hành động”¹¹³. Khi có những điều kiện khách quan cản trở sự phát triển ý thức chính trị và tính độc lập giai cấp của quần chúng vô sản, thì cần phải tỏ ra có khả năng hoạt động một cách kiên trì và triệt để, tay nắm tay với quần chúng vô sản đó, không nhượng bộ trong những vấn đề thuộc về nguyên tắc, nhưng cũng không được từ chối hoạt động *trong lòng* quần chúng vô sản. Những sự kiện sau này đã chứng thực những bài học của Ăng-ghe-n là đúng: mặc dù công liên Anh có tính chất chật hẹp, quý tộc, ích kỷ kiểu tiểu tư sản, mặc dù thù địch với chủ nghĩa xã hội, và để ra cả một đám người phản bội giai cấp công nhân, đã bán mình cho giai cấp tư sản để đổi lấy một chức bộ trưởng (như tên dê tiện Giôn Bốc-xơ), nhưng các công liên Anh vẫn *xích lại gần* chủ nghĩa xã hội, một cách lúng túng, không triệt để, quanh co, song vẫn đang tiến tới chủ nghĩa xã hội. Chỉ có những người mù mới không nhận thấy rằng hiện nay ở Anh, chủ nghĩa xã hội đang phát triển với một nhịp độ nhanh trong giai cấp công nhân,

rằng ở nước ấy chủ nghĩa xã hội *một lần nữa lại* trở thành một phong trào quần chúng, và cuộc cách mạng xã hội đang tới gần.

Quốc tế sẽ hoàn toàn sai lầm nếu nó đã không trực tiếp và kiên quyết tỏ ra đồng tình hoàn toàn với bước tiến lớn lao của phong trào quần chúng công nhân ở Anh, nếu nó đã không trực tiếp khuyến khích bước ngoặt vĩ đại đã bắt đầu phát sinh trong cái nôi của chủ nghĩa tư bản. Nhưng tuyệt nhiên không phải từ đó mà cho rằng hiện nay có thể khẳng định rằng trong thực tế, “Công đảng” là một đảng độc lập với giai cấp tư sản, rằng nó tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp, rằng nó là xã hội chủ nghĩa, v.v.. Cần phải sửa chữa sai lầm hiển nhiên của “Liên đoàn dân chủ - xã hội” Anh, nhưng cũng không nên khuyến khích một chút nào những sai lầm *khác cũng hết sức nghiêm trọng và cũng hiển nhiên* của bọn cơ hội chủ nghĩa Anh đang lãnh đạo cái gọi là “Đảng công nhân độc lập”. Những người lãnh đạo đó là những kẻ cơ hội chủ nghĩa, điều đó không còn chối cãi được nữa. Trong Đại hội Stút-ga, R. Mác - Đô-nan, thủ lĩnh của I. L. P. (Ây-El-Pi), đã đề nghị sửa đổi điều 2 trong điều lệ của Quốc tế như sau: chỉ cần một điều kiện là các hội công nhân có thiện ý (bona fides), mà không buộc phải thừa nhận nguyên tắc đấu tranh giai cấp, là có thể gia nhập Quốc tế. Bản thân Cau-xky đã nhận thấy ngay được cái giọng lưỡi cơ hội chủ nghĩa trong bài phát biểu của Brút Glê-di-ơ và đã không phụ họa với giọng lưỡi đó *trong diễn văn đọc tại Cục quốc tế*, nhưng tiếc rằng lại không phải là trong nghị quyết của Cau-xky. Diễn văn đọc tại Cục quốc tế thì chỉ để cho một nhóm người nghe thôi, còn nghị quyết thì viết cho hàng triệu người đọc.

Trước mắt tôi có báo chí của hai khuynh hướng xã hội chủ nghĩa ở Anh, trong đó có bình luận về phiên họp của Cục quốc tế. Tờ báo “Labour Leader”¹¹⁴, cơ quan của “Đảng công nhân độc lập” (ô! ô!), vui mừng hơn hở và *nói thẳng*

với hàng vạn công nhân Anh rằng Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa chẳng những đã thừa nhận “Công đảng” (điều đó đúng và là cần thiết) mà còn *“thừa nhận cả chính sách của I. L. P. nữa”* (“Labour Leader”, Oct. 16, 1908, p. 665). Điều đó không đúng. Cục quốc tế *đã không* thừa nhận chính sách đó. Đó là một lối giải thích phi pháp, cơ hội chủ nghĩa, về một điểm vụn vụn nhỏ trong nghị quyết của Cau-xky. Sự vụn vụn nhỏ bắt đầu đem lại những hậu quả khá lớn. Những bản dịch kém lại càng làm hiểu sai thêm: không phải vô cơ mà người Ý nói rằng dịch tức là phản lại (traduttori — traditori). Bản dịch chính thức nghị quyết của Cục quốc tế ra ba thứ tiếng chính thức vẫn chưa có và không biết bao giờ mới có. Cau-xky đã nói rằng “Công đảng” “*đã đứng trên lập trường đấu tranh giai cấp*” (đoạn cuối của nghị quyết; nguyên văn là: sich... auf seinen, d. h. des Klassenkampfes, Boden stellt), mà trong bản dịch của những người *dân chủ - xã hội* Anh lại thành “*“Công đảng” đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội quốc tế*”; — còn trong bản dịch của bọn *cơ hội chủ nghĩa* Anh (I. L. P.) thì dịch là “*“Công đảng” chấp nhận lập trường của chủ nghĩa xã hội quốc tế*” (như trên). Bây giờ xin các bạn hãy sửa lại những sai lầm đó đi trong công tác cổ động trong công nhân Anh!

Tôi không có một chút ý định nào buộc tội Brút Glê-di-ơ là đã xuyên tạc nghị quyết. Tôi tin rằng ông ta không thể có ý định như vậy. Và cái đó cũng không quan trọng. Điều quan trọng là biết vận dụng *tinh thần* của chính phần *thứ hai* của bản nghị quyết của Cau-xky trong công tác thực tiễn trong quần chúng. Cũng trên trang báo “Labour Leader” ấy, một đảng viên khác của “Đảng công nhân độc lập” phát biểu cảm tưởng về phiên họp của Cục quốc tế và cuộc mít-tinh ở Bruy-xen, nhân vật này than phiền rằng trong cuộc mít-tinh đó “*hầu như không thấy nhấn mạnh tới mặt lý tưởng và mặt đạo đức của chủ nghĩa xã hội*” — điều mà bao giờ cũng được nhấn mạnh trong các cuộc mít-

tin của I. L. P. ở nước chúng tôi — và “*thay thế cho cái đó*” (in its stead) phần lớn lại là “*giáo điều khô khan và không có tính cổ vũ* (barren and uninspiring) *về chiến tranh giai cấp*”.

Khi Cau-xky thảo bản nghị quyết nói về người Anh thì ông ta thấy phải dân chủ - xã hội Đức, chứ không phải phải “độc lập” Anh...

Tờ “Justice”, cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Anh, đăng một bài của Hen-đman trách cứ một cách chua chát đa số trong Cục quốc tế là “*đã vứt bỏ các nguyên tắc để làm thoả mãn bọn phản phúc tráo trở*”. Hen-đman viết: “*Tôi không nghi ngờ một chút nào rằng nếu Cục quốc tế gửi tới hậu thư trực tiếp cho “Công đảng”, thì đảng ấy lập tức phải phục tùng, và sẽ quyết định theo đường lối của chủ nghĩa xã hội quốc tế*”. Nhưng một bài khác cũng trong số báo đó lại nêu ra những *sự kiện* chứng minh rằng *trong thực tế* “Đảng công nhân độc lập” đã đưa một bộ phận đảng viên của mình tham gia nghị viện, dưới lá cờ *ô hợp* của “chủ nghĩa tự do và của “Đảng công nhân độc lập”” (liberal-labour alliance) và chứng minh rằng một số phần tử của “Đảng công nhân độc lập” đã được *bộ trưởng Giôn Bốc-xơ thuộc phái tự do ủng hộ* (báo “Justice”, 17 Oct. 1908, p. 4 et 7).

Không, nếu Hen-đman thực hiện kế hoạch mà ông ta nói đến, tức là: lại nêu vấn đề đó trong cuộc Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Cô-pen-ha-gơ (năm 1910), thì Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga sẽ phải đòi sửa lại nghị quyết của Cau-xky.

Điểm thứ hai trong chương trình nghị sự là vấn đề hành động chung của giai cấp vô sản và những người xã hội chủ nghĩa ở các nước chống lại những cuộc xung đột quốc tế và thuộc địa mà chính sách của các chính phủ tư sản đã làm cho có nguy cơ nổ ra. Va-li-ăng đưa ra một nghị quyết, nghị quyết này đã được thông qua sau khi được sửa chữa

rất nhỏ. Trong cuộc thảo luận, các đại biểu Áo nhắc lại rằng đảng của họ, thông qua đoàn đại biểu, đã chính thức phản đối chính sách của Phran-tơ Giô-xíp, và xác nhận rằng những người xã hội chủ nghĩa thừa nhận quyền tự quyết của tất cả các dân tộc. Các đại biểu Áo nói thêm rằng: nhưng khi phản đối chính sách của Phran-tơ Giô-xíp, chúng tôi cũng đồng thời phản đối chính sách của Áp-đun Ha-mít hay của Ê-đu-a VII. Nhiệm vụ của chúng tôi là làm cho chính phủ phải chịu trách nhiệm về hậu quả của các hành động của mình. Những đại biểu Anh tỏ lòng mong muốn các đại biểu dân chủ - xã hội Áo phát biểu cụ thể hơn về ý kiến chống lại chính phủ của họ, nhưng các đại biểu Áo không phát biểu gì thêm ngoài những điều đã kể trên. A-vra-mốp, đại biểu của những người xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri (những người dân chủ - xã hội “hẹp”, tức phái dân chủ - xã hội cách mạng; ở Bun-ga-ri còn có những người dân chủ - xã hội “rộng”, tức phái dân chủ - xã hội cơ hội chủ nghĩa), đòi phải nhắc đến giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa tồn tại ở chính ngay các nước vùng Ban-căng, nhưng điều sửa đổi của A-vra-mốp bị bác bỏ. A-vra-mốp tuyên bố rằng, về vấn đề tuyên bố độc lập của Bun-ga-ri, thì những người xã hội chủ nghĩa Bun-ga-ri kiên quyết chống lại các đảng tư sản, vì họ cho rằng, đứng trên quan điểm giai cấp công nhân mà xét, việc tuyên bố độc lập đó là phiêu lưu và có hại. Brút Glê-di-ơ đề nghị nêu thêm trong nghị quyết sự cần thiết phải tổ chức những cuộc biểu tình quốc tế, nhưng hội nghị đã quyết định giao cho Cục quốc tế trách nhiệm báo cho các đảng các nước biết sự gợi ý đó. Van-Côn (đại biểu của những người dân chủ - xã hội Hà-lan) đề nghị đưa vào nghị quyết lời phản kháng các cường quốc đã vi phạm Hiệp ước Béc-lanh, nhưng trước khi biểu quyết, Van-Côn đã rút đề nghị đó vì hội nghị đã vạch ra rằng vấn đề bảo vệ một cách đặc biệt những hiệp ước ký kết giữa các nước tư sản không phải là công việc của

những người xã hội chủ nghĩa. Nguyên văn nghị quyết mà Cục quốc tế đã thông qua như sau:

“Trước hết, ghi nhận rằng những người xã hội chủ nghĩa Anh và Đức với những cuộc biểu tình ủng hộ hoà bình của mình; những người xã hội chủ nghĩa Pháp với việc cổ động của mình chống cuộc viễn chinh sang Ma-rốc; những người xã hội chủ nghĩa Đan-mạch với lời đề nghị tài giảm binh bị của mình đều đã hành động phù hợp với nghị quyết của Quốc tế,

sau nữa xét rằng:

nguy cơ chiến tranh vẫn tồn tại; chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa vẫn tiếp tục tiến hành những hoạt động âm mưu ở Anh và ở Đức; cuộc viễn chinh và cuộc phiêu lưu ở Ma-rốc vẫn tiếp diễn; chính phủ Nga hoàng, vì muốn trước hết vay thêm những món nợ mới, đang cố gắng làm cho tình thế rối rắm thêm để nhờ đó mà củng cố địa vị của mình trong cuộc đấu tranh chống cách mạng Nga; ở vùng bán đảo Ban-căng sự can thiệp và những khát vọng vụ lợi của các cường quốc nước ngoài, đã nhen lên hơn bao giờ hết những tình cảm dân tộc chủ nghĩa và tôn giáo mạnh mẽ; gần đây, việc tuyên bố độc lập của Bun-ga-ri và đặc biệt việc sáp nhập miền Bô-xni-a và Ghéc-tê-gô-vi-na vào nước Áo đã làm cho nguy cơ chiến tranh tăng lên và gần hơn; sau hết, ở khắp mọi nơi, những âm mưu của các chính phủ, sự tăng cường vũ trang và chủ nghĩa quân phiệt cũng như cuộc cạnh tranh tư bản chủ nghĩa và sự cướp bóc thuộc địa, tất cả đều đang đe dọa nền hoà bình, —

Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa một lần nữa khẳng định rằng đảng xã hội chủ nghĩa và giai cấp vô sản có tổ chức là lực lượng duy nhất có khả năng bảo vệ hoà bình thế giới và bảo vệ hoà bình thế giới là nhiệm vụ của họ.

Thi hành nghị quyết của Đại hội quốc tế ở Stút-ga, Cục quốc tế kêu gọi các đảng xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước hãy nâng cao tinh thần cảnh giác, tăng cường hoạt động, đem hết sức ra làm việc theo đường lối đã quy định, và đề nghị các ban chấp hành trung ương và các ban lãnh đạo của các đảng, các đảng đoàn nghị viện của các đảng, các đại biểu của các đảng ấy trong Cục quốc tế hãy cùng với Ban bí thư của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa tìm các phương sách và biện pháp thực tiễn trên phạm vi dân tộc cũng như trên phạm vi quốc tế để có thể tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà hết sức ngăn ngừa chiến tranh và bảo vệ hoà bình”.

Điểm thứ ba trong chương trình nghị sự là xét đề nghị của chi bộ Anh về việc triệu tập họp đều kỳ Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa một năm hai lần. Hội nghị không thông qua nghị quyết có tính chất bắt buộc về vấn đề này. Chỉ nêu lên ý mong muốn theo hướng như vậy thôi. Hình như tuyệt đại đa số đại biểu cho rằng không cần thiết phải họp mỗi năm quá một lần (như từ trước đến nay vẫn làm), dĩ nhiên trừ những trường hợp bất thường.

Điểm thứ tư trong chương trình nghị sự là đề nghị của Cục quốc tế muốn tăng số tiền đóng góp của mỗi đảng để Cục chi dùng. Từ trước đến nay, số thu nhập danh nghĩa hàng năm của Cục là 14 950 phrăng (khoảng 6 000 rúp); Cục quốc tế đề nghị nâng số tiền đó lên 26 800 phrăng, nếu trừ những khoản thường thất thu thì sẽ tính tròn là 20 000 phrăng (8 000 rúp). Như vậy là tính theo số lượng đại biểu được tham dự các đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa, mỗi đảng hàng năm phải góp 100 phrăng cho một đại biểu. Nước Nga có 20 đại biểu và như vậy sẽ phải đóng 2 000 phrăng, trong đó những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng góp 700 phrăng, những người dân chủ - xã hội 1 000 phrăng và các công đoàn góp 300 phrăng. Từ trước đến nay, nước Nga đã đóng 1 500 phrăng mỗi năm, trong đó chúng ta góp 900 phrăng (theo sự thoả thuận với Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng). Về vấn đề này cũng không thông qua nghị quyết nào có tính chất bắt buộc. Hội nghị giao cho Cục quốc tế thông báo cho các đảng ở các nước và tỏ lòng mong rằng tiền đóng góp hàng năm của mỗi đại biểu là 100 phrăng.

Điểm thứ năm trong chương trình nghị sự là vấn đề thay đổi số lượng đại biểu của Thụy-điển — được tăng lên tới 12 người — và của Hung-ga-ri — không có sự tăng chung cho toàn quốc, nhưng vùng Crô-a-ti-a được thêm 2 đại biểu. Ngoài ra, còn quyết định cho phân chi bộ Ác-mê-ni-a thuộc chi bộ Thổ-nhĩ-kỳ được 4 đại biểu, ngay cả trước khi chi bộ Thổ-nhĩ-kỳ được thành lập, vì những người xã hội chủ

nghĩa Ác-mê-ni-a sống ở Thổ-nhĩ-kỳ không đồng ý “chờ đợi” người Thổ-nhĩ-kỳ. Mong rằng những đồng chí dân chủ - xã hội người Ác-mê-ni-a của chúng ta, vốn am hiểu tình hình phong trào xã hội chủ nghĩa Ác-mê-ni-a ở Thổ-nhĩ-kỳ, sẽ phát biểu ý kiến của mình về vấn đề này.

Điểm thứ sáu trong chương trình nghị sự là vấn đề kết nạp Đảng dân chủ - xã hội Chi-lê. Đảng này được thành lập sau khi có sự phân liệt trong Đảng dân chủ Chi-lê. Đảng dân chủ - xã hội Chi-lê được kết nạp ngay không phải tranh luận gì cả.

Điểm thứ bảy trong chương trình nghị sự là vấn đề những người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái sống ở nước Nga¹¹⁵. Như mọi người đã biết, trước khi họp Đại hội Stút-ga, họ đã đề nghị với Ban chấp hành trung ương đảng ta cho họ gia nhập vào phân chi bộ dân chủ - xã hội thuộc chi bộ Nga của Quốc tế. Ban chấp hành trung ương đảng ta khước từ đề nghị đó, và thông qua một nghị quyết nói rõ vì sao lại phản đối việc ghi nhận *những người phục quốc Do-thái* vào trong hàng ngũ dân chủ - xã hội, mặc dù họ cũng tự gọi là những “người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái”. Một đại biểu của phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái đã đến Stút-ga; và ở Stút-ga phân chi bộ chúng ta đã khước từ không cho đại biểu đó gia nhập, còn phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì bỏ phiếu trắng. Theo điều lệ đã quy định, thì Quốc tế chỉ công nhận hội viên mới khi có sự thỏa thuận của chi bộ nước có hội viên đó (trường hợp mà hai phân chi bộ nước có hội viên đó không nhất trí thì Cục quốc tế sẽ quyết định cuối cùng) cho nên theo quy tắc phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái không được tham gia đại hội. Họ khiếu nại lên Cục quốc tế, Cục liền ra một quyết định có tính chất thỏa hiệp: cho phép đại biểu của phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái tham gia đại hội, nhưng với tư cách là đại biểu *không có quyền biểu quyết*. Bây giờ cần phải làm cho sáng tỏ vấn đề rối ren đó: phái

xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái có phải là thành viên của Quốc tế hay không? Cũng như ở Đại hội Stút-ga, V. Át-lơ kiên quyết phản đối họ và cự tuyệt đề nghị của họ xin đại hội hoãn không thảo luận vấn đề đó, họ có gửi điện tới báo là không thể đến dự hội nghị Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa được. V. Át-lơ nói rằng: đôi khi sự vắng mặt là một cách tự vệ có hiệu nghiệm nhất. Tôi phát biểu ý kiến để nhắc lại một lần nữa quyết định của Ban chấp hành trung ương đảng chúng tôi và vạch rõ rằng việc kết nạp phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái trái với ý chí của hai phân chi bộ Nga, sẽ là một hành động vi phạm không thể có được đối với điều lệ của Quốc tế. Ru-ba-nô-vích và Gít-lốp-xki, đại biểu của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái¹¹⁶ (tại Đại hội Stút-ga đảng này được Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng kết nạp vào phân chi bộ của mình), đã đọc những diễn văn kịch liệt phản đối việc không kết nạp phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái. *Nhưng* đồng thời Ru-ba-nô-vích cũng *không thể* thông báo cho đại hội biết một nghị quyết nào khác của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng ngoài quyết định *bỏ phiếu trắng* về vấn đề này. Còn Gít-lốp-xki thấy việc khai trừ phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái ra khỏi Quốc tế là điều không sao tránh khỏi, nên đã công khai *tự bào chữa cho mình* và chứng minh một cách hung hăng tức cười rằng nếu phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái là những người theo chủ nghĩa lãnh thổ thì Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái cũng là như vậy. Dĩ nhiên từ đó không thể rút ra kết luận là cần phải kết nạp phái xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái, mà chỉ có thể rút ra kết luận là không có ai trong Quốc tế, trừ phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng ra, lại tán thành kết nạp Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái. Tôi phát biểu ý kiến lần thứ hai, kiên quyết phản đối thủ đoạn của Ru-ba-nô-vích nhằm gán ghép phái phục quốc Do-thái vào một phân chi bộ *khác*, trong khi đó thì ông ta không nêu lên được một

ng nghị quyết nào của phân chi bộ mình có lợi cho phái phục quốc Do-thái. Kết quả là (trừ hai phiếu trắng của Ru-ba-nô-vích và Va-li-ăng) Cục quốc tế đã nhất trí thông qua nghị quyết của Át-lơ như sau:

"Cục quốc tế xác nhận rằng việc để phái phục quốc Do-thái tham gia đại hội (với tư cách đại biểu không có quyền biểu quyết) chỉ được thực hiện đối với những phiên họp của Đại hội Stút-ga, rằng hiện nay phái phục quốc Do-thái không được kết nạp vào Cục quốc tế và Cục chuyển sang những vấn đề tiếp theo trong chương trình nghị sự".

Điểm thứ tám và cũng là điểm cuối cùng trong chương trình nghị sự là thông qua, hầu như không có tranh luận gì, thành phần đặc biệt của đoàn đại biểu những người xã hội chủ nghĩa Pháp trong Cục quốc tế. Đoàn Pháp được 2 đại biểu: đại biểu thứ nhất là Ghe-đơ, còn đại biểu thứ hai thì phân chia giữa Giô-re-xơ và Va-li-ăng.

Phiên họp của Cục quốc tế kết thúc bằng việc nhất trí thông qua bản kiến nghị tỏ rõ sự đồng tình với cách mạng Thổ-nhĩ-kỳ do đại biểu Bỉ Đơ Bru-ke đưa ra:

"Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa vui mừng thấy sự sụp đổ của cái chế độ bỉ ổi mà Á-p-đun Ha-mít, nhờ sự giúp đỡ của các cường quốc, đã duy trì lâu đến như vậy ở Thổ-nhĩ-kỳ. Cục cũng vui mừng thấy ngày nay các dân tộc của đế quốc Thổ-nhĩ-kỳ có khả năng tự mình quyết định số phận của mình và khả năng xây dựng một chế độ tự do chính trị cho phép giai cấp vô sản đang hình thành có thể tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp của mình trong sự thống nhất chặt chẽ với giai cấp vô sản toàn thế giới".

Vào thứ hai, ngày 12 tháng Mười, hội nghị đại biểu nghị viện các nước họp. Chương trình nghị sự gồm có 3 điểm: 1) khóa họp mới đây nhất của nghị viện; 2) cải cách thuộc địa (báo cáo của Van-Côn); và 3) hoạt động vì hòa bình của những người xã hội chủ nghĩa ở trong liên minh các nghị viện (báo cáo của La-phông-ten, đại biểu Bỉ). Sau đó có bốn

vấn đề: a) điều kiện trả lương cho các công nhân xây dựng (trong trường hợp chủ bị phá sản); b) biểu quyết bằng thư; c) danh sách mới của các thành viên và bí thư của các đảng đoàn nghị viện và d) việc gửi các tài liệu.

Về điểm thứ nhất trong chương trình nghị sự, theo đề nghị của Péc-néc-xtoóc-phơ, hội nghị chỉ xác nhận các nghị quyết của Đại hội Stút-ga: yêu cầu các bí thư các đảng đoàn nghị viện gửi các báo cáo viết nói về công tác của các đảng đoàn cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Hội nghị đã trao đổi qua ý kiến về hai "vấn đề" cuối cùng, và đã đi đến chỗ nhắc lại nghị quyết của Đại hội Stút-ga. Về hai "vấn đề" đầu tiên, hội nghị nêu một cách vắn tắt những tài liệu và dự án mà một số đại biểu xã hội chủ nghĩa đã có. Theo đề nghị của báo cáo viên, báo cáo của La-phông-ten đã bị gác lại. Về vấn đề này, các đại biểu Áo và Đức vạch rõ rằng họ phản đối sự tham gia của những người xã hội chủ nghĩa vào các hội nghị ủng hộ hòa bình của các nghị viện tư sản. Đại biểu Thụy-điển Bran-tinh viện ra những điều kiện đặc biệt mà theo ông ta, giải thích được sự tham gia của những người dân chủ - xã hội Thụy-điển vào các cuộc hội nghị đó. Theo đề nghị của Bran-tinh, trong chương trình nghị sự của hội nghị đại biểu nghị viện các nước sắp tới sẽ họp cùng một lúc với phiên họp tiếp theo của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, sẽ đưa ra bản vấn đề chế độ bảo hiểm nhà nước đối với công nhân.

Vấn đề cải cách thuộc địa là điểm duy nhất trong chương trình nghị sự đã được trình bày bằng một báo cáo ngắn trước hội nghị và được tranh luận một cách bổ ích. Trong báo cáo của mình, đại biểu Hà-lan Van-Côn, người đã nổi tiếng vì bản nghị quyết cơ hội chủ nghĩa của mình về vấn đề thuộc địa đọc tại Đại hội Stút-ga, đã mưu toan đưa ra, một cách có phần nào khác trước, cái tư tưởng ôm ấp của mình về cương lĩnh thuộc địa "tích cực" của Đảng dân chủ - xã hội. Van-Côn đã hoàn toàn không nói đến cuộc đấu tranh

của Đảng dân chủ - xã hội chống lại chính sách thuộc địa, đến công tác cổ động trong quần chúng chống lại việc cướp bóc thuộc địa, đến việc làm thức tỉnh tinh thần phản kháng và đối lập trong quần chúng bị áp bức ở các thuộc địa. Ông ta đã giành toàn bộ báo cáo của mình để nói về những "cải cách" có thể thực hiện được tại các thuộc địa mà vẫn giữ nguyên chế độ hiện tại. Giống hệt như một viên quan lại có lòng tốt, Van-Côn nêu lên rất nhiều vấn đề hết sức khác nhau, từ chế độ sở hữu ruộng đất đến các trường học, việc khuyến khích công nghiệp, các nhà tù, v. v.. Van-Côn lại nhấn mạnh là cần thiết phải có đầu óc thực tế hơn, phải chú ý chẳng hạn đến một điều là quyền phổ thông đầu phiếu không phải lúc nào cũng có thể áp dụng đối với những dân dã man, hay cũng có lúc cần thiết phải dùng chế độ lao động khổ sai ở các thuộc địa để thay thế cho nhà tù, v. v. và v. v.. Toàn bộ bản báo cáo đều đầy rẫy tinh thần chủ nghĩa cải lương tiểu tư sản nhất, thậm chí còn tệ hơn, chủ nghĩa cải lương quan liêu, chứ không phải là tinh thần đấu tranh giai cấp vô sản. Cuối cùng, ông ta đề nghị bầu ra một tiểu ban gồm đại biểu của 5 nước chủ yếu nhất có thuộc địa, để thảo ra cương lĩnh thuộc địa của Đảng dân chủ - xã hội.

Đại biểu Đức Môn-ken-bua và một số đại biểu Bỉ cũng muốn thử đi theo con đường của Van-Côn và chỉ tranh luận với Van-Côn về những điểm chi tiết, như có cần phải có một cương lĩnh chung duy nhất hay không, cương lĩnh đó có phải là khuôn sáo hay không, v. v.. Cách đặt vấn đề như thế chỉ có lợi cho Van-Côn mà thôi, vì chính Van-Côn muốn hướng tất cả vào vấn đề "thực tiễn" và muốn chứng minh rằng "trong thực tiễn" thì những sự bất đồng ý kiến ít hơn như ta cảm thấy ở Stút-ga. Nhưng Cau-xky và Lê-đê-bua lại đặt vấn đề có tính chất nguyên tắc và công kích lập trường căn bản giả nhân giả nghĩa của Van-Côn. Cau-xky nói: Van-Côn cho rằng, thậm chí trong những trường hợp cá biệt, có thể không áp dụng chế độ phổ thông đầu phiếu, như thế

có nghĩa là, bằng cách này hay cách khác, ông ta tán đồng chế độ độc đoán ở thuộc địa, vì ông ta không đề ra và cũng không thể đề ra được một chế độ tuyển cử nào khác cả. Lê-đê-bua nói: Van-Côn tán thành chế độ lao động khổ sai, như vậy có nghĩa là ông ta mở cửa cho chính sách tư sản là chính sách dùng hàng nghìn lý do khác nhau để duy trì chế độ nô lệ ở các thuộc địa. Van-Côn tự bào chữa cho mình một cách hết sức ngoan cố và hết sức tồi. Ví dụ ông ta tìm cách chứng minh rằng đôi khi không thể không tiến hành chế độ thuế bằng hiện vật, rằng "như bản thân ông ta đã thấy ở đảo Gia-va", dân Pa-pu không hiểu bỏ phiếu là thế nào, và trong những cuộc bầu cử thì sự quyết định của họ lại là do sự mê tín hay do được uống rượu say khướt, v.v.. Cau-xky và Lê-đê-bua đã chế giễu những lý lẽ đó và cho rằng bản cương lĩnh dân chủ chung của chúng ta hoàn toàn có thể áp dụng được ngay cả ở các thuộc địa nữa, rằng cần phải nêu lên hàng đầu vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản ngay cả ở các thuộc địa nữa. Lê-đê-bua hỏi rằng: sự mê tín của những người "văn minh" theo đạo Thiên chúa ở các nước chúng ta có cao hơn sự mê tín của những người dã man không. Cau-xky nói rằng: nếu như không phải là bất cứ lúc nào cũng có thể áp dụng được chế độ nghị viện và chế độ đại nghị, thì lúc nào cũng có thể áp dụng được chế độ dân chủ và lúc nào cũng phải đấu tranh chống mọi sự vi phạm chế độ dân chủ. Cuộc tranh luận đó đã làm hết sức sáng tỏ đường lối dân chủ - xã hội cách mạng và đường lối dân chủ - xã hội cơ hội chủ nghĩa. Thấy rằng đề nghị của mình chắc chắn sẽ bị "chôn vùi trước tiên", Van-Côn đã tự xin rút đề nghị đó.

*"Người vô sản", số 37, ngày
16 (29) tháng Mười 1908
Ký tên: N. Lê - nin*

*Theo đúng bản đăng
trên báo "Người vô sản",
có đối chiếu với bản thảo*

P. MA-XLỚP TRONG CƠN ĐIÊN LOẠN

Trong báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 8 - 9, P. Ma-xlớp có đăng "Thư gửi ban biên tập". Thư này không thể gọi là cái gì khác hơn là lá thư điên loạn. Thật thế, tác giả không những muốn làm nhục tôi bằng cách so sánh bút pháp của tôi và bút pháp của tên tu sĩ I-li-ô-đo, mà còn đưa ra *những cuộc nói chuyện cách đây những 14 năm*, như thế há chẳng phải là điên loạn đó sao? Bạn đọc sẽ cho rằng đó là chuyện đùa, nhưng đó lại là sự thật. P. Ma-xlớp viết: "Trước khi quyển III của bộ "Tư bản" được xuất bản, Lê-nin có đọc bản thảo của tôi trong đó có nêu cách giải quyết vấn đề phân phối lợi nhuận như Mác đã viết trong quyển III, Lê-nin đã nói rằng ông ta cho ý kiến hết sức vô lý của giáo sư Xcơ-voóc-txốp đối với vấn đề này là đúng". Các bạn hãy xem *trước khi* quyển III được xuất bản, tức là *trước năm 1894!* Phải có hoặc sự ngây thơ trẻ con, — và đây không phải là trường hợp của đối thủ đáng tôn kính của tôi — hoặc phải là điên loạn, thì mới đòi hỏi nhớ chính xác một câu chuyện cũ nào đó, hình như *cách đây những mười bốn năm*, về những bản thảo không được in ra của mình. Nhưng tốt nhất, thưa đồng chí Ma-xlớp, phải chăng là hãy đưa in bản thảo đó đi? Người ta sẽ chứng minh rằng Ma-xlớp, chỉ riêng một mình Ma-xlớp thôi, đã giải quyết, *trước khi* quyển III được xuất bản, vấn đề mà Ăng-ghe-nen đặt ra cho toàn thế giới, như thế thì lợi biết dường nào! Thật vậy, việc tiết

lộ đó hình như đến hơi muộn một chút... Nhưng thà muộn còn hơn không. Thật ra cũng không được nghĩ rằng Ma-xlớp khi gợi lại những ký ức của mình, đã không hề có mục đích nào khác là để tự tôn mình lên.

Như thế là ban biên tập tờ báo mà trong đó Ma-xlớp viết bài, chưa kịp khen những điều Ma-xlớp đã sửa chữa tác phẩm của Mác, thì Ma-xlớp đã quyết định tự mình khen mình về những điều mình làm (và chỉ riêng mình biết) cách đây mười bốn năm... Nếu tin vào trí nhớ ghê gớm của đồng chí Ma-xlớp, thì hình như cách đây 14 năm, trước khi quyển III của bộ "Tư bản" được xuất bản, tôi đã phạm những sai lầm mà tôi không bao giờ công bố. Còn Ma-xlớp thì, sau khi quyển III của bộ "Tư bản" xuất bản được 7 năm và 14 năm, đồng chí ấy phạm sai lầm và đồng chí ấy đã công bố những sai lầm đó. Vả lại, có thể là cơn điên loạn của Ma-xlớp không phải là hoàn toàn không cố ý. Cách đây đúng 5 năm, Mác-tốp đã nổi một cơn điên loạn như vậy trước Plê-kha-nốp, khiến Plê-kha-nốp phải bỏ hàng ngũ những người bôn-sê-vích chạy sang hàng ngũ những người men-sê-vích. P. Ma-xlớp có hy vọng rằng sau khi đọc những lời gào thét của Ma-xlớp đăng trong tờ báo của Plê-kha-nốp và phe cánh, Plê-kha-nốp lại sẽ bỏ hàng ngũ những người theo học thuyết về địa tô của Mác chạy sang hàng ngũ những người theo học thuyết về địa tô của Ma-xlớp hay không? Điều đó rất là thú vị. Nhưng hiện nay thì chưa xảy ra sự việc như thế, chúng ta hãy xem xét việc Ma-xlớp buộc tội bài của tôi, mà theo đồng chí đó, thì "gồm toàn những trích dẫn xuyên tạc và những điều sai sự thật rành rành".

Thưa đồng chí Ma-xlớp, có phải "toàn" như thế hay không?

Nào, chúng ta hãy phân tích tất cả những lý lẽ của đồng chí xem sao.

"Lê-nin viết: "Nói rằng theo Mác thì địa tô tuyệt đối là do cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp mà ra, như thế là không đúng. Địa tô tuyệt đối là do chế độ

tư hữu ruộng đất sinh ra. Chế độ tư hữu ấy tạo ra một thứ độc quyền đặc biệt¹⁾".

Ở đây Ma-xlốp *trích dẫn câu của tôi theo kiểu cắt xén*. Câu của tôi, đến chữ "độc quyền" vẫn tiếp tục và chấm hết bằng đoạn trích dẫn *một trang đích xác trong quyển IV* ("Các học thuyết về giá trị thặng dư"). Đấy không phải là Ma-xlốp trích dẫn sai, không phải! Đấy chẳng qua là Ma-xlốp "sửa chữa" cách trình bày của người khác...

P. Ma-xlốp viết tiếp: "Lê-nin viết như vậy đấy. Còn Mác thì viết như thế này: "Nếu cấu thành trung bình của tư bản nông nghiệp bằng hoặc cao hơn cấu thành của tư bản xã hội trung bình thì địa tô tuyệt đối — chính là hiểu theo nghĩa đã được xác định trên đây — sẽ biến mất; nghĩa là thứ địa tô mà ta cần phân biệt với địa tô chênh lệch cũng như với thứ địa tô phát sinh trên cơ sở giá cả độc quyền hiểu theo đúng nghĩa của danh từ này" ("Tư bản", quyển III, tr. 631, bản dịch tiếng Nga¹⁷). Tôi xin nhường cho bạn đọc xét xem ai trình bày tư tưởng của Mác đúng hơn" (tiếp theo là chú thích về sai lầm đối với quy luật lợi nhuận mà tôi đã phạm phải cách đây 14 năm trong một cuộc nói chuyện riêng với P. Ma-xlốp, như P. Ma-xlốp vẫn còn nhớ rất rõ).

Tôi cũng xin nhường lại cho bạn đọc xét xem "những trích dẫn xuyên tạc và những điều sai sự thật rành rành" là của ai. Ma-xlốp đáng tôn kính đã *cắt câu của tôi đúng trước đoạn trích dẫn Mác* và thay thế đoạn trích dẫn này bằng một đoạn trích dẫn khác! Đấy có phải là một lý lẽ không? Ma-xlốp chẳng đã vạch ra được vô số mâu thuẫn trong các "bản nháp" của Mác đó sao (tôi xin nhắc bạn đọc rằng: năm 1906, nghĩa là ngay cả sau khi quyển "Các học thuyết về giá trị thặng dư" đã được xuất bản, Ma-xlốp đã dám giải thích rằng nguyên nhân những sai lầm của Mác,

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 351.

mà Ma-xlốp đã phát hiện ra, là ở chỗ quyển III là gồm những "bản nháp"? Phải chăng điều đó chứng minh rằng Mác đã tự mình mâu thuẫn với mình *khi thì* nói rằng địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu ruộng đất mà có, *khi thì* bảo địa tô tuyệt đối là do cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp mà có?

Không, điều đó chỉ chứng tỏ rằng Ma-xlốp lại đã lẫn lộn một cách không thể tưởng tượng được. Ở Mác, có thể tìm thấy hàng chục câu nói rằng địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu ruộng đất mà có và hàng chục câu nói rằng địa tô tuyệt đối là do cấu thành thấp của tư bản nông nghiệp mà có. Lý do thật là đơn giản vì *cả hai điều kiện đó*, Mác nêu lên ở những chỗ thích hợp trong lúc trình bày, — cũng hoàn toàn như thế, *tôi nêu lên cả hai điều kiện đó* khi tôi trình bày tư tưởng của Mác: chính ngay trong đoạn văn bài báo của tôi, đoạn văn mà Ma-xlốp đã trích dẫn, tôi *cũng* nói *đến cấu thành thấp* của tư bản nông nghiệp! (Xem báo "Người vô sản", số 33, tr. 3. cột 2 - 3¹⁾). Để bác lại tôi, Ma-xlốp trích dẫn chương 45 quyển III của bộ "Tư bản", chương nói về địa tô tuyệt đối, ở trang 298 của nguyên bản. Nhưng ở trang 287 cũng của nguyên bản, *tức là ở phần trên*, Mác khẳng định rằng địa tô chênh lệch không phải do chế độ tư hữu ruộng đất "tạo ra" (dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, *dù không có* chế độ tư hữu ruộng đất cũng vẫn có địa tô chênh lệch), còn địa tô tuyệt đối thì là do chế độ tư hữu ruộng đất tạo ra. "Chính chế độ tư hữu ruộng đất — Mác viết ngả — tạo ra địa tô" (III, 2, 287).

Thử hỏi, đoạn trích dẫn ở trang 287 có mâu thuẫn với đoạn trích dẫn ở trang 298 hay không? Không mảy may. Sau khi làm sáng tỏ rằng chế độ tư hữu ruộng đất *tạo ra* địa tô (cụ thể là địa tô tuyệt đối), Mác chuyển sang nói rõ

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 350 - 352.

rằng địa tô đó sẽ hoặc giản đơn là một thứ độc quyền, chỉ là độc quyền, độc quyền thuần túy, hoặc là *kết quả* của việc chế độ độc quyền cản trở sự *san bằng lợi nhuận* của các tư bản có cấu thành thấp (nông nghiệp) và các tư bản có cấu thành cao hơn (công nghiệp).

Vậy là trong tờ báo của Plê-kha-nốp và phe cánh, Ma-xlốp đã lặp lại những lời xuyên tạc không thể dung thứ được của mình đối với chủ nghĩa Mác. Như thế là cả ở đây nữa Ma-xlốp khẳng khẳng — tuy không nói thẳng ra — nói rằng không thể có địa tô tuyệt đối, rằng học thuyết của Mác là sai, còn lý luận kinh tế chính trị học tư sản — thứ kinh tế chính trị học phủ nhận địa tô tuyệt đối — thì đúng.

Vì sao không nói thẳng những điều trình bày trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" mà tôi đã trích dẫn? Đấy há chẳng phải là "những trích dẫn xuyên tạc và những điều sai sự thật rành rành" đó sao? Thế nghĩa là thế nào? Trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" có nói rằng Mác sai, rằng không thể có địa tô tuyệt đối; còn trong tờ báo của Plê-kha-nốp và phe cánh thì *lờ đi không nói đến điều này* và chỉ nói đến vấn đề xem ai trình bày tư tưởng của Mác *đúng hơn!!!* Thế là điều chúng tôi tranh cãi với Ma-xlốp chẳng qua chỉ là vấn đề xem "ai trình bày tư tưởng của Mác đúng hơn", và khi tôi nói rằng Ma-xlốp đã vứt bỏ địa tô tuyệt đối và "sửa chữa lại" các "bản nháp" của Mác cũng là nói không đúng ư!? Thưa đồng chí Ma-xlốp, nên biết hổ thẹn một chút!

"Tiếp đến. Lê-nin viết rằng: "Ông Pi-ốt Ma-xlốp cũng không hiểu địa tô chênh lệch của Mác... Khi một khoản đầu tư mới tư bản của người tá điền vào ruộng đất của anh ta đem lại cho anh ta một lợi nhuận mới và *một khoản địa tô mới* (do Lê-nin viết ngả), thì không phải người chủ ruộng đất nhận được địa tô ấy, mà chính là người tá điền"¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 353 - 354.

Nhân trường hợp này, tất nhiên Lê-nin vội lên lớp Ma-xlốp "dốt nát" về điều đó. Chúng ta hãy giở tập I cuốn "Vấn đề ruộng đất", trang 112: "Nếu việc thâm canh nông nghiệp, với 500 rúp bỏ thêm, cũng đưa lại một số lượng sản phẩm như thế, thì người thuê ruộng sẽ thu được lợi nhuận không phải 25% nữa, mà là 100%, vì trong lần đầu tư thứ nhất anh ta đã trả 333 rúp địa tô... Nếu trong những lần đầu tư thứ nhất, anh ta thỏa mãn với lợi nhuận bình quân... thì anh ta sẽ có lợi hơn nếu giảm diện tích ruộng đất thuê, đồng thời đầu tư thêm vào ruộng đất đó, vì những khoản đầu tư mới đó sẽ đem lại lợi nhuận siêu ngạch, khiến người thuê ruộng cũng thu được địa tô". Nhưng Lê-nin cần nói những điều sai sự thật để chửi bới tôi".

Chúng ta thử xem ai nói không đúng sự thật. Để hiểu rõ điều này, xin bạn đọc chú ý đến *những dấu chấm lửng* trong đoạn trích dẫn của Ma-xlốp mà tôi sao lại. Vì tôi đã trích lại toàn bộ những điều Ma-xlốp nói về vấn đề này. Những dấu chấm lửng có nghĩa là *cắt xén*. Và Ma-xlốp đã *bỏ mất* trong trang 112 của tập I của mình, *đúng* đoạn Ma-xlốp *phản đối Mác*, và được in *chữ ngả* ở trang 112! Điều đó không thể tưởng tượng được, nhưng đây lại là sự thật. Trong bài báo của tôi đăng trên tờ "Người vô sản", tôi có trích dẫn một câu sau đây ở trang 112 của tập I, coi đó là lý lẽ thứ hai của Ma-xlốp phản đối Mác: "Địa tô thu được nhờ khoản tư bản đầu tư "cuối cùng", địa tô của Rốt-béc-tút và địa tô tuyệt đối của Mác sẽ biến đi *vi người tá điền bao giờ cũng có thể biến khoản tư bản "cuối cùng" thành khoản tư bản trước cuối cùng nếu tư bản đưa lại được một cái gì ngoài lợi nhuận thông thường*" (do Ma-xlốp viết ngả)¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 352.

Đây là lý lẽ của Ma-xlốp phản đối Mác. Tôi đã công kích *chính* cái lý lẽ đó và hiện nay tôi vẫn cho rằng lý lẽ đó hoàn toàn sai lầm và hồ đồ. Còn Ma-xlốp thì trả lời tôi bằng cách trích dẫn *cùng cùng* trang 112 đó, nhưng lại *bỏ mất* đoạn mình công kích Mác! Thay vào đoạn công kích bỏ đi đó là *những dấu chấm lửng*; trước những dấu chấm lửng thì trích dẫn *đoạn đầu* trang, sau những dấu chấm lửng là đoạn *cuối* trang, còn đoạn công kích Mác ở giữa thì không còn nữa. Thế chẳng phải là trích dẫn xuyên tạc và sai sự thật rành rành đó sao?

Trước đây và hiện nay tôi chưa bao giờ cả quyết rằng không tìm được những chỗ đúng trong 400 trang của cuốn "Vấn đề ruộng đất". Tôi chỉ khẳng định rằng *những lý lẽ của Ma-xlốp phản đối Mác* là những lời nói hết sức ngu xuẩn và hồ đồ chưa từng thấy. Trong lần xuất bản thứ tư mà Ma-xlốp hứa hẹn, nếu Ma-xlốp vứt bỏ những lý lẽ đó, nếu chẳng hạn ở trang 112, đồng chí ấy lấy lại bài đã đăng trên báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", thì tôi và mọi người sẽ nói rằng: từ lần xuất bản thứ tư, Ma-xlốp đã thôi không "sửa chữa" Mác nữa. Nhưng chừng nào chưa làm như vậy, thì ai đọc tập I cũng đều thấy ở trang 112 lý lẽ của Ma-xlốp phản đối Mác, lý lẽ mà tác giả đã *lược bỏ* trong báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Và mọi người sẽ thấy rằng tôi phê phán lý lẽ *đó* là đúng, tức là thấy rằng lý lẽ của Ma-xlốp phủ nhận địa tô *tuyệt đối* là lý lẽ vô lý, vì trong thời gian thuê ruộng đất, với tư bản bỏ thêm, người thuê ruộng thu được *toàn bộ* địa tô, tức là cả địa tô *tuyệt đối* lẫn địa tô *chênh lệch*.

Tôi không bàn đến "ví dụ" tiếp theo của Ma-xlốp, vì ví dụ này *vẫn* liên quan *đến lý lẽ* mà Ma-xlốp đã bỏ qua không nêu lên trong tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Rõ ràng nếu Ma-xlốp *từ bỏ* lý lẽ này, thì việc tôi phê phán lý lẽ đó sẽ không thành vấn đề nữa. Còn nếu Ma-xlốp không làm như thế, mà cứ cắt xén những đoạn trích dẫn, thì tôi

xin hỏi bạn đọc rằng: ai là kẻ đưa ra "toàn những trích dẫn xuyên tạc và những điều sai sự thật rành rành"?

Sau hết, đoạn trích dẫn cuối cùng mà Ma-xlốp lấy trong bài báo của tôi là như thế này:

"Lê-nin hỏi: "Thâm canh là gì?" và trả lời: "là một sự chi phí thêm về lao động và tư bản. Máy gặt theo sự phát hiện của Ma-xlốp vĩ đại, *không phải* (do Lê-nin viết ngả) là một sự chi phí về tư bản. Máy gieo thành hàng *không phải* là một sự chi phí về tư bản!"¹⁾. Do không hiểu những khái niệm sơ đẳng nhất trong vấn đề ruộng đất, nên Lê-nin đã định nghĩa sai vấn đề thâm canh, không những đã nói một điều ngu xuẩn rõ ràng mà còn nói một điều sai sự thật rành rành. Trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" (tr. 62) có viết rằng: "Dù là quảng canh hay thâm canh trong nông nghiệp thì máy đập lúa cũng đều giảm chi phí lao động cho một đơn vị diện tích ruộng đất". (Mức độ thâm canh được quyết định bởi chi phí *như thế*, chứ không phải bởi chi phí nói chung, không kể diện tích ruộng đất như thế nào. P. M). Máy gặt lúa có tác dụng y như thế".

Về điểm đó, Ma-xlốp hết sức tôn kính, hãy lắng nghe, tôi muốn nói với đồng chí điều này: cũng nên biết điều!.. Chẳng lẽ vấn đề tranh luận lại là ở chỗ mức độ thâm canh có phải do đầu tư tư bản cho một đơn vị diện tích quyết định hay là không kể đến diện tích, hay sao? Chính đây lại là một sự xuyên tạc và một điều sai sự thật rành rành! Thật vậy, cuộc tranh luận tuyệt nhiên không phải vì chỗ đó. Trong phần *thứ hai* bài của tôi, mà giờ đây Ma-xlốp trích dẫn, tôi tranh luận *tuyệt nhiên không phải* để phản đối cuốn "Vấn đề ruộng đất" của Ma-xlốp, mà là để *phản đối bài của Ma-xlốp đăng trên tạp chí "Học vấn", số 2, năm 1907*.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 361.

Bạn hãy tranh luận với một người khi thì vứt bỏ ra khỏi những tác phẩm của mình chính những lý lẽ chống lại Mác và bị người ta phê phán, khi thì *vứt bỏ cả những bài trọn vẹn của mình* ra khỏi những tác phẩm đó, rồi nhét cho độc giả *không phải cái* mà người ta đã nói đến!

Phần thứ hai bài báo của tôi nhan đề là: "Để bác bỏ chủ nghĩa dân túy, có cần phải bác bỏ Mác hay không?". Trong bài này, tôi *chỉ* phê phán bài của Ma-xlốp đăng trên tạp chí "Học vấn", số 2, năm 1907.

Trong tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", Ma-xlốp lờ đi không nói đến bài báo đó của mình, mà lại trích dẫn cuốn "Vấn đề ruộng đất"! Nhưng chính đây là trò chơi ú tim lố bịch! Tôi chưa hề nói là trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" Ma-xlốp đã viết rằng muốn bác bỏ chủ nghĩa dân túy thì phải bác bỏ Mác.

Nhưng trong tạp chí "Học vấn", Ma-xlốp *đã nói như vậy*. Tôi phản đối chính là điểm này, chứ tuyệt nhiên không phản đối điểm nói rằng thâm canh là do đầu tư tư bản quyết định. Liệu Ma-xlốp có giữ vững được hay không điều mình khẳng định là: "nếu không có hiện tượng giảm năng suất của những chi phí lao động bỏ ra liên tiếp trên cùng một diện tích ruộng đất, thì có lẽ có thể thực hiện được cảnh sống điền viên mà phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng mô tả"?

Ma-xlốp hết sức đáng kính, đồng chí lẩn trốn phải không? Như thế có nghĩa là thừa nhận mình bị đánh bại.

Đồng chí có còn khẳng định hay không rằng chính đồng chí "là người đầu tiên đặc biệt nhấn mạnh đến sự khác nhau giữa tác dụng của canh tác và của tiến bộ kỹ thuật đối với việc phát triển nông nghiệp, và đặc biệt là đối với cuộc đấu tranh giữa nền sản xuất lớn và nền sản xuất nhỏ"? Đó là điều người ta thấy trong tạp chí "Học vấn". Đó là điều mà tôi đã trích dẫn trên báo "Người vô sản". Liên quan đến vấn đề này, và chỉ vấn đề này thôi, chính là lập luận của

đồng chí về máy gặt lúa đăng trong tạp chí "Học vấn", chứ không phải trong cuốn "Vấn đề ruộng đất". Nếu Ma-xlốp không bảo vệ những điều mình đã phát biểu trong tạp chí "Học vấn", thì có nghĩa là Ma-xlốp đầu hàng!

Như vậy, về thực chất của vấn đề, Ma-xlốp chỉ quanh co lẩn trốn trong báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Ma-xlốp vẫn tiếp tục lặp lại điều hồ đồ nói rằng tuồng như Mác không kết luận rằng địa tô tuyệt đối là do chế độ tư hữu ruộng đất mà có, nhưng về những điểm Ma-xlốp đã sửa chữa Mác thì Ma-xlốp không công khai bảo vệ; những lý lẽ phản đối Mác thì Ma-xlốp gạt bỏ ra khỏi những đoạn trích dẫn của mình; về những điều phát biểu trong tạp chí "Học vấn" thì Ma-xlốp hoàn toàn lờ đi. Về phần chúng tôi, chúng tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng: việc Ma-xlốp trong cuốn "Vấn đề ruộng đất" bác bỏ địa tô tuyệt đối của Mác và những lập luận của Ma-xlốp trong tạp chí "Học vấn" vẫn là một thí dụ xuất sắc có một không hai về sự mơ hồ và về việc đưa quan điểm tư sản vào lý luận.

Về bản in tiếng Đức cuốn sách của Ma-xlốp, tôi đã từng chế giễu là trong cuốn đó tất cả những điểm sửa chữa nguyên bản tác phẩm của Mác đều đã được rút đi hết. Ma-xlốp biện bạch rằng: người xuất bản không xuất bản toàn bộ phần đầu cuốn sách của anh ta! Vậy thì việc cải chính này của Ma-xlốp là thế nào? Tôi đã nói: Ma-xlốp đã rút bỏ những điểm sửa chữa của mình đi. Ma-xlốp trả lời: đó là do người xuất bản. Mà người xuất bản thì đó lại là người dân chủ - xã hội Đức Đít-xơ.

Nếu Đít-xơ đã rút "học thuyết" của Ma-xlốp, rút bỏ những điểm Ma-xlốp "sửa chữa" Mác với sự đồng ý của Ma-xlốp, thì kết luận của tôi không có gì thay đổi cả. Nếu Đít-xơ làm việc đó *không được* sự đồng ý của Ma-xlốp, thì kết luận của tôi chỉ thay đổi về hình thức mà thôi: khi rút bỏ những điều ngu xuẩn trong cuốn sách của Ma-xlốp, như thế là Đít-xơ đã hành động một cách thông minh.

Có phải Ma-xlốp đáng tôn kính muốn sửa lại cho đúng không?

Ma-xlốp nói rằng tôi "bắt đầu tìm tà thuyết của những địch thủ của tôi", "để che giấu" những tà thuyết của các bạn mình. Điều đó không đúng. Đối với những cái của bạn tôi mà tôi cho là tà thuyết, tôi cũng kiên quyết chống lại, cũng như chống lại anh vậy. Lời chú giải của tôi trong cuốn sách "Để kỷ niệm Mác"¹⁾ vừa mới xuất bản đã chứng minh điều đó. Còn những tà thuyết của Ma-xlốp thì tôi "đã bắt đầu tìm" từ năm 1901 trong tạp chí "Bình minh"²⁾, tức là hai năm trước khi có sự phân liệt thành những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích — hai năm trước khi Ma-xlốp đề ra cương lĩnh thứ nhất về địa phương công hữu hóa. Năm 1901, Ma-xlốp là "đối thủ" của tôi trong đảng *thì chỉ* là về vấn đề Ma-xlốp đã sửa chữa học thuyết của Mác.

P. S. Bài bình luận ngắn này viết xong thì tôi nhận được một bản thông báo đặc biệt của ban trị sự báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" bảo rằng:

"Do thiếu sót về ấn loát nên trong báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 8-9, đã bỏ sót lời chú thích của ban biên tập về bức thư của đồng chí Ma-xlốp. Thiếu sót này sẽ được sửa chữa ngay, lời chú thích sẽ gửi đến các bạn đọc đặt mua và các bạn mua báo lẻ".

Chúng tôi chưa nhận được điều sửa chữa đó. Nhưng tôi thấy có nhiệm vụ báo cho bạn đọc biết thiếu sót về ấn loát đó. Liệu bản thông báo đặc biệt mà tôi nhận được có còn sai sót về ấn loát hay không? Có nên đọc là *ngài* Ma-xlốp thay cho *đồng chí* Ma-xlốp không? Vì Plê-kha-nốp đã tuyên bố trên báo chí rằng hễ ai xa rời Mác, thì đối với Plê-kha-nốp đó không phải là đồng chí, mà là ngài! Có lẽ điều đó

1) Xem tập này, tr. 23.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 148.

không áp dụng đối với những người men-sê-vích tuyên truyền những điều xa rời chủ nghĩa Mác, chẳng?

"Người vô sản", số 37, ngày
16 (29) tháng Mười 1908
Ký tên: N. Lê-nin

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản", có đối
chiếu với bản thảo

MẤY Ý KIẾN VỀ BÀI "TRẢ LỜI" CỦA P. MA-XLỚP¹¹⁸

Đối phương của tôi chỉ trích tôi là đã dùng những thủ đoạn luận chiến để bóp méo thực chất của cuộc tranh luận. Để xem có đúng thế không, tôi xin tuân tự phân tích bài "Trả lời" của P. Ma-xlốp.

Thí dụ thứ nhất của Ma-xlốp. Lê-nin nói rằng nếu không triệt để thủ tiêu tất cả mọi tàn tích của chế độ nông nô, thì không thể có được cao trào cách mạng, "như thế Đảng dân chủ - xã hội, khi thông qua cương lĩnh chủ trương địa phương công hữu hóa ruộng đất, là có ý định duy trì các tàn tích của chế độ nông nô và để ruộng đất trong tay địa chủ".

Bạn đọc nào cũng đều nhận thấy rằng Ma-xlốp bỏ qua thực chất của vấn đề, vì tôi luôn luôn chỉ rõ rằng tàn tích của chế độ nông nô không những chỉ là chế độ chiếm hữu của địa chủ, mà còn là chế độ sở hữu ruộng đất được chia như hiện nay nữa. Chính đó mới là vấn đề tranh luận. Trong *toàn bộ* bài trả lời của mình, Ma-xlốp bỏ qua vấn đề đó, không nói lấy một lời là xem trong chế độ sở hữu ruộng đất được chia có những tàn tích trung cổ hay không và nếu xóa được chế độ trung cổ đó thì có lợi cho chủ nghĩa tư bản hay không. Ma-xlốp đánh lạc sự chú ý của bạn đọc sang một khía cạnh khác. Không trả lời về lý lẽ có tính chất nguyên tắc của đối phương, mà chỉ chụp cho đối phương cái mũ "quá hăng", thì đây không phải là tranh luận, mà là cãi nhau.

Thí dụ thứ hai. Tôi nói rằng giữa cách mạng ruộng đất và cách mạng chính trị có một mối liên hệ khăng khít, Ma-xlốp cho rằng nói thế là khiếm lễ đối với bạn đọc. Việc địa phương công hữu hóa cũng không cắt đứt được mối liên hệ đó. Phải chăng đây cũng là một câu trả lời? Ở đây Ma-xlốp phải chăng đã làm thình không nói đến 1) việc tôi đã trích dẫn *một cách chính xác* lời của Nô-vô-xết-xki, một người men-sê-vích, nói *dứt khoát* rằng địa phương công hữu hóa có liên hệ với cuộc cách mạng chính trị không triệt để; 2) việc tôi đã lập luận rằng địa phương công hữu hóa không đụng chạm đến chế độ công xã kiểu trung cổ, cũng không đụng chạm đến chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, tức là địa phương công hữu hóa nhất định và tất nhiên làm cho chính cuộc cách mạng ruộng đất — và chỉ có cuộc cách mạng ruộng đất thôi — không được triệt để.

Lý lẽ thứ ba của Ma-xlốp: "Lê-nin lấy việc nông dân cầm thù bọn địa chủ và quan lại làm lý lẽ để bênh vực cho cương lĩnh của mình và chống lại cương lĩnh đã được thông qua". Không đúng. Bạn đọc nào cũng đều nhận thấy rằng Ma-xlốp đã chừa câu của tôi viết: "*lòng căm thù chế độ trung cổ*" (chính Ma-xlốp đã thừa nhận trong mấy dòng ở trên rằng tôi có nói về lòng căm thù chế độ trung cổ) thành câu: "lòng căm thù *bọn địa chủ*". Sở dĩ Ma-xlốp cần thay như thế là để lờ đi không nói đến lý lẽ của tôi về tính chất trung cổ của chế độ sở hữu ruộng đất *được chia*.

Nói rằng tôi gọi cương lĩnh của tôi là cương lĩnh bên-sê-vích thì đó là không đúng. Nói rằng vấn đề quốc hữu hóa đã được biểu quyết ở Xtốc-khôn, cũng là không đúng. Thừa đồng chí Ma-xlốp, không nên xuyên tạc sự thật!

"Không có học thuyết về địa tô nào đã cho rằng cương lĩnh quốc hữu hóa là hơn, hay cương lĩnh địa phương công hữu hóa là hơn, vì dù thế nào chăng nữa, thì thu nhập về ruộng đất tịch thu cũng đều do nhà nước hoặc các cơ quan tự quản địa phương thu nhập".

Đây mới thật là một lý lẽ nói về thực chất. Một lý lẽ tuyệt vời, vì nó nói lên rõ hơn hết rằng Ma-xlốp đã xuyên tạc một cách kinh khủng đến như thế nào chủ nghĩa Mác. Chỉ có phủ nhận *địa tô tuyệt đối* của Mác, như Ma-xlốp đã "bác bỏ", mới có thể quy vấn đề đó thành vấn đề "thu nhập" và quên mất việc lương thực sụt giá và việc tư bản có khả năng đầu tư vào nông nghiệp! Ma-xlốp đưa lý lẽ đó để xác nhận rằng đối với mình bản chất *kinh tế* của vấn đề là xa lạ và khó hiểu. Ma-xlốp vô cùng kính mến, vấn đề ở đây không phải là vấn đề thu nhập, mà là tình hình sản xuất trong nông nghiệp thay đổi theo hướng tiến lên một khi xóa bỏ được *địa tô tuyệt đối*. Vì phủ nhận *địa tô tuyệt đối* trong học thuyết của Mác, nên Ma-xlốp mới không hiểu được ý nghĩa *kinh tế* của việc quốc hữu hóa. Tại sao trong cuộc cách mạng tư sản Nga, hàng triệu người tư hữu nhỏ lại có thể và phải đòi quốc hữu hóa? Đối với Ma-xlốp thì không có vấn đề *kinh tế* đó! Tai họa của Ma-xlốp là ở chỗ đó!

Đúng là những bài báo tôi viết trong những năm 1905-1908 là nhằm chống lại cương lĩnh duy trì chế độ ruộng đất cắt. Nhưng "làm rùm beng" về điểm này như Ma-xlốp đã làm, thì tức là làm mờ mắt bạn đọc, chứ không phải là làm sáng tỏ các vấn đề tranh luận. Như vậy là Ma-xlốp đã không bảo vệ được toàn bộ cương lĩnh năm 1903 của mình! Vậy thì tại sao Ma-xlốp lại giấu bạn đọc điều ấy và chỉ nêu ra một khía cạnh của quá khứ? Vì sao Ma-xlốp lại trích dẫn những lời, mà hiện nay tôi cũng không phủ nhận, rằng quốc hữu hóa ruộng đất "trong một nhà nước cảnh sát" là có hại? Như thế là tranh luận hay là cãi lộn nhau?

Đối với bạn đọc Ba-lan không biết những chi tiết của cuộc tranh luận về vấn đề ruộng đất giữa những người dân chủ - xã hội Nga, thì tôi xin nói rõ rằng năm 1903, trước khi Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp, Ma-xlốp đã đưa ra trên báo chí một cương lĩnh khác với cương lĩnh mà đồng chí đó đã đề ra năm 1906. Tôi cho

rằng bối lại những cuộc tranh luận cũ là điều không nên; trong bài báo trước đây, tôi cũng không nói đến những cuộc tranh luận đó. Nhưng bây giờ chính Ma-xlốp lại nhắc đến cuộc tranh luận cũ. Định tỏ ra mình thông minh sắc sảo, đồng chí đó đã bác bỏ cương lĩnh của tôi năm 1903 mà tôi đã từ bỏ. Nhưng có lẽ là Ma-xlốp nghĩ rằng đưa ra những cuộc tranh luận về chuyện cũ thì có thể đánh lạc được sự chú ý của bạn đọc đối với những nhược điểm trong quan điểm mới của mình chẳng? Sự thật vẫn là sự thật, trong khi nhắc lại những cuộc tranh luận cũ, Ma-xlốp đã lờ đi không nói cho những người dân chủ - xã hội Ba-lan biết rằng chính Ma-xlốp cũng đã thay đổi cương lĩnh năm 1903 của mình. Ma-xlốp trong khi chỉ trích đối phương là đã sửa đổi công khai bản cương lĩnh cũ, và việc sửa đổi ấy đã làm xong từ lâu, — nhưng lại che giấu việc chính Ma-xlốp đã sửa đổi cương lĩnh của mình. Ma-xlốp còn giấu một điều nữa là năm 1903, Pi-ốt Ma-xlốp không những đã không nhận thấy phải để lại cho bằng được các ruộng đất được chia cho những người sở hữu các ruộng đất đó, mà trái lại, Ma-xlốp đã chủ trương trong cương lĩnh của mình, cả việc *xã hội hóa*, trong trường hợp có thể, cả *các ruộng đất được chia*.

Thật là tuyệt diệu! Nhắc lại chuyện cũ là điều khó chịu đối với ai nào? Đối với người đã công khai thừa nhận nguồn gốc các quan điểm sai lầm trước kia của mình, hay là đối với người che giấu những sự thay đổi về quan điểm của mình? Tại sao năm 1903, P. Ma-xlốp lại cho rằng có thể xã hội hóa cả các ruộng đất chia và tại sao năm 1906-1908 Ma-xlốp lại nổi trận lôi đình chống lại những người tiếp thu những quan điểm ấy?

Đối với những thủ đoạn "luận chiến" như thế, hay nói đúng hơn, đối với việc xóa hết dấu vết như vậy, xin để bạn đọc tự nhận định. Ma-xlốp đã học được lối xử thế của nhân vật bịp bợm trong tiểu thuyết của Tước-ghe-nép: buộc tội hết sức âm ĩ người khác đã có những hành động mà bản

thân mình muốn che giấu! Người khác đã thay đổi quan điểm của họ, và họ tự mình nói rõ điều đó. Các ông cứ tố cáo thật mạnh sự thay đổi đó của người khác đi để che giấu sự thay đổi về quan điểm của bản thân mình! Khi người ta thiếu lý lẽ thì nhất định người ta buộc phải áp dụng những ngón gian xảo lừa dối.

Ma-xlốp không thích biểu đồ của tôi về sự phân phối sở hữu ruộng đất ở phần nước Nga thuộc châu Âu. Ma-xlốp nổi khùng lên vì tôi đã so sánh chế độ sở hữu kiểu "can-mức" với "nền nông nghiệp thâm canh" ở Tây-Nam nước Nga. Bạn đọc nào đã đọc sách báo viết về vấn đề ruộng đất, tất nhiên đều biết rằng *chính Ma-xlốp* và những tác giả khác đều có so sánh — dù chỉ trong một số quận thôi — người nông dân phá sản, không có ngựa, có 4 đề-xi-a-ti-na ruộng đất, ở một nơi khí hậu cò gáy nào đó, với người phéc-mi-ê giàu có thực hiện thâm canh trồng rau trên cũng một diện tích ruộng đất như thế ở ngoại ô một thành phố lớn. Thưa đồng chí Ma-xlốp, đồng chí muốn khoe sự "phân tích tỉ mỉ", nhưng thật là không đúng chỗ, hoàn toàn không đúng chỗ! Đây chính là một sự *khoe khoang*, chứ không phải là những lý lẽ khoa học, vì rằng không thể làm sáng tỏ *kết quả* của cuộc đấu tranh bằng cách nào khác ngoài cách tôi đã làm đó, và bản thân Ma-xlốp cũng hiểu rằng không thể "phân tích tỉ mỉ" trên tạp chí "Pse-glôn-đơ".

Tôi đã nói rằng khi tán thành quốc hữu hóa, phái lao động đã chứng minh cho phái men-sê-vích thấy rằng tôi đúng. Đối với lý lẽ đó, Ma-xlốp không phân tích trực tiếp, mà đề ra hai luận điểm sau đây để gián tiếp làm yếu nó đi. Đồng chí đó khẳng định rằng: 1) việc quốc hữu hóa đã bị "cắt xén", và 2) ở Đu-ma I, sở dĩ phái tự trị được nhiều người theo "chính vì các cử tri của họ không muốn quốc hữu hóa ruộng đất".

Đây há chẳng phải trốn tránh vấn đề, đó sao? Việc quốc hữu hóa có gì giống với sự "cắt xén" đó? và quan điểm của

phái tự trị có gì giống với quan điểm mà Ma-xlốp năm 1905 và tất cả mọi người men-sê-vích đã bảo vệ tại Đại hội Xtốc-khôn, ở đây họ nói một cách quả quyết rằng nông dân Nga sẽ không tán thành quốc hữu hóa và họ sẽ bạo động theo lối Văng-đê để đối phó với quốc hữu hóa? Ma-xlốp lờ đi không nói đến một sự thật không vừa lòng mình, tức là khi thông qua cương lĩnh quốc hữu hóa *sau* Đại hội Xtốc-khôn, phái lao động *đã bác bỏ* những lý lẽ của phái men-sê-vích. Lối "trả lời" trước sau đều bỏ qua thực chất của vấn đề thì không khó khăn gì, nhưng câu trả lời đó không có giá trị mấy. Sự thật là tại Đu-ma I và Đu-ma II, thường thường những đại biểu công nhân rơi vào tình trạng bối rối, vì phái dân chủ - xã hội đã "cắt xén" quốc hữu hóa *nhiều hơn* là bản thân nông dân cắt xén. Những người dân chủ - xã hội ở vào địa vị những người trí thức phi-li-xtanh và nhút nhát, *khuyến* người nông dân nên *thận trọng hơn nữa* đối với chế độ sở hữu ruộng đất được chia cũ, kiểu trung cổ, củng cố hơn nữa chế độ sở hữu ấy và làm cho chế độ sở hữu mới, tự do về ruộng đất thích ứng với chủ nghĩa tư bản chậm hơn nữa! Đồng chí Ma-xlốp, vấn đề không phải ở chỗ phái lao động "cắt xén" việc quốc hữu hóa, mà ở chỗ phái dân chủ - xã hội, phái mác-xít còn cắt xén nó nhiều hơn nữa, vì việc địa phương công hữu hóa cắt xén việc quốc hữu hóa đến nỗi không nhận ra được quốc hữu hóa nữa. Nhưng điều tai hại không phải là phái tự trị đôi khi đã bác bỏ việc quốc hữu hóa*; điều tai hại là những người dân chủ - xã hội Nga đã không hiểu được tính chất của cuộc đấu tranh của nông dân Nga. Hành vi mỉa dân của Ma-xlốp không phải ở chỗ xác nhận sự thật là một số người thuộc phái tự trị không tán thành quốc hữu hóa, mà ở chỗ lờ đi không nói

* Và không phải là tất cả, hoàn toàn không phải là tất cả! Ma-xlốp nên suy nghĩ một chút về việc Tsi-giép-xki, một người U-cra-i-na theo phái tự trị, đã bảo vệ quốc hữu hóa.

đến việc nhiều người thuộc phái tự trị không tán thành địa phương công hữu hóa và xúi bẩy họ dùng những lý lẽ phân lập chủ nghĩa kiểu tiểu tư sản để chống lại việc quốc hữu hóa!

Phái tự trị chống lại việc quốc hữu hóa. Xin bạn đọc suy nghĩ một chút xem lý lẽ đó có lợi cho ai. Còn về phần tôi, tôi xin nhắc lại rằng ngay từ năm 1903, khi phản đối cương lĩnh *lúc bấy giờ* của Ma-xlốp, tôi đã gọi địa phương công hữu hóa là quốc hữu hóa bị cắt xén. Tôi cũng xin nhắc lại rằng năm 1906, trong cuộc tranh luận với Ma-xlốp trước khi Đại hội Xtốc-khôn họp, tôi đã nói rằng lẫn lộn vấn đề tự trị dân tộc với vấn đề quốc hữu hóa ruộng đất là không đúng¹⁾. Chính bản thân những nguyên tắc cơ bản trong cương lĩnh của chúng ta đảm bảo cho nền tự trị. Do đó, nó cũng đảm bảo cho quyền quản lý tự trị những ruộng đất quốc hữu hóa! Một điều sơ đẳng như thế mà Ma-xlốp cũng không hiểu nổi! Quốc hữu hóa ruộng đất có nghĩa là xóa bỏ địa tô tuyệt đối, trao quyền sở hữu ruộng đất cho nhà nước, cấm chỉ mọi sự nhượng lại ruộng đất, dù là dưới hình thức nào, nghĩa là loại trừ tất cả mọi kẻ trung gian giữa người kinh doanh ruộng đất với người sở hữu ruộng đất, tức là nhà nước. Trong phạm vi cấm chỉ này, các nước và các dân tộc hoàn toàn có thể thực hiện được quyền tự trị đối với việc hưởng dụng và phân chia ruộng đất, đối với việc quy định những điều kiện di dân, v.v., và v.v.; quyền tự trị đó không mấy may mâu thuẫn với quốc hữu hóa và là một trong những yêu sách trong cương lĩnh chính trị của chúng ta. Từ đó, ta thấy rõ rằng chỉ có những người tiểu tư sản (và tất cả những kẻ thuộc "phái tự trị" đều là tiểu tư sản) mới có thể vin vào chỗ sợ mất quyền tự trị để che đậy sự hèn nhát của mình, che đậy tư tưởng ít sốt sắng tiến

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 299 - 303.

hành đấu tranh tích cực đến cùng cho một cuộc cách mạng ruộng đất thống nhất và tập trung. Đối với Đảng dân chủ - xã hội, thì vấn đề đặt ra chính là trái hẳn lại: đối với giai cấp vô sản thì vấn đề là đưa cuộc cách mạng đến thắng lợi cuối cùng, trong lĩnh vực chính trị cũng như trong lĩnh vực ruộng đất. Để đưa cách mạng đến thắng lợi cuối cùng như thế, thì cần phải quốc hữu hóa ruộng đất, điều mà phái lao động, tức những nông dân Nga đã giác ngộ về mặt chính trị, hằng đòi hỏi. Đối với người mác-xít, tiêu chuẩn kinh tế của biện pháp đó được đưa lên hàng đầu; tiêu chuẩn kinh tế đó nói rằng, theo học thuyết Mác, việc quốc hữu hóa ruộng đất kiểu tư sản có thể đảm bảo cho lực lượng sản xuất trong nông nghiệp phát triển đến mức tối đa. Do đó, bước quyết định, có tính chất cách mạng - tư sản trong lĩnh vực ruộng đất, gắn bó chặt chẽ với một cuộc cách mạng quyết định, có tính chất dân chủ - tư sản trong lĩnh vực chính trị, tức là với việc xác lập chế độ cộng hòa, một chế độ duy nhất đảm bảo cho *một nền tự trị chân chính*. Đây là mối liên hệ thực tế giữa tự trị và cách mạng ruộng đất mà Ma-xlốp hoàn toàn không hiểu được!

Ma-xlốp nói rằng tôi trích dẫn "Các học thuyết về giá trị thặng dư" của Mác là một "mưu mẹo", vì Mác không nói rằng "chính bản thân nông dân muốn tự mình tước đoạt mình". Xin lỗi, đồng chí Ma-xlốp! Lẽ nào đồng chí lại thực không hiểu những lời nói rõ ràng của Mác? Mác có nói hay không nói rằng xóa bỏ hoàn toàn chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ là có lợi cho chủ nghĩa tư bản? Có phải việc quốc hữu hóa ruộng đất mà nông dân Nga yêu cầu hồi 1905 - 1907 và được phái lao động bảo vệ, có nghĩa là xóa bỏ chế độ sở hữu ruộng đất kiểu trung cổ, có hay là không? Và, thưa đối thủ đáng kính của tôi, vấn đề chính là ở chỗ ấy; còn như đổi tên và gọi một cách lố bịch, như đồng chí đã làm, việc quốc hữu hóa ruộng đất có tính chất nông dân - tư sản là "tước đoạt" nông dân, thì tuyệt nhiên không bác bỏ được

sự đúng đắn trong cách đặt vấn đề của tôi... Ma-xlốp nói tiếp: "Trong công nghiệp cũng vậy, chủ nghĩa tư bản làm phá sản chế độ tiểu tư hữu, nhưng chẳng lẽ vì thế mà những người dân chủ - xã hội lại phải nhận nhiệm vụ tước đoạt thợ thủ công hay sao?.."

Thật là lời châu ngọc! Cuộc đấu tranh của nông dân chống những trở ngại kiểu trung cổ trong chế độ sở hữu ruộng đất, để quốc hữu hóa ruộng đất, — như Mác đã chứng minh, cho đó là biện pháp hết sức thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, — thì lại gọi là "tước đoạt" nông dân, coi cuộc đấu tranh đó giống như việc tư bản tước đoạt thợ thủ công. Thôi xin đồng chí Ma-xlốp, đồng chí hãy vì Thượng đế mà suy nghĩ một chút đến những lý do vì sao chúng tôi lại *ủng hộ* nông dân chống địa chủ, còn việc *ủng hộ* thợ thủ công chống công xưởng thì chúng tôi cho là việc của những kẻ theo chủ nghĩa bài Do-thái.

Ma-xlốp không hiểu rằng *ủng hộ* thợ thủ công — tức là chế độ tiểu tư hữu trong công nghiệp, — không bao giờ có thể là việc của những người dân chủ - xã hội, vì hành động này, bất luận trong hoàn cảnh nào, cũng đều là hành động phản động. Còn đối với chế độ tiểu tư hữu trong nông nghiệp, *có thể* có trường hợp những người mác-xít có nhiệm vụ bảo vệ nó và họ luôn luôn *phải* làm điều đó khi nền kinh tế tư sản nhỏ, đứng về mặt kinh tế mà xét, là *tiến bộ* so với nền kinh tế lớn phong kiến. Mác không bao giờ *ủng hộ* nền tiểu công nghiệp chống lại nền đại công nghiệp, nhưng trong những năm 40, Mác đã *ủng hộ* các phéc-mi-ê nhỏ ở Mỹ, và năm 1848 *ủng hộ* nền kinh tế tiểu nông ở Đức, *ủng hộ* nông dân chống lại những đại điền trang phong kiến. Năm 1848, Mác đề ra chủ trương cắt nhỏ các đại điền trang phong kiến ở Đức. Mác *ủng hộ* phong trào của các phéc-mi-ê nhỏ ở Mỹ chống lại những đại điền trang dựa trên chế độ nô lệ, đòi tự do ruộng đất, đòi xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất ở Mỹ¹¹⁹.

Phương hướng của chính sách ruộng đất của Mác có đúng không? Đúng, thưa đồng chí Ma-xlốp thân mến, đồng chí đã đứng trên tinh thần kinh tế tư sản mà "xét lại" học thuyết về địa tô tuyệt đối, nhưng chưa kịp "xét lại" những học thuyết khác của Mác. Cuộc cách mạng tư sản trong lĩnh vực ruộng đất chỉ có thể triệt để và giành được thắng lợi thực sự nếu nó dùng bạo lực để xóa bỏ được tận gốc toàn bộ chế độ sở hữu phong kiến, nếu nó quét sạch được toàn bộ chế độ sở hữu ruộng đất cũ, và thay vào đó một chế độ sở hữu tư sản tự do mới về ruộng đất, đáp ứng được những đòi hỏi của tư bản, chứ không phải của địa chủ. Việc quốc hữu hóa ruộng đất hoàn toàn phù hợp với phương hướng của cuộc cách mạng như thế. Hơn thế nữa, quốc hữu hóa ruộng đất là biện pháp duy nhất làm cho cuộc cách mạng đó sẽ được thực hiện một cách triệt để tới mức độ có thể có được trong xã hội tư bản. Đó cũng là biện pháp duy nhất để giải phóng nông dân một cách kiên quyết và ít đau đớn nhất ra khỏi "cái nhà tù" chế độ sở hữu ruộng đất được chia. Quốc hữu hóa là biện pháp duy nhất để tiêu diệt chế độ công xã cũ đang tan rã mà không cần dùng đến những phương pháp cảnh sát, quan liêu và cho vay nặng lãi.

Nếu nhìn một cách khách quan, thì trong cuộc cách mạng tư sản Nga, vấn đề đặt ra là như thế này và chỉ như thế này thôi: hoặc là Xtô-lư-pin (tức bọn địa chủ và chế độ chuyên chế) sẽ làm cho chế độ sở hữu ruộng đất cũ thích ứng với chủ nghĩa tư bản, hoặc là quần chúng nông dân sẽ tự làm điều đó bằng cách lật đổ chính quyền của địa chủ và của Nga hoàng? Trong trường hợp thứ nhất, chỉ có thể có được sự thích ứng bằng con đường những cải cách, nghĩa là làm nửa vời, lâu vô hạn độ, lực lượng sản xuất phát triển chậm hơn nhiều, một nền dân chủ gầy mòn, làm cho nước Nga sẽ còn phải chịu sự thống trị lâu dài của bọn gioong-ke. Trong trường hợp thứ hai, thì chỉ có thể thực hiện

được sự thích ứng bằng con đường cách mạng, tức là dùng bạo lực quét sạch những trại ấp của địa chủ và đảm bảo cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh nhất. Nếu vẫn duy trì chế độ sở hữu ruộng đất được chia cũ của nông dân, thì liệu có thể xóa bỏ chế độ chiếm hữu của địa chủ bằng con đường cách mạng được không? Không, không thể được, và các đại biểu nông dân trong cả hai Đu-ma đã chứng minh điều đó. Họ chứng minh điều đó bằng cách xây dựng một nhân vật chính trị điển hình của nông dân toàn nước Nga trong thời kỳ cách mạng tư sản: đó là *người thuộc phái lao động*, đòi *quốc hữu hóa* ruộng đất.

Ma-xlốp la lối lên rằng quốc hữu hóa là cái có tính chất xã hội chủ nghĩa - cách mạng; đồng chí đó lấp lại thủ đoạn cũ của bọn men-sê-vích: một mặt ve vãn Đảng dân chủ - lập hiến, mặt khác lại chỉ trích những người dân chủ - xã hội cách mạng xích gần lại với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Người ta ve vãn bọn địa chủ và thương nhân thuộc phái quân chủ - tự do, nhưng khi thấy những người dân chủ - xã hội cách mạng muốn đi với những nông dân tư sản cách mạng trong cuộc cách mạng tư sản, thì người ta lại nổi khùng lên. Nhưng, như thế chưa phải hết. Trong khi gào thét chống tính chất xã hội chủ nghĩa - cách mạng của chủ trương quốc hữu hóa, Ma-xlốp đã bộc lộ ra rằng mình hoàn toàn không hiểu sự phân tích mác-xít về quan điểm và ước mơ có tính chất dân túy của giai cấp nông dân Nga. Ma-xlốp không hiểu rằng từ lâu những người dân chủ - xã hội ở Nga đã chỉ rõ tính chất phản động của những lý luận hay mơ ước xã hội chủ nghĩa, — hay đúng hơn, là quasi¹⁾ - xã hội chủ nghĩa, — nhằm phân chia lại ruộng đất (chia đều lại ruộng đất), v.v., và tính chất *tiến bộ tư sản* của lý tưởng đó trong nước Nga nửa nông nô hiện nay. Đằng sau *lời nói suông* kiểu tiểu tư sản về chủ nghĩa xã hội

1) — giả hiệu

của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Ma-xlốp không phát hiện được cái thực tế tư sản, tức là cuộc đấu tranh cách mạng chống tất cả những cái cũ thời trung cổ. Khi những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nói đến tính chất bình quân trong việc sử dụng ruộng đất, đến việc xã hội hóa ruộng đất, v.v., thì tức là họ nói điều bậy bạ trên phương diện kinh tế, và tỏ ra dốt nát về khoa kinh tế và lý luận về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nhưng đằng sau những lời nói suông đó, đằng sau những mơ ước đó, ẩn giấu một nội dung rất sinh động và rất hiện thực. Chỉ có một điều là nội dung đó tuyệt nhiên không phải là xã hội chủ nghĩa, mà là thuần túy tư sản, cụ thể là: dọn miếng đất cho chủ nghĩa tư bản phát triển, tiêu diệt mọi chướng ngại có tính chất trung cổ và đẳng cấp tồn tại trên ruộng đất, xây dựng vũ đài tự do cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Đây là điều mà Ma-xlốp tội nghiệp của chúng ta quyết không thể nào hiểu nổi, và điều này thì trực tiếp gắn liền với một sự thật là Ma-xlốp không thể hiểu được học thuyết của Mác về địa tô tuyệt đối: địa tô tuyệt đối trái với địa tô chênh lệch ở chỗ địa tô tuyệt đối có thể bị thủ tiêu trong xã hội tư bản và việc thủ tiêu đó có tác dụng đẩy xã hội tư bản phát triển tiến lên.

Vì không có khả năng đấu tranh chống phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nên Ma-xlốp tầm thường hóa chủ nghĩa Mác, khiến cho mình chỉ nhìn thấy cái "đằng sau" của người nông dân bị cột chặt vào mảnh đất của họ và khiến mình hoàn toàn không hiểu nổi tinh thần dân chủ và cách mạng tư sản của người nông dân muốn quét sạch cả chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ lẫn chế độ sở hữu ruộng đất được chia.

Vì không có khả năng đấu tranh chống phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nên Ma-xlốp đã để cho họ, để cho những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản phê phán chế độ tư hữu về ruộng đất. Mác đã đứng trên quan điểm phát triển của

chủ nghĩa tư bản mà phê phán chế độ ấy, và những người mác-xít đều phải làm như thế. Ma-xlốp đã cắt đứt con đường đó bằng cách phủ nhận địa tô tuyệt đối; do đó, đã đầu hàng phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và thừa nhận lý luận của họ là đúng, mà thật ra, lý luận của Mác mới đúng! Ma-xlốp đầu hàng phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, là những kẻ đã đứng không phải trên quan điểm phát triển của chủ nghĩa tư bản, mà chỉ xuất phát từ quan điểm kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản để phê phán theo kiểu tiểu tư sản chế độ tư hữu ruộng đất. Ma-xlốp không hiểu rằng sai lầm của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong cương lĩnh ruộng đất bắt đầu *sau quốc hữu hóa*, tức là khi họ chuyển sang "xã hội hóa" và "chủ nghĩa bình quân" và tiến tới chỗ phủ nhận đấu tranh giai cấp trong nội bộ tiểu nông. Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng không hiểu tính chất *tư sản* của việc quốc hữu hóa: đấy là khuyết điểm chủ yếu của họ. Xin những người mác-xít nào đã từng nghiên cứu bộ "Tư bản" hãy nói cho tôi hay rằng nếu phủ nhận địa tô tuyệt đối thì có thể hiểu được tính chất tư sản của việc quốc hữu hóa hay không?

Sau đó, Ma-xlốp lại nói rằng tôi coi toàn bộ chế độ tiểu tư hữu của nông dân ở toàn châu Âu là có tính chất trung cổ. Nói thế là hoàn toàn sai. Ở châu Âu, không có chế độ sở hữu ruộng đất kiểu "ruộng đất được chia" và những trở ngại về đẳng cấp, mà chỉ tồn tại một chế độ sở hữu ruộng đất tự do và tư bản chủ nghĩa, chứ không phải chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến. Ở châu Âu không có phong trào nông dân chống địa chủ và được Đảng dân chủ - xã hội ủng hộ. Điều này, P. Ma-xlốp đã quên mất!

Chúng ta bàn sang những lý lẽ chính trị. Khi tôi cho rằng ở những người men-sê-vích, chủ trương địa phương công hữu hóa có liên quan đến tư tưởng thỏa hiệp với chế độ quân chủ, Ma-xlốp gọi lý lẽ đó là "vu khống" và "cố tình nói bậy". Nhưng thưa đồng chí Ma-xlốp, đoạn tôi trích

dẫn y nguyên lời của anh chàng men-sê-vích Nô-vô-xét-xki đã nói gì? Ở đây ai nói bậy? Có phải là đồng chí muốn dùng những lời ghê gớm để làm lu mờ những lời thú nhận của Nô-vô-xét-xki, mà đồng chí thấy là khó chịu, phải không?

Ma-xlốp quả quyết rằng nếu trao ruộng đất cho các hội đồng thị chính thì sẽ làm cho các hội đồng này thêm may mắn trong cuộc đấu tranh chống lại sự phục hưng. Tôi xin mạn phép nghĩ rằng chỉ có tăng cường chính quyền trung ương của nước cộng hòa thì mới gây được nhiều khó khăn cho phe phản động, còn nếu phân tán lực lượng và tài nguyên giữa các vùng thì sẽ làm cho phe phản động dễ hoạt động. Chúng ta phải ra sức đoàn kết các giai cấp cách mạng, và trước hết là giai cấp vô sản các nơi trong nước, thành một đội quân duy nhất, chứ không nên tính đến chuyện lấy thu nhập trên ruộng đất tịch thu giao cho các tỉnh, vì đây là một ý đồ có tính chất liên bang, không chắc chắn gì cả, đứng về mặt kinh tế mà nói thì không thể thực hiện được và là vô nghĩa. Ma-xlốp nói: "Các đồng chí Ba-lan, các đồng chí hãy chọn đi. Nghị viện Ba-lan có nên nhận số thu nhập trên ruộng đất tịch thu, hay là giao số thu nhập đó cho Pê-téc-bua để người Nga hưởng?"

Lý lẽ thật là tuyệt diệu! Chẳng có chút mị dân nào cả! Chẳng có sự lẫn lộn vấn đề ruộng đất với vấn đề tự trị của Ba-lan!

Còn tôi, thì tôi nói rằng nước Nga mà không được tự do, thì Ba-lan cũng không thể tự do được. Và nếu công nhân Ba-lan và công nhân Nga không làm tròn nhiệm vụ của mình là ủng hộ nông dân Nga trong cuộc đấu tranh đòi quốc hữu hóa ruộng đất và đưa cuộc đấu tranh này đến toàn thắng trong lĩnh vực quan hệ chính trị, cũng như trong lĩnh vực quan hệ ruộng đất, thì không thể có tự do đó được. Muốn đánh giá địa phương công hữu hóa và quốc hữu hóa thì nên đứng trên quan điểm phát triển kinh tế vùng trung tâm nước Nga và vận mệnh chính trị của toàn bộ

nước nhà, chứ không nên đứng trên quan điểm một số đặc điểm của khu vực dân tộc tự trị nào đó. Không có thắng lợi của giai cấp vô sản và nông dân cách mạng ở nước Nga mà lại nói đến nền tự trị thực sự của Ba-lan, đến quyền hạn của các hội đồng thị chính, v.v., thì thật là nực cười. Đây là những lời nói suông. Nông dân Nga có tinh thần cách mạng, họ không cho phép thỏa hiệp với giai cấp tư sản và phái thối Mươi, họ đấu tranh cùng với công nhân và phái dân chủ, nên trong chừng mực nào đó họ đã chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng họ tán thành quốc hữu hóa ruộng đất. Nếu nông dân không còn là cách mạng nữa, nghĩa là nếu họ không tán thành quốc hữu hóa ruộng đất và từ bỏ cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, thì họ sẽ hoan nghênh chủ trương của Ma-xlốp duy trì chế độ sở hữu ruộng đất cũ, — nhưng như thế chủ trương địa phương công hữu hóa của Ma-xlốp sẽ trở nên hoàn toàn lố bịch. Nhưng chừng nào còn diễn ra cuộc đấu tranh dân chủ - cách mạng của nông dân, chừng nào "cương lĩnh ruộng đất" của những người mác-xít trong cách mạng tư sản còn có ý nghĩa, thì nhiệm vụ của chúng ta là phải ủng hộ những yêu sách cách mạng của nông dân trong đó có cả yêu sách quốc hữu hóa ruộng đất. Ma-xlốp sẽ không gạt bỏ được yêu sách đó của nông dân Nga ra khỏi lịch sử cách mạng Nga. Và có thể nói chắc chắn rằng khi phong trào xã hội lại lên cao, khi cao trào đấu tranh giành ruộng đất của nông dân lại đến, thì nó sẽ bộc lộ rõ tất cả tính chất phản động của chủ trương "địa phương công hữu hóa".

*In vào tháng Mười - tháng Mười
một 1908 trên tạp chí "Przegład",
Socjaldemokratyczny", số 8-9
Ký tên: N. Lê-nin*

*Theo đúng bản đăng trên tạp chí
Dịch từ tiếng Ba-lan*

VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HIỆN NAY

Trong chương trình nghị sự Hội nghị đại biểu toàn Nga sắp tới của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga có ghi vấn đề: "Tình hình hiện nay và nhiệm vụ của đảng". Các tổ chức đảng ta đã bắt đầu, — về mặt này thì Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua đi trước tất cả các trung tâm khác, — thảo luận một cách có hệ thống vấn đề đó, một vấn đề chắc chắn là có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Thời kỳ chúng ta đang trải qua, thời kỳ mà phong trào giải phóng tạm yên, thế lực phản động hoành hành, trong nội bộ phe dân chủ có sự phản bội và ngã lòng, trong các tổ chức dân chủ - xã hội có khủng hoảng và phần nào tan rã, thời kỳ đó đặc biệt đặt ra trước chúng ta một nhiệm vụ là phải xét, trước hết, đến những bài học cơ bản của chiến dịch đầu tiên của cuộc cách mạng của chúng ta. Chúng ta không nói tới những bài học về sách lược, theo nghĩa hẹp của nó, mà trước hết nói tới những bài học chung của cách mạng, và như vậy thì vấn đề đầu tiên của chúng ta sẽ là: những sự thay đổi khách quan xảy ra trong sự sắp xếp các giai cấp và trong tương quan lực lượng chính trị ở nước Nga từ năm 1904 đến năm 1908 là gì? Chúng tôi cho rằng những sự thay đổi cơ bản có thể rút lại thành năm điểm sau đây: 1) Chính sách ruộng đất của chế độ chuyên chế trong vấn đề nông dân về nguyên tắc đã thay đổi nhiều; nó không còn là chính sách ủng hộ và củng cố chế độ công xã nông

thôn cũ mà là chính sách dùng những biện pháp cảnh sát để đẩy nhanh việc phá vỡ và cướp bóc chế độ công xã nông thôn đó. 2) Quyền đại diện của bọn quý tộc Trăm đen và của giai cấp đại tư sản đã tiến một bước rất lớn: thay thế cho những ủy ban bầu cử địa phương trước kia của quý tộc và thương nhân, thay thế cho những mưu toan lẻ tẻ và ngẫu nhiên nhằm thành lập một cơ quan đại diện toàn Nga, thì ngày nay đã có một cơ quan đại diện duy nhất là Đu-ma nhà nước, trong đó hai giai cấp nói trên chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong cái thiết chế mạo xưng là "lập hiến" đó, và trên thực tế, là nhằm củng cố chế độ chuyên chế, sự đại diện của những người làm nghề tự do, — nông dân và giai cấp vô sản thì càng không cần nói tới nữa —, chỉ còn giữ vai trò phụ thuộc. 3) Trong thời kỳ đó, các giai cấp ở nước Nga lần đầu tiên đã phân định ranh giới rõ ràng trong cuộc đấu tranh chính trị công khai: các chính đảng công khai hoặc bí mật (nói cho đúng hơn là nửa bí mật, vì sau cách mạng không còn có một chính đảng nào là hoàn toàn "bí mật" ở nước Nga cả) hiện đang tồn tại, đã biểu thị một cách chính xác, trước đây chưa từng có, những lợi ích và quan điểm của các giai cấp, những giai cấp này trong ba năm nay đã trưởng thành hơn gấp bội so với cả một nửa thế kỷ trước. Giai cấp quý tộc Trăm đen, giai cấp tư sản dân tộc - "tự do chủ nghĩa", phái dân chủ tiểu tư sản (tức phái lao động và một phần nhỏ cánh tả của phái đó, cánh xã hội chủ nghĩa - cách mạng) và phái dân chủ - xã hội vô sản, tất cả đều chấm dứt, trong thời kỳ này, giai đoạn phát triển "phôi thai" của mình và đã xác định được bản chất của mình cho nhiều năm, không phải là bằng lời nói mà là bằng các sự kiện, bằng hành động của quần chúng. 4) Cái mà trước cách mạng gọi là "xã hội" tự do chủ nghĩa và dân túy - tự do chủ nghĩa hay là bộ phận "sáng suốt", là đại biểu của "dân tộc" nói chung, nghĩa là cái khối "đối lập" gồm những người giàu có, những quý tộc và những trí thức, tựa hồ lập thành một

thể thống nhất cố kết với nhau mà người ta thấy nhan nhản trong các hội đồng địa phương, các trường đại học và toàn bộ các báo chí "đứng đắn", v.v. và v.v. — tất cả bọn đó trong cuộc cách mạng đều đã lộ ra là những nhà tư tưởng và những kẻ ủng hộ giai cấp tư sản, tất cả bọn đó đều xác định một lập trường mà ngày nay ai cũng đều thấy rõ ràng là *phản cách mạng* đối với cuộc đấu tranh *có tính chất quần chúng* của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa và của nông dân dân chủ. Giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa phản cách mạng đã sinh ra và đang lớn lên. Sự thật đó vẫn còn là sự thật mặc dù báo chí công khai "tiến bộ" phủ nhận điều đó, hoặc mặc dù những bọn cơ hội chủ nghĩa, men-sê-vích ở nước ta lờ đi không nói tới và không hiểu nổi. 5) Hàng triệu người đã có được *kinh nghiệm* thực tiễn, dưới những hình thức hết sức khác nhau, của cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng thật sự và trực tiếp cách mạng, kể cả "tổng bãi công", đuổi cổ bọn địa chủ, thiêu hủy các dinh cơ của chúng, tiến hành công khai khởi nghĩa vũ trang. Những ai đã là những chiến sĩ cách mạng, những công nhân giác ngộ trước cách mạng, thì những người đó không thể hiểu ngay được ý nghĩa to lớn của sự kiện đó, vì sự kiện đó đã làm thay đổi căn bản cả một loạt những khái niệm cũ về quá trình phát triển của một cuộc khủng hoảng chính trị, về tốc độ của sự phát triển đó, về phép biện chứng của lịch sử, lịch sử này là do hoạt động thực tiễn của quần chúng sáng tạo ra. Việc *quần chúng* tiếp thu được kinh nghiệm đó là một quá trình vô hình, gian khổ và chậm chạp, nhưng quá trình đó có một ý nghĩa quan trọng hơn nhiều so với những hiện tượng nổi ở trên bề mặt của đời sống chính trị quốc gia, các hiện tượng đó quyến rũ không những những kẻ ngây thơ mà còn cả những người rất "lão luyện" về chính trị nữa. Vai trò lãnh đạo của quần chúng vô sản trong toàn bộ cuộc cách mạng và trong mọi lĩnh vực đấu tranh, từ những cuộc biểu tình, tiếp đến khởi nghĩa, và cuối cùng

(tính theo thứ tự thời gian) là hoạt động "nghị trường", đã bộc lộ rõ ràng trước mắt tất cả mọi người trong suốt cả thời kỳ đó nói chung.

Những sự biến đổi khách quan như vậy đã làm cho tình hình nước Nga trước tháng Mười khác hẳn với tình hình nước Nga hiện nay. Đó là sự *tổng kết* về thời kỳ ba năm đó, xét về nội dung là phong phú nhất trong lịch sử nước ta, — dĩ nhiên, sự tổng kết đó có tính chất khái quát, vì có thể chỉ dùng vài lời để nói lên cái chủ yếu nhất, cái bản chất nhất. Bây giờ chúng ta hãy xét đến những kết luận về mặt sách lược phải rút ra từ sự tổng kết đó.

Sự thay đổi về chính sách ruộng đất của chế độ chuyên chế có một ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với một nước "nông dân" như nước Nga. Sự thay đổi đó không phải là ngẫu nhiên, không phải là do những dao động về đường lối của nội các, mà cũng không phải là một sáng chế của bọn quan liêu. Không, đó là một sự "chuyển biến" rất sâu sắc về phía *chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ* trong lĩnh vực *ruộng đất*, về phía một chính sách tự do (theo ý nghĩa kinh tế của chữ này, tức là = chính sách tư sản) trong lĩnh vực quan hệ ruộng đất của nông dân. Chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ là thủ đoạn quanh co của chế độ quân chủ đã mất chỗ dựa cũ kiểu gia trưởng hay kiểu phong kiến, đơn giản và vững vàng, nên chế độ đó buộc phải giữ thế thăng bằng để khỏi bị sụp đổ, ve vãn để cai trị, mua chuộc để làm vừa lòng, kết bạn với bọn cận bã của xã hội, với bọn ăn cắp và bịp bợm công khai để không phải chỉ dựa vào lưỡi lê mà đứng vững. Chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ là sự tiến hóa tất yếu và khách quan của chế độ quân chủ ở tất cả các nước tư bản, sự tiến hóa này đã được Mác và Ăng-ghe-n theo dõi trong hàng loạt sự kiện của lịch sử cận đại châu Âu. Và chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ trong lĩnh vực ruộng đất của Xtô-lư-pin, được bọn địa chủ Trăm đen và giai cấp tư sản thuộc phái tháng Mười ủng hộ một cách hoàn toàn tự giác và hết sức cương quyết trong điểm này,

cũng không thể xuất hiện được, chứ đừng nói gì đứng vững được trong hai năm qua, nếu bản thân công xã ở nước Nga không phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, nếu trong nội bộ công xã đó không thường xuyên nảy nở ra những phần tử mà chế độ chuyên chế có thể bắt đầu ve vãn được và có thể nói với họ rằng: "hãy làm giàu đi!", "hãy cướp bóc công xã, nhưng hãy ủng hộ tôi!". Vì vậy mọi sự đánh giá chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin sẽ hoàn toàn sai lầm, nếu không tính đến, một mặt, những thủ đoạn kiểu Bô-na-pác-tơ, mặt khác là cái bản chất tư sản (= tự do chủ nghĩa) của chính sách đó.

Ví dụ, phái tự do ở nước ta biểu lộ sự ý thức lờ mờ của họ coi chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin là chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ (họ biểu lộ bằng cách công kích tính chất cảnh sát của chính sách đó) và là hành động can thiệp ngu ngốc kiểu quan liêu vào đời sống của nông dân, v.v. và v.v.. Nhưng khi bọn dân chủ - lập hiến than thở về việc phá vỡ bằng bạo lực những nền móng "cổ truyền" của sinh hoạt nông thôn nước ta, thì họ lại trở thành những kẻ khóc sụt mướt *phản động*. Không có sự phá vỡ bằng bạo lực, không có sự phá vỡ có tính chất cách mạng những nền móng của nông thôn Nga cổ xưa thì nước Nga không thể phát triển được. Cuộc đấu tranh diễn ra, — tuy trong số những người tham gia đấu tranh, rất nhiều người chưa có ý thức về đấu tranh, — *chỉ là* xung quanh vấn đề sau đây: bạo lực đó có phải là bạo lực của một chế độ quân chủ của bọn địa chủ chống lại nông dân hay là bạo lực của một chế độ cộng hoà của nông dân chống lại bọn địa chủ? Trong cả hai trường hợp, cuộc cách mạng ruộng đất tư sản, — chứ không phải là một cuộc cách mạng ruộng đất nào khác, — *nhất định* sẽ xảy ra ở nước Nga; nhưng trong trường hợp thứ nhất, nó sẽ chậm chạp và đau đớn, còn trong trường hợp thứ hai, thì nhanh chóng, rộng rãi và tự do. Cuộc đấu tranh của đảng công nhân cho con đường thứ hai này đã được biểu thị và

thừa nhận trong cương lĩnh ruộng đất của chúng ta, không phải trong phần cương lĩnh nêu lên chủ trương vô lý "địa phương công hữu hoá" ruộng đất, mà là trong phần nói về *việc tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ*. Sau kinh nghiệm ba năm đó, chắc chắn là chỉ trong phái men-sê-vích mới có thể tìm được những người không nhận thấy được mối liên hệ giữa cuộc đấu tranh để tịch thu ruộng đất ấy với cuộc đấu tranh cho nền cộng hoà. Nếu chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin có thể duy trì được rất lâu và nếu nó có thể triệt để xây dựng lại tất cả những quan hệ ruộng đất ở nông thôn theo đúng đường lối tư sản, thì nó có thể buộc chúng ta phải từ bỏ mọi cương lĩnh ruộng đất trong xã hội tư sản (trước đây *thậm chí* bọn men-sê-vích và thậm chí cả bọn Tsê-rê-va-nin trong phái men-sê-vích cũng chưa dám từ bỏ cương lĩnh ruộng đất của chúng ta). Nhưng hiện nay, chính sách Xtô-lư-pin không thể buộc chúng ta trong bất kỳ trường hợp nào phải thay đổi sách lược của chúng ta. Nếu trong cương lĩnh của chúng ta đã nêu chủ trương "tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ", thì chỉ có những trẻ nhỏ mới có thể không nhận thấy rằng sách lược cách mạng (cách mạng theo nghĩa đen và chính xác của danh từ đó) là do yêu sách trên mà ra. Mặt khác, đặt vấn đề như thế này là không đúng: nếu chính sách của Xtô-lư-pin bị "thất bại" thì có nghĩa là cao trào đã gần tới, và ngược lại. Sự thất bại của những thủ đoạn kiểu Bô-na-pác-tơ không có nghĩa là chính sách cướp bóc công xã nông thôn của phú nông đã bị thất bại. Và ngược lại, "thành công" của chính sách của Xtô-lư-pin ở nông thôn hiện nay hoặc trong những năm sắp tới, *về thực chất* chỉ làm cho cuộc đấu tranh trong nội bộ nông dân bùng to lên, hơn là dập tắt nó đi, vì nếu không kinh qua con đường dài và rất dài thì không có cách nào đạt tới "mục đích", tức là không có cách nào làm cho nền kinh tế nông dân kiểu *thuần túy* tư sản được củng cố triệt để và hoàn toàn. "Thành công" của Xtô-lư-pin trong những năm sắp tới, trong trường hợp

tốt nhất, sẽ có thể dẫn tới sự hình thành một tầng lớp nông dân thuộc phái tháng Mười, chống lại cách mạng một cách có ý thức. Nhưng chính việc biến một thiểu số giàu có thành một lực lượng thống nhất và tự giác về chính trị sẽ nhất định thúc đẩy rất nhanh sự phát triển của ý thức chính trị và sự thống nhất của quần chúng dân chủ chống lại thiểu số nói trên. Những người dân chủ - xã hội chúng ta không thể mong muốn gì hơn là biến cuộc đấu tranh tự phát, tản mạn và mù quáng của bọn "ăn không" và "xã hội", thành cuộc đấu tranh tự giác và công khai giữa phái tháng Mười và phái lao động.

Chúng ta hãy chuyển sang vấn đề Đu-ma. Chắc chắn rằng cái cơ quan "lập hiến" - Trăm đen đó cũng là đại diện cho một sự phát triển của chế độ quân chủ chuyên chế theo chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Tất cả những đặc điểm của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ mà chúng ta đã nêu ở trên, đều bộc lộ rõ rệt trong đạo luật bầu cử hiện hành; trong cái đa số giả tạo của bọn Trăm đen cộng với phái tháng Mười; trong trò chơi bất chước châu Âu; trong cuộc chạy đua vay tiền, mà sự chi tiêu thì tuồng như là được các "đại biểu của nhân dân" kiểm soát; trong việc chế độ chuyên chế, khi thi hành chính sách thực tiễn của mình, hoàn toàn không đếm xỉa gì đến tất cả những cuộc thảo luận và nghị quyết của Đu-ma. Mâu thuẫn giữa chế độ chuyên chế Trăm đen, trên thực tế nắm toàn quyền thống trị, với cái bề ngoài giả tạo của bản "hiến pháp" tư sản ngày càng lộ ra rõ rệt, đồng thời chứa đựng những nhân tố của một cuộc khủng hoảng cách mạng mới. Chế độ chuyên chế muốn dùng Đu-ma để che đậy cho mình, trang điểm và tô điểm cho mình; trên thực tế, Đu-ma Trăm đen - tháng Mười ngày càng bộc lộ, phơi bày và phơi trần thực chất của chính quyền nhà nước ở Nga, những cơ sở giai cấp thật sự của nó và chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của nó. Về vấn đề này, không thể nào không nhắc tới nhận xét đặc biệt sâu sắc của Ăng-ghe-n (trong bức thư gửi Béc-stanh ngày 27

tháng Tám 1883¹²⁰) về ý nghĩa của *bước chuyển* từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến. Trong khi phái tự do nói chung và đặc biệt là phái dân chủ - lập hiến Nga cho rằng bước chuyển đó là một biểu hiện và một đảm bảo cho sự tiến bộ "hoà bình" trừ danh đó, thì Ăng-ghe-nhê vạch ra rằng chế độ quân chủ lập hiến đóng một vai trò lịch sử, với tư cách là hình thức nhà nước làm dễ dàng cho cuộc đấu tranh *quyết định* giữa giai cấp phong kiến và giai cấp tư sản. Ăng-ghe-nhê viết: "Cũng như cuộc đấu tranh giữa chế độ phong kiến và giai cấp tư sản không thể tiến hành đến cùng dưới chế độ quân chủ chuyên chế cũ mà chỉ tiến hành được dưới chế độ quân chủ lập hiến (xem nước Anh, nước Pháp trong những năm 1789 - 1792 và 1815 - 1830), cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản chỉ có thể tiến hành đến cùng dưới chế độ cộng hoà". Ở đây Ăng-ghe-nhê cũng đã gọi nước Pháp năm 1816 là một nước quân chủ lập hiến khi cái Chambre introuvable nổi tiếng, nghị viện Trăm đen phản cách mạng đã điên cuồng và lộng lộn ủng hộ cuộc khủng bố trắng chống lại cách mạng, ủng hộ chắc là cũng chẳng kém gì Đu-ma III ở nước ta. Như thế nghĩa là gì? Phải chăng Ăng-ghe-nhê thừa nhận rằng các nghị viện phản động gồm những đại biểu của giai cấp địa chủ và tư sản — và ủng hộ chế độ chuyên chế trong cuộc đấu tranh chống lại cách mạng, cũng thật sự là những cơ quan lập hiến? Không phải. Điều đó nghĩa là: có những hoàn cảnh lịch sử trong đó những cơ quan giả tạo lập hiến lại thúc đẩy cuộc đấu tranh cho một hiến pháp chân chính và là một giai đoạn trong sự phát triển của những cuộc khủng hoảng *cách mạng* mới. Trong chiến dịch đầu tiên của cuộc cách mạng nước ta, đa số nhân dân còn tin tưởng có khả năng dung hoà một hiến pháp chân chính với chế độ chuyên chế; bọn dân chủ - lập hiến đã dựa trên việc duy trì một cách có hệ thống lòng tin tưởng đó trong nhân dân để xây dựng toàn bộ chính sách của họ, còn phái lao động thì về điểm này ít nhất họ cũng đi

theo phái dân chủ - lập hiến đến một nửa. Ngày nay, qua Đu-ma III, chế độ chuyên chế đang chỉ rõ cho nhân dân thấy rằng, theo kinh nghiệm, chế độ chuyên chế có thể "dung hoà" với kiểu "hiến pháp" nào, và như vậy thì làm cho một cuộc đấu tranh rộng rãi hơn và quyết định hơn *chống lại chế độ chuyên chế* ngày càng nhích gần tới.

Từ đó có thể rút ra kết luận là nếu đem thay khẩu hiệu cũ của chúng ta: "Đả đảo chế độ chuyên chế" bằng khẩu hiệu mới: "Đả đảo Đu-ma III", thì là hoàn toàn không đúng. Trong những điều kiện nào thì một khẩu hiệu như "Đả đảo Đu-ma" mới có thể có ý nghĩa? Giả dụ chúng ta có một Đu-ma của phái tự do, cải lương và thoả hiệp trong thời kỳ có cuộc khủng hoảng cách mạng gay gắt nhất, mà ngày nay cuộc khủng hoảng này đã chín muồi để một cuộc nội chiến trực tiếp nổ ra. Trong tình hình đó, hoàn toàn có thể nêu ra khẩu hiệu "Đả đảo Đu-ma", tức là đả đảo những cuộc thương lượng hoà bình với Nga hoàng, đả đảo sự thiết lập "hoà bình" lừa bịp, có thể là chúng ta sẽ kêu gọi tiến công trực tiếp. Giả dụ, ngược lại, là chúng ta có một Đu-ma tối phản động, được bầu ra trên cơ sở đạo luật bầu cử đã lỗi thời, và trong nước không có một cuộc khủng hoảng cách mạng gay gắt; lúc đó khẩu hiệu "Đả đảo Đu-ma" có thể lại là khẩu hiệu đấu tranh cho một cuộc cải cách bầu cử. Nhưng hiện nay ở nước ta, chúng ta không thấy cái gì giống như trường hợp thứ nhất hoặc trường hợp thứ hai. Đu-ma III không phải là thoả hiệp mà thật sự là phản cách mạng; nó không phải dùng để che đậy cho chế độ chuyên chế mà là vạch trần chế độ đó; nó không đóng một vai trò độc lập trong một lĩnh vực nào: chẳng ai và cũng chẳng có ở đâu chờ đợi ở nó những cải cách tiến bộ; cũng chẳng ai nghĩ rằng quyền lực thực tế và lực lượng của chế độ Nga hoàng là ở trong cái nghị viện của bọn phản động ngoan cố đó. Mọi người đều đồng ý cho rằng chế độ Nga hoàng không phải là dựa vào Đu-ma mà là lợi dụng Đu-ma, rằng chế độ Nga hoàng vẫn có

thể thi hành toàn bộ chính sách hiện nay của nó cả trong trường hợp nó hoãn không triệu tập một Đu-ma như vậy (cũng như là "hoãn" triệu tập nghị viện Thổ-nhĩ-kỳ năm 1878¹²¹), và cả trong trường hợp nó đem thay thế Đu-ma bằng một "Hội nghị đại biểu đẳng cấp toàn Nga" hay bất cứ một cái gì tương tự, v.v.. Khẩu hiệu "Đả đảo Đu-ma" sẽ có nghĩa là tập trung cuộc đấu tranh chính là vào cái thiết chế không phải là độc lập, không phải là có tính chất quyết định, vào cái thiết chế không đóng vai trò chủ yếu. Một khẩu hiệu như vậy là không đúng. Chúng ta phải giữ nguyên những khẩu hiệu cũ "Đả đảo chế độ chuyên chế" và "Quốc hội lập hiến muôn năm", vì chính chế độ chuyên chế vẫn tiếp tục nắm chính quyền thực tế và luôn luôn là chỗ dựa thật sự và thành trì thật sự của thế lực phản động. Sự sụp đổ của chế độ chuyên chế nhất định sẽ có nghĩa là xoá bỏ (mà là một sự xoá bỏ có tính chất cách mạng) Đu-ma III vốn là một trong những thiết chế của chế độ Nga hoàng; xét về bản thân nó, thì sự sụp đổ của Đu-ma III sẽ có nghĩa hoặc là một bước phiêu lưu mới của cũng chế độ chuyên chế đó hoặc là một mưu mô cải cách, lừa bịp và chỉ là một cuộc cải cách bề ngoài cũng do chế độ chuyên chế đó tiến hành*.

Chúng ta bàn tiếp. Chúng ta thấy rằng, trong ba năm của chiến dịch cách mạng đầu tiên, bản chất giai cấp của các chính đảng đã lộ rõ một cách hết sức mạnh mẽ và nổi bật. Từ đó rút ra kết luận rằng trong tất cả những suy luận về tương quan lực lượng chính trị hiện nay, về hướng thay đổi của mối tương quan đó, v.v., cần phải xuất phát từ những tài liệu cụ thể về kinh nghiệm lịch sử chứ không

* Trong số báo sau, chúng tôi sẽ xét một mặt khác của vấn đề sách lược "đối với Đu-ma" và phân tích "bức thư" của một đồng chí thuộc phái triệu hồi đảng trên báo *"Ngọn cờ công nhân"*, số 5.¹⁾

1) Xem tập này, tr. 354 - 376.

phải là dựa vào những "lý lẽ chung chung" trừu tượng. Toàn bộ lịch sử các nước châu Âu chứng thực rằng, chính trong những thời kỳ đấu tranh cách mạng trực tiếp, các cơ sở sâu xa và vững chắc của những tập đoàn giai cấp và sự phân chia thành các chính đảng lớn mới hình thành, các chính đảng lớn này, về sau, cũng vẫn không thay đổi trong quá trình các thời kỳ đình trệ, dù là lâu dài nhất. Một số chính đảng có thể rút vào bí mật, im hơi lặng tiếng, biến mất khỏi vũ đài chính trị, nhưng chỉ cần tình hình khá lên một chút là những lực lượng chính trị chủ yếu nhất định sẽ lại xuất đầu lộ diện, có thể là dưới một hình thức khác trước, nhưng tính chất và phương hướng hoạt động của những lực lượng chính trị đó nhất định cũng giống như trước, chừng nào những nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng, đã vấp phải thất bại này nọ, chưa được giải quyết. Vì vậy nếu cho rằng, chẳng hạn, ở các địa phương không có những tổ chức của phái lao động, còn trong Đu-ma III, Nhóm lao động đặc biệt lúng túng và bất lực, nên quần chúng nông dân dân chủ đã hoàn toàn rơi vào tình trạng tan tác và không còn đóng vai trò chủ yếu trong quá trình phát triển của cuộc khủng hoảng cách mạng mới, thì đó sẽ là một nhận định hết sức thiếu cận. Chỉ có phái men-sê-vích ngày càng rơi vào cái "thối ngu ngốc nghị trường" đê tiện nhất thì mới có lối nhận định đó (chỉ cần lấy ví dụ những hành động công kích thật là xấu xa và phản bội của họ chống lại tổ chức bí mật của đảng). Những người mác-xít phải biết rằng do những điều kiện về đại diện không riêng trong Đu-ma Trăm đen ở nước ta, mà ngay cả trong cái nghị viện tư sản lý tưởng nhất, nên giữa lực lượng thực tế của các giai cấp khác nhau và sự phản ánh tình hình các lực lượng đó trong cơ quan đại nghị, bao giờ cũng có một sự không phù hợp, có tính chất giả tạo. Ví dụ như giới trí thức tư sản thuộc phái tự do bao giờ và trong bất cứ nghị viện tư sản nào cũng có vẻ là mạnh gấp trăm lần hơn là

lực lượng của nó trong thực tế (trong cuộc cách mạng ở nước ta, bọn cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội cũng đánh giá phái dân chủ - lập hiến căn cứ trên hiện tượng bề ngoài của phái đó), nhưng, ngược lại, những tầng lớp dân chủ rất rộng rãi trong giai cấp tiểu tư sản (tiểu tư sản thành thị trong thời kỳ cách mạng tư sản 1848, tiểu tư sản nông thôn trong cuộc cách mạng ở nước ta) thường thường là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh công khai của quần chúng, mặc dù thành phần đại diện của họ trong các nghị viện là không đáng kể.

Giai cấp nông dân nước ta, khi tham gia cách mạng, đã tỏ ra kém giác ngộ hơn rất nhiều so với người tư sản thuộc phái tự do, cũng như so với giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa. Chính cách mạng đã đem lại cho họ những thất vọng nặng nề nhất nhưng có lợi nhất, những bài học đau xót nhất nhưng bổ ích nhất. Điều hoàn toàn tự nhiên là họ hấp thụ những bài học đó đặc biệt khó khăn và đặc biệt chậm chạp. Điều cũng hoàn toàn tự nhiên là trong tình hình đó, rất nhiều phần tử "cấp tiến" trong giới trí thức mất hết lòng kiên nhẫn, đồng thời đối với việc gì cũng phẩy tay, và cả một số tiểu tư sản trong Đảng dân chủ - xã hội nữa khi thấy nói đến phái nông dân dân chủ nào đó thì nhăn mặt khinh bỉ, nhưng khi vừa nhìn thấy phái tự do "có văn hoá" thì lại mặt mày hớn hở. Nhưng giai cấp vô sản giác ngộ không dễ dàng xoá bỏ trong trí nhớ của họ những điều mà họ đã trông thấy và đã tham gia vào mùa thu và mùa đông 1905. Và xét đến tương quan lực lượng trong cuộc cách mạng ở nước ta, chúng ta phải nhận thức rằng trong nước Nga ngày nay, một phong trào nông dân nhất định sẽ là dấu hiệu tất yếu của cao trào xã hội mới thực sự rộng rãi, của một cuộc khủng hoảng cách mạng thực sự đang đến gần.

Ở nước ta, giai cấp tư sản thuộc phái tự do đã đi theo con đường phản cách mạng. Chỉ có những tên Tsê-rê-va-nin dưng cảm và những biên tập viên báo "Tiếng nói người dân

chủ - xã hội" nhút nhát đoạn tuyệt với những người cùng tư tưởng và những bạn chiến đấu của mình, mới có thể phủ nhận điều đó. Nhưng nếu do tính chất phản cách mạng của bọn tư sản thuộc phái tự do, mà đi đến kết luận rằng sự đối lập và sự bất mãn của họ, những cuộc xung đột của họ chống bọn địa chủ Trăm đen hay là nói chung những cuộc tranh giành và đấu tranh giữa các phe phái khác nhau trong giai cấp tư sản không thể có một ý nghĩa gì trong quá trình phát triển của cao trào mới, thì đó sẽ là một sai lầm rất lớn và là mặt trái của chủ nghĩa men-sê-vích chính cống. Kinh nghiệm của cách mạng Nga, cũng như kinh nghiệm của các nước khác, chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng khi đã có những điều kiện khách quan của một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, thì những cuộc xung đột nhỏ nhất, hầu như là cách xa nhất lò lửa cách mạng đang diễn ra, cũng có thể có một ý nghĩa rất quan trọng, dùng làm một lý do, là một giọt nước rõ thêm làm đầy tràn chén nước, là khởi đầu của một bước ngoặt trong tâm trạng, v.v.. Chúng tôi xin nhắc lại rằng cuộc vận động của các hội đồng địa phương và những đơn thỉnh cầu do phái tự do tổ chức năm 1904 đã là tiền thân của một cuộc "thỉnh cầu" cũng độc đáo và cũng thuần túy vô sản như cuộc thỉnh cầu ngày 9 tháng Giêng. Đối với cuộc vận động của các hội đồng địa phương, không phải là những người môn-sê-vích phản đối việc lợi dụng cuộc vận động đó để tiến hành những cuộc biểu tình của giai cấp vô sản, mà là phản đối ý muốn của những người (tức phái men-sê-vích) muốn đóng khung những cuộc biểu tình đó trong phạm vi các phòng họp của các hội đồng địa phương, phản đối luận điệu cho rằng những cuộc biểu tình trước những uỷ viên của các hội đồng địa phương là hình thức biểu tình cao nhất, phản đối việc vạch ra kế hoạch của các cuộc biểu tình xuất phát từ ý đồ tránh làm cho phái tự do hoảng sợ. Một ví dụ khác: phong trào sinh viên. Trong một

nước đang trải qua một thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản, nếu những vật dẫn lửa không ngừng được tích lũy thì phong trào đó có thể dễ dàng để ra những sự kiện phát triển xa hơn rất nhiều không chỉ hạn chế trong một cuộc xung đột nhỏ và cục bộ nổ ra bởi cách điều khiển công việc trong một ngành quản lý bộ máy nhà nước. Đương nhiên, khi thực hành một chính sách giai cấp độc lập của giai cấp vô sản, Đảng dân chủ - xã hội không bao giờ thích ứng cả với cuộc đấu tranh của sinh viên, cả với những đại hội mới của các hội đồng địa phương, lẫn với cách đặt vấn đề của những phe phái trong giai cấp tư sản đối lập với nhau; cũng không bao giờ thừa nhận rằng cuộc cãi vã nhau có tính cách gia đình đó có một ý nghĩa độc lập, v.v.. Nhưng chính vì Đảng dân chủ - xã hội là đảng của giai cấp lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp, nên đảng đó nhất định phải lợi dụng tất cả mọi cuộc xung đột, làm cho những cuộc xung đột đó phát triển thêm, làm cho những cuộc xung đột đó có ý nghĩa lớn lao hơn, gắn liền công tác tuyên truyền của đảng về những khẩu hiệu cách mạng với những cuộc xung đột đó, đem loan báo tin tức về những cuộc xung đột đó trong quần chúng rộng rãi, thúc đẩy quần chúng tiến hành đấu tranh độc lập và công khai cho những yêu sách của bản thân họ, v.v.. Sau năm 1793, ở nước Pháp, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa phản cách mạng ra đời và không ngừng lớn lên. Nhưng sau đây suốt một trăm năm, những cuộc xung đột và đấu tranh giữa các phe phái khác nhau trong giai cấp tư sản đó vẫn tiếp tục là nguyên nhân, khi dưới hình thức này khi dưới hình thức khác, của những cuộc cách mạng mới, trong đó giai cấp vô sản đã không ngừng đóng vai trò động lực chủ yếu và *đã đưa* những cuộc cách mạng đó đến chỗ giành được chế độ cộng hoà.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến vấn đề điều kiện của cuộc đấu tranh mang tính chất tiến công của giai cấp vô sản

tức là của giai cấp lãnh đạo, giai cấp tiên phong trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở nước ta. Khi thảo luận vấn đề này, các đồng chí ở Mát-xcơ-va đã nhấn mạnh hoàn toàn đúng đến ý nghĩa căn bản của cuộc khủng hoảng công nghiệp. Các đồng chí đó có thu thập được nhiều tài liệu cực kỳ có ích về cuộc khủng hoảng đó, đã nghiên cứu ý nghĩa của cuộc đấu tranh giữa Mát-xcơ-va và Lốt-dơ và đã sửa lại nhiều điểm trong một số khái niệm vẫn ngự trị từ trước đến giờ. Chỉ còn mong mỗi rằng những tài liệu đó đừng để xếp xó trong các tiểu ban của thành uỷ Mát-xcơ-va hoặc tỉnh uỷ Mát-xcơ-va, mà sẽ được nghiên cứu và công bố trên báo chí để đưa ra thảo luận trong toàn đảng. Về phía mình, chúng tôi chỉ hạn chế trong việc nêu một số nhận xét về *cách đặt* vấn đề. Một trong những điểm gây ra cuộc tranh luận, là: vấn đề hướng phát triển của cuộc khủng hoảng (theo ý kiến chung thì công nghiệp nước ta, sau một thời gian hồi phục không đáng kể và rất ngắn, lại trải qua thời kỳ tiêu điều gần giống thời kỳ khủng hoảng). Có người nói rằng: về mặt kinh tế thì cũng như trước kia, công nhân không thể tiến công được, do đó mà sắp tới đây, không thể có cao trào cách mạng được. Lại có người nói rằng: việc không thể đấu tranh về kinh tế sẽ đẩy người ta đấu tranh về chính trị và do đó, nhất định sắp tới đây sẽ có cao trào cách mạng.

Chúng tôi nghĩ rằng cả hai lối lập luận đó về cơ bản đều có một điều sai lầm ở chỗ đơn giản hoá một vấn đề phức tạp. Chắc chắn rằng việc nghiên cứu một cách chi tiết cuộc khủng hoảng công nghiệp có một ý nghĩa trọng yếu nhất. Nhưng cũng chắc chắn rằng không có một tài liệu nào về cuộc khủng hoảng, thậm chí cả những tài liệu chính xác một cách lý tưởng, cũng không thể, về thực chất, giải quyết vấn đề là sẽ có hay là không có một cao trào cách mạng sắp đến; vì có cao trào đó hay không thì điều đó còn phụ thuộc vào hàng nghìn nhân tố khác không thể tính

trước được. Không có cơ sở chung của một cuộc khủng hoảng ruộng đất và của giai đoạn tiêu điều trong công nghiệp thì không thể có những cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc được, điều đó không thể chối cãi được. Nhưng nếu cơ sở chung đã có, thì từ đó cũng chưa có thể rút ra kết luận rằng sự tiêu điều đó có làm trì hoãn cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của công nhân nói chung trong một thời gian nào đó không, hay là ở một *giai đoạn nhất định* nào đó của tình hình, *cũng vẫn* sự tiêu điều đó sẽ có thúc đẩy những lớp quần chúng mới và những lực lượng mới mẽ tiến lên đấu tranh chính trị không. Muốn giải quyết vấn đề đó, chỉ có thể có một con đường: theo dõi một cách chăm chú những nhịp điệu của toàn bộ đời sống chính trị trong nước, và đặc biệt là theo dõi tình hình phong trào và tâm trạng của quảng đại quần chúng vô sản. Ví dụ, gần đây, nhiều báo cáo của các cán bộ đảng ở nhiều vùng nước Nga, ở các khu công nghiệp và các vùng nông nghiệp đều chứng minh rằng hiển nhiên lại có một khí thế sôi nổi, đã có những lực lượng mới gia nhập, đã có sự quan tâm nhiều đối với công tác cổ động, v.v.. Dem đối chiếu những tin tức đó, một mặt với bước đầu của phong trào có tính chất quần chúng trong sinh viên, và mặt khác, với các mưu toan khôi phục lại những cuộc đại hội của các hội đồng địa phương, thì chúng ta có thể nhận thấy một sự chuyển biến nào đó đã bắt đầu, một cái gì đấy đã đến phá vỡ tình trạng đình trệ hoàn toàn của một năm rưỡi qua. Sự chuyển biến đó mạnh mẽ như thế nào? Có phải là ngưỡng cửa của một thời kỳ mới đấu tranh công khai không, v.v.? Các sự kiện sẽ chứng minh điều đó. Tất cả những điều mà chúng ta có thể làm bây giờ, tất cả những điều mà chúng ta phải làm trong bất cứ trường hợp nào, đó là đưa hết lực lượng của chúng ta ra để củng cố tổ chức bí mật của đảng ta, và tăng gấp mười công tác cổ động trong quần chúng vô sản. Chỉ có tiến hành công tác cổ động mới có thể chứng minh trên

một phạm vi rộng rãi tâm trạng thật sự của quần chúng, chỉ có tiến hành công tác cổ động mới có thể thiết lập mối quan hệ mật thiết giữa đảng và toàn thể giai cấp công nhân, chỉ có biết sử dụng vào mục đích cổ động chính trị từ mỗi cuộc bãi công, mỗi sự kiện lớn hay mỗi vấn đề lớn về đời sống công nhân, tất cả những cuộc xung đột trong nội bộ các giai cấp thống trị hay xung đột giữa các phe nhóm trong các giai cấp đó với chế độ chuyên chế, cho đến mỗi bài phát biểu của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma, mỗi biểu hiện mới của chính sách phản cách mạng của chính phủ, v.v., — chỉ có làm như thế mới lại siết chặt được hàng ngũ của giai cấp vô sản cách mạng và mới cung cấp được tài liệu xác thực để phán đoán xem điều kiện chín muồi của những trận đánh mới có tính chất quyết định hơn phát triển với tốc độ mau chóng như thế nào.

Hãy tóm lại. Nhìn chung, kết quả của cách mạng và tình hình hiện nay chứng minh một cách rõ ràng rằng những nhiệm vụ khách quan của cách mạng chưa được giải quyết. Việc chính phủ chuyên chế ngả theo chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ trong chính sách ruộng đất và toàn bộ chính sách của chính phủ chuyên chế trong Đu-ma cũng như là thông qua Đu-ma, chỉ làm gay gắt thêm và mở rộng thêm mâu thuẫn giữa một phía là chế độ chuyên chế Trăm đen và sự thống trị của bọn "địa chủ hung bạo" và phía khác là nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội của toàn quốc. Cuộc tấn công của bọn cảnh sát và cu-lắc vào quần chúng nông thôn càng đẩy mạnh thêm cuộc đấu tranh trong nội bộ quần chúng nông thôn, làm cho cuộc đấu tranh đó có tính chất tự giác hơn về chính trị và, có thể nói, làm cho cuộc đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế nhích gần tới chỗ trở thành những vấn đề thiết thân hàng ngày của mỗi thôn xã. Trong lúc này, việc giữ vững những yêu sách dân chủ - cách mạng trong vấn đề ruộng đất (tịch thu tất cả ruộng đất của địa chủ) là tuyệt đối cần thiết đối với Đảng dân chủ - xã hội. Đu-ma Trăm đen - tháng

Mười, vì đã cho người ta thấy rõ qua kinh nghiệm rằng chế độ chuyên chế có thể "thích nghi" với loại "hiến pháp" nào và, do không giải quyết được một vấn đề nào — ngay cả trong phạm vi hẹp nhất — có liên quan đến việc đảm bảo các nhu cầu của sự phát triển kinh tế của đất nước, nên đã biến cuộc đấu tranh "cho hiến pháp" thành một cuộc đấu tranh cách mạng *chống lại chế độ chuyên chế*; trong những điều kiện như vậy, những cuộc xung đột cục bộ giữa các nhóm phái riêng biệt trong giai cấp tư sản với nhau và giữa các nhóm phái đó với chính phủ chính sẽ đẩy nhanh cuộc đấu tranh đó. Việc bần cùng hóa nông thôn, tình trạng tiêu điều trong công nghiệp, nhận thức chung về tình hình chính trị hiện nay không có lối thoát và tính chất bế tắc của con đường nổi tiếng "hoà bình hợp hiến", — tất cả các điều đó ngày càng đề ra những yếu tố mới của cuộc khủng hoảng cách mạng. Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay không phải là ở chỗ tạo ra những khẩu hiệu mới nào đó (như khẩu hiệu: "Đả đảo Đu-ma"! thay cho "Đả đảo chế độ chuyên chế!") mà là ở chỗ củng cố tổ chức bí mật của đảng (mặc dù những lời gào thét phản động của bọn men-sê-vích đòi chôn vùi tổ chức bí mật đó), và ở chỗ phát triển rộng rãi công tác cổ động của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng, công tác này sẽ đoàn kết chặt chẽ đảng với quần chúng vô sản và động viên quần chúng vô sản đó.

"Người vô sản", số 38, ngày
1 (14) tháng Mười một 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

PLÊ-KHA-NỐP VÀ PHE NHÓM BẢO VỆ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI NHƯ THẾ NÀO?

Lời chú thích của ban biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", tức của Plê-kha-nốp và phe nhóm, về bức thư của đồng chí Ma-xlốp¹⁾ mà chúng tôi đã phân tích trong báo "Người vô sản", số 37, đã được in riêng thành "Phụ trương" của tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 8 - 9.

Lời "Chú thích" đó, dài gần nửa cột báo "Người vô sản", đáng được những người dân chủ - xã hội Nga chú ý tới, vì nó chứng tỏ rằng Plê-kha-nốp và phe nhóm vì những quyền lợi bề phải nhỏ nhất đã đi tới chỗ *bảo vệ* chủ nghĩa xét lại về mặt lý luận, bằng lối nguy hiểm không xứng đáng nhất. Dưới đây là những sự thật.

Câu đầu của lời chú thích viết: "Đối với việc *xem lại* (xét lại) chủ nghĩa Mác đang được tiến hành dưới ảnh hưởng phản động của những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Tây Âu và nhằm phá hoại những nguyên lý trong học thuyết triết học, xã hội học và kinh tế học của Mác và Ăng-ghe-n, thì chúng tôi là những kẻ thù kiên quyết nhất và hoàn toàn không khoan nhượng". "Những kẻ thù kiên quyết nhất và hoàn toàn không khoan nhượng" — thật khó mà nói quả quyết hơn, có phải thế không? khó mà tìm được cách diễn đạt văn hoa hơn về *những lời hứa* của Plê-kha-nốp và phe nhóm.

1) Xem tập này, tr. 302 - 313.

Nhưng... điểm mấu chốt là ở chỗ, đối với Ma-xlốp (mà Plê-kha-nốp và phe nhóm viết lời chú thích chính là về bài báo của Ma-xlốp, chính là về vấn đề chủ nghĩa xét lại của Ma-xlốp), thì những kẻ thù "không khoan nhượng" của chủ nghĩa xét lại đó ở nước ta lại có chữ "nhưng" rất có ý nghĩa.

Plê-kha-nốp và phe nhóm tuyên bố: "Nhưng chúng tôi không bao giờ là những người mác-xít bè phái, và chúng tôi hiểu rõ rằng có thể không đồng ý với Mác và Ăng-ghe-n về vấn đề này hay vấn đề khác mà vẫn chẳng những không phản bội lại quan điểm của Mác và Ăng-ghe-n và không phủ nhận phương pháp của Mác và Ăng-ghe-n, mà lại còn hoàn toàn trung thành với cả quan điểm và phương pháp của Mác và Ăng-ghe-n". Tiếp đó là ví dụ: đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Cu-nốp, trong vấn đề "nguồn gốc của chế độ mẫu quyền", "có phần nào không đồng ý với Ăng-ghe-n"; nhưng "chỉ có kẻ bệnh hoạn mới có ý nghĩ căn cứ vào điều đó mà buộc tội Cu-nốp là người theo chủ nghĩa xét lại".

"Đối với quan điểm của đồng chí Ma-xlốp về học thuyết về địa tô của Mác, thì thái độ của chúng tôi đã được xác định như ở trên. Chúng tôi không tán thành quan điểm đó (lời chú thích của báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội": "Trong tờ "Tiếng nói", số 1, đồng chí Mác-tư-nốp đã giải thích riêng về lý do không tán thành những điểm sửa đổi của đồng chí Ma-xlốp đối với học thuyết về địa tô tuyệt đối"), nhưng chúng tôi không coi quan điểm đó là xét lại..."

Bây giờ thì bạn đọc đã thấy rõ cách lập luận của Plê-kha-nốp và phe nhóm. Chúng tôi "là những kẻ thù hoàn toàn không khoan nhượng của chủ nghĩa xét lại", nhưng "chúng tôi không coi quan điểm đó (quan điểm của Ma-xlốp đối với học thuyết về địa tô tuyệt đối) là xét lại". Chủ nghĩa xét lại phá hoại các nguyên lý của học thuyết Mác, còn Ma-xlốp chỉ bất đồng ý kiến với Mác về một vấn đề cục bộ thôi. Đó là lời biện hộ của Plê-kha-nốp và phe nhóm, lời biện hộ ấy đã được sáng tỏ hoàn toàn qua ví dụ về G. Cu-nốp.

Chúng tôi xin hỏi bạn đọc nào đôi chút biết suy nghĩ và đôi chút không thiên vị rằng: phải chăng đó không phải là nguy hiểm? Người ta coi học thuyết của Mác về địa tô tuyệt đối là một "vấn đề cục bộ"! Người ta lại đem so sánh sự bất đồng ý kiến về học thuyết về địa tô với việc Cu-nốp "phần nào không đồng ý" với Ăng-ghe-n về vấn đề nguồn gốc của chế độ mẫu quyền!! Rõ ràng là Plê-kha-nốp và phe nhóm coi những người men-sê-vích của họ — mà họ nuôi dưỡng bằng những lời giải thích đó — là những đứa trẻ con. Chỉ có hoàn toàn không biết tự trọng và không tôn trọng bạn đọc của mình thì mới có thể cho phép mình dùng những thủ đoạn trò hề như vậy để giải quyết những vấn đề về nguyên tắc hết sức quan trọng như vậy. Và chính Plê-kha-nốp (và phe nhóm) đã mở đầu sự giải thích của mình bằng một câu nói trịnh trọng gọi chủ nghĩa xét lại là một sự phá hoại các nguyên lý của học thuyết Mác - Ăng-ghe-n. Kết quả như thế nào? Đối với Ma-xlốp thì Plê-kha-nốp và phe nhóm có từ bỏ luận điểm đó hay không? Có hay không? Hay là Plê-kha-nốp và phe nhóm đã viết lời chú thích của mình chỉ là để che đậy ý nghĩ của mình?

Ma-xlốp tuyên bố trong nhiều bài báo và trong nhiều lần xuất bản cuốn "Vấn đề ruộng đất" của mình rằng: 1) học thuyết về địa tô tuyệt đối của Mác là sai; 2) vì quyển III có tính chất là một "bản nháp", nên mới xuất hiện học thuyết đó; 3) "ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ" là một sự thật; 4) nếu học thuyết về địa tô tuyệt đối là đúng và "quy luật ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ" là không đúng, thì bọn dân tuý ở Nga và bọn xét lại trên toàn thế giới sẽ là đúng.

Bài báo của tờ "Người vô sản" chính đã nêu lên bốn điểm đó để chống lại Ma-xlốp và cuộc bút chiến về vấn đề này cũng bắt đầu từ bài báo đó. Các bạn hãy xem Plê-kha-nốp và phe nhóm phản ứng như thế nào: thứ nhất, họ khiêm tốn chỉ nói đến vấn đề địa tô thôi, tức là hoàn toàn lảng

thinh về các vấn đề khác. Đó không phải là bảo vệ chủ nghĩa xét lại ư? Phải chăng Plê-kha-nốp và phe nhóm sẽ lại phủ nhận rằng việc xét lại học thuyết của Mác về tính chất vô lý của quy luật và của "sự thật" về ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ đã được tiến hành "dưới ảnh hưởng phản động của những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Tây Âu"? Thứ hai là học thuyết về địa tô tuyệt đối được coi là một vấn đề cục bộ, là sự bất đồng ý kiến ("phân nào") về vấn đề nguồn gốc chế độ mẫu quyền!

Thưa các ngài, đó là trò bịp! Và các ngài dùng trò bịp ấy để che đậy việc các ngài công khai bảo vệ chủ nghĩa xét lại. Vì *các ngài không dám* nói thẳng ra rằng thừa nhận học thuyết về địa tô tuyệt đối và phủ nhận quy luật (hay là "sự thật") ruộng đất ngày càng giảm màu mỡ, *không phải là "nguyên lý"* của học thuyết kinh tế của Mác trong phạm vi vấn đề ruộng đất. Các ngài muốn bảo vệ "người của mình", nên lấy Ma-xlốp giả làm Mác, và coi những "ý kiến bất đồng" về chính *nguyên lý của học thuyết* của Mác là điều có tính chất "cục bộ" *đối với* Ma-xlốp. Như vậy là các ngài đã xác nhận những lời trong báo "Người vô sản", số 33¹⁾, về những nhà lý luận men-sê-vích Pha-mu-xốp, bọn này khen thưởng những gia thuộc của mình bằng cách đồng ý coi *học thuyết* kinh tế của Mác là "vấn đề cục bộ" và đem so sánh học thuyết kinh tế của Mác với vấn đề nguồn gốc chế độ mẫu quyền.

Plê-kha-nốp và phe nhóm tuyên bố mình là những "kẻ thù không khoan nhượng của chủ nghĩa xét lại", nhưng nếu anh là đảng viên men-sê-vích thì anh đừng sợ những lời lẽ kinh hãi đó! Anh hãy đến "ban biên tập báo "Tiếng nói" và anh sẽ hiểu rằng, đối với những người men-sê-vích, sự không khoan nhượng lại rất là khoan nhượng, khoan nhượng đến

1) Xem tập này, tr. 223 - 224.

nổi là ban biên tập đồng ý coi "sự phá hoại học thuyết" như một "sự bất đồng ý kiến về vấn đề nguồn gốc chế độ mẫu quyền". Lờn xá tội giá rẻ, chúng tôi bán rộng rãi đây, xin mời quý ông quý bà mua đi!

Hãy tiếp tục. Plê-kha-nốp và phe nhóm tuyên bố: chúng tôi không tán thành quan điểm của Ma-xlốp về vấn đề địa tô. Họ viết: Mác-tư-nốp đã nói trước đến điều đó rồi. "Cái nhân vật" mà ban biên tập báo "Người vô sản" gọi là "thần hộ mệnh của Ma-xlốp" (tức là Plê-kha-nốp), "đã nhiều lần (các bạn hãy nghe đây!) *tranh luận trên báo chí* (do báo "Tiếng nói" viết ngả) với đồng chí Ma-xlốp về những vấn đề có liên quan mật thiết đến cương lĩnh ruộng đất của chúng ta".

Đó, lời "chú thích" của Plê-kha-nốp và phe nhóm nguyên văn là như vậy, không sai một chữ!

Các đồng chí men-sê-vích, các đồng chí hãy học nghệ thuật biện bác ở ban biên tập của mình. Người ta đã cho các đồng chí một mẫu mực kinh điển về điểm này. Vấn đề ở đây là chủ nghĩa xét lại, đối tượng của cuộc tranh luận là xem có phải sự không khoan nhượng về mặt lý luận hay *chứ* là sự hần học bè phái nhỏ nhen đã khiến cho Plê-kha-nốp phải gọi, trên tờ báo của đảng, một số kẻ đối lập với mình là các ngài, nhưng trong lời "cải chính" thì lại nói rằng: Plê-kha-nốp "đã nhiều lần tranh luận trên báo chí" với Ma-xlốp, song *không phải về vấn đề địa tô và cũng không phải* về việc Ma-xlốp xa rời học thuyết Mác.

Có thể tìm được cách phát biểu nào kiểu nghị trường để nhận định về những thủ đoạn đó không? *Chưa bao giờ* Plê-kha-nốp, ợ con người thích tranh luận về lý luận và đôi khi biết biến những cuộc tranh luận đó thành những cuộc vận động, ợ *chưa bao giờ* Plê-kha-nốp *tranh luận* với Ma-xlốp về những điểm mà Ma-xlốp tỏ ra là xét lại, tức là vấn đề phủ nhận địa tô tuyệt đối, về việc khẳng định "học thuyết đó là một bản nháp", về việc thừa nhận "sự thật" về ruộng

đặt ngày càng giảm màu mỡ, về việc cho rằng bọn dân tụy và xét lại có thể là đúng, nếu Ma-xlốp không bác bỏ Mác. Plê-kha-nốp chưa một lần nào tranh luận về các vấn đề đó, mà lại tranh luận về những vấn đề hoàn toàn khác, chính là tranh luận về những vấn đề cục bộ, mà bọn Tác-tuy-phơ¹²² theo chủ nghĩa men-sê-vích ngày nay muốn che giấu bằng câu nói hoa mỹ tối nghĩa nhằm cố tình đánh lạc hướng bạn đọc và lấp lửng kiểu ngoại giao: "những vấn đề có liên quan mật thiết đến cương lĩnh ruộng đất của chúng ta"!!

Thật là tuyệt vời, chẳng phải thế ư? Làm sao lại không chúc mừng Plê-kha-nốp và phe nhóm về bước đầu bảo vệ chủ nghĩa xét lại như vậy? Ở đây làm sao lại không nhắc tới các tay hoạt đầu chính trị như Clê-măng-xô. Clê-măng-xô là kẻ thù "không khoan nhượng" của bọn phản động, vốn "đã nhiều lần tranh luận" với chúng. Nhưng bây giờ thì bọn phản động hành động, còn Clê-măng-xô thì rào trước đón sau và... bợ đỡ, xu nịnh chúng. Plê-kha-nốp cũng vậy, là kẻ thù "không khoan nhượng" của chủ nghĩa xét lại. Plê-kha-nốp "đã nhiều lần tranh luận" với Ma-xlốp (về vấn đề gì cũng được, trừ chủ nghĩa xét lại của Ma-xlốp). Và bây giờ Ma-xlốp viết bài phản đối Mác, Ma-xlốp nhắc lại trên báo "Tiếng nói" những lý lẽ của mình chống lại học thuyết của Mác, nhưng Plê-kha-nốp và phe nhóm chỉ rào trước đón sau!

Các nhà viết sách, xin các ngài hãy mua lấy sự khoan hồng, xin các ngài hãy ghi tên gia nhập hàng ngũ phái men-sê-vích. Ngày mai, người ta sẽ cho các ngài được phép bác bỏ cả học thuyết về giá trị của Mác trên báo "Tiếng nói" với lời chú thích của ban biên tập nói rõ rằng ban biên tập "không đồng ý"...

Cũng trong lời chú thích, Plê-kha-nốp và phe nhóm hỏi chúng ta rằng: "Báo "Người vô sản" có định "lập luận ý kiến của mình" rằng giữa lập luận của Ma-xlốp về địa tô tuyệt đối và cương lĩnh phủ nhận quốc hữu hoá có liên hệ mật thiết gì với nhau, hay không?" Rất sẵn sàng, thưa các vị

"không khoan nhượng" đáng mến. Sau đây là *lý lẽ* đầu tiên và vắn tắt:

"Nếu không hiểu học thuyết về địa tô tuyệt đối của Mác, thì liệu có thể hiểu được ý nghĩa của quyền tư hữu ruộng đất là một cản trở cho sự phát triển lực lượng sản xuất của xã hội tư bản không?"

Hỡi Plê-kha-nốp và phe nhóm "không khoan nhượng", xin các vị hãy hỏi ý kiến của Ma-xlốp và trả lời cho chúng tôi về câu hỏi đó, tức là câu hỏi đem lại cho các vị sự lập luận đáng mong muốn!

"Người vô sản" số 39, ngày 13
(26) tháng Mười một 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

VỀ HAI BỨC THƯ

Chúng tôi đăng trên số báo "Người vô sản" này, một là bức thư của một công nhân thuộc phái triệu hồi¹²³ và đã đăng trên báo "Ngọn cờ công nhân", số 5, có kèm theo lời chú thích nói rõ là ban biên tập không đồng ý với những quan điểm của tác giả và coi bức thư đó là một bài báo đưa ra để tranh luận; hai là bức thư của một công nhân ở Pê-téc-bua, Mi-khai-in Tôm-xki, vừa mới được gửi tới tòa báo chúng tôi. Chúng tôi đăng nguyên văn cả hai bức thư đó. Chúng tôi biết rất rõ rằng có thể có những nhà phê bình có ác ý, tìm được những đoạn hay những câu cá biệt của bức thư này hay bức thư nọ, đem ra giải thích xuyên tạc lung tung và từ đó rút ra những kết luận không đúng với ý định của các tác giả đã viết vội vàng trong những điều kiện bí mật hết sức bất lợi. Nhưng không cần chú ý đến những nhà phê bình như vậy. Ngược lại, người nào quan tâm một cách nghiêm chỉnh đến tình hình phong trào công nhân và tình hình Đảng dân chủ - xã hội ở nước Nga hiện nay, thì người đó chắc chắn sẽ đồng ý với chúng tôi mà cho rằng cả hai bức thư đó đều phản ánh một cách hết sức đặc sắc *hai trào lưu* hiện có trong những công nhân giác ngộ ở nước ta. Hai trào lưu đó đều biểu lộ rõ rệt bất cứ ở đâu trong sinh hoạt của tất cả các tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội ở Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va. Vì trào lưu thứ ba, tức là phái men-sê-vích, đang muốn công khai trắng trợn hay lén lút ngấm

ngấm chôn vùi đảng, họ hầu như là không có đại diện trong nội bộ các tổ chức địa phương, nên chúng ta có thể nói rằng cuộc xung đột giữa hai trào lưu nói trên đây là một *vấn đề bức thiết* của đảng ta. Do đó, cần phải xem xét "hai bức thư" đó một cách hết sức tỉ mỉ.

Tác giả cả hai bức thư đều thừa nhận rằng đảng ta đang trải qua một cuộc khủng hoảng, không phải chỉ về mặt tổ chức, mà cả về mặt chính trị và tư tưởng nữa. Đó là một sự thật mà nếu che giấu nó đi là lối bịch. Cần phải hiểu rõ nguyên nhân để ra cuộc khủng hoảng đó và những biện pháp để khắc phục nó.

Hãy bắt đầu nói đến bức thư của anh công nhân ở Pê-téc-bua. Qua toàn bộ bức thư của anh ta thì thấy rõ rằng, theo ý anh ta, có hai nguyên nhân để ra cuộc khủng hoảng. Một mặt vì thiếu những người lãnh đạo trong Đảng dân chủ - xã hội xuất thân từ công nhân, nên sau khi hầu như toàn bộ các phần tử trí thức rời bỏ đảng thì ở rất nhiều địa phương, các tổ chức đảng bị tan vỡ và không biết tập hợp và siết chặt hàng ngũ đã bị giảm sút rất nhiều vì những cuộc đàn áp nặng nề, vì sự lãnh đạm và mệt mỏi của quần chúng. Mặt khác, theo ý kiến tác giả thì công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta quá thiên về "tình hình hiện tại", tức là đã đưa lên hàng đầu các vấn đề nóng hổi về sách lược cách mạng, chứ không phải là truyền bá chủ nghĩa xã hội, tăng cường ý thức dân chủ - xã hội của giai cấp vô sản. "Công nhân trở thành những người cách mạng, những người dân chủ, nhưng không phải là những người xã hội chủ nghĩa". Và, khi phong trào dân chủ chung, tức là phong trào dân chủ - tư sản, thoái trào, thì trong hàng ngũ công nhân có rất nhiều người rời khỏi hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội. Đúng trên quan điểm đó, tác giả đã chỉ trích kịch liệt khuyết điểm "sáng chế" ra "một cách không có cơ sở" những khẩu hiệu và đòi hỏi phải tiến hành công tác tuyên truyền một cách nghiêm chỉnh hơn nữa.

Chúng tôi cho rằng có khi chống lại một mặt cực đoan này, tác giả lại rơi vào mặt cực đoan kia, nhưng nói chung, chắc chắn là tác giả đứng trên một quan điểm hoàn toàn đúng. Quyết không thể nói rằng việc lấy các vấn đề tình hình hiện tại để "phát động những cuộc vận động", là một "sai lầm". Đó là nói phóng đại. Điều đó có nghĩa là xuất phát từ các điều kiện *hiện tại* mà quên mất những điều kiện trong *quá khứ*. Thật ra, tác giả đã tự sửa lại điều đó khi thừa nhận rằng "thời cơ của những cuộc đấu tranh trực tiếp của giai cấp vô sản, đương nhiên, là một vấn đề đặc biệt trọng yếu". Chúng ta hãy nói đến hai cuộc đấu tranh như thế, hết sức khác nhau và hết sức xa nhau về thời gian: cuộc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin vào mùa thu 1905 và cuộc bầu cử vào Đu-ma II vào đầu năm 1907. Một chính đảng của giai cấp vô sản có đôi chút sinh động và có sinh khí thì trong thời kỳ đó, liệu có thể *không* tập trung sự chú ý và công tác cổ động chủ yếu của đảng vào những khẩu hiệu hàng ngày không? Trong thời kỳ như thế Đảng dân chủ - xã hội đã từng lãnh đạo quần chúng vô sản, liệu có thể *không* tập trung cuộc đấu tranh nội bộ xoay quanh những khẩu hiệu có ý nghĩa quyết định thái độ tức thời của quần chúng không? Có nên tham gia Đu-ma Bu-lư-ghin hay là phá huỷ nó? Trong cuộc bầu cử Đu-ma II, nên nhập vào một khối với bọn dân chủ - lập hiến hay là chống lại bọn này? Chỉ cần đặt vấn đề đó một cách rõ ràng và nhớ lại tình hình trước đây không lâu, thì sẽ có được câu trả lời. Trong khi đảng chưa có được một sự nhất trí từ trước, và trong khi hai sách lược, hai trào lưu tư tưởng — phái cơ hội chủ nghĩa - tiểu tư sản và phái vô sản cách mạng — còn đối lập nhau trong nội bộ đảng, thì cuộc đấu tranh kịch liệt lúc bấy giờ để định ra khẩu hiệu này hay khẩu hiệu khác sở dĩ nổ ra không phải là do "sai lầm" của đảng, mà là do sự cần thiết khách quan đòi hỏi phải có một quyết định nhanh chóng và thống nhất.

Mặt khác, cũng không nên nói rằng lúc đó không có sự quan tâm đầy đủ đến việc tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội, đến việc truyền bá chủ nghĩa Mác trong quần chúng. Nói thế là không đúng. Chính là trong thời kỳ đó, từ 1905 đến 1907, rất nhiều sách báo lý luận quan trọng của Đảng dân chủ - xã hội — chủ yếu là dịch từ tiếng nước ngoài — được phổ biến rộng rãi ở nước Nga, những sách báo đó sẽ vẫn còn *khai hoa kết quả*. Chúng ta không nên hoài nghi, không nên gán ghép cho quần chúng tính nôn nóng của bản thân mình. Một khối lượng sách báo lý luận *to lớn* tung vào quần chúng trong một thời gian ngắn như vậy, — quần chúng lúc đó hầu như là chưa đọc sách báo xã hội chủ nghĩa bao giờ, — nên chưa thể tiêu hoá ngay được. Những sách báo của Đảng dân chủ - xã hội không phải là vô ích. *Chúng đã được gieo*. Chúng sẽ lớn lên và sẽ khai hoa kết quả. Có thể không phải là ngày mai, không phải là ngày kia, mà là sau này, chúng khai hoa kết quả, vì chúng ta không có khả năng thay đổi được những điều kiện khách quan quyết định sự phát triển của cuộc khủng hoảng mới. Nhưng nhất định chúng sẽ khai hoa kết quả.

Dù sao đi nữa, trong tư tưởng căn bản của tác giả bức thư cũng có một chân lý sâu sắc. Chân lý đó là ở chỗ, trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản, *nhất định* sẽ có một sự xen kẽ nào đó giữa những phần tử và những khuynh hướng vô sản xã hội chủ nghĩa với những phần tử và khuynh hướng dân chủ - tiểu tư sản (cả dân chủ - cơ hội chủ nghĩa lẫn dân chủ - cách mạng). Trong một nước "nông dân" đang phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, đợt vận động thứ nhất của cuộc cách mạng tư sản *không thể* diễn ra mà lại không có sự hợp nhất khách quan giữa một số tầng lớp vô sản nào đó với một số tầng lớp tiểu tư sản nào đó. Và hiện nay, chúng ta đang trải qua một quá trình gạn lọc cần thiết, một sự phân định, một sự *tách ra mới* của những phần tử thật sự vô sản và xã hội chủ nghĩa, *tách họ*

khỏi những kẻ "bám vào phong trào" (tiếng Đức gọi là *Mitläufer*) chỉ vì một khẩu hiệu "xuất sắc", hoặc vì muốn cùng với bọn dân chủ - lập hiến đấu tranh cho một "Đu-ma có toàn quyền".

Việc gạt lọc đó, trong những mức độ khác nhau, được tiến hành ở trong cả hai phái thuộc Đảng dân chủ - xã hội. Quả vậy, sự thật là hàng ngũ của cả phái men-sê-vích lẫn phái bôn-sê-vích đều giảm sút! Chúng ta không nên sợ thừa nhận điều đó. Tuy nhiên, có điều không còn chút nghi ngờ gì là trong cánh hữu của đảng có tình trạng rối loạn và mất tinh thần, còn trong cánh tả của đảng thì không có tình trạng đó. Và đó là điều không phải ngẫu nhiên, vì không kiên định về nguyên tắc thì chỉ có thể đưa tới tình trạng tan rã. Những sự kiện sẽ chứng minh dứt khoát *trên thực tế*: phái nào đã duy trì được nhiều hơn, ở đâu và như thế nào, sự đoàn kết về mặt tổ chức, lòng trung thành với giai cấp vô sản, tính kiên định mác-xít. Những vấn đề tranh cãi đó chỉ có thể do cuộc sống giải quyết, chứ không thể lấy lời nói, lời hứa hoặc lời thề mà giải quyết. Hiện nay, có tình trạng tung tán và dao động, đó là một sự thật cần được giải thích. Muốn giải thích được tình trạng đó, nhất thiết phải có một sự *gạt lọc mới*.

Xin đem một số ví dụ nhỏ để minh họa ý kiến của chúng tôi: ví dụ về cái "giới phạm nhân" (như cách nói của bọn thầy kiện) tức là những người hiện bị giam giữ trong tù, bị đi đày, khổ sai hay phải lưu vong ở nước ngoài vì lý do chính trị. Thật vậy, thành phần của cái giới đó phản ánh một cách chính xác cái thực tế của ngày hôm qua. Phải chăng có thể nghi ngờ rằng "những nhà chính trị đó", dù sống ở gần hay xa, cũng đều phản ánh những quan điểm chính trị và tâm lý hết sức muôn màu muôn vẻ, phản ánh một tình trạng cực kỳ mơ hồ và lộn xộn? Cách mạng đã khiến các tầng lớp rất sâu xa trong nhân dân tham gia vào đời sống chính trị, nó làm nổi lên bề mặt rất nhiều nhân

vật ngẫu nhiên, "anh hùng nhất thời", những nhân vật mới, đến nỗi hoàn toàn không sao tránh khỏi là trong số đó rất nhiều người không có một thế giới quan hoàn chỉnh. Không thể xây dựng được một thế giới quan như vậy trong một vài tháng đấu tranh náo nhiệt. Thế mà trong thời kỳ đầu của cuộc cách mạng ở nước ta, đại đa số các chiến sĩ cách mạng chắc chắn là "tuổi thọ" trung bình đã không quá vài tháng. Vì vậy, nếu trong những tầng lớp mới, những tập đoàn mới, những chiến sĩ cách mạng mới được cách mạng thức tỉnh, lại có sự gạt lọc mới thì đó cũng là điều hoàn toàn không sao tránh khỏi. Và việc gạt lọc đó đang tiến hành. Ví dụ, lễ an táng Đảng dân chủ - xã hội, do nhiều người men-sê-vích đề xướng, trên thực tế, có nghĩa là các ngài đáng kính đó đang tỏ chức *lễ an táng bản thân mình* với tư cách là những người dân chủ - xã hội. Chúng ta không đời nào sợ hãi sự gạt lọc đó. Ngược lại, chúng ta phải hoan nghênh nó, phải giúp đỡ nó được thực hiện. Cứ để mặc cho những kẻ nhu nhược khóc suốt mướt, đây đó họ sẽ kêu la rằng: lại đấu tranh! lại xung đột nội bộ! lại luận chiến! Chúng ta trả lời rằng: nếu không có cuộc đấu tranh mới và mới nữa thì không bao giờ và không ở nơi nào có thể hình thành một Đảng dân chủ - xã hội cách mạng và thật sự vô sản. Ở nước Nga chúng ta, mặc dù trong điều kiện cực kỳ khó khăn hiện nay, một Đảng dân chủ - xã hội như vậy đang được dần dần hình thành và *cuối cùng nhất định nó sẽ được hình thành*. Đảm bảo cho điều đó là toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nước Nga, ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội quốc tế đối với chúng ta và xu thế cách mạng của thời kỳ đầu những năm 1905 - 1907.

Để xúc tiến việc gạt lọc mới đó, cần phải tăng cường công tác lý luận. "Tình hình hiện tại" ở nước Nga chính là thế này: không phải là tâm lý của người này người nọ, không phải là sự phấn khởi của nhóm này nhóm nọ và thậm chí cũng chẳng phải là chế độ cảnh sát đã buộc nhiều người phải

bỏ công tác "thực tiễn", mà chính là toàn bộ tình hình khách quan của đất nước đã quyết định công tác lý luận của chủ nghĩa Mác, quyết định việc truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác. Khi quần chúng đã hấp thụ được kinh nghiệm mới và cực kỳ phong phú về cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp, thì lúc đó cuộc chiến đấu về mặt lý luận cho một thế giới quan cách mạng, tức là cho chủ nghĩa Mác cách mạng, đã trở thành một khẩu hiệu bức thiết. Vì vậy, anh công nhân ở Pê-téc-bua đã hoàn toàn đúng khi anh ta nhấn mạnh đến sự cần thiết phải tuyên truyền sâu rộng chủ nghĩa xã hội, phải nghiên cứu những vấn đề mới, phải khuyến khích và phát triển bằng mọi cách những tiểu tổ để rèn luyện chính những công nhân thành những người dân chủ - xã hội chân chính, những nhà lãnh đạo dân chủ - xã hội của quần chúng. Ở đây, vai trò của *chi bộ đảng* — mà chỉ nhắc tới chữ đó là Đan và bè lũ đã mắc ngay chứng động kinh rồi — là hết sức to lớn, và những "nhà cách mạng chuyên nghiệp", mà những phần tử trí thức cơ hội chủ nghĩa căm ghét, có trách nhiệm phải giữ một vai trò cao đẹp mới.

Nhưng trong khi bênh vực những ý kiến hoàn toàn đúng trong đoạn thư đó, Mi-khai-in Tôm-xki phần nào lại rơi vào một phía cực đoan khác. Ví dụ, anh ta đã mắc sai lầm khi gạt ra khỏi "những vấn đề quan trọng" việc khảo sát kinh nghiệm của ba năm cách mạng, việc nghiên cứu những bài học thực tiễn của cuộc đấu tranh trực tiếp của quần chúng, việc tổng kết công tác cổ động chính trị cách mạng, v.v.. Chắc hẳn đây chẳng qua là một thiếu sót về trình bày của tác giả hoặc là một sai lầm cá biệt do sự vội vã gây ra. Việc khảo sát, nghiên cứu các bài học đó và việc tổng kết đó trước mặt hết sức đông đảo công nhân là một việc quan trọng hơn nhiều so với vấn đề về các "toà án địa phương", về "chế độ tự quản địa phương" và về các "cải cách" khác trong nước Nga Xtô-lư-pin mà bọn quan lại và phái tự do thích bàn tán đến. Những "cải cách" đó, cùng với Đu-ma Trăm

đen và chế độ chuyên chế Trăm đen, nhất định chỉ là một tấn hài kịch.

Thế nhưng Mi-khai-in Tôm-xki đã hoàn toàn đúng khi kiên quyết phản đối việc "sáng chế ra những khẩu hiệu" nói chung và phản đối những khẩu hiệu như "Đả đảo Đu-ma" hay "Đả đảo đảng đoàn" nói riêng. Mi-khai-in Tôm-xki cũng hoàn toàn đúng, khi đem tình trạng "tản mạn" đó đối lập với một công tác nhất quán của Đảng dân chủ - xã hội về tổ chức, về tuyên truyền và cổ động nhằm củng cố Đảng dân chủ - xã hội, củng cố những truyền thống của đảng mà bọn cơ hội chủ nghĩa căm ghét, nhằm đảm bảo tính liên tục trong công tác của đảng, nhằm mở rộng và củng cố ảnh hưởng của đảng *ấy*, của đảng *trước đây* (các ngài biên tập viên cơ hội chủ nghĩa của báo "Tiếng nói" hãy phân nộ đi!) đối với quần chúng vô sản.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang bức thư của đồng chí ở Mát-xcơ-va, và phê phán điểm trung tâm của bức thư đó, tức là "chủ nghĩa triệu hồi" nổi tiếng. Chúng tôi đã nhiều lần lên tiếng phản đối "chủ nghĩa triệu hồi" trên báo "Người vô sản", bắt đầu từ khi một thiểu số những người bôn-sê-vích đưa ra nghị quyết nổi tiếng của họ về vấn đề này trong Hội nghị Mát-xcơ-va (xem báo "Người vô sản", số 31). Bây giờ, chúng ta lại thấy có người, cũng nhân danh một thiểu số những người bôn-sê-vích ở Mát-xcơ-va, định luận chúng có hệ thống về chủ nghĩa triệu hồi. Chúng ta hãy xem xét lập luận đó như thế nào.

Đồng chí thuộc phái triệu hồi đó xuất phát từ một luận cứ đúng đắn nói rằng những nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga chưa được giải quyết và "cách mạng chưa kết thúc". Nhưng đồng chí đó lại rút ra, từ những tiền đề đúng đắn đó, những kết luận không đúng. Đồng chí đó hỏi: "Đảng ta nên thích ứng với cái gì? Với những năm đình đốn hay với cao trào xã hội mới?" Sai lầm bắt đầu từ câu hỏi đó. Vì cho rằng cách mạng chưa kết thúc,

nên nhất định đi đến kết luận là sẽ có một cao trào dân chủ - tư sản mới và chỉ có kết luận đó thôi. Từ tình hình ấy, tuyệt nhiên không thể đi đến kết luận rằng cao trào đó sẽ tập hợp được các phần tử dân chủ - tư sản *đúng* như trước kia (sự tập hợp lại lực lượng đó, có lẽ cần phải có một thời gian lâu hơn là tác giả bức thư và chúng ta muốn); cũng không thể đi đến kết luận rằng, chẳng hạn, sau *một năm* đình đốn, không thể có "cao trào xã hội" (đáng lẽ phải nói: cao trào cách mạng). Chúng ta đã trải qua trên một năm đình đốn và tình trạng đình đốn còn kéo dài. Đồng chí thuộc phái triệu hồi tự mình thừa nhận rằng "khó và thậm chí không thể nói cái nguyên nhân bên ngoài nào *sẽ phát động* quần chúng lên...". Hơn nữa, trong khi đề nghị đảng "làm cho sách lược và tổ chức của đảng thích ứng với nó (với cách mạng, tức là với cao trào cách mạng) chứ không phải thích ứng với thời kỳ mục nát về chính trị mà hiện chúng ta đang trải qua", thì trên thực tế chính tác giả đề nghị xây dựng lại tổ chức của chúng ta cho phù hợp với tình trạng mục ruỗng, với những cuộc đàn áp điên cuồng của cảnh sát, với tình hình là các đảng bộ chúng ta không thể tiếp xúc thẳng và trực tiếp với quần chúng công nhân. Chắc chắn rằng trong những điều kiện có cao trào thì tác giả sẽ không đề nghị một phương án tổ chức như vậy, sẽ không nêu phương án đó lên hàng đầu. Như thế có nghĩa là, *trong thực tế*, đồng chí đó tự mình bác bỏ cách đặt vấn đề của mình và bằng *thực tiễn* của mình uốn nắn lại *lý luận* của mình. Sở dĩ như vậy, là vì đồng chí đó trình bày không đúng những tiền đề lý luận của mình. Một cao trào cách mạng mới nhất định sẽ xảy ra, cho nên cần phải giữ nguyên bản cương lĩnh cũ và những khẩu hiệu cách mạng cũ của toàn bộ công tác quần chúng của chúng ta, cần phải chuẩn bị một cách có hệ thống cho đảng và quần chúng tiến tới những cuộc chiến đấu cách mạng mới. Nhưng từ đó không thể đi đến kết luận rằng thời kỳ cao

trào đã tới hay chưa tới, rằng phải "thích ứng" với thời kỳ đầu tiên của cao trào hay thời kỳ tột đỉnh của cao trào. Năm 1897, hay năm 1901, hay đầu năm 1905, luận điểm cho rằng một cao trào cách mạng mới (sau những đợt cao trào yếu hồi đầu những năm 60 và cuối những năm 70) nhất định sẽ đến, là hoàn toàn đúng. Nhưng trong ba thời kỳ đó, những người dân chủ - xã hội cách mạng đã biết vận dụng sách lược của mình tùy theo những điều kiện phát triển khác nhau của cuộc khủng hoảng. Năm 1897, chúng ta đã bác bỏ "kế hoạch" tổng bãi công, coi đó chỉ là một câu nói suông, và chúng ta đã có lý. Năm 1901, chúng ta đã không nêu khẩu hiệu khởi nghĩa thành vấn đề trước mắt. Sau ngày 9 tháng Giêng 1905, cả khẩu hiệu khởi nghĩa lẫn bãi công có tính chất quần chúng đã được Đảng dân chủ - xã hội cách mạng đưa một cách đúng đắn vào chương trình nghị sự. Chúng ta hoàn toàn không muốn nói rằng cao trào mới sẽ nhất định (hoặc thậm chí: "rất có thể") cũng chậm chạp như cao trào trước đây. Trái lại, tất cả những tài liệu và toàn bộ kinh nghiệm về các cuộc cách mạng ở châu Âu làm cho chúng ta tin tưởng rằng nhịp độ phát triển của cách mạng sẽ nhanh hơn nhiều so với những năm 1897 - 1905. Nhưng sự thật là những người dân chủ - xã hội cách mạng trong những *thời kỳ* khác nhau của cao trào cách mạng, *bao giờ* cũng nêu lên hàng đầu những khẩu hiệu khác nhau, và trước sau sự thật đó vẫn là sự thật. Sai lầm của đồng chí thuộc phái triệu hồi là ở chỗ đồng chí quên mất cái kinh nghiệm đó của phái dân chủ - xã hội cách mạng.

Khi nói tiếp đến đảng đoàn của chúng ta trong Đu-ma, đồng chí thuộc phái triệu hồi xuất phát từ nguyên tắc cho rằng: "Đảng đoàn trong Đu-ma là cái đỉnh cao tự nhiên của đảng, một cái gì giống như đoàn đại diện ngoại giao của đảng". Điều đó không đúng. Tác giả bức thư đã phóng đại ý nghĩa và tác dụng của đảng đoàn. Anh ta đã thổi phồng

quá đáng, giống như phái men-sê-vích, vai trò của đảng đoàn: chắc không phải là vô cơ mà người ta nói rằng những thái cực lại gặp nhau! Phái men-sê-vích xuất phát từ quan điểm cho rằng đảng đoàn là cái "đỉnh cao" của đảng nên đi đến kết luận cho rằng phải làm cho đảng thích ứng với đảng đoàn. Còn phái triệuhồi thì xuất phát từ quan điểm cho rằng đảng đoàn là "đỉnh cao" của đảng, nên họ đi đến kết luận cho rằng một "đỉnh cao" tôi quá như vậy là một điều tai hại đối với đảng. Nhưng tiền đề của phái men-sê-vích lẫn phái triệuhồi đều sai lầm. Dù trong những điều kiện nào, ngay cả trong một nước cộng hoà dân chủ - tư sản "lý tưởng" nhất, không bao giờ Đảng dân chủ - xã hội cách mạng lại đồng ý thừa nhận rằng đảng đoàn nghị viện của mình là "đỉnh cao tự nhiên" của đảng, là "đoàn đại diện ngoại giao" của *đảng*. Quan điểm đó hoàn toàn sai lầm. Chúng ta phải những đại biểu vào trong những cơ quan đại nghị tư sản hoặc tư sản - Trăm đen không phải để làm công tác ngoại giao, mà để tiến hành một công tác hỗ trợ kiểu đặc biệt của đảng, để dùng một diễn đàn kiểu riêng biệt tiến hành công tác tuyên truyền và cổ động. Ngay cả khi có một đạo luật bầu cử dân chủ một cách "lý tưởng" đi nữa, đảng đoàn nghị viện của đảng công nhân bao giờ cũng vẫn mang theo một số vết tích ảnh hưởng của cái khuôn khổ chung về bầu cử của tư sản, ví dụ, đảng đoàn bao giờ cũng có nhiều "phần tử trí thức" hơn so với toàn đảng nói chung. Và vì vậy chúng ta không bao giờ công nhận đảng đoàn là "đỉnh cao" của đảng. Đảng đoàn không phải là bộ tổng tham mưu (nếu ngoài lối so sánh về mặt "ngoại giao" của tác giả ra, có thể dùng lối so sánh về mặt "quân sự"), mà đúng hơn thì có trường hợp là một đội nhạc binh "thối kèn", có trường hợp là một đội quân "trinh sát" hay là một trong các loại "binh chủng đặc biệt".

Đồng chí thuộc phái triệuhồi biến đảng đoàn từ chỗ là một *tổ chức hỗ trợ của đảng* thành cái "đỉnh cao" của đảng,

và *phóng đại* ý nghĩa của đảng đoàn, làm cho hoạt động của đội quân mà chúng ta phải vào trong Đu-ma tư sản - Trăm đen mang một tính chất hoàn toàn không đúng.

Nhưng cũng có thể là tác giả bức thư không kiên trì giữ quan điểm về "đỉnh cao" ấy nữa. Trong một đoạn khác của bức thư, anh ta nói rất đúng rằng: "Một trong những động cơ chính đã thúc đẩy đảng tham gia vào các cuộc bầu cử là ở chỗ đảng hy vọng sử dụng diễn đàn của Đu-ma vào mục đích tuyên truyền cổ động". Điều đó đúng và việc tác giả phản đối luận điểm đúng đắn đó đã biểu lộ một cách rõ ràng sai lầm của anh ta. Tác giả viết: "Thế nhưng, thực tế đã chứng tỏ rằng công tác cổ động trong Đu-ma III đã không có một tác dụng gì, thứ nhất là vì thành phần của đảng đoàn, thứ hai là vì quần chúng hoàn toàn thờ ơ với tất cả mọi việc diễn ra trong bốn bức tường của Cung điện Ta-vrích".

Chúng ta hãy bắt đầu phân tích đoạn cuối của luận điểm đây đây những sai lầm này. Công tác cổ động không có một tác dụng gì vì quần chúng hoàn toàn thờ ơ với tất cả mọi việc diễn ra trong Đu-ma. Thế là nghĩa thế nào? Làm sao có thể như vậy được? Cứ như vậy, cứ theo lối luận lý kỳ quái đó, thì cần phải "triệuhồi" không phải là đảng đoàn, mà là triệuhồi quần chúng vì thái độ "thờ ơ" của họ! Thật vậy, chúng ta đều biết rằng trong Đu-ma, người ta thi hành chính sách của chế độ chuyên chế, chính sách ủng hộ chế độ Nga hoàng của bọn địa chủ Trăm đen và bọn đại tư bản thuộc Đảng thánh Mười, chính sách luôn cúi đầu với chế độ Nga hoàng của bọn bẻm dân chủ - lập hiến thuộc phái tự do. Thờ ơ "với tất cả mọi việc diễn ra trong bốn bức tường của Cung điện Ta-vrích" có nghĩa là thờ ơ với chế độ chuyên chế, thờ ơ với toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của chế độ chuyên chế! Ở đây tác giả lại lập luận theo tinh thần chủ nghĩa men-sê-vích thay hình đổi dạng. "Nếu như quần chúng thờ ơ thì Đảng dân chủ - xã

hội cũng phải thờ ơ". Nhưng chúng ta là một đảng *lãnh đạo* quần chúng tiến tới *chủ nghĩa xã hội*, chứ không phải là một đảng theo đuôi bất kỳ một sự chuyển biến hoặc một sự suy đồi nào trong tâm trạng của quần chúng. Tất cả các đảng dân chủ - xã hội đã trải qua những thời kỳ mà quần chúng tỏ vẻ thờ ơ đối với cách mạng hoặc bị lôi cuốn bởi một sai lầm này nọ hoặc một mốt này nọ (chủ nghĩa sô-vanh, chủ nghĩa bài Do-thái, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Bu-lăng-giê¹²⁴, v.v.), nhưng không bao giờ những đảng viên dân chủ - xã hội kiên định cách mạng lại chịu theo sau bất cứ một sự chuyển biến nào trong tâm trạng của quần chúng. Có thể và cần phải phê phán chính sách sai lầm của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma III, khi họ tiến hành ở đây một chính sách sai lầm, nhưng nói rằng việc cố động không đem lại kết quả gì vì quần chúng hoàn toàn thờ ơ, như thế có nghĩa là lập luận không phải đứng trên lập trường của Đảng dân chủ - xã hội.

Hay là "quần chúng hoàn toàn thờ ơ" không có nghĩa là thờ ơ đối với chính sách của chế độ Nga hoàng nói chung, chẳng? Quần chúng thờ ơ với mọi việc diễn ra trong bốn bức tường của Đu-ma, nhưng lại *không thờ ơ*, ví dụ như, đối với việc thảo luận về vấn đề biểu tình ngoài đường phố, về bãi công mới, về khởi nghĩa, về sinh hoạt nội bộ trong các đảng cách mạng nói chung và Đảng dân chủ - xã hội nói riêng? Điều bất hạnh đối với tác giả là ở đó, ở chỗ xem ra thì chính tác giả nghĩ như thế, nhưng lại *buộc phải* im đi không nói thẳng được cái điều rõ ràng là phi lý! Nếu, trên thực tế, tác giả có thể nói và chứng minh rằng lúc này quần chúng không có một chút nào thờ ơ đối với chính trị nói chung, mà trái lại, hết sức quan tâm đến những hình thức hoạt động chính trị tích cực hơn, — nếu thế thì vấn đề lại đặt ra một cách khác. Nếu năm vừa qua không phải là một năm đình đốn, suy đồi và tan rã của tất cả các tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội và tổ chức công nhân mà

là một năm quần chúng rõ ràng là hết sức quan tâm đến chính những hình thức đấu tranh cách mạng trực tiếp, thì chúng ta sẽ là những người đầu tiên thừa nhận rằng chúng ta đã lầm. Bởi vì chỉ có những kẻ mắc thói "ngu ngốc nghị trường" thuộc phái men-sê-vích, nhắm mắt một cách giả nhân giả nghĩa trước những kinh nghiệm hoạt động của Mác, của Lát-xan, của Liép-nếch trong những thời kỳ cách mạng, mới có thể chủ trương một cách chung rằng có thể tham gia bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào tất cả các loại cơ quan đại nghị, không đếm xỉa gì tới những điều kiện của thời kỳ cách mạng. Về vấn đề tham gia vào Đu-ma III hay là tẩy chay nó, cũng như bất kỳ một vấn đề chính trị nào, những người mác-xít phải đặt ra một cách *cụ thể*, chứ không phải là trừu tượng, có cân nhắc đến *toàn bộ* hoàn cảnh cách mạng, chứ không phải chỉ có một kiểu lập luận đáng thương, như sau: "nếu đã có cơ quan đại diện, thế thì cần được đại diện". Sự quan tâm nhiệt liệt của quần chúng đối với chính trị có nghĩa là có những điều kiện khách quan để cho cuộc khủng hoảng phát triển, nghĩa là đã có một cao trào nào đó và khi cao trào đó đã có một sức mạnh nào đó thì tâm trạng của quần chúng nhất định sẽ biểu hiện bằng một *hành động có tính chất quần chúng*.

Về vấn đề này, đồng chí thuộc phái triệu hồi cũng thừa nhận rằng: "Mỗi sự thay đổi trong hoạt động của nó (của đảng đoàn) đều có quan hệ chặt chẽ với sự thay đổi của chế độ chính trị, mà hiện nay chúng ta chưa có thể ảnh hưởng đến chế độ chính trị đó...". Vì sao đồng chí thuộc phái triệu hồi lại cho rằng hiện nay chúng ta chẳng những chưa có thể thay đổi chế độ chính trị, mà ngay cả việc *ảnh hưởng* đến chế độ chính trị đó cũng chưa làm được? Hiển nhiên là vì: vốn là một người dân chủ - xã hội, đồng chí đó hoàn toàn chỉ chú ý tới một hành động của quần chúng của giai cấp vô sản và cho rằng *hiện nay* chưa đủ khả năng để thực hiện một hành động như vậy và nói tới hành động đó cũng

chỉ là nói suông thôi. Nhưng hãy xem đồng chí đó "vu oan giá họa", tức là đồng chí đó dùng cái lý lẽ bất lợi cho chủ nghĩa triệu hồi để chống lại chúng ta.

Đồng chí thuộc phái triệu hồi viết: "Các đồng chí hãy *phá vỡ* những hàng rào cảnh sát đang ngăn cách các đại biểu với quần chúng, các đồng chí hãy buộc đảng đoàn phải phát biểu ý kiến một cách kiên quyết và rõ ràng hơn, nói tóm lại, các đồng chí hãy làm cho công tác của đảng đoàn phù hợp một cách hữu cơ với đời sống của giai cấp vô sản, thì lúc đó có thể là công nhân sẽ thừa nhận phía tích cực của đảng đoàn; nhưng vì mọi sự thay đổi hoạt động của đảng đoàn đều gắn liền một cách chặt chẽ với sự thay đổi của chế độ chính trị, mà ngày nay chúng ta vẫn chưa có thể gây ảnh hưởng tới, cho nên đành phải vứt bỏ cái mộng tưởng mở rộng và tăng cường hoạt động của đảng đoàn"!..

Nếu cần phải "phá vỡ những hàng rào cảnh sát" để có thể mở rộng và tăng cường hoạt động của đảng đoàn, thì tại sao lại kết luận rằng: "hãy vứt bỏ cái mộng tưởng cải tiến công tác của đảng đoàn" mà không nói rằng: hãy vứt bỏ cái mộng tưởng phá vỡ những hàng rào cảnh sát?? Rõ ràng là lập luận của tác giả bức thư là không lô-gích và cần được uốn nắn lại như sau: chúng ta cần phải công tác không mệt mỏi để cải tiến toàn bộ hoạt động của đảng và toàn bộ các mối liên hệ của đảng với quần chúng, như vậy nhất định sẽ phá vỡ được những hàng rào cảnh sát nói chung và làm tăng cường mối quan hệ của đảng đối với đảng đoàn, tăng cường ảnh hưởng của đảng đối với đảng đoàn, nói riêng. Hình như tác giả muốn buộc *chúng tôi*, những người chống lại chủ nghĩa triệu hồi, phải "phá vỡ những hàng rào cảnh sát" và, nếu chúng tôi làm được việc đó, thì có thể là đồng chí đó cũng sẽ đồng ý vứt bỏ cái chủ nghĩa triệu hồi đi. Nhưng làm như thế phải chăng rõ ràng là anh ta đem đảo ngược mối liên hệ và quan hệ

phụ thuộc thực tế giữa những hiện tượng chính trị? Chúng tôi nói rằng rất có thể là đồng chí đúng, đồng chí triệu hồi ạ, nếu "ngay bây giờ" quần chúng chẳng những có thể "có ảnh hưởng tới chế độ chính trị" (bất kỳ một cuộc biểu tình chính trị nào thành công cũng có ảnh hưởng tới chế độ chính trị) mà có thể phá vỡ những hàng rào, tức là, nếu *ngay bây giờ* quần chúng có thể phá vỡ "những hàng rào" của Đu-ma III, thì có lẽ việc Đảng dân chủ - xã hội cách mạng cử một đoàn đại biểu vào Đu-ma đó cũng chẳng bỏ ích gì. Có thể như thế. Nhưng chính bản thân đồng chí lại nói rằng không có việc ấy. Chính bản thân đồng chí lại thừa nhận rằng trong hoàn cảnh hiện nay, còn phải tiến hành công tác chuẩn bị một cách nghiêm túc và bền bỉ thì mới biến khả năng đó thành hiện thực được.

Đồng chí nói: "Thành phần của đảng đoàn". Nếu như chủ trương triệu hồi đảng đoàn về để *thay đổi* thành phần của đảng đoàn thì lý do đó đáng để cho ta xét xem sau khi đảng đoàn trong khóa bầu cử kỳ này đã từ chức rồi, liệu thành phần đảng đoàn trong cuộc bầu cử mới có tốt lên không. Nhưng ý của tác giả căn bản không phải như vậy. Ý của tác giả là chẳng những triệu hồi đảng đoàn tại Đu-ma, mà còn thủ tiêu mọi sự đại diện của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma, và anh ta tuyên bố rằng tham gia vào Đu-ma là một sai lầm. Và, đứng trên giác độ đó mà xét, thì việc lấy "thành phần của đảng đoàn" để biện luận cho chủ nghĩa triệu hồi cũng là biểu lộ sự bạc nhược và hoài nghi không thể tha thứ được đối với một người dân chủ - xã hội. Đảng ta đã thu được một thành quả là trong các đại biểu cử tri công nhân chúng ta đã buộc bọn Trăm đen phải bầu những đại biểu của đảng ta, những người dân chủ - xã hội. Lẽ nào chúng ta lại đi tuyên bố rằng những đảng viên công nhân ấy sẽ không thể trình bày về chủ nghĩa xã hội một cách đơn giản và rõ ràng trên diễn đàn của Đu-ma? Lẽ nào sau mấy tháng đấu tranh chống những "người có kiến thức

rộng¹²⁵ của giai cấp tư sản (xin đọc bức thư nói về đảng đoàn in trong số báo này, trong đó mô tả một cách tuyệt diệu những hành vi độc ác của những người đó), chúng ta lại phải lùi bước, hay sao? Lẽ nào chúng ta lại phải thừa nhận rằng trong thời kỳ phong trào tạm thời lắng xuống và ngừng trệ, đảng ta không có khả năng cử ra những công nhân dân chủ - xã hội biết trình bày công khai chủ nghĩa xã hội, hay sao? Đó không phải là chính trị nữa mà là lên cơn loạn thần kinh. Dĩ nhiên, trong việc này, bản thân đảng đoàn của chúng ta tại Đu-ma có lỗi nhiều hơn cả, vì chính những khuyết điểm nghiêm trọng mà nó phạm phải và chỉ là do những khuyết điểm đó mà thôi, nó đã gây ra sự bất mãn dẫn tới chủ nghĩa triệu hồi. Nhưng chúng ta không thể để cho sự bất mãn chính đáng đó làm cho chúng ta đi chệch sang một đường lối chính trị sai lầm. Không. Chúng ta phải và sẽ hoạt động một cách kiên trì và bền bỉ nhằm làm cho đảng gần gũi với đảng đoàn, nhằm làm cho đảng đoàn tiến bộ hơn. Chúng ta không được quên rằng trong kinh nghiệm hoạt động của các đảng dân chủ - xã hội quốc tế, có những ví dụ về đấu tranh còn gay gắt hơn nhiều và lâu dài hơn nhiều giữa đảng và đảng đoàn so với thời kỳ cuộc đấu tranh tại Đu-ma III ở nước ta. Hãy nhớ lại các đồng chí Đức. Khi ở Đức thi hành đạo luật đặc biệt, thì tình hình đã đến mức là đảng đoàn có một loạt hành động cơ hội chủ nghĩa, chống đảng một cách không thể tha thứ được (như bỏ phiếu tán thành việc trợ cấp cho các công ty tàu thủy, v.v.). Đảng Đức lúc bấy giờ có Cơ quan ngôn luận trung ương xuất bản hàng tuần ở nước ngoài và thường xuyên gửi báo đó về trong nước. Mặc dù có sự truy nã gắt gao của cảnh sát, mặc dù do những nguyên nhân khách quan đưa lại, tình thế cách mạng ở Đức lúc bấy giờ kém hơn so với tình thế cách mạng ở Nga hiện nay, nhưng tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội Đức rộng khắp và vững mạnh hơn là tổ chức của đảng ta hiện nay. Và Đảng dân chủ - xã hội Đức đã

tiến hành một cuộc đấu tranh lâu dài chống lại đảng đoàn của mình và đưa cuộc đấu tranh đó đến thắng lợi. Mọi người đều biết rằng những kẻ lối bịch ủng hộ "phái thanh niên", chỉ biết kêu la thất thanh hơn là nỗ lực hoạt động để cải thiện đảng đoàn, cuối cùng đã thất bại một cách thảm hại. Thắng lợi của đảng được biểu hiện trong việc đảng đoàn đã phải phục tùng đảng.

Ở nước ta, cuộc đấu tranh của đảng nhằm sửa chữa những sai lầm của đảng đoàn mới chỉ là bắt đầu. Chưa có một cuộc hội nghị đại biểu nào của đảng tuyên bố một cách kiên quyết và rõ ràng cho đảng đoàn là cần phải thay đổi sách lược của mình về một phương diện nhất định nào đó. Chúng ta vẫn chưa có một Cơ quan ngôn luận trung ương xuất bản đều đặn, có thể đại diện cho toàn đảng để theo dõi và hướng dẫn mọi công việc của đảng đoàn. Còn về mặt công tác cổ động trong quần chúng, thì đối với mỗi bài phát biểu của đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma, với sự giải thích rõ những điểm sai lầm trong lời phát biểu này nọ, các tổ chức địa phương của đảng chỉ mới làm được rất ít. Thế mà người ta lại đề nghị chúng ta bỏ cuộc, thừa nhận rằng đấu tranh không có hy vọng thắng lợi và từ bỏ không lợi dụng diễn đàn Đu-ma trong những thời kỳ giống như các thời kỳ chúng ta hiện đang trải qua trong năm 1908. Một lần nữa, xin nói rằng: đó không phải là chính trị mà là lên cơn thần kinh.

Đồng chí nói rằng không có những bài phát biểu xuất sắc. Về vấn đề "những bài phát biểu xuất sắc" này, cần phân biệt hai điểm: thứ nhất là đảng không nắm được đầy đủ tình hình, thứ hai là ngay trong cách đặt vấn đề nói chung về những bài phát biểu xuất sắc đã phạm một sai lầm hết sức nghiêm trọng về nguyên tắc.

Về vấn đề thứ nhất, cần phải nói rằng cho đến nay tất cả những ai muốn phê bình đảng đoàn một cách thực sự cầu thị đều vạch ra một loạt những sai lầm quả là nghiêm

trọng (như việc đưa ra bản tuyên ngôn; bỏ phiếu tán thành trợ cấp hàng triệu cho Svác-tơ; hiệp thương với phái dân chủ - nhân dân; tuyên bố khẳng định rằng, *đối với đảng*, tôn giáo là một công việc của tư nhân; không phát biểu ý kiến trong cuộc chất vấn ngày 15 tháng Mười 1908; không phê phán rõ ràng phái dân chủ - lập hiến, v.v.). Cố tình không nói tới những sai lầm đó — như phái men-sê-vich đã làm (bọn này cho rằng tất cả những bài phát biểu đều tốt, trừ bài của Tsi-li-kin ra) — là tỏ rõ sự hết sức hèn nhát của mình. Chúng ta không thể phớt lờ những sai lầm đó, mà phải nêu công khai trên các báo chí địa phương hay trung ương, trong mỗi cuộc hội họp, trong các truyền đơn cổ động phát ra trong quần chúng nhân mỗi dịp đảng đoàn phát biểu ý kiến. Chúng ta còn làm được rất ít việc phê bình xây dựng đảng đoàn và cho quần chúng vô sản biết những điều phê bình đó. Về mặt này, tất cả chúng ta phải tiến hành công tác đó ở khắp mọi nơi. Và khi bắt tay vào công việc đó, chúng ta sẽ thấy rằng có nhiều bài phát biểu của đảng đoàn, đặc biệt là nhiều công thức chuyển sang các công việc trước mắt được thảo ra căn cứ theo chỉ thị của các đại diện Ban chấp hành trung ương và được sự thỏa thuận của những đại diện ấy, và trong đó có bản trình bày *đúng đắn* về cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những bài phát biểu đó đều được in trong tập biên bản của Đu-ma và trong phụ trương báo "Nước Nga"¹²⁶ và chưa được sử dụng đến một phần trăm trong công tác cổ động trong quần chúng. Không còn nghi ngờ gì nữa, cần phải phê bình đảng đoàn, và nếu không nói đến sai lầm của đảng đoàn thì đó là một việc làm bất chính. Nhưng tất cả chúng ta cũng cần phải củng cố các tổ chức địa phương, và mở rộng công tác cổ động để lợi dụng tất cả các bài phát biểu của đảng đoàn. Chỉ có kết hợp hai mặt công tác đó lại thì mới có được một sự hoạt động thật sự xứng đáng với những người dân chủ - xã hội cách mạng và kiên

định, mới có thể giúp chúng ta khắc phục "thời kỳ mục nát" và thúc đẩy cao trào mới mau xảy đến.

Tiếp nữa. Khi nhấn mạnh đến việc "không có những bài phát biểu xuất sắc", tác giả nói rằng "người ta (ai là người ta? phải chăng là những *Mitläufer* vốn không hiểu tí gì về chủ nghĩa Mác?) có cảm tưởng rằng Đảng dân chủ - xã hội đành chịu đựng tình hình hiện nay và muốn tiến hành công tác văn hóa một cách hòa bình, rằng sự tồn tại của đảng đoàn sẽ như là một bằng chứng nói lên rằng nếu cách mạng chưa bị chôn vùi trên lời nói thì nó đã bị chôn vùi... trong thực tế. Dù ý kiến đó không đúng, nhưng chúng ta không thể lấy lý lẽ để bác bỏ nó được, mà phải dùng sự thật". Nhưng theo tác giả, "sự thật" duy nhất để "xây dựng lại" toàn bộ sách lược mà chúng ta vận dụng để "nhấn mạnh" thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với Đu-ma trước quần chúng, đó là việc triệu hồi đảng đoàn về! Thành thử việc triệu hồi đảng đoàn được coi như là một "sự thật" để phủ nhận việc "chôn vùi cách mạng", như là một "bài phát biểu xuất sắc" để *nhấn mạnh* sách lược mới!

Về điều đó, chúng tôi xin trả lời rằng tác giả đã hiểu sai ý nghĩa của những "bài phát biểu xuất sắc", của những khẩu hiệu "xuất sắc". Khi chúng ta, những người bôn-sê-vich thực hiện việc tẩy chay Đu-ma Bu-lư-ghin năm 1905, thì khẩu hiệu đó được nêu ra không phải là vì nó "xuất sắc" mà vì nó phản ánh một cách *trung thực* tình hình *khách quan*: lúc đó, cao trào cách mạng đang lên, mà chế độ Nga hoàng định làm xẹp đi bằng cách hứa hẹn triệu tập một Đu-ma tư vấn. Khi chúng ta nêu khẩu hiệu "thành lập ban chấp hành cánh tả để ủng hộ khởi nghĩa, chứ không ủng hộ yêu sách thành lập một chính phủ dân chủ - lập hiến", vào mùa hè 1906, thì khẩu hiệu đó là đúng không phải vì nó "xuất sắc" mà vì nó phản ánh một cách *trung thực* tình hình *khách quan*; thật vậy, những biến cố lúc bấy giờ chứng minh rằng bọn dân chủ - lập hiến đã kim

hãm cuộc đấu tranh, rằng những cuộc hội đàm bí mật mà chúng tiến hành với Tơ-rê-pốp vào tháng Sáu 1906 là những hành động biểu lộ kế của chính phủ, rằng cuộc chiến đấu *thực sự* đã diễn ra và phải diễn ra trên một cơ sở khác, sau khi đã giải tán Đu-ma, tức là: trên cơ sở cuộc đấu tranh vũ trang (Xvi-boóc-gơ và Crôn-stát là sự kết thúc của những cuộc khởi nghĩa của binh lính và nông dân). Khi chúng ta nêu khẩu hiệu: liên hiệp lại để phản đối bọn dân chủ - lập hiến chứ không phải là đi với bọn dân chủ - lập hiến vào năm 1907, thì khẩu hiệu đó là đúng không phải vì nó "xuất sắc" mà vì nó phản ánh một cách trung thực tình hình *khách quan* lúc bấy giờ. Cuộc bầu cử ở Xanh Pê-téc-bua và tất cả những cuộc biểu quyết (và tranh luận) trong Đu-ma II đều đã chứng minh rằng cái "nguy cơ Trăm đen" chỉ là một sự bịa đặt và, *trên thực tế*, cuộc đấu tranh là nhằm chống cả bọn dân chủ - lập hiến lẫn phe phản động, chứ không phải là cùng đi với bọn dân chủ - lập hiến để chống lại phe phản động.

Tất nhiên là trong thời gian cách mạng cũng có một số người theo chúng ta, không phải là vì họ hiểu rõ những tiêu chuẩn *mác-xít* về sự đúng đắn của những khẩu hiệu và sách lược của Đảng dân chủ - xã hội, mà chỉ vì tính chất "xuất sắc" của những khẩu hiệu và sách lược đó. Trong thời kỳ thoái trào cách mạng hiện nay, nếu trong hàng ngũ chúng ta còn có và sẽ chỉ còn có những người *mác-xít* chân chính, thì điều đó không làm cho chúng ta sợ hãi mà làm cho chúng ta vui mừng. Xin đề nghị đồng chí thuộc phái triệu hồi hãy suy nghĩ kỹ về cách lập luận của mình: vì phải chứng minh bằng hành động chứ không phải bằng lời nói, rằng cách mạng không bị chôn vùi, *nên* chúng ta phải triệu hồi đảng đoàn về! Các lập luận đó là hoàn toàn sai lầm. Lấy việc triệu hồi đảng đoàn để *nhấn mạnh* rằng cách mạng không bị chôn vùi cũng tức là *an táng* những "người cách mạng" có khả năng thực hành chính sách đó. Bởi vì cái kiểu "tinh thần

cách mạng" đó là biểu hiện của sự bối rối và bất lực trong công tác gay go, chậm chạp và khó khăn mà những điều kiện khách quan "hiện nay" đề ra cho chúng ta, và chúng ta muốn từ chối cũng không được.

Cuối cùng, chúng tôi muốn vạch rõ rằng bản thân đồng chí thuộc phái triệu hồi, trong đoạn cuối bức thư của mình, cũng đã đề nghị một kế hoạch công tác trước mắt gồm có *năm* điểm, kế hoạch đó nói lên một cách đúng đắn nhiệm vụ trước mắt và *bác bỏ* sách lược sai lầm của đồng chí đó. Xin nói lại một lần nữa: *thực tiễn* của đồng chí thuộc phái triệu hồi hay hơn là lý luận của đồng chí đó. Đồng chí đó nói rằng cần có một tổ chức bí mật vững mạnh, điều đó hoàn toàn đúng. Chắc rằng đồng chí đó sẽ không cố giữ chủ trương đòi để cho Ban chấp hành trung ương "chỉ định" một cách hết sức không thực tế những ủy viên ban chấp hành các cấp. Chúng ta không được quên rằng những người cách mạng chuyên nghiệp xuất thân từ những công nhân dân chủ - xã hội đang thay thế hay, nói đúng hơn, đang giúp đỡ những nhà cách mạng chuyên nghiệp xuất thân từ trí thức (dẫu cho rằng phái men-sê-vích có phát điên phát cuồng thì điều đó vẫn là một sự thật), và do đó, tổ chức bí mật mới sẽ không hoàn toàn giống và cũng không cần phải *hoàn toàn* giống như tổ chức bí mật cũ. Chúng tôi cũng nghĩ rằng câu "làm cho các chi bộ đảng cô lập với nhau", tức là câu cuối cùng của điểm một trong bản kế hoạch của đồng chí đó, chỉ là một điều vụng về ngẫu nhiên, chúng ta không nên bắt bẻ về chuyện đó. Trên thực tế, tổ chức bí mật của Đảng dân chủ - xã hội không làm cho những chi bộ hiện nay phân tán bị cô lập với nhau, mà làm cho chúng gần gũi với nhau. Đồng chí thuộc phái triệu hồi hoàn toàn đúng khi đồng chí đó nhấn mạnh về tầm quan trọng đặc biệt của công tác tuyên truyền xã hội chủ nghĩa và của "hình thức điều tra" cho công tác cổ động. "Mối liên hệ sinh động giữa đảng và quần chúng", "việc quần chúng tham gia

thảo luận những khẩu hiệu cổ động" đều thật sự là những *vấn đề bức thiết*. Việc thừa nhận sự bức thiết đó chứng minh tốt hơn hết thấy mọi thứ lập luận và bất chấp mọi kiểu khẩu hiệu "được sáng chế ra" (theo câu nói rất đúng của M. Tôm-xki), rằng sự diễn biến của tình hình đã đặt ra cho tất cả chúng ta, cả những người chống lại chủ nghĩa triệu hồi lẫn những kẻ theo chủ nghĩa triệu hồi, *cùng một* nhiệm vụ thực tiễn thiết yếu, cũng một "khẩu hiệu" của phái dân chủ - xã hội cách mạng: củng cố chủ nghĩa xã hội về mặt tư tưởng, củng cố đảng công nhân bí mật về mặt tổ chức, do những người xuất thân từ giai cấp công nhân lãnh đạo, phát triển toàn diện công tác cổ động dân chủ - xã hội trong quần chúng. Chúng ta mà càng đồng tâm hiệp lực để thực hiện *nhiệm vụ đó*, thì nó sẽ đoàn kết tất cả chúng ta lại. Nó sẽ thúc đẩy đảng đoàn chúng ta phải ra sức làm việc, tăng cường kỷ luật của đảng đoàn và sửa chữa sai lầm của đảng đoàn tốt hơn là hàng chục bức tối hậu thư rỗng tuếch; nó sẽ làm cho công tác được sinh động, phục hồi lại không khí của tình thế cách mạng náo nhiệt; nó sẽ dạy chúng ta tính được chính xác mức độ phát triển của cao trào và phán đoán được những triệu chứng của nó, nó sẽ quét sạch sành sanh mọi khẩu hiệu chết cứng, không có cơ sở, "được sáng chế ra" của chủ nghĩa triệu hồi!

"Người vô sản", số 39, ngày
13 (26) tháng Mười một 1908

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

NHỮNG CUỘC THẢO LUẬN VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT TẠI ĐU-MA III

Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III trong gần một tháng đã cung cấp cho chúng ta những tài liệu hết sức phong phú để nghiên cứu tình hình vấn đề ruộng đất hiện nay, kết quả của cách mạng và nhiệm vụ của giai cấp vô sản. Chúng ta hãy thử căn cứ vào tài liệu đó mà rút ra những kết luận căn bản. Các diễn giả tự nhiên phân chia thành bốn phái: phái hữu, phái dân chủ - lập hiến, phái nông dân và phái dân chủ - xã hội. Sự cách biệt giữa "phái hữu" theo nghĩa hẹp của danh từ, và Đảng tháng Mười hoàn toàn không còn nữa. Trong vấn đề ruộng đất, phái nông dân đã hợp thành một trào lưu chính trị: hơn nữa sự khác nhau giữa phái nông dân cánh hữu và phái lao động chỉ là những sự khác nhau rất nhỏ trong nội bộ của cùng một khuynh hướng. Chúng ta hãy phân tích lập trường của mỗi phái đó. (Những con số trong dấu ngoặc là số trang của các bản tường thuật ghi tốc ký đăng trong phụ trương báo "Nước Nga".)

Đúng như người ta chờ đợi ở bọn "nghị sĩ" Trăm đen, phái hữu và phái tháng Mười ra sức che giấu thực chất của chính sách ruộng đất của họ bằng những lời ngụy biện về pháp luật và bằng những đồng giấy lộn trong lưu trữ. Họ nói huyền thiên về mối quan hệ giữa đạo luật ngày 9/XI. 1906 với điều 12 trong quy chế chung nói về nông dân (cho phép nông dân, sau khi chuộc lại, có quyền được đòi hoàn

toàn sở hữu về mảnh đất của mình) và sau đó với điều 165 trong Quy định về chuộc lại, v.v.. Si-đlốp-xki tự gọi mình là "người thuộc phái tự do" và cố chứng minh rằng các đạo luật của bá tước Đ. Tôn-xtôi về việc cấm không được bán đi những lô ruộng đất chia, v.v., là trái với "tinh thần" năm 1861, còn đạo luật ngày 9/XI. 1906 thì phù hợp với tinh thần đó. Tất cả điều đó hoàn toàn là lối lừa phỉnh tầm thường, nhằm mục đích đánh lạc hướng nông dân và che đậy thực chất của vấn đề. Như chúng ta sẽ thấy, bọn dân chủ - lập hiến đã mắc mưu khá nhiều với bọn Trăm đen. Còn đối với chúng ta, những người xã hội chủ nghĩa, thì chỉ cần hai câu là đủ chỉ rõ nội dung thực tế của chính sách ruộng đất của các ngài Si-đlốp-xki, Lư-cô-sin và bè lũ tay sai của tập đoàn Nga hoàng Trăm đen, một nội dung thực tế đã bị che lấp bởi một lớp bụi quan liêu, mà ta cần phải giữ bỏ khỏi các bài diễn văn của chúng. Ngài Lvốp đệ nhất là người hình như tự gọi mình là kẻ thuộc phái canh tân hòa bình, nhưng kỳ thực lại là một tên Trăm đen chính cống với dáng điệu kiểu ngài Xto-ru-vê, ngài Lvốp đã diễn đạt nội dung đó rõ ràng hơn những người khác. Tên đây tớ đó của bọn địa chủ nói: "Trong nông dân đã hình thành hai cơ sở: người không có quyền hành gì cả và đám dân tự quản. (Võ tay ở bên phải và ở giữa)... Tình hình quần chúng như vậy là một sự uy hiếp đối với nhà nước của pháp luật (xin đọc là nhà nước của bọn địa chủ) (Võ tay ở bên phải và ở giữa)... "Ruộng đất phải thuộc về tất cả những người lao động, ruộng đất cũng cần như không khí và nước: chúng ta đến đây để giành lấy ruộng đất và tự do". Đó là tiếng nói chiếm ưu thế lúc bấy giờ. Và tiếng nói đó trực tiếp bắt nguồn từ những mê tín và thành kiến ăn sâu trong quần chúng nông dân, tiếng nói đó chỉ cho ta thấy quan niệm mê tín mà theo đó chính quyền có thể cướp lấy ở người này để trao cho người khác... Nhắc tới các Đu-ma trước đây, ngài Lvốp nói tiếp: "Hãy

nhớ lại những điều đã nói ở đây; đối với tôi thật là đau xót phải gợi lại những kỷ niệm đó, nhưng tôi sẽ nói, tôi không thể không nói tới điều đã nói ở tiểu ban ruộng đất. Các ngài xem, ngay cả khi vấn đề nêu lên là không được xâm phạm đến vườn rau và vườn cây ăn quả, thì cũng đã vấp phải những ý kiến chống lại rất mạnh mẽ, đã gặp sự phản đối kịch liệt nhất và được thông qua với một đa số phiếu không đáng kể; khi người ta đưa ra vấn đề cấm chỉ mọi việc mua bán ruộng đất, chẳng những cấm chỉ việc cầm cố ruộng đất tại ngân hàng quý tộc, chẳng những cấm chỉ việc bán ruộng đất cho ngân hàng nông dân, mà còn cấm chỉ cả việc mua bán, thậm chí cả việc cho ruộng đất, cả việc thừa kế gia tài; khi chúng tôi nhìn thấy tất cả điều đó, thì thưa các ngài, chúng tôi lấy làm lo sợ, không phải lo cho lợi ích của các địa chủ mà lo cho tình hình và vận mệnh của nhà nước. (Võ tay ở phía giữa và ở bên phải. Có tiếng hô: "Hoan hô".) Trên một cơ sở như thế, không thể nào xây dựng được một nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện đại" (293).

Nhà nước của bọn địa chủ cảm thấy "lo sợ" cho sự sống còn của mình, "lo sợ" trước "tiếng nói" (và phong trào) của quần chúng nông dân. Các ngài đó không thể hình dung được một thứ chủ nghĩa tư bản nào mà lại không có sự duy trì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, tức là chế độ chiếm hữu ruộng đất kiểu nông nô! Chủ nghĩa tư bản chỉ phát triển rộng rãi hơn, tự do hơn và nhanh chóng hơn sau khi xóa bỏ hoàn toàn mọi chế độ tư hữu ruộng đất; về điều này, các ngài Lvốp, dù là "có học thức", nhưng cũng chưa từng nghe thấy nói bao giờ!

Đối với công tác cổ động của chúng ta trong quần chúng, tuyệt đối cần phải nghiên cứu các đoạn trích trong các bài diễn văn của Si-đlốp-xki, Bô-brin-xki, Lvốp, Gô-li-txun, Ca-pu-xtin và đồng bọn. Từ trước đến nay, chúng ta thấy chế độ chuyên chế hầu như chỉ ban bố những sắc lệnh, thỉnh

thoảng mới có những bản tuyên bố theo kiểu U-gri-um - Búc-tê-ép¹²⁷. Lần này, chúng ta thấy các giai cấp thống trị đã có cơ quan đại nghị có tổ chức để công khai bênh vực cho chế độ quân chủ của bọn địa chủ và "hiến pháp" của bọn Trăm đen. Lời bênh vực đó đã cho ta những tài liệu cực kỳ quý báu để thức tỉnh những tầng lớp nhân dân không giác ngộ chính trị hoặc không quan tâm đến chính trị. Chúng ta hãy nêu vấn đề hai điểm đặc biệt quan trọng. Thứ nhất là khi trình bày cương lĩnh chính trị của mình, phái hữu bao giờ cũng nói cho thính giả biết kẻ thù bằng xương bằng thịt mà họ đang đấu tranh là ai, kẻ thù đó là cách mạng. Tên Lvốp ngu xuẩn đã biểu thị hết sức rõ ràng mối "lo sợ" cách mạng, mối lo sợ đó cũng thấy bộc lộ không kém rõ ràng ở *tất cả* những kẻ không ngừng gọi đến quá khứ gần đây với một giọng hằn thù và nghiên răng ken két. Cách đặt *tất cả* các vấn đề một cách thẳng thắn trên lập trường *phản cách mạng*, việc làm cho *tất cả mọi thứ* phải phụ thuộc vào vấn đề chủ yếu và căn bản là đấu tranh chống cách mạng, việc đó bao hàm một chân lý sâu sắc và khiến cho những diễn văn của phái hữu trở thành quý báu hơn nhiều (cho việc nghiên cứu một cách khoa học tình hình hiện tại và cho công tác cổ động) so với những diễn văn của phái tự do lừng chùng và nhút nhát. Việc phái hữu điên cuồng công kích cách mạng, công kích phong trào cuối năm 1905, các cuộc khởi nghĩa, công kích hai Đu-ma đầu tiên, chứng minh rõ hơn tất cả mọi thứ lập luận dài dòng rằng những kẻ bảo vệ chế độ chuyên chế cho rằng trước mặt họ có một kẻ thù *sống*; rằng cuộc đấu tranh chống cách mạng chưa kết thúc; rằng việc cách mạng lại bùng nổ là một nguy cơ thực tế nhất và trực tiếp nhất, đe dọa chúng từng phút. Với kẻ thù đã chết thì người ta không đấu tranh như vậy. Người ta cũng không hằn thù như vậy đối với kẻ thù đã chết. Ngài Ba-la-clê-ép ngốc nghếch đã nói lên một cách ngây thơ cái tinh thần chung đó của

tất cả những diễn văn của phái hữu. Sau khi nói rằng dĩ nhiên không thể bác bỏ đạo dụ ngày 9 tháng Mười một vì nó phản ánh ý chí của nhà vua, Ba-la-clê-ép đồng thời tuyên bố rằng: "Thưa các ngài nghị sĩ Đu-ma nhà nước! Chúng ta đang sống trong thời kỳ cách mạng, và tôi tin tưởng sâu sắc rằng cách mạng hoàn toàn chưa chấm dứt" (364). Ngài Ba-la-clê-ép sợ "nguồn gốc cách mạng" của đạo luật ngày 9/XI, sợ rằng đạo luật đó lại làm nổ ra một cuộc chiến đấu mới. Ông ta nói tiếp: "Chúng ta đang trải qua một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng và chúng ta chưa biết nó sẽ kết thúc như thế nào. Chúng ta hình dung thấy những cảnh tượng hết sức ảm đạm, nhưng nhiệm vụ của chúng ta là không được nuôi dưỡng sự nổi loạn và bất hoà trong nội bộ nhân dân".

Điều thứ hai đặc biệt quan trọng có liên quan đến cương lĩnh kinh tế, và đặc biệt có liên quan đến cương lĩnh ruộng đất của phái hữu. Đó là lời biện hộ của phái hữu cho chế độ tư hữu ruộng đất của *nông dân*. Sự biện hộ đó như sợi chỉ đỏ xuyên qua tất cả những diễn văn của chúng, cho đến cả diễn văn của giám mục Mi-tơ-rô-pha-nu-sca (giáo chủ Mi-tơ-rô-phan) là người đã lập tức phát biểu ý kiến sau báo cáo viên. Có lẽ, y muốn đe dọa "các cha cố" dân chủ nhưng khiếp nhược ở nông thôn, và với một sự cố gắng đáng tức cười, y tìm mọi cách khắc phục cái thói ngu ngốc và cách nói của giáo hội ("công xã là hiện tượng vốn có từ nghìn xưa") để "phun" ra những câu như thế này: "cuộc sống tiến triển theo hướng cá nhân ngày càng có tính cá thể"; "cần phải thừa nhận rằng việc kiến lập một lối sống mới của nông dân chúng ta theo mẫu mực của những phéc-mi-ê ở Tây Âu, là có ích" (69).

Người ta hỏi rằng vì sao giai cấp địa chủ và giai cấp các nhà tư bản lại bênh vực kiên quyết như vậy chế độ tư hữu ruộng đất của *nông dân* tại Đu-ma II và Đu-ma III? Phải chăng chỉ vì cái "quyết định gần đây nhất của chính

phủ"? Dĩ nhiên là không! Quyết định đó là do Hội đồng liên hiệp quý tộc¹²⁸ gợi ý và khuyến khích. Bọn địa chủ và tư bản hoàn toàn biết rõ kẻ thù mà chúng thấy cần phải đấu tranh, chúng cảm thấy hết sức rõ ràng *cách mạng gấn* thắng lợi của những lợi ích của bọn địa chủ với thắng lợi chung của chế độ tư hữu ruộng đất, gấn thắng lợi của những lợi ích của nông dân với việc xoá bỏ toàn bộ chế độ tư hữu ruộng đất cả của địa chủ lẫn của nông dân. Chủ trương của phái men-sê-vích và phái dân chủ - lập hiến kết hợp chế độ tư hữu về ruộng đất được chia với chế độ sở hữu xã hội về ruộng đất tịch thu của địa chủ chỉ là một chuyện bịa đặt tồi. *Trên thực tế* cuộc đấu tranh diễn ra xoay quanh vấn đề sau đây: những người xây dựng nước Nga mới sẽ là bọn địa chủ (nếu không duy trì mọi chế độ tư hữu ruộng đất thì việc này không thể làm được) hay sẽ là quần chúng nông dân (trong một nước nửa nông nô như nước Nga, nếu không xoá bỏ chế độ tư hữu ruộng đất *cả* của địa chủ lẫn ruộng đất được chia, thì việc này không thể làm được).

Hãy chuyển sang bàn về bọn dân chủ - lập hiến. Những diễn văn của chúng khác với những diễn văn của phái hữu và phái tả ở chỗ là chúng mong muốn điều hoà cái không thể điều hoà được, mong muốn ngồi giữa hai chiếc ghế. Chỉ tính riêng phần bài diễn văn của ngài Mi-li-u-cốp, trong đó y phát biểu với tư cách là một *nhà sử học* chứ không phải với tư cách là *người thuộc phái dân chủ - lập hiến*, thì y đã cung cấp cho chúng ta những tài liệu rất có giá trị về lịch sử Hội đồng liên hiệp quý tộc, những tài liệu đó tập hợp lại sẽ là một vinh dự cho mọi *người dân chủ*. Nhưng nói chung, Sin-ga-rép, Bê-rê-dốp-xki, Mi-li-u-cốp, Bô-bi-an-xki và Rô-đi-tsep đã mắc mưu tên Trăm đen Si-đlốp-xki, và đem hết nhiệt tình hăng hái nhồi vào đầu óc của thánh giả những lời nguy hiểm về pháp luật và ba hoa về thứ "công lý" theo pháp luật La-mã ("để cho quan trọng hơn", Rô-đi-tsep còn dùng cả chữ la-tinh: aequitas! Chả là

"*bọn chúng tôi*" đã học được một vài điều gì đó ở trường đại học tổng hợp mà!), và hạ mình tới mức xu nịnh bỉ ổi (ngài Sin-ga-rép đã hết lời tỏ ra "kính trọng" tên đầy tớ của Xtô-lư-pin là Lư-cô-sin và cố chứng minh rằng việc cưỡng bức tước đoạt ruộng đất được tiến hành trong những nước mà "chế độ tư hữu được coi như là một thể chế tối thiêng liêng"). Chủ đề của tất cả các diễn văn của bọn dân chủ - lập hiến là phê phán đạo luật ngày 9 tháng Mười một xuất phát từ giác độ "thận trọng". Người ta buộc tội chúng ta, những người bôn-sê-vích, là đã bôi nhọ bọn dân chủ - lập hiến khi chúng ta gọi chúng là địa chủ theo phái tự do. Thật ra, chúng còn tệ hơn thế nữa. Chúng là *bọn quan lại* theo phái tự do. Không thể hình dung được hành động nào xấu xa có tác dụng hủ hoá ý thức *dân chủ* của quần chúng, hơn là các diễn văn của những tên mạo xưng là "dân chủ" đó tại Du-ma nhà nước, những diễn văn ấy làm *suy yếu* cuộc đấu tranh, tuyên truyền cho "thái độ thận trọng" kiểu quan lại và tán tụng một cách đê tiện cuộc "cải cách vĩ đại" năm 1861 mà ai cũng biết đó là một sự cướp bóc và nô dịch thậm tệ của bọn chủ nô đối với nông dân!

Công kích sự "thiếu thận trọng" trong chính sách ruộng đất của Xtô-lư-pin, có nghĩa là đánh đi, là tự đề nghị để cho mình được trở thành những kẻ chấp hành *như thế* để thi hành cũng cái chính sách đó, để hoàn thành *cùng cùng một nhiệm vụ* đó một cách "thận trọng hơn", tức là để thực hiện chính sách của địa chủ dưới ngọn cờ lừa bịp của phái "dân chủ - lập hiến", bằng cách áp dụng không những biện pháp bạo lực, mà cả biện pháp lừa bịp đối với nông dân. Sau đây là một trong vô số những lời tuyên bố của bọn dân chủ - lập hiến, đã bộc lộ rõ chính cái ý nghĩa nói trên của những diễn văn của chúng. Ngài Bê-rê-dốp-xki ợ mà bài diễn văn của ông ta đã được ngài Mi-li-u-cốp, thủ lĩnh của đảng, đặc biệt tán thành và gọi là "tuyệt vời" ợ đã nói như sau:

"Tôi tin tưởng sâu sắc rằng bản dự thảo đó" (dự thảo ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến) "có lợi hơn rất nhiều cả cho điền chủ nữa" (chứ không phải chỉ có lợi cho nông dân). "Và thưa các ngài, tôi nói điều đó vì tôi am hiểu nông nghiệp, suốt đời tôi làm nghề nông và bản thân có ruộng đất. Đứng trên giác độ xây dựng một nền nông nghiệp văn minh mà xét, bản dự thảo của Đảng tự do nhân dân chắc chắn là có ích hơn so với chế độ hiện hành. Không nên chỉ đơn thuần tách riêng ra việc cưỡng bức chuyển nhượng nói trong dự thảo, không nên công phần về việc đó và nói rằng đó là những hành động bạo lực. Trái lại, cần phải nghiên cứu và đánh giá xem những biện pháp đề ra trong dự thảo của chúng tôi sẽ đi tới đâu và việc cưỡng bức chuyển nhượng sẽ được thực hiện như thế nào" (thật là những lời vàng ngọc! ngài Bê-rê-dốp-xki, phải chăng ngài đã trở thành một người bôn-sê-vích?). "Hãy lấy dự thảo của 42 đại biểu của Đu-ma nhà nước I mà xét — trong đó chỉ có" (đúng thế!) "thừa nhận sự cần thiết trước tiên là phải chuyển nhượng những ruộng đất mà bản thân những chủ ruộng không trực tiếp canh tác. Sau nữa Đảng tự do nhân dân còn ủng hộ việc thành lập các uỷ ban địa phương, các uỷ ban này, trong một thời kỳ nhất định, có trách nhiệm xác định rằng ruộng đất nào cần chuyển nhượng, ruộng đất nào không cần chuyển nhượng và cần có bao nhiêu ruộng đất để thoả mãn nhu cầu của nông dân. Những uỷ ban đó sẽ được thành lập theo thể thức sau đây: một nửa số uỷ viên là nông dân và một nửa không phải là nông dân". (Hãy nói nốt đi, ngài Bê-rê-dốp-xki! Đừng có xấu hổ! Thật vậy, không thể nào che giấu được sự thật. Nhờ ở chỗ là chủ tịch "trung lập" của các uỷ ban nhất thiết phải do chính phủ của bọn địa chủ chỉ định, nên bao giờ địa chủ cũng chiếm được đa số trong các uỷ ban đó: xem dự thảo của Cút-le trong tập II cuốn "Vấn đề ruộng đất" của Đảng dân chủ - lập hiến.) "Công tác cụ thể chung đó tiến hành ở các địa

phương dĩ nhiên sẽ nêu rõ số lượng ruộng đất có thể chuyển nhượng được là bao nhiêu, số lượng ruộng đất cần thiết cho nông dân là bao nhiêu. Ngoài ra, bản thân nông dân có thể nhận thấy những yêu sách chính đáng của mình có thể được thoả mãn tới mức nào. Sau đó, tất cả những điều ấy sẽ được Đu-ma nhà nước và Hội đồng nhà nước thông qua" (đúng thế!) "và sau khi được Đu-ma và Hội đồng nhà nước sửa lại rồi" (nghĩa là sau khi cái đa số mới của bọn địa chủ và quan lại đã cất xén một lần nữa "cuộc cải cách" đó!) "thì sẽ được đệ lên cấp tối cao phê chuẩn" (hãy nhớ lại các cấp tối cao kiểu đó đã thi nhau thu hẹp như thế nào diện tích các ruộng đất được chia cấp cho nông dân năm 1861). "Chắc chắn là công tác có kế hoạch đó sẽ thật sự thoả mãn những nhu cầu chân chính của nhân dân và đồng thời ổn định và duy trì được nền nông nghiệp văn minh mà Đảng tự do nhân dân không bao giờ muốn phá hoại, trừ trường hợp bất đắc dĩ" (143).

Tháng Mười 1908, ngài Bê-rê-dốp-xki thừa nhận *tất cả* những điều mà những người bôn-sê-vích đã nói vào mùa hè năm 1906 về bản dự thảo ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến! Tại Đu-ma I, bọn dân chủ - lập hiến công khai nêu bật cái bề ngoài dân chủ của cuộc cải cách của họ, nhưng trong các cuộc đàm phán bí mật với Tơ-rê-pốp và bọn tay sai thì lại ra sức chứng minh tính chất địa chủ của cuộc cải cách đó. Tại Đu-ma III, chúng công khai nêu bật tính chất địa chủ của cuộc cải cách của chúng, nhưng trong các buổi nói chuyện bí mật — không cho cảnh sát biết — với một số ít những người lạ kỳ còn có thể nghe những chuyện cổ tích kiểu bà kể cho cháu, thì lại chứng minh tính chất dân chủ của cuộc cải cách đó. Nhưng tên thò lò sáu mặt đó cứ lùa gió theo chiều, khi thì quay về phía này, khi thì quay về phía kia. Những "người dân chủ" đã hạ thấp đến mức là họ tìm hết cách chứng minh với bọn tối phản động Trăm đen rằng hành động và cương lĩnh của mình trong thời kỳ cách mạng không có hại gì cả!

Hãy so sánh những điều đó với các diễn văn của nông dân. Chẳng hạn Xtoóc-tsắc, một nông dân điển hình thuộc phái hữu. Anh ta mở đầu bài diễn văn của mình bằng việc thuật lại hoàn toàn lời nói của Ni-cô-lai II về "quyền tư hữu thiêng liêng" không được phép "xâm phạm" đến, v.v.. Anh ta tiếp tục nói: "xin Trời phù hộ cho Hoàng thượng được khoẻ mạnh. Hoàng thượng đã vì toàn dân mà ban những lời phúc"... (295). Và y kết thúc: "Hoàng thượng đã nói rằng cần có công lý và trật tự. Nhưng nếu tôi có 3 đê-xi-a-ti-na ruộng đất, còn người bên cạnh tôi lại có 3 vạn đê-xi-a-ti-na ruộng đất, thì dĩ nhiên cái đó không phải là trật tự và công lý" (296)!! Hãy so sánh phần tử bảo hoàng này với phần tử bảo hoàng Bê-rê-dốp-xki. Người thứ nhất là một anh nông dân dốt nát. Người thứ hai là một người có học thức gần giống như người châu Âu. Người thứ nhất ngây thơ như một con chiên ngoan đạo và không hiểu chính trị đến mức không thể tưởng tượng được. Anh ta không hiểu được mối liên hệ giữa chế độ quân chủ với nền "trật tự", tức là với cái không trật tự và bất công, che chở cho những kẻ chiếm hữu 3 vạn đê-xi-a-ti-na. Người thứ hai là một nhà chính trị có kinh nghiệm thường lui tới bọn Vít-te, Tơ-rê-pốp, Xtô-lư-pin và bè lũ, và biết nghiên cứu mọi chi tiết của các hiến pháp các nước châu Âu. Người thứ nhất là một trong số hàng triệu nông dân suốt đời quần quật trên 3 đê-xi-a-ti-na và được cái hiện thực kinh tế *thúc đẩy* vào cuộc đấu tranh cách mạng có tính chất quần chúng chống lại những kẻ chiếm hữu 3 vạn đê-xi-a-ti-na. Người thứ hai là một trong số địa chủ (có tới hàng vạn, nhiều lắm là hàng chục vạn) muốn duy trì "một cách êm thấm" "diễn trang văn minh" của họ, bằng cách chằm mếp người mu-gích. Lẽ nào không thấy rõ rằng người thứ nhất *có thể* làm cuộc cách mạng tư sản ở Nga, *thủ tiêu* chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, lập nên một nước cộng hoà nông dân (mặc dù danh từ đó bây giờ có làm anh ta sợ đến đâu đi nữa)?

Lẽ nào không thấy rõ rằng người thứ hai *không thể không* kim hãm cuộc đấu tranh của quần chúng, mà không có cuộc đấu tranh đó thì cách mạng không thắng lợi được?

Những người cho đến nay vẫn không làm thế nào hiểu được ý nghĩa của "nền chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân" là thế nào, hãy suy nghĩ kỹ về điểm này!

Cương lĩnh ruộng đất của Xtoóc-tsắc chính cũng là bản dự luật về ruộng đất của 42 đại biểu nông dân tại Đu-ma III mà chúng tôi đã nói tới trên báo "Người vô sản", số 22¹⁾. Bản dự thảo ấy xem bề ngoài thì rất là khiêm tốn, nhưng thực tế lại *tả hơn* bản dự thảo của phái dân chủ - lập hiến, và chính phái dân chủ - lập hiến cũng thừa nhận như vậy. Bản dự thảo ấy đòi phải để cho các uỷ ban địa phương do phổ thông bầu ra, thảo luận về cuộc cải cách phân chia ruộng đất cho nông dân, do đó *trên thực tế* nó là bản dự thảo mang tính chất cách mạng, vì ở nước Nga hiện nay việc các cơ quan địa phương — được thật sự dân chủ bầu ra — thảo luận về cải cách ruộng đất là hoàn toàn không tương dung được với việc duy trì chính quyền của Nga hoàng và chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ. Và trong hoàn cảnh thế lực phản động cực đoan điên cuồng ngự trị và khủng bố trắng hoành hành mà trong cái Đu-ma Trăm đen — được bầu ra căn cứ theo một đạo luật bầu cử được nguy tạo ra theo ý của Hội đồng liên hiệp quý tộc để làm lợi cho bọn địa chủ — lại có *42 nông dân* ký tên vào bản dự thảo như trên, thì điều đó chứng minh tinh thần cách mạng của quần chúng nông dân ở nước Nga hiện nay, chứng minh một cách hùng hồn hơn bất cứ một nghị luận nào. Cứ để cho bọn cơ hội chủ nghĩa chứng minh rằng sự liên minh với bọn dân chủ - lập hiến là cần thiết và giai cấp vô

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 542 - 543.

sản cần thiết phải xích lại gần với giai cấp tư sản trong cuộc cách mạng tư sản, — sau khi hiểu biết những cuộc tranh luận tại Đu-ma III, công nhân giác ngộ chỉ càng tin tưởng thêm rằng ở nước Nga, cách mạng tư sản không thể thắng lợi được, nếu không có sự tiến công chung của quần chúng công nhân và quần chúng nông dân, bất chấp sự dao động và phản bội của giai cấp tư sản.

Nếu Xtoóc-tsắc, cũng như linh mục Ti-tốp, An-đrây-tsúc, Pô-pốp IV và Ni-ki-ti-úc là những đại biểu, về căn bản, cũng đứng trên một lập trường như Xtoóc-tsắc, đã nói lên tinh thần cách mạng của quần chúng nông dân một cách không tự giác, tự phát, chẳng những không dám nói hết mà còn không dám nghĩ hết về những điều bao hàm trong các lời phát biểu và kiến nghị của họ, thì ngược lại, phái lao động tại Đu-ma III đã nói lên một cách thẳng thắn và công khai tinh thần của cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của nông dân. Về phương diện đó, những diễn văn của các nông dân thuộc phái lao động là hết sức quý giá; trong những diễn văn đó, họ đã trình bày một cách trực tiếp quan điểm của họ và nói lên một cách chính xác và sinh động lạ thường những tâm trạng và nguyện vọng của quần chúng, tuy còn lẫn lộn trong các cương lĩnh (một số tán thành bản dự thảo của 42 đại biểu nông dân, còn một số khác thì tán thành chủ trương của Đảng dân chủ - lập hiến), nhưng lại phản ánh một cách mạnh mẽ hơn về những cái còn sâu sắc hơn bất cứ một cương lĩnh nào.

Hãy nghe Crô-pô-tốp, đại biểu của tỉnh Vi-át-ca. "Những cử tri của tôi nói với tôi rằng đạo luật ngày 9 tháng Mười một là một đạo luật của địa chủ... Họ đã nêu những câu hỏi như thế này: tại sao lại dùng đến cưỡng bức trong việc ấy?.. Tại sao ruộng đất của chúng tôi lại giao cho những quan lại địa phương quản lý?.. Các cử tri của tôi uỷ nhiệm cho tôi: anh hãy nói tại Đu-ma nhà nước rằng không thể sống như vậy được nữa... Và đạo luật ngày 9 tháng

Mười một vừa mới được thi hành ở địa phương chúng tôi, thì các địa chủ mới, như nông dân chỗ chúng tôi thường gọi, đã thấy nhà mình bốc cháy" (71)... "Tất cả vấn đề là ở chỗ bồi thường cho bọn địa chủ... Tại sao lại cho rằng vì lợi ích của quốc gia mà phải tước của người nghèo những mảnh đất cuối cùng của họ để trao cho những kẻ, như tôi đã nói, ngẫu nhiên được đạo luật do chính phủ quy định cho phép giữ nguyên ruộng đất của mình? Ngược lại, lợi ích của quốc gia có buộc những kẻ ăn không ngồi rồi như địa chủ, quan lại, quý tộc, tu sĩ, phải canh tác ruộng đất của mình không?.. Hiện nay nông dân phải đóng 11 rúp 50 cô-pếch cho một đê-xi-a-ti-na! Vậy thì, thưa các ngài, nếu xử lý công bằng và nếu tất cả mọi người đều phải đóng thứ thuế đó, thì ruộng đất sẽ thật sự thuộc về nông dân và cũng chẳng cần phải dùng đến biện pháp cưỡng bức chuyển nhượng gì cả. Để cho công bằng, cần phải đánh một thứ thuế duy nhất đối với ruộng đất của tất cả mọi người. Lúc đó, ruộng đất sẽ thuộc về quần chúng lao động và chẳng còn có kẻ ghen tỵ nữa: người nào không muốn lao động thì người đó không phải nộp thuế..." (73).

Trong bài diễn văn ngày thơ ấy bao hàm biết bao sức mạnh chưa được kinh qua thử thách trong đấu tranh, biết bao nguyện vọng muốn đấu tranh! Hy vọng tránh khỏi "cưỡng bức chuyển nhượng", Crô-pô-tốp *trên thực tế* đã đề nghị áp dụng một biện pháp có giá trị ngang như việc *tịch thu* ruộng đất của địa chủ và quốc hữu hoá *toàn bộ* ruộng đất! Đề nghị một thứ "thuế duy nhất", như người tán thành học thuyết đó của Gioóc-giơ đưa ra, chung quy lại là quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất; nhưng điều đó, Crô-pô-tốp không hiểu nổi. Song không thể nghi ngờ gì nữa, ông ta đã phản ánh nguyện vọng thật sự của *hàng triệu* nông dân.

Hãy nghe đại biểu Rô-giơ-cốp. Mở đầu bài diễn văn của mình, Rô-giơ-cốp tuyên bố: "Thưa các ngài, đối với một người mu-gích quê mùa như tôi thì phát biểu ở trên diễn đàn

này là một điều không quen thuộc" (77)... "Nông dân mong đợi ở Đu-ma nhà nước không phải là đạo luật ngày 9/XI, tức là đạo luật đem chia cho chúng tôi những ruộng đất mà chúng tôi không có, mà là mong đợi một đạo luật trước hết là tăng thêm diện tích mà chúng tôi hiện có, rồi sau đó mới tiến hành phân chia ruộng đất. Những nguyên tắc cơ bản của một đạo luật như thế đã được nêu lên trong bản kiến nghị ngày 20 tháng Hai do 47 nông dân ký tên, nhưng cho đến nay chưa có tiến bộ nào... Bọn quan lại địa phương hiện nay là chủ ruộng đất., còn những người chủ chân chính của ruộng đất thì ngày càng bị cảnh sát câu thúc... Ở nước ta, không có một đạo luật cụ thể nào đối với việc mua bán ruộng đất với mục đích kinh doanh., nói rằng mọi người không được mua ruộng đất để kinh doanh... Thế mà ngày 16 tháng Chín 1907, Ủy ban quy hoạch ruộng đất tỉnh Xta-vrô-pôn quyết định rằng chỉ có những ai có súc vật kéo và nông cụ thì mới có quyền được mua ruộng đất. Và thưa các ngài, ở đây, trong toà nhà này, có gần một nửa là những địa chủ vẫn còn nắm những người mà Ủy ban quy hoạch ruộng đất tước mất quyền được mua ruộng đất. Thưa các ngài, chúng tôi biết rằng những người đó làm việc mỗi năm lĩnh được 60 - 70 rúp... Vậy những người lao động bất hạnh đó suốt đời phải làm thuê cho địa chủ, suốt đời phải còng lưng làm cho kẻ khác, còn bọn chủ cuội lên lưng họ thì lại tự cho mình là những kẻ văn minh".

Hãy nghe Tô-mi-lốp: "Theo ý kiến chúng tôi... thì lối thoát duy nhất là ngay bây giờ cần phải tiến hành phân phối lại ruộng đất trong tất cả các công xã ở nước Nga trên cơ sở cuộc điều tra dân số giống như các cuộc điều tra dân số tổ chức trước đây, cuộc điều tra dân số này sẽ xác định số dân cư nam giới tính đến ngày 3 tháng Mười một 1905 là bao nhiêu.

Niềm mơ ước ấp ủ nhất của nông dân chúng tôi là giành được ruộng đất và tự do, nhưng chúng tôi lại nghe nói

rằng chừng nào chính phủ hiện nay còn nắm chính quyền thì quyền sở hữu ruộng đất vẫn là bất khả xâm phạm. (C ó t i ế n g n ó i ở g i ữ a: "quyền tư hữu"). Vâng, quyền tư hữu, quyền tư hữu của quý tộc. (C ó t i ế n g n ó i ở g i ữ a: "và cả của các anh nữa.") Về phần chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng nhượng lại ruộng đất được chia"; (ấy đấy, cuộc bạo động *Văng-đê* của nông dân mà trong hội nghị Xtóc-khôn, nhà hiền triết Plê-kha-nốp và phe nhóm đã dùng để đe dọa chúng ta lúc thảo luận về vấn đề quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất!¹²⁹) "giả dụ nông dân của một làng đồng ý đem nhượng lại những phần ruộng đất được chia, cứ một đổi một, cho bằng nhau. Từ lời tuyên bố của đại biểu chính phủ, có thể rút ra một điểm là chừng nào chính quyền chưa được chuyển vào tay nông dân, vào tay toàn thể nhân dân, thì nông dân cũng chưa giành được cả ruộng đất lẫn tự do chính trị. Xin cảm ơn về lòng thành thật của ngài, mặc dù điều đó, chúng tôi cũng đã biết rồi..." (149).

Năm 1905, khi dưới sự lãnh đạo của những phần tử giác ngộ, nông dân đoàn kết lại thành một khối (C ó t i ế n g ô n à o v à c ó t i ế n g c u ờ i ở p h í a b ê n p h ả i) và lên tiếng một cách mạnh mẽ... thì bọn quý tộc bắt đầu nói với họ: "Thì các anh cũng có ruộng đất cơ mà, người ta đã cấp cho các anh những lô ruộng đất. Các anh hãy chia nhau mẩu xương nhỏ ấy đi...".

Hãy nghe Pê-tơ-rốp III: "Thưa các ngài, các ngài hãy nhớ lại thời thống trị của A-lếch-xây Mi-khai-lô-vích và lòng phần nộ của quần chúng nông dân biểu hiện trong phong trào Ra-din (C ó t i ế n g t h ố t r a ở p h í a b ê n p h ả i: "Ồ, thế à!")... Những yêu sách của nhân dân được thể hiện đặc biệt mạnh mẽ vào năm 1905. Cũng như thế, sự nghèo túng đã buộc nhân dân phải xuống đường đấu tranh và nói lên tiếng nói mạnh mẽ của mình và cho biết mình cần cái gì" (187)... "Toàn bộ ruộng đất cần phải giao cho toàn thể nhân dân sử dụng theo nguyên tắc bình quân... Dĩ nhiên là

tôi phản đối chế độ tư hữu ruộng đất" (đúng thế, cuộc bạo động Văng-đê, mà Plê-kha-nốp đã tiên đoán, đang bắt đầu phát triển!) "và tôi khẳng định rằng chỉ khi nào toàn bộ ruộng đất đã giao cho nhân dân lao động thì họ mới được dễ chịu (204)... Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng các ngài nhất định sẽ lại trông thấy đáy sâu của cái bể trần gian sôi sục. Và lúc đó thì câu châm ngôn trong kinh thánh sẽ ứng nghiệm: kẻ vung kiếm sẽ chết vì lưỡi kiếm (C ó t i ế n g c ư ờ i ở b ê n p h ả i). Đảng đoàn của Nhóm lao động không thay đổi lý tưởng của mình, cũng như không thay đổi nguyện vọng của mình... Chúng tôi... nói rằng: toàn bộ ruộng đất phải thuộc về những ai lao động trên ruộng đất đó và toàn bộ chính quyền phải thuộc về nhân dân lao động!" (206).

Diễn văn của Méc-dơ-li-a-cốp: "Ruộng đất phải thuộc về những ai canh tác ruộng đất... làm sao cho tuyệt đối ở nước Nga chúng ta không có những cửa hiệu buôn ruộng đất, làm sao cho ruộng đất phải thuộc về những ai canh tác ruộng đất bằng lao động của mình" (207). Và v.v..

Vì số trang có hạn, nên chúng tôi buộc phải thôi không trích dẫn nữa. Chỉ xin nêu tên những diễn giả cũng nói lên cùng một quan điểm đó, tuy có kém rõ ràng, kém mạnh mẽ như: Côn-đra-ti-ép, linh mục Pô-pốp II, Bu-lát, Vôn-cốp II, Đgiu-bin-xki, Li-a-khni-txơ-ki (bài phát biểu của hai người cuối cùng này nêu lên quan điểm chính thức của Nhóm lao động).

Xin hỏi rằng, từ lập trường đó của các đại biểu nông dân, ta có thể rút ra được kết luận gì đối với cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội? Ai cũng thừa nhận rằng nông dân phủ lên trên cuộc đấu tranh chống các đại điền trang nông nô và chống mọi tàn dư của chế độ nông nô, bằng những ảo tưởng của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản. Điều đó đã thể hiện trong phần cuối của bản cương lĩnh ruộng đất của chúng ta, do những người bôn-sê-vích thảo

ra và do những người men-sê-vích thông qua ở Xtốc-khôn ("Các biên bản của Đại hội Xtốc-khôn").

Nhưng vấn đề không chỉ thu hẹp ở điểm ấy. Phân chia ruộng đất, địa phương công hữu hoá ruộng đất, quốc hữu hoá ruộng đất đều là những cải cách dân chủ - tư sản, thế thì Đảng dân chủ - xã hội nên chủ trương loại cải cách nào? Những người men-sê-vích, đứng đầu là Plê-kha-nốp, trả lời tán thành địa phương công hữu hoá ruộng đất, vì thế họ thông qua cương lĩnh đó ở Xtốc-khôn. Ở Xtốc-khôn họ tuyên bố thẳng rằng thực hành quốc hữu hoá ruộng đất của nông dân có thể gây nên một cuộc bạo động Văng-đê.

Từ đó, trong ba Du-ma các đại biểu nông dân thuộc các miền hết sức khác nhau của nước Nga đều phát biểu ý kiến của mình. Chủ trương "địa phương công hữu hoá", được nghĩ ra chính là để "không động chạm" đến ruộng đất của nông dân, thì đã không quyền rũ được một nhóm đại biểu nông dân nào. *Tất cả* nông dân thuộc phái lao động trong cả ba Du-ma đều chủ trương quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất; họ nói lên cái yêu sách đó, khi thì trực tiếp nhắc lại cương lĩnh của phái lao động, khi thì đòi sửa đổi lại một cách độc đáo loại "thuế duy nhất", khi thì nhiều lần tuyên bố: "ruộng đất phải thuộc về những ai canh tác ruộng đất", "chúng tôi sẵn sàng nhượng lại ruộng đất được chia" và v. v..

Cuộc sống thực tế đã cười giễu chủ trương "địa phương công hữu hoá" ruộng đất và những người tiên đoán một cuộc "bạo động Văng-đê".

Tất cả những nông dân giác ngộ bảo vệ chủ trương quốc hữu hoá ruộng đất là dựa trên cơ sở kinh tế nào? Để trả lời câu hỏi đó, chúng tôi xin nhắc lại tài liệu so sánh bằng thống kê mà đồng chí Bê-lô-u-xốp đã nêu ra trong Du-ma¹³⁰:

"76 triệu đê-xi-a-ti-na là thuộc 30 000 địa chủ (ở nước Nga phần châu Âu), còn 73 triệu đê-xi-a-ti-na là thuộc 10 triệu nông hộ, mỗi hộ có từ 1 đến 15 đê-xi-a-ti-na ruộng đất

được chia... Chỉ có một kết luận là: bốn phần năm trong tổng số nông hộ có thể tăng gấp đôi số ruộng đất của mình" (209). Dù người ta có phản đối một vài con số nói trên (chúng tôi cho rằng những con số đó không còn tranh cãi gì được nữa), nhưng điều đó không thể thay đổi được thực chất của vấn đề. Và thực chất của vấn đề là khi muốn tăng gấp hai lần số ruộng đất của mình, nông dân không thể không tìm hết cách làm cho số ruộng đất chia và số ruộng đất không phải là ruộng đất chia hoàn toàn hỗn hợp lại với nhau. Một mặt, duy trì chế độ tư hữu, chế độ sở hữu của các nông hộ và của công xã, đối với các lô ruộng đất được chia và, mặt khác, thực hành chế độ công hữu ("địa phương công hữu hóa") đối với những ruộng đất không phải ruộng đất chia và đã bị tước đoạt, là một điều vô lý về mặt kinh tế. Đó là chế độ song bản vị về ruộng đất hoàn toàn phi lý và chỉ có thể dùng để lấp lỗ hổng trong các bản cương lĩnh do những phần tử trí thức nặn ra. Kinh tế phát triển đòi hỏi phải có sự hợp nhất và xáo trộn tất cả ruộng đất. Bây giờ nó đã làm cho những mảnh ruộng đất được chia và những mảnh ruộng của địa chủ (ruộng lĩnh canh) hợp nhất với nhau. Nếu không xóa bỏ những sự cách biệt, những ranh giới hiện có giữa các phương thức của chế độ sở hữu ruộng đất mà việc "địa phương công hữu hóa" đã làm sâu sắc thêm một cách giả tạo, thì không thể xóa bỏ được chế độ nông nô. Điều mà nền kinh tế đòi hỏi, đó là một phương thức của chế độ sở hữu ruộng đất kiểu mới, tự do, thích ứng với chủ nghĩa tư bản, chứ không thích ứng với những "lô ruộng đất được chia" trước đây do bọn thôn trưởng và quan lại phân phối và định giới hạn. Điều mà nông dân phát biểu, khi họ chủ trương quốc hữu hóa ruộng đất, chính là cái yêu cầu phát triển kinh tế đó (tuy họ không có ý thức về tính chất tư bản chủ nghĩa của sự phát triển đó). Sự phân biệt trước đây giữa sự sở hữu ruộng đất được chia và ruộng đất không phải ruộng đất được chia là không phù hợp với những

yêu cầu của chủ nghĩa tư bản và nhất định sẽ bị xóa bỏ, dù cho bọn men-sê-vích chủ trương địa phương công hữu hóa có ủng hộ công tìm cách củng cố sự cách biệt đó. Và muốn xóa bỏ các ranh giới đó, muốn thực hiện sự hợp nhất, sự xáo trộn tất cả các loại ruộng đất để phát triển nền kinh tế mới của các phéc-mi-ê (nông dân đã sai lầm khi nghĩ rằng mọi người công dân sẽ có thể canh tác được ruộng đất; nhưng những người có thể canh tác được ruộng đất chính là tất cả những người có các phương tiện để canh tác ruộng đất!), thì cần phải xóa bỏ chẳng những chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, mà cả toàn bộ chế độ tư hữu ruộng đất.

Xtô-lư-pin muốn xóa bỏ mọi ranh giới cũ ngăn cách những hình thức sở hữu ruộng đất tồn tại trước kia. Mong muốn đó, đứng về mặt kinh tế mà xét, là đúng đắn. Chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ thực hiện điều đó. Vấn đề chỉ là ở chỗ, sẽ thực hiện điều đó theo kiểu có hại cho hàng triệu nông hộ (cướp bóc theo đạo luật ngày 9 tháng Mười một) hay có hại cho 3 vạn đại địa chủ. Con đường thứ hai không thể xảy ra được nếu không tiến hành quốc hữu hóa ruộng đất trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản. Đó là lý do tại sao trong cả ba Đu-ma, tất cả những nông dân giác ngộ đều chủ trương quốc hữu hóa ruộng đất.

Chúng ta chỉ còn phải xét đến những diễn văn của những người dân chủ - xã hội trong Đu-ma III. Trước khi thông qua quy tắc hạn chế thời gian phát biểu, chỉ có hai diễn giả của đảng đoàn chúng ta là Ghê-ghê-tơ-cô-ri và Bê-lô-u-xốp đã kịp thời phát biểu ý kiến. Còn những người khác thì cự tuyệt phát biểu để phản đối "sự cưỡng bức" trong việc hạn chế đó. Hai đồng chí nói trên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Các đồng chí đó đã vạch rõ "tinh thần quan liêu và quý tộc" của chính sách của chính phủ, vạch rõ rằng "điều lệ năm 1861 là hoàn toàn có tính chất nông nô", rằng "lòng căm thù đối với chính phủ" đã khắc sâu trong tâm

khảm của nông dân, tức là những người đang đòi "ruộng đất và tự do", và năm 1905 họ đã chứng tỏ "tinh thần đoàn kết" của mình và khả năng tiến hành cuộc "đấu tranh cách mạng" của mình. Những diễn giả của đảng ta đã giải thích đúng đắn cuộc đấu tranh của Đảng dân chủ - xã hội chúng ta nhằm "tước đoạt các điền trang lớn và giao các điền trang lớn đó cho nhân dân", coi đó là một biện pháp để giải phóng đất nước khỏi ách nô dịch kiểu nông nô, chứ không phải giải thích cuộc đấu tranh đó theo tinh thần không tưởng tiểu tư sản về "chế độ bình quân" và "xã hội hóa", v. v.. Cách đặt vấn đề của Ghê-ghê-tơ-cô-ri và Bê-lô-u-xốp là cách đặt vấn đề của những người dân chủ - xã hội cách mạng. Đồng chí Bê-lô-u-xốp kết luận bài diễn văn của mình: "Sức mạnh tạo ra quyền, và muốn giành được quyền thì phải tích lũy và tổ chức lực lượng". Hai diễn văn của các diễn giả dân chủ - xã hội trong Đu-ma III phải trở thành những tài liệu gối đầu giường của bất cứ một đảng viên nào làm công tác tuyên truyền và cổ động. Trong đề án của đảng đoàn Đảng dân chủ - xã hội, điều thiếu sót duy nhất là không nêu yêu sách chuyển giao ruộng đất không có bồi thường. Nếu thiếu sót đó là một điều cố ý thì sẽ là một sự vi phạm nghiêm trọng đối với cương lĩnh của đảng ta. Nhưng vì đồng chí Ghê-ghê-tơ-cô-ri là người trình bày bản kiến nghị, đã hai lần trong bài diễn văn của mình nói đến sự cần thiết phải "chuyển nhượng không có bồi thường", nên có thể nghĩ rằng thiếu sót trên đây khó mà có thể coi là cố ý được.

"Người vô sản", số 40, ngày
1 (14) tháng Chạp 1908
Ký tên: N. L.

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

**HỘI NGHỊ V TOÀN ANH
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN
DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH**¹³¹

**21 - 27 THÁNG CHẠP 1908
(3 - 9 THÁNG GIÊNG 1909)**

1

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
VỀ TÌNH HÌNH HIỆN TẠI
VÀ VỀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG**

Đặc điểm của tình hình chính trị hiện tại như sau:

a) Chế độ chuyên chế nông nô cũ đang phát triển và chuyển thành chế độ quân chủ tư sản với những hình thức lập hiến giả dối che đậy cho chế độ chuyên chế. Sự liên minh giữa chế độ Nga hoàng với bọn địa chủ Trăm đen và các tầng lớp trên của giai cấp tư sản công thương nghiệp, đã nhờ có cuộc chính biến ngày 3 tháng Sáu và việc lập Đu-ma III mà được củng cố và được thừa nhận một cách công khai. Chế độ chuyên chế vì buộc phải hoàn toàn đi theo con đường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nước Nga, và vì lại cố muốn bảo vệ quyền lực và thu nhập của bọn địa chủ - chủ nô, nên nó phải luôn lách giữa giai cấp địa chủ và những đại biểu của tư bản. Chính phủ Nga hoàng lợi dụng những xích mích nhỏ của hai giai cấp ấy để giữ vững chế độ chuyên chế, là cái chế độ đã liên minh với hai giai cấp ấy để tiến hành một cuộc đấu tranh phản cách mạng điên cuồng chống lại giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa và nông dân dân chủ, là hai giai cấp đã bộc lộ sức mạnh của họ trong cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng gần đây.

b) Chính sách ruộng đất của chế độ Nga hoàng hiện nay cũng có tính chất tư sản kiểu Bô-na-pác-tơ như vậy. Chế độ Nga hoàng đã hoàn toàn không còn tin tưởng vào lòng trung thành ngây thơ của quần chúng nông dân đối với chế độ quân chủ nữa. Nó tìm cách liên minh với phú nông, để

cho bọn này cướp bóc nông thôn. Chế độ chuyên chế đang có những cố gắng tuyệt vọng để hết sức mau chóng đập tan chế độ sở hữu ruộng đất chia của công xã và chỉ củng cố chế độ tư hữu về ruộng đất mà thôi. Chính sách ấy đã làm cho tất cả những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản ở nông thôn trở nên gay gắt gấp trăm phần và xúc tiến sự phân hóa nông thôn thành một thiểu số không đáng kể bọn phản động và quần chúng cách mạng vô sản và nửa vô sản.

c) Giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, đứng đầu là Đảng dân chủ - lập hiến, đã đi vào con đường phản cách mạng ngay từ khi có những hoạt động rộng lớn đầu tiên của quần chúng trong cách mạng; hiện nay nó vẫn tiếp tục đi theo con đường ấy, ngày càng xích lại gần phái thối Mườì hơn nữa. Và qua việc cổ động cho chủ nghĩa dân tộc và chế độ Nga hoàng, — việc này biểu hiện ý thức giác ngộ giai cấp của giai cấp tư sản đã được nâng cao, — trên thực tế, nó đã phục vụ cho chế độ chuyên chế và bọn địa chủ - chủ nô.

d) Quần chúng nông dân, — như thậm chí sự đại diện bị áp chế và bị bóp méo của họ trong Đu-ma III đã cho thấy, — bất chấp mọi sự truy nã đối với các phần tử dân chủ ở nông thôn và mặc dù có đủ thứ dao động, vẫn tiếp tục ủng hộ cuộc cách mạng dân chủ về ruộng đất. Cuộc cách mạng này sẽ hoàn toàn tiêu diệt chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, do đó mà đảm bảo sự phát triển nhanh nhất, rộng nhất và tự do nhất cho lực lượng sản xuất của nước Nga tư bản chủ nghĩa. Đạo luật ngày 9 tháng Mười một chỉ làm cho quần chúng nông dân phân hóa mau chóng hơn thành những lực lượng đối địch không thể điều hòa được và có ý thức giác ngộ về chính trị.

e) Xưa nay giai cấp vô sản vẫn bị chịu đựng nhiều nhất những đòn nặng nề nhất của chế độ chuyên chế và của bọn tư bản hiếu chiến hiện đang liên hợp lại mau chóng và đang tiến công. Mặc dù vậy, so với các giai cấp khác, giai cấp vô sản vẫn giữ vững được sự đoàn kết rộng rãi nhất và giữ

được lòng trung thành nhất đối với chính đảng của giai cấp mình, chính đảng mà cách mạng đã kết hợp lại làm một với giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản vẫn tiếp tục đấu tranh cho lợi ích giai cấp của mình và làm cho ý thức giác ngộ giai cấp và xã hội chủ nghĩa của mình sâu sắc thêm, và là giai cấp duy nhất có khả năng triệt để lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng mới.

f) Nhìn chung, thì rõ ràng là những nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở nước Nga vẫn chưa được giải quyết. Cuộc khủng hoảng kinh tế triền miên, nạn thất nghiệp và đói kém đã chứng tỏ rằng chính sách mới nhất của chế độ chuyên chế không thể đảm bảo những điều kiện cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa ở nước Nga được. Chính sách đó nhất định sẽ đào sâu thêm sự xung đột giữa quần chúng dân chủ với những giai cấp thống trị, sẽ làm tăng thêm sự bất mãn ở những tầng lớp mới trong nhân dân, sẽ làm cho cuộc đấu tranh chính trị giữa các giai cấp trở nên gay gắt thêm và sâu sắc thêm. Trong tình hình kinh tế và chính trị như vậy, một cuộc khủng hoảng cách mạng mới tất nhiên đang chín muồi.

g) Nguyên nhân chủ yếu của tình hình gay gắt chung trên thị trường thế giới là vì tình hình công nghiệp ở Tây Âu đã dần dần chuyển sang tình trạng khủng hoảng, cuộc khủng hoảng này đến năm 1908 thì chuyển sang trạng thái tiêu điều; vì có phong trào cách mạng ở phương Đông, dẫn đến việc thành lập những quốc gia dân tộc tư bản chủ nghĩa, — tình hình gay gắt ấy làm tăng thêm sự cạnh tranh, khiến những cuộc xung đột quốc tế xảy ra luôn, do đó làm cho mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản gay gắt thêm và tình hình quốc tế chung ngày càng có tính chất cách mạng hơn.

Xuất phát từ tình hình như vậy, Hội nghị toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga cho rằng những nhiệm vụ cơ bản của đảng hiện nay là:

1) Giải thích cho quảng đại quần chúng nhân dân hiểu rõ nội dung và ý nghĩa của chính sách mới của chế độ chuyên chế, và vai trò của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, là giai cấp vừa thi hành một chính sách giai cấp độc lập, lại vừa phải lãnh đạo nông dân dân chủ trong hoạt động chính trị hiện tại và trong cuộc đấu tranh cách mạng sắp tới.

2) Nghiên cứu toàn diện và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng của những năm 1905 - 1907, kinh nghiệm đó cho ta những bài học không thể thay được về sách lược của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng.

3) Củng cố Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, làm cho đảng giữ được tình trạng như trong thời kỳ cách mạng; giữ vững truyền thống đấu tranh không điều hòa của đảng chống chế độ chuyên chế và các giai cấp phản động, cũng như chống chủ nghĩa tự do tư sản; đấu tranh chống những thiên hướng thoát ly chủ nghĩa Mác cách mạng, chống những mưu toan thu hẹp những khẩu hiệu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và chống những ý đồ thủ tiêu tổ chức bất hợp pháp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tức là những ý đồ đã bộc lộ ở một số phần tử trong đảng do ảnh hưởng của thoái trào.

Đồng thời phải chú ý rằng chỉ có góp phần vào quá trình đã biểu hiện rõ ràng, quá trình chuyển các chức năng của đảng vào tay bản thân những công nhân dân chủ - xã hội, chỉ có thành lập và củng cố các tổ chức bất hợp pháp của đảng thì mới có thể đưa đảng bước vào con đường phát triển đúng đắn được.

4) Ủng hộ về mọi mặt cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân, căn cứ theo những nghị quyết của các đại hội Luân-đôn và Stút-ga.

5) Lợi dụng Đu-ma và diễn đàn Đu-ma để tuyên truyền và cổ động cho đường lối dân chủ - xã hội cách mạng.

6) Việc trước tiên cần phải đề ra là công tác lâu dài về giáo dục, về tổ chức và về đoàn kết quần chúng giác

ngộ của giai cấp vô sản. Thứ đến, là căn cứ vào nhiệm vụ đó mà phải mở rộng công tác tổ chức đến tận nông dân và quân đội, đặc biệt là phải dùng hình thức tuyên truyền và cổ động bằng sách báo, điều chủ yếu là phải chú ý đến việc giáo dục xã hội chủ nghĩa cho quần chúng vô sản và nửa vô sản trong nông dân và quân đội.

*Đưa ra ngày 23 tháng Chạp
1908 (5 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1929 - 1930
trong V. I. Lê-nin. Toàn tập,
xuất bản lần thứ 2 và 3,
t. XIV*

*Theo đúng bản viết tay của
một người không rõ tên
(bản in thạch)*

2

CHỈ THỊ CHO TIỂU BAN PHỤ TRÁCH VẤN ĐỀ TỔ CHỨC

Nhận thấy những dự thảo nghị quyết đã được trình bày và các cuộc thảo luận về vấn đề tổ chức đã bộc lộ rõ hai khuynh hướng chủ yếu trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về vấn đề phương châm căn bản của chính sách tổ chức của chúng ta hiện nay, —

Hội nghị giao cho tiểu ban trách nhiệm phải lấy làm cơ sở cho công tác của mình, những nguyên tắc của phương châm thừa nhận rằng đối với công tác quần chúng, — hiện nay vẫn là nhiệm vụ căn bản như trước kia của Đảng dân chủ - xã hội — thì trọng tâm phải chuyển sang việc thành lập và củng cố tổ chức bí mật của đảng, và chỉ nhờ có tác dụng không ngừng của tổ chức ấy, toàn bộ công tác quần chúng, sự tác động đối với đảng đoàn trong Đu-ma, sự hoạt động của đảng xung quanh đảng đoàn trong Đu-ma, toàn bộ công tác lợi dụng các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp mà vẫn không giảm nhẹ chút nào các nhiệm vụ giai cấp của Đảng dân chủ - xã hội, mới có thể được tiến hành đúng đắn.

*Đưa ra ngày 24 tháng Chạp 1908
(6 tháng Giêng 1909)*

In trước ngày 28 tháng Giêng (10 tháng Hai) 1909 trong "Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về hội nghị toàn đảng thường kỳ mới đây của đảng", do Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản tại Pa-ri

*Theo đúng bản in
trong "Thông báo"*

3

GIẢI THÍCH LỜI PHÁT BIỂU VỀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC¹³²

Tuyên bố thực tế

Tôi ghi nhận rằng trong lời phát biểu của tôi về vấn đề tổ chức — vừa được thảo luận hôm nay — tôi không hề nói và cũng không muốn nói *một lời nào* về thái độ của các đồng chí Cáp-ca-dơ đối với từ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" và về từ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" *nói chung*. Vì thế, khi mở đầu bài phát biểu của mình bằng lời tuyên bố rằng về vấn đề *này* hiện nay không có một sự bất đồng nào giữa các đồng chí Cáp-ca-dơ và từ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", thì như thế là đồng chí Pi-ốt ở Ti-phlít đã nhắc đến tên tôi một cách hoàn toàn vô căn cứ. Còn về những lời tranh luận trước đây thì trong đó tôi chỉ nói đến những sự bất đồng giữa *một số* ủy viên ban biên tập từ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" với các đồng chí Cáp-ca-dơ bộc lộ ra trong hội nghị tháng Tám của toàn thể Ban chấp hành trung ương vào năm 1908.

N. Lê-nin

*Đưa ra ngày 24 tháng Chạp
1908 (6 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

4

ĐỀ NGHỊ VỀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT CÁC NGHỊ QUYẾT

Nếu không có một ai yêu cầu biểu quyết về một trong số các nghị quyết do một người nào đó đưa ra hội nghị thì hội nghị đưa ra biểu quyết nghị quyết nói về phương hướng công tác của tiểu ban.

Nếu sơ bộ có ai yêu cầu biểu quyết ngay lập tức một nghị quyết nào đó để lấy đó làm cơ sở thì yêu cầu đó được thực hiện ngay.

Lê-nin

*Đưa ra ngày 24 tháng Chạp
1908 (6 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong Văn
tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

5

CHỈ THỊ CỤ THỂ CHO ĐẢNG ĐOÀN ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA VỀ VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT NGÂN SÁCH

PHƯƠNG ÁN THỨ NHẤT

Về nguyên tắc, không được bỏ phiếu tán thành ngân sách nói chung. Hội nghị cho rằng về vấn đề biểu quyết riêng từng khoản trong ngân sách, đảng đoàn cần coi trọng nguyên tắc trong cương lĩnh của chúng ta, mà theo nguyên tắc đó, những đảng viên dân chủ - xã hội phải kiên quyết phản đối những cải cách nào có kèm theo việc bọn cảnh sát và quan lại giám hộ các giai cấp lao động. Cho nên, bỏ phiếu phản đối riêng từng khoản trong ngân sách phải là nguyên tắc chung, vì việc thực hiện những khoản đó hầu như bao giờ cũng đều có kèm theo chẳng những việc giám hộ, mà còn kèm theo cả hành động trực tiếp của bọn Trăm đen nữa. Trong trường hợp khi mà việc cải thiện đời sống của những

người lao động có khả năng thực hiện được, bất chấp những điều kiện đó, thì nên bỏ phiếu trắng, nhưng nhất thiết cần phải ra một bản tuyên bố nêu rõ lập trường xã hội chủ nghĩa. Cuối cùng, trong những trường hợp đặc biệt, khi mà đảng đoàn thấy cần phải bỏ phiếu "tán thành", thì nên hội ý với đại biểu của Ban chấp hành trung ương và — tùy điều kiện — với cả đại biểu của các tổ chức đảng ở thủ đô nữa, rồi hãy làm việc đó.

PHƯƠNG ÁN THỨ HAI

Về vấn đề ngân sách, hội nghị cho rằng về nguyên tắc, không được bỏ phiếu tán thành ngân sách nói chung.

Hội nghị cũng cho rằng không được bỏ phiếu tán thành riêng từng khoản ngân sách của nhà nước có tính chất giai cấp, những khoản này hợp pháp hóa việc chi tiêu về những công cụ áp bức quần chúng (quân đội và v.v.).

Khi bỏ phiếu về những cải cách hay các khoản chi tiêu cho nhu cầu văn hóa, thì cần phải coi trọng nguyên tắc trong cương lĩnh của chúng ta, mà theo nguyên tắc đó, những đảng viên dân chủ - xã hội phải phản đối những cải cách nào có kèm theo việc bện cảnh sát và quan lại giám hộ các giai cấp lao động.

Cho nên, việc bỏ phiếu phản đối những cái gọi là cải cách tại Đu-ma III và phản đối những khoản chi tiêu cho cái gọi là nhu cầu văn hóa, phải trở thành nguyên tắc chung.

Trong những trường hợp đặc biệt, khi mà việc cải thiện đời sống của những người lao động — bất kể những điều kiện chung — có khả năng thực hiện nhưng không chắc chắn, thì nên bỏ phiếu trắng và cần ra một bản tuyên bố đặc biệt về lý do bỏ phiếu trắng.

Cuối cùng, trong những trường hợp đặc biệt, khi rõ ràng thấy có lợi trực tiếp cho công nhân, thì có thể bỏ

phiếu "tán thành", nhưng nên hội ý trước với đại biểu của Ban chấp hành trung ương và của các tổ chức đảng và công đoàn.

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In năm 1909 trong "Báo cáo của
đoàn đại biểu Cáp-ca-dơ về hội
nghị toàn đảng", do Ban thường
vụ trung ương của các nhóm ở
nước ngoài thuộc Đảng công
nhân dân chủ - xã hội Nga xuất
bản tại Pa-ri*

*Phương án thứ nhất in theo
đúng bản in trong "Báo cáo";
phương án thứ hai in theo đúng
bản thảo, có đối chiếu với bản in
trong "Báo cáo"*

6

**BỔ SUNG CHO NGHỊ QUYẾT
"VỀ ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI
TRONG ĐU-MA"**

... đồng thời ghi nhận rằng đảng đoàn đã phạm sai lầm thì lỗi không phải tại riêng mình nó, vì nó hoạt động trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của Đu-ma Trăm đen, mà trên một mức độ nào đó, còn vì tại tất cả các đảng bộ và tại Ban chấp hành trung ương đảng, vì những tổ chức này vẫn hoàn toàn chưa làm được tất cả những việc cần thiết và có thể làm được để tổ chức đúng đắn công tác của đảng trong Đu-ma...

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In trước ngày 28 tháng Giêng
(10 tháng Hai) 1909 trong
"Thông báo của Ban chấp
hành trung ương Đảng công
nhân dân chủ - xã hội Nga về
hội nghị toàn Nga thường kỳ
mới đây của đảng", do Ban
chấp hành trung ương Đảng
công nhân dân chủ - xã hội
Nga xuất bản tại Pa-ri*

Theo đúng bản thảo

7

**TUYÊN BỐ
CỦA NHỮNG NGƯỜI BÔN-SÊ-VÍCH**

Tuyên bố thực tế

Về lời tuyên bố của Đan đối với các hiệp nghị giữa các nhóm trong nội bộ những người bôn-sê-vích, chúng tôi nhận thấy rằng những hiệp nghị của chúng tôi là những hiệp nghị giữa những người có tinh thần đảng viên, giữa những người hoạt động trong đảng, giữa những người phát biểu trên các cơ quan ngôn luận của đảng, trong khi đó phái men-sê-vích, trong nghị quyết của họ và trong mọi hoạt động của họ, đều đã thực hiện những hiệp nghị giữa những người đảng viên với những người không phải của đảng, với những người ngấm ngấm hoạt động chống đảng, mưu toan thủ tiêu đảng, và đều thực hiện một chính sách cơ hội chủ nghĩa chưa từng thấy ở một đảng dân chủ - xã hội nào tại châu Âu.

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

8
**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
 VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁC NGHỊ QUYẾT
 CỦA HỘI NGHỊ**

Hội nghị yêu cầu Ban chấp hành trung ương thi hành các biện pháp để công bố các nghị quyết của hội nghị và các dự thảo đã được đưa ra, và nếu có thể được thì công bố các biên bản của hội nghị hoặc một bản tường thuật vắn tắt.

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
 1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong
 Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

9
TUYÊN BỐ THỰC TẾ¹³³

Tôi ghi nhận rằng tôi đã phản đối đồng chí Li-a-đốp vì xuất phát từ quan điểm mà tôi đã nhấn mạnh nhiều lần trong bài phát biểu, quan điểm cho rằng quyền *veto*¹⁾ là *tuyệt đối* thuộc về Ban chấp hành trung ương.

N. Lê-nin

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
 1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong
 Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

1) ̣ phủ quyết

10
TUYÊN BỐ VỀ DỰ THẢO
CỦA PHÁI MEN-SÊ-VÍCH
VỀ VIỆC THỦ TIÊU
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG¹³⁴

Tuyên bố thực tế

Bức thư của các đồng chí Mác-tư-nốp và I-gô-rép — mà họ hứa trình lên Ban chấp hành trung ương và đã 4 tháng rồi mà vẫn chưa trình lên — đề cập không phải vấn đề tổ chức công tác của Ban chấp hành trung ương, mà đề cập đến "quyền tồn tại" (Existenzrecht) của Ban chấp hành trung ương, nghĩa là chính đề cập đến các kế hoạch thủ tiêu.

N. Lê-nin

*Đưa ra ngày 26 tháng Chạp
1908 (8 tháng Giêng 1909)*

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

NHỮNG NGƯỜI
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG
TỔNG KẾT CÁCH MẠNG NHƯ THẾ NÀO
VÀ CÁCH MẠNG
ĐÃ ĐÁNH GIÁ NHỮNG NGƯỜI
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG
NHƯ THẾ NÀO

Trong suốt năm ngoài (năm 1908), chúng tôi đã nhiều lần nói đến tình hình hiện tại và các trào lưu dân chủ - tư sản ở nước Nga. Chúng tôi đã vạch rõ mưu mô định khôi phục lại "Hội liên hiệp giải phóng" với sự tham gia của phái lao động (báo "Người vô sản", số 32)¹⁾, chúng tôi đã nêu rõ lập trường dân chủ của nông dân và các đại biểu của họ trong vấn đề ruộng đất và trong các vấn đề khác (báo "Người vô sản", số 21 và 40)²⁾, căn cứ vào báo "Tư tưởng cách mạng", chúng tôi đã vạch ra sự ngu xuẩn lạ thường của nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng tự cho mình là đặc biệt cách mạng (báo "Người vô sản", số 32). Để thấy được toàn bộ vấn đề, bây giờ chúng ta cần phải xem những văn kiện chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Trong năm 1908, có 4 số báo "Ngọn cờ lao động" được xuất bản (từ số 9 đến số 13; số 10 và 11 là số kép)* và tờ "Thông báo" đặc biệt của Ban chấp

* Ban biên tập báo "Người vô sản", rất tiếc, không kiểm được số 12.

1) Xem tập này, tr. 165 - 178.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, t. 16, tr. 527 - 535 và tập này, tr. 377 - 396.

hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng nói về hội nghị lần thứ nhất của đảng họ và cuộc họp lần thứ 4 của Hội đồng đảng vào tháng Tám vừa qua ở nước ngoài¹³⁵. Chúng ta hãy nói về tài liệu đó.

Trong "Thông báo", Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng vạch ra rằng: "Giờ đây, đảng phải tiến hành tổng kết thời kỳ hiện nay đã kết thúc của cuộc cách mạng Nga vĩ đại, trong thời kỳ đó giai cấp vô sản thành thị đã là lực lượng hoạt động chủ yếu, nhiều khi hầu như là lực lượng hoạt động duy nhất". Đây là một lời nói hết sức đúng. Đối với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, nói được điều đúng sự thật như vậy là hiếm có. Nhưng, hãy đọc tiếp xuống cách đó năm dòng: "Thắng lợi của phe phản cách mạng chỉ xác nhận một cách rõ rệt cái chân lý mà ngay từ đầu chúng ta đã không nghi ngờ gì nữa, tức là cách mạng Nga chỉ có thể thắng lợi nếu có sự liên minh mạnh mẽ giữa lực lượng của giai cấp vô sản thành thị và lực lượng nông dân lao động, nếu không, không thể thành công được. Cho đến nay, sự liên minh đó còn ở trong ý niệm, mới thể hiện trong nội dung bản cương lĩnh xã hội - cách mạng mà cuộc sống thực tế Nga đã đề ra. Sự liên minh đó mới chỉ bắt đầu được thể hiện trong thực tế. Trong tương lai, sẽ có sự thể hiện mới của nó...".

Các vị hãy xem, liệu sự thành thật của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng có lâu được không! Bất kỳ ai, dù mới chỉ nghe nói qua về bản cương lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và của Đảng dân chủ - xã hội, cũng đều biết rằng điểm khác nhau căn bản của các bản cương lĩnh đó là: 1) Những người dân chủ - xã hội tuyên bố rằng cách mạng Nga là một cuộc cách mạng *tư sản*; còn những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì phủ nhận điều đó. 2) Những người dân chủ - xã hội cho rằng giai cấp vô sản và nông dân là hai *giai cấp khác nhau* của xã hội tư bản

chủ nghĩa (hay xã hội nửa nông nô, nửa tư bản chủ nghĩa); rằng nông dân là giai cấp những người *tiểu chủ*, giai cấp này có thể "cùng đứng ở một phía chiến lũy" với giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng tư sản, để "cùng nhau đánh đổ" bọn địa chủ và chế độ chuyên chế, có thể, trong cuộc cách mạng đó, "liên minh" với giai cấp vô sản trong trường hợp này nọ, nhưng vẫn là một giai cấp của xã hội tư bản chủ nghĩa hoàn toàn khác với giai cấp vô sản. Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã phủ nhận điều đó. *Tư tưởng* cơ bản của cương lĩnh của họ không phải là ở chỗ cần phải có một sự "liên minh lực lượng" giữa giai cấp vô sản và nông dân, mà là ở chỗ không có *sự cách biệt giai cấp* giữa nông dân và giai cấp vô sản, rằng giữa hai giai cấp đó không cần vạch ra những ranh giới giai cấp, rằng quan điểm của Đảng dân chủ - xã hội là hoàn toàn sai lầm vì cho rằng, khác với giai cấp vô sản, nông dân là tiểu tư sản.

Thế mà bây giờ, các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng lại dùng những câu chữ chuoát, lưu loát để xóa nhòa hai điểm khác nhau căn bản của các bản cương lĩnh dân chủ - xã hội và xã hội chủ nghĩa - cách mạng! Các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng tổng kết cách mạng như thế không hề có cách mạng mà cũng không hề có cương lĩnh xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Nhưng, thưa các ngài hết sức đáng kính, đã có một bản cương lĩnh xã hội chủ nghĩa - cách mạng, tất cả sự khác nhau giữa cương lĩnh xã hội chủ nghĩa - cách mạng với cương lĩnh dân chủ - xã hội là ở chỗ trong phần lý luận căn bản, cương lĩnh xã hội chủ nghĩa - cách mạng phủ nhận tính chất tiểu tư sản của nông dân, phủ nhận ranh giới giai cấp giữa nông dân và giai cấp vô sản. Nhưng thưa các ngài hết sức đáng kính, cách mạng đã nổ ra, một bài học chủ yếu của cách mạng là ở chỗ, qua những cuộc đấu tranh công khai có tính chất quần chúng, nông dân đã để lộ bản chất giai cấp của mình khác hẳn với bản chất giai cấp của giai cấp vô sản, và đã tỏ rõ tính chất tiểu tư sản của mình.

Các ngài làm ra vẻ như không nhận thấy điều đó. Các ngài rất biết điều đó, nhưng lại cố gắng phớt lờ cái thực tế chẳng vui vẻ gì mà cách mạng đã vạch trần ra. Không phải là các ngài "liên minh" với phái lao động để hành động, mà là các ngài liên hợp với họ thành một khối không thể chia cắt được để hành động. Và các ngài lại làm việc đó vào mùa thu 1905 và mùa hè 1906, nghĩa là trong những thời kỳ trọng yếu nhất, khi mà cuộc cách mạng công khai đã đạt tới cao trào lớn nhất của nó. Các báo chí công khai lúc bấy giờ là của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và phái lao động. Thậm chí sau khi phái lao động và những người xã hội chủ nghĩa nhân dân lập thành những nhóm riêng, trong cuộc bầu cử vào Đu-ma II và ở ngay trong Đu-ma đó, cũng không phải các ngài liên minh với họ, mà là kết thành một khối với họ, tức là hầu như sáp nhập với họ. Khác hẳn với cương lĩnh của phái lao động và bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân, cương lĩnh của các ngài *đã bị thất bại* trong tất cả các cuộc đấu tranh công khai và thực sự có tính chất quần chúng của các đại biểu nông dân. Và cả trong Đu-ma I và Đu-ma II, tuyệt đại đa số đại biểu nông dân đã thông qua cương lĩnh ruộng đất của *phái lao động, chứ không phải* cương lĩnh ruộng đất của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Từ cuối năm 1906, trong tất cả các xuất bản phẩm thuần túy của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, bản thân những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng phải thừa nhận *tính chất tiểu tư sản* của phái lao động với tính cách là trào lưu chính trị, và thừa nhận rằng cơ sở của trào lưu đó là "bản năng tư hữu" của những người tiểu chủ (xem các bài báo của ngài Vi-khli-a-ép và của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng khác viết nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa nhân dân).

Xin hỏi rằng những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng định lừa dối ai mà lại *che giấu* những kết luận căn bản và chủ yếu khi họ "tổng kết" một cuộc cách mạng?

Tại sao trong thời kỳ cách mạng, nông dân lại tập hợp thành một đảng (hay một nhóm) chính trị riêng biệt, đảng của phái lao động? Tại sao trong thời kỳ cách mạng, chính phái lao động, chứ không phải là những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đã trở thành chính đảng của quần chúng nông dân? Nếu các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng nghĩ rằng đó chỉ là điều ngẫu nhiên thì như vậy chẳng cần gì nói đến tổng kết, hoặc đến một bản cương lĩnh nói chung nào đó, vì như vậy một tình trạng hỗn loạn sẽ thay thế cho mọi cuộc tổng kết và mọi bản cương lĩnh. Nếu đó không phải là điều ngẫu nhiên mà là kết quả của những quan hệ kinh tế căn bản trong xã hội hiện đại thì như vậy tính chất đúng đắn của luận điểm chủ yếu và căn bản trong cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga đã được *lịch sử chứng thực*. Trong thực tiễn, cách mạng đã vạch ra cái ranh giới giai cấp giữa nông dân và giai cấp vô sản, cái ranh giới mà những người dân chủ - xã hội chúng ta bao giờ cũng nêu ra về mặt lý luận. Cách mạng đã chứng minh một cách triệt để rằng ở nước Nga, một chính đảng muốn trở thành một đảng có tính chất quần chúng, một đảng có tính chất giai cấp thì phải *hoặc* là Đảng dân chủ - xã hội, *hoặc* là đảng của phái lao động, vì bản thân quần chúng qua những cuộc đấu tranh công khai của họ trong những thời kỳ cách mạng quan trọng nhất và gay go nhất đã hoàn toàn vạch ra hai trào lưu đó và chỉ có hai trào lưu đó thôi. Còn những nhóm trung gian thì, như những sự biến năm 1905 - 1907 đã chứng tỏ, chưa bao giờ có thể hòa làm một với quần chúng trong bất kỳ một vấn đề nào. Và chính điều ấy đã chứng minh tính chất tư sản của cuộc cách mạng ở nước ta. Nhưng từ nay, không một nhà sử học nào, không một nhà chính trị nào có đầu óc lại có thể phủ nhận sự phân chia các lực lượng chính trị cơ bản ở nước Nga thành một bên là giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa và bên kia là nông dân dân chủ tiểu tư sản.

"Cho đến nay sự liên minh lực lượng của giai cấp vô sản thành thị và nông dân lao động... vẫn còn ở trong ý niệm". Đó là một câu nói từ đầu chí cuối lộn xộn và giả dối. Sự liên minh đó không phải là còn ở "trong ý niệm" và không phải là "mới chỉ bắt đầu thể hiện trong đời sống thực tế" mà là đặc điểm của toàn bộ thời kỳ đầu tiên của cuộc cách mạng Nga, của tất cả những sự biến lớn trong những năm 1905 - 1907. Một mặt, cuộc bãi công tháng Mười và cuộc khởi nghĩa tháng Chạp và, mặt khác, những cuộc khởi nghĩa nông dân ở địa phương và những cuộc nổi dậy của lực lượng và hải quân đã thể hiện chính là sự "liên minh lực lượng" của giai cấp vô sản và nông dân. Sự liên minh đó là tự phát, không có tổ chức và thường là không tự giác. Những lực lượng đó không được tổ chức lại một cách đầy đủ, bị phân tán, thiếu một cơ quan lãnh đạo trung ương thật sự có khả năng chỉ đạo sự liên minh đó, v. v.. Nhưng không thể chối cãi được rằng sự "liên minh lực lượng" của giai cấp vô sản và nông dân là một sự thật, đó là những lực lượng chủ yếu, đã mở một đột phá khẩu vào chế độ chuyên chế già cỗi. Nếu không hiểu sự thật đó thì không thể hiểu được tí gì về việc "tổng kết" cuộc cách mạng Nga. Ở đây, kết luận sai lầm của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng là ở chỗ: đáng lẽ ra phải nói là nông dân *thuộc phái lao động* thì họ lại nói nông dân *lao động*. Đó là một sự khác nhau nhỏ không đáng kể, cơ hồ khó mà nhận thấy, nhưng sự khác nhau ấy trên thực tế chính lại nói lên cái hố sâu giữa những ước mơ trước cách mạng của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng và cái thực tế đã được cách mạng hoàn toàn chứng minh.

Phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng *bao giờ cũng* nói đến nông dân *lao động*. Cách mạng đã chứng minh rằng quyết định bộ mặt chính trị của nông dân Nga hiện nay là trào lưu *phái lao động*. Vậy thì phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng đúng chăng? Nhưng điều oái ăm là ở chỗ lịch sử

đã giữ nguyên vẹn và vĩnh viễn cái *danh từ* của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng dùng, nhưng lịch sử ấy lại lấy chính cái *nội dung* mà những người dân chủ - xã hội đã dự kiến trước để đưa vào cái điều thực sự phù hợp với danh từ ấy. Lịch sử của cách mạng đã phân rõ đúng sai trong cuộc tranh luận giữa chúng ta và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, vốn đối lập với nhau về vấn đề tính chất tiểu tư sản của nông dân lao động: lịch sử dành *danh từ* cho phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và đã dành lại *thực chất của vấn đề* cho chúng ta. Nông dân lao động được phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng ca tụng *trước* cách mạng, thì *trong* thời kỳ cách mạng lại trở thành những người thuộc *phái lao động* mà phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng *đã phải* từ bỏ họ! Còn đối với những người dân chủ - xã hội chúng ta, thì việc chứng minh tính chất tiểu tư sản của nông dân ngày nay là việc có thể làm được và *phải làm*, không những chỉ dựa vào sự phân tích mà Mác đã tiến hành trong bộ "Tư bản"¹³⁶ và "Cương lĩnh Éc-phuya"¹³⁷, không những chỉ dựa vào tài liệu thống kê kinh tế của phái dân túy và của các hội đồng địa phương, mà còn căn cứ vào hành động của nông dân trong cuộc cách mạng Nga nói chung và nói riêng, vào thành phần và hoạt động của *phái lao động*.

Không. Chúng ta không có lý do gì phải phàn nàn về việc lịch sử đã phân rõ đúng sai trong cuộc tranh luận giữa chúng ta và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Trong báo "Ngọn cờ lao động", số 13, tr. 3, có viết rằng: "Nếu phái triêu hồi có thể làm cho Đảng dân chủ - xã hội quay về lập trường chiến đấu tốt cùng của họ, thì như vậy chúng tôi sẽ mất một phần tài liệu tốt cho cuộc luận chiến, nhưng lại có thêm một đồng minh cho một sách lược chiến đấu triệt để". Và ở một vài dòng trên: "Sự nghiệp đấu tranh

cho tự do và cho chủ nghĩa xã hội chỉ có lợi nếu phái tả trong Đảng dân chủ - lập hiến và trong Đảng dân chủ - xã hội thắng thế".

Các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng ạ, như thế rất hay! Các ngài muốn vượt ve "phái triệu hồi" và "phái tả" của chúng tôi! Cho phép chúng tôi lấy sự vượt ve để trả lời sự vượt ve. Cho phép chúng tôi cũng được sử dụng "tài liệu tốt cho cuộc luận chiến" đó.

"Hãy để cho các loại chính đảng, kể cả Đảng dân chủ - lập hiến, phái lao động và Đảng dân chủ - xã hội, duy trì bóng ma chế độ lập hiến, bằng cách tham gia vào Đu-ma hữu danh vô thực, Đu-ma hý viện" (báo "Ngọn cờ lao động", như trên).

Như thế, Đu-ma III là một Đu-ma hữu danh vô thực. Chỉ một câu nói đó cũng đủ để lộ ra sự dốt nát rất mực của các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Thừa các ngài lãnh đạo kính mến của cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, so với Đu-ma I và Đu-ma II thì Đu-ma III là ít hữu danh vô thực hơn nhiều! Nếu các ngài không hiểu sự việc rất giản đơn ấy, thì các ngài chỉ xác nhận lại một lần nữa điều mà chúng tôi đã nói về các ngài trên báo "Người vô sản" trong bài "Mặt trái của thói ngu ngốc nghị trường"¹³⁸. Các ngài hoàn toàn nhắc lại sai lầm thông thường của phái dân chủ tư sản tầm thường, muốn làm cho bản thân mình và những người khác tin rằng khi các Đu-ma là xấu xa và phản động thì đó là những cơ quan hữu danh vô thực, nhưng khi các Đu-ma là tốt và tiến bộ thì đó không phải là những cơ quan hữu danh vô thực.

Trên thực tế, Đu-ma I và II là những chiếc gương bằng bìa giấy trong tay những phần tử trí thức tự do - tư sản, muốn dùng cách mạng để dọa dẫm chế độ chuyên chế. Đu-ma III không phải là chiếc gương bằng bìa giấy, mà là một vũ khí thật sự trong tay chế độ chuyên chế và phe phản

cách mạng. Đu-ma I và II là những Đu-ma hữu danh vô thực, vì các nghị quyết của nó không phù hợp với sự so sánh thực tế các lực lượng vật chất trong cuộc đấu tranh của các giai cấp xã hội và chỉ là những lời nói suông. Ý nghĩa của cả hai Đu-ma đó là ở chỗ: đằng sau hàng đầu của bọn hệ lập hiến thuộc Đảng dân chủ - lập hiến, có thể nhìn thấy rõ ràng các đại biểu chân chính của nông dân dân chủ và của giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, là những người đang thực sự làm cách mạng, đang tấn công kẻ thù trong cuộc đấu tranh công khai có tính chất quần chúng, nhưng chưa đánh bại hẳn được kẻ thù. Đu-ma III không phải là một cơ quan hữu danh vô thực, vì các nghị quyết của nó đều phù hợp với sự so sánh thực tế các lực lượng vật chất trong hoàn cảnh phe phản cách mạng tạm thời thắng lợi và, do đó, những nghị quyết đó không phải là những lời nói suông mà là được thực hiện trong đời sống. Ý nghĩa của Đu-ma này là ở chỗ nó đã cho tất cả những phần tử trong nhân dân chưa hiểu biết nhiều về chính trị một bài học sinh động, làm cho họ thấy rõ mối quan hệ giữa các cơ quan đại nghị và việc thực tế nắm chính quyền nhà nước. Các cơ quan đại nghị, dù là "tiến bộ" nhất, cũng vẫn chỉ là những cơ quan hữu danh vô thực, chừng nào những giai cấp mà cơ quan đó đại diện, vẫn không nắm được chính quyền nhà nước thật sự. Các cơ quan đại nghị, dù là phản động nhất, cũng không phải là hữu danh vô thực, kể từ khi cái chính quyền nhà nước thật sự đó nằm trong tay những giai cấp mà cơ quan đó đại diện.

Việc gọi Đu-ma III là một Đu-ma hữu danh vô thực và hý viện, là một kiểu mẫu của sự thiếu suy nghĩ đến cực độ và của sự lạm dụng những lời nói cách mạng rỗng tuếch mà từ lâu đã trở thành đặc trưng và đặc điểm chủ yếu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Nhưng ta hãy nói tiếp. Nói rằng Đu-ma III là "bóng ma chế độ lập hiến" thì có đúng hay không? Không, điều đó

không đúng. Trong một cơ quan lãnh đạo, chỉ có những người không hiểu được những điều sơ đẳng mà Lát-xan¹³⁹ đã đề ra cách đây gần một nửa thế kỷ, mới có thể nói những điều như vậy. Xin hỏi các tổ viên thân mến của cái tiểu tổ tuyên truyền loại thấp lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, ý nghĩa của một hiến pháp là gì? Phải chăng là có hiến pháp thì "nhân dân lao động" sống "tự do" hơn và ít "khổ" hơn là không có hiến pháp? Không phải thế. Chỉ có những người dân chủ tầm thường mới nghĩ như vậy thôi. Thực chất của hiến pháp là ở chỗ những đạo luật cơ bản của nhà nước nói chung và những đạo luật có liên quan đến quyền bầu cử vào các cơ quan đại nghị, đến quyền hạn của các cơ quan đại nghị đó, v. v. thể hiện được sự so sánh thực tế các lực lượng trong cuộc đấu tranh giai cấp. Hiến pháp sẽ là giả tưởng khi mà luật pháp và thực tế không phù hợp với nhau. Nếu luật pháp và thực tế phù hợp với nhau thì hiến pháp sẽ không phải là giả tưởng. Hiến pháp nước Nga trong thời kỳ Đu-ma III ít có tính chất giả tưởng hơn so với thời kỳ Đu-ma I và II. Nếu kết luận đó làm cho các ngài bất bình, thưa các ngài "xã hội chủ nghĩa" - "cách mạng", thì đó là vì các ngài không hiểu thực chất của hiến pháp là gì, cũng không hiểu sự khác nhau giữa tính chất giả tưởng của hiến pháp và tính chất giai cấp của hiến pháp. Một hiến pháp Trăm đen, phản động và do bọn địa chủ ban bố có thể là ít giả tưởng hơn một hiến pháp nào đó của "phái tự do".

Điều bất hạnh của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là ở chỗ họ không hiểu cả chủ nghĩa duy vật lịch sử lẫn phép biện chứng của Mác, họ hoàn toàn là tù binh của những tư tưởng dân chủ - tư sản tầm thường. Đối với họ, hiến pháp không phải là một lĩnh vực hoạt động mới, một hình thức đấu tranh giai cấp mới, mà là một phúc lợi trừu tượng, giống như là "pháp chế", là "trật tự pháp luật", hoặc "cộng đồng phúc lợi" của bọn giáo sư thuộc phái tự

do, v. v. và v. v.. Trong thực tế, chế độ chuyên chế, chế độ quân chủ lập hiến, và chế độ cộng hòa về thực chất chỉ là những hình thức khác nhau của cuộc đấu tranh giai cấp; mà phép biện chứng của lịch sử lại như thế này: một mặt, nội dung giai cấp của mỗi loại hình thức đó đều trải qua những giai đoạn phát triển khác nhau, và mặt khác, việc chuyển từ một hình thức này sang một hình thức khác (tự bản thân nó) tuyệt nhiên không có nghĩa là xóa bỏ sự thống trị của những giai cấp bóc lột cũ trong cái vỏ mới. Ví dụ, chế độ chuyên chế Nga thế kỷ XVII với Đu-ma của bọn quý tộc và giai cấp quý tộc quan liêu của nó không giống chế độ chuyên chế thế kỷ XVIII với giới quan liêu của nó, với các đẳng cấp quan lại của nó và với những thời kỳ lẻ tẻ của "chế độ chuyên chế anh minh". Cả hai chế độ chuyên chế đó đều không giống chế độ chuyên chế thế kỷ XIX, chế độ này khác xa hẳn chế độ chuyên chế của hai thế kỷ trước, nó buộc phải giải phóng nông dân "từ trên xuống", bằng cách làm cho họ bị phá sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và kiến lập các cơ quan đại diện địa phương của giai cấp tư sản. Đến thế kỷ XX, cái hình thức cuối cùng của chế độ chuyên chế nửa phong kiến, nửa gia trưởng lại trở thành lỗi thời. Việc chuyển sang chế độ đại nghị trong phạm vi toàn quốc trở thành cần thiết do ảnh hưởng của sự phát triển chủ nghĩa tư bản, và do sự tăng cường lực lượng của giai cấp tư sản, v. v.. Cuộc đấu tranh cách mạng năm 1905 gay gắt đặc biệt là xung quanh vấn đề xem ai sẽ triệu tập cơ quan đại nghị toàn Nga đầu tiên và triệu tập như thế nào. Cuộc thất bại tháng Chạp đã giải quyết vấn đề đó có lợi cho chế độ quân chủ cũ và trong những điều kiện ấy thì không thể có một hiến pháp nào ngoài hiến pháp của bọn Trăm đen - tháng Mười.

Trong hoàn cảnh mới, trong khuôn khổ những cơ quan của chế độ quân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ và trên một giai

đoạn phát triển chính trị cao hơn, cuộc đấu tranh lại vẫn nhằm trước hết trừ bỏ kẻ thù trước đây, tức là chế độ chuyên chế Trăm đen. Trong cuộc đấu tranh đó, liệu một đảng xã hội chủ nghĩa có thể cự tuyệt không lợi dụng những cơ quan đại nghị mới đó không? Phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng thậm chí cũng không biết cách đặt vấn đề đó ra. Họ chỉ biết đưa ra những lời nói suông để đánh trống lảng. Hãy nghe họ nói:

"Bây giờ chúng ta không có con đường đấu tranh nghị trường; chỉ có con đường đấu tranh ngoài nghị trường. Chân lý đó cần được ăn sâu bắt rễ khắp nơi, và đối với tất cả những ai làm trở ngại cho niềm tin tưởng đó, chúng ta cần phải đấu tranh lại kịch liệt. Hãy tập trung tất cả các cố gắng của chúng ta vào những phương pháp đấu tranh ngoài nghị trường!"

Lập luận của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng được xây dựng trên phương pháp chủ quan nổi tiếng trong môn xã hội học. Chỉ cần làm cho niềm tin đó ăn sâu bắt rễ vào lòng người là mọi việc đều tốt đẹp cả. Còn về vấn đề phải lấy những tài liệu khách quan để xác minh xem niềm tin tưởng rằng hình thức đấu tranh này nọ tồn tại, thì những người theo phương pháp chủ quan đó lại không hề quan tâm tới. Nhưng chúng ta hãy lướt qua tờ "Thông báo" và các nghị quyết của hội nghị đại biểu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, chúng ta đọc thấy: "...cái tình trạng lắng yên, thời kỳ suy vi gay go mà chúng ta đang trải qua, hay nói đúng hơn, những ngày đen tối" (tr. 4)... "sự đoàn kết của các thế lực phản động xã hội"... "sự kìm hãm nghị lực của quần chúng nhân dân"... "ở các phần tử trí thức, bộ phận nhạy cảm nhất trong nhân dân, bộc lộ rõ một sự mệt mỏi quá sức, một sự tung tán về mặt tư tưởng và tình trạng rút khỏi cuộc đấu tranh cách mạng" (tr. 6) v. v. và v. v.. "Vì thế mà Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng phải... b) xuất phát từ những lý do sách lược, không tán thành những kế hoạch đấu tranh có tính chất cục bộ của quần chúng, theo

những điều kiện hiện nay, có thể dẫn đến sự hao phí vô ích nghị lực của nhân dân" (tr. 7).

Như vậy, "chúng ta chỉ có con đường đấu tranh ngoài nghị trường", nhưng "*chúng ta*" đây là ai? Rõ ràng đây là những nhóm khủng bố, vì trong tất cả các đoạn văn trích dẫn đều không nói đến cuộc đấu tranh *có tính chất quần chúng* "của chúng ta". "*Sự kìm hãm nghị lực của quần chúng nhân dân*" và "tập trung tất cả các cố gắng của chúng ta vào những phương pháp đấu tranh ngoài nghị trường", cứ đem đối chiếu hai câu đó là đủ chứng tỏ cho chúng ta thấy một lần nữa rằng nếu gọi phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng là những kẻ phiêu lưu cách mạng thì thật là phù hợp với sự thật lịch sử biết là nhường nào!¹⁾ Chỉ vì cho câu nói được kêu, được mạnh hơn, người ta chủ trương tập trung lực lượng vào những biện pháp đấu tranh mà chính bản thân mình lại thừa nhận rằng lúc này quần chúng không có khả năng áp dụng được, thì như vậy không phải là phiêu lưu hay sao? Đó không phải là cái tâm lý cũ rích của những phần tử trí thức tuyệt vọng hay sao?

"Hãy tập trung tất cả các cố gắng của chúng ta vào những phương pháp đấu tranh ngoài nghị trường". Vào mùa thu 1905, nghĩa là vào một trong những thời kỳ huy hoàng nhất của cách mạng Nga, khẩu hiệu đó là đúng. Ngày nay, nhắc lại khẩu hiệu đó một cách máy móc, không có phê phán, phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng hành động giống như một nhân vật trong truyện dân gian, nhân vật đó kêu la một cách nhiệt tình... nhưng lại kêu la không đúng chỗ. Các bạn thân mến ạ, các bạn đã không hiểu rằng *tại sao* vào mùa thu 1905 khẩu hiệu tẩy chay lại là đúng. Nhưng ngày nay, khi các bạn lặp lại khẩu hiệu đó một cách máy móc không có phê phán, như một bài học thuộc lòng và vô nghĩa,

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 6, tr. 465 - 492.

thì đó lại không phải là tinh thần cách mạng mà là sự ngu xuẩn tầm thường nhất.

Mùa thu 1905, không có một người nào lại nói đến "sự kìm hãm nghị lực của quần chúng nhân dân". Trái lại, tất cả các chính đảng đều thừa nhận rằng nghị lực của quần chúng rất mạnh mẽ. Trong lúc như vậy, chính quyền cũ đề nghị triệu tập một nghị viện tư vấn. Rõ ràng là điều đó nhằm chia sẻ lực lượng và làm dịu bớt, dù chỉ là tạm thời, sự nhiệt tình hăng hái của những lực lượng đó. Trong những điều kiện đó, khẩu hiệu: "Hãy tập trung tất cả các cố gắng của chúng ta vào những phương pháp đấu tranh ngoài nghị trường" không phải là lời nói suông của một nhóm những kẻ hay la hét, mà là lời kêu gọi của những người thực tế lãnh đạo quần chúng, lãnh đạo hàng triệu chiến sĩ công nhân và nông dân. Khi ủng hộ khẩu hiệu đó, hàng triệu người đã chứng tỏ rằng khẩu hiệu đó *khách quan là đúng*; khẩu hiệu đó chẳng những chỉ nói lên "niềm tin tưởng" của một số những người cách mạng, mà còn nói lên tình hình thực tế, tâm trạng và sáng kiến của quần chúng. Chỉ có những chính khách làm trò hề mới có thể lặp lại khẩu hiệu đó vào lúc mà mọi người đều thừa nhận "sự kìm hãm nghị lực của quần chúng nhân dân".

Và nếu chúng ta đã nói đến điều có tính chất trò hề, thì không thể không nêu lên lời châu ngọc sau đây của báo "Ngọn cờ lao động": "Hãy để cho nó (chính phủ) trong Đu-ma mặt đối mặt với bọn "đen" và với cái chính đảng tuân theo mệnh lệnh cuối cùng của chính phủ, và hãy tin tưởng rằng nếu như một lúc nào đó những con nhện đó có thể ăn thịt lẫn nhau, thì điều đó chính là ở trong tình hình như vậy...". Câu nói "hãy tin tưởng rằng" thật là hết sức dễ thương đến nỗi tước được vũ khí của đối phương. Bạn đọc thân mến, "hãy tin tưởng rằng" các bài xã luận của báo "Ngọn cờ lao động" do một nữ sinh trung học xã hội chủ nghĩa - cách mạng hoàn toàn đáng yêu viết, cô ta chân thành tin tưởng rằng khi

phe đối lập rút khỏi Đu-ma III thì những "con nhện" bắt đầu "ăn thịt lẫn nhau".

Nghị quyết do Đại hội Luân-đôn thông qua về thái độ đối với các chính đảng không vô sản¹⁴⁰ đã bị phái men-sê-vích công kích kịch liệt nhất ở những đoạn nói về bọn dân chủ - lập hiến. Sự công kích của bọn họ kém kịch liệt hơn một chút ở những đoạn nói về các chính đảng của phái dân túy và phái lao động. Những người men-sê-vích cố gắng chứng minh rằng chúng ta tỏ ra khoan nhượng đối với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng hay là không nói tới một số sai lầm của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng mà những người mác-xít đã nhận thấy từ lâu, v. v.. Nguyên nhân của hành động ủng hộ công đó của phái men-sê-vích có hai mặt: một mặt, là có sự bất đồng ý kiến căn bản, có tính chất nguyên tắc, trong việc đánh giá cách mạng Nga. Những người men-sê-vích cứ muốn rằng giai cấp vô sản sẽ cùng với bọn dân chủ - lập hiến làm cuộc cách mạng đó chứ không phải là cùng với nông dân thuộc phái lao động chống lại bọn dân chủ - lập hiến. Mặt khác, những người men-sê-vích đã không hiểu rằng trong cách mạng, cuộc đấu tranh công khai của quần chúng và của các giai cấp đã làm thay đổi tình hình trước đây và thường khi cả tính chất trước đây của các đảng. Trước cách mạng, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng *chỉ* là một nhóm những phần tử trí thức theo chủ nghĩa dân túy. Sau cách mạng, thậm chí là sau năm 1906, đặc điểm đó còn đúng nữa hay không? Hiển nhiên là không. Chỉ có những người không học được tí gì trong cách mạng, mới có thể ủng hộ cái quan điểm trước đây được nêu lên bằng công thức đó.

Cách mạng *đã chứng minh* rằng nhóm trí thức theo chủ nghĩa dân túy đó là *cánh* cực tả của một trào lưu hết sức rộng rãi và chắc chắn là có tính chất quần chúng, của phái

dân tụy hoặc pháit lao động, trào lưu này đã phản ánh lợi ích và quan điểm của nông dân trong cuộc cách mạng tư sản Nga. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân, Hội liên hiệp nông dân, Nhóm lao động trong ba Đu-ma và báo chí tự do của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và của pháit lao động đã chứng minh sự thật đó. Đó chính là điều mà những người men-sê-vích đã không hiểu nổi. Họ xem xét bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng *một cách giáo điều*, tức là họ chỉ xét đến những sai lầm của học thuyết của chúng, nhưng không nhận thấy rằng học thuyết đó phản ánh hay là che giấu những lợi ích thực sự nào của những quần chúng thực sự đã làm cuộc cách mạng dân chủ - tư sản. Học thuyết của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng là có hại, sai lầm, phản động, phiêu lưu, tiểu tư sản — pháit men-sê-vích kêu âm như vậy. Chỉ thế thôi, ngoài ra, đều là lời xằng bậy.

Chúng ta nói với pháit men-sê-vích rằng sai lầm của các anh bắt đầu từ đây. Học thuyết của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là có hại, sai lầm, phản động, phiêu lưu, tiểu tư sản, điều đó đúng. *Nhưng* những đặc tính ấy không ngăn cản việc cái học thuyết quasi¹⁾ - xã hội chủ nghĩa ấy trở thành, ở nước Nga, ngọn cờ tư tưởng của giai cấp tư sản và của giai cấp tiểu tư sản thật sự cách mạng, chứ không phải là thỏa hiệp. Vì học thuyết của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng chỉ là một con suối trong trào lưu pháit lao động, tức là pháit nông dân dân chủ. Cuộc đấu tranh công khai của quần chúng và của các giai cấp vừa mới bắt đầu thì lập tức những sự kiện buộc tất cả chúng ta — dù là bôn-sê-vích hay men-sê-vích — phải thừa nhận điều đó, bằng cách để cho những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tham gia vào các Xô-viết đại biểu công nhân, bằng cách thắt chặt mối liên hệ với các Xô-viết đại biểu nông

1) — giả hiệu

dân, binh sĩ, bưu điện và công nhân đường sắt, v. v., bằng cách cùng liên minh với họ trong cuộc bầu cử để chống lại pháit tự do, cùng với họ bỏ phiếu trong các Đu-ma chống lại pháit tự do, v. v.. Cách mạng đã không bác bỏ sự nhận xét của chúng tôi về những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng, mà lại xác nhận nhận xét đó. Nhưng khi xác nhận điều đó, cách mạng đã không để vấn đề trong tình trạng cũ và dưới hình thức y nguyên như cũ, mà là đặt vấn đề trên một cơ sở cao hơn trước rất nhiều: trước đây, vấn đề chỉ là so sánh các học thuyết, các hệ tư tưởng và chính sách của các nhóm; bây giờ, vấn đề là so sánh hoạt động lịch sử của các giai cấp và quần chúng tán thành hệ tư tưởng đó hay một hệ tư tưởng tương tự. Trước đây, người ta chỉ hỏi rằng: điều mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng nói, có đúng không, sách lược tổ chức về phương diện tư tưởng có đúng không? Bây giờ, vấn đề đặt ra là: trong thực tế, hành động của các tầng lớp nhân dân tự nhận là đoàn kết nhất trí với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng hoặc gần gũi với tư tưởng cơ bản của họ (như "nguyên tắc lao động", v. v.) là như thế nào? Sai lầm của pháit men-sê-vích là ở chỗ không hiểu được sự thay đổi do cách mạng tạo nên đó.

Mà sự thay đổi đó, ngoài ý nghĩa đã nói ở trên, còn đặc biệt quan trọng vì nó chứng minh rõ ràng những quan hệ giữa các giai cấp và các chính đảng. Bài học của cuộc cách mạng ở nước ta là ở chỗ, chỉ có các chính đảng dựa hẳn vào những giai cấp nhất định thì mới mạnh mẽ, mới đứng vững được trong bất cứ bước ngoặt nào của các sự kiện. Cuộc đấu tranh chính trị công khai buộc các đảng phải liên hệ chặt hơn nữa với quần chúng vì không có những mối liên hệ đó thì các đảng chẳng còn có giá trị gì nữa. Về hình thức, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là độc lập đối với pháit lao động. *Trong thực tế*, cách mạng đã buộc họ phải cùng đi với pháit lao động nếu như họ không muốn bị hoàn toàn quét sạch khỏi vũ đài chính trị.

Và có thể cam đoan rằng, khi cao trào cách mạng lại dâng lên thì những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng lại buộc phải cùng đi với phái lao động hay với một tổ chức quần chúng tương tự như phái lao động (dù ngày nay họ có hăng hái tuyên bố về tính độc lập hoàn toàn của họ đến đâu đi nữa). Những điều kiện khách quan của đời sống xã hội và của cuộc đấu tranh giai cấp đều mạnh hơn tất cả những nguyện vọng tốt đẹp và tất cả những cương lĩnh. Nếu đứng trên quan điểm đó — quan điểm duy nhất đúng đắn — mà xét, thì những ý kiến bất đồng hiện nay giữa phái lao động và phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng chỉ nói lên sự tan rã của phong trào tiểu tư sản, chỉ nói lên tính chất không kiên định của những người tiểu tư sản không biết giữ vững sự đoàn kết của mình và "đi chệch hướng" khi hoàn cảnh trở nên khó khăn. Trước mặt chúng ta, một bên, là phái lao động không có tổ chức, không kiên định, dao động, không có một đường lối chính trị vững vàng nào trong Đu-ma III. Nhưng chắc chắn là họ từ quần chúng mà ra, có liên hệ với quần chúng và phản ánh được những yêu cầu của quần chúng. Còn bên kia, là một nhóm nhỏ những phần tử "triệu hồi" xã hội chủ nghĩa - cách mạng, không có một chút liên hệ nào với quần chúng, bị đẩy đến chỗ tuyệt vọng, mất tin tưởng vào cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng (xem báo "Tư tưởng cách mạng") và tập trung tất cả các cố gắng của mình vào việc khủng bố. Chủ nghĩa cơ hội cực đoan của phái lao động (đứng trên giác độ địa vị của nông dân cách mạng mà xét) và chủ nghĩa cách mạng cực đoan, thuần túy có tính chất đầu lưỡi và vô nghĩa của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng, đó là hai mặt hạn chế của cùng một trào lưu tiểu tư sản, "hai triệu chứng" của cùng một "chứng bệnh": tính chất không kiên định của giai cấp tiểu tư sản, giai cấp không có khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng được tiến hành có hệ thống, ngoan cường, kiên định và nhất trí.

Tình hình đó làm cho vấn đề sách lược đối với Đu-ma hiện nay của các đảng cách mạng, và đặc biệt là vấn đề chủ nghĩa triệu hồi, càng thêm rõ ràng. Bọn trí thức khoác lác thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng la lên rằng: "Chúng tôi không đi theo con đường đấu tranh nghị trường". Thưa các ngài, "chúng tôi" nói ở đây là ai đấy! *Không có quần chúng* thì những phần tử trí thức không bao giờ đã có mà cũng chẳng bao giờ sẽ có những thủ đoạn đúng đắn để tiến hành đấu tranh, dù là trong nghị trường hoặc ngoài nghị trường. Và những ngày qua, trong thời kỳ cách mạng, quần chúng nào đã đi theo các ngài hay là đi bên cạnh các ngài? Đó là nông dân thuộc phái lao động. Phải chăng là *đối với tầng lớp nông dân đó*, không có những "thủ đoạn đấu tranh nghị trường"? Không đúng. Các ngài hãy xem xét những cuộc tranh luận về vấn đề ruộng đất trong Đu-ma III và các ngài sẽ thấy rằng tại đây hiển nhiên là phái lao động đã phản ánh những yêu cầu của quần chúng. Thế có nghĩa là những lời nói khoác lác của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng chẳng qua chỉ là những lời nói rỗng tuếch tầm thường. Năm 1908, chính trên diễn đàn Đu-ma mà quần chúng nông dân đã nói lên những yêu sách *của mình*: họ đã không tiến hành đấu tranh "ngoài nghị trường". Đó là một sự thật, mà không thể dùng một lời la ó "tả" om sòm nào, không một lời nói rỗng tuếch nào của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng triệu hồi để lảng tránh được.

Nguyên nhân của sự thật đó là gì? Phải chăng là vì "niềm tin" về địa vị ưu thế của những con đường ngoài nghị trường đã bị giảm đi? Hoàn toàn không phải. Nguyên nhân của sự thật đó là vì những điều kiện khách quan trong thời kỳ gần đây vẫn chưa gây được một sự sôi sục đầy đủ trong quần chúng để đưa tới một hành động trực tiếp. Và nếu quả như vậy — mà chắc chắn là đã xảy ra như vậy — thì nhiệm vụ của bất cứ một chính đảng đúng đắn nào cũng là phải sử dụng những con đường *gián tiếp*. Phái xã hội

chủ nghĩa - cách mạng đã không biết sử dụng những con đường đó. Kết quả là như thế nào? Kết quả chỉ là như sau: phái lao động đã đặc biệt làm hỏng công việc của mình, đã phạm sai lầm nhiều gấp nghìn lần hơn là nếu họ chịu sự tác động của một chính đảng, họ đã vấp vấp và ngã xuống cực kỳ thường xuyên. Còn những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng thì đã xa rời giai cấp của mình, quần chúng của mình, họ đã "tập trung" vào những lời nói suông, vì *trong thực tiễn*, năm 1908, họ đã *chẳng* làm được gì có lợi cho những "thủ đoạn đấu tranh ngoài nghị trường". Họ vừa thoát ly khỏi nguồn gốc giai cấp của mình là lập tức sai lầm căn bản của họ trở nên trầm trọng: đó là thói khoe khoang khoác lác lu bù, một tác đến trời để che đậy sự bất lực của mình. Ở trang nhất của tờ "Thông báo" chúng ta đọc thấy: "Đảng ta có thể tự hào về mình"... "những tổ chức đảng ở địa phương thực sự tồn tại" (à, chúng tôi là như thế đấy!) đã bầu ra các đại biểu đi dự hội nghị... "về tất cả các vấn đề, chúng ta đã đạt được một sự nhất trí tinh thần"... "đó chính là sự nhất trí đã đạt được" (như trên), v. v..

Thưa các ngài, điều đó không đúng. Các ngài đã tuôn ra hàng tràng để che lấp sự bất đồng ý kiến đã xuất hiện rõ rệt trong báo "Tư tưởng cách mạng" (mùa xuân 1908) và báo "Ngọn cờ lao động", số 13 (tháng Mười một 1908)¹⁴¹. Cái lối rùm beng đó là dấu hiệu của sự yếu đuối. Chủ nghĩa cơ hội của phái lao động không đảng và những lời huênh hoang "có tính đảng", những câu nói vu vơ, những lời nói suông của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng đều là hai mặt của cùng một sự vật, hai cực của sự tan vỡ của *cùng một* tầng lớp tiểu tư sản. Không phải là vô cố mà trong thời kỳ cách mạng, khi cuộc đấu tranh đã bộc lộ tất cả các sắc thái khác nhau, thì phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng trước sau vẫn tìm cách giấu giếm, mà không thể giấu giếm nổi, sự ngả nghiêng của mình giữa bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân và phái tối đa.

Chiếc xe đã lăn xuống hố. Ngựa đã tháo khỏi ách. Người cầm cương ngồi ngất ngưỡng trên ghế cao, mũ đội lệch bên tai, "tự chúc mừng" về sự "nhất trí" của mình. Đó là hình ảnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Đó là bản tổng kết về chủ nghĩa triệu hồi của phái xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã lôi cuốn một dúm nhỏ những phần tử trí thức rời bỏ công tác giáo dục và tổ chức quần chúng, một công tác đương nhiên là khó khăn và đòi hỏi sự bền bỉ, nhưng là công tác duy nhất nghiêm chỉnh và bổ ích, để lao vào những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch.

"Người vô sản", số 41, ngày 7
(20) tháng Giêng 1909

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

РОССИЙСКАЯ СОЦ. ДЕМОКРАТИЧ. РАБОЧ. ПАРТИЯ.

ПРОЛЕТАРИ ВСЕХ СТРАН, СОЕДИНИТЕСЬ!

ЦЕНТРАЛЬНЫЙ ОРГАН РОССИЙСКОЙ СОЦИАЛ-ДЕМОКРАТИЧЕСКОЙ РАБОЧЕЙ ПАРТИИ

СОЦИАЛ-ДЕМОКРАТЪ

LE SOCIAL-DÉMOCRATE

Organe Central du Parti Social-Démocrate Ouvrier en Russie

На дорогах.

Где раньше годам два-три-четыре года партийного бытия...

Приветливый обниматься, игнорировать не желая...

— Иногда пора бы было задумать...

BUỐC VÀO CON ĐƯỜNG ĐÚNG

Đảng vừa qua một năm khó khăn, một năm hỗn loạn về chính trị và tư tưởng, một năm mờ mẫm. Số đảng viên trong tất cả các tổ chức đảng đều giảm xuống; một số tổ chức — những tổ chức có ít vô sản nhất — đã tan rã. Các cơ quan nửa công khai của đảng được thành lập trong cách mạng, đã đi từ thất bại này đến thất bại khác. Đến nỗi một số phần tử trong đảng, chịu ảnh hưởng của sự rối loạn đó, đã đặt vấn đề có nên tiếp tục sự nghiệp Đảng dân chủ - xã hội như trước không, có nên tiếp tục sự nghiệp của nó không, có nên lại chuyển vào hoạt động bí mật không và chuyển như thế nào; cánh cực hữu đã trả lời là vô luận như thế nào cũng phải hợp pháp hóa hoạt động, dù có phải vì đó mà công khai từ bỏ cương lĩnh, sách lược và tổ chức của đảng (đó là cái gọi là phải thủ tiêu). Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc khủng hoảng đã nổ ra chẳng những về phương diện tổ chức, mà cả về tư tưởng và chính trị nữa.

Cuộc Hội nghị toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, mới họp gần đây, đã đưa đảng vào con đường đúng và cuộc hội nghị đó rõ ràng là một bước ngoặt trong sự phát triển của công nhân Nga sau thắng lợi của bọn phản cách mạng. Những nghị quyết của hội nghị đã được Ban chấp hành trung ương đảng ta thông qua và cho in trong một số "Thông báo" đặc biệt; do đó, những nghị

Сложнее впрочем кризис партии, нежели ее успехи...

Самый важный вопрос партии — это ее организационная...

Но есть, другие вопросы — организационные...

Вот что теперь можно бы сказать, говоря о том, что...

Вот что теперь можно бы сказать, говоря о том, что...

Но вот, об отношении к русской партии и к русской...

Trang đầu báo "Người dân chủ - xã hội", số 2, ngày 28 tháng Giêng (10 tháng Hai) 1909. Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, có đăng bài của V. I. Lê-nin "Bước vào con đường đúng" Ảnh thu nhỏ

quyết của hội nghị trở thành những nghị quyết của toàn đảng từ nay cho đến đại hội lần sau. Những nghị quyết đó đã trả lời hoàn toàn rõ ràng câu hỏi về những nguyên nhân và ý nghĩa của cuộc khủng hoảng, cũng như đã nêu rõ những biện pháp để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng đó. Những tổ chức của đảng ta, do biết hoạt động theo tinh thần của các nghị quyết của hội nghị và do đã làm cho *tất cả* các cán bộ của đảng hiểu rõ ràng và đầy đủ những nhiệm vụ hiện nay của đảng, nên sẽ củng cố và đoàn kết được những lực lượng của mình để Đảng dân chủ - xã hội cách mạng hoạt động một cách nhất trí và sinh động.

Nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng trong đảng đã được vạch rõ trong những nhận định của nghị quyết về vấn đề tổ chức. Nguyên nhân chính đó là ở chỗ đã thanh trừ ra khỏi đảng công nhân, những phần tử ngả nghiêng trong các giới trí thức và tiểu tư sản, tức là những phần tử sỏ dĩ đã tham gia phong trào công nhân chủ yếu là vì hy vọng rằng cuộc cách mạng dân chủ - tư sản sẽ mau chóng thành công, và đã tỏ ra dao động trong thời kỳ thế lực phản động thống trị. Tính chất ngả nghiêng cũng đã biểu hiện về mặt lý luận ("xa rời chủ nghĩa Mác cách mạng": nghị quyết về tình hình hiện tại), cả về mặt sách lược ("cắt xén các khẩu hiệu") lẫn về mặt chính sách tổ chức của đảng. Những công nhân giác ngộ đã phản đối tính chất ngả nghiêng đó, đã kiên quyết chống lại phái thủ tiêu, đã nắm lấy công tác tổ chức của đảng và đã đảm nhiệm việc lãnh đạo công tác đó. Nếu cái hạt nhân căn bản đó của đảng ta đã không thể tức khắc chiến thắng được những nhân tố tung tán và khủng hoảng, thì điều đó sỏ dĩ xảy ra chẳng những vì nhiệm vụ đó là to lớn và khó khăn trong khi bọn phản cách mạng thắng thế, mà còn là vì ngay trong hàng ngũ những công nhân có tinh thần cách mạng nhưng chưa giác ngộ đầy đủ về chủ nghĩa xã hội, cũng vẫn còn có một vài hiện tượng thờ ơ đối với đảng. Chính vì vậy mà những nghị quyết của hội

ngợi phản ánh quan điểm của Đảng dân chủ - xã hội về những biện pháp đấu tranh chống những sự tung tán và dao động đều trước hết là nhằm kêu gọi những công nhân giác ngộ ở Nga.

Phân tích một cách mác-xít mối quan hệ giai cấp hiện nay và chính sách mới của chế độ Nga hoàng; nhắc lại mục tiêu trước mắt mà, cũng như trước đây, đảng đề ra cho cuộc đấu tranh; đánh giá sự đúng đắn của sách lược dân chủ - xã hội cách mạng dưới ánh sáng của những bài học cách mạng; tìm ra nguyên nhân của cuộc khủng hoảng trong đảng và vạch rõ vai trò của phần tử vô sản của đảng trong cuộc đấu tranh chống cuộc khủng hoảng đó; giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa tổ chức bất hợp pháp và tổ chức hợp pháp; thừa nhận sự cần thiết phải sử dụng diễn đàn Đu-ma và thảo ra những chỉ thị chính xác cho đảng đoàn của chúng ta tại Đu-ma, và thẳng thắn phê bình những sai lầm của nó, — đó chính là nội dung chủ yếu của những nghị quyết của hội nghị; những nghị quyết này đã trả lời đầy đủ vấn đề chính đảng của giai cấp công nhân phải lựa chọn con đường vững chắc trong thời kỳ khó khăn hiện nay. Chúng ta hãy xét tỉ mỉ câu trả lời đó.

Tương quan giai cấp, xét về mặt tập hợp lực lượng chính trị, thì cũng vẫn là cái mối tương quan đặc trưng cho thời kỳ đấu tranh cách mạng trực tiếp vừa qua của quần chúng. Tuyệt đại đa số nông dân không thể không khao khát một cuộc cải cách ruộng đất nhằm xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất nửa nông nô và cuộc cải cách đó không thể thực hiện được nếu không lật đổ chính quyền Nga hoàng. Thắng lợi của thế lực phản động đã đặc biệt đè nén các phần tử dân chủ trong nông dân chưa có khả năng tổ chức lại một cách vững vàng; nhưng bất chấp tất cả ách thống trị đó, bất chấp Đu-ma Trăm đen, bất chấp lập trường hết sức bấp bênh của phái lao động, bất chấp tất cả cái đó, tinh thần cách mạng của quần chúng nông dân cũng vẫn thể hiện rõ

ràng ngay cả trong những cuộc tranh luận ở Đu-ma III. Lập trường cơ bản của giai cấp vô sản, đối với những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga, vẫn không thay đổi: vẫn là lãnh đạo những phần tử nông dân dân chủ, kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của bọn tư sản thuộc phái tự do, của Đảng dân chủ - lập hiến, là đảng mặc dù có những điểm tranh cãi nhỏ với Đảng tháng Mười, nhưng vẫn tiếp tục nhích gần lại đảng ấy, và trong thời kỳ gần đây nhất lại còn muốn tạo ra chủ nghĩa tự do - dân tộc, ủng hộ chế độ Nga hoàng và thế lực phản động bằng cách cổ động cho chủ nghĩa xô-vanh. Bản nghị quyết viết rằng cuộc đấu tranh vẫn luôn luôn tiếp tục nhằm thủ tiêu hoàn toàn chế độ quân chủ và nhằm làm cho giai cấp vô sản và nông dân cách mạng giành lấy chính quyền.

Cũng như trước đây, chế độ chuyên chế vẫn là kẻ thù chính của giai cấp vô sản và của toàn bộ chế độ dân chủ. Nhưng nếu nghĩ rằng chế độ chuyên chế đó vẫn như cũ, thì đó là một điều sai lầm. "Hiến pháp" Xtô-lư-pin và chính sách ruộng đất Xtô-lư-pin đánh dấu một giai đoạn mới trong sự tan rã của chế độ Nga hoàng nửa gia trưởng, nửa nông nô, đánh dấu một bước mới trong việc biến chế độ đó thành chế độ quân chủ tư sản. Các đại biểu Cáp-ca-dơ, vì muốn hoặc hoàn toàn gạt bỏ cái đặc điểm của tình hình đó, hoặc dùng danh từ "tài phiệt" thay cho danh từ "tư sản" nên đã có một quan điểm sai lầm. Chế độ chuyên chế đó đã là "tài phiệt" từ lâu rồi, nhưng chế độ chuyên chế chỉ có tính chất tư sản sau giai đoạn đầu của cách mạng và do những đòn giáng của cách mạng; nó trở thành tư sản là vì chính sách ruộng đất của nó và vì sự liên minh trực tiếp được tổ chức trong phạm vi toàn quốc, với một số tầng lớp trong giai cấp tư sản. Chế độ chuyên chế từ lâu đã nuôi dưỡng giai cấp tư sản; giai cấp tư sản, nhờ thế lực đồng tiền, đã từ lâu ngoi tới "các tầng lớp bên trên", gây ảnh hưởng đến cơ quan lập pháp và cơ quan hành chính, giành

được địa vị bên cạnh giai cấp quý tộc; nhưng đặc điểm của tình hình hiện tại là ở chỗ chế độ chuyên chế buộc phải thiết lập một cơ quan đại nghị cho một số tầng lớp trong giai cấp tư sản, phải luồn lách giữa các tầng lớp đó và bọn chủ nô, phải tổ chức trong Đu-ma khối liên minh của những tầng lớp đó, phải thôi không còn trông đợi gì ở tinh thần gia trưởng của người mu-gích, và phải tìm chỗ dựa trong đám người giàu có đang làm phá sản công xã nông thôn để chống lại quần chúng nông dân.

Chế độ chuyên chế dùng cái gọi là những cơ quan lập hiến để tự che đậy mình, nhưng đồng thời, bản chất giai cấp của nó lại bộc lộ ra hơn bao giờ hết, vì Nga hoàng đã liên kết với bọn Pu-ri-skê-vích và bọn Gu-tơ-cốp, và chỉ liên kết với bọn chúng mà thôi. Chế độ chuyên chế cố gắng tự mình đảm đương những nhiệm vụ mà, về mặt khách quan, cuộc cách mạng tư sản nhất định phải hoàn thành: thành lập một cơ quan đại diện nhân dân thực sự quản lý những công việc của xã hội tư sản và gột sạch những quan hệ ruộng đất rắc rối và cũ rích do thời trung cổ để lại ở nông thôn; nhưng kết quả thực tiễn của những biện pháp mới của chế độ chuyên chế cho đến nay vẫn chỉ là con số không, và điều đó chứng minh một cách còn rõ rệt hơn về sự cần thiết phải có những lực lượng khác và những biện pháp khác để giải quyết nhiệm vụ lịch sử. Cho đến nay, trong ý thức của hàng triệu quần chúng chưa có kinh nghiệm về mặt chính trị, chế độ chuyên chế là đối lập với bất cứ cơ quan đại diện nhân dân nào; giờ đây cuộc đấu tranh thu hẹp mục tiêu của nó lại, xác định nhiệm vụ của nó cụ thể hơn, tức là đấu tranh để giành quyền lực trong nhà nước, một cuộc đấu tranh xác định tính chất và tác dụng của bản thân cơ quan đại diện. Chính vì thế mà Đu-ma III đã đánh dấu một giai đoạn đặc thù trong quá trình tan rã của chế độ Nga hoàng già cỗi, trong quá trình làm tăng thêm hành vi phiêu lưu của chế độ đó, trong

quá trình làm sâu sắc thêm những nhiệm vụ cũ của cách mạng, trong quá trình mở rộng phạm vi đấu tranh (và số lượng người tham gia đấu tranh) để thực hiện những nhiệm vụ đó.

Giai đoạn ấy phải chấm dứt; những điều kiện mới của tình hình đòi hỏi phải có những hình thức đấu tranh mới; việc sử dụng diễn đàn Đu-ma là tuyệt đối cần thiết; công tác lâu dài để giáo dục và tổ chức quần chúng của giai cấp vô sản phải được đặt lên hàng đầu; việc kết hợp tổ chức bất hợp pháp và tổ chức hợp pháp đặt ra trước đảng những nhiệm vụ đặc biệt; việc phổ biến và giải thích kinh nghiệm của cách mạng — cuộc cách mạng này đã bị phá vỡ tự do và bọn trí thức thuộc phái thủ tiêu ra sức bôi nhọ — là cần thiết vừa vì mục đích lý luận, vừa vì mục đích thực tiễn. Lẽ ra trong thủ đoạn và phương pháp đấu tranh, phải chú ý đến những điều kiện mới, nhưng đường lối sách lược của đảng lại vẫn y nguyên, không thay đổi. Một trong những nghị quyết của hội nghị viết rằng: tính đúng đắn của sách lược dân chủ - xã hội cách mạng đã được kinh nghiệm của cuộc đấu tranh có tính chất quần chúng năm 1905 - 1907 xác nhận. Kết quả của chiến dịch đầu tiên này là một thất bại của cách mạng; thất bại đó nói lên không phải sự sai lầm của các nhiệm vụ, không phải "tính chất không tương" của các mục tiêu trước mắt, không phải sự sai lầm của các phương pháp và thủ đoạn đấu tranh, mà nói lên sự chuẩn bị lực lượng chưa đầy đủ, cuộc khủng hoảng cách mạng chưa được sâu rộng; còn Xtô-lư-pin và bè lũ thì lại làm việc một cách nhiệt tình đáng khen để cho cuộc khủng hoảng cách mạng được sâu rộng! Sau đợt đấu tranh đầu tiên, thực sự có tính chất quần chúng để giành tự do, cứ mặc cho phá vỡ tự do và bọn trí thức lạc đường mất tinh thần và run sợ nhắc đi nhắc lại: đừng đi về nơi mà các anh đã bị đánh bại, đừng bước vào con đường bất hạnh ấy nữa. Giai cấp vô sản giác ngộ sẽ trả lời chúng: nếu những cuộc

chiến tranh vĩ đại trong lịch sử, những nhiệm vụ vĩ đại của các cuộc cách mạng đã được tiến hành tốt, chính chỉ vì những giai cấp tiên tiến đã lặp lại, không phải một hai lần, cuộc tấn công của mình và giành được thắng lợi trải qua những bài học kinh nghiệm của thất bại. Những đoàn quân bại trận học tập được nhiều. Những giai cấp cách mạng ở Nga đã bị đánh bại trong chiến dịch đầu tiên này, nhưng tinh thể cách mạng vẫn tồn tại. Dưới những hình thức mới và bằng một con đường khác, — đôi khi chậm hơn rất nhiều so với điều chúng ta mong muốn, — cuộc khủng hoảng cách mạng lại tiến tới, lại chín muồi một lần nữa. Chúng ta phải kiên trì chuẩn bị số quân chúng đông đảo hơn nữa để đón lấy cuộc khủng hoảng cách mạng đó, chuẩn bị một cách thận trọng hơn, theo những nhiệm vụ cao hơn và cụ thể hơn, và việc chuẩn bị càng tốt bao nhiêu thì thắng lợi trong cuộc đấu tranh mới càng chắc chắn bấy nhiêu. Giai cấp vô sản Nga có thể tự hào rằng dưới sự lãnh đạo của mình, năm 1905, một dân tộc nô lệ đã lần đầu tiên biến thành một đạo quân cách mạng, đông hàng triệu người, tấn công vào chế độ Nga hoàng. Và cũng giai cấp vô sản ấy ngày nay lại sẽ biết thực hiện một cách kiên trì, cương quyết, kiên định, công tác giáo dục và đào tạo những cán bộ mới cho một đạo quân cách mạng hùng mạnh hơn.

Như chúng tôi đã chỉ rõ, việc lợi dụng diễn đàn Đu-ma là một bộ phận cấu thành cần thiết cho công tác giáo dục và đào tạo đó. Nghị quyết của hội nghị về đảng đoàn trong Đu-ma vạch cho đảng ta một con đường sát nhất — nếu cần tìm những ví dụ trong lịch sử — với kinh nghiệm của những người dân chủ - xã hội Đức trong thời kỳ có đạo luật đặc biệt. Một đảng hoạt động bất hợp pháp phải biết sử dụng, phải học tập cách sử dụng đảng đoàn hợp pháp trong Đu-ma, phải biến đảng đoàn thành một tổ chức của đảng có thể đảm đương được những nhiệm vụ của mình. Nếu đặt vấn đề triệu hồi đảng đoàn (trong hội

nghị có hai người thuộc "phái triệu hồi" tham gia, họ không nêu thẳng vấn đề đó ra), hoặc không thẳng thắn và công khai phê bình những khuyết điểm của đảng đoàn, không nêu những khuyết điểm đó trong nghị quyết (một số đại biểu trong hội nghị đã muốn làm như vậy), thì đó là sách lược sai lầm nhất, là một sự xa rời đáng buồn nhất đối với hoạt động vô sản kiên định mà những điều kiện hiện nay buộc chúng ta phải tiến hành. Nghị quyết hoàn toàn thừa nhận rằng đảng đoàn trong Đu-ma cũng đã phạm những sai lầm mà không riêng gì đảng đoàn phải chịu trách nhiệm, và những sai lầm đó hoàn toàn giống những sai lầm không sao tránh khỏi của tất cả các tổ chức của đảng ta. Nhưng cũng có những sai lầm khác như: xa rời *đường lối chính trị* của đảng. Một khi có hiện tượng xa rời đường lối chính trị của đảng, mà việc đó lại là hành động của một tổ chức đã nhân danh toàn đảng công khai phát biểu ý kiến, đảng có trách nhiệm phải nói rõ ràng và chính xác rằng đó là những thiên hướng lệch lạc. Trong lịch sử các đảng xã hội chủ nghĩa Tây Âu, đã có nhiều ví dụ về những quan hệ không bình thường giữa các đảng đoàn trong nghị viện với các đảng; hiện nay trong các nước la-tinh, những quan hệ đó thường là không bình thường, vì các đảng đoàn không thể hiện đầy đủ tính đảng. Chúng ta cần tổ chức ngay lập tức theo một cách khác vấn đề hoạt động trong nghị viện của phái dân chủ - xã hội ở nước Nga; chúng ta cần ngay lập tức hành động thống nhất trong lĩnh vực này, để cho mỗi đại biểu dân chủ - xã hội thực sự thấy rằng đảng ủng hộ họ, đảng đau xót trước những khuyết điểm của họ và quan tâm uốn nắn cho họ đi đúng đường, để cho mỗi cán bộ đảng tham gia vào công việc chung của đảng ở Đu-ma, rút ra một bài học từ sự phê bình một cách mác-xít và thiết thực công tác của đảng đoàn, cảm thấy có trách nhiệm phải giúp đỡ đảng đoàn làm sao cho công tác đặc biệt của đảng đoàn phù hợp với toàn bộ công tác tuyên truyền và cổ động của đảng.

Hội nghị này là cuộc hội họp đầu tiên có thẩm quyền của các đại biểu các tổ chức lớn nhất của đảng, nó đã thảo luận về hoạt động của đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma trong suốt cả một kỳ họp. Và nghị quyết của hội nghị vạch rõ đảng ta sẽ tổ chức công tác của mình trong Đu-ma như thế nào, đảng có những yêu cầu nghiêm khắc gì trong lĩnh vực đó đối với bản thân mình và đối với đảng đoàn, và đảng làm thế nào để quan tâm một cách thường xuyên và kiên quyết đến việc xác lập một thái độ thật sự dân chủ - xã hội trong nghị viện.

Vấn đề thái độ đối với đảng đoàn trong Đu-ma có mặt sách lược và mặt tổ chức. Về mặt tổ chức, nghị quyết về đảng đoàn trong Đu-ma chỉ là sự áp dụng mới, trong trường hợp cá biệt, những nguyên tắc chung của chính sách tổ chức mà hội nghị đã quy định trong nghị quyết về chỉ thị đối với vấn đề tổ chức. Hội nghị xác nhận rằng về vấn đề đó trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga có hai khuynh hướng chủ yếu: một khuynh hướng chủ trương chuyển trọng tâm vào tổ chức bất hợp pháp của đảng, còn khuynh hướng khác thì ít nhiều tương tự với phái thủ tiêu, chủ trương chuyển trọng tâm vào các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp. Vấn đề là ở chỗ: đặc điểm của tình hình hiện nay, như chúng tôi đã chỉ rõ, là có một số cán bộ đảng, đặc biệt là những cán bộ xuất thân từ giới trí thức, nhưng cũng có một số xuất thân từ giai cấp công nhân, đã rời bỏ hàng ngũ đảng. Phái thủ tiêu hỏi: những người ra khỏi đảng và chọn những tổ chức hợp pháp làm môi trường hoạt động là những phần tử ưu tú nhất, tích cực nhất hay những người rời khỏi đảng là "những phần tử trí thức và tiểu tư sản dao động?". Chẳng cần phải nói thêm rằng khi kiên quyết phản đối và lên án phái thủ tiêu, hội nghị đã trả lời rằng bọn ra khỏi đảng là những phần tử trí thức và tiểu tư sản dao động. Những phần tử vô sản nhất của đảng, những phần tử kiên định nhất về mặt nguyên tắc và những phần tử trí thức dân chủ - xã hội nhất đều vẫn trung thành với Đảng

công nhân dân chủ - xã hội Nga. Việc cho ra khỏi đảng là thanh đảng: đảng rũ bỏ được những phần tử kém kiên định nhất, những người bạn không đáng tin cậy, những "bạn đường" (Mitläufer) xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản hay từ những người "đã mất gốc giai cấp", bị thải ra khỏi hàng ngũ một giai cấp này hay một giai cấp khác, những người đó trước sau cũng chỉ tạm thời đi theo giai cấp vô sản mà thôi.

Sự đánh giá ấy về nguyên tắc tổ chức của đảng đã chi phối đường lối tổ chức mà hội nghị đã thông qua. Nhiệm vụ trước mắt là: củng cố tổ chức bất hợp pháp của đảng, thành lập các chi bộ đảng ở trong tất cả mọi khu vực hoạt động, trước hết là thành lập "ở mỗi xí nghiệp công nghiệp các ủy ban công nhân thuần túy của đảng, dù chỉ có ít người thôi", tập trung các chức năng lãnh đạo vào tay những người lãnh đạo dân chủ - xã hội xuất thân từ giai cấp công nhân. Đương nhiên là nhiệm vụ của những chi bộ và uỷ ban đó là sử dụng tất cả các tổ chức nửa hợp pháp, và, tùy điều kiện cho phép, cả những tổ chức hợp pháp, giữ vững "mối liên hệ mật thiết với quần chúng", hướng công tác của mình sao cho Đảng dân chủ - xã hội đáp ứng được mọi yêu cầu của quần chúng. Mỗi chi bộ và mỗi uỷ ban công nhân của đảng phải là một "điểm tựa để tiến hành công tác tuyên truyền cổ động và tổ chức - thực hiện trong quần chúng", tức là nhất định phải đi đến nơi mà quần chúng đi, và trong mỗi bước đi, phải cố gắng làm cho ý thức của quần chúng hướng về chủ nghĩa xã hội, phải gắn chặt mỗi vấn đề riêng biệt với những nhiệm vụ chung của giai cấp vô sản, phải biến mỗi sáng kiến về tổ chức thành một hành động đoàn kết *giai cấp*, phải giành được vai trò lãnh đạo trong tất cả những tổ chức hợp pháp của giai cấp vô sản, giành bằng nghị lực của mình, ảnh hưởng tư tưởng của mình (chứ dĩ nhiên không phải bằng danh hiệu và cấp bậc của mình). Mặc dù đôi lúc những chi bộ và uỷ ban ấy có rất ít người, nhưng những tổ chức đó sẽ

ràng buộc với nhau bằng truyền thống của đảng và của tổ chức đảng, bằng một cương lĩnh giai cấp nhất định; và như vậy, hai hoặc ba đảng viên dân chủ - xã hội, sẽ không bị lu mờ đi trong một tổ chức hợp pháp không hình thù rõ rệt, mà sẽ biết thực hiện đường lối của *đảng* mình, biết lấy tinh thần của toàn đảng để tác động tới môi trường, chứ không để cho môi trường lôi cuốn mình, bất cứ trong điều kiện, hoàn cảnh và tình thế nào.

Dưới chế độ phản cách mạng, người ta có thể giải tán những tổ chức quần chúng này nọ, có thể truy nã những công đoàn hợp pháp, có thể dùng cảnh sát kiểm chuyện để phá hoại mọi sáng kiến công khai của công nhân, nhưng không một lực lượng nào trên thế giới có thể xoá bỏ được sự tập trung lớn lao của công nhân trong những nước tư bản chủ nghĩa (nước Nga đã trở thành một nước như vậy). Bằng cách này hay cách khác, hợp pháp hay nửa hợp pháp, công khai hay bí mật, giai cấp công nhân sẽ tìm được cho mình điểm này hay điểm khác để đoàn kết; ở đâu cũng vậy và bao giờ cũng vậy, những đảng viên dân chủ - xã hội thật sự trung thành với tinh thần của đảng đều đi trước quần chúng; ở đâu cũng vậy và bao giờ cũng vậy, họ đều tiến bước, hàng ngũ chặt chẽ, tác động tới quần chúng theo tinh thần của đảng. Và trong cuộc cách mạng công khai, Đảng dân chủ - xã hội đã chứng minh rằng mình là đảng của một giai cấp, nó đã biết lôi cuốn được hàng triệu người, dù là trong những cuộc bãi công, trong cuộc khởi nghĩa 1905, trong những cuộc bầu cử năm 1906 - 1907; ngày nay nó cũng vẫn là đảng của một giai cấp, đảng của quần chúng, vẫn là đội tiên phong không xa rời toàn bộ đạo quân trong những thời kỳ gay go nhất, nó sẽ giúp đạo quân đó vượt khỏi những khó khăn của thời kỳ nặng nề đó, xiết chặt hàng ngũ lại, rèn luyện những lớp chiến sĩ mới.

Dù cho bọn Trăm đen tới phản động có reo mừng và găm thét trong Đu-ma và ngoài Đu-ma, ở thủ đô và ở các tỉnh

hẻo lánh, dù cho bọn phản động có phát điên phát cuồng lên, thì ngài Xtô-lu-pin, mặc dù rất mực sáng suốt, cũng không thể làm một việc gì mà lại không xô đẩy chế độ chuyên chế lung lay đi tới sụp đổ, làm rối thêm cái mớ bòng bong những ảo tưởng và phi lý về chính trị, không làm tăng thêm những lực lượng mới và tươi trẻ trong hàng ngũ giai cấp vô sản, trong hàng ngũ những phân tử cách mạng của quần chúng nông dân. Một chính đảng mà biết củng cố lực lượng của mình để kiên trì công tác có liên hệ với quần chúng, một chính đảng của giai cấp tiên tiến mà biết tổ chức đội tiên phong của giai cấp đó, biết hướng lực lượng của mình để gây ảnh hưởng, theo tinh thần dân chủ - xã hội, đối với mọi biểu hiện trong đời sống của giai cấp vô sản, — chính đảng đó nhất định sẽ giành được thắng lợi.

*"Người dân chủ - xã hội",
số 2, ngày 28 tháng Giêng
(10 tháng Hai) 1909*

*Theo đúng bản đăng trên báo
"Người dân chủ - xã hội"*

VỀ BÀI BÁO "VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRƯỚC MẮT"¹⁴²

Bài báo tuyệt tác này, do chúng tôi đăng lại, là của báo "Ngọn cờ công nhân", số 7 — cơ quan ngôn luận của Khu trung tâm công nghiệp — và là bài trả lời bài báo của một tác giả thuộc phái triệu hồi đã đăng trong số 5 cũng của tờ báo đó. Bài báo của tác giả thuộc phái triệu hồi được đăng lên để tranh luận, có chú thêm lời ban biên tập báo "Ngọn cờ công nhân" không tán đồng ý kiến của tác giả. Đối với bài báo đăng trên số 7 này, thì ban biên tập không ghi chú gì thêm và, như vậy tức là bài báo này cũng nói lên ý kiến của bản thân ban biên tập.

Trên báo "Người vô sản", từ lâu chúng tôi đã kiên quyết lên án phái triệu hồi và vạch rõ rằng chủ nghĩa triệu hồi, vì từ chỗ là một tâm trạng đơn thuần đã biến thành một *trào lưu*, một hệ thống chính trị, nên nó đã xa rời con đường của chủ nghĩa Mác cách mạng, và về nguyên tắc, nó đã đoạn tuyệt với chủ nghĩa bôn-sê-vích. Nhưng sau khi tờ báo của những người bôn-sê-vích ở Mát-xcơ-va đăng bài báo này, thì chúng tôi phải thừa nhận rằng, từ trước đến nay, chúng tôi vẫn chưa nêu được vấn đề chủ nghĩa triệu hồi lên một cách gắt gao cho đúng mức, mà còn coi nhẹ mỗi nguy cơ là có những người muốn đem cái chủ nghĩa triệu hồi ấy hợp nhất với chủ nghĩa bôn-sê-vích; mỗi nguy cơ ấy đang đe dọa tính kiên định đối với những nguyên tắc của phái bôn-sê-vích chúng ta. Chúng ta nhận thấy rằng

đồng chí Mát-xcơ-vích, tác giả bài báo được đăng lại ở đây, đã nêu vấn đề một cách kiên quyết, cũng rõ ràng, cũng nguyên tắc như chúng tôi đã nêu trong các cuộc tranh luận riêng với phái triệu hồi. Vì hàng ngày gặp gỡ những đại biểu của chủ nghĩa triệu hồi, vì nhận thấy tại chỗ và trong thực tiễn sự cố động của phái triệu hồi có nguy cơ ngày càng xa rời con đường của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng, nên cơ quan ngôn luận ở Mát-xcơ-va của chúng ta buộc phải nêu vấn đề lên một cách dứt khoát và không khoan nhượng về nguyên tắc, và nó làm như vậy là hoàn toàn đúng. *Hoặc là* chủ nghĩa Mác cách mạng, tức là chủ nghĩa bôn-sê-vích ở Nga, *hoặc là* chủ nghĩa triệu hồi, tức là sự từ bỏ chủ nghĩa bôn-sê-vích, đó là cách đặt vấn đề của đồng chí ở Mát-xcơ-va. Như vậy là đồng chí đó đã đặt vấn đề hoàn toàn giống như chúng ta đã đặt vấn đề trong các cuộc tranh luận sơ bộ với các đồng chí thuộc phái triệu hồi trước khi họp hội nghị toàn đảng.

Chúng tôi biết rằng có những công nhân bôn-sê-vích hiện đang tán thành chủ nghĩa triệu hồi. Nhưng đối với họ, thì "chủ nghĩa triệu hồi" phần nhiều chỉ là một *tâm trạng* nhất thời nhanh chóng trôi qua do những sai lầm nghiêm trọng của đảng đoàn chúng ta tại Đu-ma gây ra mà thôi. Tất cả những điều mà tác giả bài báo và chúng ta đã nói trên đây, dĩ nhiên không có liên quan đến những công nhân đó. Nhưng vì chủ nghĩa triệu hồi đã được đưa lên thành một học thuyết, vì nó đã trở thành cả một hệ thống chính sách, — mà đó lại là việc làm của một nhóm nhỏ tự xưng là đại biểu cho tinh thần cách mạng "chân chính", — cho nên cần phải tiến hành một cuộc *đấu tranh tư tưởng* không điều hoà! Tác giả của bài báo được đăng lại ở đây hoàn toàn đúng khi nói rằng những lập luận của tác giả thuộc phái triệu hồi trên báo "Ngọn cờ công nhân", số 5 (chúng tôi đã đăng lại bài đó trên báo "Người vô sản", số 39), và nói chung chủ nghĩa triệu hồi, với tính cách là *một trào lưu*,

đều chỉ là *chủ nghĩa men-sê-vích thay hình đổi dạng*, đã từng đưa ra cái chủ trương "đại hội công nhân", v. v.. Và tác giả đó lại càng đúng hơn nữa khi nói rằng những lập luận *có tính nguyên tắc* mà một số người theo phái triệu hồi dùng để biện hộ cho khuynh hướng của họ — bất kể ý thức chính trị của riêng họ như thế nào — về khách quan có thể dẫn đến nguy cơ làm cho họ giống bọn công đoàn - vô chính phủ chủ nghĩa hay giống ngay bọn vô chính phủ.

Cách đặt vấn đề của các đồng chí ở Mát-xơ-va đã chứng minh rõ ràng rằng những người bên-sê-vích nào không muốn thừa nhận chủ nghĩa triệu hồi là một nguy cơ *về phương diện nguyên tắc*, chỉ coi chủ nghĩa triệu hồi là một "sự bất đồng ý kiến trong hoạt động thực tiễn", coi chủ nghĩa triệu hồi là "hạt nhân lành mạnh", chứ không thấy nó là mầm mống của một trào lưu tư tưởng thủ tiêu tả khuynh, thì những người bên-sê-vích đó — dù họ có ý định tốt đi nữa — thật là thiếu cận về chính trị biết bao. Bài báo của đồng chí ở Mát-xơ-va sẽ vạch cho họ thấy rõ rằng, về mặt tư tưởng, nếu họ che đậy cho phái triệu hồi hay thậm chí nếu họ giữ thái độ trung lập có thiện cảm với phái triệu hồi, thì như vậy là họ tiếp tay cho phái triệu hồi, *họ trở thành tù binh của phái đó* và làm hại cho chủ nghĩa bên-sê-vích.

Chủ nghĩa triệu hồi *không phải* là chủ nghĩa bên-sê-vích, mà là một biếm họa chính trị xấu xa nhất đối với chủ nghĩa bên-sê-vích, mà chỉ có những kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa bên-sê-vích mới có thể nghĩ ra sự biếm họa đó được thôi. Về điểm này, phải có sự *rõ ràng hoàn toàn*. Chúng tôi cho rằng cần phải làm cho tất cả những người bên-sê-vích, cho hết thảy mọi tiểu tổ, đều nhận rõ tác dụng thực sự của chủ nghĩa triệu hồi, hiểu thấu đáo nó và tự mình phải hỏi xem: có phải là núp dưới chiêu bài "cách mạng", và "tả khuynh", người ta đang muốn từ bỏ những truyền thống vẻ vang của chủ nghĩa bên-sê-vích cũ, như

chủ nghĩa đó đã hình thành trong thời kỳ tiền cách mạng và trong ngọn lửa cách mạng hay không?

Nhằm mục đích đó, chúng tôi đã mở cuộc tranh luận về những vấn đề này trên báo "Người vô sản". Chúng tôi đã đăng *tất cả* những bài được gửi đến cho chúng tôi và đăng lại *tất cả* những bài do những người bên-sê-vích ở Nga đã viết về vấn đề này. Cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa gạt bỏ không đăng *bất cứ một* bài tranh luận nào và, trong tương lai, cũng sẽ làm như vậy. Đáng tiếc là những đồng chí thuộc phái triệu hồi và những đồng chí tán thành quan điểm của họ, cho đến nay, mới gửi được rất ít bài cho báo chúng tôi, và nói chung, cũng chỉ thích bàn luận "riêng với nhau", chứ không muốn công khai và triệt để trình bày trên báo chí bản tuyên ngôn nguyên tắc của họ. Chúng tôi mời tất cả các đồng chí, những người theo phái triệu hồi cũng như những người bên-sê-vích chính thống, hãy trình bày quan điểm của mình trên báo "Người vô sản". Nếu cần, chúng tôi sẽ đem những tài liệu gửi đến in thành tập sách riêng. Điều cần thiết cho chúng ta, nhất là trong lúc khó khăn hiện nay, là sự trong sáng và lòng kiên định về mặt tư tưởng.

Xin các ngài xã hội chủ nghĩa - cách mạng cứ việc che giấu những sự bất đồng ý kiến của mình và tự chúc mừng mình đã có sự "nhất trí" trong lúc mà người ta nói rất đúng về họ rằng: trong hàng ngũ xã hội chủ nghĩa - cách mạng, cái gì cũng có cả, kể từ chủ nghĩa tự do của bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân cho đến chủ nghĩa tự do mang bom đạn.

Xin cứ để cho những người men-sê-vích sống hoà thuận về tư tưởng với bọn Tsê-rê-va-nin và bè lũ. Mặc cho họ cứ việc dùng thủ đoạn hai mặt đi (trước mặt những người Đức, thì tỏ ra đã đoạn tuyệt với bọn Tsê-rê-va-nin, nhưng trên báo chí Nga, thì lại vốn vã với bọn đó), cứ để cho họ thích nghi với bọn thủ tiêu, về mặt tư tưởng, những nguyên lý của chủ nghĩa Mác cách mạng, cứ để cho họ che giấu

những sự bất đồng ý kiến của họ một cách điều luyện, nghĩa là đơn giản bịt kín những sự bất đồng ý kiến (hãy xem báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 10 - 11) trong đó người ta đã "xoá" sự bất đồng của phái men-sê-vích với Plê-kha-nốp đơn giản bằng cách bịt kín lại¹⁴³.

Phái chúng ta không nên sợ cuộc đấu tranh tư tưởng trong nội bộ, một khi cuộc đấu tranh đó là cần thiết. Trong cuộc đấu tranh đó, phái chúng ta sẽ được củng cố hơn nữa. Chúng ta lại càng *buộc phải* làm sáng tỏ những sự bất đồng ý kiến của mình, vì trên thực tế, trào lưu chúng ta đang có khuynh hướng ngày càng đại diện cho toàn thể đảng ta. Chúng tôi kêu gọi tất cả các đồng chí bên-sê-vích hãy bảo vệ sự trong sáng *về tư tưởng* và quét sạch mọi chuyện đơm đặt lên lút, bất kể do đâu mà có. Hiện nay, hãy còn rất nhiều người muốn chúng ta lấy những cuộc cãi vã nhỏ nhặt theo tinh thần của phái men-sê-vích sau Đại hội II để thay thế cho cuộc đấu tranh tư tưởng trên những vấn đề quan trọng nhất và cơ bản nhất. Trong hàng ngũ bên-sê-vích, không thể có chỗ đứng cho bọn người đó được. Những công nhân bên-sê-vích phải kiên quyết chống lại những mưu toan đó và đòi hỏi một điều: *sự trong sáng về tư tưởng, những quan điểm dứt khoát, một đường lối có tính nguyên tắc*. Chỉ có một sự trong sáng hoàn toàn về tư tưởng mới cho phép những người bên-sê-vích có thể hành động, về mặt tổ chức, một cách nhất trí và đoàn kết như phái chúng ta từ trước đến nay vẫn luôn luôn hành động.

"Người vô sản", số 42, ngày
12 (25) tháng Hai 1909

Theo đúng bản đăng trên
báo "Người vô sản"

MỤC TIÊU ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG CUỘC CÁCH MẠNG Ở NƯỚC TA

Trong bài báo đăng trên đây, đồng chí Mác-tốp đề cập đến một vấn đề, hay nói đúng hơn, đến một loạt vấn đề đặc biệt quan trọng có liên quan đến mục tiêu đấu tranh của giai cấp vô sản và Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng của chúng ta. Đồng chí ấy đã đề cập đến lịch sử của các vấn đề đó ở trong đảng ta, đến mối quan hệ giữa những vấn đề đó với các nguyên lý của chủ nghĩa Mác và với chủ nghĩa dân túy, đến những quan điểm của tất cả mọi nhóm phái đã phát biểu về vấn đề này, tóm lại, là đã đề cập đến mọi mặt của vấn đề, nhưng chẳng nêu rõ được mặt nào cả. Muốn giải đáp vấn đề đó về thực chất, cần phải xem xét có hệ thống mọi mặt của vấn đề.

I

Chúng ta hãy bắt đầu từ lịch sử của cuộc thảo luận vấn đề đó trong Đảng dân chủ - xã hội Nga. Vấn đề đó được những người bên-sê-vích và những người men-sê-vích đặt ra từ đầu năm 1905. Những người bên-sê-vích đã giải quyết vấn đề đó bằng "công thức": chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân (xem báo "Tiến lên"¹⁴⁴, số 14, ngày 12 tháng Tư 1905)¹⁾. Những người men-sê-vích đã kiên quyết bác bỏ cách định nghĩa như vậy về nội dung

1) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 24 - 36.

giai cấp của cuộc cách mạng tư sản, trong trường hợp cách mạng đó thắng lợi. Đại hội III (của những người bên-sê-vích) họp hồi tháng Năm 1905 ở Luân-đôn và hội nghị đại biểu của những người men-sê-vích họp ở Giơ-ne-vơ cũng vào hồi đó, đều đã chính thức nói rõ quan điểm của hai phái ở trong đảng. Tuy nhiên, theo tinh thần của thời kỳ bấy giờ, trong các nghị quyết của hai phái ở trong đảng, đều không nêu lên vấn đề lý luận chung về mục tiêu đấu tranh và nội dung giai cấp của cuộc cách mạng, trong trường hợp cuộc cách mạng đó thắng lợi, mà là nêu lên vấn đề hẹp hơn, vấn đề chính phủ cách mạng lâm thời. Nghị quyết bên-sê-vích nêu rõ: "... Chỉ có thông qua cuộc khởi nghĩa nhân dân thắng lợi mà cơ quan của cuộc khởi nghĩa nhân dân đó sẽ là chính phủ cách mạng lâm thời, thì ở nước Nga mới có thể thiết lập được chế độ cộng hoà dân chủ; ... tùy theo sự so sánh lực lượng và những nhân tố khác chưa có thể dự tính chính xác trước được, mà đảng ta có thể cử các đại biểu tham gia chính phủ cách mạng lâm thời để đấu tranh thắng tay chống lại mọi mưu toan phản cách mạng và để bảo vệ những lợi ích độc lập của giai cấp công nhân". Còn nghị quyết men-sê-vích thì nói: "...Đảng dân chủ - xã hội không nên đề ra cho mình mục đích là nắm lấy chính quyền hoặc chia nhau nắm lấy chính quyền trong chính phủ lâm thời, mà vẫn phải là một chính đảng của phe đối lập cách mạng cực đoan".

Do đó, ta thấy rằng trong đại hội thuần túy bên-sê-vích, chính bản thân những người bên-sê-vích *không ghi* vào nghị quyết chính thức của mình một cái gì tương tự như "công thức": chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, mà *chỉ* nói là có thể tham gia chính phủ lâm thời và giai cấp vô sản có "sứ mệnh" "đóng vai trò lãnh đạo" (nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang). "Công thức": "chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân" đã được nêu trên báo chí bên-sê-vích trước Đại hội III, và còn

được nhắc lại trong cuốn "Hai sách lược"¹⁾ xuất bản sau đại hội đó. Chẳng có một ai lại có ý nghĩ buộc tội những người bên-sê-vích là đã có những lời bình luận không phù hợp với các nghị quyết của họ. Chẳng có một ai lại có ý nghĩ đòi các nghị quyết của một đảng có tính chất quần chúng đang tiến hành đấu tranh chính trị, phải phù hợp từng câu từng chữ với định nghĩa mác-xít về nội dung giai cấp của cuộc cách mạng, trong trường hợp cuộc cách mạng đó thắng lợi.

Từ những tài liệu lịch sử đó, còn có thể rút ra một kết luận quan trọng khác: mùa xuân 1905, cả hai phái ở trong đảng đều xoáy *trọng tâm* vấn đề tranh luận vào điểm giai cấp vô sản và toàn thể những giai cấp cách mạng *giành lấy chính quyền*, chứ hoàn toàn không nói tới vấn đề những quan hệ giữa những giai cấp giành chính quyền đó có thể hoặc phải như thế nào trong thời kỳ ấy. Như chúng ta đều thấy, phái men-sê-vích đã phản đối cả việc giành lấy chính quyền lẫn việc chia nhau nắm chính quyền. Còn những người bên-sê-vích thì nói đến "vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng" (nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang), đến việc Đảng dân chủ - xã hội "có thể" tham gia chính phủ lâm thời, đến việc "kiên trì bảo vệ tính độc lập của Đảng dân chủ - xã hội là đảng hướng tới cách mạng xã hội chủ nghĩa hoàn toàn" (nghị quyết về chính phủ cách mạng lâm thời), đến việc "ủng hộ" phong trào cách mạng của nông dân, đến việc "làm cho nội dung dân chủ - cách mạng của phong trào nông dân sạch hết mọi thứ pha tạp phản động", đến việc làm thế nào "phát huy tính tự giác cách mạng của nông dân và giúp họ nhận thức đầy đủ những yêu sách dân chủ của họ" (nghị quyết về thái độ đối với phong trào nông dân). Trong những nghị quyết của đại hội bên-sê-vích

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 1-168.

năm 1905, đều không có một "công thức" nào khác nữa về những quan hệ giữa giai cấp vô sản và nông dân.

Bây giờ hãy chuyển sang những dự thảo nghị quyết mà cả hai phái đã thảo ra một năm sau, nghĩa là trước khi Đại hội Xtốc-khôn họp. Trên báo chí nói chung và trong đảng ta nói riêng, những dự thảo nghị quyết ấy rất thường hay bị lãng quên hoặc bị coi thường, và đó là một điều đặc biệt đáng tiếc, vì những dự thảo nghị quyết đó có ý nghĩa rất to lớn trong lịch sử tư tưởng sách lược của Đảng dân chủ - xã hội. Chính những dự thảo nghị quyết ấy cho thấy rằng cả hai phái ở trong đảng đã rút ra những bài học gì từ kinh nghiệm của cuộc đấu tranh tháng Mười và tháng Chạp 1905.

Những người bên-sê-vích viết trong dự thảo nghị quyết về các nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản, như sau: "... chỉ có giai cấp vô sản mới có thể tiến hành đến cùng cuộc cách mạng dân chủ, vì nó là giai cấp duy nhất triệt để cách mạng trong xã hội hiện đại. Muốn vậy, nó phải dẫn dắt được quần chúng nông dân và làm cho cuộc đấu tranh của quần chúng nông dân chống chế độ chiếm hữu ruộng đất địa chủ và chống nhà nước nông nô, có được tính chất tự giác chính trị"¹⁴⁵ (đoạn này đã được nhắc lại trong dự thảo nghị quyết của Đại hội Luân-đôn, xem báo "Người vô sản", số 14, ngày 4 tháng Ba 1907).

Như thế là "công thức", mà những người bên-sê-vích tự chọn cho mình ở đây, là như sau: giai cấp vô sản *dẫn dắt* nông dân *đi theo mình*. Trong các nghị quyết bên-sê-vích, không có một công thức nào khác để nói lên tư tưởng chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân. Điều này nhấn mạnh bao nhiêu cũng chưa đủ, vì tất cả ý đồ của đồng chí Mác-tốp muốn xuyên tạc ý nghĩa của bản nghị quyết đã được thông qua trong Hội nghị họp hồi tháng Chạp 1908, là xuất phát từ sự lãng quên hoặc phớt đi không nói đến điều đó.

Trong dự thảo nghị quyết của mình (trích trong "Báo cáo" của Lê-nin, tr. 68 - 70 theo báo "Tin tức của Đảng"¹⁴⁶), những người men-sê-vích đã xác định rằng nhiệm vụ của giai cấp vô sản "là phải trở thành động lực của cuộc cách mạng tư sản" — xin chú ý: trở thành động lực, chứ không phải là "lãnh tụ", không phải là "người lãnh đạo" như đã nói trong nghị quyết bên-sê-vích — và vạch ra một trong những nhiệm vụ của giai cấp vô sản là "thông qua áp lực của quần chúng mà ủng hộ những hoạt động đối lập của phái dân chủ tư sản, nếu những hoạt động này không trái với những yêu sách trong cương lĩnh của chúng ta, và có thể góp phần vào việc thực hiện những yêu sách đó và trở thành điểm xuất phát để đưa cách mạng tiến lên một bước mới".

Vậy là bản thân hai phái bên-sê-vích và men-sê-vích đã đưa tất cả các ý kiến bất đồng đến một sự đối lập hai quan điểm: giai cấp vô sản phải là "lãnh tụ" và là "người lãnh đạo" cách mạng, là người "dẫn dắt" nông dân "đi theo mình", *hay là* giai cấp vô sản là "động lực của cách mạng", "ủng hộ" những hoạt động này nọ của phái dân chủ tư sản? Xin nói thêm rằng những người men-sê-vích, chiếm đa số trong Đại hội Xtốc-khôn, *đã tự mình rút bỏ* nghị quyết này, bất chấp những lời phản đối và sự kiên trì đòi hỏi của những người bên-sê-vích. Vì sao những người men-sê-vích lại làm như vậy? Đối với câu hỏi này, bạn đọc sẽ tìm thấy câu trả lời, nếu đọc đoạn dưới đây trong dự thảo nghị quyết men-sê-vích ấy: "giai cấp vô sản chỉ có thể hoàn thành tốt được nhiệm vụ làm động lực của cách mạng tư sản bằng cách tự tổ chức lại, bằng cách thông qua cuộc đấu tranh của mình mà lôi cuốn ngày càng nhiều tầng lớp mới trong giai cấp tư sản thành thị và nông dân tham gia đấu tranh cách mạng, bằng cách làm cho những yêu sách của họ trở nên có tính chất dân chủ, bằng cách thúc đẩy họ tổ chức nhau lại và do đó, tạo điều kiện cho cách mạng thắng lợi".

Rõ ràng đó là một sự nhượng bộ nửa vời đối với những

người bên-sê-vích, vì theo nghị quyết này, giai cấp vô sản không phải chỉ được miêu tả như là động lực, mà ít ra trên một mức độ nào đó, còn được miêu tả như là người lãnh đạo nữa, vì giai cấp vô sản còn "lôi cuốn" và "thúc đẩy" nông dân và ngày càng nhiều tầng lớp trong giai cấp tư sản thành thị.

Sau nữa, về vấn đề chính phủ lâm thời, dự thảo nghị quyết men-sê-vích có nói rằng: "Trong điều kiện có cao trào cách mạng chung ở trong cả nước, Đảng dân chủ - xã hội phải xúc tiến việc thành lập ở khắp nơi các Xô-viết đại biểu công nhân, khuyến khích cả những phần tử khác trong phái dân chủ cách mạng cũng thành lập những cơ quan giống như vậy, góp phần vào việc thống nhất tất cả các cơ quan đó thành những tổ chức chung, không đảng phái, những tổ chức đấu tranh cách mạng của nhân dân và để ra cho những tổ chức đó những nhiệm vụ toàn quốc của cách mạng, những nhiệm vụ này, theo quan điểm của giai cấp vô sản, cách mạng có thể và cần phải giải quyết vào lúc này" (như trên, tr. 91).

Bản dự thảo nghị quyết men-sê-vích, ngày nay bị lãng quên, đã chứng tỏ rằng, do ảnh hưởng của kinh nghiệm tháng Mười - tháng Chạp 1905, những người men-sê-vích đã hoàn toàn rối trí và đã nhường trận địa cho những người bên-sê-vích. Thực vậy, có sự dung hợp giữa đoạn đã trích dẫn đó và điểm dưới đây cũng trong bản dự thảo nghị quyết đó: "Đảng dân chủ - xã hội không nên đề ra cho mình nhiệm vụ phải giành chính quyền và chuyên chính trong cuộc cách mạng tư sản hiện nay" (tr. 92)? Luận điểm vừa mới nêu ra đây là luận điểm hết sức có tính nguyên tắc và hoàn toàn lặp lại (trừ đoạn nói về việc "chia nhau nắm chính quyền") nghị quyết năm 1905. Nhưng luận điểm đó hoàn toàn trái ngược với kinh nghiệm tháng Mười - tháng Chạp 1905, vì bản thân những người men-sê-vích đã quy kinh nghiệm đó thành việc thống nhất tất cả các cơ quan của giai cấp vô

sản và của "những phần tử khác trong phái dân chủ cách mạng" thành những "tổ chức chung, không đảng phái, những tổ chức đấu tranh cách mạng của nhân dân"! Vì, nếu các Xô-viết đại biểu công nhân mà "thống nhất" với những loại cơ quan tương tự của phái dân chủ cách mạng thành những tổ chức không đảng phái, những tổ chức đấu tranh cách mạng của nhân dân thì rõ ràng là giai cấp vô sản tự đặt ra cho mình nhiệm vụ phải "giành chính quyền và chuyên chính", phải tham gia giành chính quyền. Chính bản thân nghị quyết cũng nói rằng "nhiệm vụ quan trọng nhất" của cách mạng là "đoạt lấy chính quyền nhà nước từ trong tay chính phủ phản động". Những người men-sê-vích, một mặt, thì sợ câu nói, tránh không dám nói câu "giành chính quyền và chuyên chính", hết sức kiên quyết phủ nhận những điều ghê sợ đó, nhưng mặt khác, họ lại buộc phải thừa nhận, sau năm 1905, rằng việc "thống nhất" các Xô-viết đại biểu công nhân với những cơ quan khác "tương tự" của phái dân chủ cách mạng, nhất định sẽ xảy ra trong tiến trình các sự biến và từ sự thống nhất đó sẽ đem lại cho ta các "tổ chức chung, không đảng phái" (nói như thế không chính xác, cần phải nói: không đảng phái hoặc của nhiều đảng phái), "những tổ chức đấu tranh cách mạng của nhân dân". Mà cái tổ chức chung ấy, chính là chính phủ cách mạng lâm thời đấy! Những người men-sê-vích, vốn sợ không dám nói rõ và nói thẳng ra, nên thay thế câu nói bằng sự miêu tả. Nhưng sự tình không vì thế mà thay đổi. "Một cơ quan đấu tranh cách mạng của nhân dân", "đoạt lấy chính quyền" trong tay chính phủ cũ, — những điều đó chính là chính phủ cách mạng lâm thời.

Trong khi những người men-sê-vích phải tính đến kinh nghiệm tháng Mười - tháng Chạp 1905 tuy có bị rối trí và lầm lẫn, thì những người bên-sê-vích lại đã trực tiếp và rõ ràng rút ra những kết luận của mình. Dự thảo nghị quyết bên-sê-vích về chính phủ lâm thời viết: ... "trong cuộc đấu

tranh công khai đó" (tức là cuộc đấu tranh cuối năm 1905) "những phần tử nào, trong nhân dân ở địa phương, có khả năng kiên quyết chống chính quyền cũ (nghĩa là hầu như chỉ có giai cấp vô sản và tầng lớp tiên phong trong giai cấp tiểu tư sản), thì đều đi đến chỗ cho rằng cần phải thành lập những loại tổ chức, mà trên thực tế, sẽ là mầm mống của chính quyền cách mạng mới: những Xô-viết đại biểu công nhân ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va và những thành phố khác, những Xô-viết đại biểu binh sĩ ở Vla-đi-vô-xtốc, Cra-xnôi-ác-xcơ, v. v., những uỷ ban công nhân đường sắt ở Xi-bi-ri và ở miền Nam, những uỷ ban nông dân của tỉnh Xa-ra-tốp, những uỷ ban cách mạng thành phố ở Nô-vô-rôt-xi-xcơ và các thành phố khác và, cuối cùng, là những cơ quan nông thôn được bầu ra ở Cáp-ca-dơ và vùng Pri-ban-tích" (tr 92). Dự thảo nghị quyết còn nói tiếp là những cơ quan ấy, vì phân tán và còn mang tính chất phôi thai, nên bị thất bại, và chính phủ cách mạng lâm thời được xác định như là "cơ quan của cuộc khởi nghĩa thắng lợi". Nghị quyết viết tiếp: "Để tiến hành cách mạng đến cùng, trước mắt giai cấp vô sản phải giải quyết một nhiệm vụ bức thiết, tức là cùng với phái dân chủ cách mạng góp phần vào việc thống nhất cuộc khởi nghĩa và thành lập một trung tâm để thống nhất cuộc khởi nghĩa đó và trung tâm đó sẽ là chính phủ cách mạng lâm thời". Phần sau của nghị quyết thì hầu như nhắc lại từng câu từng chữ nghị quyết của Đại hội III năm 1905.

Những đoạn trên đây trích dẫn từ những dự thảo nghị quyết của cả hai phái trong đảng trước khi Đại hội Xtốc-khôn họp, cho phép ta có thể đặt vấn đề chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân trên một cơ sở lịch sử cụ thể. Bất cứ ai muốn trả lời rõ ràng và rành mạch cho vấn đề đó, đều cần phải tính đến kinh nghiệm cuối năm 1905. Tránh không muốn nghiên cứu kinh nghiệm đó, có nghĩa là không những coi thường tài liệu quý giá

nhất đối với một người mác-xít Nga, mà hơn nữa còn có nghĩa là tự buộc mình nhất định phải giải thích các công thức "một cách lý sự vụn", "che đậy" và "dán kín" (theo cách nói rất đạt của đồng chí Mác-tốp) thực chất của những sự bất đồng ý kiến có tính chất nguyên tắc, buộc mình nhất định phải có thái độ khập khiễng một cách vô nguyên tắc trong các vấn đề lý luận và thực tiễn do "chuyên chính" đặt ra, thái độ đó được biểu thị một cách rõ hơn hết trong công thức: phong trào là tất cả, mục đích cuối cùng chẳng là gì cả.

Kinh nghiệm cuối năm 1905 đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng "cao trào cách mạng chung trong cả nước" tạo nên những "tổ chức đấu tranh cách mạng của nhân dân" (đó là theo cách nói của phái men-sê-vích, còn cách nói của phái bôn-sê-vích là: những "cơ quan phôi thai của chính quyền cách mạng mới"). Một điều nữa cũng không thể chối cãi được là, trong lịch sử cách mạng tư sản Nga, những cơ quan đó đã được thành lập ra, thứ nhất, là do giai cấp vô sản; thứ hai, là do "những phần tử khác trong phái dân chủ cách mạng", và lại chỉ cần tìm hiểu một chút thành phần dân cư ở nước Nga nói chung và của nước Đại Nga nói riêng cũng sẽ thấy được rằng nông dân chiếm tuyệt đại đa số trong số những phần tử khác đó. Cuối cùng, còn một điều nữa cũng không thể chối cãi được là, vẫn có một khuynh hướng lịch sử tiến tới thống nhất những cơ quan hay tổ chức địa phương đó lại. Và từ những sự kiện không thể chối cãi được đó, nhất định sẽ rút ra được một kết luận là: cuộc cách mạng thắng lợi ở nước Nga hiện tại chỉ có thể dẫn đến chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, *chứ không thể là cái gì khác được*. Muốn tránh không đi tới cái kết luận tất yếu đó thì không còn cách nào khác, ngoài cách "lý sự vụn" và "dán kín" những sự bất đồng ý kiến! Nếu không chỉ nắm lấy một số mặt của vấn đề, nếu không tách rời một cách giả tạo và tùy tiện thành thị với nông thôn, một địa

phương này với một địa phương khác, nếu không đem thay thế vấn đề chuyên chính *giai cấp* bằng vấn đề thành phần của một *chính phủ* nào đó, tóm lại, nếu thực sự xét vấn đề *một cách toàn cục*, thì không ai có thể dựa vào những ví dụ cụ thể rút từ kinh nghiệm năm 1905 để chứng minh rằng cuộc cách mạng thắng lợi lại không phải là chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân.

Nhưng, trước hết, chúng ta hãy kết thúc vấn đề lịch sử trong nội bộ đảng về cái "công thức" đang được xét trên đây, rồi sau ta sẽ bàn tiếp. Chúng ta đã thấy cách trình bày chính xác như thế nào về quan điểm của cả hai phái trong những năm 1905 và 1906. Đến năm 1907, ngay trước ngày Đại hội Luân-đôn họp, những người men-sê-vích thoát đầu đưa ra một dự thảo nghị quyết về thái độ đối với các đảng tư sản (báo "Đu-ma nhân dân"¹⁴⁷, 1907, số 12, ngày 24/III 1907). Sau đó, ngay trong đại hội, họ lại đưa ra một dự thảo nghị quyết khác. Dự thảo nghị quyết đầu nói đến việc "phối hợp" hành động giữa giai cấp vô sản với các giai cấp khác. Trong dự thảo nghị quyết thứ hai có nói đến việc "lợi dụng" phong trào của các giai cấp khác "để đạt tới mục đích" của giai cấp vô sản và nói đến việc giai cấp vô sản "ủng hộ" "những hoạt động có tính chất đối lập và cách mạng" của các giai cấp khác, nói đến những "thỏa thuận" "trong những trường hợp cá biệt nhất định" giữa Đảng dân chủ - xã hội với những giai cấp theo xu hướng tự do và dân chủ.

Trong dự thảo nghị quyết bôn-sê-vích, cũng như trong nghị quyết được thông qua tại Đại hội Luân-đôn, có nói rằng Đảng dân chủ - xã hội "phải buộc họ (tức là các đảng của phái dân túy hay phái lao động, "ít nhiều đại biểu cho lợi ích và quan điểm của đông đảo quần chúng tiểu tư sản thành thị và nông thôn") đứng về phía Đảng dân chủ - xã hội chống lại bọn Trăm đen và Đảng dân chủ - lập hiến" và "do đó mà phải có hành động chung" nhằm

"mục đích duy nhất là hoàn toàn phục vụ cho cuộc tiến công chung". Khác với dự thảo nghị quyết bôn-sê-vích, trong nghị quyết của đại hội, theo đề nghị của một đại biểu Ba-lan, còn thêm câu sau đây: "trong cuộc đấu tranh để tiến hành cách mạng đến cùng"¹⁴⁸. Như thế là ở đây ta lại thấy có sự khẳng định rõ rệt nhất tư tưởng chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, vì nên chuyên chính đó chính là "hành động chung" của các giai cấp đó "*đã tiến hành* hoặc đang tiến hành cách mạng đến cùng"!

II

Chỉ cần nhìn chung lại lịch sử những kiến giải trong đảng về vấn đề chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân thì cũng đủ thấy rõ rằng việc đồng chí Mác-tốp nói lái nhái về cái thói lý sự vụn và về phong trào không có mục đích, đã bất lợi cho bản thân đồng chí ấy đến mức nào. Thực ra, kết luận đầu tiên rút từ lịch sử đó là: trong các dự thảo nghị quyết của mình cũng như trong các nghị quyết của mình, bản thân những người bôn-sê-vích không *một lần nào* nêu ra thuật ngữ hay "công thức": chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân. Nhưng, cho đến nay, *không có một ai* lại có ý nghĩ phủ nhận một điều là *tất cả* những dự thảo nghị quyết và *tất cả* những nghị quyết bôn-sê-vích trong những năm 1905 - 1907 đều *hoàn toàn* xây dựng trên tư tưởng chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân. Phủ nhận điều đó thì rất đáng tức cười. Phủ nhận điều đó cũng chính là lý sự vụn và che giấu *thực chất* của vấn đề bằng cách bẻ hoại câu chữ. Trong cuốn "Hai sách lược" (tập "Trong 12 năm", tr. 445)¹⁾, Lê-nin đã nói: giai cấp vô sản "*kéo theo mình*" quần chúng nông dân; dự thảo nghị quyết

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 114.

bôn-sê-vích năm 1906 nói: giai cấp vô sản "*dẫn dắt theo mình*" quần chúng nông dân; nghị quyết Đại hội Luân-đôn nói đến những "hành động chung" của giai cấp vô sản và nông dân "trong cuộc đấu tranh để tiến hành cách mạng dân chủ đến cùng". Phải chăng còn chưa thấy rõ ràng rằng tất cả những cách diễn đạt đó đều chỉ nói lên một tư tưởng duy nhất mà thôi? rằng tư tưởng đó chính là tư tưởng chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân? rằng cái "công thức" giai cấp vô sản *dựa vào* nông dân, cũng *chỉ hoàn toàn nằm trong phạm vi* của chính nền chuyên chính đó của giai cấp vô sản và nông dân?

Đồng chí Mác-tốp đã cố hết sức gạt bỏ nông dân. Bắt đầu tranh luận về chữ "*và*", đồng chí Mác-tốp kêu lên rằng: không có chữ "*và*", công thức có chữ "*và*" đã bị bác bỏ rồi, các người không nên thêm chữ "*và*" đó vào các bài báo không ký tên tác giả đăng trên Cơ quan ngôn luận trung ương! Muộn quá, muộn quá rồi, đồng chí Mác-tốp thân mến ạ. Lẽ ra đồng chí phải gửi yêu sách đó cho *tất cả* các cơ quan ngôn luận bôn-sê-vích trong *suốt cả* thời kỳ cách mạng, vì tất cả các cơ quan ngôn luận đó bao giờ cũng nói đến chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, căn cứ theo những nghị quyết trong đó không có lấy một chữ "*và*" nào cả. Đồng chí Mác-tốp đã bị thất bại trong cái chiến dịch có tính chất nguyên tắc mà đồng chí đó đã đề xướng ra xung quanh chữ "*và*", chẳng những vì đồng chí đó lao vào muộn quá mà còn vì Hoàng thượng lô-gích đó bao giờ cũng dẫn tới chữ "*và*" không may mắn đó: *và* "kéo theo mình", *và* "dẫn dắt theo", *và* "hành động chung", *và* "dựa vào", *và* "nhờ sự giúp sức của" (thuật ngữ cuối cùng này là ở trong nghị quyết của Đại hội VI của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan¹⁴⁹).

Đồng chí Mác-tốp tiếp tục cuộc tranh luận có tính chất nguyên tắc của mình và nói: song những người bôn-sê-vích cũng phản đối công thức "dựa vào". Đúng, họ có phản đối,

nhưng không phải vì ở đây người ta phủ nhận chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, mà vì về mặt tiếng Nga thì "công thức" đó dùng không được đạt lắm. Thông thường thì kẻ yếu dựa vào người mạnh. Đối với những người bôn-sê-vích, việc nhắc lại từng câu từng chữ công thức "giai cấp vô sản *nhờ sự giúp sức* của nông dân", công thức do đại hội Ba-lan đề ra, là hoàn toàn có thể chấp nhận được, mặc dù nếu nói "giai cấp vô sản dẫn dắt nông dân đi theo mình" thì có lẽ còn tốt hơn. Có thể tranh luận về tất cả những công thức đó, nhưng nếu đem cuộc tranh luận đó biến thành cuộc "tranh luận có tính chất nguyên tắc" thì quả thật là buồn cười. Phủ nhận rằng công thức "dựa vào" không nằm trong khái niệm hành động *chung*, như đồng chí Mác-tốp đã thử làm, như vậy là đưa ra một mẫu mực về lối lý sự vụn vụn. Nói rằng "giai cấp vô sản dựa vào nông dân" mà giành lấy chính quyền, tức là "*một mình* giai cấp vô sản" giành lấy chính quyền, như các đồng chí Đan, Ác-xen-rốt và Xê-mê-nốp đã nói, trong những đoạn do đồng chí Mác-tốp trích dẫn, — thì có nghĩa là làm trò cười cho bạn đọc. Nếu chúng ta nói rằng: Mác-tốp và Pô-tơ-rê-xốp đã *dựa vào* Tsê-rê-va-nin, Prô-cô-pô-vích và bè lũ để trừ bỏ cái tư tưởng về độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng, thì liệu có ai tin rằng *chỉ riêng* có Mác-tốp và Pô-tơ-rê-xốp trừ bỏ tư tưởng đó *mà không* dựa vào Tsê-rê-va-nin, Prô-cô-pô-vích và đồng bọn không?

Không, các đồng chí ạ, không nên coi cuộc tranh luận trên Cơ quan ngôn luận trung ương của chúng ta là một cuộc lý sự vụn. Không thể dùng những thủ đoạn như thế để lẩn tránh việc thừa nhận sự thực chủ yếu và không còn nghi ngờ gì nữa là đa số trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong số đó có cả các đồng chí Ba-lan và phái bôn-sê-vích, đều kiên quyết thừa nhận: 1) vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản, vai trò lãnh tụ của cuộc cách mạng, 2) mục đích của cuộc đấu tranh là giai cấp vô sản giành

lấy chính quyền nhờ sự giúp sức của các giai cấp cách mạng khác, 3) trong số những "người giúp sức" đó, thì nông dân chiếm hàng đầu, và thậm chí chiếm địa vị độc nhất nữa. Nếu muốn tranh luận về thực chất của vấn đề, thì hãy cứ thử bác bỏ dù chỉ một trong ba luận điểm đó đi. Vậy mà đồng chí Mác-tốp đã không phân tích được một luận điểm nào trong ba luận điểm đó cả. Đồng chí Mác-tốp đã quên không nói với bạn đọc rằng về *mỗi luận điểm* trong ba luận điểm đó thì những người men-sê-vích đều theo quan điểm đã bị đảng *bác bỏ*, rằng *những quan điểm sai lầm đã bị đảng bác bỏ* chính là chủ nghĩa men-sê-vích và chỉ là chủ nghĩa men-sê-vích thôi! Chính sách của những người men-sê-vích trong cách mạng chính là một phong trào không có mục đích và vì vậy, phong trào đó *phụ thuộc* vào những sự dao động của Đảng dân chủ - lập hiến. Sở dĩ như vậy, đúng là vì những người men-sê-vích đã không biết rằng liệu giai cấp vô sản có cần nắm lấy vai trò lãnh đạo không, liệu giai cấp vô sản có cần hướng tới việc giành lấy chính quyền không, liệu giai cấp vô sản, để đạt được mục tiêu đó, có cần một giai cấp nhất định giúp sức không. Không hiểu điều đó, thì chính sách của những người dân chủ - xã hội nhất định không tránh khỏi phiêu lưu, sai lầm, vô nguyên tắc và phụ thuộc vào phái tự do.

Hội nghị đã không chôn vùi "chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân", đã không gạt bỏ điều đó trong mọi hoạt động hàng ngày của đảng, mà trái lại, *đã khẳng định* chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân, và đã *tiến thêm một bước nữa* tới việc hoàn toàn thừa nhận điều đó. Đại hội Luân-đôn đã thừa nhận: 1) vai trò của giai cấp vô sản là "lãnh tụ trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản" và 2) những "hành động chung" của giai cấp vô sản và nông dân nhằm "mục đích duy nhất là hoàn toàn phục vụ cho cuộc tiến công chung", mà cũng là để "tiến hành cách mạng đến cùng". Chỉ còn một điều là thừa nhận mục đích đấu

tranh của cuộc cách mạng đó là giai cấp vô sản và nông dân phải giành lấy chính quyền. Điều này đã được hội nghị xác định trong công thức: "giai cấp vô sản, dựa vào nông dân, giành lấy chính quyền".

Nói như vậy, chúng tôi tuyệt nhiên không có ý phủ nhận và che giấu những sự bất đồng ý kiến giữa những người bôn-sê-vích và những đồng chí Ba-lan. Những người dân chủ - xã hội Ba-lan lúc nào cũng có thể trình bày những sự bất đồng ý kiến đó cả trên những sách báo của mình xuất bản bằng tiếng Nga, cả trên các trang báo bôn-sê-vích lẫn trên Cơ quan ngôn luận trung ương của chúng ta. Và họ đã bắt đầu làm điều đó. Nếu đồng chí Mác-tốp đạt được mục đích mà đồng chí đó đang theo đuổi, tức là lôi cuốn những người dân chủ - xã hội Ba-lan vào cuộc tranh luận của chúng ta, thì tất cả mọi người sẽ thấy chúng tôi đoàn kết với những người dân chủ - xã hội Ba-lan để chống lại những người men-sê-vích trên tất cả những điểm cơ bản, và chúng tôi chỉ khác ý kiến nhau trên những điểm cục bộ mà thôi.

III

Còn về Tơ-rốt-xki, người bị đồng chí Mác-tốp buộc phải tham gia cuộc tranh luận của những người thứ ba, cuộc tranh luận mà đồng chí đó đã tổ chức ra, tức là cuộc tranh luận của tất cả mọi người khác, trừ đương sự ra, thì ở đây chúng tôi không thể tiến hành phân tích một cách toàn diện những quan điểm của Tơ-rốt-xki được. Việc đó đòi hỏi phải viết một bài báo đặc biệt dài. Đồng chí Mác-tốp gọi ra những quan điểm sai lầm của Tơ-rốt-xki bằng cách trích dẫn một số đoạn về những quan điểm đó, cho nên đã làm cho bạn đọc nảy ra rất nhiều điều hiểu lầm, vì những đoạn trích dẫn không làm sáng tỏ được vấn đề, mà chỉ làm cho vấn đề rắc rối thêm. Sai lầm căn bản của Tơ-rốt-xki là đã không nhìn nhận tính chất tư sản của cuộc cách mạng, và không có một

quan điểm rõ rệt về bước chuyển từ cuộc cách mạng đó lên cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Từ sai lầm căn bản đó, nảy ra những sai lầm cục bộ mà đồng chí Mác-tốp *tái phạm*, khi trích dẫn các đoạn, với thái độ đầy cảm tình và ủng hộ. Để cho vấn đề khỏi ở trong tình trạng lộn xộn như đồng chí Mác-tốp đã trình bày, thì ít ra, chúng tôi cũng phải vạch rõ những chỗ sai lầm trong các nghị luận của Tơ-rốt-xki, mà đồng chí Mác-tốp tán thành. Sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân "đòi hỏi một điều kiện là: hoặc một trong những chính đảng tư sản hiện đang tồn tại phải nắm được nông dân, hoặc nông dân lập được một chính đảng độc lập hùng mạnh". Rõ ràng là đứng trên quan điểm lý luận chung cũng như đứng trên quan điểm kinh nghiệm cách mạng Nga mà xét, thì điều đó cũng là sai lầm. Sự "liên minh" của các giai cấp *hoàn toàn không* đòi hỏi điều kiện là phải có một chính đảng hùng mạnh nào đó, cũng như phải có một loại đảng nào nói chung. Nếu không, thì sẽ lẫn lộn vấn đề giai cấp với vấn đề đảng. Sự "liên minh" của hai giai cấp nói trên *hoàn toàn không* đòi hỏi là phải có một trong những chính đảng tư sản hiện đang tồn tại phải nắm được nông dân, *cũng không* có nghĩa là nông dân phải lập nên một chính đảng độc lập hùng mạnh! Về mặt lý luận, thì điều đó hết sức rõ ràng vì, một là, nông dân rất khó tổ chức thành một đảng, hai là, việc thành lập các chính đảng nông dân trong cuộc cách mạng tư sản là một quá trình đặc biệt khó khăn và chậm chạp, cho nên một chính đảng "độc lập hùng mạnh" chỉ có thể xuất hiện được, chẳng hạn, trong thời kỳ kết thúc cuộc cách mạng. Qua kinh nghiệm của cách mạng Nga, cũng thấy được rõ ràng sự "liên minh" giữa giai cấp vô sản và nông dân đã được thực hiện *hàng chục và hàng trăm lần* dưới các hình thức hết sức khác nhau mà chẳng cần có "một chính đảng độc lập hùng mạnh nào" của nông dân cả. Sự liên minh đó được thực hiện, chẳng hạn, khi có "hành động chung" của một Xô-viết đại biểu công nhân

và một Xô-viết đại biểu binh sĩ, của một uỷ ban bãi công của công nhân đường sắt, hoặc của đại biểu nông dân, v. v.. Tất cả các tổ chức đó căn bản đều là *không đảng*. Tuy vậy, mỗi lần có hành động chung của các tổ chức đó, thì chắc chắn là có "sự liên minh" của *các giai cấp*. Đồng thời với các tổ chức đó, một chính đảng của nông dân cũng đang hình thành, phát sinh và xuất hiện dưới hình thức "Hội liên hiệp nông dân"¹⁵⁰ năm 1905 hay "Nhóm lao động" năm 1906 — và *tùy theo mức độ* trưởng thành, phát triển và tự quyết của đảng đó mà sự liên minh *của các giai cấp* có những hình thức khác nhau, từ những sự thoả thuận chính trị không rõ ràng và không xác định, cho đến những sự thoả thuận rõ ràng và xác định. Ví dụ, sau khi giải tán Đu-ma I, người ta phát ra *ba* lời kêu gọi khởi nghĩa như sau: 1) "Gửi lực quân và hải quân"; 2) "Gửi toàn thể nông dân Nga"; 3) "Gửi toàn dân". Ký tên dưới lời kêu gọi đầu tiên là đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma và ban chấp hành "Nhóm lao động". "Hành động chung" này có thể hiện *sự liên minh của hai giai cấp* không? Dĩ nhiên là có. Phủ nhận điều đó, chính là lý sự vụn vặt, hay là biến cái khái niệm khoa học rộng rãi "liên minh giai cấp" thành một khái niệm pháp lý chật hẹp và, tôi có thể nói, là một khái niệm hầu như có tính chất công chứng. Thứ nữa, liệu có thể phủ nhận được sự thật sau đây không: kèm theo *lời kêu gọi* chung đó về khởi nghĩa, do những đại biểu của giai cấp công nhân và nông dân tại Đu-ma cùng đứng tên đưa ra, là những *hành động* chung của những đại diện hai giai cấp đó trong những cuộc khởi nghĩa từng phần ở địa phương. Liệu có thể phủ nhận được sự thật sau đây không: lời kêu gọi chung về tổng khởi nghĩa và sự tham gia chung trong các cuộc khởi nghĩa từng phần ở địa phương buộc ta phải rút ra kết luận là phải cùng nhau thành lập một chính phủ cách mạng lâm thời. Phủ nhận những sự thật đó tức là lý sự vụn vặt, coi cái khái

niệm "chính phủ" hoàn toàn chỉ là một hiện tượng đã hoàn bị, đã xác định, mà quên rằng cái hoàn bị và cái xác định cũng bắt nguồn từ cái chưa hoàn bị và chưa xác định.

Sau nữa, ký tên dưới lời kêu gọi thứ hai về khởi nghĩa, là *Ban chấp hành trung ương* (men-sê-vích!) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, Công đoàn đường sắt toàn Nga¹⁵¹ và Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga¹⁵², trừ ban chấp hành Nhóm lao động và đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma thì không ký tên. Còn ký tên vào lời kêu gọi thứ ba về khởi nghĩa thì có Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, phái Bun¹⁵³ và tất cả những đảng phái kể trên, trừ ba hội liên hiệp là không ký tên.

Đó là một sự liên minh chính trị rõ rệt của các chính đảng và của các tổ chức không đảng phái! Đó là "chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân", *được công bố để đe dọa chế độ Nga hoàng, để kêu gọi toàn dân, nhưng vẫn chưa được thực hiện!* Hiện nay vị tất đã có nhiều đảng viên dân chủ - xã hội lại đồng ý với tờ báo men-sê-vích "*Người dân chủ - xã hội*"¹⁵⁴, số 6, năm 1906, trong đó có nói về những lời kêu gọi kể trên như sau: "Trong trường hợp nêu trên đây, đảng ta đã thực hiện không phải một sự liên minh chính trị, mà là một sự liên hiệp chiến đấu với các đảng và các nhóm cách mạng khác, sự liên hiệp đó lúc nào chúng ta cũng cho là có lợi và cần thiết" (xem báo "*Người vô sản*", số 1, ngày 21 tháng Tám 1906 và số 8, ngày 23 tháng Mười một 1906¹). Khái niệm sự liên hiệp chiến đấu không thể đối lập với khái niệm liên minh chính trị được vì nó cũng nằm trong khái niệm liên minh chính trị. Tùy theo những thời kỳ lịch sử khác nhau, liên minh chính trị được thực hiện khi thì bằng "liên hiệp chiến đấu" nhằm tiến hành

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 437 - 457 và t. 14, tr. 143 - 161.

một cuộc khởi nghĩa, khi thì bằng một sự liên hiệp trong nghị viện nhằm "đấu tranh chung chống lại bọn Trăm đen và Đảng dân chủ - lập hiến" và v. v.. Trong suốt cả quá trình cách mạng, tư tưởng chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân đã được biểu hiện trong thực tiễn bằng hàng nghìn hình thức, từ việc ký tên vào bản tuyên ngôn kêu gọi nhân dân không đóng thuế và đòi lại những khoản tiền đã gửi (tháng Chạp 1905) hay ký tên vào lời kêu gọi khởi nghĩa (tháng Bảy 1906), cho đến những cuộc biểu quyết trong Đu-ma II và Đu-ma III vào những năm 1907 và 1908.

Lời tuyên bố thứ hai của Tơ-rốt-xki, mà đồng chí Mác-tốp đã trích dẫn, cũng không đúng. Không đúng ở chỗ cho rằng "tất cả vấn đề là ở chỗ xem ai sẽ quyết định nội dung chính sách của chính phủ và ai sẽ đoàn kết được một đa số thuận nhất", và v. v.. Luận điểm đó lại đặc biệt không đúng khi đồng chí Mác-tốp đem nó ra làm lý lẽ chống lại chuyên chính của giai cấp vô sản và nông dân. Trong đoạn nghị luận đó, bản thân Tơ-rốt-xki cũng thừa nhận rằng "các đại biểu của dân cư dân chủ có thể tham gia" "chính phủ công nhân", tức là thừa nhận rằng chính phủ có thể gồm các đại biểu của giai cấp vô sản và của nông dân. Trong những điều kiện nào, giai cấp vô sản có thể tham gia chính phủ cách mạng? Đó là một vấn đề riêng, và về vấn đề đó, thì rất có thể những người bên-sê-vích không đồng ý chẳng những với Tơ-rốt-xki mà với cả những người dân chủ - xã hội Ba-lan nữa. Nhưng tuyệt nhiên, không thể đem vấn đề chuyên chính của những giai cấp cách mạng quy thành vấn đề "đa số" trong một chính phủ cách mạng này nọ, thành vấn đề những điều kiện cho phép Đảng dân chủ - xã hội tham gia một chính phủ này hay một chính phủ khác.

Cuối cùng, luận điểm thứ ba trong số những luận điểm mà đồng chí Mác-tốp đã trích dẫn của Tơ-rốt-xki, là luận điểm sai lầm nhất, nhưng đồng chí Mác-tốp lại cho là "đúng đắn": "dù cho thậm chí họ (nông dân) làm việc đó ("ủng hộ

chế độ dân chủ của công nhân") không phải với ý thức tự giác cao hơn là khi họ thường ủng hộ chế độ tư sản". Giai cấp vô sản không thể trông mong vào sự thiếu ý thức tự giác và những định kiến của nông dân như bọn thống trị của chế độ tư sản vẫn trông mong vào và dựa vào đó, giai cấp vô sản cũng không thể dự định duy trì, trong thời kỳ cách mạng, tình trạng thiếu ý thức và tính tiêu cực thông thường của nông dân. Những sự kiện trong lịch sử cách mạng Nga chứng tỏ rằng ngay làn sóng đầu tiên của cao trào, hồi cuối năm 1905, cũng đã lập tức thúc đẩy nông dân thành lập một loại tổ chức chính trị (Hội liên hiệp nông dân toàn Nga) mà, không còn nghi ngờ gì nữa, đã trở thành mầm mống của một đảng riêng của nông dân. Trong Đu-ma I và Đu-ma II, mặc dù bọn phản cách mạng đã tàn sát lớp nông dân tiên phong đầu tiên, nhưng nông dân — lần đầu tiên, trong phạm vi toàn quốc, trong cuộc tổng tuyển cử — vẫn đặt ngay được nền móng cho "Nhóm lao động"; không nghi ngờ gì nữa, nhóm đó là cái mầm phôi thai của một đảng riêng của nông dân. Nhất định trong những mầm mống và hình thức phôi thai ấy, còn có nhiều cái chưa được vững chắc, lờ mờ, bấp bênh. Nhưng nếu thời kỳ đầu của cách mạng đã làm cho những nhóm chính trị như thế được thành lập thì, không còn chút nghi ngờ gì nữa, cuộc cách mạng đạt đến "kết cục" như vậy, hay nói cho đúng hơn, đến mức phát triển cao độ như chuyên chính cách mạng, nhất định sẽ tạo ra được một đảng nông dân - cách mạng có hình thù hơn và mạnh mẽ hơn. Nghị luận khác đi, thì có nghĩa là cho rằng trong thân thể của một người lớn một số khí quan trọng yếu vẫn có thể giữ nguyên trạng thái thiếu niên về mặt thể xác, hình hài và mức độ phát triển.

Dẫu sao đi nữa, kết luận của đồng chí Mác-tốp cho rằng hội nghị đại biểu đã tán thành chính cái ý kiến của Tơ-rốt-xki về vấn đề quan hệ giữa giai cấp vô sản và nông dân

trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, kết luận ấy là hết sức không phù hợp với thực tế, là một mưu toan đúng là muốn "rút ra" từ các *từ ngữ* những điều hoàn toàn không được thảo luận, không được nêu ra, không được đề cập tới trong hội nghị.

IV

Khi nói đến Cau-xky, thì một lần nữa chỉ trong vài ba chữ mà đồng chí Mác-tốp đã chất đọng lại rất nhiều điều sai, đến nỗi muốn trả lời đồng chí đó thì, về thực chất, nhất thiết phải kể lại hầu như tất cả từ đầu cho bạn đọc nghe.

Nói rằng "nhiều người, trong đó có Lê-nin, trong lời tựa viết cho bài báo của Cau-xky nói về "Những triển vọng"¹⁾, đã dứt khoát phủ nhận tính chất tư sản của cuộc cách mạng ở nước ta", như vậy là hoàn toàn không đúng. Và nói rằng Cau-xky đã "tuyên bố là cách mạng Nga không phải là cách mạng tư sản" thì cũng hoàn toàn không đúng. Sự thật hoàn toàn không phải thế.

Plê-kha-nốp đã từng nêu một số câu hỏi với nhiều đại biểu của các đảng dân chủ - xã hội các nước, và câu hỏi đầu tiên là về "*tính chất chung*" của cuộc cách mạng Nga, câu hỏi thứ hai về "thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với phái dân chủ tư sản, là phái đấu tranh để giành quyền tự do chính trị bằng phương thức riêng của mình". Trong cách đặt câu hỏi như thế, đồng chí Plê-kha-nốp cũng đã phạm phải hai sai lầm trái với chủ nghĩa Mác: sai lầm thứ nhất là đã lẫn lộn vấn đề "tính chất chung" của cách mạng về phương diện *nội dung kinh tế và xã hội của cách mạng*, với vấn đề động lực của cách mạng. Người mác-xít không thể

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 286 - 294.

lẫn lộn hai vấn đề đó được, thậm chí nếu không có sự phân tích đặc biệt cụ thể thì cũng không có thể từ câu trả lời cho vấn đề thứ nhất mà *trực tiếp* rút ra câu trả lời cho vấn đề thứ hai được. Sai lầm thứ hai là đã lẫn lộn vấn đề vai trò của nông dân trong cuộc cách mạng ở nước ta với vai trò của phái dân chủ tư sản nói chung. Thực ra, cả nông dân lẫn phái tự do đều có thể thích hợp với khái niệm khoa học "phái dân chủ tư sản", nhưng thái độ của giai cấp vô sản đối với hai loại "dân chủ tư sản" đó tất nhiên là khác hẳn về bản chất.

Cau-xky nhận ra ngay những sai lầm của đồng chí Plê-kha-nốp và đã *uốn nắn những sai lầm đó* bằng bài trả lời của mình. Đúng về nội dung kinh tế và xã hội của cách mạng mà nói, thì Cau-xky chẳng những không có ý phủ nhận tính chất tư sản của cách mạng, mà trái lại, còn kiên quyết thừa nhận điều đó. Dưới đây là những lời Cau-xky nói về vấn đề đó trong chính cái bài "Những triển vọng" mà đồng chí Mác-tốp đã trình bày hết sức không đúng:

"Cuộc cách mạng hiện nay (ở Nga) chỉ có thể dẫn đến chỗ hình thành ở nông thôn một giai cấp nông dân vững mạnh trên cơ sở chế độ tư hữu ruộng đất, và do đó, tạo ra giữa giai cấp vô sản và bộ phận có của trong dân cư nông thôn một vực thẳm giống như ở Tây Âu. Cho nên không thể cho rằng cuộc cách mạng Nga hiện nay sẽ xác lập ngay tức khắc phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa, dù cho tạm thời nó có đem lại chính quyền vào tay Đảng dân chủ - xã hội cũng vậy" (tr. 31, bản dịch ra tiếng Nga do N. Lê-nin hiệu đính).

Chính lời tựa của Lê-nin muốn nói về đoạn trên đây, khi viết (như trên, tr. 6) rằng: "Bất tất phải nói cũng thấy rõ rằng Cau-xky *hoàn toàn* đồng ý với những luận điểm cơ bản của *tất cả* những người dân chủ - xã hội Nga về tính chất *không xã hội chủ nghĩa* của phong trào nông dân và về việc chủ nghĩa xã hội không thể xuất hiện từ nền sản xuất

tiểu nông, v.v." (những chữ in ngả trong lời tựa là do N. Lê-nin nhấn mạnh).

Việc đồng chí Mác-tốp khẳng định rằng Lê-nin đã kiên quyết phủ nhận tính chất tư sản của cuộc cách mạng ở nước ta, là hoàn toàn trái với sự thật. Chính là Lê-nin nói trái hẳn lại. Cau-xky đã dứt khoát thừa nhận là cuộc cách mạng ở nước ta, do tính chất chung của nó, hiểu theo nghĩa nội dung kinh tế và xã hội của nó, là một cuộc cách mạng tư sản.

Cũng trong bài đó, Cau-xky viết: "Về câu hỏi thứ nhất" của Plê-kha-nốp, "tôi cho rằng không thể đơn giản trả lời thế này thế kia được. Thời kỳ cách mạng tư sản, tức là những cuộc cách mạng mà động lực là giai cấp tư sản, đã qua rồi, và đối với nước Nga thì cũng qua rồi... Giai cấp tư sản không còn là động lực của phong trào cách mạng hiện nay ở Nga nữa, và, vì vậy, phong trào đó không thể gọi là phong trào tư sản được" (tr. 29). Bạn đọc có thể thấy rằng, trong đoạn này, Cau-xky đã xác định hết sức rõ điều nói ở đây là gì rồi, và đã nói hết sức rõ đến cuộc cách mạng tư sản, *không phải* về mặt nội dung kinh tế và xã hội, *mà* về mặt là cuộc cách mạng "mà động lực là giai cấp tư sản".

Thứ nữa, Cau-xky đã sửa chữa sai lầm thứ hai của Plê-kha-nốp, bằng cách phân biệt rõ ràng và dứt khoát phái dân chủ tư sản "tự do chủ nghĩa" với phái dân chủ tư sản nông dân. Cau-xky thừa nhận rằng "sức mạnh cách mạng của Đảng dân chủ - xã hội Nga là ở chỗ giai cấp vô sản công nghiệp và nông dân cùng có lợi ích chung", rằng "không có nông dân, thì hiện nay chúng ta không thể giành được thắng lợi ở nước Nga" (tr. 31). Điều đáng chú ý là về vấn đề chữ "*và*", vấn đề rất vô vị đã choán cả cuộc tranh luận có tính chất nguyên tắc của đồng chí Mác-tốp, thì Cau-xky, cũng trong bài báo đó, tức là vào năm 1906, trên *cùng một trang báo*, đã dùng những từ "*dựa vào*" ("giai cấp vô sản Nga có thể dựa vào giai cấp nào?") và câu nói "*sự liên minh*

của giai cấp vô sản với các giai cấp khác trong cuộc đấu tranh cách mạng trước hết phải dựa trên cơ sở cùng có lợi ích chung về kinh tế" (tr. 30).

Đồng chí Mác-tốp liệu có buộc tội hay không cho C. Cau-xky là, ngay từ năm 1906, khi thấy trước rằng sẽ có cuộc hội nghị của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào tháng Chạp 1908, đã tìm cách "làm cho bạn đọc lạc hướng", "che đậy và dán kín" những sự bất đồng ý kiến giữa những người bôn-sê-vích và những người dân chủ - xã hội Ba-lan, và "lý sự vụn", v .v. hay không?

Chúng ta thấy rằng, khi bảo vệ tư tưởng về liên minh của giai cấp vô sản và nông dân trong cuộc cách mạng tư sản Nga, thì trong thực tế, Cau-xky không đề ra được một tư tưởng "mới" nào cả, mà chỉ hoàn toàn lặp lại những luận điểm của Mác và Ăng-ghe-n. Năm 1848, trong tờ "Báo sông Ranh mới"¹⁵⁵, Mác đã viết: "Giai cấp đại tư sản — đây là nói giai cấp tư sản Đức sau ngày 18 tháng Ba 1848 — ngay từ đầu đã là phản cách mạng, vì sợ nhân dân, tức là sợ công nhân và tầng lớp tư sản dân chủ, nên đã cùng với bọn phản động ký kết liên minh phòng ngự và tiến công" (xem C. Mác. Toàn tập, t. 3, do Mê-rinh xuất bản: bản tiếng Nga hiện giờ chỉ mới xuất bản được hai tập). Ngày 29 tháng Bảy 1848, Mác viết: "Cuộc cách mạng Đức năm 1848 chỉ là một trò bất chước cuộc cách mạng Pháp năm 1789 ... Giai cấp tư sản Pháp năm 1789 không một phút nào rời bỏ bạn đồng minh của mình là nông dân... Giai cấp tư sản Đức năm 1848 thì trái lại đã phản bội nông dân mà không hề hổ thẹn gì hết...".

Ở đây, khi bàn đến cách mạng *tư sản*, rõ ràng Mác đã đem giai cấp tư sản phản cách mạng (liên minh với bọn phản động) mà đối lập với giai cấp công nhân liên minh với tầng lớp tư sản dân chủ, tức chủ yếu là nông dân. Và không thể nói rằng quan điểm đó là do thế giới quan xã hội chủ nghĩa của Mác lúc bấy giờ chưa được xác lập hẳn. 44 năm sau,

tức là vào năm 1892, trong bài "Bàn về chủ nghĩa duy vật lịch sử" ("Neue Zeit", XI, t. I; bản tiếng Nga — xem văn tập "Chủ nghĩa duy vật lịch sử"), Ăng-ghe-n viết: "... trong cả ba cuộc cách mạng tư sản vĩ đại" (cuộc cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân ở Đức vào thế kỷ XVI, cuộc cách mạng Anh ở thế kỷ XVII và cuộc cách mạng Pháp ở thế kỷ XVIII) "các đội quân chiến đấu đều là nông dân... Chỉ do sự tham gia của người nông dân" (Y-ô-man-ry trong cuộc cách mạng Anh) "và những phần tử lê dân ở thành thị mà cuộc đấu tranh được kiên quyết tiến hành đến cùng và Các-lơ I phải lên đoạn đầu đài"¹⁵⁶.

Như vậy, đặc điểm của cuộc cách mạng tư sản Nga chỉ là ở chỗ giai cấp vô sản thế kỷ XX đứng ở địa vị hàng đầu, còn ở thế kỷ XVI, thế kỷ XVII và thế kỷ XVIII, thì thành phần bình dân thành thị ở địa vị thứ hai.

V

Bây giờ chúng ta cần phải kết luận. Đồng chí Mác-tốp đã đề cập một vấn đề hết sức quan trọng, đáng được tranh luận một cách hết sức thấu đáo trên Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng. Nhưng vấn đề đó chỉ được "đề cập" thôi thì không đủ, cần phải đi vào bản chất của nó mà phân tích, căn cứ không những vào học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n mà còn dựa cả vào kinh nghiệm của cách mạng Nga hồi 1905 - 1907 nữa.

Cho rằng sở dĩ những người dân chủ - xã hội đề ra chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân là vì họ bị phá sản tuy chỉ phớt, thì như vậy chỉ làm cho người ta cười thôi. Những người quasi¹⁾ - mác-xít lập luận như vậy trước hết phải kết tội Cau-xky, Mác và Ăng-ghe-n là đã bị phá sản tuy chỉ phớt. Trong tất cả các cuộc cách

1) — giả hiệu

mạng tư sản vĩ đại, chỉ có giai cấp vô sản (ít nhiều đã phát triển), liên minh với nông dân, mới có thể giành được thắng lợi quyết định, và đó cũng là điều kiện thắng lợi của cách mạng tư sản ở Nga. Kinh nghiệm của những năm 1905 - 1907, qua *mỗi* chuyển biến lớn, đã thông qua *thực tiễn* mà xác nhận chân lý đó, vì thực ra, tất cả những hoạt động kiên quyết, dù là hoạt động "chiến đấu" hay hoạt động nghị trường, đều chính là những "hành động chung" của giai cấp vô sản và nông dân.

Đảng ta kiên quyết bảo vệ quan điểm cho rằng vai trò của giai cấp vô sản là *vai trò lãnh tụ* trong cách mạng dân chủ - tư sản, rằng muốn tiến hành cuộc cách mạng đó đến cùng thì phải có *những hành động chung* của giai cấp vô sản và nông dân, rằng nếu những giai cấp cách mạng không *giành lấy chính quyền*, thì không thể có thắng lợi được. Phủ nhận những chân lý đó, thì những người dân chủ - xã hội nhất định sẽ lâm vào tình trạng dao động, vào "một phong trào không có mục đích", vào chủ trương thoả hiệp vô nguyên tắc trong một vài trường hợp; trong thực tế, như vậy có nghĩa là bị Đảng dân chủ - lập hiến chi phối, tức là làm cho giai cấp công nhân lệ thuộc vào giai cấp tư sản quân chủ - tự do, phản cách mạng.

"Người dân chủ - xã hội",
số 3 và 4, ngày 9 (22) tháng
Ba và 21 tháng Ba (3 tháng
Tư) 1909

Ký tên: N. Lê-nin

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người dân chủ - xã hội"

GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỨC

Bài "Về vấn đề tổ chức trong Đảng dân chủ - xã hội Nga", đăng trên báo "Vorwärts", số 79 (I. Beilage, d. 3. IV. 1909)¹⁾ buộc chúng tôi phải gửi kháng nghị kiên quyết tới Ban lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức. Nhân danh Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã uỷ nhiệm chúng tôi phụ trách các công việc ở nước ngoài, chúng tôi yêu cầu Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức hãy chú ý đến một tình hình cực kỳ không bình thường đã xảy ra. Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức vẫn không chịu đếm xỉa đến lời tuyên bố chính thức của đảng chúng tôi về sự tồn tại ở nước ngoài một cơ quan đại diện đặc biệt của Ban chấp hành trung ương, và khẳng định không chịu đăng bản thông báo gửi cho họ từ lâu nói về sự tồn tại và địa chỉ của cơ quan đó. Trong lúc đó, báo "Vorwärts" lại đăng bài của "một đồng chí" thuật lại một sự kiện *chính thức* nói về sinh hoạt của đảng chúng tôi, tức cuộc hội nghị đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, nhưng lại *không đưa ra văn bản chính thức* những nghị quyết (hai bản nghị quyết) của hội nghị này về vấn đề tổ chức. Trong khi không trích dẫn các nghị quyết chính thức của đảng, bức thư đăng trên báo "Vorwärts" lại trình bày

1) — "Tiến lên" (phụ trương I, 3. IV. 1909)

hoàn toàn không đúng cuộc tranh luận và các ý kiến bất đồng giữa các đảng viên dân chủ - xã hội Nga; không những thế, bức thư còn bao hàm một cuộc luận chiến có tính chất bè phái được che đậy, chống lại các nghị quyết của hội nghị. Lối luận chiến đó đặc biệt có khả năng làm hại các mối quan hệ vốn đã không bình thường giữa các phái trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Nó gây ra phẫn nộ và bức tức; đồng thời, nó lại gây khó khăn cho việc giải thích để các đồng chí Đức rõ về tình hình thực tế và các ý kiến bất đồng trong đảng chúng tôi.

Bởi vậy, Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga yêu cầu Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức nghiên cứu vấn đề trình bày rõ trên báo "Vorwärts" các ý kiến bất đồng ở nước Nga, vấn đề đăng trên báo đó các bài nói về tình hình Nga, cũng như các thông cáo chính thức của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và các văn bản chính thức của các nghị quyết của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga yêu cầu Ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức ra một quyết định chỉ rõ liệu báo "Vorwärts" có thể đăng các bài về sinh hoạt của Đảng dân chủ - xã hội Nga mà không cần đưa ra các tin tức chính thức của Ban chấp hành trung ương và các văn bản chính thức của các nghị quyết của đảng chúng tôi, được không.

Về thực chất, Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương nhận thấy rằng cần phải vạch ra chỉ ít ba điều sai sự thật *chủ yếu* sau đây, trong vô số các điểm sai lầm trong bài báo đó, vì nếu kể *tất cả* các điểm sai lầm đó thì sẽ phải viết cả một quyển sách nhỏ.

1) Trong nghị quyết thứ nhất về vấn đề tổ chức, mà hội nghị đã thông qua, người ta nhận thấy rằng, về các

vấn đề căn bản trong chính sách tổ chức, Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chia ra thành *hai* phái. Trong nghị quyết đó, đảng lên án phái mang tên là "phái thủ tiêu", tức là phái thực tế nhằm thủ tiêu Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga hiện nay. Không những tất cả những người bên-sê-vích và các đảng viên dân chủ - xã hội Ba-lan đã bỏ phiếu tán thành nghị quyết đó, mà cả hai trong tổng số ba đại biểu phái Bun cũng bỏ phiếu tán thành.

2) Nghị quyết về tình hình hiện tại, do những người bên-sê-vích đề ra và được đảng thông qua, ngay từ đầu đã vạch ra rằng chế độ chuyên chế nông nô cũ đang tan rã và tiến thêm một bước trên con đường chuyển sang chế độ quân chủ tư sản. Phái men-sê-vích, tuy không đưa ra dự thảo nghị quyết của mình, nhưng đã bỏ phiếu phản đối nghị quyết đó, đồng thời đưa ra điểm sửa đổi duy nhất này: thay chữ tư sản bằng chữ tài phiệt.

3) Vì tại hội nghị không có đại biểu Đảng dân chủ - xã hội U-cra-i-na, nên họ đã không và không thể phát biểu ủng hộ phái men-sê-vích. Còn về vấn đề Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan tán thành quan điểm của phái men-sê-vích, thì đảng này, vì không gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nên không tham gia và không thể tham gia hội nghị được. Đề nghị của phái men-sê-vích về việc hợp nhất Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, đã bị hội nghị bác bỏ dưới hình thức là hội nghị đã bỏ qua kiến nghị ấy để chuyển sang thảo luận các vấn đề tiếp trong chương trình nghị sự.

Viết xong sớm nhất là ngày 23 tháng Ba (5 tháng Tư) 1909

In lần đầu năm 1947 trong V. I. Lê-nin. Toàn tập, xuất bản lần thứ 4, t. 15

Theo đúng bản thảo

SỰ BIẾM HỌA CHỦ NGHĨA BÔN-SÊ-VÍCH

Trên báo "Người vô sản", số 42, chúng tôi đã đánh giá chung về "chủ nghĩa triệu hồi" và "chủ nghĩa tối hậu thư"¹⁾. Hôm nay chúng tôi cho đăng nghị quyết đã nói ở trên của phái triệu hồi ở Pê-téc-bua, nghị quyết này được coi là cương lĩnh hành động của họ trong thời gian bầu cử đại biểu đi dự Hội nghị đại biểu hồi tháng Chạp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (và *đáng tiếc* là chỉ *sau khi* hội nghị họp, ban biên tập báo "Người vô sản" mới nhận được nghị quyết đó). Chúng tôi đành phải nhắc lại một phần lớn những điều đã nói trong nghị quyết đó.

Nghị quyết đó đầy dẫy những nghị luận không đúng và phi mác-xít, hầu như mỗi điểm của nghị quyết đó đều xác nhận rằng tư tưởng của những người khởi thảo ra nghị quyết chưa được chín chắn hay là họ đã quên mất những điều sơ đẳng của chủ nghĩa dân chủ - xã hội. Điểm thứ nhất: "...giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng đã kết thúc"... Như thế nghĩa là thế nào? Phải chăng là một giai đoạn phát triển kinh tế và xã hội đã kết thúc? Chắc là không phải thế. Những người khởi thảo nghị quyết muốn nói là giai đoạn đấu tranh trực tiếp cách mạng của quần chúng đã kết thúc. Chúng ta phải nghĩ như thế để khỏi gán cho phái triệu hồi một tư tưởng hoàn toàn vô nghĩa. Nếu vậy thì như thế là họ

1) Xem tập này, tr. 450 - 454.

thừa nhận rằng ngày nay không có điều kiện để tiến hành cuộc đấu tranh trực tiếp cách mạng của quần chúng. Nhưng, khi buộc phải thừa nhận điều đó vì lô-gích của sự vật, phái triệu hồi không biết *suy xét* về những kết luận rút ra từ đấy, không biết làm cho câu chuyện có đầu có đuôi... "Nước Nga... đang tiến tới một cao trào cách mạng mới"... Đúng! Nhưng mới chỉ *đang tiến tới* một cao trào, tức là chưa có cao trào, — căn cứ vào lô-gích và văn phạm, thì phải kết luận như vậy! Song, cái cao trào chưa đến đó có "đặc trưng là xung đột gay gắt", v. v.. Thật là vô lý: phái triệu hồi không nêu được đặc điểm của tình hình hiện tại. Họ "nói đến đặc trưng" của cái tương lai mà chúng ta "đang tiến tới", để che giấu việc họ không hiểu hiện tại. Chẳng hạn, cái câu "giai cấp tiểu tư sản thành thị bị bần cùng hoá" có Thượng đế mới biết từ đâu mà ra; sự việc dẫn đó thậm chí cũng không xác minh được bằng một ý định phân tích nào; vì sao cao trào tương lai lại có "đặc trưng" là sự xung đột gay gắt của những người tiểu tư sản bị bần cùng hóa, — điều đó không ai biết cả; vì sao chính hiện nay lại cần nói đến giai cấp tiểu tư sản thành thị bị bần cùng hóa — điều đó cũng không ai biết nốt; đặc điểm của tầng lớp vô sản lưu manh là *khi thì* có những xung đột gay gắt, nhưng *có khi* lại hết sức không kiên định và không có khả năng đấu tranh. Tư tưởng của phái triệu hồi là hoàn toàn không rõ ràng, và chúng ta cũng không lấy làm lạ là trong hội nghị đại biểu Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, *chỉ có hai người thuộc phái Bôn* và *hai người thuộc phái triệu hồi* là bỏ phiếu tán thành điểm bổ sung về "giai cấp tiểu tư sản thành thị bị bần cùng hoá"! Quan điểm của chúng tôi cho rằng chủ nghĩa triệu hồi là một thứ chủ nghĩa cơ hội thay hình đổi dạng, đã được chứng thực một cách hùng hồn.

Sẽ xảy ra xung đột gay gắt với ai? "Với tập đoàn thống trị của giai cấp đại tư sản và bọn địa chủ - chủ nô". Chứ không phải với chế độ chuyên chế ư? Phái triệu hồi không biết

phân biệt chế độ chuyên chế lựa gió xoay chiều giữa hai giai cấp nói trên, với sự thống trị trực tiếp của các giai cấp ấy, và do đó, họ đi đến chỗ vô lý là: trong văn bản của họ cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế đã biến đi đằng nào mất.

..."Công tác tổ chức lực lượng đang được tiến hành bí mật...". Kiểm điểm rút kinh nghiệm, thẩm nhuần các bài học mới, tích lũy lực lượng, công tác ấy có thể tiến hành bí mật và đang tiến hành bí mật. Nhưng công tác *tổ chức* lực lượng thì không thể tiến hành bí mật được, ngay cả trong thời kỳ mà hoạt động bất hợp pháp tuyệt đối chiếm địa vị thống trị nữa. Trong những năm 1901 - 1903, công tác tổ chức lực lượng đã tiến hành trong vòng bất hợp pháp, chứ không phải trong vòng bí mật. Phái triệu hồi lặp lại và xuyên tạc những câu chữ đã học thuộc lòng.

Điểm thứ hai: "Vì ở Nga có những mâu thuẫn giai cấp phát triển rất mạnh mẽ, nên việc giải quyết cuộc xung đột đó sẽ mang hình thức một cuộc cách mạng"... Các mâu thuẫn giai cấp ở Nga phát triển không mạnh bằng ở châu Âu, là nơi không có đấu tranh chống chế độ chuyên chế. Phái triệu hồi không nhận thấy rằng trong khi họ muốn đào sâu quan điểm của họ, họ đã trở nên giống những kẻ đối lập của họ, tức là phái cơ hội chủ nghĩa.

..."một cuộc cách mạng sẽ dẫn đến khởi nghĩa vũ trang"...

Về *mục tiêu* đấu tranh, chưa thấy có một chút gì rõ ràng, về tình hình phát triển hiện tại của chế độ chuyên chế — cũng thế, nhưng về *phương thức* đấu tranh, thì phái triệu hồi đã vội vã phát biểu ý kiến để tự tuyên bố mình là những "người cách mạng". Đây là trò trẻ con, thừa các đồng chí thân mến, vì một lần nữa các đồng chí lại tỏ ra là *đã học thuộc lòng* những mẫu câu chữ hay, nhưng lại *không hiểu* những câu chữ đó có nghĩa gì. Năm 1897, năm 1901 và năm 1905, đối với vấn đề khởi nghĩa, những người dân chủ - xã hội cách mạng đã không có cùng một thái độ giống

nhau; chỉ sau ngày 9 tháng Giêng 1905, họ mới đặt vấn đề khởi nghĩa vào chương trình nghị sự, mặc dù, không nghi ngờ gì nữa, năm 1897 và năm 1901, nước Nga "đã tiến tới một cao trào cách mạng", tiến tới một "cuộc xung đột gay gắt", tiến tới "cách mạng". Học thuộc lòng các khẩu hiệu thì không đủ, phải biết suy nghĩ xem nên đưa ra khẩu hiệu vào lúc nào cho thích hợp. Chừng nào "cao trào" chưa đến, chừng nào "cách mạng", theo nghĩa hẹp nhất và trực tiếp nhất của từ đó, chưa thành hiện thực (còn phái triệu hồi nói đến cách mạng *trong tương lai*: "*sẽ mang* hình thức một cuộc cách mạng"), — mà lại đưa ra khẩu hiệu về *một* trong các thủ đoạn đấu tranh, thì như thế có nghĩa là tự mình trở thành một sự biếm họa về những người dân chủ - xã hội cách mạng. Nghị quyết của hội nghị nói đến cuộc khủng hoảng cách mạng đang chín muồi, về mục tiêu đấu tranh (các giai cấp cách mạng giành chính quyền), và *hiện nay* không thể và không cần *nói gì hơn nữa*.

Chỉ có Thượng đế mới biết, làm thế nào mà các "cải cách thị chính" lại được ghi vào đây, hơn nữa lại còn được ghi với tư cách là những "cải cách triệt để". Điều đó nghĩa là thế nào, thì chính ngay phái triệu hồi có lẽ cũng không hiểu được.

Điểm thứ ba: "do đó, Đảng dân chủ - xã hội, một đảng triệt để cách mạng, phải đặt cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma lên hàng đầu"...

Lại có những người (như "phái tối hậu thư") thiếu cận đến nỗi cho rằng hình như các ý kiến bất đồng giữa chúng tôi và phái triệu hồi chỉ là về mặt thực tiễn, chỉ là sự đánh giá khác nhau về các thủ đoạn và phương pháp vận dụng sách lược chung mà thôi! Mùa hè 1907, những ý kiến bất đồng về việc tẩy chay Đu-ma III có thể chỉ là về mặt thực tiễn, và sai lầm của phái chủ trương tẩy chay có thể chỉ là sai lầm trong việc lựa chọn những thủ đoạn vận dụng sách lược chung đối với tất cả những người bôn-sê-vích.

Nhưng năm 1909 mà nói như thế, thì thật đáng buồn cười. Sai lầm của phái triệu hồi và phái tối hậu thư đã trở thành sự xa rời có tính nguyên tắc đối với chủ nghĩa Mác. Thật vậy, xin hãy nghĩ xem: "*do đó*", tức là do chỗ chúng ta "đang tiến tới" một cao trào và cuộc xung đột "sẽ mang hình thức một cuộc cách mạng", "*do đó*", chúng ta phải đưa cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma lên hàng đầu! Các đồng chí, thật là một sự chấp nối câu chữ để che giấu một tư tưởng hỗn độn kinh khủng! Vì chính các đồng chí không hề nói một lời nào về Đu-ma trong nghị quyết của các đồng chí, thế mà các đồng chí dám kết luận: "*do đó*" — "cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma"! Do chỗ chúng ta không hiểu ý nghĩa của Đu-ma và nhiệm vụ của đảng trong thời gian cao trào đang lên, nên chúng ta tuyên bố tiến hành đấu tranh ngoài Đu-ma. Đây, cách lập luận của phái triệu hồi đã đi tới chỗ vô nghĩa như thế. Họ lặp lại những mẫu nghị luận — mà họ không hiểu — của những người bôn-sê-vích trong thời kỳ mà cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma không phải chỉ được tuyên bố, mà còn *được quần chúng tiến hành* nữa. Họ lặp lại nghị luận đó vào lúc chính họ thừa nhận rằng "giai đoạn thứ nhất của cuộc cách mạng đã kết thúc", tức là các điều kiện của một cuộc đấu tranh trực tiếp có tính chất quần chúng, tạm thời không có nữa.

Họ *đã học thuộc lòng* một luận điểm đúng đắn cho rằng sự hoạt động trong Đu-ma phải phục tùng lợi ích và phương hướng của phong trào công nhân ở ngoài Đu-ma, và họ lặp lại không đúng lúc *những đoạn* đã học thuộc lòng và xuyên tạc các đoạn đó đến nỗi không thể nhận ra được.

Song song với công tác trong Đu-ma, đáng lẽ ngay bây giờ, phái triệu hồi phải nhấn mạnh tới sự cần thiết phải dốc hết sức lực để tiến hành một công tác ngoài Đu-ma lâu dài, triệt để và tỉ mỉ, công tác tổ chức và cổ động trong quần chúng, nhưng họ lại cùng với bọn xã hội chủ nghĩa -

cách mạng kêu lên những tiếng la hét "cách mạng" về "cuộc đấu tranh ngoài Đu-ma", về tiến công, v. v..

Phái triệu hồi nói ở phần cuối nghị quyết (điểm 1): "Hiện nay hành động tích cực, trực tiếp là không thể có được", — nhưng ở ngay phần đầu, họ lại *tuyên bố* phải tiến hành đấu tranh ngoài Đu-ma. Đây chẳng phải là một sự biếm họa chủ nghĩa bôn-sê-vích hay sao?

..."Hoạt động để đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn"... Trước hết người ta đưa ra một mẫu tư tưởng về các thủ đoạn đấu tranh, rồi sau mới nói đến mục tiêu của cuộc đấu tranh đó!.. "và nhằm mục đích đó, phải tổ chức giai cấp vô sản và quảng đại quần chúng nông dân lại"... Các đồng chí, trong khi vấn đề là phải "đề lên hàng đầu" việc củng cố và khôi phục các tổ chức đảng đã bị phá hoại mất một nửa, mà lại nói như vậy thì đó là một lời nói suông.

Điểm thứ 4 — một trong những lời vàng ngọc của "chủ nghĩa triệu hồi" — nói: "Đảng chỉ có thể sử dụng những hình thức hoạt động tổ chức và cổ động nào không làm lu mờ và không làm suy yếu cuộc đấu tranh cách mạng"...

Theo ý kiến của phái tối hậu thư "có đầu óc thực tiễn", thì vấn đề phải được đặt ra một cách "thực tiễn" như vậy! Năm 1909, phái triệu hồi *buộc phải tìm* lý do bào chữa có tính chất nguyên tắc, và việc đi tìm lý do đó nhất định đẩy họ vào vũng lầy. "Chỉ những hình thức hoạt động nào không làm lu mờ"... — những chữ ấy ám chỉ công tác trong Đu-ma của Đảng dân chủ - xã hội và việc đảng đó sử dụng những tổ chức nửa hợp pháp và hợp pháp. Nói như vậy, có nghĩa là có những "hình thức hoạt động" làm lu mờ cuộc đấu tranh và có những hình thức không làm lu mờ cuộc đấu tranh. Để tránh cho những người không biết suy nghĩ khỏi phải động não, chúng ta sẽ lập một bản kê tất cả các "hình thức hoạt động" có thể có và chúng ta sẽ gạt bỏ những hình thức làm "lu mờ" cuộc đấu tranh, — đây sẽ là sách lược thật sự cách mạng!!

Các đồng chí thân mến, hãy lấy thí dụ sách báo hợp pháp. "Hình thức hoạt động tổ chức và cổ động" ấy có làm lu mờ cuộc đấu tranh hay không? Tất nhiên, dưới chế độ Xtô-lư-pin, thì nó làm "lu mờ" cuộc đấu tranh! Nghĩa là phải thủ tiêu thứ sách báo đó đi, — đấy là theo phái triệu hồi, họ không biết phân biệt những *điều kiện* cho phép Đảng dân chủ - xã hội sử dụng những *hình thức hết sức khác nhau*, và vì vậy, điều họ nói là vô lý. Nghị quyết của hội nghị, do những người bôn-sê-vích đề ra và thông qua, nói rằng: "Đảng phải đặc biệt chú ý sử dụng và củng cố những tổ chức hiện có và thành lập những tổ chức mới, bất hợp pháp, nửa hợp pháp, và, tùy khả năng, những tổ chức hợp pháp, để làm chỗ dựa cho đảng". Nghị quyết *đó* và chủ nghĩa triệu hồi khác nhau một trời một vực. "*Chỉ những hình thức nào không làm lu mờ*", — đấy là một lời nói suông, đấy chỉ là một tiếng "la hét" chứ không phải là tinh thần cách mạng. Thành lập "các uỷ ban công nhân" bất hợp pháp của đảng để *sử dụng* "các tổ chức nửa hợp pháp, và tùy khả năng, các tổ chức hợp pháp", — đấy là sách lược của những người dân chủ - xã hội cách mạng, họ biết tính đến "những hình thức hoạt động tổ chức và cổ động" nào mà tình thế hiện nay đề ra, họ biết nêu lên những *phương pháp* nào có thể tiến hành một công tác thật sự dân chủ - xã hội dưới những "hình thức" hết sức khác nhau.

Đả đảo sách báo dân chủ - xã hội hợp pháp, — đấy là một lời nói suông, một điều không thể thực hiện được và, *vì vậy, chỉ có lợi cho bọn cơ hội chủ nghĩa* là bọn biết rất rõ rằng không thể thực hiện được điều đó. Sự phân định ranh giới giữa những người dân chủ - xã hội có đảng tính, sẵn sàng chịu trách nhiệm trước đảng về các tác phẩm hợp pháp của mình, với hạng tác giả vô lại không có đảng tính, đó là một nhiệm vụ khó khăn, nhưng có thể làm được, nó vạch ra phương hướng hoạt động thật sự cho những ai muốn làm việc với đảng. Đả đảo đảng đoàn hợp pháp trong

Đu-ma, đả đảo những tổ chức hợp pháp, — đấy là một câu nói suông, *chỉ có lợi cho bọn cơ hội chủ nghĩa*, là bọn rất vui mừng nếu thoát khỏi sự kiểm soát của đảng. Không ngừng tiến hành công tác kiểm soát đó, "sử dụng" các tổ chức hợp pháp và *sửa chữa* mọi sai lầm và sách lược sai lầm của những người dân chủ - xã hội, — đấy là nhiệm vụ của đảng mà chúng ta và tất cả những người nào muốn chấp hành các nghị quyết của hội nghị, sẽ phải giải quyết.

...Đoạn cuối điểm thứ 4 nói: "Kiên quyết đấu tranh chống mọi sự câu kết giữa giai cấp tư sản phản cách mạng với chế độ chuyên chế".

Chà! Quả thật phái triệu hồi bao giờ cũng lặp lại *không đúng lúc* những mẩu tư tưởng trong sách báo bôn-sê-vích. Các đồng chí, cần phải phân tích xem sự thể ra sao. Trong thời kỳ Đu-ma I và Đu-ma II, chính phủ vẫn ở trong giai đoạn mò mẫm tìm đường *câu kết*, còn bọn dân chủ - lập hiến thì tuyên truyền trong nhân dân việc câu kết đó, coi đó là khẩu hiệu "đấu tranh" (những khẩu hiệu này thậm chí đã mê hoặc được cả phái men-sê-vích trong Đảng dân chủ - xã hội). *Lúc bấy giờ*, cuộc đấu tranh kiên quyết chống sự *câu kết* đó thực sự là một khẩu hiệu nóng hổi, một nhiệm vụ trước mắt, một việc vạch trần hành động lừa bịp. Ngày nay, chế độ Nga hoàng đã xác định và thực hiện được sự câu kết với các giai cấp mà bản thân phái triệu hồi gọi đó là lập thành một "khối". Nhưng về sự câu kết đã được thực hiện trong Đu-ma III, thì chẳng ai mắc lừa cả. Hiện nay mà đem việc "kiên quyết đấu tranh chống *mọi sự câu kết*" làm trung tâm cho toàn bộ công việc cổ động, thì như thế có nghĩa là tự trở thành một sự biếm họa chủ nghĩa bôn-sê-vích.

Điểm thứ 5: "Đu-ma nhà nước ở nước ta không thể được coi là một nghị viện làm việc trong phạm vi tự do chính trị, trong tình hình có một sự tự do nào đó đối với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản; Đu-ma chỉ là một sự câu kết giữa chế độ Nga hoàng với giai cấp đại

tư sản...". Ở đây có hai điểm sai lầm. Không thể nói: Đu-ma *không* phải là một nghị viện *mà là* một sự câu kết, bởi vì cả một loạt các nghị viện trên thế giới chẳng phải là cái gì khác ngoài những sự câu kết giữa giai cấp tư sản (đã đạt đến một trình độ phát triển nào đó) với các tàn dư khác nhau của thời trung cổ. Chúng ta phải đấu tranh và đã từng đấu tranh không để cho nghị viện đầu tiên ở Nga trở thành nghị viện của bọn Trăm đen - tháng Mười. Nhưng vì nó đã thành sự thật, bất chấp các nỗ lực của chúng ta, vì lịch sử đã buộc chúng ta phải trải qua một giai đoạn như vậy, nên nếu chỉ đơn thuần lẩn tránh cái thực tế khó chịu đó bằng la hét, bằng lối nói hoa mỹ, thì đây là một trò trẻ con. Sai lầm thứ hai: các người khởi thảo nghị quyết cho rằng nếu có một sự "tự do nào đó" thì đây là "nghị viện", còn nếu không thì đây là "trò giả mạo". Đây là quan điểm dân chủ - tầm thường, xứng đáng với bọn dân chủ - lập hiến chứ không phải với người mác-xít. So với Đu-ma II, thì dưới thời Đu-ma III có ít quyền tự do hơn nhiều, nhưng Đu-ma III là nghị viện *ít* có tính chất một nghị viện hữu danh vô thực hơn, vì nó *phản ánh đúng hơn* về sự so sánh lực lượng thực sự giữa các giai cấp thống trị hiện nay với chính quyền nhà nước. Chừng nào mà chính quyền còn ở trong tay Nga hoàng và bọn địa chủ - chủ nô, thì không thể có một thứ nghị viện nào khác ở nước Nga tư sản. Chỉ có bọn dân chủ - lập hiến mới che giấu cái sự thật không tô vẽ đó, chứ những người dân chủ - xã hội thì không làm như thế.

Điểm thứ 6 (một ngoại lệ) thì đúng. Nhưng chính là một thứ ngoại lệ xác nhận quy tắc ngược lại, vì... vì trong điểm ấy phái triệu hồi trình bày không phải tư tưởng của họ, mà là tư tưởng của phái chống lại phái triệu hồi, tức là phái đã thông qua nghị quyết của hội nghị.

Kết luận. Điểm (a)... "Vì Đu-ma là... sự câu kết... và là công cụ của phe phản cách mạng"... Đúng!.. "nó chỉ củng

cố chế độ chuyên chế"... Chữ "chỉ" đó không đúng. Chế độ chuyên chế đã kéo dài ngày diệt vong của nó, vì đã kịp tổ chức được một Đu-ma như vậy, nhưng điều đó không làm cho chế độ đó được củng cố thêm, mà lại làm cho nó *tan rã*. Đu-ma là một bức "màn che", nhưng lại là một sự "vạch trần", vì lần đầu tiên trong hàng nghìn vấn đề, Đu-ma đã công khai chỉ rõ sự phụ thuộc của chế độ Nga hoàng vào các tầng lớp phản cách mạng; lần đầu tiên nó vạch ra en grand¹⁾ khối liên minh nội tại giữa Rô-ma-nốp và Pu-ri-skê-vích, giữa chế độ Nga hoàng và "Liên minh nhân dân Nga", giữa chế độ chuyên chế và bọn Đu-brô-vin, I-li-ô-đo, Pô-lốp-nép.

Đu-ma phê duyệt các tội ác của chế độ Nga hoàng, điều ấy không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng đó là việc phê duyệt của những giai cấp nhất định, vì những lợi ích giai cấp nhất định. Do đó, nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội chính là phải, từ diễn đàn Đu-ma, giải thích rõ những chân lý bổ ích đó của cuộc đấu tranh giai cấp.

..."8 tháng hoạt động của Đu-ma nhà nước III đã chứng tỏ là Đảng dân chủ - xã hội không thể lợi dụng Đu-ma được"...

Đây là điểm mấu chốt của chủ nghĩa triệu hồi và sai lầm của chủ nghĩa này chỉ có "phái tối hậu thư" ở nước ta mới che giấu đi, họ làm rối thêm sự việc với lối nói quanh co nực cười: một khi đã tốn công sức thành lập đảng đoàn, thì không thể dễ dàng triệu hồi nó về!

Vấn đề đã được đặt ra thẳng thắn, và ở đây mà nói quanh co thì chẳng giúp ích gì cả. 8 tháng hoạt động đó liệu đã chứng minh được rằng có khả năng hay không có khả năng lợi dụng diễn đàn Đu-ma? Phái triệu hồi đã trả lời không đúng. Mặc dù có những khó khăn rất lớn trong công tác chỉ đạo của đảng *đối với* đảng đoàn, nhưng công

1) — trên quy mô lớn

tác ấy, không còn nghi ngờ gì nữa, *đã chứng minh* là có *khả năng* lợi dụng được diễn đàn Đu-ma. Vì gặp khó khăn và mắc sai lầm mà đâm ra mất tinh thần, thì như thế là hèn nhát, là đem sự "la lối" kiểu trí thức để thay thế cho công tác kiên trì, nhất quán, ngoan cường của giai cấp vô sản. Các đảng xã hội chủ nghĩa khác ở châu Âu, trong thời kỳ đầu của hoạt động nghị viện, đã gặp nhiều khó khăn lớn hơn, đã phạm nhiều sai lầm hơn, nhưng họ không lẩn tránh nhiệm vụ, trái lại, họ đã biết khắc phục khó khăn và sửa chữa sai lầm.

(b) ..."đảng đoàn của chúng ta... kiên trì tiến hành một sách lược cơ hội chủ nghĩa, trước kia và hiện nay, không thể là đại biểu kiên quyết và triệt để của giai cấp vô sản cách mạng được"...

Các đồng chí thuộc phái triệu hồi, những chân lý vĩ đại nhất có thể bị tầm thường hoá đi và những nhiệm vụ vĩ đại nhất có thể bị biến thành *lời nói suông*, chính các đồng chí đang làm công việc đó. Các đồng chí đã biến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội thành lời nói suông, và như vậy là chỉ có lợi cho bọn cơ hội chủ nghĩa thôi. Đảng đoàn của chúng ta đã và đang phạm sai lầm, nhưng chính kinh nghiệm công tác của nó đã chứng minh rằng "trước kia và hiện nay, nó có thể" là đại biểu kiên quyết và triệt để cho giai cấp vô sản, — *trước kia và hiện nay nó có thể* làm được việc đó, khi chúng ta, tức là đảng, chỉ đạo nó, giúp đỡ nó, phái những cán bộ ưu tú nhất đến lãnh đạo nó, vạch ra các chỉ thị và các dự thảo diễn văn, giải thích cho nó rõ tính chất nguy hại của các lời khuyên của giới trí thức tiểu tư sản, giới này, không phải chỉ ở Nga mà *luôn luôn và ở khắp nơi trên toàn thế giới*, len lỏi một cách dễ dàng nhất vào mọi cơ quan thuộc nghị viện.

Các đồng chí, phải dũng cảm thừa nhận rằng, đối với việc *thực sự* chỉ đạo công tác của đảng đoàn, đối với việc giúp đỡ nó *bằng việc làm*, thì chúng ta vẫn còn chưa làm

được đầy đủ. Hãy dũng cảm thừa nhận rằng, về phương diện đó, chúng ta *có thể* làm được gấp mười lần, nếu chúng ta biết củng cố các tổ chức của chúng ta, đoàn kết đảng ta, làm cho đảng liên hệ mật thiết hơn với quần chúng, thành lập những cơ quan của đảng thường xuyên ảnh hưởng đến các tầng lớp vô sản rộng rãi. Chúng ta phải hướng nỗ lực của chúng ta vào việc đó, tất cả những người nào muốn thực tế đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chứ không phải trên đầu lưỡi, đều phải hướng nỗ lực của mình vào việc đó.

Phái triệu hồi đã biến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội của đảng đoàn thành một lời nói suông, vì họ học thuộc lòng từng câu từng chữ mà không hiểu được chỗ khác nhau giữa bọn vô chính phủ chủ nghĩa và Đảng dân chủ - xã hội trong việc phê phán chủ nghĩa cơ hội. Hãy lấy bọn vô chính phủ chủ nghĩa mà xét: tất cả bọn chúng đều vớ lấy từng sai lầm của từng đại biểu dân chủ - xã hội, tất cả bọn chúng đều la ó lên rằng *thậm chí* Bê-ben hồi đó cũng đã phát biểu gần như theo tinh thần chủ nghĩa yêu nước và cũng có một lập trường không đúng trong vấn đề cương lĩnh ruộng đất, v. v. và v. v.. Đúng thế, trong bước đường hoạt động nghị trường của mình, thậm chí Bê-ben cũng đã phạm phải sai lầm cơ hội chủ nghĩa. Nhưng từ đấy rút ra được kết luận gì? Đối với bọn vô chính phủ chủ nghĩa, kết luận đó là: phái triệu hồi tất cả các đại biểu công nhân. Bọn vô chính phủ chủ nghĩa công kích các đại biểu dân chủ - xã hội nhằm đi đến một sự đoạn tuyệt với các đại biểu ấy, chúng vừa công kích vừa phản đối việc hình thành một chính đảng vô sản, một chính sách vô sản, những đại biểu vô sản trong nghị viện. Trên thực tế, những lời nói suông của bọn vô chính phủ chủ nghĩa đã biến chúng thành những tên đồng lõa trung thành nhất của chủ nghĩa cơ hội, thành một dạng khác của chủ nghĩa cơ hội.

Đối với những người dân chủ - xã hội, thì kết luận rút ra từ các sai lầm lại khác hẳn. Kết luận đó là: nếu đảng

không tiến hành một công tác lâu dài để xây dựng một đoàn đại diện thật sự dân chủ - xã hội trong nghị viện, thì *thậm chí* Bê-ben cũng đã không thể thành Bê-ben được. Xin đừng nói với chúng tôi: "không có Bê-ben trong đảng đoàn chúng tôi". Bê-ben không phải do trời sinh ra, mà phải đào tạo ra Bê-ben. Không phải khi ra đời thì Bê-ben đã ra là Bê-ben rồi, giống như Mi-néc-vơ từ đầu Giuy-pi-te chui ra đã là Mi-néc-vơ rồi, mà Bê-ben phải do đảng và giai cấp công nhân đào tạo ra. Kẻ nào nói rằng trong chúng tôi không có Bê-ben, thì kẻ đó không biết lịch sử đảng Đức, không biết rằng trong thời kỳ thi hành đạo luật đặc biệt, Au-gu-xơ Bê-ben đã phạm những sai lầm cơ hội chủ nghĩa, và đảng đã sửa chữa các sai lầm đó, đảng đã chỉ phương hướng cho Bê-ben noi theo*.

(c) "việc đảng đoàn dân chủ - xã hội tiếp tục tham gia Đu-ma nhà nước... chỉ mang lại tai hại cho giai cấp vô sản... và làm thương tổn phẩm giá và uy tín của Đảng dân chủ - xã hội"... Chỉ cần dẫn ra các cuộc thảo luận về dự toán ngân sách năm 1909, dẫn ra bài diễn văn của Bê-lô-u-xốp, cũng đủ giải thích rằng trong những lời nói vô cùng khoa trương đó, thì "lượng biến thành chất" như thế nào, những lời nói vô cùng khoa trương đó (không phụ thuộc vào ý muốn và nhận thức của các đồng chí thuộc phái triệu hồi) *đã biến thành* lời nói suông vô chính phủ chủ nghĩa như thế nào. Nếu cho rằng những lời phát biểu *kiểu ấy* "mang lại tai hại" và không chứng minh được rằng có thể và cần phải lợi dụng diễn đàn Đu-ma, thì điểm bất đồng ý kiến đã vượt khỏi giới hạn của việc đánh giá các lời phát biểu, nó sẽ trở thành điểm bất đồng ý kiến có tính chất nguyên tắc về các vấn đề cơ bản trong sách lược dân chủ - xã hội.

* Chúng tôi hy vọng sẽ viết một bài riêng về đoạn lịch sử bỏ ịch đó, tức *đoạn lịch sử* đã lên án các trào lưu ở Đức giống như chủ nghĩa triệu hồi ở nước ta.

...(I) "Bắt đầu cổ động rộng rãi... cho khẩu hiệu: "Đả đảo Đu-ma nhà nước III"..."

Trong báo "Người vô sản", số 39, chúng tôi đã nói rằng khẩu hiệu đó, — trong một thời gian nào đó, khẩu hiệu này đã lôi kéo được một số công nhân phản đối phái triệu hồi, — là *không đúng*¹⁾. Hoặc đây là một khẩu hiệu của bọn dân chủ - lập hiến đòi tiến hành cải cách bầu cử dưới chế độ chuyên chế, hoặc đây là việc lặp lại những câu đã học thuộc lòng và rút từ thời kỳ mà các Đu-ma của phái tự do đã bao che chế độ Nga hoàng phản cách mạng và đã cố gắng ngăn cản không cho nhân dân nhìn thấy rõ kẻ thù thực sự của mình.

(II) "triệu hồi... đảng đoàn, điều đó sẽ làm nổi bật... cả tính chất của Đu-ma lẫn sách lược cách mạng của Đảng dân chủ - xã hội".

Đây là sự lặp lại luận điểm của phái triệu hồi ở Mát-xcơ-va cho rằng việc triệu hồi đảng đoàn sẽ nhấn mạnh rằng cách mạng không bị chôn vùi. Một kết luận như vậy — chúng tôi xin nhắc lại lời viết trên báo "Người vô sản", số 39 — sẽ chỉ "nhấn mạnh" *đám tang* những người dân chủ - xã hội nào có thể lập luận như vậy. Họ tự *chôn vùi* mình, chôn vùi cái danh nghĩa đảng viên dân chủ - xã hội của mình; họ đã mất sự nhạy cảm đối với công tác thật sự vô sản và cách mạng và, vì vậy, họ mới nặn óc nghĩ ra việc "nhấn mạnh" những câu cách mạng suông của mình.

(III) "dốc tất cả sức lực của mình ra để tổ chức và chuẩn bị cho... cuộc đấu tranh công khai..." (và vì vậy phải từ bỏ việc tuyên truyền công khai trên diễn đàn Đu-ma!)... "và cho việc tuyên truyền", v.v..

Phái triệu hồi đã quên một điều là nếu Đảng dân chủ - xã hội từ bỏ việc *tuyên truyền* trên diễn đàn Đu-ma thì thật chẳng ra thể thống gì cả.

1) Xem tập này, tr. 354 - 376.

Ở đây họ đưa ra cho chúng ta một luận cứ mà một số phần tử thuộc phái tối hậu thư đã lặp lại: "Tiêu phí sức lực vào công tác vô hy vọng trong Đu-ma, thì như thế là không hợp lý, hãy sử dụng *tất cả lực lượng* một cách có hiệu quả hơn". Đây không phải là một luận cứ về sự tính toán hợp lý hay không hợp lý mà là sự nguy hiểm, nó nhất định dẫn đến — điều này, một lần nữa, lại không phụ thuộc vào ý chí và nhận thức của các tác giả — những kết luận vô chính phủ chủ nghĩa. Vì bọn vô chính phủ chủ nghĩa ở *tất cả* các nước, trong khi vạch những sai lầm của các nghị sĩ dân chủ - xã hội, đều kêu gọi nên vứt bỏ "những sự bận rộn không đâu do chế độ đại nghị tư sản đẻ ra" và cần tập trung "tất cả lực lượng đó" vào "hành động trực tiếp" của tổ chức. Nhưng việc đó sẽ dẫn đến chỗ phá hoại tổ chức, đến chỗ thay thế công tác rộng rãi và toàn diện bằng những "khẩu hiệu" rỗng tuếch, bất lực vì tính chất xa rời thực tế. Chỉ có phái triệu hồi và phái tối hậu thư mới tưởng rằng luận cứ của mình là mới và nó *chấp* dụng cho Đu-ma III. Không đúng. Đây là một luận cứ thông thường, chung cho toàn châu Âu và *không* có tính chất dân chủ - xã hội.

Như vậy, chủ nghĩa triệu hồi và chủ nghĩa tối hậu thư là bức biếm họa chủ nghĩa bôn-sê-vích. Do đâu mà có bức biếm họa ấy? Đương nhiên là phái men-sê-vích sẽ vội vã tuyên bố rằng do sai lầm của toàn bộ chủ nghĩa bôn-sê-vích. Kết luận như vậy chắc chắn là rất "có lợi" cho phái men-sê-vích. Chỉ tiếc rằng những sự kiện khách quan đã không chứng thực, mà lại còn bác bỏ kết luận đó. Các sự kiện khách quan ấy cho chúng ta thấy rằng không phải chỉ trong sự phát triển của chủ nghĩa bôn-sê-vích mà cả trong sự phát triển *toàn bộ* chủ nghĩa Mác ở Nga *nói chung*, đã có thời kỳ chủ nghĩa Mác bị biếm họa, và chủ nghĩa Mác

ở Nga đã được củng cố và lớn lên trong cuộc đấu tranh chống cơn sốt võ da đó do quá trình mở rộng phạm vi ảnh hưởng của nó đẻ ra. Chủ nghĩa Mác ở Nga đã xuất hiện vào thời kỳ đầu những năm 80 của thế kỷ trước nhờ các tác phẩm của một nhóm lưu vong (tức nhóm "Giải phóng lao động").

Nhưng, chỉ từ giữa những năm 90 của thế kỷ trước, khi "làn sóng" sách báo mác-xít và phong trào công nhân dân chủ - xã hội bắt đầu xuất hiện ở Nga, thì chủ nghĩa Mác mới trở thành một trào lưu tư tưởng xã hội Nga và một bộ phận cấu thành của phong trào công nhân ở Nga. Và kết quả ra sao? Làn sóng đó đã mang lại một *sự biếm họa chủ nghĩa Mác*, một mặt, dưới hình thức chủ nghĩa Xtơ-ru-vê, và mặt khác, dưới hình thức chủ nghĩa "Sự nghiệp công nhân" và "chủ nghĩa kinh tế". Sở dĩ chủ nghĩa Mác lớn lên và vững mạnh, là vì nó không che giấu những điểm bất đồng ý kiến, không dùng những thủ đoạn ngoại giao (như những người men-sê-vích đã làm đối với Ma-xlốp, Tsê-rê-va-nin, Cu-xcô-va, Prô-cô-pô-vích, Va-len-ti-nốp, Éc-man-xki và đồng bọn), trái lại nó đã và đang tiến hành một cuộc *tiến công* thẳng lợi chống những sự biếm họa do các điều kiện đáng buồn trong đời sống nước Nga, do bước ngoặt trong sự phát triển lịch sử của chủ nghĩa xã hội ở Nga đẻ ra. Và chủ nghĩa bôn-sê-vích sẽ lớn lên và sẽ được củng cố, vì nó không che giấu *bước đầu* của sự biếm họa đối với nó, do các điều kiện đáng buồn trong đời sống nước Nga và bước ngoặt của thời kỳ phản cách mạng đẻ ra; trái lại, nó công khai giải thích cho quần chúng thấy rõ việc phái triệu hồi và phái tối hậu thư đang đẩy đảng đoàn và đảng vào một đầm lầy như thế nào.

Phụ trương báo "Người vô sản", số 44, ngày 4 (17) tháng Tư 1909

Theo đúng bản đăng trong Phụ trương

"XU HƯỚNG TẢ" CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN

Vấn đề "xu hướng tả" của giai cấp tư sản công thương nghiệp từ lâu đã được nói đến trên báo chí hợp pháp ở nước ta. Người ta đã nhận thấy và thừa nhận rằng thỉnh thoảng báo chí của Đảng tháng Mười lại hăm hực chống cái Đu-ma "ruộng đất" (xin đọc là Đu-ma của bọn địa chủ - chủ nô) và chống chính sách tương ứng của chế độ Nga hoàng. Người ta đã nhận thấy và thừa nhận rằng cả một loạt các tổ chức nghiệp đoàn địa phương và toàn quốc của giới công thương già, — từ các sở giao dịch tỉnh đến "Hội đồng đại hội đại biểu giới công thương nghiệp", — trong những năm gần đây và đặc biệt trong thời gian gần đây, đều đã tỏ ra bất mãn đối với chính sách của bọn địa chủ. Các báo chí hợp pháp đó đã tả lại "cuộc kết nghĩa anh em giữa các nhà triệu phú với giới khoa học" ở Mát-xcơ-va, tức là những cuộc họp kín không cho công chúng biết, giữa những tên đầu sỏ tư bản ở Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua như Cre-xtốp-ni-cốp, Gu-giôn, Vôn-xki và các tên khác, với các giáo sư và văn sĩ thuộc Đảng dân chủ - lập hiến như Ma-nu-i-lốp, Xtơ-ru-vê, Ki-dê-vét-te và bè lũ. Chẳng cần phải nói cũng thấy rõ là báo chí của phái tự do, kể cả báo chí của phái men-sê-vích, đều hý hửng trước mỗi tin tức như vậy và dùng đủ mọi điệu để loan báo về việc chủ nghĩa tự do được hồi phục và đổi mới.

"Xu hướng tả" nổi tiếng đó của giai cấp tư sản đã được thể hiện trong các biện pháp "chính trị" của chính phủ Nga hoàng và trong các lời phát biểu ở Đu-ma. Ngài Ti-mi-ri-a-dép, con cưng của giới thương nghiệp Nga, — đồng thời là một tên cáo già trong giới quan liêu, — đã được bổ nhiệm làm bộ trưởng Bộ công thương nghiệp. Ngày 13 tháng Ba, ông ta đã đọc tại Đu-ma một bài diễn văn dài "có tính chất cương lĩnh", — trong tất cả các nghị viện Trăm đen và tư sản hay đơn thuần tư sản trên thế giới, thì những bài diễn văn như thế của các bộ trưởng được gọi là những diễn văn có tính chất cương lĩnh, đặc biệt chỉ "để cho có vẻ quan trọng". Trên thực tế, vị bộ trưởng của Nga hoàng không trình bày một cương lĩnh nào cả, mà, như thường lệ, chỉ phát biểu những lời hoàn toàn rỗng tuếch, gặt gù một cách lịch thiệp với bọn tư bản, còn đối với giai cấp công nhân thì đe dọa, đương nhiên có kết hợp những lời đe dọa với lời lẽ tỏ sự "thông cảm" theo lối quan liêu giả nhân giả nghĩa. Ngày 19 tháng Ba, vị bộ trưởng đó và bọn cầm đầu của giới tư bản đã lại ôm hôn nhau ở Mát-xcơ-va trong một phiên họp của Sở giao dịch Mát-xcơ-va, tại đây Ti-mi-ri-a-dép và Cre-xtốp-ni-cốp đã trao đổi những bài diễn văn lịch thiệp. Trong lời chào mừng Ti-mi-ri-a-dép rất tôn kính, Cre-xtốp-ni-cốp đã nói: "Nước Nga đang ốm, nhưng nếu chữa chạy một cách thích đáng thì bệnh đó sẽ không trầm trọng và chóng khỏi". Còn Ti-mi-ri-a-dép thì, trong lời cảm ơn Cre-xtốp-ni-cốp rất tôn kính, đã nhân danh chính phủ mà nói lên sự hoàn toàn đồng ý sẵn sàng dùng các biện pháp của Xtô-lư-pin đã được khảo nghiệm của "thời kỳ quá độ" để "chăm sóc" bệnh nhân.

Thử hỏi, những nguyên nhân khách quan nào đã khiến cho giai cấp tư sản có "xu hướng tả" và ý nghĩa giai cấp của việc đó ra sao? Trên tạp chí "Phục hưng"¹⁵⁷ (số 1-2), đồng chí Mác-tốp đã trả lời những câu hỏi đó với một thái độ thẳng thắn và rõ ràng — một điều khá là không

bình thường đối với nhà văn ấy — trong bài báo nhan đề là: "Xu hướng tả" của giai cấp tư sản". Đồng chí ấy viết: "Cuộc sống đã chứng tỏ rằng nếu sự phát triển kinh tế đã chín muồi khiến cuộc cải tạo có tính chất tư sản có thể tiến hành được, mà giai cấp tư sản lại không thể là động lực của cuộc cải tạo đó, thì điều ấy chỉ có nghĩa là: chừng nào giai cấp đó chưa phát triển đến mức độ trở thành động lực của cuộc cải cách xã hội, thì cuộc cải cách đó không thể hoàn thành được". Ở đoạn khác lại viết: "Người nào cho rằng hiến pháp hiện hành là sự liên hợp ít nhiều mang tính chất hữu cơ giữa giai cấp quý tộc và giai cấp tư sản, với tư cách là những "nhân tố phản cách mạng" như nhau, thì người đó sẽ chỉ thấy trong các hiện tượng nói trên" (tức là hiện tượng giai cấp tư sản có "xu hướng tả"), "những tình tiết cục bộ, không có mối liên hệ tất yếu với xu hướng cơ bản của sự phát triển xã hội... Chỉ có những ai tin chắc a priori¹⁾ rằng tiến trình phát triển xã hội nhất định sẽ dẫn giai cấp tư sản Nga, với tư cách là một giai cấp, đến chỗ đối lập gay gắt với chế độ... ngày 3 tháng Sáu, chỉ có những người đó mới cho rằng các hiện tượng đứng tách riêng ấy có thể có một ý nghĩa có tính chất triệu chứng".

Hãy so sánh bài đó với bài đăng trên báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 12: ..."chúng tôi tán thành đề nghị của các đồng chí Cáp-ca-dơ (tức là đề nghị của Đan, Ác-xen-rốt và Xê-mê-nốp tại hội nghị đại biểu mới đây của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga) nói rằng nên coi chế độ quân chủ Nga không phải là một chế độ quân chủ "tư sản" mà là một chế độ quân chủ "tài phiệt", vì điểm sửa đổi này phủ nhận luận điểm hoàn toàn không đúng của nghị quyết bôn-sê-vích, cho rằng chế độ Nga hoàng đã bắt đầu đại biểu cho lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản".

1) — tiên nghiệm

Ở đây, chúng ta thấy toàn bộ lý luận chính trị cùng với toàn bộ các kết luận của chủ nghĩa men-sê-vích. Nếu cuộc cách mạng ở nước ta là cách mạng tư sản, và chừng nào giai cấp tư sản chưa trở thành động lực của cuộc cách mạng đó, thì cách mạng tư sản không thể hoàn thành được. Việc giai cấp tư sản có "xu hướng tả" chứng minh rằng giai cấp đó đang trở thành động lực của cách mạng, cho nên không thể nói nó là phản cách mạng được. Chế độ Nga hoàng đang trở thành một chế độ tài phiệt chứ không trở thành một chế độ tư sản. Tất nhiên, điều đó dẫn đến chỗ bảo vệ sách lược cơ hội chủ nghĩa của đảng công nhân trong cuộc cách mạng tư sản ở nước ta, theo đó giai cấp vô sản phải ủng hộ phái tự do, đối lập với cái sách lược theo đó giai cấp vô sản phải lôi kéo nông dân về mình, phải nắm vai trò lãnh đạo trong cuộc cách mạng tư sản, bất chấp những sự dao động và phản bội của phái tự do.

Chúng ta nhận thấy rằng sách lược men-sê-vích là một sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác, dùng những từ "mác-xít" để che giấu nội dung phản mác-xít. Cơ sở của sách lược đó là phương pháp suy luận của phái tự do, khoác áo mác-xít, chứ không phải của những người mác-xít. Để chứng thực điểm ấy, chỉ cần nhìn tổng quát chẳng hạn vào lịch sử và kết cục của cuộc cách mạng tư sản Đức. Trên "Báo sông Ranh mới", Mác đã viết như sau về nguyên nhân thất bại của cuộc cách mạng năm 1848: "Giai cấp đại tư sản ngay từ đầu đã là phản cách mạng, vì khiếp sợ nhân dân, tức là công nhân và giai cấp tư sản dân chủ, nên đã ký kết liên minh phòng ngự và tiến công với phe phản động"¹⁵⁸. Mác và tất cả các người mác-xít Đức đều đứng trên quan điểm ấy để đánh giá cuộc cách mạng 1848 và sách lược tiếp theo sau của giai cấp tư sản Đức. Tính chất phản cách mạng của giai cấp đại tư sản không ngăn cản nó có "xu hướng tả", chẳng hạn vào lúc xảy ra cuộc xung đột xung quanh vấn đề lập

hiển vào những năm 60 của thế kỷ XIX. Nhưng do giai cấp vô sản không hành động độc lập và kiên quyết, nên "xu hướng tả" ấy không trở thành cách mạng, mà chỉ trở thành một phái đối lập nhút nhát, khiến cho chế độ quân chủ ngày càng biến thành một chế độ quân chủ - tư sản, và không phá hoại được sự liên minh giữa giai cấp tư sản với bọn gioong-ke, tức là bọn địa chủ phản động.

Những người mác-xít quan niệm như vậy đó. Trái lại, phái tự do cho rằng công nhân, với những yêu sách quá mức của họ, với tinh thần cách mạng không biết điều của họ, với lối công kích phái tự do một cách không đúng lúc của họ, đã đẩy những người có khả năng trở thành đồng minh với mình sang phe phản động, do đó đã làm cho sự nghiệp tự do ở Đức không đi tới thắng lợi.

Hoàn toàn rõ ràng là những người men-sê-vích ở nước ta đã dùng những danh từ mác-xít để che giấu việc họ xuyên tạc chủ nghĩa Mác, che giấu việc họ chuyển từ chủ nghĩa Mác sang chủ nghĩa tự do.

Cả ở Pháp sau năm 1789 lẫn ở Đức sau năm 1848, không còn nghi ngờ gì nữa, chế độ quân chủ đã tiến "thêm một bước trên con đường chuyển sang chế độ quân chủ - tư sản". Cũng không còn nghi ngờ gì nữa, sau cả hai cuộc cách mạng ấy, giai cấp tư sản đã trở thành phản cách mạng. Phải chăng điều đó có nghĩa là sau năm 1789 ở Pháp, và sau năm 1848 ở Đức, đã mất hết cơ sở để cho giai cấp tư sản có "xu hướng tả" và để cho một cuộc cách mạng tư sản mới sẽ bùng nổ nữa? Tất nhiên không phải thế. Chẳng hạn, giai cấp tư sản Pháp, mặc dù tính chất phản cách mạng của nó, đã có "xu hướng tả" vào năm 1830 và giai cấp tư sản Đức cũng vậy — vào những năm 1863 - 1864. Do giai cấp vô sản không hành động độc lập, do chỗ họ không dựa vào sự giúp đỡ của các tầng lớp cách mạng trong giai cấp tư sản để giành chính quyền, dù chỉ trong một thời gian ngắn, cho nên việc giai cấp tư sản có

"xu hướng tả" không dẫn đến cách mạng (như ở Đức) mà chỉ dẫn đến chỗ tiến thêm một bước trên con đường biến chế độ quân chủ thành chế độ quân chủ - tư sản. Do giai cấp vô sản hành động độc lập, liên minh với các tầng lớp cách mạng trong giai cấp tư sản, mà giành được chính quyền sau khi lật đổ chính quyền cũ (như đã xảy ra nhiều lần ở Pháp vào thế kỷ XIX), cho nên việc giai cấp tư sản có "xu hướng tả" đã trở thành màn giáo đầu cho một cuộc cách mạng tư sản mới.

Những người men-sê-vích ở nước ta đã quên và đã xuyên tạc những điều sơ đẳng ấy của lịch sử khi họ chuyển sang quan điểm của phái tự do: theo quan điểm đó, chừng nào giai cấp tư sản chưa trở thành động lực thì cách mạng tư sản không thể xảy ra ở Nga được! Đó là hoàn toàn không hiểu phép biện chứng lịch sử và các bài học của thế kỷ XIX. Trái lại, chừng nào giai cấp vô sản, liên minh với các phần tử cách mạng trong giai cấp tư sản (ở nước ta, đó là giai cấp nông dân), chưa trở thành một động lực độc lập, bất chấp những sự dao động và phản bội của giai cấp tư sản ngả nghiêng và phản cách mạng, thì cách mạng tư sản không thể xảy ra ở Nga được.

Các đồng chí men-sê-vích thân mến, chế độ Nga hoàng đã bắt đầu biến thành chế độ quân chủ "tài phiệt", "đã bắt đầu đại biểu cho lợi ích giai cấp của giai cấp tư sản" dưới thời A-lếch-xan-đrơ II, chứ không phải dưới thời Ni-cô-lai II. Nhưng nó không thể đại biểu cho lợi ích ấy, nếu không có một *tổ chức* giai cấp độc lập của giai cấp tư sản. Cuộc cách mạng 1905 đã nâng chúng ta lên một trình độ hết sức cao, và cuộc đấu tranh cũ lại được tái diễn trong tình hình các quan hệ chính trị phát triển hơn. Đu-ma III là sự liên minh giữa *các tổ chức* chính trị của bọn địa chủ và giai cấp đại tư sản, đó là một sự liên minh chính thức về mặt chính trị trên phạm vi toàn quốc. Chế độ Nga hoàng có ý định dựa vào *các tổ chức* của hai giai cấp ấy để giải quyết

các nhiệm vụ lịch sử tất yếu khách quan. Liệu nó có thực hiện nổi ý định đó không?

Không. Thực ra, không phải chỉ có chế độ Nga hoàng tài phiệt, trong đó không có cơ quan đại diện có tính chất toàn quốc của các giai cấp "thượng lưu", mà cả chế độ Nga hoàng nửa tư sản, dựa vào Đu-ma Trăm đen và tư sản nữa, cũng đều không thể giải quyết nổi nhiệm vụ đó. Chính Đu-ma đang giúp chế độ Nga hoàng giải quyết nhiệm vụ ấy. Nhưng sự giúp đỡ ấy còn ít ỏi. Một sự kiện *khách quan* đã khiến cho giai cấp tư sản có "xu hướng tả": đó là, mặc dù chế độ Nga hoàng có được cách tân theo kiểu Xtô-lư-pin, thì cũng *không bảo đảm* được bước phát triển có tính chất tư sản. Cũng như thời kỳ trước năm 1905, tức thời kỳ chế độ Nga hoàng không thành lập được một cơ quan đại diện nào, việc bọn địa chủ và bọn thủ lĩnh quý tộc có "xu hướng tả" là triệu chứng của một cuộc khủng hoảng đang chín muồi, thì năm 1909, tức thời kỳ chế độ Nga hoàng đã cho bọn Cre-xtốp-ni-cốp thành lập cơ quan đại diện có tính chất toàn quốc, việc bọn đầu sỏ ấy có "xu hướng tả" là một *triệu chứng* tỏ ra rằng "các nhiệm vụ khách quan của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Nga vẫn chưa được giải quyết", rằng "những nhân tố *cơ bản* gây nên cuộc cách mạng 1905 vẫn còn tiếp tục có tác dụng" (nghị quyết của hội nghị về tình hình hiện tại).

Những người men-sê-vích chỉ biết lập luận như sau: cuộc cách mạng ở nước ta có tính chất tư sản, và giai cấp tư sản nước ta đang có "xu hướng tả". Nhưng lập luận như thế có nghĩa là biến chủ nghĩa Mác từ chỗ là "kim chỉ nam cho hành động" thành một mớ câu chữ chết cứng, có nghĩa là xuyên tạc chủ nghĩa Mác, là thực tế theo quan điểm của chủ nghĩa tự do. Có thể có một cuộc cách mạng tư sản, trong đó giai cấp vô sản không thu lấy được một thắng lợi triệt để nào, kết quả là chế độ quân chủ cũ sẽ chậm chạp biến thành chế độ quân chủ - tư sản và

tư sản - đế quốc chủ nghĩa (thí dụ: nước Đức). Có thể có một cuộc cách mạng tư sản, trong đó giai cấp vô sản có một loạt hành động độc lập, đem lại cả những thắng lợi triệt để, cả những thất bại nặng nề, kết quả là sẽ thành lập ra một chế độ cộng hòa tư sản (thí dụ: nước Pháp).

Thử hỏi: lịch sử nước Nga đã giải quyết vấn đề chọn con đường này hay con đường kia chưa? Phải men-sê-vích không hiểu vấn đề đó, họ sợ đặt vấn đề đó, họ lẩn tránh vấn đề đó, mà không nhận ra rằng lẩn tránh vấn đề đó có nghĩa là — trên thực tế, trong chính sách của họ — họ đã theo đuổi giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Chúng tôi nghĩ rằng lịch sử nước Nga vẫn chưa giải quyết vấn đề đó; rằng cuộc đấu tranh của các giai cấp vào những năm sắp tới sẽ giải quyết vấn đề đó; rằng đợt thứ nhất của cuộc cách mạng tư sản ở nước ta (năm 1905 - 1907) đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng giai cấp tư sản nước ta có tính chất hoàn toàn ngả nghiêng và phản cách mạng, rằng giai cấp vô sản nước ta có khả năng trở thành *lãnh tụ* của cuộc cách mạng thắng lợi, rằng quần chúng nông dân dân chủ có khả năng giúp giai cấp vô sản đưa cuộc cách mạng đó tới thắng lợi.

Và ở đây, chúng ta lại thấy quan điểm thuần túy tự do chủ nghĩa của những người men-sê-vích đối với nông dân thuộc phái *lao động* ở nước ta. Phái men-sê-vích nói: phái lao động mang đầy ảo tưởng tiểu tư sản, cuộc đấu tranh của họ đòi ruộng đất được tiến hành dưới những khẩu hiệu vô nghĩa và phản động như xã hội hóa ruộng đất hoặc hưởng dụng bình quân ruộng đất; — "do đấy", cuộc đấu tranh của phái lao động đòi ruộng đất sẽ *làm yếu* cuộc đấu tranh giành tự do, thắng lợi của phái lao động sẽ là thắng lợi có tính chất phản động của nông thôn đối với thành thị, — đấy là kết luận của những nghị luận của Mác-tư-nốp trên báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 10 - 11, và của

những nghị luận của Mác-tốp trong văn tập "Phong trào xã hội ở Nga vào đầu thế kỷ XX".

Kiểu đánh giá như vậy về nông dân thuộc phái lao động là sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác một cách quá quắt chẳng kém gì những nghị luận nói trên về cách mạng tư sản. Nếu người mác-xít không biết phân tích ý nghĩa *thực tế* của cuộc đấu tranh cách mạng chống toàn bộ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ hiện nay núp dưới cái vỏ *học thuyết* dân túy, vốn là một học thuyết thật sự vô lý, viển vông và phản động, nếu lại đánh giá học thuyết đó như là một học thuyết xã hội chủ nghĩa, thì đây là một giáo điều xấu xa nhất. Phái men-sê-vích tỏ ra vô cùng mù quáng và không hiểu phép biện chứng của chủ nghĩa Mác, khi họ không thấy rằng trong điều kiện sinh hoạt của nông dân Nga, tinh thần cách mạng dân chủ - tư sản của họ, về mặt tư tưởng, không thể biểu hiện ra bằng cách nào khác ngoài hình thức "tin tưởng" vào tác dụng cứu thế của chế độ bình quân trong sử dụng ruộng đất. "Những điều có thể là sai lầm về mặt hình thức - kinh tế thì lại có thể là chân lý về mặt lịch sử - toàn thế giới"¹⁵⁹, — những người men-sê-vích ở nước ta không bao giờ có thể hiểu được lời nói ấy của Ăng-ghen. Trong khi vạch trần *sai lầm* của *học thuyết* dân túy, thì họ, những người thông thái rởm, lại nhắm mắt không nhìn thấy *chân lý* của cuộc đấu tranh hiện tại trong cuộc cách mạng tư sản hiện tại, chân lý ấy được thể hiện bằng các học thuyết quasi¹⁾ - xã hội chủ nghĩa đó.

Còn chúng tôi thì nói: phải kiên quyết đấu tranh chống các học thuyết quasi - xã hội chủ nghĩa của phái lao động, của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, của bọn xã hội chủ nghĩa nhân dân và bè lũ, nhưng phải thẳng thắn kiên quyết thừa nhận khối *liên minh* giữa giai cấp vô sản với nông dân cách mạng trong cuộc cách mạng *tư sản*. Thắng lợi của

1) — giả hiệu

cuộc cách mạng đó sẽ xua tan như mây khói học thuyết về tác dụng cứu thế của chế độ bình quân trong việc sử dụng ruộng đất, nhưng trong cuộc đấu tranh hiện nay, chính thông qua học thuyết ấy mà quần chúng nông dân đang biểu thị cái bề rộng, cái sức mạnh, tính dũng cảm, sự nhiệt tình, lòng chân thành và tính chất vô địch của hoạt động lịch sử của họ, hoạt động ấy sẽ đưa nước Nga đến chỗ gột sạch được tất cả mọi tàn tích của chế độ nông nô.

Phái men-sê-vích lập luận: giai cấp tư sản có xu hướng tả, đảo chủ nghĩa không tưởng của phái lao động, hoan nghênh việc ủng hộ giai cấp tư sản. Còn chúng tôi thì nói: giai cấp tư sản có xu hướng tả, điều đó có nghĩa là kho thuốc nổ của cuộc cách mạng Nga đang tích lũy thêm thuốc nổ mới. Nếu hôm nay bọn Cre-xtốp-ni-cốp nói: "Nước Nga đang ốm", — thì như thế có nghĩa là ngày mai, giai cấp vô sản xã hội chủ nghĩa, giai cấp dẫn dắt nông dân dân chủ theo mình, sẽ hành động và sẽ nói: "Chúng tôi sẽ chữa cho nước Nga khỏi bệnh!".

"Người vô sản", số 44,
ngày 8 (21) tháng Tư 1909

Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"

VỀ THÁI ĐỘ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Bài diễn văn của đại biểu Xước-cốp đọc tại Đu-ma nhà nước trong cuộc tranh luận về dự toán ngân sách của Hội đồng thánh giáo, và các cuộc thảo luận trong nội bộ đảng đoàn của chúng ta về bản dự thảo diễn văn ấy, — những cuộc thảo luận này sẽ được trình bày dưới đây, — đã làm nảy ra một vấn đề thời sự vô cùng quan trọng đúng trong lúc này¹⁶⁰. Một điều không thể nghi ngờ được là hiện nay, sự quan tâm đối với mọi cái có liên quan đến tôn giáo đã lan tới những giới rộng rãi trong "xã hội" và đã ăn sâu vào các giới trí thức gần gũi với phong trào công nhân, cũng như vào một vài bộ phận trong công nhân. Vì vậy, Đảng dân chủ - xã hội tự thấy mình hoàn toàn có trách nhiệm phải lên tiếng tỏ rõ thái độ của mình đối với tôn giáo.

Đảng dân chủ - xã hội xây dựng toàn bộ quan điểm của mình trên cơ sở chủ nghĩa xã hội khoa học, nghĩa là trên cơ sở chủ nghĩa Mác. Như Mác và Ăng-ghe-n đã tuyên bố nhiều lần, cơ sở triết học của chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa duy vật biện chứng, một chủ nghĩa đã hoàn toàn hấp thụ những truyền thống lịch sử của chủ nghĩa duy vật của thế kỷ XVIII ở Pháp và của Phơ-bách ở Đức (nửa đầu thế kỷ XIX), tức là chủ nghĩa duy vật tuyệt đối vô thần, kiên quyết thù địch với mọi tôn giáo. Chúng ta hãy nhắc lại rằng toàn bộ cuốn "Chống Duy-rinh" của Ăng-ghe-n, — mà Mác có đọc bản thảo, — đã công kích nhà duy vật và vô thần Duy-

rinh là đã thiếu cương quyết giữ vững lập trường tư tưởng chủ nghĩa duy vật của mình, đã để lại kẽ hở cho tôn giáo và triết học tôn giáo. Chúng ta hãy nhớ lại rằng trong tác phẩm nói về Lút-vích Phơ-bách, Ăng-ghe-n trách Phơ-bách là đã đấu tranh với tôn giáo không phải nhằm mục đích tiêu diệt nó, mà là nhằm nhào nặn nó lại, chế tạo ra một thứ tôn giáo mới, "cao thượng", v. v.. Tôn giáo là thuốc phiện đối với nhân dân, — câu nói đó của Mác là hòn đá tảng của toàn bộ quan điểm của chủ nghĩa Mác trong vấn đề tôn giáo¹⁶¹. Chủ nghĩa Mác bao giờ cũng coi tôn giáo và các giáo hội, tất cả các tổ chức tôn giáo hiện có, đều là những cơ quan của thế lực phản động tư sản, dùng để bảo vệ chế độ bóc lột và đầu độc giai cấp công nhân.

Song Ăng-ghe-n lại cũng đã nhiều lần lên án các mưu toan của những kẻ muốn tỏ ra "tả hơn" hoặc "cách mạng hơn" những người dân chủ - xã hội, muốn ghi vào cương lĩnh của đảng công nhân việc công khai thừa nhận chủ nghĩa vô thần theo cái nghĩa là tuyên chiến với tôn giáo. Năm 1874, khi nói về bản tuyên ngôn nổi tiếng của những người công xã lánh nạn, tức là phái Bläss-ki lưu vong sang Luân-đôn, Ăng-ghe-n đã coi lời tuyên chiến âm ĩ của họ với tôn giáo là đại dột; Ăng-ghe-n khẳng định rằng: tuyên chiến như thế là một phương pháp tốt nhất làm khích động thêm sự quan tâm của người ta đối với tôn giáo, và làm cho tôn giáo đi đến chỗ tiêu vong thực sự một cách khó khăn hơn. Ăng-ghe-n chỉ trích phái Bläss-ki là đã không hiểu rằng chỉ có cuộc đấu tranh giai cấp của quần chúng công nhân, thu hút một cách toàn diện những tầng lớp rộng rãi nhất trong giai cấp vô sản để họ tham gia vào *hoạt động* xã hội, tự giác và cách mạng, mới có thể thật sự giải phóng cho quần chúng bị áp bức khỏi ách tôn giáo, còn như tuyên chiến với tôn giáo, coi đó là nhiệm vụ chính trị của đảng công nhân, thì đó chỉ là một luận điệu vô chính phủ chủ nghĩa¹⁶². Năm 1877, trong cuốn "Chống Duy-rinh", khi thẳng tay chỉ

trích bất cứ mọi sự nhượng bộ nhỏ nào của nhà triết học Duy-rinh đối với chủ nghĩa duy tâm và đối với tôn giáo, Ăng-ghe-n cũng đã đồng thời lên án một cách không kém cương quyết tư tưởng cách mạng giả hiệu của Duy-rinh chủ trương cấm tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Ăng-ghe-n nói: tuyên chiến với tôn giáo như vậy là tỏ ra "Bi-xmác hơn ngay cả bản thân Bi-xmác", tức là phạm lại sự đại dột của cuộc đấu tranh của Bi-xmác chống các tầng lữ (cái gọi là cuộc "đấu tranh cho văn hóa" nổi tiếng, Kulturkampf, tức là cuộc đấu tranh do Bi-xmác tiến hành trong những năm 70 của thế kỷ XIX chống Đảng công giáo Đức là một đảng thuộc "phái giữa", bằng thủ đoạn dùng cảnh sát đàn áp Thiên chúa giáo). Với cuộc đấu tranh đó, Bi-xmác chỉ *củng cố thêm* chủ nghĩa tầng lữ chiến đấu của các tín đồ Thiên chúa giáo, chỉ làm hại sự nghiệp của nền văn hóa chân chính vì, đáng lẽ phải đặt những sự phân chia về mặt chính trị lên hàng đầu, thì Bi-xmác đã đặt những sự phân chia về mặt tôn giáo lên hàng đầu, cho nên Bi-xmác đã làm lạc hướng một số tầng lớp trong giai cấp công nhân và trong phái dân chủ, làm cho họ không chú ý đến những nhiệm vụ bức thiết của cuộc đấu tranh giai cấp và cách mạng, mà lại hướng vào việc chống chủ nghĩa tầng lữ là một việc hời hợt nhất và có tính chất lừa bịp theo kiểu tư sản nhất. Trong khi chỉ trích Duy-rinh là đã muốn tỏ ra cực kỳ cách mạng, muốn tái phạm chính sự đại dột đó của Bi-xmác dưới một hình thức khác, Ăng-ghe-n đã đồng thời đòi hỏi đảng công nhân phải ra sức kiên trì tiến hành công tác tổ chức và giáo dục giai cấp vô sản, công tác đó sẽ đưa tôn giáo đến chỗ tiêu vong, chứ không phải lao vào những cuộc phiêu lưu đấu tranh chính trị chống tôn giáo¹⁶³. Quan điểm đó đã thấm vào tận xương tủy Đảng dân chủ - xã hội Đức, chẳng hạn đảng ấy đã chủ trương để cho những giáo sĩ dòng Tên được tự do, được vào đất Đức, chủ trương thủ tiêu mọi biện pháp dùng cảnh sát đàn áp

tôn giáo này hay tôn giáo nọ. "Tuyên bố tôn giáo là một việc của tư nhân". Điểm nổi tiếng ấy trong Cương lĩnh Ăc-phuya (1891), đã xác định sách lược chính trị đó của Đảng dân chủ - xã hội.

Sách lược ấy từ nay đã thủ cựu; nó đã gây ra một sự xuyên tạc mới đối với chủ nghĩa Mác, theo một hướng ngược lại, tức là theo hướng chủ nghĩa cơ hội. Người ta bắt đầu giải thích những luận điểm của Cương lĩnh Ăc-phuya như thế này: những người dân chủ - xã hội chúng ta, đảng ta coi tôn giáo là một việc của tư nhân; và đối với chúng ta những người dân chủ - xã hội, đối với chúng ta với tư cách là đảng, thì tôn giáo là một việc của tư nhân. Tuy Ăng-ghe-n không tiến hành một cuộc luận chiến công khai với quan điểm cơ hội chủ nghĩa ấy, nhưng trong những năm 90 của thế kỷ XIX, Người đã thấy cần thiết phải chống lại nó một cách kiên quyết không phải dưới hình thức luận chiến, mà dưới một hình thức xây dựng. Thật vậy, Ăng-ghe-n đã làm việc đó bằng cách ra một bản tuyên bố mà Người đã có dụng ý nhấn mạnh, nói rằng Đảng dân chủ - xã hội coi tôn giáo là một việc của tư nhân *đối với nhà nước*, chứ không phải đối với bản thân Đảng dân chủ - xã hội, không phải đối với chủ nghĩa Mác, không phải đối với đảng công nhân¹⁶⁴.

Đó là biểu hiện bề ngoài của tất cả những ý kiến mà Mác và Ăng-ghe-n đã từng phát biểu về vấn đề tôn giáo. Đối với những người có thái độ coi thường chủ nghĩa Mác, đối với những người không biết hoặc không muốn suy nghĩ, thì những ý kiến đã từng phát biểu đó là một mớ mâu thuẫn phi lý và những dao động của chủ nghĩa Mác: một thứ hổ lốn gồm chủ nghĩa vô thần "triệt để" và những "sự ve vãn" tôn giáo; một thứ dao động "vô nguyên tắc" giữa việc đả kích quá ư cách mạng chống Chúa trời và cái ý sợ sệt muốn "lấy lòng" những công nhân sùng đạo, muốn làm cho họ không khiếp sợ, v. v. và v. v.. Trong sách báo của bọn nói

suông vô chính phủ chủ nghĩa, người ta có thể thấy khá nhiều lời công kích chủ nghĩa Mác theo kiểu đó.

Nhưng người nào hơi có khả năng nhận xét về chủ nghĩa Mác một cách nghiêm chỉnh, nghiên ngẫm về những nguyên lý triết học của chủ nghĩa Mác và về kinh nghiệm của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, thì sẽ dễ dàng nhận thấy rằng sách lược của chủ nghĩa Mác đối với tôn giáo là một sách lược vô cùng triệt để và đã được Mác và Ăng-ghe-nen suy nghĩ rất chín chắn; rằng những điều mà những kẻ thông thái róm hoặc những kẻ ngu dốt cho là những sự dao động, thì đó chỉ là một kết luận trực tiếp và tất nhiên rút ra từ chủ nghĩa duy vật biện chứng mà thôi. Nếu tưởng rằng "thái độ ôn hòa" bề ngoài của chủ nghĩa Mác đối với tôn giáo là xuất phát từ những lý do gọi là "có tính chất sách lược", tức là muốn "làm cho họ không khiếp sợ", v. v., thì sẽ là một sai lầm lớn. Ngược lại, cả trong vấn đề này nữa, đường lối chính trị của chủ nghĩa Mác cũng gắn chặt với những nguyên lý triết học của nó.

Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa duy vật. Chính vì vậy mà nó cũng đối địch với tôn giáo một cách quyết liệt chẳng khác gì chủ nghĩa duy vật của nhóm Bách khoa toàn thư thế kỷ XVIII, hay chủ nghĩa duy vật của Phơ-bách. Đó là điều không thể chối cãi được. Nhưng do vận dụng triết học duy vật vào lĩnh vực lịch sử, vào lĩnh vực các khoa học xã hội, nên chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác và Ăng-ghe-nen đi xa hơn nhóm Bách khoa toàn thư và Phơ-bách. Chúng ta phải đấu tranh chống tôn giáo. Đó là điều sơ đẳng của *toàn bộ* chủ nghĩa duy vật, và do đó, của chủ nghĩa Mác. Nhưng chủ nghĩa Mác không phải là thứ chủ nghĩa duy vật chỉ đứng lại ở điều sơ đẳng ấy. Chủ nghĩa Mác đi xa hơn nữa. Chủ nghĩa Mác nói: phải *biết cách* đấu tranh chống tôn giáo, nhưng muốn thế thì phải lấy quan điểm *duy vật* mà giải thích nguồn gốc tín ngưỡng và nguồn gốc tôn giáo của quần chúng. Không nên chỉ bó hẹp cuộc đấu tranh chống tôn giáo

trong một cuộc tuyên truyền trừu tượng về mặt tư tưởng: không nên quy cuộc đấu tranh chống tôn giáo thành một cuộc tuyên truyền như thế; phải gắn liền cuộc đấu tranh ấy với thực tiễn cụ thể của phong trào giai cấp nhằm tiêu diệt nguồn gốc xã hội của tôn giáo. Tại sao tôn giáo lại duy trì được trong các tầng lớp lạc hậu của giai cấp vô sản thành thị, trong các tầng lớp rộng rãi của giai cấp nửa vô sản, cũng như trong quần chúng nông dân? Những người tiên tiến trong giai cấp tư sản, những người cấp tiến hay những người duy vật trong giai cấp tư sản trả lời rằng: đó là do tình trạng ngu dốt của nhân dân. Và như vậy thì đả đảo tôn giáo, hoan hô chủ nghĩa vô thần, và truyền bá những tư tưởng vô thần là nhiệm vụ chính của chúng ta. Người mác-xít nói: không đúng. Đó là quan điểm văn hóa chủ nghĩa nông cạn, chật hẹp kiểu tư sản. Một quan điểm như thế không giải thích được khá sâu sắc nguồn gốc của tôn giáo, không giải thích theo quan điểm duy vật mà là theo quan điểm duy tâm. Trong các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, những nguồn gốc ấy của tôn giáo chủ yếu là những nguồn gốc *xã hội*. Sự áp bức đối với quần chúng lao động về mặt xã hội, tình trạng có vẻ hoàn toàn bất lực của họ trước những thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản đang hàng ngày hàng giờ gây ra cho những người lao động bình thường những nỗi thống khổ cực kỳ ghê gớm, những sự đau thương thật là khủng khiếp, nhiều gấp nghìn lần so với những biến cố phi thường như chiến tranh, động đất, v.v. — đó là những nguồn gốc sâu xa nhất hiện nay của tôn giáo. "Sợ hãi đã tạo ra thần linh". Sợ hãi trước thế lực mù quáng của tư bản, — mù quáng vì quần chúng nhân dân không thể đoán trước được nó, — là thế lực bất cứ lúc nào trong đời sống của người vô sản và người tiểu chủ, cũng đe dọa đem lại cho họ và đang đem lại cho họ sự phá sản "đột ngột", "bất ngờ", "ngẫu nhiên", làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ

bản cùng, một giá điểm, và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là *nguồn gốc* sâu xa của tôn giáo hiện đại mà người duy vật phải chú ý đến trước hết và trên hết, nếu người ấy không muốn cứ mãi mãi là một người duy vật sơ đẳng. Không một quyển sách tuyên truyền nào sẽ tẩy trừ được tôn giáo trong đám quần chúng bị nhà tù tư bản làm cho dần dần, bị lệ thuộc vào những thế lực phá hoại mù quáng của chủ nghĩa tư bản, chùng nào mà đám quần chúng ấy vẫn chưa học tập đấu tranh một cách đoàn kết nhất trí, có tổ chức, có kế hoạch, và có ý thức, chống các *nguồn gốc* ấy của tôn giáo, chống *sự thống trị của tư bản* dưới tất cả mọi hình thức của nó.

Nhưng như thế có phải là sách tuyên truyền chống tôn giáo là có hại hay vô ích không? Không. Câu kết luận nhất thiết phải rút ra thì hoàn toàn khác hẳn. Tức là, sự tuyên truyền của Đảng dân chủ - xã hội về chủ nghĩa vô thần phải *phục vụ* nhiệm vụ cơ bản của đảng: phải phục vụ việc phát triển cuộc đấu tranh giai cấp của *quần chúng* bị bóc lột chống bọn bóc lột.

Người nào không nghiên ngẫm về những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tức là của triết học Mác và Ăng-ghe-n, thì có thể không hiểu được (hay ít ra là không thể hiểu ngay được) luận điểm trên đây. Tại sao như vậy? Tại sao việc tuyên truyền về tư tưởng, việc truyền bá một số tư tưởng, việc đấu tranh chống một kẻ thù của văn hóa và tiến bộ, một kẻ thù vốn đã gây tác hại từ mấy nghìn năm nay (tức là tôn giáo), lại phải phục vụ cuộc đấu tranh giai cấp, nghĩa là cuộc đấu tranh cho những mục tiêu thực tiễn nhất định trong lĩnh vực kinh tế và chính trị?

Ý kiến bác lại đó là một trong số những ý kiến mà người ta thường dùng để chống lại chủ nghĩa Mác; những ý kiến bác lại đó chứng tỏ một sự hoàn toàn không hiểu phép biện chứng mác-xít. Điều làm cho những người có ý kiến bác lại ấy phải rối trí, chính là cái mâu thuẫn sinh

động trong thực tế sinh động, nghĩa là một thứ mâu thuẫn biện chứng, chứ không phải mâu thuẫn trên lời nói, và cũng không phải là mâu thuẫn được bịa ra. Ngăn cách bằng một hàng rào tuyệt đối, không thể vượt qua được, sự tuyên truyền chủ nghĩa vô thần về mặt lý luận, – tức là việc đả phá những tín ngưỡng tôn giáo trong một số tầng lớp trong giai cấp vô sản, – với sự thành công, tiến trình và những điều kiện của cuộc đấu tranh giai cấp của các tầng lớp ấy, thì có nghĩa là lập luận một cách không biện chứng, là biến một hàng rào di động, tương đối, thành một hàng rào tuyệt đối, là đem tách rời một cách thô bạo những cái gì vốn mật thiết gắn liền với thực tế sinh động. Hãy lấy một thí dụ. Giá thử giai cấp vô sản trong một vùng hoặc một ngành công nghiệp nhất định, được phân thành một lớp những người dân chủ - xã hội khá giác ngộ, dĩ nhiên là vô thần, và bộ phận khác là những người công nhân khá lạc hậu, còn có những liên hệ với nông thôn và với giai cấp nông dân, họ còn tin vào Thượng đế, đi lễ nhà thờ, hay thậm chí còn chịu ảnh hưởng trực tiếp của linh mục địa phương là người đã tổ chức một hội công nhân theo đạo Thiên chúa, chẳng hạn. Và cũng giá thử rằng cuộc đấu tranh kinh tế ở nơi ấy đã đi đến chỗ bãi công. Người mác-xít nhất định phải đặt sự thắng lợi của phong trào bãi công lên hàng đầu, phải kiên quyết hành động chống sự phân chia công nhân trong cuộc đấu tranh ấy thành công nhân vô thần và công nhân theo đạo Thiên chúa, phải kiên quyết đả phá sự phân chia như thế. Trong những điều kiện đó, việc tuyên truyền cho chủ nghĩa vô thần có thể là thừa và có hại, nói như thế không phải là xuất phát từ quan điểm tầm thường sợ làm cho những tầng lớp lạc hậu hoảng sợ đâu, và sợ mất một ghề đại biểu trong cuộc bầu cử, v.v. đâu, mà là xuất phát từ quan điểm vì sự tiến bộ thật sự của cuộc đấu tranh giai cấp, trong điều kiện xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, cuộc đấu tranh giai cấp ấy sẽ đưa những

công nhân theo đạo Thiên chúa đến với Đảng dân chủ - xã hội và với chủ nghĩa vô thần, dẫn đến một cách trăm lần có hiệu quả hơn là chỉ giản đơn tuyên truyền về chủ nghĩa vô thần. Trong một tình hình như thế, và trong những điều kiện ấy, người tuyên truyền cho chủ nghĩa vô thần *chỉ làm lợi cho* giáo trưởng, cho tất cả các giáo trưởng, vì những giáo trưởng này không mong gì hơn là đem sự phân chia công nhân theo nguyên tắc lấy sự tín ngưỡng của họ vào Chúa làm tiêu chuẩn thay thế cho sự phân chia công nhân theo nguyên tắc lấy sự tham gia của họ vào cuộc bãi công làm tiêu chuẩn. Người vô chính phủ chủ nghĩa nào mà chủ trương cứ khai chiến cho bằng được với Thượng đế, thì thực tế sẽ giúp sức cho các giáo trưởng và giai cấp tư sản (*trong thực tế*, bọn vô chính phủ chủ nghĩa vẫn luôn luôn giúp cho giai cấp tư sản). Người mác-xít phải là người duy vật, nghĩa là kẻ thù của tôn giáo, nhưng phải là một người duy vật biện chứng, nghĩa là đặt vấn đề đấu tranh chống tôn giáo không phải một cách trừu tượng, không phải là căn cứ vào một cuộc tuyên truyền trừu tượng, thuần túy lý luận, lúc nào cũng giống lúc nào, mà là phải đặt vấn đề đó một cách cụ thể, căn cứ vào cuộc đấu tranh giai cấp *thực tế* đang diễn ra và có tác dụng giáo dục quần chúng nhiều hơn hết và có hiệu quả hơn hết. Người mác-xít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể; lúc nào cũng phải biết vạch rõ ranh giới giữa chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa cơ hội (ranh giới này tuy là tương đối, biến động, biến đổi luôn, nhưng có thật); không rơi vào "chủ nghĩa cách mạng" trừu tượng, trên đầu lưỡi, nhưng kỳ thật là rỗng tuếch của bọn vô chính phủ, cũng không rơi vào chủ nghĩa phi-li-xtanh và chủ nghĩa cơ hội của người tiểu tư sản hay người trí thức thuộc phái tự do là những người sợ đấu tranh với tôn giáo, quên mất sứ mệnh mà họ phải đảm nhiệm trong lĩnh vực ấy, dung nhận sự tín ngưỡng vào Thượng đế, và không xuất phát từ những lợi ích của cuộc

đấu tranh giai cấp, mà xuất phát từ một sự suy tính nhỏ nhen, ti tiện là: không làm mất lòng ai, không ruồng bỏ ai, không làm ai hoảng sợ, hành động theo một châm ngôn khôn ngoan hơn hết là: "Mình sống phận mình, và để yên cho người khác sống", v.v. và v.v..

Cần phải đứng trên quan điểm nói trên mà giải quyết tất cả những vấn đề có tính chất cục bộ liên quan đến thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với tôn giáo. Thí dụ, người ta thường đặt câu hỏi là một linh mục có thể trở thành đảng viên của Đảng dân chủ - xã hội được không. Đối với câu hỏi đó, người ta thường nêu kinh nghiệm của các đảng dân chủ - xã hội châu Âu để trả lời không chút e dè rằng: có thể được. Nhưng kinh nghiệm đó không những đã phát sinh do việc vận dụng chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân, mà còn do những điều kiện lịch sử đặc biệt của phương Tây, không có ở nước Nga (dưới đây chúng tôi sẽ nói đến những điều kiện ấy), thành thử ở đây mà trả lời khẳng định một cách vô điều kiện như thế là không đúng. Không nên nhất luật, và bất cứ trong trường hợp nào, cũng tuyên bố rằng các linh mục không thể trở thành đảng viên Đảng dân chủ - xã hội, nhưng lại càng không nên nhất luật tuyên bố ngược lại. Nếu có một linh mục nào lại cùng đi với chúng ta để cùng hoạt động chính trị, tận tâm làm tròn nhiệm vụ của mình trong đảng và không chống lại cương lĩnh của đảng, thì chúng ta có thể kết nạp người ấy vào hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội, bởi vì trong những điều kiện ấy, mâu thuẫn giữa tinh thần của cương lĩnh đảng ta và các nguyên tắc của cương lĩnh ấy với những tín ngưỡng tôn giáo của linh mục đó có thể vẫn chỉ là mâu thuẫn riêng của người đó, là việc riêng của bản thân người đó thôi; còn như đem kiểm tra các đảng viên của mình xem có phải trong người họ không có mâu thuẫn giữa quan điểm của họ với cương lĩnh của đảng không, thì một tổ chức chính trị không thể nào làm được. Nhưng đương nhiên là trường hợp

ấy chỉ có thể là một trường hợp ngoại lệ hiếm có ngay cả ở châu Âu; và do đó, trường hợp ấy lại càng khó mà có được ở nước Nga. Và nếu giả sử có một linh mục nào đã vào Đảng dân chủ - xã hội rồi, mà lại tiến hành việc tuyên truyền tích cực cho những quan niệm tôn giáo ở trong nội bộ đảng ấy, coi đó là công tác chủ yếu và gần như là công tác duy nhất của mình, thì đảng nhất thiết phải khai trừ linh mục ấy ra khỏi hàng ngũ của đảng. Chúng ta không những phải sẵn sàng kết nạp, mà còn cố gắng để thu hút vào trong Đảng dân chủ - xã hội tất cả những công nhân nào còn tin ở Thượng đế; chúng ta nhất định phản đối bất cứ một sự xúc phạm nhỏ nào đến những tín ngưỡng tôn giáo của họ, nhưng chúng ta thu hút họ để giáo dục họ theo tinh thần cương lĩnh của chúng ta, chứ không phải để họ tích cực chống lại cương lĩnh ấy. Chúng ta cho phép tự do phát biểu ý kiến *trong nội bộ* đảng, nhưng chỉ trong những giới hạn nào thôi, những giới hạn do cái quyền tự do lập nhóm quy định: chúng ta không bắt buộc cứ phải tay nắm tay cùng đi với những kẻ tuyên truyền tích cực cho những quan điểm mà đa số trong đảng đã bác bỏ.

Một thí dụ khác: liệu có thể nào trong mọi trường hợp, đều nhất luật lên án như nhau những đảng viên dân chủ - xã hội nào đã tuyên bố rằng: "Chủ nghĩa xã hội là tôn giáo của tôi", và đã tuyên truyền những quan điểm phù hợp với lời tuyên bố đó không? Không. Ở đây, sự xa rời chủ nghĩa Mác (và, do đó, xa rời chủ nghĩa xã hội) là điều không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng ý nghĩa của sự xa rời đó, hay có thể nói, tỷ trọng của nó, có thể tùy theo các điều kiện mà mỗi lúc một khác. Nếu người cổ động hay người diễn thuyết trước quần chúng công nhân nói như thế để cho dễ hiểu hơn, để mở đầu câu chuyện của mình, để làm nổi bật quan điểm của mình một cách thực tế hơn, bằng những lời lẽ quen thuộc nhất đối với quần chúng kém văn hóa, thì đó là một việc. Nhưng nếu một nhà văn nào bắt đầu tuyên

truyền cho "chủ nghĩa tạo thần", hoặc cho chủ nghĩa xã hội tạo thần (theo tinh thần chẳng hạn như của Lu-na-tsác-xki và phe nhóm ở nước ta) thì đó lại là việc khác. Trong trường hợp thứ nhất việc lên án có thể là một sự bới lông tìm vết, hoặc thậm chí còn là một sự xâm phạm không đúng chỗ đến quyền tự do cổ động, quyền tự do dùng những phương pháp "sự phạm" để tác động quần chúng, còn trong trường hợp thứ hai, việc đảng lên án lại càng là một sự cần thiết và bắt buộc. Luận điểm "chủ nghĩa xã hội là một tôn giáo", đối với những người này là một hình thức quá độ từ tôn giáo sang chủ nghĩa xã hội, còn đối với những người kia, là một hình thức quá độ từ chủ nghĩa xã hội sang tôn giáo.

Bây giờ chúng ta nói đến những điều kiện đã đề ra ở phương Tây lối giải thích có tính chất cơ hội chủ nghĩa về luận điểm: "tuyên bố tôn giáo là một việc của tư nhân". Dĩ nhiên là trong đó có cả ảnh hưởng của những nguyên nhân chung đã đề ra chủ nghĩa cơ hội nói chung, như là hy sinh những lợi ích cơ bản của phong trào công nhân vì những lợi ích chốc lát. Đảng của giai cấp vô sản đòi hỏi *nhà nước* phải tuyên bố rằng tôn giáo là một việc của tư nhân, nhưng như thế hoàn toàn không có nghĩa là đảng coi vấn đề đấu tranh chống thứ thuốc phiện đối với nhân dân, đấu tranh chống các mê tín tôn giáo, v.v., là một "việc của tư nhân" đâu. Bọn cơ hội chủ nghĩa xuyên tạc vấn đề cốt để làm cho người ta tưởng lầm rằng Đảng *dân chủ - xã hội* coi tôn giáo là một việc của tư nhân!

Nhưng ngoài sự xuyên tạc thông thường của bọn cơ hội chủ nghĩa ra (sự xuyên tạc này đã không hề được làm sáng tỏ trong các cuộc thảo luận do đảng đoàn của chúng ta tại Đu-ma đã tiến hành xung quanh bài tham luận về vấn đề tôn giáo), còn có những điều kiện lịch sử đặc biệt đã gây ra hiện nay một thái độ bàng quan, có thể nói là quá đáng, của những người dân chủ - xã hội châu Âu đối với vấn đề

tôn giáo. Những điều kiện đó có hai loại. Một là, cuộc đấu tranh chống tôn giáo là nhiệm vụ lịch sử của giai cấp tư sản cách mạng; và ở phương Tây, thì nhiệm vụ ấy do phái dân chủ tư sản đã hoàn thành được một phần lớn (hoặc đã có thực hiện) trong thời kỳ các cuộc cách mạng của giai cấp ấy, hay trong thời kỳ mà giai cấp ấy tấn công chế độ phong kiến và chế độ trung cổ. Ở Pháp cũng như ở Đức đều có một truyền thống của giai cấp tư sản đả phá tôn giáo, sự đả phá diễn ra từ lâu trước khi có chủ nghĩa xã hội (nhóm Bách khoa toàn thư, Phơ-bách). Ở Nga, do những điều kiện của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản của nước ta, nhiệm vụ ấy cũng gần như hoàn toàn đặt lên vai giai cấp công nhân. Về mặt này, phái dân chủ tiểu tư sản (phái dân túy) ở nước ta không phải đã làm được gì nhiều lắm đâu (như bọn dân chủ - lập hiến mới Trăm đen hay bọn Trăm đen dân chủ - lập hiến thuộc phái "Những cái móc"¹⁶⁵ vẫn tưởng) mà đã làm quá ít so với châu Âu.

Mặt khác, truyền thống của giai cấp tư sản đả phá tôn giáo đã tạo điều kiện ở châu Âu cho chủ nghĩa vô chính phủ xuyên tạc cuộc đả phá ấy một cách đặc biệt theo kiểu tư sản; như những người mác-xít đã từ lâu và nhiều lần giải thích rõ, bọn vô chính phủ chủ nghĩa này, mặc dù với tất cả sự "hùng hổ" của chúng trong việc đả kích giai cấp tư sản, nhưng chúng vẫn đứng trên thế giới quan tư sản. Bọn vô chính phủ chủ nghĩa và phái Błang-ki trong các nước la-tinh, Mô-xtơ (trước đây là một trong những học trò của Duy-rinh) và đồng bọn ở Đức, bọn vô chính phủ chủ nghĩa trong những năm 80 của thế kỷ XIX ở Áo, — tất cả những người ấy, trong cuộc đấu tranh chống tôn giáo, đã đưa cái luận điệu cách mạng ấy đến nec plus ultra¹⁾. Không lấy gì làm lạ là những người dân chủ - xã hội châu Âu hiện nay lại uốn quá cong cái gậy, đã được bọn vô chính phủ

1) — điểm tột cùng

chủ nghĩa uốn cong. Điều đó cũng dễ hiểu, và, trong một chừng mực nào đó, là một việc chính đáng; nhưng về phần chúng ta những người dân chủ - xã hội Nga, chúng ta không được quên những điều kiện lịch sử đặc biệt của phương Tây.

Hai là, ở phương Tây, sau khi các cuộc cách mạng tư sản dân tộc đã kết thúc, sau khi đã thực hiện một thứ quyền tự do tín ngưỡng tương đối đầy đủ, thì về phương diện lịch sử, vấn đề đấu tranh của phái dân chủ chống tôn giáo đã bị đẩy lùi xuống hàng thứ yếu trước cuộc đấu tranh của phái dân chủ - tư sản chống chủ nghĩa xã hội, đến nỗi các chính phủ tư sản đã tìm cách cố ý đánh lạc hướng quần chúng làm cho họ khỏi chú ý đến chủ nghĩa xã hội, bằng cách tổ chức một cuộc "tiến quân" quasi¹⁾ - tự do chủ nghĩa để chống chủ nghĩa tăng lữ. Cuộc Kulturkampf ở Đức, cũng như cuộc đấu tranh ở Pháp của phái cộng hòa tư sản chống chủ nghĩa tăng lữ, đều mang một tính chất như thế. Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống chủ nghĩa tăng lữ là một thủ đoạn để đánh lạc hướng quần chúng công nhân, làm cho họ khỏi chú ý đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều đã diễn ra ở phương Tây, trước khi người ta thấy trong những người dân chủ - xã hội có thái độ "bàng quan" hiện nay của họ đối với cuộc đấu tranh chống tôn giáo. Cả ở đây nữa, điều đó cũng dễ hiểu và cũng là chính đáng, bởi vì đối chọi lại cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản và của Bi-xmác chống chủ nghĩa tăng lữ thì những người dân chủ - xã hội phải đối lập lại chính bằng đem cuộc đấu tranh chống tôn giáo phục vụ cho cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội.

Điều kiện của nước Nga lại hoàn toàn khác hẳn. Giai cấp vô sản là lãnh tụ của cách mạng dân chủ - tư sản ở nước ta. Đảng của giai cấp vô sản phải là lãnh tụ tư tưởng trong cuộc đấu tranh chống tất cả mọi thứ trung cổ, kể cả

1) — có vẻ

thứ tôn giáo cũ quan phương, và chống tất cả những mưu toan đổi mới nó hay xây dựng nó lại khác trước, v.v.. Vì vậy, nếu như Ăng-ghe-n đã uốn nắn, bằng những lời lẽ tương đối mềm mỏng, chủ nghĩa cơ hội của những người dân chủ - xã hội Đức là những người đã lấy *lời tuyên bố* rằng tôn giáo là một việc của tư nhân đối với bản thân những người dân chủ - xã hội và đối với Đảng dân chủ - xã hội, để thay vào cái yêu sách của đảng công nhân đòi *nhà nước* phải tuyên bố rằng tôn giáo là một việc của tư nhân, — thì mọi người đều nhận thấy rằng việc bọn cơ hội chủ nghĩa Nga lặp lại sự xuyên tạc ấy của người Đức thật đáng bị Ăng-ghe-n lên án gấp *một trăm lần* kịch liệt hơn.

Đảng đoàn của chúng ta tuyên bố trên diễn đàn Đu-ma rằng tôn giáo là thuốc phiện đối với nhân dân, hành động như thế là hoàn toàn đúng; như thế, đảng đoàn ta đã tạo ra một tiền lệ đáng được dùng làm cơ sở cho tất cả các bản tham luận của những người dân chủ - xã hội Nga về vấn đề tôn giáo. Có cần phải đi xa hơn nữa và phát triển sâu hơn nữa những lời kết luận vô thần ấy, không? Chúng tôi nghĩ rằng không cần. Bởi vì không khéo điều đó sẽ có thể làm cho chính đảng của giai cấp vô sản khuếch đại quá đáng ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống tôn giáo; sẽ có thể đưa đến chỗ xóa nhòa ranh giới giữa cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản và cuộc đấu tranh của những người xã hội chủ nghĩa chống tôn giáo. Nhiệm vụ thứ nhất mà đảng đoàn Đảng dân chủ - xã hội tại Đu-ma Trăm đen phải gánh vác đã được hoàn thành một cách vinh quang.

Nhiệm vụ thứ hai, và có thể là nhiệm vụ chủ yếu cũng nên, của Đảng dân chủ - xã hội là giải thích rõ vai trò giai cấp của giáo hội và giới tăng lữ đang ủng hộ chính phủ Trăm đen và giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống giai cấp công nhân; cả nhiệm vụ này cũng đã được hoàn thành một cách vinh quang. Dĩ nhiên, còn có thể nói rất nhiều nữa về vấn đề này, và những bản

tham luận sau này của những người dân chủ - xã hội sẽ có thể nêu thêm những điều bổ sung cho diễn văn của đồng chí Xuốc-cốp, nhưng đầu sao bài diễn văn của đồng chí ấy cũng xuất sắc, và việc tất cả các tổ chức của đảng phải phổ biến bài diễn văn ấy là nhiệm vụ trực tiếp của đảng ta.

Nhiệm vụ thứ ba là giải thích hết sức rành rọt ý nghĩa *đúng đắn* của luận điểm rất thường bị bọn cơ hội chủ nghĩa Đức xuyên tạc, tức là luận điểm "tuyên bố tôn giáo là một việc của tư nhân". Tiếc rằng đồng chí Xuốc-cốp đã không làm việc đó. Đáng tiếc hơn nữa là trong hoạt động vừa qua của đảng đoàn đồng chí Bê-lô-u-xốp đã phạm sai lầm trong vấn đề này, sai lầm mà báo "*Người vô sản*" đã nêu lên kịp thời¹⁶⁶. Tình hình thảo luận trong đảng đoàn đã cho ta thấy vì quá chú ý đến chủ nghĩa vô thần, nên đảng đoàn đã quên mất sự cần thiết phải trình bày một cách đúng đắn cái vấn đề gọi là yêu sách lừng tiếng tuyên bố tôn giáo là một việc của tư nhân. Chúng ta sẽ không đổ lỗi cho một mình đồng chí Xuốc-cốp, điều sai lầm ấy là của cả đảng đoàn. Không những thế, chúng ta còn thẳng thắn nhận rằng đó là lỗi của toàn đảng chúng ta đã không giải thích đầy đủ vấn đề ấy, đã không giáo dục đầy đủ cho những người dân chủ - xã hội thấm nhuần ý nghĩa trong lời nhận xét của Ăng-ghe-n về bọn cơ hội chủ nghĩa Đức. Những cuộc thảo luận trong đảng đoàn chứng minh rằng đó chính là do không hiểu rõ vấn đề, chứ hoàn toàn không phải là không muốn coi trọng học thuyết Mác. Chúng ta tin chắc rằng sai lầm đó sẽ được sửa chữa trong các bản tham luận sau này của đảng đoàn.

Xin nhắc lại rằng diễn văn của đồng chí Xuốc-cốp, xét về toàn bộ, là xuất sắc và phải được tất cả các tổ chức của đảng phổ biến. Cuộc thảo luận về diễn văn ấy trong nội bộ đảng đoàn đã chứng minh rằng đảng đoàn đã tận tâm làm tròn nhiệm vụ dân chủ - xã hội của mình. Chỉ còn mong rằng báo chí của đảng sẽ đăng một cách thường xuyên hơn

nữa những bài tường thuật về các cuộc thảo luận trong nội bộ đảng đoàn, để làm cho đảng đoàn đi sát với đảng hơn, để trình bày cho đảng thấy được công tác khó mà đảng đoàn đã tiến hành trong nội bộ của mình, để thực hiện sự thống nhất tư tưởng trong hoạt động của đảng và của đảng đoàn.

*"Người vô sản", số 45, ngày 13
(26) tháng Năm 1909*

*Theo đúng bản đăng trên báo
"Người vô sản"*

РОССИЙСКАЯ СОЦИАЛЬ-ДЕМОКРАТИЧЕСКАЯ РАБОЧАЯ ПАРТИЯ

„Пролетарии всех стран соединяйтесь!“

Клубъ редакціи „Пролетарій“

Въ Пятницѣ, 21-го Мая 1909 года

въ залѣ на *rue de Bretagne*, 49

тов. Ленинъ

прочтетъ рефератъ на тему:

„РЕЛИГИЯ

И

РАБОЧАЯ ПАРТИЯ“

По окончаніи реферата свободная дискуссія.

Начало въ 8^{1/2} ч. веч.

Плата за входъ **50** и **15** с. Входъ свободный для всѣхъ.

Рабочая Типографія

Thông báo
về buổi thuyết trình của V. I. Lê-nin
về «Tôn giáo và đảng công nhân». — 8 (21) tháng Năm 1909

Ảnh thu nhỏ

THÁI ĐỘ CỦA CÁC GIAI CẤP VÀ CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI ĐỐI VỚI TÔN GIÁO VÀ GIÁO HỘI

Những cuộc thảo luận tiến hành tại Đu-ma nhà nước về dự toán ngân sách của Hội đồng thánh giáo, về việc phục hồi các quyền cho những người đã hoàn tục và cuối cùng về những cộng đồng của cựu giáo, thật là những tài liệu hết sức bổ ích đối với những ai muốn biết thái độ của các chính đảng Nga đối với tôn giáo và giáo hội. Chúng ta hãy nghiên cứu tổng quát những tài liệu đó bằng cách đặc biệt bàn về những cuộc thảo luận về dự toán ngân sách của Hội đồng thánh giáo (chúng tôi còn chưa nhận được bản tường thuật tốc ký về các cuộc thảo luận khác).

Khi nghiên cứu những cuộc thảo luận ấy thì nhất định người ta phải đi đến kết luận đầu tiên rằng ở nước Nga, chủ nghĩa tăng lữ chiến đấu không những vẫn sống mà rõ ràng là đang mạnh lên và đang hoàn thiện tổ chức của nó. Ngày 16 tháng Tư, giáo chủ Mi-tơ-rô-phan đã tuyên bố: "khi mà nhân dân đã bầu chúng ta, thì hoạt động nghị viện của chúng ta chính là nhằm mục đích: ở trong Đu-ma, chúng ta phải đứng lên trên những sự phân chia đảng phái và cố gắng thành lập một nhóm tăng lữ mà quan điểm luân lý sẽ soi sáng mọi điều... Tại sao chúng ta bây giờ chưa đạt đến được cái vị trí lý tưởng đó?.. Lỗi đó là tại những kẻ cùng ngồi chung trên những ghế này, với các ngài" (nghĩa là với phái dân chủ - lập hiến và phái "tả"), "tức là những đại biểu tăng lữ thuộc phái đối lập. Chính họ là những

người trước tiên đã lên tiếng và tuyên bố rằng như vậy hoàn toàn có nghĩa là để ra một đảng tăng lữ, thế là điều hết sức không nên làm. Dĩ nhiên là người ta không thể nói đến chủ nghĩa tăng lữ của giáo hội chính thống Nga, ở nước ta chưa bao giờ có những xu hướng tương tự cả. Những mục đích mà chúng ta theo đuổi khi muốn thành lập một nhóm riêng lẻ là thuần túy có tính chất đạo đức và luân lý. Và bây giờ, thưa các ngài" (tức là phái dân chủ - lập hiến) "chính các ngài đã cho rằng chúng tôi phải chịu trách nhiệm về những sự chia rẽ và phân nhỏ gây ra do sự bất hòa mà những đại biểu phái tả đã mang vào trong khối cộng đồng anh em của chúng ta".

Giáo chủ Mi-tơ-rô-phan, trong bài diễn văn dốt nát đó, đã lòi đuôi ra: các ngài thấy không, phái tả đã có lỗi khi thuyết phục một bộ phận giáo trưởng trong Đu-ma là không nên thành lập một nhóm "đạo đức" đặc biệt (muốn đánh lừa nhân dân, thì dùng từ đó tốt hơn là dùng từ "tăng lữ")!

Ngày 13 tháng Năm, tức là một tháng sau, giáo chủ Ép-lô-gi đã đọc tại Đu-ma một "bản nghị quyết của giới tăng lữ trong Đu-ma" nói rằng: "tuyệt đại đa số các người trong giới tăng lữ chính thống tại Đu-ma nhận định"... rằng do "địa vị thống trị và đứng đầu của giáo hội chính thống", nên không thể thừa nhận cho những tín đồ cựu giáo được phép tự do tuyên truyền tín ngưỡng của mình và thành lập những cộng đồng cựu giáo mà không được phép trước, và được gọi những mục sư của họ là linh mục. "Quan điểm thuần túy đạo đức" của các giáo trưởng Nga chỉ đơn thuần là chủ nghĩa tăng lữ thôi. Còn về cái "tuyệt đại đa số" mà giáo chủ Ép-lô-gi đã nhân danh giới tăng lữ tại Đu-ma để phát biểu, thì chắc chắn là nó được hình thành nên với 29 linh mục thuộc phái hữu và phái hữu ôn hòa ở trong Đu-ma III, và có thể là cả với 8 linh mục thuộc phái tháng Mười nữa. Bốn linh mục thuộc nhóm tiến bộ và nhóm hòa

bình canh tân và một ở trong nhóm Ba-lan - Lít-va rõ ràng là ở vào phái đối lập.

Vậy cái "quan điểm thuần túy đạo đức, luân lý của tuyệt đại đa số những linh mục ở trong Đu-ma" (cần phải nói thêm là: Đu-ma ngày 3 tháng Sáu) là như thế nào? Đây là một vài đoạn trích trong bài diễn văn ấy: "Tất cả những điều tôi nói có nghĩa là không phải nhà nước, và tất nhiên không phải tiểu ban ngân sách, phải đóng vai chủ động trong những thay đổi ấy (thay đổi trong nội bộ giáo hội). Sự chủ động ấy phải xuất phát từ trong nội bộ giáo hội, chứ không phải từ bên ngoài. Giáo hội là một cơ quan thánh thần và vĩnh cửu, luật lệ của nó là không thay đổi, trong khi đó, thì những lý tưởng về đời sống của nhà nước, như mọi người đều biết, luôn luôn bị thay đổi" (giáo chủ Ép-lô-gi, ngày 14 tháng Tư). Diễn giả nêu ra một "tình hình tương tự đáng lo ngại trong lịch sử": hoàn tục những tài sản của giáo hội dưới triều đại Ê-ca-tê-ri-na II. Nhân vật ấy nói tiếp: "Ai có thể đảm bảo cho chúng tôi rằng tiểu ban ngân sách, mong muốn là trong năm nay các khoản tài chính của giáo hội phải đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước, thì sang năm nó sẽ không đề ra ý kiến là những khoản tài chính đó lại chuyển vào ngân khố nhà nước và, sau đó, nó sẽ không đề nghị trao quyền quản lý các khoản tài chính đó từ tay các nhà chức trách của giáo hội hoàn toàn vào tay nhà chức trách dân sự hoặc cho nhà nước?.. Những phép tắc của giáo hội đề ra rằng nếu người ta giao phó phần hồn của giáo dân cho một giáo chủ, thì người ta lại càng phải giao phó các tài sản của giáo hội cho giáo chủ đó... Ngày nay, bà mẹ tinh thần của các ngài, tức là giáo hội chính thống thiêng liêng, nói với các ngài (những đại biểu trong Đu-ma) không những là nói với các đại diện của nhân dân, mà còn là nói với những đứa con tinh thần của bà mẹ tinh thần đó" (như trên).

Đấy thật là chủ nghĩa tăng lữ thuần túy. Giáo hội đứng

trên nhà nước, vì cái gì là thần thánh và vĩnh cửu thì cao hơn cái gì là trần gian và tạm thời. Giáo hội không dung thứ cho nhà nước việc hoàn tục những tài sản giáo hội. Nó đòi hỏi có quyền giữ cương vị hàng đầu và một địa vị thống trị. Nó coi các đại biểu trong Đu-ma không những là – nói đúng ra không phải chủ yếu là – những đại diện của nhân dân, mà chủ yếu là "những đứa con tinh thần" của mình.

Đó không phải là những quan chức mặc áo chùng thâm, như nhân vật dân chủ - xã hội Xuốc-cốp đã nói, mà là những tên *chủ nỏ* mặc áo chùng thâm. Chính sách của đa số nhân viên của giáo hội ngồi ở trong Đu-ma III là nhằm bảo vệ công khai những đặc quyền đặc lợi phong kiến của giáo hội và của thời trung cổ. Giáo chủ Ép-lô-gi tuyệt nhiên không phải là một ngoại lệ. Ghê-pê-txơ-ki cũng vậy, hấn lớn tiếng chống lại việc "hoàn tục" mà hấn lên án đó là sự "lãng nhục" không thể tha thứ được (14 tháng Tư). Giáo trưởng Ma-skê-vích thì chửi bần báo cáo của *phái tháng Mười*, bản báo cáo này mưu toan "phá hoại những nền móng lịch sử và pháp quy mà toàn bộ đời sống giáo hội nước ta đã luôn luôn dựa trên đó và cần phải tiếp tục dựa trên đó" và muốn "làm cho đời sống và hoạt động của giáo hội chính thống Nga đi chệch con đường pháp quy để theo một con đường... trong đó những vua chúa thật sự của giáo hội, tức là những giáo chủ, phải nhường cho những vua chúa trần tục hầu như tất cả các quyền lợi mà họ đã thừa hưởng của các môn đồ đạo Thiên chúa"... "Đó không phải là cái gì khác... mà chỉ là một sự xúc phạm đối với sở hữu của người khác, đối với các quyền và tài sản của giáo hội". "Báo cáo viên muốn đi tới phá hủy cơ cấu pháp quy của đời sống giáo hội, ông ta muốn đem giáo hội chính thống và tất cả các chức năng kinh tế của nó phụ thuộc vào Đu-ma nhà nước, một thể chế gồm nhiều phần tử phức tạp nhất và có những tín ngưỡng tôn giáo không phải là luôn luôn được dung thứ trong nhà nước chúng ta" (14 tháng Tư).

Từ lâu, phái dân tụy và phái tự do Nga đã an ủi mình, hoặc nói đúng hơn, đã lừa dối mình bằng cách phát triển một "lý thuyết" theo đó thì ở Nga không có cơ sở cho một chủ nghĩa tăng lữ chiến đấu, cho một cuộc đấu tranh của các "vua chúa của giáo hội" chống lại chính quyền dân sự, v.v.. Đây là một trong những ảo tưởng của phái dân tụy và phái tự do mà cuộc cách mạng nước ta đã đánh tan. Chừng nào chế độ chuyên chế còn nguyên vẹn và không bị xâm phạm, thì chủ nghĩa tăng lữ chưa xuất đầu lộ diện. Quyền vạ năng của cảnh sát và của bộ máy quan liêu trước đây đã che mắt "xã hội" và nhân dân về cuộc đấu tranh giai cấp nói chung và cuộc đấu tranh do "những tên chủ nô mặc áo chùng thâm" tiến hành chống lại đám "dân đen ti tiện", nói riêng. Nhưng chỗ thủng đầu tiên do giai cấp vô sản cách mạng và giai cấp nông dân chọc thủng được trong cái chế độ chuyên chế nông nô đã phơi trần ra ánh sáng cái gì từ trước đến nay còn là bí mật. Khi giai cấp vô sản và những phần tử tiên tiến của phái dân chủ tư sản bắt đầu sử dụng quyền tự do chính trị, quyền tự do tổ chức quần chúng mà họ đã chiếm đoạt được vào cuối năm 1905, thì những giai cấp phản động đã lao ngay vào xây dựng tổ chức riêng và công khai của chúng. Nếu như các giai cấp đó hãy còn ở trong tình trạng chưa tổ chức nhau lại và không hoạt động công khai khi mà chế độ chuyên chế ngự trị hoàn toàn một mình, thì đó không phải là vì các giai cấp đó yếu, mà là vì các giai cấp đó mạnh, không phải là vì các giai cấp đó bất lực không thể tự tổ chức nhau lại và tiến hành đấu tranh chính trị, mà là vì lúc đó giai cấp đó chưa thật cần có một tổ chức giai cấp độc lập. Các giai cấp đó không tin rằng có thể có ở Nga một phong trào quần chúng chống lại chế độ chuyên chế và bọn chủ nô. Chúng hoàn toàn hy vọng rằng cái roi da là đủ để cai trị đám dân đen. Những vết thương đầu tiên mà chế độ chuyên chế phải chịu, đã buộc những phần

tử xã hội ủng hộ nó và cần đến nó, phải lộ ra cái bộ mặt không che đậy. Muốn tiến hành đấu tranh chống lại quần chúng đã có khả năng tạo ra sự kiện ngày 9 tháng Giêng, chống lại phong trào bãi công năm 1905 và cuộc cách mạng tháng Mười - tháng Chạp thì không thể *chỉ* dùng cái roi da cũ được. Phải tạo ra những tổ chức chính trị độc lập; Hội đồng liên hiệp quý tộc phải thành lập ra tổ chức Trăm đen và tiến hành mị dân một cách điên cuồng nhất; các "giáo chủ, tức những vua chúa của giáo hội" phải tổ chức giáo hội phản động thành một lực lượng độc lập.

Đặc điểm của Đu-ma III và của thời kỳ phản cách mạng ở Nga tương ứng với nó, chính là điểm dưới đây: sự tổ chức của lực lượng phản động đó đã trở thành hiển nhiên, sự tổ chức ấy đã bắt đầu được triển khai trên phạm vi toàn quốc và đã đòi hỏi một "nghị viện" Trăm đen - tư sản riêng biệt. Chủ nghĩa tăng lữ chiến đấu đã phơi bày bộ mặt thật của nó và phái dân chủ - xã hội Nga sẽ có nhiều dịp chứng kiến và tham gia những cuộc xung đột giữa giai cấp tư sản theo chủ nghĩa tăng lữ và giai cấp tư sản chống chủ nghĩa tăng lữ. Chúng ta có nhiệm vụ chung là giúp giai cấp vô sản đoàn kết lại thành một giai cấp riêng, có khả năng tách ra khỏi phái dân chủ tư sản. Điều đó bao hàm - ngoài các điều khác ra - nhiệm vụ sử dụng tất cả các phương tiện tuyên truyền và cổ động, kể cả diễn đàn của Đu-ma, để giải thích cho quần chúng rõ sự khác biệt giữa chủ nghĩa chống tăng lữ của tư sản và chủ nghĩa chống tăng lữ của vô sản.

Phái tháng Mười và phái dân chủ - lập hiến đã phát biểu tại Đu-ma III chống cánh cực hữu, chống các tăng lữ và chính phủ, họ đã giúp chúng ta làm được công việc đó dễ dàng rất nhiều, vì họ đã vạch ra một cách rõ ràng thái độ của giai cấp tư sản đối với giáo hội và tôn giáo. Hiện nay, báo chí hợp pháp của phái dân chủ - lập hiến và cả phái tự xưng là tiến bộ đặc biệt chú ý đến vấn đề phái cực giáo,

đến tình hình là phái thánh Mười đã cùng phái dân chủ - lập hiến phát biểu chống chính phủ, đến tình hình là họ đã "đi vào con đường cải cách", dù rằng chỉ là trong một chừng mực nhỏ, những cải cách này đã được hứa hẹn bởi sự kiện ngày 17 tháng Mười. Nhưng điều làm cho chúng ta quan tâm hơn cả là khía cạnh nguyên tắc của vấn đề, tức là thái độ của giai cấp tư sản nói chung, kể cả những phần tử mạo xưng là dân chủ - lập hiến, đối với tôn giáo và giáo hội. Chúng ta không nên để cho một vấn đề tương đối có tính chất cục bộ, như cuộc xung đột giữa những tín đồ cựu giáo và giáo hội thống trị, như thái độ của phái thánh Mười có liên hệ với những tín đồ cựu giáo và thậm chí bị phụ thuộc một phần nào vào họ trực tiếp về mặt tài chính (người ta nói rằng "Tiếng nói Mát-xơ-va"¹⁶⁷ là do những tín đồ cựu giáo trợ cấp), lại làm lu mờ vấn đề căn bản, tức là vấn đề lợi ích và chính sách của giai cấp tư sản với tư cách là một giai cấp.

Hãy xem bài diễn văn của bá tước U-va-rốp, cũng cùng một xu hướng với phái thánh Mười, nhưng đã ly khai nhóm đó. Phát biểu sau đại biểu dân chủ - xã hội Xuốc-cốp, y đã lập tức từ chối không đặt vấn đề trên cơ sở nguyên tắc, như vị đại biểu công nhân đã làm trước. Y chỉ đưa ra những lời đả kích Hội đồng thánh giáo và viên giám sát trưởng vì không chịu thông báo cho Đu-ma biết về một số thu nhập của giáo hội và về cách chi tiêu các khoản tiền của nhà chung. Người đại diện chính thức của phái thánh Mười là Ca-men-xki đã đề cập (ngày 16 tháng Tư) đến vấn đề cũng bằng cách đó và đòi khôi phục lại nhà chung "vì lợi ích tăng cường đạo chính thống". Tư tưởng đó đã được Ca-pu-xtin, một phần tử gọi là người thuộc "phái thánh Mười cánh tả", phát triển, ông này la hét lên rằng: "Nếu chúng ta xem xét đời sống nhân dân, đời sống dân cư nông thôn, thì chúng ta được chứng kiến một hiện tượng đau xót: đời sống tôn giáo bị lung lay, cái nền tảng quan trọng nhất,

cái nền tảng lớn nhất và duy nhất của trật tự đạo đức của dân cư bị lung lay... Có thể thay thế cái quan niệm về tội lỗi, cái tiếng nói của lương tri bằng cái gì được? Tất nhiên, không phải bằng cái khái niệm về đấu tranh giai cấp, khái niệm về quyền lợi của giai cấp này, giai cấp nọ. Đó là một khái niệm đau xót đã nhập vào đời sống hàng ngày của chúng ta. Vậy, nếu muốn cho tôn giáo, cơ sở của đạo đức, còn tồn tại được và toàn thể dân cư có thể đến với tôn giáo, thì những người truyền đạt tôn giáo phải được hưởng một quyền uy thích đáng...".

Người đại diện đó của giai cấp tư sản phản cách mạng muốn củng cố tôn giáo và củng cố ảnh hưởng của nó đối với quần chúng, vì y hiểu rằng những "quan chức mặc áo chùng thâm" là không đủ, là đã lỗi thời, rằng ngay họ cũng gây phương hại cho các giai cấp thống trị và *phá hoại* quyền uy của giáo hội. Nếu người của phái thánh Mười đả phá chủ nghĩa tăng lữ cực đoan và chế độ giám hộ cảnh sát, thì chính là *để củng cố* ảnh hưởng của tôn giáo trong quần chúng, và ít ra là phá bỏ một số phương pháp ngu dân, các phương pháp quá thô bạo, quá lỗi thời, quá mỏng manh, không đạt được kết quả gì cả, – để thay thế vào đó bằng những phương pháp tinh tế hơn và hoàn thiện hơn. Tôn giáo cảnh sát không còn đủ để làm cho quần chúng bị dẫn độ. Hãy đem lại cho chúng tôi một tôn giáo văn minh hơn, đã được đổi mới, mềm dẻo hơn và có thể có hiệu lực trong một xứ đạo tự trị. Đây là những yêu sách mà tư bản đề ra với chế độ chuyên chế.

Quan điểm đó được đảng viên dân chủ - lập hiến Ca-ra-u-lốp lặp lại *nguyên xi*. Tên phản bội "tự do chủ nghĩa" (đã từ phe "Dân ý" nhảy sang phái dân chủ - lập hiến cánh hữu) gào thét chống lại việc "phi quốc dân hóa giáo hội, có ý ám chỉ loại bỏ quần chúng nhân dân, những người thế tục, ra khỏi công cuộc xây dựng giáo hội". Y "*ghê sợ*" khi thấy (đấy là nguyên văn!) rằng quần chúng "đang mất tín ngưỡng".

Y hoàn toàn giống như Men-si-cốp, la hét lên rằng "giá trị cố hữu lớn lao của giáo hội đang giảm sút... khiến cho không những sự nghiệp của bản thân giáo hội, mà cả nhà nước nữa, cũng bị thiệt hại nặng". Y gọi đó là "lời vàng ngọc" cái luận điệu giả nhân giả nghĩa kinh tởm của kẻ cuồng tín Ép-lô-gi: "Nhiệm vụ của giáo hội là vĩnh cửu, bất di bất dịch và, do đó, không thể ràng buộc giáo hội với chính trị được". Và nếu như y phản đối lại sự liên minh của giáo hội với bọn Trăm đen, thì chính là vì cốt để cho giáo hội "mạnh hơn nhiều và quang vinh hơn nhiều, hoàn thành được sứ mạng to lớn và thần thánh của mình theo tinh thần Đức chúa trời, tức là với đầy tình yêu thương và tự do".

Đồng chí Bê-lô-u-xốp đã hoàn toàn có lý khi chế giễu những "lời lẽ trữ tình" đó của Ca-ra-u-lốp trên diễn đàn Đu-ma. Nhưng chỉ có những lời giễu cợt thì rất chưa đủ. Phải vạch ra — và hễ có dịp thuận tiện thì phải làm điều đó trên diễn đàn Đu-ma — rằng quan điểm của phái dân chủ - lập hiến là hoàn toàn giống như quan điểm của phái thánh Mười và không biểu thị cái gì khác ngoài ý muốn của bọn tư bản "có văn hóa", dùng những phương pháp lừa bịp của giáo hội tế nhị hơn là những phương pháp của các "cha" Nga bình thường vẫn sống trong cảnh cổ lỗ, để làm cho nhân dân bị dẫn dắt bằng thuốc phiện của tôn giáo.

Muốn duy trì nhân dân dưới chế độ nô lệ tinh thần, thì giáo hội phải liên minh chặt chẽ nhất với bọn Trăm đen; đây là ý kiến của bọn địa chủ dã man và của bọn bạo ngược cổ lỗ được phát biểu ra qua cửa miệng Pu-ri-skê-vích. Thưa các ngài, các ngài lâm rồi, — bọn tư sản phản cách mạng cãi lại qua cửa miệng của Ca-ra-u-lốp: với những phương pháp như vậy, các ngài chỉ làm được cái việc là tách nhân dân hoàn toàn khỏi tôn giáo. Phải hành động một cách thông minh hơn, có mách lới hơn, khôn khéo hơn: hãy xóa bỏ bọn Trăm đen, quá thô bạo và quá ngu ngốc, hãy tuyên chiến với việc "phi quốc dân hóa giáo hội" và hãy ghi lên lá cờ của chúng

ta những "lời vàng ngọc" của giáo chủ Ép-lô-gi khẳng định rằng giáo hội là ở trên chính trị. Chỉ có hành động như vậy chúng ta mới có thể lừa phỉnh được, dù chỉ là một bộ phận, những công nhân lạc hậu và nhất là những người tiểu tư sản và nông dân, chúng ta mới có thể giúp đỡ một giáo hội đổi mới để nó hoàn thành "sứ mạng to lớn và thánh thần" của mình là duy trì chế độ nô lệ tinh thần đối với quần chúng nhân dân.

Trong thời kỳ vừa qua, báo chí của phái tự do ở nước ta, kể cả báo "Ngôn luận", đã trách cứ nhiều Xtơ-ru-vê và bè lũ vì họ đã là các tác giả của văn tập "Những cái mốc". Nhưng Ca-ra-u-lốp, diễn giả chính thức của Đảng dân chủ - lập hiến tại Đu-ma nhà nước, đã chứng minh một cách hùng hồn tất cả sự giả nhân giả nghĩa đê tiện của những lời trách cứ đó và của những lời đoạ tuyệt đó với Xtơ-ru-vê và đồng bọn. Xtơ-ru-vê chỉ làm cái việc là nói to lên những điều mà Ca-ra-u-lốp và Mi-li-u-lốp nghĩ thầm. Nếu như phái tự do công kích Xtơ-ru-vê, chính *chỉ* vì y đã nói lộ sự thật một cách không thận trọng và đã quá đê lộ nước cờ. Phái tự do vừa đá kích phái "Những cái mốc", lại vừa tiếp tục ủng hộ Đảng dân chủ - lập hiến, chúng lừa dối nhân dân một cách trơ trẽn nhất; chúng lên án một *lời phát biểu* thành thật một cách thiếu thận trọng, nhưng chúng lại tiếp tục *làm* đúng cái *điều* giống với lời phát biểu ấy.

Không cần phải nói gì nhiều về thái độ của phái lao động tại Đu-ma trong những cuộc tranh luận đó. Bao giờ cũng vậy, người ta có thể nhận thấy một sự khác biệt rõ rệt giữa phái lao động nông dân và phái lao động trí thức, và sự khác biệt đó không có lợi cho phái lao động trí thức vì phái này luôn luôn sẵn sàng đi theo bọn dân chủ - lập hiến. Đúng là bài diễn văn của đại biểu nông dân Rô-giơ-cốp đã bộc lộ rằng vị đại biểu ấy đã thiếu ý thức chính trị đến mức nào: thật vậy, ông ta đã lấp lại những điều tầm thường của phái dân chủ - lập hiến, theo đó thì Liên

minh nhân dân Nga đã góp phần không phải là để củng cố tín ngưỡng, mà là làm giảm sút tín ngưỡng, và đã tỏ ra không biết trình bày được một bản cương lĩnh. Nhưng trái lại, ngay khi ông ta bắt đầu trình bày một cách mộc mạc tất cả sự trần trụi, không tô điểm, về những hành động vợ vét tiền bạc của giáo hội, về những hành động tống tiền của các cha cố, khi làm lễ cưới, ngoài tiền ra, còn đòi hỏi "một chai rượu vốt-ca, các thứ nhắm rượu và một phun-tơ chè, và có khi lại yêu cầu những điều mà tôi không dám nói ra tại diễn đàn này" (16 tháng Tư, bản tường thuật tốc ký, tr. 2259), thì cái Đu-ma Trăm đen không thể chịu đựng được nữa và sự ồn ào nổi lên trên các hàng ghế cánh hữu. "Đó là một điều phỉ báng, một điều quá quắt", bọn Trăm đen la lên như vậy, chúng đã hiểu rằng bài diễn văn chất phác đó của một đại biểu nông dân nói về những hành động vợ vét tiền của và về những "bảng giá" mà các cha cố bắt phải nộp để làm lễ cưới theo tôn giáo, có một ảnh hưởng cách mạng hóa quần chúng nhiều hơn là bất cứ một bản tuyên bố lý luận hoặc sách lược nào chống lại giáo hội hoặc tôn giáo. Vậy là cái bầy vây cánh của phe phản động, vốn bảo vệ chế độ chuyên chế tại Đu-ma III, đã làm áp lực đối với tên đầy tớ của mình là chủ tịch May-en-đoóc-phơ và đã buộc y phải cắt lời Rô-giơ-cốp không cho phát biểu nữa (các đại biểu dân chủ - xã hội được nhiều người thuộc phái lao động, phái dân chủ - lập hiến và nhiều người khác ủng hộ, đã lên tiếng phản đối hành động đó của viên chủ tịch).

Mặc dù tính chất cực kỳ sơ đẳng của nó, bài diễn văn của Rô-giơ-cốp, đại biểu nông dân thuộc phái lao động, đã chứng tỏ một cách tuyệt vời sự khác nhau một trời một vực giữa sự bảo vệ có tính chất giả nhân giả nghĩa và có ý đồ phản động của bọn dân chủ - lập hiến đối với tôn giáo với lòng mộ đạo nguyên thủy, không có ý thức và hủ lậu của người mu-gích; những điều kiện sinh

sống của người mu-gích này, — mặc dù anh ta không muốn mà cũng không hay — làm cho anh ta có một mối căm thù có tính chất thật sự cách mạng chống lại những hành động vợ vét tiền của ấy và tinh thần sẵn sàng tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống chế độ kiểu trung cổ. Bọn dân chủ - lập hiến là những đại diện của giai cấp tư sản phản cách mạng, là giai cấp muốn đổi mới và củng cố tôn giáo chống lại nhân dân. Những đại biểu như Rô-giơ-cốp là những đại diện của phái dân chủ tư sản cách mạng, phái này kém phát triển, bị áp bức, không có ý thức tự giác mà cũng không có tính độc lập, tản mạn, nhưng lại chứa đựng nguồn nghị lực cách mạng hoàn toàn chưa cạn cho cuộc đấu tranh chống bọn địa chủ, cha cố và chế độ chuyên chế.

Nhân vật Rô-da-cốp, một phần tử trí thức thuộc phái lao động, đi với bọn dân chủ - lập hiến một cách tự giác nhiều hơn so với Rô-giơ-cốp. Nếu như y đã biết nói về việc tách giáo hội ra khỏi nhà nước, — đó là một yêu sách của phái "tả", — thì y cũng đã không thể ngăn cản mình nói ra những câu phản động và tiểu tư sản về "một sự sửa đổi đạo luật bầu cử nhằm tách giáo hội ra khỏi cuộc đấu tranh chính trị". Tinh thần cách mạng vốn biểu hiện một cách tự phát ở một người mu-gích trung bình và điển hình, khi anh ta bắt đầu nói sự thật về cuộc sống hàng ngày của anh ta, nhưng ở người trí thức thuộc phái lao động, thì tinh thần cách mạng đó biến mất để được thay thế bằng những câu nói lờ mờ và có khi thật sự là khả ố. Đó là một bằng chứng nữa, bằng chứng thứ một trăm hoặc có lẽ thứ một nghìn, để xác nhận cho cái chân lý này: chỉ có đi theo giai cấp vô sản thì quần chúng nông dân Nga mới có khả năng đánh đổ cái ách nặng nề và tai hại biết bao của bọn địa chủ - chủ nô, của bọn chủ nô mặc áo chùng thâm và của bọn chủ nô ủng hộ chế độ chuyên chế.

Đại biểu dân chủ - xã hội, Xuốc-cốp, đại diện cho đảng công nhân và cho giai cấp công nhân, là đại biểu duy nhất

trong Đu-ma đã biết thật sự đặt cuộc tranh luận lên một tầm có tính nguyên tắc và trình bày không quanh co thái độ của giai cấp vô sản là như thế nào và thái độ của toàn thể phái dân chủ triệt để và đây sinh lực đối với giáo hội và tôn giáo là phải như thế nào. "Tôn giáo là thuốc phiện đối với nhân dân"... "Không được trợ cấp một đồng xu nào của nhân dân cho kẻ thù khát máu đó của nhân dân, vì bọn này làm mờ ý thức của nhân dân", — lời hô hào chiến đấu đó, rõ ràng, dũng cảm và thẳng thắn, do một đại biểu xã hội chủ nghĩa tung ra, đã thốt lên như một lời thách thức Đu-ma Trăm đen. Nó đã vang vọng trong hàng triệu người vô sản sắp đem truyền lan tiếng hô hào đó vào trong quần chúng, và biết biến nó thành hành động cách mạng khi thời cơ đến.

*"Người dân chủ - xã hội", số 6,
ngày 4 (17) tháng Sáu 1909*

*Theo đúng bản đăng
trên báo "Người dân
chủ - xã hội"*

CÁC TÀI LIỆU
CHUẨN BỊ

NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI
CHO BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT –
ĐƯỢC ĐƯA RA THẢO LUẬN
TẠI HỘI NGHỊ TOÀN THỂ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGÀ –
VỀ VIỆC TRIỆU TẬP
HỘI NGHỊ TOÀN NGÀ CỦA ĐẢNG¹⁶⁸

Ban chấp hành trung ương quyết định bắt đầu [bắt tay vào] tiến hành ngay các công việc chuẩn bị triệu tập hội nghị.

Ấn định thời hạn cuối cùng là ngày 1 tháng Mười một¹⁾.

*Đưa ra ngày 11 (24)
tháng Tám 1908*

*In lần đầu năm 1933 trong
Văn tập Lê-nin, t. XXV*

Theo đúng bản thảo

1) Những đoạn chữ nhỏ do I. Ph. Đu-brô-vin-xki viết.

**TÓM TẮT LỜI PHÁT BIỂU
VỀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC
TẠI HỘI NGHỊ V TOÀN ANH
CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN
DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH¹⁶⁹**

- I. Thành phần $\left(\begin{array}{l} 12 \text{ m ô n đ ồ} \\ 5 \text{ n h ậ n v ậ t [b ấ t] k h ả x ấ m p h ậ m} \\ \text{(v ớ i c ả i c h ứ c t h ầ n t h ầ n)}^{170} \end{array} \right)$

II. (A)

1. phong trào bãi công và sự tấn công cách mạng;
2. chủ nghĩa cải lương và cách mạng;
3. những nhiệm vụ của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc;
— đặt ra trước đại hội;
4. cách thức hoạt động trong các hội hợp pháp.

III. (B)

- (1) Đảng đoàn trong Đu-ma.
- (2) Các tờ báo hợp pháp.
- (3) Các hội hợp pháp.
- (4) Những người cổ động bất hợp pháp và những
khẩu hiệu bí mật của họ.

IV. (C)

Những bản nghị quyết và việc phổ biến những nghị quyết ấy...

V. (D)

Những người được tín nhiệm và sự đề bạt họ.

Viết xong ngày 24 tháng

Chạp 1908 (6 tháng Giêng 1909)

In lần đầu năm 1933 trong Văn tập

Lê-nin, t. XXV

Theo đúng bản thảo

ĐỀ CƯƠNG CÁC BÀI GIẢNG VỀ CHỦ NGHĨA MÁC¹⁷¹

<i>C hủ n g h ã M á c</i>	<i>Vấn đề ruộng đất</i>
(α) Học thuyết về giá trị thặng dư (Mehrwert).	(α) Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp.
(β) Sự phát triển kinh tế.	(β) Sản xuất nhỏ vs ¹⁾ sản xuất lớn.
(γ) Đấu tranh giai cấp.	(γ) Lao động làm thuê.
(δ) Chủ nghĩa duy vật triết học.	(δ) Địa tô.

-
- (α) 1. Những người xã hội chủ nghĩa trước kia: "không công bằng" etc. Biểu lộ tình cảm, chứ không phải sự hiểu biết.
2. "Nguyên tắc lao động" (ở Nga).
3. Sản xuất hàng hóa.
4. Chủ nghĩa tư bản. Học thuyết *Mehrwert*.
-
- (β) 1. Sự phát triển kinh tế. Công nghiệp (1907).
2. Những thợ thủ công Nga.
3. Nông nghiệp.
4. Đường sắt và các tơ-rốt.
5. Tư bản tài chính.

1) — versus — so với, đối lại với

6. Xã hội hóa sản xuất. *Lao động* xã hội hóa và sự *chiếm hữu cá nhân*.

-
- (γ) 1. Giai cấp vô sản và sự đoàn kết của nó (nông nô — vô sản lưu manh — vô sản).
2. Những cuộc bãi công lẻ tẻ. "Chiến tranh" với máy móc.
3. Công đoàn và phong trào.
4. Đấu tranh chính trị:
Nước Anh — phái tự do
Nước Pháp — phái cấp tiến (phái cộng hòa)
Nước Đức — phái tự do (những năm 60) và phái cơ hội chủ nghĩa.
5. Những mục tiêu cách mạng của giai cấp công nhân: tước đoạt bọn tư bản.
6. Cuộc đấu tranh cách mạng và cuộc đấu tranh nhằm thực hiện các cải cách.
-
- (δ) Chủ nghĩa duy vật triết học.
1. Học thuyết của Marx = một thế giới quan hoàn chỉnh.
2. 2 thế giới quan chủ yếu và những xuất phát điểm triết học: chủ nghĩa thầy tu và chủ nghĩa duy vật.
3. Ăng-ghen (Lút-vích Phơ-bách).
4. Nước Pháp năm 1789 — Hê-ghen và Phơ-bách nước Đức (trước năm 1848).
5. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
6. Nước Nga: Tséc-nư-sép-xki
phái dân túy
bọn cơ hội chủ nghĩa hiện nay (Bô-gđa-nốp).

Viết xong năm 1908 hoặc 1909

In lần đầu năm 1933 trong

Văn tập Lê-nin, t. XXV

Theo đúng bản thảo

**ĐỀ CƯƠNG BẢN THUYẾT TRÌNH
"TÌNH HÌNH HIỆN TẠI
CỦA NƯỚC NGA"¹⁷²**

I. Chế độ chuyên chế thay đổi theo hướng nào. Thành chế độ quân chủ tài phiệt hay quân chủ tư sản?

II. Đu-ma nhà nước III và "những thủ đoạn đấu tranh nghị trường". Một vài ý kiến về những câu nói cách mạng rỗng tuếch của Đảng "xã hội chủ nghĩa - cách mạng".

III. Chủ nghĩa sô-vanh của bọn dân chủ - lập hiến và những sự ngả nghiêng của phái lao động.

IV. Về những con người nông cuồng muốn "xông vào nơi mà họ đã bị đánh bại".

V. Cần tổ chức như thế nào việc Đảng dân chủ - xã hội lợi dụng hoạt động nghị trường ở Nga.

VI. Những người tích cực nhất hay là những kẻ yếu đuối nhất rời bỏ hàng ngũ dân chủ - xã hội? Tsê-rê-va-nin — một nhân vật văn học và một điển hình xã hội.

VII. Người ta học được gì qua kinh nghiệm của những người dân chủ - xã hội Đức trong thời kỳ có đạo luật đặc biệt.

VIII. Giai cấp vô sản và giới trí thức tiểu tư sản trong những ngày hội và trong những ngày bình thường của lịch sử.

*In trước ngày 10 tháng Hai
(lịch mới) 1909 trong thông báo về
buổi thuyết trình do nhóm trợ giúp,
số 2 ở Pa-ri của Đảng công nhân dân
chủ - xã hội Nga phát hành*

*Theo đúng bản in trong
thông báo*

**DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
CHƯA TÌM THẤY
CỦA V. I. LÊ-NIN**

CHÚ THÍCH

CÁC BẢN CHỈ DẪN

**THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA V. I. LÊ-NIN**

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
CỦA V. I. LÊ-NIN
CHO ĐẾN NAY CHƯA TÌM THẤY
(*Tháng Ba 1908 - tháng Sáu 1909*)

1908

THƯ GỬI A. V. LU-NA-TSÁC-XKI

Trong thư gửi A. M. Goóc-ki ngày 6 (19) tháng Tư 1908 V. I. Lê-nin có nói đến bức thư gửi cho A. V. Lu-na-tsác-xki giải thích lý do Lê-nin từ chối đến Ca-pri: "Tôi đã viết về vấn đề này cho A-n. Va-x-tsu¹⁾..." (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 156).

THƯ GỬI NGƯỜI NHÀ

Về những bức thư của V. I. Lê-nin gửi cho mẹ, cho M. A. U-li-a-nô-va, và cho chị gái A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va — những bức thư này cho đến nay chưa tìm thấy — người ta được biết qua những bức thư của Lê-nin gửi cho M. A. U-li-a-nô-va ngày 7 (20) tháng Sáu, ngày 27 tháng Mười một (10 tháng Chạp) 1908 và qua những bức thư gửi cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va ngày 13 (26) tháng Mười một, ngày 11 (24) tháng Chạp 1908, ngày 24 tháng Giêng (6 tháng Hai), ngày 3 hoặc 4 (16 hoặc 17) tháng Hai, ngày 24 tháng Hai (9 tháng Ba), ngày 8 (21) tháng Ba, ngày 26 tháng Ba (8 tháng Tư) 1909 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 308 - 309, 323 - 325 và 321 - 323, 327 - 329, 330 - 332, 342 - 344, 347 - 349, 357 - 358).

THƯ GỬI I-u. M. XTÊ-CLỐP

Trong bức thư gửi cho V. I. Lê-nin ngày 23 tháng Mười (5 tháng Mười một) 1908, I-u. M. Xtê-clốp có thông báo như sau: "Kính gửi Vla-đi-mia I-lích! Mãi đến hôm nay tôi mới ký được bản hợp đồng và mãi đến hôm nay tôi mới có điều kiện trả lời bức thư của đồng chí

1) — A-na-tô-li Va-xi-li-ê-vích

mà tôi đã nhận được cách đây 5 ngày" (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô). Trong thư từ trao đổi với Xtê-clốp nội dung được bàn đến là sự tham gia của Lê-nin vào một văn tập nói về thân thế và sự nghiệp của N. G. Tséc-nư-sép-xki. I-u. M. Xtê-clốp đề nghị Lê-nin viết một bài về đề tài "Tséc-nư-sép-xki với vấn đề nông dân" và đề nghị Lê-nin cho biết nội dung bức thư của Người gửi cho A. A. Bô-gđã-nốp. Lê-nin gửi cho A. A. Bô-gđã-nốp bức thư của I-u. M. Xtê-clốp kèm theo đoạn ghi chú của Lê-nin (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 47, tr. 166).

THƯ GỬI V. Đ. BÔN-TSƠ - BRU-Ê-VÍCH

Qua bức thư của V. Đ. Bôn-tơ - Bru-ê-vích gửi V. I. Lê-nin ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1908 người ta được biết là Lê-nin yêu cầu Bôn-tơ - Bru-ê-vích giúp vào việc công bố bức thư ngỏ của A. M. Góóc-ki nói về việc giúp đỡ cho thư viện Cu-clin ở Giơ-ne-vơ (đây là nói về việc gửi các tờ báo và các tài liệu thuộc thời kỳ cách mạng 1905 - 1907) (Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô).

BÁO CÁO "VỀ TÌNH HÌNH HIỆN TẠI VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG", NHỮNG BÀI DIỄN VĂN VÀ NHỮNG LỜI PHÁT BIỂU TẠI HỘI NGHỊ V TOÀN ANH VÀ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH

Bản báo cáo "Về tình hình hiện tại và nhiệm vụ của đảng" đã được Lê-nin đọc tại hội nghị ngày 23 tháng Chạp 1908 (5 tháng Giêng 1909).

Những tài liệu về bản báo cáo, về những bài diễn văn và phát biểu của Lê-nin tại hội nghị đều có ghi trong biên bản tóm tắt về các phiên họp của Hội nghị V toàn Anh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Anh, biên bản này được bảo quản trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

1908 - 1909 NHỮNG BỨC THƯ GỬI CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Những tài liệu về các bức thư chưa tìm thấy của V. I. Lê-nin gửi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa trong những năm 1908 - 1909 có ghi lại

trong các bức ảnh sao chụp một số trang các quyển sổ ghi các thư từ gửi đến và gửi đi của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa — các bức ảnh sao chụp này được bảo quản trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô và do C. Huy-xman trao lại cho Viện. Trong những sổ này có ghi ngày nhận được các bức thư của Lê-nin và nội dung tóm tắt những bức thư ấy; những đoạn ghi lại này chứng tỏ rằng trong những năm 1908 - 1909, Lê-nin đã trao đổi rất nhiều thư từ với C. Huy-xman, thư ký của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong những bức thư của mình Lê-nin thông báo về các khoản đóng góp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nộp cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, về những phiên họp toàn thể của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, về các vụ bắt bớ các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, về việc gửi bản báo cáo của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đến Đại hội Stút-ga nhân dịp chuẩn bị cho xuất bản bản tường thuật về Đại hội Stút-ga của Quốc tế II và v. v.. Trong hai bức thư Lê-nin đã yêu cầu Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa hãy giúp đỡ công nhân ngành da ở Vin-na lúc đó đang bãi công. Trong một bức thư Lê-nin đã trả lời các câu hỏi của C. Huy-xman về tổ chức dân chủ - xã hội bất hợp pháp ở Nga, về sự tồn tại Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Giơ-ne-vơ, yêu cầu Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho bí thư đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III biết những số liệu cần thiết về những vấn đề sau đây: về việc hạn chế ngày lao động, về công đoàn, về tiền lương cho các công nhân lao động chân tay và về chế độ bảo hiểm đối với công nhân mỏ.

1909

THƯ GỬI L. X. PÊ-RE-XÔ

Trong bức thư gửi cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va ngày 13 (26) tháng Năm 1909, V. I. Lê-nin cho biết là Người đã biên thư cho Pê-re-xô, một người đã tham gia công việc xuất bản cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 55, tr. 359 - 361).

DANH MỤC CÁC XUẤT BẢN PHẨM
VÀ VĂN KIẾN MÀ V. I. LÊ-NIN
ĐÃ THAM GIA HIỆU ĐÍNH

1908 - 1909

BÁO "NGƯỜI VÔ SẢN"

- Số 26 — (1 tháng Tư) ngày 19 tháng Ba 1908.
Số 27 — (8 tháng Tư) ngày 26 tháng Ba 1908.
Số 28 — (15) ngày 2 tháng Tư 1908.
Số 29 — (29) ngày 16 tháng Tư 1908.
Số 30 — (23) ngày 10 tháng Năm 1908.
Số 31 — (17) ngày 4 tháng Sáu 1908.
Số 32 — (15) ngày 2 tháng Bảy 1908.
Số 33 — (5 tháng Tám) ngày 23 tháng Bảy 1908.
Số 34 — (7 tháng Chín) ngày 25 tháng Tám 1908.
Số 35 — (24) ngày 11 tháng Chín 1908.
Số 36 — (16) ngày 3 tháng Mười 1908.
Số 37 — (29) ngày 16 tháng Mười 1908.
Số 38 — (14) ngày 1 tháng Mười một 1908.
Số 39 — (26) ngày 13 tháng Mười một 1908.
Số 40 — ngày 1 (14) tháng Chạp 1908.
Số 41 — ngày 7 (20) tháng Giêng 1909.
Số 42 — ngày 12 (25) tháng Hai 1909.
Số 43 — ngày 21 tháng Hai (6 tháng Ba) 1909.
Phụ trương của số 44 — ngày 4 (17) tháng Tư 1909.
Số 44 — ngày 8 (21) tháng Tư 1909.
Số 45 — ngày 13 (26) tháng Năm 1909.

"VỀ NHỮNG XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI"

Văn tập, Xanh Pê-téc-bua, Nhà xuất bản "Sáng tác", 1908.

Văn tập này được xuất bản vào khoảng giữa ngày 3 và 10 (16 và 23) tháng Tư 1908. Trên tờ bìa trong của văn tập này, trong số các tác giả khác — có lẽ số tác giả này cũng kiêm luôn biên tập viên xuất

bản phẩm kể trên — có ghi tên Lê-nin (Vl. I-lin). Trong văn tập này Lê-nin đã cho đăng bài báo của mình — có rút ngắn lại đôi chút — nhan đề "Tính chất trung lập của các công đoàn"; trước đó bài này đã được đăng toàn văn (ngày 4 tháng Ba (19 tháng Hai) 1908) trên báo "Người vô sản", số 22.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA
ĐỌC TẠI ĐẠI HỘI STÚT-GA CỦA QUỐC TẾ II

Bản báo cáo này, theo quy định, phải được đưa vào tập 3 hoặc tập 4 các bản báo cáo về Đại hội Stút-ga (1907), những tập này lúc đó đang được Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa chuẩn bị cho xuất bản. Bản báo cáo này không được đọc tại đại hội. Qua thư từ của V. I. Lê-nin trao đổi với C. Huy-xman, thư ký của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, vào những năm 1908 - 1909 người ta thấy rằng Lê-nin quan tâm đến việc chuẩn bị xuất bản các bản báo cáo của đại hội này, và Lê-nin đã gửi cho C. Huy-xman phần đầu bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong thư trả lời, Huy-xman thông báo cho Lê-nin biết là đã nhận được bản báo cáo.

1909

"THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA
VỀ HỘI NGHỊ TOÀN ĐẢNG THƯỜNG KỲ MỖI ĐÂY
CỦA ĐẢNG"

Paris, Ban chấp hành trung ương
Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản, [1909]

Bản "Thông báo" này được Ban chấp hành trung ương cho xuất bản chẳng bao lâu sau Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng — báo "Người dân chủ - xã hội", số 2, ngày 28 tháng Giêng (10 tháng Hai) 1909 — trong mục thông báo về hoạt động của hội nghị có viện dẫn các nghị quyết của hội nghị, những nghị quyết này được công bố trong bản "Thông báo" của Ban chấp hành trung ương.

BÁO "NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI"

- Số 2 — (28 tháng Giêng) ngày 10 tháng Hai 1909.
Số 3 — ngày 9 (22) tháng Ba 1909.

Số 4 — ngày 21 (8) tháng Tư 1909.

Số 5 — (23 tháng Tư) ngày 6 tháng Năm 1909.

Số 6 — ngày 4 (17) tháng Sáu 1909.

R. LÚC-XĂM-BUA. "CƠN SAY CÁCH MẠNG"

Bài báo của R. Lúc-xăm-bua — nhan đề "Cơn say cách mạng", nhằm chống phái triệu hồi và phái tối hậu thư — đã được đăng ngày 8 (21) tháng Tư 1909 trên báo "Người vô sản", số 44.

Có những tài liệu chứng tỏ V. I. Lê-nin đã hiệu đính bài này, những tài liệu này có ở trong các văn kiện được bảo quản tại Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

CHÚ THÍCH

¹ Bài "*Đi vào con đường thẳng*" được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 26.

"*Người vô sản*" — tờ báo bất hợp pháp của đảng bôn-sê-vích. Xuất bản từ ngày 21 tháng Tám (ngày 3 tháng Chín) 1906 đến ngày 28 tháng Mười một (ngày 11 tháng Chạp) 1909, do V. I. Lê-nin chủ biên; ra được 50 số. Tham gia tích cực công tác biên tập có M. Ph. Vla-đi-mia-xki, V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-tsác-xki, I. Ph. Đu-brô-vin-xki; tiến hành công tác kỹ thuật về xuất bản có A. G. Sli-khte, E. X. Sli-khte, v. v.. Hai mươi số đầu của tờ báo này được chuẩn bị đưa in và xếp chữ ở Vư-boóc-gơ (việc in với các khuôn chữ gửi tới được tổ chức ở Pê-téc-bua; nhằm giữ bí mật, trên báo ghi là xuất bản ở Mát-xcơ-va). Sau đó, vì việc xuất bản cơ quan bất hợp pháp này ở Nga gặp những điều kiện quá ư tồi tệ nên, căn cứ vào quyết định của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ban biên tập "Người vô sản" chuyển việc xuất bản báo ra nước ngoài (các số từ 21 đến 40 ra ở Giơ-ne-vơ, các số từ 41 đến 50 ra ở Pa-ri).

Các số 1 và 2 "Người vô sản" được xuất bản với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; các số 3 và 4 — với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua và khu Mát-xcơ-va Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; từ số 5 đến số 11 — với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, khu Mát-xcơ-va, Péc-mơ và Cuốc-xcơ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; từ số 12 đến số 20 — với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, khu Mát-xcơ-va, Péc-mơ, Cuốc-xcơ và Ca-dan Đảng công nhân dân chủ - xã

hội Nga; số 21 (từ thời gian chuyển ban biên tập ra nước ngoài) đến số cuối lại được xuất bản với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và Pê-téc-bua Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trên thực tế "Người vô sản" là Cơ quan ngôn luận trung ương của những người bôn-sê-vích. Lê-nin làm toàn bộ công tác chủ yếu trong ban biên tập của "Người vô sản". Phần lớn các số báo đều có một số bài do Người viết. Báo "Người vô sản" đã đăng trên 100 bài và bút ký của Lê-nin viết về những vấn đề tối quan trọng của cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Báo này đã trình bày rộng rãi những vấn đề về sách lược và chính trị chung, đã đăng những báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những quyết định của các hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương, những bức thư của Ban chấp hành trung ương nói về các vấn đề khác nhau của hoạt động của đảng và một số văn kiện khác. Tờ báo liên hệ chặt chẽ với các tổ chức đảng ở địa phương.

Trong những năm thế lực phản động Xtô-lư-pin hoành hành, tờ "Người vô sản" đóng vai trò xuất sắc trong việc bảo vệ và củng cố các tổ chức bôn-sê-vích, trong cuộc đấu tranh chống phái thủ tiêu, phái triệu hồi, phái tối hậu thư và phái tạo thần. Trong hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tháng Giêng 1910, phái men-sê-vích, với sự giúp đỡ của phái điều hòa, nấp dưới chiêu bài đấu tranh chống tệ bè phái, đã thông qua được quyết định đóng cửa tờ báo "Người vô sản". — 1.

² *Cuộc đảo chính ngày 3 (16) tháng Sáu 1907* — cuộc đảo chính phản cách mạng, biểu hiện ở việc chính phủ giải tán Đu-ma nhà nước II, ở việc bắt giữ đảng đoàn dân chủ - xã hội và sửa đổi luật bầu cử trong cuộc bầu cử Đu-ma. Ngày 1 tháng Sáu 1907, viện vào lời buộc tội (do sở mật thám đặt ra) đảng đoàn dân chủ - xã hội là có liên can với tổ chức quân sự và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, Xtô-lư-pin đã đòi không cho đảng đoàn này tham dự các cuộc họp của Đu-ma và đòi đưa ra dự thẩm; 16 thành viên trong đảng đoàn dân chủ - xã hội bị bắt giữ tức thời. Đu-ma thành lập một tiểu ban để thẩm tra lời buộc tội. Chính phủ không chờ đợi kết quả công tác thẩm tra do tiểu ban Đu-ma tiến hành, đã bắt giữ đảng đoàn dân chủ - xã hội vào đêm 2 rạng ngày 3 (16) tháng Sáu. Ngày 3 tháng Sáu Nga hoàng ra bản đạo dụ về việc giải tán Đu-ma II và sửa đổi lại luật bầu cử, trong đó quy định tăng thêm thật nhiều đại biểu của bọn địa chủ và tư sản công

thương nghiệp vào Đu-ma và rút bớt số đại biểu nông dân và công nhân vốn đã ít xuống mấy lần. Đây là sự vi phạm thô bạo Đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905 và Đạo luật cơ bản năm 1906, theo đó thì chính phủ không thể ban hành sắc luật nếu không có sự đồng ý của Đu-ma nhà nước. Theo luật lệ mới, một đoàn tuyển cử địa chủ gồm 230 người được bầu một đại biểu cử tri, đoàn tuyển cử thành phố loại một thì 1000 người được bầu một người, đoàn tuyển cử thành phố loại hai thì 15 nghìn người mới được bầu 1 người, đoàn tuyển cử nông dân thì phải 60 nghìn người mới được bầu 1 người, đoàn tuyển cử công nhân thì phải 125 nghìn người mới được bầu 1 người. Bọn địa chủ và tư sản có thể được bầu ra 65% tổng số đại biểu cử tri, nông dân được bầu 22% (trước đây 42%), công nhân được bầu 2% tổng số đại biểu cử tri (trước đây 4%). Luật bầu cử này tước hết quyền bầu cử của dân bản xứ trên phần nước Nga thuộc châu Á, của các dân tộc Thổ ở các tỉnh A-xtơ-ra-khan và Xta-vrô-pôn, rút số đại biểu của dân cư Ba-lan và Cáp-ca-dơ xuống hai lần. Trên khắp nước Nga những người không biết tiếng Nga cũng bị mất quyền bầu cử. Đu-ma III được bầu ra trên cơ sở luật bầu cử này và nhóm họp vào ngày 1 (14) tháng Mười một 1907, về mặt thành phần là Đu-ma của bọn Trăm đen và của phái thặng Mười.

Cuộc đảo chính ngày 3 tháng Sáu mở đầu cho thời kỳ phản động Xtô-lư-pin. — 3.

³ *Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* — tờ báo bất hợp pháp "Người dân chủ - xã hội"; xuất bản từ tháng Hai 1908 đến tháng Giêng 1917. Số đầu tiên do những người bôn-sê-vích chuẩn bị và đã in xong một phần ở Vin-nô tại một nhà in tư nhân, bị sở mật thám của Nga hoàng tịch thu. Chẳng bao lâu sau, ở Pê-téc-bua lại tìm cách xuất bản tờ báo này. Phần lớn số lượng báo in ra lại rơi vào tay bọn sen đầm. Về sau việc xuất bản được chuyển ra nước ngoài: các số từ 2 đến 32 (tháng Hai 1909 - tháng Chạp 1913) xuất bản ở Pa-ri, các số từ 33 đến 58 (tháng Mười một 1914 - tháng Giêng 1917) xuất bản ở Giơ-ne-vơ. Tổng cộng đã ra được 58 số, trong đó 5 số có phụ trương.

Ban biên tập "Người dân chủ - xã hội" được lập ra theo quyết định của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, do Đại hội V (ở Luân-đôn) bầu ra, gồm các đại biểu của phái bôn-sê-vích, phái men-sê-vích và những người dân chủ - xã hội Ba-lan. Trên thực tế V. I. Lê-nin là người lãnh đạo tờ báo. Những bài báo của Người chiếm vị trí trung tâm trên tờ "Người

dân chủ - xã hội". Tờ báo này đã đăng hơn 80 bài báo và bút ký của V. I. Lê-nin.

Trong nội bộ ban biên tập "Người dân chủ - xã hội", V. I. Lê-nin đã đấu tranh bảo vệ đường lối triệt để của những người bên-sê-vích chống lại những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu. Một bộ phận của ban biên tập (Ca-mê-nép và Di-nô-vi-ép) có thái độ điều hòa với phái thủ tiêu, mưu toan phá hoại việc thực hiện đường lối Lê-nin-nít. Các thành viên men-sê-vích trong ban biên tập như Mác-tốp và Đan thì phá hoại ngầm công tác của ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương, đồng thời công khai bênh vực chủ nghĩa thủ tiêu trên tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội"; họ ngăn cản những người men-sê-vích ủng hộ đảng tham gia Cơ quan ngôn luận trung ương. Cuộc đấu tranh không điều hòa của Lê-nin chống phái thủ tiêu đã dẫn tới việc Mác-tốp và Đan rút ra khỏi ban biên tập vào tháng Sáu 1911. Từ tháng Chạp 1911 V. I. Lê-nin chủ biên tờ "Người dân chủ - xã hội".

Trong những năm gian khổ dưới sự thống trị của thế lực phản động và trong thời kỳ có cao trào cách mạng mới, tờ "Người dân chủ - xã hội" có một ý nghĩa rất to lớn trong cuộc đấu tranh của những người bên-sê-vích chống phái thủ tiêu, phái tư-rốt-kít, phái triệu hồi để duy trì đảng mác-xít bất hợp pháp, củng cố sự thống nhất của đảng, tăng cường mối liên hệ giữa đảng với quần chúng.

Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, là Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng bên-sê-vích, tờ "Người dân chủ - xã hội" đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tuyên truyền những khẩu hiệu bên-sê-vích về các vấn đề chiến tranh, hòa bình và cách mạng, chỉ cho giai cấp vô sản con đường đấu tranh chống chiến tranh đế quốc — đó là việc biến cuộc chiến tranh đế quốc thành nội chiến, thành cuộc cách mạng chống lại các giai cấp thống trị. Trên các trang báo này đã đăng bài của V. I. Lê-nin "Bàn về khẩu hiệu Liên bang châu Âu", trong đó lần đầu tiên Người đưa ra kết luận cho rằng chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi trước tiên ở một số ít hoặc thậm chí ở riêng một nước tư bản chủ nghĩa. Việc phổ biến báo "Người dân chủ - xã hội" ở nước Nga, việc in lại những bài quan trọng nhất của tờ báo đó trên các báo bên-sê-vích địa phương đã góp phần vào việc giáo dục chính trị, giáo dục chủ nghĩa quốc tế cho giai cấp vô sản Nga, chuẩn bị cho quần chúng làm cách mạng.

Đánh giá cao những công lao của tờ "Người dân chủ - xã hội" trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, V. I. Lê-nin về sau này viết rằng không nghiên cứu những bài báo đăng trên tờ "Người

dân chủ - xã hội" thì "không một công nhân giác ngộ nào *hiếu* được quá trình phát triển của những tư tưởng về cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế và thắng lợi đầu tiên của cuộc cách mạng đó, thắng lợi ngày 25 tháng Mười 1917" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 36, tr. 155 - 156). — 4.

⁴ "*Ngọn cờ công nhân*" — tờ báo bên-sê-vích bất hợp pháp; từ tháng Ba đến tháng Chạp 1908 xuất bản ở Mát-xcơ-va. Ra tất cả được 7 số: số 1 xuất bản với tính cách là cơ quan ngôn luận của Thường vụ khu ủy Khu trung tâm công nghiệp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, các số 2 - 6 xuất bản với tính cách là cơ quan ngôn luận của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và khu Mát-xcơ-va, Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và số 7 xuất bản với tính cách là cơ quan ngôn luận của Thường vụ khu ủy Khu trung tâm công nghiệp, của các ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và khu Mát-xcơ-va Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tham gia công tác biên tập vào những thời gian khác nhau có I. I. Xcơ-voóc-txốp - Xtê-pa-nốp (biên tập số 2-5), Tx. X. Dê-lích-xôn - Bô-brốp-xcai-a, V. M. Su-li-a-ti-cốp và những người khác.

Bắt đầu từ số 5, báo này mở mục tranh luận về vấn đề thái độ của đảng đối với Đu-ma và đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Trong bài báo "Về hai bức thư" đăng trên báo "Người vô sản", số 39, ngày 26 (13) tháng Mười một 1908 (xem tập này, tr. 354 - 376), V. I. Lê-nin phê phán kịch liệt bài của phái triệu hồi "Bức thư của một công nhân" đăng trên báo "Ngọn cờ công nhân", số 5 ở mục tranh luận. Trên số 7 của báo này đăng bài "Bức thư của một cán bộ đảng" nhằm phản đối bức thư của người theo phái triệu hồi; bài này được đăng lại trên số 42 của báo "Người vô sản" phát hành ngày 12 (25) tháng Hai 1909 dưới đầu đề "Về những vấn đề trước mắt". Trong phần chú thích của ban biên tập báo "Người vô sản", Lê-nin đã đánh giá tốt bài báo đó (xem tập này, tr. 450 - 454). — 8.

⁵ *Đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa* do chính phủ Bi-xmác thi hành ở Đức vào năm 1878 nhằm mục đích đấu tranh chống phong trào công nhân và xã hội chủ nghĩa. Theo đạo luật này tất cả các tổ chức của Đảng dân chủ - xã hội, các tổ chức quần chúng của công nhân, báo chí của công nhân đều bị cấm; sách báo xã hội chủ nghĩa bị tịch thu; đảng viên dân chủ - xã hội bị truy nã, tù đầy. Song những sự đàn áp không làm tan rã được Đảng dân chủ - xã hội; hoạt động của đảng được tổ chức lại để

thích ứng với điều kiện tồn tại bất hợp pháp: báo "Người dân chủ - xã hội", cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, được đưa ra xuất bản ở nước ngoài, và các đại hội đảng cũng họp đều đặn ở nước ngoài (vào những năm 1880, 1883 và 1887); ở Đức các đảng bộ, các tổ nhóm của Đảng dân chủ - xã hội được nhanh chóng bí mật tổ chức lại, đứng đầu là Ban chấp hành trung ương bí mật. Đồng thời, đảng sử dụng rộng rãi những khả năng hợp pháp để củng cố mối liên hệ với quần chúng, — ảnh hưởng của đảng được nâng lên không ngừng: số phiếu bỏ cho những người dân chủ - xã hội trong các cuộc bầu cử vào quốc hội từ năm 1878 đến năm 1890 đã tăng ba lần.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã giúp đỡ rất nhiều cho những người dân chủ - xã hội Đức. Năm 1890, do áp lực của phong trào quần chúng và của phong trào công nhân đang ngày càng lớn mạnh, đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa đã bị bãi bỏ. — 8.

⁶ V. I. Lê-nin trích dẫn bài xã luận đăng trên báo "Ngôn luận", số 65, ngày 16 (29) tháng Ba 1908.

"*Ngôn luận*" — nhật báo, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - lập hiến; xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 23 tháng Hai (8 tháng Ba) 1906 dưới sự chủ biên thực sự của P. N. Mi-li-u-cốp và I. V. Ghét-xen, với sự tham gia trực tiếp của M. M. Vi-na-ve, P. Đ. Đôn-gô-ru-cốp, P. B. Xtơ-ru-vê và những người khác. Ủy ban quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát ra lệnh đóng cửa tờ báo này vào ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917. Về sau này (cho đến tháng Tám 1918) tờ báo lại được xuất bản dưới các tên: "Ngôn luận của chúng ta", "Ngôn luận tự do", "Thế kỷ", "Ngôn luận mới", "Thế kỷ chúng ta". — 10.

⁷ "*Nhà nước Nga*" — tờ báo của chính phủ do X. I-u. Vít-te sáng lập, xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 1 (14) tháng Hai đến ngày 15 (28) tháng Năm 1906. — 10.

⁸ *Đại hội Xtóc-khôn* — Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào những ngày 10 - 25 tháng Tư (23 tháng Tư - 8 tháng Năm) 1906. Trước khi đại hội họp, vào nửa cuối tháng Hai, V. I. Lê-nin thảo bản cương lĩnh sách lược của những người bôn-sê-vích tức là dự thảo nghị quyết đại hội về tất cả các vấn đề cơ bản của cách mạng. Các nghị quyết của những

người bôn-sê-vích kêu gọi quần chúng lao động chuẩn bị cuộc công kích mới của cách mạng vào chế độ chuyên chế. Những người men-sê-vích đưa ra trước đại hội bản cương lĩnh sách lược của họ, về thực chất, đó là sự từ bỏ đấu tranh cách mạng. Việc bầu đại biểu đi dự đại hội đều dựa vào các bản cương lĩnh đó. Cuộc vận động thảo luận hai bản cương lĩnh đó và bầu đại biểu đi dự đại hội kéo dài gần hai tháng. Kết quả là đa số đảng bộ tán thành cương lĩnh của những người bôn-sê-vích.

Tham dự đại hội có 112 đại biểu chính thức, đại diện cho 57 đảng bộ địa phương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và 22 đại biểu không có quyền biểu quyết. Tham dự đại hội có đại biểu của các tổ chức dân tộc: Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va, phái Bun và Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a mỗi tổ chức có 3 đại biểu, Đảng công nhân dân chủ - xã hội U-cra-i-na và Đảng công nhân Phần-lan mỗi tổ chức có 1 đại biểu. Ngoài ra, tham dự đại hội còn có đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Bun-ga-ri.

Số đại biểu là đảng viên bôn-sê-vích gồm có V. I. Lê-nin, V. V. Vô-rốp-xki, C. E. Vô-rô-si-lốp, M. I. Ca-li-nin, N. C. Crúp-xai-a, A. V. Lu-na-tsác-xki, Ph. A. Xéc-ghê-ép (ác-tem), I. I. Xcơ-voóc-txốp - Xtê-pa-nốp, I. V. Xta-lin, M. V. Phrun-dê, X. G. Sau-mi-an, E. M. I-a-rô-xláp-xki.

Những người men-sê-vích chiếm đa số trong đại hội. Sở dĩ như vậy là vì nhiều đảng bộ bôn-sê-vích đã lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng nên bị tan vỡ, do đó không thể cử đại biểu của mình tới dự đại hội. Khu Trung tâm, U-ran, Xi-bi-ri, miền Bắc — những căn cứ của những người bôn-sê-vích — cũng không có nhiều đại biểu. Phái men-sê-vích vì có nhiều đảng bộ nhất trong các khu không phải công nghiệp, là những nơi không có các hoạt động cách mạng của quần chúng, nên có điều kiện cử nhiều đại biểu hơn.

Đại hội đã thông qua chương trình nghị sự như sau: 1) Xem xét lại cương lĩnh ruộng đất; 2) Về tình hình hiện nay và những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản; 3) Vấn đề sách lược đối với kết quả cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước và đối với chính bản thân Đu-ma; 4) Khởi nghĩa vũ trang; 5) Hoạt động du kích; 6) Chính phủ cách mạng lâm thời và chế độ tự quản cách mạng; 7) Thái độ đối với các Xô-viết đại biểu công nhân; 8) Các công đoàn; 9) Thái độ đối với phong trào nông dân; 10) Thái độ đối với các đảng và tổ chức không phải dân chủ - xã hội; 11) Thái độ đối với yêu cầu về một quốc hội lập hiến riêng cho Ba-lan do có vấn đề dân tộc

trong cương lĩnh của đảng; 12) Tổ chức đảng; 13) Thống nhất với các tổ chức dân chủ - xã hội dân tộc (Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va, Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a, phái Bun); 14) Các báo cáo; 15) Bầu cử. Nhưng không thực hiện được hết toàn bộ chương trình nghị sự này. Đại hội đã thảo luận các vấn đề: 1) Xem xét lại cương lĩnh ruộng đất; 2) Đánh giá tình hình hiện tại và những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản; 3) Thái độ đối với Đu-ma nhà nước; 4) Khởi nghĩa vũ trang; 5) Hoạt động du kích; 6) Thống nhất với các đảng dân chủ - xã hội dân tộc và 7) Điều lệ đảng.

Tại đại hội, giữa những người bên-sê-vích và men-sê-vích đã diễn ra một cuộc đấu tranh kịch liệt về tất cả các vấn đề. Lê-nin đã báo cáo và phát biểu về vấn đề ruộng đất, về việc đánh giá tình hình hiện tại và những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản, về thái độ đối với Đu-ma nhà nước, về khởi nghĩa vũ trang và về những vấn đề khác; Người tham gia tiểu ban dự thảo Điều lệ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Ưu thế về số lượng của phái men-sê-vích trong đại hội đã quyết định tính chất của các nghị quyết của đại hội. Sau cuộc đấu tranh dằng dai đại hội đã thông qua các nghị quyết của phái men-sê-vích về Đu-ma nhà nước, về khởi nghĩa vũ trang, đã thông qua cương lĩnh ruộng đất của phái men-sê-vích. Về vấn đề thái độ đối với các đảng tư sản, đại hội chỉ giới hạn ở việc xác nhận nghị quyết của Đại hội quốc tế Am-xtéc-đam. Đại hội đã thông qua, không có thảo luận, nghị quyết thỏa hiệp về công đoàn và nghị quyết về thái độ đối với phong trào nông dân.

Đồng thời, theo sự đòi hỏi của đồng đảng viên, đại hội đã thông qua công thức của Lê-nin về tiết một của bản Điều lệ, như vậy đã gạt bỏ công thức có tính chất cơ hội chủ nghĩa của Mác-tốp. Lần đầu tiên công thức của những người bên-sê-vích về chế độ tập trung dân chủ được đưa vào Điều lệ.

Đại hội đã giải quyết vấn đề thống nhất với Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va, với Đảng công nhân dân chủ - xã hội Lát-vi-a, những đảng này nằm trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với tư cách các đảng bộ địa phương tiến hành hoạt động trong giai cấp vô sản tất cả các dân tộc ở địa phương đó. Đại hội cũng đã thông qua bản dự thảo những điều kiện thống nhất với phái Bun, nhưng trong một nghị quyết riêng đại hội đã kiên quyết phản đối việc tổ chức giai cấp vô sản theo các dân tộc. Theo sáng kiến của Đảng công nhân dân chủ - xã hội U-cra-i-na, đại hội đã đặt vấn đề thống nhất với Đảng công nhân dân chủ - xã hội

U-cra-i-na, nhưng do tính chất tiểu tư sản và dân tộc chủ nghĩa của đảng đó nên không đạt được sự thỏa thuận.

Ban chấp hành trung ương do đại hội bầu ra gồm 3 đảng viên bên-sê-vích và 7 đảng viên men-sê-vích. Ban biên tập của báo "Người dân chủ - xã hội" — Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng gồm toàn những người thuộc phái men-sê-vích.

Đại hội này đi vào lịch sử của đảng coi như là "Đại hội thống nhất". Nhưng tại đại hội đó, sự thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội chỉ được thực hiện trên hình thức. Trên thực tế những người men-sê-vích và những người bên-sê-vích đều có quan điểm riêng, cương lĩnh riêng của họ về những vấn đề quan trọng nhất của cách mạng, và thực tế là hai đảng. Cuộc đấu tranh tại đại hội đã bóc trần trước đông đảo đảng viên nội dung và chiều sâu của những sự bất đồng về nguyên tắc giữa những người bên-sê-vích và những người men-sê-vích. Những vấn đề của đại hội đã tạo điều kiện cho các đảng viên và những công nhân giác ngộ có thể hiểu tường tận được cuộc đấu tranh tư tưởng, hiểu rõ hơn và sâu hơn đường lối cách mạng của những người bên-sê-vích. Ngay sau khi đại hội bế mạc, Lê-nin đã nhân danh các đại biểu bên-sê-vích viết lời kêu gọi gửi toàn đảng, trong đó Người đánh giá về nguyên tắc các nghị quyết của Đại hội IV, vạch trần chủ nghĩa cơ hội của phái men-sê-vích.

Lê-nin đã phân tích công tác của đại hội trong cuốn sách nhỏ "Báo cáo về Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Thư gửi công nhân Pê-téc-bua)" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 1-85). — 11.

⁹ *Du-ma nhà nước I* (cái gọi là Đu-ma Vít-te) được triệu tập ngày 27 tháng Tư (10 tháng Năm) 1906 theo thể thức do chủ tịch Hội đồng bộ trưởng X. I-u. Vít-te thảo ra.

Cuộc bãi công tháng Mười (1905) của toàn nước Nga buộc Nga hoàng phải ban hành ngày 17 tháng Mười một đạo dụ, trong đó tuyên bố triệu tập một Đu-ma nhà nước có chức năng lập pháp, khác với cái Đu-ma tư vấn của Bu-lư-ghin đã bị cách mạng quét sạch. Chính phủ Nga hoàng hy vọng bằng cách triệu tập Đu-ma mới sẽ làm cho phong trào cách mạng bị phân liệt và suy yếu đi, chuyển sự phát triển của đất nước sang con đường quân chủ - lập hiến hòa bình. Trong khi đưa ra những hứa hẹn về hiến pháp, chính phủ Nga hoàng đồng thời cũng tìm những hình thức tổ chức Đu-ma nhà nước khả dĩ bảo đảm được một thành phần Đu-ma có lợi. Luật bầu cử Đu-ma ngày 11 (24) tháng Chạp 1905 và luật ngày 20 tháng Hai

(5 tháng Ba) 1906 (xem tập này, chú thích 30) đều hướng vào mục đích đó. Cuộc bầu cử Đu-ma nhà nước I được tiến hành vào tháng Hai - tháng Ba 1906. Những người bôn-sê-vích tuyên bố tẩy chay cuộc bầu cử. Việc tẩy chay này làm cho Đu-ma nhà nước bị mất uy tín khá lớn và khiến cho một bộ phận nhân dân giảm lòng tin vào Đu-ma đó, song không phá được cuộc bầu cử. Nguyên nhân cơ bản khiến cho việc tẩy chay đó không đạt kết quả là do thiếu một cao trào cách mạng của quần chúng có khả năng phá được việc triệu tập Đu-ma. Những mục đích phá rối của phái men-sê-vích và những ảo tưởng lập hiến còn nhiều trong tầng lớp nông dân cũng khiến cho cuộc tẩy chay không đạt kết quả. Cuối cùng Đu-ma vẫn họp được, lúc đó Lê-nin đề ra nhiệm vụ phải lợi dụng nó để cổ động và tuyên truyền cách mạng, để vạch trần Đu-ma là một sự giả mạo thô bạo quyền đại diện của nhân dân. Có 478 đại biểu được bầu vào Đu-ma nhà nước I, bao gồm 179 đại biểu của Đảng dân chủ - lập hiến, 63 đại biểu thuộc phái tự trị (trong số này có thành viên của nhóm cô-lô Ba-lan, những người thuộc các nhóm dân tộc - tư sản của U-cra-i-na, E-xtô-ni-a, Lát-vi-a, Lit-va và những nhóm tư sản - dân tộc khác), 16 đại biểu thuộc phái tháng Mười, 105 đại biểu là người không đảng phái, 97 đại biểu của phái lao động, 18 đại biểu là đảng viên dân chủ - xã hội. Như vậy, bọn dân chủ - lập hiến chiếm trên 1/3 số ghế trong Đu-ma.

Trong số các vấn đề được thảo luận tại các phiên họp của Đu-ma nhà nước có vấn đề bất khả xâm phạm thân thể, vấn đề bãi bỏ án tử hình, vấn đề tự do tín ngưỡng và hội họp, vấn đề bình đẳng của công dân, v. v.. Song, những dự luật về những vấn đề này, phần lớn do bọn dân chủ - lập hiến đưa ra, về thực chất là "những dự luật khổ sai *chống lại* tự do ngôn luận, *chống lại* tự do hội họp và chống lại những điều tốt đẹp khác" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 361-362).

Vấn đề ruộng đất chiếm vị trí trung tâm trong Đu-ma nhà nước. Trong Đu-ma có hai cương lĩnh ruộng đất chủ yếu được đưa ra: dự luật của bọn dân chủ - lập hiến với chữ ký của 42 đại biểu và dự luật của phái lao động mà mọi người đều biết dưới cái tên "dự án của 104 người". Trái với phái lao động, bọn dân chủ - lập hiến muốn duy trì chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, cho phép trưng mua có lấy tiền chuộc, "với giá phải chăng", chỉ những khoảnh ruộng đất của địa chủ đã được canh tác phần lớn bằng công cụ sản xuất của nông dân hoặc đã được phát canh mà thôi.

Đu-ma nhà nước I không thực hiện được những hy vọng của chính phủ Nga hoàng vì nó suy yếu toàn bộ và các quyết định của

nó mang tính chất nửa vơi. Ngày 8 (21) tháng Bảy 1906 chính phủ Nga hoàng đã giải tán Đu-ma đó. — 11.

¹⁰ *Những người dân chủ - lập hiến* — những đảng viên của Đảng dân chủ - lập hiến, đảng chủ yếu của giai cấp tư sản quân chủ - tự do chủ nghĩa ở Nga. Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập vào tháng Mười 1905; đảng viên của nó gồm các đại biểu của giai cấp tư sản, những người hoạt động trong hội đồng địa phương xuất thân từ giai cấp địa chủ và trí thức tư sản. Những nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến là P. N. Mi-li-u-cốp, X. A. Mu-rôm-txép, V. A. Mác-la-cốp, A. I. Singa-rép, P. B. Xơ-ru-vê, Ph. I. Rô-đi-txép, v. v.. Để lừa dối quần chúng lao động, bọn dân chủ - lập hiến tự đặt cho mình cái tên giả mạo "Đảng tự do nhân dân", trên thực tế chúng không vượt ra khỏi yêu cầu của phái quân chủ - lập hiến. Bọn dân chủ - lập hiến xem cuộc đấu tranh chống phong trào cách mạng là mục tiêu chính của chúng và muốn chia quyền với Nga hoàng và bọn địa chủ - chủ nô. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, bọn dân chủ - lập hiến đã tích cực ủng hộ chính sách đối ngoại xâm lược của chính phủ Nga hoàng. Trong thời kỳ Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 chúng cố gắng cứu vãn chế độ quân chủ. Giữ địa vị lãnh đạo trong Chính phủ lâm thời tư sản, bọn dân chủ - lập hiến đã thi hành một chính sách phản cách mạng, phản nhân dân, có lợi cho bọn đế quốc Mỹ - Anh - Pháp. Sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi, bọn dân chủ - lập hiến là kẻ thù không đội trời chung của Chính quyền xô-viết, chúng tích cực tham gia tất cả các hoạt động vũ trang phản cách mạng và các cuộc hành quân của bọn can thiệp. Sau khi bọn can thiệp và bọn bạch vệ bị đánh bại, bọn dân chủ - lập hiến sống lưu vong ở nước ngoài, và vẫn tiếp tục hoạt động phản cách mạng chống Chính quyền xô-viết. — 11.

¹¹ "*Chính sách của phái lao động*" — chính sách của Nhóm lao động, nhóm những người dân chủ tiểu tư sản trong các Đu-ma nhà nước của nước Nga, bao gồm các nông dân và trí thức thuộc phái dân túy. Đảng đoàn Nhóm lao động được thành lập vào tháng Tư 1906 gồm các đại biểu nông dân của Đu-ma nhà nước I.

Những người thuộc phái lao động đưa ra các yêu sách đòi bãi bỏ những hạn chế về đẳng cấp và dân tộc, dân chủ hóa việc tự quản ở hội đồng địa phương và thành phố, thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu để bầu đại biểu vào Đu-ma nhà nước. Cương lĩnh ruộng đất của phái lao động xuất phát từ các nguyên tắc của

phái dân túy là "binh quân" sử dụng ruộng đất: lấy ruộng đất công, thái ấp, ruộng đất của nhà vua, tu viện và cả ruộng đất của tư nhân nếu mức chiếm hữu vượt quá tiêu chuẩn lao động đã quy định, để lập thành quỹ ruộng đất toàn dân; quy định việc bồi thường lại cho những ruộng đất của tư nhân bị trưng mua. V. I. Lê-nin vạch ra rằng người thuộc phái lao động đã quy định là người nông dân, "có khuynh hướng câu kết với chính thể quân chủ, có khuynh hướng trở lại an phận trên mảnh đất nhỏ của mình, trong khuôn khổ chế độ tư sản, nhưng giờ đây người đó đang dồn sức đấu tranh chống bọn địa chủ để giành ruộng đất, đấu tranh chống nhà nước nông nô để giành dân chủ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 32).

Trong Đu-ma nhà nước những người thuộc phái lao động thường ngả nghiêng giữa bọn dân chủ - lập hiến và những người dân chủ - xã hội. Những sự dao động đó là do chính bản chất giai cấp của những nghiệp chủ nhỏ tức là nông dân, quyết định. Vì những người thuộc phái lao động lại đại diện cho quần chúng nông dân nên những người bên-sê-vích ở Đu-ma thực hiện sách lược thỏa hiệp với họ về từng vấn đề để tiến hành cuộc đấu tranh chung chống lại chế độ chuyên chế Nga hoàng và bọn dân chủ - lập hiến. Năm 1917 Nhóm lao động hợp nhất với đảng "xã hội chủ nghĩa nhân dân", tích cực ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười những người thuộc phái lao động đứng về phía bọn tư sản phản cách mạng. — 11.

¹² Đu-ma nhà nước II được triệu tập ngày 20 tháng Hai (5 tháng Ba) 1907. Cuộc bầu cử vào Đu-ma này là gián tiếp, không bình đẳng và tiến hành trong hoàn cảnh có những tòa án quân sự - dã chiến và những cuộc đàn áp. Mặc dầu vậy, Đu-ma II xét về thành phần có xu hướng tả hơn Đu-ma I. Nguyên nhân của tình hình đó là: sự phân ranh giới giữa các đảng lúc này rõ ràng hơn và chặt chẽ hơn so với thời kỳ Đu-ma I, ý thức giác ngộ giai cấp của quần chúng được nâng lên, cũng như việc các đảng viên bên-sê-vích tham gia bầu cử.

Thành phần của Đu-ma chứng tỏ, một mặt, các đảng tả khuynh như Đảng dân chủ - xã hội và các nhóm thuộc phái dân túy được tăng cường, mặt khác, các đảng hữu khuynh dựa vào bọn dân chủ - lập hiến cũng tăng lên. Các thành viên của Đu-ma nhà nước II được phân bố theo các nhóm chính trị như sau: phái hữu tức là những người thuộc phái quân chủ và những người thuộc phái tháng Mười gồm 54 đại biểu, bọn dân chủ - lập hiến và những người gần

gũi với họ — 99 đại biểu, những người theo chủ nghĩa dân tộc — 76 đại biểu, những người không đảng phái — 50 đại biểu, nhóm Cô-dắc — 17 đại biểu, những người xã hội chủ nghĩa nhân dân — 16 đại biểu, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng — 37 đại biểu, phái lao động — 104 đại biểu, những người dân chủ - xã hội — 65 đại biểu. Song, vì cách mạng đang đi xuống nên Đu-ma II dù thành phần có xu hướng tả hơn, nhưng lại yếu hơn Đu-ma I.

Những đảng thuộc phái hữu trong Đu-ma nhà nước II đã ủng hộ không điều kiện chính sách của chính phủ chuyên chế về tất cả các vấn đề. Bọn dân chủ - lập hiến trước thời kỳ Đu-ma II đã thể hiện triệt để tính chất phản cách mạng của chúng, trong thời gian hoạt động ở Đu-ma II, giữ lập trường câu kết với chế độ chuyên chế.

Phái men-sê-vích chiếm đa số trong đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước II. Sách lược cơ hội chủ nghĩa của phái men-sê-vích tán thành lập khối liên minh với bọn dân chủ - lập hiến và ủng hộ các ảo tưởng lập hiến trong dân chúng, đã ảnh hưởng tới hoạt động của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma, chỉ ra rằng quan điểm của đa số trong Đảng dân chủ - xã hội Nga và quan điểm của những đại biểu của họ trong Đu-ma không phù hợp với nhau. Những người bên-sê-vích đã lợi dụng Đu-ma làm diễn đàn để vạch mặt chế độ Nga hoàng và vai trò phản bội của giai cấp tư sản phản cách mạng, để công bố và tuyên truyền cương lĩnh cách mạng của đảng, để giải thoát các tầng lớp nông dân ra khỏi ảnh hưởng của phái tự do và để lập ra trong Đu-ma một khối cách mạng bao gồm các đại biểu của giai cấp công nhân và nông dân. Đường lối của những người bên-sê-vích là đường lối hành động mới, cách mạng và mác-xít của các đại biểu của giai cấp vô sản trong nghị trường. Còn bọn men-sê-vích đã tiến hành ở Đu-ma sách lược cơ hội chủ nghĩa ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến. Về sau Lê-nin đã viết: "Toàn bộ lịch sử của Đu-ma I và II đầy đầy những cuộc đấu tranh giữa phái tự do với nông dân và những người dân chủ - xã hội. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa bên-sê-vích và chủ nghĩa men-sê-vích gắn chặt với lịch sử đó, với tư cách là một cuộc đấu tranh nhằm giành sự ủng hộ của phái tự do, nhằm lật đổ sự lãnh đạo của phái tự do đối với nông dân" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 19, tr. 362).

Cũng như ở Đu-ma I, trong Đu-ma II, vấn đề ruộng đất là vấn đề trung tâm được đưa ra thảo luận. Tại các phiên họp của Đu-ma này, trong số những vấn đề khác đưa ra thảo luận có vấn

đề ngân sách, vấn đề cứu tế cho người đói và người thất nghiệp, vấn đề ân xá.

Cho đến giữa năm 1907 rõ ràng là công nhân và nông dân không đủ lực lượng để chiến thắng bọn Nga hoàng.

Ngày 3 (16) tháng Sáu chính phủ Nga hoàng giải tán Đu-ma nhà nước II; đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma bị bắt giữ. Đồng thời ban hành luật bầu cử mới nhằm bảo đảm cho bọn địa chủ và giai cấp tư sản độc chiếm đa số trong Đu-ma III. Ngày 3 tháng Sáu 1907 đã đi vào lịch sử của đất nước như một ngày đảo chính phản cách mạng (xem chú thích 2). — 11.

¹³ Đây là nói về các bài báo của P. B. Xơ-ru-vê "Chủ nghĩa bảo thủ trong tư tưởng giới trí thức. Từ những suy nghĩ về cách mạng Nga" và "Sách lược hay tư tưởng" đăng trên tạp chí "Tư tưởng Nga", số 7 và số 8, năm 1907, cũng dưới đầu đề đó. — 11.

¹⁴ *Quan điểm của Guốc-cô* — quan điểm được gọi theo tên của thứ trưởng Bộ nội vụ V. I. Guốc-cô. Đọc báo cáo tại Đu-ma nhà nước I, Guốc-cô bảo vệ sự hoàn toàn bất khả xâm phạm của quyền tư hữu về ruộng đất. Trong cuốn sách nhỏ của ông "Những tư tưởng tản mạn về vấn đề ruộng đất" (Xanh Pê-téc-bua, 1906) ông chứng minh rằng việc chuyển toàn bộ ruộng đất, hoặc dù chỉ là một bộ phận lớn số ruộng đất đó từ tay những điền chủ lớn sang tay nông dân chẳng những không làm tăng thêm phúc lợi của nông dân mà còn làm cho họ thêm nghèo khổ. Ông cũng khẳng định rằng trên thực tế việc chuyển ruộng đất của giai cấp địa chủ cho nông dân sử dụng là điều không thể thực hiện được và có hại cho nền kinh tế của đất nước. Đồng thời, Guốc-cô đề nghị dành cho từng người trong công xã quyền tư hữu về mảnh ruộng được chia mà họ đang sử dụng. — 13.

¹⁵ Lê-nin nói về cuốn sách của P. Mi-li-u-cốp "Một năm đấu tranh. Niên giám chính luận 1905 - 1906", Xanh Pê-téc-bua, 1907. Bài xã luận của tờ báo "Ngôn luận", ngày 25 tháng Năm 1906, số 82, mà V. I. Lê-nin nhắc đến, được in lại trong cuốn sách nhan đề "Nhiệm vụ của các ủy ban ruộng đất địa phương theo cách hiểu của những người dân chủ - xã hội và những người dân chủ - lập hiến". — 14.

¹⁶ V. I. Lê-nin có ý nói tới tập II của văn tập của bọn dân chủ - lập hiến "Vấn đề ruộng đất" (Mát-xơ-va, 1907). Trong văn tập này có bài của A. I. Tsu-prốp "Bản về vấn đề cải cách ruộng đất" và bài

của N. N. Cút-le dưới đầu đề "Dự luật về biện pháp mở rộng và cải tiến chế độ chiếm hữu ruộng đất của nông dân". — 14.

¹⁷ *Chủ nghĩa Pru-đông* — trào lưu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, phản khoa học, thù địch với chủ nghĩa Mác, được gọi theo tên của nhà tư tưởng của trào lưu đó là Pru-đông, một người theo chủ nghĩa vô chính phủ ở Pháp. Đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chế độ đại sở hữu tư bản chủ nghĩa, Pru-đông mơ ước duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu, ông đề nghị tổ chức ngân hàng "nhân dân" và ngân hàng "trao đổi", để giúp đỡ cho công nhân có thể mua sắm được tư liệu sản xuất riêng, có thể trở thành những nhà thủ công nghiệp và bảo đảm được việc tiêu thụ sản phẩm của họ một cách "công bằng". Pru-đông không hiểu vai trò lịch sử của giai cấp vô sản, có thái độ phủ nhận đối với đấu tranh giai cấp, đối với cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản; đứng trên các quan điểm vô chính phủ ông cũng phủ nhận tính tất yếu của nhà nước. Mác và Ăng-ghe-n đã tiến hành cuộc đấu tranh triệt để chống lại mưu toan của phái Pru-đông ép buộc Quốc tế I đi theo các quan điểm của họ. Trong tác phẩm "Sự khốn cùng của triết học" Mác đã phê phán kịch liệt chủ nghĩa Pru-đông. Cuộc đấu tranh kiên quyết của Mác, Ăng-ghe-n và những người ủng hộ hai ông chống chủ nghĩa Pru-đông trong Quốc tế I đã kết thúc bằng sự toàn thắng của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa đó.

Lê-nin đã gọi chủ nghĩa Pru-đông là "sự ngu độn của một anh chàng tiểu thị dân và phi-li-xtanh" không có khả năng tiếp thụ quan điểm của giai cấp công nhân. Những tư tưởng của chủ nghĩa Pru-đông đã được các "nhà lý luận" tư sản sử dụng rộng rãi để tuyên truyền cho sự hợp tác giai cấp. — 20.

¹⁸ *Thuyết Ba-cu-nin* — một trào lưu mang tên của M. A. Ba-cu-nin, nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ và kẻ thù điên cuồng chống chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học. Phái Ba-cu-nin đã tiến hành cuộc đấu tranh dai dẳng chống lại học thuyết Mác và sách lược của phong trào công nhân. Luận điểm cơ bản của thuyết Ba-cu-nin là sự phủ định bất cứ một nhà nước nào, kể cả chuyên chính vô sản, là sự không hiểu vai trò lịch sử toàn thế giới của giai cấp vô sản. Ba-cu-nin đưa ra chủ trương "cân bằng" các giai cấp, hợp nhất những "hiệp hội tự do" từ dưới lên. Một hội cách mạng hoạt động bí mật bao gồm những cá nhân "lỗi lạc", — theo ý kiến của phái Ba-cu-nin, — phải lãnh đạo những cuộc nổi dậy của nhân dân, những cuộc nổi dậy được tiến hành ngay tức thời. Chẳng hạn

phái Ba-cu-nin cho rằng, ở Nga nông dân sẵn sàng vùng lên khởi nghĩa tức thời. Sách lược âm mưu, nổi dậy tức thời và tiến hành khủng bố của họ là sách lược mang tính chất phiêu lưu, thù địch với học thuyết Mác về khởi nghĩa. Thuyết Ba-cu-nin gắn gũi với chủ nghĩa Pru-đông, một trào lưu tiểu tư sản, phản ánh tư tưởng của một kẻ tư hữu nhỏ đã phá sản. Một trong những đại biểu phái Ba-cu-nin ở Nga là X. G. Nê-tsa-ép; Nê-tsa-ép luôn giữ liên lạc chặt chẽ với Ba-cu-nin sống lưu vong ở nước ngoài. Cương lĩnh của cái hội mang tính chất âm mưu này được họ trình bày trong bản "Hỏi và đáp cách mạng". Năm 1869 Nê-tsa-ép định thành lập ở Nga một tổ chức hẹp mang tính chất âm mưu: "Sự trừng phạt của nhân dân". Song ông chỉ tổ chức được một số tiểu tổ ở Mát-xcơ-va. Tổ chức "Sự trừng phạt của nhân dân" chẳng bao lâu bị phát hiện và đến tháng Chạp 1869 thì bị chính phủ Nga hoàng phá vỡ.

Ba-cu-nin muốn chui vào Quốc tế I, đã đòi kết nạp ông cùng với tổ chức "Liên minh dân chủ - xã hội" do ông thành lập vào năm 1868 trong đó có cả cái hội bí mật của phái Ba-cu-nin. Mặc dầu có quyết định của Hội đồng trung ương của Quốc tế là phải giải tán "Liên minh", Ba-cu-nin cũng chỉ phục tùng quyết định đó về hình thức, ông vẫn duy trì tổ chức bí mật và đã đưa tổ chức đó vào Quốc tế dưới hình thức là chi bộ Gio-ne-vơ của Quốc tế với cái tên gọi cũ là "Liên minh".

Đặt mục tiêu của mình là chiếm lấy Hội đồng trung ương nên Ba-cu-nin không từ một thủ đoạn nào để đấu tranh chống lại Mác. Như Mác và Ăng-ghe-n đã từng chỉ rõ, để đạt những mục đích của mình, "Liên minh" không từ "bất kỳ một thủ đoạn nào, một sự phản trắc nào; lừa dối, vu khống, dọa nạt, mai phục tấn công — tất cả những thủ đoạn ấy đều thuộc bản chất của nó" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 329). Những thủ lĩnh của phái vô chính phủ, Ba-cu-nin và Ghi-ôm, bị khai trừ ra khỏi Quốc tế I vì hoạt động phá hoại tổ chức của họ tại Đại hội La Hay vào năm 1872. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n kịch liệt lên án lý luận và sách lược của phái Ba-cu-nin. V. I. Lê-nin nhận định thuyết Ba-cu-nin là thế giới quan của "người tiểu tư sản tuyệt vọng về con đường giải thoát của mình" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, t. 18, tr. 25). Thuyết Ba-cu-nin là một trong những nguồn gốc tư tưởng của phái dân túy. Về Ba-cu-nin và phái Ba-cu-nin, xin đọc tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n "Liên minh dân chủ - xã hội và Hội liên hiệp công nhân quốc tế" (1873), những tác phẩm của Ph. Ăng-ghe-n "Phái Ba-cu-nin đang hoạt động"

(1873). "Sách báo của những người lưu vong" (1875) và cả tác phẩm của V. I. Lê-nin "Bàn về chính phủ cách mạng lâm thời" (1905) và những tác phẩm khác. — 20.

¹⁹ Đây là nói về thuyết Béc-stanh — một trào lưu cơ hội chủ nghĩa thù địch với chủ nghĩa Mác trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, xuất hiện ở Đức vào cuối thế kỷ XIX và được gọi theo tên của E. Béc-stanh, người đại biểu công khai nhất cho chủ nghĩa xét lại.

Vào những năm 1896 - 1898 Béc-stanh đã viết trên cơ quan lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức, tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới"), một loạt bài "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", trong đó ông ta đã xét lại những nguyên lý về triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng. "Ông ta phủ nhận khả năng đem lại cho chủ nghĩa xã hội một cơ sở khoa học và khả năng chứng minh, theo quan điểm duy vật lịch sử, rằng chủ nghĩa xã hội là tất yếu, không thể tránh khỏi; ông ta phủ nhận tình trạng bản cùng ngày càng tăng, phủ nhận sự vô sản hóa và tình trạng những mâu thuẫn tư bản chủ nghĩa ngày càng trầm trọng; ông ta tuyên bố rằng ngay cả quan niệm về "mục đích cuối cùng" cũng không vững chắc gì, và kiên quyết bác bỏ tư tưởng chuyên chính vô sản; ông ta phủ nhận sự đối lập về nguyên tắc giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội; ông ta phủ nhận lý luận đấu tranh giai cấp..." (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 6, tr. 8-9). Việc những người theo thuyết Béc-stanh xét lại chủ nghĩa Mác là nhằm làm cho đảng dân chủ - xã hội từ một đảng cách mạng xã hội biến thành đảng cải cách xã hội.

Trên các báo của mình những phần tử phái tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức bắt đầu đấu tranh chống lại Béc-stanh. Cánh hữu cơ hội chủ nghĩa đã bênh vực thuyết Béc-stanh. Ban chấp hành trung ương của đảng giữ lập trường điều hòa đối với phái Béc-stanh và không chống lại họ. Cuộc bút chiến về bài báo của Béc-stanh đã bắt đầu vào tháng Bảy 1898 trên tạp chí "Die Neue Zeit" bằng bài "Béc-stanh và chủ nghĩa duy vật" của G. V. Plê-kha-nốp nhằm chống lại chủ nghĩa xét lại.

Năm 1899 các bài báo của Béc-stanh được xuất bản thành một cuốn sách riêng dưới nhan đề "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội".

Trong các đại hội của Đảng dân chủ - xã hội Đức ở Stút-ga (tháng Mười 1898), ở Han-nô-vơ (tháng Mười 1899) và ở Li-u-béc (tháng Chín 1901) thuyết Béc-stanh bị lên án, nhưng do lập trường

điều hòa của đa số thủ lĩnh nên đảng không đoạn tuyệt với Béc-stanh. Phái Béc-stanh tiếp tục tuyên truyền công khai những tư tưởng xét lại trên tạp chí "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") và trong các đảng bộ.

Thuyết Béc-stanh được các phân tử cơ hội chủ nghĩa trong các đảng khác thuộc Quốc tế II ủng hộ. Ở Nga, lý luận của phái Béc-stanh được những "người mác-xít hợp pháp" và "phái kinh tế" ủng hộ. Sở kiểm duyệt của Nga hoàng đã cho phép cuốn sách của Béc-stanh dịch ra tiếng Nga được xuất bản 3 lần và tên chính Sở mật thám thành phố Mát-xcơ-va Du-ba-tốp liệt cuốn sách đó vào số sách nên dùng cho công nhân đọc.

Chỉ có những người mác-xít cách mạng của Nga, những người bôn-sê-vích do Lê-nin lãnh đạo mới đấu tranh kiên quyết và triệt để chống thuyết Béc-stanh và những người ủng hộ thuyết đó. Ngay từ năm 1899 Lê-nin đã chống lại phái Béc-stanh qua bài "Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga" và trong bài báo "Cương lĩnh của chúng ta"; việc phê phán thuyết Béc-stanh được mở rộng trong cuốn sách của Lê-nin "Lâm gì?" và trong các bài báo của Người "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại", "Những bất đồng trong phong trào công nhân ở châu Âu" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 207-224, 230-235; t. 6, tr. 1-245; tập này tr. 17-30; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20, tr. 62-69) và nhiều bài khác. — 21.

²⁰ *Phái Can-tơ mới* — đại biểu cho trào lưu phản động trong triết học tư sản xuất hiện ở Đức vào giữa thế kỷ XIX. Phái Can-tơ mới lặp lại những luận điểm duy tâm, phản động nhất của triết học Can-tơ và bác bỏ những yếu tố của chủ nghĩa duy vật trong triết học đó. Dưới khẩu hiệu "Quay về với Can-tơ" phái Can-tơ mới tuyên truyền phục hồi chủ nghĩa duy tâm của Can-tơ, tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Trong cuốn "Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức" Ph. Ăng-ghe-n đã gọi phái Can-tơ mới là những "lý luận gia phản động", những phân tử chiết trung chủ nghĩa thảm hại và chuyên nói những điều vụn vặt.

Phái Can-tơ mới trong hàng ngũ của Đảng dân chủ - xã hội Đức (E. Béc-stanh, C. Smít, v. v.) đã xét lại triết học mác-xít, lý luận kinh tế của Mác và học thuyết của Người về đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Ở Nga, bọn "mác-xít hợp pháp" P. B. Xtơ-ru-vê, X. N. Bun-ga-cốp, v. v. là những đại biểu của chủ nghĩa Can-tơ mới.

Lê-nin đã chống lại bọn "mác-xít hợp pháp", — bọn du nhập chủ nghĩa Can-tơ mới vào đất Nga, — trong các tác phẩm đầu tay của Người: "Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó (Sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản)" (1895), "Một sự phê phán không có tính chất phê phán" (1900) và Người hoan nghênh những bài của G. V. Plê-kha-nốp chống lại phái Can-tơ mới đăng trong sách báo ở nước ngoài vào cuối những năm 90; trong những bài báo đó G. V. Plê-kha-nốp gọi chủ nghĩa Can-tơ mới của E. Béc-stanh và C. Smít là "lý luận phản động của giai cấp tư sản phản động". Lê-nin phê phán toàn diện triết học Can-tơ mới trong tác phẩm của Người "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909). Trong các tác phẩm về triết học của mình, Lê-nin đã vạch ra thái độ thù địch của triết học duy tâm - chủ quan của phái Can-tơ mới đối với nhận thức thiên nhiên và xã hội một cách khoa học, Người vạch trần thực chất giai cấp của triết học đó, coi nó là hệ tư tưởng tư sản. Ngày nay những kẻ đại biểu cho triết học phản động của chủ nghĩa đế quốc lợi dụng tư tưởng của chủ nghĩa Can-tơ mới nhằm mục đích chống lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin. — 22.

²¹ Xem C. Mác. "Tư bản", t. I (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 23, tr. 21). — 22.

²² *Thuyết Min-lơ-răng* — một trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội, gọi theo tên của nhà cải lương - xã hội chủ nghĩa Pháp A. Ê. Min-lơ-răng. Năm 1899 Min-lơ-răng tham gia chính phủ tư sản phản động của Pháp và đã ủng hộ chính sách phản dân của chính phủ đó. Việc Min-lơ-răng tham gia chính phủ tư sản là biểu hiện rõ rệt của chính sách hợp tác giai cấp của những lãnh tụ cơ hội chủ nghĩa trong đảng dân chủ - xã hội với giai cấp tư sản, là việc chúng từ bỏ đấu tranh cách mạng, là sự phản bội lợi ích của các giai cấp cần lao. Nhận định thuyết Min-lơ-răng là chủ nghĩa xét lại và là sự phản bội, Lê-nin chỉ ra rằng một khi tham gia vào chính phủ tư sản, những người cải lương - xã hội nhất định là những kẻ mạo danh, là cái bình phong của bọn tư bản, là công cụ để chính phủ đó lừa dối quần chúng. — 27.

²³ *Phái Ghe-đơ* — một trào lưu mác-xít cách mạng trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX do Gi. Ghe-đơ và P. La-phác-gơ lãnh đạo. Năm 1882, sau khi Đảng công

nhân Pháp bị phân liệt tại Đại hội ở Xanh-Ê-chi-en, phái Ghe-đơ thành lập một đảng độc lập nhưng vẫn giữ tên cũ. Phái Ghe-đơ vẫn trung thành với cương lĩnh Ha-vơ của đảng được thông qua năm 1880 mà phần lý luận là do C. Mác viết, họ bảo vệ chính sách cách mạng độc lập của giai cấp vô sản. Họ có ảnh hưởng lớn ở các trung tâm công nghiệp của Pháp, thống nhất được các phần tử tiên tiến của giai cấp công nhân.

Năm 1901 những người tán thành đấu tranh giai cấp cách mạng do Gi. Ghe-đơ cầm đầu hợp nhất lại thành Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp (những đảng viên cũng được gọi bằng tên lãnh tụ của đảng, tức là những người thuộc phái Ghe-đơ). Năm 1905 phái Ghe-đơ hợp nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp thuộc xu hướng cải lương. Trong thời kỳ chiến tranh đế quốc 1914 - 1918 những người lãnh đạo của đảng này (Ghe-đơ, Xam-ba, v. v.) phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân và chuyển sang lập trường chủ nghĩa xã hội - sô-vanh.

Phái Giô-re-xơ — những người đồng tình với nhà xã hội chủ nghĩa Pháp Gi. Giô-re-xơ, người đã cùng với A. Min-lơ-răng thành lập nhóm "những người xã hội chủ nghĩa độc lập" vào những năm 90 và lãnh đạo cánh hữu theo chủ nghĩa cải lương của phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp. Nấp dưới chiêu bài đòi "tự do phê bình", những người theo phái Giô-re-xơ tiến hành xét lại những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác, tuyên truyền cho sự hợp tác giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Năm 1902 họ đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp theo lập trường cải lương.

Phái Brút-xơ (phái khả năng) (P. Brút-xơ, B. Ma-lôn, v. v.) — một trào lưu cải lương, tiểu tư sản xuất hiện trong phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp vào những năm 80 thế kỷ XIX, nó lôi kéo giai cấp vô sản rời bỏ phương pháp đấu tranh cách mạng. Phái khả năng thành lập "Đảng công nhân xã hội - cách mạng", họ phủ nhận cương lĩnh cách mạng và sách lược cách mạng của giai cấp vô sản, làm mờ những mục tiêu xã hội chủ nghĩa của phong trào công nhân, họ đề nghị giới hạn cuộc đấu tranh của công nhân trong khuôn khổ "có khả năng" (possible), vì vậy tên gọi của đảng cũng xuất phát từ đây. Phái khả năng chỉ gây được ảnh hưởng chủ yếu ở những vùng lạc hậu hơn về mặt kinh tế và trong các tầng lớp công nhân kém giác ngộ ở Pháp.

Sau này số lớn những người thuộc phái khả năng sáp nhập vào Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp, một đảng cải lương được thành lập năm 1902 do Gi. Giô-re-xơ lãnh đạo. — 28.

²⁴ *Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh* thành lập năm 1884. Nhóm những người dân chủ - xã hội cách mạng và những người tán thành chủ nghĩa Mác (H. Quen-sơ, T. Man, Ê. Ê-vê-linh, Ê-lê-ô-nô-ra Mác Ê-vê-linh, v. v.) — họ lập thành cánh tả của phong trào xã hội chủ nghĩa Anh — đã gia nhập Liên đoàn dân chủ - xã hội cùng với những người theo chủ nghĩa cải lương (Hen-đman, v. v.) và những người theo chủ nghĩa vô chính phủ. Ph. Ăng-ghe-n đã phê phán Liên đoàn dân chủ - xã hội về chủ nghĩa giáo điều và tư tưởng bè phái, về việc họ tách rời phong trào quần chúng của công nhân Anh và xem thường những đặc điểm của phong trào đó. Năm 1907 Liên đoàn dân chủ - xã hội được gọi là Đảng dân chủ - xã hội; đảng này phối hợp với các phần tử phái tả của Đảng công nhân độc lập đã lập ra Đảng xã hội chủ nghĩa Anh vào năm 1911; năm 1920 đảng này cùng với Nhóm thống nhất cộng sản chủ nghĩa giữ vai trò chủ yếu trong việc thành lập Đảng cộng sản Anh.

Đảng công nhân độc lập Anh (Independent Labour Party) — một tổ chức cải lương do các nhà lãnh đạo của "các hội công liên mới" lập ra vào năm 1893 trong điều kiện đấu tranh bãi công sôi sục và trong cao trào giai cấp công nhân Anh đòi độc lập đối với các đảng tư sản. Gia nhập Đảng công nhân độc lập Anh có các thành viên của "các hội công liên mới" và một số công đoàn cũ, các đại biểu trí thức và tiểu tư sản chịu ảnh hưởng của phái Pha-biêng. Kê-rô Hác-đi là người cầm đầu đảng. Với cương lĩnh của mình đảng này đề khởi cuộc đấu tranh đòi sở hữu tập thể toàn bộ tư liệu sản xuất, phân phối và trao đổi, đòi thực hiện ngày làm 8 giờ, ngăn cấm sử dụng lao động trẻ em, thi hành chế độ bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp.

Ngay từ lúc mới thành lập, Đảng công nhân độc lập Anh giữ lập trường tư sản - cải lương, chủ yếu chú ý đến hình thức đấu tranh nghị trường và những sự câu kết trong nghị trường với đảng tự do chủ nghĩa. Nhận định về Đảng công nhân độc lập, Lê-nin viết rằng "trên thực tế lại là một đảng cơ hội, luôn luôn phụ thuộc vào giai cấp tư sản", rằng đảng này chỉ "độc lập" với chủ nghĩa xã hội nhưng lại rất phụ thuộc vào chủ nghĩa tự do" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 39, tr. 103; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 22, tr. 122). — 28.

²⁵ *Phái toàn vẹn* — những người theo chủ nghĩa xã hội "toàn vẹn", một biến thể của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản. Lãnh tụ của phái toàn vẹn là En-ri-cô Phe-ri. Là một trào lưu phái giữa trong Đảng

xã hội chủ nghĩa Ý, trong những năm 1900 - 1910 phái toàn vẹn đã đấu tranh về một số vấn đề với bọn cải lương là bọn giữ lập trường cực kỳ cơ hội chủ nghĩa và hợp tác với giai cấp tư sản phản động. — 28.

²⁶ "*Chủ nghĩa công đoàn cách mạng*" — một trào lưu tiểu tư sản nửa vô chính phủ, xuất hiện trong phong trào công nhân của một số nước Tây Âu vào cuối thế kỷ XIX.

Những người theo chủ nghĩa công đoàn đã phủ nhận tính tất yếu của cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân, phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng và của chuyên chính vô sản. Họ cho rằng công đoàn có thể lật đổ được chủ nghĩa tư bản và nắm lấy việc quản lý sản xuất bằng con đường tổ chức công nhân tổng bãi công mà không cần làm cách mạng. Lê-nin chỉ ra rằng "chủ nghĩa công đoàn cách mạng đã xuất hiện ở nhiều nước như là kết quả trực tiếp và không tránh khỏi của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương và thói ngu ngốc nghị trường" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 234). — 29.

²⁷ "*Tiếng nói người dân chủ - xã hội*" — báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận ở nước ngoài của bọn men-sê-vích; xuất bản từ tháng Hai 1908 đến tháng Chạp 1911, lúc đầu ở Giơ-ne-vơ, sau đó ở Pa-ri. Các biên tập viên của báo gồm có P. B. Ác-xen-rốt, Ph. I. Đan, L. Mác-tốp, A. Mác-tư-nốp và G. V. Plê-kha-nốp. Từ số đầu "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" đã lên tiếng bênh vực bọn theo phái thủ tiêu, biện hộ cho hoạt động chống đảng của chúng. Sau khi Plê-kha-nốp — người đã lên án lập trường thủ tiêu chủ nghĩa của tờ báo — rút ra khỏi ban biên tập, tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" được xác định dứt khoát là trung tâm tư tưởng của phái thủ tiêu. — 31.

²⁸ "*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") — tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Stút-ga từ năm 1883 đến năm 1923. Trước tháng Mười 1917 chủ biên là C. Cau-xky, rồi sau đó là G. Cu-nốp. Trên tờ "Die Neue Zeit" lần đầu tiên đã đăng một số tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen: "Phê phán cương lĩnh Gô-ta" của C. Mác, "Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ - xã hội năm 1891" của Ph. Ăng-ghen, v. v.. Ăng-ghen thường xuyên góp ý với ban biên tập và thường phê phán họ về những biểu hiện đi chệch ra ngoài chủ nghĩa Mác ở trên tạp chí. Có những nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân thế giới và của Đức cuối thế

kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã cộng tác với "Die Neue Zeit" như A. Bê-ben, V. Liép-nêch, R. Lút-xăm-bua, Ph. Mê-rinh, C. Tsét-kin, P. La-phác-gơ, G. V. Plê-kha-nốp, v. v.. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ph. Ăng-ghen từ trần, trên tạp chí này bắt đầu cho đăng có hệ thống những bài viết của những phần tử xét lại, trong đó có một loạt bài của E. Béc-stanh "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội" mở đầu cuộc tấn công của những phần tử xét lại chống chủ nghĩa Mác. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) tạp chí giữ lập trường phái giữa, trên thực tế ủng hộ những phần tử xã hội - sô-vanh. — 38.

²⁹ "*Viện bảo tàng Ri-ga*" — phòng tra tấn của sở cảnh sát mật vụ Ri-ga. Nơi đây, khi cung những người bị bắt giữ, bọn cảnh sát thường dùng những lối tra tấn dã man. Khi những hành động này của bọn cảnh sát bị vạch trần trên báo chí thì chính phủ Nga hoàng, âm mưu bác bỏ những sự thật về lối tra tấn đó, tuyên bố rằng những công cụ tra tấn được tập trung lại ở sở cảnh sát này là "với mục đích bảo tàng". Vì vậy mà phòng tra tấn Ri-ga được đặt tên là "viện bảo tàng Ri-ga". — 39.

³⁰ "*Luật ngày 11 (24) tháng Chạp 1905*" — luật bầu cử vào Đu-ma nhà nước do chính phủ Nga hoàng ban hành trong lúc cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va đang sôi sục, đây là một hình thức nhượng bộ phần nào giai cấp công nhân; luật này chỉ tạo ra cái vẻ mở rộng các quyền bầu cử.

Luật này quy định việc thành lập Đu-ma "lập pháp", khác với Đu-ma "tư vấn" của Bu-lư-ghin. Ngoài các đoàn tuyển cử đã quy định trước đây như đoàn tuyển cử các chủ ruộng đất (bọn địa chủ), đoàn tuyển cử thành phố (bọn tư sản) và đoàn tuyển cử nông dân nay thêm đoàn tuyển cử công nhân, và thành phần cử tri thành phố được mở rộng thêm ít nhiều song vẫn duy trì tổng số đại biểu cử tri của đoàn tuyển cử thành phố. Bầu cử không phải phổ thông. Phụ nữ và trên 2 triệu đàn ông bao gồm công nhân của các xí nghiệp nhỏ, dân du mục, quân nhân, thanh niên dưới 25 tuổi, bị tước quyền bỏ phiếu. Cuộc bầu cử không bình đẳng: đối với đoàn tuyển cử của chủ ruộng đất thì 2 nghìn cử tri được bầu ra một đại biểu cử tri, đối với đoàn tuyển cử thành phố phải 7 nghìn cử tri, đoàn tuyển cử nông dân thì phải 30 nghìn cử tri, công nhân 90 nghìn cử tri mới được bầu một đại biểu cử tri, tức là 1 lá phiếu của địa chủ bằng 3 lá phiếu của giai cấp tư sản thành thị, 15 lá phiếu của nông dân và 45 lá phiếu của công nhân. Các

đại biểu cử tri của đoàn tuyển cử công nhân chỉ chiếm 4% tổng số đại biểu cử tri được vào Đu-ma nhà nước. Về đoàn tuyển cử công nhân, chỉ những công nhân thuộc các xí nghiệp có ít nhất 50 công nhân trở lên mới được quyền tham gia bầu cử. Những xí nghiệp nào có số công nhân từ 50 đến 1000 thì được cử 1 đại biểu sơ tuyển. Đối với những xí nghiệp lớn thì cứ 1000 công nhân được cử một đại biểu sơ tuyển. Cuộc bầu cử không phải trực tiếp mà qua nhiều cấp. Chế độ bầu cử được quy định đối với công nhân là ba cấp, còn đối với nông dân là bốn cấp. Trên thực tế, cuộc bầu cử lại không phải bí mật. Lê-nin cho rằng cái "cơ quan đại biểu nhân dân giả mạo một cách thô bạo nhất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 241) được thể hiện trong luật bầu cử ngày 11 (24) tháng Chạp, một luật bầu cử bảo đảm cho bọn địa chủ, tư bản chiếm ưu thế to lớn trong Đu-ma. — 39.

³¹ V. I. Lê-nin có ý nói tới "Lời mở đầu" do Ph. Ăng-ghen viết cho cuốn sách nhỏ của C. Mác "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Nga, t. I, 1955, tr. 91 - 110). — 40.

³² "*Frankfurter Zeitung*" (" Báo Phran-pho") — nhật báo, cơ quan ngôn luận của các nhà kinh doanh lớn về chứng khoán, xuất bản từ năm 1856 đến năm 1943 ở Phran-pho trên sông Manh. Từ năm 1949 lại được xuất bản dưới tên gọi "Báo toàn Phran-pho" ("*Frankfurter Allgemeine Zeitung*"); là cái loa của bọn độc quyền Tây Đức. — 41.

³³ *Phái tháng Mười* — đảng viên của "Liên minh ngày 17 tháng Mười" thành lập ở Nga sau khi công bố đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905 của Nga hoàng. Đây là một đảng phản cách mạng, đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp đại tư sản và địa chủ kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa; đứng đầu đảng này là nhà công nghiệp có tiếng và chủ nhà cửa ở Mát-xcơ-va, A. I. Gu-tơ-cốp và đại địa chủ M. V. Rốt-di-an-cô. Những người tháng Mười hoàn toàn ủng hộ chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ Nga hoàng. — 41.

³⁴ *Đảng "canh tân hòa bình"* — tổ chức quân chủ - lập hiến của giai cấp đại tư sản và bọn địa chủ, được hình thành rõ rệt vào năm 1906 sau khi Đu-ma nhà nước I bị giải tán. Đảng này đã hợp nhất những người tháng Mười "cánh tả" và bọn dân chủ - lập hiến cánh hữu. Những lãnh tụ của Đảng "canh tân hòa bình" là P. A. Gây-

đen, N. N. Lvốp, P. P. Ri-a-bu-sin-xki, M. A. Xta-khơ-vích, Ê. N. Tơ-ru-bê-tơ-côi và G. N. Tơ-ru-bê-tơ-côi, Đ. N. Si-pốp, v. v.. Về cương lĩnh, đảng này cũng gần giống như những người tháng Mười, họ bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản công thương nghiệp và bọn địa chủ kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Lê-nin gọi Đảng "canh tân hòa bình" là "đảng cướp bóc hòa bình" vì hoạt động của nó là nhằm làm sao "bảo vệ một cách chắc chắn hơn, tinh vi và khéo léo hơn, một cách vững vàng hơn từ bên trong, và bên ngoài khó thấy hơn, *những quyền* của tầng lớp quý tộc cao thượng Nga đàn áp và bóc lột của hàng triệu "người mu-gích"..." (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 54). Trong Đu-ma nhà nước III Đảng "canh tân hòa bình" thống nhất với cái gọi là đảng "cải cách dân chủ" lập thành đảng đoàn "những người tiến bộ". — 41.

³⁵ Đây là nói về các cuộc thương lượng giữa bọn dân chủ - lập hiến với Tơ-rê-pốp (thứ trưởng Bộ nội vụ) về khả năng thành lập một nội các dân chủ - lập hiến. Về vấn đề này xin xem bài của V. I. Lê-nin "Bắt đầu việc vạch trần những cuộc đàm phán của Đảng dân chủ - lập hiến với các bộ trưởng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, t. 17, tr. 609). — 42.

³⁶ *Đu-ma nhà nước III* (tên gọi chính thức — Đu-ma nhà nước khóa III) hoạt động từ ngày 1 (14) tháng Mười một 1907 đến ngày 9 (22) tháng Sáu 1912 (tổng cộng 5 kỳ họp). Đu-ma III được bầu ra trên cơ sở luật bầu cử ngày 3 tháng Sáu; xét về bản chất giai cấp và thành phần các đảng phái, Đu-ma III là một Đu-ma Trăm đen - tháng Mười; nó là công cụ ngoan ngoãn của chính phủ Nga hoàng để thi hành chính sách bạo lực và đàn áp, một chính sách phản cách mạng của chính phủ đó đối với các lực lượng cách mạng Nga.

Tổng số đại biểu của Đu-ma gồm 442 người, tức là kém hơn nhiều so với hai Đu-ma đầu. Nhìn vào thành phần đẳng cấp của nó cũng đã xác định được tính chất phản động của nó. Quá một nửa số đại biểu (229 người) là những tên quý tộc và dòng dõi của chúng, 46 đại biểu là thầy tu, 42 đại biểu là tầng lớp thương nhân, 15 đại biểu là Cô-dắc, 94 đại biểu là nông dân, 12 đại biểu là tiểu thị dân. Xét theo nghề nghiệp thì các thành viên Đu-ma được phân bố như sau: bọn chủ ruộng đất — 242 đại biểu, các nhà hoạt động hội đồng địa phương — 133 đại biểu, dân cày — 79 đại biểu, giới thầy tu — 49 đại biểu, trạng sư — 37 đại biểu, nhà buôn và nhà công

nghiệp — 36 đại biểu, quan chức — 47 đại biểu, bác sĩ và nhà sư phạm — 42 đại biểu, thợ thủ công và công nhân — 16 đại biểu v. v..

Vào đầu kỳ họp thứ I, ở Đu-ma có đại biểu của 11 đảng và nhóm chính trị, trong đó có: những người phái hữu (bọn cực hữu, bọn theo chủ nghĩa dân tộc và phái hữu ôn hòa) gồm 147 đại biểu, những người tháng Mười — 154 đại biểu, nhóm Ba-lan - Lít-va - Bê-lô-ru-xi-a — 7 đại biểu, nhóm cô-lô Ba-lan — 11 đại biểu, nhóm tiến bộ — 28 đại biểu, nhóm Hồi giáo — 8 đại biểu, bọn dân chủ - lập hiến — 54 đại biểu, Nhóm lao động — 14 đại biểu, Đảng dân chủ - xã hội — 19 đại biểu.

Không có một đảng nào trong Đu-ma chiếm được đa số tuyệt đối, tình hình đó phù hợp với mục đích của chính phủ Nga hoàng muốn thực hiện chính sách lựa chiều kiểu Bô-na-pác-tơ giữa bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Trong Đu-ma III đã hình thành hai nhóm đa số phản cách mạng: nhóm Trăm đen - tháng Mười và nhóm tháng Mười - dân chủ - lập hiến. Nhóm thứ nhất bảo đảm cho Xtô-lu-pin tiến hành chính sách ruộng đất của y, chính sách cứng rắn trong vấn đề công nhân, chính sách nước lớn công khai đối với các dân tộc thiểu số. Nhóm đa số thứ hai cũng cần thiết để tạo ra cái vẻ bên ngoài về các tiêu chuẩn sinh hoạt nghị viện của nước Nga, để vay nợ được của nước ngoài, để tách quần chúng ra khỏi cách mạng bằng cách thực hiện những nhượng bộ nhỏ, tức là những cải cách.

Khi nhận định chung về Đu-ma III, V. I. Lê-nin viết: "Chế độ chuyên chế muốn dùng Đu-ma để che đậy cho mình, trang điểm và tô điểm cho mình; trên thực tế, Đu-ma Trăm đen - tháng Mười ngày càng bộc lộ, phơi bày và phơi trần thực chất của chính quyền nhà nước ở Nga, những cơ sở giai cấp thật sự của nó và chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của nó" (xem tập này, tr. 335).

Đu-ma nhà nước III hoàn toàn ủng hộ chế độ phản động 3 tháng Sáu trong tất cả các vấn đề thuộc chính sách đối nội và đối ngoại, phóng tay cấp tiền cho bọn cảnh sát, sen đầm, bọn trưởng quan hội đồng địa phương, cho các tòa án, nhà tù, cho Hội đồng thánh giáo. Đu-ma thông qua dự luật về nghĩa vụ quân sự, dự luật này bãi bỏ những trường hợp miễn phải nhập ngũ, do đó quân đội tăng khá nhiều.

Qua đạo luật lao động người ta càng đặc biệt thấy rõ vai trò phản động của Đu-ma III. Trong 3 năm bộ phận đa số phản động trong Đu-ma không thi hành một số dự luật về bảo hiểm công nhân. Mãi đến năm 1911 vì có sự tác động của cao trào mới của cách

mạng nên Đu-ma mới phê chuẩn các dự luật đó. Nhưng những dự luật này bị cắt xén đến mức đã không cải thiện mà còn hạ thấp các điều kiện bảo hiểm nếu so sánh với đạo luật năm 1903, chỉ áp dụng bảo hiểm đối với 2,5 triệu công nhân trong số 13 triệu người lao động làm thuê. Năm 1910 Đu-ma tán thành bản dự luật bảo đảm cho các viên chức ngành thương nghiệp được nghỉ theo chế độ bình thường; dự luật này đã trực tiếp hạ thấp điều kiện lao động nếu so sánh với những điều quy định tạm thời năm 1906 được áp dụng trước đây, lúc bấy giờ vì muốn lôi kéo các cử tri - quản lý về phía các đảng phái hữu, chính phủ Nga hoàng đã dùng một vài của bố thí để làm vừa lòng họ. Ngày 5 (18) tháng Ba 1912, tiểu ban công nhân của Đu-ma bác bỏ dự luật về tự do bãi công, thậm chí không cho đem dự luật đó ra thảo luận trong các phiên họp của Đu-ma.

Bộ phận đa số phản động của Đu-ma III ủng hộ chính sách Nga hóa của chính phủ Nga hoàng, nhen nhóm lên sự hận thù dân tộc. Về mặt chính sách đối ngoại Đu-ma III đã tích cực can thiệp vào công việc của các nước vùng Ban-căng, đồng thời ủng hộ các tâm lý đại Xla-vơ phản động, ngân sách quân sự được tăng thêm. Đu-ma hoàn toàn ủng hộ đạo luật về ruộng đất của Xtô-lu-pin sau khi thông qua luật ruộng đất năm 1910, mà cơ sở là đạo dụ ngày 9 (22) tháng Mười một 1906. Đu-ma này đã bác bỏ tất cả các dự thảo của đại biểu nông dân về việc chia ruộng đất cho những nông dân không có ruộng đất và ít ruộng đất, không cho đưa các dự thảo đó ra các phiên họp để thảo luận.

Mặc dầu gặp những điều kiện làm việc rất khó khăn, đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III với thành phần ít ỏi và trong thời kỳ đầu hoạt động vấp phải một số sai lầm, nhưng dựa vào số đại biểu bôn-sê-vích hiện có, đã làm được công việc to lớn là vạch trần chính sách phản nhân dân của Đu-ma III, giáo dục chính trị cho giai cấp vô sản và nông dân Nga thông qua diễn đàn của Đu-ma và bằng cả những hoạt động bên ngoài Đu-ma.

V. I. Lê-nin đã nêu lên đặc điểm của Đu-ma nhà nước III, thành phần đảng phái và hoạt động của nó trong các tác phẩm "Đu-ma III", "Đu-ma nhà nước III và Đảng dân chủ - xã hội", "Về việc đánh giá tình hình hiện nay", "Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III" v. v. (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 172 - 185, 217 - 226; tập này, tr. 329 - 346, 377 - 396). — 42.

³⁷ Đây muốn nói đến Hội nghị IV Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị III toàn Nga") họp ở Hen-xinh-pho (Hen-xinh-

ki) ngày 5 - 12 (18 - 25) tháng Mười một 1907, ít lâu sau khi bầu xong Đu-ma nhà nước III. Tham dự hội nghị có 27 đại biểu: bôn-sê-vích — 10 đại biểu, men-sê-vích — 4 đại biểu, Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan — 5 đại biểu, phái Bun — 5 đại biểu, Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a — 3 đại biểu.

Trong chương trình nghị sự của hội nghị có những vấn đề: sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước, các trung tâm bè phái và việc củng cố mối liên hệ giữa Ban chấp hành trung ương với các đảng bộ địa phương, vấn đề các đảng viên dân chủ - xã hội tham gia báo chí tư sản. Ngoài ra, hội nghị còn thảo luận vấn đề tên gọi cơ quan đại diện của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước. Lê-nin đọc báo cáo về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Những người men-sê-vích và phái Bun đã chống lại sự đánh giá của Lê-nin về chế độ 3 tháng Sáu và về những nhiệm vụ của đảng; họ kiên trì sự cần thiết phải ủng hộ bọn dân chủ - lập hiến và những người tháng Mười "tả" khuynh trong Đu-ma. Hội nghị đã thông qua với đa số phiếu nghị quyết bôn-sê-vích, là nghị quyết được đưa ra nhân danh Hội nghị toàn thành phố Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Hội nghị cũng đã thông qua nghị quyết bôn-sê-vích không cho phép các đảng viên dân chủ - xã hội tham gia báo chí tư sản; mục đích của nghị quyết này là nhằm phản đối các nhà chính luận men-sê-vích và đặc biệt là phản đối G. V. Plê-kha-nốp, người phê phán các nghị quyết của Hội nghị III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị II toàn Nga") trên tờ báo của bọn dân chủ - lập hiến tả khuynh "Đồng chí". Hội nghị gọi cơ quan đại diện của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma là "đảng đoàn dân chủ - xã hội".

Vì trung tâm men-sê-vích bí mật giao tiếp với các ban chấp hành địa phương, giấu cả Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga nên hội nghị đã vạch các biện pháp nhằm tăng cường mối liên hệ giữa Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với các đảng bộ ở địa phương.

Thông qua các nghị quyết do Lê-nin đưa ra về những vấn đề cơ bản, Hội nghị IV Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã vũ trang cho đảng một sách lược mác-xít đúng đắn về đấu tranh để giành lấy quần chúng trong thời kỳ các thế lực phản động hoành hành.

Các biên bản của hội nghị không tìm thấy. Tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản", số 20 ra ngày 19 tháng Mười một 1907 đã làm sáng tỏ nhiều công tác và các nghị quyết của hội nghị. — 42.

³⁸ V. I. Lê-nin đã viết bài "*Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga*" ngày 3 hoặc 4 (16 hoặc 17) tháng Ba 1908 cho tạp chí của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan "Przeгляд Socjaldemokratyczny" và bài báo này đã được đăng ở số 2 của tạp chí đó trong tháng Tư 1908. Ngày 10 (23) tháng Năm 1908 bài báo đó được đăng trên tờ "Người vô sản", số 30.

"Przeгляд Socjaldemokratyczny" ("Tạp chí bình luận dân chủ - xã hội") — tạp chí do những người dân chủ - xã hội Ba-lan xuất bản, với sự tham gia trực tiếp của R. Lút-xăm-bua, ở Cra-cốp từ năm 1902 đến năm 1904 và từ năm 1908 đến năm 1910. — 44.

³⁹ "*Bưu cục thủ đờ*" — nhật báo; xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười 1906 đến tháng Hai 1908. Lúc đầu là cơ quan ngôn luận của bọn dân chủ - lập hiến tả khuynh, từ tháng Hai 1907 trở thành diễn đàn của Nhóm lao động. Đã bị chính phủ Nga hoàng cấm. — 44.

⁴⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. "Điểm tình hình thế giới, bài thứ ba. Từ tháng Năm đến tháng Mười" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 467 - 490). — 46.

⁴¹ *Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng* — đảng tiểu tư sản ở Nga; xuất hiện vào cuối 1901 - đầu 1902 do kết quả của sự hợp nhất những nhóm và tiểu tổ dân túy ("Liên minh những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng", "Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng", v. v.). Những cơ quan ngôn luận chính thức của đảng là báo "Nước Nga cách mạng" (1900 - 1905) và tạp chí "Truyền tin Cách mạng Nga" (1901 - 1905). Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng không thấy sự khác nhau về mặt giai cấp giữa người vô sản và người tiểu tư hữu, họ làm lu mờ sự phân hóa giai cấp và những mâu thuẫn thuộc nội bộ nông dân, phủ nhận vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản. Những quan điểm của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng là sự hỗn hợp mang tính chất chiết trung những tư tưởng của chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa xét lại; theo lời Lê-nin, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng muốn vá vúi "những chỗ rách của chủ nghĩa dân túy" bằng "những mảnh vá" "phê phán" hợp thời trang cơ hội chủ nghĩa đối với chủ nghĩa Mác" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 357 - 358). Sách lược khủng bố cá nhân mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tuyên truyền như là phương pháp chủ yếu để đấu tranh với chế độ chuyên chế, đã gây thiệt hại lớn

cho phong trào cách mạng, làm khó khăn cho công tác tổ chức quần chúng để đấu tranh cách mạng.

Cương lĩnh ruộng đất của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng dự định xóa bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất và chuyển ruộng đất đó cho các công xã sử dụng, thực hiện "nguyên tắc lao động" và "sự bình quân" trong việc sử dụng ruộng đất, đồng thời cũng quy định cả việc phát triển hợp tác xã. Trong cái cương lĩnh mà những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng gọi là cương lĩnh "xã hội hóa ruộng đất", thực tế không có một chút gì là xã hội chủ nghĩa cả. Khi phân tích cương lĩnh của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Lê-nin chỉ ra rằng việc duy trì sản xuất hàng hóa và kinh tế tư nhân trên ruộng đất chung không loại trừ được sự thống trị của tư bản, không cứu vớt được nông dân lao động ra khỏi sự bóc lột và phá sản; và hợp tác hóa trong những điều kiện tư bản chủ nghĩa không thể là một phương thức cứu giúp những người tiểu nông, vì nó chỉ làm giàu thêm cho giai cấp tư sản nông thôn mà thôi. Đồng thời Lê-nin vạch ra rằng những yêu sách của việc sử dụng ruộng đất một cách quân bình tuy không phải là những yêu sách có tính chất xã hội chủ nghĩa song, về mặt lịch sử, lại có tính chất dân chủ - cách mạng, tiến bộ vì những yêu sách này nhằm chống lại quyền chiếm hữu ruộng đất của bọn địa chủ phản động.

Đảng bôn-sê-vích đã bóc trần những mưu toan của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng định lột những người xã hội chủ nghĩa; đã đấu tranh kiên cường với bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng để giành ảnh hưởng đối với nông dân, vạch rõ sự tác hại của sách lược khủng bố cá nhân của họ đối với phong trào công nhân. Đồng thời, trong những điều kiện nhất định, những người bôn-sê-vích cũng chấp nhận những thỏa hiệp tạm thời với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong cuộc đấu tranh chống chế độ Nga hoàng.

Tính không thuần nhất về mặt giai cấp của nông dân quyết định tính không ổn định về chính trị và tư tưởng, sự lộn xộn về tổ chức trong Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và những sự dao động thường xuyên của họ giữa giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và giai cấp vô sản. Ngay từ những năm cách mạng Nga lần thứ nhất, cánh hữu tách ra khỏi đảng này lập thành Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân hợp pháp gắn gũi với Đảng dân chủ - lập hiến về mặt quan điểm, và cánh tả cũng đoạn tuyệt với đảng, lập thành hội liên hiệp "phái tối đa", một tổ chức nửa vô chính phủ. Trong thời kỳ bọn phản động Xtô-lư-pin hoành hành, Đảng xã

hội chủ nghĩa - cách mạng bị tan vỡ hoàn toàn về mặt tư tưởng và tổ chức. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, phần lớn đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng giữ lập trường xã hội - sô-vanh.

Sau khi Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 thắng lợi, Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng cùng với phái men-sê-vích và bọn dân chủ - lập hiến trở thành chỗ dựa chủ yếu của Chính phủ lâm thời phản cách mạng của giai cấp tư sản, địa chủ, còn các lãnh tụ của đảng này (Kê-ren-xki, Áp-kxen-chi-ép, Tséc-nốp) thì tham gia chính phủ đó. Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng từ chối ủng hộ yêu sách của giai cấp nông dân đòi thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, tán thành duy trì quyền sở hữu của bọn chủ về ruộng đất; các bộ trưởng là đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng trong Chính phủ lâm thời điều động các toán quân bình định để chống lại những nông dân đã chiếm ruộng đất của địa chủ.

Vào cuối tháng Mười một 1917, cánh tả của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng lập ra đảng độc lập của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả. Cố gắng duy trì ảnh hưởng của mình trong quần chúng nông dân, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng cánh tả trên hình thức thừa nhận Chính quyền xô-viết và thỏa hiệp với những người bôn-sê-vích, nhưng chẳng bao lâu họ lại đi vào con đường đấu tranh chống Chính quyền xô-viết.

Trong những năm có sự can thiệp vũ trang của nước ngoài và có nội chiến, những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tiến hành những hoạt động phá hoại phản cách mạng, tích cực ủng hộ bọn can thiệp và những tên tướng bạch vệ, tham gia các âm mưu phản cách mạng, tổ chức các cuộc khủng bố những nhà hoạt động của Nhà nước xô-viết và Đảng cộng sản. Sau khi nội chiến kết thúc những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng vẫn tiếp tục hoạt động thù địch chống Nhà nước xô-viết ở trong nước và trong phe bạch vệ lưu vong. — 46.

⁴² *Những người xã hội chủ nghĩa nhân dân* — đảng viên Đảng lao động xã hội chủ nghĩa nhân dân của giai cấp tiểu tư sản do cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng lập nên vào năm 1906. Những người xã hội chủ nghĩa nhân dân lập khối liên minh với bọn dân chủ - lập hiến. Lê-nin gọi họ là bọn "xã hội - dân chủ - lập hiến", bọn "cơ hội chủ nghĩa tiểu tư sản", bọn "men-sê-vích thuộc Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng", những kẻ dao động giữa bọn dân chủ - lập hiến và bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, và

nhấn mạnh rằng đảng này "không khác mấy so với Đảng dân chủ - lập hiến, bởi vì nó gạt bỏ khỏi cương lĩnh cả chế độ cộng hòa lẫn yêu sách về toàn bộ ruộng đất" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 30). Những người cầm đầu đảng là: A. V. Pê-sê-khô-nốp, N. Ph. An-nen-xki, V. A. Mí-a-cô-tin, v. v.. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Đảng xã hội chủ nghĩa nhân dân sáp nhập với phái lao động, tích cực ủng hộ hoạt động của Chính phủ lâm thời tư sản, cử đại biểu của họ tham gia chính phủ đó. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, những người xã hội chủ nghĩa nhân dân tham gia các âm mưu phản cách mạng và các hoạt động vũ trang chống Chính quyền xô-viết. Trong thời kỳ có sự can thiệp vũ trang của nước ngoài và nội chiến, đảng này không còn tồn tại nữa. — 46.

⁴³ Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ở Luân-đôn vào những ngày 12 - 27 tháng Tư (25 tháng Tư - 10 tháng Năm) 1905. Đại hội này do phái bên-sê-vích chuẩn bị và tiến hành dưới sự lãnh đạo của V. I. Lê-nin. Những người men-sê-vích từ chối tham dự đại hội đó và họp hội nghị riêng của họ ở Giơ-ne-vơ.

Tham dự đại hội có 38 đại biểu: 24 đại biểu có quyền biểu quyết và 14 đại biểu không có quyền biểu quyết. Những đại biểu có quyền biểu quyết tham dự đại hội thuộc 21 ban chấp hành đảng bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Tve, Ri-ga, miền Bắc, Tu-la, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, U-ran, Xa-ma-ra, Xa-ra-tốp, Liên minh Cáp-ca-dơ (có các ban chấp hành đảng bộ Ba-cu, Ba-tum, I-mê-rê-ti-a - Min-gre-li-a, Ti-phlít), Vô-rô-ne-giơ, Ni-cô-lai-ép, Ô-đét-xa, Pô-lê-xi-ê, Tây - Bắc, Cuốc-xcơ, Ô-ri-ôn). Lê-nin là đại biểu của Ban chấp hành đảng bộ Ô-đét-xa. Trong số đại biểu có V. V. Vô-rốp-xki, R. X. Dem-li-a-tơ-ca, N. C. Crúp-xcai-a, A. A. Bô-gđa-nốp, A. V. Lu-na-tsác-xki, M. M. Lít-vi-nốp, M. G. Txơ-kha-cai-a, v. v.. Lê-nin được bầu là chủ tịch đại hội.

Đại hội đã xem xét những vấn đề cơ bản của cuộc cách mạng đang phát triển ở Nga và xác định những nhiệm vụ của giai cấp vô sản và đảng của nó. Đại hội đã thảo luận những vấn đề sau đây: báo cáo của Ban tổ chức; khởi nghĩa vũ trang; thái độ đối với chính sách của chính phủ trước khi cách mạng bùng nổ; về chính phủ cách mạng lâm thời; thái độ đối với phong trào nông dân; điều lệ đảng; thái độ đối với bộ phận đã ly khai khỏi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; thái độ đối với các tổ chức dân chủ - xã hội của các dân tộc; thái độ đối với phái tự do; những sự liên

hiệp thực tế với những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng; công tác tuyên truyền và cổ động; báo cáo của Ban chấp hành trung ương và các đại biểu các Ban chấp hành địa phương v. v..

Lê-nin viết các dự thảo nghị quyết về tất cả những vấn đề chủ yếu mà đại hội đã thảo luận. Trong đại hội Người đã đọc báo cáo về việc Đảng dân chủ - xã hội tham gia chính phủ cách mạng lâm thời và về nghị quyết ủng hộ phong trào nông dân. Người đã đọc diễn văn về khởi nghĩa vũ trang, về thái độ đối với sách lược của chính phủ trước khi cách mạng bùng nổ, về quan hệ giữa công nhân và trí thức trong các tổ chức dân chủ - xã hội, về điều lệ đảng, về báo cáo hoạt động của Ban chấp hành trung ương và những vấn đề khác. Đại hội đã vạch ra kế hoạch chiến lược của đảng trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản. Kế hoạch này bao gồm những điểm: giai cấp vô sản phải là lãnh tụ, người lãnh đạo cách mạng, liên minh với nông dân, cô lập giai cấp tư sản, giai cấp vô sản đấu tranh giành thắng lợi cho cách mạng, tức là lật đổ chế độ chuyên chế và thiết lập nước cộng hòa dân chủ, xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ nông nô. Xuất phát từ kế hoạch chiến lược đó, đại hội xác định đường lối sách lược của đảng. Đại hội đề ra nhiệm vụ tổ chức khởi nghĩa vũ trang, coi đó là nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách của đảng. Đại hội chỉ ra rằng, sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân giành được thắng lợi thì phải thành lập chính phủ cách mạng lâm thời. Chính phủ này có nhiệm vụ trấn áp sự phản kháng của bọn phản cách mạng, thực hiện cương lĩnh tối thiểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, chuẩn bị điều kiện để chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã xem xét lại điều lệ đảng; đại hội thông qua tiết thứ nhất của điều lệ nói về đảng viên theo cánh điển đạt của Lê-nin; bãi bỏ chế độ hai cơ quan trung ương (Ban chấp hành trung ương và Cơ quan ngôn luận trung ương) trong đảng và thành lập một trung tâm lãnh đạo duy nhất của đảng — đó là Ban chấp hành trung ương; quy định chính xác những quyền hạn của Ban chấp hành trung ương và các quan hệ của Ban chấp hành trung ương đó với các ban chấp hành đảng bộ địa phương.

Đại hội lên án những hành động của những người men-sê-vích, chủ nghĩa cơ hội của họ trong các vấn đề về tổ chức và sách lược. Vì báo "Tia lửa" rơi vào tay phái men-sê-vích và đi theo đường lối cơ hội chủ nghĩa nên Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga giao nhiệm vụ cho Ban chấp hành trung ương thành lập một Cơ quan ngôn luận trung ương mới — báo "Người vô sản". Trong cuộc hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương

họp vào ngày 27 tháng Tư (10 tháng Năm) 1905 V. I. Lê-nin được cử làm tổng biên tập của tờ "Người vô sản".

Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga có ý nghĩa lịch sử to lớn. Đây là đại hội đầu tiên của đảng bôn-sê-vích. Đại hội đã vũ trang cho đảng và giai cấp công nhân cương lĩnh chiến đấu để đấu tranh giành thắng lợi cho cách mạng dân chủ. Về công tác và ý nghĩa của Đại hội III của đảng, xin đọc bài của Lê-nin "Đại hội III" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 239 - 247). Những nghị quyết của đại hội được Lê-nin luận chứng trong cuốn "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 1 - 168). — 52.

⁴⁴ *Hội nghị của phái men-sê-vích ở Giơ-ne-vơ* được tiến hành cùng một thời gian với Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga vào tháng Tư 1905. Vì số người tham dự đại hội ít (chỉ có đại biểu của 9 ban chấp hành đảng bộ tham dự) nên những người men-sê-vích tuyên bố cuộc họp này là hội nghị các cán bộ đảng.

Những nghị quyết của hội nghị chứng minh rằng những người men-sê-vích không đặt cho mình nhiệm vụ tiếp tục phát triển cách mạng. Họ phủ nhận bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng và chính sách liên minh giữa giai cấp vô sản với nông dân. Họ cho rằng giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa là người lãnh đạo cách mạng dân chủ - tư sản và chính quyền phải chuyển vào tay giai cấp ấy sau khi cách mạng giành thắng lợi. Những người men-sê-vích bác bỏ sự cần thiết phải thành lập chính phủ cách mạng lâm thời và việc các đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội cần phải tham gia chính phủ đó.

Trong các nghị quyết về vấn đề khởi nghĩa vũ trang hội nghị không vạch ra những nhiệm vụ thực tế đặt ra cho giai cấp vô sản khi có khởi nghĩa, họ cho rằng đảng của giai cấp vô sản không cần phải chuẩn bị khởi nghĩa vì hành động như vậy có thể làm cho giai cấp tư sản lo sợ. Hội nghị phản đối sự tham gia của Đảng dân chủ - xã hội vào chính phủ cách mạng lâm thời. Hội nghị không đặt ra nhiệm vụ tổ chức các uỷ ban nông dân cách mạng để tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ; việc giải quyết vấn đề ruộng đất sẽ giao cho quốc hội lập hiến tương lai. Những nghị quyết của hội nghị về vấn đề tổ chức thể hiện ở "điều lệ tổ chức" đã kéo đảng lùi lại từ Đại hội II tới sự manh mún về tổ chức và đầu óc tiểu tổ. Những nghị quyết của Hội nghị Giơ-ne-vơ chứng tỏ rằng những người men-sê-vích đã tước vũ khí của giai cấp công

nhân về mặt tư tưởng và tổ chức, giáo dục giai cấp công nhân theo tinh thần của chủ nghĩa cải lương và thích ứng với sách lược của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, rằng họ là những kẻ truyền bá ảnh hưởng của giai cấp tư sản vào giai cấp công nhân. Như Lê-nin đã chỉ rõ, sách lược của họ là sách lược "phản bội cách mạng, của cái sách lược biến giai cấp vô sản thành tay sai thảm hại của các giai cấp tư sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 11, tr. 107). Trong bài "Bước lùi thứ ba", trong tác phẩm "Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ", trong "Lời tựa của cuốn "Công nhân nói về sự chia rẽ trong đảng"" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 10, tr. 354-365; t. 11, tr. 1-168, 203-211) và trong các trước tác khác, V. I. Lê-nin đã vạch rõ tính chất cơ hội chủ nghĩa của các nghị quyết của Hội nghị Giơ-ne-vơ và phê phán kịch liệt những nghị quyết đó. — 52.

⁴⁵ *Đại hội Luân-đôn* — Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp vào ngày 30 tháng Tư - 19 tháng Năm (13 tháng Năm - 1 tháng Sáu) 1907. Lúc đầu, đại hội dự định triệu tập ở Cò-pen-ha-gơ, mà nếu bị cấm thì sẽ họp ở Man-mi-ô (Thụy-điển) hoặc Bruy-xen. Các chính phủ Đan-mạch, Thụy-điển và Bỉ, do áp lực trực tiếp của chính phủ Nga hoàng, đã cấm triệu tập đại hội Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga trên lãnh thổ nước họ. Những đại biểu dự đại hội tới Cò-pen-ha-gơ, lại phải chuyển tới Man-mi-ô, rồi từ đó tới Luân-đôn.

Đại hội phải triệu tập cấp bách là do chính sách cơ hội chủ nghĩa của Ban chấp hành trung ương men-sê-vích được bầu ra tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (trong Ban chấp hành trung ương này có 7 đảng viên men-sê-vích và 3 đảng viên bôn-sê-vích; trong ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương có 5 đảng viên men-sê-vích). Chính sách đó đi ngược lại ý chí của đa số trong đảng nên bị phá sản hoàn toàn. Sau khi ở trong nước có những sự kiện rất quan trọng xảy ra, không có một biện pháp nào của Ban chấp hành trung ương men-sê-vích được sự ủng hộ của đa số các đảng bộ lớn nhất ở các trung tâm công nghiệp, mà ngược lại, còn bị các đảng bộ đó lên án.

Tháng Tám 1906 Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua nghị quyết về sự cần thiết phải triệu tập ngay đại hội đảng bất thường và quyết định thông báo cho tất cả các đảng bộ biết quyết định này, đề nghị các

đảng bộ phát biểu ý kiến về vấn đề này. Bất chấp sự phản đối của Ban chấp hành trung ương, việc cổ động cho đại hội được triển khai rộng đến mức là tới tháng Mười thì quyết định của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua đã được sự ủng hộ của Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đa số các đảng bộ ở Nga và cả các Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va, Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội miền Lát-vi-a, là những tổ chức đã gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tại Đại hội IV của đảng. Vào cuối tháng Chín 1906 các đảng bộ tán thành triệu tập đại hội đã thông qua "Lời kêu gọi gửi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", trong đó yêu cầu triệu tập ngay đại hội bất thường của đảng. Mặc dầu có sự chống đối kịch liệt của Ban chấp hành trung ương men-sê-vích, Hội nghị II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ("Hội nghị I toàn Nga") họp vào tháng Mười một 1906, vẫn đưa ra nghị quyết triệu tập đại hội đảng vào ngày 15 (28) tháng Ba 1907. Việc chuẩn bị cho đại hội đã diễn ra trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích, mỗi bên đều đưa ra cương lĩnh của mình (cương lĩnh bôn-sê-vích — "Dự thảo các nghị quyết cho Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" — xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 1 - 12).

Tham dự đại hội có 336 đại biểu thay mặt trên 147 nghìn đảng viên. Có 105 đại biểu là đảng viên bôn-sê-vích, 97 đại biểu là đảng viên men-sê-vích, 57 đại biểu thuộc phái Bun, 44 đại biểu là đảng viên Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, 29 đại biểu thuộc Đảng dân chủ - xã hội miền Lát-vi-a, 4 đại biểu "không thuộc đảng phái nào".

Những trung tâm công nghiệp lớn đã cử các đảng viên bôn-sê-vích tới dự đại hội. Đảng bộ Pê-téc-bua cử 12 đảng viên bôn-sê-vích trong số 17 đại biểu đi dự đại hội, đảng bộ Mát-xcơ-va và đảng bộ khu Mát-xcơ-va cử 16 đảng viên bôn-sê-vích trong số 19 đại biểu, đảng bộ U-ran — 19 đảng viên bôn-sê-vích, và các đảng bộ I-va-nô-vô - Vô-dơ-nê-xen-xcơ, Vla-đi-mia, đảng bộ khu Cô-xtơ-rô-ma, đảng bộ Bri-an-xcơ, Ca-dan, Cra-xnôi-ác-xcơ cử toàn là đảng viên bôn-sê-vích. V. I. Lê-nin được đảng bộ Véc-khơ-nhe - Cam-xcơ bầu là đại biểu đi dự đại hội. Tại đại hội, dưới sự lãnh đạo của V. I. Lê-nin đã hình thành một nhóm cố kết các đại biểu bôn-sê-vích: A. X. Búp-nốp, C. E. Vô-rô-si-lốp, I. Ph. Đu-brô-vin-xki, M. N. Li-a-đốp, V. P. Nô-ghin, M. N. Pô-crốp-xki, C. N. Xa-môi-lô-va, I. V. Xta-lin, A. M. Xtô-pa-ni, I. A. Tê-ô-đô-rô-vích,

M. G. Tơ-kha-cai-a, X. G. Sau-mi-an, E. M. I-a-rô-xláp-xki, v. v.. A. M. Goóc-ki đã tham gia công tác của đại hội với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết.

Việc thảo luận chương trình nghị sự của đại hội chiếm gần bốn phiên họp, nó làm bộc lộ những sự bất đồng sâu sắc về nguyên tắc giữa những người bôn-sê-vích và những người men-sê-vích. Những đảng viên bôn-sê-vích đòi đưa vào chương trình nghị sự của đại hội những vấn đề cơ bản, có tính nguyên tắc, về lý luận và chính trị, đó là: sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong giai đoạn hiện nay của cách mạng dân chủ - tư sản, thái độ đối với các đảng tư sản. Những người men-sê-vích và phái Bun được Tơ-rốt-xki ủng hộ, phản đối điều đó, họ cố gắng tìm cách đưa ra khỏi chương trình nghị sự những vấn đề chung về những cơ sở của sách lược của đảng trong cách mạng dân chủ - tư sản.

Sau một cuộc đấu tranh ngoan cường, được sự ủng hộ của các đảng viên dân chủ - xã hội Ba-lan và Lát-vi-a, những người bôn-sê-vích chỉ đưa được vào chương trình nghị sự một vấn đề có tính nguyên tắc chung: thái độ đối với các đảng tư sản. "Vấn đề này, — Lê-nin chỉ rõ, — đứng đầu không những của tất cả các vấn đề có tính nguyên tắc của đại hội, mà còn của tất cả các công việc nói chung" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 438). Sau những cuộc thảo luận kéo dài, gay gắt đã thông qua chương trình nghị sự sau đây: 1. Báo cáo của Ban chấp hành trung ương. 2. Báo cáo của đảng đoàn trong Đu-ma và việc tổ chức đảng đoàn. 3. Thái độ đối với các đảng tư sản. 4. Đu-ma nhà nước. 5. "Đại hội công nhân" và các tổ chức của công nhân không đảng phái. 6. Các công đoàn và đảng. 7. Những hoạt động du kích. 8. Nạn thất nghiệp, khủng hoảng kinh tế và các cuộc dân thợ. 9. Những vấn đề tổ chức. 10. Đại hội quốc tế ở Stút-ga (ngày 1 tháng Năm, chủ nghĩa quân phiệt). 11. Công tác trong quân đội. 12. Những vấn đề linh tinh. Vì công tác của đại hội kéo dài và phương tiện vật chất bị cạn nên những vấn đề về Đu-ma nhà nước, về các công đoàn và đảng, về những hoạt động du kích, những vấn đề tổ chức được giải quyết vào hai ngày làm việc cuối cùng của đại hội. Về những vấn đề này không có báo cáo, chỉ thảo luận những đề nghị và nghị quyết do đại biểu thay mặt các phái đưa ra. Những vấn đề nạn thất nghiệp, khủng hoảng kinh tế và các cuộc dân thợ, về Đại hội quốc tế ở Stút-ga bị bỏ không thảo luận.

Lê-nin được bầu vào đoàn chủ tịch của đại hội; Người đọc báo cáo ở đại hội và phát biểu ý kiến kết luận về vấn đề tối quan trọng của chương trình nghị sự: thái độ đối với các đảng tư sản;

Người đọc các diễn văn sau khi nghe bản báo cáo về hoạt động của Ban chấp hành trung ương, và sau khi nghe xong bản báo cáo hoạt động của đảng đoàn trong Đu-ma, đọc diễn văn tán thành việc đưa vào chương trình nghị sự những vấn đề có tính nguyên tắc chung về những cơ sở của sách lược của đảng trong cách mạng tư sản; đọc các bài diễn văn phản đối những người men-sê-vích, phái Bun, Tô-rôt-xki, Người chủ tọa các phiên họp 6, 7, 14, 15, 27, 34, 35 của đại hội.

Những đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va và Đảng dân chủ - xã hội miền Lát-vi-a đã ủng hộ những người bên-sê-vích tại đại hội. Đoàn kết được những đảng đó trên cơ sở cương lĩnh hành động cách mạng của mình, những người bên-sê-vích đã giành được đa số trong đại hội và giành được thắng lợi cho đường lối cách mạng mác-xít. Đại hội đã thông qua các nghị quyết bên-sê-vích về tất cả các vấn đề cơ bản.

Đại hội cũng đã thông qua nghị quyết do Lê-nin thảo ra về vấn đề thái độ đối với các đảng tư sản. Trong nghị quyết này đại hội đã đánh giá đúng theo tinh thần bên-sê-vích tất cả các đảng không phải vô sản — bọn Trăm đen, phái thán Mươi, những người dân chủ - lập hiến và những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng — và trình bày sách lược của Đảng dân chủ - xã hội cách mạng đối với các đảng này. Đây là thắng lợi lớn của những người bên-sê-vích. Đảng — Lê-nin viết sau này — "trong nghị quyết Luân-đôn về các chính đảng không phải vô sản đã đưa ra những điểm tổng kết chủ yếu về những bài học cách mạng. Trong nghị quyết đó, giai cấp vô sản dân chủ - xã hội đã đánh giá một cách chính xác và rõ ràng mối quan hệ qua lại giữa các giai cấp trong cách mạng, đã xác định cơ sở xã hội của tất cả các chính đảng chủ yếu và những nhiệm vụ chung của phong trào công nhân trong cuộc đấu tranh cho nền dân chủ" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 19, tr. 176).

Đại hội đã thông qua nghị quyết bên-sê-vích về Đu-ma nhà nước, trong đó nêu rõ những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma, chỉ rõ rằng hoạt động của Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma phải phục tùng hoạt động của Đảng dân chủ - xã hội ở ngoài Đu-ma, và cần phải sử dụng Đu-ma trước hết như một diễn đàn để vạch trần chế độ chuyên chế và chính sách thỏa hiệp của giai cấp tư sản, để công bố và tuyên truyền cương lĩnh cách mạng của đảng. Trong nghị quyết về báo cáo của đảng đoàn, đại hội tỏ ý tin tưởng rằng đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma sẽ phục vụ sự nghiệp của giai cấp vô sản Nga theo đúng các chỉ

thị của đại hội và dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành trung ương.

Về vấn đề "đại hội công nhân", đại hội đã thông qua nghị quyết bên-sê-vích được soạn thảo trên cơ sở bản dự thảo nghị quyết mà Lê-nin đã viết để đưa ra trước đại hội "Về các tổ chức công nhân không đảng phái và trào lưu công đoàn chủ nghĩa vô chính phủ trong giai cấp vô sản" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 15, tr. 10-12). Trong nghị quyết về vấn đề "Các công đoàn và đảng" đại hội đã bác bỏ thuyết cơ hội chủ nghĩa về sự "trung lập" của công đoàn và thừa nhận là cần thiết phải có sự lãnh đạo của đảng về mặt tư tưởng và chính trị đối với các công đoàn. Đại hội đã sửa đổi điều lệ đảng, bãi bỏ chế độ hai trung ương (bầu Ban chấp hành trung ương và Cơ quan ngôn luận trung ương tại đại hội). Theo điều lệ đã sửa đổi, đại hội chỉ bầu Ban chấp hành trung ương, còn ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương thì phải do Ban chấp hành trung ương chỉ định và phải làm việc dưới sự kiểm tra của Ban chấp hành trung ương. Bản điều lệ quy định việc triệu tập các cuộc họp đảng thường kỳ để thảo luận những vấn đề quan trọng nhất trong sinh hoạt của đảng.

Có 5 đảng viên bên-sê-vích, 4 đảng viên men-sê-vích, 2 đảng viên dân chủ - xã hội Ba-lan, 1 đảng viên dân chủ - xã hội Lát-vi-a được bầu vào Ban chấp hành trung ương. Các ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành trung ương gồm có: 10 đảng viên bên-sê-vích, 7 đảng viên men-sê-vích, 3 đảng viên dân chủ - xã hội Ba-lan và 2 đảng viên dân chủ - xã hội Lát-vi-a. V. I. Lê-nin, Ph. E. Đgiéc-gin-xki, I. Ph. Đu-brô-vin-xki, V. P. Nô-ghin, L. B. Cra-xin, L. Tư-scô, I-u. Mác-khơ-lép-xki, v. v. được bầu làm ủy viên và ủy viên dự khuyết của Ban chấp hành trung ương. Sau đó lại đưa thêm vào Ban chấp hành trung ương 3 người nữa: 2 của phái Bun và 1 của Đảng dân chủ - xã hội miền Lát-vi-a.

Nhận thấy Ban chấp hành trung ương bao gồm các đại biểu của những trào lưu khác nhau (mà những đại biểu của các tổ chức dân chủ - xã hội của các dân tộc lại thường hay dao động giữa phái bên-sê-vích và phái men-sê-vích) thì việc lãnh đạo không được vững chắc nên vào cuối thời gian làm việc của đại hội, trong một phiên họp của phái bên-sê-vích, đã bầu ra Trung ương bên-sê-vích do Lê-nin đứng đầu và ban biên tập báo "Người vô sản" cũng nằm trong Trung ương bên-sê-vích đó.

Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là thắng lợi của chủ nghĩa bên-sê-vích trong phong trào công nhân Nga.

Trong các nghị quyết của đại hội đã tổng kết thắng lợi của chủ nghĩa bôn-sê-vích đối với cánh men-sê-vích cơ hội chủ nghĩa của đảng trong thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản. Sách lược bôn-sê-vích được tán thành là sách lược duy nhất cho toàn đảng. — 52.

⁴⁶ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm hai tập, tiếng Nga, t. II. 1955, tr. 95 và 97. — 55.

⁴⁷ Xem G. V. Plê-kha-nốp. "Lại bàn về tình hình của chúng ta (Thư gửi đồng chí Kh.)". (Toàn tập, tiếng Nga, t. XV, 1926, tr. 12). — 57.

⁴⁸ PPS – Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan (Polska Partia Socjalistyczna), một đảng cải lương dân tộc chủ nghĩa, thành lập vào năm 1892. Hoạt động dưới khẩu hiệu đấu tranh cho một nước Ba-lan độc lập, Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, do Pin-xút-xki và những bạn chiến đấu của ông lãnh đạo, đã tuyên truyền chủ nghĩa phân lập, chủ nghĩa dân tộc trong công nhân Ba-lan, và tìm cách làm cho họ thời phối hợp đấu tranh chung cùng với công nhân Nga để chống chế độ chuyên chế và chủ nghĩa tư bản.

Trong suốt quá trình lịch sử của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, do tác động của những công nhân bình thường trong nội bộ đảng đã xuất hiện các nhóm tả. Một số nhóm đó sau này đã gia nhập cánh cách mạng của phong trào công nhân Ba-lan.

Năm 1906 Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan phân liệt thành Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cánh tả" và thành đảng cánh hữu, theo chủ nghĩa sô-vanh mang tên gọi là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cánh hữu" ("phái cách mạng").

Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cánh tả" chịu ảnh hưởng của đảng bôn-sê-vích, đồng thời do tác động của Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va, dần dần chuyển sang lập trường cách mạng triệt để.

Vào những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, một bộ phận lớn của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan "cánh tả" giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa; tháng Chạp 1918 đảng này hợp nhất với Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lit-va. Các đảng hợp nhất này đã lập ra Đảng công nhân cộng sản Ba-lan (cho đến năm 1925 thì gọi là Đảng cộng sản Ba-lan).

Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan cánh hữu trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất vẫn tiếp tục chính sách của chủ nghĩa sô-vanh dân tộc; đảng này đã tổ chức ra trên lãnh thổ Ga-li-xi-a

những đội quân lê dương Ba-lan chiến đấu cho chủ nghĩa đế quốc Đức-Áo.

Khi nhà nước tư sản Ba-lan thành lập năm 1919 Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan cánh hữu hợp nhất với các bộ phận của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan hoạt động trên phân lãnh thổ Ba-lan bị Đức và Áo xâm chiếm trước đây, và lại lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan. Sau khi trở thành người cầm đầu chính phủ, đảng này đã tạo điều kiện để chuyển chính quyền vào tay giai cấp tư sản Ba-lan, thường xuyên tiến hành tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản và ủng hộ chính sách xâm lược chống đất nước xô-viết, ủng hộ chính sách xâm chiếm và nô dịch miền Tây U-cra-i-na và miền Tây Bê-lô-ru-xi-a. Một số nhóm trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan không tán thành chính sách đó, đã sáp nhập vào Đảng cộng sản Ba-lan.

Sau cuộc đảo chính có tính chất phát-xít của Pin-xút-xki (tháng Năm 1926) Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, trên hình thức, nằm trong nhóm đối lập ở nghị viện, nhưng trên thực tế, họ không dám đấu tranh tích cực chống chế độ phát-xít và họ tiếp tục tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản và chống Liên-xô. Trong những năm đó những phần tử cánh tả của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan hợp tác với những người cộng sản Ba-lan, trong một số cuộc vận động họ ủng hộ sách lược mặt trận thống nhất.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan lại bị phân liệt. Một bộ phận sô-vanh phản động trong đảng này lấy tên là "Wolność Równość, Niepodległość" ("Tự do, Bình đẳng, Độc lập") đã tham gia "chính phủ" phản động Ba-lan lưu vong ở Luân-đôn. Một bộ phận khác thuộc cánh tả trong Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan lấy tên là "Đảng công nhân của những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan", chịu sự tác động của Đảng công nhân Ba-lan thành lập năm 1942, đã gia nhập mặt trận nhân dân đấu tranh chống bọn xâm lược Hít-le, tiến hành đấu tranh để giải phóng Ba-lan khỏi ách nô dịch của bọn phát-xít và đứng trên lập trường thiết lập các quan hệ hữu nghị với Liên-xô.

Năm 1944, sau khi miền Đông của Ba-lan được giải phóng khỏi sự chiếm đóng của Đức và thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Ba-lan, Đảng công nhân của những người xã hội chủ nghĩa Ba-lan lại lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, và cùng với Đảng công nhân Ba-lan tham gia xây dựng nước Ba-lan dân chủ - nhân dân. Vào tháng Chạp 1948 Đảng công nhân Ba-lan hợp nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan và thành lập Đảng công nhân thống nhất Ba-lan. — 58.

⁴⁹ *Tuyên ngôn Vư-boóc-gơ* — hay là Lời kêu gọi Vư-boóc-gơ là lời kêu gọi của "Các đại biểu nhân dân gửi nhân dân", được thông qua tại cuộc họp ngày 9 - 10 (22 - 23) tháng Bảy 1906 ở thành phố Vư-boóc-gơ, là nơi, sau khi Đu-ma bị giải tán, có khoảng 200 người nguyên là đại biểu của Đu-ma nhà nước I, phần lớn là bọn dân chủ - lập hiến, đã kéo tới. Toàn văn lời kêu gọi do một tiểu ban được lập ra trong cuộc họp này bao gồm bọn dân chủ - lập hiến, phái lao động và phái men-sê-vích, soạn thảo ra. Lời kêu gọi này hô hào nhân dân hãy từ chối đóng thuế, không cung cấp tân binh, không công nhận những khoản nợ không được Đu-ma phê chuẩn, để tỏ sự phản đối việc giải tán Đu-ma. Bọn dân chủ - lập hiến hy vọng, với những biện pháp "phản kháng thụ động" như vậy có thể đưa phong trào cách mạng quần chúng đi vào hướng yên lặng. Tháng Chín 1906, trong đại hội của họ, bọn dân chủ - lập hiến công khai phát biểu chống lại việc áp dụng "sự phản kháng thụ động" và từ bỏ những lời hô hào trong Lời kêu gọi Vư-boóc-gơ.

Chẳng bao lâu sau cuộc họp ở Vư-boóc-gơ, những người tham dự cuộc họp đó bị chính phủ Nga hoàng truy tố trước tòa án. Tháng Chạp 1907 đã cử hành phiên tòa xét xử, phiên tòa này kết án những người thông qua lời kêu gọi này 3 tháng tù. — 63.

⁵⁰ "*Hội liên hiệp giải phóng*" — tổ chức theo chủ nghĩa quân chủ - tự do chủ nghĩa, thành lập vào năm 1904. "Hội liên hiệp giải phóng" liên hợp giới trí thức tư sản - tự do chủ nghĩa tập hợp từ năm 1902 xung quanh tạp chí "Giải phóng" xuất bản ở nước ngoài và một số đại biểu "phái tả" của phong trào hội đồng địa phương.

"Hội liên hiệp giải phóng" mưu toan thông qua những hoạt động chống đối giả tạo để đòi Nga hoàng phải tiến hành một số cải cách và nhượng bộ đối với giai cấp tư sản Nga. Trên thực tế, "những người của Hội liên hiệp giải phóng" tán thành chế độ quân chủ lập hiến, họ mong tìm cách câu kết với chính phủ Nga hoàng, nhưng lại che đậy sự phản bội cách mạng và lợi ích của nhân dân bằng thứ dân chủ giả.

"Hội liên hiệp giải phóng" tồn tại cho đến tháng Mười 1905. Tháng Bảy 1905 "Hội liên hiệp giải phóng" đã cùng với "Hội liên hiệp những người hội đồng địa phương - lập hiến" thành lập ra ban tổ chức đảng "dân chủ - lập hiến", tức là họ tạo nên hạt nhân của một đảng tư sản chủ yếu ở Nga — Đảng dân chủ - lập hiến, hình thành tại đại hội sáng lập của nó vào tháng Mười 1905. — 64.

⁵¹ *Cuộc khởi nghĩa trong pháo đài Xvi-boóc-giơ* (gần Hen-xinh-pho) bắt đầu vào đêm 17 (30) rạng ngày 18 (31) tháng Bảy 1906. Cuộc khởi nghĩa này nổ ra tự phát và quá sớm vì bị bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng kích động quá mạnh. Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua khi nhận được những tin tức về tình hình ở Xvi-boóc-gơ và biết rõ là có thể nổ ra một cuộc khởi nghĩa vũ trang, đã thông qua quyết định phái kịp thời tới đó một phái đoàn nhằm hoãn cuộc khởi nghĩa đó, và trong trường hợp nếu như không hoãn lại được thì tham gia tích cực vào việc lãnh đạo khởi nghĩa. Toàn văn quyết định đó do V. I. Lê-nin viết (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 13, tr. 413-414). Khi thấy rõ là không thể nào kìm hãm được hành động tự phát, những người bên-sê-vích đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đó. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa này là các uỷ viên trong tổ chức quân sự của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga — các thiếu úy A. P. Ê-mê-li-a-nốp và E. L. Cô-khan-xki. Có 7 đại đội pháo binh (trong số 10 đại đội) tham gia tích cực cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa đưa ra khẩu hiệu: đánh đổ chế độ chuyên chế, tự do nhân dân, chuyển ruộng đất cho nông dân. Giai cấp công nhân Phần-lan ủng hộ cuộc khởi nghĩa: một cuộc tổng bãi công đã nổ ra vào ngày 18 (31) tháng Bảy ở Hen-xinh-pho, và sau đó lan ra các thành phố khác. Cuộc khởi nghĩa kéo dài 3 ngày. Song cuộc khởi nghĩa này đã bộc lộ rõ là không được chuẩn bị đầy đủ, và ngày 20 tháng Bảy (2 tháng Tám) sau khi pháo đài bị các chiến hạm bắn phá, cuộc khởi nghĩa Xvi-boóc-gơ bị dẹp tan. Những người tham gia khởi nghĩa bị đưa ra toà án. Theo bản án của toà án, 43 người bị xử tử hình và hàng trăm người bị tù khổ sai và tù ngồi. — 64.

⁵² *Dự án ruộng đất có chữ ký của 104* thành viên của Đu-ma nhà nước do phái lao động đưa ra ngày 23 tháng Năm (5 tháng Sáu) 1906 trong phiên họp thứ 13 của Đu-ma. Dự án này đặt ra những luật lệ về ruộng đất nhằm mục đích "đạt cho được việc quy định những điều lệ ghi nhận toàn bộ ruộng đất gồm cả khoáng sản và sông ngòi thuộc về toàn dân, trong đó ruộng đất cần thiết cho nông nghiệp có thể giao cho những người sẽ cấy cày bằng chính lao động của mình, sử dụng" ("Đu-ma nhà nước Nga qua các văn kiện và tài liệu". Mát-xcơ-va, tiếng Nga, 1957, tr. 172). Để thực hiện điều đó, yêu sách đề ra là phải thành lập "quỹ ruộng đất toàn dân", trong đó bao gồm tất cả ruộng đất công, các thái ấp, ruộng đất của nhà vua, ruộng đất của tu viện và nhà thờ; những ruộng đất của địa chủ và của những người tư hữu khác cũng bắt buộc phải bị trưng mua

để đưa vào quỹ đó, chừng nào mà quy mô của các đất đai sở hữu vượt quá tiêu chuẩn lao động quy định cho địa phương đó. Đối với ruộng đất tư hữu phải trưng mua thì quy định mức bồi thường một phần nào. Những mảnh ruộng tư hữu nhỏ và ruộng đất được chia thì để lại cho những người sở hữu đó trong một thời gian; đồng thời dự án quy định, về sau này, những ruộng đất đó cũng sẽ được chuyển dần thành sở hữu của toàn dân. Các ủy ban địa phương được bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu, sẽ tiến hành cải cách ruộng đất. Những yêu sách này biểu thị lợi ích của những nông dân khá giả, họ sợ xóa bỏ hoàn toàn và tức thời chế độ tư hữu ruộng đất và cho chuộc lại ruộng đất trưng mua. V. I. Lê-nin vạch ra rằng "dự án của 104 người" "thảm đượm *môi lo sợ* của người tiểu nghiệp chủ sợ phải thực hiện một sự thay đổi quá đột ngột, phải lúi cuồn vào phong trào một số quần chúng nhân dân quá đông đảo và quá nghèo khổ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 14, tr. 371). Mặc dầu "dự án của 104 người" không triệt để và mang tính chất không tưởng, nhưng như Lê-nin chỉ rõ, nó là cương lĩnh đấu tranh nhằm biến một bộ phận khá giả của giai cấp nông dân bị áp bức thành những phéc-mi-ê tự do. — 64.

⁵³ Ý nói "Dự án luật ruộng đất cơ bản" có chữ ký của 33 đại biểu (chủ yếu là phái lao động) trong Đu-ma nhà nước I. "Dự án của 33 người" được soạn ra với sự tham gia trực tiếp của các đảng viên xã hội chủ nghĩa - cách mạng và thể hiện những quan điểm của họ về vấn đề ruộng đất. "Dự án của 33 người" đưa ra yêu sách cơ bản là phải xóa bỏ tức thời và hoàn toàn chế độ tư hữu về ruộng đất, tuyên bố quyền bình đẳng của mọi công dân trong việc sử dụng ruộng đất và nguyên tắc sử dụng ruộng đất công xã, chia đều ruộng đất theo định mức tiêu dùng và lao động. "Dự án của 33 người" nêu ra yêu sách kiên quyết hơn so với các dự thảo khác của phái lao động là phải xóa bỏ tức thời chế độ tư hữu về ruộng đất và đề ra việc tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ mà không phải chuộc tiền.

"Dự án của 33 người" đưa ra trước Đu-ma để xem xét vào ngày 6 (19) tháng Sáu 1906 đã vấp phải sự chống đối quyết liệt của bọn dân chủ - lập hiến và bị bác bỏ với đa số 140 phiếu chống, 78 phiếu thuận. — 64.

⁵⁴ Trước tác "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX" do V. I. Lê-nin viết năm 1908 cho Từ điển bách khoa do Hội của anh em Gra-

nát xuất bản. Lúc bấy giờ, vì điều kiện kiểm duyệt nên trước tác đó không được in. Lần đầu tiên, vào năm 1918, trước tác này được Nhà xuất bản sách "Đời sống và tri thức" xuất bản thành một cuốn sách nhỏ. Khi viết trước tác này, V. I. Lê-nin đã sử dụng những số liệu và các biểu thống kê về vấn đề ruộng đất rút trong các tác phẩm của Người "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" và "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 3 và t. 16, tr. 239 - 526).

Bản thảo viết tay cuốn sách này không còn giữ được. Ở Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô có 6 tờ đánh máy thuộc phần cuối trước tác này. Ở tờ cuối có ghi ngày viết xong trước tác đó: "1 tháng Bảy (theo lịch mới) 1908" — 67.

⁵⁵ V. I. Lê-nin có ý nói tới cuốn "Thống kê tình trạng chiếm hữu ruộng đất năm 1905. Tổng hợp các số liệu ở 50 tỉnh phần nước Nga thuộc châu Âu". Ủy ban thống kê trung ương thuộc Bộ nội vụ xuất bản. Xanh Pê-téc-bua, 1907. — 69.

⁵⁶ V. I. Lê-nin có ý nói tới bài báo của N. A. Ru-ba-kin "Giới quan lại cầm quyền ở nước ta qua những con số" đăng trên báo "Người con của Tổ quốc", số 54 ra ngày 20 tháng Tư (3 tháng Năm) 1905. — 74.

⁵⁷ *Những người Tsin-sê-vích* — những nông dân hoặc dân thành thị, những tá điền cha truyền con nối vô thời hạn, để có quyền sở hữu và sử dụng các thửa ruộng phải trả một khoản tô theo kỳ hạn bằng hiện vật hoặc bằng tiền, gọi là tsin-sơ cho người chủ ruộng đất thuộc tầng lớp trên, nếu không trả được khoản tô này thì ruộng đất đó sẽ chuyển cho người khác. Hình thức phụ thuộc vào bọn phong kiến đó phổ biến hơn cả là ở Tây Âu, ở Nga những quan hệ tsin-sơ tồn tại chủ yếu là ở Ba-lan, Lít-va, U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a. Việc chuộc lại ruộng đất và các nghĩa vụ tsin-sơ là tàn tích của quan hệ ruộng đất phong kiến ở Nga, kéo dài tới đầu thế kỷ XX.

Những người Rê-dê-si — những người chủ ruộng đất nhỏ ở Môn-đa-vi-a và Bét-xa-ra-bi-a.

Những người Tép-ti-a-ri — những cư dân mới của Ba-ski-ri-a từ U-ran và Pô-vôn-gie kéo tới định cư trên lãnh thổ của nước Ba-ski-ri-a. — 76.

⁵⁸ Nông dân ở Nga, với tính cách là một giai cấp của xã hội phong kiến, chia thành ba hạng lớn: 1) những người chiếm hữu tư nhân (địa chủ), 2) những nông dân thuộc nhà nước và 3) nông dân thái ấp (thuộc họ hàng của nhà vua). Mỗi hạng trên phân chia thành một số loại và nhóm đặc biệt, khác nhau về nguồn gốc xuất thân, hình thức chiếm hữu và sử dụng ruộng đất, về tình hình pháp lý và ruộng đất, v. v.. Cuộc cải cách nông dân do chính phủ Nga hoàng tiến hành năm 1861 vì lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô, vẫn duy trì những màn sặc và tính đa dạng của các hạng nông dân mà chúng tồn tại cho đến năm 1917. Khi thu thập các số liệu thống kê, phân thống kê chính thức (của chính phủ) và của hội đồng địa phương đã nêu riêng những loại và hạng nông dân.

Nông dân thuộc nhà nước — nông dân canh tác những ruộng đất của nhà nước (ruộng công). Ngoài thuế thân ra, họ còn phải nộp tô phong kiến cho nhà nước hoặc cho những người lĩnh canh ruộng nhà nước. Ngoài ra, họ còn phải thi hành nhiều thứ nghĩa vụ (sửa đường sá, đi lính, đi chuyên chở v. v.). Thành phần của hạng nông dân này rất đa dạng. Dưới thời Pi-ôt I, họ bao gồm: nông dân ốt-nô-đơ-voóc-txư, nông dân tự do phải nộp tô, nửa tá điền, thợ cày Xi-bi-ri vùng duyên hải phía Bắc, những dân tộc ít người vùng Pô-vôn-gie và Pri-u-ran (người Ta-ta-ri-a, Tsu-va-si, Moóc-đva, Út-múc-tư, Cô-mi). Về sau, sáp nhập với tầng lớp nông dân thuộc nhà nước còn có những nông dân kinh tế (những nông nô thuộc các điền trang đã hoàn tục của nhà thờ nay chuyển thành của nhà nước), những nông dân thuộc nhà nước thuộc các lãnh thổ phía Tây và Da-cáp-ca-đơ, những người Cô-đắc ở U-cra-i-na, v. v.. Những hình thức chiếm hữu và sử dụng ruộng đất của những nông dân thuộc nhà nước khác nhau về màu sắc muôn hình muôn vẻ cho đến sau cuộc cải cách nông dân vẫn còn giữ lại những tàn tích của nó.

Nông dân thái ấp — loại nông dân canh tác số ruộng đất thái ấp. Ngoài thuế thân, họ phải nộp tô phong kiến và phải chịu nhiều đảm phụ khác, nộp các thuế hiện vật để nuôi những người trong hoàng tộc. Trong thời kỳ lập thái ấp vào năm 1797, địa vị của những nông dân sống ở đây được quy định như đứng giữa loại nông dân thuộc địa chủ và loại nông dân thuộc nhà nước.

Đối với những nông dân trong các thái ấp này, việc xoá bỏ chế độ nông nô được bắt đầu vào năm 1858, nhưng mãi tới năm 1863 mới được thực hiện triệt để. Những nông dân thái ấp được chia ruộng đất để làm sở hữu riêng, nhưng phải trả tiền chuộc với thời hạn là 49 năm. Quyền sử dụng ruộng đất của những nông dân thái ấp được đảm bảo hơn những nông dân thuộc địa chủ, nhưng không bằng nông dân nhà nước.

Nông dân được cấp không ruộng đất — một bộ phận nông dân trước kia thuộc địa chủ; chủ yếu là ở các tỉnh miền Nam và miền Đông - Nam vùng đất đen. Những nông dân này sau khi được thoát khỏi sự lệ thuộc vào chế độ nông nô, được bọn địa chủ cấp không cho một phần ruộng đất được chia, tức là không phải trả tiền chuộc. Chiếu theo các "Điều lệ" về cải cách nông dân năm 1861, địa chủ có quyền "theo sự thỏa thuận tự nguyện" với nông dân "tặng" cho nông dân một phần ruộng tséc-véc gọi là phần ruộng được chia "lớn nhất" hay phần ruộng "theo đạo dụ quy định" (kể cả ruộng đất ở gần nhà) để làm sở hữu riêng với điều kiện những ruộng đất còn lại của nông dân trở thành sở hữu của địa chủ. Phần ruộng được chia cấp không này là một ví dụ điển hình về tính chất địa chủ, ăn cướp của cuộc cải cách năm 1861, những phần ruộng này được nhân dân gọi là ruộng "tséc-véc", ruộng "mỏ côi", ruộng "mèo" hoặc ruộng "Ga-ga-rin" (lấy tên của công tước P. P. Ga-ga-rin — người đã đưa ra bản dự thảo về các điều khoản phù hợp với điều lệ của địa phương nói về chế độ ruộng đất của nông dân ở các tỉnh Đại Nga và Tiểu Nga).

Số lớn những nông dân được cấp không ruộng đất là ở các tỉnh ít ruộng đất thuộc vùng đất đen như Vô-rô-ne-giơ, Khác-cốp, Pôn-ta-va, Tam-bốp; ở đây ruộng đất bọn địa chủ chiếm cứ lại có giá cao trên thị trường. Nhiều nông dân ở các tỉnh thuộc vùng đất đen ở miền Đông - Nam và miền Nam như Ô-ren-bua, U-pha, Xa-ra-tốp, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Xa-ma-ra, đã nhận ruộng đất chia được cấp không. Ở các tỉnh này tiền thuê ruộng đất thấp hơn rất nhiều so với tô quy định trong "Điều lệ ngày 19 tháng Hai" làm lợi cho địa chủ. Vào đầu thế kỷ XX, vì dân cư tăng lên và do việc chia lại ruộng đất (có liên quan với việc tăng dân số) nên những nông dân ấy mất hầu hết ruộng đất được chia của mình, họ hợp thành tầng lớp cơ bản trong nông dân có ít ruộng đất nhất.

Nông dân sở hữu hoàn toàn — những nông dân trước kia thuộc địa chủ, chuộc lại trước thời hạn những phần ruộng đất

được chia của họ, và được quyền tư hữu đối với ruộng đất đó, những người sở hữu hoàn toàn là tầng lớp trên khá giả nhất ở nông thôn và không đóng thuế.

Nông dân thuộc nhà nước được sử dụng ruộng đất công xã không có quyền tư hữu về ruộng đất, được sử dụng ruộng đất trồng trọt và những ruộng đất khác trên cơ sở quyền chiếm hữu ruộng đất của công xã.

Nông dân thuộc nhà nước có ruộng tséc-véc — là con cháu những binh sĩ và hạ sĩ quan trước đây (con cái của các lãnh chúa, của người Cô-dắc, của các xạ thủ, của kỵ binh và bộ binh, v. v.) bảo vệ vùng biên khu phía Nam và Đông - Nam của nhà nước Mát-xcơ-va. Họ được Nga hoàng Mát-xcơ-va thưởng công phục dịch bằng cách chia cho một khoảnh ruộng đất bằng một tséc-véc (một nửa đề-xi-a-ti-na) và định cư thành hộ riêng (vì vậy họ được gọi bằng cái tên thứ hai là ốt-nô-đơ-voóc-txư). Ngoài việc sử dụng khoảnh ruộng tséc-véc, họ còn được sử dụng ruộng đất công xã.

Những người nông dân ốt-nô-đơ-voóc-txư là những người tự do, trong một thời gian dài họ giữ địa vị trung gian giữa quý tộc và nông dân, họ được quyền mua nông nô. Dưới thời Pi-ốt I họ biến thành những nông dân thuộc nhà nước, còn ruộng đất của họ chuyển thành sở hữu nhà nước. Nhưng trên thực tế những nông dân thuộc nhà nước có ruộng tséc-véc đã sử dụng ruộng đất của mình như sở hữu riêng của mình; đây là điều phân biệt họ với những nông dân thuộc nhà nước được sử dụng ruộng đất thuộc công xã, nhưng không có quyền mua, bán hoặc chuyển ruộng đất cho người khác thừa kế.

Nông dân thuộc nhà nước nguyên trước thuộc địa chủ — loại nông dân thuộc nhà nước mà nhà nước mua của bọn chủ hoặc chúng nhường cho nhà nước, v. v.. Vì cũng thuộc vào loại nông dân thuộc nhà nước, họ cũng được hưởng ít quyền hạn nhất; vào năm 1859, trước cuộc cải cách năm 1861, loại nông dân này mới được bình đẳng với các loại nông dân khác, tuy nhiên vẫn còn duy trì một số điểm khác biệt.

Nông dân tự do canh tác — tầng lớp nông dân được giải phóng khỏi sự lệ thuộc kiểu nông nô theo đạo luật ngày 20 tháng Hai 1803, trong đó quy định việc cho phép địa chủ giải phóng nông dân kèm theo ruộng đất với những điều kiện do bọn địa chủ quy định. — 76.

⁵⁹ *Công xã (ruộng đất)* ở Nga là hình thức nông dân sử dụng chung ruộng đất, đặc điểm của nó là chế độ luân canh cưỡng bức, rùng rú và đồng cỏ đều không được chia làm của riêng. Những dấu hiệu quan trọng nhất của công xã ruộng đất ở Nga là chế độ liên đới bảo lãnh (nông dân bắt buộc phải tập thể chịu trách nhiệm về việc nộp kịp thời và đầy đủ các khoản thuế khóa và thực hiện đủ mọi thứ nghĩa vụ đối với nhà nước và bọn địa chủ), ruộng đất được chia lại một cách có hệ thống và không được quyền từ chối số ruộng đất được chia, cấm mua bán ruộng đất.

Bọn địa chủ và chính phủ Nga hoàng lợi dụng công xã để tăng cường ách áp bức kiểu nông nô và để bòn rút các khoản tiền chuộc và các khoản thuế của nhân dân. — 77.

⁶⁰ Nói về "cuộc cải cách nông dân" năm 1861. Khi thực hiện cuộc cải cách này bọn địa chủ đã cướp bóc nông dân, buộc họ phải nộp một phần lớn ruộng đất đang thuộc quyền sử dụng của nông dân. Do có cuộc cải cách này bọn địa chủ đã cắt lấy cho chúng hơn 1/5, thậm chí 2/5 ruộng đất của nông dân. Bọn địa chủ vẫn nắm trong tay những phần ruộng được chia tốt nhất của nông dân ("những ruộng đất tốt", rừng, đồng cỏ, nơi súc vật uống nước, bãi chăn nuôi, v. v.), mà không có những cái đó thì nông dân không thể tiến hành canh tác độc lập được. Việc nông dân phải chuộc lại phần đất được chia của mình để biến thành sở hữu là hành động ăn cướp trực tiếp của bọn địa chủ và chính phủ Nga hoàng đối với nông dân. Để nông dân trả được nợ cho chính phủ Nga hoàng, họ quy định trả dần trong vòng 49 năm, mỗi năm phải trả 6%. Từ năm này qua năm khác các khoản tiền chuộc lại ruộng đất không trả được theo mức quy định tăng dần lên. Riêng những nông dân trước đây thuộc địa chủ đã phải trả tiền chuộc lại ruộng đất cho chính phủ Nga hoàng hết 1,9 tỷ rúp, trong khi đó giá thị trường của ruộng đất đã chuyển cho nông dân lại không vượt quá 544 triệu rúp. Trên thực tế nông dân buộc phải trả hàng trăm triệu rúp cho số ruộng đất của họ, tình hình đó dẫn tới sự phá sản các doanh nghiệp nông dân.

V. I. Lê-nin gọi "cuộc cải cách nông dân" năm 1861 là hành động bạo lực hàng loạt đối với giai cấp nông dân nhằm phục vụ cho lợi ích của chủ nghĩa tư bản đang ra đời trong nông nghiệp, là việc "dọn đất" của bọn địa chủ cho chủ nghĩa tư bản. Về cuộc cải cách năm 1861, xem các tác phẩm của Lê-nin: "Năm mươi năm ngày sụp đổ của chế độ nông nô", "Nhân ngày kỷ niệm", "'Cuộc cải cách nông dân" và cuộc cách mạng nông dân vô sản"

- (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20. tr. 139 - 142, 161 - 170, 171 - 180). — 77.
- ⁶¹ Ý nói tới cuốn sách: "Beiträge zur Kenntniss des Russischen Reiches und der angränzenden Länder Asiens". Auf Kosten der Kaiserl. Aka-demie der Wissenschaften herausgegeben von K. E. Baer und Gr. Helmersen, St.-Petersburg, 1845 ("Khảo luận về việc nghiên cứu nhà nước Nga và các nước châu Á giáp cận nước Nga". Được xuất bản bằng tiền của Viện hàn lâm khoa học hoàng gia; do K. E. Bê-rơ và Gr. Ghen-méc-xen biên tập, Xanh Pê-téc-bua, 1845). — 82.
- ⁶² *Xcốp-si-na* - tên gọi của một loại tô hiện vật có tính chất nô dịch áp dụng ở các vùng miền Nam nước Nga Nga hoàng. Tá điền phải trả cho điền chủ một phần số thu hoạch được "chia đồng" (số này chiếm một nửa, có lúc quá nửa), và ngoài ra, thông thường người tá điền đó còn phải nộp cho điền chủ một số lao động dưới các hình thức "lao dịch". — 89.
- ⁶³ *Những nhân khẩu đã được đăng ký* — nam giới dưới chế độ nông nô ở Nga phải nộp thuế thân (chủ yếu là nông dân và tiểu thị dân) và để thu thuế, họ phải đăng ký trong những đợt kê khai đặc biệt (gọi là những "cuộc điều tra"). Những "cuộc điều tra" như vậy được tiến hành ở Nga từ năm 1718; trong những năm 1857 - 1859 đã tiến hành "điều tra" lần thứ mười, lần cuối. Ở một số vùng, trong nội bộ công xã nông thôn đã tiến hành chia lại ruộng đất cho những nhân khẩu đã được đăng ký này. — 97.
- ⁶⁴ *Truyện tin miền Bắc* — tạp chí văn học - khoa học và chính trị theo xu hướng tự do chủ nghĩa, xuất bản từ năm 1885 đến năm 1898 ở Pê-téc-bua. Trong những năm đầu, trên tạp chí này đã đăng các bài của những người dân túy N. C. Mí-khai-lốp-xki, X. N. I-u-gia-cốp, V. P. Vô-rôn-tốp, X. N. Cri-ven-cô, v. v.. Từ năm 1891, trên thực tế, tạp chí đã trở thành cơ quan ngôn luận của phái tượng trưng và phái suy đồi Nga, tuyên truyền chủ nghĩa duy tâm và thuyết thân bí. — 97.
- ⁶⁵ V. I. Lê-nin có ý nói tới "Tập tài liệu ước lượng về tình hình ruộng đất của nông dân trong các huyện Dem-li-an-xcơ, Da-đôn-xcơ, Cô-rô-tôi-ác-xcơ và Ni-giơ-nê-đê-vít-xcơ". Phần phụ lục của các tập III, IV, V và VI của "Tập tài liệu thống kê về tỉnh Vô-rô-ne-giơ",

- Vô-rô-ne-giơ, Hội đồng địa phương tỉnh Vô-rô-ne-giơ xuất bản, 1889. — 116.
- ⁶⁶ Đây ý nói tới tác phẩm: Drechsler, H. "Die bäuerlichen Zustände in einigen Theilen der Provinz Hannover" ("Tình hình nông dân ở một số bộ phận thuộc tỉnh Han-nô-vơ"). Xem "Schriften des "Vereins für Sozialpolitik"". XXIV. 1883. "Bäuerliche Zustände in Deutschland". Berichte veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Dritter Band ("Bút ký của "Hội chính trị xã hội"". XXIV. 1883. "Tình cảnh nông dân ở Đức". Báo cáo do "Hội chính trị xã hội" công bố. Tập 3). — 122.
- ⁶⁷ *Truyện tin châu Âu* — nguyệt san lịch sử - chính trị và văn học của trào lưu tư sản - tự do chủ nghĩa, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1866 tới năm 1918. Trên tạp chí này đăng những bài chống những người mác-xít cách mạng. Trước năm 1908, M. M. Xta-xi-u-lê-vích chủ biên kiêm người xuất bản tạp chí này. — 123.
- ⁶⁸ Những số liệu này nằm trong cuốn "Tập tài liệu thống kê tổng hợp về tỉnh Xa-ma-ra", t. 8, thiên 1, Xa-ma-ra, do Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ma-ra xuất bản, 1892. — 130.
- ⁶⁹ V. I. Lê-nin có ý nói tới bài của M. X. U-va-rốp "Về ảnh hưởng của những nghề phụ làm ở ngoài làng đối với tình hình y tế vệ sinh ở Nga", đăng trên tạp chí "Truyện tin vệ sinh công cộng, y học tư pháp và y học thực hành" vào tháng Bảy 1896. — 132.
- ⁷⁰ V. I. Lê-nin dẫn những số liệu trong bài của N. Ph. Rút-nép "Những nghề phụ của nông dân ở phần nước Nga thuộc châu Âu" đăng trong "Tập tài liệu của Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp", số 6 và 7, năm 1894. — 133.
- ⁷¹ V. I. Lê-nin có ý nói tới cuốn sách của N. I. Tê-di-a-cốp "Công nhân nông nghiệp và tổ chức sự kiểm tra y tế vệ sinh đối với họ trong tỉnh Khéc-xôn", Khéc-xôn, do ban thường vụ Hội đồng địa phương tỉnh Khéc-xôn xuất bản, 1896. — 135.
- ⁷² V. I. Lê-nin dẫn những số liệu trong cuốn sách của N. A. Bla-gô-vê-sen-xki "Tập thống kê tổng hợp những tài liệu kinh tế theo sự điều tra từng hộ của các hội đồng địa phương". Tập I, Mát-xcơ-va, 1893. — 147.

- ⁷³ Xem "Sự khốn cùng của triết học" của C. Mác (C. Mác và Ph. Ăngghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 168 - 178) và "Các học thuyết về giá trị thặng dư (quyển IV của bộ "Tư bản")", ph. II, tiếng Nga, 1957, tr. 34. — 153.
- ⁷⁴ Xem "Các học thuyết về giá trị thặng dư (quyển IV của bộ "Tư bản")" của C. Mác, ph. II, tiếng Nga, 1957, tr. 230 - 231. — 156.
- ⁷⁵ Đây là nói về các cuộc khởi nghĩa ở Xvi-boóc-gơ (xem tập này, chú thích 51) và ở Crôn-stát. Cuộc khởi nghĩa của các thủy thủ và binh lính ở Crôn-stát bắt đầu ngày 19 tháng Bảy (1 tháng Tám) 1906 sau khi ở đây nhận được tin khởi nghĩa ở Xvi-boóc-gơ. Việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang của công nhân, binh lính và thủy thủ ở Crôn-stát được tiến hành vào mùa xuân và mùa hè 1906 dưới sự lãnh đạo của những người bôn-sê-vích. Thế nhưng việc chuẩn bị khởi nghĩa trở nên khá phức tạp vì ngày 9 (22) tháng Bảy một bộ phận lớn của tổ chức quân sự và công nhân của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bị bắt giữ. Mặc dầu như vậy, bộ phận còn nguyên vẹn của nhóm cốt cán lãnh đạo, được sự giúp đỡ của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua và đại diện của ban chấp hành là Đ. D. Ma-nu-in-xki, vẫn tiếp tục chuẩn bị cuộc khởi nghĩa vũ trang, đồng thời chống lại bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng là bọn khiêu khích để cuộc khởi nghĩa bùng nổ trước thời hạn dự định. Cho tới lúc cuộc khởi nghĩa ở Xvi-boóc-gơ bùng nổ một cách tự phát thì việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa ở Crôn-stát vẫn chưa xong, song do những sự kiện xảy ra ở Xvi-boóc-gơ nên cuộc khởi nghĩa ở Crôn-stát buộc phải khởi sự trước thời hạn dự định. Những người bôn-sê-vích lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cố gắng làm cho cuộc khởi nghĩa có tính tổ chức cao. Theo tín hiệu quy định, những người điều khiển thủy lôi, những công binh, binh lính thuộc đại đội đánh thủy lôi điều khiển bằng điện và các thủy thủ thuộc sư đoàn hải quân số 1 và số 2 đã nổi dậy hầu như cùng một lúc; kết hợp với họ còn có một bộ phận công nhân vũ trang. Nhưng chính phủ, khi nhận được tin của bọn chỉ điểm cho biết thời điểm khởi nghĩa, liền chuẩn bị trước để đối phó. Hoạt động phá hoại tổ chức của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng cũng góp phần cản trở tiến trình cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi. Tối sáng ngày 20 tháng Bảy (2 tháng Tám) cuộc khởi nghĩa bị dẹp tan.

Ngày 20 tháng Bảy (2 tháng Tám) Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã thông qua quyết định tiến hành một cuộc tổng bãi công chính trị để ủng hộ các cuộc khởi

nghĩa ở Crôn-stát và Xvi-boóc-gơ, nhưng tới ngày hôm sau nhận được tin các cuộc khởi nghĩa đã bị dẹp tan, Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua bèn hủy bỏ quyết định đó.

Chính phủ Nga hoàng khủng bố dã man cuộc khởi nghĩa. Trên 2500 người tham gia cuộc khởi nghĩa Crôn-stát bị bắt. Theo bản án của tòa án quân sự - dã chiến 36 người bị xử tử hình, 130 người bị đày khổ sai, 316 người bị tù ngồi, 935 người bị đưa vào trại giam hối cải. — 166.

- ⁷⁶ "*Tư tưởng cách mạng*" - cơ quan ngôn luận của nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng; xuất bản ở nước ngoài từ tháng Tư 1908 đến tháng Chạp 1909. Phát hành được 6 số. — 167.

- ⁷⁷ "*Ngọn cờ lao động*" - cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng; báo này xuất bản từ tháng Bảy 1907 đến tháng Tư 1914 ở Pa-ri. — 167.

- ⁷⁸ "*Chế độ Plê-vê*" - chế độ cảnh sát hà khắc do bộ trưởng Bộ nội vụ V. C. Plê-vê thi hành ở Nga vào năm 1902 để chống lại phong trào cách mạng. Theo chỉ thị trực tiếp của V. C. Plê-vê, quân đội và cảnh sát đã bắn giết những người bãi công và biểu tình. Áp dụng chế độ khủng bố bằng bộ máy cảnh sát, Plê-vê ra sức làm tan rã phong trào công nhân bằng con đường khiêu khích và bằng cách làm đôi trụy về mặt chính trị những phần tử không vững vàng trong số những công nhân lạc hậu nhất. Dưới thời Plê-vê chính sách Du-ba-tốp phát triển đặc biệt mạnh. Thi hành chính sách xúi giục dân tộc này chống dân tộc khác, Plê-vê là kẻ khởi xướng những cuộc tàn sát ở miền Nam nước Nga. — 174.

- ⁷⁹ Bản thuyết trình của tác giả "*Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng ở Nga*" — phần trình bày ngắn gọn cuốn sách "*Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907*" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 240 - 527). Bản thuyết trình này do V. I. Lê-nin viết để giới thiệu với những người dân chủ - xã hội Ba-lan những sự bất đồng về vấn đề ruộng đất trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được đăng trên tạp chí "*Przełąd Socjaldemokratyczny*" ("*Tạp chí bình luận dân chủ - xã hội*"), số 6, tháng Tám 1908. — 179.

- ⁸⁰ *Vụ Văng-đê* - một tỉnh ở miền Tây nước Pháp; ở đây trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp vào cuối thế kỷ XVIII đã nổ ra cuộc

bạo động phản cách mạng của nông dân lạc hậu nhằm chống lại nước cộng hòa. Cuộc bạo động này do giới tăng lữ Thiên chúa giáo, bọn quý tộc, bọn bảo hoàng lưu vong cầm đầu và được nước Anh ủng hộ.

Văng-đê trở thành từ đồng nghĩa với các cuộc nổi loạn của bọn phản động và các lò lửa phản cách mạng. — 185.

⁸¹ "*Học vấn*" – tạp chí văn học, khoa học - đại chúng và xã hội - chính trị, hợp pháp ra hàng tháng; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1892 tới năm 1909. Trong những năm 1902 - 1908, trên tạp chí "Học vấn" đã đăng những bài viết của những người dân chủ - xã hội. Trên tờ "Học vấn", số 2, năm 1906 đã đăng các chương V - IX của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"" của V. I. Lê-nin (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 5, tr. 190 - 273). — 186.

⁸² Xem C. Mác. "Tur bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 630 - 631. — 188.

⁸³ C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (quyển IV của bộ "Tur bản")", tiếng Nga, ph. II, 1957, tr. 230 - 231. — 189.

⁸⁴ "*Bình minh*" – tạp chí chính trị - khoa học mác-xít, do ban biên tập "Tia lửa" xuất bản hợp pháp vào những năm 1901 - 1902 ở Stút-ga. "Bình minh" ra được tất cả 4 số (3 quyển): số 1 ra vào tháng Tư 1901 (trên thực tế phát hành vào ngày 10 (23) tháng Ba), số 2 - 3 — vào tháng Chạp 1901, số 4 — vào tháng Tám 1902. Nhiệm vụ của tạp chí được quy định trong "Dự thảo bản tuyên bố của ban biên tập "Tia lửa" và "Bình minh"" do V. I. Lê-nin viết ở Nga (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 407 - 421). Năm 1902, khi xuất hiện những sự bất đồng và xung đột trong nội bộ ban biên tập báo "Tia lửa" và "Bình minh" G. V. Plê-kha-nốp đưa ra dự án tách tạp chí ra khỏi tờ báo (để giành cho mình quyền biên tập tạp chí "Bình minh"), nhưng đề nghị đó không được chấp nhận và ban biên tập của các cơ quan ngôn luận đó vẫn là ban biên tập chung.

Tạp chí "Bình minh" phê phán chủ nghĩa xét lại quốc tế và chủ nghĩa xét lại ở Nga, bảo vệ những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác. Trên tờ "Bình minh" đã đăng những tác phẩm của Lê-nin: "Bình luận thời sự", "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", "Các ngài "phê phán" trong

vấn đề ruộng đất" (4 chương đầu của tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác""), "Điểm qua tình hình trong nước", "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội Nga" và cả tác phẩm của Plê-kha-nốp: "Phê phán các nhà phê phán ở nước ta. Phần 1. Ngài P. Xơ-ru-vê trong vai trò nhà phê phán lý luận của Mác về sự phát triển xã hội", "Cant chống lại Can-tơ hay là lời di chúc tinh thần của ông Béc-stanh" v. v.. — 194.

⁸⁵ "*Đời sống*" – tạp chí văn học, khoa học và chính trị, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1897 đến năm 1901. Cộng tác với tạp chí có những người "mác-xít hợp pháp" (M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, P. B. Xơ-ru-vê, v. v.), những nhà văn tiên tiến và những nhà phê bình (A. M. Goóc-ki, A. P. Tsê-khốp, V. V. Vê-rê-xa-ép, X. G. Xki-ta-lê-txơ, I. A. Bu-nin, Ê. A. Xô-lô-vi-ép). Tạp chí "Đời sống" đã đăng tác phẩm của C. Mác "Tiền lương, giá cả và lợi nhuận". Tạp chí này cũng đăng bài của V. I. Lê-nin "Trả lời ông P. Nê-giơ-đa-nốp" (tháng Chạp 1899) (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 4, tr. 199 - 206).

Tháng Sáu 1901 chính phủ đóng cửa tạp chí "Đời sống"; tháng Tư 1902 nhóm dân chủ - xã hội "Đời sống" (V. Đ. Bôn-txơ - Bru-ê-vích, V. A. Pốt-xê, V. M. Vê-li-txơ-ki-na, G. A. Cu-clin và M. A. Cu-cli-na, v. v.) cho tái bản tạp chí này ở nước ngoài. Ở nước ngoài đã xuất bản 6 tập tạp chí, 12 số "Đời sống" khổ nhỏ" và cho phát hành một loạt ấn phẩm "Tủ sách "Đời sống"". Nhóm "Đời sống" đi chệch các quan điểm và sách lược của những người dân chủ - xã hội, theo xu hướng chủ nghĩa xã hội cơ đốc và chủ nghĩa vô chính phủ. Tháng Chạp 1902 nhóm này giải tán và tạp chí đình bản. — 194.

⁸⁶ Xem C. Mác. "Tur bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 824 - 826, 822 - 824, 820 - 821. — 196.

⁸⁷ Xem C. Mác. "Tur bản", tiếng Nga, t. III, 1955, tr. 809 - 815. — 197.

⁸⁸ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 168 - 178. — 197.

⁸⁹ Xem C. Mác. "Các học thuyết về giá trị thặng dư (quyển IV của bộ "Tur bản")", tiếng Nga, ph. II, 1957, tr. 34. — 197.

- ⁹⁰ Mác dùng cách diễn đạt này trong thư viết ngày 12 tháng Tư 1871 gửi Cu-ghen-man (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 263). — 206.
- ⁹¹ "*Pse-glôn-đơ*" — "Przegląd Socjaldemokratyczny" ("Tạp chí bình luận dân chủ - xã hội") — tạp chí của những người dân chủ - xã hội Ban-lan (xem chú thích 38). — 207.
- ⁹² *Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ* — tên gọi của châu Âu về những đảng viên của đảng địa chủ - tư sản dân tộc của Thổ-nhĩ-kỳ "Thống nhất và tiến bộ" được thành lập vào năm 1889 ở Xtambun. Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ mong muốn hạn chế quyền lực tuyệt đối của nhà vua và biến đế quốc phong kiến thành nhà nước tư sản theo chế độ quân chủ - lập hiến, muốn tăng cường vai trò của giai cấp tư sản Thổ-nhĩ-kỳ trong đời sống kinh tế và chính trị của đất nước. Nhờ có cuộc cách mạng của giai cấp tư sản lớp trên, chính phủ của Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ lên nắm chính quyền vào tháng Bảy 1908 với sự ủng hộ của quân đội; nó vẫn duy trì chế độ quân chủ và thực hiện một chính sách phản động. Sau khi nước Thổ-nhĩ-kỳ bị thất bại trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (mùa thu 1918) Đảng thanh niên Thổ-nhĩ-kỳ tuyên bố tự giải tán. — 212.
- ⁹³ "*Justice*" ("Công lý") — tuần báo, xuất bản ở Luân-đôn từ tháng Giêng 1884 tới đầu năm 1925; là cơ quan ngôn luận của Liên đoàn dân chủ - xã hội, từ năm 1911 là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa Anh. Từ tháng Hai 1925 đến tháng Chạp 1933 xuất bản với cái tên "Social-Demokrat" ("Người dân chủ - xã hội"). — 216.
- ⁹⁴ "*L' Humanite*" ("Nhân đạo") — báo ra hàng ngày do Gi. Giô-re-xơ sáng lập năm 1904, là cơ quan ngôn luận của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Năm 1905 báo này chào mừng cuộc cách mạng đã khởi đầu ở Nga, biểu thị tình đoàn kết của nhân dân Pháp "với dân tộc Nga sáng tạo ra năm 89 của mình". Ban biên tập tờ báo tổ chức cuộc vận động tiên đề ủng hộ cách mạng Nga. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) tờ báo nằm trong tay của cánh cực hữu trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp nên giữ lập trường số-vanh.
Năm 1918, Mác-xen Ca-sanh, một lãnh tụ xuất sắc của phong trào công nhân của Pháp và quốc tế, đứng đầu tờ báo, làm chủ nhiệm

chính trị của nó. Trong những năm 1918 - 1920 báo lên tiếng phản đối chính sách đế quốc của chính phủ Pháp khi chính phủ này gửi các lực lượng vũ trang của mình đi chống lại nước Cộng hòa xô-viết. Từ tháng Chạp 1920, sau khi có sự chia rẽ trong Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp và Đảng cộng sản Pháp được thành lập, báo trở thành cơ quan ngôn luận trung ương của đảng. Thời gian đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, tháng Tám 1939, tờ báo bị chính phủ Pháp cấm và chuyển sang hoạt động bất hợp pháp. Trong thời kỳ quân đội Hít-le xâm chiếm nước Pháp (1940 - 1944) báo được phát hành bất hợp pháp và đã giữ vai trò to lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng nước Pháp khỏi bọn xâm lược phát-xít.

Trong thời kỳ sau chiến tranh, tờ báo này đấu tranh không mệt mỏi cho việc củng cố nền độc lập dân tộc của đất nước, cho sự thống nhất hành động của giai cấp công nhân, cho việc củng cố hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, cho nền dân chủ và tiến bộ xã hội. — 218.

- ⁹⁵ Bút ký này được đăng trên báo "Người vô sản" làm lời bạt cho tiểu luận "Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào" (xem "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907". Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 349 - 359). — 223.
- ⁹⁶ *Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế Stút-ga* (Đại hội VII của Quốc tế II) họp từ 18 đến 24 tháng Tám 1907.

Dự đại hội có 886 đại biểu, đại diện cho các đảng xã hội chủ nghĩa và các công đoàn. Số đại biểu của từng nước như sau: Anh — 123 đại biểu, Áo — 75 đại biểu, Hung-ga-ri — 25 đại biểu, Bô-hê-mây — 41 đại biểu, Ý — 13 đại biểu, Ba-lan — 23 đại biểu, Pháp — 78 đại biểu, Mỹ — 20 đại biểu, v. v.. Riêng đoàn đại biểu Đức gồm nhiều người nhất (289 người). Các viên chức của công đoàn chiếm đa số trong đoàn đại biểu đó nên đã ảnh hưởng khá nhiều tới lập trường của Đảng dân chủ - xã hội Đức trong quá trình thảo luận và thông qua các nghị quyết của đại hội.

Đoàn đại biểu Nga gồm 37 đảng viên dân chủ - xã hội, 21 đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và 7 đại diện cho các công đoàn Nga. Trong số 20 lá phiếu có quyền biểu quyết dành cho đoàn đại biểu Nga, các đảng viên dân chủ - xã hội chiếm 10 phiếu (đảng viên bôn-sê-vích — 4¹/₂ phiếu, đảng viên men-sê-vích — 2¹/₂ phiếu, phái Bun, các Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a và Ác-mê-ni-a

mỗi nhóm 1 phiếu), đảng viên Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng chiếm 7 phiếu, đại diện các công đoàn — 3 phiếu. Thành phần của đoàn đại biểu bôn-sê-vích gồm có V. I. Lê-nin, A. A. Bô-gđa-nốp, I. P. Gòn-đen-béc (Mê-scóp-xki), B. A. Knu-ni-an-txơ, M. M. Lít-vi-nốp, A. V. Lu-na-tsác-xki, N. A. Xê-ma-scô, M. Txơ-kha-cai-a, v. v..

Đại hội đã xem xét các vấn đề: 1) Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế; 2) Những mối quan hệ qua lại giữa các đảng chính trị và các công đoàn; 3) Vấn đề thuộc địa; 4) Việc nhập cư và di cư ra nước ngoài của công nhân và 5) Quyền bầu cử của phụ nữ.

V. I. Lê-nin đã tiến hành một số cuộc họp của những người bôn-sê-vích là đại biểu dự đại hội; trong các cuộc họp đó đã xác định đường lối hành động của những người bôn-sê-vích trong chi bộ dân chủ - xã hội, trong đoàn đại biểu Nga và ở đại hội; Người đã tham dự các phiên họp của chi bộ dân chủ - xã hội, đấu tranh chống lại đường lối cơ hội chủ nghĩa của những người men-sê-vích; Người cũng đã tham dự các phiên họp của đoàn đại biểu Nga, bảo vệ các quan điểm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga chống bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Trong thời gian tiến hành đại hội, V. I. Lê-nin đã làm việc rất nhiều nhằm đoàn kết các lực lượng phái tả trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, kiên quyết đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn xét lại. Những cuộc họp với các đại biểu của phái tả (C. Txét-kin, R. Lút-xăm-bua, L. Tư-scơ, G. Lê-đê-bua, v. v.) do V. I. Lê-nin tổ chức, là bước đầu tiên nhằm đoàn kết những người mác-xít cách mạng trong phong trào quốc tế xã hội chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa.

Công việc chủ yếu của đại hội được tập trung vào các tiểu ban, là nơi đã xây dựng nên những dự thảo nghị quyết cho các phiên họp toàn thể. V. I. Lê-nin tham gia công tác của tiểu ban phụ trách vấn đề "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế". Trong lúc thảo luận dự thảo nghị quyết do A. Bê-ben đưa ra, bằng những điểm bổ sung sửa đổi của mình được các đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Ban-lan ủng hộ, V. I. Lê-nin đã sửa chữa được một cách căn bản dự thảo nghị quyết đó theo tinh thần của chủ nghĩa Mác cách mạng. Điều sửa đổi quan trọng nhất đã sửa chữa về nguyên tắc dự thảo nghị quyết đó là như sau: "Trong trường hợp nếu như chiến tranh vẫn bùng nổ thì họ (giai cấp công nhân của các nước và đại biểu của họ trong các nghị viện. *BT*) phải... cố gắng dùng mọi phương tiện để lợi dụng cuộc khủng hoảng

kinh tế và chính trị do chiến tranh gây ra nhằm động viên quần chúng nhân dân và đẩy nhanh sự sụp đổ của nền thống trị giai cấp của chủ nghĩa tư bản" ("Người vô sản", số 17, 20 tháng Mười 1907, tr. 6). Năm 1910 luận điểm đó được Đại hội Cô-pen-ha-gơ xác nhận và sau đó được đưa vào nghị quyết của Đại hội Ba-lơ vào năm 1912.

"Tôi nhớ rõ, — V. I. Lê-nin viết về sau này, — rằng những cuộc hội đàm kéo dài trực tiếp giữa chúng tôi với Bê-ben đã diễn ra trước lần hiệu đính cuối cùng điều sửa đổi đó. Bản hiệu đính thứ nhất nói thẳng hơn rất nhiều vào việc cổ động cách mạng và những hành động cách mạng. Chúng tôi chuyển bản đó cho Bê-ben xem; ông trả lời: tôi không chấp nhận vì như thế thì viện công tố sẽ cho giải tán các đảng bộ của chúng ta, mà chúng ta thì không muốn như thế, chừng nào chưa có gì quan trọng xảy ra. Sau khi họp riêng với các nhà luật học và nhiều lần sửa đi sửa lại văn bản để thể hiện được ý đó một cách hợp pháp, người ta đã tìm ra được cách diễn đạt cuối cùng mà Bê-ben đồng ý chấp thuận" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 30, tr. 238).

Việc thông qua nghị quyết "Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế" là thắng lợi rất to lớn của phái cách mạng đối với phái cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân quốc tế.

Trong đại hội cũng đã diễn ra một cuộc đấu tranh gay gắt cả về vấn đề thuộc địa. Đa số theo chủ nghĩa cơ hội trong tiểu ban này, đứng đầu là Van-Côn — một "nhà xã hội chủ nghĩa" người Hà-lan, bất chấp sự phản đối của thiểu số, vẫn đưa ra một dự thảo nghị quyết trong đó nêu lên rằng đại hội không được lên án về nguyên tắc bất cứ chính sách thuộc địa nào vì dưới chủ nghĩa xã hội nó có thể giữ vai trò khai hóa. Sau khi nêu lên đặc điểm của chính sách thuộc địa của Hà-lan như là một chính sách mẫu mực, Van-Côn tuyên bố trước đại hội rằng trong tương lai những người xã hội chủ nghĩa cũng phải đi tới những "dân tộc man rợ" chẳng những với máy móc và các thành tựu khác của nền văn hóa, mà với cả vũ khí trong tay. Đại bộ phận trong đoàn đại biểu Đức đã ủng hộ dự thảo nghị quyết có tính chất cơ hội chủ nghĩa đó. Chỉ có sự nỗ lực của những người xã hội chủ nghĩa Nga, Ba-lan, một bộ phận nhỏ những người xã hội chủ nghĩa Đức, Pháp và Anh và của tất cả những người xã hội chủ nghĩa thuộc các nước nhỏ không có thuộc địa mới đánh đổ được nghị quyết của tiểu ban này và thông qua được những điểm sửa đổi đưa vào nghị quyết,

làm thay đổi thực tế nội dung của bản nghị quyết đó. Bản nghị quyết về vấn đề thuộc địa được đại hội thông qua đã lên án thẳng và không điều kiện bất kỳ chính sách thuộc địa nào.

Ở tiểu ban soạn thảo nghị quyết về việc nhập cư và di cư ra nước ngoài của các công nhân, một bộ phận trong tiểu ban đó theo chủ nghĩa cơ hội phản ánh những lợi ích hẹp hòi phương hội của tầng lớp công nhân quý tộc của Mỹ và Úc, đã nêu lên yêu sách đòi cấm những người vô sản Trung-quốc và Nhật-bản không được nhập cư vào nước họ, vì lẽ dường như không đủ khả năng để tổ chức. Trong phiên họp toàn thể những kẻ bênh vực yêu sách đó không phát biểu công khai. Và về vấn đề này đại hội đã thông qua một nghị quyết đáp ứng các yêu cầu của phái dân chủ - xã hội cách mạng, các yêu cầu giáo dục tinh thần quốc tế cho công nhân tất cả các nước.

Lê-nin xem việc đại hội thông qua nghị quyết về vấn đề các mối quan hệ qua lại giữa các công đoàn và chính đảng của giai cấp công nhân có một ý nghĩa to lớn. Trong tiểu ban của đại hội, A. V. Lu-na-tsác-xki bảo vệ đường lối Lê-nin-nít về tính đảng của công đoàn. Về vấn đề này, bất chấp phái hữu, đại hội đã thông qua một nghị quyết xác nhận nguyên tắc về tính đảng của công đoàn.

Khi đánh giá chung các quyết định của đại hội, Lê-nin viết: "Nói chung, về cả một loạt những vấn đề quan trọng nhất, Đại hội Stút-ga đã đối diện một cách nổi bật cánh cơ hội chủ nghĩa và cánh cách mạng trong phong trào dân chủ - xã hội quốc tế với nhau, và đã giải đáp những vấn đề đó theo tinh thần chủ nghĩa Mác cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 91). Sau khi nêu lên tầm quan trọng của các nghị quyết được thông qua ở Đại hội Stút-ga, Lê-nin đặt cho những người bôn-sê-vích nhiệm vụ phải tuyên truyền rộng rãi những nghị quyết đó, đồng thời phải giải thích cuộc đấu tranh giữa các trào lưu cách mạng và cơ hội chủ nghĩa trong đại hội.

Các báo chí bôn-sê-vích gồm báo ra định kỳ ("Người vô sản", "Tiến lên", các báo của các đảng bộ bôn-sê-vích địa phương) và báo chí không định kỳ (các văn tập bôn-sê-vích "Tia chớp", "Tiếng nói đời sống", v. v.) chú ý nhiều tới việc giải thích các nghị quyết của Đại hội Stút-ga, đặc biệt là những nghị quyết về chủ nghĩa quân phiệt, về các mối quan hệ qua lại giữa các đảng vô sản và các công đoàn; những nghị quyết đó có một ý nghĩa quan trọng đối với phong trào công nhân Nga. — 226.

⁹⁷ Trong tất cả các đại hội quốc tế mà Lê-nin nói đến đều thảo luận tới vấn đề chủ nghĩa quân phiệt.

Đại hội Pa-ri thông qua nghị quyết về việc thay thế quân thường trực bằng vũ trang toàn dân. Nghị quyết đưa ra yêu cầu phải củng cố hòa bình giữa các dân tộc và đặt nhiệm vụ cho những người xã hội chủ nghĩa phải biểu quyết chống lại các ngân sách quân sự. Nghị quyết này gắn cuộc đấu tranh vì hòa bình với cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội.

Tại Đại hội Bruy-xen, V. Liép-nếch và E. Vai-an đã báo cáo về vấn đề thái độ của giai cấp công nhân đối với chủ nghĩa quân phiệt. Sau khi nghe bản báo cáo của Liép-nếch, đại hội đã thông qua nghị quyết kêu gọi phản đối mọi mưu toan chuẩn bị chiến tranh và nhấn mạnh rằng, chỉ kiến lập một xã hội xã hội chủ nghĩa trong đó chấm dứt nạn người bóc lột người thì mới đem lại được hòa bình cho các dân tộc và mới tiêu diệt được chủ nghĩa quân phiệt. Nhưng không một báo cáo, một nghị quyết nào do Liép-nếch đưa ra có được những biện pháp đấu tranh cụ thể chống chủ nghĩa quân phiệt, chống chiến tranh.

Sau khi nghe bản báo cáo của G. V. Plê-kha-nốp và thảo luận xong vấn đề chiến tranh, Đại hội Xuy-rích đã thông qua một nghị quyết mà thực chất là nhắc lại những luận điểm chung của nghị quyết Bruy-xen. Trong nghị quyết được thông qua có một điểm quan trọng nhất và đúng đắn nhất về mặt chính trị, đó là điểm quy định nhiệm vụ cho các đảng xã hội chủ nghĩa phải biểu quyết chống lại các ngân sách quân sự.

Tại Đại hội Stút-ga, vấn đề về chủ nghĩa quân phiệt và sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt được xem xét một cách cặn kẽ nhất. — 227.

⁹⁸ "*Le Peuple*" ("Nhân dân") — nhật báo, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân (theo chủ nghĩa cải lương) Bỉ; được sáng lập vào năm 1884, xuất bản ở Bruy-xen. — 234.

⁹⁹ *Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào những ngày 11 - 13 (24 - 26) tháng Tám 1908 ở Giơ-ne-vơ*. Tham dự hội nghị này có 12 người, gồm 5 đảng viên bôn-sê-vích (V. I. Lê-nin, I. Ph. Đu-brơ-vin-xki, V. C. Tà-ra-tu-ta, v. v.), 3 người thuộc phái men-sê-vích, 1 người thuộc Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a, 1 người thuộc Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và 2 người thuộc phái Bun. Chương trình nghị sự gồm những vấn đề sau đây: 1) Báo cáo về việc triệu tập hội nghị toàn thể; 2) Hội nghị đại biểu toàn Nga; 3) Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp

nấp dưới chiêu bài "cải tổ" Ban chấp hành trung ương, nhưng thực ra họ đề nghị xóa bỏ Ban chấp hành trung ương là cơ quan lãnh đạo của đảng. Tại cuộc hội nghị toàn thể này bọn men-sê-vích và phái Bun dùng mọi cách cố tình che đậy những sự việc đó. Vì thế, V. I. Lê-nin đã ra một bản tuyên bố đặc biệt gọi là "Tuyên bố về việc triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương" và đưa ra bản "Dự thảo quyết định về vụ xây ra khi bàn về việc triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương" được hội nghị toàn thể thông qua (xem tập này, tr. 241 và 242).

Sau Hội nghị toàn thể tháng Tám của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, những người bôn-sê-vích do Lê-nin đứng đầu đã triển khai rộng rãi công tác chuẩn bị cho Hội nghị toàn Nga của đảng. — 239.

¹⁰⁰ Bài "*Một cuộc biểu tình vì hòa bình của công nhân Anh và Đức*" do V. I. Lê-nin viết, nói về cuộc họp của công nhân tiến hành ở Béc-ling vào ngày 7 (20) tháng Chín 1908 để tỏ sự phản đối nguy cơ chiến tranh ngày càng tăng. Bài này viết cho báo "Người vô sản", số 36, nhưng không được đăng. — 245.

¹⁰¹ "Thư của công nhân Anh gửi công nhân Đức" được đăng trên báo "Vorwärts", số 222, ngày 22 tháng Chín 1908, dưới đầu đề "Die Arbeiter Britanniens an die Arbeiter Deutschlands".

"Vorwärts" ("Tiến lên") — nhật báo, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Béc-ling từ năm 1891 theo quyết định của đại hội đảng ở Han-lơ, là việc tiếp tục sự nghiệp của tờ "Berliner Volksblatt" ("Báo nhân dân Béc-ling") được xuất bản từ năm 1884 với tên gọi là "Vorwärts. Berliner Volksblatt". Trên báo này Ph. Ăng-ghe-n đã đấu tranh chống lại bất cứ biểu hiện nào của chủ nghĩa cơ hội. Vào nửa cuối những năm 90, sau khi Ph. Ăng-ghe-n từ trần, ban biên tập "Vorwärts" nằm trong tay cánh hữu trong đảng và đã đăng thường xuyên những bài của bọn cơ hội chủ nghĩa. Với dụng ý riêng khi làm sáng tỏ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tờ "Vorwärts" đã ủng hộ "phái kinh tế" và sau đó, sau khi đảng bị phân liệt, lại ủng hộ những người men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, tờ "Vorwärts" đã đăng những bài vu khống của Tơ-rốt-xki, không để cho Lê-nin và những người bôn-sê-vích được đăng bài cải chính và được đánh giá một cách khách quan tình

hình công tác trong đảng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tờ "Vorwärts" đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh; sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, báo đó tuyên truyền chống Liên-xô. Tờ báo này xuất bản ở Béc-ланh cho tới năm 1933. — 247.

¹⁰² V. I. Lê-nin trích dẫn bài báo đăng trên tờ "Vorwärts", số 222, ngày 22 tháng Chín 1908 dưới đầu đề "Die Verteidigung von Berlin!" ("Bảo vệ Béc-ланh!"). — 248.

¹⁰³ Đây là nói về phong trào quần chúng của sinh viên ở Nga khởi đầu vào mùa thu 1908 ở Pê-téc-bua. Phong trào sinh viên bấy giờ có liên quan tới chính sách phản động của bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân A. Svát-tơ là người tuyên bố hành động chống lại những tàn dư của chế độ tự trị của trường đại học và là người muốn tiêu diệt mọi quyền tự do của sinh viên từ năm 1905 còn lại. — 259.

¹⁰⁴ Ý nói nghị quyết của Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đăng trong mục "Sinh hoạt đảng" trên báo "Người vô sản", số 36, ngày 3 (16) tháng Mười 1908. Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua kêu gọi các nhóm dân chủ - xã hội trong giới sinh viên hãy công khai tỏ thái độ dứt khoát đối với lời kêu gọi của hội đồng liên hiệp sinh viên và kêu gọi phong trào sinh viên phải phục tùng những nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội trong cuộc đấu tranh của toàn dân chống chế độ Nga hoàng. — 264.

¹⁰⁵ "*Báo nhân dân Lai-pxích*" ("Leipziger Volkszeitung") - cơ quan ngôn luận của cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức. Từ năm 1894 tới năm 1933 báo ra hàng ngày; trong nhiều năm báo do Ph. Mê-rinh và R. Lút-xăm-bua chủ biên. Từ năm 1917 tới năm 1922 báo này là cơ quan ngôn luận của những người "độc lập" Đức; sau năm 1922, là cơ quan ngôn luận của những người dân chủ - xã hội phái hữu. — 271.

¹⁰⁶ "*Hiệp ước Béc-ланh*" - hiệp ước được ký kết do kết quả của đại hội quốc tế họp ở Béc-ланh từ ngày 13 tháng Sáu đến 13 tháng Bảy 1878. Đại hội này được triệu tập theo yêu cầu của Áo-Hung và Anh, với sự ủng hộ bí mật của Đức, để xem xét lại những điều kiện của hòa ước Xanh-Xtê-phan đã ký kết giữa Nga và Thổ-nhĩ-kỳ vào tháng Ba

1878, nhằm mục đích tước bỏ thắng lợi của nước Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ-nhĩ-kỳ vào những năm 1877 - 1878 và hủy bỏ những điều kiện của hòa ước đáp ứng nhiều nhất lợi ích của nước Nga và các nước Xla-vơ ở vùng Ban-căng. Nước Anh tìm cách không để thành lập nước Bun-ga-ri bên cạnh các eo biển của nước Nga hùng mạnh và hữu nghị. Áo - Hung muốn cản trở sự tăng cường sức lực của các nước Xla-vơ ở vùng Ban-căng. Đại hội đã kết thúc bằng việc ký một hiệp ước giữa các đại diện của các chính phủ Nga, Anh - Áo - Hung, Đức, Pháp, Ý, Thổ-nhĩ-kỳ; hiệp ước này thay đổi những điều kiện của hòa ước Xanh-Xtê-phan một cách có hại cho nước Nga và các dân tộc Xla-vơ ở bán đảo Ban-căng. Tuy gặp hoàn cảnh không thuận lợi, nước Nga vẫn giành được một số điều khoản như trả lại cho nước Nga phần phía Nam Bét-xa-ra-bi-a (đã tách ra khỏi nước Nga theo hòa ước Pa-ri năm 1856). Nước Nga vẫn còn Ba-tum, Các-xơ và Ác-đa-gan cùng với các miền biên khu của các vùng này. Nhưng Áo - Hung được "quyền" chiếm cứ Bô-xni-a và Ghéc-tê-gô-vi-na. Nước Anh được nhận đảo Síp theo hiệp định bí mật Anh - Thổ-nhĩ-kỳ. Đại hội Béc-ланh và con đẻ của nó — Hiệp ước Béc-ланh — đã dẫn tới chỗ làm cho các mâu thuẫn ở vùng Ban-căng thêm gay gắt và sâu sắc, do đó đã tạo cơ sở cho các cuộc xung đột về ngoại giao và các cuộc chiến tranh về sau này. Hiệp ước Béc-ланh vẫn còn hiệu lực trước khi nổ ra những cuộc chiến tranh Ban-căng vào những năm 1912 - 1913, nhưng một phần quyết nghị của nó vẫn không thực hiện được hoặc sau này đã phải thay đổi lại. — 272.

¹⁰⁷ "*Sozialistische Monatshefte*" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") — tạp chí, cơ quan ngôn luận chính của những người theo chủ nghĩa cơ hội ở Đức và là một trong số những cơ quan ngôn luận của chủ nghĩa xét lại quốc tế. Xuất bản ở Béc-ланh từ năm 1897 tới năm 1933. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) tạp chí này theo lập trường xã hội - sô-vanh. — 275.

¹⁰⁸ "*Thời mới*" — báo hàng ngày; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1868 tới năm 1917; đã qua tay nhiều nhà xuất bản và nhiều lần thay đổi phương hướng chính trị. Lúc đầu báo theo hướng tự do - ôn hòa, từ năm 1876, sau khi A. X. Xu-vô-rin đứng ra xuất bản, báo biến thành cơ quan ngôn luận của giới quan chức quan liêu và bọn quý tộc phản động. Từ năm 1905, là cơ quan ngôn luận của bọn Trăm đen. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai, báo này hoàn toàn ủng hộ chính sách phản cách mạng của Chính phủ lâm thời tư sản và đã kích

diên cuồng những người bôn-sê-vích. Báo bị Hội đồng quân sự - cách mạng trực thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát đóng cửa ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917. V. I. Lê-nin gọi tờ "Thời mới" là điển hình của những tờ báo viết thuê. — 276.

¹⁰⁹ *Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa* — cơ quan chấp hành - thông tin thường trực của Quốc tế II; đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa của tất cả các nước thông qua nghị quyết về việc thành lập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa tại Đại hội của Quốc tế II ở Pa-ri (tháng Chín 1900). G. V. Plê-kha-nốp và B. N. Cri-tsep-xki được bầu làm đại biểu cho những người dân chủ - xã hội Nga ở Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1905 V. I. Lê-nin tham gia Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa với tư cách là đại biểu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong Cục đó Lê-nin đã đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cơ hội của các lãnh tụ Quốc tế II. Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa ngừng hoạt động vào năm 1914. — 282.

¹¹⁰ Ý nói tới những bản tin ở nước ngoài:

"*Diễn đàn Nga*" ("La Tribune Russe") — bản tin của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Pa-ri từ tháng Giêng 1904 tới tháng Chạp 1909 và từ tháng Mười 1912 tới tháng Bảy 1913; năm 1904 ra mỗi tháng hai kỳ, sau đó ra hàng tháng.

"*Bản tin Nga*" ("Russisches Bulletin") — do một nhóm những người men-sê-vích xuất bản ở Béc-ling từ năm 1907 tới năm 1916. — 283.

¹¹¹ *Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương* được hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thành lập vào tháng Tám 1908 với tư cách là cơ quan đại diện của toàn đảng ở nước ngoài (thành phần gồm 3 người), trực thuộc Bộ phận ở trong nước của Ban chấp hành trung ương. Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương có nhiệm vụ giữ liên lạc thường xuyên với Ban chấp hành trung ương đang hoạt động ở Nga và với các ủy viên Ban chấp hành trung ương đang công tác ở nước ngoài, theo dõi sự hoạt động của các nhóm trợ giúp ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và Ban thường vụ trung ương của các nhóm đó, thu nhận các khoản tiền mà các đảng bộ ở nước ngoài trích nộp vào quỹ Ban chấp hành

trung ương và tổ chức các cuộc quyên góp tiền giúp Ban chấp hành trung ương. Với mục đích thống nhất tất cả nhóm trợ giúp ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và đặt các nhóm đó dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng, hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương họp vào tháng Tám ủy nhiệm cho Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương tiến hành đại hội riêng của các nhóm này. Nhưng trong suốt cả năm 1909 Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương không thể triệu tập được đại hội do sự chống đối ngoan cố của Ban thường vụ trung ương của các nhóm ở nước ngoài hiện nằm trong tay bọn men-sê-vích theo phái thủ tiêu. Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương họp tháng Giêng 1910 đã cải tổ Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương và hạn chế vai trò của nó là lãnh đạo những công việc chung của đảng, đồng thời tăng cường quyền hạn một cách tương ứng cho Bộ phận ở trong nước của Ban chấp hành trung ương. Thành phần của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương được quy định với số lượng là 5 người, trong đó có 3 người là đại biểu của các ban chấp hành trung ương của các tổ chức đảng các dân tộc. Tham gia vào Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương có: về phía những người bôn-sê-vích — A. I. Li-u-bi-mốp, về phía những người men-sê-vích — B. I. Gô-rép (Gôn-đman), về phía những người dân chủ - xã hội Ban-lan — L. Tư-sca, về phía phái Bun — Ph. M. I-ô-nốp (Ph. M. Côi-ghen) và về phía những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a — I-a. A. Béc-din. Ít lâu sau thành phần của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương thay đổi: về phía những người bôn-sê-vích có N. A. Xê-ma-scô (A-lếch-xan-đrốp), về phía phái Bun có M. I. Li-be, về phía những người dân chủ - xã hội Lát-vi-a có Svác-tơ (I-u. Ê-li-át), còn lại hai người cuối cùng là bọn theo phái thủ tiêu. Như vậy, trong Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương phái thủ tiêu chiếm đa số vững chắc, chúng mưu toan bằng mọi cách phá rối tổ chức của các cơ quan trung ương của đảng. Lập trường chống đảng của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương này biểu hiện đặc biệt rõ ràng trong việc phá phách một cách có hệ thống việc triệu tập hội nghị toàn thể của Ban chấp hành trung ương mà những người bôn-sê-vích kiên trì họp cho bằng được, vì những người thuộc phái thủ tiêu không chịu thực hiện các quyết định của hội nghị toàn thể tháng Giêng của Ban chấp hành trung ương. Sách lược của bọn theo phái thủ tiêu trong Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương dẫn tới việc đại biểu của phái bôn-sê-vích N. A. Xê-ma-scô

buộc lòng phải ra tuyên bố (vào tháng Năm 1911) rút khỏi Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương.

Cuộc họp các uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được triệu tập ở Pa-ri vào tháng Sáu 1911 đã ra nghị quyết lên án đường lối chính trị của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương. Trong nghị quyết của cuộc họp có nói rằng, trong một loạt trường hợp, chẳng hạn, về vấn đề thống nhất các nhóm ở nước ngoài của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, vấn đề triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương, vấn đề ủng hộ các xuất bản phẩm hợp pháp của Đảng dân chủ - xã hội ở Nga và nhiều vấn đề khác, Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương đi theo con đường thực hiện chính sách bè phái, chống đảng, vi phạm những quyết định của hội nghị toàn thể năm 1910. Sau khi lên án hành động chống đảng của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương, hội nghị chuyển lại cho hội nghị toàn thể sắp tới giải quyết vấn đề sự tiếp tục tồn tại sau này của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương.

Vào tháng Mười một 1911 đại diện của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, rồi sau đó đại diện của Đảng dân chủ - xã hội Lát-vi-a bị triệu hồi khỏi Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương. Tháng Giêng 1912 Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương tự thủ tiêu. — 283.

¹¹² “*Công đảng*” (Labour Party) được thành lập năm 1900, là sự hợp nhất các công đoàn — các công liên, các tổ chức và nhóm xã hội chủ nghĩa nhằm mục đích đưa đại biểu công nhân vào nghị viện (“Ủy ban đại diện công nhân”). Năm 1906 Ủy ban này được đổi tên là Đảng công nhân (Công đảng). Các đoàn viên trong các công liên nghiêm nhiên trở thành đảng viên của đảng này với điều kiện phải nộp đảng phí. Đứng đầu Công đảng là Ban chấp hành, bao gồm Tổng hội công liên phối hợp với Ban chấp hành của Đảng hợp tác xã thành cái gọi là Hội đồng lao động quốc gia. Liên kết chặt chẽ với Công đảng là Đảng hợp tác xã — đảng này gia nhập Công đảng với quyền hạn của một thành viên tập thể — và Đảng công nhân độc lập. Công đảng lúc đầu được hình thành, xét về thành phần mà nói, là một đảng công nhân (về sau này một số khá lớn phần tử tiểu tư sản chui vào đảng), là một tổ chức cơ hội chủ nghĩa về mặt tư tưởng và sách lược. Từ khi đảng này ra đời những người lãnh đạo của nó tiến hành chính sách hợp tác giai cấp với giai cấp tư sản. “Công đảng là đảng có tính chất thực sự tư sản, vì dù nó bao

gồm công nhân, nhưng lại bị lãnh đạo bởi những tên phản động, những tên phản động tệ hại nhất, hành động hoàn toàn theo tinh thần của giai cấp tư sản...” (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 41, tr. 313).

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) những lãnh tụ của Công đảng giữ lập trường xã hội - sô-vanh. Những đảng viên Công đảng nhiều lần đứng ra thành lập chính phủ (vào các năm 1924, 1929, 1945 và 1950), những chính phủ này trước sau như một, bao giờ cũng thi hành chính sách của chủ nghĩa đế quốc Anh. Sự bất mãn của những người lao động Anh đối với chính sách phản động của ban lãnh đạo của Công đảng đã dẫn tới việc thành lập phái tả trong đảng nhằm chống lại chính sách chính thức của ban lãnh đạo đảng. — 284.

¹¹³ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, 1953, tiếng Nga, tr. 396 - 399 và 414 - 416. — 289.

¹¹⁴ “*Labour Leader*” (“Người lãnh đạo công nhân”) — báo ra hàng tuần xuất bản từ năm 1891; từ năm 1893 là cơ quan ngôn luận của Đảng công nhân độc lập Anh. Từ năm 1922 báo xuất bản với tên gọi “*New Leader*” (“Người lãnh đạo mới”); từ năm 1946 xuất bản với tên gọi “*Socialist Leader*” (“Người lãnh đạo xã hội chủ nghĩa”). — 290.

¹¹⁵ *Những người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái*, — đảng viên của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái, một tổ chức dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản Do-thái, được thành lập vào năm 1904. Những người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái cho rằng nhiệm vụ chủ yếu của giai cấp vô sản Do-thái là đấu tranh để có được một lãnh thổ riêng và thành lập nhà nước của quốc gia mình. Họ tuyên truyền sự hợp tác giai cấp với giai cấp tư sản Do-thái, ra sức tách giai cấp công nhân Do-thái ra khỏi phong trào cách mạng của giai cấp vô sản Nga và vô sản quốc tế, mưu toan gieo rắc hận thù trong công nhân thuộc các dân tộc. Hoạt động dân tộc chủ nghĩa của những người xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái làm mờ ý thức giai cấp trong công nhân Do-thái, gây nên tổn thất lớn cho phong trào công nhân.

Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa - phục quốc Do-thái hợp nhất với Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái thành Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa thống nhất Do-thái. — 296.

- ¹¹⁶ Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái — một tổ chức dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản, được thành lập vào năm 1906. Cơ sở của bản cương lĩnh của Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái là yêu sách để cho người Do-thái được hưởng chế độ tự trị dân tộc, được lập các nghị viện của người Do-thái không bị ai xâm phạm, có đủ quyền hạn giải quyết những vấn đề thuộc chế độ chính trị của người Do-thái trên nước Nga. Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái gắn gũi với Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng và đã cùng với đảng này đấu tranh chống lại Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — 297.
- ¹¹⁷ Xem C. Mác. "Tur bản", tiếng Nga, q. III, 1955, tr. 778. — 304.
- ¹¹⁸ Bài báo này viết để trả lời lại bài của P. Ma-xlốp đăng trên tạp chí của những người dân chủ - xã hội Ba-lan "Przeгляд Socjaldemokratyczny" ("Tạp chí bình luận dân chủ - xã hội"), số 7, tháng Chín 1908, dưới đầu đề "Về vấn đề cương lĩnh ruộng đất (Trả lời Lê-nin)". Ma-xlốp chống lại cương lĩnh bôn-sê-vích do Lê-nin trình bày trong bản thuyết trình "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng ở Nga" (xem tập này, tr. 179 - 210) và bảo vệ cương lĩnh ruộng đất của những người men-sê-vích. — 314.
- ¹¹⁹ Xem C. Mác. "Dự luật về việc bãi bỏ những đảm phụ phong kiến" và C. Mác và Ph. Ăng-ghen. "Thông tư chống lại Cri-ghê" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, xuất bản lần thứ 2, tiếng Nga, t. 5, tr. 294 - 299, t. 4, tr. 1 - 16). — 322.
- ¹²⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 369 - 370. — 336.
- ¹²¹ Năm 1876 do ảnh hưởng của nhóm "nước Thổ thanh niên" quốc vương Thổ-nhĩ-kỳ Áp-đun Ha-mít II triệu tập nghị viện và công bố hiến pháp. Ít lâu sau y lại "hoãn" việc triệu tập nghị viện và đến năm 1878 thì y giải tán hẳn nghị viện. Mãi 30 năm sau, vào năm 1908, sau cuộc cách mạng tư sản, ở Thổ-nhĩ-kỳ hiến pháp mới được phục hồi và nghị viện mới được triệu tập. — 338.
- ¹²² *Tác-tuy-phơ* - nhân vật trong vở hài kịch cùng tên của Mô-li-ê, thể hiện sự đạo đức giả, tính giả nhân giả nghĩa. — 352.

¹²³ *Phái triệu hồi* — nhóm cơ hội chủ nghĩa xuất hiện trong những đảng viên bôn-sê-vích, do A. Bô-gđa-nốp cầm đầu. Ngay trang bằng những lời lẽ cách mạng, những người theo phái triệu hồi (G. A. A-lếch-xin-xki, A. V. Xô-cô-lốp) (X. Vôn-xki), A. V. Lu-na-tsác-xki, M. N. Li-a-đốp, v. v.) đòi triệu hồi các đại biểu dân chủ - xã hội ở Đu-ma nhà nước III về và đòi chấm dứt hoạt động trong các tổ chức hợp pháp. Tuyên bố rằng trong điều kiện bọn phản động hoành hành đảng chỉ được tiến hành hoạt động bí mật, phái triệu hồi từ chối tham gia Đu-ma, tham gia các công đoàn của công nhân, các tổ chức hợp tác xã và các tổ chức khác của quần chúng hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp và cho rằng tập trung toàn bộ công tác đảng trong khuôn khổ một tổ chức bất hợp pháp là cần thiết. Chủ nghĩa tối hậu thư là một biến dạng của chủ nghĩa triệu hồi. Phái tối hậu thư chỉ khác phái triệu hồi về mặt hình thức. Họ đề nghị gửi tối hậu thư cho đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma yêu cầu phải phục tùng không điều kiện các quyết định của Ban chấp hành trung ương đảng và nếu không thi hành thì sẽ triệu hồi các đại biểu dân chủ - xã hội ở Đu-ma về. Chủ nghĩa tối hậu thư trên thực tế là chủ nghĩa triệu hồi giấu mặt, nguy trang. Lê-nin gọi phái tối hậu thư là "phái triệu hồi bẽn lẽn".

Phái triệu hồi gây cho đảng những tổn thất lớn. Chính sách của họ dẫn tới chỗ làm cho đảng tách khỏi quần chúng, biến đảng thành một tổ chức bè phái không đủ khả năng tập hợp lực lượng cho một cao trào cách mạng mới. Lê-nin vạch mặt phái triệu hồi là "phái thủ tiêu thay hình đổi dạng" và tuyên bố chiến đấu không khoan nhượng chống phái triệu hồi. Lê-nin viết: "Chủ nghĩa triệu hồi *không phải* là chủ nghĩa bôn-sê-vích, mà là một biếm họa chính trị xấu xa nhất đối với chủ nghĩa bôn-sê-vích, mà chỉ có những kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa bôn-sê-vích mới có thể nghĩ ra sự biếm họa đó được thôi" (tập này tr. 452).

Cuộc đấu tranh chống phái triệu hồi khởi đầu từ mùa xuân 1908. Trong lúc thảo luận kết quả 5 tháng hoạt động của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III vào tháng Ba - tháng Tư 1908, ở một số quận thuộc Mát-xcơ-va đã thông qua các nghị quyết của phái triệu hồi. Tại Hội nghị toàn thành Mát-xcơ-va vào tháng Năm nghị quyết của phái triệu hồi bị bác bỏ với 18 phiếu chống và 14 phiếu thuận. Những văn kiện của Hội nghị đảng thành phố Mát-xcơ-va được công bố vào ngày 4 (17) tháng Sáu 1908 trên báo "Người vô sản", số 31. Theo đề nghị của Lê-nin, từ số đó, báo này bắt đầu đăng cuộc tranh luận về vấn đề thái độ

đối với Đu-ma và đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Cuộc đấu tranh với phái triệu hồi trong các đảng bộ diễn ra cùng lúc với việc tranh luận trên báo chí. Mùa thu 1908 trong cuộc bầu cử đại biểu đi dự Hội nghị V toàn Nga, ở đảng bộ Pê-téc-bua những người theo phái triệu hồi - tối hậu thư thảo ra cương lĩnh đặc biệt mà họ đưa ra dưới hình thức nghị quyết trước phiên họp mở rộng của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua. Nghị quyết này không được sự ủng hộ rộng rãi trong các đảng bộ. Ở hội nghị những người theo phái triệu hồi không dám phát biểu công khai bản cương lĩnh của họ; họ chỉ có thể lập ra được một nhóm nhỏ đồng tình với họ. (Xem chú thích 131 nói tỉ mỉ hơn về lập trường của phái triệu hồi trong hội nghị này.)

Sau hội nghị, theo yêu cầu khẩn khoản của Lê-nin, bản cương lĩnh của phái triệu hồi được đăng lên báo "Người vô sản". Trong bài "Sự biếm hoạ chủ nghĩa bôn-sê-vích" đăng trên cùng số báo đó, Lê-nin đã phê bình cặn kẽ bản cương lĩnh đó. Lê-nin bóc trần toàn bộ tính chất không triệt để, tính chất vô nguyên tắc, tính chất thù địch đối với chủ nghĩa Mác của các quan điểm của phái triệu hồi. Những bài của Lê-nin "Về hai bức thư", "Về bài báo "Về những vấn đề trước mắt"", "Thủ tiêu chủ nghĩa thủ tiêu", "Về phái những người đồng tình với phái triệu hồi và phái tạo thần", v. v. cũng đều nhằm phê phán phái triệu hồi.

Một bộ phận những người lãnh đạo phái triệu hồi (Bô-gđa-nốp, Lu-na-tsác-xki) cùng với những phần tử men-sê-vích theo phái thủ tiêu (Va-len-ti-nốp, I-u-skê-vích) đã viết báo tấn công vào những cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác — chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Lu-na-tsác-xki tuyên truyền về sự cần thiết phải xây dựng một tôn giáo mới, kết hợp chủ nghĩa xã hội với tôn giáo.

Mùa xuân 1909 phái triệu hồi, phái tối hậu thư và những người tạo thần lập ra nhóm khởi xướng việc tổ chức một trường chống đảng trên đảo Ca-pri (Bô-gđa-nốp, A-lếch-xin-xki, Lu-na-tsác-xki, v. v.). Trên thực tế trường này là trung tâm của một bè phái chống đảng. Vào tháng Sáu 1909 Hội nghị mở rộng của ban biên tập báo "Người vô sản" thông qua quyết định rằng "phái bôn-sê-vích, một trào lưu nhất định trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, không có chút gì giống với phái triệu hồi, và phái tối hậu thư" và kêu gọi những người bôn-sê-vích hãy đấu tranh hết sức kiên quyết chống những khuynh hướng đi chệch ra khỏi chủ nghĩa Mác cách mạng. Bô-gđa-nốp, người cổ vũ phái triệu hồi, bị khai trừ ra khỏi hàng ngũ bôn-sê-vích.

Sau này, trong tác phẩm "Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản", Lê-nin viết rằng, những người bôn-sê-vích, sau khi cách mạng bị thất bại, đã biết rút lui một cách đúng đắn, bảo toàn được hàng ngũ của mình là nhờ họ "đã thẳng tay vạch mặt và tống cổ bọn cách mạng đầu lười là bọn không muốn hiểu rằng phải rút lui, rằng phải biết cách rút lui, rằng tuyệt đối phải học tập cách hoạt động hợp pháp trong những nghị viện phản động nhất, trong các tổ chức công đoàn, các hợp tác xã và các hội bảo hiểm phản động nhất và trong những tổ chức khác tương tự" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 41, tr. 12 - 13). — 354.

¹²⁴ *Chủ nghĩa Bu-lăng-giê* — trào lưu sô-vanh - phản động ở Pháp vào cuối những năm 80 của thế kỷ XIX, lấy tên của tướng Bu-lăng-giê, người cầm đầu phong trào đó, sau này là bộ trưởng Bộ chiến tranh. Cơ sở để xuất hiện phái Bu-lăng-giê là cuộc khủng hoảng chính trị bùng lên do sự phá sản của giai cấp tiểu tư sản khi có cuộc khủng hoảng trong công nghiệp và nông nghiệp vào những năm 80 thế kỷ XIX, và cũng do sự bất mãn đối với chính sách phản động của bọn tư sản thuộc phái cộng hoà, đại diện cho lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính và công nghiệp, do những thất bại trong chính sách thuộc địa và sự sôi động của tâm lý phục thù. Bu-lăng-giê tập hợp được xung quanh hần các chính giới, — chủ yếu là trong giai cấp tiểu tư sản và giai cấp tư sản bậc trung, — lợi dụng những tâm lý phục thù của bọn dân tộc chủ nghĩa cực đoan, dựa vào sự ủng hộ của đảng tư sản cấp tiến, đồng thời có quan hệ ngầm ngấm với bọn theo chủ nghĩa quân chủ, đã lãnh đạo phong trào của những kẻ bất mãn đối với chế độ, mong muốn kiến lập một chế độ độc tài quân sự.

Chẳng được bao lâu trào lưu Bu-lăng-giê tan rã. — 366.

¹²⁵ "*Những người có kiến thức rộng*" hoặc "những cá nhân có kiến thức rộng" — nhóm trí thức thực hiện vai trò cố vấn cho đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Số lớn họ là những người thuộc phái thủ tiêu và những người theo chủ nghĩa xét lại như A. N. Pô-tơ-rê-xốp, X. N. Prô-cô-pô-vích, v. v.. Lợi dụng tình hình là các cán bộ lãnh đạo của đảng bôn-sê-vích đều hoạt động bí mật và không thể tham gia một cách hợp pháp công tác của đảng đoàn trong Đu-ma "những cá nhân có kiến thức rộng" mưu toan hướng hoạt động của đảng đoàn theo con đường chống đảng, vì vậy mà có vấn đề từ chối sự giúp đỡ của họ. — 370.

- ¹²⁶ "*Nước Nga*" — báo hàng ngày của bọn cảnh sát thuộc tổ chức Trăm đen; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1905 tới năm 1914; từ năm 1906 là cơ quan ngôn luận chính thức của Bộ nội vụ. — 372.
- ¹²⁷ *U-gri-um - Bước-tsê-ép* — hình tượng châm biếm tên thị trưởng mà M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin dựng lên trong tác phẩm "Lịch sử của một thành phố", và trở thành tên chung chỉ những tên phản động, những tên quan lại đần độn và hẹp hòi. Hình tượng này được xếp vào hàng những điển hình cổ điển của văn học thế giới, như một trong những sự khái quát nghệ thuật mạnh nhất về thời độc đoán chuyên chế. — 380.
- ¹²⁸ *Hội đồng liên hiệp quý tộc* — một tổ chức phản cách mạng của bọn địa chủ - chủ nô, được thành lập vào tháng Năm 1906 tại đại hội đầu tiên của các hội quý tộc có quyền hành trong tỉnh và tồn tại cho tới tháng Mười 1917. Mục tiêu cơ bản của tổ chức này là bảo vệ chế độ chuyên chế, chế độ chiếm hữu ruộng đất của bọn đại địa chủ và những đặc quyền của bọn quý tộc. Đứng đầu Hội đồng liên hiệp quý tộc là bá tước A. A. Bô-brin-xki, công tước N. Ph. Ca-xát-kin - Rô-stốp-xki, bá tước Đ. A. Ôn-xu-phi-ép, V. M. Pu-ri-skê-vích, v. v.. Lê-nin gọi Hội đồng liên hiệp quý tộc là "hội đồng của những tên chủ nô thống nhất". Trên thực tế Hội đồng liên hiệp quý tộc đã biến thành cơ quan nửa chính phủ, buộc chính phủ thi hành những biện pháp về mặt lập pháp nhằm bảo vệ các lợi ích của bọn chủ nô. Số lớn thành viên của Hội đồng liên hiệp quý tộc tham gia Hội đồng nhà nước và các trung tâm lãnh đạo của các tổ chức Trăm đen. — 382.
- ¹²⁹ Ý nói tới bài phát biểu của G. V. Plê-kha-nốp tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ở đây ông là người đọc tham luận về việc xem xét lại bản cương lĩnh ruộng đất. Chống lại việc quốc hữu hoá ruộng đất, G. V. Plê-kha-nốp nói: "Muốn làm cho việc quốc hữu hoá không gây tác hại thì cần tìm cho được cái bảo đảm chống lại sự phục hưng, nhưng cái bảo đảm như vậy thì không có và không thể có. Hãy nhớ lại lịch sử nước Pháp; hãy nhớ lại lịch sử nước Anh; ở mỗi nước nói trên, sự phục hưng tiếp theo sau phong trào cách mạng với quy mô rộng lớn. Ở đất nước chúng ta cũng có thể diễn ra như vậy; cho nên cương lĩnh của chúng ta phải như thế nào để khi thực hiện nó, sẽ giảm được xuống tới mức thấp nhất thiệt hại mà sự phục hưng có thể mang lại" ("Đại hội IV (Đại hội thống

- nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tập biên bản". Mát-xcơ-va, tiếng Nga, 1959, tr. 59 - 60). — 391.
- ¹³⁰ Bê-lô-u-xốp đọc diễn văn về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III ngày 31 tháng Mười (13 tháng Mười một) 1908.
- Bản dự thảo diễn văn của ông do Lê-nin viết. Những tài liệu so sánh bằng thống kê và những số liệu bằng con số được Bê-lô-u-xốp dẫn ra, đều lấy từ các tác phẩm của Lê-nin không được công bố lúc bấy giờ "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" và "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 240 - 527, tập này, tr. 67 - 164). — 393.
- ¹³¹ *Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* họp vào ngày 21 - 27 tháng Chạp 1908 (3 - 9 tháng Giêng 1909) tại Pa-ri. Việc chuẩn bị cho hội nghị này được triển khai rộng rãi sau khi hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp vào tháng Tám 1908 đã ra nghị quyết lập tức khởi đầu công tác triệu tập hội nghị. Những người bôn-sê-vích do Lê-nin đứng đầu, trong lúc tiến hành đấu tranh gay gắt, một mặt, là với những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu, mặt khác, là với phái triệu hồi, đã tiến hành một khối lượng công việc chuẩn bị lớn lao, bảo đảm việc triệu tập được hội nghị. Mùa thu 1908, trên báo "Người vô sản" lúc đó trên thực tế là Cơ quan ngôn luận trung ương của những người bôn-sê-vích, Lê-nin đã viết những bài: "Về việc đánh giá tình hình hiện nay", "Về hai bức thư", "Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III" (xem tập này, tr. 329 - 346, 354 - 396), trong đó Người đã phân tích sâu sắc những vấn đề mà hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương đã đưa vào chương trình nghị sự của hội nghị đảng sắp họp. Công tác tổ chức do những người bôn-sê-vích tiến hành được đánh giá tốt, bất chấp hành động chống đối của những người men-sê-vích, tại phiên họp của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương họp trước khi khai mạc hội nghị.
- Tham dự hội nghị có 16 đại biểu có quyền biểu quyết, trong đó có 5 đại biểu bôn-sê-vích (2 đại biểu của Vùng trung tâm công nghiệp, 2 đại biểu của đảng bộ Pê-téc-bua, 1 của Ban chấp hành đảng bộ U-ran), 3 đại biểu men-sê-vích theo uỷ nhiệm thư của Ban chấp hành đảng bộ miền Cáp-ca-dơ, 5 đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và 3 đại biểu thuộc phái Bun.

Lê-nin tham dự hội nghị với tư cách là đại biểu của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đảng viên bôn-sê-vích N. G. Pô-lê-ta-ép, một thành viên của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước, tham gia các công việc của hội nghị với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết. Những đại biểu bôn-sê-vích trực tiếp hoạt động ở Nga là đại diện của những đảng bộ lớn nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đoàn đại biểu men-sê-vích, — nhận được uỷ nhiệm thư bằng những việc làm giả mạo — gồm những người sống ở nước ngoài và không có liên hệ với công tác đảng ở Nga. Tại hội nghị, đoàn đại biểu Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan đã ủng hộ những người bôn-sê-vích. Trong nhiều vấn đề, phái Bun đã ủng hộ những người men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu.

Chương trình nghị sự của hội nghị gồm những vấn đề sau đây: 1) Các báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, Ban chấp hành trung ương phái Bun, Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua, Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và Vùng trung tâm công nghiệp, các ban chấp hành đảng bộ U-ran và Cáp-ca-dơ; 2) Tình hình chính trị hiện nay và những nhiệm vụ của đảng; 3) Về đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma; 4) Những vấn đề tổ chức sau khi những điều kiện chính trị đã thay đổi; 5) Việc hợp nhất với các đảng bộ các dân tộc ở các địa phương; 6) Những công việc ở nước ngoài.

Tại hội nghị những người bôn-sê-vích đã đấu tranh không khoan nhượng, trong tất cả mọi vấn đề, với những người men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu và những kẻ ủng hộ họ. Khi thảo luận vấn đề thứ nhất của chương trình nghị sự, những người men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu (P. B. Ác-xen-rôt, Ph. I. Đan, N. V. Ra-mi-svi-li — cái gọi là "đoàn đại biểu Cáp-ca-dơ") đã đưa ra lời tuyên bố, trong đó tìm mọi cách bôi nhọ công tác của Ban chấp hành trung ương đảng và gây ra sự nghi ngờ đối với thẩm quyền của hội nghị đại biểu. Những mưu toan của những người men-sê-vích muốn phá hoại công việc của hội nghị đã vấp phải sự chống trả của những người bôn-sê-vích: đại biểu của đảng bộ Vùng trung tâm công nghiệp, của các đảng bộ Pê-téc-bua và U-ran (M. N. Li-a-đốp, A. M. Bui-cô (Sê-xta-cốp), N. N. Ba-tu-rin (Côn-xtan-tin), v. v.), các đại biểu này đã ra tuyên bố tập thể và vạch trần những điều bịa đặt, vu khống của phái men-sê-vích. Trong nghị quyết "Về các bản báo cáo" hội nghị kịch liệt lên án phái thủ tiêu là một trào lưu cơ hội chủ nghĩa và kêu gọi đấu tranh thật hết sức kiên quyết

về mặt tư tưởng và tổ chức chống lại mưu toan thủ tiêu đảng.

Bản báo cáo của Lê-nin "Về tình hình hiện tại và về nhiệm vụ của đảng" chiếm vị trí trung tâm trong công việc của hội nghị. Những người bôn-sê-vích cho rằng vấn đề đó có ý nghĩa to lớn, vì hội nghị phải xác định đường lối sách lược phù hợp với những điều kiện công tác khó khăn của đảng trong những năm thế lực phản động hoành hành. Phái men-sê-vích mưu toan rút vấn đề này ra khỏi chương trình nghị sự của hội nghị, nhưng không đạt mục đích.

Trong khi thảo luận nghị quyết do Lê-nin đưa ra, phái men-sê-vích đề nghị nêu lên rằng chế độ chuyên chế là chế độ quân chủ không phải của giai cấp tư sản mà là của bọn tài phiệt. (Xem phần phê phán điểm sửa đổi này trong bài của V. I. Lê-nin "Xu hướng tả" của giai cấp tư sản và nhiệm vụ của giai cấp vô sản" (tập này, tr. 502 - 503). Điều sửa đổi này của phái men-sê-vích đã bị bác bỏ với đa số phiếu.

Khi biểu quyết nghị quyết, phái triệu hồi đã đưa ra bản tuyên bố ghi rằng họ, những đại biểu của cái gọi là phái triệu hồi, không tán thành điểm 5 của phần nghị quyết nói về Đu-ma (điểm nói về việc sử dụng Đu-ma và diễn đàn của Đu-ma để tuyên truyền và cổ động cho cách mạng), nhưng vì tán thành những điểm khác còn lại của bản nghị quyết, nên nói chung bỏ phiếu tán thành bản nghị quyết đó. Hội nghị đã thông qua nghị quyết do Lê-nin đưa ra, có sửa đổi chút ít (tr. 399-403).

Khi thảo luận vấn đề thứ ba của chương trình nghị sự các cuộc tranh luận xoay quanh chủ yếu vào hai điểm: những sai lầm của đảng đoàn trong Đu-ma và quyền phủ quyết của Ban chấp hành trung ương đảng đối với những quyết định của đảng đoàn. Nghị quyết do những người bôn-sê-vích đưa ra đã phê phán hoạt động của đảng đoàn và nêu lên những biện pháp cụ thể nhằm uốn nắn lại công tác của đảng đoàn. Phái men-sê-vích phản đối những điều nêu lên trong các quyết định của hội nghị về những sai lầm của đảng đoàn trong Đu-ma và phản đối quyền phủ quyết của Ban chấp hành trung ương đảng đối với đảng đoàn. Ở đây, họ dẫn ra kinh nghiệm của các đảng xã hội chủ nghĩa Tây Âu, các đảng này không đưa việc phê phán những sai lầm của các đảng đoàn của họ tại nghị viện vào các nghị quyết của đại hội và hội nghị đại biểu. Sách lược của phái men-sê-vích trong vấn đề hoạt động nghị trường của Đảng dân chủ - xã hội hoàn toàn trùng hợp với lập trường của những người lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa của Quốc tế II, những người đã xem đảng là vật phụ thuộc của đảng đoàn ở nghị viện.

Phái triệu hồi cũng chống lại đường lối của Lê-nin đối với đảng đoàn trong Đu-ma. X. Vôn-xki (A. V. Xô-cô-lốp, Va-le-ri-an) sau khi tuyên bố rằng ở Nga không có điều kiện cho đảng đoàn dân chủ - xã hội hoạt động ở Đu-ma, cũng lên tiếng phản đối những điều nêu trong nghị quyết nói về những sai lầm của đảng đoàn, cho rằng những sai lầm đó là do những "hoàn cảnh khách quan" gây nên.

Trong bài diễn văn đầy phần nộ Lê-nin nghiêm khắc buộc tội phái triệu hồi là "phái thủ tiêu thay hình đổi dạng" và chỉ rõ rằng mặc dù tất cả sự khác nhau về các kết luận của phái thủ tiêu và phái triệu hồi đối với đảng đoàn ở Đu-ma, giữa họ vẫn có một cơ sở chung, cơ sở cơ hội chủ nghĩa. Hội nghị đã thông qua nghị quyết môn-sê-vích. Phương án thứ hai của Lê-nin "Chỉ thị cụ thể cho đảng đoàn Đảng dân chủ - xã hội trong Đu-ma về vấn đề biểu quyết ngân sách" được đưa từng phần vào văn bản của nghị quyết và phần "Bổ sung cho nghị quyết "Về đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma"" do Lê-nin viết được ghi toàn bộ vào nghị quyết (xem tập này, tr. 407 - 409, 410).

Khi thảo luận vấn đề tổ chức có ba bản dự thảo nghị quyết được đưa ra: của những người môn-sê-vích, của những người men-sê-vích và của phái Bun. Trong bản dự thảo nghị quyết của mình những người môn-sê-vích chỉ ra rằng đảng cần phải đặc biệt lưu ý tới việc xây dựng và củng cố các đảng bộ hoạt động bất hợp pháp, đồng thời sử dụng mạng lưới các hội môn màu nghìn về để hoạt động hợp pháp trong quần chúng. Phái men-sê-vích trên thực tế muốn thủ tiêu hoạt động bất hợp pháp của đảng và muốn chấm dứt bất kỳ công tác cách mạng nào.

Trong diễn văn nói về vấn đề tổ chức Lê-nin kịch liệt phê phán nghị quyết của những người men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu và những mưu toan của chúng tìm mọi cách biện hộ cho những kẻ trốn khỏi hàng ngũ đảng trong những năm thế lực phản động hoành hành. Sau bài phát biểu của Lê-nin, phái Bun rút bỏ dự thảo nghị quyết của họ và bỏ phiếu tán thành cùng với những người môn-sê-vích. Nghị quyết men-sê-vích bị bác bỏ với 12 phiếu chống, 3 phiếu thuận.

Hội nghị đại biểu đã thông qua "Chỉ thị cho tiểu ban phụ trách vấn đề tổ chức" (xem tập này, tr. 404) do Lê-nin đưa ra và thành lập tiểu ban dự thảo nghị quyết. Tiểu ban và sau đó là hội nghị, đã thông qua dự thảo nghị quyết môn-sê-vích.

Nghị quyết về sự hợp nhất các đảng bộ các dân tộc ở địa phương được hội nghị thông qua, đã kiên quyết bác bỏ nguyên

tắc về chế độ liên bang mà phái Bun — kẻ muốn bảo vệ sự phân chia công nhân trong đảng theo đặc điểm dân tộc — đã lên tiếng bênh vực. Khi thảo luận vấn đề công tác của Ban chấp hành trung ương, phái men-sê-vích đề nghị chuyển trụ sở của Ban chấp hành trung ương về Nga và giải thể Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương. Các dự thảo nghị quyết của phái thủ tiêu đều bị bác bỏ. Hội nghị đã thông qua nghị quyết về công tác của Ban chấp hành trung ương, trong đó thừa nhận "việc tồn tại ở nước ngoài một cơ quan đại diện cho toàn đảng dưới hình thức Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương, là điều cần thiết và có ích". Hội nghị cũng đã thông qua nghị quyết môn-sê-vích về vấn đề Cơ quan ngôn luận trung ương, ý kiến của phái men-sê-vích đề nghị chuyển việc xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương về Nga, đã bị bác bỏ.

Tại hội nghị những người môn-sê-vích đã giành được thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh chống những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu. Đồng thời, các nghị quyết của hội nghị "Về tình hình hiện tại và về nhiệm vụ của đảng", "Về đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma", và về những vấn đề khác, cũng giáng một đòn mạnh vào phái triệu hồi. Trong những năm thế lực phản động hoành hành, đảng luôn theo đúng những nghị quyết đã thông qua tại hội nghị này.

Đánh giá ý nghĩa của hội nghị, Lê-nin viết: "Cuộc Hội nghị toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, mới họp gần đây, đã đưa đảng vào con đường đúng và cuộc hội nghị đó rõ ràng là một bước ngoặt trong sự phát triển của phong trào công nhân Nga sau thắng lợi của bọn phản cách mạng" (xem tập này, tr. 436). — 397.

¹³² Bản tuyên bố này do V. I. Lê-nin đưa ra trong hội nghị ngày 24 tháng Chạp 1908 (6 tháng Giêng 1909) sau bài phát biểu có tính chất vu khống của N. Ra-mi-svi-li (Pi-ốt), một phần tử men-sê-vích, thành viên của đoàn đại biểu Cáp-ca-dơ. Trong hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương vào tháng Tám 1908 người ta đã phát hiện ra rằng bọn men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu ngay trước khi triệu tập hội nghị toàn thể, đã cố gắng để thủ tiêu Ban chấp hành trung ương về mặt là cơ quan lãnh đạo của đảng và giới hạn hoạt động của Ban chấp hành trung ương ở các chức năng thông tin. Kế hoạch thủ tiêu Ban chấp hành trung ương được trình bày trong bức thư do uỷ viên Ban chấp hành trung ương B. Gô-rép và uỷ viên ban biên tập tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" A. Mác-tư-nốp

viết vào tháng Sáu 1908 dưới đầu đề "Gửi tất cả các đảng bộ men-sê-vích". Bức thư này mang tính chất chống đảng một cách công khai đến mức hội nghị men-sê-vích ở Pê-téc-bua cũng không ủng hộ. Cả phái Bun là kẻ thường đoàn kết nhất trí với phái men-sê-vích trong những vấn đề tổ chức, cũng không tỏ ra đồng tình đối với kế hoạch đó. N. Ra-mi-svi-li, uỷ viên Ban chấp hành trung ương, một phần tử men-sê-vích, lúc bấy giờ cũng không ủng hộ công khai kế hoạch đó. Ngay trong hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương phái men-sê-vích đã tìm mọi cách cố che giấu ý đồ của họ muốn thủ tiêu Ban chấp hành trung ương (xem tập này, tr. 241 - 242 và chú thích 99). Những đại biểu bôn-sê-vích đã vạch trần những hành động phá hoại tổ chức, chống đảng của phái thủ tiêu. Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương thông qua các dự thảo nghị quyết bôn-sê-vích về tất cả những vấn đề cơ bản trong chương trình nghị sự. Trong Hội nghị V toàn Nga, các thành viên trong ban biên tập tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" là Đan và Ác-xen-rốt và uỷ viên Ban chấp hành trung ương N. Ra-mi-svi-li tham dự hội nghị theo uỷ nhiệm thư của đảng bộ Cáp-ca-dơ, giữ lập trường chung của phái thủ tiêu cực đoan. — 405.

¹³³ Tuyên bố thực tế do Lê-nin đưa ra trong phiên họp thứ 9 — phiên họp cuối cùng của hội nghị ngày 26 tháng Chạp 1908 (8 tháng Giêng 1909). Qua phần ghi chép trong biên bản người ta thấy rằng phiên họp này vẫn tiếp tục thảo luận nghị quyết về đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Khi thảo luận điểm nói về vấn đề biểu quyết ngân sách Lê-nin đề nghị công thức của Người diễn đạt phần này của nghị quyết (xem tập này, tr. 407 - 409). Trong các biên bản có ghi điều sửa đổi của M. N. Li-a-đốp; Li-a-đốp đề nghị những lời kết luận của bản nghị quyết "và của các tổ chức công đoàn" nên ghi như sau: "sau khi thông báo với các đại biểu công đoàn". Khi đưa ra điểm sửa đổi này, Li-a-đốp viện lý do là đường như dự thảo nghị quyết được thảo luận đã thu hẹp các quyền của Ban chấp hành trung ương. Lê-nin phản đối điều sửa đổi của Li-a-đốp; Người chỉ ra rằng Ban chấp hành trung ương có quyền veto đối với đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. Khi biểu quyết, điều sửa đổi của Li-a-đốp bị bác bỏ. Phiên họp này cũng đã thông qua nghị quyết về vấn đề quyền veto của Ban chấp hành trung ương đối với đảng đoàn trong Đu-ma. Trong nghị quyết này nêu lên rằng vì Ban chấp hành trung ương có trách nhiệm đối với công tác của đảng đoàn nên không được dao động khi áp dụng quyền veto đối với các quyết định của đảng đoàn "trong tất cả

các trường hợp các quyết định đó có nguy cơ làm tổn thất cho đảng" — 413.

¹³⁴ *Tuyên bố về dự thảo của phái men-sê-vích về việc thủ tiêu Ban chấp hành trung ương* do Lê-nin đưa ra trong phiên họp của hội nghị ngày 26 tháng Chạp 1908 (8 tháng Giêng 1909) khi thảo luận nghị quyết về công tác của Ban chấp hành trung ương. Ngay trước khi họp hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương tháng Tám 1908, những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu đã mưu toan thủ tiêu Ban chấp hành trung ương về mặt là cơ quan lãnh đạo của đảng. Vì thế trong hội nghị toàn thể ngày 12 (25) tháng Tám 1908, Lê-nin đã đưa ra "Tuyên bố về việc triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương" (xem tập này, tr. 241). Hôm sau, theo đề nghị của Lê-nin, đã thông qua nghị quyết "Về vụ xảy ra khi bàn về việc triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương" (tr. 242) (xem cả chú thích 99). — 414.

¹³⁵ *Hội nghị lần thứ nhất toàn đảng của những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng* họp ở Luân-đôn vào những ngày 4 - 15 (17 - 28) tháng Tám 1908. Tiếp theo hội nghị này, Hội đồng đảng lần thứ 4 đã họp và phê chuẩn các nghị quyết mà hội nghị đã thảo ra. Phần lớn các nghị quyết đó được công bố trên tờ báo riêng khổ nhỏ mang tên "Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng về đại hội của Hội đồng đảng và hội nghị toàn đảng". Trong bài báo của mình Lê-nin đã phân tích và trích dẫn bản "Thông báo" này. — 416.

¹³⁶ Xem C. Mác. "Tư bản", t. III, tiếng Nga, 1955, tr. 795 - 826. — 421.

¹³⁷ *Cương lĩnh Éc-phuya của Đảng dân chủ - xã hội Đức* được thông qua tại đại hội ở Éc-phuya vào tháng Mười 1891. Cương lĩnh Éc-phuya là một bước tiến so với Cương lĩnh Gô-ta (1875); cương lĩnh này dựa trên cơ sở học thuyết Mác cho rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa sẽ không tránh khỏi bị diệt vong và nhất định sẽ bị phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa thay thế; cương lĩnh này đã nhấn mạnh sự cần thiết đối với giai cấp công nhân là phải tiến hành đấu tranh chính trị, đã chỉ rõ vai trò của đảng là người lãnh đạo cuộc đấu tranh đó, v. v.; nhưng trong Cương lĩnh Éc-phuya cũng có những nhượng bộ nghiêm trọng đối với chủ nghĩa cơ hội. Ph. Ăng-ghe-n đã phê phán tỉ mỉ dự thảo Cương lĩnh Éc-phuya ("Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ - xã hội

năm 1891" — xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 101 - 116); về thực chất, đây là sự phê phán chủ nghĩa cơ hội của toàn bộ Quốc tế II, đối với các đảng trong Quốc tế II, Cương lĩnh Ăc-phuya là một kiểu mẫu. Song ban lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Đức giấu không cho quần chúng đảng viên biết sự phê phán của Ăng-ghe-n, và những điều nhận xét hết sức quan trọng của Ăng-ghe-n đã không được chú ý tới một cách đầy đủ khi thảo văn bản cuối cùng của cương lĩnh. V. I. Lê-nin cho rằng thiếu sót chủ yếu, sự nhượng bộ hèn nhát đối với chủ nghĩa cơ hội là việc Cương lĩnh Ăc-phuya không đá động gì tới chuyên chính vô sản. (Về Cương lĩnh Ăc-phuya hãy xem tác phẩm "Nhà nước và cách mạng" của V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 33, tr. 83 - 92). — 421.

¹³⁸ Bài báo mà V. I. Lê-nin nói tới được đăng (không ký tên) trên báo "Người vô sản", số 18, ra ngày 29 tháng Mười (11 tháng Mười một) 1907 — 422.

¹³⁹ Lê-nin có ý nói tới cuốn sách nhỏ của Ph. Lát-xan "Về thực chất của hiến pháp"; đây là hai bài diễn văn mà tác giả đã đọc vào năm 1862 tại cuộc họp của "Liên minh những công dân" quận ở Béc-lanh và được công bố theo quyết định của cuộc họp này. Bài diễn văn thứ nhất được xuất bản năm 1862 dưới đầu đề "Über Verfassungswesen" ("Bàn về thực chất của hiến pháp"), bài diễn văn thứ hai xuất bản vào năm 1863 dưới đầu đề "Was nun?" ("Rồi sau nữa ra sao?"). Lần đầu tiên một bản dịch đầy đủ ra tiếng Nga đã xuất hiện vào năm 1905 do thư viện "Lợi ích của xã hội" xuất bản. Tư tưởng chủ yếu của "những điều sơ đẳng" của Ph. Lát-xan chung quy là "hiến pháp thực sự của một nước chỉ tồn tại trong những tương quan lực lượng thực tế, có thực của một nước nhất định". — 424.

¹⁴⁰ Nói về nghị quyết của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "Về thái độ đối với các đảng không phải vô sản" (xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, ph. I. 1954, tr. 164-165). — 429.

¹⁴¹ Ý muốn nói bài báo không ký tên "Lại bàn về tình hình hiện nay và sách lược của đảng" đăng trên báo "Ngọn cờ lao động", số 13 (tháng Mười một 1908) và bài của A. Vô-lin "Những vấn đề cách

mạng" đăng trên tờ "Tư tưởng cách mạng", số 1 (tháng Tư 1908). — 434.

¹⁴² Bài báo của Lê-nin đăng trên báo "Người vô sản", số 42, ra ngày 12 (25) tháng Hai 1909 với tính cách là lời bạt của ban biên tập viết cho bài "Về những vấn đề trước mắt" in lại của báo "Ngọn cờ công nhân", số 7. Trong bài "Về hai bức thư" Lê-nin đã phê phán bức thư của một công nhân thuộc phái triệu hồi đảng trên số 5 tờ báo này (xem tập này, tr. 354 - 376). — 450.

¹⁴³ Có ý nói tới lời tuyên bố của Plê-kha-nốp rút ra khỏi ban biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", cơ quan ngôn luận của phái thủ tiêu. Lời tuyên bố đó đã được lên khuôn để in trên số 10 - 11 của báo này. Nhưng, sau đó, sau khi hội đàm thêm với Plê-kha-nốp, lời tuyên bố của ông được rút ra khỏi cột báo còn ở phần mục lục thì dán lấp dòng chữ đề lời tuyên bố đó. Tuy nhiên, cuộc xung đột chưa hết hẳn. Vào tháng Năm 1909, báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", số 14 đã đăng bức thư của Plê-kha-nốp, trong đó ông báo cho độc giả biết ông chính thức rút khỏi ban biên tập. — 454.

¹⁴⁴ "Tiến lên" — tuần báo bất hợp pháp của phái bôn-sê-vích; xuất bản ở Giơ-ne-vơ từ ngày 22 tháng Chạp 1904 (4 tháng Giêng 1905) tới ngày 5 (18) tháng Năm 1905. Ra được 18 số. V. I. Lê-nin là người tổ chức, người động viên về mặt tư tưởng và người chỉ đạo trực tiếp của tờ báo. Thành phần ban biên tập gồm có V. V. Vô-rốp-xki, A. V. Lu-na-tsác-xki, M. X. Ô-n-min-xki. N. C. Crúp-xcai-a phụ trách việc giao dịch của tờ báo với các đảng bộ địa phương ở Nga và với các thông tin viên. Khi xác định nội dung của tờ báo, Lê-nin viết: "Đường lối của tờ "Tiến lên" là đường lối của tờ "Tia lửa" cũ. Vì tờ "Tia lửa" cũ, mà tờ "Tiến lên" kiên quyết đấu tranh chống tờ "Tia lửa" mới" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 291). Lê-nin chẳng những viết những bài chỉ đạo trong tờ "Tiến lên" mà còn viết cả phần lớn những bài báo ngắn và nhiều bản tin tức. Có một số bài do Lê-nin cộng tác viết với các uỷ viên ban biên tập (Vô-rốp-xki, Ô-n-min-xki, v. v.). Một số bản thảo viết tay của nhiều tác giả còn giữ được đều mang bút tích của Lê-nin đã sửa chữa và chua thêm vào khá nhiều. Các trang chữ sắp của từng số báo nhất thiết phải được Lê-nin xem lại kỹ. Thậm chí có lúc tuy phải dành toàn bộ

thời gian cho công tác tại Đại hội III ở Luân-đôn, Lê-nin vẫn tranh thủ thời gian để xem lại bản in thứ của số 17 của tờ "Tiến lên". Và có lẽ chỉ có số 18 là không được Lê-nin xem lại và hiệu đính vì Người phải rời Luân-đôn đi Giơ-ne-vơ. Báo "Tiến lên" đã đăng trên 60 bài và tiểu luận của Lê-nin. Một số báo, như số 4 và 5, viết về những sự kiện ngày 9 tháng Giêng 1905 và thời kỳ đầu của cuộc cách mạng Nga, hầu như do Lê-nin soạn hoàn toàn.

Sau khi được xuất bản, báo "Tiến lên" rất nhanh chóng chiếm được cảm tình của các đảng uỷ địa phương, họ công nhận báo là cơ quan ngôn luận của mình. Đoàn kết các đảng uỷ địa phương trên cơ sở các nguyên tắc Lê-nin-nít, báo "Tiến lên" giữ vai trò to lớn trong việc chuẩn bị cho Đại hội III của đảng mà các nghị quyết đều dựa trên cơ sở những quan điểm do Lê-nin đưa ra và luận chứng trên các trang báo này. Đường lối sách lược của báo "Tiến lên" trở thành đường lối sách lược của Đại hội III. Báo "Tiến lên" có mối liên hệ thường xuyên với các đảng bộ ở Nga. Báo giữ liên hệ đặc biệt chặt chẽ với các ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ô-đét-xa, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Ba-cu và các ban chấp hành đảng bộ khác, và cả với Ban chấp hành Liên minh Cấp-ca-dơ thuộc Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Những bài của Lê-nin đăng trên báo "Tiến lên" thường được đăng lại trên các cơ quan báo chí bôn-sê-vích ở địa phương, được xuất bản thành những báo khổ nhỏ hoặc thành tập sách nhỏ. Bài "Bước đầu của cuộc cách mạng ở Nga" của Lê-nin đăng trong số 4 báo "Tiến lên" được các ban chấp hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Ô-đét-xa, Xa-ra-tốp và Ni-cô-lai-ép xuất bản thành tờ riêng; bài "Giai cấp vô sản và nông dân" (báo "Tiến lên", số 11) được Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xuất bản thành tờ riêng. Ban chấp hành Liên minh Cấp-ca-dơ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã cho xuất bản bài "Nền chuyên chính dân chủ - cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân" ("Tiến lên", số 14) của Lê-nin thành cuốn sách nhỏ bằng tiếng Gru-di-a, tiếng Nga và tiếng Ác-mê-ni-a. Trong một nghị quyết riêng, Đại hội III của đảng vạch rõ vai trò xuất sắc của báo "Tiến lên" trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa men-sê-vích, nhằm phục hồi tính đảng, trong việc đặt và làm sáng tỏ những vấn đề sách lược mà phong trào cách mạng đề ra, trong cuộc đấu tranh để triệu tập đại hội, và tỏ lòng cảm ơn đối với ban biên tập báo. Theo nghị quyết của Đại hội III báo "Người vô sản" được xuất bản thay cho báo "Tiến lên". — 455.

¹⁴⁵ Xem "Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, ph. I, 1954, tr. 106, — 458.

¹⁴⁶ "*Tin tức của Đảng*" — báo bất hợp pháp, cơ quan ngôn luận của Ban chấp hành trung ương thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, được thành lập sau khi thống nhất Ban chấp hành trung ương bôn-sê-vích và Ban tổ chức men-sê-vích theo quyết định của Hội nghị Tam-méc-pho (tháng Chạp 1905) "Về sự thống nhất các ban chấp hành trung ương". Báo phát hành ở Pê-téc-bua ngay trước ngày họp Đại hội IV của đảng (Đại hội thống nhất). Báo ra vắn vện được 2 số: ngày 7 (20) tháng Hai và 20 tháng Ba (2 tháng Tư) 1906. Ban biên tập tờ "Tin tức của Đảng" gồm có những biên tập viên của báo bôn-sê-vích ("Người vô sản") và những biên tập viên của báo men-sê-vích ("Tia lửa" mới) với số lượng ngang nhau. Tham gia ban biên tập, về phía bôn-sê-vích có V. A. Ba-da-rốp, V. V. Vô-rốp-xki và A. V. Lu-na-tsác-xki. Tờ "Tin tức của Đảng" đã đăng những bài của Lê-nin dưới ký tên "Người bôn-sê-vích": "Tình hình hiện nay ở nước Nga và sách lược của đảng công nhân" đăng ở số 1 và "Cách mạng Nga và nhiệm vụ của giai cấp vô sản" đăng ở số 2. Sau Đại hội IV của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga báo "Tin tức của Đảng" ngừng xuất bản. — 459.

¹⁴⁷ "*Du-ma nhân dân*" — tờ báo men-sê-vích ra hàng ngày, xuất bản vào tháng Ba - tháng Tư 1907 ở Pê-téc-bua thay cho tờ "Đời sống Nga" bị đóng cửa. Báo ra được 21 số. — 464.

¹⁴⁸ Đây là nói về lời chua thêm vào điều 4 của nghị quyết "Về thái độ đối với các đảng tư sản" do một thành viên của đoàn đại biểu Ba-lan là Mu-khin ("Bu-đốp-ni-tsi") đưa ra trong phiên họp thứ 29 của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (xem Tập biên bản của Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tiếng Nga, 1935, tr. 513). — 465.

¹⁴⁹ Có ý muốn nói đến nghị quyết về tình hình chính trị trong nước và những nhiệm vụ của đảng, đã được Đại hội VI Đảng dân chủ - xã hội Vương quốc Ba-lan và Lít-va họp tại Pra-ha vào tháng Chạp 1908 thông qua.

Đại hội đã chống lại những xu hướng thủ tiêu chủ nghĩa và

xác nhận rằng nhiệm vụ cơ bản của Đảng dân chủ - xã hội là đấu tranh để giai cấp vô sản giành chính quyền với sự giúp đỡ của nông dân cách mạng. — 466.

¹⁵⁰ *Hội liên hiệp nông dân* — Hội liên hiệp nông dân toàn Nga là một tổ chức dân chủ - cách mạng, xuất hiện vào năm 1905. Nông dân tỉnh Mát-xcơ-va là những người khởi xướng việc thành lập Hội liên hiệp nông dân. Ngày 31 tháng Bảy - 1 tháng Tám (13 - 14 tháng Tám) 1905 đại hội sáng lập được triệu tập ở Mát-xcơ-va; đại hội này đặt cơ sở cho Hội liên hiệp nông dân toàn Nga. Ngày 6-10 (19 - 23) tháng Mười một 1905 đã tiến hành Đại hội II của Hội liên hiệp nông dân. Các đại hội này đã thảo ra cương lĩnh và sách lược của Hội liên hiệp. Hội liên hiệp nông dân đòi tự do về chính trị và đòi triệu tập ngay Quốc hội lập hiến, giữ vững sách lược tẩy chay Đu-ma nhà nước I. Cương lĩnh ruộng đất của Hội bao gồm yêu sách đòi xoá bỏ chế độ tư hữu về ruộng đất, chuyển ruộng đất của tu viện, nhà thờ, của thái ấp, của chính phủ và ruộng đất công cho nông dân mà không phải trả tiền chuộc. Vì chịu ảnh hưởng của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng và phải tự do, Hội liên hiệp nông dân biểu hiện tính chất nửa vờ tiểu tư sản, hay dao động và không kiên quyết. Khi đòi xoá bỏ quyền sở hữu ruộng đất của bọn địa chủ, Hội này tán thành việc đền bù lại một phần tiền cho bọn địa chủ. Theo lời của Lê-nin, đây là một tổ chức "cố nhiên nó đã biểu đồng tình với hàng loạt thiên kiến của nông dân, dễ chịu ảnh hưởng của những ảo tưởng tiểu tư sản của nông dân (cũng như những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng ở nước ta), nhưng nó là một tổ chức hoàn toàn "có tính chất cơ sở", thực sự của quần chúng, về căn bản là một tổ chức hoàn toàn cách mạng, có khả năng sử dụng những phương pháp đấu tranh thực sự cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 12, tr. 397). Ngay từ những bước đầu hoạt động Hội liên hiệp nông dân đã bị bọn cảnh sát đàn áp. Vào đầu năm 1907 Hội liên hiệp này không còn tồn tại nữa. — 471.

¹⁵¹ *Công đoàn đường sắt toàn Nga* được thành lập tại Đại hội I của ngành đường sắt toàn Nga tại Mát-xcơ-va ngày 20 - 21 tháng Tư (3 - 4 tháng Năm) 1905. Đại hội đã đề ra một số yêu sách về kinh tế và chính trị như thực hiện những quyền tự do về chính trị, triệu tập Quốc hội lập hiến, cải tiến những điều kiện lao động trên các tuyến đường sắt, v. v.. Cách mạng 1905 - 1907 càng phát triển thì ảnh hưởng của những người bôn-sê-vích trong công đoàn đường

sắt càng được củng cố. Đại hội II của ngành đường sắt toàn Nga họp vào những ngày 22 - 24 tháng Bảy (4 - 6 tháng Tám) 1905 ở Mát-xcơ-va, đã thông qua nghị quyết phải lập tức bắt tay vào việc cổ động cho cuộc bãi công chính trị của ngành đường sắt toàn Nga. Do sức ép của quần chúng cách mạng, Đại hội của ngành đường sắt toàn Nga (gọi là đại hội đại biểu) họp vào tháng Chín - tháng Mười 1905 ở Pê-téc-bua, đã khởi thảo và trình lên chính phủ một số yêu sách: ngày làm việc 8 giờ, ban quản trị đường sắt phải được bầu ra từ trên xuống dưới, phải thả ngay những người bị bắt giữ vì tham gia bãi công, bãi bỏ tình trạng thiết quân luật và tăng cường an ninh, ban bố các quyền tự do về chính trị, ân xá, quyền tự quyết dân tộc, triệu tập ngay Quốc hội lập hiến được bầu ra trên cơ sở phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. V. I. Lê-nin nêu lên vai trò chủ đạo của công nhân đường sắt và công đoàn đường sắt trong cuộc tổng bãi công chính trị tháng Mười.

Hội nghị đại biểu toàn Nga đại diện cho 29 tuyến đường sắt đã ủng hộ nghị quyết của hội nghị đại biểu bôn-sê-vích toàn thành phố Mát-xcơ-va về việc tuyên bố tổng bãi công chính trị và ngày 6 (19) tháng Chạp 1905 ra quyết định tán thành cuộc bãi công đó và quyết định tuyên bố ngay lập tức ngành đường sắt toàn Nga bãi công. Sau khi cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp 1905 bị thất bại, công đoàn đường sắt thực sự đi vào hoạt động bí mật. Tháng Tám 1906 hội nghị đại biểu công nhân đường sắt họp; nhân việc Đu-ma nhà nước I bị giải tán, hội nghị này đã đặt vấn đề tổng bãi công và chuẩn bị khởi nghĩa. Tới cuối năm 1906, do ảnh hưởng của bọn xã hội chủ nghĩa - cách mạng, công đoàn đường sắt mất hết ý nghĩa cách mạng của nó. Tháng Hai 1907 hội nghị đại biểu của các đảng bộ dân chủ - xã hội quan trọng nhất của ngành đường sắt do Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga triệu tập đòi tất cả những đảng viên dân chủ - xã hội cách mạng rút ra khỏi công đoàn đường sắt. — 472.

¹⁵² *Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga* xuất hiện vào mùa xuân 1905. Những đại biểu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng có ảnh hưởng rất lớn trong Hội liên hiệp; tính thiên cận tiểu tư sản của họ và tính ưa dùng lời lẽ cách mạng suông được phản ánh trong bản cương lĩnh của Hội liên hiệp. Trong Hội liên hiệp biểu hiện rõ rệt xu hướng muốn giới hạn hoạt động của hội ở những lợi ích của cuộc đấu tranh công đoàn. Dẫu sao tổ chức đó cũng không thể bỏ qua những vấn đề chính trị chung, và do ảnh hưởng của những

sự kiện cách mạng nên đã tán thành những khẩu hiệu dân chủ cách mạng. Những thành viên trong Hội liên hiệp tuyên bố ý định của họ tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân để giành ruộng đất, tự do và chính quyền, đồng thời kêu gọi các nhà giáo "hãy làm cho ý thức giác ngộ của nhân dân được củng cố sâu thêm và giúp đỡ việc tổ chức cuộc đấu tranh vì những lý tưởng vĩ đại của nhân dân lao động" ("Biên bản của Đại hội đại biểu III của Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga và các nhà hoạt động giáo dục quốc dân, tiến hành vào những ngày 7 - 10 tháng Sáu 1906". Tiếng Nga, 1906, tr. 135). Hội liên hiệp ủng hộ yêu cầu triệu tập Quốc hội lập hiến "trên cơ sở phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín, không phân biệt nam nữ, dân tộc và tôn giáo" (như trên). Hội liên hiệp cho rằng một trong những nhiệm vụ cơ bản của Hội là triệt để cải tổ lại nền giáo dục quốc dân ở Nga: thi hành chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc và miễn học phí ở bậc sơ học, miễn học phí ở bậc trung học và bậc cao đẳng, dạy bằng tiếng mẹ đẻ, phối hợp tất cả các kiểu trường học làm sao cho trường phổ thông theo kiểu cao nhất là hình thức kế tiếp trực tiếp kiểu trường học thấp nhất, v. v.. Những phương thức sau đây được coi là những phương thức cần làm để đạt được những mục tiêu đã công bố: phê phán công khai chế độ trường học hiện hành, tổ chức những hành động phản kháng tập thể của giảng viên và học sinh chống lại sự độc đoán của ban lãnh đạo học đường, tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân những tư tưởng của Hội liên hiệp, v. v..

Ngày 6 (19) tháng Sáu 1906, V. I. Lê-nin đã lấy họ là Các-pốp đọc trước nhóm đại biểu của Đại hội các giáo viên nhân dân toàn Nga bản báo cáo về vấn đề ruộng đất. Báo của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng "Tiếng nói" (số 15, ngày 8 (21) tháng Sáu 1906) đã đăng bài phát biểu đó của Lê-nin. — 472.

¹⁵³ *Phái Bun* ("Tổng hội công nhân Do-thái ở Lit-va, Ba-lan và Nga") được tổ chức năm 1897 tại đại hội thành lập của các nhóm dân chủ - xã hội Do-thái ở Vin-nô; phái này hợp nhất phần lớn những người bán vận sản trong thợ thủ công Do-thái ở các vùng miền Tây nước Nga. Ở Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (1898), phái Bun gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga "với tư cách là một tổ chức tự trị, chỉ độc lập trong những vấn đề có liên quan đặc biệt đến giai cấp vô sản Do-thái" ("Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương", tiếng Nga, ph. I, 1954, tr. 14).

Phái Bun là đại biểu của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phân lập trong phong trào công nhân Nga. Tháng Tư 1901, Đại hội IV của phái Bun quyết định thay đổi những quan hệ về mặt tổ chức với Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga xác lập. Trong nghị quyết của mình, đại hội tuyên bố rằng nó coi Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là một khối liên hiệp có tính chất liên đoàn giữa những đảng bộ dân tộc, rằng phái Bun tham gia đảng với tư cách là một bộ phận của liên đoàn.

Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, sau khi yêu sách của phái Bun đòi thừa nhận họ là đại biểu duy nhất của giai cấp vô sản Do-thái bị bác bỏ, phái Bun rút ra khỏi đảng. Năm 1906, dựa vào quyết định của Đại hội IV của đảng (Đại hội thống nhất), phái Bun lại gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Trong nội bộ Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, phái Bun luôn luôn ủng hộ cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng ("phái kinh tế", phái men-sê-vích, phái thủ tiêu), đấu tranh chống lại những người bôn-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Phái Bun đưa ra yêu sách đòi được tự trị về văn hoá - dân tộc để đối lập với yêu sách có tính chất cương lĩnh của những người bôn-sê-vích về quyền tự quyết của các dân tộc.

Trong những năm thế lực phản động Xtô-lư-pin hoành hành, phái Bun giữ lập trường của phái thủ tiêu, tích cực tham gia vào việc thành lập khối tháng Tám chống đảng. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918, phái Bun giữ lập trường xã hội - sô-vanh. Năm 1917 phái Bun ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản, đứng về phía kẻ thù của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười để đấu tranh. Trong những năm có sự can thiệp bằng quân sự của nước ngoài và có nội chiến, những người lãnh đạo của phái Bun câu kết với các lực lượng phản cách mạng. Đi đôi với việc đó người ta thấy có sự rạn vỡ trong hàng ngũ những đảng viên thường của phái Bun, có khuynh hướng hợp tác với Chính quyền xô-viết. Tháng Ba 1921 phái Bun tự giải tán, một bộ phận các thành viên của nó được kết nạp vào Đảng cộng sản (b) Nga theo các nguyên tắc chung. — 472.

¹⁵⁴ "*Người dân chủ - xã hội*" — báo cơ quan bất hợp pháp của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; xuất bản ở Pê-téc-bua từ ngày 17 (30) tháng Chín đến 18

tháng Mười một (1 tháng Chạp) 1906; ra vền vện được 7 số. Ban biên tập của báo này được bầu ở Đại hội IV (Đại hội thống nhất) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, gồm toàn là những đảng viên men-sê-vích (Ph. I. Đan, L. Mác-tốp, A. X. Mác-tư-nốp, P. P. Ma-xlốp, A. N. Pô-tơ-rê-xốp). Trên thực tế báo này là cơ quan bè phái của những người men-sê-vích. — 472.

¹⁵⁵ "*Báo sông Ranh mới*" ("Neue Rheinische Zeitung") xuất bản hàng ngày ở Cô-lô-nhơ, do C. Mác làm chủ biên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849. Thành phần ban biên tập gồm có Ph. Ăng-ghen, V. Vôn-phơ, H. Vê-éc-tơ, Ph. Vôn-phơ, Ê. Đrôn-cơ, Ph. Phrây-li-grát và H. Buyéc-géc-xơ.

Là cơ quan chiến đấu của cánh vô sản trong phong trào dân chủ, báo này giữ vai trò giáo dục quần chúng nhân dân, động viên họ đấu tranh chống phản cách mạng. Mác và Ăng-ghen thường viết những bài xã luận xác định lập trường của báo về những vấn đề tối quan trọng của cách mạng Đức và châu Âu.

Lập trường kiên quyết và không điều hoà của "*Báo sông Ranh mới*", chủ nghĩa quốc tế chiến đấu của báo, sự xuất hiện trên tờ báo những lời tố giác chính trị nhằm chống lại chính phủ Phổ và chính quyền địa phương ở Cô-lô-nhơ, — tất cả những điều đó khiến cho tờ báo ngay từ những tháng đầu ra đời đã bị báo chí của phái quân chủ phong kiến và tư sản - tự do chủ nghĩa công kích, đồng thời cũng bị chính phủ theo dõi, đặc biệt là sau khi có cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ thì càng bị o ép ráo riết.

Mặc dù bị cảnh sát theo dõi và làm trở ngại, "*Báo sông Ranh mới*" vẫn dũng cảm bảo vệ lợi ích của nền dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Việc trục xuất Mác ra khỏi nước Phổ vào tháng Năm 1849 và sự đàn áp những biên tập viên khác của "*Báo sông Ranh mới*" là những nguyên nhân khiến báo phải đình bản. Số báo 301, số báo cuối cùng in chữ đó, xuất bản ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt gửi cho công nhân, các biên tập viên của báo tuyên bố rằng "lời nói cuối cùng của họ luôn luôn và ở khắp mọi nơi đều sẽ là giải phóng giai cấp công nhân!".

Bên dưới Lê-nin trích dẫn bài của Ph. Ăng-ghen "Các cuộc tranh luận ở Béc-lanh về cách mạng" và bài của C. Mác "Dự luật về việc bãi bỏ những đảm phụ phong kiến" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 64 và 299). — 478.

¹⁵⁶ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyển tập gồm hai tập, tiếng Nga, t. II, 1955, tr. 95. — 479.

¹⁵⁷ "*Phục hưng*" — tạp chí của những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu; xuất bản từ tháng Chạp 1908 tới tháng Bảy 1910 ở Mát-xcơ-va. Ph. Đan, L. Mác-tốp, A. Mác-tư-nốp, v. v. đã cộng tác với tạp chí này. — 501.

¹⁵⁸ Ph. Ăng-ghen. "Các cuộc tranh luận ở Béc-lanh về cách mạng" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 5, tr. 64). — 503.

¹⁵⁹ V. I. Lê-nin trích dẫn lời của Ph. Ăng-ghen trong "Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất bằng tiếng Đức" cuốn sách của C. Mác "Sự khốn cùng của triết học" (xem C. Mác. "Sự khốn cùng của triết học", tiếng Nga, 1956, tr. 11). — 508.

¹⁶⁰ Có ý nói lời phát biểu của đảng viên dân chủ - xã hội P. I. Xước-cốp, đại biểu của Đu-ma nhà nước III, trong khi thảo luận bản dự toán chi của Hội đồng thánh giáo tại phiên họp của Đu-ma vào ngày 14 (27) tháng Tư 1909 (xem Tường thuật tốc ký của Đu-ma nhà nước III, khoá II, tiếng Nga, phần III, tr. 2074). Những tin về việc thảo luận bản dự thảo diễn văn của Xước-cốp ở đảng đoàn tại Đu-ma được nêu lên trong bài báo "Những cuộc thảo luận trong đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma về vấn đề thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với tôn giáo" đăng trên báo "Người vô sản", số 45, ngày 13 (26) tháng Năm 1909, ở mục "Sinh hoạt đảng". — 510.

¹⁶¹ Xem C. Mác. "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 1, tr. 415). — 511.

¹⁶² Xem Ph. Ăng-ghen. "Sách báo của những người lưu vong. II. Cương lĩnh của Công xã các kiểu dân theo chủ nghĩa Bălăng-ki" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 18, tr. 510 - 517). — 511.

¹⁶³ Xem Ph. Ăng-ghen. "Chống Duy-rinh", tiếng Nga, 1957, tr. 299 - 301. — 512.

- ¹⁶⁴ Có ý nói về "Lời tựa" của Ph. Ăng-ghe-n viết cho cuốn sách nhỏ của C. Mác "Nội chiến ở Pháp" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm hai tập, tiếng Nga, t. I, 1955, tr. 439). — 513.
- ¹⁶⁵ "*Những cái mốc*" — tập những bài báo của các nhà chính luận dân chủ - lập hiến nổi tiếng, những đại biểu của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa phản cách mạng: N. A. Béc-đi-a-ép, X. N. Bun-ga-cốp, M. O. Ghéc-sen-dôn, A. X. I-dơ-gô-ép, B. A. Ki-xchi-a-cốp-xki, P. B. Xơ-ru-vê và X. L. Phran-cơ; xuất bản ở Mát-xcơ-va vào mùa xuân 1909. Trong các bài viết về giới trí thức Nga, "những người thuộc phái "Những cái mốc"" mưu toan bôi nhọ những truyền thống cách mạng - dân chủ của phong trào giải phóng ở Nga, những quan điểm và hoạt động của V. G. Bê-lin-xki, N. G. Tséc-nư-sép-xki, N. A. Đô-brô-li-u-bốp, Đ. I. Pi-xa-rép; phỉ báng phong trào cách mạng năm 1905, tạ ơn chính phủ Nga hoàng đã dùng "lưỡi lê và nhà tù" để cứu vớt giai cấp tư sản khỏi "sự nổi giận của nhân dân". V. I. Lê-nin đã phân tích một cách có phê phán và đánh giá về mặt chính trị văn tập của bọn Trăm đen thuộc phái dân chủ - lập hiến trong bài báo "Bàn về tập "Những cái mốc"" (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 19, tr. 167 - 175). Khi so sánh cương lĩnh của văn tập "Những cái mốc" về mặt triết học cũng như về mặt chính luận với cương lĩnh của báo "Tin tức Mát-xcơ-va" của bọn Trăm đen, Lê-nin gọi văn tập đó là "*cuốn từ điển bách khoa về sự phản bội của phái tự do*", là "dòng nước bản mang tính chất phản động tưới vào nền dân chủ". Trong Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô còn giữ được một bản của văn tập "Những cái mốc" có nhiều bút tích của Lê-nin. — 522.
- ¹⁶⁶ Sai lầm của đại biểu T. Ô. Bê-lô-u-xốp là ở chỗ, trong khi thảo luận bản dự toán của Hội đồng thánh giáo tại phiên họp của Đu-ma nhà nước III ngày 22 tháng Ba (4 tháng Tư) 1908, trong công thức do ông đề nghị về việc chuyển sang những công tác trước mắt, ông thừa nhận tôn giáo là "công việc riêng của từng cá nhân". Xã luận của báo "Người vô sản", số 28, ngày 2 (15) tháng Tư 1908 đã vạch rõ sai lầm trong cách diễn đạt của Bê-lô-u-xốp. — 525.
- ¹⁶⁷ "*Tiếng nói Mát-xcơ-va*" — báo hàng ngày, cơ quan ngôn luận của những người tháng Mười — đảng phản cách mạng của giai cấp đại tư sản công nghiệp và bọn đại địa chủ; xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1905 đến năm 1915. — 535.

- ¹⁶⁸ Những điểm sửa đổi bổ sung vào dự thảo nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị toàn Nga là do V. I. Lê-nin đưa ra trong bản mà I. Ph. Đu-brô-vin-xki viết. Dự thảo nghị quyết với những điểm sửa đổi bổ sung người môn-sê-vích đưa ra và đã được hội nghị toàn thể thông qua. Nghị quyết của những người men-sê-vích mà ý nghĩa của nó trên thực tế tự trung là hoãn việc triệu tập hội nghị đại biểu trong một thời gian không hạn định, đã bị bác bỏ với 7 phiếu chống, 5 phiếu thuận. — 545.
- ¹⁶⁹ Căn cứ theo bản ghi biên bản vẫn tắt còn giữ lại được về bài diễn văn của Lê-nin về vấn đề tổ chức đọc vào ngày 24 tháng Chạp 1908 (6 tháng Giêng 1909) người ta không thể xác định được, là bài diễn văn đó đã phản ánh đầy đủ đến mức nào tất cả những vấn đề liệt kê trong bản tóm tắt đã công bố. Nhưng phạm vi những đề tài nêu ra trong bản tóm tắt đó là cơ sở để giả định rằng nó có thể được viết ra vào thời gian thảo luận về vấn đề tổ chức. — 546.
- ¹⁷⁰ Có ý muốn nói đến thành phần của Ban chấp hành trung ương đảng do Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bầu ra với số lượng là 12 người. Năm người ngụ ý đó là thành phần thu hẹp của Ban chấp hành trung ương gồm 5 người công tác ở nước Nga. Nhận xét hài hước của Lê-nin về năm "chức thiên thần", có lẽ là nói về dự thảo nghị quyết của những người men-sê-vích theo phái thủ tiêu, trong đó họ đề nghị giải thể Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương, tập trung toàn bộ sự lãnh đạo công tác đảng vào tay trong số năm người ở Nga. — 546.
- ¹⁷¹ "*Đề cương các bài giảng về chủ nghĩa Mác*" — viết ra vào năm 1908 hoặc 1909. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin không có những tài liệu trực tiếp về những bài giảng đó của V. I. Lê-nin. Qua các hồi ký người ta chỉ biết rằng vào đầu năm 1909 Lê-nin trình bày những bài giảng về triết học trong tiểu tổ môn-sê-vích ở Pa-ri. Trong bản thảo viết tay có nhắc tới công nghiệp của năm 1907, điều đó chứng tỏ bản đề cương được viết ra sau năm 1907, vì những số liệu thống kê về sự phát triển công nghiệp trong năm 1907 chỉ có thể biết được vào đầu năm sau mà thôi.
- Trong phần "Chủ nghĩa duy vật triết học", ở điểm 6, có đoạn ghi: "những người cơ hội chủ nghĩa ngày nay (Bô-gđa-nốp)", nó là cơ sở để giả định rằng đề cương được viết ra sớm nhất là vào hạ tuần tháng Ba 1908. Lúc bấy giờ Lê-nin đã viết xong và gửi đưa

in (chậm nhất là ngày 3 (16) tháng Tư) bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại", trong đó, lần đầu tiên Người phát biểu trên báo chí phê phán những quan điểm cơ hội chủ nghĩa, xét lại của Bô-gđanốp về mặt triết học. Hầu hết tất cả các điểm của phần "Chủ nghĩa duy vật triết học" được phản ánh trong cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"; một số điểm của phần "Vấn đề ruộng đất" được làm sáng tỏ trong các tác phẩm về vấn đề ruộng đất viết vào năm 1908. — 548.

¹⁷² Đề cương bản thuyết trình này được đăng ở bản thông báo do nhóm trợ giúp thứ hai ở Pa-ri của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phát ra. Bản thông báo đó báo tin rằng:

"Thứ tư, ngày 10 tháng Hai 1909

salle des Sociétés savantes

8, rue Danton, 8

hồi 8^{1/2}, tối

sẽ tiến hành trình bày bản thuyết trình của

N. Lê - nin

về đề tài:

"Tình hình hiện tại của nước Nga".

Những vấn đề nêu lên trong đề cương được phản ánh trong một số tác phẩm của Lê-nin vào năm 1909, và đặc biệt là trong bài "Bước vào con đường đúng" (xem tập này, tr. 436 - 449).

Toàn văn bản thông báo được tái bản năm 1955 trên tạp chí "Lưu trữ lịch sử", số 2. — 550.

BẢN CHỈ DẪN
CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU GỐC
MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ TRÍCH DẪN VÀ NÓI ĐẾN

[*A-lếch-xin-xki, G. A.*] *A-lếch-xê-ép. [Sửa đổi vào dự thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đưa ra tại phiên họp 12 của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. [Алексинский, Г. А.] Алексеев. [Поправка к проекту аграрной программы РСДРП, внесенная на 12-ом заседании IV (Объединительного) съезда РСДРП]. — В кн.: Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г. М., тип. Иванова, 1907, стр. 152. — 187.*

* *An-nen-xki, N. Ph. Giá trị của sản xuất lúa mì trong các cơ sở kinh tế tư nhân. — Анненский, Н. Ф. Стоимость производства хлеба в частновладельческих хозяйствах. — В кн.: Влияние урожаев и хлебных цен на некоторые стороны русского народного хозяйства. Под ред. проф. А. И. Чупрова и А. С. Посникова. Т. I. Спб., тип. Киришбаума, 1897, стр. 157 - 245. — 88.*

* *Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga. — Влияние урожаев и хлебных цен на некоторые стороны русского народного хозяйства. Под ред. проф. А. И. Чупрова и А. С. Посникова. Т. I. Спб., тип. Киришбаума, 1897. VIII, LXIV, 533 стр. — 88, 103 - 104.*

Ăng-ghen, Ph. Bàn về chủ nghĩa duy vật lịch sử. — Энгельс, Ф. Об историческом материализме. — В кн.: Исторический материализм. Сборник статей Энгельса, Каутского, Лафарга, Жореса, Сореля,

* Một hoa thị chỉ những sách báo, bài viết và tài liệu trong đó có bút tích của V. I. Lê-nin còn được bảo quản ở Cục lưu trữ trung ương của đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- Адлера, Штерна, Цеттербаума, Келлес-Крауза, Бельфорт-Бакса, Штиллиха. Сост. и пер. С. Бронштейн (С. Семковский). С предисл. и указателем литературы об историческом материализме на русском и иностранных языках. Спб., тип. «Общественная Польза», 1908, стр. 162—183. — 479.
- Ăng-ghen, Ph. Các cuộc tranh luận ở Béc-lanh về cách mạng. I —* Энгельс Ф. Берлинские дебаты о революции. I— хет Engels, F. Köln, 13 Juni.
- *Chống Duy-rinh. Ông Ô-giê-ni Duy-rinh đảo lộn khoa học. 1876 - 1878.* — Анти-Дюринг. Переворот в науке, произведенный господином Евгением Дюрингом. 1876 - 1878 гг. — 23, 510, 511 - 512.
- *Lời mở đầu [cho tác phẩm của C. Mác «Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ năm 1848 đến năm 1850»].* Ngày 6 tháng Ba 1895. — Введение [к работе К. Маркса «Классовая борьба во Франции с 1848 по 1850 г.».]. 6 марта 1895 г. — 40.
- *Lời nói đầu [cho tác phẩm của C. Mác «Nội chiến ở Pháp»].* Ngày 18 tháng Ba 1891. — Введение [к работе К. Маркса «Гражданская война во Франции»]. 18 марта 1891 г. — 513, 524, 525.
- *Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức. Đầu năm 1886.* — Людвиг Фейербах и конец классической немецкой философии. Начало 1886 г. — 510 - 511.
- *Sách báo của những người lưu vong.* — Эмигрантская литература. II. Программа бланкистских эмигрантов Коммуны. Июнь 1874 г. — 511.
- *Thư gửi E. Béc-stanh.* Ngày 27 tháng Tám 1883. — Письмо Э. Бернштейну. 27 августа 1883 г. — 335 - 336.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. Ngày 29 tháng Mười một 1886].* — [Письмо Ф. А. Зорге. 29 ноября 1886 г.]. — В кн.: Письма И. Ф. Беккера, И. Дицгена, Ф. Энгельса, К. Маркса и др. к Ф. А. Зорге и др. Пер. с нем. Политикуса. С письмами и биографией Ф. А. Зорге Евг. Дицгена. С предисл. Н. Ленина. С портр. Ф. А. Зорге. Спб., Дауге, 1907, стр. 266 - 270. — 289, 506 - 507.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. Ngày 7 tháng Chạp 1889].* — [Письмо Ф. А. Зорге. 7 декабря 1889 г.]. — Там же, стр. 356—359. — 289.
- *[Thư gửi Ph. A. Doóc-ghê. Ngày 10 tháng Sáu 1891].* — [Письмо Ф. А. Зорге. 10 июня 1891г.]. Там же, стр. 406 - 407. — 289.

- *[Thư gửi Ph. Ken-li - Vít-snê-vết-xai-a. Ngày 28 tháng Chạp 1886].* — [Письмо Ф. Келли-Вишневецкой. 28 декабря 1886 г.]. — Там же, стр. 271—274. — 289.
- Báo cáo của đoàn đại biểu Cáp-ca-dơ về hội nghị toàn đảng.* — Отчёт кавказской делегации об общепартийной конференции. Изд. Центрального бюро заграничных групп РСДРП. Paris, Rédaction du Socialisme, 1909. 53 стр. (РСДРП). — 411, 467.
- Ben-tốp — Бельтов — хет Плê-kha-nốp, G. V.*
- «*Bình minh*» Stuttgart. — «Заря», Stuttgart, 1901, № 2—3, декабрь, стр. 259—302. — 194, 312.
- * *Bla-gô-vê-sen-xki, N. A. Tập thống kê tổng hợp những tài liệu kinh tế theo sự điều tra từng hộ của các hội đồng địa phương.* Tập I. — Благовещенский Н. А. Сводный статистический сборник хозяйственных сведений по земским подворным переписям. Т. I. Крестьянское хозяйство. М., типолит. Кушнерева, 1893. XVI, 267 стр. На русск. и франц. яз. — 146 - 147.
- Bộ luật của Đế quốc Nga.* Tập 1. Phần I. Bộ luật cơ bản của nhà nước. Xuất bản năm 1906. — Свод законов Российской империи. Т. 1. Ч. I. Свод основных государственных законов. Изд. 1906 года. Спб., гос. тип., б. г. 78 стр. — 189.
- * *Bun-ga-cốp, X. N. Chủ nghĩa anh hùng và sự hy sinh quên mình.* (Mấy nét suy tư về bản chất tôn giáo của giới trí thức Nga). — Булгаков, С. Н. Героизм и подвижничество. (Из размышлений о религиозной природе русской интеллигенции). — В кн.: Вехи. Сборник статей о русской интеллигенции Н. А. Бергяева, С. Н. Булгакова, М. О. Гершензона, А. С. Изгоева, Б. А. Кистяковского, П. Б. Струве, С. Л. Франка. М., [тип. Саблина], 1909, стр. 23 — 69. — 522.
- Bức thư của một công nhân.* (Về kế hoạch công tác đảng nhân có nhận định về tình hình hiện nay). — Письмо рабочего. (О плане партийной работы в связи с оценкой текущего момента). — «Рабочее Знамя», [М.], 1908, № 5, октябрь, стр. 4-5. — 338, 354, 450, 451, 497.
- Bước ngoặt lịch sử.* — Исторический поворот. — «Листок «Рабочего Дела», [Женева], 1901, № 6, апрель, стр. 1—6. Подпись: Редакция «Рабочего Дела». — 171 - 172.

- «*Bưu điện thủ đô*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Столичная Почта*», Спб. — 44.
— 1908, № 251, I (14) марта, стр. 3—4. — 44 - 45.
- Ca-ram-din, N. M. Nhậy cảm và lạnh nhạt.* Hai tính chất. — *Карамзин, М. Н. Чувствительный и холодный.* Два характера. — 10, 15.
- * *Ca-rư-sép, N. A. Tình hình nông dân thuê ruộng đất không phải phần ruộng được chia.* — *Карышев, Н. А. Крестьянские владения на аренде.* Дерпт, тип. Лакмана, 1892. XIX, 402, LXV стр., 3 л. табл. (В изд.: Итоги экономического исследования России по данным земской статистики. Т. II). — 101 - 102, 103.
- Các biên bản của Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ở Xtóc-khôn năm 1906.* — *Протоколы Объединительного съезда РСДРП, состоявшегося в Стокгольме в 1906 г.* М., тип. Иванова, 1907. VI, 420 стр. — 11, 56, 184 - 186, 187, 192, 198 - 200, 203, 205 - 206, 208 - 209, 315, 320, 327, 391, 392, 393.
- Các đại biểu nhân dân gửi nhân dân.* [Tháng Bảy 1906. Truyền đơn]. — *Народу от народных представителей.* [Июль 1906 г. Листовка]. Б. м., 1906. 1 стр. — 63.
- Các Mác (1818 - 1883).* Kỷ niệm 25 năm ngày Các Mác mất (1883 - 1908). Xanh Pê-téc-bua, [Kê-đrô-vư], 1908. 410 tr. Đầu đề trên bìa bọc ngoài: Để kỷ niệm Các Mác. — *Карл Маркс (1818 - 1883).* К двадцатипятилетию со дня его смерти (1883 - 1908). Спб., [Кедровы], 1908. 410 стр. На обл. загл.: Памяти Карла Маркса. — 312.
- [*Các nghị quyết được thông qua tại Hội nghị V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Hội nghị toàn Nga 1908)*]. — [Резолюции, принятые на Пятой конференции РСДРП (Общероссийской 1908 г.)]. — В кн.: Извещение Центрального Комитета Российской с.-д. рабочей партии о состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909], стр. 4—7. (РСДРП). — 436 - 440.
- Các quyết nghị và các nghị quyết của Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* [Truyền đơn. Xanh Pê-téc-bua]. — *Постановления и резолюции Объединительного съезда Российской социал-демократической рабочей партии.* [Листовка. Спб.], тип. Центрального Комитета, [1906], стр. 1. (РСДРП). — 35, 184, 187, 190, 201, 206, 210, 223, 333 - 334, 393, 394.

- Cách mạng và Du-ma III.* — *Революция и третья Дума.* — «*Знамя Труда*», [Париж], 1907, № 4, 30 августа, стр. 1—3. — 175.
- Cánh tả trong Du-ma III.* (Hiện thực và ước mơ).— *Левые в третьей Думе.* (Действительность и мечты). — «*Знамя Труда*», [Париж], 1908, № 10—11, февраль—март, стр. 9—12. Подпись: Игн. Н. — 175, 177.
- Cau-phman, A. A. Về ý nghĩa của kinh tế trồng trọt trong chế độ tư hữu ruộng đất.* — *Кауфман, А. А. К вопросу о культурно-хозяйственном значении частного землевладения.* — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 442—628. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 88 - 90, 93 - 94, 126, 150, 181 - 182.
- Cau-xу, C. Những động lực và triển vọng của cách mạng Nga.* — *Каутский, К. Движущие силы и перспективы русской революции.* Пер. с нем. («*Neue Zeit*», № № 9 и 10, 25. Jg., Bd. I). Под ред. и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907. 32 стр. — 52, 209.
- *Quan điểm của chúng tôi về chủ nghĩa yêu nước và chiến tranh.* — *Наш взгляд на патриотизм и войну.* — В кн.: Каутский, К. Наш взгляд на патриотизм и войну. Пер. с нем. Л. Неманова. Св. Франциск Ассизский. Пер. с нем. С. Марковича. [Спб., типолит. «Герольд», 1905], стр. 3—32. — 232, 236.
- *Quan điểm của chúng tôi về chủ nghĩa yêu nước và chiến tranh.* — *Наш взгляд на патриотизм и войну.* Пер. с нем. Л. Неманова. Св. Франциск Ассизский. Пер. с нем. С. Марковича. [Спб., типолит. «Герольд», 1905]. 48 стр. — 232, 236.
- Chỉ thị cho tiểu ban phụ trách vấn đề tổ chức* — *Директивы для комиссии по организационному вопросу* — xem Lê-nin, V. I. Chỉ thị cho tiểu ban phụ trách vấn đề tổ chức.
- Chỉ thị chung về sách lược đối với tình hình hiện nay.* [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội X của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan]. — *Общие тактические указания для текущего момента.* [Резолюция, принятая на X съезде ППС]. — В кн.: Десятый съезд ППС. Программа. Тактика. [Изд. «*Mysłi Socjalistycznej*». Львов], 1908, стр. 8—10. Под общ. загл.: Резолюции. — 59.

Chú thích của ban biên tập «Tiếng nói người dân chủ - xã hội» cho bức thư của đồng chí Ma-xlốp — Примечание редакции «Голоса Социал-Демократа» к письму т. Маслово — xem Lời ban biên tập.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử. — Исторический материализм. Сборник статей Энгельса, Каутского, Лафарга, Жореса, Сореля, Адлера, Штерна, Цеттербаума, Келлес-Крауза, Бельфорт-Бакса, Штилиха. Сост. и пер. С. Бронштейн (С. Семковский). С предисл. и указателем литературы об историческом материализме на русском и иностранных языках. Спб., тип. «Общественная Польза», 1908. II, 403 стр. — 479.

Chủ nghĩa quân phiệt và những cuộc xung đột quốc tế. [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga]. — Милитаризм и международные конфликты. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 5—6. Под общ. загл.: Резолюции Штутгартского съезда. На газ. место изд.: М. — 226 - 227, 232, 247.

Có đảng hay không có đảng? — С партией или без партии? — «Пролетарий», Genève, 1908, № 28, 15 (2) апреля, стр. 1. — 525.

Cô-rô-len-cô, X. A. Lao động làm thuê tự do trong các doanh nghiệp tư nhân và sự di chuyển công nhân, nhân việc điếm qua tình hình nông nghiệp và công nghiệp của phần nước Nga thuộc châu Âu về mặt thống kê - kinh tế. — Короленко, С. А. Вольнонаемный труд в хозяйствах владельческих и передвижение рабочих в связи с статистико-экономическим обзором Европейской России в сельскохозяйственном и промышленном отношениях. Спб., тип. Киришбаума, 1892. XX, 864 стр.; 17 л. карт. (Деп. земледелия и сельской пром-ти. С. - х. и стат. сведения по материалам, полученным от хозяев. Вып. V). — 86, 132, 135.

[Công thức chuyển sang các công việc thường kỳ do đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước đề nghị về dự án đạo dụ ngày 9 tháng Mười một 1906]. — [Формула перехода к очередным делам, предложенная социал-демократической фракцией Государственной думы по поводу законопроекта по указу 9 ноября 1906 г.]. — В кн.: Стенографический отчет с. - петербургского телеграфного агентства [о заседаниях Государственной думы. 1908 г. Третий созыв. Сессия вторая. Ч. I. Заседания 1—35 (с 15 октября по 20

декабря 1908 г.). Приложение к газете «Россия». Спб., [тип. газ. «Россия»], 1908, стр. 118. — 396.

[Công thức chuyển sang các công việc thường kỳ do Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước đề nghị về dự án đạo dụ ngày 9 tháng Mười một 1906]. — [Формула перехода к очередным делам, предложенная Трудовой группой Государственной думы по поводу законопроекта по указу 9 ноября 1906 г.]. — Там же, стр. 482. — 392.

Cri-tép-xki, B. N. Những nguyên tắc, sách lược và đấu tranh. — Кричевский, Б. Н. Принципы, тактика и борьба. — «Рабочее Дело», Женева, 1901, № 10, сентябрь, стр 1—36. — 172.

Cu-lê-ba-ki. — Кулебаки. — «Социал-Демократ», [Вильно-Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 44. Под общ. загл.: Корреспонденции. — 4.

[Cu-xcô-va, E. Đ.] Về chủ nghĩa Mác ở Nga. — (Kỷ niệm 25 năm ngày Các Mác mất). — [Кускова, Е. Д.] О русском марксизме. (К двадцатипятилетию смерти Карла Маркса). — «Столичная Почта», Спб., 1908, № 251, 1 (14) марта, стр. 3—4. Подпись: Е. К. — 44.

Cút-le, N. N. Dự luật về biện pháp mở rộng và cải tiến chế độ chiếm hữu ruộng đất của nông dân. — Кутлер, Н. Н. Проект закона о мерах к расширению и улучшению крестьянского землевладения. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 629— 648. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 14, 384.

Cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được thông qua tại Đại hội II của đảng. — Программа Российской соц.- дем. рабочей партии, принятая на Втором съезде партии. — В кн.: Второй очередной съезд Росс. соц.- дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, [1904], стр. 1— 6. (РСДРП). — 186, 200, 201 - 202, 279 - 280, 316, 320, 372, 417, 419.

Cương lĩnh ruộng đất [được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Аграрная программа, [принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В листовке: Постановления и резолюции Объединительн. съезда Российской социал-демократической рабочей партии. [Спб.], тип. Центрального Комитета, [1906], стр. 1. (РСДРП). — 35, 184, 187, 190, 201, 206, 223, 333 - 334, 393, 394.

Cương lĩnh và điều lệ tổ chức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng đã được thông qua tại Đại hội I của đảng. — Программа и организационный устав партии социалистов-революционеров, утвержденные на первом съезде. Изд. центрального комитета п. с.-р. Б. м., тип. партии соц.-рев., 1906. 32 стр. — 418 - 420.

Dự án các điểm cơ bản của đạo luật ruộng đất [do nhóm những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng đưa ra trong Đu-ma nhà nước II]. — Проект основных положений земельного закона, [внесенный во II Государственную думу от имени группы социалистов-революционеров]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 486 - 491. — 420.

Dự án các điểm cơ bản [của luật ruộng đất do 104 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra]. — Проект основных положений [земельного закона, внесенный 104 членами Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1—18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 560—562. (Государственная дума). — 12, 64 - 65, 186, 187 - 188, 319, 420.

Dự án các điểm cơ bản [về cải cách ruộng đất do Nhóm lao động và Hội liên hiệp nông dân đưa ra Đu-ma nhà nước II]. — Проект основных положений [земельной реформы, внесенный во II Государственную думу от имени Трудовой группы и Крестьянского союза]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 17—19, 37. — 12, 187, 419 - 420.

[Dự án các điểm cơ bản về vấn đề ruộng đất do 42 đại biểu Đu-ma nhà nước I đưa ra]. — [Проект основных положений по аграрному вопросу, внесенный 42 членами I Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1—18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 248—251. (Государственная дума). — 12, 385.

Dự án đạo luật ruộng đất cơ bản [do 33 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra]. — Проект основного земельного закона, [внесенный 33 членами Государственной думы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. II. Заседания 19—38 (с 1 июня по 4 июля). Спб., гос., тип., 1906, стр. 1153—1156. (Государственная дума). — 64 - 65, 420.

Dự án những cơ sở chính của luật đảm bảo ruộng đất cho dân cư nông nghiệp [do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà

nước II]. — Проект главных оснований закона о земельном обеспечении сельскохозяйственного населения, [внесенный во II Государственную думу кадетами]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 293—295. — 12 - 13.

Dự án về ruộng đất của 33 người tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект 33-х в I Государственной думе — xem Dự án đạo luật ruộng đất cơ bản do 33 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự án về ruộng đất của 104 người tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект 104-х в I Государственной думе — xem Dự án các điểm cơ bản của luật ruộng đất do 104 đại biểu Đu-ma nhà nước đưa ra.

Dự án về ruộng đất của các đại biểu nông dân hữu - ôn hòa. — Земельный проект умеренно-правых крестьянских депутатов. — «С.-Петербургские Ведомости», 1908, № 24, 29 января (11 февраля), стр. 2. — 386 - 388.

Dự án về ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến tại Đu-ma nhà nước I — Аграрный проект кадетов в I Государственной думе — xem Dự án các điểm cơ bản về vấn đề ruộng đất do 42 đại biểu Đu-ma nhà nước I đưa ra.

Dự án về ruộng đất của những người dân chủ - lập hiến tại Đu-ma nhà nước II — Аграрный проект кодетов во II Государственной думе — xem Dự án những cơ sở chính của luật đảm bảo ruộng đất cho dân cư nông nghiệp do những người dân chủ - lập hiến đưa ra Đu-ma nhà nước II.

Dự thảo các nghị quyết để trình bày tại đại hội sắp tới, là dự thảo do nhóm «men-sê-vích», với sự tham gia của các biên tập viên báo «Tia lửa», đã thảo ra. — Проект резолюций к предстоящему съезду, выработанный группой «меньшевиков» с участием редакторов «Искры». — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 9—11. — 458.

Dự thảo nghị quyết của phái men-sê-vích về chính phủ lâm thời và về chế độ tự quản cách mạng. Chính phủ lâm thời và chế độ tự quản cách mạng. — Проект меньшевистской резолюции о временном правительстве и революционном самоуправлении. Временное правительство и революционное самоуправление. — В кн.: [Ленин, В. И.] Доклад об Объединительном съезде РСДРП. Письмо к

- петербургским рабочим. М. — Спб., тип. «Дело», 1906, стр. 91—92, в отд.: Приложения. — 459, 462.
- Dự thảo nghị quyết của phái men-sê-vích về việc đánh giá tình hình hiện tại.* Về tình hình hiện tại của cách mạng và nhiệm vụ của giai cấp vô sản. — *Проект меньшевистской резолюции об оценке современного момента.* О современном моменте революции и задачах пролетариата. — В кн.: [Ленин, В. И.] Доклад об Объединительном съезде РСДРП. Письмо к петербургским рабочим. М. — Спб., тип. «Дело», 1906, стр. 68—70, в отд.: Приложения. — 460 - 461, 462.
- [Đa-ni-en-xôn, N. Ph.] Ni-cô-lai — ôn. Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách.* — [Даниельсон, Н. Ф.] Николай — он. Очерки нашего пореформенного общественного хозяйства. Спб., тип. Бенке, 1893. XVI, 353 стр.; XVI л. табл. — 103, 132.
- Đã đến lúc kết thúc chưa? — Не пора ли покончить? — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1908, № 1—2, февраль, стр. 24—26. — 168.*
- * *Đại hội II thường kỳ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* Toàn văn các biên bản. — *Второй очередной съезд Росс. соц.- дем. рабочей партии.* Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, [1904]. 397, II стр. (РСДРП). — 186, 200 - 202, 279 - 280, 316, 320, 372, 417, 419.
- Đại hội III thường kỳ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* Toàn văn các biên bản. — *Третий очередной съезд Росс. соц.- дем. рабочей партии.* Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905. XXIX, 401 стр. (РСДРП). — 52, 456 - 458, 462, 466.
- Đại hội X Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan.* — *Десятый съезд ППС.* Программа. Тактика. [Изд: «Myśli Socjalistycznej». Львов], 1908. 17 стр. — 59.
- * *Đại hội Luân-đôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (họp năm 1907).* Toàn văn các biên bản. — *Лондонский съезд Российской соц.- демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.).* Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909. 486 стр. (РСДРП). — 52, 429, 464 - 465, 468.
- Đan, Ph. I. Giai cấp vô sản và cách mạng Nga.* — Дан, Ф. И. *Пролетариат и русская революция.* — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1908, № 3, март, стр. 4—7. — 31 - 36, 38, 39.

- Đạo dụ.* Ngày 17 (30) tháng Mười 1905. — *Манифест.* 17 (30) октября 1905 г. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 222, 18 (31) октября, стр. 1. — 535.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về những sự thay đổi và bổ sung trong quy chế bầu cử Đu-ma nhà nước.* Ngày 11 (24) tháng Chạp 1905]. — *Указ правительствующему Сенату [об изменениях и дополнениях в положении о выборах в Государственную думу.* 11 (24) декабря 1905 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1905, № 268, 13 (26) декабря, стр. 1, в отд.: Действия правительства. — 39.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về việc Ngân hàng địa ốc nông dân cho vay có bảo đảm bằng phần đất được chia.* Ngày 15 (28) tháng Mười một 1906]. — *Указ правительствующему Сенату [о выдаче крестьянским поземельным банком ссуд под залог наделных земель.* 15 (28) ноября 1906 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1906, № 256, 18 ноября (1 декабря), стр. 1. — 189.
- Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao [về việc nông dân ra khỏi công xã và về việc củng cố ruộng đất được chia thành sở hữu riêng.* Ngày 9 (22) tháng Mười một 1906]. — *Указ правительствующему Сенату [о выходе крестьян из общин и закреплении в собственность наделных участков.* 9 (22) ноября 1906 г.]. — «Правительственный Вестник», Спб., 1906, № 252, 12 (25) ноября, стр. 1. — 189.
- Đạo luật ngày 11 tháng Chạp 1905 — Закон 11 декабря 1905 г. — хет* Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao về những sự thay đổi và bổ sung trong quy chế bầu cử Đu-ma nhà nước.
- Đạo luật ngày 9 tháng Mười một 1906 — Закон 9 ноября 1906 г. — хет* Đạo dụ gửi Pháp viện chấp chính tối cao về việc nông dân ra khỏi công xã và về việc củng cố ruộng đất được chia thành sở hữu riêng.
- Đéc-gia-vin, G. R. Thượng đế.* — Державин, Г. Р. Бог. — 229.
- [Đề án tổ chức các ủy ban ruộng đất địa phương do 37 người của Nhóm lao động đưa ra Đu-ma nhà nước II].* — [Проект организации местных земельных комитетов, внесенный во II Государственную думу 37 членами Трудовой группы]. — В кн.: [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907], л. 314. — 12.

Đề án tổ chức các ủy ban ruộng đất địa phương do 35 người của Nhóm lao động đưa ra Đu-ma nhà nước I — Проект организации местных земельных комитетов, внесенный в I Государственную думу 35 членами Трудовой группы — xem Những điều chủ yếu của dự luật về việc tổ chức các ủy ban địa phương phụ trách vấn đề ruộng đất do 35 người của Nhóm lao động đưa ra Đu-ma nhà nước I.

Đêm trước của cách mạng. Bình luận về các vấn đề lý thuyết và sách lược, ra không đều kỳ. — *Канун революции.* Непериодическое обозрение вопросов теории и тактики. Под ред. Л. Надеждина. № 1. [Женева], 1901. 132 стр. (Изд. гр. «Свобода»).— 172.

[Điểm qua báo chí của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng]. — [Обзор печати партии с. - р.]. — «Революционная Мысль», 1908, № 1, апрель, стр. 16, в отд.: Библиография. — 167, 169, 170, 415.

Điều 87 của những đạo luật cơ bản của nhà nước — 87 статья основных государственных законов — xem Bộ luật của Đế quốc Nga. Tập 1, Phần I. Bộ luật cơ bản của nhà nước. Xuất bản năm 1906.

Điều lệ về những nông dân đã thoát khỏi địa vị phụ thuộc kiểu nông nô. Ngày 19 tháng Hai 1861. — Положения о крестьянах, вышедших из крепостной зависимости. 19 февраля 1861 г. Спб., 1861. 357 стр. Разд. паг. — 378.

Điều lệ về sự chuộc lại của nông dân được giải phóng khỏi chế độ nông nô, về việc định canh định cư của họ và về việc chính phủ trợ giúp cho những nông dân này kiếm được ruộng và được quyền sở hữu. Ngày 19 tháng Hai 1861. — Положение о выкупе крестьянами, вышедшими из крепостной зависимости, их усадебной оседлости и о содействии правительства к приобретению сими крестьянами в собственность полевых угодий. 19 февраля 1861 г. — В кн.: Положения о крестьянах, вышедших из крепостной зависимости. Спб., 1861, стр. 1—32. — 378.

«*Đời sống*», Xanh Pê-téc-bua. — «Жизнь», Спб., 1901, № 3, стр. 162—186; № 4, стр. 63—100. — 194.

«*Đời sống hiện nay*», Mát-xcơ-va. — «Современная Жизнь», М., 1907, № 2, февраль — март, стр. 158—186. — 53.

«*Đu-ma nhân dân*», [Xanh Pê-téc-bua]. — «Народная Дума», [Спб.], 1907, № 12, 24 марта (6 апреля), стр. 4. — 464.

Giơ-ban-cốp, Đ. N. Xứ sở của phụ nữ. Lược khảo thống kê - nhân chủng học. — Жбанков, Д. Н. *Бабыя сторона.* Статистико-этнографический очерк. — В кн.: Материалы для статистики Костромской губернии. Изд. Костромского губ. стат. ком. Под ред. В. Пирогова. Вып. 8. Кострома, 1891, стр. 1—136. — 128.

Gô-gôn, N. V. Quan thanh tra. — Гоголь, Н. В. *Ревизор.* — 537.

— *Ta-rát Bun-ba.* — Тарас Бульба. — 266, 509.

Gri-bô-ê-đốp, A. X. Khỏ vì khôn. — Грибоедов А. С. *Горе от ума.* — 65, 224, 350.

Gửi hội và giới sinh viên. [Lời kêu gọi của Hội liên hiệp sinh viên Xanh Pê-téc-bua]. — *К обществу и студенчеству.* [Обращение СПБ коалиционного студенческого совета]. — «Пролетарий», Женева, 1808, № 36, (16) 3 октября, стр. 6—7, в отд.: Студенческое движение. На газ. дата: 16 (30) октября. — 264.

Gửi lục quân và hải quân. Nhân danh đảng đoàn dân chủ - xã hội và Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước. Ngày 12 tháng Bảy 1906. [Truyền đơn]. — *К армии и флоту.* От социал-демократической фракции и Трудовой группы Государственной думы. 12 июля 1906 г. [Листовка]. Спб., тип. ЦК РСДРП, 1906. 2 стр. — 471, 473.

Gửi toàn dân. [Lời kêu gọi nhân danh Ban chấp hành đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước, Ban chấp hành Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Ban chấp hành trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, Ban chấp hành trung ương Tổng hội công nhân Do-thái ở Lit-va, Ba-lan và Nga (phái Bun)]. Tháng Bảy 1906. [Truyền đơn]. —

Ko vselmu narodu. [Vоззвание от комитета социал-демократической фракции Государственной думы, комитета Трудовой группы Государственной думы, Центрального Комитета РСДРП, центрального комитета партии социалистов-революционеров, центрального комитета Польской социалистической партии (ППС), центрального комитета Всеобщего еврейского союза в Литве, Польше и России (Бунда)]. Июль 1906 г. [Листовка]. Б. м., тип. ЦК РСДРП, июль 1906. 1 стр. — 471, 472, 473.

[Hiệp ước Béc-lanh có kèm theo các phụ lục. Ngày 1 (13) tháng Bảy 1878]. — [Берлинский трактат с приложениями. 1 (13) июля 1878 г.]. — В кн.: Мартенс, Ф. Собрание трактатов и конвенций, заклю-

- ченных Россией с иностранными державами. Т. VIII. Трактаты с Германией. 1825—1888. Спб., тип. м-ва путей сообщения (Бенке). 1888, стр. 639—676. На русск. и франц. яз. — 272, 293 - 294.
- Hoạt động của đảng đoàn [dân chủ] - [xã hội] trong Đu-ma.* — Деятельность с [оциал]-д [емократической] думской фракции. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 36—37, в отд.: Из партии. — 7.
- «*Học vấn*», Xanh Pê-téc-bua. — «Образование», Спб., 1907, № 2а, стр. 117—126; № 3, стр. 89—104. — 186, 195, 201, 203, 308 - 310.
- Hội nghị các tổ chức công nhân dân chủ - xã hội Cáp-ca-dơ.* — Конференция казказских социал-демократических рабочих организаций. [Genève, тип. партии, 1905]. 8 стр. (РСДРП). — 56.
- Hội nghị I toàn Nga các cán bộ đảng.* Phụ trương riêng của báo "Tia lửa", số 100. — Первая общерусская конференция партийных работников. Отдельное приложение к № 100 «Искры». Женева, тип. партии, 1905. 31 стр. (РСДРП). — 52, 456 - 457, 460.
- Hội nghị toàn Nga Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* (Tháng Chạp 1908). — Всероссийская конференция Росс. соц.-дем. рабочей партии. (В декабре 1908 года). Изд. газ. «Пролетарий». Paris, 1909. 47 стр. (РСДРП). — 404, 411, 443, 550.
- Khái luận về triết học mác-xít.* Tập luận văn triết học. — Очерки по философии марксизма. Философский сборник. Спб., [тип. Безобразова], 1908. 329 стр. — 22.
- * *Khái quát thống kê lịch sử về công nghiệp ở Nga.* — Историко-статистический обзор промышленности России. Под ред. Д. А. Тимирязева. Т. I—II. Спб., 1883—1886. 2 т. (Всерос. пром.- худож. выставка 1882 г. в Москве).
- * — Т. I. Сельскохозяйственные произведения, огородничество, садоводство и домашние животные. Горная и соляная промышленность. 1883. 545 стр. — 92 - 93.
- *— Т. II. Произведения фабричной, заводской, ремесленной и кустарной промышленности. 1886. 956 стр. — 92 - 93.
- * *Khái quát tình hình tỉnh I-a-rô-xláp.* — Обзор Ярославской губернии. Вып. II. Отхожие промыслы крестьян Ярославской губернии.

- Под ред. А. Р. Свиршевского. Изд. Ярославского губ. стат. ком. Ярославль, 1896. IX, 193 стр.; 29 стр. табл. — 118.
- «*Khối liên minh của phái cực tả*». — «Блок крайней левой». — «Социал-Демократ», Спб., 1906, № 6, 3 ноября, стр. 2—4. На газ. дата: 3 октября. — 472.
- La-rin, I-u. Vấn đề nông dân và Đảng dân chủ - xã hội.* — Ларин, Ю. Крестьянский вопрос и социал-демократия. [Спб.], «Новый Мир», 1906. 111 стр. — 205.
- * *Lại bàn về tình hình hiện nay và sách lược của đảng.* — Еще о современном моменте и о тактике партии. — «Знамя Труда», [Париж, 1908, № 13, ноябрь], стр. 11—13. — 434.
- [*Lê-nin, V. I.*] *Bàn về cuộc tranh luận mở rộng quyền cho Đu-ma được quyết định ngân sách.* — [Ленин, В. И.] К дебатам о расширении бюджетных прав Думы. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 10—14. Подпись: Н. Ленин. — 7.
- *Báo cáo về Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* Thư gửi công nhân Pê-téc-bua. — Доклад об Объединительном съезде РСДРП. Письмо к петербургским рабочим. М. — Спб., тип. «Дело», 1906. 111 стр. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 209 - 210, 458 - 462, 465.
- *Bình luận chính trị.* — Политические заметки — «Пролетарий», [Женева], 1908, № 21, 26 (13) февраля, стр. 2. — 415.
- *Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất.* — Гг. «критики» в аграрном вопросе. — «Заря», Stuttgart, 1901, № 2—3, декабрь, стр. 259—302. Подпись: Н. Ленин. — 194, 312.
- *Chỉ thị cho [tiểu ban] phụ trách vấn đề tổ chức.* — Директивы для ком [иссии] по организационному вопросу. — В кн.: Извещение Центрального Комитета Российской с. - д. рабочей партии и состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909], стр. 6. (РСДРП). Под общ. загл.: Организационный вопрос. — 406, 446 - 447, 481.
- Chính sách ruộng đất mới.* — Новая аграрная политика. — «Пролетарий», Genève, 1908, № 22, (3 мар.) 19 февраля, стр. 1. На газ. дата: (4 мар.) 19 февраля. — 12 - 13, 387.

- [Lê-nin, V. I.] *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Bút ký phê phán một triết học phản động. Tháng Hai - tháng Mười 1908. — [Ленин, В. И.] *Материализм и эмпириокритицизм*. Критические заметки об одной реакционной философии. Февраль — октябрь 1908 г. — 23.
- *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại*. — *Марксизм и ревизионизм*. — В кн.: Карл Маркс (1818—1883). К двадцатипятилетию со дня его смерти (1883—1908). Спб., [Кедровы], 1908, стр. 210—217. На обл. загл.: Памяти Карла Маркса. Подпись: Вл. Ильин. — 312.
- * — *Chủ nghĩa phiêu lưu cách mạng*. — *Революционный авантюризм*. — «Искра», [Лондон], 1902, № 23, 1 августа, стр. 2—4; № 24 1 сентября, стр. 2—4. — 427.
- *[Cương lĩnh hành động sách lược trình lên Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga*. Dự thảo các nghị quyết trình lên Đại hội thống nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Тактическая платформа к Объединительному съезду РСДРП. Проект резолюций к Объединительному съезду РСДРП]. — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 5—9. — 458.
- *Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907*. — *Аграрная программа социал-демократии в первой русской революции 1905—1907 годов*. Ноябрь — декабрь 1907 г. — 69 - 70, 72 - 73, 74, 79 - 80, 81, 82 - 83, 139, 156, 179 - 210, 223 - 224, 302 - 313.
- *Dự thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đưa ra Đại hội IV (Đại hội thống nhất) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga* — *Проект аграрной программы РСДРП, предложенный IV (Объединительному) съезду РСДРП* — xem Lê-nin, V. I. Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân. Chương V.
- *Dự thảo nghị quyết bốn-sê-vích về chính phủ lâm thời và về các cơ quan địa phương của chính quyền cách mạng*. Chính phủ cách mạng lâm thời và những cơ quan địa phương của chính quyền cách mạng. — *Проект большевистской резолюции о временном правительстве и местных органах революционной власти*. Временное правительство и местные органы революционной власти. — В кн.: [Ленин, В. И.] Доклад об Объединительном съезде Российской социал-демократической рабочей партии. Письмо к петербургским

- рабочим. М. — Спб., тип. «Дело», 1906, стр. 92—93, в отд.: Приложения. — 461 - 462, 465.
- *Đu-ma III*. — *Третья Дума*. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 18, 29 октября, стр. 1—3. На газ. место изд.: М. — 42.
- * — *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ*. — *Две тактики социал-демократии в демократической революции*. — В кн.: [Ленин, В. И.] За 12 лет. Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907], стр. 387—469. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 465.
- *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ*. — *Две тактики социал-демократии в демократической революции*. Изд. ЦК РСДРП. Женева, тип. партии, 1905. VIII, 108 стр. (РСДРП). Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 457.
- *Khủng hoảng chính trị và sự phá sản của sách lược cơ hội chủ nghĩa*. — *Политический кризис и провал оппортунистической тактики*. — «Пролетарий», [Выборг], 1906, № 1, 21 августа, стр. 2—6. На газ. место изд.: М. — 472.
- *Lời ban biên tập*. — *От редакции*. — «Пролетарий», Женева, 1908, № 33, (5 авг.) 23 июля, стр. 6. — 349 - 350, 351.
- *Lời ban biên tập báo "Người vô sản"*. [Về bài báo "Về những vấn đề trước mắt"]. — *От редакции «Пролетария»*. [По поводу статьи «К очередным вопросам»]. — «Пролетарий», Париж, 1909, № 42, 12 (25) февраля, стр. 3—4. — 484, 485.
- *Lời tựa cho bản dịch tiếng Nga [cuốn sách của C. Cau-xky "Những động lực và triển vọng của cách mạng Nga"]*. — *Предисловие к русскому изданию [книги К. Каутского «Движущие силы и перспективы русской революции»]*. — В кн.: Каутский, К. Движущие силы и перспективы русской революции. Пер. с нем. («Neue Zeit», №№ 9 и 10, 25 Jg., Bd. I). Под ред. и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907, стр. 1—7. — 475- 476, 477.
- *Mà quan tòa là ai?* — *А судьи кто?* — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 19, 5 ноября, стр. 6—7. На газ. место изд.: М. — 177.
- *Nền chuyên chính dân chủ cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân*. — *Революционная демократическая диктатура пролетариата*

- и крестьянства. — «Вперёд», Женева, 1905, № 14, 12 апреля (30 марта), стр. 1. — 455, 456.
- [Lê-nin, V. I.] *Nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang, [thông qua tại Đại hội III Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga].* — [Ленин, В. И.] Резолюция о вооруженном восстании, [принятая на III съезде РСДРП.] — В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц. - дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905, стр. XVII—XVIII. (РСДРП). — 456, 457, 465 - 466.
- *Nghị quyết về sách lược của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma [nhà nước] [III].* — Резолюция о тактике с.-д. фракции в [III] Г [осударственной] думе. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 20, 19 ноября, стр. 4, в отд.: Из партии. Под общ. загл.: Резолюции 3-й Общероссийской конференции. На газ. место изд.: М. — 42.
- *Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III.* — *Аграрные прения в III Думе.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 40, 1 (14) декабря, стр. 3—5. Подпись: Н. Л. — 415.
- *— *Những người men-sê-vích xã hội chủ nghĩa - cách mạng.* — *Эсеровские меньшевики.* — «Пролетарий», [Выборг], 1906, № 4, 19 сентября, стр. 3—6. На газ. место изд.: М. — 186.
- *P. Ma-xlốp trong cơn điên loạn.* — *П. Маслов в истерике.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 37, (29) 16 октября, стр. 3—5. Подпись: Н. Ленин. — 348, 350.
- *Pi-ốt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào.* — *Как Петр Маслов исправляет черновые наброски Карла Маркса.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 33, (5 авг.) 23 июля, стр. 3—6. — 223 - 224, 302 - 313.
- *— *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.* Quá trình hình thành thị trường trong nước của đại công nghiệp. — *Развитие капитализма в России.* Процесс образования внутреннего рынка для крупной промышленности. Изд. 2-е, доп. Спб., «Паллада», 1908. VIII, VIII, 489 стр. Перед загл. авт.: Владимир Ильин. — 73, 74 - 76, 86, 87, 88 - 89, 93 - 94, 98 - 100, 102 - 103, 105 - 107, 108, 109, 110 - 111, 113 - 114, 117, 119, 120 - 123, 125, 126, 127 - 131, 132, 137 - 140, 143, 146, 163, 190 - 191.
- *Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân.* — *Пересмотр аграрной программы рабочей партии.* Спб., «Наша Мысль», 1906.

- 31 стр. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 190 - 191, 209 - 210, 316, 320.
- *Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân.* — *Пересмотр аграрной программы рабочей партии.* Спб., 1906. 31 стр. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 209 - 210.
- *[Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân. Chương V].* — *[Пересмотр аграрной программы рабочей партии. Глава V].* — В кн.: [Ленин В. И.] Доклад об Объединительном съезде РСДРП. Письмо к петербургским рабочим. М. — Спб., тип. «Дело», 1906, стр. 66—67. Под загл.: Проект аграрной программы большинства аграрной комиссии, в отд.: Приложения. Перед загл. авт.: Н. Ленин. — 209 - 210.
- *[Sửa đổi cương lĩnh ruộng đất của đảng công nhân. Chương V].* — *[Пересмотр аграрной программы рабочей партии. Глава V].* — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 12. Под общ. загл.: Проекты аграрной программы к предстоящему съезду. — 209 - 210.
- *Trả lời những lời phê phán đối với dự thảo cương lĩnh của chúng ta.* — *Ответ на критику нашего проекта программы.* — В кн.: [Маслов, П. П.] Икс. Об аграрной программе. [Ленин, В. И.] Ленин, Н. Ответ на критику нашего проекта программы. Изд. Лиги русск. рев. с.- д. Женева, тип. Лиги, 1903, стр. 26—42. (РСДРП). Подпись: Н. Ленин. — 320.
- *— *Trong 12 năm.* — *За 12 лет.* Собрание статей. Т. 1. Два направления в русском марксизме и русской социал-демократии. Спб., тип. Безобразова, [1907]. XII, 471 стр. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. На тит. л. год изд.: 1908. — 465.
- *Vấn đề ruộng đất.* — *Аграрный вопрос.* Ч. I. Спб., [«Зерно», январь] 1908. 263 стр. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 122.
- *Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác".* — *Аграрный вопрос и «критики Маркса».* — В кн.: [Ленин, В. И.] Аграрный вопрос. Ч. I. Спб., [«Зерно», январь] 1908, стр. 164—263. Перед загл. авт.: Вл. Ильин. — 122.
- *Về bài báo "Về những vấn đề trước mắt"* — *По поводу статьи «К очередным вопросам»* — xem Lê-nin, V. I. Lời ban biên tập báo "Người vô sản".

- * [Lê-nin, V. I.] *Về các khối liên minh với Đảng dân chủ - lập hiến.* — [Ленин В. И.] *О блоках с кадетами.* — «Пролетарий», [Выборг], 1906, № 8, 23 ноября, стр. 2—5. На газ. место изд.: М. — 472.
- *Về hai bức thư.* — *Po povodu двух писем.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 39, (26) 13 ноября, стр. 3—6. — 338, 497.
- *Về một số đặc điểm của sự tan rã hiện nay.* — *O некоторых чертах современного распада.* — «Пролетарий», Женева, 1908, № 32, (15) 2 июля, стр. 1—2. — 415.
- [Lê-nin, X. N.] *Công cụ và máy móc nông nghiệp.* — [Ленин, С. Н.] *Сельскохозяйственные орудия и машины.* — В кн.: *Производительные силы России. Краткая характеристика различных отраслей труда соответственно классификации выставки.* Сост. под общ. ред. В. И. Ковалевского. Спб., [1896], стр. 47—58, в отд.: I. *Сельское хозяйство.* (М-во финансов. Комиссия по заведованию устройством Всерос. пром. и худож. выставки 1896 г. в Н.-Новгороде). — 92 - 93.
- *Máy móc và công cụ nông nghiệp.* — *Сельскохозяйственные машины и орудия.* — «Вестник Финансов, Промышленности и Торговли», Спб., 1896, № 51, стр. 972—976. Под общ. загл.: *Всерос. пром. и худож. выставка в Н.-Новгороде.* — 92 - 93.
- Lê-vin, Đ. *Phác thảo.* — Левин, Д. *Наброски.* — «Речь», Спб., 1909, № 133 (1018), 17 (30) мая, стр. 2—3. — 538.
- Lễ kỷ niệm L. N. Tôn-xtôi. — Юбилей Л. Н. Толстого. — «Речь», Спб., 1908, № 205, 28 августа (10 сентября), стр. 1—3. — 250.
- Lời ban biên tập. — *От редакции.* — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1908, № 8—9, июль — сентябрь. Прибавление к №№ 8—9 «Голоса Соц[иал]-Демократа», стр. 1. — 312 - 313, 347 - 349, 351 - 352.
- Lời ban biên tập. — *От редакции.* — «Революционная Мысль», 1908, № 1, апрель стр. 1. — 167 - 168, 170, 415.
- [Lời chất vấn bộ trưởng Bộ nội vụ về việc thống đốc Xanh Pê-téc-bua không chấp thuận việc thảo luận bản báo cáo của giáo sư Pô-gô-đin "Bô-xni-a và Ghéc-tê-gô-vi-na dưới sự đô hộ của Áo - Hung", được đưa ra tại phiên họp của Đu-ma nhà nước ngày 15 tháng Mười 1908]. — [Запрос министру внутренних дел по поводу недоууще-

- ния с.- петербургским градоначальником прений по докладу проф. Погодина «Босния и Герцеговина под оккупацией Австро-Венгрии», внесенный на заседании Государственной думы 15 октября 1908 г.]. — В кн.: *Стенографические отчеты [Государственной думы].* 1908 г. Сессия вторая. Ч. I. Заседания 1—35 (с 15 октября по 20 декабря 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908, стр. 22. (Государственная дума. Третий созыв). — 372.
- Lời phản kháng hành động của A. Ph. May-en-đoóc-phơ, chủ tọa phiên họp. — *Протест против действия председательствующего А. Ф. Мейендорфа.* — В кн.: *Стенографические отчеты [Государственной думы].* 1909 г. Сессия вторая. Ч. III. Заседания 71—100 (с 6 марта по 24 апреля 1909 г.). Спб., гос. тип., 1909, стлб. 2309—2310. (Государственная дума. Третий созыв). Под общ. загл.: *Приложение к стенографическому отчету девяносто пятого заседания.* — 539.
- Luật bầu cử ngày 3 tháng Sáu 1907 — *Избирательный закон 3 июня 1907 г.* — xem Quy định về việc bầu cử Đu-ma nhà nước.
- Lực lượng sản xuất của nước Nga. Sơ lược đánh giá các ngành lao động căn cứ vào việc phân loại ở triển lãm. — *Производительные силы России.* Краткая характеристика различных отраслей труда соответственно классификации выставки. Сост. под общ. ред. В. И. Ковалевского. Спб., [1896]. XI, 1249 стр. (М-во финансов. Комиссия по заведованию устройством Всерос. пром. и худож. выставки 1896 г. в Н.-Новгороде). — 92 - 93.
- * *Ma-rét-xơ, L. N. Sản xuất và tiêu dùng lúa mì trong kinh tế nông dân.* — Маресс, Л. Н. *Производство и потребление хлеба в крестьянском хозяйстве.* — В кн.: *Влияние урожаев и хлебных цен на некоторые стороны русского народного хозяйства.* Под ред. проф. А. И. Чупрова и А. С. Посникова. Т. I. Спб., тип. Киришбаума, 1897, стр. 1—96. — 103 - 104.
- Ma-xlốp, P. P. [Dự thảo cương lĩnh ruộng đất]. — Маслов, П. П. [Проект аграрной программы]. — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, □ 2, 20 марта, стр. 12. Под общ. загл.: *Проекты аграрной программы к предстоящему съезду.* — 317.
- Ích-xơ. Bàn về cương lĩnh ruộng đất. — Икс. *Об аграрной программе.* — В кн.: [Маслов, П. П.] Икс. *Об аграрной программе.* [Ленин, В. И.] Ленин, Н. Ответ на критику нашего проекта

- программы. Изд. Лиги русск. рев. с.- д. Женева, тип. Лиги, 1903, стр. 1—25. (РСДРП). — 311 - 312, 317, 318, 320.
- Ma-xlốp, P. P. Ích-xơ. Bàn về cương lĩnh ruộng đất.* [Lê-nin, V. I.] Lê-nin, N. Trả lời những lời phê phán đối với dự thảo cương lĩnh của chúng ta. — *Mаслов П. П. Икс. Об аграрной программе.* [Ленин. В. И.] Ленин, Н. Ответ на критику нашего проекта программы. Изд. Лиги русск. рев. с.- д. Женева, тип. Лиги, 1903. 42 стр. (РСДРП). — 311 - 312, 317, 318, 320.
- *Lời tựa cho lần xuất bản thứ ba [cuốn sách "Vấn đề ruộng đất ở Nga"].* — Предисловие к третьему изданию [книги «Аграрный вопрос в России»]. — В кн.: Маслов, П. П. Аграрный вопрос в России. (Условия развития крестьянского хозяйства в России). 3-е издание. Спб., тип. «Общественная Польза», 1906, стр. XIII. — 194.
- *Phê phán các cương lĩnh ruộng đất và dự thảo cương lĩnh.* — Критика аграрных программ и проект программы. М., «Колокол», 1905. 43 стр. (Первая б-ка. № 31). — 186, 187, 317, 318 - 320.
- *Thư gửi ban biên tập.* — Письмо в редакцию. — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1908, № 8—9, июль — сентябрь, стр. 23—24. — 302, 303 - 304, 306, 308, 309 - 310, 311, 347, 352.
- *Vấn đề ruộng đất ở Nga.* — Аграрный вопрос в России. (Условия развития крестьянского хозяйства в России). 3-е изд. Спб., тип. «Общественная Польза», 1906. XIII, 462 стр. — 194, 195 - 196, 304 - 305, 306, 307 - 308, 309 - 312, 349, 350 - 351.
- *Vấn đề ruộng đất ở Nga.* — Аграрный вопрос в России. Т. I—II. Спб., тип. «Общественная Польза», 1908. 2 т.
- Т. I. (Условия развития крестьянского хозяйства в России). 4-е доп. изд. С приложением статей: 1) О принципиальных основах аграрной программы. 2) Моим критикам. XIII, 520 стр. — 309.
- Т. II. Кризис крестьянского хозяйства и крестьянское движение. VIII, 457, 135 стр.; 4 л. карт. — 309.
- *Về cơ sở lý luận và nguyên tắc của cương lĩnh ruộng đất.* — О принципиальных и теоретических основах аграрной программы. — «Образование», Спб., 1907, № 2а, стр. 117—126; № 3, стр. 89—104. — 186, 195, 201, 203, 308 - 310.

- *Về vấn đề ruộng đất.* (Phê phán những kẻ phê phán). — *K аграрному вопросу.* (Критика критиков). — «Жизнь», Спб., 1901, № 3, стр. 162—186; № 4, стр. 63—100. — 194.
- Mác, C. Dự luật về việc bãi bỏ những đảm phụ phong kiến.* — *Маркс, К. Законопроект об отмене феодальных повинностей — хет* Marx, K. Köln, 29. Juli.
- *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen.* Lời nói đầu. Cuối năm 1843 - tháng Giêng 1844. — *K критике гегелевской философии права.* Введение. Конец 1843 г. — январь 1844 г. — 511, 540.
- *Lời bạt cho lần xuất bản thứ hai [tập I bộ "Tư bản"].* Ngày 24 tháng Giêng 1873. — *Послесловие ко второму изданию [первого тома «Капитала»].* 24 января 1873 г. — 22.
- *Lời kêu gọi thứ hai của Hội đồng trung ương Hội liên hiệp công nhân quốc tế về cuộc chiến tranh Pháp - Phổ.* Gửi các thành viên của Hội liên hiệp công nhân quốc tế ở châu Âu và ở Mỹ. Ngày 9 tháng Chín 1870. — *Второе воззвание Генерального Совета Международного Товарищества Рабочих о франко-прусской войне.* Членам Международного Товарищества Рабочих в Европе и Соединенных Штатах. 9 сентября 1870 г. — 58.
- * — *Những bức thư gửi L. Cu-ghen-man.* — *Письма к Л. Кугельману.* С предисл. редакции «Neue Zeit». Пер. с нем. М. Ильиной под ред. и с предисл. Н. Ленина. Спб., [«Новая Дума»], 1907. XI, 96 стр. — 206.
- *Sự khốn cùng của triết học.* Trả lời "Triết học của sự khốn cùng" của ông Pru-đông. Nửa đầu năm 1847. — *Нищета философии.* Ответ на «Философию нищеты» г-на Прудона. Первая половина 1847 г. — 153, 197.
- * — *[Thư gửi L. Cu-ghen-man.* Ngày 12 tháng Tư 1871]. — *[Письмо Л. Кугельману.* 12 апреля 1871 г.]. — В кн.: Маркс, К. Письма к Л. Кугельману. С предисл. редакции «Neue Zeit». Пер. с нем. М. Ильиной под ред. и с предисл. Н. Ленина. Спб., [«Новая Дума»], 1907, стр. 88—89. — 206.
- *Tư bản.* Phê phán khoa kinh tế chính trị. — *Капитал.* Критика политической экономии, т. I—III. 1867—1894 гг. — 326, 421.
- *Tư bản.* Phê phán khoa kinh tế chính trị. — *Капитал.* Критика политической экономии. Т. I. 1867 г. — 22.

- Mác, C. và Ăng-ghe-n, Ph. Điểm tình hình thế giới, bài thứ ba.* Từ tháng Năm đến tháng Mười. Ngày 1 tháng Mười một 1850. — *Маркс, К. и Энгельс, Ф. Третий международный обзор.* С мая по октябрь. 1 ноября 1850 г. — 46.
- *Thông tư chống lại Cri-ghe.* Ngày 11 tháng Năm 1846. — *Циркуляр против Криге.* 11 мая 1846 г. — 322.
- *Toàn tập của Các Mác và Phri-đrich Ăng-ghe-n.* — *Собрание сочинений Карла Маркса и Фридриха Энгельса.* 1841—1850. Т. 1. Март 1841— март 1844. Полный пер. с нем. И. Г. Гройсмана. Под ред. Л. И. Аксельрод (Ортодокс), Д. Кольцова и Б. Рязанова. С предисл. к русск. изд. Ф. Меринга. [Одесса, «Освобождение Трудя», 1908. II, 650 стр. (В изд.: Из литературного наследия Карла Маркса, Фридриха Энгельса и Ферд. Лассаля. Изд. Ф. Мерингом). — 478.
- *Toàn tập của Các Mác và Phri-đrich Ăng-ghe-n.* — *Собрание сочинений Карла Маркса и Фридриха Энгельса.* 1841—1850. Т. 2. Июль 1844 — ноябрь 1847. Под ред. Л. И. Аксельрод, В. И. Засулич и Д. Кольцова. [Одесса, «Освобождение Трудя», 1908. VIII, 541 стр. (В изд.: Из литературного наследия Карла Маркса, Фридриха Энгельса и Ферд. Лассаля. Изд. Ф. Мерингом). — 478.
- *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.* Tháng Chạp 1847 - tháng Giêng 1848. — *Манифест Коммунистической партии.* Декабрь 1847 г. — январь 1848 г. — 26, 230.
- Mác-ten-xơ, Ph. Tập các hiệp ước và hiệp định mà nước Nga đã ký kết với nước ngoài.* Т. VIII. — *Мартенс, Ф. Собрание трактатов и конвенций, заключенных Россией с иностранными державами.* Т. VIII. Трактаты с Германией. 1825—1888. Спб., тип. м-ва путей сообщения (Бенке), 1888. XXII, 747 стр. На русск. и франц. яз. — 272, 293 - 294.
- Mác-tốp, L. C. Sau-hky và cuộc cách mạng Nga.* — *Мартов, Л. К. Каутский и русская революция.* — В кн.: Издательство «Отклики». Сборник II. Спб., [электронпеч. Левенштейн], 1907, стр. 3—24. — 53.
- *Đấu tranh cho cái gì? — За что бороться?* — «Социал-Демократ», Париж, 1909, № 3, 9 (22) марта, стр. 3—4. — 455, 458, 463, 464, 465 - 468, 469 - 470, 473 - 474, 475 - 476, 477 - 478, 479.

- *Kết quả của sự phát triển về chính trị.* — *Итоги политического развития.* — В кн.: Общественное движение в России в начале XX-го века. Под ред. Л. Мартова, П. Маслова и А. Потресова. Т. I. Предвестники и основные причины движения. Спб., тип. «Общественная Польза», 1909, стр. 663— 676. Подпись: Л. М. — 508.
- *«Xu hướng tả» của giai cấp tư sản.* — «Левение» буржуазии. — «Возрождение», М., 1909, № 1—2, стр. 26—31, в отд.: Общественно-политический отдел. Заметки журналиста. — 502 - 506, 508.
- Mác-tư-nớp, A. Sách báo có tính chất tố giác và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.* (Báo "Tia lửa", №№ 1 - 5). — *Мартынов, А. Обличительная литература и пролетарская борьба.* («Искра», №№ 1—5). — «Рабочее Дело», Женева, 1901, № 10, сентябрь, стр. 37—64. — 172.
- *Vấn đề ruộng đất trong Đu-ma phản cách mạng.* — *Аграрный вопрос в контрреволюционной думе.* — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1908, № 10—11, ноябрь — декабрь, стр. 5—14. — 507.
- Mác-xây-e.* — *Марсельеза.* — 247.
- Mặt trái của thói ngu ngốc nghị trường.* — *Парламентский кретинизм наизнанку.* — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 18, 29 октября, стр. 2—5. На газ. место изд.: М. — 175, 422.
- Mi-li-u-cốp, P. N. Một năm đấu tranh.* Niên giám. 1905 -1906. — *Милоков, П. Н. Год борьбы.* Публицистическая хроника. 1905—1906. Спб., [тип. «Общественная Польза»], 1907. XVII, 550 стр. (Б-ка «Общественной Пользы»). — 14.
- *Nhiệm vụ của các ủy ban ruộng đất địa phương theo quan niệm của những người dân chủ - xã hội và những người dân chủ - lập hiến.* — *Задачи местных аграрных комитетов в понимании с.-д. и к.-д.* — В кн.: Милоков, П. Н. Год борьбы. Публицистическая хроника. 1905—1906. Спб., [тип. «Общественная Польза»], 1907, стр. 457—460. (Б-ка «Общественной Пользы»).— 14.
- *Xanh Pê-téc-bua, ngày 25 tháng Năm.* — *С.-Петербург, 25 мая.*— «Речь», Спб., 1906, № 82, 25 мая (7 июня), стр. 1.— 14.
- *Xanh Pê-téc-bua, ngày 16 tháng Ba.* — *С.- Петербург, 16 марта.* — «Речь», Спб., 1908, № 65, 16 (29) марта, стр. 1. — 10, 12 - 13, 15.

Min-xơ. — Минск. — «Социал-Демократ», [Вильно— Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 43—44. Под общ. загл.: Корреспонденции. — 5 - 6.

Mô-li-ê, Gi. B. Tác-tuy-phơ, hay là Tên lừa đảo. — Мольер, Ж. Б. Тартюф, или Обманищик. — 352.

Mối quan hệ giữa đảng xã hội chủ nghĩa với các công đoàn. [Nghị quyết được thông qua tại Đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Stút-ga]. — Отношение между социалистической партией и профессиональными союзами. [Резолюция, принятая на Международном социалистическом конгрессе в Штутгарте]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 17, 20 октября, стр. 5. Под общ. загл.: Резолюции Штутгартского съезда. На газ. место изд.: М. — 402.

Na-đê-giơ-đin, L. Đêm trước của cách mạng — Надеждин, Л. Канун революции — xem Đêm trước của cách mạng.

Nê-cra-xốp, N. A. Ai là người sống sung sướng trên đất Nga. — Некрасов, Н. А. Кому на Руси жить хорошо. — 253.

— *Hiệp sĩ nhất thời*. — Рыцарь на час. — 359.

[Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về bản tham luận của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III về việc bùng phát hoạt động của tiểu ban quốc phòng trong Đu-ma...]. — [Резолюция ЦК РСДРП по поводу выступления социал-демократической фракции в III Государственной думе по вопросу о закрытии дверей думской комиссии по государственной обороне...]. — «Социал-Демократ», [Вильно— Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 35. Под общ. загл.: Деятельность Центрального Комитета, в отд.: Из партии. — 5 - 6.

[Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về công tác trong các công đoàn]. — [Резолюция ЦК РСДРП о работе в профессиональных союзах]. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 38— 39, в отд.: Из партии. — 5 - 6.

Nghị quyết của Ban chấp hành trung ương [Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga] về hợp tác xã. — Резолюция ЦК [РСДРП] о кооперативах. — «Социал-Демократ», [Вильно—Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 37—38, в отд.: Из партии. — 5.

Nghị quyết của hội nghị toàn thành Mát-xơ-va của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về thái độ đối với đảng đoàn trong Đu-ma. — Резолюция московской общегородской конференции РСДРП об отношении к думской фракции. — «Пролетарий», Женева, 1908, № 31, (17) 4 июня, стр. 5—6, в отд.: Хроника. — 361.

Nghị quyết của "phái triệu hồi" ở Xanh Pê-téc-bua do phái đó đưa ra phiên họp mở rộng của Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua trước khi có hội nghị toàn đảng. — Резолюция СПб «отзовистов», предложенная или расширенному заседанию Пет. ком. перед общепартийной конференцией. — «Пролетарий», [Париж], 1909, № 44. Приложение к № 44 газ. «Пролетарий», 4 (17) апреля, стр. 1.— 484 - 498.

[Nghị quyết sách lược về vấn đề ruộng đất được thông qua tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Тактическая резолюция по аграрному вопросу, принятая на IV (Объединительном) съезде РСДРП]. — В листовке: Постановления и резолюции Объединительн. съезда Российской социал-демократической рабочей партии. [Спб.], тип. Центрального Комитета, [1906], стр. 1. (РСДРП). Под загл.: Аграрная программа. — 210.

Nghị quyết về chính phủ cách mạng lâm thời. [Những nghị quyết chủ yếu nhất được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Резолюция о временном революционном правительстве. [Главнейшие резолюции, принятые на Третьем съезде РСДРП]. — В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц.-дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905, стр. XVIII—XIX. (РСДРП). — 455 - 458, 462, 465.

Nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang. [Những nghị quyết chủ yếu nhất được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga] — Резолюция о вооруженном восстании. [Главнейшие резолюции, принятые на Третьем съезде РСДРП] — xem Lê-nin, V. I. Nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang, thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Nghị quyết về thái độ đối với các đảng không phải vô sản, [được thông qua tại Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — Резолюция об отношении к непролетарским партиям, [принятая на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.:

Лондонский съезд Российской соц.- демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 454—455. (РСДРП). — 429, 464, 468.

Nghị quyết về thái độ đối với phong trào nông dân. [Những nghị quyết chủ yếu nhất được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga].— *Резолюция об отношении к крестьянскому движению.* [Главнейшие резолюции, принятые на Третьем съезде РСДРП]. — В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц.- дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905, стр. XX—XXI. — 457, 466.

Nghị quyết [về vấn đề tổ chức] do Hội nghị [V] [Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (Hội nghị toàn Nga 1908)] thông qua sau khi tiểu ban làm việc xong. — Принятая [Пятой] конференцией [РСДРП (Общероссийской 1908)] после комис [сионной] работы резолюция [по организационному вопросу]. — В кн.: Пзвещение Центрального Комитета Российской с.- д. рабочей партии и состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909], стр. 6. (РСДРП). Под общ. загл.: Организационный вопрос. — 439, 447 - 448, 481, 490 - 491.

"Ngọn cờ công nhân", Mát-xơ-va. — «Рабочее Знамя», М. — 8, 450, 451.

— 1908, № 5, октябрь, стр. 4—5. — 338, 354, 450, 452.

— 1908, №7, декабрь, стр. 4—6. — 450 - 452.

"Ngọn cờ lao động", [Pa-ri]. — «Знамя Труда», [Париж]. — 167, 175, 422, 423.

— 1907, № 4, 30 августа, стр. 1—3. — 175.

— 1907, № 8, декабрь, стр. 1—6. — 168.

— 1908, №№ 9—13, январь—ноябрь. — 415.

— 1908, № 10—11, февраль—март, стр. 5—12. — 168 - 169, 175, 177, 415.

— 1908, № 12. — 415.

*— [1908, № 13, ноябрь], стр.1—3, 11—13. — 421 - 423, 425 - 429, 433 - 434.

"Ngôn luận", Xanh Pê-téc-bua. — «Речь», Спб. — 10, 12, 538.

— 1906, № 82, 25 мая (7 июня), стр. 1. —14.

— 1908, № 65, 16 (29) марта, стр. 1. — 10, 12 - 13, 15.

— 1908, № 205, 28 августа (10 сентября), стр. 1—3. — 250.

— 1909, № 133 (1018), 17 (30) мая, стр. 2—3. — 538.

— 1909, № 139 (1024), 24 мая (6 июня), стр. 5. — 538.

"Người con của tổ quốc", Xanh Pê-téc-bua. — «Сын Отечества», Спб., 1905, № 54, 20 апреля (3 мая), стр. 2—3. — 74.

"Người dân chủ - xã hội", [Vin-nô — Xanh Pê-téc-bua] — Pa-ri — Giơ-ne-vơ. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.] — Париж — Женева. — 4 - 5, 7, 466, 468, 469 - 470, 479.

— [Вильно— Спб.], — 1908, № 1, февраль, стр. 10—19, 21—30, 35, 36—39, 43—45. — 4, 5 - 6, 7.

— Париж, — 1909, № 3, 9(22) марта, стр. 3— 4. — 455, 458, 463, 464, 465 - 468, 469 - 470, 473 - 474, 475 - 476, 477 - 478, 479.

"Người dân chủ - xã hội", Xanh Pê-téc-bua. — «Социал-Демократ», Спб.— 472.

— 1906, № 6, 3 ноября, стр. 2— 4. На газ. дата: 3 октября. — 472.

"Người tu-gích" — trong Đu-ma. — «Серенкий» — в Думе. — «Русское Государство», Спб., 1906, № 39, 18 (31) марта, стр. 4. Подпись: Segno. — 10.

"Người vô sản", [Vu-boóc-gơ — Giơ-ne-vơ — Pa-ri]. — «Пролетарий», [Выборг — Женева — Париж]. — 7, 165, 176, 287, 347, 361, 415, 450, 453, 484.

— [Выборг], 1906, № 1, 21 августа, стр. 2—6. На газ. место изд.: М. — 472.

* — 1906, № 4, 19 сентября, стр. 3—6. На газ. место изд.: М. — 186.

— 1906, № 8, 23 ноября, стр. 2—5. На газ. место изд.: М. — 472.

— 1907, № 14, 4 марта, стр. 3. На газ. место изд.: М. — 457 - 458, 465.

- "*Người vô sản*", [Vư-boóc-gơ — Giơ-ne-vơ — Pa-ri]. — «Пролетарий», [Выборт — Женева — Париж], — 1907, № 17, 20 октября, стр. 5—6. На газ. место изд.: М. — 226 - 227, 232, 247, 402.
- 1907, № 18, 29 октября, стр. 1— 5. На газ. место изд.: М. — 42, 174, 422.
- 1907, № 19, 5 ноября, стр. 6— 7. На газ. место изд.: М. — 177.
- 1907, № 20, 19 ноября, стр. 4. На газ. место изд.: М. — 42.
- Женева, 1908, № 21, 26 (13) февраля, стр. 2. — 415.
- 1908, № 22, (3 мар.) 19 февраля, стр. 1. На газ. дата.: (4 мар.) 19 февраля. — 12 - 13, 387.
- 1908, № 28, (15) 2 апреля, стр. 1. — 525.
- 1908, № 30, (23) 10 мая, стр. 2—3. — 61, 65 - 66.
- 1908, № 31, (17) 4 июня, стр. 5—6. — 361.
- 1908, № 32, (15) 2 июля, стр. 1—2. — 415.
- 1908, № 33, (5 авг.) 23 июля, стр. 3—6. — 223 - 224, 302 - 313, 349 - 350, 351.
- 1908, № 36, (16) 3 октября, стр. 6—7, 10. На газ. дата.: (16) 30 октября. — 264.
- 1908, № 37, (29) 16 октября, стр. 3—5. — 347, 350.
- 1908, № 39, (26) 13 ноября, стр. 2—8. — 338, 354 - 358, 359 - 376, 451, 497.
- 1908, № 40, 1 (14) декабря, стр. 3—5. — 415.
- Париж, 1909, № 42, 12 (25) февраля, стр. 1—4. — 450 - 454, 484, 485.
- 1909, № 44, Приложение к № 44 газ. «Пролетарий», 4 (17) апреля, стр. 1. — 484 - 498.
- 1909, № 45, 13 (26) мая, стр. 6—7. — 510, 521, 525.
- "*Nhà nước Nga*", Xanh Pê-téc-bua. — «Русское Государство», Спб. — 10.
- 1906, № 39, 18 (31) марта, стр. 4. — 10.

- Nhà xuất bản "Tiếng vọng"*. — Издательство «Отклики». Сборник II. Спб., [электротеч. Левенштейн], 1907. 76 стр. — 53.
- «*Nhật ký người dân chủ - xã hội*», [Giơ-ne-vơ]. — «Дневник Социал-Демократа», [Женева], 1905, № 4, декабрь, стр. 1—12. — 40, 56.
- Những án tử hình mới đối với những kẻ khủng bố và báo chí hợp pháp ở nước ta*. — Новые казни террористов и наша легальная пресса. — «Знамя Труда», [Париж], 1908, № 10—11, февраль — март, стр. 5—9. — 168 - 169.
- Những bức thư của I. Ph. Béc-cơ, I. Đit-xơ-ghen, Ph. Ăng-ghen, C. Mác v. v. gửi Ph. A. Doóc-ghê và những người khác*. — Письма И. Ф. Бчеккера, И. Дицгена, ф. Энгельса, К. Маркса и др. к Ф. А. Зорге и др. Пер. с нем. Политикуса. С письмами и биографией Ф. А. Зорге Евг. Дицгена. С предисл. Н. Ленина. С портр. Ф. А. Зорге. Спб., Дауге, 1907. XXVI, 44, 485, II стр. — 289, 507.
- * *Những cái mốc*. Tập luận văn về trí thức Nga của N. A. Béc-đi-a-ép, X. N. Bун-га-сбp, M. O. Ghéc-sen-dôn, A. X. I-dơ-gô-ép, B. A. Kì-xchi-a-сбp-xki, P. B. Xтo-ru-vê, X. L. Phran-сơ. — *Vexi*. Сборник статей о русской интеллигенции Н. А. Бердяева, С. Н. Булгакова, М. О. Гершензона, А. С. Изгоева, Б. А. Кистяковского, П. Б. Струве, С. Л. Франка. М., [тип. Саблина], 1909. II, 209 стр. — 522, 538.
- Những cuộc thảo luận trong đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma về thái độ của Đảng dân chủ - xã hội đối với tôn giáo*. — Прения в думской с. -д. фракции по вопросу об отношении с. -д. к религии. — «Пролетарий», [Париж], 1909, № 45, 13 (26) мая, стр. 6—7, в отд.: Из партии. — 510, 521, 525.
- [*Những điều chủ yếu của dự luật về việc tổ chức các ủy ban địa phương phụ trách vấn đề ruộng đất do 35 người của Nhóm lao động đưa ra Đu-ma nhà nước I*]. — [Основные положения законопроекта об организации местных комитетов по аграрному вопросу, внесенный в I Государственную думу 35 членами Трудовой группы]. — В кн.: Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I. Заседания 1—18 (с 27 апреля по 30 мая). Спб., гос. тип., 1906, стр. 672—673. (Государственная дума). — 12 - 13.

Những khuynh hướng cũ và những bài học của cuộc sống. — *Старые тенденции и уроки жизни.* — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, т. 1, февраль, стр. 15—19. — 7.

Những nghị quyết chủ yếu nhất [được thông qua tại Đại hội III của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — *Главнейшие резолюции, принятые на Третьем съезде Российской соц.-дем. рабочей партии.* — В кн.: Третий очередной съезд Росс. соц.- дем. рабочей партии. Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Женева, тип. партии, 1905, стр. XVI—XXVII. (РСДРП). — 52, 458, 462, 465.

Những nghị quyết do Hội nghị [I toàn Nga] của [các cán bộ đảng] thông qua. — *Резолюции, принятые [первой общерусской] конференцией [партийных работников].* — В кн.: Первая общерусская конференция партийных работников. Отдельное приложение к № 100 «Искры». Женева, тип. партии, 1905, стр. 15—30. (РСДРП). — 52.

Những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản trong giai đoạn hiện nay của cuộc cách mạng dân chủ. [Dự thảo nghị quyết của những người bên-sê-vích đưa ra tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — *Классовые задачи пролетариата в современный момент демократической революции.* [Проект резолюции большевиков к IV (Объединительному) съезду РСДРП]. — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 6. Под общ. загл.: Проект резолюций. К Объединительному съезду Российской социал-демократической рабочей партии. — 458 - 459, 462 - 463, 465.

**Những tài liệu đánh giá ruộng đất tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt.* — *Материалы к оценке земель Нижегородской губернии.* Экономическая часть. Вып. IV, IX, XII. Изд. Нижегородского губ. земства. Н. - Новгород, 1888—1890. 3 т. (Статистическое отделение Нижегородской губ. зем. управы).

* — Вып. IV. Княгининский уезд. 1888. 442 стр. — 105, 108, 113 - 114, 127.

* — Вып. IX. Васильский уезд. 1890. 428 стр. — 105, 108, 113 - 114, 127.

* — Вып. XII. Макарьевский уезд. 1889. 549 стр. — 105, 108, 113 - 114, 127.

[*Những tài liệu gửi đến hội nghị chung của Đu-ma nhà nước khóa hai*]. — [Материалы, поступившие в Общее собрание Государственной думы 2-го созыва]. Б. м., [1907]. 7, 23 стр.; 1040 л. — 12-13, 187, 418.

Những tài liệu thống kê về huyện Cra-xnô-u-phim-xơ, tỉnh Péc-mơ. — *Материалы для статистики Кра сноуфимского уезда Пермской губернии.* Вып. III. Таблицы. Изд. Красноуфимского земства. Казань, тип. Вечеслава, 1893. [На обл.: 1894]. VII, 430 стр. — 99, 105, 108, 113, 122 - 123, 125 - 126, 127, 128, 130.

Những tài liệu thống kê về tỉnh Cô-xtơ-rô-ma. — *Материалы для статистики Костромской губернии.* Изд. Костромского губ. стат. ком. Под ред. В. Пирогова. Вып. 8. Кострома, 1891. II, 333, 25 стр.; 4 л. табл. — 128.

* *Những tài liệu về vấn đề nông dân.* Báo cáo về những phiên họp của Đại hội đại biểu của Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, ngày 6 đến ngày 10 tháng Mười một 1905. Có thêm một bài "Lời nói đầu" của V. Grô-man. — *Материалы к крестьянскому вопросу.* Отчет о заседаниях делегатского съезда Всероссийского крестьянского союза 6—10 ноября 1905 г. С вступит. статьей В. Громана. Б. М., «Новый Мир», 1905. 114 стр. — 192.

Nic.—ôn—Huk. — *он— хет* Đa-ni-en-xôn, N. Ph.

Niên giám nước Nga năm 1905. — *Ежегодник России 1905 г.* (Год второй). Спб., типолит. Ныркина, 1906. CXVI, 749 стр. (Центр. стат. ком. М. В. Д.). На русск. и франц. яз. — 92 - 93.

Nông nghiệp và lâm nghiệp của nước Nga. — *Сельское и лесное хозяйство России.* С прил. 47 карт и диагр. Изд. деп. земледелия и сельской пром-ти м-ва гос. имуществ. Спб., 1893. II, XXVI, 649 стр. (Всемирная Колумбова выставка 1893 г. в Чикаго). — 92 - 93.

Ô-dê-rốt-xki, X. Về vấn đề "Những cái mốc". — *Озероский, С. О «Вехах».* — «Речь», Спб., 1909, № 139 (1024), 24 мая (6 июня), стр. 5. — 538.

Ô-đin-txép. Về vấn đề các tổ chức cách mạng. [Thư gửi ban biên tập] — *Одинцев. К вопросу о революционных организациях.* (Письмо в редакцию). — «Революционная Мысль», 1908, № 2, июнь, стр. 10—13. — 169 - 170, 415.

- Ô-đô-ép-xki, A. I.* «*Những âm thanh nồng cháy của những cung đàn nhìn trước tương lai...*». — *Одоевский, А. И.* «*Струн вецих пламенные звуки...*». — 226.
- Ôс-Іôр, V.* *Kinh tế nông dân.* — *Орлов, В.* *Крестьянское хозяйство.* Вып. I. *Формы крестьянского землевладения в Московской губернии.* Изд. Моск. губ. земства М., 1879. III, 320, 39 стр. (В изд.: Сборник статистических сведений по Московской губернии. Отдел хозяйственной статистики. Т. IV. Вып. I). — 96.
- Phụ trường cho các bản tường thuật tốc ký của Đu-ma nhà nước.* — *Приложения к стенографическим отчетам Государственной думы.* Третий созыв. Сессия I. 1907—1908 гг. Т. I. (№№ 1—350). Спб., гос. тип., 1908. 35 стр., 2024 стлб. — 14.
- «*Phục hưng*», *Mát-xơ-va.* — «*Возрождение*», М., 1909, № 1—2, стр. 26—31. — 502, 506, 508.
- Phong trào xã hội ở Nga vào đầu thế kỷ XX.* — *Общественное движение в России в начале XX-го века.* Под ред. Л. Маслова П. Маслова и А. Потресова. Т. I. *Предвестники и основные причины движения.* Спб., тип. «Общественная Польза», 1909. [5], 676 стр. — 508.
- Plê-kha-nôp, G. V.* *Bút ký của một nhà chính luận.* — *Плеханов, Г. В.* *Заметки публициста.* — «*Голос Социал-Демократа*», [Женева], 1908, № 3, март, стр. 3—12. — 31, 32, 40.
- *Bút ký của một nhà chính luận.* — *Заметки публициста.* — «*Современная Жизнь*», М., 1907, № 2, февраль — март, стр. 158—186. Подпись: Бельтов. — 53.
- *Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga.* 1885 - 1887. — *Проект программы русских социал-демократов.* 1885—1887 гг. — 184.
- *Lại bàn về tình hình của chúng ta.* (Thư gửi đồng chí Kh.). — *Еще о нашем положении.* (Письмо к товарищу X.). — «*Дневник Социал-Демократа*», [Женева], 1905, № 4, декабрь, стр. 1—12. — 40, 56.
- *Materialismus militans.* Trả lời ông Vô-gđa-nôp. I. (Bức thư thứ nhất). — *Materialismus militans.* Ответ г. Богданову. I. (Письмо первое). — «*Голос Социал-Демократа*», [Женева], 1908, № 6—7, май — июнь, стр. 3—14. — 223, 312 - 313, 350.

- [*Những câu hỏi đối với những người dân chủ - xã hội không phải là người Nga về tính chất của cuộc cách mạng Nga và về sách lược mà những người dân chủ - xã hội Nga phải tuân theo*]. — [Вопросы к нерусским социал-демократам о характере русской революции и о тактике, которой должны придерживаться русские социал-демократы.] — В кн.: *Каутский, К.* *Движущие силы и перспективы русской революции.* Пер. с нем. ("Neue Zeit", №№ 9 и 10, 25. Jg., Bd. I). Под ред. и с предисл. Н. Ленина. М., «Новая Эпоха», 1907, стр. 29. — 475 - 479.
- **Pô-xto-ni-côp, V. E.* *Kinh tế nông dân ở miền Nam nước Nga.* — *Постников, В. Е.* *Южнорусское крестьянское хозяйство.* М., тип. Кушнерева, 1891. XXXII, 392 стр. — 104 - 105, 107, 108, 109 - 110, 111 - 112, 115, 119, 127.
- Prô-cô-pô-vích, X. N.* và *Méc-tva-gô, A. P.* *Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?* — *Прокопович, С. Н.* и *Мертваго, А. П.* *Сколько в России земли и как мы ею пользуемся.* М., тип. Сытина, 1907. 28 стр. (Б-ка хозяина (под ред. А. П. Мертваго)). — 80 - 81, 82, 83, 183 - 184.
- Quốc tế ca.* — *Интернационал.* — 284.
- Quy chế tổng quát về những nông dân đã thoát khỏi sự lệ thuộc có tính chất nông nô.* Ngày 19 tháng Hai 1861.— *Общее положение о крестьянах, вышедших из крепостной зависимости.* 19 февраля 1861 г. — В кн.: *Положения о крестьянах, вышедших из крепостной зависимости.* 19 февраля 1861 г. Спб., 1861, стр. 1—33. — 378.
- Quy định về việc bầu cử Đu-ma nhà nước.* — *Положение о выборах в Государственную думу.* С разъяснениями правительствующего Сената и министерства внутренних дел. Спб., сенатская тип., 1907. 188 стр.; 2 схемы. (Изд. м-ва внутр. дел). — 6, 12 - 13, 15, 335, 387 - 388.
- [*Quyết định của Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về Lời kêu gọi của Hội liên hiệp sinh viên Xanh Pê-téc-bua*]. — [Постановление ЦК РСДРП по поводу Обращения СПБ коалиционного студенческого совета]. — «*Пролетарий*», Женева, 1908, № 36, (16) 3 октября, стр. 10. Под общ. загл.: С.-Петербург, в отд.: Из партии. На газ. дата: 16(30) октября. — 264.

- Ru-ba-kin, N. A. Giới quan lại cầm quyền ở nước ta qua những con số.* — Рубакин, Н. А. Наша правящая бюрократия в цифрах. (Из «Этюдов о чистой публике»). — «Сын Отечества», Спб., 1905, № 54, 20 апреля (3 мая), стр. 2—3. — 74.
- Rút-nép, N. Ph. Những nghề phụ của nông dân ở phần nước Nga thuộc châu Âu.* — Руднев, Н. Ф. Промыслы крестьян в Европейской России. — «Сборник Саратовского Земства», 1894, * № 6, стр. 189—222; № 11, стр. 421—463. — 133.
- Sa-nin, M. Địa phương công hữu hóa ruộng đất hay là sự phân chia làm của tư hữu.* — Шанин, М. Муниципализация или раздел в собственности? Характер нашего аграрного кризиса. Вильно, «Трибуна», 1907. 112 стр. — 148, 150, 193.
- «Sao Bắc đẩu», Xanh Pê-téc-bua. — «Полярная Звезда», Спб., 1906, № 10, 18 февраля, стр. 733—737. — 10.
- «Sự nghiệp», Xanh Pê-téc-bua. — «Дело», Спб., 1886, № 7, стр. 127—155; 1887, № 2, стр. 102—124. — 132.
- «Sự nghiệp công nhân», Giơ-ne-vơ. — «Рабочее Дело», Женева, 1901, № 10, сентябрь. 136, 46 стр. — 172.
- ««Sự nghiệp công nhân» khổ nhỏ», [Giơ-ne-vơ]. — «Листок «Рабочего Дела»», [Женева], 1901, № 6, апрель, стр. 1—6. — 171 - 172.
- «Tập tài liệu của Hội đồng địa phương Ха-ра-тóp». — «Сборник Саратовского Земства», 1894, * № 6, стр. 189—222; № 11, стр. 421—463. — 133.
- Tập tài liệu ước lượng về tình hình sở hữu ruộng đất của nông dân trong các huyện Dem-li-an-xơ, Da-đôn-xơ, Cô-rô-tôi-ác-xơ và Ni-giơ-ne-đê-vít-xơ.* — Сборник оценочных сведений по крестьянскому землевладению в Земляном, Задонском, Коротоякском и Нижнедевицком уездах. [Сост. Ф. Щербина]. С 3 схем. картами. Прил. к томам III, IV, V и VI. Изд. Воронежского губ. земства. Воронеж, тип. Исаева, 1889. 459 стр. — 116, 120 - 121, 127, 137 - 138, 143.
- Tập tài liệu thống kê nông nghiệp căn cứ vào tài liệu của các nghiệp chủ.* Thiên V — Сельскохозяйственные и статистические сведения по материалам, полученным от хозяев. Вып. V—хет Cô-rô-len-cô, X. A. Lao động làm thuê tự do trong các doanh nghiệp tư nhân và sự di chuyển công nhân, nhân việc điếm qua tình hình nông nghiệp

- và công nghiệp của phần nước Nga thuộc châu Âu về mặt thống kê - kinh tế.
- Tập tài liệu thống kê tổng hợp về tỉnh Ха-ма-ра.* — Сводный сборник статистических сведений по Самарской губернии. Т. VIII. (Вып. I). Изд. Самарского губ. земства. Самара, 1892. X, 228 стр. — 105, 130.
- Tập tài liệu thống kê về tỉnh Ô-ri-ôn.* — Сборник статистических сведений по Орловской губернии. Т. II—III, VIII. Изд. Орловского губ. земства. Орел, 1887—1895. 3 т.
- Т. II. [Вып. I]. Елецкий уезд. 1887. 958 стр. — 105, 125, 127.
- Т. III. Трубчевский уезд. 1887. IV, 265, 224 стр. — 105, 125, 127.
- Т. VIII. Орловский уезд. Статистико-экономические и оценочные материалы по крестьянскому и частновладельческому хозяйству. С 2 картогр. 1895. 1005 стр. (Стат. отд-ние Орловской губ. земской управы). — 105, 125, 127.
- Tập tài liệu thống kê về tỉnh Vô-rô-ne-giơ.* — Сборник статистических сведений по Воронежской губернии. Т. 4. Вып. I. Задонский уезд. Изд. Воронежского губ. земства. Воронеж, тип. Исаева, 1887. XIV, 157 стр. — 105, 108, 125, 127.
- Tập tài liệu thống kê về tỉnh Ха-ма-ра.* — Сборник статистических сведений по Самарской губернии. Отдел хозяйственной статистики. Т. VII. Новоузенский уезд. Изд. Самарского губ. земства. Самара, 1890. 524 стр. — 105, 108, 110, 125, 127.
- Tài liệu thống kê về tỉnh Ха-ра-тóp.* — Сборник статистических сведений по Саратовской губернии. Т. I, XI. Изд. Саратовского губ. земства. Саратов, 1883—1891. 2 т.
- Т. I. Саратовский уезд. 1883. V, 154 стр.; 126 стр. табл., 1 карта. — 76, 87.
- *— Т. XI. Камышинский уезд. 1891. 979 стр. — 102 - 103, 108, 127, 190 - 191.
- *— *Tê-di-a-cốp, N. I. Công nhân nông nghiệp và tổ chức sự kiểm tra y tế vệ sinh đối với họ trong tỉnh Khéc-xôn.* — Тезяков, Н. И. Сельскохозяйственные рабочие и организация за ними санитарного надзора в Херсонской губернии. (По материалам лечебно-

продовольственных пунктов в 1893—1895 гг.). (Доклад XIII губернскому съезду врачей и представителей земских управ Херсонской губ.). изд. Херсонской губ. земской управы. херсон, 1896. II, 301 стр. — 131 - 136.

Thông báo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga về hội nghị toàn Nga thường kỳ mới đây của đảng. — Извещение Центрального Комитета Российской с.- д. рабочей партии о состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909]. 8 стр. (РСДРП). — 406, 410, 412, 436 - 442, 443, 444 - 448, 458 - 459, 468 - 469, 481, 482 - 483, 486 - 487, 490 - 491, 492 - 493, 506.

Thông báo của Ban chấp hành trung ương [đảng] [xã hội chủ nghĩa] - [cách mạng]. Về đại hội của đồng đảng và hội nghị đại biểu toàn đảng. — Извещение центрального комитета [партии] [социалистов] - [революционеров]. О съезде совета партии и общепартийной конференции. Б. м., [сентябрь 1908]. 16 стр. — 415 - 418, 420, 426, 427, 434.

Thống kê của Đế quốc Nga. — Статистика Российской империи. IV, XX, XXXI, XLIV, LV. 1883—1901 гг. Изд. Центр. ком. м-ва внутр. дел. Спб., 1883—1902. 5 т. На русск. и франц. яз.

— IV. Средний урожай в Европейской России за пятилетие 1888—1887 гг. Под ред. В. В. Зверинского. 1888. V, 17, 155 стр. — 88 - 89.

— XX. Военно-конская перепись 1888 года. Под ред. А. Сырнева. 1891. IV, XXIII, 207 стр. табл. — 74, 125, 138 - 140.

— XXXI. Военно-конская перепись 1891 года. Под ред. А. Сырнева. 1894. IV, XXIX, 149 стр. — 74, 125, 138 - 140.

— XLIV. Военно-конская перепись 1896 г. Под ред. А. Сырнева. 1898. XIII стр.; 79 стр. табл.; 2 л. карт. — 74 - 75, 120 - 121, 125, 138 - 140, 153, 163, 190 - 191.

— LV. Военно-конская перепись 1899—1901 гг. Под ред. А. Сырнева. 1902. XIV стр.; 223 стр. табл.; 2 л. карт. — 74 - 75, 120 - 121, 125, 138 - 140, 153, 163, 190 - 191.

* *Thống kê những ngành phải nộp thuế gián thu và các tem thuế những năm 1897 và 1898.* — Статистика производств, облагаемых акцизом, и гербовых знаков за 1897 и 1898 гг. Сост. в стат.

отд-нии главного упр. Спб., 1900. 1037 стр. (Главное упр. неокладных сборов и казенной продажи питей). — 131, 132 - 133.

Thống kê về sở hữu ruộng đất năm 1905. — Статистика землевладения 1905 г. Свод данных по 50-ти губерниям Европейской России. Спб., тип. Минкова, 1907. 199 стр.; L стр. табл. (Центр. стат. ком. м-ва внутр. дел). — 69 - 73, 74, 75, 79 - 80, 82, 111, 158, 161 - 162, 179 - 180.

«*Thời mới*», Xanh Pê-téc-bua. — «Новое Время», Спб., 1908, № 11698, 5 (18) октября, стр. 2. — 275 - 276.

Thư của công nhân Anh gửi công nhân Đức — Адрес рабочих Британии к рабочим Германии — хет Die Arbeiter Britanniens an die Arbeiter Deutschlands.

Thư của một cán bộ đảng. — Письмо партийного работника. — «Рабочее Знамя», [М.], 1908, № 7, декабрь, стр. 4 - 6. — 450 - 452.

Thư của một công nhân gửi ban biên tập «Ngọn cờ công nhân». Đăng lại theo báo «Ngọn cờ công nhân», số 5. — Письмо рабочего в редакцию «Рабочего Знамени». Перепечатываем из № 5 «Рабочего Знамени». — «Пролетарий», Женева, 1908, № 39, (26) 13 ноября, стр. 3 - 4. — 354 - 355, 360 - 376, 451, 497.

Thư gửi từ Pê-téc-bua. (Trong đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma). — Письмо из Петербурга (В думской с.- д. фракции). — «Пролетарий», Женева, 1908, № 39, (26) 13 ноября, стр. 6—8, в отд. : Хроника. Подпись: Н. — 370.

* «*Tia lửa*», [Luân-đôn]. — «Искра», [Лондон], 1902, № 23, 1 августа, стр. 2—4; № 24, 1 сентядра, стр. 2-4. — 426 - 427.

«*Tiến lên*», Giơ-ne-vơ. — «Вперед», Женева, 1905, □ 14, 12 апреля (30 марта), стр. 1. — 455, 456.

«*Tiếng nói Mát-xơ-va*». — «Голос Москвы». — 535.

— 1909, □ 65, 20 марта, стр. 5. — 501, 509.

«*Tiếng nói người dân chủ - xã hội*», [Giơ-ne-vơ — Pa-ri]. — «Голос Социал-Демократа», [Женева — Париж]. — 7, 303 - 304, 306, 340 - 341, 348, 351, 352, 361, 405.

— [Женева], 1908, № 1—2, февраль, стр. 24—26. — 168.

- «*Tiếng nói người dân chủ - xã hội*», [Giơ-ne-vơ — Pa-ri]. — «*Голос Социал-Демократа*», [Женева — Париж], — 1908, № 3, март, стр. 3 — 12. — 31 - 36, 38, 39, 40.
- 1908, № 6—7, май — июнь, стр. 3—14. — 223, 306, 351.
- 1908, № 8—9, июль — сентябрь, стр. 23—24. — 302, 303 - 304, 306, 308, 309 - 310, 311, 347 - 348, 352.
- 1908, № 8—9, июль — сентябрь. Прибавление к □ □ 8—9 «Голоса Соц[иал]- Демократа», стр. 1. — 306, 348 - 350, 351 - 352.
- 1908, № 10—11, ноябрь — декабрь. 32 стр. — 454, 507.
- 1909, № 12, март, стр. 15—16. — 502, 505, 508.
- Tin ngắn khoa học*. (Những thí nghiệm mới nhằm làm cho các thây ma sống lại). — *Научная хроника*. (Новые опыты оживления трупов). — «Пролетарий», Женева, 1908, № 30, (23) 10 мая, стр. 2—3. Подпись: Т—ренов. — 61, 65 - 66.
- «*Tin tức của Đảng*», [Xanh Pê-téc-bua]. — «*Партийные Известия*», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 5—9, 9—11, 12. — 209 - 210, 317, 457 - 460, 463, 465.
- «*Tin tức Xanh Pê-téc-bua*». — «С.- Петербургские Ведомости», 1908, № 24, 29 января (11 февраля), стр. 2. — 386 - 388.
- Tôm-xki, M. P. Thư của một công nhân gửi ban biên tập «Người vô sản»*. — Томский, М. П. Письмо рабочего в редакцию «Пролетария». — «Пролетарий», Женева, 1908, № 39, (26) 13 ноября, стр. 2—3. — 354 - 358, 360 - 361, 376.
- Tôn-xtôi, L. N. Thành quả của nền giáo dục*. — Толстой, Л. Н. Плоды просвещения. — 78.
- **Tổng điều tra dân số lần đầu tiên toàn đế quốc Nga năm 1897*. — Первая всеобщая перепись населения Российской империи 1897 г. Вып. I. Население империи по переписи 28-го января 1897 г. по уездам. Сост. Центр. стат. ком. на основании местных подсчетных ведомостей. Изд. Центр. стат. ком. м-ва внутр. дел. Спб., 1897. 29 стр. На русск. и франц. яз. — 79 - 80, 81.
- Tổng kết nghiên cứu kinh tế về nước Nga, căn cứ vào những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương*. — Итоги экономического исследования России по данным земской статистики. Т. I —* II. М. — Дерпт, 1892. 2 т.

- Т. I. Общий обзор земской статистики крестьянского хозяйства. А. фортунатова. Крестьянская община. В. В. М., тип. Мамонтова, 1892. 648 стр. — 95.
- * — Т. II. Карышев, Н. А. Крестьянские внеадельные аренды. Дерпт, тип. Лакмана, 1892. XIX, 402, LXV стр., 3 л. табл. — 101 - 102, 103.
- Tơ-ri-rô-gốp, V. G. Công xã nông thôn và thuế má*. (Tập các công trình nghiên cứu). — Трирогов, В. Г. *Община и податъ*. (Собрание исследований). Спб., тип. Суворина, 1882. 509 стр. — 96.
- [*Tơ-rốt-xki, L. Đ.*] *Cuộc cách mạng của chúng ta*. — [Троцкий, Л. Д.] *Наша революция*. Спб., Глаголев, б. г. XX. 286 стр. Перед загл. авт.: Н. Троцкий. — 469 - 475.
- «*Truyền tin châu Âu*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Вестник Европы*», Спб 1884, № 7, стр. 319 - 356. — 123.
- «*Truyền tin của chính phủ*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Правительственный Вестник*», Спб., 1905, № 222, 18 (31) октября, стр. 1. — 534.
- 1905, № 268, 13 (26) декабря, стр. 1. — 39.
- 1906, № 252, 12 (25) ноября, стр. 1. — 189, 377, 381, 383, 390, 395, 404.
- 1906, № 256, 18 ноября (1 декабря), стр. 1. — 189.
- «*Truyền tin miền Bắc*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Северный Вестник*», Спб., 1885, № 3, ноябрь, стр. 186—193. — 97.
- «*Truyền tin tài chính, công nghiệp và thương nghiệp*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Вестник Финансов, Промышленности и Торговли*», Спб., 1896, № 51, стр. 972—976. — 92 - 93.
- «*Truyền tin vệ sinh công cộng, y học tư pháp và y học thực hành*», Xanh Pê-téc-bua. — «*Вестник Общественной Гигиены, Судебной и Практической Медицины*», Спб., 1896, т. XXXI, кн. 1, июль, стр. 1—49. — 132.
- Tséc-ni-a-ép, V. V. Ngành chế tạo máy móc nông nghiệp*. — Черняев, В. В. *Сельскохозяйственное машиностроение*. — В кн.: Историко-статистический обзор промышленности России. Под ред. Д. А. Тимирязева. Т. I. Сельскохозяйственные произведения, огородничество,

садоводство и домашние животные. Горная и соляная промышленность. Спб., 1883, стр. 142—157. (Всерос. пром.-худож. выставка 1882 г. в Москве). — 92 - 93.

Tséc-ni-a-ép, V. V. Nông cụ và máy móc nông nghiệp, việc áp dụng và chế tạo chúng. — Черняев, В. В. Земледельческие орудия и машины, их распространение и изготовление. — В кн.: Сельское и лесное хозяйство России. С прил. 47 карт и диагр. Изд. деп. земледелия и сельской пром-ти м-ва гос. имуществ. Спб., 1893, стр. 351—362. (Всемирная Колумбова выставка 1893 г. в Чикаго). — 92 - 93.

Tsúp-rốp, A. I. Về vấn đề cải cách ruộng đất. — Чупров А. И. К вопросу об аграрной реформе. — В кн.: Аграрный вопрос. Т. II. Сборник статей брейера, бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907, стр. 1—43. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 14.

Tuốc-ghe-nép, I. X. Những người cha và những người con. — Тургенев И. С. Отцы и дети. — 382, 501.

— *Phép xử thế.* Thơ bằng văn xuôi. — Житейское правило. Стихотворение в прозе. — 317.

[*Tuyên bố của Nhóm lao động trong Đu-ma nhà nước về dự án đạo dụ ngày 9 tháng Mười một 1906.*] — [Заявление Трудовой группы Государственной думы по поводу законопроекта по указу 9 ноября 1906 г.]. — В кн.: Стенографический отчет с.- петербургского телеграфного агенства [о заседаниях Государственной думы. 1908 г. Третий созыв. Сессия вторая. Ч. I. Заседания 1—35 (с 15 октября по 20 декабря 1908 г.). Приложение к газете «Россия»]. Спб., [тип. газ. «Россия»], 1908, стр. 444—445. — 392.

Tuyên ngôn gửi toàn thể nông dân Nga [của Ban chấp hành đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma nhà nước, Ban chấp hành Nhóm lao động tại Đu-ma nhà nước, Hội liên hiệp nông dân toàn Nga, Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Ban chấp hành Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, Hội liên hiệp công nhân viên đường sắt toàn Nga, Hội liên hiệp các nhà giáo toàn Nga]. [Truyền đơn]. — Манифест ко всему российскому крестьянству [от комитета социал-демократической фракции Государственной думы, комитета Трудовой группы Государ-

ственной думы, Всероссийского крестьянского союза, Центрального Комитета РСДРП, центрального комитета партии социалистов-революционеров, Всероссийского железнодорожного союза Всероссийского учительского союза]. [Листовка]. Б. м., тип. ЦК РСДРП, [июль 1906]. 2 стр. — 471, 472, 473.

Tuyên ngôn Vư-boóc-gơ — Выборгский манифест — xem Các đại biểu nhân dân gửi nhân dân.

«*Tư tưởng cách mạng*». — *Революционная Мысль*. — 167, 169, 170.

— 1908, № 1, апрель, стр. 1, 4—8, 16. — 167 - 168, 169, 170, 173 - 174, 415, 432.

— 1908, № 2, июнь, стр. 1—7, 10—13. — 167, 169 - 170, 171, 172 - 173, 415.

«*Tư tưởng Nga*», Mát-xcơ-va. — «Русская Мысль», М., 1907, № 7, стр. 172—178. — 11.

— 1907, № 8, стр. 228—235. — 11.

* *Từ đầu.* — Сначала. — «Знамя Труда», [Париж, 1908, № 13, ноябрь], стр. 1—3. — 421 - 423, 425 - 429, 433 - 434.

Từ U-ral. — С Урала. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 44—45. Под общ. загл.: Корреспонденции. — 4.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1906 год. Сессия первая. Т. I—II. Спб., гос. тип., 1906. 2 т. (Государственная дума).

— Т. I. Заседания 1—18 (с 27 апреля по 30 мая). XXII, 866 стр. — 12-13, 64 - 65, 162 - 163, 186 - 188, 319, 385, 418.

* — Т. II. Заседания 19—38 (с 1 июня по 4 июля), стр. 867 — 2013. — 12-13, 64 - 65, 385, 418.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — Стенографические отчеты [Государственной думы]. 1907 год. Сессия вторая. Т. I—II. Спб., гос. тип., 1907. 2 т. (Государственная дума. Второй созыв).

*—Т. I. Заседания 1—30 (с 20 февраля по 30 апреля). VIII стр., 2344 стлб. — 200 - 201.

— Т. II. Заседания 31—53 (с 1 мая по 2 июня). VIII стр., 1610 стлб. — 193.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — *Стенографические отчеты [Государственной думы].* 1908 г. Сессия первая. Ч. II. Заседания 31—60 (с 21 февраля по 6 мая 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908. XV стр., 2962 стлб. (Государственная дума. Третий созыв). — 525.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — *Стенографические отчеты [Государственной думы].* 1908 г. Сессия вторая. Ч. I. Заседания 1—35 (с 15 октября по 20 декабря 1908 г.). Спб., гос. тип., 1908. XIV стр., 3152 стлб. (Государственная дума. Третий созыв). — 372.

Tường thuật tốc ký [của Đu-ma nhà nước]. — *Стенографические отчеты [Государственной думы].* 1909 г. Сессия вторая. Ч. II—IV. Спб., гос. тип., 1909. 3 т. (Государственная дума. Третий созыв).

— Ч. II. Заседания 36—70 (с 20 января по 5 марта 1909 г.). XIV стр., 3244 стлб. — 496.

— Ч. III. Заседания 71—100 (с 6 марта по 24 апреля 1909 г.). XII стр., 2956 стлб. — 371, 501, 510, 524 - 525, 529 - 533, 534 - 535, 536 - 541.

— Ч. IV. Заседания 101—126 (с 27 апреля по 2 июня 1809 г.). XXXVII стр., 3476 стлб. — 530.

Tường thuật tốc ký của Hãng thông tấn Xanh Pê-téc-bua [về các phiên họp của Đu-ma nhà nước]. 1908. Khóa III. Kỳ họp II. Phần I. Các phiên họp 1-35 (từ 15 tháng Mười đến 20 tháng Chạp 1908). Phụ trương của báo "Nước Nga". — *Стенографический отчет с.- петербургского телеграфного агентства [о заседаниях Государственной думы].* 1908 г. Третий созыв. Сессия вторая. Ч. I. Заседания 1—35 (с 15 октября по 20 декабря 1908 г.). Приложение к газете «Россия». Спб., [тип. газ. «Россия»], 1908. 1124 стр. — 377 - 396.

U-va-rốp, M. X. Về ảnh hưởng của những nghề phụ làm ở ngoài làng đối với tình hình y tế vệ sinh ở Nga. — *Уваров, М. С. О влиянии отхожего промысла на санитарное положение России.* — «Вестник Общественной Гигиены, Судебной и Практической Медицины», Спб., 1896, т. XXXI, кн. I, июль, стр. 1—49. — 132.

U-xpen-xki, G. I. Quyền lực của ruộng đất. — *Успенский, Г. И. Власть земли.* — 71 - 72.

V. I. Tì-mi-ri-a-dép ở Mát-xcơ-va. — *В. И. Тимирязев в Москве.* — «Голос Москвы», 1909, № 65, 20 марта, стр. 5. — 501, 509.

Văn tập các bài. — *Сборник статей,* № 1. Спб., «Наша Мысль», 1907. 128 стр. — 148.

Vấn đề ruộng đất. Tập II. — *Аграрный вопрос.* Т. II. Сборник статей Брейера, Бруна, Воробьева, Герценштейна, Дена, Кауфмана, Кутлера, Левитского, Мануилова, Петрункевича, Хауке, Чупрова, Якушкина. М., «Беседа», 1907. XIII, 648 стр. (Изд. Долгорукова и Петрункевича). — 14, 88 - 90, 93 - 94, 126, 150, 181 - 182, 384.

Vê-xin, L. P. Tầm quan trọng của những nghề phụ làm ở ngoài làng trong đời sống nông dân Nga. — *Весин, Л. П. Значение отхожих промыслов в жизни русского крестьянства.* — «Дело», Спб., 1886, № 7, стр. 127—155; 1887, № 2, стр. 102—124. — 132.

Về chính phủ lâm thời. [Nghị quyết của hội nghị các tổ chức công nhân dân chủ - xã hội Cáp-ca-dơ]. — *О временном правительстве.* [Резолюция конференции кавказских социал-демократических рабочих организаций]. — В кн.: Конференция кавказских социал-демократических рабочих организаций. [Genève, тип. партии, 1905], стр. 3. (РСДРП). — 56.

Về đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma. [Nghị quyết được thông qua tại Hội nghị V (Hội nghị toàn Nga 1908) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — *О думской с.- д. фракции.* [Резолюция, принятая на Пятой конференции РСДРП (Общероссийской 1908)]. — В кн.: Извещение Центрального Комитета Российской с.- д. рабочей партии о состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909], стр. 5—6. (РСДРП). — 410, 444 - 445, 491 - 493.

Về hội nghị Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. — *По поводу конференции РСДРП.* — «Голос Социал-Демократа», [Женева], 1909, № 12, март, стр. 15—16. — 502, 505, 508.

[*Về những nhiệm vụ giai cấp của giai cấp vô sản trong giai đoạn hiện nay của cuộc cách mạng dân chủ.* Dự thảo nghị quyết đưa ra Đại hội V của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [O классовых задачах

пролетариата в современный момент демократической революции. Проект резолюции к V съезду РСДРП]. — «Пролетарий», [Выборг], 1907, № 14, 4 марта, стр. 3. Под общ. загл.: Проекты резолюций к Пятому съезду РСДРП. На газ. место изд.: М. — 457 - 459, 465.

Về những vấn đề tổ chức. — К организационным вопросам. — «Социал-Демократ», [Вильно — Спб.], 1908, № 1, февраль, стр. 27—30. — 4, 5-6, 7.

Về những vấn đề trước mắt. — К очередным вопросам. — «Пролетарий», Париж, 1909, № 42, 12 (25) февраля, стр. 1—3. — 450 - 454.

[Về thái độ đối với các đảng tư sản. Dự thảo nghị quyết của những người bên-sê-vích đưa ra Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Об отношении к буржуазным партиям. Проект резолюции большевиков, внесенный на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.: Лондонский съезд Российской соц.-демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 466—467. (РСДРП). — 464, 465.

[Về thái độ đối với các đảng tư sản. Dự thảo nghị quyết đưa ra Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga do nhóm trước tác và nhóm nhà thực tiễn thuộc phái men-sê-vích soạn thảo]. — [Об отношении к буржуазным партиям. Проект резолюции к V (Лондонскому) съезду РСДРП, выработанный группой меньшевиков-литераторов и практиков]. — «Народная Дума», [Спб.], 1907, № 12, 24 марта (6 апреля), стр. 4, в отд.: Из партий. — 464.

[Về thái độ đối với các đảng tư sản. Dự thảo nghị quyết của phái men-sê-vích đưa ra Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — [Об отношении к буржуазным партиям. Проект резолюции меньшевиков, внесенный на V (Лондонском) съезде РСДРП]. — В кн.: Лондонский съезд Российской соц.-демокр. раб. партии (состоявшийся в 1907 г.). Полный текст протоколов. Изд. ЦК. Paris, 1909, стр. 465. (РСДРП). — 464.

Về tình hình hiện nay của cách mạng và nhiệm vụ của giai cấp vô sản. [Dự thảo nghị quyết của phái men-sê-vích đưa ra Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — О современном моменте революции и задачах пролетариата. [Проект резолю-

ции меньшевиков к IV (Объединительному) съезду РСДРП]. — «Партийные Известия», [Спб.], 1906, № 2, 20 марта, стр. 9. Под общ. загл.: Проект резолюций к предстоящему съезду, выработанный группой «меньшевиков» с участием редакторов «Искры». — 459 - 460, 462.

Về tình hình hiện nay và nhiệm vụ của đảng. [Nghị quyết được thông qua tại Hội nghị V (Hội nghị toàn Nga 1908) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — О современном моменте и задачах партии. [Резолюция, принятая на Пятой конференции РСДРП (Общероссийской 1908 г.)] — В кн.: Извещение Центрального Комитета Российской с.- д. рабочей партии о состоявшейся очередной общепартийной конференции. [Изд. ЦК РСДРП. Paris, 1909], стр. 4—5. (РСДРП). — 439, 441 - 442, 443, 459, 468 - 469, 482 - 483, 487, 506.

Về tình hình hiện nay và sách lược chung của đảng.— О текущем моменте и общей тактике партии. — В кн.: Извещение центрального комитета п[артии] с[оциалистов] - р[евolucionеров]. О съезде совета партии и общепартийной конференции. Б. м., [сентябрь 1908], стр. 6—7. Под общ. загл.: Резолюции, принятые I-ой общепартийной конференцией и утвержденные 4-м советом партии социалистов-революционеров. — 426, 428.

Về tình hình sôi động. — К переживаемому моменту. — «Знамя Труда», [Париж], 1907, № 8, декабрь, стр. 1—6. — 168.

Về việc giành chính quyền và về việc tham gia chính phủ lâm thời. [Nghị quyết của Hội nghị I toàn Nga của các cán bộ đảng]. — О завоевании власти и участии во временном правительстве. [Резолюция первой общерусской конференции партийных работников]. — В кн.: Первая общерусская конференция партийных работников. Отдельное приложение к № 100 «Искры». Женева, тип. партии, 1905, стр. 23—24. (РСДРП). — 455 - 458, 460.

Về việc hoàn thiện và tăng cường sở hữu ruộng đất và sử dụng ruộng đất của nông dân. Điều lệ cơ bản. — Об улучшении и увеличении крестьянского землевладения и землепользования. Основные положения. — В кн.: Приложения к стенографическим отчетам Государственной думы. Третий созыв. Сессия I. 1907—1908 гг. Т. I. (№№ 1—350). Спб., гос. тип., 1908, стлб. 1983—1984. — 14.

Vì-khli-a-ép, P. A. Đảng xã hội chủ nghĩa nhân dân và vấn đề ruộng đất. — Вихляев, П. А. Народно-социалистическая партия

- и аграрный вопрос. — В кн.: Сборник статей. № 1. Спб., «Наша Мысль», 1907, стр. 75—93. — 418.
- *Kinh tế nông dân*. — *Krestyanskoe khozyaystvo*. Изд. Тверского губ. земства. Тверь, 1897. X, 313 стр. (В изд.: Сборник статистических сведений по Тверской губернии. Т. XIII. Вып. 2). — 103.
- Vô-lin, A. Cuộc cách mạng chính trị và thiếu số chủ trì*. — *Волин, А. Политический переворот и инициативное меньшинство*. — «Революционная Мысль», 1908, № 2, июнь, стр. 4—7. — 169, 170, 415.
- *Những vấn đề cách mạng*. — *Вопросы революции*. — «Революционная Мысль», 1908, № 1, апрель, стр. 4—8. — 169, 170, 173 - 174, 415, 434.
- [*Vô-rôn-txốp, V. P.*] *V. V. Công xã nông dân*. — [Воронцов, В. П.] В. В. *Крестьянская община*. — В кн.: Итоги экономического исследования России по данным земской статистики. Т. I. Общий обзор земской статистики крестьянского хозяйства. А. фортунатова. Крестьянская община. В. В. М., тип. Мамонтова, 1892, стр. 1—600. — 96.
- *Một kiểu thống kê mới của các hội đồng địa phương*. — *Новый тип местно-статистического издания*. Сборник статистических сведений по Таврической губернии. Статистические таблицы о хозяйственном положении селений Мелитопольского уезда. Приложение к I тому сборника. — «Северный Вестник», Спб., 1885, № 3, ноябрь, стр. 186—193. Подпись: В. В. — 97.
- *Sự phân công lao động trong nông nghiệp và công nghiệp ở Nga*. — *Разделение труда земледельческого и промышленного в России*. — «Вестник Европы», Спб., 1884, № 7, стр. 319—356. Подпись: В. В. — 123.
- Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. Ê. Con cá lành canh tình khôn*. — *Салтыков-Щедрин, М. Е. Премудрый пискарь*. — 200.
- *Địa chủ hung bạo*. — *Дикий помещик*. — 91, 345, 537.
- *Lịch sử của một thành phố*. — *История одного города*. — 380.
- *Một bài ca hoa tình hiện đại*. — *Современная идиллия*. — 250.
- *Những dấu hiệu của thời đại*. — *Признаки времени*. — 270.
- *Những khía cạnh của đời sống*. — *Мелочи жизни*. — 186, 256.

- *Ở nước ngoài*. — *За рубежом*. — 13, 348.
- *Sự đúng mực và sự cẩn thận*. — *В среде умеренности и аккуратности*. — 250.
- Xanh Pê-téc-bua, ngày 4 tháng Mười*. — *С.-Петербург, 4 октября*. — «Новое Время», Спб., 1908, № 11698, 5 (18) октября, стр. 2. — 275 - 276.
- Xi-véc-xki. Triết học và khủng bố*. — *Сиверский. Философия и террор*. — «Революционная Мысль», 1908, № 2, июнь, стр. 1—4. — 169, 170, 171, 172 - 173, 415.
- Xta-txi, P. P. Phi-vai-đa*. — *Стаций, П. П. Фиваида*. — 515.
- Xtơ-ru-vê, P. B. Sách lược hay là tư tưởng?* Mấy suy nghĩ về cuộc cách mạng Nga. — *Струве, П. Б. Тактика или идеи?* Из размышлений о русской революции. — «Русская Мысль», М., 1907, № 8, стр. 228—235. — 11.
- *Tiểu luận của một nhà chính luận*. Đại hội của Liên minh ngày 17 tháng Mười và việc triệu tập Đu-ма nhà nước. — *Заметки публициста*. Съезд союза 17-го октября и созыв Государственной думы. — «Полярная Звезда», Спб., 1906, № 10, 18 февраля, стр. 733 — 737. — 10.
- *Tính bảo thủ trong tư tưởng của trí thức*. Mấy suy nghĩ về cuộc cách mạng Nga. — *Консерватизм интеллигентской мысли*. Из размышлений о русской революции. — «Русская Мысль», М., 1907, № 7, стр. 172 — 178. — 11.
-
- Abschaffung der stehenden Heere und allgemeine Volksbewaffnung*. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Paris]. — In: Protokoll des Internationalen Arbeiterkongresses zu Paris. Abgehalten vom 14. bis 20. Juli 1889. Deutsche Übersetzung. Mit einem Vorwort von W. Liebknecht. Nürnberg, Wörlein, 1890, S. 119—120. — 227.
- Abstract of the Twelfth Census of the United States*. 1900. 3-d edition. Washington, Government Printing Office, 1904. XV, 454 p. (Bureau of the Census. S. N. D. North, Director). — 93.
- Die Arbeiter Britanniens an die Arbeiter Deutschlands*. — «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 222, 22. September, S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Arbeiter für den Frieden. — 247.

- Die Arbeiter für den Frieden.* — «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 222, 22. September, S. 1-3. — 246 - 248.
- Baer, K. u. Helmersen, G. Beiträge zur Kenntnis des Russischen Reiches und der angränzenden Länder Asiens.* Auf Kosten der Akademie der Wissenschaften. Bd. 11. Gemischten Inhalts. S.-Pb., Akademie der Wissenschaften, 1845. 183. S. — 82.
- Bäuerliche Zustände in Deutschland.* Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Bd. 3. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883. VIII, 381 S. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXIV). — 122.
- [Das Begrüßungsschreiben der türkischen Revolution.* Die Resolution des Internationalen sozialistischen Büros]. — «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 242, 15. Oktober. 1. Beilage des «Vorwärts», S. 2. Unter dem Gesamttitel: Internationale sozialistische Konferenz zu Brüssel. — 298.
- Bernstein, E. Probleme des Sozialismus.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1896 - 1897, Jg. XV, Bd. I, Nr. 6, S. 164 - 171; Nr. 7, S. 204 - 213; Nr. 10, S. 303 - 311; Nr. 25, S. 772 - 783; Bd. II, Nr. 30, S. 100 - 107; Nr. 31, S. 138 - 143. — 21.
- *Das realistische und das ideologische Moment im Sozialismus.* Probleme des Sozialismus, 2. Serie II. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1897 - 1898, Jg. XVI, Bd. II, Nr. 34, S. 225 - 232; Nr. 39, S. 388 - 395. — 21.
- *Die Voraussetzungen des Sozialismus und die Aufgaben der Sozialdemokratie.* Stuttgart, Dietz, 1899. X, 188 S. — 21, 27 - 28, 463.
- Die Beziehungen zwischen der politischen Partei und den Gewerkschaften.* [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — In: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. «Vorwärts», 1907, S. 50 - 51. — 402.
- Brouckère, L. de. Das Begrüßungsschreiben der türkischen Revolution — xem Das Begrüßungsschreiben der türkischen Revolution.*
- «La Caserne», Haine st. Paul. — 234.
- [La commune révolutionnaire].* Aux Communaux. [Londres, 1874]. 12 p. — 512.
- Dahn, T. Die Bedingungen des erneuten Aufschwungs der russischen Revolution.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1908, Jg. 26, Bd. 2, Nr. 27, S. 4 - 10; Nr. 28, S. 49 - 58. — 38, 39 - 40.

- Drechsler, H. Die bäuerlichen Zustände in einigen Teilen der Provinz Hannover.* — In: Bäuerliche Zustände in Deutschland. Berichte, veröffentlicht vom Verein für Sozialpolitik. Bd. 3. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1883, S. 59 - 112. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. XXIV). — 122.
- Engels, F. Introduction [to: «Socialism utopian and scientific»].* — In: Engels, F. Socialism utopian and scientific. Translated by E. Aveling. With a special introduction by the author. London — New-York, Sonnen-schein — Scribner, 1892, p. V - XXXIX. — 55 - 56.
- *Köln, 13. Juni.* — In: Marx, K. u. Engels, F. Gesammelte Schriften von Karl Marx und Friedrich Engels. 1841 bis 1850. Bd. 3. Von Mai 1848 bis Oktober 1850. Stuttgart, Dietz, 1902, S. 97 - 100. Unter dem Gesamttitel: Das Ministerium Camphausen. (In: Aus dem literarischen Nachlaß von Karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. 3). — 503 - 504.
- *Socialism utopian and scientific.* Translated by E. Aveling. With a special introduction by the author. London — New-York, Sonnen-schein — Scribner, 1892. XXXIX, 117 p. — 55 - 56.
- * — *Über historischen Materialismus.* — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1892 - 1893, Jg. XI, Bd. I, Nr. 1, S. 15 - 20; Nr. 2, S. 42 - 51. — 55 - 56, 478 - 479.
- *Vorwort [zum Buch von K. Marx "Das Elend der Philosophie"].* — In: Marx, K. Das Elend der Philosophie. Antwort auf Proudhons "Philosophie des Elends". Deutsch von E. Bernstein und K. Kautsky. Mit Vorw. und Noten von F. Engels. Stuttgart, Dietz, 1885, S. V - XXV. — 508.
- Die Ereignisse im Orient.* — "Leipziger Volkszeitung", 1908, Nr. 232, 6. Oktober, S. 1-2. — 271.
- Farley, R. P. The socialist international.* An impression. — "The Labour Leader", London, 1908, No. 42, Oct. 16, p. 665. — 290 - 291.
- "Frankfurter Zeitung"*, Frankfurt am Main, 1908, 14. April. — 41.
- 1908, 20. Oktober. — 276.
- 1908, 24. Oktober. — 276, 281.
- 1908, 24. Oktober. 2. Morgenblatt. — 281.

Gesetz gegen gemeingefährlichen Bestrebungen der Sozialdemokratie. Vom 21. October 1878. — "Reichs-Gesetzblatt", Berlin, 1878, Nr. 34, S. 351 - 358. — 8, 235 - 236, 370, 445, 496, 550.

Gesindeordnung. 1767. — 155.

Glazier, J. B. Labour Party fully recognised. I. L. P. policy fully recognised. Kautsky moves the resolution. — "The Labour Leader", London, 1908, No. 42, Oct. 16, p. 665. Under the general title: International Bureau. — 290 - 291.

Hervé, G. Leur patrie. Paris, édité par l'auteur, [1905]. 286 p. — 230 - 231.

— *Der Militarismus und die internationalen Konflikte.* [Der Resolutionsentwurf, vorgeschlagen auf der Sitzung der Kommission des Internationalen Sozialistenkongresses am 20. August 1907]. — In: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907, S. 87. — 229.

"*L'Humanité*", Paris, 1908, No. 1567, 1 août, p. 1. — 217 - 218.

Hyndman, H. M. A criticism of the proceedings. — "Justice", London, 1908, No. 1, 292, October 17, p. 7. Under the general title: The meeting of the International socialist Bureau. — 290, 291, 292.

International sozialistische Konferenz zu Brüssel. — «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 242, 15. Oktober. 1 Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. — 285 - 289, 290 - 291, 292 - 294, 298.

Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. «Vorwärts», 1907. 132 S. — 226 - 227, 229, 232 - 233, 235 - 236, 247, 290, 299, 402.

"*La Jeunesse — c'est l'Avenir*", Haine st. Paul. — 234.

"*Justice*", London. — 216, 290, 291.

— 1908, No. 1,292, October 17, p. 4, 7; No. 1, 294, Oktober 31, p. 3; No. 1,296, November 14, p. 3, — 290, 291 - 292.

* *Kautsky, K. Die soziale Revolution.* I. Sozialreform und soziale Revolution. 2. durchges. und verm. Aufl. Berlin, Buchh. «Vorwärts», 1907. 64 S. — 49 - 50, 52, 53, 56 - 57, 209.

— *Die soziale Revolution.* II. Am Tage nach der sozialen Revolution. 2. durchges. und verm. Aufl. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907. 48 S. — 49, 209.

— *Vorwort zur zweiten Auflage [des Buches "Die soziale Revolution"].* — In: Kautsky, K. Die soziale Revolution. I. Sozialreform und soziale Revolution. 2. durchges. und verm. Aufl. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907, S. 5 - 6. — 49, 56 - 57.

— *Die Zulassung der "Arbeiterpartei" Englands zu den Internationalen Kongressen — xem Die Zulassung der "Arbeiterpartei" Englands zu den Internationalen Kongressen.*

Keussler, J. Zur Geschichte und Kritik des bäuerlichen Gemeindebesitzes in Rußland. T. 2, II. Hälfte. S.-Pb., Ricker, 1883. VIII, 248 S. — 96.

"*The Labour Leader*", Manchester — London — Glasgow. — 290.

— London, 1908, No. 42, Oct. 16, p. 665. — 290 - 291.

Lassalle, F. Über Verfassungswesen. Ein Vortrag, gehalten [am 16. April 1862] in einem Berliner-Bürger-Bezirks-Verein von Ferdinand Lassalle. Berlin, Jansen, 1862. 32 S. — 424.

— *Was nun?* Zweiter Vortrag über Verfassungswesen. Zürich, Meyer u. Zeller, 1863. 41 S. — 424.

"*Leipziger Volkszeitung*". — 271.

— 1908, Nr. 232, 6. Oktober, S. 1 - 2. — 271.

[*Lenin, W. I.] Lenin, N. Program rolny Socjaldemokracji w rewolucji rosyjskiej.* (Autoreferat). — "Przegląd Socjaldemokratyczny", Kraków, 1908, Nr. 6, sierpień, s. 516 - 532. — 314 - 315, 316 - 317, 318, 321, 327.

The liberal-labour alliance. — "Justice", London, 1908, No. 1,292, October 17, p. 4; No. 1,294, October 31, p. 3; No. 1,296, November 14, p. 3. — 290, 291 - 292.

Liebkecht, K. Militarismus und Antimilitarismus unter besonderer Berücksichtigung der internationalen Jugendbewegung. Leipzig, 1907. VII, 126 S. — 231.

Luxemburg, R. Offener Breif an Jean Jaurès. — "Die Neue Zeit", Stuttgart, 1908, Jg. 26, Bd. 2, Nr. 43, S. 588 - 592. — 237 - 238.

Marx, K. u. Engels, F. Gesammelte Schriften von Karl Marx und Friedrich Engels. 1841 bis 1850. Bd. 3. Von Mai 1848 bis October 1850. Stuttgart, Dietz, 1902. VI, 491 S. (In: Aus dem literarischen Nachlaß

- von Karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. 3). — 322, 478, 503 - 504.
- Marx, K. *Das Elend der Philosophie*. Antwort auf Proudhons "Philosophie des Elends". Deutsch von E. Bernstein und K. Kautsky. Mit Vorm. und Noten von F. Engels. Stuttgart, Dietz, 1885. XXXVI, 209 S. — 508.
- * — *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. 1. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel I bis XXVIII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. XXVIII, 448 S. — 302, 303, 304, 326, 349 - 350.
- * — *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. 2. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel XXIX bis LII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. IV, 422 S. — 188, 196, 302, 303, 304-305, 326, 349-350.
- *Köln, 29. Juli*. — In: Marx, K. u. Engels, F. Gesammelte Schriften von Karl Marx und Friedrich Engels. 1841 bis 1850. Bd. 3. Von Mai 1848 bis Oktober 1850. Stuttgart, Dietz, 1902, S. 128 - 133. Unter dem Gesamttitel: Das Ministerium Hansemann. (In: Aus dem literarischen Nachlaß von Karl Marx, Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle. Hrsg. von F. Mehring. Bd. 3). — 322, 478.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie" von K. Marx. Hrsg. K. Kautsky. Bd. I. Die Anfänge der Theorie vom Mehrwert bis Adam Smith. Stuttgart, Dietz, 1905. XX, 430 S. — 156, 194, 304, 321.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie" von K. Marx. Hrsg. von K. Kautsky. Bd. II. David Ricardo. T. 1. Stuttgart, Dietz, 1905. XXII, 344 S. — 156, 194 - 195, 196 - 197, 303, 304, 321.
- *Theorien über den Mehrwert*. Aus dem nachgelassenen Manuskript "Zur Kritik der politischen Ökonomie" von K. Marx. Hrsg. von K. Kautsky. Bd. II. David Ricardo. T. 2. Stuttgart, Dietz, 1905. IV, 384 S. — 156 - 158, 188 - 189, 193, 194 - 195, 304, 321.
- Maslow, P. *Die Agrarfrage in Rußland*. Die bäuerliche Wirtschaftsform und die ländlichen Arbeiter. Autorisierte Übersetzung von M. Nachimson. Stuttgart, Dietz, 1907. XIII, 256. S. — 195, 311 - 312.

- *W sprawie programu rolnego*. (Odpowiedö Leninowi). — "Przegląd Socjaldemokratyczny", Kraków, 1908, Nr. 7, wrzesień, s. 588 - 596. — 314 - 320, 322 - 323, 324 - 328.
- Der Militarismus und die internationalen Konflikte*. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Stuttgart]. — In: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907, S. 64 - 66. — 226 - 227, 232 - 233, 247.
- *"Die Neue Zeit", Stuttgart, 1892 - 1893, Jg. XI, Bd. I, Nr. 1, S. 15 - 20; Nr. 2, S. 42 - 51. — 55 - 56, 478 - 479.
- 1896 - 1897, Jg. XV, Bd. I, Nr. 6, S. 164 - 171; Nr. 7, S. 204 - 213; Nr. 10, S. 303 - 311; Nr. 25, S. 772 - 783; Bd. II, Nr. 30, S. 100 - 107; Nr. 31, S. 138 - 143. — 21.
- 1897 - 1898, Jg. XVI, Bd. II, Nr. 34, S. 225 - 232; Nr. 39, S. 388 - 395. — 21.
- 1908, Jg. 26, Bd. 2, Nr. 27, S. 4-10; Nr. 28, S. 49 - 58. — 39 - 40.
- 1908, Jg. 26, Bd. 2, Nr. 43, S. 588 - 592. — 237 - 238.
- "*Neue Rheinische Zeitung*", Köln. — 478, 503 - 504.
- Die Organisationsfrage in der russischen Sozialdemokratie*. — "Vorwärts", Berlin, 1909, Nr. 79, 3. April. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. Unter der Rubrik: Aus der Partei. — 481 - 483.
- "*Le Peuple*", Bruxelles. — 234, 287.
- Programm der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands, beschlossen auf dem Parteitag zu Erfurt 1891*. — In: Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Erfurt vom 14. bis 20. Oktober 1891. Berlin, "Vorwärts", 1891, S. 3 - 6. — 421, 512 - 513, 521, 525.
- Protokoll des Internationalen Arbeiterkongresses zu Paris*. Abgehalten vom 14. bis 20. Juli 1889. Deutsche Übersetzung. Mit einem Vorwort von W. Liebknecht. Nürnberg, Wörlein, 1890. V, 133 S. — 227.
- Protokoll des Internationalen sozialistischen Arbeiterkongresses in der Tonhalle Zürich vom 6. bis 12. August 1893*. Hrsg. vom Organisationskomitee. Zürich, Buchh. des Schweiz. Grütlivereins, 1894. VIII, 65 S. — 227.

Protokoll über Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Erfurt vom 14. bis 20. Oktober 1891. Berlin, "Vorwärts", 1891. 368 S. — 421, 512 - 513, 521, 525.

Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Essen vom 15. bis 21. September 1907. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907. 413 S. — 228 - 229, 233.

"*Przegląd Socjaldemokratyczny*", Kraków. — 207.

— 1908, Nr. 6, sierpień, s. 516 - 532. — 314 - 315, 316 - 317, 318, 321, 327.

— 1908, Nr. 7, wrzesień, s. 588 - 596. — 314 - 320, 322 - 323, 324 - 328.

"*Reichs-Gesetzblatt*", Berlin, 1878, Nr. 34, S. 351 - 358. — 8, 235 - 236, 370, 445, 496, 550.

[*Die Resolution der Versammlung der Berliner Arbeiter.* 20. September 1908]. — «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 222, 22. September, S. 2. Unter dem Gesamttitel: Die Arbeiter für den Frieden. — 247.

"*Russisches Bulletin*", Berlin. — 282.

Schippe, M. Balkanwirren und Demokratie einst und heute.— "Sozialistische Monatshefte", Berlin, 1908, Bd. 3, Hft. 21, 22. Oktober, S. 1315 - 1319. — 275 - 277.

Sembat, M. Lendemain. — "L'Humanité", Paris, 1908, No. 1567, 1 août, p. 1. — 217 - 218.

Sitzung der Interparlamentarischen Kommission.— «Vorwärts», Berlin, 1908, Nr. 243, 16. Oktober. 1. Beilage des «Vorwärts», S. 1. — 298 - 301.

"*Der Sozialdemokrat*", Zürich — London. — 370.

"*Sozialistische Monatshefte*", Berlin. — 275.

— 1908, Bd. 3, Hft. 21, 22. Oktober, S. 1315 - 1319. — 275, 277.

Sprawozdanie z VI zjazdu Socjaldemokracji Królestwa Polskiego i Litwy. Kraków, Wojtaszek, 1910. 2, XXII, 180 s. (Socjaldemokracja Królestwa Polskiego i Litwy). — 466 - 467.

Stellung des Proletariats zum Militarismus. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Brüssel. - In: Verhandlungen und Beschlüsse des Internationalen Arbeiterkongresses zu Brüssel. (16. — 22. August 1891). Berlin, die Expedition des "Vorwärts", 1893, S. 26. — 227.

Stellung der Sozialdemokratie in Kriegsfall. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu Zürich]. — In: Protokoll des Internationalen sozialistischen Arbeiterkongresses in der Tonhalle Zürich vom 6. bis 12. August 1893. Hrsg. vom Organisationskomitee. Zürich, Buchh. des Schweiz. Grütlivereins, 1894, S. 20, 30. — 227.

"*La Tribune Russe*", Paris. — 282 - 283.

Vaillant, E. M. Die politische Lage. [Der Resolutionsentwurf, vorgeschlagen auf der Sitzung des Internationalen sozialistischen Büros am 12. Oktober 1908]. — "Vorwärts", Berlin, 1908, Nr. 242, 15. Oktober. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 2. Unter dem Gesamttitel: Internationale sozialistische Konferenz zu Brüssel. — 292 - 294.

Van Kol, G. [Die Resolution zur Kolonialfrage]. — In: Internationaler Sozialistenkongreß zu Stuttgart. 18. bis 24. August 1907. Berlin, Buchh. "Vorwärts", 1907, S. 112. Unter der Rubrik: III. Kolonialfrage. — 299.

Verhandlungen und Beschlüsse des Internationalen Arbeiterkongresses zu Brüssel. (16. — 22. August 1891). Berlin, die Expedition des "Vorwärts", 1893. 35 S. — 227.

Verhandlungen und Beschlüsse des Internationalen sozialistischen Arbeiter- und Gewerkschaftskongresses zu London vom 27. Juli bis 1. August 1896. Berlin, die Expedition der Buchh. "Vorwärts", 1896. 32 S. — 402.

Die Verteidigung von Berlin! — "Vorwärts", Berlin, 1908, Nr. 222, 22. September, S. 3. Unter dem Gesamttitel: Die Arbeiter für den Frieden. — 248.

"*Vorwärts*", Berlin, — 275, 481, 482.

— 1908, Nr. 222, 22. September, S. 1 - 3. — 246 - 248.

— 1908, Nr. 242, 15. Oktober. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. — 285 - 289, 290 - 291, 292 - 294, 298.

— 1908, Nr. 243, 16. Oktober. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1. — 298 - 301.

— 1909, Nr. 79, 3. April. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1 - 2. — 481 - 483.

Die Wirtschaftspolitik der Arbeiterklasse. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Kongresses zu London]. — In: Verhandlungen und Beschlüsse des Internationalen sozialistischen Arbeiter- und Gewerk-

schaftskongresses zu London vom 27. Juli bis 1. August 1896. Berlin, die Expedition der Buchh. "Vorwärts", 1896, S. 27 - 29. — 402.

Zadania partji w chwili obechej. [Resolucja z VI zjazdu SDKP i L]. — In: Sprawozdanie z VI szjazdu Socjaldemokracji Królestwa Polskiego i Litwy. Kraków, Wojtaszek, 1910, s. I - V. — 466 - 467.

Die Zulassung der "Arbeiterpartei" Englands zu den Internationalen Kongressen. [Die Resolution des Internationalen sozialistischen Büros, angenommen am 12. Oktober 1908]. — "Vorwärts", Berlin, 1908, Nr. 242, 15. Oktober. 1. Beilage des "Vorwärts", S. 1. Unter dem Gesamttitel: Internationale sozialistische Konferenz zu Brüssel. — 285 - 286, 287 - 289, 290 - 291, 292.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-lếch-xan-đrơ II (Rô-ma-nốp) (1818 - 1881) – hoàng đế Nga (1855 - 1881). — 505.

A-vra-mốp, Xtê-phan – đảng viên dân chủ - xã hội Bun-ga-ri. Là đại biểu của Đảng dân chủ - xã hội Bun-ga-ri (phái "che-xni-ác") tại khóa họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa năm 1908; chẳng bao lâu sau khóa họp đó, y rút khỏi công tác đảng. — 286, 289, 293.

Ác-xen-rốt P. B. (1850 - 1928) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Trong những năm 70 thế kỷ XIX, là người thuộc phái dân túy, sau khi nhóm "Ruộng đất và tự do" bị phân liệt, gia nhập nhóm "Chia đều ruộng đất"; năm 1883 tham gia thành lập nhóm "Giải phóng lao động". Từ năm 1900 là ủy viên ban biên tập tờ "Tia lửa" và tờ "Bình minh"; tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã tham gia với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết của ban biên tập tờ "Tia lửa", một người theo phái "Tia lửa" của nhóm thiểu số. Sau đại hội, trở thành một người men-sê-vích tích cực. Năm 1905 đưa ra một chủ trương cơ hội chủ nghĩa muốn triệu tập "đại hội công nhân" mở rộng, đặt đại hội đó đối lập với đảng của giai cấp vô sản. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, y là một trong những người lãnh đạo phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội" của phái men-sê-vích thủ tiêu chủ nghĩa; năm 1912 tham gia khối tháng Tám chống đảng. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là người thuộc phái giữa, đã tham dự các Hội nghị Xim-méc-van và Ki-en-tan, ở đây Ác-xen-rốt tham gia cánh hữu. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười; sống lưu vong

ở nước ngoài, tuyên truyền việc can thiệp vũ trang chống lại nước Nga xô-viết. — 467, 502.

An-đéc-xơn (Anderson), *Giêm-xơ* (1739 - 1808) — nhà kinh tế học tư sản nổi tiếng người Anh, một trại chủ lớn, tác giả của một số tác phẩm khoa học chủ yếu viết về những vấn đề nông nghiệp. Năm 1777, trong tác phẩm "Nghiên cứu bản chất những đạo luật về lúa mì", ông đã nghiên cứu những nét cơ bản của thuyết địa tô chênh lệch. Bênh vực lợi ích của bọn chủ đất, ông ủng hộ việc duy trì các đạo luật về lúa mì, các mức thuế quan và các khoản tiền thưởng về xuất khẩu; ông cho rằng làm như vậy sẽ khuyến khích phát triển nông nghiệp. C. Mác phê phán các quan điểm của An-đéc-xơn trong cuốn "Các học thuyết về giá trị thặng dư (tập IV của bộ "Tư bản")", phần II, tiếng Nga, 1957. — 156.

An-đrây-tsúc, *M. X.* (sinh năm 1866) — một nông dân khá giả, đại biểu của tỉnh Vô-lun trong Đu-ma nhà nước III; một người không đảng phái. Ở Đu-ma nhân vật này được bầu vào các tiểu ban: lương thực, đánh cá, v. v.. — 388.

An-nen-xki, *N. Ph.* (1843 - 1912) — nhà kinh tế học kiêm nhà thống kê và nhà chính luận, nhà hoạt động có tên tuổi của phong trào tự do - dân túy; ông lãnh đạo công tác thống kê của hội đồng địa phương ở một số tỉnh; nhiều tác phẩm viết về thống kê đã được xuất bản dưới sự chỉ đạo và biên tập của ông. Ông đã tham gia soạn văn tập gồm hai tập "Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga" (1897); cộng tác với các tạp chí "Sự nghiệp", "Ký sự nước nhà"; tham gia ban biên tập tạp chí của phái dân túy - tự do chủ nghĩa "Của cải nước Nga". Trong những năm 1904 - 1905, là một trong những người lãnh đạo "Hội liên hiệp giải phóng" của phái quân chủ - tự do chủ nghĩa. Năm 1906, là một trong những người tổ chức và lãnh đạo đảng của "những người xã hội chủ nghĩa nhân dân", một đảng tiểu tư sản gần gũi với phái dân chủ - lập hiến, gồm những người đã tách ra khỏi cánh hữu của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Vào cuối đời, ông thôi không hoạt động chính trị nữa. — 88.

Áp-đun Ha-mít II (1842 - 1918) — vua Thổ-nhĩ-kỳ (1876 - 1909). Lên ngôi với sự ủng hộ của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, nhưng đến năm 1878 thì y đã giải tán nghị viện và thiết lập chế độ độc tài. Với chính sách áp bức các dân tộc thuộc đế quốc Ô-xman, đặc biệt là việc tàn sát người Ác-mê-ni-a, y đã bị đặt cho biệt hiệu là một

tên khát máu. Y đã giúp cho việc biến nước Thổ-nhĩ-kỳ thành một nước nửa thuộc địa của các cường quốc đế quốc châu Âu. Sau cuộc cách mạng năm 1908 y buộc phải triệu tập nghị viện và phục hồi hiến pháp. Năm 1909, sau khi âm mưu đảo chính phản cách mạng bị thất bại, y bị hạ bệ và bị bỏ tù. — 212, 293.

Át-lơ (Adler), *Vích-to* (1852 - 1918) — một trong những người tổ chức và thủ lĩnh Đảng dân chủ - xã hội Áo; bắt đầu hoạt động chính trị với tư cách là một người cấp tiến tư sản, và từ giữa những năm 80 thì tham gia phong trào công nhân. Năm 1886 Át-lơ sáng lập báo "Gleichheit" ("Bình đẳng"), từ năm 1889 là biên tập viên của tờ "Arbeiter - Zeitung" ("Báo công nhân"), cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng dân chủ - xã hội Áo. Trong những năm 80 - 90 Át-lơ có quan hệ với Ph. Ăng-ghe-n, nhưng ít lâu sau khi Ăng-ghe-n chết, ông rơi vào chủ nghĩa cải lương và là một trong những lãnh tụ của chủ nghĩa cơ hội. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) Át-lơ giữ lập trường phái giữa, tuyên truyền "hòa bình giai cấp" và đấu tranh chống những hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân. Năm 1918, sau khi chế độ cộng hòa tư sản được thiết lập ở Áo, có một thời gian ông làm bộ trưởng Bộ ngoại giao. — 287, 297, 298.

Ă

Ăng-ghe-n (Engels), *Phri-đrích* (1820 - 1895) một trong những nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế, người bạn và chiến hữu của C. Mác (xem bài "Phri-đrích Ăng-ghe-n" của V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 2, tr. XV - 14). — 20, 23, 32, 40, 45 - 46, 55, 56, 236, 289, 302, 332, 335 - 336, 347, 348 - 349, 478 - 479, 508, 510 - 512, 513, 514, 516, 524, 549.

B

Ba-da-rốp (*Rút-nép*), *V. A.* (1874 - 1939) nhà văn học - kinh tế học, nhà triết học, dịch giả các tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ năm 1896. Trong những năm 1905 - 1907 Ba-da-rốp tham gia xuất bản một số tác phẩm bôn-sê-vích; trong thời kỳ thế lực phản động thống trị, rút lui khỏi phái

* Những chữ in ngả trong ngoặc đơn là họ tên thật.

bôn-sê-vích, là một trong những kẻ xét lại triết học mác-xít, đứng trên lập trường của phái Ma-khơ. V. I. Lê-nin vạch trần việc Ba-da-rốp ngụy tạo chủ nghĩa Mác, gọi y là "một nửa là đồ đệ của Béc-clip, một nửa là đồ đệ của Hi-um, người thuộc phái Ma-khơ" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 18, tr. 127). Năm 1917, là một người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế; một trong những biên tập viên của tờ báo nửa men-sê-vích "Đời sống mới"; chống lại Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Từ năm 1921 Ba-da-rốp công tác ở Ủy ban kế hoạch nhà nước Liên-xô. Năm 1931 bị kết án trong vụ tổ chức men-sê-vích phản cách mạng, đến năm 1932 được tha. – 22.

Ba-la-clê-ép, I. I. (sinh năm 1866) — là đại địa chủ, đại biểu cực hữu của tỉnh Pô-đôn-xcơ trong Đu-ma nhà nước III; chủ tịch một bộ phận địa phương của "Liên minh nhân dân Nga", một tổ chức của bọn Trăm đen. Ở Đu-ma y được bầu vào tiểu ban ngân sách và tiểu ban về vấn đề công nhân, v. v. – 380 - 381.

Be-rơ – xem Bê-rơ, C. M.

Béc-stanh (Bernstein), E-đư-a (1850 - 1932) – thủ lĩnh cánh cơ hội chủ nghĩa cực đoan trong Đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ giữa những năm 70, chịu ảnh hưởng của Duy-rinh. Từ năm 1881 đến năm 1889 là chủ biên của báo "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội"), cơ quan ngôn luận trung ương bất hợp pháp của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1896 - 1898, ông cho đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit" ("Thời mới") một loạt bài dưới đầu đề "Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội", sau đó được xuất bản thành cuốn "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của Đảng dân chủ - xã hội" (1899); cuốn sách này đã công khai xét lại những nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng. Béc-stanh phủ nhận học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp, học thuyết về sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Âm chỉ Béc-stanh, V. I. Lê-nin đã viết: "Kẻ cơ hội chủ nghĩa đã mất thói quen nghĩ theo lối cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 33, tr. 65). Béc-stanh tuyên bố nhiệm vụ duy nhất của phong trào công nhân là đấu tranh cho những cải cách nhằm "cải thiện" đời sống kinh tế của công nhân dưới chế độ tư bản, nêu lên công thức cơ hội chủ nghĩa như sau: "phong trào là tất cả, mục

đích cuối cùng chẳng là gì cả". Những quan điểm lý luận và hoạt động thực tiễn cơ hội chủ nghĩa của Béc-stanh và những môn đồ của Béc-stanh đã đưa họ tới sự phản bội trực tiếp lợi ích của giai cấp công nhân, chắm dứt vào thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) bằng sự phá sản của Quốc tế II. Những năm tiếp đó Béc-stanh vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa Mác, ủng hộ chính sách của giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa, chống lại Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết. – 21, 27 - 28, 40, 335 - 336.

Bê-ben (Bebel), *Au-gu-xtơ* (1840 - 1913) – một trong những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của Đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II. Làm thợ tiện. Bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa đầu những năm 60 thế kỷ XIX; là thành viên của Quốc tế I. Năm 1869 đã cùng với V. Liép-nếch sáng lập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức ("Ai-xơ-nách"); nhiều lần được bầu làm đại biểu quốc hội, đã đấu tranh cho việc thống nhất nước Đức bằng con đường dân chủ, đã vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của chính phủ Đức hoàng. Trong thời kỳ chiến tranh Pháp - Phổ, ông giữ lập trường quốc tế chủ nghĩa, ủng hộ Công xã Pa-ri. Trong những năm 90 thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, ông chống lại chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ Đảng dân chủ - xã hội Đức. V. I. Lê-nin coi những bài diễn văn của ông chống lại bọn theo phái Béc-stanh là "mẫu mực về việc bảo vệ những quan điểm mác-xít và đấu tranh cho tính chất thật sự xã hội chủ nghĩa của đảng công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1972, t. 19, tr. 423). Là nhà chính luận có tài và là một diễn giả hùng biện, Bê-ben đã có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của phong trào công nhân Đức và châu Âu. Vào cuối thời kỳ hoạt động của ông, Bê-ben đã phạm phải một số sai lầm có tính chất phái giữa (đấu tranh không triệt để với bọn cơ hội chủ nghĩa, đánh giá quá cao ý nghĩa các hình thức đấu tranh nghị trường, v. v.). – 229, 495 - 496.

Bê-lô-u-xốp, T. Ô. (sinh năm 1875) – một người men-sê-vích theo phái thủ tiêu, đại biểu của tỉnh Iéc-cút-xcơ trong Đu-ma nhà nước III; ở Đu-ma Bê-lô-u-xốp được bầu vào tiểu ban ngân sách và tiểu ban ruộng đất. Tháng Hai 1912, rút ra khỏi đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhưng không bỏ quyền hạn đại biểu. Trong bài "Về vấn đề vị đại biểu T.Ô. Bê-lô-u-xốp rút khỏi đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma" V. I. Lê-nin kịch liệt lên án hành

động của Bê-lô-u-xốp (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, t. 17, tr. 753). –393 - 394, 395 - 396, 496, 525, 537.

Bê-rê-dốp-xki, A. E. (Bê-rê-dốp-xki I) (sinh năm 1868) - địa chủ, đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến, nhà hoạt động hội đồng địa phương; đại biểu của tỉnh Xim-biéc-xcơ trong Đu-ma nhà nước III, ủy viên trong tiểu ban lương thực và tiểu ban ruộng đất, v. v.. –382 - 385.

Bê-rơ, C. M. (1792 - 1876) – nhà bác học Nga, một trong những nhà nghiên cứu thiên nhiên lớn nhất của thế kỷ XIX, người sáng lập ra ngành phôi thai học, viện sĩ Viện hàn lâm, sau khi tốt nghiệp Trường đại học tổng hợp Đóc-pát ông ra nước ngoài và sống ở đây tới năm 1834. Từ năm 1817 là hiệu phó Trường đại học tổng hợp Cơ-ních-xbe, từ năm 1819 là giáo sư động vật học, từ năm 1826 là giáo sư giải phẫu học. Năm 1826 được bầu là viện sĩ thông tấn và năm 1828 là viện sĩ đương nhiệm của Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua. Năm 1834 ông trở về Pê-téc-bua. Ông nổi tiếng nhất về công trình nghiên cứu sự phát triển phôi của động vật. Ông công nhận quá trình tiến hóa nhưng lại giải thích quá trình đó theo phương pháp duy tâm: chống lại thuyết tiến hóa của Đác-uyn, đặc biệt là thuyết đào thải tự nhiên. Ông cũng nghiên cứu những vấn đề về nhân chủng học. Là một trong những người sáng lập ra Hội địa lý. Đã tham gia một số cuộc thám hiểm địa lý. Là tác giả của nhiều tác phẩm khoa học viết về phôi thai học, nhân chủng học, giải phẫu học, địa lý và những vấn đề khác. – 82.

Bi-na-xích, M. X. – xem Nô-vô-xết-xki.

Bi-xmác (Bismarck), *Ốt-tô Ê-đu-a Lê-ô-pôn* (1815 - 1898) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao của Phổ và Đức, thủ tướng đầu tiên của Đế quốc Đức, được mệnh danh là "thủ tướng sắt thép". Năm 1862 là thủ tướng kiêm bộ trưởng Bộ ngoại giao Phổ. Mục đích cơ bản của Bi-xmác là dùng "máu và sắt thép" để thống nhất các quốc gia Đức nhỏ, riêng lẻ, và thành lập một Đế quốc Đức thống nhất dưới quyền lãnh đạo của nước Phổ gioong-ke. Tháng Giêng 1871 Bi-xmác giữ chức thủ tướng của Đế quốc Đức. Từ 1871 đến 1890, y đã điều khiển toàn bộ chính sách đối nội và đối ngoại của nước Đức, nhằm phục vụ cho lợi ích của bọn địa chủ - gioong-ke, đồng thời cố sức đảm bảo sự liên minh giữa tầng lớp gioong-ke với giai cấp đại tư sản. Đạo luật đặc biệt do y ban hành năm 1878 nhằm chống lại những người xã hội chủ nghĩa, đã không bóp chết được phong trào công nhân, do đó Bi-xmác đành đưa ra chương trình

mị dân về việc thảo ra một bộ luật xã hội, thi hành các đạo luật về chế độ bảo hiểm bắt buộc đối với một số loại công nhân. Song, những mưu toan làm tan rã phong trào công nhân bằng những sự bố thí thảm hại ấy đã bị thất bại. Tháng Ba 1890 y đã từ chức. – 38 - 39, 235, 512.

Bla-gô-vê-sen-xki, N. A. (sinh năm 1859) – nhà thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Cốc-xcơ, người biên soạn cuốn "Tập thống kê tổng hợp những tài liệu kinh tế theo sự điều tra từng hộ của các hội đồng địa phương. Tập I. Kinh tế nông dân" (1893) và tác giả một số công trình thống kê khác. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, làm việc ở Sở thống kê tỉnh Cốc-xcơ. – 146 - 147.

Bô-bi-an-xki, A. Ph. (sinh năm 1853) – đảng viên dân chủ - lập hiến, đại địa chủ, thẩm phán tòa án quân sự, sau khi về hưu làm trạng sư. Là đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước III. Tại Đu-ma nhà nước thường phát biểu ý kiến về những vấn đề pháp luật. – 382.

Bô-brin-xki, V. A. (sinh năm 1868) – bá tước, nhà hoạt động chính trị phản động, đại địa chủ và chủ nhà máy đường. Từ năm 1895 đến năm 1898 là chủ tịch Hội đồng địa phương huyện Bô-gô-rô-đin-xcơ. Là đại biểu của tỉnh Tu-la trong Đu-ma nhà nước II, III và IV. Trong Đu-ma, Bô-brin-xki gia nhập cánh hữu. Là một người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan, y tán thành dùng bạo lực để Nga hóa các vùng biên khu của các dân tộc trên nước Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, y đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết ở miền Nam nước Nga. Năm 1919, y chạy ra nước ngoài. – 379.

Bô-gđã-nốp, A. (Ma-li-nốp-xki, A. A.) (1873 - 1928) – một người dân chủ - xã hội, nhà triết học, nhà xã hội học, nhà kinh tế học, là bác sĩ. Trong những năm 90 thế kỷ XIX tham gia công tác trong các nhóm dân chủ - xã hội (ở Tu-la). Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, gia nhập phái bôn-sê-vích. Tại Đại hội III của đảng Bô-gđã-nốp được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương. Tham gia ban biên tập các cơ quan ngôn luận bôn-sê-vích "Tiến lên" và "Người vô sản", là một trong những biên tập viên của tờ báo bôn-sê-vích "Đời sống mới". Đã tham gia công tác của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, cầm đầu phái triệu hồi, là thủ lĩnh nhóm "Tiến lên", chống lại đường lối của đảng. Trong

các vấn đề triết học Bô-gđă-nốp mưu toan tạo ra một học thuyết riêng của mình gọi là "chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên" (một biến dạng của triết học duy tâm chủ quan của phái Ma-khơ được che đậy bằng những thuật ngữ giả danh mác-xít); Lê-nin kịch liệt phê phán thuyết này trong tác phẩm của Người "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán". Tại hội nghị ban biên tập mở rộng của báo "Người vô sản" vào tháng Sáu 1909 Bô-gđă-nốp bị khai trừ khỏi đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một trong những người tổ chức và lãnh đạo của tổ chức "Văn hóa vô sản", công tác tại Trường đại học tổng hợp vô sản. Từ năm 1926 là giám đốc Viện truyền máu do ông sáng lập ra. - 22, 549.

Bô-mơ - Ba-véc (Böhm-Bawerk), *Ô-giê-ni* (1851 - 1914) - nhà kinh tế học tư sản, một trong những đại biểu của cái gọi là "trường phái Áo" trong chính trị kinh tế học. Trong các tác phẩm nhằm chống lại học thuyết của Mác về giá trị thặng dư, ông khẳng định rằng lợi nhuận đẻ ra từ sự khác nhau trong cách đánh giá chủ quan về các phúc lợi hiện tại và tương lai, chứ không phải là kết quả của việc bóc lột giai cấp công nhân. Bằng việc che giấu mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và việc tư bản áp bức lao động, Bô-mơ - Ba-véc tìm cách làm cho giai cấp công nhân không chú ý tới cuộc đấu tranh cách mạng; những quan điểm phản động của Bô-mơ - Ba-véc được giai cấp tư sản dùng để bảo vệ chủ nghĩa tư bản. - 23, 25.

Bóc-xơ (Burns), *Giôn En-li-ôt* (1858 - 1943) - nhà hoạt động chính trị Anh. Trong những năm 80 là một trong những người lãnh đạo công liên, đã tham gia nhiều cuộc bãi công, trong đó có cuộc bãi công lớn năm 1889 của những công nhân bốc vác ở bến tàu. Là đảng viên của Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh, nhưng chẳng bao lâu lại rút khỏi tổ chức đó. Năm 1889 tham gia Hội đồng tỉnh Luân-đôn. Năm 1892 được bầu vào nghị viện, ở đây Bóc-xơ chống lại lợi ích của giai cấp công nhân, ủng hộ sự hợp tác với bọn tư bản. Trong những năm 1905 - 1914 là bộ trưởng Bộ tự quản địa phương, và sau đó là bộ trưởng Bộ thương nghiệp (1914). Tháng Tám 1914 ông về hưu, tỏ ý không tán thành quyết định của chính phủ tham gia chiến tranh thế giới mới bùng nổ. Về sau này, không còn giữ vai trò chính trị tích cực nữa. - 289, 292.

Bran-tinh (Branting), *Các-lơ I-an-ma* (1860 - 1925) - thủ lĩnh của Đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển, một trong những người lãnh đạo của Quốc tế II, một tên xét lại và cơ hội chủ nghĩa. Từ năm 1884, là

cộng tác viên sau đó là biên tập viên của tờ báo tự do chủ nghĩa "Tiden" ("Thời gian"); trong những năm 1887 - 1917 (với những khoảng thời gian ngắt quãng) là biên tập viên của cơ quan ngôn luận trung ương của đảng: báo "Socialdemokraten" ("Người dân chủ - xã hội"); là đại biểu quốc hội (1897 - 1925). Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất là một người xã hội - số-vanh. Năm 1917, tham gia chính phủ xã hội chủ nghĩa - tự do liên hiệp của Ê-đen, ủng hộ sự can thiệp quân sự chống nước Nga xô-viết. Trong những năm 1920, 1921 - 1923 và 1924 - 1925 đứng đầu các chính phủ dân chủ - xã hội. - 299.

Bri-ăng (Briand), *A-ri-xti-đơ* (1862 - 1932) - một nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Pháp; làm nghề luật sư. Một thời gian đã gia nhập hàng ngũ những người xã hội chủ nghĩa cánh tả. Năm 1902 tham gia nghị viện và trở thành một chính khách tư sản phản động công khai thù địch với giai cấp công nhân. Năm 1906 Bri-ăng tham gia chính phủ tư sản, làm bộ trưởng Bộ giáo dục. Bị khai trừ ra khỏi đảng xã hội chủ nghĩa, Bri-ăng gia nhập nhóm "những người xã hội chủ nghĩa độc lập", nhóm này năm 1911 lấy tên là "Đảng xã hội chủ nghĩa công hòa". Năm 1909 Bri-ăng là thủ tướng của "nội các ba tên phản bội" (Bri-ăng - Min-lơ-răng - Vi-vi-a-ni). Năm 1910 Bri-ăng đàn áp dã man cuộc bãi công của công nhân đường sắt, tuyên bố tình trạng thiết quân luật đối với đường sắt. Trong những năm 1913, 1915 - 1917, 1921 - 1922 là thủ tướng, năm 1924 là đại diện của Pháp tại Hội quốc liên. Năm 1925 tham gia ký kết Hiệp ước Lô-các-nô nhằm chống lại Liên-xô. Trong những năm 1926 - 1931, lãnh đạo chính sách đối ngoại của Pháp. Năm 1931, sau khi bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống, Bri-ăng không tham gia hoạt động chính trị nữa. - 226.

Brúc-ke (Brouckère), *Lu-i, đơ* (sinh năm 1870) - một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của Đảng công nhân Bỉ; trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đứng đầu cánh tả trong đảng đó. Trong Đại hội Stút-ga của Quốc tế II, đã phát biểu về vấn đề các mối quan hệ qua lại giữa các đảng xã hội chủ nghĩa và công đoàn. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một tên xã hội - số-vanh cuồng nhiệt. Sau khi chiến tranh kết thúc, là ủy viên Ban thường vụ Hội đồng trung ương của đảng và ủy viên Ban chấp hành của Quốc tế II phục hồi. Về sau tham gia chính phủ, là thượng nghị sĩ, là đại diện của Bỉ tại Hội quốc liên. Từ năm 1919 là giáo sư ở Trường đại học tổng hợp Bruy-xen, từ năm 1926 là

viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Bỉ. Đã chống lại Nhà nước xô-viết và đảng bôn-sê-vích. – 28, 298.

Bu-lát (Bu-lô-ta), A. A. (1872 - 1941) – nhà hoạt động xã hội của Lit-va, đại biểu của tỉnh Xu-van-ki trong Đu-ma nhà nước II và III, làm nghề luật sư. Trong những ngày tháng Mười 1905, là một trong những người tổ chức cuộc bãi công của viên chức ngành bưu điện; bị kết án tù. Trong các Đu-ma Bu-lát tham gia đảng đoàn của nhóm lao động; trong Đu-ma nhà nước III là người cầm đầu đảng đoàn này. Trong những năm 1912 - 1915 làm luật sư ở Vin-nhi-út, từ năm 1915 đến năm 1917 sống ở Mỹ. Sau khi trở về Pê-tơ-rô-grát được chỉ định bổ sung vào Ban chấp hành trung ương các Xô-viết có tính chất thỏa hiệp của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ, đại diện cho Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.

Năm 1940, sau khi chế độ phát-xít ở Lit-va bị lật đổ, là ủy viên của tiểu ban bầu cử của nước cộng hòa phụ trách cuộc bầu cử vào Quốc hội nhân dân. Trong những năm 1940 - 1941 là trưởng ban pháp lý của Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Lit-va. Năm 1941, bị bọn xâm lược Đức xử bắn. – 392.

Bu-i-lốp (Bülow), Béc-nơ-hác (1849 - 1929) — nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước của nước Đức Đức hoàng. Trong những năm 1897 - 1900 là bộ trưởng Bộ ngoại giao, từ năm 1900 đến năm 1909 là thủ tướng nước Đức. Đã đưa ra một chương trình lớn xâm chiếm thuộc địa, nó phản ánh khát vọng của chủ nghĩa đế quốc Đức muốn đấu tranh để thống trị thế giới. Đã thi hành chính sách đối nội phản động, đàn áp dã man phong trào bãi công mạnh mẽ; đấu tranh chống lại việc phản đối chủ nghĩa quân phiệt. Thời gian đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), là đại sứ đặc mệnh ở Ý. Sau đó không hoạt động chính trị nữa. — 226.

C

Ca-men-xki, P. V. (sinh năm 1860) – đại địa chủ, chủ tịch ban thường vụ trung ương Đảng "Liên minh ngày 17 tháng Mười", một nhà hoạt động hội đồng địa phương. Trong những năm 1890 - 1908 là người đứng đầu giới quý tộc của huyện Ma-ri-u-pôn. Đại biểu của tỉnh Ê-ca-tê-ri-nô-xláp trong Đu-ma nhà nước III. — 535.

Ca-pu-xtin, M. I-a. (1847 - 1920) đảng viên Đảng tháng Mười, về nghề nghiệp là bác sĩ. Vào đầu những năm 70 thế kỷ XIX làm bác

sĩ ở Hội đồng địa phương tỉnh Cô-xơ-rô-ma, sau đó làm việc ở các quân y viện, ở Viện y học quân sự, ở Trường đại học tổng hợp Vác-sa-va. Từ năm 1887 là giáo sư Trường đại học tổng hợp Ca-dan. Đại biểu của thành phố Ca-dan trong Đu-ma nhà nước II, đại biểu của tỉnh Ca-dan trong Đu-ma nhà nước III, được bầu làm phó chủ tịch Đu-ma. V. I. Lê-nin gọi Ca-pu-xtin là "đại biểu của giai cấp tư sản phản cách mạng". – 379, 535.

Ca-ra-u-lốp, M. A. (1878 - 1917) – thượng úy Cô-dắc, đại biểu của tỉnh Tê-rếch trong Đu-ma nhà nước II và IV, theo chủ nghĩa quân chủ. Biên tập tạp chí "Tuần lễ Cô-dắc". Trong Đu-ma đã tham gia một số tiểu ban, bênh vực việc địa phương công hữu hóa ruộng đất. Năm 1917 nằm trong Ban chấp hành lâm thời của Đu-ma nhà nước. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một trong những tên cầm đầu bọn phản cách mạng ở Tê-rếch. Là thống lĩnh thứ nhất của quân khu Cô-dắc Tê-rếch, tích cực đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết. – 201.

Ca-ra-u-lốp, V. A. (1854 - 1910) – một người dân chủ - lập hiến, quý tộc, làm nghề luật sư; đại biểu của tỉnh Ê-ni-xây-xơ trong Đu-ma nhà nước III. Trước đó là người thuộc phái "Dân ý". Năm 1884 bị bắt giữ ở Ki-ép trong vụ án 12 người thuộc phái "Dân ý" và bị kết án 4 năm tù khổ sai. Sau khi hết hạn tù khổ sai, bị đày đi Xi-bi-ri. Năm 1905 gia nhập phái dân chủ - lập hiến, công khai chống lại cuộc cách mạng 1905 - 1907. Tại Đu-ma III, giữ "một trong những địa vị hàng đầu ở Đu-ma III trong đám những tên dân chủ - lập hiến phản cách mạng đêú giả nhất với những lời lẽ đạo đức giả muốn thu ở trên đầu lưỡi" (xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, t. 17, tr. 54). – 536 - 538.

Ca-rư-sép, N. A. (1855 - 1905) – nhà kinh tế học, nhà thống kê học, hoạt động hội đồng địa phương. Từ năm 1891 là giáo sư Trường đại học tổng hợp I-u-ri-ép (Tác-tu), về sau là giáo sư Học viện nông nghiệp Mát-xcơ-va. Đã cộng tác với báo "Tin tức nước Nga", với các tạp chí "Hội đồng địa phương", "Của cải nước Nga" v. v., là tác giả của nhiều cuốn sách, bài in trên tạp chí viết về những vấn đề kinh tế của nền kinh tế nông dân Nga. Trong đó Ca-rư-sép tán thành những quan điểm của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Trong nhiều tác phẩm và bài phát biểu của Người, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm phản động của Ca-rư-sép. – 101 - 102, 103.

Các-lơ I (Xtiua-ác) (1600 - 1649) – vua nước Anh (1625 - 1649). – 55, 479.

Can-tơ (Kant), *Im-ma-nu-in* (1724 - 1804) – nhà triết học Đức, người sáng lập ra chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức, từ năm 1770 là giáo sư Trường đại học tổng hợp Khuê-ních-xbéc. Trong thời kỳ đầu hoạt động (khoảng trước năm 1770) rất chú ý tới khoa học tự nhiên, đưa ra giả thuyết nổi tiếng về tiến hóa vũ trụ; giả thuyết này, theo cách nói của Ăng-ghen, mở đọt phá khẩu đầu tiên trong thế giới quan siêu hình. Về sau, chủ yếu là nghiên cứu lý luận về nhận thức, cho rằng nhiệm vụ của triết học là nghiên cứu các khả năng và xác định các giới hạn của nhận thức của con người. Theo Can-tơ, những cảm giác là vật liệu kinh nghiệm của nhận thức, nguồn gốc của những cảm giác đó là "những vật tự nó" nằm ngoài chủ thể và không nhận thức được. Là một nhà tư tưởng của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa Đức, một giai cấp không triệt để trong cuộc đấu tranh của mình chống chế độ phong kiến, Can-tơ không thể từ bỏ những khái niệm về thần linh, tự do ý chí và sự bất diệt của linh hồn – cơ sở của đạo lý tôn giáo; ông cho rằng con người phải tin vào những cái đó và trong cuộc sống thực tế của mình phải lấy những cái đó làm kim chỉ nam.

Triết học của Can-tơ là một biến dạng của chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết bất khả tri, nhưng đồng thời nó lại có một xu hướng duy vật nhất định, thể hiện ở học thuyết về "vật tự nó" và ở việc thừa nhận tính chất kinh nghiệm của những kiến thức của chúng ta. Thuyết Can-tơ giữ một vai trò to lớn trong lịch sử triết học, do ảnh hưởng của thuyết đó sau này đã xuất hiện những đại biểu của chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức (Phích-tê, Sen-linh, Hê-ghen), đã nảy sinh những trào lưu tư tưởng triết học Đức như thuyết Can-tơ mới, chủ nghĩa thực chứng, v. v.. C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã vạch ra thực chất của triết học Can-tơ một thứ triết học mà cả những người "cánh hữu" (những nhà duy tâm chủ quan triệt để hơn) lẫn những người "cánh tả" (Phơ-bách, Tséc-nư-sép-xki, những nhà duy vật biện chứng) đều phải phê phán sự mâu thuẫn và tính chất không triệt để của nó (xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 18, tr. 202 - 214, 381 - 384). Nét đặc trưng của những kẻ theo chủ nghĩa xét lại là có xu hướng muốn quay lại thuyết Can-tơ hoặc điều hòa chủ nghĩa Mác với thuyết Can-tơ.

Những tác phẩm chính của Can-tơ: "Lịch sử tự nhiên của thế giới và học thuyết về trời" (1755), "Phê phán lý tính thuần túy"

(1781), "Phê phán lý tính thực tiễn" (1788), "Phê phán khả năng phán đoán" (1790), v. v.. – 21 - 22.

Cau-phman, A. A. (1864 - 1919) – nhà kinh tế học tư sản Nga, nhà thống kê, giáo sư, nhà chính luận; một trong những người tổ chức và lãnh tụ của Đảng dân chủ - lập hiến. Từ năm 1887 đến năm 1906, phục vụ ở Bộ nông nghiệp và tài sản nhà nước. Trong cuốn "Di dân và doanh điền" (1905) ông đã viết khảo luận về lịch sử chính sách di dân của chế độ Nga hoàng. "Với tư cách là một người "tự do" thực sự, tác giả hết sức kính trọng chế độ quan liêu của bọn chủ nô", – V. I. Lê-nin đã viết về Cau-phman như vậy (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 16, tr. 517). Đã tham gia việc soạn dự án cải cách ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến, tích cực cộng tác với tờ "Tin tức nước Nga"; tuyên truyền hòa bình giai cấp giữa nông dân và địa chủ. V. I. Lê-nin khi xếp Cau-phman vào số những nhà thống kê "thận trọng", đã phê phán ông về quan điểm tư sản - quan liêu đối với việc giải quyết vấn đề ruộng đất. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Cau-phman tham gia công tác của các cơ quan thống kê trung ương. – 88 - 90, 93 - 94, 126.

Cau-xky (Kautsky), *Các-lơ* (1854 - 1938) – một trong những lãnh tụ của Đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II, lúc đầu là một người mác-xít, sau phản bội lại chủ nghĩa Mác, là nhà tư tưởng của một loại chủ nghĩa cơ hội nguy hiểm và có hại nhất – chủ nghĩa phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky). Là biên tập của tờ "Die Neue Zeit" ("Thời mới"), tạp chí lý luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức.

Bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa từ năm 1874. Hồi đó quan điểm của Cau-xky là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa Lát-xan, chủ nghĩa Man-tuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1881 làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghen, và do ảnh hưởng của hai ông nên Cau-xky theo chủ nghĩa Mác, song ngay trong thời kỳ đó Cau-xky đã có những biểu hiện dao động nghiêng về phía chủ nghĩa cơ hội, vì thế đã nhiều lần bị C. Mác và Ph. Ăng-ghen kịch liệt phê phán. Trong những năm 80 - 90 thế kỷ XIX Cau-xky đã viết một số tác phẩm bàn về các vấn đề lý luận mác-xít: "Học thuyết kinh tế của Các Mác", "Vấn đề ruộng đất", v. v., những tác phẩm này mặc dầu có những sai lầm nhưng đã giữ một vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác. Sau này, lúc phong trào cách mạng được triển khai rộng rãi, Cau-xky chuyển sang lập trường cơ hội chủ nghĩa. Cau-xky đã tuyên truyền tư tưởng phái giữa, tức là chủ nghĩa cơ hội giấu mặt, đã ủng hộ

việc lưu lại trong đảng những tên công khai theo chủ nghĩa cơ hội. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) Cau-xky đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh, che đậy nó bằng những lời nói suông về chủ nghĩa quốc tế. Là tác giả của thuyết chủ nghĩa siêu đế quốc; Lê-nin đã vạch trần thực chất phản động của thứ lý luận đó trong các tác phẩm "Sự phá sản của Quốc tế II", "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản" và những tác phẩm khác. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cau-xky công khai chống lại cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản, chống lại Chính quyền xô-viết.

Trong các tác phẩm "Nhà nước và cách mạng", "Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky" và một số tác phẩm khác, V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt chủ nghĩa Cau-xky. Vạch trần sự nguy hại của chủ nghĩa Cau-xky, trong bài "Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh" năm 1915 V. I. Lê-nin đã viết: "Giai cấp công nhân không thể làm tròn vai trò cách mạng thế giới của mình nếu không tiến hành đấu tranh thẳng tay chống sự phản bội đó, lập trường thiếu bản lĩnh, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội, và sự tâm thường hóa chủ nghĩa Mác một cách chưa từng thấy trên lĩnh vực lý luận" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 362). – 209, 232, 235 - 236, 285 - 286, 287, 288 - 289, 290, 291, 292, 300, 301, 475 - 478, 479.

Cây-xle, I. A. (1843 - 1897) – nhà kinh tế học, làm việc ở Bộ tài chính, tác giả các tác phẩm nói về những vấn đề kinh tế nông dân Nga và công xã nông nghiệp (đại bộ phận viết bằng tiếng Đức). Được phong học vị bác sĩ và tiến sĩ môn chính trị kinh tế học nhờ tác phẩm của ông, gồm 4 tập viết về công xã nông nghiệp Nga: "Zur Geschichte und Kritik des bäuerlichen Gemeindebesitzes in Russland" ("Bàn về lịch sử và việc phê phán quyền sở hữu của nông dân trong công xã ở Nga"). – 96.

Clê-măng-xô (Clemenceau), Gioóc-giơ Băng-giá-manh (1841 - 1929) – nhà hoạt động chính trị và hoạt động nhà nước của Pháp, trong nhiều năm làm thủ lĩnh của đảng cấp tiến. Khi mới tham gia hoạt động chính trị là một người cộng hòa phái tả, có tâm trạng thù địch với đế chế Na-pô-lê-ông III. Trong những ngày Công xã Pa-ri năm 1871, làm thị trưởng ở một trong những địa hạt của Pa-ri, ông ra sức làm cho giai cấp vô sản điều hòa với giai cấp tư sản. Trong những năm sau đó ông tham gia hoạt động của tòa thị chính, được bầu làm chủ tịch tòa thị chính Pa-ri, và năm 1876 là thành viên của Viện dân biểu Pháp. Từ những năm 80 thế kỷ

XIX là một trong những người lãnh đạo của những người cấp tiến. Năm 1902 được bầu vào Thượng nghị viện, và từ năm 1906 đến năm 1909 đứng đầu chính phủ Pháp. Bảo vệ lợi ích của đại tư bản, Clê-măng-xô đã thi hành chính sách đàn áp dã man giai cấp công nhân. Ngay trước khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) bùng nổ, Clê-măng-xô đoạn tuyệt với đảng của những người cấp tiến. Trong thời gian chiến tranh, là một phần tử sô-vanh cuồng nhiệt. Từ tháng Mười một 1917 Clê-măng-xô lại đứng đầu chính phủ Pháp, thực hiện chế độ độc tài quân sự trong cả nước. Là một trong những người tổ chức và cổ vũ sự can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết, ủng hộ bọn phản cách mạng Nga, mong muốn thực hiện việc "bao vây kinh tế" và bóp chết nước Cộng hòa xô-viết. Năm 1919, trong Hội nghị hòa bình họp ở Pa-ri, Clê-măng-xô bảo vệ lợi ích của bọn đế quốc Pháp nhưng không đạt được mục tiêu một cách đầy đủ. Năm 1920, bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống và rút lui khỏi hoạt động chính trị. – 217 - 218, 226, 271, 277, 352.

Cô-gan, Ô. A. – xem Êc-man-xki, Ô. A.

Cô-rô-len-cô, X. A. – nhà kinh tế học và nhà thống kê làm việc ở Bộ tài sản quốc gia, sau đó đảm nhiệm những nhiệm vụ đặc biệt bên cạnh viên thanh tra nhà nước. Từ năm 1889 tới năm 1892, theo sự ủy nhiệm của Bộ tài sản quốc gia, ông viết cuốn "Lao động làm thuê tự do trong các doanh nghiệp tư nhân và sự di chuyển của công nhân với việc nghiên cứu tình hình nông nghiệp của phần nước Nga thuộc châu Âu về mặt thống kê - kinh tế. (Tập tài liệu thống kê căn cứ vào tài liệu của các nghiệp chủ. Thiên V)", đã được Cục nông nghiệp và công nghiệp nông thôn xuất bản. Trong những năm đầu thế kỷ XX đã cộng tác với báo "Thời mới" của bọn Trăm đen. – 132, 135.

Cô-xơ-rốp – xem Gioóc-đa-ni-a, N. N.

Côn-đra-chi-ép, Ph. Ph. (sinh năm 1871) – nông dân, người thuộc phái lao động. Đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma, được bầu vào các tiểu ban: cải cách tòa án, giáo dục quốc dân. – 392.

Cre-xtốp-ni-cốp, G. A. (sinh năm 1855) – người thuộc phái tháng Mười, nhà công nghiệp lớn, buôn bán chứng khoán. Một thời gian dài Cre-xtốp-ni-cốp là giám đốc ban quản trị tuyến đường sắt Mát-xơ-va - Cuốc-xơ, chủ nhiệm Ngân hàng thương mại Mát-xơ-va

và công ty chứng khoán Mát-xơ-va; là thành viên chính thức các đại hội đại biểu giới công thương nghiệp. Năm 1906 được các tầng lớp tư sản công thương nghiệp bầu là ủy viên của Hội đồng nhà nước. – 500, 501, 506, 509.

Cri-tsép-xki, B. N. (1866 - 1919) – một người dân chủ - xã hội, nhà chính luận, một trong những thủ lĩnh của "phái kinh tế". Từ cuối những năm 80 thế kỷ XIX, tham gia công tác của các tiểu tổ dân chủ - xã hội ở Nga; vào đầu những năm 90 ra nước ngoài; ở nước ngoài có một thời gian gia nhập nhóm "Giải phóng lao động", tham gia các cơ quan xuất bản của nhóm đó. Cuối những năm 90, trở thành một trong những người lãnh đạo của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài", năm 1899 là biên tập viên của tạp chí của Hội liên hiệp đó là tờ "Sự nghiệp công nhân" và đã dùng tạp chí này để tuyên truyền cho các quan điểm Béc-stanh. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được ít lâu, Cri-tsép-xki tách ra khỏi phong trào dân chủ - xã hội. – 172.

Crô-mơ (Cromer), E-vê-linh Ba-rinh (1841 - 1917) – nhân vật hoạt động nhà nước phản động Anh, nhà ngoại giao, huân tước, và như V. I. Lê-nin nhận xét, là "tên đế quốc và quan lại Anh" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 28, tr. 551). Trong những năm 1872 - 1876 là đồng lý văn phòng của phó vương Ấn-độ; sau khi Anh xâm chiếm Ai-cập (1882) tới năm 1907, là công sứ của Anh ở Ai-cập. Khi nắm toàn quyền điều khiển Ai-cập, Crô-mơ bắt đời sống kinh tế và chính trị của đất nước đó phải phục tùng lợi ích của tư bản Anh. Chế độ thuộc địa hà khắc do y thiết lập, trong điều kiện vẫn duy trì một cách làm vì các chính quyền địa phương, được gọi là "chế độ Crô-mơ". Crô-mơ đã thẳng tay đàn áp những người tham gia phong trào giải phóng dân tộc của Ai-cập. Năm 1907 nhân chiến dịch bài Anh nổ ra vì bọn đế quốc Anh đàn áp dân lành Ai-cập ở một vùng ở làng Đen-sa-van, Crô-mơ buộc phải từ chức và hoạt động văn học. – 225.

Crô-pô-tốp, A. E. (sinh năm 1874) – nông dân, người thuộc phái lao động, lực sĩ xã. Là đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước III. Trong Đu-ma là ủy viên tiểu ban ruộng đất. – 388 - 389.

Crôm-oen (Cromwell), Ô-li-vơ (1599 - 1658) – nhà hoạt động lớn nhất của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, lãnh tụ của đảng độc lập, là quan nhiếp chính nước Anh. Bắt đầu tham gia hoạt động chính trị tích cực từ thời gian triệu tập Nghị viện trường kỳ vào

năm 1640; ông được thành phố Kem-brích bầu là nghị sĩ. Trong thời gian đầu cuộc nội chiến ông kiên trì tổ chức các đội quân bao gồm chủ yếu là nông dân. Những đội quân này là hạt nhân của quân đội thường trực của nghị viện. Crôm-oen tỏ ra có năng lực xuất sắc về mặt quân sự, đã giành được những chiến thắng to lớn đối với quân đội của nhà vua. Sau chiến thắng trong cuộc nội chiến lần thứ hai (1648), do sức ép của quần chúng nhân dân Crôm-oen tiến hành việc "thanh lọc" ra khỏi nghị viện những người thuộc phái trưởng lão, tức là những người đại diện cho bọn chóp bu của giai cấp tư sản Luân-đôn, xử tử hình nhà vua và tuyên bố Anh là nước cộng hòa. Đồng thời, Crôm-oen – còn theo cách nói của Ph. Ăng-ghe-nen, đã kết hợp "Rô-be-xpi-e và Na-pô-lê-ông làm một" – đã tàn sát dã man những đại biểu của các trào lưu dân chủ như phái Lê-ven-le và Đích-ghe-rơ, và cả phong trào giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len và xứ Xcốt-len. Sau khi đuổi hết "bọn theo đuôi" trong Nghị viện trường kỳ vào tháng Tư 1653, Crôm-oen thiết lập chế độ độc tài - bảo hộ do một cá nhân quyết định, tự tuyên bố là quan nhiếp chính. Nền chuyên chế của Crôm-oen đã mở đường dẫn tới việc phục hưng triều đại của Xti-u-ác. Crôm-oen tiến hành cuộc đấu tranh giành ưu thế về thương mại và thuộc địa của Anh nhằm phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản Anh. – 55.

Cu-nốp (Cunow), Hen-ri-ích (1862 - 1936) – đảng viên dân chủ - xã hội cánh hữu ở Đức, nhà sử học, nhà xã hội học và nhân chủng học, giáo sư. Từ năm 1917 đến năm 1923 là chủ bút tờ "Die Neue Zeit", cơ quan ngôn luận của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Lúc đầu theo những người mác-xít, về sau trở thành một người theo chủ nghĩa xét lại và xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Lê-nin gọi y là "một người Đức đã từng biện hộ cho chủ nghĩa đế quốc và cho những cuộc thôn tính" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 27, tr. 390). – 349.

Cu-xcô-va, E. Đ. (1869 - 1958) – nhà hoạt động xã hội tư sản và nhà chính luận. Giữa những năm 90 thế kỷ XIX, khi ở nước ngoài bà đã gần gũi với nhóm "Giải phóng lao động" nhưng ít lâu sau do chịu ảnh hưởng của phái Béc-stanh, bà đã đi theo con đường xét lại chủ nghĩa Mác. Những tài liệu do Cu-xcô-va viết với tinh thần của phái Béc-stanh, mang đầu đề "Credo" đã thể hiện rõ ràng nhất thực chất cơ hội chủ nghĩa của "phái kinh tế", và đã bị nhóm những người mác-xít Nga do V. I. Lê-nin đứng đầu phản đối kịch liệt (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ,

Mát-xơ-va, t. 4, tr. 207 - 224). Ngay trước khi cách mạng 1905 - 1907 bùng nổ, Cu-xcô-va gia nhập "Hội liên hiệp giải phóng" theo chủ nghĩa quân chủ tự do chủ nghĩa. Năm 1906, đã cùng với X. N. Prô-cô-pô-vích xuất bản tạp chí nửa dân chủ - lập hiến "Vô-đê", là cộng tác viên tích cực của báo "Đồng chí" của những người dân chủ - lập hiến phái tả. Cu-xcô-va kêu gọi công nhân từ bỏ đấu tranh cách mạng, cố gắng làm cho phong trào công nhân phục tùng sự lãnh đạo chính trị của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cu-xcô-va chống lại những người bôn-sê-vích. Năm 1922 bị trục xuất ra nước ngoài, trở thành một phần tử hoạt động tích cực cho bọn bạch vệ lưu vong. - 499.

Cút-le, N. N. (1859 - 1924) - nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến; công tác ở Bộ tài chính, vụ trưởng Vụ tiền lương, sau đó là bộ trưởng Bộ nông nghiệp và quy hoạch đồng ruộng. Là đại biểu của thành phố Pê-téc-bua trong Đu-ma nhà nước II và III, một trong những tác giả của dự thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong các tác phẩm của Người "Dự thảo diễn văn về vấn đề ruộng đất đọc tại Đu-ma nhà nước II" và "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" V. I. Lê-nin đã phê phán tỉ mỉ cương lĩnh đó và lập trường của Cút-le (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xơ-va, t. 15, tr. 149 - 186 và t. 16, tr. 239 - 526). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Cút-le công tác ở Bộ dân ủy tài chính. Từ năm 1922 là ủy viên ban quản lý Ngân hàng nhà nước Liên-xô. - 14, 384.

D

Đê-len-xki, Ê. Ô. - xem Na-đê-giơ-đin, L.

Đi-nô-vi-ép, G. E. (*Ra-đô-mư-xlơ-xki, G. E., Gri-gô-ri*) (1883 - 1936) - đứng trong hàng ngũ đảng từ năm 1901. Từ năm 1908 tới tháng Tư 1917 sống ở nước ngoài, tham gia ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng "Người dân chủ - xã hội" và tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản". Trong những năm thế lực phản động thống trị, có thái độ điều hòa đối với phái thủ tiêu, phái triệu hồi và bọn tư-rốt-kít. Trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, có những

biểu hiện dao động, tháng Mười 1917, đã cùng với Ca-mê-nép cho đăng trên tờ báo nửa men-sê-vích "Đời sống mới" lời tuyên bố về việc không tán thành nghị quyết của Ban chấp hành trung ương về khởi nghĩa vũ trang do đó đã để lộ cho Chính phủ lâm thời tư sản biết kế hoạch của đảng. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là chủ tịch Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, là ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương, chủ tịch Ban chấp hành Quốc tế cộng sản. Đã nhiều lần chống lại chính sách lê-nin-nít của đảng; tháng Mười một 1917 chủ trương thành lập chính phủ liên hiệp có những người men-sê-vích và xã hội chủ nghĩa - cách mạng tham gia, năm 1925 là một trong những người tổ chức ra nhóm "đối lập mới", năm 1926 là một trong những thủ lĩnh của khối Tư-rốt-xki - Di-nô-vi-ép chống đảng. Tháng Mười một 1927 bị khai trừ khỏi đảng vì hoạt động bè phái. Năm 1928 được phục hồi đảng tịch, nhưng đến năm 1932 lại bị khai trừ khỏi đảng. Năm 1933 lại được phục hồi đảng tịch. Năm 1934, vì hoạt động chống đảng, Di-nô-vi-ép bị khai trừ ra khỏi đảng lần thứ ba. - 241.

Dòng họ Rô-ma-nốp - triều đại các vua và hoàng đế Nga trị vì từ năm 1613 đến năm 1917. - 207.

Đoóc-ghe (Sorge), Phri-đrích A-đôn-phơ (1828 - 1906) - một người xã hội chủ nghĩa Đức, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào xã hội chủ nghĩa và công nhân quốc tế, người bạn và chiến hữu của C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức. Sau khi cách mạng bị thất bại ông ra nước ngoài sống ở Thụy-sĩ, rồi (1852) lại sang Mỹ. Là người tổ chức các chi bộ của Quốc tế I ở Mỹ, thư ký Hội đồng trung ương của Quốc tế I (1872 - 1874). Đã tích cực tham gia việc thành lập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Mỹ và Liên đoàn công nhân quốc tế. Doóc-ghe là tác giả cuốn "Phong trào công nhân ở Hợp chủng quốc", đã viết một loạt bài đăng chủ yếu trên tạp chí của Đảng dân chủ - xã hội Đức "Die Neue Zeit" ("Thời mới"); chuẩn bị cho in những thư từ giao dịch với C. Mác và Ph. Ăng-ghen và những người khác. Lê-nin đánh giá cao hoạt động của Doóc-ghe, nhận xét ông là một chiến sĩ lão thành của Quốc tế I. - 289.

Đ

Đa-ni-en-xôn, N. Ph. (Nic. -ôn, Ni-cô-lai -ôn) (1844- 1918) - nhà kinh tế học kiêm nhà văn Nga, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy - tự do chủ nghĩa vào những năm 80 - 90 thế

kỷ XIX. Trong những năm 60 - 70 có liên hệ với các nhóm thanh niên tiểu trí thức bình dân cách mạng. Ông đã hoàn thành bản dịch đầu tiên cuốn "Tư bản" của C. Mác ra tiếng Nga do G. A. Lô-pa-tin khởi đầu, nhờ đó ông đã có dịp trao đổi thư từ với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; trong những thư đó ông đề cập tới cả những vấn đề phát triển kinh tế của nước Nga. Song Đa-ni-en-xôn không hiểu được thực chất của chủ nghĩa Mác nên về sau đã chống lại chủ nghĩa Mác. Năm 1893 ông đã xuất bản cuốn: "Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách". Cuốn sách này cùng với các tác phẩm của V. P. Vô-rôn-txốp là luận chứng lý luận của phái dân túy - tự do chủ nghĩa. Trong nhiều tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm của Đa-ni-en-xôn. – 103, 132.

Đan (Guốc-vích), Ph. I. (1871 - 1947) – một trong những lãnh tụ của phái men-sê-vích, làm nghề bác sĩ. Tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ những năm 90, gia nhập "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua. Nhiều lần bị bắt và bị đi đày; tháng Chín 1903 chạy ra nước ngoài, trở thành một người men-sê-vích. Đan là người đã tham dự Đại hội IV (Đại hội thống nhất), Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và nhiều hội nghị đại biểu. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, Đan cầm đầu nhóm thủ tiêu ở nước ngoài, biên tập báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội". Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là người theo chủ nghĩa vệ quốc. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát, là ủy viên Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khóa I, ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Đan đấu tranh chống Chính quyền xô-viết. Đầu năm 1922 bị trục xuất ra nước ngoài như một kẻ thù không đội trời chung của Nhà nước xô-viết. – 31 - 33, 34, 35, 36, 39, 40, 187, 360, 411, 467, 502.

Đgiu-bin-xki, V. I. (1860 - 1927) – người thuộc phái lao động. Đã tham gia phong trào "Dân ý", năm 1882 bị bắt và đi đày ở Tây Xi-bi-ri 3 năm và ở lại thường trú hẳn ở đây. Là đại biểu của tỉnh Tô-bôn-xcơ trong Đu-ma nhà nước III và IV; trong Đu-ma ông là một trong những thủ lĩnh của Nhóm lao động. – 392.

Đit-xơ (Dietz), Giô-han Hen-ri-ích Vin-hem (1843 - 1922) – một người dân chủ - xã hội Đức, đại biểu quốc hội từ năm 1881 tới năm 1918.

Đã lãnh đạo nhà xuất bản của Đảng dân chủ - xã hội, nhà xuất bản này xuất bản các tác phẩm của Mác và Ăng-ghe-n; nhà in của ông đã in những số đầu của báo "Tia lửa", tạp chí "Bình minh", tác phẩm của V. I. Lê-nin "Làm gì?". – 311.

Đơ Brúc-ke, L. xem Brúc-ke, L.

Đrêch-xlơ (Drechsler), Gu-xta-vơ (1833 - 1890) – giáo sư Đức, giám đốc học viện nông nghiệp do ông sáng lập ra ở Gôt-tin-ghe-n. Đã cộng tác với V. Hen-nơ-béc xuất bản "Journal für Landwirtschaft" ("Tạp chí nông nghiệp"), là tác giả của những tác phẩm về nông nghiệp: "Die Statik des Landbaues" ("Tình hình nông nghiệp") (1869), "Die Entschädigungsberechnung expropriierter Grundstücke" ("Những khoản tiền chuộc lại những mảnh đất bị trưng thu") (1873) v. v.. Năm 1887 được bầu vào quốc hội. – 122.

Đu-ba-xốp, Ph. V. (1845 - 1912) – chuẩn tướng, đô đốc, một trong những người cầm đầu thế lực phản động Nga hoàng, tên đao phủ khát máu đối với cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907. Năm 1905, đã lãnh đạo việc đàn áp phong trào ruộng đất ở các tỉnh Tséc-ni-gốp, Pôn-ta-va và Cuốc-xcơ. Từ tháng Mười một 1905 là thống đốc tỉnh Mát-xcơ-va, lãnh đạo việc đánh phá cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp ở Mát-xcơ-va. Từ năm 1906 là ủy viên Hội đồng nhà nước, và từ năm 1907 là ủy viên Hội đồng quốc phòng. – 62.

Đu-brô-vin, A. I. (1855 - 1918) – người tổ chức và lãnh đạo "Liên minh nhân dân Nga" của bọn Trăm đen, làm nghề bác sĩ. Trong những năm 1905 - 1907 là kẻ cổ vũ và tổ chức những cuộc tàn sát và những vụ khủng bố người Do-thái. Biên tập tờ báo bài Do-thái của bọn Trăm đen "Lá cờ Nga". Sau khi "Liên minh nhân dân Nga" bị phân liệt vào năm 1910, Đu-brô-vin tiếp tục lãnh đạo một bộ phận thuộc tổ chức này còn chịu ảnh hưởng của y. – 493.

Đum-bát-dê, I. A. (1851 - 1916) – tướng của quân đội Nga hoàng, một tên Trăm đen, đồng tình với chính sách Nga hóa ở Cáp-ca-dơ. Năm 1906 được cử làm thị trưởng thành phố I-an-ta. Khi là ủy viên của "Liên minh nhân dân Nga", một tổ chức theo chủ nghĩa quân chủ, dựa vào cảm tình của Ni-cô-lai II đối với mình, Đum-bát-dê trừng trị những người không ăn cánh với y, không đếm xỉa gì tới luật pháp, biến thành phố I-an-ta thành mảnh đất được thừa hưởng riêng, khủng bố dân cư, can thiệp vào công việc của tòa án. Việc làm đó khiến cho ngay cả những người thẳng

Mười cũng phải phản đối, năm 1908 họ phải chất vấn Đu-ma nhà nước III về những hành động bất hợp pháp của Đum-bát-dê; năm 1910 Đum-bát-dê bị bãi chức, nhưng chỉ một tháng sau y lại được cử giữ lại chức thị trưởng I-an-ta. – 39, 41.

Duy-rinh (Dühring), *O-giê-ni* (1833 - 1921) – nhà triết học và kinh tế học Đức, một nhà tư tưởng tiểu tư sản. Những quan điểm triết học của Duy-rinh là một sự hỗn hợp có tính chất chiết trung giữa chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy tâm. Quan điểm không tưởng phản động của ông ta về nền kinh tế "cộng đồng", đã lý tưởng hóa những hình thái kinh tế nửa nông nô của nền kinh tế Phổ. Những quan điểm của Duy-rinh được một bộ phận trong Đảng dân chủ - xã hội Đức ủng hộ, đã bị Ăng-ghe-n phê phán trong cuốn sách "Chống Duy-rinh. Ông O-giê-ni Duy-rinh đảo lộn khoa học" của Người. Trong cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" và một số tác phẩm khác của mình, Lê-nin đã nhiều lần phê phán những quan điểm chiết trung của Duy-rinh.

Những tác phẩm chủ yếu của Duy-rinh: "Lịch sử có tính chất phê phán của nền kinh tế dân tộc và của chủ nghĩa xã hội", "Giáo trình kinh tế dân tộc và kinh tế xã hội", "Giáo trình triết học". – 20, 23, 510, 511, 512, 522.

E

Éc-man-xki (*Cô-gan*), *Ô. A.* (1866 - 1941) – một người dân chủ - xã hội, đảng viên men-sê-vích. Tham gia phong trào cách mạng từ cuối những năm 80. Năm 1905 công tác trong đảng bộ Pê-téc-bua, sau đó trong Ban chấp hành Ô-đét-xa của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất), là đại biểu của đảng bộ Ô-đét-xa. Trong những năm thế lực phản động thống trị, là người thuộc phái thủ tiêu; cộng tác tích cực với báo chí men-sê-vích. Tham gia công tác của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là người thuộc phái giữa. Năm 1917 là một phần tử men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Năm 1918 là ủy viên Ban chấp hành trung ương phái men-sê-vích, một trong những biên tập viên của tạp chí "Quốc tế công nhân", cơ quan ngôn luận trung ương của những người men-sê-vích. Năm 1921 rút ra khỏi đảng men-sê-vích, làm công tác khoa học ở Mát-xcơ-va. – 499.

Éc-vê (Hervé), *Guy-xta-vơ* (1871 - 1944) – đảng viên Đảng xã hội chủ

nghĩa Pháp, nhà chính luận và trạng sư. Năm 1906 sáng lập tờ báo "La Guerre Sociale" ("Chiến tranh xã hội") trong đó y tuyên truyền cho cương lĩnh đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt, một thứ cương lĩnh nửa vô chính phủ chủ nghĩa. Tại Đại hội Stút-ga của Quốc tế II (1907) y đã bảo vệ quan điểm đó, đề nghị là đối với bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng đều sẽ đáp lại bằng bãi công và khởi nghĩa. Trong nhiều tác phẩm của Người, V. I. Lê-nin đã vạch ra tính chất tiểu tư sản của chủ nghĩa Éc-vê. Trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Éc-vê là một phần tử xã hội - sô-vanh cuồng nhiệt. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười y kịch liệt chống lại nước Nga xô-viết và những người bôn-sê-vích. Năm 1918 bị khai trừ ra khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Trong những năm 30 thế kỷ XX y chủ trương làm cho nước Pháp xích gần lại với nước Đức phát-xít. – 229, 230, 231, 232 - 233.

Ép-lô-ghi (*Giê-oóc-ghi-ép-xki*, *V.*) (sinh năm 1868) – một người theo chủ nghĩa quân chủ, một phần tử phản động cực đoan, một trong những người lãnh đạo "Liên minh nhân dân Nga" của bọn Trăm đen. Từ năm 1902 là giáo chủ tỉnh Li-u-blin. Đại biểu của dân theo đạo chính thống ở các tỉnh Li-u-blin và Xết-lê-txơ trong Đu-ma nhà nước II và III. Năm 1914 được cử làm đại giáo chủ tỉnh Vô-lum. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một trong những lãnh tụ của bọn lưu vong theo chủ nghĩa quân chủ. – 530 - 532, 537, 538.

Ê

Ê-ca-tê-ri-na II (*Rô-ma-nô-va*) (1729 - 1796) – nữ hoàng Nga (1762 - 1796). – 531.

Ê-dơ-ra – xem Rô-den, M. M.

Ê-đua VII (1841 - 1910) – vua Anh (1901 - 1910). – 271, 293.

Ê-ren-tan (Aehrenthal), *A-lô-i-dơ* (1854 - 1912) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, bá tước. Từ năm 1877 làm công tác ngoại giao. Trong những năm 1895 - 1898 là công sứ ở Ru-ma-ni. Từ năm 1899 đến năm 1906 làm đại sứ ở Pê-téc-bua. Từ năm 1906 tới năm 1912 làm bộ trưởng Bộ ngoại giao của Áo - Hung. Đã thi hành chính sách bành trướng ở vùng Ban-căng. Đã chuẩn bị và tiến hành cuộc thôn tính Bô-xni-a và Ghéc-txê-gô-vi-na (1908); việc làm đó khiến cho quan hệ giữa nước Áo - Hung và Nga trở nên căng thẳng, gây ra cuộc khủng hoảng trong quan hệ quốc tế. – 271 - 272.

G

Ghe-đơ (Guesde), *Giuy-lơ* (*Ba-di-lơ*, *Ma-ti-ơ Giuy-lơ*) (1845 - 1922) – một trong những người tổ chức và lãnh đạo phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và Quốc tế II. Bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa cuối những năm 60 thế kỷ XIX; đã ủng hộ Công xã Pa-ri năm 1871, và buộc phải ra nước ngoài. Năm 1876 trở về Pháp, chịu ảnh hưởng của các tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghen nên đã chuyển sang lập trường của chủ nghĩa Mác; năm 1877 là một trong những người sáng lập tờ báo "L'Égalité" ("Bình đẳng"), tờ báo ấy giữ vai trò quyết định trong việc tổ chức Đảng công nhân Pháp – một đảng chính trị độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản Pháp vào năm 1879. Với sự giúp đỡ của Mác và Ăng-ghen, Ghe-đơ đã cùng với La-phác-gơ thảo ra cương lĩnh của đảng được thông qua tại Đại hội Ha-vrơ (1880). Ghe-đơ đã làm khá nhiều để phổ biến những tư tưởng của chủ nghĩa Mác và phát triển phong trào xã hội chủ nghĩa ở Pháp; đã vài lần được bầu làm nghị sĩ. Năm 1904 Lê-nin nhận xét Ghe-đơ là một trong những đại biểu triệt để và kiên quyết nhất của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế.

Nhưng khi chống lại chính sách của những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu, Ghe-đơ đã phạm phải những sai lầm có tính chất bẽ phái trong các vấn đề lý luận cũng như vấn đề sách lược: không đánh giá đầy đủ vai trò của đảng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, có lập trường không đúng trong vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với chiến tranh. Khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bắt đầu, Ghe-đơ đứng trên lập trường xã hội - sô-vanh, tham gia chính phủ tư sản. Lê-nin viết: "Chúng ta sẽ nói với công nhân rằng, các bạn hãy lấy làm gương toàn bộ cuộc đời của Ghe-đơ, không kể việc ông ta công nhiên phản bội chủ nghĩa xã hội năm 1914" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 131). Ghe-đơ không hiểu được ý nghĩa của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, không đi theo phái đa số trong Đại hội Tua của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (1920), phái quyết định gia nhập Quốc tế cộng sản. – 298.

Ghéc-su-ni, *G. A.* (1870 - 1908) – một trong những người sáng lập và lãnh tụ của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, người tổ chức và lãnh đạo nhóm chiến đấu của đảng, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng. Trong những năm 1902 - 1903 đã tổ chức nhiều vụ khủng bố, bị bắt giữ và bị kết án tử hình, sau được thay bằng án tù chung thân. Năm 1905 bị đày đi Xi-bi-ri và đã trốn ra nước

ngoài vào năm 1906. Năm 1907, tham gia Đại hội Tam-méc-pho của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, ở đây Ghéc-su-ni ủng hộ chủ trương lập khối liên minh với bọn dân chủ - lập hiến. – 177.

Ghen-méc-xen, *G. P.* (1803 - 1885) – nhà địa chất Nga nổi tiếng, viện sĩ Viện hàn lâm khoa học. Từ năm 1865 tới năm 1872 là hiệu trưởng Trường đại học mỏ Pê-téc-bua. Từ năm 1882 là giám đốc Ủy ban địa chất mà ông đã tích cực tham gia việc tổ chức ra nó. Những công trình nghiên cứu về U-ran, An-tai và Trung Á của ông được mọi người biết đến. Năm 1841 ông lập bản đồ địa chất của phần nước Nga thuộc châu Âu. – 82.

Ghê-ghê-tơ-cô-ri, *E. P.* (sinh năm 1879) – một người men-sê-vích Gru-di-a, đại biểu của tỉnh Cu-ta-i-xi trong Đu-ma nhà nước III, một trong những người cầm đầu đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma.

Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là ủy viên của ủy ban Da-cáp-ca-dơ, một ủy ban đặc biệt trong Chính phủ lâm thời. Từ tháng Mười một 1917 là chủ tịch chính phủ phản cách mạng Da-cáp-ca-dơ (Hội đồng ủy viên Da-cáp-ca-dơ), sau đó là bộ trưởng Bộ ngoại giao và phó chủ tịch chính phủ men-sê-vích của Gru-di-a. Sau khi Chính quyền xô-viết được thành lập ở Gru-di-a vào năm 1921 Ghê-ghê-tơ-cô-ri trở thành một tên bạch vệ lưu vong. – 395 - 396.

Ghê-pê-tơ-ki, *N. E.* (sinh năm 1869) – địa chủ, thầy tu; là giám thị các trường xứ đạo trong huyện. Là đại biểu của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a trong Đu-ma nhà nước III và IV; ủy viên trong các tiểu ban: ngân sách, giáo dục quốc dân. – 532.

Gioóc-đa-ni-a, *N. N.* (Cô-xơ-rốp) (1870 - 1953) – một người dân chủ - xã hội men-sê-vích. Bắt đầu hoạt động chính trị vào những năm 90 thế kỷ XIX; gia nhập nhóm mác-xít đầu tiên ở Gru-di-a "Mê-xam-mê Đa-xi", cầm đầu cánh cơ hội chủ nghĩa trong nhóm ấy. Tham dự Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết, gia nhập nhóm "Tia lửa" thuộc phái thiểu số. Sau đại hội là lãnh tụ của những người men-sê-vích ở Cáp-ca-dơ. Năm 1905 biên tập tờ báo men-sê-vích "Người dân chủ - xã hội" (bằng tiếng Gru-di-a), chống lại sách lược bôn-sê-vích trong cuộc cách mạng dân chủ - tư sản. Năm 1906 là thành viên của Đu-ma nhà nước I. Đã tham gia công tác của Đại hội IV (Đại hội thống nhất) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; tại

Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng, được bầu làm ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đại diện cho phái men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới Gioóc-đa-ni-a, về hình thức, gia nhập phái men-sê-vích ủng hộ đảng, nhưng trên thực tế lại ủng hộ phái thủ tiêu. Năm 1914 cộng tác với tạp chí "Đấu tranh" của Tô-rốt-xki; trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một phần tử xã hội - sô-xanh. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là chủ tịch của Xô-viết đại biểu công nhân Ti-phlít, trong những năm 1918 - 1921, đứng đầu chính phủ men-sê-vích phản cách mạng ở Gru-di-a; từ năm 1921 trở thành một tên bạch vệ lưu vong. – 185, 205.

Gioóc-giơ (George), *Hen-ri* (1839 – 1897) – nhà kinh tế học tiểu tư sản, nhà chính luận Mỹ. Ông khẳng định rằng nguyên nhân chủ yếu làm cho nhân dân nghèo khổ là địa tô, là việc tước đoạt ruộng đất của nhân dân. Ông phủ nhận tính chất đối kháng giữa lao động và tư bản, xem lợi nhuận do tư bản mang lại là quy luật tự nhiên của giới thiên nhiên. Ông chủ trương nhà nước tư sản quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất xong giao cho từng người canh. V. I. Lê-nin gọi Gioóc-giơ là "nhà quốc hữu hóa ruộng đất theo quan điểm tư sản". Xem phần nhận xét về Gioóc-giơ trong bức thư của C. Mác gửi Doóc-ghê năm 1881, trong lời nói đầu của Ph. Ăng-ghen viết cho lần xuất bản ở Mỹ tác phẩm "Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. 1, 1937, tr. 286 - 287). – 389.

Giô-re-xơ (Jaurès), *Giăng* (1859 - 1914) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp và quốc tế, nhà sử học. Trong những năm 80 là một người cấp tiến tư sản, sau đó gia nhập nhóm "những người xã hội chủ nghĩa độc lập". Năm 1902 Giô-re-xơ và những người tán thành ông đã thành lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Năm 1905 đảng này hợp nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp, lấy tên là Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Pháp. Là nghị sĩ trong những năm 1885 - 1889, 1893 - 1898, 1902 - 1914; là một trong những lãnh tụ của đảng đoàn xã hội chủ nghĩa trong nghị viện. Năm 1904 đã sáng lập và biên tập cho đến cuối đời tờ báo "L'Humanité" ("Nhân đạo"); năm 1920 tờ báo này trở thành cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng cộng sản Pháp. Trong thời gian nổ ra cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, ông đã hoan nghênh cuộc đấu tranh của nhân dân Nga. Giô-re-xơ đã đấu tranh không mệt mỏi để bảo vệ nền dân chủ, các quyền tự do của nhân dân,

đấu tranh cho hòa bình, chống sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc và các cuộc chiến tranh xâm lược. Ông tin chắc rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới chấm dứt hẳn các cuộc chiến tranh và ách thực dân.

Song Giô-re-xơ lại cho rằng chủ nghĩa xã hội chiến thắng không phải bằng con đường giai cấp vô sản đấu tranh chống lại giai cấp tư sản, mà là nhờ sự phát triển tư tưởng dân chủ. Ông xa lạ với tư tưởng chuyên chính vô sản, tuyên truyền cho nền hòa bình giai cấp giữa những người đi áp bức và những người bị áp bức, tán thành những ảo tưởng của Pru-đông về hợp tác xã, ông cho rằng sự phát triển của hợp tác xã trong điều kiện chủ nghĩa tư bản sẽ góp phần thúc đẩy việc chuyển dần lên chủ nghĩa xã hội. V. I. Lê-nin kịch liệt phê phán những quan điểm cải lương của Giô-re-xơ, những quan điểm đó đã đẩy ông vào con đường cơ hội chủ nghĩa.

Cuộc đấu tranh của Giô-re-xơ vì hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh đang tới gần, đã làm cho giai cấp tư sản đế quốc chủ nghĩa căm ghét ông. Giô-re-xơ bị tay chân bọn phản động giết hại ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918).

Ông là tác giả các tác phẩm: "Lịch sử cuộc đại cách mạng Pháp", "Những tư tưởng chính trị và xã hội của châu Âu và cuộc cách mạng vĩ đại", v. v... – 235, 236 - 237, 246, 298.

Giôn – xem Ma-xlốp, P. P.

Giơ-ban-cốp, *Đ. N.* (sinh năm 1853) – bác sĩ, nhà văn, nhà hoạt động nổi tiếng của ngành y tế xã hội, một trong những người lãnh đạo Hội Pi-rô-gốp. Hoạt động văn học của Giơ-ban-cốp nhằm nghiên cứu các mặt của hoạt động y tế của hội đồng địa phương, dịch tễ học, thống kê học, vấn đề những nghề phụ làm ở ngoài làng, ảnh hưởng về mặt văn hóa và vệ sinh của những nghề đó đối với dân cư. Trong các tác phẩm: "Tập tài liệu y tế của hội đồng địa phương" (các thiên I - VII), "Xứ sở của phụ nữ", "Những nghề phụ làm ở ngoài làng của tỉnh Xmô-len-xơ trong những năm 1892 - 1895" v.v., Giơ-ban-cốp đã bảo vệ những lý tưởng dân túy tiểu tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chống lại Chính quyền xô-viết. Từ năm 1921 thôi hoạt động xã hội. – 128.

Git-lốp-xki, *Kh. I.* (1865 - 1943) – bắt đầu hoạt động xã hội là một người theo phái "Dân ý", cuối những năm 80 thế kỷ XIX, ra nước ngoài sống ở Thụy-sĩ; là một trong những người tổ chức "Hội liên hiệp những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng Nga" ở Béc-nơ (1894).

Về sau, tiếp tục duy trì mối liên hệ mật thiết với Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng, trở thành một trong những nhà tư tưởng của phong trào dân tộc chủ nghĩa tiểu tư sản Do-thái; tham gia tổ chức Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Do-thái, là một trong những lãnh tụ và nhà lý luận của đảng này. Chống lại chủ nghĩa Mác. Sau Đạo dụ ngày 17 tháng Mười 1905 của Nga hoàng, Gít-lốp-xki trở về Nga, nhưng sau đó lại bỏ ra nước ngoài. Từ năm 1908 đã xuất bản ở Mỹ tạp chí "Dos Naie Leben" ("Đời sống mới"). Những năm sau đó sống ở Mỹ, cộng tác với nhiều tạp chí tiến bộ của người Do-thái, có cảm tình với Liên-xô. – 297.

Glê-di-ơ (Gle-se) (Glazier), Giôn Brút (1859 - 1920) – một người xã hội chủ nghĩa Anh, một trong những người thành lập ra Công đảng; làm công nhân kim khí. Bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa từ đầu những năm 80 thế kỷ XIX. Năm 1893, gia nhập Đảng công nhân độc lập, là ủy viên của Hội đồng toàn quốc của đảng, và trong những năm 1899 - 1900 là chủ tịch của hội đồng này. Năm 1900 tham gia thành lập Ủy ban đại diện công nhân, đến năm 1906 Ủy ban đại diện này được cải tổ thành Công đảng. Là đại biểu của Đảng công nhân độc lập tại Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1906 tới năm 1910 biên tập tờ "The Labour Leader" ("Người lãnh đạo công nhân"), cơ quan ngôn luận ra hàng tuần của Đảng công nhân độc lập — và từ năm 1913 tới năm 1917 biên tập tờ nguyệt san "The Socialist Review" ("Bình luận xã hội chủ nghĩa"). V. I. Lê-nin đã nhận xét về Glê-di-ơ như sau: "... mặc dù anh ta cũng có khuynh hướng vô sản, song anh ta vẫn là một phần tử cơ hội chủ nghĩa không thể chịu nổi" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 49, tr. 102). – 285, 290, 291, 293.

Gô-li-txun, A. Đ. (sinh năm 1874) – công tước, đại địa chủ, nhà hoạt động hội đồng địa phương nổi tiếng; một trong những người tổ chức đảng quân chủ "Liên minh ngày 17 tháng Mười". Là chủ tịch ban quản trị công ty các nhà công nghiệp nấu rượu vang, chủ xí nghiệp làm rượu vang. Là đại biểu của tỉnh Khắc-cốp trong Đu-ma nhà nước III, ủy viên các tiểu ban: ngân sách, di cư, chống nạn nghiện rượu, v.v.. – 379.

Gô-rép, B. I. (Gôn-đman, B. I., I-gô-rép) (1874 - 1937) – một người dân chủ - xã hội. Bắt đầu tham gia phong trào cách mạng từ giữa những năm 90 thế kỷ XIX. Năm 1905 là ủy viên Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đảng viên bên-sê-vích. Năm 1907, gia nhập phái men-sê-vích. Tại Đại hội V

(Đại hội Luân - đôn) (năm 1907) được bầu làm ủy viên dự khuyết Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đại diện cho phái men-sê-vích, cộng tác với các cơ quan ngôn luận của bên men-sê-vích thuộc phái thủ tiêu như: báo "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", tạp chí "Bình minh của chúng ta". Năm 1912 tham gia hội nghị tháng Tám chống đảng hợp ở Viên, ở đây y được bầu vào Bộ tổ chức. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, là một trong những biên tập viên của "Báo công nhân" của bên men-sê-vích, là ủy viên của Ban chấp hành trung ương men-sê-vích và Ban chấp hành trung ương các Xô-viết toàn Nga khóa I. Tháng Tám 1920 tuyên bố rút khỏi tổ chức men-sê-vích. Sau này làm công tác giảng dạy ở các trường cao đẳng. – 414.

Gri-gô-ri – xem Di-nô-vi-ép, G. E.

Gu-giôn, I-u. P. – một nhà đại công nghiệp. Vào những năm 1900 - 1910 là giám đốc ban quản trị công ty thuộc Nhà máy kim khí Mát-xcơ-va, ủy viên chi nhánh Mát-xcơ-va của hội đồng buôn bán và vải vóc, ủy viên "Hội tương trợ của Pháp", chủ tịch "Hội những nhà sản xuất công nghiệp và các chủ xưởng thuộc Khu công nghiệp Mát-xcơ-va", là thành viên chính thức của các đại hội đại biểu giới công thương nghiệp. – 500.

Gu-txơ-cốp, A. I. (1862 - 1936) – một nhà đại tư bản, người tổ chức và lãnh đạo đảng của những người tháng Mười. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907, kịch liệt chống lại phong trào cách mạng, đồng tình với chính sách thẳng tay đàn áp của chính phủ đối với giai cấp công nhân và nông dân. Trong những năm 1910 - 1911 là chủ tịch Đu-ma nhà nước III. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, là chủ tịch Ủy ban công nghiệp - chiến tranh trung ương và là ủy viên Hội đồng phòng thủ đặc biệt. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là bộ trưởng Bộ chiến tranh và hàng hải trong thành phần đầu tiên của Chính phủ lâm thời tư sản, tán thành tiếp tục chiến tranh "đến thắng lợi cuối cùng". Tháng Tám 1917, tham gia tổ chức vụ nổi loạn của Coóc-ni-lốp, bị bắt tại mặt trận nhưng được Chính phủ lâm thời thả ra. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười tích cực đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết và trở thành một tên bạch vệ lưu vong. – 39, 442.

Guốc-cô, V. I. (1863 - 1927) – một nhà hoạt động phản động ở nước Nga Nga hoàng. Năm 1902 được bổ nhiệm làm chủ nhiệm ban hội đồng địa phương trực thuộc Bộ nội vụ, và đến năm 1906 thì làm

thứ trưởng Bộ nội vụ. Tại Đu-ma nhà nước I Guốc-cô chống lại những dự luật về ruộng đất, bảo vệ lợi ích của bọn địa chủ - chủ nô. Giữ một vai trò quan trọng trong chính phủ Gô-rê-mư-kin mà V. I. Lê-nin từng gọi là nội các Guốc-cô - Gô-rê-mư-kin với một "cương lĩnh tư sản - quý tộc". Về sau nhúng tay vào vụ án cấp ngân khố và tiêu lạm tiền công, và theo bản án của Pháp viện tối cao, y bị bãi chức. Năm 1912 được bầu làm ủy viên của Hội đồng nhà nước. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết và trở thành một tên bạch vệ lưu vong. - 13.

Guốc-vích, Ph. I. - xem Đan, Ph. I.

H

Hác-đi (Hardie), Giêm-xơ Kê-rơ (1856 - 1915) — nhà hoạt động của phong trào công nhân Anh, một người theo chủ nghĩa cải lương, lãnh tụ của Đảng công nhân độc lập, một trong những người thành lập ra Công đảng; làm nghề thợ mỏ. Bắt đầu hoạt động chính trị Hác-đi là người lãnh đạo tổ chức công đoàn thợ mỏ than Xcốt-len. Năm 1888 ông thành lập Đảng công nhân Xcốt-len. Năm 1887 ông bắt đầu xuất bản tạp chí "Miner" ("Người thợ mỏ") sau đó đổi tên là "The Labour Leader" ("Người lãnh đạo công nhân"). Vào đầu những năm 90, Hác-đi ủng hộ việc thành lập một đảng chính trị độc lập của công nhân Anh, song lại giới hạn nhiệm vụ của đảng ở những mục tiêu cải lương và lập hiến trong khuôn khổ hẹp. Năm 1892 được bầu vào nghị viện với tư cách là ứng cử viên công nhân "độc lập", thực hiện chính sách thỏa hiệp với các đại diện của các đảng tư sản. Ông thuộc những nhà hoạt động cánh hữu của Quốc tế II. Vào đầu chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) giữ lập trường phái giữa, dùng những lời lẽ hòa bình chủ nghĩa để che giấu sự phản bội của các đảng trong Quốc tế II đối với giai cấp công nhân. Tại Hội nghị đại biểu của những người xã hội chủ nghĩa các nước Đồng minh ở Luân - đôn (tháng Hai 1915), Hác-đi công khai liên kết với những người xã hội - sô-vanh, là những kẻ kêu gọi ủng hộ các chính phủ đế quốc chủ nghĩa trong cuộc chiến tranh. - 216.

Hen-đman (Hyndman), Hen-ri May-ơ (1842 - 1921) — một người xã hội chủ nghĩa Anh. Năm 1881 sáng lập Liên đoàn dân chủ, đến năm 1884 cải tổ thành Liên đoàn dân chủ - xã hội. Hen-đman tiếp tục lãnh đạo tổ chức này cho tới năm 1892. Trong những năm 1900 - 1910 là ủy viên của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Năm 1916, bị

khai trừ khỏi Đảng xã hội chủ nghĩa Anh vì đã tuyên truyền cho chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, ủng hộ sự can thiệp chống nước Nga xô-viết. - 286, 289, 292.

Hen-rích VII, Tê-ô-đo (1457 - 1509) — vua nước Anh từ năm 1485. Đã khuyến khích sự phát triển công thương nghiệp. Trong những năm Hen-rích VII trị vì, bọn đại địa chủ bắt đầu đẩy mạnh gặt gao quá trình rào ruộng đất của nông dân và đuổi hàng loạt nông dân ra khỏi ruộng đất của họ. - 188.

Hê-ghen (Hegel), Giôóc-giơ Vin-hem Phri-đrích (1770 - 1831) — nhà triết học duy tâm khách quan lớn nhất của Đức, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. Triết học Hê-ghen là đỉnh cao của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII- đầu thế kỷ XIX. Công lao có tính chất lịch sử của Hê-ghen là đã xây dựng được một cách sâu sắc và toàn diện phép biện chứng duy tâm. Phép biện chứng đó là một trong những nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Theo Hê-ghen thì toàn bộ thế giới tự nhiên, lịch sử và tinh thần đều không ngừng vận động, thay đổi, biến hóa và phát triển; song thế giới khách quan và thực tại thì ông coi đó là sản phẩm của "tinh thần tuyệt đối", của "ý niệm tuyệt đối". V. I. Lê-nin đã gọi "ý niệm tuyệt đối" là sự bịa đặt có tính chất thần học của nhà duy tâm Hê-ghen. Điều đặc trưng đối với triết học Hê-ghen là sự mâu thuẫn sâu sắc giữa phương pháp biện chứng và hệ thống bảo thủ và siêu hình; về thực chất hệ thống ấy đòi hỏi một sự ngừng phát triển. Về quan điểm chính trị, Hê-ghen là người tán thành chế độ quân chủ lập hiến.

C. Mác, Ph. Ăng-ghen, V. I. Lê-nin đã cải biến một cách có phê phán phép biện chứng của Hê-ghen, đã sáng tạo ra phép biện chứng duy vật, phản ánh những quy luật chung nhất của sự phát triển của thế giới khách quan và của tư duy con người.

Những tác phẩm chính của Hê-ghen là "Hiện tượng học tinh thần" (1806), "Khoa học lô-gích" (1812 - 1816), "Bách khoa toàn thư các bộ môn triết học" (1817), "Triết học pháp quyền" (1821). Các tác phẩm xuất bản sau khi tác giả qua đời là "Những bài giảng về lịch sử triết học" (1833 -1836) và "Những bài giảng về mỹ học, hay là triết học nghệ thuật" (1836 - 1838). - 22, 549.

Huy-xman (Huysmans), Ca-mi-n (1871 - 1968) — một trong những nhà hoạt động lão thành nhất của phong trào công nhân Bỉ; giáo sư khoa ngữ văn, nhà báo. Trong những năm 1904 - 1919 là bí thư

của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa thuộc Quốc tế II, giữ lập trường phái giữa. Năm 1916 đã tổ chức cuộc hội nghị đại biểu những người xã hội chủ nghĩa của các nước trung lập tại La Hay nhằm mục đích phục hồi Quốc tế II. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của Quốc tế II được hồi phục. Đã nhiều lần tham gia chính phủ Bỉ. Trong những năm 1946 - 1947 làm thủ tướng. Từ năm 1910 Huy-xman là đại biểu nghị viện; trong những năm 1936 -1939 và 1954 - 1959 là chủ tịch nghị viện Bỉ. Trong những năm cuối đời, nhiều lần phát biểu ý kiến tán thành việc tiến hành những cuộc tiếp xúc giữa các đảng xã hội chủ nghĩa với Đảng cộng sản Liên-xô, tán thành việc phục hồi sự thống nhất trong phong trào công nhân quốc tế. – 283.

I

I-dơ-vôn-xki, A. P. (1856 - 1919) – nhà ngoại giao Nga. Trước năm 1906 giữ những chức vụ ngoại giao then chốt ở Va-ti-căng, Ben-grát, Muyn-khen, Tô-ki-ô và Cô-pen-ha-gơ. Từ năm 1906 là bộ trưởng Bộ ngoại giao Nga. Ủng hộ mạnh mẽ việc hai nước Anh và Nga xích lại gần nhau; tham gia trực tiếp việc ký kết bản hiệp ước Nga-Anh năm 1907 là bản hiệp ước hoàn thành việc thành lập khối Đồng minh. Đã tham gia nhiều cuộc gặp gỡ và hội nghị quốc tế. Năm 1910, do có một số thất bại về mặt ngoại giao, ông bị cách chức bộ trưởng và được cử làm đại sứ ở Pa-ri, ở đây ông tiếp tục đường lối củng cố khối Đồng minh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vẫn cư trú ở Pháp, ủng hộ sự can thiệp vũ trang của các nước ngoài chống nước Nga xô-viết. – 271 - 272, 278.

I-gô-rép – xem Gô-rép, B. I.

I-li-ô-đo (Tơ-ru-pha-nốp, X. M.) (sinh năm 1880) – tu sĩ, một trong những người cầm đầu phái Trăm đen. Sau khi tốt nghiệp Viện thần học, đã phục vụ ở tu viện Pô-tsa-ép, ở đây y nhanh chóng nổi bật lên với những ý kiến gay gắt chống lại phong trào cách mạng 1905 - 1907. Năm 1908 chuyển về Txa-ri-txun, ở đây y tích cực hoạt động phản cách mạng, thành lập "Liên minh nhân dân Nga theo đạo chính thống". Năm 1912 từ bỏ chức tu sĩ. Trong cuốn "Quý thần" (1917), đã vạch mặt Ra-xpu-tin. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười ra cư trú ở nước ngoài. – 302, 493.

I-lin, VI. – xem Lê-nin, V. I.

K

Kê-rơ-Hác-đi – xem Hác-đi, Gi. K.

Ki-dê-vét-te, A. A. (1866 - 1933) – nhà sử học và nhà chính luận tư sản - tự do chủ nghĩa. Trong những năm 1900 - 1911 là phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va; là thành viên của "Hội liên hiệp giải phóng" từ khi mới thành lập, một trong những lãnh tụ của Đảng dân chủ – lập hiến. Đại biểu của thành phố Mát-xcơ-va trong Đu-ma nhà nước II, cộng tác với tờ "Tin tức nước Nga", tham gia ban biên tập và là một trong những biên tập viên của tạp chí "Tư tưởng Nga". Trong các tác phẩm lịch sử - chính luận của mình, Ki-dê-vét-te đã xuyên tạc ý nghĩa của cuộc cách mạng Nga 1905 - 1907. V. I. Lê-nin, trong nhiều tác phẩm của Người, khi nhận định thế giới quan của Ki-dê-vét-te, đã liệt Ki-dê-vét-te vào số những giáo sư của đảng dân chủ - lập hiến làm công việc mua bán khoa học có lợi cho thế lực phản động. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Ki-dê-vét-te ra sức chống lại Chính quyền xô-viết, do đó năm 1922 bị trục xuất ra khỏi nước Nga xô-viết. Ở nước ngoài tham gia hoạt động trên báo chí của bọn bạch vệ lưu vong. – 500.

L

La-bri-ô-la (Labriola), Ác-tu-rô (sinh năm 1873) – nhà hoạt động chính trị, nhà luật học và kinh tế học Ý; một trong những thủ lĩnh của phong trào công đoàn chủ nghĩa ở Ý. Là tác giả của nhiều cuốn sách viết về lý luận chủ nghĩa công đoàn, trong đó La-bri-ô-la mưu toan làm cho cương lĩnh của cái gọi là "chủ nghĩa công đoàn cách mạng" thích ứng với chủ nghĩa Mác, bằng cách "sửa lại" chủ nghĩa Mác. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), đứng trên lập trường sô-vanh. Trong những năm 1920 - 1921 là bộ trưởng Bộ lao động trong chính phủ Giô-lít-ti. Trong những năm 1926 - 1939 sống ở nước ngoài; chống chủ nghĩa phát-xít. Trong những năm 1948 - 1953 là thượng nghị sĩ. Sau khi chính phủ Ý ký hiệp ước xâm lược Đại-tây-dương vào năm 1949, La-bri-ô-la tham gia phong trào những người tán thành hòa bình. Năm 1950 được bầu vào Hội đồng hòa bình thế giới. – 29.

La-gác-đen-lơ (Lagardelle), Huy-be (sinh năm 1874) – nhà hoạt động chính trị tiểu tư sản Pháp, một phần tử theo chủ nghĩa công đoàn - vô chính phủ; một trong những môn đồ của nhà lý luận của chủ

nghĩa công đoàn - vô chính phủ Pháp Gioóc-giơ Xô-ren. La-gác-đen-lơ là tác giả của nhiều tác phẩm về lịch sử chủ nghĩa công đoàn - vô chính phủ ở Pháp; một thời gian làm biên tập cho cơ quan ngôn luận xã hội chủ nghĩa "Le mouvement socialiste" ("Phong trào xã hội chủ nghĩa"). Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là người theo chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau này là nhà hoạt động của Tổng liên đoàn lao động.

Trong những năm 1942 - 1943 là bộ trưởng Bộ lao động trong chính phủ Vi-si; năm 1946 bị kết án tù chung thân vì đã tham gia chính phủ Vi-si. - 29.

La-phông-ten (Lafontaine), *Hăng-ri* (1854 - 1943) - một người xã hội chủ nghĩa Bỉ, giáo sư luật pháp quốc tế ở Trường đại học tổng hợp Bruy-xen, thượng nghị sĩ. Từ năm 1892 là chủ tịch Cục hòa bình quốc tế; năm 1895 tham gia việc thành lập Viện thư mục quốc tế ở Bruy-xen, Liên minh hòa bình (Béc-nơ) và Liên minh phụ trách các vấn đề trọng tài quốc tế. Năm 1913 ông được tặng giải thưởng hòa bình Nô-ben. Năm 1921 là đại biểu của Bỉ tại khóa họp của Hội quốc liên. - 298, 299.

La-rin, I-u. (*Lu-ri-ê, M. A.*) (1882 - 1932) - một người dân chủ - xã hội, đảng viên men-sê-vích, đại biểu có quyền biểu quyết tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đã bảo vệ cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hóa ruộng đất, ủng hộ chủ trương cơ hội chủ nghĩa là triệu tập "đại hội công nhân". Là đại biểu của đảng bộ Pôn-ta-va tại Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng. Sau khi cách mạng 1905 - 1907 thất bại, là một trong những người tán thành tích cực chủ nghĩa thủ tiêu. Đã tham gia tích cực vào khối tháng Tám chống đảng, là một thành viên trong ban tổ chức của khối đó. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 lãnh đạo nhóm những người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế là nhóm đã xuất bản tạp chí "Quốc tế". Tháng Tám 1917 được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười công tác trong các cơ quan xô-viết và cơ quan kinh tế. - 205.

Lát-xan (Lassalle), *Phéc-đi-năng* (1825 - 1864) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức, người sáng lập ra một loại chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Đức - chủ nghĩa Lát-xan.

Lát-xan là một trong những người sáng lập ra Tổng hội công nhân Đức (1863). Việc thành lập Tổng hội có một ý nghĩa tích cực đối với phong trào công nhân; sau khi được bầu làm chủ tịch Tổng

hội thì Lát-xan lại đưa Tổng hội đi theo con đường cơ hội chủ nghĩa. Phái Lát-xan cho rằng, bằng con đường công khai tuyên truyền cho quyền phổ thông đầu phiếu, bằng con đường sáng lập ra các hội sản xuất được nhà nước giaoong-ke trợ cấp, thì có thể thiết lập được "nhà nước nhân dân tự do". Lát-xan ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền lãnh đạo của nước Phổ phản động. Chính sách cơ hội chủ nghĩa của phái Lát-xan là trở ngại cho hoạt động của Quốc tế I và cho việc thành lập một đảng công nhân chân chính ở Đức, trở ngại cho việc giáo dục công nhân về ý thức giai cấp.

Những quan điểm lý luận và chính trị của phái Lát-xan đã bị các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin kịch liệt phê phán (xem C. Mác. "Phê phán Cương lĩnh Gô-ta"; V. I. Lê-nin. "Nhà nước và cách mạng" và những tác phẩm khác). - 367, 424.

Lê-đê-bua (Ledebour), *Ghê-oóc-gơ* (1850-1947) đảng viên dân chủ - xã hội Đức, từ năm 1900 tới năm 1918 là đại biểu Đảng dân chủ-xã hội Đức tại quốc hội. Đã tham dự Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga, ở đây ông đã phản đối chủ nghĩa thực dân. Đã tham dự Hội nghị Xim-méc-van, là một trong những người lãnh đạo chính trị của phái hữu Xim-méc-van. Năm 1916, sau khi trong Đảng dân chủ - xã hội Đức có sự phân liệt, gia nhập "nhóm dân chủ - xã hội lao động" của quốc hội, vào năm 1917 nhóm này trở thành hạt nhân chính của Đảng dân chủ - xã hội độc lập Đức theo phái giữa biện hộ cho những phần tử sô-vanh công khai. Trong những năm 1920 - 1924 lãnh đạo một nhóm độc lập nhỏ nhỏ trong quốc hội. Năm 1931 gia nhập Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa. Sau khi Hít-le lên nắm chính quyền sang cư trú ở Thụy-sĩ. - 300-301.

Lê-ghin (Legien), *Các-lơ* (1861- 1920) - một người dân chủ - xã hội cánh hữu Đức, một trong những thủ lĩnh của công đoàn Đức, một phần tử xét lại. Từ năm 1890 là chủ tịch Tổng công đoàn Đức, từ năm 1903 là thư ký và từ năm 1913 là chủ tịch Ban thư ký công đoàn thế giới. Từ năm 1893 tới năm 1920 (có lúc gián đoạn) là đại biểu của Đảng dân chủ- xã hội Đức trong quốc hội. Trong những năm 1919- 1920 là một thành viên trong quốc hội của nước Cộng hòa Vây- ma. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914- 1918) là một phần tử xã hội - sô- vanh công khai. Đã tích cực thi hành một chính sách phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, đấu tranh bằng mọi cách chống phong trào cách mạng của giai cấp vô sản. - 246 - 247.

Lê-nin, V. I. (U-li-a-nốp, V. I., I-lin, VI., Lê-nin, N., N. L.) (1870- 1924) – những tài liệu tiểu sử. – 23, 42, 70, 73, 86, 98, 122, 132, 138, 152, 156, 162, 168, 175, 179, 190 - 191, 194, 195, 207, 209 - 210, 223 - 224, 241, 286, 287, 297, 302, 303 - 304, 305, 306 - 307, 309, 311, 312, 314 - 315, 316 - 317, 318, 320, 326, 338, 347, 350, 387, 405, 413, 415, 427, 454, 457, 459, 465, 472, 475, 476 - 477, 484, 497.

Li-a-đốp (Man-đen-stam), M. N. (1872 - 1947) – nhà cách mạng chuyên nghiệp. Bắt đầu hoạt động cách mạng vào năm 1891 trong các nhóm dân túy ở Mát-xcơ-va; năm 1892 gia nhập tiểu tổ mác-xít, năm 1893 tham gia thành lập Liên đoàn công nhân Mát-xcơ-va, một tổ chức dân chủ - xã hội đầu tiên ở Mát-xcơ-va. Năm 1895 đã lãnh đạo cuộc kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Mát-xcơ-va, bị bắt và đến năm 1897 thì bị đi đày 5 năm ở Véc-khôi-an-xcơ. Sau khi đi đày về, ông làm việc ở Xa-ra-tốp. Tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là đại biểu của Ban chấp hành đảng bộ Xa-ra-tốp, là thành viên của nhóm "Tia lửa" thuộc phái đa số, sau đại hội là phái viên của Ban chấp hành trung ương, tích cực đấu tranh chống bọn men-sê-vích ở Nga và nước ngoài. Tháng Tám 1904 tham dự cuộc họp 22 đảng viên bôn-sê-vích tại Giơ-ne-vơ, vào Thường vụ các ban chấp hành của phái đa số, là đại biểu của những người bôn-sê-vích tại Đại hội Am-xtéc-đam của Quốc tế II. Đã tích cực tham gia cuộc cách mạng 1905 - 1907, là ủy viên Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va, thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga giao cho. Trong những năm thế lực phản động thống trị, gia nhập phái triệu hồi, năm 1909 gia nhập nhóm "Tiến lên", một tổ chức bè phái, là một trong những giảng viên của trường đảng ở đảo Ca-pri. Năm 1911 rút ra khỏi nhóm "Tiến lên" và chuyển tới Ba-cu.

Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là phó chủ tịch Xô viết đại biểu công nhân và binh sĩ Ba-cu, giữ lập trường men-sê-vích.

Năm 1920 được phục hồi đảng tịch Đảng cộng sản (b) Nga, làm công tác kinh tế ở Mát-xcơ-va, làm việc ở Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, sau đó ở Bộ dân ủy giáo dục; từ năm 1923 là hiệu trưởng Trường đại học cộng sản mang tên I-a. M. Xvéc-đlốp; là đại biểu dự các Đại hội XII, XIII, XIV, XV, XVI của đảng. – 413.

Li-a-khni-txơ-ki, N. I-a. (sinh năm 1871) – người thuộc phái lao động, làm nghề luật sư. Là đại biểu của tỉnh Xta-vrô-pôn trong Đu-ma

nhà nước III; ở Đu-ma được bầu vào các tiểu ban: chất vấn, cải cách tòa án, ngân sách, v.v.. – 392.

Li-a-khốp, V. P. (1869 - 1919) – đại tá của quân đội Nga hoàng, y nổi tiếng vì đã đàn áp phong trào cách mạng - dân tộc ở Cáp-ca-dơ và I-răng. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là thống đốc vùng bờ biển Hắc-hải thuộc Thổ-nhĩ-kỳ. Tháng Hai năm 1919 Li-a-khốp được cử làm tư lệnh trưởng, chỉ huy các đạo quân Đê-ni-kin ở miền Tê-rếch-Đa-ghe-xtan. Li-a-khốp bị giết trong một trận đánh ác liệt giữa "Đạo quân tình nguyện" với dân miền núi. – 212, 277, 278.

Liép-nếch (Liebknecht), Các-lơ (1871 - 1919) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và quốc tế; con trai của Vin-hem Liép-nếch, làm nghề trạng sư.

Ông bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa lúc còn là sinh viên, tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa quân phiệt. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907 ông kêu gọi công nhân Đức noi gương những người Nga. Năm 1912 được bầu là đại biểu quốc hội Đức. Từ đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) kiên quyết chống việc ủng hộ chính phủ "nước mình" trong cuộc chiến tranh ăn cướp, một mình trong quốc hội đã bỏ phiếu chống lại ngân sách chiến tranh (2 tháng Chạp 1914). Là một trong những người tổ chức và lãnh đạo "Liên minh Xpác-ta-cút" cách mạng. Năm 1916 bị kết án khổ sai. Trong Cách mạng tháng Mười một ở Đức, đã cùng với R. Lú-xăm-bua lãnh đạo đội tiên phong cách mạng của công nhân Đức, biên tập tờ báo "Die Rote Fahne" ("Cờ đỏ"), là một trong những người sáng lập ra Đảng cộng sản Đức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của công nhân Béc-ling vào tháng Giêng 1919. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông bị bê lũ Nô-xkê ám hại một cách dã man.

Đánh giá hoạt động của C. Liép-nếch, Lê-nin viết rằng "tên tuổi đó là tượng trưng cho lòng trung thành của một lãnh tụ đối với lợi ích của giai cấp vô sản, cho lòng trung thành đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa... Tên tuổi đó là tượng trưng cho cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa đế quốc, không phải trên lời nói mà là trong việc làm..." (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 37, tr. 560 - 561). – 231.

Liép-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế; một trong những người sáng lập và lãnh tụ của Đảng dân

chủ - xã hội Đức. Tham gia tích cực cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; sau khi cuộc cách mạng này bị thất bại ông sống lưu vong ở nước ngoài, lúc đầu ở Thụy-sĩ, rồi sau đó ở Anh, tại đây đã tiếp xúc với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; chịu ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghe-n, Liép-nếch trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Năm 1862 ông quay về nước Đức. Sau khi Quốc tế I được thành lập, ông là một trong những người tuyên truyền tích cực nhất cho những tư tưởng cách mạng của Quốc tế, là người tổ chức các chi bộ của Quốc tế ở Đức. Từ năm 1875 cho đến cuối đời, Liép-nếch là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ - xã hội Đức và là tổng biên tập tờ "Vorwärts" ("Tiến lên"), cơ quan ngôn luận trung ương của đảng. Từ năm 1867 tới năm 1870 là nghị sĩ Quốc hội miền Bắc Đức; từ năm 1874 nhiều lần được bầu là đại biểu quốc hội Đức; ông đã khéo biết lợi dụng diễn đàn của quốc hội để vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của bọn giông-ke Phổ. Nhiều lần bị kết án tù vì hoạt động cách mạng. Đã tham gia tích cực vào việc thành lập Quốc tế II. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n quý trọng Liép-nếch, hướng dẫn sự hoạt động của ông nhưng đồng thời cũng phê bình lập trường ôn hòa của ông đối với các phần tử cơ hội chủ nghĩa. – 367.

Líp-kin, Ph. A. – xem Tsê-rê-va-nin, N.

Lu-na-tsác-xki, A. V. (1875 - 1933) – nhà cách mạng chuyên nghiệp, về sau trở thành một nhà hoạt động nổi tiếng của Nhà nước xô-viết. Vào đầu những năm 90 thế kỷ XIX, tham gia phong trào cách mạng. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là đảng viên bên-sê-vích. Tham gia ban biên tập các tờ báo bên-sê-vích "Tiến lên", "Người vô sản", và sau đó, "Đời sống mới". Tại Đại hội III của đảng, theo sự ủy nhiệm của V. I. Lê-nin, ông đã đọc báo cáo về khởi nghĩa vũ trang. Đã tham gia Đại hội IV (Đại hội thống nhất) và Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng. Năm 1907 là đại biểu bên-sê-vích tại Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Stút-ga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông xa rời chủ nghĩa Mác, tham gia nhóm chống đảng "Tiến lên", đòi kết hợp chủ nghĩa Mác với tôn giáo. Trong tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909) của mình, V. I. Lê-nin vạch ra sự sai lầm trong các quan điểm của Lu-na-tsác-xki và phê phán nghiêm khắc những quan điểm đó. Trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất Lu-na-tsác-xki đứng trên lập trường chủ nghĩa quốc tế. Vào đầu năm 1917 gia nhập nhóm "liên

khu", tại Đại hội VI Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga được kết nạp vào đảng cùng với nhóm đó. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười cho đến năm 1929 là bộ trưởng Bộ dân ủy giáo dục, sau đó là chủ tịch Ủy ban khoa học trực thuộc Ban chấp hành trung ương các Xô-viết Liên - xô. Tháng Tám 1933 được cử làm đại diện toàn quyền của Liên - xô ở Tây-ban-nha. Ông là tác giả nhiều tác phẩm về nghệ thuật và văn học. – 521.

Lu-ri-ê, M. A. – xem La-rin, I-u.

Lúc-xăm-bua (Luxemburg), Rô-da (1871 - 1919) – nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân quốc tế, một trong những thủ lĩnh của cánh tả trong Quốc tế II. Bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng vào nửa cuối những năm 80 thế kỷ XIX, là một trong những người sáng lập và lãnh đạo Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan, đã chống chủ nghĩa dân tộc trong hàng ngũ phong trào công nhân Ba-lan. Từ năm 1897 bà tích cực tham gia phong trào dân chủ - xã hội Đức, đấu tranh chống chủ nghĩa Béc-stanh và chủ nghĩa Mìn-lơ-răng. Lúc-xăm-bua là người tham gia cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất (ở Vác-sa-va), năm 1907 tham dự Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tại đây bà ủng hộ những người bên-sê-vích. Ngay từ những ngày đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) bà giữ lập trường chủ nghĩa quốc tế. Là một trong những người chủ xướng việc thành lập nhóm "Quốc tế", sau này đổi tên là nhóm "Xpác-ta-cút", rồi sau lại đổi thành "Liên minh Xpác-ta-cút", đã viết (ở trong tù) cuốn sách nhỏ "Cuộc khủng hoảng của phong trào dân chủ - xã hội" với bí danh Giu-ni-út (xem bài của V. I. Lê-nin "Bàn về cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út" – Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 22, tr. 379 - 397). Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức bà tham gia lãnh đạo Đại hội thành lập Đảng cộng sản Đức. Tháng Giêng 1919, bà bị bắt và bị giết theo lệnh của chính phủ Sai-đê-man. Lê-nin tuy đánh giá cao R. Lúc-xăm-bua nhưng cũng đã nhiều lần phê phán sai lầm của bà trong một số vấn đề (về vai trò của đảng, về chủ nghĩa đế quốc, những vấn đề dân tộc - thuộc địa và nông dân, về cách mạng thường trực, v.v.), qua đó đã giúp đỡ bà giữ lập trường đúng đắn. – 237 - 238.

Lư-cô-sin, A. I. (1861 - 1918) – một phần tử phản động của nước Nga Nga hoàng, địa chủ thuộc phái Trăm đen, một trong những người tổ chức "Liên minh nhân dân Nga" theo chủ nghĩa quân chủ. Trong những năm 1907 - 1914 là thứ trưởng Bộ nội vụ. – 378, 383.

Lvóp, N. N. (1867 - 1944) — địa chủ; theo cách xác định của V. I. Lê-nin, Lvóp là "tên quý tộc nhỏ phản cách mạng", "mẫu mực của bọn dân chủ - lập hiến phản bội". Trong những năm 1893 - 1900 là thủ lĩnh quý tộc huyện Ba-la-sốp; từ năm 1899 là chủ tịch Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ra-tốp. Đã tham gia các đại hội của hội đồng địa phương trong những năm 1904 - 1905. Là một trong những người sáng lập "Hội liên hiệp giải phóng" và Đảng dân chủ - lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng đó. Nông dân bị bọn dân chủ - lập hiến đánh lừa đã bỏ phiếu bầu Lvóp vào Đu-ma nhà nước I, tuy vậy, y vẫn kiên quyết chống lại những yêu sách của nông dân. Là đại biểu Đu-ma nhà nước II. Là một trong những người sáng lập ra Đảng "canh tân hòa bình". Ở trong Đu-ma III và IV y là thủ lĩnh của phái "tiến bộ". Năm 1917 là một trong những người lãnh đạo liên minh của địa chủ. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một nhà báo bạch vệ, sau đó trở thành một tên bạch vệ lưu vong. — 378 - 380.

M

Ma-li-nốp-xki, A. A. — xem Bô-gđa-nốp, A.

Ma-nu-i-lốp, A. A. (1861 - 1929) — nhà kinh tế học tư sản Nga, một nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng dân chủ - lập hiến, một trong những biên tập viên của báo "Tin tức nước Nga". Trong những năm 1905 - 1911 là hiệu trưởng Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va, năm 1907 - 1911 là ủy viên Hội đồng nhà nước, năm 1917 là bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân của Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Mu-nu-i-lốp về nước và giảng dạy ở các trường cao đẳng Liên - xô. Những tác phẩm chính của Ma-nu-i-lốp là: "Chế độ lĩnh canh ruộng đất ở Ai-rơ-len" (1895), "Khái niệm giá trị theo thuyết của các nhà kinh tế thuộc trường phái cổ điển" (1901), "Chính trị kinh tế học. Giáo trình" . Thiên I (1914), v.v.. — 500.

Ma-rét-xơ, L. N. — nhà thống kê, nhà kinh tế học Nga, tác giả bài "Sản xuất và tiêu dùng lúa mì trong kinh tế nông dân", bài này được in trong tập san dân túy - tự do chủ nghĩa "Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga" (Xanh Pê-téc-bua, 1897). — 103 - 104.

Ma-skê-vích, Đ. Ph. (sinh năm 1871) — một phần tử thuộc phái Trăm đen, lĩnh mục. Là đại biểu tỉnh Khéc-xôn trong Đu-ma nhà nước III;

trong Đu-ma là ủy viên của các tiểu ban: ngân sách, giáo dục quốc dân, v.v.. Ma-skê-vích tích cực hoạt động ở bộ phận Ê-li-xa-vét-grát của "Liên minh nhân dân Nga", một tổ chức của phái Trăm đen. — 532.

Ma-xlốp, P. P. (Giôn) (1867 - 1946) — nhà kinh tế, một người dân chủ - xã hội, tác giả của nhiều tác phẩm viết về vấn đề ruộng đất, trong đó tìm cách xét lại chủ nghĩa Mác, đã cộng tác với tạp chí "Đời sống", "Bước đầu", "Bình luận khoa học". Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, theo phái men-sê-vích; đưa ra cương lĩnh men-sê-vích về địa phương công hữu hóa ruộng đất. Tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã thay mặt phái men-sê-vích đọc báo cáo về vấn đề ruộng đất, được đại hội bầu vào ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương. Trong những năm thế lực phản động thống trị là người thuộc phái thủ tiêu, trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười không hoạt động chính trị nữa, làm công tác sư phạm và khoa học. Từ năm 1929 là viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Liên-xô. — 182 - 183, 184, 185 - 187, 189, 190 - 191, 194 - 196, 201, 204, 223, 224, 302 - 313, 314 - 328, 347, 348, 349, 350 - 351, 352, 353, 499.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) — nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, một nhà tư tưởng thiên tài, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế (xem bài của V. I. Lê-nin "Các Mác (Sơ lược tiểu sử, kèm theo sự trình bày chủ nghĩa Mác)" — Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, t. 21, tr. 27-74). — 19, 20 - 21, 23, 25, 29 - 30, 32, 40, 44, 45 - 46, 58, 153, 156 - 158, 188, 193, 194, 195, 196 - 197, 206, 224, 236, 303, 304 - 306, 307, 308, 310, 311, 312, 316, 321, 322, 323, 325 - 326, 332, 347, 348 - 349, 350, 351, 352, 353, 367, 421, 424, 478, 479, 503 - 504, 510, 511, 513, 514, 516, 525, 549.

Mác-Đô-nan (MacDonald), Giêm-xơ Ram-xây (1866 - 1937) — nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của công đảng. Năm 1893 là một trong những người tổ chức Đảng công nhân độc lập. Năm 1900 được bầu là thư ký ban đại diện công nhân, năm 1906 ban này được cải tổ thành công đảng. Năm 1906 được bầu là đại biểu của hạ nghị viện Anh; năm 1911 Mác-Đô-nan trở thành lãnh tụ của công đảng. Ông đã thi hành chính sách cực kỳ cơ hội chủ nghĩa trong đảng và trong Quốc tế II.

Đã tuyên truyền thuyết phản động về hợp tác giai cấp và sự chuyển biến dần từng bước chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ("chủ nghĩa xã hội cấu trúc"). Vào đầu chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) giữ lập trường hòa bình chủ nghĩa, sau đó đi theo con đường công khai ủng hộ giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa. Trong những năm 1918 - 1920 mưu toan cản trở cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Anh tiến hành chống lại sự can thiệp vũ trang chống Liên-xô; đã thi hành chính sách chia rẽ giai cấp công nhân. Năm 1924 giữ chức thủ tướng của chính phủ công đảng đầu tiên. Tháng Hai 1924, dưới sức ép của quần chúng, chính phủ của ông buộc phải kiến lập các quan hệ ngoại giao với Liên-xô. Trong những năm 1929 - 1931 Mác-Đô-nan là thủ tướng của chính phủ công đảng thứ hai; chính phủ này lại buộc phải khôi phục các quan hệ ngoại giao với Liên-xô mà chính phủ Bôn-đư-in đã khiêu khích phá vỡ năm 1927. Chính phủ Mác-Đô-nan đàn áp dã man phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Anh, thi hành chính sách chống lại giai cấp công nhân. Trong những năm 1931 - 1935 Mác - Đô-nan cầm đầu cái gọi là "chính phủ quốc gia" mà chính sách là do phái bảo thủ quyết định. - 290.

Mác-tốp, L. (Txê-đéc-bau-mơ, I-u. Ô.) (1873 - 1923) - một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Tham gia phong trào dân chủ - xã hội vào nửa đầu những năm 90 thế kỷ XIX. Năm 1895 tham gia tổ chức "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua, vì vậy mà bị bắt năm 1896 và bị đày 3 năm ở Tu-ru-khan-xcơ. Sau khi mãn hạn đày năm 1900, Mác-tốp tham gia việc chuẩn bị xuất bản tờ "Tia lửa", tham gia ban biên tập của tờ báo đó. Tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga là đại biểu của tổ chức "Tia lửa", cầm đầu phái cơ hội chủ nghĩa trong đại hội, và từ đó là một trong những người lãnh đạo các cơ quan trung ương của phái men-sê-vích và là người biên tập các xuất bản phẩm men-sê-vích. Đã tham gia công tác của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) của đảng. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông là người theo phái thủ tiêu, biên tập tờ "Tiếng nói người dân chủ - xã hội", tham gia hội nghị tháng Tám chống đảng (1912). Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) giữ lập trường phái giữa; đã tham dự các Hội nghị Xim-méc-van và Ki-en-tan. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, cầm đầu nhóm men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chạy sang phe kẻ thù công khai chống Chính quyền xô-viết. Năm 1920

Mác-tốp chạy sang Đức và xuất bản ở Béc-ling tờ "Truyền tin xã hội chủ nghĩa" của phái men-sê-vích phản cách mạng. - 53, 303, 455, 458, 463, 466 - 467, 468, 469 - 470, 473 - 474, 475, 476, 477 - 478, 479, 501 - 502, 508.

Mác-tư-nốp, A. (Pi-ke, A. X.) (1865 - 1935) - một trong những thủ lĩnh của "phái kinh tế", một người men-sê-vích nổi tiếng, về sau là đảng viên Đảng cộng sản. Từ đầu những năm 80 thế kỷ XIX tham gia các nhóm "Dân ý", năm 1886 bị bắt và bị đày đi miền Đông Xi-bi-ri, ở đây ông trở thành đảng viên Đảng dân chủ - xã hội. Năm 1900 ra nước ngoài, tham gia ban biên tập tạp chí "Sự nghiệp công nhân" của "phái kinh tế", chống lại tờ "Tia lửa" lê-nin-nít. Tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đại biểu của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội ở nước ngoài", là một người chống phái "Tia lửa"; sau đại hội ông theo phái men-sê-vích. Đã tham gia công tác của Đại hội V (Đại hội Luân - đôn) của đảng với tư cách là đại biểu của đảng bộ Ê-ca-tê-ri-nô-xláp. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông là người thuộc phái thủ tiêu. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) giữ lập trường phái giữa; sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là một người men-sê-vích theo chủ nghĩa quốc tế. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười tách khỏi phái men-sê-vích, năm 1918 - 1920 làm giáo viên ở U-cra-i-na. Năm 1923, tại Đại hội XII Đảng cộng sản (b) Nga, ông được kết nạp vào đảng, công tác ở Viện nghiên cứu C. Mác và Ph. Ăng-ghen; từ năm 1924 là ủy viên ban biên tập tạp chí "Quốc tế cộng sản". - 172, 351, 414, 507.

Man-đen-stam, M. N. - xem Li-a-đốp, M. N.

Mát-đi-xơn (Maddison), Phrét (1856 - 1937) - một người xã hội chủ nghĩa Anh, thợ xếp chữ. Năm 1886 là chủ tịch đại hội các công liên. Trong suốt 6 năm là ủy viên hội đồng các trường học ở thành phố Tót-tê-nem. Năm 1893 được cử làm phóng viên công nhân ở Bộ thương nghiệp. Trước năm 1897 là biên tập viên của cơ quan ngôn luận chính thức của hiệp hội công nhân đường sắt "Railway Review" ("Bình luận đường sắt"). Về sau này ông là thư ký của Liên đoàn tòa án trong tài quốc tế. Năm 1897 - 1900 và 1906 - 1910 là nghị sĩ. - 247.

May-en-đoóc-phơ, A. Ph. (sinh năm 1869) - người theo phái tháng Mười, nam tước tỉnh Li-phli-an-đi-a, điền chủ, về mặt học vấn là luật gia.

Năm 1892 tốt nghiệp Trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua, đạt học vị phó tiến sĩ luật học. Từ năm 1892 tới năm 1907 ông công tác ở Pháp viện tối cao, ở tòa án khu Ri-ga, ở văn phòng của Hội đồng nhà nước, ở Bộ nội vụ. Trong những năm 1902 - 1905 là phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Pê-téc-bua về luật ruộng đất Nga. Đại biểu của tỉnh Li-phli-an-đi-a trong Đu-ma nhà nước III và IV, là phó chủ tịch của hai khóa họp đầu tiên của Đu-ma III. Năm 1919 ra nước ngoài cư trú.

May-en-đoóc-phơ được mọi người biết đến vì ông là tác giả các tác phẩm "Hiến pháp nước Phổ" (1904), "Hộ nông dân trong hệ thống luật pháp Nga" (1907), v.v.. – 539.

Méc-dơ-li-a-cốp, I. L. (sinh năm 1874) – thuộc phái lao động, nông dân. Đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma là ủy viên các tiểu ban: nông nghiệp, cựu giáo. – 391.

Méc-tva-gô, A. P. (sinh năm 1856) – nhà nông học đã nghiên cứu cách trồng vườn ở Pháp và đã dự lớp khoa học tự nhiên ở Xoóc-bon. Từ năm 1887 tới năm 1893 cộng tác với "Bảo nông nghiệp", tạp chí "Kinh tế nông nghiệp và nghề trồng rừng". Trong những năm 1894 - 1905 là biên tập viên của tạp chí nông nghiệp và kinh tế "Nghịệp chủ", từ năm 1905 là người xuất bản tạp chí đó. Ông là tác giả các tác phẩm: "Những vấn đề nông nghiệp ở vùng không phải đất đen ở Nga", "Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?", v.v.. – 80 - 83.

Mê-rinh (Mehrning), *Phran-txơ* (1846 - 1919) – nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Đức, một trong những thủ lĩnh và nhà lý luận của cánh tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức; nhà sử học, nhà chính luận và nhà nghiên cứu văn học. Từ cuối những năm 60 thế kỷ XIX là nhà chính luận dân chủ - tư sản cấp tiến; trong những năm 1876 - 1882 đứng trên lập trường chủ nghĩa tự do tư sản, về sau ngã về phái tả, biên tập viên của tờ báo dân chủ "Volks-Zeitung" ("Báo nhân dân"), chống lại Bi-xmác, bảo vệ đảng dân chủ - xã hội. Năm 1891 gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Đức. Mê-rinh là cộng tác viên tích cực và là một trong những biên tập viên của cơ quan lý luận của đảng và là một trong những biên tập viên của cơ quan này biên tập cho tờ "Leipziger Volkszeitung" ("Báo nhân dân Lai-pxích"). Năm 1893, tác phẩm "Truyện thuyết về Lê-xinh" của ông được xuất bản thành sách riêng, năm 1897 xuất bản tập "Lịch sử phong trào dân chủ - xã hội Đức" gồm 4 tập. Mê-rinh làm việc rất nhiều để xuất bản những di sản văn học của Mác, Ăng-ghe-n và

Lát-xan; năm 1918 cuốn sách của ông viết về thân thế và sự nghiệp của C. Mác ra đời. Trong các tác phẩm của Mê-rinh có nhiều điểm xa rời chủ nghĩa Mác, đánh giá không đúng các nhà hoạt động như Lát-xan, Svai-txơ, Ba-cu-nin, không hiểu sự chuyển biến cách mạng do Mác và Ăng-ghe-n đã hoàn thành trong triết học. Mê-rinh tích cực chống lại chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong hàng ngũ của Quốc tế II, lên án chủ nghĩa Cau-xky, nhưng ông cũng mắc sai lầm của những người phái tả trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, là những người sợ cắt đứt về mặt tổ chức với những người cơ hội chủ nghĩa. Ông đã triệt để bảo vệ chủ nghĩa quốc tế, hoan nghênh Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. Bắt đầu từ năm 1916 ông là một trong những người lãnh đạo của "Liên minh Xpác-ta-cút" cách mạng, giữ vai trò nổi bật trong việc thành lập Đảng cộng sản Đức. — 478.

Mi-li-u-cốp, P. N. (1859 - 1943) – lãnh tụ Đảng dân chủ - lập hiến, nhà tư tưởng nổi tiếng của giai cấp tư sản để quốc chủ nghĩa Nga, nhà sử học và nhà chính luận. Từ năm 1886 là phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. Bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa đầu những năm 90 thế kỷ XIX; từ năm 1902 tích cực cộng tác với tạp chí "Giải phóng", một tạp chí xuất bản ở nước ngoài của những người tự do chủ nghĩa tư sản. Tháng Mười 1905 là một trong những người sáng lập Đảng dân chủ - lập hiến, sau đó là chủ tịch Ban chấp hành trung ương của đảng đó và làm chủ biên của cơ quan ngôn luận trung ương – báo "Ngôn luận". Là đại biểu Đu-ma nhà nước III và IV. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là bộ trưởng Bộ ngoại giao trong thành phần đầu tiên của Chính phủ lâm thời tư sản, tiến hành chính sách để quốc chủ nghĩa tiếp tục chiến tranh "đến thắng lợi cuối cùng"; tháng Tám 1917 tham gia tích cực việc chuẩn bị cuộc nổi loạn phản cách mạng Coóc-ni-lốp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là một trong những người tổ chức cuộc can thiệp vũ trang của nước ngoài chống nước Nga xô-viết; là một phần tử hoạt động tích cực của nhóm bạch vệ lưu vong. Từ năm 1921 đã cho xuất bản ở Pa-ri tờ báo "Tin giờ chót". – 14, 16, 40, 273, 382, 383, 538.

Mi-tơ-rô-phan (*Cra-xnô-pôn-xki, Đ.*) (sinh năm 1869) – một phần tử thuộc phái Trăm đen, giám mục. Đại biểu của tỉnh Mô-ghi-lép trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma là ủy viên các tiểu ban: giáo dục quốc dân, nhà thờ đạo chính thống, v.v.. – 381, 529 - 530.

Moóc-lê (Morley), *Giôn* (1838 - 1923) – nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Anh. Năm 1883 được bầu vào nghị viện. Năm 1886

và năm 1892 giữ chức vụ bí thư phụ trách các công tác về Ai-rơ-len trong các nội các Glát-xtôn, từ năm 1906 tới năm 1910 là bí thư phụ trách các công tác về Ấn-độ, ở đây Moóc-lê đã thi hành chính sách đàn áp phong trào giải phóng dân tộc. Moóc-lê là nhà văn được nhiều người biết tới. Ông đã viết các sách nói về Von-te, Rút-xô, Đì-đrô, Cốp-đen, Crôm-oen, Glát-xtôn; năm 1917 Moóc-lê cho xuất bản hai tập Hồi ký. – 215.

Mô-xtơ (Most), *Giô-han Giô-xíp* (1846 - 1906) – một người dân chủ - xã hội Đức, sau đó theo chủ nghĩa vô chính phủ, là công nhân đóng sách. Tham gia phong trào công nhân vào những năm 60 thế kỷ XIX, gần gũi với phong trào dân chủ - xã hội, trở thành nhà báo; những năm 1874 - 1878 được bầu làm đại biểu quốc hội. Về lý luận Mô-xtơ là người ủng hộ Duy-rinh, về mặt chính trị, thi hành chủ trương vô chính phủ là "tuyên truyền bằng hành động", ông cho rằng có khả năng thực hiện cuộc cách mạng vô sản một cách nhanh chóng. Sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa được ban hành vào năm 1878, Mô-xtơ sang cư trú ở Luân - đôn, và xuất bản ở đây một tờ báo vô chính phủ chủ nghĩa: "Freiheit" ("Tự do"); về tờ báo này, Mác đã viết: "Điều mà chúng ta buộc tội Mô-xtơ không phải là ở chỗ tờ báo "Freiheit" của ông ta *quá cách mạng*. Chúng ta buộc tội ông ta ở chỗ là trong tờ báo đó, không có một *nội dung cách mạng nào cả*, mà chỉ là những *lời nói cách mạng thôi*" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 63). Trên báo ấy, Mô-xtơ kêu gọi công nhân tiến hành khủng bố cá nhân, coi đó là một biện pháp hiệu nghiệm nhất của cuộc đấu tranh cách mạng. Năm 1882 Mô-xtơ sang Mỹ, ở đây ông tiếp tục xuất bản tờ "Freiheit". Vào những năm sau, ông rời bỏ phong trào công nhân. – 522.

Môn-ken-bua (Molkenbuhr), *Ghéc-man* (1851 - 1927) – một người dân chủ - xã hội Đức, làm công nhân quán thuốc lá. Trong những năm 60 thế kỷ XIX ông gia nhập Tổng hội công nhân Đức do Lát-xan sáng lập. Vì có đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa, năm 1881 ông bị trục xuất và sống ở Mỹ cho tới năm 1884. Từ năm 1890 là biên tập viên tờ báo dân chủ - xã hội "Hamburger Echo" ("Tiếng vang Ham-bua"); từ năm 1904 là tổng bí thư Đảng dân chủ - xã hội Đức; ủy viên của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong những năm 1890 - 1906, 1907 - 1918 và 1920 - 1924 là đại biểu quốc hội Đức; từ năm 1911 tới năm 1924 là chủ tịch đảng đoàn dân chủ - xã hội trong quốc hội. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 -1918) giữ lập trường sô-vanh.

Sau Cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức ông được bầu vào Ban chấp hành đại biểu công nhân và binh sĩ Béc-lanh; trong ban chấp hành này ông đã tiến hành chính sách lập khối với chính phủ tư sản phản cách mạng. – 300.

Mu-sen-cô, *I. N.* (sinh năm 1871) – đại biểu của tỉnh Cuốc-xơ trong Đu-ma nhà nước II, một trong những thủ lĩnh của đảng đoàn xã hội chủ nghĩa - cách mạng tại Đu-ma, làm nghề kỹ sư. Trong Đu-ma ông tham gia tiểu ban ruộng đất, là báo cáo viên chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa-cách mạng về vấn đề ruộng đất. – 193.

Muyn-béc-gơ (Mülberger), *Ăc-tua* (1847 - 1907) – nhà chính luận tiểu tư sản Đức, môn đồ của Pru-đông, làm nghề bác sĩ. Năm 1872, trên báo "Der Volksstaat" ("Nhà nước nhân dân"), cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức, ông cho đăng một loạt bài báo nói về vấn đề nhà ở khiến Ph. Ăng-ghen phải phê phán kịch liệt. Đã cộng tác với tờ "Die Zukunft" ("Tương lai"), một tờ tạp chí cơ hội chủ nghĩa do Huê-khéc xuất bản, đã viết một số tác phẩm về lịch sử tư tưởng xã hội của Pháp và Đức và đã phê phán chủ nghĩa Mác. – 20.

N

N. L. – xem Lê-nin, V. I.

Na-đê-giơ-đin, *L. (Đê-len-xki, Ê. Ô.)* (1877 - 1905) – khi mới hoạt động chính trị là người theo phái dân túy; năm 1898 tham gia tổ chức dân chủ - xã hội ở Xa-ra-tốp. Năm 1899 bị bắt và bị đày đi tỉnh Vô-lô-gđa; năm 1900 sang cư trú ở Thụy-sĩ, ở đây ông đã tổ chức ra "nhóm xã hội chủ nghĩa - cách mạng" "Tự do" (1901 - 1903). Trên tạp chí "Tự do", trong các cuốn sách nhỏ "Đêm trước của cách mạng" (1901), "Sự phục hồi của chủ nghĩa cách mạng ở Nga" (1901), v.v., ông đã ủng hộ "phái kinh tế" và đồng thời tuyên truyền sự khủng bố xem đó là biện pháp có hiệu nghiệm để "thức tỉnh quần chúng"; đã chống lại tờ "Tia lửa" Lê-nin-nít. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã cộng tác với những xuất bản phẩm men-sê-vích. – 172.

Ni-cô-lai I (Rô-ma-nốp) (1796 - 1855) – hoàng đế Nga (1825 - 1855). – 277.

Ni-cô-lai II (Rô-ma-nốp) (1868 - 1918) – hoàng đế cuối cùng của Nga, trị vì từ năm 1894 tới Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917. Ngày 17 tháng Bảy 1918, bị xử bắn tại Ê-ca-tê-rin-bua (Xvéc-

đlốp-xcơ) theo quyết định của Xô-viết đại biểu công nhân và binh sĩ khu U-ran. – 35, 211, 272, 277, 386, 442, 493, 505.

Ni-cô-lai-ôn – xem Đa-ni-en-xôn, N. Ph.

Ni-ki-ti-úc, I-a. X. (sinh năm 1873) – nông dân. Đại biểu của tỉnh Vô-lun trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma được bầu vào tiểu ban nông nghiệp và tiểu ban di cư. – 388.

Níc. – ôn – xem Đa-ni-en-xôn, N. Ph.

Nô-vô-xết-xki (Bi-na-xích, M. X.) (1883 - 1938) – một người dân chủ - xã hội, người men-sê-vích, làm nghề luật sư. Năm 1906 là đại biểu có quyền biểu quyết của tổ chức Xmoóc-gôn tại Đại hội IV (Đại hội thống nhất) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, ông rời bỏ phong trào dân chủ - xã hội. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là chủ tịch ban quân sự Xô-viết Pê-tơ-rô-grát và ủy viên Ban chấp hành Xô-viết Pê-tơ-rô-grát; tham gia Ban chấp hành trung ương các Xô-viết khóa I. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là chủ tịch của nội các liên hiệp ở Vla-đi-vô-xtốc; sau này làm công tác kinh tế ở Mát-xcơ-va. – 200, 203, 315, 327.

Nô-xkê (Noske, Gu-xta-vơ) (1868 - 1946) – một trong những thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội Đức. Rất lâu trước khi nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) y bảo vệ chủ nghĩa quân phiệt. Trong thời gian chiến tranh, là một phần tử xã hội-sô-vanh, ở quốc hội y đã bỏ phiếu tán thành các khoản kinh phí chi cho quân sự. Năm 1918, trong Cách mạng tháng Mười một ở Đức, y là một trong những tên đã chỉ đạo việc đàn áp phong trào cách mạng của các thủy thủ ở Ki-en. Trong những năm 1919- 1920, là bộ trưởng Bộ chiến tranh; là kẻ tổ chức các cuộc đàn áp công nhân Béc-lanh và giết hại C. Liép-nếch và R. Lúc-xăm-bua; do đó y mang biệt hiệu "con chó khát máu". Sau này y là tỉnh trưởng tỉnh Han-nô-vơ ở Phổ. Trong những năm chế độ độc tài phát-xít thống trị y được chính phủ Hít-le cho hưởng tiền trợ cấp của nhà nước.

V. I. Lê-nin gọi Nô-xkê là "tên phản bội - xã hội", một trong những "tên đao phủ ghê tởm nhất xuất thân từ công nhân và phục vụ chế độ quân chủ và giai cấp tư sản phản cách mạng" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 38, tr. 366). – 229, 230, 233.

O

Oóc-lốp, V. I. (1848 - 1885) – nhà thống kê, một trong những người sáng lập ngành thống kê của hội đồng địa phương ở Nga. Từ năm 1875 phụ trách phòng thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Mát-xcơ-va. Công tác thống kê ở các tỉnh Tam-bốp, Cốc-xcơ, Ô-ri-ôn, Vô-rô-ne-giơ và Xa-ma-ra cũng thuộc quyền chỉ đạo của ông. Là một trong những người đầu tiên đã áp dụng phương pháp khảo sát từng hộ một cách toàn diện theo chương trình rộng lớn. Các tập từ I đến IX của "Tập tài liệu thống kê về tỉnh Mát-xcơ-va" phần lớn do Oóc-lốp viết. C. Mác và V. I. Lê-nin đã sử dụng những số liệu trong các tác phẩm của Oóc-lốp. – 96.

P

Péc-néc-xtôóc-phơ (Pernerstorfer), En-ghen-béc (1850 - 1918) – một người dân chủ - xã hội Áo, làm nghề giáo viên. Năm 1885 được bầu làm đại biểu quốc hội; năm 1896 gia nhập cánh hữu cơ hội chủ nghĩa của Đảng dân chủ - xã hội; từ năm 1897 là ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng đó. Đã tham dự hầu hết các đại hội của Quốc tế II. Năm 1907 khi làm chủ tịch đảng đoàn dân chủ - xã hội tại quốc hội, được bầu là phó chủ tịch của quốc hội. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) giữ lập trường sô-vanh cực đoan. – 299.

Pê-sê-khơ-nốp, A. V. (1867 - 1933) – nhà hoạt động xã hội tư sản và nhà chính luận. Trong những năm 90, là một phần tử dân túy tự do chủ nghĩa; là cộng tác viên, và từ năm 1904 là ủy viên ban biên tập tạp chí "Cửa cải nước Nga"; cộng tác với tạp chí theo xu hướng quân chủ - tự do chủ nghĩa "Giải phóng" và báo của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng "Nước Nga cách mạng". Trong những năm 1903 - 1905 gia nhập "Hội liên hiệp giải phóng", từ năm 1906 là một trong những người lãnh đạo của Đảng "xã hội chủ nghĩa nhân dân", một đảng tiểu tư sản. Sau Cách mạng dân chủ-tư sản tháng Hai 1917 làm bộ trưởng Bộ lương thực của Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười y chống lại Chính quyền xô-viết; từ năm 1922 trở thành một tên bạch vệ lưu vong. – 192.

Pê-tơ-rốp, C. M. (Pê-tơ-rốp III) (sinh năm 1877) – người thuộc phái lao động, thư ký đảng đoàn của Nhóm lao động, làm thợ xếp chữ. Là đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước III; trong

Đu-ma được bầu vào các tiểu ban: thành thị, về vấn đề công nhân, ngân sách, v.v.. – 391.

Phéc-đi-năng I Cô-buốc (1861 -1948) – công tước Bun-ga-ri (1887 - 1908), vua Bun-ga-ri (1908 - 1918); xuất thân dòng dõi công tước Đức. Do âm mưu của giới ngoại giao Áo - Đức và được sự ủng hộ của một bộ phận tư sản Bun-ga-ri, năm 1887 Phéc-đi-năng được phong là công tước của Bun-ga-ri. Với chính sách của mình, Phéc-đi-năng đã góp phần làm nổ ra cuộc chiến tranh lần thứ hai ở vùng Ban-căng (1913) và lôi kéo Bun-ga-ri vào cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) đứng về phe Đức và các đồng minh của Đức. Do cuộc khởi nghĩa ở Vla-đai của binh lính quân đội Bun-ga-ri, Phéc-đi-năng I phải thoái vị vào tháng Mười 1918 và chạy sang Đức. –272.

Phi-sơ (Fischer), *Ri-sa* (1855 - 1926) – một người dân chủ - xã hội Đức; trong những năm 1880 - 1890 công tác tại các nhà in của Đảng dân chủ - xã hội ở Xuy-rích và Luân-đôn; trong những năm 1890 - 1893 là bí thư Đảng dân chủ - xã hội; trong những năm 1893 - 1903 là giám đốc nhà xuất bản dân chủ - xã hội của đảng, là người xuất bản và quản lý cơ quan ngôn luận trung ương của đảng; tờ *Vorwärts* ("Tiến lên"). – 247.

Phôn-ma (Vollmar), *Gioóc-giơ Hen-rích* (1850 - 1922) – một trong những thủ lĩnh của cánh cơ hội chủ nghĩa trong Đảng dân chủ - xã hội Đức, nhà báo. Vào giữa những năm 70 thế kỷ XIX, gia nhập đảng dân chủ - xã hội, trong những năm 1879 - 1880 biên tập tờ "Der Sozialdemokrat" ("Người dân chủ - xã hội"), cơ quan ngôn luận của đảng xuất bản bất hợp pháp ở Xuy-rích; nhiều lần được bầu làm đại biểu quốc hội Đức và quốc hội Ba-vi-e. Sau khi đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa được xóa bỏ, Phôn-ma đã đọc hai bài diễn văn ở Muyn-khen năm 1891, trong đó ông đề nghị giới hạn hoạt động của đảng ở việc đấu tranh đòi cải cách và ông kêu gọi thỏa hiệp với chính phủ. Cùng với Béc-stanh, Phôn-ma đã trở thành nhà tư tưởng của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại. Ông đã chống lại việc làm gay gắt thêm đấu tranh giai cấp, chứng minh tính chất ưu việt của "chủ nghĩa xã hội nhà nước", kêu gọi đảng dân chủ - xã hội liên hiệp với những người tự do chủ nghĩa; trong khi thảo cương lĩnh ruộng đất của đảng, ông đã bảo vệ lợi ích của những người tiểu nông. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Phôn-ma đã đứng trên lập trường xã hội -

sô-vanh. Trong những năm cuối đời, ông không hoạt động chính trị tích cực nữa. – 228 - 229, 230, 233, 235.

Phơ-bách (Feuerbach), *Lút-vích An-đrê-át* (1804 - 1872) – nhà triết học duy vật và nhà vô thần lỗi lạc Đức. Từ năm 1828 là phó giáo sư Trường đại học tổng hợp Êc-lan-ghen; trong tác phẩm đầu tiên "Gedanken über Tod und Unsterblichkeit" (1830) ("Những suy nghĩ về cái chết và cái bất tử") ông đã chống thuyết giáo của đạo Cơ-đốc về sự bất diệt của linh hồn; cuốn sách đó bị tịch thu, Phơ-bách bị truy nã và chẳng bao lâu bị đuổi khỏi trường đại học. Năm 1836 ông chuyển về thôn Brúc-béc (Ti-u-rin-gi-a) và sống ở đây gần 25 năm. Trong thời kỳ đầu hoạt động về triết học, ông tham gia cánh tả của phái Hê-ghen. Vào cuối những năm 30 thế kỷ XIX, ông rời bỏ chủ nghĩa duy tâm; trong các tác phẩm "Zur Kritik der Hegelschen Philosophie" (1839) ("Phê phán triết học Hê-ghen") và "Das Wesen des Christentums" (1841) ("Bản chất của Cơ-đốc giáo") ông đoạn tuyệt với phái Hê-ghen và chuyển sang lập trường chủ nghĩa duy vật. Phơ-bách vẫn còn là một người duy tâm trong quan niệm về các hiện tượng xã hội. Về cái nguyên tắc nhân chủng trong triết học của Phơ-bách, V. I. Lê-nin gọi đó "chỉ là sự miêu tả *chủ nghĩa duy vật* một cách không chính xác, yếu ớt" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 29, tr. 64). Phơ-bách không thể khắc phục được tính chất trực quan của chủ nghĩa duy vật siêu hình, không thể hiểu được vai trò của thực tiễn trong quá trình nhận thức và phát triển xã hội.

Phơ-bách là nhà tư tưởng của các tầng lớp dân chủ, cấp tiến nhất của giai cấp tư sản Đức. Trong cuộc cách mạng 1848 ông công nhận tầm quan trọng bậc nhất của chính trị, song bản thân ông lại xa rời hoạt động chính trị; sau cuộc cách mạng đó ảnh hưởng của ông ở Đức bị sút đi rõ rệt. Trong những năm cuối đời, ông quan tâm tới sách báo xã hội chủ nghĩa, đọc "Tư bản" của Mác và năm 1870 gia nhập Đảng dân chủ - xã hội Đức.

Trong "Luận cương về Phơ-bách" của C. Mác và trong tác phẩm "Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức" của Ph. Ăng-ghen đã phân tích toàn diện triết học của Phơ-bách (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyển tập gồm hai tập, tiếng Nga, t. II, 1955, tr. 339 - 382, 383 - 385). – 510 - 511, 514, 522, 549.

Phran-bơ-Giô-xíp I (1830 - 1916) – hoàng đế Áo (1848 - 1916). – 272, 293.

Pi-ke, A. X. – xem Mác-tư-nốp, A.

Pi-ốt-xem Ra-mi-svi-li, N. V.

Plê-kha-nốp, G. V. (1856 - 1918) – nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga. Năm 1875, lúc còn là sinh viên, đã có quan hệ với phái dân túy, với công nhân Pê-téc-bua và đã tham gia các hoạt động cách mạng; năm 1877 gia nhập tổ chức dân túy "Ruộng đất và tự do"; nhưng tới năm 1879 khi tổ chức này bị phân liệt, ông đứng đầu một tổ chức dân túy mới được thành lập lại: tổ chức "Chia đều ruộng đất". Năm 1880 ông sang cư trú ở Thụy-sĩ, đoạn tuyệt với phái dân túy và tới năm 1883 ở Giơ-ne-vơ, ông đã thành lập tổ chức mác-xít Nga đầu tiên – nhóm "Giải phóng lao động". Trong những năm 90 thế kỷ XIX, Plê-kha-nốp đấu tranh với phái dân túy, chống lại chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân quốc tế. Vào đầu thế kỷ XX ông đã cùng với V. I. Lê-nin biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh", tham gia việc chuẩn bị Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong đại hội này ông là đại biểu của nhóm "Giải phóng lao động".

Từ năm 1883 tới năm 1903, Plê-kha-nốp đã viết nhiều tác phẩm có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và tuyên truyền các quan điểm duy vật: "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị" (1883), "Những sự bất đồng giữa chúng ta" (1885), "Bàn về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử" (1895), "Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật" (1896), "Bàn về vai trò của cá nhân trong lịch sử" (1898), v. v..

Nhưng ngay thời kỳ đó, Plê-kha-nốp đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng là mầm mống của những quan điểm men-sê-vích sau này của ông. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga Plê-kha-nốp đứng trên lập trường thỏa hiệp với chủ nghĩa cơ hội, về sau ngã theo phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng 1905 - 1907 ông đứng trên lập trường men-sê-vích trong mọi vấn đề cơ bản; không đánh giá đúng mức vai trò cách mạng của nông dân, đưa ra yêu cầu liên minh với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa; trên lời nói ông thừa nhận bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, nhưng trên thực tế lại chống lại thực chất của tư tưởng đó. Ông lên án cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng Chạp 1905. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, ông đã phản đối việc phái Ma - khơ-đôi xét lại chủ nghĩa Mác và chống phái thủ tiêu, đứng đầu "nhóm men-sê-vích ủng hộ đảng". Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) ông giữ

lập trường chủ nghĩa xã hội-sô-vanh, bênh vực sách lược vệ quốc chủ nghĩa của bọn men-sê-vích.

Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 ông trở về Nga cầm đầu nhóm "Thống nhất", một tổ chức cực hữu của phái men-sê-vích - vệ quốc, ra sức chống lại những người bôn-sê-vích, chống lại cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho rằng nước Nga chưa đủ điều kiện chín muồi để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Ông có thái độ tiêu cực đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười nhưng không tham gia cuộc đấu tranh chống lại Chính quyền xô-viết.

V. I. Lê - nin đánh giá cao những tác phẩm triết học của Plê-kha - nốp và vai trò của ông trong việc phổ biến chủ nghĩa Mác ở Nga; đồng thời Người phê phán kịch liệt Plê-kha-nốp về những hành động đi chệch khỏi chủ nghĩa Mác và về những sai lầm to lớn trong hoạt động chính trị. – 22, 31, 32, 40, 51, 53, 56, 58, 184, 189, 190, 198, 199 - 201, 209, 223 - 224, 303, 306, 312, 347 - 353, 391, 392, 393, 454, 475, 477.

Plê-vê, V. C. (1846 - 1904) – một nhà chính trị phản động của nước Nga Nga hoàng, trong những năm 1881 - 1884 là giám đốc Cục cảnh sát; từ năm 1902 là bộ trưởng Bộ nội vụ. Dưới quyền của y đã diễn ra những cuộc đàn áp dã man các phong trào nông dân ở các tỉnh Pôn-ta-va và Khác-cốp, phá vỡ hàng loạt hội đồng địa phương; Plê-vê đã khuyến khích chính sách Nga hóa, một chính sách phản động, ở các miền ngoại vi nước Nga. Để làm cho quần chúng xa rời cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, y đã xúc tiến làm nổ ra cuộc chiến tranh Nga - Nhật; cũng với mục đích ấy đã tổ chức những cuộc tàn sát người Do-thái, khuyến khích "chính sách Du-ba-tốp". Với chính sách đó, y đã làm cho các tầng lớp nhân dân rộng rãi trong xã hội Nga căm thù y. Ngày 15 tháng Bảy 1904 y bị tên xã hội chủ nghĩa - cách mạng Ê. X. Xa-dơ-nốp giết chết. – 174.

Pô-lốp-nép, A. V. – nhân viên cơ quan an ninh, một trong những người sáng lập tổ chức "Liên minh nhân dân Nga" của bọn Trăm đen, cầm đầu đội chiến đấu của "Liên minh" ở khu Nác-va. Tháng Bảy 1906 tham gia ám sát đảng viên Đảng dân chủ -lập hiến M. I. Ghéc-txen-stanh, đại biểu Đu-ma nhà nước, do đó bị kết án, nhưng chẳng bao lâu sau được Nga hoàng ân xá. – 493.

Pô-pốp, A. A. (Pô-pốp II) (sinh năm 1868) – linh mục ở nông thôn. Đại biểu của tỉnh Vi-át-ca trong Đu-ma nhà nước III; trong

Đu-ma Pô-pốp thuộc phái những người tiến bộ; là ủy viên các tiểu ban: tôn giáo và nhà thờ đạo chính thống. – 392.

Pô-pốp, I. N. (Pô-pốp IV) (sinh năm 1878) – nông dân. Đại biểu của tỉnh Vô-lô-gđa trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma lúc đầu theo phái hữu ôn hòa, sau đó là người không đảng phái; là ủy viên của tiểu ban di cư và tiểu ban công thương nghiệp. – 388.

Pô-tơ-rê-xốp, A. N. (1869 - 1934) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Gia nhập hàng ngũ những người mác-xít vào những năm 90 thế kỷ XIX; bị đi đày ở tỉnh Vi-át-ca vì đã tham gia "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua. Năm 1900 lãnh ra nước ngoài, tham gia thành lập tờ "Tia lửa" và tờ "Bình minh". Đã tham gia Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga với tư cách là đại biểu không có quyền biểu quyết thay mặt cho ban biên tập báo "Tia lửa", là một người "Tia lửa" thuộc phái thiểu số. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, là nhà tư tưởng của phái thủ tiêu, giữ vai trò lãnh đạo trong các tạp chí men-sê-vích "Phục hưng", "Bình minh của chúng ta", v.v.. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười chạy ra nước ngoài, đã cộng tác với tờ tuần san "Những ngày" của Kê-ren-xki và công kích nước Nga xô-viết. – 467.

Prô-cô-pô-vích, X. N. (1871 - 1955) – nhà kinh tế học, nhà chính luận tư sản. Vào cuối những năm 90 thế kỷ XIX, là đại biểu nổi tiếng của "phái kinh tế", một trong những người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Béc-stanh vào Nga. Sau này là hội viên tích cực của tổ chức quân chủ - tự do chủ nghĩa "Hội liên hiệp giải phóng". Năm 1906 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng dân chủ-lập hiến. Là biên tập viên kiêm người xuất bản tạp chí "Vô đề", một tờ tạp chí nửa dân chủ - lập hiến, nửa men-sê-vích, là người cộng tác tích cực với báo dân chủ-lập hiến phái tả "Đồng chí", là tác giả các cuốn sách bàn về vấn đề công nhân, viết theo quan điểm của phái Béc-stanh - tự do chủ nghĩa. Năm 1917 là bộ trưởng Bộ lương thực trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười bị trục xuất khỏi Liên-xô vì đã hoạt động chống Chính quyền xô-viết. – 82, 183, 467, 499.

Pu-ri-skê-vích, V. M. (1870 - 1920) – đại địa chủ, một tên phản động Trăm đen cuồng nhiệt, theo chủ nghĩa quân chủ. Từ năm 1900 làm

việc ở Bộ nội vụ, năm 1904 là quan chức đặc nhiệm trong Bộ nội vụ Plê-vê. Là một trong những người sáng lập ra "Liên minh nhân dân Nga" của phái Trăm đen; năm 1907 rút ra khỏi liên minh này và thành lập thêm một tổ chức phản cách mạng theo chủ nghĩa quân chủ "Hội Mí-kha-in Ác-khan-ghen"; là đại biểu của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a trong Đu-ma nhà nước II, III và IV; được nhiều người biết đến vì đã đọc tại Đu-ma những bài tham luận có tính chất bài Do-thái, những bài tham luận đòi tàn sát người Do-thái. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Pu-ri-skê-vích tích cực chống lại Chính quyền xô-viết. – 442, 493, 537.

R

Ra-mi-svi-li, N. V. (Pi-ốt, Xê-mê-nốp, N.) (1881 - 1930) – một trong những thủ lĩnh của những người men-sê-vích Gru-di-a. Năm 1902 gia nhập Đảng dân chủ - xã hội, làm công tác nông vận ở Gru-di-a. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga gia nhập phái men-sê-vích và từ đó đấu tranh chống lại những người bôn-sê-vích. Năm 1907 là đại biểu dự Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong đại hội này được bầu vào Ban chấp hành trung ương, đại diện cho phái men-sê-vích. Trong những năm thế lực phản động thống trị, theo phái thủ tiêu. Năm 1910 công tác ở Ti-phlít, là ủy viên Ban chấp hành khu của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), theo chủ nghĩa vệ quốc. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng men-sê-vích Gru-di-a, biên tập viên của báo "Éc-tô-ba" ("Thông nhất"). Trong những năm 1918 - 1920 Ra-mi-svi-li là bộ trưởng Bộ nội vụ của chính phủ men-sê-vích Gru-di-a, ủng hộ việc tách Gru-di-a ra khỏi nước Nga, chống lại Chính quyền xô-viết. Năm 1923, khi ở nước ngoài, đã lãnh đạo một nhóm men-sê-vích mưu toan tổ chức khởi nghĩa chống Chính quyền xô-viết ở Gru-di-a. – 242, 405, 467, 502.

Ri-các-đô (Ricardo), *Đa-vít* (1772 - 1823) – nhà kinh tế học lỗi lạc Anh, tác giả các tác phẩm "Nguyên lý của chính trị kinh tế học và thuế má" (1817), "Về sự bảo trợ nông nghiệp" (1882) và những tác phẩm khác, trong đó chính trị kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản đã đạt đến đỉnh cao nhất. Bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh chống tàn dư phong kiến, Ri-các-đô kiên trì nguyên tắc tự do cạnh tranh, đòi thủ tiêu mọi sự hạn chế

kim hãm sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử của Ri-các-đô đối với khoa học kinh tế trước hết là ở chỗ ông đã nêu ra thuyết về giá trị của lao động; ông đã cố gắng lấy thuyết này làm cơ sở cho toàn bộ khoa kinh tế chính trị. Phát triển thuyết giá trị của A. Xmit, Ri-các-đô đã chứng minh rằng giá trị là do lao động đã hao phí trong sản xuất hàng hóa quyết định, và lao động là nguồn gốc tạo ra tiền công của công nhân cũng như những khoản thu nhập của những người không lao động, như lợi nhuận và địa tô. Ông đã phát hiện ra sự đối lập giữa tiền công của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản, tức là đã vạch rõ sự xung đột về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Nhưng vì bị hạn chế về mặt giai cấp nên Ri-các-đô đã không thể phân tích chủ nghĩa tư bản một cách thực sự khoa học, không thể vạch ra được bí mật của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Ri-các-đô cho rằng sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản là hình thức tồn tại vĩnh viễn và tự nhiên của sản xuất xã hội. Ông không vạch ra được tính chất xã hội của giá trị, không thấy được sự khác nhau giữa giá trị và giá cả trong sản xuất và cũng không thể hiểu được nguồn gốc và thực chất của tiền tệ.

C. Mác đã phê phán những quan điểm lý luận của Ri-các-đô trong những cuốn "Tư bản", "Các học thuyết về giá trị thặng dư" và trong những tác phẩm khác. – 156, 158, 188.

Rô-da-nốp, N. X. (sinh năm 1870) – người thuộc phái lao động, làm nghề bác sĩ. Đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước III, trong Đu-ma là ủy viên của các tiểu ban: ngân sách, giáo dục quốc dân, v. v. – 540.

Rô-den, M. M. (Ê-dơ-ra) – đại biểu của phái Bun trong cuộc hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga họp ngày 24 - 26 tháng Tám 1908. – 241, 242.

Rô-đi-tsep, Ph. I. (sinh năm 1856) – địa chủ và nhà hoạt động hội đồng địa phương tỉnh Tve, một trong những lãnh tụ của Đảng dân chủ lập hiến, ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng đó. Đã tham dự các đại hội hội đồng địa phương trong những năm 1904 - 1905. Là đại biểu Đu-ma nhà nước I, II, III và IV. Sau Cách mạng dân chủ-tư sản tháng Hai 1917 là bộ trưởng phụ trách về Phần-lan trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười trở thành một tên bạch vệ lưu vong. – 382.

Rô-giơ-cốp, G. E. (sinh năm 1864) – nông dân, người thuộc phái lao động. Đại biểu của tỉnh Xta-vrô-pôn trong Đu-ma nhà nước III,

ủy viên trong tiểu ban nhà thờ đạo chính thống. Tháng Sáu 1912, ông là một trong số 200 đại biểu đã dự buổi tiếp kiến của Nga hoàng, vì thế ngày hôm sau bị khai trừ khỏi đảng đoàn của phái lao động. – 389 - 390, 538 - 540.

Rốt-béc-tút - Ia-ghê-txốp (Rodbertus-Jagetzow), Giô-han-Các-lơ (1805 - 1875) – nhà kinh tế học tầm thường Đức, đại địa chủ Phổ, một trong những nhà lý luận của "chủ nghĩa xã hội nhà nước". Rốt-béc-tút cho rằng có thể giải quyết được những mâu thuẫn giữa lao động và tư bản bằng một loạt cải cách do nhà nước gioong-ke Phổ tiến hành; ông hy vọng duy trì được, như Ăng-ghen đã viết, "giai cấp có đặc quyền ít ra là vào khoảng 500 năm nữa" (C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. I, 1937, tr. 186). Vì không hiểu được nguồn gốc của giá trị thặng dư và thực chất của mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, Rốt-béc-tút coi mức quần chúng nhân dân tiêu thụ thấp là nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng kinh tế. Những tác phẩm chính của Rốt-béc-tút: "Tìm hiểu chế độ kinh tế - nhà nước của chúng ta" (1842), "Những bức thư xã hội gửi Phôn Kiéc-sman" (1850 - 1851, 1884). – 158, 307.

Rơ-cluy (Reclus), *Giăng Giắc-cơ Ê-li-đơ* (1830 - 1905) – nhà địa lý và xã hội học nổi tiếng của Pháp, nhà lý luận của chủ nghĩa vô chính phủ; đã tham gia cuộc cách mạng 1848 ở Pháp. Sau cuộc chính biến của Na-pô-lê-ông III (1851) Rơ-cluy sang cư trú ở Anh. Từ năm 1852 tới năm 1857 sống ở Ai-rơ-len, Hoa-kỳ, Nam Mỹ. Năm 1857 trở về Pháp và cho đăng một loạt bài nói về các cuộc hành trình của ông. Năm 1865 gia nhập Quốc tế I, tại đây ông theo phái Ba-cu-nin; đã tham gia Công xã Pa-ri năm 1871; trong trận chiến đấu với quân Véc-xây ông đã bị bắt làm tù binh và bị kết án đi đày chung thân, nhưng vì có nhiều nhà khoa học và hoạt động chính trị nổi tiếng phản đối nên án đi đày được thay thế bằng việc trục xuất vĩnh viễn ra khỏi nước Pháp. Đã sống ở Ý, sau đó ở Thụy-sĩ và Bỉ.

Những tác phẩm chính của Rơ-cluy: "Địa lý thế giới mới. Đất đai và con người" gồm 19 tập (1876 - 1894), "Con người và đất đai" gồm 6 tập (1905 - 1908), "Sự tiến hóa, cách mạng và lý tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ" (1897), v. v. – 276.

Ru-ba-kin, N. A. (1862 - 1946) – nhà thư mục học và nhà văn Nga, tác giả của rất nhiều tác phẩm viết về thư mục học, lịch sử công tác thư tịch ở Nga, những khảo luận khoa học phổ thông về địa

lý, khoa học tự nhiên, v. v.. Năm 1907, sang cư trú ở Thụy-sĩ và sống ở đây cho đến hết đời. Tác phẩm chính về thư mục học của Ru-ba-kin: "Trong rừng sách" (1906), V. I. Lê-nin viết bài nhận xét về tập II của tác phẩm này, trong đó Người nhận định: "Bất cứ một thư viện nào biết tự trọng đều không thể bỏ qua tác phẩm của ông Ru-ba-kin" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, 1963, t. 20, tr. 298). V. I. Lê-nin thường gặp gỡ Ru-ba-kin trong thời gian ở nước ngoài và thường dùng tới sách trong thư viện của ông. Sau này Ru-ba-kin giữ liên hệ chặt chẽ với Liên-xô; sau khi chết, theo di chúc, toàn bộ thư viện của ông gồm 80 nghìn tập sách được chuyển về Liên-xô và được bảo quản tại Thư viện quốc gia mang tên V. I. Lê-nin. – 74.

Ru-ba-nô-vích, I. A. (1860 - 1920) – một trong những lãnh tụ của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Lúc đầu tích cực tham gia phong trào "Dân ý"; trong những năm 80 thế kỷ XIX sang cư trú ở Pa-ri, ở đây năm 1893 gia nhập nhóm "Dân ý" cũ. Khi Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng được thành lập, là đảng viên tích cực. Tích cực tham gia viết cho tạp chí "Truyền tin cách mạng Nga"; từ năm 1902, tạp chí này trở thành cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng. Là đại biểu của Đảng xã hội - cách mạng tại các Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Am-xtéc-đam (1904), ở Stút-ga (1907). Là ủy viên của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa. Trong thời gian chiến tranh thế giới lần thứ nhất, là một phần tử xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, chống lại Chính quyền xô-viết. – 286 - 287, 289, 297 - 298.

Rút-nép, V. A. —xem Ba-da-rốp, V.

Rút-nép, X. Ph. (chết năm 1909) – nhà thống kê, phó phòng thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Mát-xcơ-va, tác giả bài "Những nghề phụ của nông dân ở phần nước Nga thuộc châu Âu" đăng trên "Tập tài liệu của Hội đồng địa phương Xa-ra-tốp", 1894, số 6 và số 11. – 133.

Rút-xen (Roussel), *Ăng-giê-la* – nữ đảng viên xã hội chủ nghĩa Pháp. Từ năm 1907 tới năm 1912, là ủy viên ban hành chính thường trực của Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Về sau thôi hoạt động chính trị. – 286, 289.

S

Sa-nin, M. (Sa-pi-rô, L. G.) (1887 - 1957) – tham gia phong trào cách mạng từ năm 1902; năm 1903 gia nhập tổ chức của phái Bun ở Ri-ga. Là đại biểu của đảng bộ tỉnh Đơ-vin-xcơ của phái Bun tại Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 gia nhập Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, theo phái men-sê-vích. Từ năm 1918 là đảng viên Đảng cộng sản (b) Nga, công tác ở Bộ dân ủy giáo dục, làm công tác chính trị trong Hồng quân. Từ năm 1920 tới năm 1921 là ủy viên đoàn chủ tịch Tổng cục giáo dục chính trị. Từ năm 1925 tới năm 1929 công tác ở Bộ dân ủy tài chính nước Cộng hòa liên bang xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga. Là tác giả của nhiều tác phẩm khoa học. – 148, 193.

Sa-pi-rô, L. G. – xem Sa-nin, M.

Si-đlốp-xki, X. I. (sinh năm 1861) – đảng viên tháng Mười, địa chủ, nhà hoạt động hội đồng địa phương. Năm 1900 là ủy viên Hội đồng Ngân hàng nông dân; từ năm 1905 – giám đốc Cục nông nghiệp. Là đại biểu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ trong Đu-ma III và IV; ủy viên các tiểu ban: ruộng đất, nông nghiệp, v. v.. – 378, 379, 382.

Sin-ga-rép, A. I. (1869 - 1918) – một người dân chủ-lập hiến, nhà hoạt động hội đồng địa phương, nhà chính luận, làm nghề bác sĩ. Là chủ tịch Ban chấp hành tỉnh Vô-rô-ne-giơ Đảng dân chủ-lập hiến; từ năm 1907 là ủy viên Ban chấp hành trung ương đảng. Đại biểu của tỉnh Vô-rô-ne-giơ trong Đu-ma nhà nước II và III, đại biểu của Pê-téc-bua trong Đu-ma IV; thủ lĩnh đảng đoàn dân chủ-lập hiến tại Đu-ma. Sau Cách mạng dân chủ-tư sản tháng Hai 1917, là bộ trưởng Bộ nông nghiệp trong nội các thứ nhất và bộ trưởng Bộ tài chính trong nội các thứ hai của Chính phủ lâm thời tư sản. – 382 - 383.

Síp-pen (Schippel), *Mác-xơ* (1859 - 1928) – một người dân chủ -xã hội Đức, một phần tử xét lại. Trong những năm 1887 - 1890 biên tập tờ báo "Berliner Volkstribüne" ("Diễn đàn nhân dân Béc-lanh"), từ năm 1897 tham gia công tác lãnh đạo tạp chí "Sozialistische Monatshefte" ("Nguyệt san xã hội chủ nghĩa") của những người cơ hội chủ nghĩa Đức. Là đại biểu quốc hội (1890 - 1905), y đã bảo vệ sự bành trướng của chủ nghĩa đế quốc Đức. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, là một trong những phần tử xã hội - sô-vanh cực đoan. Vào cuối đời, làm giáo sư Trường đại học bách

khoa Đrét-đen (1923 - 1928). Có thái độ thù địch đối với Liên-xô. – 275, 277.

Suên (Schoen), *Vin-hem Ê-đu-a* (1851 - 1933) – nhà ngoại giao Đức, tử tước. Năm 1900 là công sứ ở Cô-pen-ha-gơ; năm 1906 – đại sứ ở Pê-téc-bua; trong những năm 1907 - 1910 là bộ trưởng Bộ ngoại giao. Trong những năm 1910 - 1914 là đại sứ ở Pa-ri. – 272.

Svác-txơ, *A. N.* (1848 - 1915) – nhà hoạt động phản động ở nước Nga Nga hoàng, về học vấn là nhà ngôn ngữ. Đã làm giảng viên một số năm. Trong những năm 1908 - 1910 là bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân, đã cho tiến hành nhiều biện pháp phản động trong lĩnh vực các trường trung học và cao đẳng: bãi bỏ chế độ tự trị của các trường đại học, cấm không được nhận phụ nữ vào học dự thính ở các trường cao đẳng, thực hiện chặt chẽ mức tỷ lệ phần trăm đối với người Do-thái khi nhận họ vào trường học. – 259, 265, 372.

T

Tê-di-a-cốp, *N. I.* (1859 - 1925) – nhà hoạt động y tế lớn; năm 1884 tốt nghiệp Trường đại học tổng hợp Ca-dan, làm bác sĩ vệ sinh tại các Hội đồng địa phương tỉnh Khéc-xôn, Xa-ra-tốp, v. v.. Là tác giả nhiều công trình nghiên cứu về những vấn đề điều kiện vệ sinh trong lao động và trong sinh hoạt của công nhân nông nghiệp. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, trở thành nhà hoạt động tích cực của ngành y tế xô-viết; từ năm 1920 công tác ở Bộ dân ủy y tế. Trong khi khen cuốn sách "Công nhân nông nghiệp và tổ chức sự kiểm tra y tế vệ sinh đối với họ trong tỉnh Khéc-xôn" của Tê-di-a-cốp (1896), V. I. Lê-nin cũng đồng thời nêu lên một số sai lầm mang tính chất dân túy của cuốn sách đó. – 135.

Thành-cát-tư-hãn (*Tê-mu-tsin*) (sinh khoảng năm 1155 - chết năm 1227) – quốc vương và thống soái Mông-cổ. Năm 1206 ông hoàn thành việc thống nhất Mông-cổ, thành lập nhà nước và chính nhà nước này đã củng cố sự thống trị của bọn quý tộc đối với quần chúng thường dân du mục - chăn nuôi. Thành-cát-tư-hãn thi hành chế độ toàn dân làm nghĩa vụ quân dịch, xây dựng một đội kỵ binh đông đảo, tổ chức ra một đảng cấp quân sự có đặc quyền, từ đảng cấp này lập ra đội cận vệ tuyển lọc, sau đó thì bắt đầu chính sách xâm chiến với quy mô lớn. Sau khi đã chinh phục được những người Duy-ngô-nhĩ vào những năm 1209 - 1210, Thành-cát-tư-hãn, tiến quân vào miền Bắc Trung - quốc, Trung

Á, I-răng và Da-cáp-ca-dơ. Những cuộc hành quân này kèm theo những sự cướp bóc dã man và cưỡng ép nhân dân địa phương. Đế quốc do Thành-cát-tư-hãn lập ra đã bị sụp đổ vào những năm 60 thế kỷ XIII. – 215.

Ti-lác (Tilak), *Ban-gan-gát-kha-rơ* (1856 - 1920) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Ấn-độ. Năm 1881, bắt đầu xuất bản báo "Kê-xa-ri" ("Sư tử"); trên tờ báo này, ông lên tiếng phản đối chế độ thuộc địa của Anh. Trong Đảng Quốc đại Ấn-độ ông đứng đầu cánh tả phản đối những phương pháp đấu tranh hòa bình, hợp pháp chống chế độ thuộc địa Anh; ông kêu gọi quần chúng nhân dân đấu tranh với bọn thực dân bằng mọi phương tiện, kể cả bạo lực. Song ông không đưa ra được một cương lĩnh kinh tế có thể đáp ứng lợi ích của nông dân và thợ thủ công; ông lý tưởng hóa thời phong kiến cổ đại, ủng hộ việc duy trì chế độ đẳng cấp.

Trong thời kỳ có cao trào giải phóng dân tộc ở Ấn-độ vào những năm 1905 - 1908 ông kêu gọi quần chúng nhân dân vận dụng kinh nghiệm đấu tranh giành tự do của nhân dân Nga. Năm 1908 Ti-lác bị chính quyền Anh kết án 6 năm tù khổ sai vì tội kêu gọi nhân dân đấu tranh chống chế độ thực dân. Giai cấp vô sản Bôm-bay đã trả lời bản án Ti-lác bằng một cuộc tổng bãi công chính trị. Năm 1914 ông được ra tù.

Ti-lác hoan nghênh cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, và chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng này, ông đã đòi quốc hữu hóa đường sắt và các xí nghiệp khác của thực dân Anh. – 216.

Ti-mi-ri-a-dép, *V. I.* (sinh năm 1849) – nhà hoạt động công nghiệp và tài chính của nước Nga Nga hoàng. Từ năm 1894 là ủy viên Hội đồng bộ trưởng tài chính và phái viên của bộ đó ở Béc-ling và Viên. Từ năm 1902 là thứ trưởng Bộ tài chính và từ năm 1905 là bộ trưởng Bộ công thương nghiệp. Năm 1906 về hưu, hoạt động kinh doanh công thương nghiệp tư nhân; ủy viên Hội đồng nhà nước. Từ năm 1909 lại được cử giữ chức bộ trưởng Bộ công thương nghiệp. Năm 1912, khi là giám đốc "Công ty công nghiệp vàng ở Lê-na", đã biện hộ cho sự đàn áp công nhân ở các mỏ kim loại quý (vụ bắn giết ở Lê-na). – 501.

Ti-tốp, *I. V.* (sinh năm 1879) – linh mục, đại biểu của tỉnh Péc-mơ trong Đu-ma nhà nước III và IV; ở Đu-ma ông thuộc đảng đoàn những người tiến bộ, nằm trong các tiểu ban: giáo dục quốc dân,

phụ trách các công việc về nhà thờ đạo chính thống, v. v.. Mùa hè 1912, ông từ chức. – 388.

Tit-tô-ni (Tittoni), *Tôm-ma-dô* (1855 - 1931) – nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Ý. Trong những năm 1903 - 1909 làm bộ trưởng Bộ ngoại giao Ý. Từ năm 1906 là thượng nghị sĩ. Trong những năm 1910 - 1916 làm đại sứ ở Pa-ri. Năm 1919 lại làm bộ trưởng Bộ ngoại giao, đại diện cho Ý tại Hội nghị hòa bình ở Pa-ri. Trong những năm 1919 - 1920 là chủ tịch thượng nghị viện. Trong những năm 1929 - 1930 là chủ tịch của Viện hàn lâm Ý. – 271 - 272.

Tô-mi-lốp, *I. X.* (sinh năm 1873) – viên chức nhỏ xuất thân từ nông dân; lúc đầu là đảng viên dân chủ - lập hiến, sau đó chuyển sang phái lao động. Là đại biểu của tỉnh Ác-khan-ghen-cơ trong Đu-ma nhà nước III; tại Đu-ma được bầu vào các tiểu ban: phụ trách ngành đánh cá, nghiên cứu các dự thảo pháp chế. – 390.

Tôn-xki, *M. P.* (1880 - 1936) – đứng trong hàng ngũ đảng từ năm 1904. Trong những năm 1905 - 1906 công tác tại đảng bộ Rê-ven Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; năm 1907 là ủy viên Ban chấp hành Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; ủy viên ban biên tập tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản"; tham gia công tác của Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Trong những năm thế lực phản động thống trị, có thái độ điều hòa đối với phái thủ tiêu, phái triệu hồi và bọn tư-rốt-kít. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917 là ủy viên Ban chấp hành đảng bộ Pê-téc-bua của Đảng công nhân dân chủ - xã hội (bôn-sê-vích) Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là chủ tịch Đoàn chủ tịch Hội đồng trung ương các công đoàn Liên-xô, ủy viên Đoàn chủ tịch Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao, ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương, tổng cục trưởng Tổng cục xuất bản quốc gia. Đã nhiều lần chống lại đường lối Lê-nin-nít của đảng. Năm 1928 đã cùng với Bu-kha-rin và Rư-cốp cầm đầu khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa cánh hữu trong Đảng cộng sản (b) Liên-xô. – 354, 360 - 361, 376.

Tôn-xtôi, *D. A.* (1823 - 1889) – bá tước, một người hoạt động nhà nước phản động của nước Nga Nga hoàng. Năm 1865 được cử làm giám sát tối cao của Hội đồng thánh giáo, và từ năm 1866 đồng thời làm bộ trưởng Bộ giáo dục quốc dân; thi hành một số cải cách phản động trong các trường tiểu học và trung học. Từ năm 1882 làm bộ trưởng Bộ nội vụ và là người chỉ huy bọn sen đầm,

đưa ra cái "Thế lệ tạm thời" hà khắc, hết sức hạn chế tính độc lập của các cơ quan hội đồng địa phương, chống lại những biểu hiện nhỏ nhất của tư tưởng tự do. – 378.

Tôn-xtôi, *L. N.* (1828 - 1910) – nhà văn Nga thiên tài, một trong những nhà văn vĩ đại nhất của thế giới, có ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của nền văn học Nga và thế giới. Trong các tác phẩm của mình, Tôn-xtôi đã làm sáng tỏ đời sống của nước Nga trước cách mạng, phản ánh những điều kiện mâu thuẫn phức tạp của thời bấy giờ, những điều kiện ấy quyết định tâm lý của các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội Nga trong thời kỳ sau cải cách và hành vi của họ trong cuộc cách mạng 1905 - 1907.

Tôn-xtôi sinh ra và lớn lên trong một gia đình địa chủ lớp trên thuộc giai cấp thống trị nước Nga lúc bấy giờ. Nhưng ông đã đoạn tuyệt với các quan điểm của giới đó và là một người hăng hái tố cáo những trật tự nhà nước và kinh tế - xã hội, xây dựng trên cơ sở sự nô dịch và bóc lột quần chúng lao động; ông phần nộ công kích các giai cấp thống trị, vạch trần sự bất công của tòa án Nga hoàng, tính chất giả nhân giả nghĩa của đạo đức tư sản v.v.. Tôn-xtôi phê phán kịch liệt nhà thờ vì nó thần thánh hóa những trật tự chuyên chế, ủng hộ và bào chữa cho ách áp bức, bóc lột, do đó, ông đã bị khai trừ ra khỏi giáo hội. V. I. Lê-nin gọi Tôn-xtôi là "tấm gương phản chiếu cách mạng Nga". Đánh giá tầm vĩ đại của nhà văn, trình độ nghệ thuật thiên tài, ý nghĩa trọng đại nhất của ông đối với nền văn học Nga và thế giới, Lê-nin chỉ ra rằng thế giới quan của Tôn-xtôi đã phản ánh một cách rõ ràng những nét lịch sử độc đáo của cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất là một cuộc cách mạng tư sản nông dân, phản ánh những mâu thuẫn của cuộc cách mạng đó, những mặt mạnh và mặt yếu của cuộc cách mạng đó.

Khi tố cáo sự độc tài của chế độ chuyên chế, đáng lẽ phải đấu tranh chống chế độ nông nô và nhà nước cảnh sát - chuyên chế, Tôn-xtôi lại tuyên truyền thuyết "không nên dùng bạo lực chống lại điều ác", tuyên truyền cho việc từ bỏ chính trị, từ bỏ cách mạng, tự tu dưỡng; đáng lẽ phải đấu tranh chống lại tôn giáo thì ông lại tuyên truyền cho việc cần thiết phải thay thế tôn giáo cũ bằng tôn giáo mới. Tôn-xtôi không thể hiểu được phong trào công nhân, nguyên nhân và tính tất yếu của cách mạng. Học thuyết của ông – "học thuyết Tôn-xtôi" – mang tính chất không tưởng và phản động và đã gây tác hại sâu sắc cho phong trào cách mạng. V. I. Lê-nin đã viết một loạt tác phẩm nói rõ về thế giới quan của

Tôn-xtôi và đánh giá toàn bộ hoạt động của ông: "Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga", "L. N. Tôn-xtôi", "L. N. Tôn-xtôi và phong trào công nhân hiện đại", "Tôn-xtôi và cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 16, tr. 425 - 431, 435 - 438, 467- 468) và các tác phẩm khác. – 249 - 258.

Tơ-rê-pốp, Đ. Ph. (1855 - 1906) – cảnh sát trưởng tỉnh Mát-xcơ-va trong những năm 1896 - 1905; theo nhận định của V. I. Lê-nin y là "một trong những tên tội tử bị toàn nước Nga oán ghét nhất của chế độ Nga hoàng, nổi tiếng ở Mát-xcơ-va vì tính hung bạo, thô lỗ, và vì đã tham gia trong những mưu toan của bọn Du-ba-tốp nhằm làm đôi trụy công nhân" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, t. 9, tr. 294). Từ ngày 11 tháng Giêng 1905 là thống đốc Pê-téc-bua, sau đó làm thứ trưởng Bộ nội vụ; là kẻ đã ra cái lệnh khét tiếng vào tháng Mười 1905: "không bắn những loạt súng vô ích và không tiếc đạn". Là kẻ cổ vũ những cuộc tàn sát của bọn Trăm đen. – 42, 63, 374, 385, 386.

Tơ-ri-rô-gốp, V. G. – nhà thống kê, phó chủ tịch Ủy ban thống kê tỉnh Xa-ra-tốp, tác giả cuốn "Công xã nông thôn và thuế má" (1882). – 96.

Tơ-rốt-xki (Brôn-stanh), L. Đ. (1879 - 1940) – kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa Lê-nin. Tại Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là đại biểu của Liên minh Xi-bi-ri, người thuộc nhóm "Tia lửa" phái thiểu số; sau đại hội, y đấu tranh chống lại những người bôn-sê-vích trên tất cả mọi vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong những năm thế lực phản động thống trị và có cao trào cách mạng mới, y núp dưới chiêu bài "không bè phái", nhưng thực tế thì đứng trên lập trường của phái thủ tiêu; năm 1912 y đã tổ chức ra khối tháng Tám chống đảng; trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, y giữ lập trường phái giữa, đấu tranh chống lại V. I. Lê-nin về những vấn đề chiến tranh, hòa bình và cách mạng. Từ nước ngoài trở về sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, y gia nhập nhóm "liên khu", và tại Đại hội VI Đảng công nhân dân chủ - xã hội (b) Nga, cùng với nhóm này được kết nạp vào đảng bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là bộ trưởng Bộ dân ủy ngoại giao, bộ trưởng Bộ dân ủy về các vấn đề quân sự và hàng hải, chủ tịch Hội đồng quân sự - cách mạng của nước Cộng hòa; là ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương. Năm 1918

chống lại việc ký Hòa ước Brét, trong những năm 1920 - 1921, cầm đầu phái đối lập trong cuộc tranh luận về công đoàn; từ năm 1923, Tơ-rốt-xki tiến hành một cuộc đấu tranh bè phái kịch liệt chống lại đường lối chung của đảng, chống lại cương lĩnh của Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuyên truyền luận điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội không có khả năng thắng lợi ở Liên-xô. Sau khi vạch trần chủ nghĩa Tơ-rốt-xki là một khuynh hướng tiểu tư sản trong đảng, Đảng cộng sản đã đánh tan chủ nghĩa đó về mặt tư tưởng và tổ chức. Năm 1927 Tơ-rốt-xki bị khai trừ khỏi đảng, năm 1929 bị trục xuất khỏi Liên-xô vì tội hoạt động chống xô-viết, và năm 1932 bị tước quyền công dân Liên-xô. Ở nước ngoài y vẫn tiếp tục đấu tranh chống Nhà nước xô-viết và Đảng cộng sản, chống phong trào cộng sản quốc tế. – 469 - 475.

Tséc-nư-sép-xki, N. G. (1828 - 1889) – nhà dân chủ cách mạng vĩ đại Nga, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, nhà bác học, nhà văn, nhà phê bình văn học; một trong những nhà tiên bối kiệt xuất của phong trào dân chủ - xã hội Nga. Tséc-nư-sép-xki là người cổ vũ về tư tưởng và lãnh tụ của phong trào dân chủ - cách mạng những năm 60 ở Nga. Tạp chí "Người đương thời" do ông biên tập là tiếng nói của các lực lượng cách mạng Nga. Tséc-nư-sép-xki đã công phần vạch trần tính chất nông nô của cuộc "cải cách nông dân" năm 1861, ông kêu gọi nông dân đứng lên khởi nghĩa. Năm 1862 ông bị chính phủ Nga hoàng bắt giam ở pháo đài Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xcơ gần 2 năm, rồi sau đó bị kết án 7 năm tù khổ sai và đày biệt xứ ở Xi-bi-ri. Mãi đến già, Tséc-nư-sép-xki mới được trả lại tự do. Cho đến cuối đời, ông vẫn là một chiến sĩ nhiệt thành đấu tranh chống lại sự bất bình đẳng trong xã hội, chống mọi biểu hiện của sự áp bức về chính trị và kinh tế.

Những công lao của Tséc-nư-sép-xki trong lĩnh vực phát triển triết học duy vật ở Nga thật là lớn. Những quan điểm triết học của ông là đỉnh cao của toàn bộ triết học duy vật trước Mác. Chủ nghĩa duy vật của Tséc-nư-sép-xki mang tính chất cách mạng thực tế. Tséc-nư-sép-xki phê phán kịch liệt những thuyết duy tâm khác nhau và đã cố gắng xây dựng lại phép biện chứng của Hê-ghen theo tinh thần chủ nghĩa duy vật. C. Mác đánh giá rất cao những tác phẩm của Tséc-nư-sép-xki và gọi ông là nhà bác học Nga vĩ đại. Lê-nin đã viết về Tséc-nư-sép-xki rằng ông "thật là một nhà đại văn hào Nga duy nhất, từ những năm 50 cho đến năm 1888, vẫn kiên trì chủ nghĩa duy vật triết học hoàn chỉnh... Nhưng do tình trạng lạc hậu trong đời sống của nước Nga, ông

đã không vươn lên, hay nói cho đúng hơn, đã không thể vươn lên tới chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác và Ăng-ghe-n" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 14, tr. 507).

Tséc-nư-sép-xki đã viết hàng loạt tác phẩm xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế học, văn học, sử học, luân lý học, mỹ học. Những tác phẩm phê bình văn học của ông đã có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển văn học và nghệ thuật Nga. Cuốn tiểu thuyết "Làm gì?" (1863) của Tséc-nư-sép-xki đã có tác dụng giáo dục nhiều thế hệ cách mạng ở Nga và ở nước ngoài. – 549.

Tsê-rê-va-nin, N. (Líp-kin, Ph. A.) (1868 - 1938) – một trong những lãnh tụ của phái men-sê-vích, một phần tử theo phái thủ tiêu cực đoan. Đã tham dự Đại hội IV (Đại hội thống nhất) và Đại hội V (Đại hội Luân-đôn) Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đã cộng tác với các xuất bản phẩm của phái thủ tiêu, là một trong những tác giả của "Bức thư ngỏ" của 16 đảng viên men-sê-vích đòi thủ tiêu đảng (1910); sau hội nghị tháng Tám chống đảng năm 1912, là ủy viên của Trung tâm men-sê-vích (Bộ tổ chức). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất, là một phần tử xã hội - sô-vanh. Năm 1917 là một trong những biên tập viên của "Báo công nhân", cơ quan ngôn luận trung ương của phái men-sê-vích và là ủy viên Ban chấp hành trung ương men-sê-vích. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười. – 334, 340, 453, 467, 499, 550.

Tsi-giép-xki, P. I. (sinh năm 1861) – đảng viên Đảng dân chủ - lập hiến, một người dân tộc chủ nghĩa tư sản ở U-cra-i-na, đại biểu của tỉnh Pôn-ta-va trong Đu-ma nhà nước I. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười ra cư trú ở nước ngoài, cộng tác với tuần san "Ý chí", cơ quan ngôn luận của Ra-đa U-cra-i-na phản cách mạng. – 162 - 163, 319.

Tsi-li-kin, Ph. N. (sinh năm 1876) – đại biểu vùng A-mua trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma lúc đầu gia nhập đảng đoàn dân chủ - xã hội (trước năm 1909), sau đó là một đại biểu không đảng phái. Trong thời gian ở trong đảng đoàn dân chủ - xã hội, Tsi-li-kin không phục tùng các quyết định của đảng đoàn đó và cũng không thừa nhận sự lãnh đạo của đảng. – 372.

Tsúp-rốp, A. I. (1842 - 1908) – giáo sư kiêm nhà kinh tế học, một người tự do chủ nghĩa. Là chủ tịch ban thống kê của Hội tư pháp Mát-xcơ-va. Là tác giả của nhiều tác phẩm nói về ngành đường

sắt và vấn đề ruộng đất. Là người biên tập cuốn "Ảnh hưởng của mùa màng và giá cả lúa mì đến số mặt của nền kinh tế quốc dân Nga" (1897) của phái dân túy - tự do chủ nghĩa và là tác giả của một trong những bài viết trong văn tập đó. V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt các tác phẩm viết về ruộng đất của Tsúp-rốp. – 14.

U

U-va-rốp, A. A. (sinh năm 1859) – bá tước, đại địa chủ, nhà hoạt động hội đồng địa phương, quan chức trong Bộ nội vụ dưới thời Plê-vê. Đại biểu của tỉnh Xa-ra-tốp trong Đu-ma nhà nước III; trong Đu-ma, lúc đầu đứng trong đảng đoàn của phái thán Mười, sau đó chuyển sang nhóm không đảng phái và cuối cùng gia nhập nhóm những người tiến bộ; tham gia các tiểu ban: tự quản địa phương, thành thị, v. v. – 535.

U-va-rốp, M. X. – tác giả bài "Về ảnh hưởng của những nghề phụ làm ở ngoài làng đối với tình hình y tế vệ sinh ở Nga" đăng trên tạp chí "Truyền tin vệ sinh công cộng, tư pháp và y học thực hành", năm 1896, tháng Bảy. – 132.

V

V. V. – xem Vô-rôn-txốp, V. P.

Va-len-ti-nốp, N. (Vôn-xki, N. V.) (1879 - 1964) – một người men-sê-vích, nhà báo. Sau Đại hội II Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga gia nhập phái bôn-sê-vích, vào cuối năm 1904 chuyển sang phái men-sê-vích, biên tập tờ "Báo Mát-xcơ-va" hợp pháp của phái men-sê-vích, tham gia một số tạp chí men-sê-vích: "Sự thật", "Sự nghiệp của chúng ta", "Sự nghiệp cuộc sống", v. v., cộng tác với tờ báo tư sản "Lời nói nước Nga"; trong những năm thế lực phản động thống trị, theo phái thủ tiêu. Trong vấn đề ruộng đất, Va-len-ti-nốp bênh vực việc địa phương công hữu hóa ruộng đất. Trong những vấn đề triết học, Va-len-ti-nốp xét lại chủ nghĩa Mác, bênh vực những quan điểm duy tâm - chủ quan của Ma-khơ và A-vê-na-ri-út. Trong tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909) của Người, V. I. Lê-nin đã phê phán những quan điểm triết học của Va-len-ti-nốp.

Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Va-len-ti-nốp là phó chủ nhiệm biên tập của "Báo công thương" của Hội đồng

kinh tế quốc dân tối cao, sau đó công tác ở cơ quan đại diện thương mại của Liên-xô ở Pa-ri. Năm 1930, chạy ra nước ngoài. Trên báo chí tư sản y phát biểu chống lại Đảng cộng sản và Nhà nước xô-viết. – 499.

Va-li-ăng (Vay-ăng) (Vaillant), *Ê-đu-a Ma-ri* (1840 - 1915) – nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, môn đồ của Bălăng-ki, một trong những lãnh tụ cánh tả trong Quốc tế II, ủy viên Ủy ban chấp hành của Công xã Pa-ri và Hội đồng trung ương của Quốc tế I. Một trong những người sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa ở Pháp (1901). Năm 1905, sau khi Đảng xã hội chủ nghĩa hợp nhất với Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp cải lương của Giô-re-xơ, trong những vấn đề tối quan trọng Va-li-ăng giữa lập trường cơ hội chủ nghĩa. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một phần tử xã hội - sô-vanh. – 286, 292, 298.

Van-Côn (Van Kol), *Hen-ri-ích* (1851 - 1925) – một trong những người sáng lập và thủ lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Hà-lan (1894). Ngay vài năm sau khi thành lập đảng, Van-Côn đã rơi vào chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội. Tại các Đại hội của Quốc tế II ở Am-xtéc-đam (1904) và Stút-ga (1907) Van-Côn bênh vực nghị quyết có tính chất cơ hội chủ nghĩa về vấn đề thuộc địa, một nghị quyết biện hộ cho sự nô dịch các dân tộc thuộc địa với cái cớ tiến hành cái gọi là "sứ mệnh khai hóa" của chủ nghĩa đế quốc. Có thái độ thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và Nhà nước xô-viết. Trong các tác phẩm của Người, V. I. Lê-nin kịch liệt phê phán thực chất đế quốc chủ nghĩa của lập trường của Van-Côn – 293, 298, 299 - 300, 301.

Van-đéc-ven-đơ (Vandervelde), *Ê-mi-ơ* (1866 - 1938) – lãnh tụ của Đảng công nhân Bỉ, chủ tịch Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa của Quốc tế II, giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa cực đoan. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) là một phần tử xã hội - sô-vanh; tham gia chính phủ tư sản, giữ chức vụ bộ trưởng của nhiều bộ. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, sang Nga để cổ động cho việc tiếp tục cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Van-đéc-ven-đơ có thái độ hết sức thù địch đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, tích cực ủng hộ cuộc can thiệp vũ trang chống nước Nga xô-viết, bỏ không ít công sức để phục hồi Quốc tế II. Trong những năm 1925 - 1927 – là bộ trưởng Bộ ngoại giao Bỉ, tham gia việc ký kết các hiệp ước Lô-các-nô (1925), một hiệp ước có mục đích chống lại Liên-xô; tích

cực đấu tranh chống việc thành lập mặt trận thống nhất chống phát-xít của những người cộng sản và xã hội chủ nghĩa. Van-đéc-ven-đơ là tác giả của nhiều cuốn sách và sách nhỏ. Như V. I. Lê-nin đã chỉ rõ, trong các tác phẩm của Van-đéc-ven-đơ "chủ nghĩa chiết trung tiểu thị dân" "chống chủ nghĩa Mác, thuật ngụy biện chống lại phép biện chứng, chủ nghĩa cải lương phi-li-xtanh chống lại cách mạng vô sản" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, t. 28, tr. 420). – 28.

Vi-khli-a-ép, *P. A.* (1869 - 1928) – nhà thống kê và nhà nông học, một phần tử dân túy - tự do chủ nghĩa. Phụ trách phòng kinh tế của Hội đồng địa phương Tve, và từ năm 1907 đến năm 1917 lãnh đạo phòng thống kê của Hội đồng địa phương Mát-xcơ-va. Là tác giả nhiều tác phẩm thống kê về kinh tế nông dân ở nước Nga Nga hoàng, trong đó ông đã phủ nhận sự phân hóa giai cấp trong nông dân, và ca ngợi công xã nông thôn. Là thứ trưởng Bộ nông nghiệp trong Chính phủ lâm thời tư sản (1917). Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Vi-khli-a-ép công tác ở Cục thống kê trung ương, và làm giáo sư ở các trường cao đẳng tại Mát-xcơ-va. – 103, 418.

Viéc-ve-rơ (Virvaire) – tướng Pháp, chỉ huy những đội quân được gọi đến ngày 30 tháng Bảy 1908 để chống lại những người bãi công ở Vin-nhép Xanh - Giocơ-giơ. – 219.

Vin-hem II (*Hô-hen-txôn-léc*) (1859 - 1941) – hoàng đế Đức và vua của Phổ (1888 - 1918). – 245, 248.

Vít-te, *X. I-u.* (1849 - 1915) – nhà hoạt động nhà nước, đại biểu cho lợi ích của "chủ nghĩa đế quốc phong kiến - quân phiệt" ở nước Nga Nga hoàng, kiên định ủng hộ chế độ chuyên chế, chủ trương duy trì chế độ quân chủ bằng những nhượng bộ nhỏ nhỏ và những lời hứa hẹn đối với giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và bằng những hành động đàn áp dã man đối với nhân dân; là một trong những kẻ tổ chức đàn áp cuộc cách mạng 1905 - 1907. Là bộ trưởng Bộ giao thông (tháng Hai - tháng Tám 1892), bộ trưởng Bộ tài chính (1892 - 1903), chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (tháng Mười 1905 - tháng Tư 1906), với những biện pháp áp dụng trong lĩnh vực tài chính, chính sách thuế quan, xây dựng đường sắt, xây dựng luật lệ về công xưởng, với sự khuyến khích bằng mọi cách việc đầu tư của tư bản nước ngoài, Vít-te đã góp phần thúc đẩy sự phát triển

của chủ nghĩa tư bản ở Nga và tăng cường sự phụ thuộc của nước Nga vào các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. V. I. Lê-nin coi Vít-te là "bộ trưởng mới lái", là "nhân viên của Sở giao dịch". – 10, 40, 62, 386.

Vô-rôn-txốp, V. P. (V. V.) (1847 - 1918) – nhà kinh tế học và nhà chính luận; một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy - tự do chủ nghĩa trong những năm 80 và 90 thế kỷ XIX; tác giả của các cuốn "Vận mệnh của chủ nghĩa tư bản ở Nga" (1882), "Những phương hướng của chúng ta" (1893), "Khái luận về kinh tế lý thuyết" (1895) và một số tác phẩm khác, trong đó ông phủ nhận sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Nga, ca tụng nền tiểu sản xuất hàng hóa, lý tưởng hóa công xã nông dân. Ông tuyên truyền chủ trương thỏa hiệp với chính phủ Nga hoàng và kiên quyết chống lại chủ nghĩa Mác. Trong nhiều tác phẩm V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm của Vô-rôn-txốp. – 96, 97, 103, 123, 124.

Vôn-cốp, N. C. (Vôn-cốp II) (sinh năm 1875) – đảng viên dân chủ - lập hiến, về chuyên môn là nhà nông học; đã tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Tsi-ta vào năm 1905, vì thế bị chính phủ Nga hoàng kết án. Là đại biểu của tỉnh Da-bai-can trong Đu-ma nhà nước III và IV; trong Đu-ma III và IV đã tham gia các tiểu ban: di cư, đánh cá, ruộng đất, v. v.. – 392.

Vôn-xki, A. A. – nhà đại công nghiệp và buôn bán chứng khoán, kỹ sư mỏ, một quan chức cấp thấp; trong những năm 1908 - 1911 là chánh văn phòng Hội đồng đại hội đại biểu giới công thương nghiệp, biên tập viên tạp chí "Công thương nghiệp". – 500.

Vôn-xki, N. V. – xem Va-len-ti-nốp, N.

X

Xát-ta-Khan (sinh vào những năm 70 thế kỷ XIX - chết năm 1914) – lãnh tụ của phong trào dân chủ ở A-déc-bai-gian, I-răng, anh hùng dân tộc của I-răng. Tham gia phong trào công nhân Da-cáp-ca-dơ, là thành viên của tổ chức dân chủ - xã hội "Gum-mét". Trong thời kỳ cách mạng những năm 1905 - 1911 ở I-răng, đã đấu tranh chống lại chính quyền phản động I-răng; trong những năm 1908 - 1909 đã lãnh đạo cuộc nổi dậy của nhân dân ở Ta-vri-dơ (Tê-bri-dơ) chống lại chính quyền của quốc vương I-răng và các đạo quân của bọn

phong kiến A-déc-bai-gian nhằm khôi phục lại hiến pháp. Trong cuộc chiến đấu với bọn chúng, ông đã tỏ rõ khả năng xuất chúng của một lãnh tụ nhân dân và của một nhà tổ chức quân sự. Xát-ta-Khan rất nổi tiếng trong quảng đại quần chúng nhân dân A-déc-bai-gian I-răng và cả nước I-răng. – 276.

Xê-mê-nốp, N. – xem Ra-mi-svi-li, N. V.

Xtóc-tsắc, I. I. (sinh năm 1862) – nông dân, không đảng phái. Là đại biểu của tỉnh Khéc-xôn trong Đu-ma nhà nước III; uỷ viên của tiểu ban chống nạn nghiện rượu. – 386 - 388.

Xtô-lư-pin, P. A. (1862 - 1911) – nhà hoạt động nhà nước của nước Nga Nga hoàng, đại địa chủ. Trong những năm 1906 - 1911 là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng và bộ trưởng Bộ nội vụ của nước Nga. Tên tuổi của y gắn liền với thời kỳ ngự trị của thế lực phản động chính trị cực kỳ tàn bạo, một thời kỳ trong đó người ta áp dụng rộng rãi án tử hình nhằm mục đích đàn áp phong trào cách mạng ("thời kỳ phản động Xtô-lư-pin" 1907 - 1910). Xtô-lư-pin tiến hành cải cách ruộng đất nhằm mục đích tạo ra bọn cu-lắc làm chỗ dựa cho chế độ chuyên chế của Nga hoàng ở nông thôn. Song mưu toan của y định củng cố chế độ chuyên chế đã mục nát bằng cách tiến hành một số cải cách từ bên trên nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản và địa chủ, đã bị thất bại. Năm 1911 Xtô-lư-pin bị Bô-grốp, một phần tử xã hội chủ nghĩa - cách mạng giết tại Ki-ép. – 15, 33 - 34, 35, 36, 39, 40, 173, 192, 256, 259, 323, 332 - 333, 334, 383, 386, 395, 443, 449.

Xtô-ren-txốp, R. E. (sinh năm 1875) – nhà văn học, nhà chính luận. Từ năm 1900 tới năm 1914 cư trú ở nước ngoài, chủ yếu là ở Đức, cộng tác với các xuất bản phẩm của Đảng dân chủ - xã hội ở nước ngoài và cả tờ "Đồng chí", báo của bọn dân chủ - lập hiến cánh tả xuất bản ở Nga. Sau khi trở về Nga, ông công tác ở nhiều tiểu ban trực thuộc hội đồng tự quản Pê-tơ-rô-grát. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười công tác ở các cơ quan kinh tế tại Mát-xcơ-va và I-a-rô-xláp. – 40.

Xtô-ru-vê, P. B. (1870 - 1944) – nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản, một trong những thủ lĩnh của Đảng dân chủ - lập hiến. Trong những năm 90 thế kỷ XIX, là đại biểu nổi tiếng nhất của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên và biên tập viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) và "Đời sống" (1900). Ngay trong tác phẩm đầu tiên của mình "Những ý kiến phê phán

về sự phát triển kinh tế của nước Nga" (1894), khi phê phán phái dân túy, Xtơ-ru-vê đã "bổ sung" và "phê phán" học thuyết kinh tế và triết học của C. Mác, đồng tình với các đại biểu của chính trị kinh tế học tư sản tầm thường và tuyên truyền thuyết Man-tuyt; cố gắng làm cho chủ nghĩa Mác và phong trào công nhân thích ứng với lợi ích của giai cấp tư sản. Xtơ-ru-vê là một trong những nhà lý luận và nhà tổ chức của "Hội liên hiệp giải phóng" (1903 - 1905) thuộc phái quân chủ - tự do chủ nghĩa, biên tập cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của tổ chức đó - tạp chí "Giải phóng" (1902 - 1905). Khi Đảng dân chủ - lập hiến được thành lập vào năm 1905, Xtơ-ru-vê là ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa đế quốc Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười là kẻ thù điên cuồng của Chính quyền xô-viết, thành viên của chính phủ phản cách mạng Vran-ghen, một tên bạch vệ lưu vong. - 10, 11 - 12, 16, 33 - 35, 38 - 39, 40, 42, 62, 266, 378, 500, 538.

Xuốc-cốp, P. I. (1876 - 1946) - một người dân chủ - xã hội, công nhân dệt. Đại biểu bôn-sê-vích của công nhân tỉnh Cô-xtơ-rô-ma trong Đu-ma nhà nước III; đại biểu cử tri của các lần bầu Đu-ma nhà nước I và II. Đã cộng tác với tờ báo hợp pháp bôn-sê-vích "Ngôi sao" xuất bản ở Pê-téc-bua. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một người không đảng phái; công tác trong nhiều cơ quan Chính quyền xô-viết. - 510, 525, 532, 535, 540.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP
CỦA V. I. LÊ-NIN

(Tháng Ba 1908 - tháng Sáu 1909)

1908

Tháng Ba 1908 -
tháng Sáu 1909.

Lê-nin sống ở Giơ-ne-vơ (từ 7 tháng Giêng (lịch mới)), sau đó vào giữa tháng Chạp (lịch mới) 1908 chuyển về Pa-ri, biên tập tờ báo bôn-sê-vích "Người vô sản", tổ chức việc xuất bản Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng - báo "Người dân chủ - xã hội" và làm công tác biên tập cho báo này; lãnh đạo việc chuẩn bị và tiến hành Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

19 tháng Ba
(1 tháng Tư).

Bài "Đi vào con đường thẳng" của Lê-nin được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 26.

26 tháng Ba
(8 tháng Tư).

Bài "Về "bản chất" của cuộc cách mạng Nga" của Lê-nin được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 27; cũng trên số báo này đã đăng phần tái bút cho bài "Bàn về cuộc tranh luận mở rộng quyền cho Đu-ma được quyết định ngân sách".

Hạ tuần tháng Ba,
chậm nhất là 3 (16)
tháng Tư.

Lê-nin viết bài "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" cho tập "Các Mác (1818 - 1883)". Tập này được xuất bản ở Pê-téc-bua trong khoảng thời gian từ 25 tháng Chín đến 2 tháng Mười (8 đến 15 tháng Mười) 1908.

Sớm nhất là tháng
Ba - chậm nhất là 14
(27) tháng Mười.

Lê-nin ghi chú vào cuốn sách của J. Dietzgen. "Kleinere Philosophische Schriften". Stuttgart, 1903 (I. Đì-xtơ-ghen. "Những tác phẩm nhỏ

- về triết học". Stút-ga. 1903). Lê-nin sử dụng rộng rãi cuốn sách này trong tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".
- Tháng Ba - tháng Mười.* Lê-nin viết (từ tháng Hai 1908) cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".
- Trước tháng Tư.* Lê-nin tính toán, ghi chú và gạch dưới nhiều đoạn trong cuốn sách nhỏ: K. Kautsky. "Die soziale Revolution". Berlin, 1907 (C. Cau-xky. "Cách mạng xã hội". Béc-lanh, 1907).
- 3 (16) tháng Tư.* Trong bức thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin báo tin là đã gửi đăng bài của Người "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại", gọi đó là "bản tuyên chiến chính thức" đối với những người theo chủ nghĩa xét lại (trong bài này lần đầu tiên trên báo chí Lê-nin phê phán những người theo phái Ma-khơ ở Nga – A. Bô-gđa-nốp, V. Ba-da-rốp, v. v.).
- Trong bức thư gửi A. V. Lu-na-tsác-xki, Lê-nin tỏ ý hài lòng về việc ông tán thành viết bài và tin tức từ nước Ý gửi về cho tờ báo "Người vô sản"; trong phần tái bút, Lê-nin viết rằng Người không tán thành những kẻ truyền bá việc "kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với tôn giáo" và không tán đồng tất cả những người theo phái Ma-khơ.
- Sau ngày 3 (16) tháng Tư.* Lê-nin viết kết luận về bài báo của V. Các-pin-xki nói về việc thành lập Tơ-rốt các xí nghiệp luyện kim toàn Nga, đề nghị sử dụng hai trang (trong số 25 trang) để đưa vào phần tin của báo "Người vô sản", còn toàn bộ bài báo đó thì soạn lại thành một cuốn sách nhỏ.
- Chậm nhất là 6 (19) tháng Tư.* Trong thư gửi M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin là Người sắp sang Ý.

- 6 (19) tháng Tư.* Trong thư gửi A. M. Goóc-ki, Lê-nin viết về những sự bất đồng ý kiến trong đảng đoàn bôn-sê-vích về các vấn đề triết học; Người đề nghị gửi bài cho tờ "Người vô sản".
- Giữa 10 và 17 (23 và 30) tháng Tư.* Theo đề nghị của A. M. Goóc-ki, Lê-nin tới Ca-pri và ở lại đó mấy ngày. Lê-nin báo cho A. Bô-gđa-nốp, V. Ba-da-rốp và A. V. Lu-na-tsác-xki biết là Người hoàn toàn bất đồng ý kiến với họ về những vấn đề triết học. Lê-nin cùng với A. M. Goóc-ki tham quan Viện bảo tàng Na-pô-li, vùng ngoại ô Na-pô-li, Pôm-pây, trèo lên đỉnh núi Vê-du-vi.
- 16 (29) tháng Tư.* Các bài "Đi theo con đường mòn!" và "Có khối liên minh giữa phái dân chủ - lập hiến và phái tháng Mười không?" của Lê-nin được đăng trên báo "Người vô sản", số 29.
- Giữa tháng Tư.* Trong bức thư gửi M. Ph. An-đrê-ê-va, Lê-nin đề nghị A. M. Goóc-ki gửi thư ngỏ cho những tờ báo Nga yêu cầu giúp đỡ thư viện Cu-clin ở Giơ-ne-vơ bằng cách gửi báo của thời kỳ cách mạng và những tài liệu về lịch sử của thời kỳ đó cho thư viện.
- 24 tháng Tư (7 tháng Năm).* Tại Giơ-ne-vơ, Lê-nin thuyết trình về đề tài "Đánh giá cuộc cách mạng Nga và tương lai có thể có của nó".
- Tháng Tư* Lê-nin ghi chú vào bài của Ăng-ghen "Über historischen Materialismus" ("Bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử"), đăng trên tạp chí "Die Neue Zeit", Nr. 1, XI Jahrgang, 1 Band, 1892/93. Lê-nin đã sử dụng tác phẩm này của Ăng-ghen để viết cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" và bài "Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga".

- Bài của Lê-nin "Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga" được đăng trên tạp chí Ba-lan "Przeglad Sojaldemokratyczny", số 2.
- Sớm nhất là tháng Tư-chậm nhất là 2 (15) tháng Bảy.* Lê-nin ghi chú vào bài "Phải đập tan Các-pha-ghen" của Xi-véc-xki (V. A-ga-phô-nốp) đăng trên tạp chí "Tư tưởng cách mạng", số 1 (tháng Tư 1908).
- 1 (14) tháng Năm.* Tại Pa-ri, Lê-nin thuyết trình về tính chất của cách mạng Nga.
- 3 (16) tháng Năm.* Trong bức thư gửi cho bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-xman, Lê-nin đề nghị cấp 50 phưởng cho I. R. Rô-ma-nốp, cựu đại biểu Đu-ma II, đã mấy tháng không có việc làm.
- 10 (23) tháng Năm.* Trên báo "Người vô sản", số 30 đã đăng những bài của Lê-nin "Bọn dân chủ - lập hiến lớp thứ hai" (xã luận) và "Về việc đánh giá cuộc cách mạng Nga" (trước đây đã đăng trên tạp chí Ba-lan "Przeglad Sojaldemokratyczny", số 2).
- 28 tháng Năm (10 tháng Sáu).* Trong thư ngắn gửi M. Txơ-kha-cai-a, Lê-nin tỏ ý muốn gặp riêng và mạn đàm với ông ta.
- Cuối tháng Năm.* Tại Béc-nơ Lê-nin thuyết trình cho nhóm kiều dân và sinh viên về đề tài hai con đường phát triển kinh tế và chính trị của nước Nga.
- Tháng Năm.* Lê-nin soạn thảo cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" tại Viện bảo tàng Anh ở Luân-đôn.
- Lê-nin viết "Mười vấn đề gửi thuyết trình viên" và từ Luân-đôn chuyển đi để làm đề cương cho bài phát biểu của I. Ph. Đu-brô-vin-xki (In-nô-ken-ti) tại buổi thuyết trình của A. A. Bô-gđa-nốp ở Giơ-ne-vơ vào ngày 15 (28) tháng Năm 1908.

- Chậm nhất là tháng Năm.* Lê-nin làm những con tính thống kê, tính toán, gạch dưới và ghi chú vào cuốn sách nhỏ của X. N. Prô-cô-pô-vích và A. P. Méc-tva-gô "Nước Nga có bao nhiêu ruộng đất và chúng ta sử dụng nó như thế nào?" (Mát-xcơ-va, 1907). Những tài liệu trong cuốn sách đó đã được Lê-nin dẫn chứng trong các tác phẩm của Người "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" và "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX".
- Sớm nhất là tháng Năm.* Lê-nin ghi chú vào cuốn sách của G. V. Plê-kha-nốp "Những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác" (Xanh Pê-téc-bua, 1908).
- Mùa xuân.* Tại Lô-da-nơ, Lê-nin thuyết trình về đề tài "Cách mạng Nga và triển vọng của nó" trước nhóm các đảng viên dân chủ - xã hội Nga. Tham dự buổi thuyết trình đó có khoảng 120 người.
- 7 (20) tháng Sáu.* Trong bức thư gửi M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin Người từ Luân-đôn trở về; do việc "nhà triết học kiêm nhà xuất bản Mát-xcơ-va" - P. G. Đau-ghê từ chối in cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", Người đề nghị chị gái là A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va giúp Người tìm một nhà xuất bản khác và gửi cho Người 2 - 3 cuốn "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907" chưa phát hành, dù là chưa đóng thành tập.
- Giữa 10 và 14 (23 - 27) tháng Sáu.* Lê-nin cùng với I. Ph. Đu-brô-vin-xki, N. C. Crúp-xcai-a và một số người khác ký tên vào bản tuyên bố của ban biên tập "Người vô sản" gửi cho ủy viên Trung tâm bên-sê-vích V. C. Ta-ra-tu-ta (Vích-to) nói về sự cần thiết phải thủ tiêu sự xung đột giữa ban biên tập "Người vô sản" và A. Bô-

- gđa-nốp với điều kiện ông ta phải thực hiện các yêu cầu thích đáng.
- 17 (30) tháng Sáu.* Trong thư gửi đến Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho C. Huy-xman, Lê-nin thông báo về việc ở Nga nhiều ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga bị bắt; về việc Người gửi phân đầu bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga cho Đại hội Stút-ga của Quốc tế II (1907) trong dịp chuẩn bị in các bản báo cáo của đại hội.
- 18 tháng Sáu (1 tháng Bảy).* Lê-nin hoàn thành tác phẩm "Vấn đề ruộng đất ở Nga cuối thế kỷ XIX" soạn cho cuốn Từ điển bách khoa Gra-nát. Do điều kiện kiểm duyệt lúc bấy giờ tác phẩm đó không được in và mãi tới năm 1918 mới được xuất bản riêng thành cuốn sách nhỏ.
- Trong thư gửi cho V. V. Vô-rốp-xki ở Ô-đét-xa, Lê-nin viết về những sự bất đồng sâu sắc giữa Người với A. A. Bô-gđa-nốp và G. A. A-lếch-xin-xki, về sự tất yếu phải tuyệt giao với họ; Người mời Vô-rốp-xki đến Pa-ri vào tháng Tám nhân cuộc hội nghị đảng sắp tới; Người chỉ thị rằng "chỉ những cán bộ địa phương và chỉ những cán bộ thực thụ" mới được ủy nhiệm đi dự đại hội; Người đề nghị gửi bài cho tờ "Người vô sản"; Người hỏi về khả năng xuất bản cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" của Người.
- 25 tháng Sáu (8 tháng Bảy).* Trong thư gửi Ph. A. Rốt-stanh, Lê-nin báo tin là Người quyết định hoãn gửi bức thư viết cho chủ xí nghiệp Anh Giô-dép Phen-dơ về khoản tiền vay của ông ta năm 1907 để chi cho lần họp Đại hội V Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, hoãn cho tới cuộc hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương sắp tới.

- Trong thư gửi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, Lê-nin thông báo việc chuyển về Nga bức thư của C. Huy-xman ghi ngày 3 tháng Bảy 1908, trong đó đề nghị gửi nhanh cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa phần cuối bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga để đưa vào bản báo cáo về Đại hội Stút-ga của Quốc tế II, đang được chuẩn bị đưa in.
- 30 tháng Sáu (13 tháng Bảy).* Trong thư gửi M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người một bản phần II tập II của Văn tập "Trong 12 năm" của Người đã xếp chữ xong ở Nhà xuất bản "Hạt giống", trong đó có tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907". (Cuốn sách này bị cảnh sát tịch thu khi còn nằm ở nhà in và tới năm 1917 mới được xuất bản.)
- Tháng Sáu.* Theo đề nghị của Lê-nin, báo "Người vô sản" mở mục tranh luận về vấn đề chủ nghĩa triệu hồi.
- 2 (15) tháng Bảy.* Bài của Lê-nin "Về một số đặc điểm của sự tan rã hiện nay" được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 32.
- 5 (18) tháng Bảy.* Lê-nin viết xong bản tóm lược "Cương lĩnh ruộng đất của Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng ở Nga". Bản tóm lược này được đăng trên tạp chí Ba-lan "Przeglad Socjaldemokratyczny", số 6, tháng Tám.
- 23 tháng Bảy (5 tháng Tám).* Trên số 33 báo "Người vô sản" đã đăng các bài của Lê-nin "Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới" (xã luận), "Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến và sách lược chống chủ nghĩa quân phiệt của Đảng dân chủ - xã hội" và "Pi-ôt Ma-xlốp sửa chữa những sơ thảo của Các Mác như thế nào" (trích tác phẩm "Cương lĩnh ruộng đất của

- Đảng dân chủ - xã hội trong cuộc cách mạng Nga lần thứ nhất 1905 - 1907").
- 27 tháng Bảy (9 tháng Tám).* Trong thư gửi em gái là M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin mời em và mẹ, M. A. U-li-a-nô-va, tới nghỉ ở Giơ-ne-vơ với Người.
- 5 (18) tháng Tám.* Lê-nin viết thư gửi M. N. Pô-crốp-xki, hỏi ý kiến của ông ta đối với đề nghị của thư ký nhà xuất bản "Lịch sử Nga" mời ông ta viết bài nói về lịch sử của nền công nghiệp công xưởng - nhà máy.
- 6 (19) tháng Tám.* Trong bức thư gửi đến Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho C. Huy-xman, Lê-nin thông báo việc ba đồng chí người Nga bị bắt giữ ở Muyn-khen và đề nghị Huy-xman thay mặt Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa chứng nhận những người này là đảng viên Đảng dân chủ - xã hội.
- 11 - 13 (24 - 26) tháng Tám.* Ở Giơ-ne-vơ, Lê-nin tham dự hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga: Người vạch trần âm mưu của bọn men-sê-vích muốn thủ tiêu Ban chấp hành trung ương đảng, thay thế nó bằng "cục thông tin", Người đưa ra "Tuyên bố về việc triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương" và những dự thảo quyết định "Về việc tổ chức Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương" và "Về vụ xảy ra khi bàn về việc triệu tập hội nghị toàn thể" (cả hai bản dự thảo đều được hội nghị toàn thể thông qua); Người đưa ra những điểm sửa đổi cho bản dự thảo nghị quyết về việc triệu tập hội nghị toàn Nga của đảng và cho những văn kiện khác của hội nghị toàn thể.
- Lê-nin được bầu vào ban biên tập Cơ quan ngôn luận trung ương của đảng, đại diện cho phái bôn-sê-vích.

- Giữa 13 (26) tháng Tám và 21 tháng Chạp (3 tháng Giêng 1909).* Lê-nin chỉ đạo việc chuẩn bị Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.
- 26 tháng Tám (8 tháng Chín).* Trong thư gửi đến Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho C. Huy-xman, Lê-nin thông báo về tiến trình soạn phần hai bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đọc trước Đại hội Stút-ga và báo tin là Người đã nhận được bưu thiếp của C. Huy-xman đề ngày 31 tháng Tám (lịch mới) 1908.
- Tháng Tám.* Thay mặt ban biên tập báo "Người vô sản", Lê-nin yêu cầu A. Bô-gđa-nốp trình bày công khai trên báo chí những quan điểm chính trị và triết học của ông.
- Mùa hè.* Trong phần tái bút của bức thư không còn giữ được gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin phát biểu ý kiến về cuốn sách của Lowell "Sao hỏa và những sóng đào trên sao Hỏa" và về cuốn tiểu thuyết của A. Bô-gđa-nốp "Sao đỏ"; thông báo việc xuất bản vở kịch mới của A. M. Goóc-ki: "Những người cuối cùng".
- Giữa 8 (21) tháng Chín và 2 (15) tháng Mười.* Lê-nin viết bài "Một cuộc biểu tình vì hòa bình của công nhân Anh và Đức" cho báo "Người vô sản", số 36. Bài báo đó lúc bấy giờ không được đăng (đăng vào năm 1933).
- Chậm nhất là 10 (23) tháng Chín.* Lê-nin biên tập, sửa chữa bài "Bàn về vấn đề hoạt động của đảng đoàn chúng ta trong Đu-ma". Bài này được đăng trên số 35 báo "Người vô sản" ra ngày 11 (24) tháng Chín 1908.
- 11 (24) tháng Chín.* Bài của Lê-nin "Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga" được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 35.

- 12 (25) tháng Chín. Lê-nin viết thư gửi đến Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho C. Huy-xman, thông báo việc gửi 600 phrăng về khoản nộp đảng phí thường kỳ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1908.
- 17 (30) tháng Chín. Trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va ở ga Mi-khơ-nê-vô, Lê-nin báo tin Người sắp đi Bruy-xen dự phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa khai mạc ngày 11 tháng Mười, rằng Người có ý định đi Ý một tuần lễ sau khi viết xong cuốn sách "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".
- Giữa 25 tháng Chín và 2 tháng Mười (8 và 15 tháng Mười). Bài của Lê-nin "Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại" được in trong tập "Các Mác (1818 - 1883)" xuất bản ở Pê-téc-bua.
- 27 tháng Chín (10 tháng Mười), 3 giờ chiều. Lê-nin tham gia công tác của hội nghị các nhà báo đảng viên xã hội chủ nghĩa ở Bruy-xen.
- Buổi chiều. Lê-nin dự một cuộc mít-tinh quốc tế ở "Cung nhân dân" hưởng ứng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản tất cả các nước để bảo vệ hòa bình.
- 28 tháng Chín (11 tháng Mười). Lê-nin tham dự phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa ở Bruy-xen; Người phê phán nghị quyết của C. Cau-xky về việc chấp nhận cho Đảng công nhân Anh (Công đảng) gia nhập Quốc tế và phản đối việc thu nhận các đảng viên xã hội chủ nghĩa phục quốc Do-thái vào bộ phận Nga trong Quốc tế.
- 29 tháng Chín (12 tháng Mười). Ở Bruy-xen, Lê-nin tham dự phiên họp của hội nghị quốc tế của những người xã hội chủ nghĩa - thành viên của các đảng đoàn trong nghị viện.
- Giữa 30 tháng Chín và 15 tháng Mười. Lê-nin viết bài "Phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa". Bài này được đăng ngày

- (13 và 28 tháng Mười). 16 (29) tháng Mười 1908 trên báo "Người vô sản", số 37.
- Tháng Chín. Lê-nin viết lời tựa cho cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".
- 3 (16) tháng Mười. Bài "Phong trào sinh viên và tình hình chính trị hiện nay" của Lê-nin được đăng làm xã luận trên báo "Người vô sản", số 36.
- Giữa 5 và 15 (18 và 28) tháng Mười. Lê-nin viết bài "Những sự biến ở vùng Ban-căng và ở Ba-tư". Bài này được đăng ngày 16 (29) tháng Mười 1908 trên báo "Người vô sản", số 37.
- 13 (26) tháng Mười. Lê-nin gửi cho C. Huy-xman bản ghi những điểm sửa chữa bổ sung của Người đối với nghị quyết của C. Cau-xky về việc chấp nhận cho Đảng công nhân Anh gia nhập Quốc tế và đề nghị in những điểm sửa chữa bổ sung đó vào bản báo cáo chính thức về phiên họp của Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa ngày 11 tháng Mười 1908.
- 14 (27) tháng Mười. Trong bức thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin báo đã soạn thảo xong cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", đề nghị cho Người biết địa chỉ chắc chắn để gửi bản thảo tới và khi có điều kiện, dù là hết sức nhỏ, cũng ký hợp đồng xuất bản cuốn sách đó.
- 14 hoặc 15 (27 hoặc 28) tháng Mười. Lê-nin gửi cho A. A. Bô-gđa-nốp bức thư của I-u. M. Xtê-clốp kèm theo thư ngắn của Người. Trong thư Xtê-clốp đề nghị Lê-nin tham gia văn tập viết về đời sống và hoạt động của N. G. Tséc-nư-sép-xki. Trong thư gửi kèm theo Lê-nin báo là Người đồng ý sẽ viết một bài cho văn tập đó nếu được nêu ra đề tài triết học. Việc xuất bản văn tập đó không thực hiện được.
- 16 (29) tháng Mười. Những bài của Lê-nin "Những sự biến ở vùng Ban-căng và ở Ba-tư", "Phiên họp của

Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa" và "P. Ma-xlốp trong cơn điên loạn" được đăng trên báo "Người vô sản", số 37.

- 28 tháng Mười (10 tháng Mười một).* Trong bức thư gửi P. X. I-u-skê-vích, một phần tử men-sê-vích thuộc phái Ma-khơ ở Pê-téc-bua, Lê-nin từ chối lời đề nghị cộng tác với các văn tập văn học - triết học dự định xuất bản.
- Tháng Mười - tháng Mười một.* Bài "Mấy ý kiến về bài "Trả lời" của P. Ma-xlốp" của Lê-nin được đăng trên tạp chí Ba-lan "Przeład Socjaldemokratyczny", số 8 - 9.
- 1 (14) tháng Mười một.* Bài "Về việc đánh giá tình hình hiện nay" của Lê-nin đăng trên báo "Người vô sản", số 38.
- 4 (17) tháng Mười một.* Trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin là Người dứt khoát quyết định chuyển về Pa-ri; đề nghị nhấn cho chị gái là An-na I-li-ni-tơ-na biết rằng bản thảo cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" đã gửi đi Pô-đôn-xơ (gửi cho V. A. Lê-vi-tơ-ki).
- 13 (26) tháng Mười một.* Các bài "Plê-kha-nốp và phe nhóm bảo vệ chủ nghĩa xét lại như thế nào?" và "Về hai bức thư" của Lê-nin được đăng trên báo "Người vô sản", số 39.
- 18 tháng Mười một (1 tháng Chạp).* Trong thư gửi đến Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa cho C. Huy-xman, Lê-nin trả lời những câu hỏi của ông ta về tổ chức bất hợp pháp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở nước Nga, về sự tồn tại của Bộ phận ở nước ngoài của Ban chấp hành trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, v.v., Người đề nghị Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa thông báo những tin tức cần thiết cho bí thư đảng đoàn dân chủ - xã hội tại Đu-ma về các vấn đề sau đây: về sự hạn chế thời gian lao động, về công đoàn, về

sự trợ cấp cho những người bị thất nghiệp, về việc thanh tra các nhà máy, về công việc của phụ nữ và trẻ em, về chế độ bảo hiểm cho thợ mỏ, về tiền lương của những công nhân làm việc chân tay, v. v..

Trong thư gửi V. C. Ta-ra-tu-ta, Lê-nin trả lời câu chất vấn của ông ta và bức điện của Tu-sca hỏi về các đại biểu Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga tới dự đại hội Đảng dân chủ - xã hội Ba-lan và Lit-va; phản đối ý kiến của Tu-sca đề nghị cử B. I. Gô-rép (I-gô-ơ) đại diện cho Ban chấp hành trung ương.

- 27 tháng Mười một (10 tháng Chạp).* Trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo ngày rời khỏi Giơ-ne-vơ đi Pa-ri, viết về bức điện đã gửi cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va về việc chấp nhận ngay những điều kiện ký hợp đồng in cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" tại Nhà xuất bản "Mắt xích" ở Mát-xcơ-va, dặn đứng tên Người để ký hợp đồng chứ đừng đứng tên của An-na I-li-ni-tơ-na nhằm tránh cho An-na I-li-ni-tơ-na khỏi bị truy tố theo luật báo chí.

- 30 tháng Mười một (13 tháng Chạp).* Trong thư gửi C. Huy-xman, Lê-nin báo tin đã làm tất cả những gì có thể làm được để các đại biểu Đu-ma III nộp khoản nợ về đảng phí cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa; Người hứa trong vài ngày sẽ trả lời câu hỏi về thời hạn gửi báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga để đưa vào báo cáo - do Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa chuẩn bị - về Đại hội Stút-ga.

- 1 (14) tháng Chạp.* Bài "Những cuộc thảo luận về vấn đề ruộng đất tại Đu-ma III" của Lê-nin được đăng trên báo "Người vô sản", số 40.

Lê-nin viết thư (bằng tiếng Pháp) cho chủ tịch Ban chấp hành hội những người ham đọc sách ở Giơ-ne-vơ, trong đó Người thông báo việc mình rút khỏi hội vì phải chuyển tới Pa-ri và tỏ ý cảm ơn hội đã giúp đỡ cho mượn sách đọc.

Lê-nin và Crúp-xcai-a từ Giơ-ne-vơ chuyển về Pa-ri và việc xuất bản báo "Người vô sản" cũng chuyển về đây. Khi tới Pa-ri, V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a ở tại "Hôtel de Goblen", 27, đại lộ Xanh Mác-xen. Sau đó chuyển về nhà số 24, phố Bon-nê, ở ngoại ô thành phố, sau chuyển về nhà số 4, phố Ma-ri-Rô-dơ.

21 tháng Chạp (3 tháng Giêng 1909). Lê-nin tham dự phiên họp của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Pa-ri, thảo luận báo cáo về công tác triệu tập hội nghị.

21 - 27 tháng Chạp (3 - 9 tháng Giêng 1909). Lê-nin tham gia công tác Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Pa-ri: đọc báo cáo "Về tình hình hiện tại và về nhiệm vụ của đảng", đưa ra dự thảo nghị quyết về vấn đề này (dự thảo được hội nghị thông qua với một số điểm sửa chữa bổ sung nhỏ); đọc diễn văn về vấn đề tổ chức, viết chỉ thị cho tiểu ban phụ trách vấn đề tổ chức (những chỉ thị này được đưa vào quyết nghị của hội nghị); đưa ra đề nghị về thể thức biểu quyết các nghị quyết và dự thảo nghị quyết về việc công bố các quyết nghị của hội nghị, trình bày bản tuyên bố thực tế về dự thảo của phái men-sê-vích về việc thủ tiêu Ban chấp hành trung ương và một số bản tuyên bố khác vạch trần thực chất thủ tiêu chủ nghĩa của chính sách của phái men-sê-vích; phát biểu khi hội nghị tiến hành thảo luận vấn đề đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma; viết chỉ thị cụ thể về vấn đề biểu quyết

ngân sách của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma và đưa ra một số điểm sửa chữa bổ sung cho các dự thảo nghị quyết về những vấn đề khác.

27 - 29 tháng Chạp (9 - 11 tháng Giêng 1909). Lê-nin tham gia công tác của hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga; hội nghị này đã phê chuẩn các nghị quyết của Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

30 tháng Chạp (12 tháng Giêng 1909). Trong thư (bằng tiếng Pháp) gửi giám đốc Thư viện quốc gia, Lê-nin đề nghị cấp cho Người thẻ mượn sách báo trong thư viện.

Tháng Chạp. Tại Pa-ri, Lê-nin thuyết trình về tình hình hiện tại ở Nga.

Năm 1908. Lê-nin ghi chú vào cuốn sách: Ludwig Feuerbach. "Sämtliche Werke". Zweiter Band, Leipzig, 1846 (Lút-vích Phơ-bách. Toàn tập. Tập II, Lai-pxích, 1846). Lê-nin sử dụng cuốn sách này khi viết tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".

Sớm nhất là 1908. Lê-nin ghi những nhận xét vào cuốn sách của V. Su-li-a-ti-cốp "Sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản trong triết học Tây Âu. Từ Đê-các-tơ đến E. Mác-khơ" (Mát-xcơ-va, 1908).

Sau năm 1908. Lê-nin ghi những nhận xét vào cuốn sách: A. Rey. "La Philosophie Moderne". Paris, 1908. (A. Rây. "Triết học hiện đại". Pa-ri, 1908).

Lê-nin trích bài báo "Những số liệu thống kê người bị kết tội quốc sự phạm" của E. N. Tác-nốp-xki.

1909.

Đầu năm. Lê-nin giảng triết học trong một nhóm bên-sê-vích ở Pa-ri.

- 6 (19) tháng Giêng. Trong bức thư (bằng tiếng Pháp) gửi C. Huy-xman, Lê-nin báo tin gửi 300 phrăng cho Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa về khoản đảng phí của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga năm 1908 và hứa sẽ chuẩn bị xong phần II bản báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga để đưa vào bản báo cáo về Đại hội Stút-ga của Quốc tế II.
- Trước 7 (20) tháng Giêng. Lê-nin ghi chú vào các bài "Từ đâu", "Về một sự hiểu nhầm", "Lại bàn về tình hình hiện nay và về sách lược của đảng" đăng vào tháng Mười một 1908 trên báo "Ngon cờ lao động", số 13, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xã hội chủ nghĩa - cách mạng.
- 7 (20) tháng Giêng. Bài của Lê-nin "Những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng tổng kết cách mạng như thế nào và cách mạng đã đánh giá những người xã hội chủ nghĩa - cách mạng như thế nào" được đăng trên báo "Người vô sản", số 41.
- 22 tháng Giêng (4 tháng Hai). Tại Pa-ri, Lê-nin đọc báo cáo "Về tình hình chính trị ở Nga và hai con đường phát triển tư bản chủ nghĩa của các quan hệ ruộng đất".
- 24 tháng Giêng (6 tháng Hai). Trong thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin báo tin đã nhận được những bản đập thử đầu tiên cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" và gửi bản kê những chỗ in sai; trong phần tái bút của bức thư đó, Người cho biết là đang chuẩn bị cùng với em gái là Ma-ri-a I-li-ni-tơ-na đi xem vở kịch của L. An-đrê-ép "Ngày tháng của đời ta".
- Trước 28 tháng Giêng (10 tháng Hai). Lê-nin viết đề cương bản thuyết trình "Tình hình hiện tại của nước Nga". Đề cương này được in trong phần thông báo về bản thuyết trình do nhóm trợ giúp thứ hai của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Pa-ri phát hành.

- 28 tháng Giêng (10 tháng Hai). Bài "Bước vào con đường đúng" của Lê-nin được đăng làm xã luận trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 2.
Lê-nin trình bày tại Pa-ri bản thuyết trình "Tình hình hiện tại của nước Nga".
- Tháng Giêng. Lê-nin gửi thư cho C. Huy-xman đề nghị giúp đỡ cho những người thợ thuộc da bãi công ở Vin-na.
Lê-nin mạn đàm trong phòng riêng với I. Ê-ren-bua từ nước Nga tới, Người hỏi han về tâm trạng của thanh niên, về những nhà văn nào được người ta đọc nhiều, những tập "Trí thức" có đại chúng không, những vở kịch nào đang trình diễn ở Mát-xcơ-va tại Nhà hát nghệ thuật và Nhà hát Coóc-sơ.
- Cuối tháng Giêng - tháng Tư. Lê-nin xem lại bản đập thử cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" từ Mát-xcơ-va gửi đến cho Người, báo cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va biết những chỗ in sai, nêu ra một số điểm sửa chữa và bổ sung cho toàn văn cuốn sách.
- Tháng Giêng - tháng Sáu. Lê-nin làm việc ở Thư viện quốc gia tại Pa-ri.
- 1 (14) tháng Hai. Trong phiên họp ban biên tập báo "Người vô sản", Lê-nin kiên trì đòi ban biên tập phải công khai chống lại thuyết tạo thần do A. V. Lu-na-tsác-xki tuyên truyền. Bài của ban biên tập chống thuyết tạo thần dưới nhan đề "Không đi theo con đường đó" đã được đăng trên báo "Người vô sản", số 42, ngày 12 (25) tháng Hai 1909.
- Trước 12 (25) tháng Hai. Lê-nin mạn đàm với nhà dân chủ - xã hội P. V. Ấy-đu-ca-vi-tsu-xơ (Mác-txê-li) từ Lit-va tới, người được ủy nhiệm quyền tiên cho những người thợ thuộc da bãi công ở Vin-na.
- 12 (25) tháng Hai. Lê-nin viết thư (bằng tiếng Đức) cho bí thư Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa C. Huy-

xman, trong đó Người xác nhận Mác-txê-li là người được ủy nhiệm quyền tiền cho những người thợ thuộc da bãi công ở Vin-na.

Báo "Người vô sản", số 42 đăng phần chú thích của ban biên tập do Lê-nin viết cho bài "Về những vấn đề trước mắt".

17 - 23 tháng Hai (2 - 8 tháng Ba).

Lê-nin nghỉ ở Ni-xơ.

24 tháng Hai (9 tháng Ba)

Trong bức thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin báo tin Người đã từ Ni-xơ về tới Pa-ri; đề nghị xúc tiến việc xuất bản cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" và chuyển lời tới I. I. Xco-voóc-txốp - Xtê-pa-nốp "ngân lần cảm tạ" về việc đã giúp đỡ xuất bản cuốn sách.

Trong thư gửi Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, Lê-nin báo đã soạn thảo xong báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đọc trước Đại hội Stút-ga của Quốc tế II.

27 tháng Hai (12 tháng Ba)

Trong thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin báo tin Người đã nhận được một phần các trang đã in của cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"; đề nghị "bất kể thế nào cũng phải thúc đẩy, thúc đẩy" việc xuất bản cuốn sách; gửi bản kê các chỗ in sai chưa được chữa lại, Người cương quyết đề nghị không được làm nhẹ bớt những chỗ phản đối Bô-gđa-nốp và Lu-na-tsác-xki.

Chậm nhất là 2 (15) tháng Ba.

Trong phiên họp của ban biên tập báo "Người dân chủ - xã hội", Lê-nin phản đối việc cho đăng bài "Đấu tranh cho cái gì?" của L. Mác-tốp, vì nó tuyên truyền cho những quan điểm men-sê-vích - thủ tiêu chủ nghĩa. Ban biên tập giao cho Lê-nin viết bài trả lời

đăng trên cùng số báo đó để phản đối Mác-tốp. Bài trả lời đó là bài "Mục tiêu đấu tranh của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng ở nước ta" của Lê-nin đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 3 và 4, ra ngày 9 và 21 tháng Ba (22 tháng Ba và 3 tháng Tư) 1909.

5 (18) tháng Ba.

Lê-nin đọc diễn văn nói về Công xã Pa-ri trong một cuộc họp các kiều dân tại Pa-ri.

10 hoặc 11 (23 hoặc 24) tháng Ba.

Trong thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin báo tin là Người đã gửi "Bổ sung cho § 1 chương IV. "N. C. Tséc-nư-sép-xki đã phê phán chủ nghĩa Can-tơ từ phía nào?" của cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán".

Trước 13 (26) tháng Ba.

Ở Pa-ri, Lê-nin thuyết trình về Hội nghị V toàn Nga của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Sớm nhất là 23 tháng Ba (5 tháng Tư).

Trong bài "Vấn đề tổ chức trong Đảng dân chủ - xã hội Nga" đăng trên báo "Vorwärts", số 79, ngày 3 tháng Tư 1909, Lê-nin thay mặt Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga viết lời phản kháng Ban lãnh đạo Đảng công nhân dân chủ - xã hội Đức để phản đối họ đã xuyên tạc thực chất những sự bất đồng giữa những người dân chủ - xã hội Nga.

26 tháng Ba (8 tháng Tư).

Trong thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin đề nghị áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" được xuất bản vào thượng tuần tháng Tư. Lê-nin viết: "Em mong sách chóng xuất bản chẳng những vì đây là một nghĩa vụ văn học mà còn là một nghĩa vụ chính trị thật sự nữa".

Tháng Ba.

Ở Pa-ri, Lê-nin phát biểu trong cuộc tranh luận về thái độ của đảng đối với đảng đoàn

- dân chủ - xã hội trong Đu-ma; Người phê phán lập trường của phái triệu hồi và làm sáng tỏ một cách toàn diện sách lược lợi dụng diễn đàn Đu-ma nhà nước để tuyên truyền và cổ động cho cách mạng. Lê-nin gửi thư cho C. Huy-xman đề nghị giúp đỡ những người thợ thuộc da đang bãi công ở Vin-na.
- 4 (17) tháng Tư.* Bài "Sự biếm họa chủ nghĩa bôn-sê-vích" của Lê-nin được đăng ở phụ trương của báo "Người vô sản", số 44.
- Trước 8 (21) tháng Tư.* Lê-nin biên tập, sửa chữa một số chỗ trong bài của R. Lúc-xăm-bua viết chống lại phái triệu hồi và phái tối hậu thư; Người chỉ thị phải thỏa thuận với tác giả về những điểm sửa đổi. Bài của R. Lúc-xăm-bua được đăng trên tờ "Người vô sản", số 44, ngày 8 (21) tháng Tư 1909 dưới đầu đề "Con say cách mạng".
- 8 (21) tháng Tư.* Bài ""Xu hướng tả" của giai cấp tư sản và nhiệm vụ của giai cấp vô sản" của Lê-nin được đăng trên báo "Người vô sản", số 44.
- 10 (23) tháng Tư.* Nhân dịp chuẩn bị phiên họp mở rộng của ban biên tập báo "Người vô sản", Lê-nin viết thư cho I. Ph. Đu-brô-vin-xki.
- 16 (29) tháng Tư.* Trong bức thư gửi I. Ph. Đu-brô-vin-xki, Lê-nin thông báo sự thất bại của các tổ chức lãnh đạo ở U-ran; Người viết về tình hình nghiêm trọng xảy ra ngay trước hôm họp hội nghị ban biên tập mở rộng của tờ "Người vô sản" do hành động của nhóm triệu hồi đứng đầu là A. Bô-gđa-nốp gây ra.
- Sớm nhất là 21 tháng Tư (4 tháng Năm).* Lê-nin tặng em gái là Ma-ri-a I-li-ni-tơ-na cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" trong đó có ghi: "Tác giả tặng Ma-ni-a-sa thân mến".

- 21 tháng Tư (4 tháng Năm).* Ở Pa-ri, Lê-nin đã đọc diễn văn trong các cuộc thảo luận bản thuyết trình của N. A. Xê-ma-scô (A-lếch-xan-đrốp) về vấn đề ruộng đất.
- Lê-nin viết thư cho I. Ph. Đu-brô-vin-xki nói về các vấn đề liên quan tới việc chuẩn bị hội nghị ban biên tập mở rộng của tờ "Người vô sản".
- 22 tháng Tư (5 tháng Năm).* Trong thư gửi I. Ph. Đu-brô-vin-xki, Lê-nin thông báo về việc hai ủy viên Trung tâm bôn-sê-vích tới dự hội nghị ban biên tập mở rộng của tờ "Người vô sản" và về phiên họp cũng cử hành trong ngày đó của nhóm trợ giúp Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga ở Pa-ri; Người ân cần căn dặn Đu-brô-vin-xki nên tiếp tục chữa bệnh ở nhà điều dưỡng.
- Giữa 29 tháng Tư và 4 tháng Năm (12 và 17 tháng Năm).* Ở Mát-xcơ-va, Nhà xuất bản "Mắt xích" cho xuất bản cuốn sách của Lê-nin "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán. Bút ký phê phán một triết học phản động".
- Cuối tháng - thượng tuần tháng Sáu.* Lê-nin làm công tác trừ bị cho việc triệu tập hội nghị ban biên tập mở rộng của tờ "Người vô sản".
- 5 (18) tháng Năm.* Trong thư gửi R. Lúc-xăm-bua, Lê-nin báo tin rằng Người đã gửi cho bà cuốn sách "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" bằng bưu phẩm bảo đảm để kỷ niệm cuộc mạn đàm "về Ma-khơ"; Người đề nghị đưa cuốn sách đó vào mục "Danh mục những tác phẩm đã in được chuyển tới ban biên tập" trên tờ "Neue Zeit"; Người đánh giá tốt bài của R. Lúc-xăm-bua "Con say cách mạng".
- 8 (21) tháng Năm.* Lê-nin báo cáo tại câu lạc bộ ban biên tập báo "Người vô sản" (Pa-ri) về đề tài "Tôn giáo và đảng công nhân".

Trong thư gửi M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo tin Người đã nhận được cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"; Người đánh giá tốt việc xuất bản cuốn sách đó; Người nêu ra rằng "mọi người chỉ phàn nàn về giá sách (2 rúp 60 cô-pêch) nhưng xem chừng đây lại là lỗi của người xuất bản!".

13 (26) tháng Năm

Bài "Về thái độ của đảng công nhân đối với tôn giáo" của Lê-nin được đăng làm xã luận báo "Người vô sản", số 45.

Trong thư (bằng tiếng Pháp) gửi Ban chấp hành Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa, Lê-nin báo tin về những cuộc đi thăm đã dự định của Nga hoàng Ni-cô-lai II tới Thụy-điển, Ý, Anh và Pháp và đề nghị kêu gọi các đảng xã hội chủ nghĩa và các nhóm nghị viện lên tiếng phản đối việc Nga hoàng tới nước họ như những người xã hội chủ nghĩa Thụy-điển đã làm. Lê-nin đính kèm theo bức thư của Người bản dịch lời chất vấn của đảng đoàn dân chủ - xã hội trong Đu-ma nhà nước III nhân việc Nga hoàng tới châu Âu. Sau đó Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa ra lời kêu gọi, lời kêu gọi này được đăng trên báo chí trung ương của các đảng xã hội chủ nghĩa một số nước châu Âu. Làn sóng phản đối rộng rãi chống lại việc Ni-cô-lai II đi các nước khiến cho chuyến đi của Nga hoàng rất ngăn ngại và Nga hoàng không dám xuất hiện ở Luân-đôn, Pa-ri và Rô-ma.

15 (28) tháng Năm

Ở Pa-ri, Lê-nin tham gia cuộc tranh luận tự do về đề tài "Phản cách mạng và giai cấp tư sản ở nước Nga".

Chậm nhất là tháng Năm

Lê-nin đọc văn tập "Những cái mốc" của Đảng dân chủ-lập hiến, có ghi chú và viết nhận xét vào cuốn đó. Lê-nin đã phê

phán tập này trong các bài "Bàn về "Những cái mốc", "Những người thuộc "nhóm Những cái mốc" và chủ nghĩa dân tộc" và trong một số tác phẩm khác.

4 (17) tháng Sáu

Bài "Thái độ của các giai cấp và của các đảng phái đối với tôn giáo và giáo hội" được đăng trên báo "Người dân chủ - xã hội", số 6.

Đầu mùa hè

Lê-nin gửi cho I. I. Xơ-voóc-txốp - Xtê-pa-nốp cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" để tỏ lòng cảm ơn về sự giúp đỡ của ông trong việc xuất bản cuốn sách này.

Nửa đầu năm 1909

Lê-nin ghi bút ký về những cuốn sách viết về khoa học tự nhiên và triết học hiện có trong thư viện Xoóc-bon; Người viết tóm tắt tỉ mỉ cuốn sách L. Feuerbach. "Vorlesungen über das Wesen der Religion" (Sämtliche Werke, Bd. 8, Hrsg. Wigand, 1851) (L. Phơ-bách. "Những bài giảng về bản chất của tôn giáo" (Toàn tập, t. 8, Nhà xuất bản Vi-gan-đa, 1851)); Người xem lướt qua cuốn L. Feuerbach. "Theogonie nach den Quellen des klassischen, hebräischen und christlichen Altertums" (Sämtliche Werke, Bd. 9, Hrsg. Wigand, 1857) (L. Phơ-bách. "Thần hệ của các nguồn gốc thời cổ đại của người cổ điển, Do-thái và Cơ đốc giáo" (Toàn tập, t. 9, Nhà xuất bản Vi-gan-đa, 1857)), ghi những nhận xét về cuốn sách đó ở cuối quyển vở đã viết tóm tắt "Những bài giảng về bản chất của tôn giáo".

Sớm nhất là 1909

Lê-nin viết những nhận xét vào bài "Chủ nghĩa duy vật biện chứng" của A. Đê-bô-rin đăng trong tập "Trên ranh giới" năm 1909.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	
Lời tựa.....	VII
1908	
ĐI VÀO CON ĐƯỜNG THẮNG.....	1 - 9
VỀ “BẢN CHẤT” CỦA CUỘC CÁCH MẠNG NGA.....	10 - 16
CHỦ NGHĨA MÁC VÀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI.....	17 - 30
ĐI THEO CON ĐƯỜNG MÒN!.....	31 - 40
CÓ KHỐI LIÊN MINH GIỮA PHÁI DÂN CHỦ – LẬP HIẾN VÀ PHÁI THẮNG MƯỜI KHÔNG?.....	41 - 43
VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ CUỘC CÁCH MẠNG NGA.....	44 - 60
BỌN DÂN CHỦ - LẬP HIẾN LỚP THỨ HAI.....	61 - 66
VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT Ở NGA CUỐI THẾ KỶ XIX.....	67 - 164
I.....	69
II.....	83
III.....	95
IV.....	112
V.....	126
VI.....	138
VII.....	148
VỀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA SỰ TAN RÃ HIỆN NAY.....	165 - 178

CƯỜNG LĨNH RUỘNG ĐẤT CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG CUỘC CÁCH MẠNG Ở NGA. <i>Bản thuyết trình của tác giả</i>	179 - 210
NHỮNG CHẤT ĐỂ CHÁY TRÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI.....	211 - 222
LỜI BAN BIÊN TẬP.....	223 - 224
CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT HIẾU CHIẾN VÀ SÁCH LƯỢC CHỐNG CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT CỦA ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI.....	225 - 238
I.....	225
II.....	228
III.....	233
<i>HỘI NGHỊ TOÀN THỂ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ – XÃ HỘI NGA. 11-13 (24-26) tháng Tám 1908</i>	239 - 244
* 1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ TOÀN THỂ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG.....	241
* 2. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỀ VỤ XẢY RA KHÍ BÀN VỀ VIỆC TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ TOÀN THỂ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG.....	242
* 3. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC BỘ PHẬN Ở NƯỚC NGOÀI CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG.....	243
MỘT CUỘC BIỂU TÌNH VÌ HÒA BÌNH CỦA CÔNG NHÂN ANH VÀ ĐỨC.....	245 - 248
LÉP TỒN-XIÔI, TÁM GUỜNG PHẢN CHIẾU CÁCH MẠNG NGA. PHONG TRÀO SINH VIÊN VÀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ HIỆN NAY.....	249 - 258 259 - 267

* Dấu hoa thị là chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đặt.

NHỮNG SỰ BIẾN Ở VÙNG BAN-CĂNG VÀ Ở BA-TU.	268 - 281
PHIÊN HỢP CỦA CỤC QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA..	282 - 301
P. MA-XLỐP TRONG CƠN ĐIỀN LOẠN	302 - 313
MẤY Ý KIẾN VỀ BÀI "TRẢ LỜI" CỦA P. MA-XLỐP	314 - 328
VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HIỆN NAY.....	329 - 346
PLÊ-KHA-NỐP VÀ PHE NHÓM BẢO VỆ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI NHƯ THẾ NÀO?	347 - 353
VỀ HAI BỨC THƯ	354 - 376
NHỮNG CUỘC THẢO LUẬN VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT TẠI ĐU-MA III.....	377 - 396
<i>HỘI NGHỊ V TOÀN ANH CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ANH. 21 - 27 tháng Chạp 1908 (3-9 tháng Giêng 1909)</i>	397 - 414
1. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ TÌNH HÌNH HIỆN TẠI VÀ VỀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG.....	399
* 2. CHỈ THỊ CHO TIỂU BAN PHỤ TRÁCH VẤN ĐỀ TỔ CHỨC	404
* 3. GIẢI THÍCH LỜI PHÁT BIỂU VỀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC	405
* 4. ĐỀ NGHỊ VỀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT CÁC NGHỊ QUYẾT.....	406
* 5. CHỈ THỊ CỤ THỂ CHO ĐẢNG ĐOÀN ĐẢNG DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA VỀ VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT NGÂN SÁCH.....	407
Phương án thứ nhất	407
Phương án thứ hai.....	408
* 6. BỔ SUNG CHO NGHỊ QUYẾT "VỀ ĐẢNG ĐOÀN DÂN CHỦ - XÃ HỘI TRONG ĐU-MA"	410

* 7. TUYÊN BỐ CỦA NHỮNG NGƯỜI BÔN-SÊ-VÍCH.	411
* 8. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ.....	412
9. TUYÊN BỐ THỰC TẾ.....	413
* 10. TUYÊN BỐ VỀ DỰ THẢO CỦA PHÁI MEN-SÊ-VÍCH VỀ VIỆC THỬ TIÊU BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG	414
1909	
NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG TỔNG KẾT CÁCH MẠNG NHƯ THẾ NÀO VÀ CÁCH MẠNG ĐÃ ĐÁNH GIÁ NHỮNG NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - CÁCH MẠNG NHƯ THẾ NÀO.....	415 - 435
BUƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐÚNG	436 - 449
* VỀ BÀI BÁO "VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ TRƯỚC MẮT"	450 - 454
MỤC TIÊU ĐẤU TRANH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN TRONG CUỘC CÁCH MẠNG Ở NƯỚC TA	455 - 480
I.....	455
II.....	465
III	469
IV	475
V.....	479
* GỬI BAN LÃNH ĐẠO ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI ĐỨC.....	481 - 483
SỰ BIẾM HỌA CHỦ NGHĨA BÔN-SÊ-VÍCH	484 - 499
"XU HƯỚNG TẢ" CỦA GIAI CẤP TƯ SẢN VÀ NHIỆM VỤ CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN	500 - 509
VỀ THÁI ĐỘ CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỐI VỚI TÔN GIÁO.....	510 - 526
THÁI ĐỘ CỦA CÁC GIAI CẤP VÀ CỦA CÁC ĐẢNG PHÁI ĐỐI VỚI TÔN GIÁO VÀ GIÁO HỘI	529 - 541

CÁC TÀI LIỆU CHUẨN BỊ

* NHỮNG ĐIỂM SỬA ĐỔI CHO BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT - ĐƯỢC ĐƯA RA THẢO LUẬN TẠI HỘI NGHỊ TOÀN THỂ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA - VỀ VIỆC TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ TOÀN NGA CỦA ĐẢNG.....	545
* TÓM TẮT LỜI PHÁT BIỂU VỀ VẤN ĐỀ TỔ CHỨC TẠI HỘI NGHỊ V TOÀN NGA CỦA ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA	546 - 547
* ĐỀ CƯƠNG CÁC BÀI GIẢNG VỀ CHỦ NGHĨA MÁC.....	548 - 549
* ĐỀ CƯƠNG BẢN THUYẾT TRÌNH "TÌNH HÌNH HIỆN TẠI CỦA NƯỚC NGA"	550

Danh mục các tác phẩm của V. I. Lê-nin cho đến nay chưa tìm thấy (<i>Tháng Ba 1908 - tháng Sáu 1909</i>)	553 - 555
Danh mục các xuất bản phẩm và văn kiện mà V. I. Lê-nin đã tham gia hiệu đính.....	556 - 558
Chú thích.....	559 - 652
Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến	653 - 710
Bản chỉ dẫn tên người	711 - 782
Thân thế và sự nghiệp của V. I. Lê-nin	783 - 805

PHỤ BẢN

Trang đầu báo "Người vô sản", số 33, (5 tháng Tám) 23 tháng Bảy 1908 có bài xã luận của V. I. Lê-nin "Những chất dễ cháy trên trường chính trị thế giới"	213
Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin "Lép Tôn-xtôi, tấm gương phản chiếu cách mạng Nga". - 1908	251

Trang đầu báo "Người dân chủ - xã hội", số 2, ngày 28 tháng Giêng (10 tháng Hai) 1909, Cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, có đăng bài của V. I. Lê-nin "Bước vào con đường đúng"	437
Thông báo về buổi thuyết trình của V. I. Lê-nin về "Tôn giáo và đảng công nhân". - 8 (21) tháng Năm 1909	527

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỠNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung: BAN SÁCH KINH TẾ

Trình bày kỹ, mỹ thuật: ĐƯỜNG HỒNG MAI

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: TẠ HỒNG HẠNH

Sửa bản in: BAN SÁCH KINH TẾ

Đọc sách mẫu: BAN SÁCH KINH TẾ

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty In & Văn hoá phẩm.
Giấy phép xuất bản số: 04-429/CXB-QLXB, cấp ngày 30-3-2005.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2005.